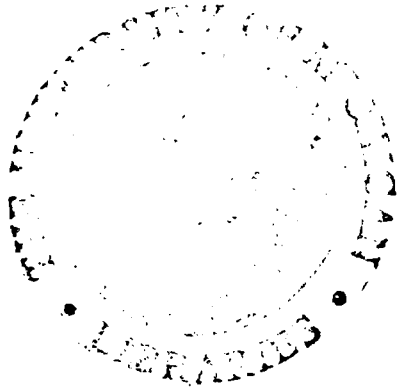


Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
OCT 29 2001
CURRENT SERIALS

19
10-2001

Digitized by Google

www.tapchicongsan.org.vn

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bộ biên tập
1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội
Tel : (84-4) 9422061
Fax : (84-4) 8222846
Email : bbttccs@hn.vnn.vn
Tổng biên tập
Vũ Văn Hiền

Số 01
(9/2001)

- Thư của Bộ biên tập
- Tạp chí Cộng sản - Những chặng đường phát triển
- Tiêu điểm vấn đề tháng
- Lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
- Việt Nam : Toàn cảnh, sự kiện
- Thế giới : Sự kiện - Vấn đề
- Chính sách mới của Đảng và Nhà nước Việt Nam

Số lượt truy nhập : 1

Tìm kiếm :

Tạp chí in | Tra cứu | Bản tin | Đặt báo | Góp ý | Quảng cáo

Chào mừng các bạn đã đến với website Tạp chí Cộng sản - http:/www.tapchicongsan.org.vn

Digitized by Google

26 87 AA XL1 1705
03/02 02-013-01 GBC



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 625 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768.* **Tạp Chí Cộng Sản điện tử :** *http:// www.tapchicongsan.org.vn ;*
Email : bbttccs@.hn.vnn.vn ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : VŨ VĂN HIỀN**

19
10-2001

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	PHAN VĂN KHẢI : Tiếp tục thực hiện Luật Doanh nghiệp, khẩn trương tháo gỡ những trở ngại trong sản xuất kinh doanh, phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 2001, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng	3
	ĐOÀN DUY THÀNH - Thực trạng tình hình của các doanh nghiệp và một số kiến nghị	11
	LÊ HỮU NGHĨA - Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của chính quyền ở cơ sở	18
	NGUYỄN THỊ DOAN - Chủ động hơn nữa hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế	23
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	NGUYỄN VĂN THẢO - Suy nghĩ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992	27
	LÊ XUÂN LỰU - Đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, đoàn kết toàn dân là những động lực cơ bản của cách mạng Việt Nam	34
	NGUYỄN THANH BÌNH - Dân chủ, đoàn kết dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng	38
	ĐẶNG CẢNH KHANH - Đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống, hoạt động của thanh niên và phong trào thanh niên	41
	NGUYỄN ĐÌNH BÍCH - Thị trường trong nước là động lực quan trọng để kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững	46
	LÊ THỊ ÁNH TUYẾT - Những thách đố đối với gia đình hiện nay và chính sách hỗ trợ gia đình	51
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGUYỄN HOÀNG GIÁP - MAI HOÀI ANH - Về công tác tuyên truyền, giáo dục kết hợp lợi ích dân tộc với nghĩa vụ quốc tế giai đoạn hiện nay	57
	VÕ HÙNG DŨNG - An ninh lương thực nước ta trong tình hình mới	61
	ĐƯỜNG VINH SƯỜNG - Xuất bản và phát hành sách giáo khoa hiện nay : thực trạng và giải pháp	68
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	MAI NINH - No cái tai, đói cái bụng	73
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	Một đạo luật phi đạo lý	74
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	- Đoàn cán bộ Tạp chí Cầu Thị (Trung Quốc) thăm Việt Nam và làm việc với Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản	76

Bìa 1 : *Tượng đài đồng khởi ở Mỏ Cày (Bến Tre)* *Ảnh* : **TL**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ФАН ВАН ХАЙ - Продолжать исполнять Закон о предприятиях, срочно снять препятствия в производстве, бирнесе, стараться выполнить план 2001го года, успешно выполнить резолюции IX^го Съезда Партии. ДОАН ЗУЙ ТХАНЬ - Реальная обстановка предприятии и некоторые предложения. ЛЕ ХЫУ НГИА - Обновлять методы руководства Партии и управление базовых властей. НГУЕН ТХИ ЗОАН - Быть более инициативным в региональной и международной экономической интеграции. НГУЕН ВАН ТХАО - Мышление о корректировке, пополнениях к некоторым статьям 1992го конституции. ЛЕ СУАН ЛЫУ - Классовая борьба, национальная борьба и всенародная солидарность являются ключевыми импульсами Вьетнамской революции. НГУЕН ТХАНЬ БИНЬ - Демократия и солидарность под светом идей Хо Ши Мина и резолюций IX^го Съезда Партии. ДАНГ КАНЬ ХАНЬ - Введение идей Хо Ши Мина в жизнь, деятельность молодежи и молодежное движение. НГУЕН ДИНЬ БИТЬ - Внутрений рынок есть важный импульс для ускоренного и устойчивого экономического роста * Безнравственный закон.**

CONTENTS

PHAN VĂN KHẢI: To continue to fulfill the Law on enterprises, urgently dismantle obstacles in production, business, to strive to fulfill the 2001 plan, successfully fulfill resolutions of the IX Party Congress. ĐOÀN DUY THÀNH: Reality of enterprises and some proposals. LÊ HỮU NGHĨA: To renovate methods of Party leadership and the management of the grassroots authorities. NGUYỄN THỊ DOAN: Be more initiative in regional and international economic integration. NGUYỄN VĂN THẢO: Thoughts on amendments to some articles of 1992 Constitution. LÊ XUÂN LỰU: Class struggle, national struggle, nation-wide solidarity are the principal impulses of Vietnamese revolution. NGUYỄN THANH BÌNH: Democracy and solidarity in the light of Ho Chi Minh ideas and resolutions of the IX Party Congress. ĐẶNG CẢNH KHANH: Application of Ho Chi Minh ideas into life, activities of the youth and the youth movement. NGUYỄN ĐÌNH BÍCH: Markets in side the country are an important impulse of accelerated steady economic growth. An immoral law

SOMMAIRE

PHAN VĂN KHẢI: Continuer la mise en application de la loi d'entreprise, lever des obstacles dans la production et dans les activités commerciales, s'efforcer d'accomplir le plan de 2001, réaliser avec succès les Résolutions du IXe Congrès national du PCV. ĐOÀN DUY THÀNH: La situation réelle des activités des entreprises et leurs demandes. LÊ HỮU NGHĨA: Renouveler le mode de direction du Parti et la gestion des comités de base. NGUYỄN THỊ DOAN: Privilégier l'initiative dans l'intégration à l'économie régionale et internationale. NGUYỄN VĂN THẢO: Quelques réflexions sur l'amendement de certains articles de la Constitution de 1992. LÊ XUÂN LỰU: La lutte de classe, la lutte nationale, l'union de tout le peuple constituent les forces motrices essentielles de la Révolution vietnamienne. NGUYỄN THANH BÌNH: La démocratie et l'union sous l'éclairage de la pensée Ho Chi Minh et des Résolutions du IXe Congrès national du PCV. ĐẶNG CẢNH KHANH: La mise en pratique de la pensée Ho Chi Minh dans la vie, et dans les activités et les mouvements de jeunes. NGUYỄN ĐÌNH BÍCH: Le marché intérieur est la principale force motrice pour la croissance rapide et durable de l'économie. * Un Acte amoral.**

SUMARIO

PHAN VĂN KHẢI: Continuar la aplicación de la Ley de empresas \, superar aceleradamente los obstáculos en la producción comercial, esforzarse por cumplir el plan de 2001, realizar victoriosamente las Resoluciones del IX Congreso Nacional del Partido. ĐOÀN DUY THÀNH: El estado actual de las actividades de las empresas y algunas demandas. LÊ HỮU NGHĨA: Renovar los método de dirección del Partido y la gestión del poder de las bases. NGUYỄN THỊ DOAN: Privilegiar la iniciativa en la integración a la economía regional e internacional. NGUYỄN VÀN THẢO: Algunas reflexiones sobre la rectificación y modificación de algunos artículos de la constitución 1992. LÊ XUÂN LỰU: Lucha de clase, lucha nacional, unidad de todo el pueblo constituyen las fuerzas motrices esenciales de la Revolución vietnamita. NGUYỄN THANH BÌNH: Democracia y unidad bajo la iluminación del Pensamiento Hồ Chí Minh y las Resoluciones del IX Congreso Nacional del Partido. ĐẶNG CẢNH KHANH: Puesto en práctica el Pensamiento Hồ Chí Minh en la vida y en las actividades de la juventud y el movimiento juvenil. NGUYỄN ĐÌNH BÍCH: El mercado interior es la fuerza motriz importante para el rápido y durable crecimiento de la economía. * Una Ley inmoral.**

目录

潘文凯：继续落实《企业法》，尽快排除经营生产中的阻碍，奋斗完成2001年的计划，胜利实现党九大决议●段维成：各企业活动的实际状况及一些建议●黎友文：革新党的领导方式及在基层的政府管理●阮氏营：进一步主动地区与国际经济的融入●阮文草：对1992年《宪法》一些条的修改、补充的想法●黎春榴：阶级斗争，民族斗争，团结全民是越南革命的基本动力●阮青平：在胡志明思想与党九大决议的光辉照耀下的民族、团结●邓景卿：把胡志明思想带进青年的生活、活动和青年运动中●阮鲁碧：国内市场是经济稳固、迅速增长的重要动力●一个无道理的法律

Digitized by Google

TIẾP TỤC THỰC HIỆN LUẬT DOANH NGHIỆP, KHẨN TRƯƠNG THÁO GỠ NHỮNG TRỞ NGẠI TRONG SẢN XUẤT KINH DOANH, PHẤN ĐẤU HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2001, THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ IX CỦA ĐẢNG

Phát biểu của Thủ tướng PHAN VĂN KHẢI kết thúc Hội nghị gặp doanh nghiệp ngày 13 - 14-9-2001 tại Hà Nội

NĂM nào, cuộc họp doanh nghiệp cũng rất sôi nổi và nêu lên nhiều vấn đề hết sức thiết thực. Cuộc gặp lần này diễn ra trong một bối cảnh rất đặc biệt : đó là Đại hội lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001) đã phát triển và cụ thể hóa thêm nhiều vấn đề về con đường đi lên của đất nước ; Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2001 - 2010 và phương hướng, nhiệm vụ Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 được thông qua ; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được khẳng định, hướng tới tạo lập đồng bộ các yếu tố của thị trường ; đồng thời đã đề ra nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Tiếp đó, Hội nghị lần thứ 3 của Ban Chấp hành trung ương Đảng (khóa IX) đã quyết định những vấn đề rất cơ bản để đổi mới và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước.

Qua hơn một ngày làm việc, chúng ta đã nghe Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và của Văn phòng Chính phủ về các vấn đề mà cộng đồng doanh nghiệp đang quan tâm, như thi hành Luật Doanh nghiệp, giải quyết một số khiếu nại nổi cộm của doanh nghiệp. Đặc biệt là báo cáo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và phát biểu của một số đại diện doanh nghiệp đã đề xuất nhiều kiến nghị về các vấn đề về quản lý vĩ mô. Đó là những ý kiến rất tâm huyết, có sức thuyết phục, từ thực tế cuộc sống rất sôi động trong sản xuất kinh doanh, thể hiện rõ rệt sự quan tâm sâu sắc của cộng đồng doanh nhân nước ta đối với công tác quản lý điều hành vĩ mô của Chính phủ.

Các đồng chí đại diện một số bộ, ngành liên quan đã phát biểu, trả lời hoặc giải thích thêm một số vấn đề mà doanh nhân đề xuất. Tôi mong rằng với trách nhiệm vì dân, vì đất nước, các cơ quan liên quan hãy giải quyết khẩn trương các đề nghị của doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh phát triển nhanh hơn.

Để kết thúc cuộc gặp hôm nay, tôi xin phát biểu nhấn mạnh thêm 3 vấn đề chính sau đây.

1. Những tiến bộ và tồn tại trong việc thi hành Luật Doanh nghiệp :

Phải nói rằng khi có một chủ trương, chính sách đúng thì đó là khâu đột phá để đưa đất nước chúng ta biến đổi một cách nhanh chóng. Nếu Khoán 10 trước đây đã giải phóng

Digitized by Google

lực lượng sản xuất trong nông thôn, nông nghiệp và khẳng định vai trò của hộ gia đình gắn với các hình thức hợp tác có tác dụng to lớn biến nước ta từ một nước nhập khẩu lương thực trở thành một nước thừa lương thực và xuất khẩu lương thực đứng thứ hai trên thế giới thì Luật Doanh nghiệp đã thực sự là một bước đột phá trong thể chế kinh tế, giải phóng lực lượng sản xuất ở vùng đô thị, phát triển các loại hình doanh nghiệp dân doanh. Trong gần hai năm qua, việc thực hiện Luật Doanh nghiệp đã tạo thêm thế và lực mới cho nền kinh tế, góp phần quan trọng vào tăng tốc độ phát triển của đất nước ta trong những năm sắp tới. Dù rằng trong việc thi hành Luật còn khuyết điểm, có những mặt yếu kém nhưng phải khẳng định dứt khoát như thế và *tiếp tục triển khai một cách mạnh mẽ, nghiêm túc, không thể lùi bước.*

Như báo cáo của đồng chí Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nêu, tình hình đăng ký kinh doanh rất đáng phấn khởi, số đăng ký kinh doanh tăng lên nhanh chứng tỏ tiềm lực của nhân dân ta còn lớn. Qua việc đăng ký kinh doanh, các doanh nghiệp nước ta đã thể hiện rõ rệt tinh thần kinh doanh, ý chí vươn lên làm giàu cho mình và cho đất nước. Tinh thần đó rất đáng hoan nghênh, nhất là trong hoàn cảnh thể chế kinh tế chưa hoàn chỉnh, những khó khăn, trở ngại trong kinh doanh cũng còn nhiều.

Hiện nay, có ý kiến cho rằng Luật Doanh nghiệp quá thông thoáng, gây ra khó khăn cho quản lý, chỉ nên "quản lý đến đâu thì mở ra đến đấy" ; một số bộ, ngành chưa ban hành những quy định về điều kiện kinh doanh như Luật Doanh nghiệp đã quy định, lại có một số hiện tượng muốn quay về cơ chế xin - cho. Về phía doanh nghiệp, cũng có những hiện tượng không tốt như một số doanh nghiệp "mất tích", một số lợi dụng buôn bán hóa đơn ; một số chưa báo cáo tài chính theo quy định và một số có những hoạt động tiêu cực, v.v. ..

Có thể xem xét tình trạng này trên hai mặt :

Một là, Luật Doanh nghiệp đặt những vấn đề rất mới trong quản lý, trong khi cơ chế quản lý kinh tế đang trong quá trình hình thành, hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh, thị trường chưa đồng bộ, thậm chí có lúc bị méo mó, tư duy "xin - cho" vẫn còn dai dẳng ; tư duy quản lý và hoạt động của bộ máy nhà nước chưa chuyển kịp với yêu cầu mới. Nhiều cơ quan, công chức thực sự lúng túng không rõ là công việc "quản lý nhà nước" của mình từ nay phải làm những gì và làm như thế nào ; trong đó không ít người cho rằng như vậy là đã "buông lỏng sự quản lý" của Nhà nước.

Hai là, Cũng phải công nhận rằng chúng ta chưa có nhiều thực tế, những khiếm khuyết của bản thân văn bản Luật Doanh nghiệp cũng như trong việc thi hành Luật là khó tránh khỏi. Trong tình huống như vậy, phần lớn doanh nghiệp làm ăn đàng hoàng, đúng pháp luật, nhưng cũng không ít người lợi dụng kiếm chác ; đang có tình trạng tốt và xấu lẫn lộn, hiện tượng và bản chất đan xen, phải đi sâu vào bản chất sự việc, phân tích thấu đáo, mới có thể rút ra kết luận đúng đắn, bổ ích để thực hiện đầy đủ Luật.

Đó chính là những vấn đề mà chúng ta cần quan tâm giải quyết. Chúng ta khẳng định sự đúng đắn của Luật Doanh nghiệp, nhưng cũng cần phê phán một số ít doanh nghiệp làm ăn không ngay ngắn, vi phạm pháp luật, trước hết là những doanh nghiệp lợi dụng sự thông thoáng của việc đăng ký kinh doanh mà hoạt động trái pháp luật, không thực hiện đúng những quy định về đăng ký kinh doanh, thay đổi hoặc bổ sung ngành, nghề, thay đổi địa chỉ mà không khai báo kịp thời, v.v... Mong rằng các doanh nghiệp nước ta đặc biệt quan tâm tuân thủ đúng đắn luật pháp, kỷ cương, phép nước ; một xã hội mạnh, một đất nước phát triển phải là một đất nước mà mỗi người dân, mỗi doanh nghiệp luôn luôn tôn trọng pháp luật trong đời sống cũng như trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Digitized by Google

2. Những yêu cầu đối với doanh nghiệp trong bối cảnh hiện nay :

Tôi rất hoan nghênh ý kiến của một số doanh nhân đã phát biểu tại cuộc gặp mặt này thể hiện rõ quyết tâm khắc phục mọi trở ngại trong sản xuất kinh doanh, đấu tranh cho "màu cờ, sắc áo", làm rạng rỡ thương hiệu Việt Nam trên thị trường khu vực và thế giới. Chúng ta đồng ý với nhau rằng, từ những người lãnh đạo Đảng và Nhà nước cho đến các cơ quan của Đảng, bộ máy nhà nước, của Chính phủ và các công chức, kể cả quân đội và công an, các doanh nghiệp đều có chung một tinh thần dân tộc, cùng là "con Lạc, cháu Hồng". Tất cả chúng ta đều có chung tâm huyết xây dựng đất nước, thực hiện cho được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Ngày nay, chúng ta có đường lối đúng đắn của Đảng, có các cơ chế, chính sách ngày một hoàn thiện, chúng ta có đầy đủ điều kiện để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế đất nước, nhất định không chịu ở mãi trong tình trạng nền kinh tế thấp kém, GDP bình quân đầu người mới có 400 USD, trong khi một số nước xung quanh ta đã đạt được trên 1 000 đến 2 000 USD, các nước phát triển cao đã đạt trên 20 000 - 30 000 USD. Đương nhiên, cuộc chiến đấu còn lâu dài, nhưng chúng ta phải cố gắng phấn đấu từng bước khắc phục tình trạng lạc hậu, thấp kém của nền kinh tế, quyết không để thua các nước xung quanh và tiến tới đạt trình độ trung bình của quốc tế.

Muốn làm được tất cả những điều đó, chúng ta đã có đường lối đúng đắn của Đảng, có sự quản lý của Nhà nước, dựa vào Mặt trận và các đoàn thể nhân dân để vận động và phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, khai thác mọi tiềm năng của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Chính phủ hoàn toàn tin tưởng và hy vọng ở sự phát triển năng động, có hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp dân doanh trong các lĩnh vực sản xuất, xây dựng, thương mại, dịch vụ. Mong rằng các doanh nghiệp nước ta đều chung nhận thức như vậy và cùng cố gắng vươn lên mạnh hơn.

a) Quyết tâm thực hiện kế hoạch năm 2001 :

Năm 2001 là năm đầu tiên bước vào thế kỷ XXI, năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, có ý nghĩa chính trị, kinh tế đặc biệt quan trọng đối với công cuộc xây dựng đất nước, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đại hội đã đề ra mục tiêu đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại ; kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là bước rất quan trọng trong việc thực hiện Chiến lược 10 năm 2001 - 2010, để đến năm 2010 tổng sản phẩm trong nước tăng ít nhất gấp đôi so với năm 2000 thì trong 5 năm 2001 - 2005 tốc độ tăng bình quân hằng năm của tổng sản phẩm trong nước phải đạt 7,5%. Cả nước phải quyết tâm phấn đấu hoàn thành và vượt mức các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2001 đã được Quốc hội thông qua để tạo đà phát triển mới, tạo khí thế phấn khởi, náo nức làm ăn trong toàn dân và trong các doanh nghiệp nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Vừa qua, Chính phủ đã đề ra Nghị quyết 05 với 6 nhóm giải pháp cần đẩy mạnh để thực hiện kế hoạch năm 2001, đó là : Nhóm các giải pháp về đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và tăng cường xuất khẩu ; Nhóm các giải pháp về khai thác các nguồn lực xã hội ; Nhóm các giải pháp về kích cầu tiêu dùng và thúc đẩy đầu tư ; Nhóm các giải pháp về tài chính - tiền tệ ; Nhóm các giải pháp về xã hội ; và Nhóm các giải pháp về bảo đảm an ninh chính trị, an toàn xã hội. Sau Nghị quyết 05, Thủ tướng tiếp tục gửi công điện cho tất cả các bộ trưởng, các thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, các chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - thành phố, các tổng công ty 90 và 91 để thúc đẩy việc thực hiện kế hoạch 2001. Chính phủ cũng đã cử các đoàn về làm việc với các địa phương để

Digitized by Google

tháo gỡ những khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Gần đây nhất, Thủ tướng lại ban hành chỉ thị 23 tăng cường chỉ đạo, điều hành, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2001 ; trong đó nêu rõ những chủ trương và các giải pháp cụ thể đối với sản xuất các loại hàng có thể phấn đấu tăng lên, tập trung cho tiêu thụ nông sản cho nông dân, đẩy mạnh xuất khẩu.

Ở đây, tôi muốn nhấn mạnh thêm về nhiệm vụ đầu tư cho nền kinh tế. Vì như chúng ta đều biết, không tăng nhanh mức đầu tư thì không có tốc độ phát triển cao. Từ đầu năm đến nay, tốc độ giải ngân quá chậm, kể cả đầu tư bằng vốn ngân sách và đầu tư qua tín dụng. Hiện nay, tình trạng vốn chờ dự án vẫn chưa được khắc phục. Chính phủ rất quan tâm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến nông - thủy sản ; đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm ; bất kỳ doanh nghiệp của Nhà nước hay của tư nhân, của hợp tác xã hay chủ trang trại hoặc nhóm trang trại nếu có nhu cầu đầu tư phát triển sản xuất hàng xuất khẩu, có hiệu quả và trả được nợ, đều phải được vay vốn với điều kiện thuận lợi nhất. Chính phủ sẽ thực hiện nhiều chính sách ưu đãi đối với các dự án này, ví dụ như miễn giảm thuế, có thể trong 3 - 5 năm chứ không chỉ trong 2 - 3 năm.

Tình hình thực hiện kế hoạch trong 8 tháng qua là khả quan ; sản xuất công nghiệp tăng 14,3% so với cùng kỳ năm 2000, trong đó điều đặc biệt đáng ghi nhận là công nghiệp khu vực dân doanh tăng tới 19,1% ; vốn đầu tư thuộc vốn ngân sách nhà nước đạt 64% kế hoạch, tăng 3,2% ; xuất khẩu tăng 12,4%. Nhưng bên cạnh đó có những mặt hàng ta có tiềm năng lại bị giảm, như hàng điện tử, hàng thủ công mỹ nghệ, cà phê, hạt tiêu, điều, chè ; sản xuất lương thực khó tăng vì đang gặp mưa lũ. Như vậy, khó khăn vẫn còn nhiều, mục tiêu năm 2001 tăng trưởng GDP 7,5% còn rất căng thẳng, đòi hỏi sự cố gắng rất lớn của các ngành, các cấp ; trong đó vai trò của doanh nghiệp rất quan trọng, bởi vì không có sự phát triển của doanh nghiệp thì không có sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

b) Phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng :

Đại hội IX đã đề ra những mục tiêu và biện pháp hết sức quan trọng để nhân dân ta phấn đấu, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giành những thắng lợi có ý nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tôi xin nhấn mạnh hai loại vấn đề sau đây :

Một là, tiếp tục chuyển dịch rất mạnh cơ cấu kinh tế. Như chúng ta đã biết, cơ cấu kinh tế hợp lý là nhân tố quyết định để khai thác các thế mạnh của đất nước, đạt tốc độ phát triển nhanh và bền vững. Đối với nước ta, từ sản xuất nhỏ đi lên, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là rất cấp thiết. Chúng ta có những yêu cầu chuyển dịch cơ cấu của nông, lâm, ngư nghiệp, chuyển dịch cơ cấu công nghiệp, bố trí lại cơ cấu của khoảng 100 mặt hàng có thị trường trong nước và xuất khẩu. Phải đặc biệt chú trọng chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu, tập trung xây dựng những mặt hàng xuất khẩu chủ lực phù hợp với yêu cầu của các thị trường ; chuyển dịch cơ cấu các ngành dịch vụ, gắn bó chặt chẽ các ngành dịch vụ phục vụ thiết thực cho sự phát triển của sản xuất, kinh doanh.

Doanh nghiệp nước ta có trách nhiệm rất nặng nề trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói trên. Toàn bộ nền kinh tế cũng như mỗi doanh nghiệp phải thực sự "tăng tốc" trước tình hình mới. Đó là đẩy mạnh đầu tư sản xuất kinh doanh theo định hướng của quy hoạch, kế hoạch, góp phần tích cực vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đặc biệt là đối với nông nghiệp, thị trường trực tiếp của nông dân là các doanh nghiệp thuộc các thành phần

Digitized by Google

kinh tế chế biến và xuất khẩu nông lâm thủy sản. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp không thể chuyển dịch nếu không gắn với những ngành công nghiệp chế biến sử dụng nguyên liệu là nông lâm thủy sản ; vì vậy, cần phát triển thật nhiều doanh nghiệp chế biến quy mô nhỏ và vừa ở nông thôn gắn với việc quy hoạch các vùng nguyên liệu. Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nông thôn cũng đồng thời là giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, phát triển các đô thị nhỏ, từng bước thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông thôn.

Hai là, chủ động và nâng cao hiệu quả trong quá trình hội nhập. Phải thấy rằng điểm yếu cơ bản hiện nay của toàn bộ nền kinh tế cũng như của mỗi doanh nghiệp nước ta là hiệu quả thấp ; chi phí sản xuất quá lớn (có sản phẩm cao hơn nước ngoài nhiều lần) ; và chất lượng kém. Những điểm đó dẫn đến khả năng cạnh tranh kém. Muốn hội nhập thành công, phải khắc phục cho được ba điểm yếu đó.

Chính phủ đã và đang tạo các điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh, tìm kiếm thị trường, kể cả thị trường truyền thống và thị trường mới, chuẩn bị cho việc tham gia vào AFTA và thực hiện Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ. Theo hướng đó, Chính phủ đang xây dựng lộ trình hình thành mặt bằng chung về giá cả, phí và thuế cho mọi thành phần kinh tế, tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế và tiến hành một loạt hoạt động khác nhằm hỗ trợ doanh nghiệp.

Điều quan trọng là phía các doanh nghiệp. Theo báo cáo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, qua kết quả điều tra, có đến 16% số doanh nghiệp chưa có hiểu biết chung về quá trình hội nhập, trong đó có đến 24% không có thông tin về lịch trình giảm thuế trong khuôn khổ AFTA, APEC và có đến 34% không có thông tin về hội nhập WTO ; 50% không có thông tin về các bước chuẩn bị thực hiện Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ. Nếu đúng như thế thì đây là một thực trạng rất đáng chú ý, cần được các ngành liên quan, trực tiếp là Bộ Thương mại, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đặc biệt quan tâm.

Xin nhấn mạnh thêm rằng, các doanh nghiệp phải tự mình nắm bắt thông tin, tự mình xem xét lại thực trạng khả năng cạnh tranh của mỗi loại hàng hóa, dịch vụ của mình, đặc biệt là năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh, tự mình đề ra lộ trình đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, kèm theo là các giải pháp thực hiện thiết thực, để không bị thua thiệt trong cuộc cạnh tranh ác liệt đang diễn ra và sẽ diễn ra ác liệt hơn nữa. Đây là tương lai, triển vọng, là điều quyết định thắng hay thua ảnh hưởng đến số phận của mỗi doanh nghiệp, không thể xem nhẹ. Những vấn đề gì doanh nghiệp còn thiếu, Chính phủ sẽ tiếp tục giúp đỡ bằng một hệ thống các giải pháp đồng bộ về cơ chế, chính sách, về vốn đầu tư cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế để tập trung vào việc nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế cũng như của các sản phẩm. Sự bảo hộ của Nhà nước là có lựa chọn, có điều kiện và có thời hạn ; các doanh nghiệp không thể ỷ lại mà phải quyết tâm nâng cao khả năng cạnh tranh hơn nữa.

3. Những vấn đề cần tập trung tháo gỡ cho doanh nghiệp ;

Báo cáo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã nêu ra khá đầy đủ những kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp về những biện pháp quản lý điều hành của Chính phủ. Tôi hoàn toàn nhất trí những kiến nghị đó và sẽ dựa vào đó để xem xét bổ sung vào các biện pháp mà Chính phủ đang thi hành.

Vừa qua, việc bãi bỏ những giấy phép trái với Luật Doanh nghiệp mới chỉ là một bước, dù rằng đây là bước quan trọng, trong toàn bộ quá trình khuyến khích, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư vào

Digitized by Google

sản xuất kinh doanh. Còn rất nhiều vấn đề để thi hành đầy đủ Luật Doanh nghiệp cũng như tạo môi trường kinh doanh thông thoáng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Có hai loại vấn đề xin được nhấn mạnh thêm như sau :

a) Tiếp tục thực hiện Luật Doanh nghiệp :

Cần khẳng định rằng việc bãi bỏ những giấy phép không cần thiết là một bước chuyển biến mới trong phương thức quản lý : một mặt, bảo đảm quyền tự do kinh doanh của người dân, nâng cao tính tự giác tuân thủ pháp luật của người bỏ vốn ra kinh doanh ; mặt khác, giảm bớt những động tác quản lý không cần thiết của cơ quan quản lý để tập trung vào những khâu quản lý đích đáng và có hiệu lực hơn. Dưới đây là một số công tác trước mắt cần triển khai khẩn trương :

- Tiếp tục rà soát và bãi bỏ những giấy phép đã ban hành trái với Luật Doanh nghiệp : khuyến khích các doanh nghiệp phát hiện, các bộ, ngành chủ động rà soát và kiến nghị bãi bỏ ; đồng thời theo dõi, phát hiện và kịp thời ngăn chặn ngay những quy định mới do bộ, ngành, UBND địa phương ban hành, đề ra những điều kiện hạn chế kinh doanh trái với Luật Doanh nghiệp.

- Ban hành các quy định về ngành nghề kinh doanh có điều kiện và các điều kiện kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, ví dụ chứng chỉ hành nghề tư vấn pháp lý, về vốn pháp định đối với chế tác và kinh doanh vàng, v.v...

- Tăng cường năng lực của các cơ quan đăng ký kinh doanh địa phương. Ban hành Nghị định về xử phạt hành chính trong đăng ký kinh doanh, khắc phục tình trạng một số doanh nghiệp không thực hiện đúng những quy định về đăng ký kinh doanh hoặc lợi dụng đăng ký để làm những việc trái pháp luật.

- Sửa đổi, bổ sung danh mục ngành nghề mới trong nền kinh tế, tạo thuận lợi cho việc đăng ký kinh doanh và làm thủ tục xuất khẩu (danh mục hiện hành đã được ban hành theo Quyết định 143 ngày 22-12-1993 của Tổng cục Thống kê, nay phải cụ thể thêm và bổ sung những ngành nghề mới).

- Xúc tiến hoàn chỉnh và ban hành Nghị định về doanh nghiệp nhỏ và vừa : trong đó, có việc thành lập tổ chức (cục hoặc vụ) quản lý doanh nghiệp nhỏ và vừa và Hội đồng xúc tiến doanh nghiệp nhỏ và vừa bên cạnh Chính phủ. Cần thấy rằng doanh nghiệp nhỏ và vừa là loại hình rất phù hợp để phát huy mọi tiềm năng cho việc phát triển kinh tế, kể cả ở những nước phát triển. Đối với nước ta, phát triển thật nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa lại càng phù hợp với bước đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì vậy, phải rất quan tâm tạo mọi thuận lợi cho doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa, kể cả hộ kinh tế gia đình phát triển.

- Đẩy mạnh việc xây dựng Trung tâm Thông tin doanh nghiệp và sớm đưa vào hoạt động đúng thời hạn (tháng 11-2001), cung cấp thông tin có chất lượng phục vụ tốt việc đăng ký kinh doanh cũng như mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, v.v...

b) Tháo gỡ những trở ngại trong hoạt động sản xuất kinh doanh :

Trong cuộc họp này, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các đại diện doanh nghiệp đã nêu ra nhiều vấn đề đang gây khó khăn cho doanh nghiệp, cần phải được tháo gỡ sớm. Cụ thể :

- Về thuế, các đại biểu nêu ra nhiều kiến nghị về thuế VAT, về thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó có những vấn đề như : danh mục hàng hóa chịu thuế VAT không đủ chi tiết ; hàng hóa mới về đến cửa khẩu, chưa có "giá trị gia tăng" mà đã phải chịu thuế giá trị gia tăng ; một số thuế suất có phần cao (ví dụ thuế tư vấn xây dựng), doanh nghiệp đóng thuế nhiều hơn trước ; phương pháp hành thu còn phiền hà ; cán bộ thuế có những người tiêu cực, gây khó khăn cho doanh nghiệp. Nhiều

Digitized by Google

doanh nghiệp cho rằng việc hoàn thuế quá phức tạp ; hơn nữa, nếu doanh nghiệp nợ thuế, dù một ngày, cũng bị phạt ngay, nhưng cơ quan thuế chậm hoàn thuế lại không phải trả lãi (theo lãi suất ngân hàng), như thế là không công bằng. Tuy vậy, cũng cần thấy rằng thuế VAT có nhiều ưu điểm, nhưng ta chưa có kinh nghiệm, cần vừa làm vừa điều chỉnh, đi dần đến ổn định ; phải tích cực nghiên cứu để năm 2002 điều chỉnh một cách cơ bản.

- Về hải quan, tuy đã có một bước tiến bộ về thủ tục, song vẫn còn nhiều phiền hà trong việc áp mã để đánh thuế, có những trường hợp không nhất quán hoặc không khuyến khích sản xuất trong nước (ví dụ lắp ráp máy tính, thuế nhập khẩu nguyên chiếc lại thấp hơn thuế nhập linh kiện để lắp ráp) ; một số cán bộ hải quan cửa khẩu gây phiền hà. Có thể nghiên cứu sớm thực hiện quy định về miễn kiểm tra hải quan hàng nông sản xuất khẩu (sớm hơn so với quy định của Luật Hải quan).

- Về tín dụng ngân hàng, nhiều doanh nghiệp dân doanh cho rằng họ vẫn rất khó khăn khi muốn vay của ngân hàng, chủ yếu là những vướng mắc về thế chấp. Trong khi đó, ngân hàng lại thừa vốn, không cho vay được, vì doanh nghiệp thiếu dự án khả thi hoặc chưa thấy rõ khả năng trả tiền vay. Việc thẩm định dự án để cho vay cũng còn nhiều thủ tục phiền hà. Cần khắc phục tình trạng hình sự hóa các quan hệ giao dịch giữa ngân hàng với doanh nghiệp, khi doanh nghiệp không trả được nợ vay, nếu không, cán bộ ngân hàng rất ngại khi cho doanh nghiệp dân doanh vay vốn, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Bên cạnh đó, những khoản chi phí đầu vào đang làm tăng giá thành sản phẩm, trong đó riêng các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phí công đoàn, quỹ dự phòng, cộng tất cả lên tới 27,3% tổng quỹ lương. Nếu đúng như vậy thì thật là quá lớn, phải nghiên cứu giảm bớt để góp phần nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm.

- Doanh nghiệp còn nêu ra những kiến nghị rất đáng chú ý đối với một số ngành nghề mà chúng ta đang có tiềm năng, cần được khuyến khích mạnh hơn nữa, ví dụ : ngành giày dép ; xuất khẩu thủy sản (như lập quỹ hỗ trợ xúc tiến xuất khẩu) ; sản xuất gạo xuất khẩu ngon, thơm, sạch ; nuôi tôm giống bố mẹ sạch (có thể xuất khẩu), chế biến các loại gia vị xuất khẩu. Đối với doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, nên nghiên cứu áp dụng những chính sách khuyến khích đặc biệt, giúp cho doanh nghiệp vươn lên mạnh hơn.

- Về tiền lương và thu nhập của doanh nghiệp, có những vấn đề như : cần xem lại tiêu chí xếp hạng doanh nghiệp hiện nay không công bằng giữa các loại hình doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ nhưng kinh doanh có hiệu quả cao ; các chính sách đối với doanh nghiệp có nhiều lao động nữ cũng chưa được thực hiện đầy đủ.

- Những chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài (hiện đang có nhiều triển vọng) cũng rất cần được xem xét, giảm bớt các thủ tục, sao cho thuận lợi đối với doanh nghiệp.

- Có đại biểu doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa đề nghị nghiên cứu giải quyết những vấn đề nảy sinh sau khi doanh nghiệp trở thành công ty cổ phần, chủ yếu là sự phân biệt đối xử trong các việc vay vốn, thuế đất, lương và bảo hiểm xã hội của hội đồng quản trị, giám đốc, v.v...

- Vấn đề khuyến khích thành lập và củng cố hoạt động của các hiệp hội nghề nghiệp cần được quy định bởi một văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với thực tiễn, tạo thuận lợi cho việc thành lập các hiệp hội, đồng thời bảo đảm cho các hội hoạt động đúng thực chất, giúp đỡ thiết thực cho doanh nghiệp.

- Cuối cùng là vấn đề bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ doanh nhân tương xứng với yêu cầu trong giai đoạn hiện nay ; tôn vinh những doanh nhân kinh doanh có hiệu quả, đúng

Digitized by Google

pháp luật. Đề nghị Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam quan tâm tham gia thực hiện việc này với sự hỗ trợ của Chính phủ, chú trọng các kiến thức cho doanh nhân ngay từ khi bắt đầu thành lập doanh nghiệp và tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng doanh nhân về nghiệp vụ quản lý doanh nghiệp ở trình độ cao hơn, kể cả trình độ ngoại ngữ.

Trên đây, tôi mới điểm qua một số kiến nghị chủ yếu, chắc rằng còn nhiều kiến nghị có giá trị khác, cần được tiếp thu, nghiên cứu. Đại diện Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan, Ngân hàng Nhà nước đã trả lời trực tiếp các kiến nghị của đại biểu. Sau cuộc họp này, các bộ, ngành liên quan cần thể hiện thành văn bản quy định chính thức các biện pháp xử lý đã nêu để các doanh nghiệp có căn cứ chấp hành và cùng phối hợp thực hiện.

Đề nghị Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hệ thống lại và phân loại các kiến nghị của doanh nghiệp, chuyển tới Thủ tướng và các bộ, ngành liên quan xem xét xử lý. Các bộ, ngành liên quan có trách nhiệm nghiên cứu nghiêm túc và giải quyết trong phạm vi quyền hạn của mình. Đối với các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì báo cáo Thủ tướng, Chính phủ hoặc Thủ tướng sẽ quyết định các biện pháp xử lý và ban hành các văn bản cần thiết để thi hành. Đây là một việc rất quan trọng và có ý nghĩa nhằm tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh cơ chế, chính sách quản lý, sao cho các cơ chế, chính sách đó không lạc hậu, xa rời thực tiễn mà luôn luôn bám sát thực tiễn của đất nước ; từ đó có tác động tích cực trong cuộc sống, có tính khả thi cao, vì lợi ích chính đáng của doanh nghiệp và sự phát triển của đất nước, bảo đảm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Điều cần lưu ý là, lâu nay có những khiếu nại về vụ việc cá biệt chưa được quan tâm giải quyết kịp thời. Có những khiếu nại kéo dài 2 - 3 năm không được xử lý. Đáng lẽ ra, những khiếu nại đó phải được cơ quan chức năng liên quan tiếp nhận và xử lý kịp thời, thông qua những cuộc đối thoại công khai, bình đẳng, với tinh thần gỡ khó cho doanh nghiệp. Vừa qua, Thủ tướng tổ chức 3 Tổ công tác trực tiếp xem xét, giải quyết một số khiếu nại nổi cộm của doanh nghiệp, được doanh nghiệp đồng tình, nhưng đó chỉ là biện pháp tình thế. Về cơ bản và lâu dài, các bộ, ngành, UBND địa phương phải là người chịu trách nhiệm giải quyết trực tiếp, kịp thời những khiếu nại của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp khắc phục những vướng mắc để sản xuất kinh doanh không bị đình trệ. Các đồng chí đứng đầu các bộ, ngành, UBND địa phương phải chịu trách nhiệm trước Thủ tướng nếu các vụ việc kéo dài không được giải quyết hoặc giải quyết không đúng pháp luật, gây thiệt hại cho doanh nghiệp. Những cán bộ, công chức xử lý vụ việc không đúng pháp luật, gây thiệt hại cho doanh nghiệp phải được xử lý nghiêm minh ; thiệt hại của doanh nghiệp phải được bồi thường. Đó là lẽ công bằng, sòng phẳng, rất cần thiết để đề cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước và công chức trong việc phục vụ doanh nghiệp, bảo đảm quyền kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Những vấn đề lớn, chưa nhất trí giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp phải được đưa ra Tòa Hành chính xét xử công khai, tranh tụng theo pháp luật.

Nhân đây, tôi xin nhắc lại trách nhiệm của các bộ, ngành trong việc tổ chức các cuộc đối thoại để thu hút ý kiến của doanh nghiệp trong quá trình soạn thảo các văn bản về cơ chế, chính sách. Thủ tướng đã có quy định những thể chế, chính sách liên quan đến doanh nghiệp đều phải được doanh nghiệp tham gia ý kiến trong quá trình soạn thảo, thông qua các tổ chức đại diện, như Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hiệp hội Công thương. Thế nhưng, có những trường hợp bộ,

(Xem tiếp trang 45)

Digitized by Google

THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ *

ĐOÀN DUY THÀNH **

CUỘC gặp mặt giữa Thủ tướng và doanh nghiệp đầu năm 2000 đã tập trung thảo luận và kiến nghị các giải pháp về cải cách hành chính, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước, triển khai thực hiện Luật Doanh nghiệp, đẩy mạnh xuất khẩu và một số cơ chế chính sách khác có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp v.v... Sau một năm thực hiện, nhiều kiến nghị của doanh nghiệp đã được giải quyết về cơ bản, nhất là việc triển khai nhanh chóng Luật Doanh nghiệp, đã đạt những kết quả rất đáng khích lệ. Theo kết quả điều tra của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đầu năm 2001 cho thấy : 82% kiến nghị của doanh nghiệp gửi các cơ quan chính phủ đã được giải quyết, trong đó 88% doanh nghiệp thỏa mãn hoặc thỏa mãn một phần cách giải quyết của Chính phủ. Đây là sự chuyển biến tích cực vì các con số tương ứng trong năm 1998, 1999 chỉ là 40% và 60%.

Chính phủ đã quan tâm hỗ trợ doanh nghiệp thông qua 6 nhóm giải pháp phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2001 mà Thủ tướng, Phó thủ tướng trình bày tại kỳ họp thứ 8, thứ 9 Quốc hội khóa X ; đặc biệt việc tiếp tục thi hành nghiêm Luật Doanh nghiệp, sửa đổi một số điều của Luật Đất đai, ban hành Luật Hải quan, bổ sung Nghị định về khuyến khích đầu tư trong nước, Nghị định 57/CP về xuất nhập khẩu, chuẩn bị ban hành Nghị định về doanh nghiệp nhỏ và vừa ; các biện pháp khuyến khích mạnh mẽ xuất khẩu, đổi mới cơ chế tín dụng cho doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp tích cực hội nhập quốc tế, sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước v.v...

Thủ tướng đã trực tiếp chỉ đạo nắm tình hình công tác thanh tra kiểm tra doanh nghiệp, cải cách thủ tục hành chính và thành lập các tổ công tác để giải quyết dứt điểm một số khiếu nại nổi cộm của doanh nghiệp năm 2001. Sự quan tâm của Thủ tướng không chỉ dừng lại ở tầm vĩ mô mà còn sâu sát tới số phận của từng doanh nghiệp. Đó chính là nguồn động viên, khích lệ lớn lao để cộng đồng doanh nghiệp thêm vững tin hơn trên con đường làm giàu cho mình và cho đất nước.

Những con số và tình hình nêu trên cũng cho thấy sự chuyển biến ngày càng tích cực hơn trong quản lý vĩ mô của Chính phủ đã tạo nhiều điều kiện để hỗ trợ doanh nghiệp phát triển.

Qua khảo sát, điều tra và tập hợp các ý kiến, có thể thấy một số vấn đề cơ bản nhất về tình hình và kiến nghị của doanh nghiệp nước ta hiện nay như sau :

I. VỀ THI HÀNH LUẬT DOANH NGHIỆP VÀ THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP

Có thể nói, Luật Doanh nghiệp được triển khai thực hiện tương đối nhanh. Nhân dân và các doanh nghiệp đồng tình, ủng hộ rộng rãi

---

* Báo cáo tại cuộc gặp mặt Thủ tướng với doanh nghiệp tại Hà Nội ngày 13.9.2001

** Bí thư Đảng đoàn - Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Digitized by Google

bởi lẽ nó đánh thẳng vào sức ỳ, lực cản về các thủ tục hành chính, và điều quan trọng hơn là bảo đảm quyền tự do, bình đẳng cho mọi người dân trong sản xuất, kinh doanh như Hiến pháp quy định. Những kết quả cụ thể đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng kết. Chúng tôi chỉ nêu những kiến nghị chủ yếu của doanh nghiệp.

1 - Tiếp tục đẩy mạnh thực thi Luật Doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho ra đời nhiều doanh nghiệp. Ở các nước phát triển, trung bình cứ 50 người dân có một doanh nghiệp ; còn ở nước ta, tỷ lệ này hiện rất thấp : 1 300 người dân/1 doanh nghiệp. Để có thể đạt được mục tiêu : GDP bình quân đạt 2 000USD/người, trong vài năm tới chúng ta phải phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp dân doanh, đưa tổng số doanh nghiệp của đất nước lên khoảng 200 000 - 300 000 để đạt tỷ lệ khoảng 280 người dân/1 doanh nghiệp. Phát triển doanh nghiệp dân doanh còn đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu tạo việc làm và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

2 - Tiếp tục sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách khác có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp một cách đồng bộ, nhất quán theo tinh thần luật doanh nghiệp, tiến tới mục tiêu tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế cùng hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

3 - Tạo các điều kiện cần thiết cho việc thực thi Luật Doanh nghiệp đạt hiệu quả cao, như xây dựng hệ thống thông tin doanh nghiệp quốc gia, tổ chức đào tạo cho doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc thành lập và tổ chức quản lý, ban hành và thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, đẩy mạnh việc thực hiện Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, phát triển hệ thống các tổ chức và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp...

4 - Tiếp tục rà soát các giấy phép, nếu không hợp lý có thể bãi bỏ hoặc điều chỉnh. Để tránh tình trạng biến tướng tạo thêm những giấy phép mới, đề nghị Chính phủ nghiên cứu để công bố danh mục những giấy phép cần phải duy trì, đồng thời tuyên bố xóa bỏ tất cả các giấy phép còn lại và đưa ra quy định chỉ có Chính phủ mới được quyền quyết định áp dụng chế độ giấy phép kinh doanh.

5 - Việc thực thi Luật Doanh nghiệp nói riêng và luật pháp nói chung chỉ có thể thành công trên cơ sở phải đẩy nhanh công cuộc cải cách hành chính cả về thể chế, bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước. Thời gian qua, Chính phủ đã nỗ lực triển khai nhiệm vụ này, song kết quả chưa đạt như mong muốn, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước chậm được đổi mới cả về năng lực trình độ phẩm chất đạo đức, thủ tục hành chính vẫn còn nhiêu khê, phức tạp, gây rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp.

Về công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, qua báo cáo điều tra thi hành Luật Doanh nghiệp chúng tôi thấy nổi lên một số vấn đề sau đây :

Một là, tỷ lệ doanh nghiệp bị thanh tra, kiểm tra quá cao, như về thuế là 88% ; về quản lý thị trường là 48%, về lao động là 36%, về môi trường là 26%...

Hai là, mật độ thanh tra, kiểm tra mặc dù có giảm đi cùng với việc thực hiện Nghị định 61/CP song vẫn quá dầy. Trong 3 năm gần đây, mỗi doanh nghiệp phải tiếp 14,4 lần thanh tra, kiểm tra của 7 cơ quan nhà nước khác nhau. Ví dụ : một doanh nghiệp tư nhân sản xuất bao bì tại đồng bằng sông Cửu Long, trong 3 năm qua, đã phải trải qua 170 cuộc thanh tra, kiểm tra, bình quân gần 5 lần/tháng với nội dung thanh tra, kiểm tra rất đa dạng.

Ba là, phần lớn các doanh nghiệp (chiếm tỷ lệ 77%) không đồng ý hoặc không đồng ý hoàn toàn với kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra. Như vậy tác dụng giáo dục của các cuộc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp rất thấp.

Bốn là, tồn tại nhiều chồng chéo, trùng lặp giữa các cơ quan, các cấp thanh tra, kiểm tra

Digitized by Google

khác nhau về cùng một nội dung, gây phiền hà, tốn kém cho doanh nghiệp, thậm chí ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh và danh tiếng của đơn vị. Kết quả khảo sát trực tiếp tại 49 doanh nghiệp do Thanh tra Nhà nước và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thực hiện gần đây cho thấy có trên 20% số cuộc thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp là trùng lặp về nội dung.

Tuy nhiên, chúng ta phải thừa nhận một số cơ quan quản lý nhà nước có chức năng thanh tra, kiểm tra là rất cần thiết, song nên vừa phải, có tác dụng tích cực đối với quản lý nhà nước và hoạt động của doanh nghiệp. Cần xác định tiêu chí hợp lý những quy định cụ thể khi kiểm tra, thanh tra để vừa bảo đảm thực hiện chức năng quản lý nhà nước, vừa bảo đảm quyền tự do kinh doanh của công dân theo Hiến pháp. Mặt khác, phải làm cho đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước thấm nhuần mục đích chính của thanh tra, kiểm tra là nhằm tăng cường quản lý nhà nước, phát hiện những bất cập của chính sách, cơ chế để bổ sung, hoàn thiện và hướng dẫn, giúp đỡ doanh nghiệp thực hiện tốt luật pháp, chính sách, chứ không phải lấy thanh tra, kiểm tra là cớ để hạch sách, vòi vĩnh doanh nghiệp. Nhiều ý kiến của doanh nghiệp phản ánh về tình trạng thanh tra, kiểm tra của quá nhiều ngành chức năng, mức độ hình sự hóa các quan hệ kinh tế dân sự ở mức báo động.

Liên quan đến vấn đề này, doanh nghiệp đề nghị Thủ tướng quan tâm hoàn thiện hệ thống tư pháp bảo đảm giải quyết các vụ án kinh tế một cách công bằng, chính xác, nâng cao hiệu lực của công tác thi hành án.

II. CÁC GIẢI PHÁP NHẰM NÂNG CAO SỨC CẠNH TRANH VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Vấn đề quan tâm trong hội nhập quốc tế là mặc dù các cam kết hội nhập AFTA, APEC đang tới gần, nhưng theo kết quả điều tra chỉ có 84% doanh nghiệp trong điều tra trả lời là có nhận được thông tin về hội nhập, còn 16% doanh nghiệp chưa có hiểu biết chung về quá trình hội nhập, trong đó 24% không có thông tin về lịch trình giảm thuế trong khuôn khổ AFTA, APEC, 34% không có thông tin về hội nhập WTO, 50% không có thông tin về các bước chuẩn bị thực hiện Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ. Tìm hiểu trực tiếp tại các doanh nghiệp cho thấy, tỷ lệ doanh nghiệp hiểu về tiến trình hội nhập còn thấp hơn nhiều. Đó thực sự là điều đáng lo ngại khi thời gian để chúng ta thực hiện các cam kết hội nhập đang đến gần.

Thực trạng về năng lực xuất khẩu và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập cũng đáng báo động. Theo kết quả điều tra về khả năng xuất khẩu của doanh nghiệp sản xuất công nghiệp thì chỉ có 23,8% doanh nghiệp có hàng hóa xuất khẩu, 13,7% doanh nghiệp có triển vọng xuất khẩu và 62,5% doanh nghiệp hoàn toàn không có khả năng xuất khẩu.

Trong quá trình hội nhập kinh tế, chúng ta phải chịu rất nhiều sức ép mà sức ép lớn nhất hiện nay là về thời gian, trong khi đó quá trình ra quyết định và hành động của chúng ta lại rất chậm. *Chính vì vậy, điều cần thiết là gắn liền với việc thực hiện lộ trình hội nhập cần xây dựng và thực hiện một lộ trình nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, trong đó xác định các công việc cụ thể cho từng ngành, từng giai đoạn, đồng thời khẩn trương ban hành các chính sách, biện pháp cụ thể và tổ chức thực hiện triệt để, kiên quyết nhằm thực hiện lộ trình đó...*

Với ý nghĩa đó, các doanh nghiệp kiến nghị :

Một là, tiếp tục tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng cho doanh nghiệp. Thời gian qua, Chính phủ đã có nhiều nỗ lực nhằm tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế,

Digitized by Google

tuy nhiên, theo phản ánh của các doanh nghiệp, những chính sách tích cực đó chưa thực sự đến với doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp khu vực dân doanh còn chịu nhiều thiệt thòi so với doanh nghiệp nhà nước. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là cần nhanh chóng xây dựng một hệ thống pháp luật đồng bộ, nhất quán, khoa học để điều chỉnh chung cho mọi loại hình doanh nghiệp, tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng, góp phần hình thành các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế vững mạnh đủ sức đương đầu với cạnh tranh trên thương trường quốc tế vì lợi ích chung của cả nền kinh tế. Đồng thời, cần thúc đẩy hình thành và phát triển các thị trường, nhất là thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán, thị trường lao động, thị trường khoa học công nghệ, tạo môi trường cho doanh nghiệp hoạt động.

Hai là, vấn đề đầu tư cho phát triển doanh nghiệp. Điều đáng mừng là trong tổng số doanh nghiệp được hỏi ý kiến, có 79% doanh nghiệp nói rằng trong năm 2000 họ đã triển khai các dự án đầu tư, trong đó 61% là đầu tư vào dự án mới, 22% là tiếp tục đầu tư vào các dự án của những năm trước (các tỷ lệ tương ứng của năm 1999 là 55% và 23%). Về lựa chọn thiết bị và công nghệ, có 67% doanh nghiệp cho biết họ đầu tư thiết bị mới ; 15,8% đầu tư thiết bị đã sử dụng và 17,2% đầu tư cải tạo thiết bị hiện có. Đây là hướng đầu tư phù hợp với thực tế của các doanh nghiệp hiện nay.

Về nguồn vốn đầu tư, mặc dù trong năm 2000 Chính phủ và ngành ngân hàng đã đưa ra nhiều biện pháp khuyến khích đầu tư, vay vốn, song tỷ lệ số lượng doanh nghiệp có sử dụng vốn vay ngân hàng vẫn giữ ở mức như năm trước 74%, trong khi tỷ lệ doanh nghiệp đi vay vốn từ nguồn khác tăng lên 63%. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp dân doanh, việc huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển vẫn gặp rất nhiều khó khăn. Khó khăn lớn nhất là doanh nghiệp thiếu vốn nhưng không đủ điều kiện thế chấp, không được ngân hàng chấp nhận tín chấp để vay vốn theo quy định hiện hành của ngân hàng, bị xem xét ngặt nghèo trong các dự án đầu tư và trong điều kiện thanh toán nợ, nhất là trong vay vốn trung và dài hạn để đầu tư phát triển. Ngân hàng luôn đòi hỏi quá nhiều loại giấy tờ, chi phí giao dịch cao, quá trình thẩm định cho vay mất nhiều thời gian ; thậm chí nhiều ngân hàng còn từ chối cho vay với lý do là khách hàng mới. Chính vì vậy, doanh nghiệp phải sử dụng các nguồn vốn khác ngoài ngân hàng có tính rủi ro cao, lãi suất lớn, hoặc gian dối hay thông đồng với cán bộ ngân hàng để vay vốn. Hậu quả là doanh nghiệp đầu tư trong tình trạng bất ổn định, thiếu chắc chắn, kém hiệu quả, thậm chí xảy ra một số vụ đổ bể, gây thiệt hại cho xã hội.

Như vậy, từ chính sách đến thực tế vẫn còn một khoảng cách lớn và các biện pháp khuyến khích đầu tư, các cam kết về đổi mới thủ tục hành chính trong lĩnh vực này vẫn chưa được thực hiện nhiều.

Do vậy, một mặt, cần sớm cải tiến cơ chế tín dụng, thực hiện sắp xếp lại và làm lành mạnh hóa tình hình tài chính của các ngân hàng thương mại ; tạo lập sự bình đẳng giữa các ngân hàng thương mại công và tư ; mặt khác, cần nhanh chóng khai thông thị trường bất động sản, trước hết là bảo đảm cho việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất được dễ dàng, thuận tiện ; đẩy nhanh quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân và tổ chức để họ có đủ điều kiện thế chấp vay vốn đầu tư phát triển. Doanh nghiệp cũng kiến nghị cần sớm có một chương trình tín dụng nhằm giúp đỡ các doanh nghiệp mới được thành lập có đề án kinh doanh khả thi. Nhà nước cũng cần có chính sách ưu tiên cho vay, nới lỏng điều kiện, đơn giản hóa thủ tục đối với các doanh nghiệp làm hàng xuất khẩu, nhất là các doanh nghiệp, các hộ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, các doanh nghiệp thu hút được nhiều lao động. *Doanh nghiệp rất phấn khởi khi biết tin Chính phủ có chủ trương phát triển*

Digitized by Google

các hình thức bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tương tự như phương thức áp dụng đối với hộ nông dân. Đề nghị Chính phủ sớm chỉ đạo các ngành chức năng triển khai thực hiện chính sách này để tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn kinh doanh.

Các doanh nghiệp đã tích cực chuyển đổi theo hướng tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh về chất lượng. Đã có nhiều doanh nghiệp áp dụng bộ tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO, thực hiện cấu trúc lại qui trình sản xuất nhằm giảm giá thành sản phẩm. Sự chuẩn bị này dễ nhận thấy ở một số doanh nghiệp trong các ngành như xuất khẩu thủy sản, hàng may mặc, giầy dép chất lượng cao v.v... Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, phần lớn doanh nghiệp khó có đủ điều kiện để tự nâng cao khả năng cạnh tranh của mình. Chính phủ có biện pháp hỗ trợ cụ thể cho doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua các chương trình trợ giúp doanh nghiệp đầu tư, đổi mới công nghệ, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000, thương mại điện tử, đào tạo cho doanh nghiệp v.v... Điều quan trọng là phải xác định đúng vị trí của các chương trình đầu tư để đạt hiệu quả cao, đúng mục tiêu, tránh lãng phí.

Ba là, về cơ chế và chính sách xuất nhập khẩu. Hoạt động xuất nhập khẩu hiện nay còn nhiều bất cập về cơ cấu xuất khẩu và chất lượng hoạt động xuất khẩu, nhất là những yếu kém trong việc ổn định thị trường, thiếu linh hoạt và chủ động trong xử lý giá và thiết lập các kênh phân phối cho hàng hóa của Việt Nam, tỷ lệ hàng gia công còn lớn, sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao chiếm tỷ trọng không đáng kể, dịch vụ chưa được coi trọng như một lĩnh vực đem lại hiệu quả cao cho xuất khẩu...

Chính phủ đã tiến hành nhiều biện pháp hỗ trợ cụ thể cho doanh nghiệp như hỗ trợ về tín dụng, giảm thuế nguyên phụ liệu sản xuất hàng xuất khẩu, tạm miễn thu một số loại phí, áp dụng chế độ thưởng xuất khẩu... Tuy nhiên, đây chỉ là những biện pháp tình thế, giải quyết phần ngọn. Xét về lâu dài, để thực sự đẩy mạnh xuất khẩu, tạo nguồn thu phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta cần giải quyết tận gốc của vấn đề. Đó chính là nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam cũng như thiết lập được một hệ thống rộng khắp các kênh phân phối và tiêu thụ sản phẩm trên thế giới để có thể chủ động xâm nhập thị trường, giảm chi phí trung gian, tăng giá trị gia tăng của hàng hóa. Các kiến nghị của doanh nghiệp trên phạm vi vấn đề này là :

1. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm bạn hàng, thị trường, khai thông các thị trường cho xuất khẩu. Phần lớn các doanh nghiệp của ta đều có quy mô nhỏ bé, chưa đủ khả năng để chủ động tiến hành các hoạt động xúc tiến lớn trên thị trường nước ngoài. Đề nghị Chính phủ đẩy mạnh công tác này trong thời gian tới, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để thúc đẩy xuất khẩu.

2. Chính phủ sớm ban hành chiến lược xuất khẩu quốc gia và chính sách thương mại hướng về xuất khẩu làm căn cứ để các doanh nghiệp xây dựng chiến lược cạnh tranh, chiến lược xuất khẩu, khuyến khích và hỗ trợ tối đa các doanh nghiệp thực hiện chiến lược đó. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư ra nước ngoài để thông qua đầu tư đẩy mạnh xuất khẩu.

3. Chính phủ sớm bổ sung, ban hành chính sách về tín dụng ưu đãi và bảo lãnh xuất khẩu, hỗ trợ bán hàng trả chậm, bán hàng tại các kho ngoại quan, hỗ trợ hình thành các quỹ bảo hiểm xuất khẩu của các hiệp hội ngành hàng... Đồng thời, tăng cường và cải tiến chất lượng của công tác thông tin, dự báo về tình hình diễn biến của giá cả thị trường thế giới giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong sản xuất, tránh được những thiệt hại lớn do biến động của thị trường, nhất là thị trường nông sản.

Digitized by Google

4. Chính phủ đẩy mạnh hơn nữa việc chuẩn bị các điều kiện tham gia WTO, khai thông thị trường toàn cầu cho hàng hóa Việt Nam, thúc đẩy việc chuẩn bị thực hiện Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ ; tạo điều kiện cho doanh nghiệp sớm thâm nhập thị trường rộng lớn này. Chính phủ chỉ đạo tích cực các đại sứ quán, lãnh sự quán và thương vụ Việt Nam tại nước ngoài dành thời gian và tâm sức nhiều hơn để hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước tìm kiến bạn hàng, thị trường, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, vì doanh nghiệp Việt Nam rất khó có điều kiện thành lập văn phòng đại diện tại nước ngoài.

Bốn là, xử lý các chi phí đầu vào của doanh nghiệp. Một vấn đề quan trọng có liên quan đến sức cạnh tranh của doanh nghiệp là chi phí đầu vào sản xuất của chúng ta quá cao. Tính chung từ 1996 đến nay chi phí đầu vào tăng 32,43% trong khi tỷ lệ tăng giá đầu ra là 22,82% làm cho tỷ suất doanh lợi bình quân của doanh nghiệp từ 16,8% giảm xuống còn 6,2% thấp hơn xấp xỉ 2 lần so với các nước trong khu vực và hơn 3 lần so với châu Âu. Vấn đề giá nông sản thấp, thu nhập của nông dân ngày càng thu hẹp, một mặt do giá đầu ra giảm sút, thị trường tiêu thụ khó khăn ; mặt khác các chi phí đầu vào về điện, xăng dầu, phân bón, thủy lợi, cày bừa... lại quá cao. Thời gian qua, chúng ta quan tâm nhiều hơn đến các biện pháp bảo hộ, xử lý đầu ra hơn là các biện pháp xử lý đầu vào để giảm chi phí sản xuất và bán hàng của nông dân.

Các doanh nghiệp trong nước thực sự lo lắng trước tình trạng các chi phí đầu vào có xu hướng gia tăng, trong khi đang phải nỗ lực hạ giá thành để nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế. Vấn đề là ở chỗ, hầu hết các chi phí đầu vào hiện nay của doanh nghiệp đều liên quan đến các ngành độc quyền như điện, xăng dầu, bưu chính viễn thông, hàng không hoặc các ngành doanh nghiệp nhà nước chi phối như vận tải biển, xi măng, sắt thép, các dịch vụ hành chính v.v... Vừa qua, các ngành này liên tục tăng giá hoặc duy trì mức giá cao với nhiều lý do khác nhau, trong đó có lý do phải trả nợ đầu tư. *Đã đến lúc chúng ta cần có một sự nhìn nhận đi vào thực chất hoạt động và hiệu quả đầu tư của các ngành kinh doanh mang tính độc quyền để có hướng giảm giá các yếu tố đầu vào của các sản xuất, tạo điều kiện nâng cao năng lực cạnh tranh của cả nền kinh tế và của doanh nghiệp Việt Nam nói chung, trong đó có các tổng công ty nhà nước.* Lợi ích chung của đa số doanh nghiệp cần được xem trọng hơn yêu cầu bảo hộ cho một ngành, một doanh nghiệp độc quyền riêng lẻ. Ngay trong những lĩnh vực Nhà nước cần độc quyền cũng nên tạo sự cạnh tranh giữa một số doanh nghiệp nhà nước với nhau để tránh độc quyền của doanh nghiệp, cải thiện năng lực cạnh tranh của ngành đó vì lợi ích chung của nền kinh tế.

Một vấn đề khác có liên quan là chính sách bảo hộ. Trong một bài phát biểu trước Quốc hội năm 2000, Thủ tướng đã từng nói : *Chúng ta chủ trương hội nhập kinh tế và áp dụng chính sách bảo hộ có lựa chọn, có điều kiện. Nhưng trong sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và trong hoạt động của các doanh nghiệp và phần nào trong dư luận xã hội, xu hướng bảo hộ và đòi hỏi bảo hộ quá mức có phần mạnh hơn quyết tâm phấn đấu nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả.*

Chính sách bảo hộ nếu quá kéo dài sẽ chỉ đem lại lợi ích cho một số doanh nghiệp kém linh hoạt và có giá thành cao. Trong khi đó, đa số doanh nghiệp lại muốn xóa bỏ chính sách này để tăng cạnh tranh giữa các nguồn cung, giảm chi phí đầu vào của sản phẩm qua đó giảm được giá thành sản xuất. Doanh nghiệp đề nghị Nhà nước cần có các chính sách rõ ràng, cụ thể về bảo hộ trong quá trình hội nhập quốc tế để vừa phù hợp với các cam kết

Digitized by Google

quốc tế, đồng thời tăng cường được sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Chúng ta không thể tiếp tục sử dụng hàng rào bảo hộ hoặc dùng tiền của Nhà nước hoặc buộc các doanh nghiệp và người tiêu dùng phải trả giá cao để hỗ trợ những doanh nghiệp đã "trót đầu tư lớn", giá thành sản phẩm quá cao không có khả năng cạnh tranh ngay ở thị trường trong nước chứ chưa nói đến khu vực và quốc tế. Mặt khác, cần tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của toàn xã hội là đã đến lúc các doanh nghiệp của ta phải tự đứng vững trên đôi chân của mình, không thể trông chờ núp bóng bảo hộ mãi để đến lúc hội nhập thì lúng túng, bỏ lỡ cơ hội.

Năm là, tăng cường vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp. Trong điều kiện các doanh nghiệp của ta còn nhiều yếu kém, tinh thần hợp tác và liên kết trong kinh doanh chưa cao thì sự hỗ trợ của các hiệp hội doanh nghiệp là thực sự cần thiết. Hiện nay, cả nước có trên 100 hiệp hội doanh nghiệp thuộc nhiều loại hình và quy mô khác nhau. Một số hiệp hội đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ hội viên, đặc biệt là trong điều kiện thị trường có những biến động lớn và giúp đỡ thành lập những doanh nghiệp mới thuộc ngành hàng của mình. Tuy nhiên, vẫn còn không ít các hiệp hội doanh nghiệp vẫn đang gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn về các nguồn lực, lúng túng trong việc triển khai hoạt động, một số hiệp hội không phát huy được vai trò của mình.

Sáu là, để nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, Chính phủ cần quan tâm đến việc nâng cao khả năng cạnh tranh của hệ thống hành chính quốc gia. Chỉ có trên cơ sở yểm trợ của một nền hành chính quốc gia vững mạnh thì doanh nghiệp mới có thể phát huy cao độ năng lực và hiệu quả hoạt động trên thị trường quốc tế, nếu không, những cố gắng của bản thân doanh nghiệp sẽ rất dễ bị triệt tiêu.

III. PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ DOANH NGHIỆP VÀ DOANH NHÂN TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

Doanh nghiệp và doanh nhân là lực lượng nòng cốt tạo ra của cải vật chất, tạo việc làm, tăng trưởng GDP và góp phần tạo nên hình ảnh của đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, trong thực tế, vai trò, vị trí của doanh nghiệp, doanh nhân chưa được nhìn nhận một cách tương xứng trong xã hội. Giám đốc doanh nghiệp còn bị dư luận xã hội và cả một số quan chức nhìn nhận như những kẻ "xài tiền như rác", "ăn chơi xả láng" hoặc trốn thuế, lậu thuế, chụp giật, lừa đảo... Doanh nghiệp vẫn còn là đối tượng bị hạch sách, coi thường, kỳ thị và hình sự hóa của không ít các cơ quan nhà nước, nhất là doanh nghiệp khu vực tư nhân.

Doanh nghiệp và doanh nhân mong được nhìn nhận công bằng với cả những mặt tích cực và những hạn chế, không chỉ vì vài "con sâu, con mọt" mà đánh giá một cách quy chụp, méo mó.

Đảng và Nhà nước, ngoài việc xây dựng thể chế, chính sách đúng đắn, thông thoáng để dân làm giàu còn luôn coi trọng, tôn vinh tầng lớp doanh nhân chân chính do những đóng góp của họ cho xã hội, cho đất nước. Doanh nghiệp của ta, dù là loại hình nào, doanh nghiệp nhà nước hay dân doanh ngoài mục tiêu lợi nhuận đều có ý thức và trách nhiệm rất cao đối với xã hội, đất nước, với tương lai của dân tộc. Chính sách của Đảng và Nhà nước ta : "Tập trung tháo gỡ mọi vướng mắc, xóa bỏ mọi trở lực để khơi dậy nguồn lực to lớn trong dân, cổ vũ các nhà kinh doanh và mọi người dân ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước" cần được thấm nhuần ở mọi ngành, mọi cấp và trong toàn xã hội. Các doanh nhân hy vọng rằng với vị trí quyết định để phát triển kinh doanh, làm phồn vinh cho đất nước, họ cần được xếp vào hệ thống chủ lực của quốc gia gồm : giai cấp công, giai cấp nông, tầng lớp trí thức và doanh nhân. ❑

Digitized by Google

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ SỰ QUẢN LÝ CỦA CHÍNH QUYỀN Ở CƠ SỞ

LÊ HỮU NGHĨA *

Có thể nói cơ sở (xã, phường, thị trấn) là hình ảnh xã hội thu nhỏ. Mọi mặt của đời sống xã hội đều diễn ra hằng ngày ở cơ sở. Cán bộ chính quyền cơ sở là những người hằng ngày trực tiếp tiếp xúc với dân, đem chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống và biến thành hành động cách mạng của quần chúng. Vai trò và uy tín của Đảng, Nhà nước được thể hiện thông qua đội ngũ cán bộ cơ sở. Cán bộ cơ sở (cả cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể) là cầu nối giữa Đảng với dân. Cùng với cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở là những người quyết định mọi công việc ở cơ sở và là người chịu trách nhiệm trước Đảng và nhân dân về sự thành bại của sự nghiệp cách mạng ở cơ sở. Phẩm chất đạo đức, trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ đảng và chính quyền cơ sở là yếu tố làm nên sức mạnh ưu việt của chế độ ta. Chính quyền cơ sở có trách nhiệm tổ chức, quản lý điều hành mọi hoạt động xã hội trên địa bàn. Muốn làm được điều đó chính quyền cơ sở phải nắm bắt và vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, đề ra kế hoạch thực hiện và là người tuyên truyền, vận động, tổ chức nhân dân thực hiện ; kiểm tra, giám sát, uốn nắn những lệch lạc, qua đó góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao đời sống nhân dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở cơ sở.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu kế hoạch 5 năm (2001 - 2005) và mục tiêu tổng quát của Chiến lược kinh tế 10 năm (2001 - 2010), phấn đấu đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp, Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã nhấn mạnh : Cải cách tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Thực hiện đồng thời các nhiệm vụ cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực. Trong giai đoạn cách mạng mới, việc củng cố và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của Nhà nước các cấp từ trung ương đến cơ sở theo hướng hiện đại hóa, chất lượng và hiệu quả đã trở thành vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng. Để sớm đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, một vấn đề quan trọng cần được giải quyết là tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền cơ sở. Dưới đây xin đưa ra một số giải pháp nhằm đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở :

1 - Lãnh đạo kiện toàn chính quyền cơ sở thông qua việc tiếp tục thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Muốn nâng cao vai trò và năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng và hiệu lực quản lý của chính

* GS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

quyền cơ sở, cần phải tiếp tục triển khai việc thực hiện *Quy chế dân chủ ở cơ sở* một cách kiên trì và mạnh mẽ trong toàn quốc. Trước hết, cần tiếp tục tuyên truyền, giải thích sâu rộng trong cán bộ và nhân dân mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của *Quy chế dân chủ ở cơ sở*. Thực hiện *Quy chế dân chủ ở cơ sở* là nhằm đổi mới quan hệ giữa Đảng - chính quyền và nhân dân, đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng và phương thức điều hành của chính quyền cũng như hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở. Trước đây, Đảng ta từng nêu lên công thức : Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ để xác định mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Nhưng có lúc, có nơi chưa hiểu và thực hiện công thức này một cách đúng đắn theo tinh thần dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhất là ở cấp cơ sở. Trong thực tế, ở không ít cơ sở đã diễn ra tình trạng : Đảng lãnh đạo có nghĩa là Đảng quyết định tất cả mọi việc ở cơ sở, còn chính quyền thì ra mệnh lệnh để dân thi hành, biến nhân dân đơn thuần là đối tượng bị lãnh đạo, thụ động, chứ không phải với tư cách là người chủ. Ở một số nơi, người dân không thể hiện được quyền trực tiếp đối với tổ chức đảng và chính quyền cơ sở. Vì vậy, dẫn đến tình trạng cán bộ nắm lấy quyền hành để mưu cầu lợi ích cá nhân, quan liêu, tham nhũng, ức hiếp nhân dân, vi phạm pháp luật, hình thành một tầng lớp cán bộ đặc quyền, đặc lợi, đứng trên dân, làm cho nhân dân rất bất bình. Thực hiện *Quy chế dân chủ ở cơ sở* là sự khẳng định lại vai trò của dân, mọi quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân. Xuất phát từ đó mà đòi hỏi Đảng phải đổi mới phương thức lãnh đạo của mình. Đảng ta là Đảng cầm quyền. Đảng lãnh đạo Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Nhưng sự lãnh đạo của Đảng phải được thực hiện bằng phương thức dân chủ. Tổ chức đảng ở cơ sở không phải là đơn vị đề ra chính sách, luật pháp mà là lãnh đạo làm cho chính sách, luật pháp trở nên thông suốt đến dân để dân biết, dân bàn, dân làm và dân kiểm tra. Đảng ủy không quyết định thay dân mà tổng hợp, đề xuất để dân biết, dân bàn, và quyết định trực tiếp hay thông qua chính quyền cơ sở. Đảng thống nhất quản lý, giáo dục và đào tạo cán bộ, đảng viên để thông qua bầu cử dân chủ, được dân chọn vào các chức vụ cần thiết. Tập thể đảng bộ và từng đảng viên phải sống gương mẫu, chịu sự kiểm tra và giám sát của dân, hướng dẫn dân, cùng với dân thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Sự lãnh đạo của tổ chức đảng là tập hợp, vận động quần chúng, khơi dậy sáng kiến, tính chủ động của dân để dân thực hiện quyền lực của Nhà nước, tuyệt nhiên không phải làm thay dân, quyết định thay dân. Đảng lãnh đạo cũng chính là phương thức củng cố mối quan hệ giữa Đảng với dân ngày càng gần gũi, nắm được tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, tổ chức thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

Chính quyền cơ sở là công cụ của dân, do dân trực tiếp bầu ra, được nhân dân ủy quyền trong việc quản lý, điều hành các hoạt động quản lý trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng tại địa bàn cơ sở. Nếu trước đây nhiều khi cán bộ chính quyền quản lý, điều hành bằng phương pháp hành chính, mệnh lệnh, dân không được biết, không được bàn thì nay việc thực hiện *Quy chế dân chủ ở cơ sở* đã chuyển sang phương thức dân chủ và công khai hóa. Quy chế dân chủ đã tạo ra khung pháp lý để thực hiện phương châm *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"*, làm rõ hơn nội dung quyền làm chủ và cách thức tiến hành các quyền đó. Chính quyền cơ sở trước khi quyết định một vấn đề gì, nhất là những vấn đề có quan hệ mật thiết đến đời sống vật chất và tinh thần của dân, phải đưa ra để dân thảo luận và đối thoại với dân. Chính quyền nghe dân nói và nói cho dân nghe, qua đó tập trung được những ý kiến đúng đắn của dân thành những quyết định để dân thực hiện và kiểm tra. Mọi khoản thu, chi và các

Digitized by Google

khoản đóng góp của dân đều phải tự nguyện, công khai cho dân biết để dân giám sát. Trong *Quy chế dân chủ ở cơ sở* quy định 24 việc chính quyền phải thông tin kịp thời và công khai để dân biết ; nêu 8 điểm nhân dân bàn tham gia ý kiến trước khi chính quyền quyết định ; ghi 10 việc nhân dân giám sát, kiểm tra đã chỉ rõ trách nhiệm của chính quyền trong việc thực hiện quy chế và trách nhiệm đối với dân. Cán bộ chính quyền phải chịu sự giám sát của dân, dân thực thi quyền bãi miễn, bãi nhiệm đối với những cán bộ thiếu năng lực, phẩm chất và đạo đức, không còn được dân tín nhiệm.

Nhân dân, với tư cách là người chủ, không chỉ được tổ chức hành động thông qua chính quyền nhà nước mà còn bằng những tổ chức rộng rãi như Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Do đó, *Quy chế dân chủ ở cơ sở* cũng nêu trách nhiệm của chính quyền phải phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở để thực hiện các điều *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"*, đồng thời Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể có trách nhiệm vận động nhân dân tham gia giám sát chính quyền, cùng với Đảng, chính quyền thực hiện *Quy chế dân chủ ở cơ sở*. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cũng phải đổi mới phương thức hoạt động, đi sâu đi sát hội viên, chăm sóc và bảo vệ lợi ích chính đáng của hội viên.

Việc thực hiện *Quy chế dân chủ ở cơ sở* là sự kết hợp chặt chẽ dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp, đòi hỏi cán bộ chính quyền cơ sở phải tự mình vươn lên, ra sức học tập, nâng cao trình độ chính trị, trình độ quản lý và rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng để đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ đổi mới, nhằm phát huy nội lực của nhân dân trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đây là một biện pháp rất quan trọng để nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở.

Để lãnh đạo thực hiện tốt *Quy chế dân chủ ở cơ sở*, đòi hỏi tổ chức đảng, chính quyền ở cơ sở cũng phải đổi mới phương thức lãnh đạo và phương thức quản lý cho phù hợp và phải tiến hành kiểm tra, đôn đốc, tạo mọi điều kiện giúp cơ sở thực hiện. Tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm, điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung, làm cho *Quy chế dân chủ ở cơ sở* ngày càng hoàn thiện, nhất là bổ sung những vấn đề trong quy chế còn thiếu chế tài thực hiện. Chẳng hạn, như chế tài đối với cán bộ, nếu cán bộ không thực hiện các quyền dân chủ của dân thì xử lý như thế nào. Dân chủ ở đây không còn là quan niệm đạo đức mà trở thành thể chế nhà nước bắt buộc phải thực hiện. Để làm cho *Quy chế dân chủ ở cơ sở* được thực thi một cách có hiệu lực hơn, tiến tới, Quốc hội nên ra một đạo luật chứ không chỉ dừng lại ở nghị định tạm thời của Chính phủ.

2 - Tổng kết kinh nghiệm và kiện toàn bộ máy chính quyền cơ sở.

Chính quyền cấp cơ sở là đơn vị quản lý hành chính nhà nước trực tiếp với nhân dân, vừa mang tính chất nhà nước vừa mang tính chất tự quản của cộng đồng cơ sở. Nó là sự kết hợp giữa dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp, thể hiện quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước theo một cơ chế dân chủ. Do đó, tổ chức bộ máy chính quyền cần tinh giản, gọn nhẹ, coi trọng chất lượng hơn số lượng. Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân không nên quy định cứng nhắc mà tùy theo yêu cầu, đặc điểm, tình hình của từng cơ sở mà có số lượng cơ cấu hợp lý. Ở những cơ sở đông dân, Hội đồng nhân dân, ngoài chủ tịch, phó chủ tịch, nên có thêm thư ký thường trực văn phòng để tập hợp ý kiến của dân, chuẩn bị cho các kỳ họp của Hội đồng nhân dân bàn và quyết định những vấn đề thiết thực mà dân quan tâm, làm cho những nghị quyết của Hội đồng nhân dân có chất lượng, hợp lòng dân và dân sẽ tích cực thực hiện. Xây dựng bộ máy và có cơ chế kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân đối với Ủy ban nhân dân và cán bộ của Ủy ban nhân dân, kịp thời ngăn

Digitized by Google

chặn những việc làm trái pháp luật và những hành vi tiêu cực, giúp Ủy ban nhân dân quản lý, điều hành công việc có hiệu quả. Hội đồng nhân dân nên họp 4 tháng một lần để kiểm điểm việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, điều chỉnh, bổ sung hoặc ra những nghị quyết mới. Đại biểu Hội đồng nhân dân cần có chế độ định kỳ tiếp xúc trực tiếp với cử tri (ở cơ sở không nên chỉ tiếp xúc với đại biểu cử tri), để phổ biến nghị quyết của Hội đồng nhân dân và nghe cử tri phát biểu ý kiến, đề bạt những vấn đề mà cử tri quan tâm, thông qua đó kiểm tra hiệu lực của các nghị quyết của Hội đồng, xem xét những nghị quyết đó có được cử tri tiếp nhận và thực hiện hay không để kịp thời rút kinh nghiệm điều chỉnh, bổ sung.

Các kỳ họp của Hội đồng nhân dân nên có nội dung nghe Ủy ban nhân dân báo cáo việc chấp hành các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, việc quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân. Hội đồng nhân dân xem xét, đánh giá kết quả, ưu, khuyết điểm hoạt động của Ủy ban nhân dân và xem xét những đề nghị của Ủy ban nhân dân kết hợp với ý kiến của cử tri mà Hội đồng nhân dân đã tập hợp được để ra nghị quyết. Thực hiện được như vậy, những nghị quyết của Hội đồng nhân dân mới có chất lượng và hiệu quả. Đối với những ý kiến của cử tri về những vấn đề thuộc thẩm quyền của các cấp trên thì Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân báo cáo cho cử tri biết và đưa lên các cấp có thẩm quyền giải quyết và sẽ báo cáo lại với cử tri. Cử tri có quyền phê bình, chất vấn Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cũng như đại biểu Hội đồng nhân dân và các thành viên của Ủy ban nhân dân. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cũng như các thành viên được phê bình, chất vấn phải trả lời cử tri những vấn đề gì mình tiếp thu và sửa chữa, những vấn đề gì cần trình bày lại cho rõ với tinh thần thật sự cầu thị và tôn trọng cử tri.

Ủy ban nhân dân có tư cách vừa là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân vừa là cơ quan hành chính nhà nước ở cơ sở. Tùy thuộc vào quy mô của từng cơ sở và các loại hình cơ sở khác nhau mà quy định số lượng thành viên của Ủy ban nhân dân, chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký và các ủy viên. Ở những cơ sở dân ít, địa bàn gọn thì các thành viên của Ủy ban nhân dân không chuyên trách mà kiêm nhiệm một số việc. Các thành viên của Ủy ban nhân dân không nhất thiết phải ngồi bàn giấy mà phải đi xuống dân, trao đổi, bàn bạc với dân, giải quyết những vấn đề bức thiết của dân thuộc thẩm quyền của mình, không trái với pháp luật. Kiện toàn các ban chuyên môn, giúp việc cho Ủy ban, nhất là các ban tài chính, kế toán, văn phòng, thống kê, tư pháp, địa chính, công an, văn hóa - thông tin. Cán bộ của các ban này phải có trình độ và năng lực chuyên môn và được bố trí, sắp xếp ổn định mới có thể giúp Ủy ban quản lý điều hành, tránh được những sai sót, vi phạm pháp luật. Chấn chỉnh, kiện toàn Ban thanh tra nhân dân. Ban thanh tra nhân dân chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Mặt trận Tổ quốc ở cơ sở. Cần giới thiệu những người có phẩm chất, năng lực để nhân dân lựa chọn bầu vào Ban thanh tra nhân dân. Cần sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động của Ban thanh tra nhân dân để tổ chức này có thể kiểm tra, giám sát hoạt động của chính quyền cơ sở có hiệu quả.

Gần đây, ở một số nơi, nhất là ở nông thôn, xuất hiện xu hướng chính quyền cơ sở tự biến mình thành cấp trung gian, đẩy việc xuống cho các trưởng thôn, bản. Do đó, các trưởng thôn, trưởng bản phải làm quá nhiều việc vốn là của Ủy ban nhân dân xã. Cần có biện pháp khắc phục xu hướng này. Các trưởng thôn, trưởng bản, tổ trưởng tổ dân phố chỉ là "chân rết" của Ủy ban nhân dân xã, phường, giúp Ủy ban nhân dân làm một số việc cần thiết có quy định cụ thể. Ủy ban nhân dân xã, phường phải trực tiếp giải quyết công việc thuộc thẩm quyền của mình và chịu trách nhiệm. Thôn, bản, tổ dân phố chủ yếu là những đơn vị tự quản, không phải là đơn vị quản lý hành chính. Để Ủy ban

Digitized by Google

nhân dân xã, phường có thể làm việc trực tiếp với dân, cần xem xét và điều chỉnh quy mô của xã, phường. Mỗi xã, phường chỉ nên có từ 5 000 đến 7 000 dân. Nếu rộng quá, đông quá sẽ vượt giới hạn đơn vị cơ sở, không phù hợp với trình độ quản lý và thời gian hoạt động của cán bộ cơ sở. Hiện nay cũng còn khá nhiều đơn vị cơ sở có từ 15 000 đến 30 000 dân. Như vậy là quá đông, cần xem xét và phân chia lại một cách hợp lý. Cần nghiên cứu, sửa đổi chính sách đãi ngộ đối với cán bộ cơ sở, trước hết là cán bộ chính quyền và các đoàn thể. Tùy theo từng chức danh để xác định mức phụ cấp hằng tháng cho phù hợp, có thể từ mức lương tối thiểu của công nhân viên chức đến 500 000đ. Có chế độ bảo hiểm y tế và chế độ nghỉ hưu cho cán bộ cơ sở. Như vậy mới làm cho cán bộ cơ sở yên tâm, nhiệt tình trong công việc.

Đổi mới chế độ bầu cử và các thủ tục bầu cử, ứng cử Hội đồng nhân dân cấp cơ sở cũng là một yêu cầu cấp thiết. Chính quyền cơ sở thể hiện trước hết và trực tiếp là chính quyền của dân, do dân, vì dân. Do đó, nhân dân có quyền trực tiếp lựa chọn, giới thiệu những người mà dân tín nhiệm (là đảng viên hay người ngoài đảng). Đảng lãnh đạo, hướng dẫn tiêu chuẩn và số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp xúc trực tiếp với dân trong từng khu dân cư, trao đổi với dân về tiêu chuẩn và số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân để dân thảo luận, giới thiệu người ra ứng cử và khuyến khích những người có trình độ, năng lực, phẩm chất, đạo đức tự ứng cử. Sau đó ban bầu cử tập hợp thành danh sách ứng cử viên. Tuy nhiên, số lượng ứng cử viên có thể vượt quá số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân đã quy định, nhưng tự nhân dân sẽ lựa chọn bầu đủ số lượng quy định. Mặt trận Tổ quốc tổ chức cho các ứng cử viên tiếp xúc và trao đổi với cử tri chương trình hoạt động của mình để dân tham gia ý kiến. Sau đó tổ chức ngày bầu cử để cử tri đi bỏ phiếu. Đảng viên trúng cử nhiều hay ít cũng là thước đo sự tín nhiệm của dân đối với tổ chức đảng ở cơ sở. Nếu đảng viên trúng cử ít (so với người ngoài đảng) thì cấp ủy đảng cần kiểm tra, xem xét đảng viên của mình, tìm nguyên nhân để sửa chữa khắc phục, chuẩn bị cho bầu cử nhiệm kỳ tiếp theo. Đây cũng là dịp để tổ chức đảng cơ sở tự soi lại mình, tiếp tục làm tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, làm cho tổ chức đảng cơ sở ngày càng chiếm được sự tín nhiệm cao của nhân dân.

Cần mở rộng việc phân cấp tài chính - ngân sách, giúp chính quyền cơ sở có đủ cơ sở và phương tiện vật chất cần thiết như trụ sở, phòng tiếp dân, hội trường... tương đối khang trang để làm việc và tiếp xúc với dân, nhưng cũng không nên quá phô trương, hình thức gây tốn kém, lãng phí không cần thiết.

3 - Tăng cường và đổi mới việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ở cơ sở.

Thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đặt ra những yêu cầu mới trong việc bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức nói chung cũng như đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở nói riêng nhằm đạt mục tiêu : *"Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực"*. Quán triệt tinh thần đó, trong Chiến lược cán bộ của Đảng, cần coi trọng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ cơ sở. Thực hiện tốt Chiến lược cán bộ như Nghị quyết Trung ương lần thứ 3 (khóa VIII) đề ra sẽ giải quyết một cách cơ bản, đồng bộ, có kết quả các vấn đề tuyển chọn, đề bạt, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng, chính sách, chế độ đối với từng loại cán bộ cơ sở, đáp ứng những yêu cầu trước mắt và lâu dài sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và phát huy dân chủ ở cơ sở. Trên cơ sở Chiến lược cán bộ, cần quy hoạch lại và tiêu chuẩn hóa cán bộ cơ sở, trước hết là cán bộ lãnh đạo của Đảng và cán bộ quản lý của chính quyền, làm căn cứ để đổi mới chương trình và nội dung đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp với từng đối tượng. Đảng, Nhà nước cần có các trường lớp chuyên đào tạo cán bộ cho cơ sở, đồng thời tăng cường đưa cán bộ có trình độ đại học về cơ sở.❑

Digitized by Google

CHỦ ĐỘNG HƠN NỮA HỘI NHẬP KINH TẾ KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ

NGUYỄN THỊ DOAN *

TOÀN cầu hóa là một xu hướng phát triển tất yếu của lịch sử nhân loại. Cách đây hơn 150 năm, Các Mác đã dự báo xu hướng này và ngày nay đã trở thành hiện thực. Theo ông, xu hướng toàn cầu hóa, mà trước hết là toàn cầu hóa kinh tế, bắt nguồn từ quá trình xã hội hóa lao động, xã hội hóa sản xuất và cùng với nó là việc mở rộng nền sản xuất hàng hóa. Chính lý luận toàn cầu hóa của Mác là cơ sở cho việc ra đời và hoạt động của Hội đồng tương trợ kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, trong đó Việt Nam là một thành viên.

Hiện nay, toàn cầu hóa tạm thời do các nước tư bản phát triển chi phối, áp đặt. Tuy nhiên, đối với các nước chậm phát triển, đang phát triển và chuyển đổi nền kinh tế thì hội nhập kinh tế cũng tạo ra rất nhiều cơ hội thuận lợi trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế của mỗi quốc gia và tất nhiên cũng gặp phải không ít các thách thức. Nếu quốc gia nào biết chủ động và có lộ trình hội nhập phù hợp với điều kiện cụ thể của mình sẽ vượt qua được các thách thức và tận dụng được các cơ hội để phát triển kinh tế đất nước, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế khu vực và toàn cầu. Khi hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế, các thành viên phải tuân thủ một hệ thống các luật lệ, quy tắc điều chỉnh ở hầu hết các lĩnh vực. Các thành viên được hưởng đầy đủ các quyền lợi, đồng thời cũng phải thực hiện mọi nghĩa vụ của một thành viên.

Đối với Việt Nam, trong quá trình đổi mới, Đảng ta đã khẳng định : Nội lực là nhân tố quyết định, nhưng ngoại lực cũng là nhân tố rất quan trọng cho sự phát triển đất nước. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (năm 1996) đã nêu rõ : "Trong hoàn cảnh mới, chúng ta chủ trương xây dựng một nền kinh tế mở, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại, hướng mạnh về xuất khẩu", ..."Điều chỉnh cơ cấu thị trường để vừa hội nhập khu vực, vừa hội nhập quốc tế, xử lý đúng đắn lợi ích giữa ta và các đối tác, chủ động tham gia cộng đồng thương mại thế giới, các diễn đàn, các tổ chức, các định chế quốc tế một cách có chọn lọc với bước đi thích hợp" (1). Chỉ mới thời gian ngắn, nhưng "Quan hệ đối ngoại và việc chủ động hội nhập kinh tế quốc tế được mở rộng và thu nhiều kết quả tốt". Những kết quả nổi bật là :

- Hội nhập Hiệp hội các nước Đông - Nam Á (ASEAN).

Ngay khi trở thành thành viên chính thức của ASEAN, về lĩnh vực thương mại, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 292/NQ-UBTVQH9, ngày 8-11-1995 về Chương trình giảm thuế nhập khẩu của Việt Nam để thực hiện Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của ASEAN và

---

* PGS, TS, Ủy viên TU Đảng, Ủy viên Ủy ban kiểm tra Trung ương

(1) *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 21 và 90

Digitized by Google

ngày 15-12-1995 tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần V, Việt Nam đã ký Nghị định thư cam kết thực hiện CEPT nhằm xây dựng Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA). Theo Nghị định thư này, Việt Nam cam kết sẽ cắt giảm thuế quan nhập khẩu hàng hóa trong nội bộ ASEAN xuống còn từ 0 - 5% trong vòng 10 năm kể từ 01-01-1996 đến 01-01-2006, đồng thời dỡ bỏ các hàng rào phi quan thuế. Để thực hiện cam kết, Chính phủ Việt Nam đã công bố Danh mục hàng hóa thực hiện CEPT, gồm : Danh mục loại trừ hoàn toàn ; Danh mục loại trừ tạm thời ; Danh mục cắt giảm ngay ; Danh mục hàng nông sản chưa chế biến nhạy cảm. Hằng năm, Chính phủ ban hành các nghị định quy định Danh mục các mặt hàng thực hiện CEPT. Tính đến 31-12-2000, chúng ta đã thực hiện cắt giảm 4 233 dòng thuế. Theo lịch trình cắt giảm thuế quan tổng thể thực hiện CEPT/AFTA giai đoạn 2001 - 2006 thì trong năm 2001 có thể chúng ta sẽ cắt giảm tiếp 720 dòng thuế, nâng tổng số dòng thuế đã thực hiện cắt giảm lên 4 953 dòng trong số 6 210 dòng thuế nhập khẩu hiện hành phải thực hiện cắt giảm theo CEPT. Việc cắt giảm thuế quan của Việt Nam được ASEAN đánh giá cao và thể hiện quyết tâm của chúng ta trong việc đẩy nhanh tiến trình hoàn thành AFTA. Trong quá trình thực hiện CEPT/AFTA, chúng ta đã lựa chọn các mặt hàng và mức giảm thuế thích hợp nên không ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách và vẫn bảo hộ hợp lý, có chọn lọc, có điều kiện, có thời hạn sản xuất trong nước...

- Hội nhập vào Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC)

Tháng 11-1998, Việt Nam được công nhận là thành viên chính thức của APEC. Ngay tại Hội nghị Thượng đỉnh APEC họp ở Ma-lai-xi-a, Việt Nam đã đưa ra Bản kế hoạch hành động quốc gia (IAP) cam kết thực hiện 14/15 lĩnh vực chủ yếu nhất theo quy định của APEC, với 3 nội dung chính : cập nhật những thay đổi về tình hình và cơ chế quản lý hiện tại đối với 14/15 lĩnh vực cam kết ; tổng kết việc thực hiện những cam kết ngắn hạn mà Việt Nam đã làm ; đưa ra các hoạt động bổ sung về các nội dung có liên quan đến mục tiêu tự do hóa thương mại và đầu tư trong APEC. Tuy mới triển khai thực hiện IAP được 2 năm, nhưng chúng ta đã từng bước tham gia 12 khoản mục trong Chương trình hành động tập thể (CAP) của APEC, bao gồm : việc ký Công ước HS nhằm hài hòa danh mục biểu thuế ; xây dựng và hoàn thiện các văn bản hướng dẫn nguyên tắc xác định trị giá hải quan theo Hiệp định Định giá hải quan của GATT ; công khai hóa các quy trình, thủ tục, quy định hải quan có liên quan đến xuất - nhập khẩu và các vấn đề xử phạt hành chính trong lĩnh vực hải quan... Tổng cục tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng Việt Nam đã chính thức tham gia Tiểu ban tiêu chuẩn và sự phù hợp của APEC, đã đưa danh mục các tiêu chuẩn ưu tiên hài hòa trong APEC vào kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn Việt Nam...

- Quá trình hội nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Tháng 6-1994, Việt Nam được công nhận là quan sát viên của Hiệp định chung về thuế quan và Thương mại GATT (các điều khoản của nó trở thành một phần của Tổ chức thương mại thế giới WTO từ ngày 1-1-1995), ngày 04-01-1995 chúng ta đã nộp đơn xin gia nhập WTO. Theo quy định của WTO, chúng ta đã, đang và sẽ chuẩn bị điều kiện nhằm đáp ứng các yêu cầu của WTO để sớm gia nhập tổ chức này trong thời gian tới, như : nộp cho WTO bản bị vong lục về chế độ ngoại thương của Việt Nam theo đúng mẫu quy định của tổ chức này ; thành lập Đoàn đàm phán Chính phủ về việc gia nhập WTO ; trả lời được 1 216 (tính đến hết năm 2000) trong số

Digitized by Google

1 376 câu hỏi của WTO đặt ra cho Việt Nam ; xây dựng một số tài liệu, như : bảng hiện trạng về hỗ trợ trong nước và trợ cấp xuất khẩu đối với hàng nông sản, bảng hiện trạng về doanh nghiệp thương mại nhà nước...

Bước đầu, chúng ta hài lòng với những kết quả đạt được trong hội nhập kinh tế nhưng không thể bằng lòng với những gì đang có. Thời gian vừa qua, chủ yếu chúng ta mới bắt đầu hội nhập về lĩnh vực thương mại hàng hóa nhưng vẫn còn nhiều bất cập, yếu kém. Trong tổng số gần 5 000 dòng thuế đã thực hiện cắt giảm thì chỉ có 2 954 dòng có thuế suất từ 0 - 5% còn lại vẫn duy trì ở mức thuế suất cao trên 20% tới năm 2005. Tới mốc 1-1-2006, chúng ta phải cắt giảm đột ngột thuế suất xuống còn từ 0 - 5% thì sẽ gây những tác động xấu đến nguồn thu ngân sách và khó khăn cho doanh nghiệp trong cạnh tranh ngay trên thị trường nội địa. Mặt khác, theo cam kết chúng ta phải giảm dần và tiến tới xóa bỏ các hàng rào phi thuế quan vào năm 2006, nhưng đến nay chúng ta vẫn chưa có lộ trình bãi bỏ hàng rào phi thuế quan... Lĩnh vực thương mại dịch vụ như : tài chính, bưu chính viễn thông, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ... hầu như chúng ta vẫn bảo hộ. Xu hướng cam kết trong các hiệp định thương mại song phương hay đa phương thời gian tới là đề cập đến nhiều lĩnh vực của nền kinh tế, chứ không bó hẹp chỉ trong lĩnh vực thương mại hàng hóa như trước nữa.

Để tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức và phát huy các lợi thế so sánh của quốc gia trong hội nhập, chúng ta phải tích cực chủ động hơn nữa trên mọi mặt. Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ : "Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái. Chính phủ cùng các bộ, các ngành và các doanh nghiệp khẩn trương xây dựng và thực hiện kế hoạch hội nhập kinh tế quốc tế với lộ trình hợp lý và chương trình hành động cụ thể, phát huy tính chủ động của các cấp, các ngành và các doanh nghiệp ; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, hoàn chỉnh hệ thống luật pháp, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và nền kinh tế... Bồi dưỡng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, năng lực, đạo đức, phẩm chất của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại, kể cả kinh tế đối ngoại" (2). Như vậy, quan điểm, mục tiêu và phương thức hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế của Đảng ta là rất rõ ràng và cụ thể. Muốn hội nhập vào kinh tế khu vực và quốc tế đòi hỏi phải có các giải pháp đồng bộ, thống nhất cả ở tầm vĩ mô và vi mô. Trước hết phải xây dựng hệ thống chính sách kinh tế rõ ràng, minh bạch, ổn định và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Đối với chính sách thuế, phải chủ động cắt giảm thuế quan và dỡ bỏ các hàng rào phi thuế quan theo đúng cam kết với các tổ chức khu vực và quốc tế. Để giải quyết tốt những vấn đề phức tạp trên nhưng không làm ảnh hưởng lớn đến nguồn thu ngân sách và bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước, cần phải làm tiếp một số công việc chính sau :

- Đối với Chương trình CEPT/AFTA : Cần tối đa hóa số dòng thuế đưa vào danh mục cắt giảm theo CEPT/AFTA và tối đa hóa số dòng thuế có thuế suất 0% để được hưởng ưu đãi theo CEPT khi Việt Nam là nước xuất khẩu theo nguyên tắc "có đi, có lại". Đưa ra lộ trình cắt giảm tiến tới xóa bỏ các biện pháp phi thuế nhằm bảo đảm hoàn thành AFTA vào năm 2006, thực hiện nguyên tắc chỉ quản lý và điều chỉnh các hoạt động thương mại bằng thuế, không dùng các biện pháp khác.

---

(2) *Sđd*, tr 120 - 122

Digitized by Google

- Đối với APEC : Cần nghiên cứu đưa ra lộ trình cắt giảm thuế và phi thuế phù hợp để hàng hóa Việt Nam khi thâm nhập thị trường các nước APEC cũng sẽ được hưởng những ưu đãi như các thành viên khác. Mở cửa dần một số lĩnh vực dịch vụ mà Việt Nam có thể tham gia hội nhập để được hưởng ưu đãi khi cung cấp dịch vụ vào APEC. Đưa ra các nội dung liên quan đến việc thực hiện mục tiêu tự do hóa và thuận lợi hóa thương mại và đầu tư trong APEC.

- Đối với WTO : Cần đẩy nhanh tiến trình đàm phán gia nhập WTO để được hưởng những ưu đãi do WTO đem lại trên cơ sở đã thực hiện nghĩa vụ của mình thông qua việc cơ cấu lại nền kinh tế, điều chỉnh môi trường kinh doanh... Kết hợp giữa đàm phán gia nhập WTO với các diễn đàn đàm phán khác nhằm đạt được mục tiêu cuối cùng là trở thành thành viên chính thức của WTO. Các doanh nghiệp phải chuẩn bị sẵn sàng về mọi mặt để đáp ứng các yêu cầu khi hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế đặt ra để trụ vững, phát triển trong điều kiện cạnh tranh ngày càng sâu, rộng và quyết liệt hơn.

Suy cho cùng, nhân tố quyết định hội nhập kinh tế thành công và có hiệu quả là con người. Chỉ có con người Việt Nam mới làm cho nền kinh tế nước ta tránh được tình trạng lẽo đẽo theo sau, tụt hậu ngày càng xa hơn và thua thiệt trong trào lưu toàn cầu hóa kinh tế. Đó là những con người có lý tưởng, có bản lĩnh, có khả năng sáng tạo, làm chủ được tri thức hiện đại. Hạn chế lớn nhất của ta hiện nay là đa số người lao động chưa làm chủ được các dây chuyền công nghệ hiện đại, dù có vốn để đầu tư thì vẫn phụ thuộc rất lớn vào đối tác nước ngoài. Do vậy, phải phát triển con người, phát triển nguồn nhân lực và khoa học - công nghệ thông qua tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), tạo động lực và nguồn lực cho giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ. Cải cách triệt để hệ thống giáo dục, từ giáo dục tiểu học cho đến đào tạo tiến sĩ theo hướng "chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa" mà Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng lần thứ IX đã đề ra. Khi đó, hệ thống giáo dục của ta sẽ sản sinh ra được những con người không chỉ làm chủ được tri thức hiện đại mà còn sáng tạo ra tri thức mới, nhanh chóng đưa tri thức trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Cần có cơ cấu đào tạo hợp lý giữa bậc đại học và công nhân kỹ thuật lành nghề. Nói cách khác, khi đó chúng ta sẽ hội nhập được với quốc tế về trí tuệ. Phát triển đất nước bằng khoa học và công nghệ, gắn khoa học - công nghệ với thực tiễn thông qua thị trường khoa học - công nghệ. Hiện nay, ở nước ta chưa có thị trường khoa học - công nghệ, cần phải tạo điều kiện cho sự ra đời và cơ chế chính sách nhằm tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng trong thị trường khoa học - công nghệ.

Trong thư gửi thầy, cô giáo, học sinh nhân ngày khai giảng năm học đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Bác Hồ đã khẳng định "Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em". Và ngày nay Đảng ta đã coi giáo dục, khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu, Quốc hội cũng đã thông qua và ban hành Luật Giáo dục, Luật Khoa học - Công nghệ. Hy vọng rằng, thời gian tới dân trí sẽ nâng cao hơn nữa. Với đội ngũ lao động có đức, có tri thức đồng thời có chính sách trọng dụng nhân tài, biết sử dụng người tài năng sẽ là chìa khóa quyết định việc hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế thành công và hiệu quả, góp phần thực hiện các mục tiêu Đại hội IX của Đảng đề ra. ❑

Digitized by Google

SUY NGHĨ VỀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA HIẾN PHÁP 1992

NGUYỄN VĂN THẢO *

1 - Sửa đổi Hiến pháp hay Hiến pháp sửa đổi.

Tên gọi của Ủy ban dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 và các điều khoản dự kiến sửa đổi, bổ sung, kể cả lời nói đầu (33 điều) cho phép hiểu rằng đây là một bản sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, không phải là một bản Hiến pháp thay thế cho Hiến pháp 1992.

Về vấn đề này, xin được góp ý kiến như sau.

Lịch sử lập hiến của hầu hết các nước trên thế giới, nhất là khoảng gần ba thế kỷ nay, các Hiến pháp thành văn đều thể hiện Hiến pháp được soạn thảo, ban hành, thi hành, sửa đổi, bổ sung dựa trên *nguyên tắc* cơ bản : ***mọi quyền lực của đất nước đều thuộc về nhân dân,*** mặc dù sự vận dụng ở mỗi nước đều có thể khác nhau tùy đặc điểm về thể chế chính trị, kinh tế, văn hóa, địa lý, lịch sử cụ thể.

Nguyên tắc đó có **ba điểm** cốt lõi, liên hệ mật thiết với nhau, bổ sung, làm phong phú nội dung của từng điểm, nâng lên thành một triết thuyết, một chân lý mà mỗi nhà nước cụ thể đều trân trọng và coi đó là mục tiêu sửa đổi Hiến pháp và quản lý đất nước.

Điểm thứ nhất của nguyên tắc : "Mọi quyền lực đất nước đều thuộc về nhân dân" là Hiến pháp, văn kiện chính trị - pháp lý của quốc gia có nhiệm vụ tuyên bố long trọng về các quyền con người. Sự giải phóng con người, bảo đảm cho họ có quyền năng thực sự, thì phải gắn với một chế độ, một nhà nước cụ thể, thông qua những nguyên tắc Hiến định, không thể chỉ có khẩu hiệu, lời động viên, hứa hẹn.

Điểm thứ hai của nguyên tắc này là Hiến pháp luôn luôn được coi là một văn kiện ấn định cách tổ chức và phân công quyền lực giữa các tổ chức trong bộ máy nhà nước.

Có thể nước này tổ chức theo cách quyền lực là thống nhất (như Việt Nam) ; nước kia theo cách ba quyền phân lập ; nước khác theo cách hỗn hợp và cân bằng quyền lực ; nước nọ lại bóc tách các mặt hợp lý của nhiều cách tổ chức quyền lực nhà nước để tìm kiếm một mô hình phù hợp. Có thể nói, không nước nào giống nước nào trong cách thức sử dụng và phân công quyền lực nhà nước.

Điểm thứ ba là Hiến pháp giữ vai trò là *một đạo luật cơ bản, luật gốc, giữ vị trí tối thượng trong hệ thống thang bậc các văn bản pháp luật của Nhà nước*. Với vị trí đó, nó được soạn thảo, ban hành, thi hành, kiểm tra sự thi hành, sửa đổi và bổ sung *khác với cách soạn thảo, sửa đổi* một đạo luật, một bộ luật, hoặc bất cứ một văn bản quy phạm pháp luật nào khác. Vì vậy, chủ trương đưa ra hỏi ý kiến nhân dân về sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992 là một chủ trương hoàn toàn đúng đắn.

Sau Hiến pháp năm 1946, bản Hiến pháp đầu tiên thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa,

* Luật sư

Digitized by Google

ba bản Hiến pháp sau vào các năm 1959, 1980, 1992 đều ghi rõ là **một bản Hiến pháp sửa đổi và được coi là một bản Hiến pháp mới thay cho Hiến pháp trước đó.**

Lần này, nếu đọc kỹ dự kiến nội dung sửa đổi lời nói đầu và hơn 30 điều khoản của Hiến pháp 1992, ta thấy rõ cơ quan lập hiến không có ý định viết một bản Hiến pháp mới thay thế cho Hiến pháp 1992 như các lần sửa đổi Hiến pháp trước.

Nếu vậy, kỳ họp thông qua bản dự kiến sửa đổi này, Quốc hội sẽ ban hành một nghị quyết hay một đạo luật hay một hình thức nào đó để bổ sung Hiến pháp. Tên gọi của văn bản đó sẽ được đặt như thế nào ? Phải chăng là *Luật sửa đổi Hiến pháp (hoặc Nghị quyết sửa đổi Hiến pháp) hay Bản Hiến pháp bổ sung Hiến pháp 1992.* Thực ra, dù vấn đề này có quan trọng đến mức nào cũng chỉ thuộc về *thủ tục và hình thức.*

Vấn đề đặt ra là, giai đoạn sắp tới có được coi là một giai đoạn mới, phát triển về chất, nhiều quan hệ mới nảy sinh mà Hiến pháp 1992 chưa thể dự kiến và bao quát được không ? Hiến pháp 1992 mới chỉ đáp ứng được đòi hỏi của thời kỳ đầu chuyển đổi nền kinh tế. Nếu coi Hiến pháp 1992 ***đã đủ tầm vóc*** đưa ra được các nguyên tắc cơ bản điều chỉnh các quan hệ của bối cảnh trong nước và thế giới bước vào thế kỷ XXI, thời kỳ của nền kinh tế tri thức như Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX khẳng định, thì phương án sửa đổi một số điều là hợp lý. Nếu thấy Hiến pháp 1992 ***chưa đủ tầm vóc*** điều chỉnh các quan hệ mới nảy sinh theo các định hướng, mục tiêu của Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đặt ra thì như kinh nghiệm lịch sử nước ta đã chứng minh, không ngần ngại gì mà không viết một bản Hiến pháp sửa đổi.

2 - Nhà nước pháp quyền.

Bản dự kiến sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992 đã thể hiện vấn đề nhà nước pháp quyền ở hai điều khoản : Điều 2 và Điều 12 của Hiến pháp. Có thể hiểu là có hai ý kiến khác nhau mà Ủy ban dự thảo đưa ra để thăm dò dư luận. Tuy nhiên, về cách nêu vấn đề ở Điều 2 và Điều 12, ta có thể hiểu Ủy ban dự thảo muốn chọn Điều 12.

Nhà nước pháp quyền theo nguyên nghĩa của nó trong lịch sử phát triển các nhà nước trên thế giới, chỉ là *một phương pháp quản lý xã hội, một cách sử dụng uy quyền của pháp luật, một cách phân công các quyền lực trong bộ máy nhà nước.* Tuy nhiên, khi xây dựng nhà nước pháp quyền để lãnh đạo xã hội thì nhà nước pháp quyền lại quan hệ mật thiết với người sử dụng quyền lực, với giai cấp cầm quyền nên nhà nước pháp quyền luôn luôn mang bản chất giai cấp. Nói đến nhà nước pháp quyền tức là đã khẳng định *giá trị của pháp luật,* như là một đại lượng chung, duy nhất để đo hành vi của con người trong xã hội. Nhà nước pháp quyền gắn liền với xã hội công bằng, dân chủ, bảo đảm thực hiện công bằng, dân chủ gắn với *quyền uy của pháp luật.*

Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thực chất là Nhà nước quản lý và điều tiết nền kinh tế trên cơ sở bảo đảm quyền tự do kinh doanh của các tổ chức, công dân những gì mà pháp luật không cấm. *Nền kinh tế thị trường và Nhà nước pháp quyền có quan hệ biện chứng với nhau, cái này là tiền đề của cái kia và ngược lại.*

Nội dung của Nhà nước pháp quyền gắn liền với **cách sử dụng quyền lực, cách phân công quyền lực và cách kiểm soát quyền lực.**

Nhân dân là người nắm quyền lực nhà nước và sử dụng quyền lực nhà nước, ủy các quyền đó cho các cơ quan nhà nước thông qua cơ quan dân cử, đoàn thể, cộng đồng và bản thân mình. Nguyên tắc đó chưa phản ánh đầy đủ trong Hiến pháp 1992 khi nói nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước (Điều 2) bằng cách thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân, mới chỉ là cơ quan dân cử (Điều 6).

Digitized by Google

Nhà nước pháp quyền thể hiện đặc sắc trong *cách phân công quyền lực*, phân công giữa quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, phân cấp giữa chính quyền trung ương với chính quyền địa phương. Phân công và phân cấp không hợp lý, vi phạm các quy luật và nguyên tắc của tổ chức thường dẫn đến sự rối loạn chức năng, đến tình trạng chuyên quyền, độc quyền, đặc quyền, làm mờ nhạt pháp quyền. Điểm này không những thể hiện ở Điều 2, Điều 6, Điều 12 mà còn thể hiện ở các điều nói về Quốc hội, Chính phủ, Tòa án, Viện kiểm sát, chính quyền địa phương.

Cách kiểm soát quyền lực có rất nhiều hình thức, từ kiểm soát hành vi hợp hiến của các đạo luật, pháp lệnh, nghị định đến việc kiểm soát các hành vi hợp hiến của hệ thống hành chính (Chính phủ, bộ, Ủy ban nhân dân), cả việc kiểm soát hành vi hợp hiến của hoạt động xét xử (Tòa án, Viện kiểm sát). Trong số các hình thức kiểm soát quyền lực, quan niệm của nhà nước pháp quyền nhấn mạnh đến việc kiểm soát tính hợp hiến của các hành vi hành chính, đặt gánh nặng xây dựng nhà nước pháp quyền lên vai các nhà hành chính, bởi hoạt động của họ luôn luôn va chạm đến quyền và lợi ích hằng ngày của công dân.

Những nội dung đó của nhà nước pháp quyền cho phép không thể viết vấn đề xây dựng Nhà nước ở Điều 12 vì điều này chỉ đề cập đến việc quản lý bằng pháp luật, nghiêm chỉnh thi hành pháp luật, đấu tranh chống vi phạm, xử lý vi phạm, hầu như không nói đến vấn đề nguyên tắc sử dụng quyền lực nhà nước, phân công và kiểm soát quyền lực. Chúng tôi tán thành nên để ở Điều 2 theo như bản dự thảo.

3 - Vai trò Nhà nước.

Hiến pháp 1992 ban hành vào những năm đầu của thời kỳ đổi mới nên đã tập trung ưu tiên vào việc sửa đổi bổ sung về chế độ kinh tế và một số chế định khác nhằm xóa bỏ cơ chế kế hoạch hóa, tập trung, hiện vật và bao cấp của nền kinh tế được quy định trong Hiến pháp 1980.

Về bộ máy nhà nước, tuy có một số thay đổi quan trọng như thiết lập lại chế độ Chủ tịch nước, thay thế Hội đồng Bộ trưởng thành Chính phủ do Thủ tướng đứng đầu. Các vấn đề khác của nền hành chính, nền tư pháp như vấn đề bộ máy hành chính ở cấp trung ương, chính quyền địa phương, cơ quan tòa án và Viện kiểm sát hầu như vẫn giữ lại các nguyên tắc của Hiến pháp 1980. Hồi đó cũng đưa ra thảo luận nhiều lần nhưng vì chưa có điều kiện bàn kỹ nên đã để lại.

Một hệ thống hành chính và bộ máy tư pháp chưa có thay đổi nhiều đi vào quản lý một nền kinh tế đã được Hiến pháp 1992 sửa đổi thì đương nhiên sẽ nảy sinh nhiều vấn đề bất cập giữa kinh tế với bộ máy quản lý nền kinh tế. Lần sửa đổi Hiến pháp 1992 này, vấn đề bộ máy nhà nước tuy được sửa đổi, bổ sung 14 điều, đều là những vấn đề cần thiết nhưng phần lớn lại là những vấn đề cụ thể, thuộc về thủ tục pháp lý như khi vắng Chủ tịch Quốc hội thì một Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy nhiệm thay mặt lãnh đạo. Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiếp tục làm nhiệm vụ đến khi có Quốc hội mới.

Mười bốn điều sửa đổi, bổ sung về bộ máy nhà nước chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển, của tất yếu kinh tế - xã hội đang diễn ra, chưa tổng kết được các kinh nghiệm quý báu của công cuộc cải cách hành chính, tư pháp đã thực hiện trong hơn một thập kỷ qua.

Những đòi hỏi bức xúc về cuộc cải cách bộ máy nhà nước, mà trọng tâm là cải cách nền hành chính đã trở thành một yêu cầu nội tại của cải cách kinh tế, như là một nguồn lực bên trong của phát triển kinh tế, của phát triển xã hội. Nhân dân đang có những câu hỏi : Phải chăng Nhà nước chỉ là một chủ thể cai quản, ban phát hay còn phải là một chủ thể, một tổ chức

Digitized by Google

phục vụ cho các yêu cầu chính đáng, hợp pháp của dân ? Câu trả lời có thể khác nhau nhưng đều phải theo một công thức : **Dân biết** (Nhà nước cần công khai mọi tin tức) ; **Dân bàn** (quy chế dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện mà cốt lõi là định chế bầu cử) ; **Dân làm** (công dân tự lo, tự giải quyết, tự tổ chức, tự thương lượng có sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước) ; **Dân kiểm tra** (cơ chế kiểm soát quyền lực của dân đối với cơ quan nhà nước).

Như thế sự chuyển động về vai trò, chức năng, khối lượng công việc, quy mô tổ chức, phương pháp hoạt động, cách thức quản lý của bộ máy nhà nước, cả nền lập pháp, hành pháp, tư pháp là một tất yếu, một quá trình khách quan đang diễn ra liên tục.

Việc sửa đổi Hiến pháp 1992 về bộ máy nhà nước, đề nghị nên hướng vào hai điểm cơ bản. *Thứ nhất* về vai trò, chức năng của Nhà nước nói chung. *Thứ hai* về vai trò cụ thể của các cơ quan Quốc hội, Chính phủ, Tòa án, Viện kiểm sát, chính quyền địa phương. Đề nghị nên sử dụng phương pháp mà Ủy ban dự thảo đã thực hiện trong việc sửa đổi các Điều 8, 9, 10, 56, 63, 96 thay thế thuật ngữ "viên chức" thành thuật ngữ "công chức" cho thống nhất cách dùng thuật ngữ pháp lý.

4 - Vị trí pháp lý của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án.

Hiến pháp 1992 quy định về vị trí pháp lý của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án như sau :

- Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 83) ; Ủy ban thường vụ Quốc hội là cơ quan thường trực của Quốc hội (Điều 90)

- Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 109) ; Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan xét xử cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Điều 134)

Cách viết đó có điểm diễn giải không thật chính xác, có thể tạo nên cách hiểu khác nhau về vị trí của bốn cơ quan kể trên. Trong thực tế vận hành bộ máy nhà nước, chúng tôi không thật rõ Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội hay Ủy ban Thường vụ Quốc hội là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Nếu Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất của đất nước thì với vị trí đó Chính phủ có chỉ huy toàn bộ hoạt động hành chính của mọi cơ quan nhà nước hiện nay ? Nếu Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan xét xử cao nhất thì các bản án của Tòa án nhân dân tối cao có chịu một thủ tục giám sát kiểm tra nào không ?

5 - Vấn đề kiểm tra tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản pháp luật.

Hiến pháp 1992 quy định một cơ chế kiểm tra (bãi bỏ, hủy bỏ, đình chỉ việc thi hành) văn bản pháp luật. Gần 10 năm thực hiện Hiến pháp, chúng ta chưa thấy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội bãi bỏ, hủy bỏ hay đình chỉ thi hành một văn bản nào của Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với các bộ, chính quyền địa phương, cơ chế kiểm tra này hầu như cũng rất ít thực hiện mặc dù một số văn bản pháp luật của bộ, chính quyền địa phương có dấu hiệu trái Hiến pháp, Luật.

Tình trạng không vận hành được cơ chế này có thể có nhiều nguyên nhân nhưng xét riêng bản thân cơ chế thì nó có một số nhược điểm.

Hiến pháp 1992 không giao cho cơ quan nào đánh giá tình trạng hợp hiến của các đạo luật. *Hiến pháp 1992 giao cho Quốc hội* quyền bãi bỏ văn bản của Chủ tịch nước. Quy định này khó thực hiện vì văn bản của Chủ tịch nước hiện nay gồm 2 loại : Các lệnh công bố Luật, Pháp lệnh, Lệnh của Chủ tịch nước không thể bị bãi bỏ vì nó công bố các văn bản của Quốc hội và các quyết định có tính cá biệt (bổ nhiệm, phong hàm sĩ quan, cử và triệu hồi đại sứ).

Digitized by Google

Loại văn bản cá biệt của Chủ tịch nước nếu muốn đánh giá về tính hợp hiến hay vi hiến phải có một cơ chế khác *không dùng cơ chế bãi bỏ.*

Hiến pháp 1992 giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội đình chỉ việc thi hành các văn bản nếu trái Hiến pháp hoặc trái luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và trình Quốc hội hủy bỏ các văn bản đó. Đồng thời Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền hủy bỏ văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao nếu văn bản đó trái với Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (điểm 5 Điều 90). Về thẩm quyền của Quốc hội ghi ở điểm 9 Điều 84 không thấy nói đến quyền hủy bỏ văn bản. Vấn đề đặt ra là hai chế độ bãi bỏ và hủy bỏ văn bản có thể khác nhau về mặt pháp lý hoặc nếu không khác nhau thì Hiến pháp 1992 đã dùng thuật ngữ không chính xác.

Chúng tôi xin nêu một số điểm chung quanh các điều khoản đã dẫn để cơ quan lập hiến xem xét.

6 - Chính quyền địa phương.

Dự kiến sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992 tập trung vào điều khoản (Điều 123) quy định về vấn đề bổ nhiệm chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp. Điểm bổ sung đó là phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay của Chính phủ, của ủy ban nhân dân cấp trên đối với cấp dưới.

Tuy nhiên, nếu chỉ có một điểm được sửa đổi, e rằng chưa đáp ứng thực tiễn của cuộc sống hiện tại. Trước hết là vấn đề phân định hệ cấp thẩm quyền trong hệ thống bộ máy nhà nước. Cấp chính quyền địa phương chủ yếu là cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tuy đã được trung ương phân cấp trong nhiều đợt, nhưng vẫn còn nhiều định chế chưa rành mạch, đầy đủ, rõ ràng. ***Ít nhất có bốn định chế lớn :***

Một là, những việc mà địa phương được toàn quyền quyết định trên cơ sở pháp luật, không cần xin ý kiến của trung ương hoặc cơ quan hành chính cấp trên. Đối với những việc này, cấp trên chỉ thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát nếu thấy hiện tượng vi phạm thì đình chỉ hoặc hủy bỏ. Đó là những việc nào ?

Hai là, phân cấp cho chính quyền địa phương nông thôn có khác chính quyền đô thị không ? Giữa đô thị lớn, vừa, nhỏ có gì phân biệt ?

Ba là, giải quyết các mối quan hệ giữa Chính phủ, các bộ với chính quyền địa phương theo hướng phân biệt. Những việc giao toàn quyền quyết định cho địa phương như trên đã đề cập ; những việc giao cho địa phương thực hiện nhưng Chính phủ, bộ, tổng cục giữ quyền chuẩn y trước khi thực hiện. Những việc này trước khi làm địa phương phải báo cáo xin ý kiến Chính phủ, bộ, tổng cục ; những việc Chính phủ, bộ, tổng cục tự làm không giao cho chính quyền địa phương nhưng cũng phải có quy định rõ ràng các mối quan hệ.

Bốn là, trong mỗi cấp chính quyền cần có sự phân định thẩm quyền quyết nghị với thẩm quyền chấp hành để làm cơ sở cho việc xác định chức năng, quyền hạn của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân mỗi cấp. Làm rõ được thẩm quyền quyết nghị với thẩm quyền chấp hành sẽ góp phần khắc phục tình trạng hoạt động hình thức của Hội đồng nhân dân.

Hội đồng nhân dân cần trở thành cơ quan dân cử thực sự đại diện ý chí, nguyện vọng của nhân dân địa phương, có thực quyền quyết định những vấn đề có tính địa phương và những vấn đề đã phân cấp cho địa phương. Thực quyền đó là quyền tự quyết định trong phạm vi một địa bàn lãnh thổ và trong khuôn khổ pháp luật về khối lượng công việc địa phương nhằm phát huy mặt tích cực của cộng đồng dân cư với đơn vị hành chính của mình, với quê hương mình, làm sống động sinh hoạt dân chủ chính trị tại các địa phương trong thời kỳ phát triển mới.

Digitized by Google

Hội đồng nhân dân cần được giao thẩm quyền, có một ngân sách riêng, ngân sách này thu từ một số loại thuế mà pháp luật đã quy định, một phần của ngân sách do trung ương điều tiết về, một phần thu từ các hoạt động riêng của địa phương. Hội đồng nhân dân có thẩm quyền xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển các lĩnh vực thuộc địa phương, quyết định kế hoạch đầu tư dựa vào nguồn ngân sách được phân cấp và huy động sức dân trong địa phương, quyết định những vấn đề về tổ chức và nhân sự đã được phân cấp đối với bộ máy chính quyền địa phương, giám sát cơ quan hành chính.

Về Ủy ban nhân dân với tư cách là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, đồng thời là cơ quan cấp dưới của hệ thống hành chính thống nhất từ Chính phủ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp cơ sở, không phải là cơ quan *có thẩm quyền quyết nghị (bàn bạc, thảo luận và quyết định tập thể mà chỉ là cơ quan có thẩm quyền chấp hành,* không thể hoạt động giống như Hội đồng nhân dân mà hoạt động cơ bản là phải theo chế độ *cá nhân chịu trách nhiệm.* Các chức danh chủ tịch ủy ban nhân dân đến phó chủ tịch, giám đốc cơ sở, phó giám đốc, các trưởng phòng, các chuyên viên phải tự chịu trách nhiệm công việc của mình trước pháp luật. Việc thành lập Tòa Hành chính để xử lý các hành vi hành chính bị khiếu kiện đã chứng minh quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về sự phân định thẩm quyền quyết nghị của Hội đồng nhân dân với thẩm quyền chấp hành của Ủy ban nhân dân, trong đó nêu rõ những hành vi hành chính thuộc thẩm quyền chấp hành của Ủy ban nhân dân có thể bị khiếu kiện trước Tòa án hành chính. *Chế độ cá nhân chịu trách nhiệm* sẽ làm cho nền hành chính tăng thêm hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước. Đồng thời với tư cách là cơ quan có thẩm quyền chấp hành, Ủy ban nhân dân là bộ phận thống nhất của hệ thống hành chính, là cơ quan cấp dưới của cơ quan hành chính cấp trên, một cơ thể thống nhất của nền hành chính nhà nước dưới sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ. Như vậy, Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân về thi hành các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, đồng thời chịu trách nhiệm thi hành mệnh lệnh của cơ quan hành chính cấp trên về những vấn đề được giao quyền hoặc ủy quyền.

Đề nghị cơ quan lập hiến chấp nhận việc sửa đổi bổ sung Điều 119, 120, 124 của Hiến pháp năm 1992 quy định về vị trí, vai trò của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

7 - Tòa án nhân dân - Viện Kiểm sát nhân dân.

Dự kiến sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992 về Tòa án gồm Điều 128 quy định thời gian làm việc của Chánh án tòa án nhân dân tối cao khi Quốc hội hết nhiệm kỳ và Điều 131 về thủ tục xét xử rút gọn.

Dự kiến sửa đổi, bổ sung về Viện kiểm sát gồm Điều 137 quy định điều chỉnh lại chức năng của Viện kiểm sát. Điều 138 quy định thời gian làm việc của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao khi Quốc hội hết nhiệm kỳ và Điều 140 quy định nội dung báo cáo của Viện kiểm sát địa phương trước Hội đồng nhân dân.

Khi biên tập Hiến pháp 1992, chương về chế độ kinh tế và một số chế định về văn hóa, xã hội, khoa học được sửa nhiều hơn các chương quy định về Nhà nước (Quốc hội, Chính phủ, Tòa án, Viện Kiểm sát, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân) và trong các chương về Nhà nước thì chương quy định về Tòa án, Viện kiểm sát ít được sửa đổi, bổ sung so với chương về cơ quan lập pháp và hành pháp. Vì vậy, khi ban hành Hiến pháp 1992 đã có nhiều ý kiến nêu lên những bất hợp lý, chưa chính xác, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế trong chương quy định về Tòa án, Viện kiểm sát. Dự kiến sửa đổi, bổ sung các điều kể trên chưa thật đầy đủ so với yêu cầu của cuộc sống và các Nghị quyết của Đảng đã đề cập.

Digitized by Google

Điều 126 Hiến pháp 1992 quy định : "Nhiệm vụ chung của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân là bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân ; bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể ; bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân". Đây là điểm cần được sửa đổi.

Nhiệm vụ bảo vệ pháp chế, bảo vệ chế độ không chỉ của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân mà của các cơ quan khác, nhất là cơ quan hành pháp, đứng đầu là Chính phủ. Các Điều 109, 112 Hiến pháp nói rõ điểm này. Nói chính xác thì Tòa án nhân dân có nhiệm vụ xét xử các vụ án hình sự, dân sự, Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố. Thông qua việc thực hiện các nhiệm vụ đó, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân *góp phần* bảo vệ pháp chế và chế độ. Hơn nữa, Điều 126 đã quy định nhiệm vụ của Viện kiểm sát, đến Điều 137 lại quy định thêm nhiệm vụ của Viện kiểm sát, hai điều đó cần được điều chỉnh cho ăn khớp, thống nhất.

Điều 127 Hiến pháp 1992 nói về các cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó quy định việc thành lập ở cơ sở các tổ chức hòa giải của nhân dân để giải quyết những vụ việc vi phạm pháp luật và tranh chấp nhỏ trong nhân dân là không hợp lý, vì các tổ chức này không phải là cơ quan xét xử mà chỉ là các tổ chức hòa giải hoạt động dưới sự hướng dẫn và chỉ đạo của cơ quan tư pháp (Bộ tư pháp và các Sở tư pháp, phòng tư pháp, tư pháp xã, phường) là hoạt động thuộc lĩnh vực hành pháp, do Chính phủ quản lý. Vì vậy, việc thành lập và hoạt động của các tổ hòa giải nếu có ghi trong Hiến pháp thì cũng không nên để ở chương nói về Tòa án nhân dân mà nên để ở chương nói về Chính phủ.

Về nguyên tắc hai cấp xét xử là nguyên tắc truyền thống của tổ chức hoạt động Tòa án, liên quan đến Điều 134 cũng cần được xem xét, nghiên cứu sửa đổi để bảo đảm tính khách quan, công bằng, dân chủ trong hoạt động xét xử. Hiện nay, cách tổ chức Tòa án ở nước ta không hoàn toàn theo nguyên tắc này mà thiên về cách tổ chức theo địa hạt hành chính, hệ cấp thẩm quyền bị xen kẽ, Tòa án ở cấp tỉnh, Tòa án tối cao đều xét xử cả sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm.

Điều 132 Hiến pháp 1992 quy định bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo. Quyền bào chữa của bị cáo là một quyền tố tụng cơ bản nhất, có tính bao trùm và cũng là nơi hội tụ của các quyền khác mà pháp luật tố tụng dành cho họ để chống lại sự buộc tội, bảo vệ chính mình. Vì vậy, nếu Hiến pháp chỉ quy định "quyền bào chữa của bị cáo được bảo đảm" là chưa đủ, mà cần tuyên bố rõ *"bị cáo có quyền bào chữa,* các cơ quan tiến hành tố tụng phải bảo đảm để bị cáo thực hiện quyền này".

Về chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát, chúng tôi hoan nghênh dự kiến bỏ công việc *kiểm sát việc tuân theo pháp luật* (thường gọi là kiểm sát chung). Tuy nhiên trong dự kiến bổ sung có đề cập đến việc *kiểm sát các hoạt động tư pháp* của Viện kiểm sát. Cần định rõ phạm vi của việc kiểm sát hoạt động tư pháp vì hoạt động tư pháp rất rộng không chỉ là hoạt động của cơ quan công an, tòa án, thi hành án mà còn bao gồm nhiều hoạt động của Bộ tư pháp, Sở tư pháp.

Về chức năng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát, chúng tôi cho rằng đây là chức năng chính của Viện kiểm sát. Hầu hết các nước trên thế giới đều gọi là *Viện Công tố,* với nhiệm vụ đưa người phạm tội ra Tòa để xét xử. Cơ quan công tố thường nằm trong Chính phủ, hoạt động công tố thuộc lĩnh vực hành pháp.

Trên đây là một số ý kiến đóng góp vào việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992. Chúng tôi nhận thức rằng không thể một sớm, một chiều thay đổi ngay được những điều quá lớn, nhưng cũng cần ghi nhận để tiếp tục nghiên cứu.❑

Digitized by Google

ĐẤU TRANH GIAI CẤP, ĐẤU TRANH DÂN TỘC, ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN LÀ NHỮNG ĐỘNG LỰC CƠ BẢN CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

LÊ XUÂN LƯU *

Giai cấp là một hiện tượng lịch sử khách quan. Nó ra đời khi phân công lao động xã hội và quyền tư hữu về tư liệu sản xuất ra đời và phát triển.

Các giai cấp khác nhau có lợi ích khác nhau. Khi xã hội phân chia thành giai cấp thì đấu tranh giai cấp là quy luật khách quan. Cống hiến vĩ đại của Mác là đã chỉ ra : đấu tranh giai cấp là một động lực phát triển của xã hội loài người. Và quan điểm giai cấp trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong xem xét các vấn đề của cách mạng, của đời sống xã hội có giai cấp. Xa rời quan điểm đó sẽ không thể nhận thức được bản chất của các hiện tượng, các sự kiện chính trị - xã hội diễn ra hàng ngày ở trong nước và trên thế giới.

Mác cũng chỉ ra các hình thức của đấu tranh giai cấp là đấu tranh kinh tế, đấu tranh chính trị, đấu tranh tư tưởng và văn hóa, trong đó đấu tranh chính trị là hình thức cao nhất nhằm lật đổ nhà nước tư sản, thiết lập chuyên chính vô sản, xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.

Mác chỉ ra giai cấp công nhân là kẻ đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản, từ đó đã chuyển chủ nghĩa xã hội không tưởng thành chủ nghĩa xã hội khoa học.

Khái niệm quần chúng nhân dân ở Mác chủ yếu là giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Trong sự nghiệp cách mạng vô sản, Mác đã nêu ra khẩu hiệu : "Vô sản toàn thế giới đoàn kết lại".

Các luận điểm trên đây được Mác rút ra khi Người nghiên cứu chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn tự do cạnh tranh đã phát triển cao và cuộc cách mạng mà Mác đề cập là cuộc cách mạng vô sản ở các nước này.

Những luận điểm trên đây của Mác vẫn giữ nguyên giá trị trong thời đại ngày nay. Mác cũng căn dặn rằng lý luận cách mạng được khái quát từ thực tiễn và thực tiễn lại luôn luôn vận động biến đổi. Những người cộng sản phải từ thực tiễn của cách mạng nước mình mà đề ra đường lối, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng để giành thắng lợi.

Hoạt động trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh đã chuyển qua giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, chiến tranh xâm lược thuộc địa diễn ra khắp nơi và cách mạng thuộc địa đã nổ ra, Lê-nin đã nghiên cứu vấn đề dân tộc, thuộc địa, vấn đề đấu tranh dân tộc và đã bổ sung khẩu hiệu của Mác bằng khẩu hiệu : "Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại".

Về lực lượng cách mạng trong nước, Lê-nin nhấn mạnh sự liên minh của hai giai cấp : công nhân và nông dân.

Về nhà nước, Người khẳng định là nhà nước chuyên chính vô sản và đã chỉ ra chuyên chính vô sản là cuộc đấu tranh đổ máu và không đổ máu, bạo lực và hòa bình, bằng quân sự và kinh tế, bằng giáo dục và hành chính nhằm chống lại âm mưu duy trì chế độ cũ. Chuyên chính vô sản không phải chỉ là chuyên chính đối với kẻ thù mà bản chất cốt lõi của nó là dân chủ, là quyền làm chủ xã hội của nhân dân lao động, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo những luận điểm trên đây của các nhà kinh điển

* Trung tướng, GS triết học

Digitized by Google

Mác - Lê-nin vào thực tiễn cách mạng ở một nước thuộc địa và nửa phong kiến và đã làm phong phú thêm những vấn đề này.

Nếu như ở các nước tư bản phát triển, mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội là mâu thuẫn giữa vô sản với tư sản thì mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với ách thống trị của chủ nghĩa thực dân. Từ đó Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc thành nhiệm vụ trước tiên và chủ yếu cho cả phong trào công nhân và phong trào yêu nước và đề ra đường lối của cách mạng Việt Nam là : đấu tranh giải phóng dân tộc rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Cuộc cách mạng đó do đội tiên phong của giai cấp công nhân là Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Trong cách mạng Việt Nam vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp gắn bó chặt chẽ với nhau.

Lực lượng cách mạng trong cuộc cách mạng này là các tầng lớp nhân dân của các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam trừ bọn việt gian bán nước.

Đảng Cộng sản Việt Nam tập hợp các tầng lớp nhân dân vào Mặt trận dân tộc thống nhất làm cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Với Mặt trận Việt Minh - Liên Việt, nhân dân Việt Nam đã làm Cách mạng Tháng Tám thành công và kháng chiến chống Pháp thắng lợi, lập lại hòa bình ở Đông Dương và giải phóng miền Bắc.

Đoàn kết toàn dân vào Mặt trận Tổ quốc, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta giành thắng lợi trong công cuộc khôi phục kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ ở miền Bắc làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Đoàn kết nhân dân miền Nam vào Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam và cùng với Mặt trận Tổ quốc ở miền Bắc, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất nước nhà.

Ngày nay với Mặt trận Tổ quốc, nhân dân ta đã giành được những thắng lợi to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Tổ quốc.

Tư tưởng cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh là : "Đoàn kết là sức mạnh", là "then chốt thành công" - "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công".

Người coi đoàn kết là một vấn đề chiến lược của cách mạng, là mục tiêu, là động lực, là nhiệm vụ và là công tác hàng đầu của cách mạng.

Trong khi đoàn kết rộng rãi toàn dân vào Mặt trận, Người không bao giờ xa rời tính giai cấp của Mặt trận, luôn luôn lấy liên minh công nông làm nền tảng và đặt Mặt trận dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự đoàn kết thống nhất trong Mặt trận được xây dựng trên cơ sở đấu tranh.

Khái niệm quần chúng nhân dân ở Người được mở rộng, nó bao gồm các tầng lớp nhân dân các dân tộc trên đất nước Việt Nam, trừ bọn phản bội Tổ quốc.

Về nhà nước, Người cho rằng đó là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Nhà nước đó thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích Tổ quốc và nhân dân và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thực tiễn của cách mạng Việt Nam 71 năm qua đã chứng minh hùng hồn rằng : đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, đoàn kết toàn dân là những động lực cơ bản của sự phát triển của cách mạng Việt Nam.

Sự thật lịch sử đó không ai có thể phủ nhận và bài học lịch sử đó đang được Đảng ta phát huy trong giai đoạn cách mạng mới.

Đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, đoàn kết toàn dân tuy là những khái niệm khác nhau nhưng gắn bó chặt chẽ với nhau.

Cách mạng ở một nước thuộc địa và nửa phong kiến, đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc không thể tách rời nhau. Ngày nay tuy đã giành được chính quyền và đang xây dựng đất nước nhưng các thế lực thù địch ngoài nước và trong nước đang tìm cách chống phá. Mọi cuộc cách mạng chỉ có giá trị khi nó biết tự bảo vệ. Vì vậy, đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc dưới hình thức này hay hình thức khác vẫn đang diễn ra. Và, chỉ có đoàn kết toàn dân mới tạo được lực lượng để chiến thắng.

Digitized by Google

Thời đại mới đang đem lại những cái mới cho xã hội loài người.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang phát triển như vũ bão, đã làm xuất hiện nền kinh tế tri thức và toàn cầu hóa các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trước hết là kinh tế, đã mang lại những biểu hiện mới trong đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc mà những người cộng sản phải nghiêm túc tính đến để giải quyết đúng đắn các vấn đề của cách mạng và tiếp tục đưa cách mạng tiến lên.

Sự phát triển của khoa học và công nghệ đang làm cho thành phần trí thức trong lao động của con người tăng lên gấp bội.

Trong nền kinh tế tri thức, lao động trí tuệ đang thay dần cho lao động cơ bắp và trong tổ chức lao động, chất lượng người thay thế cho số lượng người. Khoa học đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và đưa lại sự phát triển cao về lực lượng sản xuất và sự phát triển của nền sản xuất xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân.

Sự phát triển khoa học và công nghệ đang toàn cầu hóa đời sống xã hội, trước hết là kinh tế. Nó thúc đẩy sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất, thúc đẩy cạnh tranh, kích thích tăng năng suất lao động và tăng trưởng kinh tế. Nó thúc đẩy giao lưu, hợp tác, xích lại gần nhau giữa các quốc gia và đưa lại cơ hội, tiền vốn, công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm quản lý để các nước kém phát triển có thể rút ngắn con đường phát triển của mình. Nó cho phép các nước kém phát triển tiến hành công nghiệp hóa đất nước không theo mô hình truyền thống.

Mấy thập kỷ gần đây, một số nước kém phát triển đã biết nắm lấy những điều kiện thuận lợi, tận dụng thời cơ nên đã trở thành những nước công nghiệp mới (NIC).

Kinh tế tri thức và toàn cầu hóa gắn bó chặt chẽ với nhau và cả hai cùng có chung một cội nguồn là sự phát triển về khoa học và công nghệ. Đó là những thành tựu lớn lao mà loài người đã đạt được nhưng cũng đang được các nước tư bản phát triển sử dụng như là công cụ để tăng cường bóc lột công nhân, nô dịch thôn tính các nước kém phát triển và đang mở rộng khoảng cách giàu nghèo giữa tư sản và vô sản, giữa các nước phát triển và kém phát triển, uy hiếp bản sắc dân tộc, nền độc lập tự chủ, phá hoại tài nguyên và môi trường của các nước này.

Chủ nghĩa đế quốc hiện đại đang lợi dụng sự phát triển khoa học và công nghệ để thực hiện mưu đồ "thế giới một cực" "làm bá chủ thế giới". Họ đang phát triển các loại vũ khí giết người hàng loạt, tổ chức hệ thống tên lửa phòng thủ quốc gia (NMD) và nghiên cứu cách đánh mới. Đó là cách đánh dựa vào kỹ thuật hiện đại "giáng những đòn sấm sét từ xa" nhằm hủy diệt tiềm lực kinh tế, quân sự, lật đổ người cầm đầu các chính phủ cản trở việc thực hiện mưu đồ của họ.

Họ đang thúc đẩy chủ nghĩa dân tộc cực đoan, các cuộc xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo và dưới chiêu bài bảo vệ "tự do", "dân chủ", "nhân quyền" để can thiệp vào những nơi có lợi ích của họ.

Họ đang tiến hành một kiểu chiến tranh không có khói súng hay tìm cách tiến hành chiến tranh thông qua bàn tay người khác...

Rõ ràng trước những thành tựu của loài người, chủ nghĩa đế quốc đang tìm cách thích nghi, sử dụng nó vào mục đích tăng cường bóc lột, thôn tính và nô dịch.

Thời đại mới tuy có những biểu hiện mới về đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc nhưng thực trạng của thế giới ngày nay vẫn không có gì khác hơn là cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc giữa những người bị bóc lột và những người bóc lột, giữa những người bị thống trị và những người thống trị. Những mâu thuẫn cơ bản của thời đại vẫn còn đó, tuy có những biểu hiện mới về tính chất sâu sắc, phức tạp và tinh vi.

Cuộc đấu tranh trong thời đại ngày nay vẫn là cuộc đấu tranh giữa hai con đường : xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

Mục tiêu của thời đại vẫn là chủ nghĩa xã hội. Nội dung cơ bản của thời đại vẫn là sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Phủ nhận điều đó là phủ nhận con đường diệt vong của chủ nghĩa tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Sự quá độ đó là một quy luật khách quan. Có điều là không thể

Digitized by Google

nhận thức một cách giản đơn như trước đây mà phải thấy sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới là một quá trình lịch sử lâu dài và phải trải qua cuộc đấu tranh của nhiều thế hệ và trong nhiều thế kỷ.

Ngày nay ở các nước tư bản chủ nghĩa, phong trào công nhân, phong trào cộng sản, phong trào dân chủ và hòa bình cần đoàn kết đấu tranh chống bóc lột dưới nhiều hình thức tinh vi của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, chủ nghĩa tư bản độc quyền siêu quốc gia, chống chính sách chạy đua vũ trang, quân sự hóa nền kinh tế vì mục đích dân sinh, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Ở các nước độc lập dân tộc vẫn đang diễn ra cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới, chống việc sử dụng kinh tế tri thức và toàn cầu hóa để tăng cường bóc lột nhằm thoát khỏi sự kiềm chế của chủ nghĩa đế quốc và các công ty độc quyền siêu quốc gia, giữ vững chủ quyền dân tộc, làm chủ tài nguyên, chống lại nghèo nàn lạc hậu và nô dịch, đáp ứng yêu cầu của đời sống nhân dân.

Ở Việt Nam cuộc đấu tranh giành chính quyền đã được thực hiện. Hiện nay cách mạng Việt Nam đang thực hiện hai nhiệm vụ : xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược đó, Đảng ta đã chỉ ra cả thời cơ và thách thức, đồng thời vạch ra phương hướng tận dụng thời cơ và đương đầu với thách thức.

Để tận dụng thời cơ do nền kinh tế tri thức mang lại, Đảng ta đã chỉ ra trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cần kết hợp quá trình tuần tự và đón đầu, từng bước phát triển kinh tế tri thức. Đại hội IX của Đảng đã quyết định : "Nâng cao hàm lượng tri thức trong các nhân tố kinh tế văn hóa, từng bước phát triển kinh tế tri thức".

Để tận dụng mặt tích cực của toàn cầu hóa, Đảng ta chủ trương : "Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường".

Đồng thời Đảng ta cũng chỉ ra 4 nguy cơ hiện nay của cách mạng Việt Nam : tụt hậu về kinh tế, chệch hướng xã hội chủ nghĩa, tham nhũng và quan liêu, diễn biến hòa bình.

Cuộc đấu tranh trong thời kỳ quá độ là cuộc đấu tranh nhằm :

- Chống lại sự chống phá cách mạng của các thế lực thù địch ngoài nước và trong nước.
- Xây dựng nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Xây dựng nền văn hóa, đạo đức xã hội chủ nghĩa.
- Xây dựng nền dân chủ và kỷ luật xã hội chủ nghĩa.

Thực chất cuộc đấu tranh đó cũng là cuộc đấu tranh chống lại những nguy cơ mà Đảng ta đã nêu ra. Những nguy cơ đó được nảy sinh từ những yếu kém của ta và từ những hoạt động, tác động chống phá của các thế lực thù địch.

Xu thế của thời đại là hội nhập, hợp tác và phát triển. Không một quốc gia nào đứng ngoài xu thế đó mà có thể xây dựng thành công đất nước.

Nhưng mặt khác cũng phải thấy rằng, ngày nay tuy thế giới đang hình thành một chỉnh thể, nhưng chỉnh thể này không bao giờ thuần nhất cả, nghĩa là một chỉnh thể vừa thống nhất vừa đối lập, vừa hòa hoãn vừa đối đầu, vừa hợp tác vừa đấu tranh, vì thế giới vẫn phân chia thành giàu - nghèo, vẫn có sự khác biệt sâu sắc giữa hai chế độ. Cho nên, cuộc đấu tranh về tư tưởng, lối sống, đấu tranh kinh tế và đấu tranh quân sự là hệ quả tất yếu của thực trạng thế giới ngày nay.

Thời đại tuy có nhiều cái mới, nhưng những cái mới đó chưa hề thay đổi bản chất của chủ nghĩa tư bản, thay đổi nội dung của thời đại và làm mất sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Vì vậy, hội nhập, hợp tác không loại trừ đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc. Muốn hội nhập hợp tác có hiệu quả thì phải biết đấu tranh trong quá trình hội nhập và hợp tác và trước hết phải có thực lực. Muốn có thực lực thì phải đoàn kết toàn dân. ❑

Digitized by Google

DÂN CHỦ, ĐOÀN KẾT DƯỚI ÁNH SÁNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG

NGUYỄN THANH BÌNH *

NGHỊ quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đặc biệt nhấn mạnh vấn đề phát huy truyền thống vẻ vang và ***sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc,*** vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, *dân chủ*, văn minh. Dân chủ là một nội dung mới trong mục tiêu chiến lược mà Đại hội đề ra và đã được gắn kết một cách chặt chẽ với ***phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc***. Có thể rút gọn lại thành như một cặp phạm trù thống nhất ***dân chủ*** và ***đoàn kết***. Có thể nói, dân chủ và đoàn kết chính là một trọng điểm nổi bật nhất trong đường lối của Đảng, là động lực, đồng thời cũng là mục tiêu có quan hệ biện chứng với nhau, bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng, của công cuộc đổi mới đất nước ta trong thế kỷ mới và thiên niên kỷ mới.

Những yếu tố dân chủ, tinh thần dân chủ, truyền thống "lấy dân làm gốc", coi trọng dân vốn đã hình thành trong lịch sử mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Đảng ta, mà người sáng lập và rèn luyện là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã có nhận thức rất sớm và sâu sắc về vấn đề dân chủ. Di sản tinh thần mà Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta, bao gồm rất nhiều lĩnh vực, trong đó nổi bật là tư tưởng về dân chủ và tư tưởng về đoàn kết. Đọc toàn bộ tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta thấy rằng vấn đề dân chủ và vấn đề đoàn kết chiếm vị trí quan trọng. Người đề cập đến vấn đề dân chủ và đoàn kết trong rất nhiều bài viết, bài nói của mình. Theo Người, dân chủ là ***dân là chủ*** : "nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ" ; dân chủ là ***dân làm chủ*** : "nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ".

Cần phải khẳng định rằng, chiều sâu, cội nguồn tư tưởng của Hồ Chí Minh về dân chủ bắt nguồn từ quan niệm đúng đắn của Người về nhân dân. Theo Người, nhân dân là ***các tầng lớp*** công nhân, nông dân, lao động trí óc, các nhà công thương, đồng bào thiểu số - ai nấy hãy làm tròn nhiệm vụ của ***người công dân - người chủ của nước nhà.***

Là vị cha già của cả dân tộc, người sáng lập Mặt trận dân tộc thống nhất, người lãnh đạo nhân dân giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh hiểu một cách sâu sắc nội dung và tầm quan trọng của sự đoàn kết. Đoàn kết để tạo sức mạnh giải phóng dân tộc, để giải phóng nhân dân khỏi ách áp bức, bóc lột, để đuổi giặc ngoại xâm và để xây dựng đất nước. Và thực hiện tất cả các điều đó là nhằm mục tiêu cuối cùng để "dân là chủ" và "dân làm chủ". Người nói :

* Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Digitized by Google

"Dân là gốc của nước, của cách mạng"

"Dễ mười lần không dân cũng chịu

Khó trăm lần dân liệu cũng xong"

hay "Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được

Dân chúng không ủng hộ, việc gì cũng không xong"

Bởi vậy, dân chủ là dựa vào lực lượng quần chúng, đi đúng đường lối quần chúng, để đoàn kết quần chúng thành "đồng lòng".

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ sức mạnh của sự đoàn kết : trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân. Người nhấn mạnh : có phát huy dân chủ đến cao độ thì mới động viên được tất cả lực lượng của nhân dân đưa cách mạng tiến lên. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh đã đi tới kết luận : thực hành dân chủ là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn, trong đó có vấn đề đoàn kết.

Vấn đề dân chủ theo tư tưởng Hồ Chí Minh thực chất và xét đến cùng là vấn đề con người, quyền con người. Trong bản Tuyên ngôn độc lập năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc lại một chân lý : "Tất cả mọi người đều sinh ra ***có quyền bình đẳng***. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được ; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc". Ở đây chúng ta thấy, mỗi người trước khi thuộc về một tầng lớp xã hội nào đó thì trước hết và sau hết họ ***là con người,*** và ở khía cạnh ấy "ai cũng có quyền bình đẳng". Bởi vì, trong quan niệm của Hồ Chí Minh, nhân dân vừa có nghĩa là người công dân chính trị, thành viên của quốc gia dân tộc, mà còn có nghĩa là ***con người nói chung***. Tư tưởng phương Tây về quyền con người đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh phân tích tiếp thu hòa quyện một cách sâu sắc hơn bằng triết lý phương Đông về con người. Người khẳng định : nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì. Cái "nghĩa lý gì" là ở chỗ dân - con người có hạnh phúc, tự do, dân chủ hay không. Hồ Chí Minh đòi hỏi chúng ta phải hết sức thực hiện những cải cách xã hội để thực hiện dân chủ thực sự. Phải cải cách xã hội trên cái trục vì con người, quyền con người. Do vậy, dân chủ không phân biệt với người nào cả, miễn là họ không vi phạm quyền của người khác và họ là con người. Và như vậy, theo tư tưởng Hồ Chí Minh cần phải đoàn kết giữa những con người với nhau. Dân chủ mang đậm tính nhân văn, bản chất con người. Có hiểu như vậy, chúng ta mới xây dựng được một xã hội ngày càng minh bạch, cởi mở và khoan dung hơn.

Một vấn đề quán xuyến trong tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh là, do dân chủ là mọi tầng lớp nhân dân làm chủ nên thực hiện dân chủ là không phân biệt tầng lớp nào, mọi người đều bình đẳng. Có như vậy mới phát huy được sức mạnh toàn dân tộc, mới thực hiện được đại đoàn kết toàn dân. Đến lượt mình, thực hiện được đại đoàn kết toàn dân thì mới thúc đẩy được dân chủ, hiện thực hóa được dân chủ và đưa dân chủ lên một tầm cao mới cả về bề rộng lẫn chiều sâu ; thực hiện dân chủ là sự bảo đảm để đoàn kết xã hội ; thực hiện đoàn kết là để dân chủ được bảo đảm trên thực tế ; dân chủ và đoàn kết vừa có tính trật tự trước sau vừa tác động qua lại và vừa phải thực hiện đồng thời với nhau. Tư tưởng đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh về dân chủ và đoàn kết đã đang là ngọn đuốc dẫn đường cho chúng ta mãi mãi về sau.

Vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và đoàn kết, Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam - Đại hội của Trí tuệ, Dân chủ, Đoàn kết, Đổi mới - đánh dấu một bước

Digitized by Google

trưởng thành mới của Đảng về lý luận, trong đó có lý luận về đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp gắn với dân chủ và đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh toàn dân tộc. Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội IX, trong tương quan giữa đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp là đại đoàn kết toàn dân và phát huy sức mạnh toàn dân tộc. Đương nhiên Đảng ta vẫn coi trọng đấu tranh giai cấp nhưng với nội dung và hình thức mới trong điều kiện mới. Khoa học và công nghệ là những động lực quan trọng, ***song Đảng ta khẳng định động lực quyết định nhất*** là phát huy sức mạnh toàn dân tộc trên cơ sở dân chủ và đại đoàn kết để thúc đẩy dân tộc ta phát triển theo hướng dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân gắn liền với việc phát huy dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, thu hút trí tuệ và sức lực của toàn dân vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nghị quyết Đại hội cũng nhấn mạnh rằng ***dân chủ dù là tiền đề để phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, nhưng dân chủ và đoàn kết phải được thực hiện song song với nhau.*** Tiếp tục khẳng định đoàn kết toàn dân là sức mạnh vô địch, Đảng ta chủ trương dân chủ để thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong đảng và người ngoài đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay định cư ở nước ngoài. Đây là một sự đổi mới tư duy lý luận về dân chủ và đoàn kết hết sức quan trọng của Đảng ta, là thể hiện và phù hợp với tư duy của thời đại mới.

Trong nội dung phát huy dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, thì phát huy dân chủ trên lĩnh vực kinh tế có nội hàm mới, quan trọng và là nền tảng cơ bản. Nền kinh tế thị trường với tư cách là tổ hợp đa dạng các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp với quy mô, tính chất, trình độ khác nhau... càng phải đòi hỏi sự dân chủ, sự cạnh tranh bình đẳng, không có sự phân biệt nào. Nói một cách khác ngắn gọn hơn thì ***sự cạnh tranh bình đẳng và lành mạnh cũng chính là thể hiện phần nào đó sự dân chủ và đoàn kết.*** Việc Nhà nước ta đang tiến hành từng bước điều chỉnh để thống nhất môi trường kinh doanh và chống độc quyền, phá bỏ những rào cản và những phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, bảo đảm các thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật, được nhà nước khuyến khích phát triển là thể hiện sự quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về dân chủ và đoàn kết vào trong thực tiễn kinh tế đất nước. Nền kinh tế thị trường gắn liền với việc phát triển thương mại điện tử xuyên quốc gia là những biểu hiện mới trong nền kinh tế thế giới hiện đại, gắn liền với việc phát triển các loại thị trường, trong đó có thị trường khoa học, công nghệ. Thị trường khoa học và công nghệ được hình thành có nghĩa là quyền sở hữu trí tuệ được thực hiện về mặt kinh tế trong điều kiện kinh tế hàng hóa phát triển, thúc đẩy nước ta có những bước phát triển nhanh chóng và nhảy vọt. Vì vậy, hơn bao giờ hết và hơn ở đâu hết, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần phải có và bảo đảm được sự dân chủ trong kinh tế. Đến lượt mình điều đó sẽ là bảo đảm dân chủ và đoàn kết trên thực tế, là cơ chế tạo sức mạnh toàn dân tộc cả về vật chất và trí tuệ cho xây dựng đất nước. Như vậy, dân chủ và đoàn kết vừa là động lực vừa là mục tiêu của công cuộc đổi mới. ❑

Digitized by Google

ĐƯA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀO CUỘC SỐNG, HOẠT ĐỘNG CỦA THANH NIÊN VÀ PHONG TRÀO THANH NIÊN

ĐẶNG CẢNH KHANH *

NHỮNG nghiên cứu xã hội học thanh niên gần đây đã cho thấy, trong điều kiện của cơ chế thị trường, chính những lo toan hằng ngày tới đời sống kinh tế, lao động, việc làm đã khiến cho một bộ phận không nhỏ thanh niên ít có điều kiện quan tâm tới việc học tập, nâng cao nhận thức chính trị tư tưởng.

Trong bối cảnh đó, mặc dù hết sức tôn kính và yêu mến Chủ tịch Hồ Chí Minh nhưng trên thực tế, thanh niên lại ít có điều kiện tìm hiểu, học tập một cách sâu sắc về những tư tưởng của Người. Phần lớn thanh niên hiện nay, nhận thức về Bác qua tấm gương hy sinh quên mình cho Tổ quốc, qua cuộc sống đạo đức trong sáng và giản dị đối với dân, với nước nhưng lại thiếu sự hiểu biết thật sâu sắc, khoa học và hệ thống về những tư tưởng vĩ đại của Người. Bởi vậy, việc giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp tư duy Hồ Chí Minh, đưa tư tưởng và phương pháp tư duy Hồ Chí Minh vào đời sống và hoạt động thực tiễn của thanh niên cũng như phong trào thanh niên hiện nay trở thành một nhu cầu hết sức cần thiết, một đòi hỏi chính đáng của thanh niên.

1. Mục tiêu cơ bản của việc đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào đời sống, hoạt động của thanh niên và phong trào thanh niên.

Một trong những mục tiêu cơ bản của việc giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh, đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống, hoạt động của thanh niên và phong trào thanh niên là giúp thanh niên có được những hiểu biết thực sự đúng đắn về tư tưởng Hồ Chí Minh, chuyển từ những nhận thức cảm tính, mang tính tình cảm, sang những nhận thức tự giác, khách quan, khoa học.

Tạo điều kiện để thanh niên có thể nhận thức một cách hệ thống những cơ sở khoa học, về lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh ; hiểu được những nguyên tắc cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, những sáng tạo khoa học của Người trong việc xây dựng đường lối cách mạng, chỉ đạo hoạt động thực tiễn, những tư tưởng vĩ đại của Người về tự do, độc lập cho dân tộc, về xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân, về xây dựng Đảng trong sạch xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ trung thành của nhân dân, những nguyên tắc trong việc củng cố khối đoàn kết toàn dân, không ngừng chăm lo đến đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân, coi đó là yếu tố quan trọng tạo ra động lực cho mọi thắng lợi của cách mạng v.v...

Khác với tư tưởng khoa học của nhiều nhà lý luận cách mạng khác, tư tưởng Hồ Chí Minh luôn gắn liền với những vấn đề rất thiết thực và cụ thể của thực tiễn và do vậy mang tính chỉ đạo thực tiễn rất cao. Bởi vậy, việc đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống hoạt động thực tiễn của thanh niên và phong trào thanh niên sẽ góp phần quan trọng vào việc định hướng các hoạt động cụ thể của thanh niên cũng như các cơ sở Đoàn. Việc vận dụng một cách đúng đắn tư tưởng Hồ Chí Minh trong các hoạt động của cuộc sống sẽ góp phần giúp thanh niên nâng cao ý thức cách mạng, phát huy tính tự giác, khả năng sức mạnh của mình, xử lý một cách

* PGS, TS Viện trưởng Viện nghiên cứu thanh niên

Digitized by Google

đúng đắn những mối quan hệ xã hội phức tạp hiện nay.

Đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động sống của thanh niên và phong trào thanh niên cũng chính là phương thức tốt nhất và có hiệu quả nhất để chuyển tiếp tư tưởng quý báu của Người cho thế hệ trẻ, biến tư tưởng của Người thành kim chỉ nam cho mọi hoạt động cách mạng của các thế hệ mai sau.

Những năm gần đây, với việc mở rộng hệ thống đề tài nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta đã có được kiến thức khá đầy đủ, toàn diện và hệ thống về tư tưởng cách mạng và nhân văn của Người. Điều này đã giúp chúng ta có được định hướng đúng đắn trong tư duy chính trị, xác định chiến lược xây dựng và phát triển đất nước, đồng thời tạo điều kiện để truyền dạy những giá trị tư tưởng quý báu của Người cho thế hệ trẻ. Có thể nói, chưa bao giờ chúng ta lại có điều kiện thuận lợi như hiện nay, cả về vật chất và tinh thần, chính trị và khoa học để đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cuộc sống của thanh niên và phong trào thanh niên.

2. Nắm vững phương pháp tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác giáo dục, bồi dưỡng thanh niên là nguyên tắc phương pháp luận cơ bản để đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cuộc sống hoạt động của thanh niên và phong trào thanh niên.

Để đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cuộc sống hoạt động của thanh niên và phong trào thanh niên, nguyên tắc cơ bản đầu tiên là phải học tập, nắm vững và vận dụng một cách đúng đắn, sáng tạo tư tưởng chỉ đạo của Người về công tác giáo dục, bồi dưỡng thanh niên, trong đó tập trung vào những điểm chính sau :

Kết hợp giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh cho thanh niên với nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò của thanh niên trong thực tiễn cách mạng xây dựng và phát triển đất nước, đặt niềm tin ở thanh niên và trao cho họ những trách nhiệm xứng đáng với vai trò của họ. Chúng ta đều nhớ luận điểm của Bác là "muốn hồi sinh dân tộc trước hết phải hồi sinh thanh niên". Đây là luận điểm xuyên suốt cần được ghi nhớ trong quá trình giáo dục, bồi dưỡng thanh niên. Chỉ có đặt niềm tin ở thanh niên, chúng ta mới có thể không chỉ tạo điều kiện để họ đóng góp tích cực vào công cuộc cách mạng xây dựng và phát triển đất nước mà còn tạo cho họ sự tự tin, giúp họ nhận thức được một cách đúng đắn về tư tưởng Hồ Chí Minh.

Giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh cho thanh niên kết hợp với giáo dục lý tưởng cách mạng : độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Theo quan điểm của Bác, lý tưởng cách mạng bao giờ cũng rất gần gũi với thanh niên. Nó không hề là những lý luận cao siêu, xa vời mà luôn biểu hiện thật cụ thể, rõ ràng. Bác nhắc khuyên thanh niên, học sinh, sinh viên yêu Tổ quốc, yêu đồng bào, yêu lao động, yêu kỷ luật, yêu khoa học và yêu chủ nghĩa xã hội... Cũng như đối với tất cả các cán bộ, đảng viên, Bác khuyên : "trung với nước, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc".

Chính việc tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng sẽ tạo cơ sở để thanh niên tiếp thu tư tưởng Hồ Chí Minh một cách tự nhiên, thuận lợi và ngược lại việc giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ giúp họ có được ý thức tự giác, tình cảm cách mạng, sự chủ động tham gia tích cực và có hiệu quả vào các phong trào hành động cách mạng, thực hiện lý tưởng cao đẹp của mình.

Giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh cho thanh niên gắn liền với việc nêu gương "người tốt việc tốt", đồng thời giáo dục về chính tấm gương sống, chiến đấu, hy sinh quên mình vì Tổ quốc và nhân dân của Bác. Chúng ta đều biết, một trong những phương thức giáo dục thanh thiếu niên mà Bác đã luôn nhắc nhở chúng ta là phải nêu các tấm gương "người tốt, việc tốt" cho thanh thiếu niên. Sinh thời Bác luôn coi việc chăm lo xây dựng các điển hình tiên tiến, biểu dương, khen thưởng kịp thời những tấm gương "người tốt, việc tốt" để những lớp người trẻ tuổi có thể học tập và noi theo. Trên thực tế, chính

Digitized by Google

những tấm gương người thật, việc thật được Bác biểu dương, khen ngợi đã trở thành những mẫu mực cho cả một thế hệ thanh niên mang tên Bác phấn đấu, rèn luyện, noi theo.

Bản thân Bác cũng tự mình rèn luyện, gương mẫu trong đời sống hằng ngày để làm gương cho thế hệ trẻ. Bởi vậy mà chính cuộc đời giản dị nhưng phi thường của Bác cũng là những khuôn mẫu giáo dục không gì có thể sánh được để truyền dạy cho thế hệ trẻ.

Để đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống hoạt động của thanh niên và phong trào thanh niên, cần khẳng định sức sống của tư tưởng Hồ Chí Minh trong chính môi trường sống xã hội rộng lớn, phải xã hội hóa công tác giáo dục bồi dưỡng thế hệ trẻ. Các hoạt động của thanh niên và phong trào thanh niên luôn thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta phải tạo ra bầu không khí xã hội mới trong đó các hoạt động của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể, cộng đồng, gia đình và mỗi người dân đều thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động. Cần tạo cho thế hệ trẻ lớn lên, sống, suy nghĩ hoạt động trong bầu không khí lành mạnh và trong sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh trong xã hội.

Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về tư tưởng Hồ Chí Minh, là phương thức tự nhiên để xã hội hóa việc giáo dục, bồi dưỡng tư tưởng Hồ Chí Minh cho thế hệ trẻ. Ở đây, việc thực hiện công thức mà Bác đã nêu lên về việc phải kết hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ là hết sức quan trọng.

Một trong những yếu tố quan trọng để giáo dục, bồi dưỡng tư tưởng Hồ Chí Minh cho thanh thiếu niên là phải tăng cường vai trò và sức mạnh của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức thanh niên, đặc biệt là chức năng đoàn kết tập hợp và giáo dục thanh thiếu niên của các tổ chức nói trên. Về phương diện này, chính Bác đã từng dạy chúng ta rằng để giáo dục thế hệ trẻ thì phải thông qua hoạt động của các tổ chức đoàn thể cách mạng, thông qua "đấu tranh xã hội". Vì vậy, Bác đã luôn quan tâm đến việc xây dựng, củng cố và phát triển các tổ chức đoàn thể cách mạng của thế hệ trẻ, coi đó là phương thức tốt nhất để rèn luyện các thế hệ cách mạng cho đời sau. Trên thực tế, chính Bác đã là người chủ trì việc sáng lập Đoàn Thanh niên Cộng sản, Hội Liên hiệp thanh niên, Đội Nhi đồng và Đội Thiếu niên Tiền phong, trực tiếp theo dõi chỉ đạo hoạt động của các tổ chức thanh thiếu niên trên trong việc bồi dưỡng giáo dục tinh thần cách mạng, ý chí chiến đấu kiên cường cho thế hệ trẻ..

Thực hiện lời dạy của Bác, để đẩy mạnh công tác giáo dục bồi dưỡng thanh thiếu niên, trong đó có giáo dục bồi dưỡng về tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta phải không ngừng củng cố, phát huy vai trò của Đoàn Thanh niên và các tổ chức thanh niên dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong đó, hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phải được coi là hạt nhân của phong trào thanh niên. Kinh nghiệm thực tế những năm gần đây cho thấy, ở nơi nào cơ sở đoàn vững mạnh, các hoạt động của Đoàn phong phú, đa dạng và thiết thực, nơi đó Đoàn sẽ có sức cuốn hút thanh niên, góp phần tích cực vào việc giáo dục chính trị tư tưởng cho thanh niên. Về phương diện này, để đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống thực tiễn của thanh niên và phong trào thanh niên, các giải pháp từ phía Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là hết sức quan trọng.

3. Về các giải pháp để đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống, hoạt động của thanh niên và phong trào thanh niên.

Thực tế cách mạng nước ta đã cho thấy thanh niên ta, dù ở nhóm xã hội nào, hoàn cảnh và điều kiện sống ra sao cũng đều một lòng tôn kính và yêu mến Chủ tịch Hồ Chí Minh, không phải chỉ vì Người là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc mà còn vì tư tưởng, phong cách sống và phương pháp tư duy của Người đặc biệt gần gũi với thanh niên. Đã không hề có một sự xa cách nào trong các cuộc tiếp xúc gặp gỡ giữa các đối tượng thanh niên với Bác Hồ kính yêu. Chỉ biết rằng trong tất cả các cuộc tiếp xúc như vậy, khoảng cách giữa một nguyên thủ quốc gia với

Digitized by Google

những người trẻ tuổi là hoàn toàn không còn nữa và tất cả những người trẻ tuổi này đều cảm thấy lớn dậy, tự tin và mạnh mẽ hơn. Chính điều này cũng là một đặc trưng kỳ lạ ở phương pháp công tác tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một đặc trưng được tạo thành không chỉ ở những tư tưởng lớn mà còn ở những nhân cách lớn như Hồ Chí Minh.

Vì vậy, có thể nói, đối với thế hệ những người trẻ tuổi, việc tiếp nhận tư tưởng Hồ Chí Minh bao giờ cũng là một công việc thật tự nhiên, thật dễ dàng. Điều này đã tạo ra một sự thuận lợi tất yếu và tự nhiên trong việc truyền dạy tư tưởng Hồ Chí Minh cho thanh niên, đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống và hoạt động thực tiễn của họ.

Để nâng cao hiệu quả của công tác giáo dục, bồi dưỡng tư tưởng Hồ Chí Minh, đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cuộc sống của thế hệ trẻ, chúng ta phải thống nhất được những quan điểm chung nhất, từ xây dựng kế hoạch đến chỉ đạo thực hiện từ trung ương tới địa phương, cơ sở ; hình thành một cơ chế hợp lý nhằm phát huy sức mạnh của nhà nước, chính quyền, đoàn thể, nhà trường, gia đình và cộng đồng, làm cho công tác giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh cho thanh thiếu niên trở thành một nhiệm vụ quan trọng của toàn xã hội.

Phần lớn đối tượng thanh, thiếu niên đều ở vào lứa tuổi còn đi học hoặc vừa học vừa làm, do vậy ***công tác giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh một cách hệ thống và chính quy trong nhà trường là hết sức quan trọng và cần thiết.*** Việc giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống giáo dục quốc dân trên thực tế có rất nhiều mặt mạnh do tính quy củ, chặt chẽ từ khâu biên soạn giáo trình, thực hiện giảng dạy chuyên sâu, đến khâu kiểm tra, thi cử bắt buộc. Có thể coi đây là một môi trường giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh rất tốt và có hiệu quả cho thanh, thiếu niên. Về phương diện này, phát huy những mặt mạnh của hệ thống giáo dục chính quy, chúng ta cần sớm nghiên cứu thống nhất được một chương trình giảng dạy chính quy về tư tưởng Hồ Chí Minh trong trường học, phối hợp lồng ghép việc giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh vào các môn học quan trọng khác với một dung lượng cần thiết và tương xứng với đòi hỏi của thực tế.

Trong những điều kiện của xã hội hiện đại, chúng ta cần tăng cường hơn nữa việc vận dụng sức mạnh của hệ thống các kênh truyền thông đại chúng vào việc truyền bá tư tưởng Hồ Chí Minh sâu rộng trong xã hội, đặc biệt là trong thế hệ trẻ. Cải tiến và đổi mới các hoạt động truyền thông từ việc biên soạn nội dung đến thay đổi hình thức biểu đạt, từ khâu chuẩn bị chương trình tới khâu phổ biến và phát hành chương trình, để các chương trình truyền thông về tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng phong phú đa dạng, sát thực với những nhu cầu và đòi hỏi của thanh thiếu niên. Nâng cao năng lực và hiệu quả của các phương tiện truyền thông, báo chí, phát thanh, truyền hình, xuất bản thuộc hệ thống của Đoàn, Hội, Đội, với những nội dung gắn liền với nhận thức và hành vi của lớp người trẻ tuổi để công tác truyền thông về tư tưởng Hồ Chí Minh cho thanh niên ngày càng thiết thực và hiệu quả hơn. Cần tạo điều kiện để các chương trình truyền thông về tư tưởng Hồ Chí Minh có được những phương tiện kỹ thuật cần thiết, những thời lượng truyền thông thích đáng trong hệ thống các kênh truyền thông đại chúng.

Xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ và những đặc trưng riêng của mình trong công tác, ***Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức thanh niên cần trở thành lực lượng nòng cốt và quan trọng nhất trong tổ chức, phối hợp và thực hiện giáo dục, bồi dưỡng tư tưởng Hồ Chí Minh cho thế hệ trẻ.***

Tăng cường và mở rộng các hình thức tuyên truyền giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh thông qua những hoạt động thực tiễn của công tác Đoàn, Hội, Đội. Tổ chức các hình thức sinh hoạt, học tập, nói chuyện đa dạng, phong phú về cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác cũng như những tư tưởng chủ đạo của Người về từng lĩnh vực cụ thể của cuộc sống tại các tổ chức cơ sở của Đoàn Thanh niên ; mở các diễn đàn

Digitized by Google

sinh hoạt, hội nghị, hội thảo để thanh niên có thể tham gia học tập, trao đổi tiếp thu và nâng cao nhận thức về tư tưởng Hồ Chí Minh. Lồng ghép những nội dung giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh vào các hình thức sinh hoạt văn hóa, vui chơi, giải trí, các diễn dàn thanh niên.

Sớm xây dựng mạng lưới giáo dục, truyền thông về tư tưởng Hồ Chí Minh có tổ chức, ổn định, rộng khắp và đa dạng, trong đó tập hợp được đội ngũ những tuyên truyền viên có trình độ tham gia để đưa công tác giáo dục bồi dưỡng tư tưởng Hồ Chí Minh cho thanh thiếu niên vào từng địa phương cơ sở, từng đối tượng thanh niên. Hình thành các Đội thanh niên tuyên truyền xung kích, Đội tuyên truyền măng non trên lĩnh vực truyền thông, cổ động cho việc tìm hiểu, thực hiện và hành động theo tấm gương và tư tưởng của Bác Hồ. Tổ chức tập huấn thường xuyên cho các tuyên truyền viên về tư tưởng Hồ Chí Minh, mở rộng các cuộc thi tìm hiểu, thi tuyên truyền viên tư tưởng Hồ Chí Minh ở các tổ chức Đoàn, Hội, Đội, thu hút ngày càng đông đảo sự tham gia học tập, nghiên cứu và ứng xử xã hội của thanh thiếu niên theo lời dạy của Bác.

Tư tưởng Hồ Chí Minh, về bản chất, luôn rất gần gũi và thiết thực với cuộc sống của thanh niện. Do vậy các hình thức và biện pháp giáo dục, bồi dưỡng tư tưởng Hồ Chí Minh không thể cứng nhắc và khô khan mà cần đa dạng, phong phú, phù hợp, sát thực với từng đối tượng cụ thể, theo tinh thần mà Bác đã từng dạy "học mà chơi, chơi mà học".

Bồi dưỡng và giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh cho thế hệ trẻ là một công việc quan trọng, cần thiết và thường xuyên, lâu dài, do đó luôn đòi hỏi chúng ta vừa phải có sự quyết tâm, kiên trì, vừa phải tìm tòi, phát hiện và sáng tạo ra những phương thức hoạt động mới. Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể làm tròn trách nhiệm trước lịch sử trong việc gìn giữ và truyền dạy tư tưởng cách mạng và nhân đạo vĩ đại của Bác Hồ cho những thế hệ mai sau, đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cuộc sống. ❑

TIẾP TỤC THỰC HIỆN...

(Tiếp theo trang 10)

ngành, UBND địa phương đã không thực hiện đúng quy định đó ; cũng có trường hợp hỏi ý kiến một cách qua loa, hình thức, doanh nghiệp cứ phát biểu, cơ quan soạn thảo cứ giữ ý kiến của mình mà không đưa ra được lý do nào đủ thuyết phục. Tình trạng này phải được nghiêm túc khắc phục.

Bên cạnh đó, các bộ, ngành cần tổ chức theo dõi sát việc thi hành các cơ chế, chính sách thuộc phạm vi chức năng của mình để uốn nắn những lệch lạc, sai trái của doanh nghiệp ; lắng nghe ý kiến phản hồi của doanh nghiệp về những cơ chế, chính sách đó, kịp thời tổ chức đối thoại để cùng nhau tìm ra giải pháp thỏa đáng và nếu cần thì bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh cho phù hợp với thực tiễn và theo đúng pháp luật.

*

* *

Cuối cùng, xin được nhấn mạnh : ***yêu cầu đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, hoàn thành kế hoạch năm 2001 và kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là rất bức xúc, đòi hỏi sự nỗ lực vươn lên rất cao của các doanh nghiệp, nhất là từ nay đến cuối năm.*** Về phía mình, Thủ tướng và các bộ, ngành sẽ tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách theo đúng tư duy đổi mới. Chính phủ sẽ đẩy mạnh hơn nữa cuộc cải cách hành chính, phấn đấu xây dựng thể chế hành chính phù hợp với đòi hỏi của thể chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng với một bộ máy hành chính tinh gọn có năng lực và đội ngũ công chức trong sạch. Chính phủ và doanh nghiệp cùng tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ chế "đối thoại và hợp tác", tất cả vì yêu cầu phát triển của doanh nghiệp, vì sự phồn vinh của đất nước và hạnh phúc của nhân dân. ❑

Digitized by Google

Thị trường trong nước là động lực quan trọng để kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững

NGUYỄN ĐÌNH BÍCH *

TRONG những năm đổi mới vừa qua, thị trường nước ta đã có những bước phát triển nhanh chóng và lượng hàng hóa cung cấp cho xuất khẩu hầu như liên tục tăng. Từ năm 1996, trạng thái dư thừa hàng hóa đã bắt đầu xuất hiện, tình trạng giảm phát diễn biến theo xu hướng ngày càng bất lợi cho nền kinh tế. Sự tăng trưởng chậm lại của nền kinh tế trong 5 năm qua cũng bắt nguồn từ chính tình trạng đó. Do vậy, phát triển thị trường, đặc biệt là thị trường trong nước, trở thành yếu tố cực kỳ quan trọng để đạt được mục tiêu Đại hội IX đã đề ra là "tăng trưởng cao, bền vững và có hiệu quả" (1).

I - Thực trạng thị trường thời kỳ 1991 - 2000.

Qua các số liệu thống kê, sự phát triển của thị trường nước ta thể hiện trên hai mặt :

Một là, xuất khẩu năm 2000 đạt 14,308 tỉ USD, tăng gấp 5,95 lần so với 2,404 tỉ USD năm 1990, bình quân tăng 19,52%/năm ; nếu so với mức tăng gấp 2,07 lần GDP trong cùng kỳ (tính theo giá so sánh năm 1994, GDP năm 1990 là 131 968 tỉ đồng, năm 2000 ước đạt 273 439 tỉ đồng), thì xuất khẩu tăng nhanh gấp 2,87 lần.

Hai là, ở thị trường trong nước, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trong cùng kỳ còn tăng cao hơn rất nhiều, năm 2000 ước đạt 219 400 tỉ đồng, tăng gấp 11,53 lần so với 19 031 tỉ đồng năm 1990, hay tăng bình quân 27,70%/năm. Như vậy, so với mức tăng 2,07 lần của GDP, thì tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ở thị trường trong nước còn tăng nhanh hơn, gấp 5,57 lần.

Nhìn các số liệu trên, không thể phủ nhận vai trò động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển của thị trường ngoài nước, nhưng để có nhịp độ tăng trưởng đó, thị trường trong nước có vai trò mạnh hơn gấp bội.

Nếu xem xét một cách chi tiết hơn, có thể thấy, vai trò của từng thị trường thăng trầm rất khác nhau trong một thập kỷ qua.

Các số liệu thống kê cho thấy, biên độ dao động của nhịp độ tăng trưởng xuất khẩu là rất lớn : "rơi xuống điểm đáy" lần thứ nhất (-13,2%) năm 1991 do cuộc khủng hoảng của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trước đây, leo lên mức trung bình trong hai năm 1992 - 1993 (23,7% và 15,7%) và liên tục vươn lên đỉnh cao 35,8% năm 1994, 34,4% năm 1995 và 33,2% năm 1996, sau đó giảm khá mạnh xuống 26,6% năm 1997, để rồi lại "rơi xuống điểm đáy" lần thứ hai (1,9%) năm 1998 do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực, còn từ năm 1999 đến nay đã nhanh chóng phục hồi trở lại (năm 1999 đạt 23,3%, năm 2000 đạt 23,9%).

Trong khi đó, chỉ tiêu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ở thị trường trong nước hầu như vẫn còn đang trên đà "trượt dốc không phanh", liên tục giảm rất nhanh từ 75,5% năm 1991 xuống chỉ còn 11,0% năm 1997, năm 1998 nhích lên 14,6%, rồi rơi xuống "điểm đáy" 4,8% trong năm 1999 và năm 2000 cũng chỉ nhích lên được khoảng 12,8%.

Những diễn biến đó của thị trường trong nước và thị trường ngoài nước cho phép khẳng định rằng :

---

* Chuyên viên kinh tế, Bộ Thương mại

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 223

Digitized by Google

Thứ nhất, vai trò động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển của thị trường trong nước hầu như liên tục ở trong trạng thái ngày càng suy yếu hơn : từ chỗ là động lực chủ yếu trong hai năm đầu, đã giảm xuống còn ở mức cao trong hai năm 1993 - 1994, tiếp tục xuống mức khá và trung bình trong các năm 1995, 1996 và 1998, còn trong hai năm 1997 và 2000 thì đã xuống quá thấp, đáng chú ý nhất là năm 1999 thực sự ở mức "suy kiệt". Điều khẳng định này dựa trên cơ sở so sánh nhịp độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ở thị trường trong nước *với nhịp độ* tăng trưởng GDP thì thấy khoảng cách này trong hai năm 1991 - 1992 là 12,99 và 6,13 lần ; trong hai năm 1993 - 1994 là 3,89 và 4,42 lần ; trong các năm 1995, 1996 và 1997 lần lượt là 3,10 ; 2,18 và 2,53 lần ; trong hai năm 1998 và 1999 là 1,35 và 1,91 lần, còn trong năm 2000 chỉ là 1,01 lần.

Thứ hai, ngoại trừ những năm mà khủng hoảng từ bên ngoài tác động đối với nền kinh tế nước ta, thì thị trường ngoài nước vẫn giữ được vai trò động lực mạnh hầu như liên tục trong bảy năm cuối thập kỷ (trừ năm 1998), bởi nhịp độ tăng trưởng xuất khẩu dao động trong khoảng gấp 3,26 - 4,88 lần nhịp độ tăng trưởng GDP.

Thứ ba, trong ba năm 1994 - 1996 khi thị trường ngoài nước đã đạt mức tăng trưởng cao liên tục gần ở mức kỷ lục (dao động trong khoảng 3,55 - 4,05 lần so với GDP) và thị trường trong nước cũng vẫn còn đạt mức tăng trưởng khá (dao động trong khoảng gấp 2,18 - 4,42 lần so với GDP), thì nhịp độ tăng trưởng của GDP ở vào giai đoạn "hoàng kim" của cả thập kỷ (dao động trong khoảng 8,83 - 9,54%).

Nhìn tổng quát, tuy rằng xuất khẩu có phát triển chậm lại ít nhiều trong mấy năm gần đây, nhưng sự yếu đi quá mức của thị trường trong nước, theo chúng tôi, chính là nguyên nhân chủ yếu khiến cho nền kinh tế tăng trưởng chậm lại. Các số liệu cụ thể xem ở bảng sau :

Nhịp độ tăng trưởng của GDP, kim ngạch xuất khẩu, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ở thị trường trong nước (BLTN).

Năm	1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000
GDP	5,09	5,81	8,70	8,08	8,83	9,54	9,34	8,15	5,76	4,77	6,70
Chỉ số giá tiêu dùng (%)	167,1	167,5	117,5	105,2	114,4	112,7	104,5	103,6	109,2	100,1	99,4
XK - Tỉ R-USD	2,404	2,087	2,581	2,985	4,054	5,449	7,256	9,185	9,360	11,540	14,308
- Tăng (%)		-13,2	23,7	15,7	35,8	34,4	33,2	26,6	1,9	23,3	23,9
- So với GDP (lần)		-2,27	2,72	1,94	4,05	3,61	3,55	3,26	0,33	4,88	3,57
BLTN											
- Tỉ đồng	19.031	33.404	51.214	67273	93490	121160	145874	161900	185598	194500	219400
- Tăng (%)		75,5	53,3	31,4	39,0	29,6	20,4	11,0	14,6	4,8	12,8
- So với GDP (lần)		12,99	6,13	3,89	4,42	3,10	2,18	1,35	2,53	1,01	1,91

Nguồn : Tổng cục Thống kê

Từ thực tiễn đó, có thể rút ra hai bài học sau đây :

- *Một là,* thị trường trong nước không phải là một thị trường nhỏ, nếu có được sức mua mạnh của gần 80 triệu dân, thì trong mọi trường hợp cho dù thị trường xuất khẩu bị "trục trặc", khả năng tăng trưởng khá vẫn có thể thực hiện được.

- *Hai là,* trong quá trình phát triển, cần đẩy mạnh xuất khẩu, song do tác động của thị trường ngoài nước (đã từng ảnh hưởng sâu sắc tới sự phát triển của nền kinh tế nước ta), nên muốn phát triển nhanh và bền vững phải kết hợp cả hai nguồn động lực trong và ngoài mới tạo ra được một hợp lực mạnh. Chẳng hạn, sự mạnh đều của thị trường trong nước và thị trường ngoài nước trong ba năm giữa thập kỷ là những năm nền kinh tế đạt nhịp độ tăng trưởng ở giai đoạn đỉnh cao ; ngược lại, sự yếu đi quá mức của thị trường ngoài nước năm 1991 và 1998, sự giảm sút của thị trường trong nước liên tục bốn năm 1997 - 2000, nhất là năm 1999, đã khiến nền kinh tế phát triển chậm hẳn lại.

II - Để kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững.

Theo tính toán của các tổ chức quốc tế, muốn tăng trưởng kinh tế 1% thì thương mại phải tăng khoảng 2,2 - 2,3%. Do đó, với mục tiêu đưa GDP năm 2010 ít nhất lên gấp đôi năm 2000, tức là

Digitized by Google

nhịp độ tăng trưởng kinh tế bình quân ít nhất là 7,2%/năm, thì nhịp độ tăng trưởng của nền thương mại nước ta trong 10 năm tới cũng phải đạt mức bình quân tối thiểu là 16%/năm. Đó là điều không dễ dàng, đòi hỏi có nỗ lực vượt bậc của lĩnh vực thương mại.

Trong các văn kiện Đại hội IX của Đảng, vấn đề phát triển thương mại được thể hiện rõ :

- *Thứ nhất*, về thị trường ngoài nước. Tiếp tục đường lối đã được khẳng định trước đây, trong Báo cáo Chính trị Đại hội IX của Đảng vẫn đề ra đẩy mạnh xuất khẩu, xuất khẩu tăng gấp lên hai lần nhịp độ tăng GDP. Trong Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 đề ra mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu đạt 16%/năm. Như vậy, nếu so với nhịp độ tăng trưởng xuất khẩu 19,52%/năm đã đạt được trong thập kỷ trước, thì dự kiến trong thập kỷ tới là 16%/năm là thấp. Sẽ là bất lợi ở kênh lưu thông do tình trạng ứ đọng sản phẩm khiến nền kinh tế phát triển chậm lại là điều khó tránh khỏi.

Tuy nhiên, vấn đề cốt lõi là ở chỗ : cơ cấu hàng xuất khẩu của nước ta chủ yếu là hàng thô, hàng sơ chế (chiếm tỷ trọng khoảng 60%) ; trong cơ cấu hàng nhập khẩu, nhóm hàng nguyên, nhiên vật liệu vẫn chiếm tỷ trọng khoảng 65 - 70% như trong nhiều năm gần đây. Nghĩa là, chúng ta vẫn đẩy mạnh xuất khẩu dựa trên cơ sở khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên rất hữu hạn của đất nước, trong khi hầu như toàn bộ nền kinh tế lại phụ thuộc rất nặng nề vào nền công nghiệp nguyên liệu của nước ngoài thì xuất khẩu cũng rất khó có thể tăng nhanh. Do đó, vấn đề đặt ra đối với nền ngoại thương nước ta trong thời gian tới là phải nâng cao chất lượng cả xuất khẩu và nhập khẩu để duy trì nhịp độ tăng trưởng xuất khẩu khoảng 16%/năm (trong 10 năm tới).

Để đạt được điều đó, cần đẩy mạnh sản xuất nguyên liệu trong nước để hạn chế nhập khẩu nguyên, nhiên, vật liệu của nước ngoài. Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể dành phần thỏa đáng nguồn ngoại tệ còn rất nhỏ bé cho việc nhập khẩu công nghệ và máy móc, thiết bị hiện đại để trang bị lại cho nền kinh tế. Các ngành công nghiệp chế biến cần đẩy mạnh để tăng nhanh tỷ trọng hàng chế biến xuất khẩu, nhất là hàng chế biến xuất khẩu từ các nguồn nguyên liệu sản xuất trong nước ; hạn chế tình trạng lắp ráp đơn giản, thậm chí chỉ làm nhiệm vụ gia công đơn thuần, hiệu quả rất thấp cho các doanh nghiệp nước ngoài đang tồn tại trong nền kinh tế nước ta.

- *Thứ hai*, về thị trường trong nước. Sự suy yếu của thị trường trong nước là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự tăng trưởng chậm lại của nền kinh tế trong 5 năm qua. Do đó, cùng với việc phát triển tối đa tới mức có thể được của thị trường ngoài nước, cần gấp rút củng cố thị trường trong nước. Đây chính là một khâu mấu chốt để tạo nên hợp lực đủ mạnh thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững. Điều tra mức sống dân cư của Tổng cục Thống kê cho thấy, năm 1999, thu nhập bình quân đầu người một tháng tính theo giá hiện hành của chung cả nước là 295 nghìn đồng, tăng 30,1% so với năm 1996, bình quân tăng 9,2%/năm. Như vậy, xét trên quy mô tổng thể nền kinh tế, việc chỉ tiêu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ở thị trường trong nước hiện đang tăng chậm chính là do nguyên nhân sức mua yếu của thị trường nông thôn. Có thực tế là, ở khu vực nông thôn, đất đai chưa được khai thác hợp lý, năng suất lao động còn rất thấp, tỷ giá cánh kéo giữa hàng công nghiệp và dịch vụ với hàng nông sản ngày càng doãng rộng, bất lợi cho người nông dân. Cuộc điều tra trên cho thấy kết quả đáng lo ngại là, trong vòng 3 năm 1996 - 1999, thu nhập của dân cư khu vực nông thôn từ sản xuất công nghiệp và dịch vụ chẳng những không tăng mà còn giảm xuống. Cụ thể, nếu như thu nhập từ hai ngành sản xuất này năm 1996 chiếm 16,6% trong tổng thu nhập của dân cư khu vực nông thôn, thì tỷ trọng này trong năm 1999 giảm xuống chỉ còn 14,8%, trong khi thu nhập từ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng từ 57,3% lên 58,5%. Điều này cũng có nghĩa là, thu nhập của dân cư khu vực nông thôn vẫn chủ yếu dựa vào lĩnh vực nông nghiệp. Những lợi ích to lớn của lĩnh vực kinh tế công nghiệp và dịch vụ thì họ được thụ hưởng chưa nhiều.

Digitized by Google

Do đó, vấn đề phát triển thị trường trong nước là bằng mọi cách tăng nhanh thu nhập của dân cư khu vực nông thôn. Thu nhập của dân cư khu vực này hiện tăng quá chậm. Đây chính là nguyên nhân cơ bản khiến thị trường trong nước phát triển yếu so với năng lực sản xuất của nền kinh tế. Cho nên, cần phát triển nhanh công nghiệp và dịch vụ ở khu vực nông thôn để tạo thêm nhiều việc làm, tăng nhanh thu nhập của dân cư. Kinh nghiệm của các nước đã công nghiệp hóa thành công như Nhật Bản, Hàn Quốc, hoặc của Trung Quốc đang duy trì được nhịp độ tăng trưởng rất ngoạn mục trong một thời kỳ rất dài là những minh chứng thực tiễn sinh động.

III - Những giải pháp chủ yếu.

Phát triển thị trường trong nước chính là tạo việc làm, tăng thu nhập để nâng cao sức mua của dân cư khu vực nông thôn. Để phát triển thị trường trong nước, theo tôi cần áp dụng các giải pháp đồng bộ bao gồm :

Thứ nhất, *đẩy mạnh sản xuất nông sản hàng hóa cần dựa trên cơ sở lợi thế so sánh của từng vùng, tiểu vùng chuyên canh để nâng cao năng suất và chất lượng, tạo ra những hàng hóa có sức cạnh tranh cao, gắn với nhu cầu thị trường (cả trong và ngoài nước), nhằm tạo ra tiền đề vững chắc cho việc giải quyết vấn đề việc làm, ổn định và tăng thu nhập để tăng sức mua của khu vực nông thôn.* Căn cứ vào tiềm năng, lợi thế so sánh và khả năng cạnh tranh của từng vùng, tiểu vùng, các địa phương phải xây dựng các quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng phát triển chuyên canh sản xuất nông sản hàng hóa gắn với công nghiệp chế biến nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước và hướng mạnh vào xuất khẩu. Việc xây dựng các quy hoạch, kế hoạch của các địa phương cần được sự phối hợp, chỉ đạo, điều hòa của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhằm khắc phục tình trạng nông dân tự phát trong sản xuất nông sản hàng hóa. Cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Bộ Thương mại ở cấp trung ương và giữa các sở ở cấp địa phương trong việc tìm kiếm, thu thập và cung cấp các thông tin về thị trường làm căn cứ vững chắc cho các quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển sản xuất nông sản hàng hóa.

Bên cạnh đó, cần tăng cường đầu tư cho hệ thống các cơ quan nghiên cứu và triển khai để tạo ra những tập đoàn giống cây trồng, vật nuôi tiên tiến phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu của từng vùng, tiểu vùng ; tăng cường đầu tư cho các hoạt động khuyến nông, phòng trừ dịch bệnh cho vật nuôi, cây trồng, kiểm soát việc cung ứng thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, vệ sinh an toàn thực phẩm.

Thứ hai, Sản xuất và tiêu thụ nông sản hàng hóa vẫn luôn luôn tiềm ẩn những nguy cơ và việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp không thể thực hiện nhanh chóng. Do vậy, cùng với việc tăng cường các giải pháp hỗ trợ hàng nông sản, bảo hiểm cho sản xuất nông nghiệp trong thời gian tới, *cần tăng cường áp dụng các giải pháp chống độc quyền và kiểm soát độc quyền. Tăng cường công tác quản lý thị trường để hạn chế tình trạng tăng giá hàng công nghiệp và dịch vụ, hạn chế tình trạng doãng rộng của tỷ giá cánh kéo gây thua thiệt cho dân cư nông thôn.*

Thứ ba, *nhanh chóng áp dụng những giải pháp cụ thể để thực hiện chủ trương phát triển công nghiệp nói chung và phát triển công nghiệp chế biến nông sản nói riêng gắn với từng vùng nguyên liệu.* Những chính sách và biện pháp khuyến khích đầu tư vào công nghiệp nói chung và công nghiệp chế biến nông sản nói riêng ở khu vực nông thôn phải tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở công nghiệp chế biến với nông dân sản xuất nông sản nguyên liệu theo những mô hình khác nhau phù hợp với những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể như :

- Miễn hoặc, giảm tiền thuê đất và các loại thuế cho các doanh nghiệp đầu tư vào công nghiệp chế biến nông sản ở vùng nông thôn theo hướng : vùng sâu, vùng xa, nơi có điều kiện giao thông càng khó khăn thì thời gian miễn hoặc giảm tiền thuê đất và các loại thuế càng dài hơn và ngược lại.

Digitized by Google

- Ở những vùng đã phát triển các loại nông sản hàng hóa làm nguyên liệu với khối lượng lớn cần phát triển nhanh công nghiệp chế biến.

- Cùng với ưu đãi về thuế, cần áp dụng các biện pháp hỗ trợ như : dùng quỹ hỗ trợ xuất khẩu để bù lãi suất cho các khoản vay để phát triển vùng nguyên liệu ; áp dụng phương thức cho vay tay ba giữa ngân hàng - nhà máy - nông dân để ràng buộc trách nhiệm mua nguyên liệu của nhà máy chế biến ; cho vay đủ vốn cần thiết trong thời hạn phù hợp với chu kỳ sản xuất của nông dân ; giảm các khoản đóng góp ngân sách đối với những cơ sở công nghiệp chế biến nông sản ở nông thôn trong những năm đầu để các doanh nghiệp có điều kiện đầu tư cho nông dân phát triển mạnh vùng nguyên liệu, trước hết là đầu tư về giống mới và một số loại vật tư thiết yếu.

- Để giúp các cơ sở chế biến nông sản ở nông thôn giảm chi phí vận tải, giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường, cần có chương trình đầu tư vốn của ngân sách nhà nước cho việc phát triển cơ sở hạ tầng ở từng vùng. Trước mắt, ưu tiên cho các địa bàn đã và đang hình thành các tổ hợp nông - công nghiệp sản xuất, chế biến nông sản.

Thứ tư, hoạt động thương nghiệp nhà nước ở thị trường nông thôn là công cụ điều tiết của Nhà nước, làm đối trọng với các thành phần kinh tế khác, giúp nông dân đỡ bị ép cấp, ép giá khi mua vật tư và bán sản phẩm ở thị trường nông thôn. Nghiên cứu đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của thương nghiệp nhà nước ở thị trường này. Trên cơ sở rà soát những doanh nghiệp nhà nước hiện có, cần lựa chọn các hình thức kinh doanh tổng hợp hoặc chuyên doanh cho phù hợp để tạo thành những công ty kinh doanh có hiệu quả. Trong đó, đặc biệt chú trọng loại hình Công ty vật tư nông nghiệp và nông sản hoạt động kinh doanh tổng hợp, vừa cung ứng các loại vật tư đầu vào chủ yếu, vừa tiêu thụ nông sản chủ yếu của hộ nông dân theo phương thức hợp đồng hai chiều, hợp đồng gia công, hoặc hợp đồng đầu tư sản xuất nông sản hàng hóa. Làm tốt những vấn đề này sẽ phát huy được vai trò đối tác trực tiếp với nông dân, đối trọng chủ yếu với các thành phần kinh tế khác và điều tiết, chi phối thị trường nông thôn của thương nghiệp nhà nước.

Để tạo tiền đề cần thiết cho các đơn vị thương nghiệp nhà nước đảm nhận vai trò trực tiếp phục vụ nông nghiệp ở thị trường nông thôn, cần tập trung vào mấy nội dung sau :

+ Đối với những mặt hàng thiết yếu, thương nghiệp nhà nước cần được ưu tiên phân bổ vốn đầu tư để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật để "cắm sâu" vào nông thôn, và được đưa vào trong chương trình tăng vốn đầu tư nhằm xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng cho lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của Nhà nước.

+ Với những hoạt động vừa mang tính kinh tế vừa mang tính xã hội - chính trị trong điều kiện phục vụ người nghèo, thương nghiệp nhà nước cần được ưu tiên cấp đủ vốn lưu động theo quy định của Nhà nước.

+ Riêng đối với các đơn vị thương nghiệp nhà nước triển khai hoạt động ở vùng sâu, vùng xa, cũng cần áp dụng các chính sách ưu đãi về thuế như đối với các đơn vị đầu tư vào sản xuất như đã kiến nghị ở trên.

+ Với phương châm hoạt động trên, thương nghiệp nhà nước cũng như các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực chế biến nông sản ở thị trường nông thôn phải được ưu đãi về tài chính, tín dụng để trực tiếp bán vật tư theo phương thức trả chậm, trực tiếp mua nông sản theo giá thị trường theo hợp đồng hai chiều, tiến tới thực hiện hoạt động đầu tư sản xuất nông sản nguyên liệu với hộ nông dân.

Thứ năm, coi trọng phát triển mạng lưới chợ thích ứng với quy hoạch tổng thể phát triển thương mại ở từng địa phương. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng cần được quan tâm để phát triển kinh tế hàng hóa và phục vụ đời sống nhân dân ở khu vực nông thôn. Tập trung phát triển mạng lưới chợ trên cơ sở quy hoạch phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật khu vực nông thôn. Hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý các chợ thị trấn, thị tứ và cụm xã, xã nằm trong cấu trúc các cụm hoặc trung tâm kinh tế - thương mại - dịch vụ quy mô vùng hoặc nhỏ hơn.❑

Digitized by Google

NHỮNG THÁCH THỨC ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH HIỆN NAY VÀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIA ĐÌNH

LÊ THỊ ÁNH TUYẾT *

1_ Gia đình, cái nôi vĩnh hằng của mỗi con người, một xã hội đặc biệt, thu nhỏ của xã hội nói chung, được hình thành từ lâu trong lịch sử. Con người trưởng thành từ một gia đình êm ấm, lành mạnh, như được mang trên mình một hành trang quý báu để vững vàng bước vào xã hội rộng mở. Bàn về gia đình, "Tuyên bố về tiến bộ xã hội trong phát triển" của Liên hợp quốc năm 1994 đã nêu : "Gia đình là đơn vị cơ bản của xã hội và là môi trường tự nhiên cho sự phát triển và hạnh phúc của mọi thành viên, nhất là trẻ em".

Liên hợp quốc khẳng định mạnh mẽ vai trò của gia đình trong xã hội phát triển với ý nghĩa gia đình là nền tảng cấu thành của xã hội chúng ta. Vai trò to lớn của gia đình trước hết xuất phát từ những chức năng rất quan trọng của nó trong mối liên hệ với đặc điểm văn hóa, truyền thống của mỗi dân tộc, trong sự vận động phát triển của xã hội. Trong đó chức năng cơ bản nhất và luôn được sự đánh giá cao của xã hội phương Đông đó là chức năng giáo dục con cái, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Giáo dục gia đình đã tạo ra nhân cách đầu tiên của con người và ảnh hưởng đến các định hướng giá trị, lẽ sống của các thế hệ. *Nhờ có gia đình, con người mới lớn lên và hòa nhập vào xã hội.* Việc chăm sóc và giáo dục trẻ gắn bó với nhau và nhằm tới mục đích chung là giúp trẻ *"thành người"*.

Gia đình là một môi trường có các quan hệ rất phong phú. Trong gia đình đan xen những mối quan hệ rất sinh động và đa dạng giữa những người có các vị thế khác nhau, độ tuổi khác nhau. Cùng với thế giới đồ vật muôn hình, muôn vẻ xung quanh, môi trường đó luôn kích thích trẻ hòa nhập, tìm hiểu, thăm dò, thử nghiệm, khám phá và từng bước tham gia vào công việc và quan hệ gia đình. Đó là những tiền đề cơ bản nhất để trẻ phát triển nhân cách và phát triển năng lực mọi mặt, tham gia vào quan hệ cộng đồng và xã hội.

Thời nào cũng vậy, trẻ được giáo dục trong một môi trường đặc biệt và theo một phương pháp đặc biệt, đó là môi trường đầy ắp tình thương. Các thành viên trong gia đình, nhất là người mẹ luôn hết lòng vì con trẻ, có thể có những cách thức thích hợp để thỏa mãn những nhu cầu của trẻ. Hơn nữa, việc giáo dục xảy ra trong mọi lúc mọi nơi trong đời sống sinh hoạt của gia đình. Phong cách sống, ứng xử hàng ngày của các thành viên trong gia đình dần dần in những dấu ấn khó phai trong nhân cách đang hình thành của trẻ, và đến lượt mình lại lưu truyền cho thế hệ nối tiếp.

Gia đình truyền thống đã thành công trong việc xây dựng ngôi nhà tổ ấm gồm nhiều thế hệ. Trước hết là ông bà, cha mẹ,

* TS, Vụ trưởng Vụ giáo dục mầm non, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Digitized by Google

anh em, con cháu cùng sống hòa thuận, "kính trên nhường dưới" có trách nhiệm với nhau. Đó cũng là nhân tố cơ bản, đầu tiên để con người tự điều chỉnh và thích nghi trong hòa nhập vào đời sống cộng đồng và xã hội. Sự hòa nhập trước hết trong phạm vi dòng họ, đây là một trong những nét điển hình mang bản sắc văn hóa phương Đông. Đương nhiên, trong hệ thống quan hệ đó, tính cách độc lập, phong phú cho mỗi cá nhân trong phạm gia đình và cộng đồng bị hạn chế.

Tuy mỗi nước trong vùng có những đặc điểm riêng về văn hóa, thậm chí có những cộng đồng theo những triết lý khác nhau, nhưng tính chất của gia đình truyền thống nói trên đã làm cho các dân tộc trong vùng mang đậm dấu ấn chung.

Tuy nhiên, gia đình hiện tại trong vùng cũng như ở Việt Nam đã và đang biến đổi sâu sắc dưới sự tác động của phát triển kinh tế và nhu cầu giao lưu văn hóa. Sự biến đổi đó mang lại nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít thách thức trong quan hệ gia đình xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục trẻ nhỏ.

Trong những thập niên cuối, nhất là thập niên 90 của thế kỷ XX, các nước trong khu vực đã có những bước phát triển vượt bậc về kinh tế - xã hội. Trong sự phát triển đó, về một số chính sách phát triển kinh tế, về cách giải quyết những vấn đề xã hội các nước trong khu vực đều có những nét tương đồng. Riêng ở góc độ gia đình, mô hình gia đình truyền thống ở khu vực với đặc điểm cơ bản được nêu trên đã có những biến đổi lớn. Chính nền kinh tế thị trường, chính sách mở cửa, xu hướng hội nhập trong khu vực và quốc tế là nguyên nhân chính dẫn đến sự khác biệt trong mô hình gia đình hiện nay so với gia đình truyền thống. Điểm nổi bật của sự khác biệt đó là khoảng cách giữa gia đình giàu và gia đình nghèo là quá lớn ở nhiều nước như In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Thái Lan, Ma-lai-xi-a...

Nghèo đói đã dẫn tới một bộ phận gia đình khó khăn không có đủ điều kiện vật chất tối thiểu để nuôi con chứ chưa nói đến các nhu cầu khác về văn hóa, giáo dục, giải trí... Sự chênh lệch lớn về thu nhập cũng dẫn đến sự phân hóa rõ rệt trong các nhu cầu và các mối quan tâm của gia đình ngày nay. Do đòi hỏi của nền kinh tế mới, con người cần có học vấn, năng động sáng tạo nên nhu cầu một nền giáo dục chất lượng cao, một sự nuôi dưỡng, chăm sóc - giáo dục trẻ tối ưu ngay từ tuổi ấu thơ đã trưởng thành một trong những nhu cầu lớn, cơ bản của các gia đình (nhất là ở khu vực thành thị). Xu thế phổ biến của các gia đình này là quá tập trung vào việc học và đáp ứng các điều kiện học tập của con, thậm chí coi nhẹ việc giáo dục toàn diện cho con cái. Trong khi đó những gia đình có thu nhập thấp, khó khăn (nhất là vùng nông thôn, vùng núi) thì lại trông đợi ở nhà nước các chính sách hỗ trợ cho họ về kinh tế, các dịch vụ giáo dục, y tế, văn hóa... Đây là một thách thức lớn mà nhiều quốc gia đang phải đương đầu.

Một sự thay đổi đáng lưu ý là trong gia đình hiện nay dân chủ được mở rộng. Sự bình đẳng quan hệ giữa các thành viên trong gia đình ngày càng được tôn trọng, địa vị người phụ nữ trong gia đình được nâng lên. Trong gia đình truyền thống, quyền uy thuộc về người cha, người chồng do ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến và còn vì họ cũng là người lao động chính. Ngày nay, cả người cha và người mẹ đều là lao động chính, đều là chủ gia đình, cùng chăm lo giáo dục con và giải quyết công việc gia đình. Tính dân chủ được mở rộng là một biểu hiện tích cực, một yếu tố quan trọng góp phần giúp gia đình thực hiện tốt chức năng giáo dục, xã hội. Song, xu hướng quá đề cao dân chủ, đề cao giải phóng cá nhân, tự do cá nhân cũng chứa đựng những nguy cơ khiến gia đình hiện đại dễ bị đổ vỡ, tỷ lệ ly hôn tăng cùng

Digitized by Google

với những hậu quả kèm theo cũng là một thách thức đối với xã hội.

Về cấu trúc gia đình : Nếu như gia đình truyền thống trước phổ biến là gia đình mở rộng, bao gồm nhiều thế hệ thì nay gia đình mở rộng được thay thế bằng mô hình gia đình hạt nhân. Xu hướng sinh ít con trong gia đình là nguyên nhân chính làm cho quy mô gia đình ngày càng nhỏ đi. Tình trạng gia tăng số gia đình hạt nhân ở Việt Nam cũng như ở các nước trong khu vực là do nhiều cặp vợ chồng trẻ thích ở riêng sau khi kết hôn để có những điều kiện độc lập về kinh tế, tự tổ chức và chịu trách nhiệm về cuộc sống gia đình của mình. Mô hình gia đình hạt nhân độc lập về kinh tế có ý nghĩa tích cực của nó, song cũng có mặt hạn chế. Gia đình hạt nhân đã không duy trì được quan hệ và trách nhiệm đầy đủ đối với gia đình lớn. Nhiều người cao tuổi phải sống riêng, thiếu sự chăm sóc của con cái. Đồng thời, trẻ em lại thiếu sự chăm sóc - giáo dục, đùm bọc của ông bà nội, ngoại. Đó là chưa kể đến có gia đình người cha và người mẹ do quá mải kiếm sống không có điều kiện chăm lo cho con, hoặc các bậc cha mẹ chỉ chăm lo thỏa mãn nhu cầu ích kỷ của cá nhân mà không có trách nhiệm chăm lo giáo dục con ; khoán việc giáo dục con cái cho nhà trường, cho người giúp việc. Cũng cần nói thêm là tốc độ biến đổi về kinh tế, xã hội ngày nay thật là nhanh chóng và lớn lao đến mức mỗi thế hệ trẻ em phải sống trong thế giới khác rất nhiều so với thế giới mà cha mẹ các em đã sống. Nói cách khác, người cha, người mẹ không dễ dàng có đủ được nhận thức, kỹ năng giúp con cái trong cuộc sống hiện tại và tương lai. Làm thế nào để gia đình nuôi dạy con cái giữ được những truyền thống quý giá của dân tộc và đồng thời chuẩn bị được những kiến thức, kỹ năng, bản lĩnh để các em biết tự lập hoạt động và tự quyết định tổ chức cuộc sống sau này ? Đó là câu hỏi đối với nhiều bậc cha mẹ hiện nay.

Từ những điều đã nêu trên, rõ ràng chức năng giáo dục con của gia đình không chỉ là mối quan tâm gia đình mà là vấn đề xã hội, phải trở thành mối quan tâm của mỗi quốc gia.

Tóm lại, bên cạnh các thành tựu phát triển kinh tế theo hướng thị trường, các nước tiểu vùng chúng ta đang đứng trước những thách thức lớn lao : 1) Khoảng cách giàu nghèo trong các gia đình tăng lên làm cho một bộ phận lớn gia đình không đủ điều kiện cho con em họ hưởng các dịch vụ chăm sóc giáo dục thích hợp ; 2) Dân chủ trong gia đình được mở rộng hơn trước, nhưng xu hướng ly hôn gia tăng làm cho phụ nữ và trẻ em bị đe dọa hơn bao giờ hết ; 3) Gia đình hạt nhân tăng lên nhưng điều kiện để phát huy truyền thống giáo dục gia đình bị ảnh hưởng không nhỏ ; 4) Mặc dầu một số nước đã có những chính sách hỗ trợ gia đình nhưng rõ ràng là chưa đủ để đáp ứng với những thách thức lớn nói trên.

2 - Hơn một thập kỷ vừa qua, Việt Nam đã và đang đổi mới nhanh chóng từ một nền kinh tế kế hoạch tập trung sang nền kinh tế thị trường có định hướng. Sự đa dạng các thành phần kinh tế đang được khuyến khích, chính sách mở cửa được tăng cường và nhiều mối quan hệ quốc tế đa phương, song phương được thiết lập. Gia đình Việt Nam đã chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các chính sách trên và đang trong sự chuyển biến về mô hình, quy mô, các quan niệm về chuẩn mực giá trị. Sự biến đổi đó không tách rời hoàn toàn với những đặc trưng của gia đình truyền thống mà là sự điều chỉnh, thích nghi với những hoàn cảnh và điều kiện xã hội mới, ***được thể hiện trên những điểm chính như sau :***

Gia đình truyền thống Việt Nam hình thành và tồn tại lâu dài trong điều kiện nền kinh tế nông nghiệp tự cung tự cấp. Các gia đình liên kết với nhau theo họ nội và rất trọng việc thờ cúng tổ tiên. Trong gia đình

Digitized by Google

truyền thống có một trật tự trên dưới rạch ròi và một quy định trách nhiệm rõ ràng cho từng thành viên. Gia đình truyền thống được bảo vệ bằng luân lý, phong tục và pháp luật.

Gia đình truyền thống đã thành công trong việc xây dựng ngôi nhà tổ ấm, ông bà, cha mẹ, anh em, con cháu cùng sống hòa thuận, có trách nhiệm với nhau, trật tự trên dưới được tôn trọng, nhưng nó lại chứa đựng những hạn chế như : kìm hãm việc giải phóng con người, nhất là phụ nữ và xây dựng nhân cách độc lập, phong phú cho mỗi cá nhân.

Còn ở gia đình mới, lại có xu hướng ngày càng đề cao sự giải phóng cá nhân, tự do hạnh phúc của cá nhân. Điểm tiến bộ, tính tích cực của gia đình Việt Nam hiện nay là được xây dựng trên cơ sở tự do lựa chọn trong kết hôn, lấy tình yên làm cơ sở hôn nhân, bình đẳng, dân chủ trong quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, quan tâm tới nhu cầu của cá nhân. Tình trạng đối xử bất bình đẳng với phụ nữ, trẻ em phải phục tùng người lớn tuyệt đối đã giảm đi rõ rệt. Trong gia đình và ngoài xã hội quyền lợi, nguyện vọng của các thành viên được chú ý. Con người tự chịu trách nhiệm về bản thân mình. Cùng với sự đổi mới của đất nước, gia đình mới hiện nay có nhiều quyền chủ động so với trước : quyền được sử dụng ruộng đất lâu dài ở nông thôn, chủ động tổ chức và quản lý kinh tế gia đình theo hướng thích ứng với yêu cầu mới của sự phát triển kinh tế. Tuy vậy, *hình thái gia đình mới cũng nảy sinh những điểm hạn chế như :* sự phát triển của chủ nghĩa tự do cá nhân dẫn đến nguy cơ đổ vỡ gia đình, tỷ lệ ly hôn tăng lên, tâm lý coi trọng đồng tiền, coi thường đạo lý, con cái thiếu quan tâm đến bố mẹ già, đối xử chưa đúng mực trong anh em, họ hàng...

Mặc dù có những thách thức trong quá trình chuyển biến nhưng nhìn chung số đông gia đình Việt Nam có tính bền vững. Điều đó có cơ sở từ truyền thống đạo đức, từ đời sống tâm linh khá sâu sắc của con người Việt Nam : thờ phụng tổ tiên như là một tín ngưỡng thiêng liêng. Trong đạo lý của người Việt Nam luôn đề cao lòng biết ơn cha mẹ, sự hy sinh cho con cái, sự gắn bó giữa những người ruột thịt. Ở Việt Nam gia đình vẫn là cơ sở của xã hội, vẫn là nhân tố quan trọng trong đời sống tinh thần và vật chất của mỗi con người.

Nét thay đổi đáng kể trong gia đình mới hiện nay là *dân chủ* được mở rộng. Trong gia đình người bố và người mẹ đều là chủ gia đình, cùng chăm lo giáo dục con cái, quản lý ngân quỹ và chi tiêu. Theo điều tra của Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội có 74,5% ý kiến cho rằng cả hai vợ chồng cùng bàn bạc các công việc lớn trong gia đình, có 73,3% ý kiến cho rằng cả hai vợ chồng đều làm kinh tế cho gia đình.

Trong gia đình truyền thống trước đây, *quyền uy* thuộc về người cha, người chồng bởi vì do ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến và vì họ cũng là người lao động chính nuôi sống gia đình. Ngày nay, địa vị người phụ nữ trong gia đình được nâng lên, quyền uy của người cha hay người mẹ chỉ thực sự có khi họ là người tích cực, là tấm gương sáng trong lao động, sinh hoạt và đạo đức ứng xử trong gia đình. Kết quả cuộc điều tra của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 1998, 90% người được hỏi cho rằng các bậc cha mẹ cần hiểu và tôn trọng con, 67% cho rằng gia đình hạnh phúc là con phải được tham gia ý kiến về những vấn đề của gia đình. Tính dân chủ trong gia đình được mở rộng là một yếu tố rất quan trọng về giáo dục con cái có hiệu quả.

Cùng với sự phát triển kinh tế thị trường, sự phân hóa về thu nhập giữa các hộ gia đình đang có chiều hướng ngày càng gia tăng.

Digitized by Google

Hiện nay khoảng cách chênh lệch giữa hộ giàu và hộ nghèo ở nông thôn là khoảng 10 lần. Nếu lấy 5% số hộ giàu nhất so với 5% số hộ nghèo nhất thì sự chênh lệch thu nhập giữa hai nhóm này lên tới 20 lần.

Sự nghèo đói làm cho bộ phận không nhỏ các gia đình, nhất là vùng nông thôn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn không đủ những điều kiện vật chất tối thiểu nuôi con, không thể trả được các chi phí cho con đi học. Đó cũng là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến một tỷ lệ đáng kể trẻ em bị suy dinh dưỡng và một bộ phận trẻ em thất học, bỏ học.

3 - Ở Việt Nam, Nhà nước đã ban hành nhiều bộ luật, văn bản dưới luật, các chương trình quốc gia, các cuộc vận động nhằm hỗ trợ gia đình thực hiện các chức năng của mình, đặc biệt là chức năng giáo dục con. Song những chính sách thông qua các bộ luật, các chương trình, cuộc vận động lớn của quốc gia cho đến nay, cũng bộc lộ những bất cập, chưa thực sự hỗ trợ cho gia đình trong các điều kiện của nền kinh tế thị trường hiện nay. Trong lĩnh vực giáo dục mầm non, ở những vùng kinh tế - xã hội chậm phát triển, đối với những gia đình quá khó khăn, các bậc cha mẹ thiếu nhận thức, kỹ năng để nuôi, chăm sóc, dạy dỗ con trong giai đoạn rất quan trọng này. Những gia đình này mong được cung cấp các kiến thức kỹ năng nuôi dạy con ngay từ lúc bà mẹ còn mang thai. Họ cũng mong muốn con cái họ được hưởng các dịch vụ chăm sóc giáo dục mầm non có chất lượng, với sự tham gia và đóng góp của họ trong khả năng có thể. Đáp ứng nhu cầu trên, về phía Chính phủ, rõ ràng cần có những chính sách, quy định rõ trách nhiệm đầu tư, vai trò của các bộ, ngành của Chính phủ, của cộng đồng, của chính gia đình phù hợp với những điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể của từng vùng, miền nhằm bảo đảm quyền được sống, được phát triển của trẻ em.

Một hệ thống chính sách khác trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội... nhằm mục tiêu xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc nuôi dạy con cái tốt, hài hòa giữa truyền thống và yêu cầu hiện đại sẽ là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Cuộc vận động "Xây dựng gia đình văn hóa mới" được xuất hiện rất sớm từ thập kỷ 60 ở một số gia đình tại tỉnh Hưng Yên và được lan rộng dần dần. Đến 1975, được phát triển khắp trong cả nước. Cuộc vận động này được thực hiện dưới sự chỉ đạo của Bộ Văn hóa - Thông tin.

Từ năm 1991 đến nay, tên cuộc vận động "Xây dựng gia đình văn hóa mới" được thay bằng "Xây dựng gia đình văn hóa" với các nội dung tiêu biểu sau :

- Thực hiện dân số và kế hoạch hóa gia đình.
- Xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ.
- Đoàn kết xóm giềng
- Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân.

Những thành công của cuộc vận động đã góp phần củng cố gia đình về mọi mặt, nâng cao ý thức thực hiện nghĩa vụ của người công dân và động viên tiềm năng sáng tạo, tình cảm, trách nhiệm của mỗi gia đình.

Cùng với cuộc vận động "Xây dựng gia đình văn hóa", các bộ, ban, ngành đã triển khai, chỉ đạo các cuộc vận động khác rất có ý nghĩa trong việc củng cố hạnh phúc gia đình, xây dựng xã hội văn minh, như :

- Các cuộc vận động "Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình", "Nuôi dạy con tốt" do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động... đã góp phần hạn chế trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học.
- Phong trào "Giỏi việc trường, đảm việc nhà" do Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng với Công đoàn giáo dục Việt Nam phát động

Digitized by Google

nhằm động viên cán bộ, giáo viên nữ làm tốt công việc nhà trường, nuôi dạy con tốt và xây dựng gia đình hạnh phúc đã được triển khai với những kết quả đáng ghi nhận.

Từ 1995 đến nay, cuộc vận động "Ngày toàn dân đưa trẻ em đến trường" do Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động đã lôi cuốn các gia đình, cộng đồng cùng tham gia vào công tác giáo dục trẻ em, tạo mọi điều kiện để tăng số trẻ 5 tuổi học mẫu giáo và mọi trẻ em đều đến trường tiểu học.

Các cuộc vận động nêu trên đã góp phần xây dựng, động viên sự đóng góp của gia đình cho xã hội, giúp cho việc nâng cao vị trí của người phụ nữ trong gia đình.

Như vậy, trong những thập kỷ qua nhất là trong hơn 10 năm gần đây, Nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách, chương trình quốc gia, mở nhiều cuộc vận động lớn. Thông qua hoạt động của nhiều bộ, ngành các chính sách, chương trình, cuộc vận động đó đã hỗ trợ việc tổ chức tốt cuộc sống cho các thành viên trong gia đình, giúp gia đình làm tốt chức năng nuôi dạy con cái, đặc biệt là đối với lứa tuổi ấu thơ là lứa tuổi mà sự tồn tại phụ thuộc chính và gia đình. Những chính sách đó đồng thời cũng giúp cho việc bảo tồn những giá trị truyền thống tích cực của gia đình Việt Nam và định hướng, giúp đỡ gia đình tồn tại, phát triển trong các điều kiện nền kinh tế - xã hội mới của đất nước.

Song thực tiễn đang đòi hỏi cần có một chiến lược phát triển toàn diện cho gia đình Việt Nam ; chiến lược phát triển đó cần phù hợp với điều kiện của nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa :

- *Nhà nước cần có cơ quan quản lý nhà nước về gia đình.* Cần khẩn trương nghiên cứu, xây dựng chiến lược quốc gia về gia đình, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược con người, xây dựng hệ thống chính sách chung cho gia đình.

- *Cần mở rộng hình thức truyền thông* về vị trí, vai trò, chức năng của gia đình. Tăng cường truyền thông kiến thức nuôi dạy con cho các bậc cha mẹ, kiến thức về nữ công gia chánh và ứng xử trong gia đình.

- *Cần nghiên cứu xây dựng nội dung giáo dục gia đình phù hợp* cho các chương trình giáo dục - đào tạo với từng loại đối tượng như :

+ Chương trình xóa mù chữ cho những người trong độ tuổi lao động làm cha, làm mẹ ở những vùng khó khăn.

+ Chương trình giáo dục trước hôn nhân cho những người chuẩn bị xây dựng gia đình.

+ Chương trình giáo dục thường xuyên cho các đối tượng có nhu cầu.

+ Chương trình học cho học sinh phổ thông các cấp, sinh viên các trường cao đẳng, đại học...

- *Tăng cường đầu tư phát triển các dịch vụ hỗ trợ gia đình* trong việc nuôi và dạy con như :

+ Phát triển nhà trẻ, mẫu giáo các dịch vụ và chăm sóc - giáo dục trẻ (có hỗ trợ toàn phần hoặc bán phần cho các vùng sâu, vùng xa, khó khăn, dân tộc ít người).

+ Mở rộng việc thành lập các trung tâm tư vấn về phương pháp nuôi dạy con, các dịch vụ vui chơi giải trí cho gia đình.

- *Quản lý tốt việc sản xuất, nhập khẩu đồ chơi, văn hóa phẩm cho trẻ.* Sử dụng rộng rãi các phương tiện truyền thông đại chúng để xây dựng môi trường lành mạnh cho việc giáo dục trẻ em.

- *Có cơ chế vận hành đồng bộ* các chính sách về gia đình.

- *Có chính sách hợp tác quốc tế,* học tập trao đổi kinh nghiệm về quản lý và phát triển gia đình. ❑

Digitized by Google

VỀ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC KẾT HỢP LỢI ÍCH DÂN TỘC VỚI NGHĨA VỤ QUỐC TẾ GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

NGUYỄN HOÀNG GIÁP * - MAI HOÀI ANH **

CHỦ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân (GCCN) là hai mặt được kết hợp một cách hữu cơ trong thực tiễn cách mạng Việt Nam suốt gần một thế kỷ qua. Từ khi thành lập đến nay, Đảng ta luôn ý thức một cách sâu sắc trách nhiệm trước dân tộc và nghĩa vụ đối với phong trào cộng sản, công nhân quốc tế. Trên cơ sở đó, Đảng ta đã kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của GCCN, giữa bảo đảm lợi ích dân tộc với thực hiện nghĩa vụ quốc tế.

Ở vào thời điểm vừa bước sang thiên niên kỷ mới, Đại hội lần thứ IX của Đảng đã khẳng định tiếp tục đẩy nhanh quá trình đổi mới toàn diện đất nước, huy động rộng rãi mọi nguồn lực dân tộc, xác định mục tiêu, vạch ra biện pháp, bước đi phù hợp để bảo vệ lợi ích dân tộc ; mặt khác, tiếp tục kiên định lập trường đối với những nguyên lý của chủ nghĩa quốc tế của GCCN, bảo vệ, phát triển và vận dụng sáng tạo những nguyên lý đó trong điều kiện lịch sử mới.

Quan điểm của Đảng ta và hiện trạng công tác tuyên truyền, giáo dục về lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế thời gian qua.

Vượt lên trên những thử thách khắc nghiệt từ sự khủng hoảng của phong trào cộng sản công nhân (CSCN) quốc tế, từ đầu thập niên 90 trở lại đây, công tác tuyên truyền, giáo dục về kết hợp lợi ích dân tộc với thực hiện nghĩa vụ quốc tế luôn chiếm một nội dung quan trọng trong công tác tư tưởng và đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước ta. Ngay sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, Bộ Chính trị trong Nghị quyết 01 đã nêu rõ sự cần thiết phải đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác nghiên cứu, tuyên truyền và giáo dục lý luận. Công tác lý luận phải khẳng định và làm rõ những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, làm rõ những vấn đề cần nhận thức đúng, những vấn đề cần tiếp tục bổ sung, điều chỉnh và phát triển trên cơ sở tổng kết và khái quát những kinh nghiệm thực tiễn mới và những thành tựu của khoa học hiện đại. Theo phương hướng đó, việc nghiên cứu, giáo dục và học tập lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã được triển khai sâu rộng trong toàn Đảng và xã hội. Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên CNXH của Đảng chỉ rõ : Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh ; thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hợp tác hữu nghị với tất cả các nước, trung thành với chủ nghĩa quốc tế của GCCN, đoàn kết với các nước XHCN, với tất cả các lực lượng đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Tư tưởng trên của Cương lĩnh đã được Nghị quyết của các Hội nghị Trung ương tiếp sau, cũng như Nghị quyết Đại hội VIII

* TS, ** - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

cụ thể hóa trong chính sách về đại đoàn kết dân tộc và chính sách đối ngoại. Nghị quyết Trung ương 3, khóa VII (6 - 1992), đã đề ra 4 phương châm cần xử lý trong đường lối đối ngoại của Đảng trong tình hình mới. Một trong 4 phương châm đó là phải kết hợp hài hòa giữa lợi ích dân tộc chân chính và chủ nghĩa quốc tế của GCCN. Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII cũng quy định các tổ chức đảng và mọi cán bộ, đảng viên từ trung ương đến cơ sở phải kiên định 6 vấn đề về quan điểm mang tính nguyên tắc, trong đó có quan điểm kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng của GCCN v.v...

Một trong những cội nguồn làm nên sự thành công của cách mạng Việt Nam những năm đổi mới là Đảng và Nhà nước ta đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Thực tiễn đã chỉ rõ, trong bất cứ giai đoạn cách mạng nào, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam cũng luôn gắn bó hữu cơ, mật thiết với lý tưởng của GCCN, với CNXH. Ngay từ khi khởi xướng và lãnh đạo thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng ta đã xác định rõ : đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà là quan niệm đúng đắn hơn về CNXH và thực hiện mục tiêu ấy bằng những hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp. Đồng thời, luôn gắn bó với phong trào cộng sản và công nhân (CSCN) quốc tế, phấn đấu hết mình để làm tốt nghĩa vụ quốc tế cao cả là truyền thống cực kỳ quý báu, thể hiện bản chất GCCN của Đảng. Trong bối cảnh và tình hình mới, Đảng chủ trương mở rộng quan hệ, hợp tác với tất cả các nước, nhưng luôn chú trọng kết hợp chủ nghĩa yêu nước với thực hiện các nghĩa vụ quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, giữ vững độc lập, chủ quyền, định hướng phát triển và giữ gìn truyền thống dân tộc. Đảng ta luôn xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, đấu tranh không mệt mỏi vì mục tiêu hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Việc phát triển công tác lý luận, tổng kết thực tiễn mà Đảng ta đã và đang tiến hành là nhân tố góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh tư tưởng chung của phong trào CSCN quốc tế thời kỳ sau "chiến tranh lạnh", trong đó, công tác tuyên truyền, giáo dục có vai trò rất quan trọng. Đóng góp của công tác tuyên truyền, giáo dục về lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế trong những năm qua có thành tựu cơ bản là xây dựng ý chí kiên định con đường XHCN, củng cố tinh thần độc lập tự chủ trong việc xác định phương hướng, bước đi của công cuộc đổi mới toàn diện. Công tác tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng lập trường quan điểm, ý thức tổ chức của GCCN được xác định là nhiệm vụ thường xuyên của Đảng. Bởi lẽ, buông lỏng việc giáo dục hệ tư tưởng của giai cấp công nhân sẽ tạo điều kiện để các luồng tư tưởng thù địch xâm nhập, chi phối. Mục đích của việc tuyên truyền, giáo dục là nhằm giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân không ngừng nâng cao trình độ thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng, phương pháp luận đúng đắn, từ đó củng cố niềm tin vững chắc vào mục tiêu, lý tưởng và sự nghiệp của Đảng. Trong những năm qua, công tác tuyên truyền, giáo dục về lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế đã có nhiều bước phát triển mới. Một mặt, đã làm tốt công tác chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, khẳng định những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới toàn diện ở nước ta. Mặt khác, đã tập trung tuyên truyền các diễn biến, sự kiện minh chứng cho sự phục hồi của phong trào CSCN quốc tế như thông tin về các diễn đàn, các cuộc gặp gỡ giữa các đảng cộng sản và công nhân ở các khu vực và trên thế giới, cổ vũ những thành tựu mà các nước XHCN (Trung Quốc, Cu-ba, Lào...) đã đạt được. Đồng thời, công tác tuyên truyền, giáo dục đã tập trung triển khai các hoạt động lớn theo chủ đề như phong trào đoàn kết và ủng hộ Cu-ba ; lên án mạnh mẽ âm mưu của chủ nghĩa đế quốc (CNĐQ) đứng đầu là Mỹ đối với các nước đang phát triển và các phong trào cách mạng dân tộc chân chính ; phê phán những tư tưởng dân tộc cực đoan dẫn tới hậu quả bùng nổ các cuộc xung đột, nội chiến đẫm máu, gây bất ổn định cho an ninh khu vực và thế giới v.v...

Nội dung công tác tuyên truyền, giáo dục về lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế được đưa vào

Digitized by Google

chương trình giáo dục của tất cả các cấp học dưới nhiều hình thức khác nhau. Thông qua các kênh chuyển tải thông tin đa dạng, phong phú, bằng nhiều thể loại như báo chí, xuất bản, truyền thanh, truyền hình, các buổi báo cáo thời sự, phổ biến nghị quyết, bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn..., lợi ích dân tộc chân chính được tuyên truyền, phổ cập đến đông đảo quần chúng nhân dân. Qua đó, nội hàm các khái niệm về lợi ích dân tộc, nghĩa vụ quốc tế và sự cần thiết phải kết hợp nhuần nhuyễn giữa lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế trong bối cảnh lịch sử hiện nay, cùng với những biểu hiện mới trong quan niệm, nhận thức về vấn đề này đã được làm rõ hơn.

Để bảo đảm lợi ích dân tộc trong điều kiện mới, rõ ràng cần phải có đường lối phát triển đúng đắn, trước hết và quan trọng nhất là nắm vững ngọn cờ ***độc lập dân tộc và CNXH*** ; có chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế để tạo lập môi trường quốc tế thuận lợi, tranh thủ mọi nhân tố tích cực bên ngoài phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ; bảo đảm cho xã hội phát triển theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Vì vậy, tìm mọi cách để khêu gợi toàn dân phát huy tinh thần bảo vệ độc lập dân tộc và CNXH , ý thức gắn lợi ích riêng với lợi ích chung của cả cộng đồng, phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, tăng cường bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh và chủ quyền quốc gia... là nhiệm vụ quan trọng và cần thiết của công tác tuyên truyền, giáo dục hiện nay. Nghĩa vụ quốc tế hàng đầu mà chúng ta cần phải nhận thức và quán triệt là góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội ; đoàn kết quốc tế với các nước XHCN, với các đảng cộng sản và công nhân, với các đảng cánh tả, với các lực lượng dân chủ, cách mạng và tiến bộ trên thế giới.

Trong những năm qua, công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo đảm lợi ích dân tộc và thực hiện nghĩa vụ quốc tế đã có những thành tựu rất cơ bản. Đó là : đã khẳng định sự lãnh đạo của Đảng và con đường đi lên CNXH ; cụ thể hóa và phát triển đường lối, xây dựng các luận cứ khoa học cho những quyết sách lớn của Đảng và Nhà nước ; nâng cao hiệu quả xã hội và ý nghĩa quốc tế của sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc. Nhờ vậy, nhận thức của các tầng lớp nhân dân được nâng lên. Và quan trọng hơn, những nhận thức đó đã biến thành hành động cách mạng cụ thể trong cuộc sống, thể hiện ở ý thức nâng cao cảnh giác sẵn sàng bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Tổ quốc XHCN, bảo vệ Đảng ; nhận thức rõ ràng và đúng đắn về đường lối đối ngoại của Đảng. Cán bộ, đảng viên và nhân dân không chỉ tán thành, ủng hộ mà còn chủ động tích cực tham gia mở rộng quan hệ quốc tế, ủng hộ các lực lượng cách mạng tiến bộ, củng cố và phát triển quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân trên thế giới, với các nước XHCN, chủ động tham gia tích cực các hoạt động trong các tổ chức quốc tế, các diễn đàn song phương và đa phương, đấu tranh giải quyết những vấn đề toàn cầu bức xúc đặt ra trước nhân loại...

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền, giáo dục về lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế thời gian qua còn nhiều hạn chế, chưa được tiến hành một cách có hệ thống, đồng bộ và thường xuyên, liên tục, phù hợp với thực tiễn sôi động đang diễn ra từng ngày, từng giờ. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, trước hết là trên lĩnh vực thông tin đang tác động rất mạnh mẽ đến các quốc gia, mà chủ thể nắm giữ những phương tiện thông tin tối tân, hiện đại đó là các thế lực tư bản, đế quốc. Lợi dụng ưu thế về thông tin, các thế lực thù địch tăng cường các biện pháp chống phá trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa đối với các nước XHCN, các nước đang phát triển và phong trào CSCN quốc tế. Trong khi đó, các hình thức, phương pháp tuyên truyền, giáo dục của ta lại chậm được đổi mới, xơ cứng, máy móc, phương tiện kỹ thuật còn lạc hậu, đội ngũ cán bộ tham gia công tác này còn nhiều bất cập cả về số lượng và chất lượng, nên công tác tuyên truyền giáo dục chưa đạt hiệu quả cao. Thậm chí còn có nhiều nhận thức chưa đúng về vấn đề này mà dẫn đến có lúc, có nơi công tác tuyên truyền, giáo dục còn bị coi nhẹ, buông lỏng...

Digitized by Google

Một số kinh nghiệm và kiến nghị.

Từ thực tiễn của công tác tuyên truyền, giáo dục về lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế thời gian qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm nhằm khắc phục những hạn chế để tăng cường tốt hơn nữa công tác này trong giai đoạn cách mạng sắp tới :

Thứ nhất, chúng ta phải luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng cũng như của toàn dân tộc. Đây vừa là nguyên tắc định hướng của công cuộc đổi mới, vừa là căn cứ chỉ đạo toàn bộ công tác tư tưởng - lý luận của Đảng, trong đó có tuyên truyền, giáo dục về lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin là một học thuyết mang tính cách mạng, khoa học và sáng tạo, phải làm thế nào để nhân tính khoa học và sáng tạo ấy lên, phát triển nó phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể, tránh áp dụng một cách rập khuôn, máy móc ; nhưng cũng phải đề phòng khuynh hướng xa rời những nguyên lý cơ bản của học thuyết Mác - Lê-nin. Cần nắm vững quan điểm mác xít về kết hợp giữa lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế và vận dụng sáng tạo trong thực tiễn cách mạng nước ta.

Thứ hai, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không được dao động, xa rời mục tiêu đó. Đây là mục tiêu thể hiện rõ bản chất của GCCN, là sự lựa chọn lịch sử duy nhất đúng đã được thực tiễn nước ta kiểm nghiệm. Độc lập, tự do của mỗi quốc gia trong thời đại ngày nay không phải là vấn đề mới mẻ, nhưng độc lập dân tộc gắn liền với CNXH lại là điều không dễ thực hiện. Đất nước có thể có độc lập, nhưng kinh tế không phát triển, hoặc phát triển nhưng không đúng mục tiêu XHCN thì trước sau nền độc lập ấy cũng không giữ được ý nghĩa chân chính của nó. Vì vậy, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH vừa là yêu cầu cơ bản, bức thiết, vừa là một thách thức đối với các đảng cộng sản khi đã cầm quyền, nhất là trong điều kiện đổi mới, cải cách. Cần tiếp tục khẳng định tính tất yếu và bản chất ưu việt của CNXH, khẳng định con đường XHCN là con đường duy nhất đúng trong bối cảnh quốc tế đầy biến động và phức tạp hiện nay. Trên cơ sở đó, tăng cường tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong nhận thức của nhân dân về kết hợp lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế ở nước ta. Việc khẳng định này không chỉ bằng cách nêu lên tính tất yếu, cũng như bản chất ưu việt, cách mạng, khoa học của CNXH, mà còn bằng cách chỉ ra những mặt trái, những khuyết tật của CNTB, vạch trần bản chất bóc lột tinh vi, xấu xa của nó trong tình hình hiện nay. Dĩ nhiên là không phủ nhận một chiều cả những thành tựu, mà xét về khách quan CNTB đã mang lại cho đời sống văn minh của nhân loại. Hiện nay, tìm ra con đường, biện pháp để xây dựng thành công CNXH, đấu tranh chống lại các thế lực thù địch, bảo vệ hòa bình, độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia là trách nhiệm trực tiếp của Đảng ta, đồng thời là lương tri, trách nhiệm đối với phong trào CSCN quốc tế, là biểu hiện cụ thể bản chất quốc tế của GCCN.

Thứ ba, sự nghiệp cách mạng và sức sống của phong trào CSCN quốc tế phụ thuộc vào nhiều nhân tố khách quan và chủ quan, nhưng phải khẳng định một nhân tố rất quan trọng là vai trò chủ động, sáng tạo của các đảng cộng sản và công nhân ở mỗi nước, nhất là các nước đang đi theo định hướng XHCN, trong đó có Việt Nam. Vì vậy, muốn giành được thắng lợi và giữ vững thành quả cách mạng, Đảng phải nắm vững ngọn cờ độc lập, nắm được vai trò lãnh đạo đất nước, phải có đường lối độc lập, tự chủ, chính sách phát triển kinh tế - xã hội đúng đắn, có cơ sở xã hội vững chắc, có biện pháp đấu tranh tập hợp lực lượng thích hợp... Trên phạm vi quốc tế, cần có sự phối hợp hành động, giúp đỡ lẫn nhau trên nguyên tắc bình đẳng, độc lập, tự chủ của mỗi đảng. Sự thống nhất tư tưởng, hành động luôn là cần thiết nhưng không chấp nhận bất kỳ sự đồng nhất nào, một khuôn mẫu có sẵn nào mang tính chất áp đặt ; không lệ thuộc hay ỷ lại bên ngoài. Sớm phát hiện sai lầm, khuyết tật để khắc phục, sửa chữa kịp thời và kiên quyết. Đổi mới nội dung, phương thức hành động, hợp tác trong bối cảnh quốc tế mới. Phải có chiến lược, sách lược đúng đắn, mềm dẻo, linh hoạt trong việc tạo lập

Digitized by Google

môi trường quốc tế thuận lợi, nhưng không từ bỏ mục tiêu giai cấp, lý tưởng cách mạng của mình ; chủ động liên minh rộng rãi với các phong trào, các tổ chức chính trị tiến bộ ở khu vực và thế giới, coi trọng quan hệ với các đảng dân chủ - xã hội, các đảng cánh tả...

Thứ tư, cần nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và tính cấp thiết của công tác tuyên truyền, giáo dục về lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế trong giai đoạn mới của cách mạng Việt Nam. Nó không chỉ nhằm nhân lên sức mạnh của dân tộc trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, mà cao hơn là góp phần củng cố niềm tin vào con đường đi lên CNXH đối với các dân tộc khác có hoàn cảnh và điều kiện tương tự. Chính vì vậy, cần tiếp tục tạo ra trong đông đảo quần chúng nhân dân một nhận thức đúng về mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế ; phải coi đó là một nhiệm vụ không thể tách rời trong công cuộc phát triển đất nước dựa trên cơ sở phát huy tối đa mọi nguồn lực trong nước và các nguồn lực bên ngoài.

Thứ năm, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế thông qua các diễn đàn, các khóa học, các phương tiện thông tin đại chúng... là yêu cầu quan trọng hiện nay. Muốn cho nội dung tuyên truyền, giáo dục thực sự đi vào các tầng lớp nhân dân cần phải xác định được những nhiệm vụ mang tính chiến lược, thường xuyên, lâu dài, những nhiệm vụ có tính chất cần thiết, làm ngay (ví dụ như các phong trào đoàn kết ủng hộ nhân dân Cu-ba, phong trào ủng hộ nhân dân các nước chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình, bảo vệ môi trường...). Bên cạnh đó, cần cải tiến hình thức hợp lý cho công tác này sống động hơn, được nhân dân đồng tình ủng hộ. Trước hết cần đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao tính hấp dẫn, kịp thời, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu đúng tình hình đất nước và thế giới. Trong bối cảnh bùng nổ thông tin như hiện nay, cần đặc biệt coi trọng cải tiến hình thức và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan làm công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận như cơ quan thông tấn, báo chí, giáo dục và đào tạo... nhằm thông tin đa dạng, nhiều chiều, nhanh chóng, kịp thời, chính xác, đúng định hướng đến nhiều đối tượng khác nhau trong xã hội.

Hiệu quả của việc tuyên truyền, giáo dục về lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các trường học, các lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận... phụ thuộc rất nhiều vào nội dung của vấn đề. Do vậy, kiến tạo được nội dung tuyên truyền về lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế một cách khoa học, thiết thực, phù hợp với từng loại đối tượng là vô cùng cần thiết. Đành rằng, xuyên suốt mọi phương thức tuyên truyền, giáo dục là nội dung về sự kết hợp lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế, nhưng ở mỗi đối tượng, nội dung cần có cách thể hiện khác nhau, dung lượng chuyển tải khác nhau. Điều đó đòi hỏi giữa nội dung cần tuyên truyền, giáo dục với hình thức, phương pháp thể hiện phải có sự thống nhất chặt chẽ.

Để công tác tuyên truyền, giáo dục về lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế phát huy hiệu quả cao hơn và đúng hướng, xin nêu một vài kiến nghị :

1. Nhanh chóng xây dựng và hoàn thiện hệ thống lý luận về cách mạng XHCN ở Việt Nam ; tiếp tục vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những tinh hoa trí tuệ của dân tộc và nhân loại ; bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh. Khai thác di sản lý luận về lợi ích dân tộc kết hợp với nghĩa vụ quốc tế trong sự nghiệp cách mạng trên tinh thần sáng tạo, phát triển...

2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, trước hết là các cấp ủy đảng đối với công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị nói chung, về lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế nói riêng.

3. Đổi mới mạnh mẽ tư duy về công tác tuyên truyền, giáo dục lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế, xác định rõ vai trò, nội dung của công tác này trong hệ thống giáo dục lý luận cho cán bộ, đảng viên và trong hệ thống giáo dục quốc dân.

(Xem tiếp trang 76)

Digitized by Google

AN NINH LƯƠNG THỰC NƯỚC TA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

VÕ HÙNG DŨNG *

I - KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH LƯƠNG THỰC NƯỚC TA (1976 - 2000).

1 - Những thành quả đã đạt được.

Lương thực có vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, chính trị và xã hội của nước ta. Từ sau 1975 đến nay, ở nước ta mỗi khi lương thực biến động thì tình hình kinh tế - xã hội ít nhiều cũng bị ảnh hưởng theo. Thời gian từ 1975 - 1985 là giai đoạn trì trệ, sản xuất lương thực không đủ tiêu dùng, phải nhập khẩu, có năm nhập tới trên 1,5 triệu tấn gạo. Các năm tiếp theo, từ 1986 - 1990 là giai đoạn cực kỳ khó khăn, tăng trưởng thấp, lạm phát cao ; sản xuất lương thực tăng nhưng lưu thông bị hạn chế, tình trạng thừa thiếu đan xen nhau, thiếu hụt cục bộ tại các điểm nóng vẫn thường xảy ra, mặc dù từ 1982 - 1985 tình hình lương thực đã bước đầu có sự chuyển biến. Vào năm 1987 - 1988, mặc dầu sản xuất lương thực tại đồng bằng sông Cửu Long đã có sự gia tăng đáng kể, đủ sức để cân đối cho nhu cầu của cả nước, nhưng phải đến năm 1989 - 1990 mới xuất khẩu gạo được ra nước ngoài. Có thể nói việc xuất khẩu lương thực bắt đầu từ năm 1989 đã chuyển Việt Nam sang một giai đoạn mới, từ nước nhập khẩu sang xuất khẩu, cải thiện đời sống của một bộ phận lớn dân cư, gia tăng sức mua xã hội, góp phần giảm bớt thâm hụt thương mại, là tiền đề quan trọng chống lạm phát có kết quả, từ đó tác động tích cực đến quá trình phát triển kinh tế Việt Nam trong những năm sau này.

Xuất khẩu lương thực là một trong những thành tích nổi bật nhất trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế, tạo niềm tin trong xã hội vào sự lãnh đạo của Đảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội trong bối cảnh hết sức phức tạp của các năm 1986 - 1990. Thành quả đó đã được tiếp tục trong các năm sau này. Sản lượng lương thực bình quân đầu người vào năm 2000 đã tăng gấp 1,4 lần so với mức của năm 1990. Trong hơn 10 năm đã xuất khẩu trên 30 triệu tấn gạo, với tổng giá trị gần 7 tỉ USD.

Tuy nhiên, từ 1997 đến nay, lương thực đã trở thành "vấn đề", ngày càng xuất hiện nhiều hơn trên các diễn đàn thông tin và nhiều lúc đã trở thành tiêu điểm thời sự trong các kỳ họp của Quốc hội, của Chính phủ. Sở dĩ vấn đề lương thực đã trở thành mối bận tâm từ người nông dân cho đến cấp lãnh đạo cao nhất của đất nước là do tình trạng khó khăn về giá cả và tiêu thụ. Trong nhiều trường hợp nó đã tác động đến giá cả, lạm phát và tăng trưởng chung của nền kinh tế, liên quan đến các vấn đề chính sách nông nghiệp, nông thôn. Giải quyết vấn đề về lương thực, vì thế có ý nghĩa hết sức quan trọng trong quá trình đưa nền kinh tế thoát khỏi tình trạng hiện nay.

2 - Những tác động của lương thực từ khi có xuất khẩu đến nay.

a - Tình trạng dư thừa và suy giảm giá cả.

Quá trình xuất khẩu đã kích thích sản xuất lương thực gia tăng liên tục trong hơn 15 năm với tỷ lệ bình quân xấp xỉ 5,5%/năm, sản lượng tính trên đầu người đã tăng từ 310 kg trong các năm 1986 - 1990 lên 415 kg trong các năm 1996 - 2000. Từ 1998 đến nay, lương thực dư thừa tăng rất nhanh, áp lực của nó lên nền kinh tế mỗi ngày một nặng nề hơn. Dự báo trong thời gian tới sản lượng lương thực vẫn tiếp tục tăng thêm, xuất khẩu tuy có tăng nhưng sẽ không theo kịp.

Nguyên nhân của vấn đề là cung đã vượt xa cầu, thị trường thế giới thường xuyên thay đổi, trong khi lượng cung cấp lương thực của Việt Nam chỉ có một mực là không ngừng tăng.

---

* TS kinh tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp

Digitized by Google

Hậu quả của tình trạng trên là giá cả lương thực từ trạng thái gia tăng mạnh trong các năm qua đã chuyển sang giai đoạn suy thoái và đang có chiều hướng kéo dài.

Sự dư thừa đã gây nên tình trạng suy giảm giá cả. Giá gạo xuất khẩu đạt đỉnh cao trong năm 1996 - 1998 đã giảm mạnh sau đó, giá lúa trong nước cũng nhanh chóng giảm theo. Thực tế cho thấy giá lúa trong nước tăng đều đặn từ 1989 và đạt được đỉnh cao vào năm 1998, nhưng nếu tính lại theo diễn biến của tỉ giá ngoại tệ thì giá lúa gần như ổn định từ 1989 đến nay và gắn bó chặt hơn với giá xuất khẩu. Theo cách tính này (1) thì đỉnh cao của giá lúa đạt được vào năm 1998 cũng chỉ xấp xỉ với mức giá bình quân của năm 1995. Giá lúa bình quân của năm 2000 chỉ bằng 70% so mức giá năm 1998 và cao hơn năm 1989 một ít, đến đầu năm 2001 này các con số ghi nhận được cho thấy tình hình còn tồi tệ hơn.

Các tính toán còn cho thấy các yếu tố thuộc đầu vào như phân bón, xăng dầu, không ngừng tăng lên về số lượng và giá cả. Điều đó đưa đến hệ quả là sản xuất tăng, nhưng thu nhập có thể không tăng.

b - Biến đổi cơ cấu mùa vụ : Phân tích quá trình xuất khẩu các tháng trong năm giai đoạn 1990 - 2000 còn ghi nhận hiện tượng về tính chu kỳ của giá cả và lượng xuất khẩu. Xuất khẩu thường dồn dập và đạt đỉnh cao trong các tháng mùa khô, với khối lượng rất lớn, tiếp theo đó là thời kỳ xuất rất ít nhưng đôi khi lại khá dài. Việc xuất khẩu dồn dập trong một khoảng thời gian ngắn rồi lại dứt quãng trong thời gian dài không phải là điều tốt, bởi hàng loạt các dịch vụ đi kèm theo thường là quá tải và trở nên tồi tệ hơn với chi phí đắt một cách vô lý, đặc biệt trong lĩnh vực vận chuyển, bốc xếp mà xuất khẩu phải chịu chi phí cao gấp rưỡi, thậm chí gấp đôi so lúc bình thường. Trước 1995, giá lúa gạo thường giảm thấp mỗi khi vào vụ đông xuân, tăng lên vào cuối vụ nhờ xuất khẩu, nhưng lại giảm khi thu hoạch vụ hè thu và rồi tăng mạnh vào cuối năm, đầu năm, trước khi vụ thu hoạch đông xuân mới bắt đầu. Điều này đã gây ra sự biến đổi trong cơ cấu các mùa vụ của lương thực.

Biểu 1 - Thay đổi cơ cấu sản lượng và diện tích lúa từ 1976 - 1980 đến 1996 - 2000

Năm	1976 - 1980	1981 - 1985	1986 - 1990	1991 - 1995	1996 - 2000
+ Sản lượng lúa	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Đông xuân	33,1	38,2	34,6	46,2	47,0
Hè thu	12,4	18,8	24,0	26,1	26,0
Mùa	54,5	43,0	41,4	27,7	27,0
+ Diện tích lúa	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Đông xuân	29,2	29,4	33,2	35,4	37,8
Hè thu	11,9	12,6	18,0	23,5	28,1
Mùa	58,9	58,0	48,8	41,1	34,1

Nguồn : Niên giám thống kê qua các năm

Biểu trên cho thấy sự thay đổi cơ cấu mùa vụ trong các giai đoạn 5 năm, từ 1976 đến 2000. Từ sau 1990, đông xuân đã trở thành vụ sản xuất lớn nhất có hiệu quả nhất trong năm, chiếm gần 1/2 sản lượng và trên dưới 35% diện tích. Vụ mùa từ chỗ hơn 1/2 sản lượng và gần 60% diện tích đã giảm xuống chỉ còn trên 30%. Sự thay đổi đó diễn ra rất nhanh chóng trong khoảng thời gian từ 1991 - 1995, nhưng dường như đã chậm lại trong các năm từ sau 1996 đến nay để đạt tỷ lệ "cân bằng" hơn về cơ cấu giữa các vụ mùa trong năm về sản lượng cũng như diện tích.

Tác động của sự thay đổi này là thời kỳ giáp hạt không còn, lương thực thu hoạch quanh năm, yêu cầu dự trữ chiến lược quốc gia không mang tính cấp thiết. Giá cả do đó ít chịu tác động bởi thời vụ trong nước so trước kia mà chịu tác động bởi giá xuất khẩu nhiều hơn, nghĩa là phụ thuộc vào nhu cầu của thị trường nước ngoài nhiều hơn so trước kia.

c - Tác động đến chỉ số giá hàng tiêu dùng : Thống kê giá hàng tiêu dùng (CPI) cho thấy năm 1996 chỉ tăng 4,5% ; năm 1997 giảm xuống còn 3,6% ; năm 1999 hầu như không tăng, sang năm 2000 tình hình còn tồi tệ hơn khi chỉ số giá âm 0,6%. Chỉ số giá giảm mạnh thường diễn ra

(1) Giá lúa theo giá tính từ giá lúa bình quân cả năm điều chỉnh theo sự thay đổi của tỷ giá VNĐ/USD, lấy năm 1995 làm chuẩn (1995=100) cho thấy giá lúa chỉ đạt đỉnh cao vào năm 1995 sau đó là giảm dần

Digitized by Google

chủ yếu trong các tháng thu hoạch rộ vụ đông xuân và liên quan đến tình hình xuất khẩu gạo.

Rõ ràng là tình trạng dư thừa lúa gạo đã gây áp lực đến giá cả lúa gạo và chỉ số giá hàng tiêu dùng. Tuy nhiên, do sự biến đổi cơ cấu mùa vụ nên những tác động này cũng đã có sự thay đổi trong các thời kỳ khác nhau.

Trước 1995, chỉ số giá hàng tiêu dùng suy giảm chỉ xuất hiện vào năm 1993 khi chỉ số tăng giá chung của năm này là 5,2%, nhiều tháng trong năm có chỉ số giá âm. Đó là năm sản xuất lương thực tăng (gần 1,3 triệu tấn) nhưng xuất khẩu lại giảm (250 nghìn tấn) so năm trước. Từ 1996 - 2000 sự suy giảm chỉ số giá diễn ra thường xuyên hơn, càng lúc càng dày, càng về sau càng nặng, và liên quan hết sức chặt chẽ với tình hình sản xuất và xuất khẩu lương thực.

Các phân tích đã cho thấy hiện tượng suy giảm chỉ số giá hàng tiêu dùng có liên quan mật thiết đến tình hình sản xuất và xuất khẩu lương thực trong mấy năm gần đây. Điều này cho thấy các giải pháp khắc phục giảm phát nếu bỏ qua thực tế trên sẽ khó thu được kết quả tốt và giải quyết vấn đề lương thực có ý nghĩa quan trọng trong quá trình đưa nền kinh tế thoát khỏi khó khăn hiện nay.

II - MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ AN NINH LƯƠNG THỰC.

1 - Cần có sự điều chỉnh về chính sách nông nghiệp.

Phân tích tình hình lương thực về mặt chính sách cho thấy : từ năm 1976 - 1987 là thời kỳ thiếu hụt, phải nhập khẩu lương thực nên ưu tiên của chính sách là bằng mọi giá phải sản xuất cho được càng nhiều lương thực càng tốt. Từ năm 1988 - 1993 là thời kỳ đã tự cân đối được, có dư thừa để xuất khẩu, nhưng nền sản xuất nói chung vẫn chưa vững, xuất khẩu vẫn chưa ổn định, nên chính sách vẫn hướng vào gia tăng sản lượng để tăng cường xuất khẩu.

Từ năm 1994 - 1998 là thời kỳ sản xuất trên đà gia tăng, xuất khẩu tăng mạnh, giá xuất khẩu đã kích thích mạnh việc gia tăng sản xuất, làm ra nhiều lương thực. Nhưng từ năm 1999 đến nay tình trạng dư thừa đã quá lớn, gây áp lực trên nhiều mặt trong nền kinh tế, các nhà hoạch định chính sách cũng đã nhận ra rằng không thể tiếp tục con đường thúc đẩy gia tăng sản lượng bằng mọi giá, và kêu gọi sự thay đổi tư duy sản xuất của người nông dân là : "hãy trồng để bán, chứ không phải trồng để mà trồng" !

Tình hình đã có nhiều thay đổi, sự điều chỉnh chính sách là cần thiết, nhưng vấn đề đặt ra là cần xem xét ở một phạm vi rộng lớn hơn. Nhiều vấn đề sâu xa hơn cần phải lường trước để tránh tích tụ nguy cơ làm mất ổn định xã hội khi mà khoảng cách thu nhập, đời sống giữa thành thị và nông thôn ngày một cách biệt xa hơn.

Trước hết, sự thay đổi về mặt chính sách ở cấp vĩ mô có thể không cùng nhịp với suy nghĩ của người nông dân cũng như quá trình nhận thức của họ. Hơn nữa, muốn chuyển từ đất trồng lúa sang trồng các loại cây khác cũng phải có một thời gian khá dài để chuẩn bị. Bản thân người nông dân cũng cần có thời gian để đào tạo, huấn luyện thích ứng với hoạt động mới, và cũng phải tìm biện pháp để bổ sung vào nguồn thu nhập đang hụt dần trong khi nhu cầu ngày một tăng cao. Đó là chưa nói, không phải người nông dân nào cũng có thể dễ dàng chuyển sang trồng, nuôi những thứ mà lâu nay họ chưa biết.

Sự thay đổi về mặt chính sách diễn ra trong bối cảnh Việt Nam đang là quốc gia xuất khẩu lương thực và đang trên bước đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hiện tại đang trong tình trạng dư thừa nhưng trong tương lai không xa có thể phải đối mặt với tình trạng sụt giảm diện tích, sụt giảm sản lượng. Việt Nam là nước đất hẹp, dân đông cần tham khảo những bài học của các nước trong khu vực để tính đến chiến lược lâu dài trong phát triển nền nông nghiệp.

2 - Mối quan hệ giữa sản xuất lương thực và xuất khẩu ở nước ta.

Sự gia tăng lương thực nhanh chóng trong thời gian qua đã mang nhiều lợi ích to lớn, nhưng nó cũng đã thu hút mạnh các nguồn lực vào sản xuất lương thực và do đó làm suy yếu các nguồn lực có thể đưa vào các ngành khác ngoài cây lương thực dẫn đến sự phát triển méo mó cơ cấu sản xuất trong nhiều vùng nông nghiệp.

Ở đồng bằng sông Cửu Long sự tăng trưởng mạnh của sản xuất lương thực trong 2 thập kỷ qua

Digitized by Google

đã giải quyết được nhiều vấn đề trong chiến lược an ninh lương thực quốc gia. Nhưng nó ảnh hưởng lâu dài đến đời sống văn hóa, xã hội do thói quen tâm lý coi cây lúa là số 1, ỷ lại vào sự bảo trợ của Nhà nước, những tác động đến môi trường do sử dụng ngày càng nhiều hóa chất nông dược, sự méo mó cơ cấu sản xuất do chỉ tập trung vào cây lương thực. Đáng chú ý là sự đơn nhất về cơ cấu lao động sẽ là những khó khăn lớn trên con đường chuyển đổi cơ cấu, phát triển kinh tế - xã hội trong nhiều năm tới của vùng này.

Các phân tích cho thấy mặc dù Chính phủ đang nỗ lực kêu gọi giảm bớt sản xuất lương thực nhưng tình hình không dễ dàng làm được trong một vài năm tới. Vì thế nếu đặt mục tiêu xuất khẩu 4 triệu tấn/năm từ nay đến năm 2005 sẽ không giải được quyết vấn đề, Nghiên cứu về tình hình xuất khẩu gạo trên thế giới từ năm 1995 đến 2000 cho thấy Thái Lan và Mỹ đã ổn định được thị trường và có được chiến lược tốt hơn trong xuất khẩu so với Việt Nam. Số lượng xuất khẩu của Việt Nam tăng rất nhanh nhưng giảm cũng rất đột ngột, trong chừng mực nào đó còn phụ thuộc vào hai nhân tố đầy biến động là thị trường Trung Quốc và Ấn Độ. Hai quốc gia đông dân nhất hành tinh này luôn là ẩn số và dễ gây nên những cơn biến động đầy sóng gió trên thị trường xuất khẩu lúa gạo thế giới.

Biểu 2 - Xuất khẩu gạo Việt Nam và một số nước (triệu tấn)

Năm	1989	1991	1993	1995	1996	1997	1998	1999	2000
Toàn thế giới	14,9	12	14,5	19,6	19	18,8	27,6	24,8	22,7
Trung Quốc	0,4	0,8	1,3	0,3	1	0,9	3,8	2,7	3,2
Ấn Độ	0,3	0,6	0,7	3,6	2	1,9	4,5	2,6	1,3
Mi-an-ma				0,3	0	0	0,1	0,1	0,3
Pa-ki-xtan	0,8	1,3	0,9	1,7	1,9	2	2	1,8	1,9
Thái Lan	6,3	4,0	4,8	5,3	5,3	5,2	6,4	6,7	6
Việt Nam	1,4	1,0	1,8	3,1	3,6	3,3	3,8	4,6	3,4
Hoa Kỳ	3,1	2,2	2,6	2,6	2,3	2,3	32	2,8	2,8

Nguồn : FAO, Commodity Review and Outlook 1993 - 1994 ; Rice Market Monitor (FAO) Issue No 2-May 1998 ; Food outlook, FAO, Rome, February 2000, Internet Webside : Fao.com ; Báo cáo của Tổ công tác xuất khẩu gạo và nhập khẩu phân bón, ngày 02-01-2001.

Biểu trên cho thấy xuất khẩu gạo thế giới đã tăng từ 15 triệu tấn năm 1989 lên 19,6 triệu tấn năm 1995 và đạt đỉnh cao là 27,6 triệu tấn vào năm 1998, nghĩa là đã tăng 85% trong khoảng thời gian 9 năm. Trong khoảng thời gian ấy lượng xuất khẩu Việt Nam đã tăng 2,7 lần. Năm 1999 xuất khẩu thế giới giảm xuống còn 24,8 triệu tấn nhưng Việt Nam lại tăng thêm gần 1 triệu tấn, chỉ đến năm 2000 xuất khẩu của thế giới và Việt Nam đều giảm. Điều đó cho thấy sự chen chân của gạo Việt Nam vào thị trường gạo quốc tế trong thời gian qua là rất mạnh, dự báo khả năng cạnh tranh của gạo Việt Nam trong thời gian tới vẫn còn nhiều hứa hẹn.

Mục tiêu đặt ra là phải xuất khẩu được từ trên 5 triệu tấn mới có thể giải quyết cơ bản, ổn thỏa được tình hình lương thực hiện nay và xu hướng tiếp diễn trong vài ba năm tới. Về lâu dài khả năng xuất khẩu có thể giảm nhưng trong những năm trước mắt phải xuất khẩu trên con số ấy mới có thể bảo đảm được sự ổn định tình hình của nông nghiệp và nông thôn trong giai đoạn chuyển đổi cơ cấu từ nay đến 2005, để đi vào phát triển ổn định. Khả năng này hoàn toàn có thể vươn tới, nhưng đòi hỏi phải có những nỗ lực lớn và nhiều giải pháp đồng bộ hơn.

Cũng cần tính lại việc xuất khẩu và tổ chức công việc xuất khẩu lương thực như thế nào để có hiệu quả. Tình trạng "chạy xô" trong xuất khẩu gạo cho đến nay vẫn còn rất phổ biến. Cụ thể là khi thị trường khó khăn thì thi nhau chào bán, giá cả càng chào, càng hạ. Đến khi có hợp đồng thì đổ xô đi mua gom gạo, kích thích mạnh giới thương lái và cả nông dân găm giữ hàng chờ lên giá. Khi nhu cầu thị trường thế giới gia tăng, giá cả biến động, các nhà xuất khẩu thường bị "hụt hơi" nên tìm cách trì hoãn thực hiện hợp đồng, đến khi giá rớt thì tồn kho chưa xuất được lại quá lớn. Khi giá xuất khẩu tăng vọt, đặc biệt do nhu cầu từ các nước trong khu vực (Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a), các nhà chế biến và xuất khẩu lại lao vào làm hàng ẩu, chất lượng kém, bỏ rơi khách hàng ở các thị trường xa, đến khi giá cả sụp đổ thì việc tìm lại những bạn hàng cũ hết sức khó khăn, rất khó nối lại mối quan hệ.

Digitized by Google

Tất cả những điều này cần được loại bỏ. Từng bước xây dựng chiến lược cạnh tranh toàn diện, hệ thống ứng phó hữu hiệu, tập hợp được các doanh nghiệp trong nước thực hiện để giữ vững thành quả và tiến thêm một bước về chất trong xuất khẩu.

3 - Tăng cường xuất khẩu, xây dựng hệ thống dự trữ lương thực quốc gia, đa dạng hóa nhu cầu nội địa là nội dung của chiến lược an ninh lương thực trong tình hình mới.

Các phân tích thời gian qua cho thấy giá lúa gạo trong nước bị tác động rất mạnh bởi nhu cầu nhập khẩu của nước ngoài. Nhưng đó mới chỉ là một khía cạnh phân tích từ trong nước. Việt Nam là nước xuất khẩu gạo lớn trên thế giới, việc thay đổi sản lượng và chính sách xuất khẩu của Việt Nam, trong chừng mực nhất định, có tác động đến tình hình buôn bán và giá gạo thế giới.

Những bài học thời gian qua cho thấy ngay lúc tình hình có khó khăn thì *khâu dự trữ trong nước là cực kỳ quan trọng* (2). Khi thị trường đang suy yếu, nếu các nhà xuất khẩu càng nôn nóng thì càng khó xuất, giá cả càng sụt giảm. Trong tình hình đó, các nhà nhập khẩu cũng hết sức ngần ngại vì họ lo sợ phải đối phó với tình trạng sụp đổ giá cả do các nhà cung cấp liên tục chào bán với giá càng lãi càng cạnh tranh.

Giải pháp trước đây thường được đưa ra áp dụng là giảm bớt đầu mối xuất khẩu nhằm giảm bớt số người chào bán. Nhưng điều đó chỉ có ý nghĩa trong một, vài năm đầu lúc Việt Nam mới xuất hiện trên thị trường buôn bán gạo thế giới. Về sau này giải pháp đó không có tác dụng bởi yếu tố chính làm sụt giảm giá lúa gạo là cung vượt quá cầu, người nông dân cần bán, các nhà xuất khẩu cần bán vẫn còn đó. Chính nguồn cung gia tăng không thể điều hòa được cùng với các áp lực phải bán đã góp phần thúc đẩy giá gạo Việt Nam đã thấp, càng thấp hơn.

Theo dõi thị trường từ hơn 10 năm nay cho thấy yếu tố lợi và bất lợi trong xuất khẩu tuy đan xen nhau nhưng luôn mang tính chu kỳ. Thường sau khoảng thời gian thuận lợi sẽ đến lúc bất lợi, sau thời kỳ bất lợi lại đến lúc xuất khẩu có lợi. Dường như, điều đó mang tính quy luật. Nếu các doanh nghiệp chịu khó nghiên cứu rút ra những bài học quan trọng trong chiến thuật với nước ngoài, và ở cấp điều hành chính sách có những biện pháp hữu hiệu, khi thị trường bất lợi phải tăng cường mức dự trữ chiến lược để khi thị trường có dấu hiệu tốt là lúc có thể thu hồi cả vốn và lãi.

Kinh nghiệm cũng cho thấy dù thị trường có dấu hiệu tốt, việc xuất khẩu đang thuận lợi cũng không nên gia tăng ồ ạt sản lượng sản xuất ; cũng như không nên thừa lúc người mua đang rất cần mà giao hàng với bất cứ chất lượng nào, bởi điều đó là tự mình đánh mất mình trong cuộc cạnh tranh nghiệt ngã của thị trường.

Tóm lại, chiến lược lương thực của Việt Nam trong thời gian tới phải nhằm vào mục tiêu duy trì tư thế là một trong những nước xuất khẩu lương thực hàng đầu thế giới, đảm bảo sự ổn định về chính trị và nâng cao đời sống của người nông dân, mà cụ thể là người trồng cây lương thực. Chiến lược ấy phải được thực hiện dựa trên nền tảng xuất khẩu và dự trữ chiến lược của quốc gia.

III - MỘT SỐ CÔNG VIỆC CẦN LÀM TRƯỚC MẮT.

1 - Xây dựng chiến lược dự trữ lương thực quốc gia bao gồm việc cải tổ cơ quan dự trữ lương thực quốc gia, thiết lập hệ thống kho dự trữ lương thực nhà nước ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, thí điểm phương án sử dụng một số kho trong hệ thống dự trữ đó như một ngân hàng lúa cho nông dân gửi vào và phiếu gửi đó có thể sử dụng làm vật thế chấp vay vốn ngân hàng. Hệ thống dự trữ đó cũng có thể cho các nhà xuất khẩu vay mượn khi đang có khó khăn nhất thời trong lúc xuất khẩu. Điều này có lợi cho nông dân khi họ chưa có nhu cầu bán, có lợi cho nhà xuất khẩu trong

(2) Dự trữ lương thực trong các năm gần đây không được xem trọng. Thường thì khi vào vụ đông xuân do giá lúa giảm sút nghiêm trọng Chính phủ hỗ trợ mua tạm trữ. Tác dụng của tạm trữ tuy có, nhưng liều lượng thật ra không đủ. Số lượng tạm trữ trong các năm 2000 và 2001 còn thấp xa so yêu cầu. Điều này có thể thấy được qua biểu hiện chỉ số giá cả. Lượng lương thực dư thừa nhiều nhưng mua vào ít, lượng tiền mặt đưa ra tương ứng vì thế cũng thấp nên giá cả suy giảm không ngăn chặn được. Cần có cái nhìn mới về dự trữ lương thực trong tình hình mới để mạnh dạn thay thế giải pháp mua tạm trữ bằng cách dự trữ chiến lược phục vụ cho nhiều mục tiêu của chính sách kinh tế

Digitized by Google

lúc thiếu hụt lượng dự trữ xuất khẩu, trên hết là có lợi cho quốc gia do điều hòa được hệ thống lương thực tránh sự suy giảm giá gạo trong nước dẫn đến tình trạng cạnh tranh bất lợi về giá trên thị trường quốc tế.

Việc mua lúa gạo dự trữ mang tính chiến lược như vậy cần có sự tham gia của cơ quan dự trữ nhà nước chứ không phải chỉ là việc của các công ty kinh doanh. Bởi vì, thực tế một số năm gần đây cho thấy việc sử dụng quỹ bình ổn giá, hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp nhà nước mua tạm trữ lúa gạo tuy có tác dụng nhưng còn rất hạn chế, còn lắm việc phải bàn.

2 - Thúc đẩy các hoạt động khuyến nông sử dụng giống lúa phù hợp nhu cầu xuất khẩu. Ở những vùng đất mà với những giống lúa có thể cho năng suất cao nhưng không thích hợp cho xuất khẩu thì nên khuyến cáo nông dân ở đó trồng những loại lúa để đáp ứng nhu cầu trong nước. Mở rộng hệ thống cảng sông trong vùng đồng bằng sông Cửu Long để gia tăng năng lực bốc dỡ hàng, tiết kiệm chi phí vận chuyển bốc xếp, mở rộng các hoạt động dịch vụ phục vụ nhu cầu xuất khẩu trong vùng. Đầu tư nâng cấp các nhà máy xay xát, chế biến, xây dựng một số nhà máy có trang thiết bị hiện đại đủ sức làm ra những loại hàng có phẩm chất cao đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe của những nước nhập khẩu giàu có nhưng khó tính. Cải tiến toàn bộ hệ thống kiểm tra chất lượng hàng hóa xuất khẩu, chấm dứt tình trạng nhũng nhiễu các nhà xuất khẩu, các nhà xay xát, chế biến ; khuyến khích việc giao hàng có chất lượng ổn định để giữ được khách hàng, tránh tình trạng "chạy xô" như vừa qua.

3 - Thực hiện việc Chính phủ mua lúa gạo dự trữ và xuất khẩu gạo (đấu thầu hoặc chỉ định nhà xuất khẩu cho hưởng hoa hồng) các hợp đồng chính phủ. Không nên để một vài công ty độc quyền hưởng lợi để rồi phân phối lại như hiện nay (3). Không khuyến khích gia tăng diện tích nhưng cũng không thúc ép việc giảm diện tích và sản lượng lương thực. Nâng mức mua dự trữ lương thực trong nước lên từ 2 triệu tấn gạo và triển khai ngay trước khi vụ đông xuân bắt đầu. Một nửa trong số ấy cần được thực hiện bởi cơ quan dự trữ của Nhà nước. Cần có những nỗ lực ở cấp chính phủ để đạt được mục tiêu xuất khẩu trên 5 triệu tấn, giảm bớt áp lực dư thừa lúa gạo. Trước khi các giải pháp trên có thể phát huy tác dụng, nhà nước vẫn phải hỗ trợ nông dân khi cần thiết, cụ thể nhất là phải nâng mức mua dự trữ lên 1,5 - 2 triệu tấn gạo.

4 - Nghiên cứu xem xét việc giảm thuế hoặc xóa bỏ một số thuế trong nông nghiệp như thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế VAT với những hoạt động sản xuất, gia công, chế biến các mặt hàng sử dụng lương thực và các phụ phẩm từ lương thực, các hoạt động liên quan đến chăn nuôi.

5 - Vấn đề thị trường là một yếu tố rất quan trọng. Thực tế cho thấy thị trường lúa gạo đã hình thành từ nhiều năm trước khi Việt Nam tham gia vào hệ thống xuất khẩu đó. Nhưng tính ổn định của nó chỉ tương đối, biên độ dao động đôi khi rất lớn. Hệ thống thông tin về sản xuất - tiêu thụ, tồn kho của các quốc gia lớn rất cần được chú ý theo dõi và phân tích chặt chẽ. Đối với Việt Nam phải chú ý đến Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Ấn Độ và Phi-líp-pin vì sự thay đổi sản lượng sản xuất và tồn kho của các quốc gia này có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam.

Tầm quan trọng của lương thực không phải là vấn đề nó chiếm bao nhiêu trong GDP mà chính vì nó liên quan đến một bộ phận lớn dân cư nông thôn, đến sức mua xã hội, do đó an ninh của lương thực bao giờ cũng là vấn đề nhạy cảm. Quan niệm về an ninh lương thực trong thời kỳ hiện nay không chỉ là sản xuất và dự trữ về mặt lượng mà cần phải bao hàm cả các giải pháp gia tăng cạnh tranh trên trường quốc tế, ổn định và nâng cao đời sống của người sản xuất và cả những người có liên quan đến hoạt động trong ngành lương thực. Vì vậy, vốn đầu tư cho ngành lương thực cũng cần tập trung thực hiện mục tiêu nâng cao khả năng cạnh tranh xuất khẩu của mặt hàng lương thực. ❑

---

(3) Báo cáo của Bộ Thương mại năm 2000 xuất khẩu được gần 3,4 triệu tấn gạo, giá xuất bình quân là 188 USD/T bao gồm hơn 750 nghìn tấn gạo xuất sang I-rắc và sang Cu Ba. Như vậy, không phải thực sự do năng lực của một số doanh nghiệp mà do quan hệ của nhà nước. Nếu Chính phủ là người mua gạo tạm trữ và xuất khẩu (qua đấu thầu chẳng hạn) thì khoản lợi này trở về cho ngân sách cũng là gián tiếp trả lại cho nông dân. Điều khó càng khẳng định thêm yêu cầu về việc nhà nước tực tiếp dự trữ lương thực, thay cho việc đưa tiền cho các doanh nghiệp mua tạm trữ

Digitized by Google

XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH SÁCH GIÁO KHOA HIỆN NAY : THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

ĐƯỜNG VINH SƯỜNG *

SÁCH giáo khoa là một bộ phận quan trọng hợp thành tổng thể sách của xã hội. Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) đã xác định *"phát triển sự nghiệp giáo dục là quốc sách hàng đầu"*, cho nên việc xuất bản và phát hành sách giáo khoa có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động xuất bản. Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến việc xuất bản và phát hành sách giáo khoa. Trên thực tế, sách giáo khoa được xem là một hàng hóa đặc biệt do Nhà nước độc quyền xuất bản và chỉ đạo giá bán thống nhất ở mọi địa bàn với phương châm phục vụ *đầy đủ, kịp thời, đồng bộ* và *đều khắp*. Nhờ vậy, sách giáo khoa phục vụ cho học tập và giảng dạy ở nước ta những năm qua đã từng bước đáp ứng được yêu cầu cơ bản của sự nghiệp giáo dục - đào tạo. Nội dung, hình thức sách giáo khoa, phương thức phục vụ đã có những bước thay đổi cơ bản theo hướng tiến bộ, hiện đại, phù hợp với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước. Song, bên cạnh những thành tựu to lớn đó, việc xuất bản và phát hành sách giáo khoa đang còn một số vấn đề nổi cộm sau đây :

- Số đơn vị tham gia xuất bản sách giáo khoa còn qua nhiều, chưa có sự quy định và quản lý thống nhất. Theo Luật Xuất bản, ở nước ta không có nhà xuất bản tư nhân, tất cả các nhà xuất bản đều thuộc sở hữu nhà nước. Trong lĩnh vực xuất bản sách giáo khoa có quy định không phải bất kỳ nhà xuất bản nào cũng được phép xuất bản. Trên thực tế, Nhà xuất bản Giáo dục được giao nhiệm vụ (có thể xem như độc quyền) xuất bản và phát hành sách giáo khoa. Nhưng ngoài Nhà xuất bản Giáo dục, một số nhà xuất bản khác cũng được giao nhiệm vụ xuất bản một số loại giáo trình dùng cho giảng dạy và học tập ở bậc đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, giáo trình dùng trong các trường Đảng, các đoàn thể... Như vậy, ngay trong khuôn khổ quy định của Nhà nước, việc xuất bản sách giáo khoa, giáo trình cũng đang tồn tại nhiều vấn đề. Phần lớn mọi người đều cho rằng Nhà xuất bản Giáo dục chuyên xuất bản sách giáo khoa cho các cấp học phổ thông, còn ở bậc đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp... do các nhà xuất bản khác đảm nhận. Từ đó dẫn đến tình trạng gần như tất cả các nhà xuất bản đều tham gia xuất bản các loại sách giáo khoa, giáo trình. Nhà xuất bản địa phương cũng xuất bản sách giáo khoa, giáo trình cho các trường cao đẳng, dạy nghề... trên địa bàn mình. Thực tế đó đã làm cho tình trạng "loạn giáo trình" trở thành phổ biến ở nhiều cơ sở đào tạo. Hơn nữa, việc quy định tiêu chuẩn phân định sách giáo khoa và giáo trình chưa cụ thể, thống nhất nên càng có sự "nhộn nhạo". Hiện nay, ở một số trường đại học và cao đẳng, cùng một môn học, trong cùng một trường, với cùng một đối tượng học, mỗi giáo viên lại giảng theo một đề cương riêng, làm cho người học không biết phải "theo ai". Điều đáng nói ở đây là trong khi Bộ Giáo dục - Đào tạo đã dày công xây dựng khung chương trình chuẩn cho các môn học áp dụng cho từng loại trường, thì trên thực tế người giảng lại không theo "chuẩn" đó mà đưa ra "chương trình riêng" của mình. Cái được và mất ở đây là gì ? Đã có nhiều người đề cập nhưng chưa được khắc phục.

* TS, Phó viện trưởng Viện thông tin khoa học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Đối với cấp phổ thông, tình hình cũng không có gì sáng sủa hơn. Bên cạnh hệ thống sách giáo khoa được biên soạn công phu với sự chỉ đạo và giám sát chặt chẽ, do Nhà xuất bản Giáo dục xuất bản và phát hành thì còn vô số các loại sách khác được xem như là giáo khoa hoặc thay cho giáo khoa do nhiều địa chỉ khác nhau xuất bản và phát hành. Quan sát thị trường sách giáo khoa, chúng ta có thể thấy một lượng không nhỏ sách dùng trong nhà trường do các đơn vị của Bộ Giáo dục - Đào tạo, các sở giáo dục - đào tạo, các sở văn hóa - thông tin, xuất bản. Ở một số trường, một số loại lớp, một số giáo viên không lấy sách giáo khoa của Nhà xuất bản Giáo dục làm chuẩn mực trong dạy và học mà lại lấy sách do các đơn vị khác biên soạn và xuất bản làm công cụ để dạy và học. Điều này ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo và mặt bằng trình độ chung. Có thể nói, đứng trước thị trường sách giáo khoa phổ thông hiện nay, cả phụ huynh và học sinh đều rất băn khoăn khi lựa chọn mua sách "của ai xuất bản".

- Tình trạng in "nhái", in lậu, nối bản sách giáo khoa đang diễn ra ở nhiều nơi với thủ đoạn ngày càng tinh vi, quy mô ngày càng lớn, tính chất ngày càng nghiêm trọng. Những năm gần đây, Bộ Giáo dục - Đào tạo và các cơ quan hữu quan đã tổ chức hàng loạt các cuộc hội thảo để tìm giải pháp ngăn chặn, hạn chế tình trạng trên, song số lượng sách giáo khoa in lậu vẫn tăng gây mất ổn định thị trường sách và làm suy giảm tính nghiêm túc, chuẩn mực vốn có của sách giáo khoa. Qua nghiên cứu thực tế, các loại sách giáo khoa in lậu thường có mấy dạng :

+ In "nhái" sách của Nhà xuất bản Giáo dục. Dựa vào sách của Nhà xuất bản Giáo dục, một số cơ sở in "nhái" bản gốc để đưa ra thị trường. Thực tế nhiều sách in "nhái" rất khó phân biệt với sách chính thống. Trong điều kiện công nghệ in ngày càng hiện đại, việc sao "như bản gốc" không phải là khó, điều này gây thiệt hại rất lớn cho Nhà xuất bản Giáo dục.

+ Chụp, phô tô sách giáo khoa. Trên thị trường sách, chúng ta cũng bắt gặp không ít các loại sách giáo khoa được phô tô không chỉ là đen trắng mà cả màu sắc, đường nét "y chang"....

+ In nối bản sách giáo khoa. Tình trạng in nối bản sách giáo khoa diễn ra nhiều năm nay vẫn chưa có biện pháp ngăn chặn hữu hiệu. In nối bản thông thường có mấy cách : *Một là*, bản thân nhà in được in sách theo hợp đồng với Nhà xuất bản Giáo dục tự ý in thêm số lượng ngoài hợp đồng để tung ra thị trường tiêu thụ. *Hai là*, một số "đầu nậu" bỏ tiền ra với mức chi cao hơn hợp đồng với nhà xuất bản để nhà in in nối (tăng thêm lượng bản). *Ba là*, một số cá nhân móc nối với công nhân nhà in để rút dần từng bộ phận cuốn sách rồi lắp ráp lại thành cuốn sách đưa ra thị trường... Trên thực tế có rất nhiều thủ đoạn in nối bản tinh vi, kín đáo vừa tập trung vừa phân tán rất khó phát hiện.

Sách giáo khoa in lậu góp mặt trên thị trường cũng dưới nhiều hình thức. Một số sách in nối bản hoặc in "nhái" ở trình độ cao người tiêu dùng rất khó phân biệt nên được bày bán một cách công khai thậm chí ở cả các công ty phát hành của Nhà nước. Một số sách giáo khoa phô tô, chụp lại, in "nhái thủ công" được tung ra thị trường theo từng đợt (khi có hiện tượng sốt sách giáo khoa) hoặc được tuồn vào các công ty sách thiết bị trường học, công ty phát hành để "đổi giả lấy thật" đưa ra ngoài. Tinh vi hơn là một số sách in lậu còn được "trà trộn vào với sách thật trong quá trình đóng gói từng bộ sách ở từng lớp làm cho thật giả lẫn lộn... Tình trạng trên tác động không nhỏ đến người tiêu dùng, niềm tin với hàng thật theo đó cũng giảm dần.

- Tổ chức phát hành sách giáo khoa còn rất lộn xộn, chưa có quy định chặt chẽ, thống nhất. Bên cạnh hệ thống phát hành của Nhà nước, hệ thống phát hành của các công ty sách và thiết bị trường học là một lực lượng phát hành tư nhân rất đông đảo, có lúc, có nơi lấn lướt, khống chế cả hệ thống phát hành của Nhà nước. Qua theo dõi nhiều năm có thể nói, bản thân hệ thống phát hành của Nhà nước (bao gồm cả các công

Digitized by Google

ty sách và thiết bị trường học) "làm ăn" chưa thật nghiêm chỉnh, còn phạm luật ở nhiều nơi. Những năm qua, cơ quan chức năng đã nhiều lần bắt quả tang một số xe sách của các công ty sách và thiết bị trường học bán sách giáo khoa dọc đường cho tư nhân trước khi sách được đưa về địa phương mình. Do hệ thống phát hành kém hiệu quả lại không được quản lý chặt chẽ nên tình trạng nơi thừa, nơi thiếu và những cơn sốt sách giả tạo thường xuyên diễn ra ở nhiều nơi. Tình trạng vùng sâu, vùng xa thiếu sách giáo khoa vẫn chưa được khắc phục... Trong khi hệ thống phát hành của Nhà nước còn nhiều yếu kém thì một loạt "đầu nậu", đại lý, cửa hàng sách tư nhân, thậm chí các quầy sách, "mẹt sách" lưu động hoạt động rất sôi nổi ở các thành phố và thị xã, thị trấn. Ngay tại trung tâm Hà Nội, bên cạnh cửa hàng sách giáo khoa rất to của Nhà nước thì ngay cửa của cửa hàng và lân cận là hàng trăm "quầy sách lưu động" của tư nhân công khai bày bán tranh khách với cửa hàng của Nhà nước. Trong các trường đại học, trường phổ thông cũng xuất hiện nhan nhản các "quán sách" tư nhân sẵn sàng phục vụ mọi nhu cầu của học sinh. Họ bày bán đủ loại, kể cả sách in lậu, một cách công khai, từ những tờ rời phô tô đến trọn bộ đủ mọi kích cỡ, kiểu dáng. Hình thức tổ chức bán sách cũng rất phong phú, có quán chuyên bán sách nhưng cũng không ít hình thức kết hợp "năng động" vừa bán nước vừa bán sách, vừa bán hàng quà vừa bán sách, vừa trông xe vừa bán sách, bán ngay tại cổng trường, thậm chí bán ngay tại hành lang giảng đường...

Tình hình xuất bản và phát hành sách giáo khoa hiện nay đang còn nhiều vấn đề phải tiếp tục đề cập, song chúng tôi cho rằng đây là những vấn đề nổi cộm nhất hiện nay. Có thể có nhiều cách lý giải thực trạng trên, ở đây chúng tôi nêu một số nguyên nhân chủ yếu :

- Chưa có nhận thức đầy đủ, đúng đắn về cơ chế thị trường và những tác động tiêu cực của nó đến việc xuất bản và phát hành sách giáo khoa. Trong xã hội, thậm chí trong ngành xuất bản vẫn còn có một số người coi sách giáo khoa là mặt hàng kinh doanh đơn thuần từ đó dẫn đến thương mại hóa hoạt động xuất bản và phát hành sách giáo khoa.

- Công tác quản lý vĩ mô đối với xuất bản và phát hành sách giáo khoa còn thiếu cụ thể, chậm hoàn chỉnh và kém hiệu lực, chưa tạo được môi trường và điều kiện về các mặt : pháp lý, hành chính, chiến lược phát triển, thông tin, kiểm tra, giám sát... Công tác quản lý hoạt động phát hành sách giáo khoa còn lỏng lẻo, chưa kiểm tra chặt chẽ được "đầu vào" của các cửa hàng, đại lý sách, chưa xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này...

- Công tác quản lý xuất bản - phát hành sách giáo khoa liên kết (sách giáo khoa và các sách dùng trong nhà trường khác) còn lỏng lẻo, việc xét duyệt và tổ chức biên soạn bên ngoài nhà xuất bản, tổ chức khâu bản thảo còn có nhiều tồn tại chưa được điều chỉnh kịp thời.

- Quản lý in, nhân bản sách giáo khoa còn nhiều hạn chế, thậm chí có lúc, có nơi còn buông lỏng ; các đội kiểm tra liên ngành đã tích cực hoạt động nhưng chưa triệt để, xử lý chưa nghiêm.

- Việc phân phối phí phát hành có phân biệt theo các địa phương khác nhau, tỉnh thấp nhất là 20%, tỉnh cao nhất là 35%, bình quân chung là 23%, có tác dụng hai mặt : mặt tích cực là khuyến khích phát hành sách giáo khoa đến vùng sâu, vùng xa, bảo đảm lợi ích cho người phát hành ở các địa phương xa xôi. Mặt tiêu cực là một số đơn vị, cá nhân lạm dụng phát hành phí ưu đãi dành cho miền núi và vùng sâu, vùng xa nhưng không mang sách đến đó mà lại "bán sỉ" ngay tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh... để hưởng chênh lệch phí phát hành.

- Việc dự báo nhu cầu sách giáo khoa hằng năm còn có nhiều hạn chế do những khó khăn cả về chủ quan và khách quan nhất định. Thông thường các công ty sách và thiết bị trường học chưa có đủ cơ sở, căn cứ khoa học khi đặt sách với nhà xuất bản luôn có tâm trạng "lo thừa, lo thiếu". Nhà xuất bản cũng chưa xây dựng được phương pháp dự báo khoa học, chính xác nên dễ

Digitized by Google

bị động trước những cơn "sốt sách" của thị trường.

- Ngoài ra, cơ chế chính sách không đồng bộ, vấn đề tổ chức quản lý trong bản thân nhà xuất bản, trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ, sự yếu kém của hệ thống thư viện trong các nhà trường... cũng có ảnh hưởng nhất định đến việc xuất bản và phát hành sách giáo khoa hiện nay.

Để nâng cao chất lượng xuất bản và phát hành sách giáo khoa nhằm phục vụ tốt hơn sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), xin đề xuất một số giải pháp :

Thực hiện tốt công tác dự báo nhu cầu sách giáo khoa.

Sách giáo khoa phải được bảo đảm đủ số lượng, đồng bộ về chủng loại cho các lớp học, kịp thời trước ngày khai giảng. Đây là một yêu cầu có tính nguyên tắc trong xuất bản và phát hành sách giáo khoa. Trên thực tế, chu kỳ xuất bản sách giáo khoa dài, thường phải làm trước hàng năm. Vì vậy, nếu không dự báo hoặc dự báo không sát với nhu cầu thực tế sẽ dẫn đến thừa hoặc thiếu sách phục vụ học tập. Đây là một trong những nguyên nhân gây "bất ổn" thị trường sách giáo khoa. Dự báo nhu cầu sách giáo khoa vừa là yêu cầu thiết yếu của khâu tiêu thụ, vừa là một đòi hỏi không thể thiếu được của khâu tổ chức bản thảo, in ấn và công tác quản lý. Công tác dự báo nhu cầu sách giáo khoa có liên quan đến hoạt động của cả một hệ thống trên phạm vi rộng khắp cả nước. Nhu cầu sách giáo khoa thường phụ thuộc vào một số nhân tố như : số lượng học sinh đi học hằng năm (đây là nhân tố cơ bản nhất) ; tính ổn định hay thay đổi về nội dung và hình thức của sách giáo khoa (thay đổi nội dung, cải tiến hình thức, mẫu mã...) ; tình hình thu nhập và đời sống của dân cư ; giá bán sách giáo khoa ; phương thức tổ chức phát hành sách giáo khoa ; sự phát triển của dịch vụ học đường...

Để dự báo nhu cầu, người ta có thể sử dụng nhiều phương pháp khác nhau :

- Điều tra, thống kê mức độ sử dụng sách giáo khoa hằng năm của học sinh để đưa ra con số dự báo cho năm sau. Mục đích của phương pháp này là xác định được số lượng học sinh hàng năm, tỷ lệ học sinh có sách giáo khoa, tỷ lệ số học sinh mua sách giáo khoa mới hằng năm, số học sinh dùng loại sách cũ và được sử dụng qua hệ thống thư viện... Từ những chỉ tiêu trên có thể đưa ra dự báo ban đầu về nhu cầu sách giáo khoa theo từng loại lớp, từng đầu sách.

- Phương pháp dự báo nhu cầu sách giáo khoa theo số lượng thực tế đã phát hành năm trước. Phương pháp này được tổng hợp trên số liệu của nhiều năm (từ 3 năm trở lên) để phát hiện xu hướng tăng, giảm có tính quy luật.

Trên cơ sở dự báo nhu cầu sách giáo khoa cần phải có kế hoạch xuất bản và phát hành cụ thể. Dự báo nhu cầu sách giáo khoa phải đi đôi với đổi mới phương thức ký hợp đồng tiêu thụ, dự kiến các hợp đồng bổ sung hoặc điều chỉnh, đổi mới giải pháp điều hành trên toàn hệ thống...

Đổi mới tổ chức quản lý khâu in sách giáo khoa.

Khác với việc in ấn các loại sách khác, việc in sách giáo khoa đòi hỏi phải bảo đảm hai yêu cầu cơ bản. *Một là*, in đủ, kịp thời trước khi khai giảng năm học mới. Yêu cầu này thể hiện tính thời vụ rất cao trong xuất bản sách giáo khoa. Ở một số nơi, trong một số trường hợp, người ta còn gọi là "mùa in sách giáo khoa" hay "chiến dịch in sách giáo khoa". *Hai là*, phải chuẩn xác và nhất quán cả về nội dung lẫn hình thức sách giáo khoa trong cả nước.

Hiện nay, Nhà xuất bản Giáo dục mới chỉ đảm nhận được gần 1/5 nhu cầu in, còn hơn 4/5 nhu cầu phải đặt in ở gần 70 nhà in khác nhau trong cả nước. Đây là một trở ngại rất lớn trong quản lý in và phát hành sách giáo khoa ở nước ta hiện nay. Để tổ chức, quản lý tốt khâu in sách giáo khoa, xin nêu lên một số đề xuất.

- Tăng cường năng lực in cho nhà xuất bản bằng cách huy động tối đa năng lực các nhà in

Digitized by Google

của nhà xuất bản ; nâng cấp, cải tạo, trang bị thêm máy mới có công suất lớn cho các cơ sở in hiện có ; thực hiện liên doanh, liên kết giữa các cơ sở in của nhà xuất bản với bên ngoài để tăng thêm năng lực máy móc, thiết bị, sử dụng hiệu quả mặt bằng sản xuất của các nhà in hiện có...

- Thực hiện rộng rãi phương thức đấu thầu in sách giáo khoa.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát khâu in sách giáo khoa, đẩy mạnh hoạt động của các đội kiểm tra liên ngành, hình thành tổ chức chống in lậu sách giáo khoa, bổ sung các điều luật liên quan đến hành vi in lậu sách giáo khoa...

Điều chỉnh giá bán và chiết khấu phát hành sách giáo khoa phù hợp với điều kiện của nước ta hiện nay.

Giá bán sách giáo khoa không chỉ phản ánh các quan hệ kinh tế đơn thuần mà còn phải phản ánh bản chất tốt đẹp của chế độ ta, đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với sự nghiệp giáo dục. Yêu cầu chung hiện nay về giá bán sách giáo khoa là giá bán phải thấp, ổn định và thống nhất trong cả nước. Xu hướng vận động chung của giá bán sách giáo khoa là giảm dần giá bán lẻ nhưng vẫn bảo đảm lợi ích kinh tế cần thiết cho nhà xuất bản. Nhà nước có thể thông qua chính sách đặt hàng và mua để phát không cho học sinh ở các vùng sâu, xa, vùng dân tộc ít người, các gia đình thuộc diện chính sách hoặc nghèo khó. Tăng cường kinh phí cho sự nghiệp giáo dục ở từng địa phương, có sự tính toán phân biệt để thực hiện chính sách ưu tiên, ưu đãi...

Chiết khấu phát hành sách giáo khoa vừa qua ở mỗi địa phương khác nhau ở mức chênh lệch tỷ lệ phí phát hành thực tế rất lớn, trong khi đó giá bán ở tất cả các địa phương đều thống nhất một giá in sẵn trên bìa. Những tiêu cực trong xuất bản và phát hành sách giáo khoa vừa qua một phần cũng xuất phát từ sự "chênh lệch" này. Để giải quyết vấn đề này, cần phải : *Một là*, xác định đúng mức phát hành phí bình quân trong cả nước. Mức phí phát hành bình quân hợp lý phải được xác định trên cơ sở định mức chi phí hợp lý, hợp lệ trong khâu sản xuất và lưu thông. *Hai là*, định tỷ lệ phát hành phí được trừ cho từng địa phương theo nguyên tắc bù trừ giữa nơi gần, nơi xa và tổng phí phát hành không vượt quá mức bình quân chung. *Ba là*, điều hòa hợp lý địa điểm giao, nhận sách giáo khoa, tránh vòng vèo, tập trung quá mức vào một nơi sẽ dẫn đến tiêu cực. *Bốn là*, tăng cường công tác kiểm tra, quản lý thị trường, bảo đảm sách đến đúng địa chỉ.

Tăng cường quản lý nhà nước đối với xuất bản và phát hành sách giáo khoa trên một số mặt chủ yếu sau đây :

- Đổi mới và tăng cường sự can thiệp của Nhà nước vào thị trường sách giáo khoa nhằm duy trì trật tự kỷ cương và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Cần hướng dẫn, bố trí, sắp xếp các lực lượng tham gia thị trường sách giáo khoa, kiểm tra chặt chẽ "đầu vào", "đầu ra" của thị trường, bảo đảm thông tin thị trường đầy đủ, kịp thời, chính xác...

- Kiểm tra rà soát lại các cơ sở in, nhân bản, bổ sung, sửa đổi quy chế in, các thủ tục in ấn, kiên quyết hạn chế in lậu sách giáo khoa.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của các đoàn kiểm tra liên ngành và có cơ chế thưởng, phạt trong hoạt động thanh tra kiểm tra một cách công khai, hợp lý...

- Tăng cường vai trò quản lý của Cục Xuất bản, Bộ Văn hóa - Thông tin bằng việc tăng thêm quyền hạn và trách nhiệm của Cục Xuất bản trong một số hoạt động quản lý cụ thể.

- Phối hợp hoạt động tốt giữa Nhà xuất bản Giáo dục với các sở giáo dục - đào tạo, với các cơ quan chức năng của Bộ Giáo dục - Đào tạo ; giữa Bộ Giáo dục - Đào tạo với các bộ, các ngành, các địa phương trong quản lý hoạt động xuất bản và phát hành sách giáo khoa. Cần xây dựng quy chế cụ thể trong quan hệ hoạt động cũng như trong sự phối hợp quản lý xuất bản và phát hành sách giáo khoa. ❑

Digitized by Google

NO CÁI TAI, ĐÓI CÁI BỤNG

MAI NINH

Nói chuyện thân mật với một cán bộ công tác vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tôi đem câu "no cái tai, đói cái bụng" ra hỏi. Anh ấy bảo : Câu này có đã lâu rồi, không phải bây giờ mới có. Đó là một lời phê bình thẳng thắn và trung thực. Bấy lâu nay, đồng bào đã nghe cán bộ nói nhiều, hứa hẹn nhiều nhưng làm thì chưa được mấy. Chủ trương xóa đói giảm nghèo hay lắm, đồng bào nghe mừng lắm. Nhưng nói là nói vậy chứ đồng bào ở những vùng vốn đã nghèo, nay vẫn cứ nghèo. Nói là đem cái chữ về cho dân nhưng ở nhiều nơi, dân vẫn cứ mù chữ. Nói là thu hẹp dần khoảng cách giữa các vùng và các dân tộc, nhưng hình như khoảng cách ấy ngày càng doãng ra,...

Sự khái quát hóa có vẻ chưa được khái quát lắm của đồng chí cán bộ làm cho tôi thắc mắc. Theo một bản báo chính thức được công bố gần đây những thành tựu đạt được trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội VIII ở miền núi là khả quan. Theo đó, các cơ sở hạ tầng đã được xây dựng với diện tích đều khắp trên các vùng dân tộc thiểu số. Thí dụ : đã kiến tạo ra hàng triệu ha ruộng, nương bậc thang để sản xuất lương thực, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả... Về giao thông, đến năm 2000, các tỉnh Tây Nguyên không những có đường giao thông đến trung tâm mà còn đến phần lớn các buôn, làng. Về giáo dục, trường phổ thông đã được xây dựng đều khắp ở tất cả các xã ; nhiều xã, huyện vùng cao đã có trường tiểu học hoàn chỉnh. Về y tế, 100% số xã miền núi và vùng dân tộc thiểu số đã có trạm y tế xã. Về điện, điện lưới đã tới được trên 99% số huyện và trên 80% số xã. Về bưu chính viễn thông, hầu hết các xã, kể cả vùng sâu, vùng xa đã có buồi điện văn hóa xã. Về phát thanh truyền hình, đến hết năm 2000 đã phủ sóng phát thanh được trên 90% và truyền hình đạt trên 75% lãnh thổ quốc gia...

Đồng chí cán bộ vùng đồng bào dân tộc vẫn theo đuổi ý nghĩ của mình :

- Theo tôi, những điều nêu trong bản báo cáo đều đúng. Sự thật là chúng ta đã có nhiều cố gắng và tiến bộ, đạt được nhiều kết quả, rất đáng được ghi nhận. Nhưng sự khái quát chung đôi khi lại làm mất đi cái tính cụ thể. Nói đường giao thông đến tận trung tâm xã, nhưng ở nhiều vùng miền núi, có xã diện tích to bằng một huyện đồng bằng, vậy thì trong cái diện tích to ấy đường giao thông như thế nào ? Nói 100% số xã có trạm y tế xã, nhưng người dân thì sống trong các bản, các buôn heo hút đâu có gần trạm y tế xã như ở vùng xuôi ? Nói 75% lãnh thổ quốc gia đã được phủ sóng truyền hình, nhưng bao nhiêu dân trong 75% lãnh thổ ấy có máy thu hình, và biết đâu 25% lãnh thổ còn lại chính là vùng đồng bào các dân tộc thiểu số ? Thấy cây mà không thấy rừng là sai. Nhưng thấy rừng mà không nhìn được từng khóm cây và ngõ ngách của rừng thì chưa chắc đã đúng. Có khi vấn đề lại xảy ra ở từng khóm cây và ngõ ngách ấy ! Khi nói ra sự thật "no cái tai, đói cái bụng" là đồng bào có ý chê trách chúng ta quan liêu, và cả mị dân nữa. Chúng ta có vẻ bằng lòng với những thành tích được thống kê mà chưa thật hiểu rằng, trong cái thành tích ấy, đồng bào các dân tộc thiểu số thật sự được hưởng là bao nhiêu.

Tôi không muốn tranh luận với người đối thoại vì thấy những suy nghĩ của anh có lý. Nhiều năm trước, khi tiếp xúc với đồng bào vùng dân tộc, tôi đã nghe một già làng người Ê-đê nói rất thật :

- Chính sách của Đảng và Chính phủ rất tốt, dân rất thèm. Vậy mà sao nó giống như hột bắp (hạt ngô) để trong cái chai thủy tinh, con gà đi quanh quẩn mãi mà không tài nào mổ được.

Đúng là có nhiều chủ trương, chính sách không đưa được vào cuộc sống. Không phải do nó không đúng mà vì trong tổ chức thực hiện, chúng ta còn nặng tác phong quan liêu, xa dân.

"No cái tai, đói cái bụng" vừa là chuyện cũ lại vừa là chuyện mới. Còn một chuyện mới ngược lại là "No cái bụng, đói cái tai". Thật vậy, có nhiều nơi, do những cố gắng lớn của đảng bộ, chính quyền và nhân dân, đời sống kinh tế của đồng bào đã có sự cải thiện rõ rệt. Nhưng cái bụng no mà cái tai lại đói. Đói cái chữ, đói thông tin, đói văn hóa, cũng có nghĩa là đói dân trí. Bởi vậy no cái bụng mà vẫn cứ thắc mắc. Và cũng chính vì đó, công tác ở vùng đồng bào dân tộc phải coi trọng vừa làm no cái bụng vừa làm no cái tai - làm no cái tai theo nghĩa tăng cường việc tuyên truyền, giáo dục, nâng cao dân trí chứ không phải là gia tăng những lời hứa hẹn. ❑

Digitized by Google

MỘT ĐẠO LUẬT PHI ĐẠO LÝ

NHỮNG người yêu chuộng công lý trên thế giới cùng với toàn thể nhân dân Việt Nam rất bất bình với việc ngày 6-9-2001 vừa qua, Hạ viện Hoa Kỳ thông qua cái gọi là "Đạo luật nhân quyền Việt Nam".

"Đạo luật nhân quyền Việt Nam" xuyên tạc trắng trợn tình hình Việt Nam, vu cáo Việt Nam vi phạm quyền tự do dân chủ, đàn áp những người bất đồng chính kiến, đàn áp tôn giáo, sắc tộc, hạn chế những người muốn tái định cư ở nước ngoài theo chương trình ODP. Đạo luật này tỏ rõ công khai sự cay cú với chế độ một đảng lãnh đạo của Việt Nam, hằn học với việc đài "Châu Á tự do" của Mỹ lập ra bị gây nhiễu ; ngang nhiên cấm chính quyền Mỹ viện trợ không phải vì mục đích nhân đạo cho Việt Nam chừng nào Việt Nam không đáp ứng các yêu cầu : thả hết cái mà Mỹ gọi là tù nhân chính trị và tôn giáo, có tiến bộ thực chất trong việc tôn trọng quyền tự do tôn giáo, quyền con người của các dân tộc thiểu số... Trắng trợn hơn, đạo luật còn dành cho Tổng thống Mỹ quyền thông qua các tổ chức phi chính phủ chi tiền để ủng hộ các phần tử chống đối, phản động, chi hàng triệu đô la Mỹ hỗ trợ cho đài "Châu Á tự do".

Trước hết, ai cũng thấy đây là một việc làm rất ngang ngược, trái hẳn với luân thường đạo lý.

Phép ứng xử của thế giới văn minh là quan tâm đến nhau, nhưng không đụng đến những vấn đề riêng tư của nhau. Độc lập, chủ quyền quốc gia là quyền quan trọng nhất là bất khả xâm phạm. Hiến chương Liên hợp quốc tôn trọng quyền con người và tôn trọng chủ quyền của mỗi quốc gia. Cựu Tổng thư ký Liên hợp quốc B.Ga-li cho rằng : quyền con người là do máu thịt của nhân loại tạo thành. Nó không dung hòa với chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ, không chấp nhận việc tách quyền cá nhân với quyền của cộng đồng. Nói như thế là đúng đắn vì quyền con người là sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân và cộng đồng, giữa quyền lợi và nghĩa vụ, là biểu hiện vừa cụ thể lại vừa tổng hòa các quyền về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, tự do tư tưởng. Như thế việc thực thi quyền con người là tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi nước và là công việc nội bộ của mỗi nước.

Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị, một trong những văn kiện mang tính công pháp quốc tế về nhân quyền, tại Điều 1 đã ghi : "Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết. Xuất phát từ quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa". Điều 2 còn khẳng định : "Trong mọi trường hợp, không được phép tước đi của một dân tộc những phương tiện sinh tồn của chính họ".

Như thế, ai cũng dễ thấy là mỗi nước, mỗi dân tộc có quyền tự do lựa chọn đường đi cho mình, tự quyết định chế độ xã hội mà mình dựng xây, tự chăm lo và bảo vệ mọi quyền lợi của mỗi người dân. Vậy thì hà cớ gì mà Hạ viện Mỹ lại đặt ra một đạo luật cho nước khác ! Đó là việc làm ngang ngược và trơ trẽn.

Thực ra nếu Mỹ biết tôn trọng nước khác thì cũng chẳng ai tốn công mà đếm xỉa đến Mỹ. Nước Mỹ tự cho mình là văn minh, muốn bảo ban dạy dỗ người khác nhưng nếu nhìn vào xã hội Mỹ hiện tại ai cũng thấy rằng, bên cạnh sự hào nhoáng bề ngoài thì bên trong của nó còn đầy bệnh hoạn. Có thể nêu một số dẫn chứng :

- Bất bình đẳng xã hội đến tột đỉnh. Ông Ken-vin Phi-líp, trong cuốn sách "Nền chính trị của người giàu và người nghèo", đã cho thấy :

Digitized by Google

trong xã hội Mỹ hiện nay, thu nhập bình quân của 1 phần trăm gia đình giàu có đã ở mức *ngây ngất* là 405.000 đô la ; còn của 10 phần trăm gia đình Mỹ ở mức thấp chỉ có 3 504 đô la. Năm 1977, số 1 phần trăm cao nhất trong tổng số các gia đình có thu nhập bình quân lớn gấp 65 lần thu nhập bình quân của số 10 phần trăm thấp nhất. Một thập kỷ sau, tỷ lệ đó là 115 lần.

- Bạo lực tràn lan : Bình quân mỗi ngày ở nước Mỹ có 65 người bị thiệt mạng do bạo lực. Điều tra của Bộ Tư pháp Mỹ cho thấy, cứ 1 000 người Mỹ từ 12 tuổi trở lên thì có 12,4 vụ phạm tội bạo lực. Hiện nay trong dân Mỹ lưu hành hơn 250 triệu khẩu súng ngắn, hơn 2/3 số gia đình Mỹ có súng. Đây chính là nguyên nhân làm cho hàng năm có trên 1 triệu vụ bắn giết nhau và làm chết hơn 20 nghìn người.

- Nhà tù và người bị tù nhiều nhất thế giới. Báo cáo của Bộ Tư pháp Mỹ cho biết, năm 1996 Mỹ có 5,5 triệu tội phạm. Số tù nhân năm 1997 là 1,7 triệu, hiện nay có hơn 2 triệu.

- Nạn phân biệt chủng tộc và đối xử tàn bạo diễn ra nghiêm trọng. Từ năm 1980 - 1995 có 125 công dân bị cảnh sát Mỹ đánh chết nhưng chỉ có 1 cảnh sát bị trừng trị. Năm 1996 có tới 500 nghìn người bị cảnh sát đánh đập hoặc đe dọa bằng chó, bằng súng. Người da đen chỉ chiếm 12% số dân Mỹ nhưng lại chiếm tới 54,2% tổng số phạm nhân và hơn 40% phạm nhân bị tử hình. Số người da đen vào tù thường nhiều gấp 7 - 10 lần người da trắng.

- Tình trạng bạo lực và cưỡng bức đối với phụ nữ và trẻ em rất nghiêm trọng. Theo Báo cáo của chính phủ Mỹ, hằng năm có 6 triệu phụ nữ là nạn nhân của các vụ bạo lực trong gia đình, trong đó có 2 triệu bị thương nặng. Hằng năm có 130 nghìn trẻ em bị xâm phạm tình dục, 2 000 em bị ngược đãi đến chết, 250 nghìn em bị đánh đập gây thương tích v.v..

Có một nước Mỹ như thế, quyền công dân của Mỹ bị xâm phạm như thế mà lại đi dạy khôn người khác và đòi người khác phải làm thế này, thế kia thì thật nực cười ! Nếu thật tỉnh táo, Mỹ phải biết tự xấu hổ về việc tháng 5-2001 vừa rồi, Mỹ không được bầu vào Ủy ban nhân quyền Liên hợp quốc.

Nhân dân Việt Nam vẫn biết rằng trong những năm qua, một mặt Mỹ từng bước thiết lập quan hệ với nước ta, nhưng mặt khác lại không từ bỏ những ý đồ thâm độc chống phá Việt Nam, thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" ; vẫn biết đây không phải là lần đầu tiên Hạ viện Mỹ thông qua những điều vô lối, nhưng "đạo luật nhân quyền" của Mỹ lần này thể hiện sự thô bạo trắng trợn nhất, nghiêm trọng nhất trong chính sách thù địch của chính quyền Mỹ kể từ sau khi bình thường hóa với Việt Nam. Điều này trái với nguyện vọng của nhân dân hai nước, đi ngược lại xu thế hòa bình, hợp tác, hữu nghị đang diễn ra trên thế giới và chính vì thế Hạ viện Mỹ tự làm mất thể diện của mình.

Nhân dân ta không lạ gì những mưu ma, chước quỷ của một số phần tử cực đoan ở nước Mỹ. Bài học và bản lĩnh Việt Nam chắc chính giới Mỹ không thể lãng quên. Chúng ta không quên quá khứ với những tội ác của đế quốc Mỹ đã chất chồng trên đất nước ta. Không quên nhưng chúng ta vẫn có thể tạm gác lại để hướng tới tương lai vì lợi ích của cả hai nước. Dân tộc ta đã có nhiều ngàn năm lịch sử không cần đến Mỹ, có cả nhiều chục năm chiến đấu và chiến thắng Mỹ nên hiện nay cũng có đủ bản lĩnh, trí tuệ và tiềm lực để mở cửa, hội nhập, làm đối tác tin cậy với tất cả các nước trong đó có Mỹ.

Chúng ta tin rằng, những chính sách ngang ngược và phi lý, trắng trợn của một số thế lực ở Mỹ đối với nhiều nước, trong đó có Việt Nam, nhất định bị lên án mạnh mẽ và cuối cùng chỉ gây bất lợi, tổn hại cho nước Mỹ và nhân dân Mỹ mà thôi. Nhân quyền kiểu Mỹ như thế là phản nhân quyền. "Đạo luật" như thế là phản đạo lý. ❑

NGƯỜI BÌNH LUẬN

Digitized by Google

ĐOÀN CÁN BỘ TẠP CHÍ CẦU THỊ (TRUNG QUỐC) THĂM VIỆT NAM VÀ LÀM VIỆC VỚI BỘ BIÊN TẬP TẠP CHÍ CỘNG SẢN

NHẬN lời mời của Tạp chí Cộng sản, cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn đại biểu Tạp chí Cầu Thị, cơ quan lý luận của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, do đồng chí Chu Tuấn Phong, Phó Tổng biên tập dẫn đầu, đã sang thăm và làm việc tại Việt Nam từ ngày 10-9 đến ngày 19-9-2001.

Ngày 11-9-2001, Đoàn đã làm việc với các đồng chí lãnh đạo Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản. Hai bên đã thông báo cho nhau về tình hình hai nước và công tác của hai tạp chí ; trao đổi những kinh nghiệm hoạt động của hai tạp chí trong thời gian qua. Đồng chí Vũ Hiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản, đã chiêu đãi Đoàn. Ngày 14-9-2001, Đồng chí Hồng Vinh, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam đã tiếp và nói chuyện thân mật với Đoàn. Cùng dự buổi tiếp có các đồng chí trong Ban biên tập Tạp chí Cộng sản. Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Tề Kiến Quốc cũng có mặt trong buổi tiếp.

Trong thời gian ở Việt Nam, Đoàn đã đi thăm và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Quảng Ninh, Hải Dương, Bình Thuận. Các đồng chí đại diện Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh ủy đã tiếp đón, làm việc với Đoàn. ❑

VỀ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN...

(Tiếp theo trang 61)

4. Nhanh chóng xây dựng một chiến lược tổng thể về lĩnh vực này, xác định nội dung phù hợp với từng đối tượng, xây dựng đội ngũ tác nghiệp có trình độ cao, mở rộng các biện pháp, các kênh thích hợp để thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục. Hết sức coi trọng tính hiệu quả thiết thực nhằm nâng cao nhận thức và hành động thực tiễn của các đối tượng được tuyên truyền, giáo dục.

5. Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại và kinh phí thích đáng cho công tác tuyên truyền, giáo dục nói chung ; tuyên truyền, giáo dục về lý luận chính trị và vấn đề kết hợp lợi ích dân tộc chân chính với việc đảm bảo thực hiện nghĩa vụ quốc tế nói riêng.

Trong điều kiện lịch sử hiện nay, khi CNĐQ và các thế lực phản động quốc tế đang núp dưới những chiêu bài khác nhau can thiệp vào công cuộc nội bộ các nước ; khi chủ nghĩa dân tộc cực đoan đang là một lực cản nguy hại đối với tình đoàn kết giữa các quốc gia - dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc và vấn đề quốc tế như một biểu hiện mẫu mực về sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng của GCCN. Chúng ta nhận thức một cách sâu sắc rằng, những thành tựu đạt được trong quá trình đổi mới ở nước ta sẽ là nguồn động viên, cổ vũ, góp phần làm tăng thêm sức mạnh cho phong trào CSCN quốc tế. Đồng thời, mỗi thắng lợi của cách mạng thế giới, của phong trào CSCN quốc tế lại là những tác nhân rất quan trọng và cần thiết để thúc đẩy cách mạng nước ta vững bước tiến lên. ❑

Digitized by Google



Digitized by Google



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4

Civil engineering construction corporation No.4

Trụ sở chính : 29 Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An - ĐT : 038.844198 - Fax : 038.843329

Chi nhánh tại Hà Nội : B4-2 khu Đầm Trại, Phường Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Hà Nội - ĐT : 04.8693697 Fax : 04.8693636

Đại diện tại TP. Hồ Chí Minh : 171 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh - ĐT : 08.8448154 - Fax : 08.8448892

Headquarter : 29 Quang Trung Street, Vinh City, Nghe An Province - Tel : 038.842360 - Fax : 038.843329

Branch Office in Hanoi : B4-2 Dam Trai Area, Phuong Liet Precinct, Dong Da District - Tel : 04.8693697 - Fax : 04.8693636

Representative Office in Ho Chi Minh City : 171 Ho Van Hue Street, Precinct 9, Phu Nhuan District - Tel : 08.8448154 - Fax : 08.8448892

Tổng giám đốc : **KS Trần Đức Huy** *General Director :* **Eng. Tran Duc Huy**



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 4

Thành lập ngày :

12-2-1965 ; thành lập lại : 02-12-1995

Đã làm mới và khôi phục 300km đường sắt, 10.000km đường ôtô, 20.000m cầu bê tông, cầu thép 3.000m cảng biển, cảng sông, 25.000m2 đường sân bay, nâng cấp và thảm bê tông nhựa hơn 600km quốc lộ trên địa bàn 43 tỉnh, thành phố cả nước và nước ngoài.

Đã được khen thưởng :

2 Huân chương Độc lập, nhiều Huân chương Lao động hạng nhất, nhì, ba.

Tổng Công ty được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang, 5 tập thể và cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động và Anh hùng lực lượng vũ trang.

Nghề nghiệp kinh doanh :

Xây dựng : Xây dựng các công trình cầu các loại, cảng sông, cảng biển, sân bay, bến bãi với các loại công nghệ tiên tiến của thế giới : Đúc đẩy, đúc hẫng, khoan nhồi, công nghệ dây văng, dầm đơn khẩu độ lớn với các thiết bị đồng bộ.

- Thi công đường ô tô, đường sắt.

- Xây dựng nhà cửa, các công trình thủy lợi, thủy điện.

Công nghiệp : Chế tạo các thiết bị xe máy công trình : Lu 30 tấn các loại, kết cấu thép, dầm cầu thép, neo bê tông dự ứng lực, xà lan 25-400 tấn...

Tư vấn giám sát xây lắp :

- Thẩm định hồ sơ thiết kế công trình xây dựng, thiết kế xây dựng các công trình giao thông.

- Tư vấn giám sát, kiểm tra chất lượng công trình.

CIVIL ENGINEERING CONSTRUCTION CORPORATION NO.4

Established *on the 12 February 1965 - Established again on the 02 December 1995.*

Works completed : Rehabilitation and new construction of 300km of railway, 10,000km of road, 20,000m of concrete and steel bridges, 3,000m of sea and river ports, 25,000 sq.m. of runway, 600km of road (part of them meets international standards) in 43 provinces and cities in VN and abroad.

The Corporation has been awarded by the Government :

2 Independence Orders : Many Labour Orders, class 1, 2 and 3 ; Prize Normination of Hero of Armed Force.

5 organizations and individuals have been norminated Labour Hero and Hero of Armed Force.

Line of Business :

Construction : *bridges of various types, river and sea ports, airport, storage area using international up-to-date technology and integral sets of equipment. Familiar with progressing and cantilever method of concreting, drilling and casting concrete piles, stay-cable technology, casting long-span girders.*

- Roads and railways.

- Building hydraulic and hydropower works.

Industry : *Fabricating construction equipment : 30T rollers of many types, steel structure, steel girders, prestressed concrete anchors, 25-400T ferries.*

Construction Supervision Service :

Appraisal of civil work design. Design of civil work. Construction supervision, quality control.

Digitized by Google



TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI
HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHẤT



175 - TÂY SƠN - ĐỐNG ĐA - HÀ NỘI
TEL : 04.8.522201 FAX : 04.5.633351 EMAIL : WRU.@.fpt.vn



PGS.TS.NGUT - Hiệu trưởng Lê Kim Truyền trao bằng Kỹ sư Thủy Lợi



Ban chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 23



Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng lao động của Trường Đại học Thủy lợi - 28/12/2000

Trường Đại học Thủy lợi thành lập năm 1959 là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật thủy lợi. Hiện nay là trường đại học đầu ngành của cả nước đào tạo nguồn nhân lực có học vấn đại học và sau đại học, đồng thời làm trung tâm khoa học chuyển giao công nghệ tiên tiến về lĩnh vực Thủy lợi - Thủy điện và Tài nguyên nước.

CHỨC NĂNG ĐÀO TẠO :

- Tiến sĩ, thạc sĩ về các lĩnh vực kỹ thuật tài nguyên nước.
- Kỹ sư công trình thủy lợi.
- Kỹ sư thủy điện.
- Kỹ sư qui hoạch và Quản lý hệ thống công trình.
- Kỹ sư thủy văn - môi trường.
- Kỹ sư kinh tế thủy lợi.
- Kỹ sư máy xây dựng và thiết bị thủy lợi - thủy điện.
- Kỹ sư tin học - công nghệ thông tin.
- Kỹ sư cấp thoát nước.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ :

- Hợp tác với các cơ quan trong và ngoài nước nghiên cứu và triển khai các đề tài khoa học phục vụ công tác đào tạo và phục vụ thực tế sản xuất.
- Chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ về các lĩnh vực kỹ thuật tài nguyên nước.
- Tư vấn các dự án đầu tư.
- Thiết kế, thi công các công trình thủy lợi vừa và nhỏ.
- Thẩm định các dự án thiết kế các công trình thủy lợi.

CÔNG TÁC ĐẢNG BỘ :

Năm 2001 Đảng bộ Trường có 4 Đảng bộ Khoa, 35 Chi bộ, tổng số đảng viên là 357đ/c trong đó có 69 nữ, 42 đảng viên dự bị. Đảng viên trong khối cán bộ giảng dạy là 188đ/c chiếm 53%, trong khối quản lý phục vụ là 102đ/c chiếm 29% và 67 đảng viên là sinh viên.

Đảng bộ Trường luôn phát huy truyền thống làm tốt công tác phát triển Đảng, chú trọng làm tốt hai khâu tạo nguồn phát triển Đảng và đảm bảo chất lượng đảng viên mới. Trong nhiệm kỳ 22 đã tổ chức được ba lớp bồi dưỡng lý luận nâng cao nhận thức về Đảng cho các đoàn viên thanh niên và đoàn viên công đoàn ưu tú với 594 học viên tham dự, đã kết nạp được 76 đảng viên mới trong đó có 60 sinh viên (chỉ tiêu Đại hội 22 là kết nạp 60 đảng viên mới). Các đảng viên mới kết nạp đều thực hiện tốt nhiệm vụ và phát huy tác dụng. Tháng 4/2000 Đảng bộ Trường được Thành ủy Hà Nội khen thưởng **Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu 5 năm (1995 - 1999).** Năm học 1999 - 2000 và 2000 - 2001 được Thành ủy công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Những phần thưởng cao quý được Nhà nước và quốc tế trao tặng :

- Huân chương Lao động hạng ba (năm 1960, 1976), hạng Hai (năm 1978), hạng Nhất (năm 1984)
- Huân chương Độc lập hạng ba (năm 1989).
- Huân chương Độc lập hạng hai (năm 1994).
- Huân chương Độc lập hạng nhất (năm 1999).
- **Đơn vị Anh hùng Lao động (năm 2000).**
- Huân chương Lao động hạng Nhất do Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trao tặng năm 2000 về thành tích đào tạo cán bộ khoa học - kỹ thuật cho nước bạn.
- 6 Huân chương Lao động hạng Hai và 12 Huân chương Lao động hạng ba tặng cho các tập thể nhỏ và các cá nhân của Trường.

Digitized by Google

BỘ QUỐC PHÒNG

CÔNG TY 77

Địa chỉ : Xã Liên Sơn - Huyện Kim Bảng - Tỉnh Hà Nam
Tel : 0351.820202 - 820055 - 820547 **Fax :** 0351.820500
Giám đốc : Kĩ sư **LÊ VĂN XUYÊN**

CÔNG TY ĐƯỢC NHÀ NƯỚC TẶNG THƯỞNG

3 Huân chương Chiến công hạng nhất, nhì, ba.

2 Huân chương Lao động hạng nhì, ba.

SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY :

- Xi măng Pooc lăng hỗn hợp PCB 30 - PCB 40
- Gạch Block xây và lát các loại
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng.
- Kinh doanh các loại VLXD.



Toàn cảnh Nhà máy

Con người giỏi, thiết bị hiện đại, tính kỷ luật và công tác tổ chức chặt chẽ của Quân đội là sức mạnh của chúng tôi.

CÔNG TY 77 BỘ QUỐC PHÒNG - HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ISO 9002.

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM

Petrovietnam



Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam tên giao dịch quốc tế là Petrovietnam, tiền thân là Tổng cục Dầu khí Việt Nam, được thành lập ngày 3-9-1975.

Địa chỉ : 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại tổng đài : 8252526

Fax : 84.4.8265942 ; 84.4.8249126

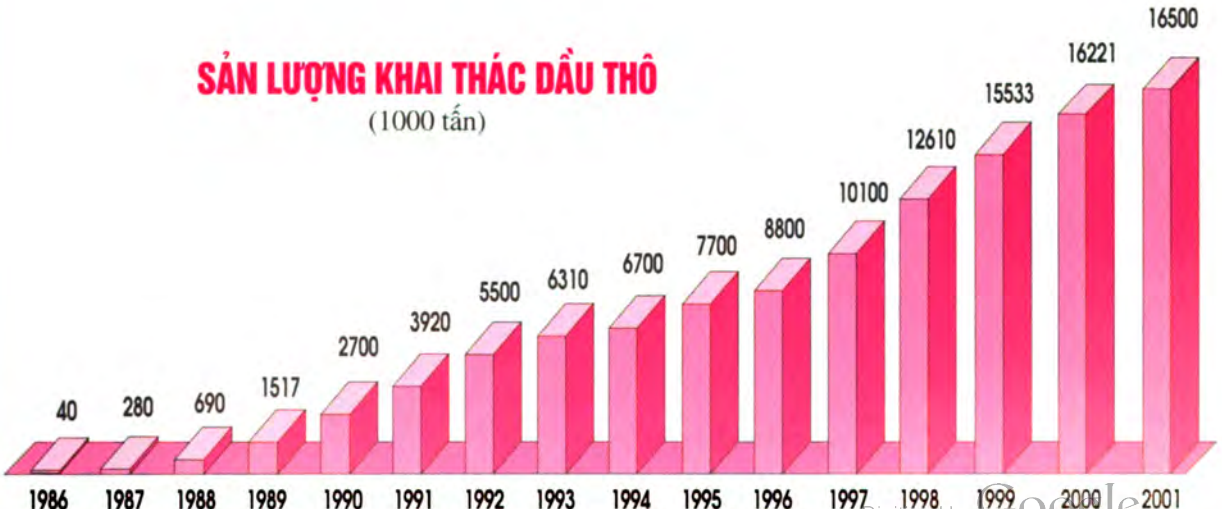
http://www.petrovietnam.com.vn

★

Để xây dựng ngành công nghiệp dầu khí đất nước phát triển toàn diện trở thành một tập đoàn kinh tế mạnh, PETROVIETNAM tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí ở trong nước và nước ngoài, tích cực đầu tư phát triển tất cả các lĩnh vực hoạt động của mình từ khâu đầu đến các khâu cuối, các hoạt động dịch vụ kỹ thuật dầu khí. Nhiều dự án quan trọng về lọc dầu và hóa dầu, các dự án sử dụng nguồn tiềm năng khí thiên nhiên to lớn của Việt Nam đã và đang được Tổng Công ty tích cực triển khai như : Dự án Nhà máy lọc dầu số 1 ; Dự án khí Bạch Hổ ; Dự án khí Nam Côn Sơn ; Dự án khí Tây Nam, Dự án Bitumen ; Các dự án về hóa dầu (sản xuất các sản phẩm nhựa PVC, DOP, Polystyren, Polypropylen) ; Các dự án sử dụng khí thiên nhiên làm nhiên liệu và để sản xuất Methanol, Ethylen...

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC DẦU THÔ

(1000 tấn)



Digitized by Google

CỤM CẢNG HÀNG KHÔNG MIỀN BẮC

NORTHERN AIRPORTS AUTHORYTY

Tên viết tắt : NAA



Trụ sở chính : Cảng hàng không quốc tế Nội Bài - Sóc Sơn - Hà Nội
Điện thoại : 8865047 Fax : (84-4) 8865540
Tổng giám đốc : Phạm Quý Tiêu



Cụm cảng hàng không miền Bắc là doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích được thành lập theo Quyết định số 113/1998/QĐ-TTg ngày 6/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong những năm qua Cụm cảng hàng không miền Bắc không ngừng đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống các Cảng hàng không trong khu vực nhất là Cảng hàng không quốc tế Nội Bài ; trong đó công trình nhà ga hành khách T1 là một hạng mục công trình lớn sẽ hoàn thành trong thời gian tới. Nhà ga có quy mô diện tích sử dụng 91.000 m^2 được thiết kế xây dựng theo quy trình công nghệ tiên tiến, trang thiết bị tự động và bán tự động hiện đại nhất, gồm hệ thống xử lý hành lý, hệ thống thông báo điện tử tự động và 10 đường ống dẫn khách, cùng đầy đủ tiện nghi phục vụ hành khách văn minh ngang tầm với các sân bay quốc tế của các nước trong khu vực và thế giới.

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
NOV 13 2001
CURRENT SERIALS

20
10-2001

Digitized by Google

www.tapchicongsan.org.vn

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bộ biên tập
1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội
Tel : (84-4) 9422061
Fax : (84-4) 8222846
Email : bbttccs@hn.vnn.vn
Tổng biên tập
Vũ Văn Hiền

Số 01
(9/2001)

- Thư của Bộ biên tập
- Tạp chí Cộng sản - Những chặng đường phát triển
- Tiêu điểm vấn đề tháng
- Lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam
- Việt Nam : Toàn cảnh, sự kiện
- Thế giới : Sự kiện - Vấn đề
- Chính sách mới của Đảng và Nhà nước Việt Nam

Số lượt truy nhập : 1

Tìm kiếm :

Tạp chí in | Tra cứu | Bản tin | Đặt báo | Góp ý | Quảng cáo

Chào mừng các bạn đã đến với website Tạp chí Cộng sản - http:/www.tapchicongsan.org.vn

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 626 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768.* **Tạp Chí Cộng Sản điện tử :** *http:// www.tapchicongsan.org.vn ; Email : bbttccs@.hn.vnn.vn* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : VŨ VĂN HIỂN**

20
10-2001

MỤC LỤC

	Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX Về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước	3
ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	NGUYỄN PHÚC THANH - Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới	12
	NGUYỄN THỊ OANH - Các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ với việc tham gia quản lý nhà nước	17
	Hội thảo Khoa học - thực tiễn : Đẩy mạnh phát triển kinh tế thủy sản vùng duyên hải Bắc Bộ, phát huy vai trò chiến lược kinh tế biển Việt Nam	22
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	ĐÀO TRÍ ÚC - Về nhu cầu, mức độ sửa đổi Hiến pháp 1992 và quan điểm xây dựng nhà nước pháp quyền	31
	LÊ THỊ QUÝ - Phụ nữ trong phát triển ở Việt Nam	35
	LÊ KIM VIỆT - Uy tín của người cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ta hiện nay	41
	NGUYỄN ĐĂNG DUY - Suy nghĩ thêm về văn hóa nông nghiệp lúa nước của Việt Nam	45
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	HỒ TRỌNG LÂM - Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số trong lực lượng Bộ đội Biên phòng	50
	TRẦN XUÂN TRƯỜNG - Xây dựng quân đội về chính trị - nhiệm vụ vẻ vang của Học viện Chính trị quân sự	55
	NGUYỄN PHÁT - Xí nghiệp liên hợp vận tải đường sắt khu vực I qua những năm đổi mới	59
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	NGUYÊN THÀNH - Để thực thi một nghị quyết chiến lược	64
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	MAI NINH - Chết mau, chết lâu	66
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	LƯU VĂN AN - NGUYỄN HOÀNG - Những chuyển động mới trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế	67
	VÕ THỦ PHƯƠNG - Nước Mỹ với ngày thứ ba đen và chủ nghĩa khủng bố	71
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Hội nghị toàn quốc về nghiệp vụ công tác đảng viên, tổng hợp, thống kê	75

Bìa 1 : *Tượng đài các cô gái TNXP ở ngã ba Đồng Lộc (Hà Tĩnh)* **Ảnh : XUÂN HÀ**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Резолюции 3^его Пленума Сентрального Коммитета (IX^ого созыва) о дальнейщем налаживании, обновлении, развитии и повышении эффективности государственных предприятий. НГУЕН ФУК ТХАНЬ: Задача защиты социалистической родины в период обновдения. НГУЕН ТХИ ОАНЬ: Уровни Женской Ассоциации и участие в государственном управлении. * Усилить развитие экономики продуктов моря в Северном приморьи, развивать роль стратегии морской экономики Вьетнама. ДАО ЧИ УК: О потреблениях, мерах поправок к конституции 1992ого года и точка зрения по укреплению правового государства. ЛЕ ТХИ КУЙ: Женщины в развитии во Вьетнаме. ЛЕ КИМ ВЬЕТ: Притиж роководящих кадров и менеджеров в нашей стране на данном этапе. НГУЕН ДАНГ ЗУЙ: Дополнительное мышление о культуре сельского хозяйства водянного риса Вьетнама. ЛЫУ ВАН АН – НГУЕН ХОАНГ: Новые сдвиги в международном коммунистическом и рабочем движении. ВО ТХУ ФЫОНГ: США в черный вторник и терроризм.**

CONTENTS

Resolutions of the 3rd Plenum of CPV Central Committee regarding the further arrangement, renovation, development and enhancement of state enterprises' effect. NGUYỄN PHÚC THANH: The task of defending Socialist Fatherland in the renovation period. NGUYỄN THỊ OANH: Grades of the Womens' Association and participation in state management. *** To push up development of sea products' economy in the Northern coastal area, to promote the role of Vietnam's strategy of sea economy. ĐÀO TRÍ ÚC: Regarding demands, levels of amendments to 1992 Constitrition and standpoint of building the Law-governed state. LÊ THỊ QUÝ: Women in development in Vietnam. LÊ KIM VIỆT: Prestige of leading cadres and managers in our country at the present stage. NGUYỄN ĐĂNG DUY: Additional thoughts on culture of wet-rice agriculture of Vietnam. LƯU VĂN AN – NGUYỄN HOÀNG: New shifts in the World's communist and labour movement. VÕ THỦ PHƯƠNG: The USA on the black Tuesday and terrorism.

SOMMAIRE

Les Résolutions du 3e Plénum du CC du PCV (issu du IXe Congrès national) sur le renouvellement, le développement des entreprises d'Etat pour élever leur efficacité. NGUYỄN PHÚC THANH: La défense de la Patrie socialiste dans l'époque de renouveau. NGUYỄN THỊ OANH: Les divers échelons de l'Union des Femmes et leur participation à la gestion étatique. *** Impulser le développement de l'économie des produits aquatiques dans les régions côtières du Bac Bo; faire valoir le rôle stratégique de l'économie maritime vietnamienne. ĐÀO TRÍ ÚC: Sur la demande et la portée des amendements à la Constitution de 1992 et les points de vue sur l'édification d'un Etat de droit. LÊ THỊ QUÝ: Les femmes et le développement du Viêt-nam. LÊ KIM VIỆT: Sur le prestige des dirigeants et gestionnaires de notre pays à l'heure actuelle. NGUYỄN ĐĂNG DUY: Quelques réflexions sur la culture du riz aquatique du Viêt-nam. LƯU VĂN AN - NGUYỄN HOÀNG: De nouvelles mutations du mouvement communiste et ouvrier international. VÕ THỦ PHƯƠNG: Les E.U - le Mardi noir et le terrorisme.

SUMARIO

Resolución del III Pleno del Comité Central del Partido (IX Congreso) sobre la continuación de organización, renovación, desarrollo y elevación de la eficiencia de empresas estatales. NGUYÊN PHÚC THANH: Tareas de defensa de la patria socialista en el tiempo de renovación. NGUYỄN THỊ OANH: Las instancias de la Unión de Mujeres de Vietnam y su participación en la gestión estatal. *** Intensificar el desarrollo Je la economía de productos acuáticos en el litoral de Bac Bo y poner en juego el papel estratégico de la econcmía marítima de Vietnam. ĐÀO TRÍ ÚC: Acerca de la demanda y el grado de la modificación de la Constitución de 1992 y los puntos de vista de la edificación del estado jurídico. LÊ THỊ QUÝ: La mujer y el desarrollo de Vietnam. LÊ KIM VIỆT: El prestigio del cuadro dirigente y administrativo en nuestro país actual. NGUYỄN ĐĂNG DUY: Pensar más sobre la cultura de agricultura arrocera de Vietnam. LƯU VĂN AN - NGUYỄN HOÀNG: Los nuevos cambios en el movimiento comunista obrero internacional. VÕ THỦ PHƯƠNG: Estados Unidos, el martes negro y el terrorismo.

目录

越南共产党第九届中央执行委员会第三次会议有关继续调整、革新、发展和提高国有企业效益的决议•阮福青: 在革新阶段中保卫社会主义祖国的任务•阮氏婴: 各级妇联与国家管理***副题: 大力发展越南北部沿海地区的水产经济, 发挥海洋经济的战略作用•陶智澳: 有关修改1992年宪法的必要性和修改程度及建立法制国家的意见•黎氏贵: 妇女在越南发展过程中的作用•黎金越: 我国领导、管理干部威信的现状•阮登维: 对越南水稻农业文化的再思考•刘文安、阮黄: 国际工人共产运动中的新动向•武守方: 美国的黑色星期二与恐怖主义.

Digitized by Google

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX
VỀ TIẾP TỤC SẮP XẾP, ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

I - TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Trong hơn 10 năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp tích cực nhằm đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Trong bối cảnh thế giới có nhiều diễn biến phức tạp và nền kinh tế còn nhiều khó khăn gay gắt, doanh nghiệp nhà nước đã vượt qua nhiều thử thách, đứng vững và không ngừng phát triển, góp phần quan trọng vào thành tựu to lớn của sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước ; đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Doanh nghiệp nhà nước đã chi phối được các ngành, lĩnh vực then chốt và sản phẩm thiết yếu của nền kinh tế ; góp phần chủ yếu để kinh tế nhà nước thực hiện được vai trò chủ đạo, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng thế và lực của đất nước. Doanh nghiệp nhà nước chiếm tỉ trọng lớn trong tổng sản phẩm trong nước, trong tổng thu ngân sách, kim ngạch xuất khẩu và công trình hợp tác đầu tư với nước ngoài ; là lực lượng quan trọng trong thực hiện các chính sách xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai và bảo đảm nhiều sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội, quốc phòng, an ninh. Doanh nghiệp nhà nước ngày càng thích ứng với cơ chế thị trường ; năng lực sản xuất tiếp tục tăng ; cơ cấu ngày càng hợp lý hơn ; trình độ công nghệ và quản lý có nhiều tiến bộ ; hiệu quả và sức cạnh tranh từng bước được nâng lên ; đời sống của người lao động từng bước được cải thiện.

Đạt được những kết quả trên là nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng và Nhà nước ; sự chỉ đạo thực hiện kiên trì của Chính phủ và các cấp, các ngành ; sự cố gắng phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách để vươn lên của các doanh nghiệp nhà nước, của đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động trong cơ chế mới.

Tuy nhiên, doanh nghiệp nhà nước cũng còn những mặt hạn chế, yếu kém, có mặt rất nghiêm trọng như : quy mô còn nhỏ, cơ cấu còn nhiều bất hợp lý, chưa thật tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt ; nhìn chung, trình độ công nghệ còn lạc hậu, quản lý còn yếu kém, chưa thực sự tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh ; kết quả sản xuất kinh doanh chưa tương xứng với các nguồn lực đã có và sự hỗ trợ, đầu tư của Nhà nước ; hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp, nợ không có khả năng thanh toán tăng lên, lao động thiếu việc làm và

Digitized by Google

dôi dư còn lớn. Hiện nay, doanh nghiệp nhà nước đang đứng trước thách thức gay gắt của yêu cầu đổi mới, phát triển và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Những hạn chế, yếu kém của doanh nghiệp nhà nước có nguyên nhân khách quan, nhưng chủ yếu là do những nguyên nhân chủ quan : chưa có sự thống nhất cao trong nhận thức về vai trò, vị trí của kinh tế nhà nước và doanh nghiệp nhà nước, về yêu cầu và giải pháp sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước ; nhiều vấn đề chưa rõ, còn ý kiến khác nhau nhưng chưa được tổng kết thực tiễn để kết luận. Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước còn nhiều yếu kém, vướng mắc ; cải cách hành chính chậm. Cơ chế, chính sách còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ, còn nhiều điểm chưa phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chưa tạo được động lực mạnh mẽ thúc đẩy cán bộ và người lao động trong doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh ; một bộ phận cán bộ doanh nghiệp nhà nước chưa đáp ứng yêu cầu về năng lực và phẩm chất. Sự lãnh đạo của Đảng và chỉ đạo của Chính phủ đối với việc đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước chưa tương xứng với nhiệm vụ quan trọng và phức tạp này. Tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng tại doanh nghiệp nhà nước chậm được đổi mới.

II - QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1 - Quan điểm chỉ đạo.

- Kinh tế nhà nước có vai trò quyết định trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước. Doanh nghiệp nhà nước (gồm doanh nghiệp nhà nước giữ 100% vốn và doanh nghiệp nhà nước giữ cổ phần chi phối) phải không ngừng được đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả, giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế, làm công cụ vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô, làm lực lượng nòng cốt, góp phần chủ yếu để kinh tế nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, là chủ lực trong hội nhập kinh tế quốc tế. Việc xem xét, đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước phải có quan điểm toàn diện cả về kinh tế, chính trị, xã hội ; trong đó, lấy suất sinh lời trên vốn làm một trong những tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp kinh doanh, lấy kết quả thực hiện các chính sách xã hội làm tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp công ích.

- Kiên quyết điều chỉnh cơ cấu để doanh nghiệp nhà nước có cơ cấu hợp lý, tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt và địa bàn quan trọng, chiếm thị phần đủ lớn đối với các sản phẩm và dịch vụ chủ yếu ; không nhất thiết phải giữ tỉ trọng lớn trong tất cả các ngành, lĩnh vực, sản phẩm của nền kinh tế. Đại bộ phận doanh nghiệp nhà nước phải có quy mô vừa và lớn, công nghệ tiên tiến ; một bộ phận cần thiết có quy mô nhỏ để kinh doanh những sản phẩm, dịch vụ thiết yếu, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Chuyển doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo chế độ công ty ; đẩy mạnh cổ phần hóa những doanh nghiệp nhà nước mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn, xem đó là khâu quan trọng để tạo chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý để doanh nghiệp nhà nước kinh doanh tự chủ, tự chịu trách nhiệp, hợp tác và cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác theo pháp luật. Bảo hộ cần thiết, có điều kiện đối với những ngành, lĩnh vực, sản phẩm quan trọng. Thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực cần thiết, nhưng không biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp. Xóa bao cấp, đồng thời có chính sách đầu tư đúng đắn và hỗ trợ phù hợp đối với những ngành, lĩnh vực, sản phẩm cần ưu tiên phát triển. Phân biệt rõ chức năng của cơ quan đại diện quyền chủ sở hữu của nhà nước với chức năng điều hành sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Giao quyền quyết định nhiều hơn đi đôi với đòi hỏi trách nhiệm cao hơn đối với đại diện trực tiếp chủ sở hữu tại doanh nghiệp.

Digitized by Google

- Việc tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước là nhiệm vụ cấp bách và cũng là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài với nhiều khó khăn, phức tạp, mới mẻ. Đối với những vấn đề đã rõ, đã có nghị quyết thì phải khẩn trương, kiên quyết triển khai thực hiện ; những vấn đề chưa đủ rõ thì phải tổ chức thí điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, kịp thời uốn nắn các sai sót, lệch lạc để có bước đi thích hợp, tích cực nhưng vững chắc.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở tất cả các cấp, các ngành đối với việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, phát huy quyền làm chủ của người lao động và vai trò của các đoàn thể quần chúng tại doanh nghiệp.

2 - Mục tiêu 10 năm 2001 - 2010.

Sắp xếp, đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước để doanh nghiệp nhà nước góp phần quan trọng bảo đảm các sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu của xã hội và nhu cầu cần thiết của quốc phòng, an ninh, là lực lượng nòng cốt đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và tạo nền tảng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3 - Nhiệm vụ 5 năm 2001 - 2005.

- Hoàn thành cơ bản việc sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu doanh nghiệp nhà nước hiện có : cổ phần hóa những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn ; sáp nhập, giải thể, phá sản những doanh nghiệp hoạt động không có hiệu quả ; giao bán, khoán kinh doanh, cho thuê các doanh nghiệp quy mô nhỏ, không cổ phần hóa được và Nhà nước không cần nắm giữ.

- Thực hiện chế độ công ty trách nhiệm hữu hạn đối với doanh nghiệp Nhà nước giữ 100% vốn. Sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, hình thành khung pháp lý đồng bộ bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước.

- Đổi mới và lành mạnh hóa tài chính doanh nghiệp, giải quyết cơ bản nợ không có khả năng thanh toán, lao động dôi dư và có giải pháp ngăn chặn các tình trạng trên tái phát.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổng công ty nhà nước ; xây dựng một số tập đoàn kinh tế mạnh.

- Đầu tư phát triển và thành lập mới doanh nghiệp nhà nước cần thiết và có đủ điều kiện ở những ngành, lĩnh vực then chốt, địa bàn quan trọng.

- Đổi mới và hiện đại hóa một bước quan trọng công nghệ và quản lý của đại bộ phận doanh nghiệp nhà nước.

III - NHỮNG GIẢI PHÁP LỚN

1 - Định hướng sắp xếp, phát triển doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh và hoạt động công ích.

a) Đối với doanh nghiệp hoạt động kinh doanh.

- Nhà nước giữ 100% vốn đối với các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực độc quyền nhà nước, bao gồm : vật liệu nổ, hóa chất độc, chất phóng xạ, hệ thống truyền tải điện quốc gia, mạng trục thông tin quốc gia và quốc tế, sản xuất thuốc lá điếu.

- Nhà nước giữ cổ phần chi phối hoặc giữ 100% vốn đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh trong các ngành và lĩnh vực ; bán buôn lương thực, bán buôn xăng dầu, sản xuất điện, khai thác các khoáng sản quan trọng, sản xuất một số sản phẩm cơ khí, điện tử, công nghệ thông tin, sản xuất kim loại đen, kim loại màu, sản xuất hóa chất cơ bản, phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, sản xuất xi măng, công nghiệp xây dựng, sản xuất một số hàng tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm quan trọng, sản xuất hóa dược, thuốc chữa bệnh, vận tải hàng không, đường sắt, viễn dương, kinh doanh tiền tệ, bảo hiểm, xổ số kiến thiết, dịch vụ viễn thông cơ bản ; chủ yếu là các doanh nghiệp có quy mô lớn, có đóng góp lớn cho ngân sách, đi đầu trong việc ứng dụng công nghệ mũi nhọn, công nghệ cao và góp phần quan trọng ổn định kinh tế vĩ mô. Những doanh nghiệp hoạt động kinh doanh bảo đảm nhu cầu thiết yếu cho phát triển sản xuất và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào nông thôn, đồng bào các dân tộc ở miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Digitized by Google

Nhà nước giữ cổ phần đặc biệt trong một số trường hợp cần thiết.

Chuyển các doanh nghiệp mà Nhà nước giữ 100% vốn sang hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một chủ sở hữu là Nhà nước hoặc công ty cổ phần gồm các cổ đông là các doanh nghiệp nhà nước.

Căn cứ định hướng trên đây, Chính phủ chỉ đạo rà soát, phê duyệt phân loại cụ thể các doanh nghiệp nhà nước hiện có để triển khai thực hiện và từng thời kỳ xem xét điều chỉnh định hướng phân loại doanh nghiệp cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Doanh nghiệp thuộc các tổ chức của Đảng thực hiện sắp xếp như đối với doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp thuộc các tổ chức chính trị - xã hội đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

- Việc thành lập mới doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh chủ yếu sẽ thực hiện dưới hình thức công ty cổ phần. Chỉ thành lập mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đối với những ngành và lĩnh vực mà Nhà nước cần giữ độc quyền, hoặc các thành phần kinh tế khác không muốn hay không có khả năng tham gia.

b) Đối với doanh nghiệp hoạt động công ích.

Nhà nước giữ 100% vốn đối với các doanh nghiệp công ích hoạt động trong các lĩnh vực : in bạc và chứng chỉ có giá ; điều hành bay ; bảo đảm hàng hải ; kiểm soát và phân phối tần số vô tuyến điện ; sản xuất, sửa chữa vũ khí, khí tài, trang bị chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh ; doanh nghiệp được giao thực hiện nhiệm vụ quốc phòng đặc biệt và các doanh nghiệp tại các địa bàn chiến lược quan trọng kết hợp kinh tế với quốc phòng theo quyết định của Chính phủ. Các doanh nghiệp của quân đội và công an được sắp xếp và phát triển theo định hướng này.

- Nhà nước giữ 100% vốn hoặc cổ phần chi phối đối với những doanh nghiệp công ích đang hoạt động trong các lĩnh vực : kiểm định kỹ thuật phương tiện giao thông cơ giới lớn ; xuất bản sách giáo khoa, sách báo chính trị, phim thời sự và tài liệu ; quản lý, bảo trì hệ thống đường sắt quốc gia, sân bay ; quản lý thủy nông đầu nguồn ; trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn ; thoát nước ở đô thị lớn ; ánh sáng đường phố ; quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ, bến xe, đường thủy quan trọng ; sản xuất sản phẩm và cung ứng dịch vụ khác theo quy định của Chính phủ.

Trong từng thời kỳ, Chính phủ xem xét, điều chỉnh định hướng phân loại doanh nghiệp cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Đối với các doanh nghiệp hoạt động công ích hiện có, Chính phủ căn cứ vào định hướng trên đây chỉ đạo rà soát và phê duyệt phân loại cụ thể để triển khai thực hiện. Những doanh nghiệp công ích đang hoạt động không thuộc diện nêu trên sẽ được sắp xếp lại. Việc thành lập mới doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích phải được xem xét chặt chẽ, đúng định hướng, có yêu cầu và có đủ các điều kiện cần thiết.

Khuyến khích nhân dân và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế sản xuất những sản phẩm, dịch vụ công ích mà xã hội cần và pháp luật không cấm.

2 - Sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách.

a) Đối với doanh nghiệp hoạt động kinh doanh.

Doanh nghiệp tự chủ quyết định kinh doanh theo quan hệ cung cầu trên thị trường phù hợp với mục tiêu thành lập và điều lệ hoạt động. Xóa bỏ bao cấp đối với doanh nghiệp. Thực hiện chính sách ưu đãi đối với các ngành, vùng, các sản phẩm và dịch vụ cần ưu tiên hoặc khuyến khích phát triển, không phân biệt thành phần kinh tế. Ban hành Luật cạnh tranh để bảo vệ và khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế cạnh tranh, hợp tác bình đẳng trong khuôn khổ pháp luật chung. Đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực độc quyền cần có quy định kiểm soát giá và điều tiết tốt lợi nhuận và cần tổ chức một số doanh nghiệp nhà nước cùng cạnh tranh bình đẳng.

Nhà nước ban hành tiêu chí đánh giá hiệu quả và cơ chế giám sát doanh nghiệp nhà nước.

Đổi mới chế độ kế toán, kiểm toán, chế độ báo cáo, thông tin, thực hiện công khai hoạt

Digitized by Google

động kinh doanh và tài chính doanh nghiệp.

- Về vốn : doanh nghiệp được tiếp cận và thu hút các nguồn vốn trên thị trường để phát triển kinh doanh ; được chủ động xử lý các tài sản dư thừa, vật tư, hàng hóa ứ đọng.

Nhà nước có cơ chế để trong 5 năm 2001 - 2005 cơ bản tạo đủ vốn điều lệ cho doanh nghiệp. Không thu thuế sử dụng vốn ngân sách, chuyển hình thức cấp vốn sang đầu tư vốn. Thí điểm lập công ty đầu tư tài chính nhà nước để thực hiện đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Nghiên cứu ban hành Luật sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào kinh doanh.

Doanh nghiệp được tự chủ trong việc phân phối và trích lập các quỹ từ lợi nhuận để lại theo khung quy định chung. Nhà nước có chính sách đối với những tài sản do doanh nghiệp đầu tư bằng vốn vay và đã trả hết nợ bằng nguồn khấu hao cơ bản và lợi nhuận do chính tài sản đó làm ra theo hướng thực hiện hài hòa các lợi ích, phù hợp với đặc điểm của từng ngành nghề, lĩnh vực cụ thể, khuyến khích doanh nghiệp tiếp tục tái đầu tư phát triển.

- Về đầu tư : tăng thêm quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước trong quyết định đầu tư trên cơ sở chiến lược, quy hoạch phát triển được phê duyệt.

- Về đổi mới, hiện đại hóa công nghệ : doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu đãi đối với người có đóng góp vào đổi mới công nghệ mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp ; chi phí này được hạch toán vào giá thành sản phẩm. Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ.

- Về lao động, tiền lương : doanh nghiệp quyết định việc tuyển chọn lao động và chịu trách nhiệm giải quyết chế độ đối với người lao động do mình tuyển dụng không có việc làm bằng các nguồn kinh phí của doanh nghiệp ; được tự chủ trong việc trả tiền lương và tiền thưởng trên cơ sở năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Về cán bộ quản lý doanh nghiệp : doanh nghiệp chủ động lựa chọn và bố trí cán bộ quản lý theo hướng chủ yếu là thi tuyển ; cơ quan nhà nước và tổ chức có thẩm quyền ra quyết định bổ nhiệm cán bộ chủ chốt của doanh nghiệp. Nhà nước có cơ chế khuyến khích vật chất, tinh thần, đồng thời nâng cao trách nhiệm của cán bộ quản lý doanh nghiệp.

- Về thanh tra, kiểm tra : hằng năm doanh nghiệp phải được kiểm toán, kết quả kiểm toán là căn cứ pháp lý về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Các cơ quan quản lý nhà nước phải có chương trình thanh tra, kiểm tra định kỳ đối với doanh nghiệp và thông báo trước cho doanh nghiệp. Cơ quan bảo vệ pháp luật chỉ kiểm tra, thanh tra khi doanh nghiệp đã có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Các cơ quan thanh tra, kiểm tra phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thanh tra, kiểm tra.

b) Đối với doanh nghiệp hoạt động công ích.

Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ mà Nhà nước quyết định quy mô tổ chức, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp công ích.

Chuyển từ cơ chế cấp vốn, giao nhiệm vụ sang cơ chế đặt hàng hoặc đấu thầu thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích. Nhà nước có chính sách ưu đãi đối với các sản phẩm và dịch vụ công ích, không phân biệt loại hình doanh nghiệp, thành phần kinh tế. Nhà nước cấp đủ vốn điều lệ cho doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích. Thực hiện cơ chế quản lý lao động, tiền lương và thu nhập trên cơ sở khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ mà Nhà nước giao hoặc đặt hàng. Doanh nghiệp công ích cũng phải thực hiện hạch toán.

c) Giải quyết lao động dôi dư và nợ không thanh toán được.

- Bổ sung cơ chế, chính sách đối với lao động dôi dư trong sắp xếp, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước.

Doanh nghiệp phải rà soát và xây dựng đúng định mức để xác định số lượng lao động cần thiết. Lao động dôi dư được doanh nghiệp tạo điều kiện đào tạo lại hoặc nghỉ việc hưởng nguyên lương một thời gian để tìm việc ; nếu không tìm được việc thì được nghỉ chế độ mất việc theo quy định của Bộ luật Lao động. Bổ sung, sửa đổi một số chính sách cụ thể đối với người lao động dôi dư có nguyện vọng nghỉ hưu

Digitized by Google

trước tuổi. Chính phủ bố trí nguồn kinh phí để giải quyết chính sách cho số lao động dôi dư.

Sửa đổi, bổ sung Bộ luật Lao động theo hướng cho phép áp dụng chế độ mất việc đối với số lao động dôi dư tại thời điểm giao, bán, khoán kinh doanh và cho thuê doanh nghiệp nhà nước. Khẩn trương bổ sung chính sách bảo hiểm xã hội ; ban hành chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo hướng Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động cùng đóng góp.

- Xử lý nợ không thanh toán được.

Chính phủ quy định biện pháp giải quyết dứt điểm các khoản nợ không có khả năng thanh toán của doanh nghiệp đối với ngân sách nhà nước và ngân hàng, đồng thời có giải pháp để ngăn ngừa sự tái phát.

Thành lập công ty mua bán nợ và tài sản của doanh nghiệp nhà nước để xử lý nợ và tài sản không cần dùng, tạo điều kiện lành mạnh hóa tài chính doanh nghiệp.

3 - Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổng công ty nhà nước ; hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh.

a) Tổng công ty nhà nước phải có vốn điều lệ đủ lớn, có thể huy động vốn từ nhiều nguồn, trong đó vốn nhà nước là chủ yếu ; thực hiện kinh doanh đa ngành, có ngành chính chuyên sâu ; có liên kết giữa các đơn vị thành viên về sản xuất, tài chính, thị trường... ; có trình độ công nghệ và quản lý tiên tiến, năng suất lao động cao, chất lượng sản phẩm tốt, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Hoàn thành việc sắp xếp các tổng công ty nhà nước hiện có nhằm tập trung hơn nữa nguồn lực để chi phối được những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế ; làm lực lượng chủ lực trong việc bảo đảm các cân đối lớn và ổn định kinh tế vĩ mô ; cung ứng những sản phẩm trọng yếu cho nền kinh tế quốc dân và xuất khẩu, đóng góp lớn cho ngân sách ; làm nòng cốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Những ngành, lĩnh vực, sản phẩm cần tổ chức tổng công ty nhà nước : khai thác, chế biến dầu khí và kinh doanh buôn bán xăng dầu ; sản xuất và cung ứng điện ; khai thác, chế biến, cung ứng than, các khoáng sản quan trọng ; luyện kim ; cơ khí chế tạo ; sản xuất xi măng ; bưu chính, viễn thông, điện tử ; hàng không ; hàng hải ; đường sắt ; hóa chất và phân hóa học ; sản xuất một số hàng tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm quan trọng ; hóa dược ; xây dựng ; kinh doanh bán buôn lương thực ; ngân hàng ; bảo hiểm...

Trong từng thời kỳ, theo yêu cầu phát triển của nền kinh tế cần có sự điều chỉnh phù hợp. Những tổng công ty đang hoạt động không có đủ các yêu cầu trên sẽ được sắp xếp lại.

Thí điểm, rút kinh nghiệm để nhân rộng việc thực hiện chuyển tổng công ty nhà nước sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, trong đó tổng công ty đầu tư vốn vào các doanh nghiệp thành viên là những công ty trách nhiệm hữu hạn một chủ (tổng công ty) hoặc là công ty cổ phần mà tổng công ty giữ cổ phần chi phối. Ngoài ra, tổng công ty có thể đầu tư vào các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác.

Tổng công ty 100% vốn nhà nước phải có hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan đại diện trực tiếp chủ sở hữu tại tổng công ty, nhận và chịu trách nhiệm bảo toàn, phát triển vốn, tài sản Nhà nước giao. Nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng quản trị :

Trình Thủ tướng Chính phủ (hoặc bộ trưởng, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) xem xét quyết định : chủ trương thành lập, chia tách, sáp nhập, chuyển đổi sở hữu, giải thể đơn vị thành viên ; ban hành điều lệ mẫu ; bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật chủ tịch, ủy viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc ; phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn của tổng công ty, các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền Chính phủ phê duyệt.

Quyết định bổ nhiệm phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, thông qua việc bổ nhiệm giám đốc đơn vị thành viên để tổng giám đốc ra quyết định ; quyết định và chịu trách nhiệm về các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt và các

Digitized by Google

phương án tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh, biên chế bộ máy quản lý tổng công ty ; quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế.

Kiểm tra, giám sát tổng giám đốc, giám đốc đơn vị thành viên trong việc sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và thực hiện nghị quyết của hội đồng quản trị.

Chính phủ quy định tiền lương, chế độ tiền thưởng cho hội đồng quản trị gắn với hiệu quả hoạt động của tổng công ty.

b) Hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh trên cơ sở các tổng công ty nhà nước, có sự tham gia của các thành phần kinh tế, kinh doanh đa ngành, trong đó có ngành kinh doanh chính, chuyên môn hóa cao và giữ vai trò chi phối lớn trong nền kinh tế quốc dân, có quy mô rất lớn về vốn, hoạt động cả trong và ngoài nước, có trình độ công nghệ cao và quản lý hiện đại, có sự gắn kết trực tiếp, chặt chẽ giữa khoa học công nghệ, đào tạo, nghiên cứu triển khai với sản xuất kinh doanh. Thí điểm hình thành tập đoàn kinh tế trong một số lĩnh vực có điều kiện, có thế mạnh, có khả năng phát triển để cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả như : dầu khí, viễn thông, điện lực, xây dựng...

4 - Đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Mục tiêu cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là nhằm : tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động, để sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của nhà nước và huy động thêm vốn xã hội vào phát triển sản xuất, kinh doanh ; tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động, có hiệu quả cho doanh nghiệp nhà nước ; phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của cổ đông và tăng cường sự giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp ; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước không được biến thành tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước.

Đối tượng cổ phần hóa là những doanh nghiệp nhà nước hiện có mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn, không phụ thuộc vào thực trạng kết quả sản xuất kinh doanh. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào định hướng sắp xếp, phát triển doanh nghiệp nhà nước và điều kiện thực tế của từng doanh nghiệp mà quyết định chuyển doanh nghiệp nhà nước hiện có thành công ty cổ phần, trong đó Nhà nước có cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt, cổ phần ở mức thấp, hoặc Nhà nước không giữ cổ phần.

Hình thức cổ phần hóa bao gồm : giữ nguyên giá trị doanh nghiệp, phát hành cổ phiếu để thu hút thêm vốn ; bán một phần giá trị hiện có của doanh nghiệp cho các cổ đông ; cổ phần hóa đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp ; chuyển toàn bộ doanh nghiệp thành công ty cổ phần. Trường hợp cổ phần hóa đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp thì không được gây khó khăn hoặc làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh các bộ phận còn lại của doanh nghiệp.

Nhà nước có chính sách để giảm bớt tình trạng chênh lệch về cổ phần ưu đãi cho người lao động giữa các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa. Có quy định để người lao động giữ được cổ phần ưu đãi trong một thời gian nhất định. Sửa đổi, bổ sung cơ chế ưu tiên bán cổ phần cho người lao động trong doanh nghiệp để gắn bó người lao động với doanh nghiệp ; dành một tỉ lệ cổ phần thích hợp bán ra ngoài doanh nghiệp. Nghiên cứu sử dụng một phần vốn tự có của doanh nghiệp để hình thành cổ phần của người lao động, người lao động được hưởng lãi nhưng không được rút cổ phần này khỏi doanh nghiệp. Mở rộng việc bán cổ phần của các doanh nghiệp công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản cho người sản xuất và cung cấp nguyên liệu. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp cổ phần hóa sử dụng nhiều lao động và có quy định cho ghép chuyển nợ thành vốn góp cổ phần.

Sửa đổi phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp theo hướng gắn với thị trường ; nghiên cứu đưa giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp, thí điểm đấu thầu bán cổ phiếu và bán cổ phiếu qua các định chế tài chính trung gian.

Digitized by Google

Nhà đầu tư được mua cổ phần lần đầu đối với những doanh nghiệp cổ phần hóa mà Nhà nước không giữ cổ phần chi phối theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Khuyến khích đầu tư trong nước. Khuyến khích nhà đầu tư có tiềm năng về công nghệ, thị trường, kinh nghiệm quản lý, tiền vốn mua cổ phần. Số tiền thu được từ bán cổ phần dùng để thực hiện chính sách đối với người lao động và để Nhà nước tái đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, không được đưa vào ngân sách để chi thường xuyên.

Nhà nước ban hành cơ chế, chính sách phù hợp đối với doanh nghiệp nhà nước đã chuyển sang công ty cổ phần. Sửa đổi chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa theo hướng ưu đãi hơn đối với những doanh nghiệp khi cổ phần hóa có khó khăn.

Chỉ đạo chặt chẽ doanh nghiệp nhà nước đầu tư một phần vốn để lập mới công ty cổ phần ở những lĩnh vực cần thiết.

5 - Thực hiện giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, sáp nhập, giải thể, phá sản doanh nghiệp nhà nước.

Đối với doanh nghiệp quy mô nhỏ có vốn nhà nước dưới 5 tỉ đồng, Nhà nước không cần nắm giữ và không cổ phần hóa được, tùy thực tế của từng doanh nghiệp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định một trong các hình thức : giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê. Khuyến khích doanh nghiệp nhà nước đã giao, bán được chuyển thành công ty cổ phần của người lao động. Sáp nhập, giải thể, phá sản những doanh nghiệp nhà nước hoạt động không hiệu quả, nhưng không thực hiện được các hình thức nói trên.

Sửa đổi, bổ sung Luật Phá sản doanh nghiệp theo hướng người quyết định thành lập doanh nghiệp có quyền đề nghị tuyên bố phá sản.

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, hiểu biết của người lao động và toàn xã hội đối với chủ trương cổ phần hóa, giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, sáp nhập, giải thể, phá sản doanh nghiệp nhà nước.

IV - ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ CỦA CƠ QUAN CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

1 - Xác định rõ chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước.

Chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước là : xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý và ban hành chính sách, cơ chế quản lý đối với doanh nghiệp hoạt động kinh doanh và hoạt động công ích ; xây dựng quy hoạch và đào tạo đội ngũ cán bộ cốt cán cho doanh nghiệp nhà nước ; thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, chế độ, quy định của Nhà nước tại doanh nghiệp.

Kiên quyết chấm dứt tình trạng cơ quan hành chính nhà nước can thiệp trực tiếp, cụ thể vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp ; phân định rõ quyền quản lý hành chính kinh tế của Nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Cơ quan quản lý nhà nước căn cứ vào quy định của pháp luật và yêu cầu quản lý mà ban hành đồng bộ hệ thống văn bản pháp quy để thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, trong đó có doanh nghiệp nhà nước.

2 - Phân định rõ quyền của các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước.

Chính phủ thống nhất quản lý và tổ chức thực hiện các quyền của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước.

Chủ sở hữu có quyền : thành lập, sáp nhập, chia tách, chuyển đổi sở hữu, giải thể doanh nghiệp ; ban hành điều lệ mẫu tổ chức hoạt động của doanh nghiệp. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh quản lý chủ chốt. Quyết định mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và kế hoạch trung, dài hạn của doanh nghiệp. Phê duyệt các dự án đầu tư. Quy định nguyên tắc phân phối lợi nhuận sau thuế. Kiểm tra, giám sát thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nhà nước giao và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Chính phủ ủy quyền cho các bộ, phân cấp cụ

Digitized by Google

thể cho ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước thực hiện quyền chủ sở hữu của Nhà nước phù hợp với các loại hình doanh nghiệp có vốn nhà nước, bảo đảm ở đâu có vốn của nhà nước thì phải có tổ chức hoặc cá nhân được giao quyền đại diện nhà nước làm chủ sở hữu trực tiếp với nhiệm vụ, quyền hạn, quyền lợi và trách nhiệm rõ ràng, không phân biệt doanh nghiệp nhà nước do Trung ương hay địa phương quản lý.

3 - Đào tạo và sử dụng cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước.

Chính phủ quy định tiêu chuẩn cán bộ quản lý chủ chốt của doanh nghiệp nhà nước ; chỉ đạo xây dựng hệ thống đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giám đốc doanh nghiệp.

Chính phủ quy định chế độ đãi ngộ và chế độ trách nhiệm đối với những cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước theo hướng khuyến khích thỏa đáng về vật chất và tinh thần căn cứ mức độ đóng góp vào kết quả hoạt động của doanh nghiệp ; đồng thời có chế tài phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp nhà nước để xử lý những cán bộ quản lý doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả do nguyên nhân chủ quan.

V - ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG Ở DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Tổ chức đảng ở doanh nghiệp nhà nước lãnh đạo việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ; tham gia đề ra và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ; bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người lao động, phát huy dân chủ, thi đua hoàn thành nhiệm vụ ; lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên và đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng ; lãnh đạo các tổ chức quần chúng làm tốt chức năng, nhiệm vụ.

Đối với tổng công ty nhà nước, mô hình tổ chức đảng có thể theo hướng :

- Thành lập đảng bộ toàn tổng công ty trực thuộc Đảng ủy khối cơ quan Kinh tế Trung ương trong trường hợp đòi hỏi tổng công ty phải có sự lãnh đạo chặt chẽ theo ngành dọc.

- Đảng bộ cơ quan tổng công ty trực thuộc Đảng ủy khối cơ quan Kinh tế Trung ương, còn tổ chức đảng ở các doanh nghiệp thành viên trực thuộc tổ chức đảng địa phương.

- Thành lập đảng bộ toàn tổng công ty trực thuộc đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Thành lập ban cán sự đảng ở tổng công ty nhà nước trong trường hợp thật cần thiết.

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì xây dựng đề án cụ thể về đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng tại doanh nghiệp nhà nước phù hợp với yêu cầu và đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong điều kiện mới.

VI - TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1 - Căn cứ vào Nghị quyết này, Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung luật và pháp lệnh có liên quan ; Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung những cơ chế, chính sách có liên quan thuộc thẩm quyền của Chính phủ để đẩy nhanh việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Trong khi chờ sửa đổi, bổ sung luật, pháp lệnh, cho phép tiến hành thí điểm những nội dung của Nghị quyết khác với quy định hiện hành.

2 - Bộ Chính trị chỉ đạo Ban cán sự đảng Chính phủ và các ban Đảng có liên quan thành lập tổ chức tương xứng để làm nhiệm vụ tham mưu, phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách và giúp Chính phủ chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

3 - Các cấp ủy và tổ chức đảng có trách nhiệm quán triệt và lãnh đạo thực hiện tốt Nghị quyết này. Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với các cơ quan có liên quan theo dõi việc thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị. ❑

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Digitized by Google

NHIỆM VỤ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG THỜI KỲ MỚI

NGUYỄN PHÚC THANH *

BẢO vệ Tổ quốc luôn luôn là mối quan tâm hàng đầu của các nhà nước, bởi lẽ đây là vấn đề có liên quan chặt chẽ đến sự tồn vong của chính các chủ thể chính trị cấu thành hệ thống quốc tế. Quan niệm về bảo vệ Tổ quốc đối với các nhà nước khác nhau và ở những giai đoạn lịch sử khác nhau không phải luôn luôn đồng nhất, trái lại có thể khác nhau về nội dung và bản chất. Từ chỗ vốn được quan niệm một cách truyền thống gắn với chiến tranh, hòa bình, độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ hoặc sự tồn tại của hệ thống chính trị, những năm gần đây dưới tác động của nhiều yếu tố chính trị, ngoại giao, văn hóa, pháp luật, khoa học - công nghệ... và đặc biệt là quá trình toàn cầu hóa về kinh tế, dần dần khái niệm bảo vệ Tổ quốc đã ngày càng được hiểu một cách tổng thể hơn, bao quát cả bình diện mang bản chất phi quân sự. Với những thay đổi trong quan niệm về bảo vệ Tổ quốc, tư duy chiến lược về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc của nhiều nước (trong đó có nước ta) cũng đã có những thay đổi.

1. Tổng kết những bài học kinh nghiệm của sự nghiệp cách mạng Việt Nam 70 năm qua, nhất là những thành tựu và kinh nghiệm của 15 năm đổi mới, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã khẳng định con đường đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng cũng chỉ rõ : "Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa ; bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc" (1).

Đây là một nhận thức mới về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc của Đảng ta. Theo nhận thức mới này, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN ngày nay không chỉ là chống chiến tranh xâm lược, bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, mà còn gắn chặt với yêu cầu thường xuyên bảo vệ an ninh trên tất cả các lĩnh vực : chính trị, kinh tế, đối ngoại, khoa học - công nghệ, văn hóa, xã hội. Bảo vệ Tổ quốc gắn liền với bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ gắn liền với xây dựng Tổ quốc.

Thực chất của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN theo tinh thần đổi mới của Nghị quyết Đại hội IX của Đảng có 2 bộ phận cấu thành cơ bản, đó là :

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 117

Digitized by Google

- Bảo vệ sự độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc ;

- Bảo vệ sự phát triển ổn định, bền vững của chế độ XHCN.

Hai nội dung trên của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN có quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ nhau, bổ sung cho nhau, tác động lẫn nhau không thể tách rời. Lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ta đã xác nhận : Cách mạng Việt Nam giành được thắng lợi khi kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược này. Trong giai đoạn 1954 - 1975, đất nước còn chia cắt, Đảng ta giương cao 2 ngọn cờ cách mạng : Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Giai đoạn 1975 đến nay, đất nước thống nhất, Đảng ta vạch ra 2 nhiệm vụ chiến lược : Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Như vậy rõ ràng là 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ luôn gắn chặt với nhau qua các thời kỳ cách mạng. Trong xây dựng đã có nội dung bảo vệ và trong bảo vệ, không phải chỉ đơn thuần là đấu tranh, phòng ngừa, ngăn chặn mà còn chứa đựng cả nội dung xây dựng. Xây dựng đã trở thành một phương thức quan trọng của bảo vệ. Nội dung của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN hiện nay là kết quả của sự tổng kết sâu sắc thực tiễn cách mạng nước ta, là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta về sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN. Toàn Đảng, toàn dân và các lực lượng vũ trang cần quán triệt sâu sắc, vận dụng đúng đắn, sáng tạo vào thực tiễn tư tưởng chỉ đạo quan trọng này của Đảng phù hợp với từng lĩnh vực xây dựng và đấu tranh của mình ; đồng thời phải kiên quyết vạch trần mọi quan điểm thù địch, luận điểm sai trái, nhận thức mơ hồ về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ, tách rời giữa Tổ quốc và chế độ, độc lập dân tộc với CNXH. Là những lực lượng nòng cốt, xung kích trên mặt trận đấu tranh bảo vệ Tổ quốc XHCN, hơn lúc nào hết, Quân đội nhân dân và Công an nhân dân càng phải gắn bó chặt chẽ hơn, phối hợp nhịp nhàng hơn để thực hiện tốt 2 nội dung trên của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

2. Để thực hiện trọn vẹn 2 nội dung kể trên của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN, chúng ta cần quán triệt và tổ chức triển khai thật tốt những phương hướng, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đã được xác định trong các văn kiện Đại hội IX của Đảng, đồng thời trước hết phải xác định và nắm thật vững những yếu tố cơ bản tác động đến độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Theo chúng tôi, xét cho cùng thì vấn đề hàng đầu để thực hiện nhiệm vụ chính trị và chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN chính là đánh giá đúng âm mưu, ý đồ và hoạt động của các thế lực thù địch đang đe dọa nền độc lập dân tộc, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và chế độ XHCN. Phải thừa nhận rằng trong điều kiện hiện nay, nhất là trong xu thế toàn cầu hóa về kinh tế thì các quan hệ song phương, đa phương đã đa dạng và "vạn biến" hơn ; sự vận dụng sách lược phải mềm dẻo và linh hoạt hơn ; nhưng cũng không vì thế mà xa rời mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH. Bởi lẽ, đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc chưa mất đi, thậm chí ngày càng gay gắt thêm và chỉ thay đổi về nội dung và hình thức ; kẻ thù giai cấp và dân tộc không khác về bản chất, chúng chỉ thay đổi diện mạo, âm mưu và thủ đoạn hoạt động mà thôi.

Để nhận diện rõ kẻ thù, cần nghiên cứu và phân tích cụ thể hơn nữa những bài học của nước ta những năm gần đây và của thế giới, nóng hổi nhất là những bài học ở Nam Tư, I-rắc. Rõ ràng đây là một *loại hình chiến tranh xâm lược* có sự can thiệp bằng sức mạnh quân sự từ bên ngoài, có thể làm mất độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Cũng thuộc nhóm nguy cơ có thể làm mất

Digitized by Google

độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia là *loại hình phổ biến thứ hai : hoạt động chống đối, gây chia rẽ dân tộc, dựng ngọn cờ đòi độc lập, ly khai của các thế lực thù địch trong nước và ngoài nước gây chiến tranh cục bộ hoặc nội chiến* (ví dụ như ở In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, v.v...) hiện nay đang diễn ra theo chiều hướng khá phổ biến.

Như vậy, để hoàn thành trách nhiệm bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, chúng ta phải phát huy "sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân" (2). Đồng thời phải "kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, quốc phòng và an ninh với kinh tế trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội" (3). Trong quá trình thực hiện phải luôn chú trọng tới sự "phối hợp hoạt động quốc phòng và an ninh với hoạt động đối ngoại" (4). Nghị quyết Đại hội IX của Đảng cũng khẳng định rõ : Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt, xung kích trên mặt trận bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Chỉ khi nào tổ chức, động viên được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia thì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN mới có cơ sở vững chắc. Luận điểm của Đảng ta về vấn đề tổ chức, xây dựng và phát huy sức mạnh tổng hợp bảo vệ Tổ quốc XHCN là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về sức mạnh bảo vệ Tổ quốc (đó là tổng thể các khả năng vật chất và tinh thần của quốc gia và tận dụng tối đa điều kiện quốc tế).

3. Gắn liền với nội dung bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc là nội dung bảo vệ sự phát triển bền vững của CNXH trên đất nước ta. Thực chất của nội dung này là bảo vệ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam ; bảo vệ Nhà nước cộng hòa XHCN Việt Nam ; bảo vệ nhân dân và chế độ XHCN.

Hiện nay có rất nhiều yếu tố tác động mà nếu chúng ta không nắm được để có giải pháp phòng ngừa thì rất có thể làm mất ổn định chính trị - xã hội, làm suy yếu hoặc mất vai trò lãnh đạo của Đảng. Trước hết và nguy hiểm hơn cả là những âm mưu, ý đồ, hoạt động chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch trong và ngoài nước. Chúng đang ra sức cấu kết trong, ngoài thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình" đối với nước ta. Thủ đoạn thường dùng của chúng là sử dụng tổng hợp các hoạt động phá hoại thông qua các hoạt động chính trị, kinh tế, tư tưởng, văn hóa, xã hội, từng bước thực hiện mưu đồ một cách lặng lẽ, thấm dần, làm "mục ruỗng" từ bên trong ; kích động các lực lượng, các khuynh hướng phản động nổi dậy mà không cần phải dùng đến lực lượng vũ trang xâm lược. Đây cũng là nội dung cốt lõi của cái gọi là "chiến thắng mà không cần có chiến tranh" của các thế lực chống cộng quốc tế. Thực tiễn cho thấy, trong quá trình thực hiện "diễn biến hòa bình", kẻ thù của XHCN thường thay đổi hình thức, biện pháp, thủ đoạn thích hợp đối với từng lúc, từng nơi, từng đối tượng tác động cụ thể. Phá hoại về tư tưởng nhằm làm mất phương hướng chính trị, thoái hóa về phẩm chất, đạo đức ; gây chia rẽ, bè phái, phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân... là một mũi nhọn rất lợi hại và thâm độc đang được các thế lực thù địch ráo riết tăng cường. Phá hoại về kinh tế cũng là một thủ đoạn rất thâm hiểm mà các thế lực thù địch thường tiến hành dưới mọi hình thức nhằm làm cho chúng ta

---

(2), (3), (4) *Văn kiện đd*, tr 117

Digitized by Google

suy yếu, kiệt quệ về kinh tế, tạo ra tâm trạng thất vọng, bất mãn trong quần chúng, gây sức ép lật đổ chế độ hoặc khiến chúng ta phụ thuộc về kinh tế dẫn đến lệ thuộc về chính trị, đi chệch hướng XHCN.

Cần phải thấy rằng, các hình thức phá hoại tư tưởng, phá hoại kinh tế, chính trị của các thế lực thù địch hiện nay rất tinh vi, xảo quyệt. Chúng tìm mọi cách để chia rẽ Đảng, đánh vào nội bộ Đảng, chính quyền, lôi kéo những phần tử cơ hội, tạo dựng "ngọn cờ bên trong" làm chỗ dựa cho các hành động lật đổ ; chia rẽ các dân tộc trong nước, kích động chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa ly khai ; kích động bọn phản động lợi dụng tôn giáo chống lại chính quyền ; lôi kéo, mua chuộc một số người trong giới trí thức, sinh viên, văn nghệ sĩ... làm "ngòi nổ" gây rối, bạo loạn. Ở bên ngoài, chúng tổ chức, chỉ đạo bọn phản động lưu vong, tác động vào kiều dân nước ta, tuyển chọn huấn luyện gián điệp, biệt kích xâm nhập vào trong nước, móc nối với các tổ chức phản động chống đối từ bên trong, xây dựng lực lượng, liên kết trong, ngoài, chờ thời cơ nổi dậy lật đổ chính quyền của ta. Có thể nói, sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN của chúng ta đang đứng trước thách thức của một kiểu chiến tranh mới, "chiến tranh tổng lực", chiến tranh mà sự đe dọa đến độc lập dân tộc và CNXH không phải chỉ bằng sức mạnh quân sự, mà bằng cả sức ép về chính trị, kinh tế, tư tưởng, văn hóa, đối ngoại...

Âm mưu của các thế lực thù địch rất thâm độc, thủ đoạn phá hoại của chúng rất tinh vi. Nhưng chúng có thực hiện được hay không và tới mức nào, điều đó còn phụ thuộc vào chúng ta, vào sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trong công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Một yếu tố nữa có thể tác động rất mạnh đến sự ổn định chính trị - xã hội và làm mất vai trò lãnh đạo của Đảng phải kể đến là sự suy thoái từ trong nội bộ Đảng và chính quyền các cấp. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã cảnh báo : *"Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng.* Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta. Tình trạng lãng phí, quan liêu còn khá phổ biến" (5).

Trong tình hình hiện nay, trên lĩnh vực bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng, cuộc đấu tranh chống chiến lược "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch phải luôn đi đôi với cuộc đấu tranh chống sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị và nhiều tổ chức kinh tế. Đó là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu để ổn định chính trị, phục vụ có hiệu quả công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, có ý nghĩa quyết định đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Để hoàn thành những nhiệm vụ cấp bách kể trên, trước hết chúng ta cần phải xây dựng ***Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh*** (mạnh về tổ chức, cán bộ, mạnh về trình độ lý luận và phẩm chất đạo đức, mạnh về năng lực lãnh đạo Nhà nước và toàn xã hội). Lịch sử đã chứng minh : Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Bởi vậy, hơn lúc nào hết, Đảng phải tự đổi mới về mọi mặt, kiên quyết khắc phục tệ quan liêu, tham nhũng, xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và toàn xã hội. Chúng ta cũng cần phải xây dựng ***Nhà nước mạnh***, hoạt động có hiệu quả. Chỉ có Đảng

(5) *Văn kiện đd*, tr 76

Digitized by Google

mạnh, Nhà nước mạnh chúng ta mới có được các quyết sách phát triển kinh tế - xã hội đúng đắn và tổ chức thực hiện có hiệu quả các quyết sách đó.

4. Yếu tố quyết định bảo đảm thắng lợi sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN là phải tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp, mọi mặt của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước về an ninh, quốc phòng. Cần không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp an ninh, quốc phòng. Cần tiếp tục bổ sung và hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về các lĩnh vực này, đồng thời tiến hành cải cách hành chính để nâng cao hiệu lực quản lý an ninh, quốc phòng của chính quyền các cấp từ Trung ương xuống địa phương ; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm trong quản lý nhà nước về an ninh, quốc phòng.

Được Đảng và Nhà nước giao trọng trách, lực lượng nòng cốt của nền Quốc phòng toàn dân và nền An ninh nhân dân là các lực lượng vũ trang nhân dân - Quân đội nhân dân và Công an nhân dân. Trước yêu cầu rất cao của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc XHCN hiện nay, phải tiếp tục xây dựng và nâng cao chất lượng sức mạnh tổng hợp, sức chiến đấu của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Một bài học quý báu rút ra được của hơn nửa thế kỷ xây dựng, chiến đấu, trưởng thành của quân đội và công an là coi xây dựng về chính trị - tư tưởng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là nguyên tắc cơ bản nhất quyết định sự trưởng thành, sức mạnh và hiệu quả chiến đấu của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân. Tiếp tục phát huy kinh nghiệm đó vào điều kiện mới, cần thiết phải giữ vững sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội và Công an. Do đó cần tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phê bình và tự phê bình trong các Đảng bộ Quân đội và Công an theo đúng tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Đổi mới và nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục chính trị - tư tưởng ; xây dựng đội ngũ cán bộ quân đội, công an có phẩm chất, tri thức, năng lực ngang tầm nhiệm vụ ; giữ vững và phát triển mối quan hệ gắn bó giữa công an, quân đội và nhân dân ; xây dựng củng cố mối quan hệ đoàn kết thống nhất, bình đẳng, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau giữa cán bộ và chiến sĩ, cấp trên và cấp dưới. Thực hiện nghiêm túc tác phong chiến đấu, kỷ luật lao động và điều lệnh nội vụ của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

Tranh thủ thời cơ và lấy yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN để đào tạo, huấn luyện, rèn luyện cán bộ, chiến sĩ quân đội và công an có đủ bản lĩnh và năng lực chiến đấu, nhạy bén trong đấu tranh chính trị và chủ động về chiến lược. Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân tinh, gọn, có sức chiến đấu cao, xứng đáng là những lực lượng nòng cốt thực hiện thắng lợi sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc XHCN mà Đảng, Nhà nước và nhân dân tin yêu giao phó.

*

* *

Phấn khởi, tự hào với các thành tựu của những năm qua, của 15 năm đổi mới, toàn Đảng, toàn dân, các lực lượng vũ trang nhân dân, (Quân đội nhân dân và Công an nhân dân) hãy tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang, nắm vững cơ hội, vượt qua mọi thử thách, khó khăn, phát huy cao nhất nội lực đang có, tiếp tục cùng nhau đổi mới, nỗ lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng do Đại hội IX của Đảng đề ra. ❑

Digitized by Google

CÁC CẤP HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VỚI VIỆC THAM GIA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

NGUYỄN THỊ OANH *

DƯỚI sự lãnh đạo của Đảng, sự quan tâm tạo điều kiện của Chính phủ, sự cộng tác của các bộ, ngành, các địa phương, phụ nữ Việt Nam đã phấn đấu và phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, năng động sáng tạo trong lao động sản xuất, công tác và tổ chức cuộc sống gia đình, đóng góp to lớn trên mọi lĩnh vực : chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội góp phần quan trọng vào thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước. Với 51% dân số cả nước, 48% lực lượng lao động xã hội, phụ nữ Việt Nam là nguồn lực quan trọng của quá trình phát triển đất nước, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Không chỉ tập hợp, đoàn kết, vận động phụ nữ cả nước tích cực tham gia thực hiện các chủ trương, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, với chức năng đại diện, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã tham gia có hiệu quả vào quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Trong những năm qua, Nhà nước đã có sự tập trung cao độ cho công tác xây dựng luật nhằm từng bước bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống luật pháp, chính sách và thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật. Đó là một cơ hội mà Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có thể tham gia vào quá trình thể chế hóa những quyền, lợi ích chính đáng và hợp pháp của phụ nữ, những điều kiện cần thiết giúp phụ nữ hạn chế trở ngại về giới để vươn tới sự bình đẳng, phát triển trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Để động viên và phát huy tiềm năng của các tầng lớp phụ nữ đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp đổi mới, nâng cao trình độ về mọi mặt cho phụ nữ, xuất phát từ yêu cầu đổi mới công tác vận động phụ nữ của Đảng và tạo điều kiện cho các cấp hội phụ nữ tham gia quản lý nhà nước, nâng cao hiệu lực hoạt động của các cấp chính quyền, ngày 19-10-1988 Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Quyết định 163/HĐBT về ***Quy định trách nhiệm của các cấp chính quyền trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Phụ nữ tham gia quản lý nhà nước***. Đây là văn bản pháp lý thể chế hóa vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đại diện quyền làm chủ của phụ nữ tham gia quản lý nhà nước, thể chế mối quan hệ hợp tác và phối hợp giữa các cấp chính quyền và các cấp hội. Việc ban hành QĐ/163 đã khẳng định vai trò, vị trí của Hội Liên hiệp Phụ nữ trước yêu cầu của sự nghiệp cách mạng, đánh dấu thời kỳ đổi mới phương thức hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Điều hết sức thuận lợi là các cơ quan xây dựng dự thảo luật, theo tinh thần Quyết định 163/HĐBT đã coi tổ chức Hội là đơn vị không thể thiếu được trong việc tham khảo ý kiến đóng góp vào quá trình xây dựng dự thảo các văn bản luật và dưới luật.

Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền và các cấp Hội đã trở thành quy chế làm việc thường xuyên, được sự đồng tình của các cấp, các ngành và lực lượng phụ nữ. Sự

* Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Digitized by Google

phối hợp đó là đúng đắn và cần thiết, tạo điều kiện để các cấp hội phát huy tiềm năng của lực lượng lao động nữ phấn đấu vươn lên thực hiện vai trò tham gia xây dựng và quản lý nhà nước, góp phần xây dựng và bảo vệ chính quyền vững mạnh, đồng thời tăng cường sự cộng đồng trách nhiệm giữa các cấp chính quyền và các cấp Hội trong giải quyết những vấn đề của phụ nữ.

Bức tranh sinh động về phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý Nhà nước tập trung trên một số hoạt động trọng yếu sau :

1 - Các cấp Hội Phụ nữ tham gia thảo luận, đề xuất ý kiến trong quá trình xây dựng kế hoạch nhà nước, các vấn đề kinh tế, xã hội có liên quan đến phụ nữ, trẻ em.

Hội LHPN Việt Nam các cấp đã xây dựng và duy trì được mối quan hệ và sự phối hợp cộng tác chặt chẽ có tính chiến lược với một số bộ, ngành, Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ, các đoàn thể có liên quan trong việc hoạch định chính sách, chương trình ở tầm vĩ mô. Trong việc xây dựng các kế hoạch, các chương trình đã chú trọng lồng ghép các yếu tố về giới, các vấn đề có liên quan trực tiếp đến đời sống phụ nữ, trẻ em, Trung ương Hội tham gia trực tiếp bằng văn bản, hoặc thông qua các cuộc tọa đàm, hội thảo như : vấn đề xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe, xây dựng gia đình văn hóa. Trung ương Hội đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội để xây dựng các kế hoạch về đào tạo, sử dụng lao động nữ, đào tạo và dạy nghề, xây dựng các chính sách, các chương trình phòng chống tệ nạn xã hội. Hiện nay cả nước đã có 335 trung tâm và cơ sở dạy nghề của hệ thống Hội. Trung ương Hội cũng chủ động cộng tác chặt chẽ với ngành ngân hàng, tài chính, kho bạc, khai thác các nguồn vốn của Ngân hàng nông nghiệp (NHNo), Ngân hàng người nghèo (NHNg), nguồn vốn quỹ quốc gia giải quyết việc làm cho phụ nữ nghèo vay phát triển kinh tế gia đình, tăng thêm thu nhập cho phụ nữ nghèo. Tính trung bình mỗi năm, tổng doanh số vốn từ các nguồn cho phụ nữ vay qua kênh Hội Phụ nữ đạt đến 1 700 tỉ đồng ; trên 2 triệu lượt phụ nữ, trong đó trên 80% là phụ nữ nghèo được vay vốn sản xuất, kinh doanh. Điều đáng chú ý là các cấp chính quyền đã tạo điều kiện thuận lợi cho các cấp hội thực hiện tốt 2 phong trào và 5 chương trình công tác của Hội, qua đó vai trò và uy tín của Hội ngày càng được nâng cao. Các ý kiến đề xuất của Hội về các vấn đề xây dựng chỉ tiêu, kế hoạch kinh tế - xã hội của địa phương, hoặc quyết định các vấn đề quan trọng có liên quan đến phụ nữ, trẻ em được các cấp chính quyền đánh giá có tính thuyết phục, sát thực tiễn, được chính quyền đồng tình, xem xét tiếp thu hoặc trả lời kịp thời. Chất lượng ý kiến của các cấp Hội tham gia với cấp chính quyền được đánh giá ngày càng tốt hơn. Theo báo cáo chưa đầy đủ, 24 tỉnh, thành phố và một số bộ ngành đã có 57 377 ý kiến, cấp huyện có 19 507 ý kiến, cấp xã có 98 270 ý kiến tham gia về chính sách xã hội đạt chất lượng tốt. Tuy vậy, ý kiến của cấp hội mới chỉ tập trung tham gia vào những vấn đề cụ thể, các vấn đề lớn có tầm vĩ mô như các phương án, kế hoạch kinh tế - xã hội chưa tham gia được nhiều và chất lượng ý kiến tham gia chưa cao.

2 - Tham gia nghiên cứu, xây dựng, bổ sung và sửa đổi luật pháp và chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em.

Gắn với việc lồng ghép các vấn đề giới vào tất cả các chương trình và dự án cụ thể, Trung ương Hội đã phối hợp cùng Bộ Tư pháp đồng chủ trì soạn thảo Luật Hôn nhân và Gia đình sửa đổi. Phối hợp với Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đề xuất về chế độ bảo hiểm xã hội, tuổi nghỉ hưu đối với lao động nữ ; tham gia xây dựng Chương X của Bộ Luật lao động, đề cập đến quyết định chính sách đối với lao động nữ, nguyên tắc bình đẳng nam nữ

Digitized by Google

trong tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương và trả công lao động ; quy định ưu đãi, giảm thuế cho các doanh nghiệp để khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ, tạo công ăn việc làm ổn định.

Đối với các địa phương, Hội phụ nữ tham gia đóng góp ý kiến vào các văn bản dự thảo luật như : Luật Đất đai, Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật Thuế, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật phổ cập và giáo dục tiểu học, Pháp lệnh khiếu nại - tố cáo,... Hàng ngàn ý kiến đóng góp xây dựng các văn bản luật pháp, chính sách có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của phụ nữ, trẻ em được chính quyền đánh giá có chất lượng tốt. Chỉ riêng việc tham gia ý kiến về Luật Hôn nhân và Gia đình và các vấn đề tệ nạn xã hội ở 24 tỉnh, thành phố đã có 113 070 ý kiến, cấp huyện có 27 242 ý kiến, cấp xã 103 323 ý kiến được chính quyền xem xét giải quyết. Tuy nhiên, Hội chưa tận dụng được đầy đủ các cơ hội tham gia xây dựng luật pháp, chính sách để bảo vệ có hiệu quả những quyền lợi chính đáng của phụ nữ. Ý kiến đóng góp của Hội Phụ nữ chất lượng còn thấp. Một số cơ sở, cán bộ hội còn hạn chế về kiến thức pháp luật, chính sách, về việc nắm bắt thông tin, nên việc đề xuất ý kiến còn chung chung, thiếu cơ sở khoa học và thực tiễn.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, đội ngũ cán bộ nữ đã được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn, chính trị, nâng cao sự hiểu biết về quản lý kinh tế, về luật pháp, ngoại ngữ, tin học. Nhiều cán bộ nữ được đề bạt giữ những trọng trách quan trọng trong các lĩnh vực quản lý kinh tế và hoạt động xã hội. Nhiều địa phương đã có những quy định riêng ưu tiên tăng phụ cấp cho cán bộ nữ đi học tập trung nâng cao trình độ. Hiện nay, tỷ lệ nữ tham gia vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp tăng hơn so với khóa trước : nữ đại biểu Quốc hội (khóa X) chiếm tỷ lệ 26,22% (tăng 7,7%) ; Hội đồng nhân dân tỉnh 22,5% (tăng 2,1%) ; Hội đồng nhân dân huyện 20,7% (tăng 2,6%) ; Hội đồng nhân dân xã, phường 16,34% (tăng 1,94%). Tuy nhiên, cán bộ nữ giữ chức vụ chủ chốt ở cấp tỉnh, ở trung ương phần đông đã ở độ tuổi ngoài 50, đội ngũ cán bộ nữ kế cận bị hẫng hụt. Một số địa phương cấp ủy, chính quyền chưa xây dựng được quy hoạch cán bộ nữ, việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ còn bị động, chắp vá. Một số cấp ủy, chính quyền nhận thức chưa đầy đủ vai trò và khả năng của phụ nữ. Vì vậy, tỷ lệ cán bộ nữ tham gia quản lý nhà nước tuy có tăng, nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu, chưa tương xứng với lực lượng và sự đóng góp của phụ nữ. Cán bộ nữ cấp cơ sở thuộc địa bàn miền núi, nông thôn, vùng sâu, vùng xa trình độ văn hóa còn quá thấp, bất cập với yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của thời kỳ đổi mới.

3 - Vai trò của Hội Phụ nữ các cấp trong việc tham gia các hội đồng tư vấn với tư cách là thành viên chính thức.

Trong quá trình Nhà nước ta đang tiến hành cải cách hành chính, thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật, vai trò của phụ nữ tham gia trong các hội đồng tư vấn đã có nhiều chuyển biến tiến bộ, cùng với chính quyền góp phần giải quyết được nhiều nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tại các hội đồng tư vấn, các cấp hội đã tư vấn những vấn đề của phụ nữ vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn mang tầm chiến lược như việc hoạch định chính sách có lồng ghép vấn đề giới trong giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, tiếp cận tài chính, tạo điều kiện và cơ hội cho phụ nữ được học tập, đào tạo và nâng cao trình độ về mọi mặt, về chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, trẻ em ; tham gia xây dựng và kiến nghị với Đảng, Nhà nước bổ sung, sửa đổi chính sách bất hợp lý đối với lao động nữ ; về cơ chế chính sách để nâng cao vai trò, vị trí của phụ nữ tham gia bộ máy lãnh đạo và ra quyết định. Sự tham gia của các cấp Hội trong các hội đồng tư vấn đã

Digitized by Google

giúp cho các cấp hội phụ nữ nắm bắt kịp thời các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước, các thông tin kinh tế, văn hóa, các chương trình công tác của địa phương, đơn vị, đồng thời giúp chính quyền cùng cấp nắm được tâm tư nguyện vọng của các tầng lớp phụ nữ, đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề bức xúc của địa phương, đơn vị sát với thực tế, hạn chế được sai sót, bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân, ổn định xã hội. Đặc biệt, Hội Phụ nữ đã có vai trò quan trọng trong việc giải quyết hàng ngàn vụ, việc về hôn nhân gia đình, về việc vi phạm quyền trẻ em, góp phần phòng chống các tệ nạn xã hội, mại dâm, ma túy. Nhiều địa phương đã làm tốt và có kinh nghiệm trong lĩnh vực này như : Hội LHPN tỉnh Phú Thọ giải quyết 12 537 vụ việc về hôn nhân gia đình, tranh chấp đất đai ; Hội LHPN tỉnh Tây Ninh có kinh nghiệm giải quyết tốt vấn đề tệ nạn xã hội ; Hội LHPN tỉnh Cà Mau đã phối hợp với các ngành chức năng kiểm tra trên 100 vụ vi phạm đến quyền và tính mạng phụ nữ, ngược đãi, ức hiếp trẻ em, trên 800 vụ tranh chấp tài sản ; Hội LHPN thành phố Hồ Chí Minh thực hiện tốt "Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng", đã góp phần hạ tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng của thành phố xuống mức thấp nhất trong cả nước (18,3%).

Tuy nhiên, các cấp hội chưa được tham gia một số hội đồng tư vấn như : hội đồng thi tuyển, thi nâng ngạch, chuyển ngạch công chức, hội đồng đào tạo... Vì vậy, việc tham gia đóng góp ý kiến cho công tác quy hoạch đào tạo, tuyển dụng và giải quyết việc làm cho lao động nữ còn hạn chế. Ở một số địa phương, chính quyền còn xem nhẹ vai trò của tổ chức Hội, xem nhẹ vấn đề cung cấp và xử lý thông tin, không quan tâm đầy đủ một số chính sách liên quan đến quyền lợi phụ nữ. Về phía cấp hội, một số địa phương, cơ sở đại diện của hội tham gia các hội đồng tư vấn còn hình thức, thụ động, chưa bảo đảm vai trò đại diện bảo vệ quyền lợi của phụ nữ. Một số đại diện của hội tham gia quá nhiều ban và hội đồng tư vấn nhưng thiếu chuyên sâu về chuyên môn nên hạn chế đến chất lượng tư vấn cho các cấp chính quyền. Có nơi hội chưa kịp thời nắm bắt tư tưởng, diễn biến tình hình quần chúng, chưa phát hiện những vấn đề tiêu cực để cùng chính quyền có biện pháp giải quyết kịp thời.

4 - Tham gia của Hội Phụ nữ các cấp trong thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em.

Với vai trò đại diện bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, các cấp hội đã chủ động phối hợp cùng các ban ngành giám sát, kiểm tra việc thực hiện chính sách, luật pháp có liên quan đến quyền lợi của phụ nữ, trẻ em khi đã được ban hành như : tiến hành thực hiện luật lao động, chính sách thai sản, chế độ nghỉ của cán bộ nữ theo Quyết định 176 của Chính phủ ; bệnh nghề nghiệp tại một số doanh nghiệp làm việc nặng nhọc, độc hại. Một số nơi, Hội Phụ nữ còn tổ chức khảo sát đối tượng là nữ thanh niên đơn thân cựu thanh niên xung phong và các chị em bị nhiễm chất độc màu da cam ; phối hợp với ngành y tế, giáo dục giám sát, kiểm tra việc thực hiện các chính sách xã hội, chính sách đối với các gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có công với nước ; chính sách bảo hiểm xã hội, cứu tế xã hội ; tham gia công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học... Từ kết quả kiểm tra, giám sát, đã đề xuất với chính quyền có biện pháp giúp đỡ, giải quyết như cấp học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, giải quyết đất đai, nhà ở cho phụ nữ đơn thân, giúp đỡ các đối tượng đặc biệt khó khăn.

Sau khi Đảng và Chính phủ ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở, Hội Phụ nữ là thành viên trong ban chỉ đạo đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước. Hội Phụ nữ đã có nhận thức

Digitized by Google

đúng đắn về trách nhiệm, quyền hạn trong việc thực hiện kiểm tra, giám sát bằng các hình thức thông qua tổ chức hội, thông qua ban thanh tra và thông qua hình thức tiếp dân của đảng ủy, chính quyền. Một số cấp Hội cũng tham gia giám sát, kiểm tra và góp ý kiến với chính quyền cùng cấp về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai và theo dõi việc sử dụng quỹ đất của địa phương... phản ánh và trực tiếp cùng chính quyền địa phương giải quyết kịp thời những sai trái của cán bộ ở một số cơ sở có điểm nóng về tranh chấp đất đai.

Tuy nhiên trong tình hình hiện nay, khi Nhà nước ban hành nhiều luật pháp, chính sách, lại đang tồn tại khoảng cách khá lớn giữa quy định của luật pháp, chính sách với việc thực hiện, công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của chính quyền của các cấp Hội Phụ nữ, đặc biệt là cấp cơ sở còn nhiều khó khăn, ý kiến tham gia tập trung trên những vấn đề cụ thể, thiếu chiều sâu và tính chiến lược. Một số kiến nghị của hội chưa rõ ràng, hoặc chưa chính xác so với quy định đã được ban hành. Sự phối hợp hoạt động giữa Hội Phụ nữ và chính quyền, nhất là cấp cơ sở một số nơi còn chưa chặt chẽ, chưa xây dựng được quy chế làm việc cụ thể, nên vẫn còn tình trạng cấp chính quyền không trao đổi với Hội Phụ nữ khi giải quyết những vấn đề có liên quan đến quyền lợi phụ nữ, trẻ em, đôi khi mời hội tham gia cho có đủ "thành phần" nhưng khi quyết định lại thiếu lắng nghe ý kiến của Hội.

*
* *

Thực tế trong quá trình đổi mới toàn diện nền kinh tế - xã hội nước ta cho thấy, công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội không thể thiếu vai trò tham gia của tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ cũng như quá trình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước phụ thuộc vào rất lớn sự đóng góp quan trọng của các tầng lớp phụ nữ. Các cấp Hội đã thực sự là chỗ dựa tin cậy của chính quyền, là cầu nối quan trọng giữa chính quyền với nhân dân trong việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Để nâng cao hơn nữa vai trò, vị trí của phụ nữ trong tham gia quản lý nhà nước, nhằm tăng cường các yếu tố phát huy sự tham gia bình đẳng của phụ nữ trong cấu trúc quyền lực và ra quyết định ở các cấp, phấn đấu bảo đảm phụ nữ có đại diện trong các cơ quan ra quyết định và tư vấn của các cấp chính quyền, của các bộ, ngành và cơ sở, trong thời gian tới các cấp Hội Phụ nữ cần hướng hoạt động vào những nội dung sau :

1 - Tiếp tục nâng cao vai trò của tổ chức Hội Phụ nữ trong việc tham gia quản lý nhà nước thông qua công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết cho các cán bộ Hội, đặc biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ Hội cơ sở, nhất là kiến thức về quản lý nhà nước, kiến thức về luật pháp, chính sách... để có thể chủ động phối hợp tham gia tư vấn với các cấp ủy đảng, chính quyền thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội.

2 - Vận dụng linh hoạt QĐ 163/HĐBT phù hợp với tình hình địa phương bằng việc xây dựng cơ chế phối hợp hoạt động cụ thể, chặt chẽ, phân định rõ ràng trách nhiệm và quyền hạn giữa các cấp chính quyền và Hội Phụ nữ. Chú trọng bước chỉ đạo kế hoạch, tuyên truyền và biết chọn những vấn đề ưu tiên để xây dựng giải pháp thực hiện có hiệu quả, cần tránh việc buông lỏng, triển khai chiếu lệ, hình thức. Các cấp Hội cần tăng cường quan tâm đến chiến lược phát triển, bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng cán bộ nữ bằng cách cung cấp đầy đủ thông tin cho các cấp ủy đảng và chính quyền về những phụ nữ có đủ phẩm chất, năng lực tham gia các cấp lãnh đạo quản lý trong hệ thống chính quyền các cấp.

(Xem tiếp trang 34)

Digitized by Google

Hội thảo khoa học - thực tiễn :

ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỦY SẢN VÙNG DUYÊN HẢI BẮC BỘ, PHÁT HUY VAI TRÒ CHIẾN LƯỢC KINH TẾ BIỂN VIỆT NAM

Lời BBT : *Nhằm quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, ngày 28-9-2001 tại Đồ Sơn, Tạp chí Cộng sản và Thành ủy Hải Phòng đã tổ chức hội thảo khoa học :* ***"Đẩy mạnh phát triển kinh tế thủy sản vùng duyên hải Bắc Bộ, phát huy vai trò chiến lược kinh tế biển Việt Nam".*** *Dự hội thảo có hơn 100 đại biểu của một số cơ quan nghiên cứu, quản lý, báo chí và đại diện 6 địa phương vùng duyên hải Bắc Bộ là : Quảng Ninh, Ninh Bình, Thái Bình, Nam Định, Thanh Hóa, Hải Phòng. Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu những nội dung cơ bản của cuộc hội thảo.*

PGS. TS Tô Huy Rứa (Ủy viên TƯ Đảng, Bí thư Thành ủy Hải Phòng) phát biểu khai mạc, chào mừng với nội dung mang tính đề dẫn cho hội thảo : "Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân đã đề ra đường lối chiến lược phát triển kinh tế nước ta trong giai đoạn mới, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp ; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững... Một trong những nguồn nội lực to lớn có ý nghĩa chiến lược, lợi thế so sánh của đất nước ta là có vùng biển trải dài, với tiềm năng, nguồn lợi của biển, trong đó trước hết là tiềm năng nguồn lợi thủy sản. Với trữ lượng khai thác gần nửa triệu tấn Thủy sản mỗi năm ở Vịnh Bắc Bộ, với gần 90 000 ha của riêng vùng biển có khả năng nuôi trồng thủy sản thì tiềm năng nguồn lợi thủy sản ở 6 tỉnh, thành duyên hải Bắc Bộ không chỉ đơn thuần là con số giá trị lợi ích về kinh tế mà còn mở ra khả năng to lớn để tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội các địa phương. Đồng thời góp phần quan trọng giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu của hàng ngàn hộ nông dân, ổn định kinh tế - xã hội nông thôn, bảo đảm an ninh quốc phòng, giữ vững chủ quyền vùng biển và hải đảo của quốc gia... Những năm qua, Trung ương Đảng đã chỉ đạo phát triển kinh tế thủy sản trong chiến lược đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng CNH, HĐH. Chỉ thị 20-CT/TU ngày 22-9-1997 của Bộ Chính trị đã chủ trương "thủy sản dần trở thành ngành mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế biển nước ta". Thực hiện chỉ thị đó, hơn hai năm qua, Thường vụ Thành ủy Hải Phòng đã 3 lần mở hội nghị chuyên đề quyết định chủ trương, giải pháp phát triển kinh tế thủy sản trên địa bàn. Kết quả là kinh tế thủy sản đã có bước chuyển biến mới, đạt kết quả khá đồng bộ cả về đánh bắt,

Digitized by Google

nuôi trồng, chế biến, dịch vụ... Những kết quả đạt được vừa qua ở Hải Phòng và các tỉnh duyên hải Bắc Bộ, mới là bước đầu. Kinh tế thủy sản các địa phương nhìn chung còn nhiều hạn chế, quy mô nhỏ, năng suất hiệu quả chưa cao, phát triển chưa thật bền vững, tiềm năng, lợi thế chưa được phát huy tương xứng, đặc biệt so với các tỉnh, thành miền Nam và miền Trung".

Ông **Tạ Quang Ngọc** (Ủy viên TƯ Đảng, Bộ trưởng Bộ Thủy sản) phát biểu nêu rõ những kết quả đạt được trong 9 tháng đầu năm 2001 của ngành thủy sản và trình bày chủ trương, định hướng của ngành trong thời gian tới : *Về chủ trương phát huy tiềm năng*, đồng chí cho rằng : *Thứ nhất*, xây dựng kế hoạch phát triển. Chính phủ hiện giao cho các tỉnh làm kế hoạch trình các Bộ Thủy sản, Bộ NN và PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Địa chính... *Thứ hai*, sau khi có kế hoạch phải ưu tiên phát triển hệ thống thủy lợi. *Thứ ba*, khi triển khai cơ chế chuyển cơ cấu nông nghiệp cần hoạch định số lượng người tham gia công tác khuyến ngư, nuôi trồng thủy sản. *Thứ tư*, vấn đề dịch vụ về giống, lựa chọn giống vừa tăng trưởng nhanh, thị trường rộng và đầu tư nghiên cứu thức ăn... *Thứ năm*, cần giải quyết về dịch bệnh trước một bước, vì đây không chỉ là sử dụng thuốc mà còn bảo vệ môi trường. Đó chính là những vấn đề cơ bản cần giải quyết càng nhanh càng tốt. Bộ Thủy sản dự kiến, tháng 10 năm nay sẽ có tổng kết đánh giá cụ thể hơn về vấn đề này. Một thực tế nổi lên là khả năng trả nợ vốn vay cho chương trình đánh bắt xa bờ thấp. Trong tổng số 1 300 tàu đóng bằng vốn vay xa bờ có khoảng 420 tàu phát triển ổn định và có lãi, 416 tàu thua lỗ, số còn lại làm ăn lúc lỗ lúc lãi. Việc thu hồi nguồn vốn gặp nhiều khó khăn là bởi ba lý do : *thứ nhất*, khâu quản lý nguồn vốn cho vay chưa tốt ; *thứ hai*, đầu tư chưa đúng đối tượng ; *thứ ba*, hiệu quả đánh bắt chưa cao. Hiện nay, nhiều khi đối tượng vay vốn cũng chưa được xác định rõ ràng, thậm chí vào HTX ồ ạt để vay vốn, sau khi vay vốn xong lại đầu tư vào việc khác. Vì thế chúng tôi sẽ xem xét và xây dựng quy chế cho vay để quản lý chặt chẽ hơn.

TS. Trần Đình Hiền (đại diện Ban Kinh tế TƯ Đảng) sau khi *nêu vắn tắt quan điểm của Đảng về định hướng phát triển kinh tế biển*, đã nhấn mạnh : Chúng ta phải đặt sự phát triển của thủy sản trong chiến lược chung về phát triển kinh tế biển để có qui hoạch, kế hoạch đồng bộ với các ngành kinh tế khác. Trong phát triển thủy sản cần có sự liên kết các tỉnh, các địa phương trong một tổng thể chung ; gắn việc đầu tư với tổ chức quản lý sao cho có hiệu quả. Hoàn thiện qui hoạch với các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, củng cố các hợp tác xã với nội dung, cách làm, phương thức mới để có hiệu quả.

Ngoài các bài phát biểu trên, Ban tổ chức hội thảo còn nhận được trên 10 bản báo cáo khoa học. Những tham luận đã trình bày hoặc các báo cáo do thời gian hội thảo có hạn nên chưa kịp trình bày nhưng tất cả đều phản ánh khá toàn diện, phân tích khá sâu sắc về các vấn đề liên quan đến phát triển thủy sản vùng duyên hải Bắc Bộ. Tổng hợp các báo cáo của hội thảo có thể *chia làm 2 phần chính.*

PHẦN I - NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN .

1. Tiềm năng thủy sản vùng biển Vịnh Bắc Bộ .

Các đại biểu đánh giá đây là một vùng có tiềm năng kinh tế thủy sản to lớn. Vùng này có vị trí địa lý và môi trường tự nhiên, với những đặc điểm mà các vùng biển khác không có. Đó là vùng Vịnh Hạ Long với hàng nghìn đảo lớn nhỏ rất thuận lợi cho việc khai thác và nuôi trồng. Đây là lưu vực của nhiều cửa sông, khi đổ ra biển, các con sông thường đem theo một nguồn phù du rất lớn. Các cửa sông này nối với các tuyến đảo tạo thành một quần thể động thực vật tự nhiên phong phú. Ngoài ra, đây là vùng thuận tiện trong việc thông thương với các thị

Digitized by Google

trường lớn. Đây là nơi được Bộ Thủy sản đánh giá rất cao vai trò kinh tế biển, nhất là trong lĩnh vực thủy sản. Nếu làm tốt, đây chính là một trong những khâu quan trọng trong kế hoạch xóa đói giảm nghèo cho ngư dân Bắc Bộ và góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền trên biển...

Về tiềm năng vùng duyên hải Bắc Bộ, trong nhiều báo cáo của 6 tỉnh, thành đều đã đề cập đến, song mức độ chưa thật toàn diện. Bản báo cáo TS. Đỗ Công Trung (Phân viện Hải dương học thuộc Trung tâm KHTN và CNQG) đã trình bày khá sâu, bao gồm các nội dung về : nguồn lợi sinh vật biển, tổng quan tiềm năng thủy sản vùng duyên hải Bắc Bộ (trữ lượng và khả năng khai thác), đánh giá chung về tiềm năng.

2. Vấn đề đẩy mạnh, củng cố quan hệ sản xuất trong ngành thủy sản .

Ý kiến của các đại biểu đều khẳng định sự phát triển mạnh của lực lượng sản xuất trong ngành thủy sản là quan trọng, nhưng cần phải đổi mới, củng cố quan hệ sản xuất cho thích ứng. Trong vấn đề này có 2 nội dung cần lưu ý : *một là,* phát triển các thành phần kinh tế trên địa bàn ; *hai là,* mở rộng hợp tác liên doanh, liên kết giữa các địa phương, các vùng với nhau, giữa các ngành trong chiến lược phát triển kinh tế biển.

3. Về đào tạo nhân lực ngành thủy sản .

Vấn đề này được một số báo cáo nhấn mạnh tính quyết định của nhân tố con người song thực tế chúng ta còn nhiều hạn chế, bất cập. Các ý kiến nhấn mạnh cần có những giải pháp đẩy mạnh công tác đào tạo nghề thủy sản cho các tỉnh, thành vùng duyên hải Bắc Bộ. Muốn vậy, Đảng và Nhà nước tạo điều kiện có nguồn kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ học và thực hành, tăng thêm giáo viên cả về số lượng và chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho ngành.

4. Vai trò Tổng công ty nhà nước trong phát triển thủy sản .

Đây là vấn đề lớn, được các đại biểu rất quan tâm và đề cập tới 2 khía cạnh chính : *một là,* lý giải tại sao Tổng công ty nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo và nhiệm vụ của Tổng công ty nhà nước trong vai trò nòng cốt ; nhiệm vụ cụ thể của Tổng công ty nhà nước trong 4 chương trình phát triển thủy sản, điều kiện để Tổng công ty nhà nước hoàn thành nhiệm vụ. *Hai là,* nghĩa vụ của Tổng công ty thủy sản Hạ Long trong việc góp phần khai thác có hiệu quả và phát huy tiềm năng, thế mạnh kinh tế thủy sản vùng duyên hải Bắc Bộ.

5. Về quan hệ quốc tế trong lĩnh vực thủy sản, *có 3 vấn đề lớn mà hội nghị quan tâm .*

** Thị trường thế giới :* Trong danh sách các nước xuất khẩu thủy sản hàng đầu thế giới, Việt Nam đứng thứ 25 và xếp thứ 3 ở khu vực Đông - Nam Á. Việt Nam còn là nhà cung cấp Tôm lớn thứ 3 sang thị trường Nhật và thứ 10 sang thị trường Mỹ... Trong số 60 quốc gia hiện đang nhập khẩu hàng thủy sản Việt Nam thì có 3 thị trường tiêu biểu là thị trường EU, Nhật và Mỹ. Trung Quốc cũng là thị trường đáng chú ý. 7 tháng đầu năm 2001, trị giá xuất khẩu sang Trung Quốc tăng đột biến so với cùng kỳ năm 2000 đạt 2,76 lần, với 106 triệu USD. Trong đó hàng khô đạt 74,3 triệu USD, tăng 2,97 lần và mặt hàng cá đạt 33,4 triệu USD, tăng 1,11 lần.

** Thu hút đầu tư và tranh thủ sự giúp đỡ của nước ngoài :* tính đến đầu năm 2001, chỉ có 42 dự án với số vốn 144,2 triệu USD chính thức đi vào hoạt động. Trong đó, lĩnh vực nuôi trồng có số vốn nhiều nhất là 68 triệu USD, tiếp theo lĩnh vực chế biến có 52 triệu USD. Số dự án còn lại, hoặc bị rút giấy phép hoặc doanh nghiệp từ bỏ ý định đầu tư. Vấn đề này đã được phân tích rõ 2 nguyên nhân ngành thủy sản khó thu hút đầu tư từ nước ngoài và biện pháp khắc phục. Đồng thời cũng nêu được ý nghĩa các nguồn viện trợ và các khoản vay dành cho phát triển thủy sản.

** Giải pháp bảo đảm tiếp tục tăng trưởng xuất khẩu :* một là, mở rộng đầu tư và chính sách ưu đãi ; hai là, nâng cao chất lượng sản phẩm ;

Digitized by Google

ba là, các doanh nghiệp cần tiếp tục duy trì thị trường hàng đầu là Nhật Bản, đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường lớn như EU, Mỹ và triển khai vào thị trường các nướcTrung Đông, Nga. Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác quốc tế đào tạo đội ngũ chuyên viên giỏi về tiếp thị, am hiểu thị trường thế giới để mở rộng giao lưu, đa dạng hóa thị trường. Tăng khả năng cạnh tranh, tổ chức cho các doanh nghiệp thực hiện các công việc xúc tiến thương mại như : tham gia hội chợ quốc tế, đẩy mạnh quảng cáo sản phẩm và thu nhập thông tin thị trường thế giới có liên quan, cũng như việc sử dụng diễn đàn kinh tế của các nước ASEAN vào mục đích tiếp cận và mở rộng thị trường.

PHẦN II - TIỀM NĂNG, THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỦY SẢN CỦA 6 TỈNH, THÀNH VÙNG DUYÊN HẢI BẮC BỘ .

1. Tiềm năng và thực trạng phát triển thủy sản của các địa phương vùng duyên hải Bắc Bộ .

Vấn đề này, từng tỉnh, thành nêu bật những tiềm năng, thế mạnh của địa phương mình cần đặc biệt quan tâm.

* *Quảng Ninh* có bờ biển dài 250 km, là nơi sinh trưởng và phát triển của nhiều giống loài hải sản, với trữ lượng khá cao, có thể mở rộng ngư trường khai thác hải sản xa bờ. Quảng Ninh còn có diện tích rừng ngập mặn ven biển 43 000 ha, hàng chục ngàn ha có mặt nước eo vịnh phát triển nghề nuôi biển như : Ngọc trai, bào ngư, nuôi cá lồng bè... có 5 300 ha ở vùng cao triều để phát triển nuôi tôm bán công nghiệp và công nghiệp trong những năm tới.

Ninh Bình, có khoảng 16 000 ha mặt nước gồm : 4 600 ha ao hồ nhỏ trong nội địa, 1 200 ha chứa nước thủy lợi có khả năng sử dụng nuôi trồng thủy sản. 50 000 ha ruộng trũng trồng lúa 1 vụ, còn 1 vụ có thể tận dụng nuôi tôm, cá, gần 6 000 ha bãi bồi ngập mặn phát triển nuôi tôm cua nước lợ và khai thác nguồn lợi tự nhiên trong năm. Điều kiện tự nhiên và khí hậu thuận lợi có khả năng tạo nguồn lợi nhanh, có 2 cửa sông có thể giao lưu thương mại, phát triển khai thác hải sản xa bờ và khai thác ven biển.

Thái Bình, có trên 52 km bờ biển với 5 cửa sông lớn, tạo ra vùng bãi triều rộng trên 20 ngàn ha, 200 loài hải sản khác nhau, thuộc 13 bộ. Môi trường sinh thái tự nhiên ven biển phì nhiêu và đang ở trạng thái sạch, rất thích hợp cho nuôi trồng các loại hải sản phát triển nhanh.

Thanh Hóa, có bờ biển dài 102 km và những cửa sông lớn đổ ra biển. Nơi đây có nhiều bãi cá, bãi tôm lớn, có nguồn lợi hải sản phong phú và đa dạng. Tỉnh có tiềm năng và lợi thế về phát triển nuôi trồng thủy sản cả 3 mặt nước.

Hải Phòng, có bờ biển dài 125 km, 5 cửa sông đổ ra biển. Nơi đây có những ngư trường trọng điểm, khai thác quanh năm, nên có nhiều tàu của các địa phương đến sản xuất với đủ loại nghề. Tiềm năng về diện tích nuôi trồng thủy sản khá lớn (trên 45 000 ha). Với vị trí như vậy nên ngay từ khi hòa bình lập lại ở miền Bắc, Đảng và Nhà nước đã đầu tư cho kinh tế thủy sản Hải Phòng sớm trở thành trung tâm nghề cá phía Bắc.

Quảng Ninh còn *có nhiều thuận lợi như :* toàn tỉnh có hơn 4 000 chiếc tàu thuyền thường xuyên hoạt động trên biển. Số tàu hoạt động xa bờ có 150 chiếc làm các nghề lưới kéo đôi, vây, câu : ước cả năm thực hiện 20 000 tấn cá biển. Hiện nay đã có 10 doanh nghiệp nuôi trai ngọc, trong đó có 3 liên doanh với Nhật Bản. Đặc biệt đã có quy hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản Quảng Ninh thời kỳ 2001 đến 2010 được Bộ Thủy sản thẩm định và UBND tỉnh phê duyệt ; Có nhiều thuận lợi trong lưu thông buôn bán và tiếp thu khoa học công nghệ của trong và ngoài nước. Nhờ đó, tổng sản lượng thủy sản 9 tháng đầu năm 2001 đạt 25 500 tấn, tăng 10% so với năm 2000. Tuy nhiên, tỉnh còn *một số khó khăn như*: nghề nuôi trồng phát triển mạnh

Digitized by Google

nhưng thiếu quy hoạch chi tiết cho từng vùng nuôi, cơ sở sản xuất giống và thức ăn cung cấp tại chỗ chưa đáp ứng yêu cầu ; thiếu cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề trong cả nuôi trồng và khai thác xa bờ, nên chưa phát huy được hiệu quả kinh tế. Tổ chức bộ máy chuyên ngành thủy sản còn thiếu, chưa đủ sức tham mưu cho các cấp chính quyền địa phương để phát huy tiềm năng sức mạnh của ngành.

Ninh Bình, có lực lượng lao động nghề cá đã hình thành từ lâu đời thành truyền thống tốt, hiện nay thường xuyên có khoảng 6 500 lao động. Năm 1996, sản lượng thủy sản toàn tỉnh chỉ đạt 3 340 tấn, năm 2000 đã đạt 7 610 tấn. Nghề nuôi trồng tăng khá nhanh, khai thác hải sản đã được đầu tư trang bị thêm năng lực sản xuất, chế biến và dịch vụ hậu cần. Doanh thu năm 2000 đã đạt 54 222 triệu đồng. Năng suất trước đây chỉ đạt 15 - 20 kg/sào, nay bình quân đạt 50 kg/sào. Đã xuất hiện nhiều mô hình, nhiều hộ và làng cá truyền thống nuôi đạt năng suất 120 - 150 kg/sào, cá biệt có hộ nuôi thường xuyên đạt 220 - 250 kg/sào. Đã có gần 800 ha/1 200 ha hồ chứa nước thủy lợi đưa vào nuôi thả cá, chiếm 66% diện tích hồ hiện có. Nghề nuôi cá lồng vẫn được duy trì phát triển, năng suất nuôi lồng thường xuyên đạt 25 - 40 kg cá/m^3 lồng. Trên 6 000 ha vùng bãi bồi ngập mặn đã đưa vào nuôi tôm cua đến 1 400 ha. Năm 2000 đã đưa vào nuôi 470 ha tôm sú, sản lượng thu được 130 tấn. Năm 2001 đã đưa vào nuôi 1 226 ha tôm sú ước sản lượng năm nay 450 - 500 tấn, ước giá trị sản lượng 45 tỉ đồng. Bên cạnh một số khó khăn gần giống với Quảng Ninh, *Ninh Bình có một số tồn tại riêng :* Nhận thức của người sản xuất thủy sản còn hạn chế, chưa quan tâm thường xuyên đầu tư thỏa đáng cho nuôi thủy sản. Thiếu vốn đầu tư và vốn vay còn nhiều thủ tục phiền hà ; Chính sách giao đất lâu dài chưa ổn định, chưa có những vùng sản xuất tập trung và cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế ; Chế biến thủ công là chủ yếu, còn nhỏ lẻ, phân tán không cạnh tranh được với thị trường ; Quản lý môi trường bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phòng trừ dịch bệnh ở nghề nuôi còn yếu kém.

Thái Bình, năm 2000 tổng sản lượng thủy sản đạt 39 900 tấn, tương ứng với giá trị sản xuất toàn ngành là 355,67 tỉ đồng, là ngành có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong nông - lâm - ngư nghiệp ở tỉnh. 3 000 ha đầm nước mặn, nước lợ được đầu tư xây dựng đưa vào nuôi các loài hải sản có giá trị như tôm sú, tôm rảo, cua, cá bớp... khoanh nuôi 800 ha ngao. Đang chuyển nhanh từ nuôi quảng canh sang bán thâm canh và thâm canh. Tổng sản phẩm hải sản nuôi trồng năm 2000 đạt 10 200 tấn, trong đó có 2 200 tấn tôm, cua các loại, 6 000 tấn ngao. Toàn tỉnh hiện có 648 phương tiện cơ giới tham gia khai thác thủy sản với tổng công suất máy là 31 000 CV, trong đó có 20 đội tàu khai thác xa bờ. Ngư trường khai thác đang có bước chuyển biến tích cực, nhằm nâng cao sản lượng song không làm cạn kiệt nguồn thủy sản.

Nam Định, ngành thủy sản trong giai đoạn 1997 - 2000 được đầu tư 85,3 tỉ đồng vốn tín dụng ưu đãi, cùng với 15 tỉ đồng vốn huy động trong dân, đóng mới được 54 chiếc tàu công suất máy 300 - 475 CV/chiếc. Việc đầu tư phát triển nghề cá xa bờ đã tăng nhanh. Năm 2000 sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 18 500 tấn, trong đó nuôi thủy sản nước lợ đạt 9 800 tấn, tăng gấp 2,5 lần so với năm 1996, sản lượng các loài thủy sản kinh tế như tôm, cua, ngao... chiếm tỷ lệ cao trong nhóm các mặt hàng thủy sản xuất khẩu. Năm 2000 sản lượng khai thác toàn tỉnh đạt 23 500 tấn, gấp 2,8 lần sản lượng năm 1996, tăng 30,8% so với năm 1999, trong đó sản lượng đánh bắt xa bờ đạt 14,200 tấn. Hiện nay *Nam Định nổi lên một số tồn tại như :* chưa tận dụng được đầy đủ các lợi thế về nguồn nước, nguồn giống và thức ăn tự nhiên ; cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo, thiếu cơ sở sản xuất giống, sản xuất thức ăn, thuốc phòng trừ dịch bệnh và

Digitized by Google

xử lý môi trường. Chế biến xuất khẩu chậm phát triển so với cả nước, hầu hết máy móc thiết bị đã sử dụng trên 10 năm, công nghệ lạc hậu và đang xuống cấp, sản phẩm sản xuất ra đơn điệu, khả năng cạnh tranh thấp. Cơ sở hậu cần dịch vụ chưa theo kịp sự phát triển của phong trào, đặc biệt là các công trình cầu cảng, bến bãi, tàu dịch vụ, mạng lưới cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm. v.v... đầu tư còn rất ít. Trình độ dân trí vùng biển nói chung còn thấp, khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật và công nghệ mới còn nhiều hạn chế, lúng túng trong việc sử dụng các thiết bị hàng hải, khai thác trên tàu. Công tác tổ chức, quản lý HTX chưa tốt, một số đơn vị còn yếu kém trong khâu chỉ đạo sản xuất, quản lý tài chính và phân phối ăn chia.

Thanh Hóa, đã xác định kinh tế thủy sản là một ngành mũi nhọn để góp phần phát triển toàn diện kinh tế - xã hội tại địa phương. Ngư dân Thanh Hóa cần cù và dũng cảm, hằng năm đã khai thác được trên 3 vạn tấn hải sản để phục vụ xã hội và xuất khẩu. Hiện có 2 nhà máy chế biến, mỗi nhà máy có công suất 1 000 tấn/năm. Năm 2000 đạt giá trị xuất khẩu 6 triệu USD, xuất khẩu tiểu ngạch được 8,5 triệu USD.

Hải Phòng, năm 2000 tổng sản lượng đã tăng gần gấp 2 lần năm 1996 đạt 42 000 tấn. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản lượng đạt bình quân 18,5%. Năm 2000 đạt 958 tỉ đồng, riêng giá trị sản lượng trong đánh bắt và nuôi trồng thủy sản đạt 380 tỉ đồng, tăng bình quân 19,5%/năm. Trong 5 năm 1996 - 2000, đã thu hút thêm trên 4 000 lao động nghề cá. Hiện nay không còn hộ đói, tỷ lệ các hộ nghèo giảm hẳn, số hộ khá và giàu tăng. Đời sống ngư dân từng bước được cải thiện. Cơ sở hạ tầng kinh tế nghề cá đã được tăng cường, tạo điều kiện phát triển cho các năm sau. Môi trường và nguồn lợi thủy sản được bảo vệ và phát triển. Về cơ bản ngăn chặn và giảm được tệ nạn đánh cá bằng chất nổ, chất độc, điện trường, đã không để xảy ra trường hợp phát sinh bệnh dịch lớn và nguy cơ suy giảm môi trường thủy sản.

Tuy mỗi địa phương có một số nét khác nhau nhất định, song nhìn chung tiềm năng thủy sản là rất lớn. Những kết quả đạt được thời gian gần đây rất đáng khích lệ và mở ra những hướng phát triển mới. Nhưng để tạo sự phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới chúng ta còn phải vượt qua một số khó khăn, tồn tại. Cụ thể là giải quyết sớm những bức xúc về vốn, công nghệ, cơ chế chính sách, trình độ cán bộ và vấn đề đầu ra cho sản phẩm.

2. Mục tiêu - định hướng .

* *Quảng Ninh* xác định mục tiêu đến năm 2002 nuôi trồng thủy sản đạt 10 000 tấn, năm 2005 khai thác thủy sản đạt 25 000 tấn trong tổng sản lượng là 51 000 tấn, năm 2010 giá trị ngoại tệ thu từ xuất khẩu thủy sản đạt 100 triệu USD và sẽ thu hút 4 vạn lao động.

* *Ninh Bình* xác định mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản đến năm 2005 - 2010 : năm 2005 đạt 10 055 tấn thủy sản, trong đó : khai thác cá biển 1 800 tấn ; nuôi, khai thác nội đồng 8 255 tấn. Năm 2005 sử dụng 1 800 ha nuôi tôm sú, sản lượng 2 300 tấn. Giá trị tổng sản lượng : 250 tỉ đồng. Năm 2010 đạt 12 500 tấn thủy sản, trong đó : khai thác cá biển 2 500 tấn ; nuôi, khai thác nội đồng 10 000 tấn. Giá trị tổng sản lượng : 350 - 400 tỉ đồng. Số lao động tham gia nghề cá : 7 000 lao động, trong đó có 500 lao động có tay nghề kỹ thuật cao. Năm 2010 sử dụng 2 300 ha nuôi tôm sú, sản lượng 3 300 - 3 500 tấn.

* *Thái Bình* phấn đấu đến năm 2005 có tổng diện tích nuôi trồng hải sản vùng nước mặn, nước lợ là 7 000 ha và đạt sản lượng nuôi trồng 19 400 tấn, giá trị sản lượng 630 tỉ đồng. Chế biến thủy sản đạt 12 000 tấn cá khô, sản phẩm khác 4 500 tấn. Kim ngạch xuất khẩu đạt 15 triệu USD.

* *Nam Định* đặt mục tiêu : từng bước mở rộng và đầu tư đổi mới dây chuyền công nghệ

Digitized by Google

cho 2 xí nghiệp chế biến đông lạnh và đến năm 2005 giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản của tỉnh đạt 45 - 50 triệu USD.

* *Thanh Hóa* xác định bước đi từ năm 2001 - 2005 là xây dựng một số vùng nuôi tôm công nghiệp còn lại nuôi bán thâm canh, quảng canh cải tiến là chính. Từ năm 2006 - 2010 trên địa bàn toàn tỉnh tập trung nuôi công nghiệp và nuôi thâm canh. Phấn đấu trong 5 năm, 10 năm tới Thanh Hóa có được năng lực hạ tầng và dịch vụ hậu cần hiện đại đáp ứng để các thành phần kinh tế dùng nội lực và vay các nguồn vốn đầu tư mạnh cho khai thác nuôi trồng chế biến thủy sản. Đến năm 2005 đạt giá trị xuất khẩu thủy sản là 40 triệu USD và đến năm 2010 đạt 60 - 100 triệu USD.

* *Hải Phòng* xác định mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản đến 2005 : Tốc độ tăng trưởng giá trị tổng sản lượng : 20%/năm ; tốc độ tăng trưởng sản lượng bình quân : 15%/năm. Sản lượng thủy sản : 83 000 tấn, trong đó sản lượng khai thác thủy sản : 38 000 tấn (ĐP : 32 000 ; TƯ : 6 000) và sản lượng nuôi trồng thủy sản : 45 000 tấn, riêng tôm 3 000 tấn. Giá trị xuất khẩu 100 triệu USD (ĐP : 25, TƯ : 75).

3. Về giải pháp phát triển thủy sản, được cả 6 tỉnh, thành đều có những giải pháp cụ thể cho từng địa phương và từng lĩnh vực, từng giai đoạn. Đối với giải pháp chung của các địa phương có nhiều điểm khá giống nhau. Do đó, chúng tôi *giới thiệu khái quát một số giải pháp* chính như sau :

* Điều tra về khí hậu, môi trường, điều kiện nuôi trồng thủy sản ở từng vùng, từng địa phương để có cơ sở khoa học thực tiễn phục vụ công tác quy hoạch thủy lợi và sản xuất giống, thức ăn, chế biến, tiêu thụ cho nuôi trồng thủy sản. Quy hoạch lại hệ thống mạng lưới sản xuất giống cho cả 3 vùng nước. Đặt ra mục tiêu phấn đấu theo hướng từng bước chủ động sản xuất giống tại địa phương trên cơ sở khai thác giống bố mẹ tại chỗ, mua từ miền Nam ra và du nhập ở nước ngoài về.

* Bằng nhiều cách, nhanh chóng tiếp cận với khoa học công nghệ nuôi trồng tiên tiến ở trong và ngoài nước để khảo nghiệm và triển khai phù hợp với điều kiện khí hậu, địa lý tự nhiên mỗi địa phương. Từ đó làm tốt công tác chuyển giao công nghệ, tập huấn đào tạo, truyền nghề nuôi trồng thủy sản của cả ba mặt nước đến từng hộ dân. Tích cực học hỏi và du nhập nghề nghiệp, các loại ngư lưới cụ đạt năng suất cao của Trung Quốc, Thái Lan. Cần mạnh dạn thuê chuyên gia nước ngoài đi theo tàu hướng dẫn về mặt ngư trường, ngư lưới cụ và bảo quản sản phẩm.

* Tăng cường công tác bảo quản sản phẩm trên tàu để nâng cao giá trị sản phẩm như phân loại cá, chú trọng khâu sơ chế : ướp đá, ướp muối và trang bị thêm máy lạnh hầm cá trên tàu. Tăng cường công nghệ và nâng cao năng lực chế biến của các cơ sở chế biến thủy sản cả về công suất và chất lượng sản phẩm, để không những đáp ứng yêu cầu chế biến xuất khẩu của hàng thủy sản, nông sản của địa phương mình mà còn thu hút nguyên liệu các địa phương khác. Tổ chức các điểm trình diễn, phổ biến kỹ thuật, kinh nghiệm và đẩy mạnh các hoạt động khuyến ngư nhân dân.

* Phát huy hiệu quả các dự án đánh bắt xa bờ đã đầu tư bằng những biện pháp củng cố các hình thức tổ chức hợp tác và hợp tác xã hiện có để nâng cao trách nhiệm quản lý, sử dụng, khai thác có hiệu quả. Có cơ chế chính sách khuyến khích để thu hút vốn đầu tư của các thành phần kinh tế trong tỉnh, trong cả nước và ngoài nước để đầu tư vào nuôi trồng thủy sản trên ba mặt nước và các khâu giống, cung cấp vật tư, thức ăn và nuôi tôm công nghiệp và các hải sản khác. Khuyến khích phát triển các trại sản xuất giống ngoài quốc doanh và các hộ lập trang trại, với mô hình làm kinh tế nuôi trồng thủy sản giỏi, sử dụng nhiều lao động ở nông thôn. Giao ổn định

Digitized by Google

đất, mặt nước lâu dài cho các hộ và chủ trang trại. Đất đấu thầu và đất khoán cũng giao ổn định với thời gian thích hợp để ngư dân yên tâm đầu tư sản xuất. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vùng nguyên liệu trên cơ sở liên doanh, liên kết,... để đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản với tinh thần hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi về kinh tế - xã hội.

* Nghiên cứu, xây dựng cơ sở sản xuất thức ăn cho nuôi trồng thủy sản trên cơ sở tính toán bước đi vững chắc và hiệu quả kinh tế. Quan tâm thủy lợi cấp thoát nước cho nuôi trồng thủy sản, kể cả nước mặn, nước lợ đảm bảo môi trường nước nuôi, phòng trừ dịch bệnh, hạn chế được lũ bão gây thiệt hại và mở rộng tăng vụ. Phấn đấu vươn lên làm chủ ngư trường tại chỗ và từng bước vươn ra ngư trường Vịnh Bắc Bộ và ngư trường biển phía Nam, trên cơ sở quy hoạch phân tuyến sản xuất một cách hợp lý nhằm tăng sản lượng và chất lượng đánh bắt hải sản để có nhiều sản phẩm đưa vào chế biến xuất khẩu với giá trị hàng hóa cao. Tích cực mở rộng thị trường tiêu thụ và thị trường xuất khẩu theo hướng đa phương hóa quan hệ, đa dạng hóa sản phẩm theo yêu cầu của thị trường. Xây dựng mặt hàng chủ lực là sản phẩm tôm đông lạnh xuất khẩu. Về lâu dài hướng tới thị trường đòi hỏi có chất lượng cao.

* Với cơ chế hiện hành của Chính phủ, khi thực hiện chương trình nuôi trồng thủy sản, các ngân hàng thương mại và quỹ đầu tư phát triển cần ưu tiên cho vay đối với người đầu tư giống và nuôi trồng thủy sản. Có cơ chế đầu tư ưu đãi cho các bến cá nhân dân, hỗ trợ vốn ngân sách và cho phép địa phương huy động nguồn vốn trong dân để đầu tư cho các công trình cơ sở hạ tầng.

4. Kiến nghị của các đại biểu tại hội thảo, tuy mức độ khác nhau song có thể khái quát như sau :

* Chính phủ quan tâm thường xuyên, chỉ đạo các Bộ, ngành tham gia tích cực hỗ trợ địa phương thực hiện việc quy hoạch, xây dựng chiến lược phát triển ngành thủy sản. Chính phủ sớm có quy định cụ thể tạo hành lang pháp lý và tạo cơ chế vay vốn nuôi trồng thủy sản, vì hiện nay : thủ tục vay còn phiền hà, định mức vốn vay nuôi thủy sản còn quá thấp, thiếu thống nhất giữa các địa phương, không đáp ứng nhu cầu sản xuất. Chính phủ quan tâm hỗ trợ nguồn vốn ngân sách để xây dựng cơ sở hạ tầng, vùng nuôi và hậu cần nghề cá. Xin hỗ trợ đầu tư các công trình tưới, tiêu vùng nuôi, hệ thống giao thông, hệ thống cống cấp thoát nước. Chính phủ nghiên cứu có thể bảo hiểm cho sản xuất thủy sản để người nuôi trồng thủy sản có thể yên tâm đầu tư và tổ chức sản xuất, cứu trợ thiệt hại do thiên tai và dịch bệnh gây ra.

* Giúp địa phương đào tạo cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật phục vụ sản xuất ; đồng thời tăng cường lực lượng khoa học kỹ thuật hỗ trợ các địa phương khai thác hợp lý tiềm năng kinh tế thủy sản. Chính phủ và Bộ thủy sản quan tâm chỉ đạo phát triển về giống đối với nghề nuôi, nhất là giống cá biển và một số nhuyễn thể 2 mảnh vỏ có giá trị (như bào ngư, tu hài...). Chính phủ, Bộ thủy sản có chính sách ưu tiên, chính sách chuyển giao công nghệ tiên tiến trong khai thác và nuôi trồng để giúp các địa phương thúc đẩy nhanh ngành thủy sản sớm phát triển theo hướng công nghiệp hiện đại ; thường xuyên quan tâm bảo vệ môi trường sinh thái và nguồn lợi thủy sản.

* Chính phủ sớm xem xét và quyết định việc hợp tác đánh cá ở Vịnh Bắc Bộ để lực lượng đánh cá xa bờ có điều kiện liên doanh liên kết, thuê chuyên gia kỹ thuật đánh cá giỏi của nước ngoài để sản xuất có hiệu quả.

Xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế thủy sản. Khuyến khích các thành phần kinh tế, tham gia đầu tư bằng hình thức liên doanh, liên kết, cho thuê giao khoán lâu dài với cơ chế ưu đãi thuận lợi. Thu hút các

Digitized by Google

doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài tự bỏ vốn đầu tư phát triển thủy sản.

* Bộ Thủy sản thường xuyên dự báo, thông tin về các mặt như tiến bộ kỹ thuật, thị trường, dự báo tình hình diễn biến về môi trường từng vùng, tình hình sản xuất thủy sản trong khu vực, tổ chức dự báo về con giống theo thời vụ trong năm... để các địa phương nắm tình hình, có phương án tổ chức sản xuất phù hợp.

* Các tỉnh cần thường xuyên quan hệ giao lưu và trao đổi những kinh nghiệm sản xuất quản lý của ngành để có thêm thông tin, kinh nghiệm chỉ đạo và tổ chức sản xuất.

*
* *

Cuối hội thảo, **PGS.TS Vũ Văn Hiền,** Ủy viên TƯ Đảng, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản đã tổng kết rút ra *4 vấn đề cơ bản :*

1. Thời gian gần đây, vai trò, vị trí của kinh tế biển nói chung, thủy sản nói riêng đã được Đảng, Nhà nước, các ngành và các địa phương đặc biệt coi trọng và đã có những đóng góp to lớn trong lĩnh vực kinh tế, nhất là trong lĩnh vực xuất khẩu. Trong việc khai thác, ngành đã đầu tư một nguồn vốn đáng kể cho việc đánh bắt xa bờ. Việc nuôi trồng thủy sản đã được nhân rộng, các khâu cần đến khoa học kỹ thuật cao như nhân giống, chế biến đã bước đầu khởi sắc. Đây là ngành kinh tế tổng hợp, có hiệu quả kinh tế cao.

2. Thực trạng tình hình sản xuất của kinh tế biển, ngành thủy sản ở nước ta vẫn còn nhiều vướng mắc. Tuy tiềm năng được coi là rất lớn nhưng việc tận dụng, phát huy thế mạnh này chưa được nhiều và còn yếu kém so với thế giới và trong khu vực. Thậm chí hiệu quả ở một số nghề còn tụt hậu so với những năm trước. Phương tiện đánh bắt còn yếu kém chưa đồng bộ, cơ sở hạ tầng yếu, thiếu vốn, thời tiết xấu đã ảnh hưởng đến nuôi trồng thủy sản. Cùng với sản lượng nuôi trồng và khai thác chưa nhiều, năng suất cũng chưa cao. Việc đầu tư cho hậu cần, cơ sở chế biến chưa đồng bộ và hiện đại. Thị trường đang biến động theo chiều hướng bất lợi, giá các mặt hàng xuất khẩu giảm, các yêu cầu chất lượng thành phẩm khắt khe hơn... Xuất hiện những biểu hiện của sự cạnh tranh thiếu lành mạnh giữa các đơn vị trong nội bộ ngành và các địa phương.

3. *Giải pháp quan trọng nhất* là xây dựng chiến lược phát triển thủy sản. Chiến lược này nhằm giải quyết các vấn đề thiết lập các dự án ra sao, phân bổ các dự án đó theo ngành, theo vùng như thế nào... Hiện nay, chúng ta đã có chính sách giao đất, giao rừng, vậy có giao biển cho dân hay không ? *Giải pháp thứ hai* là tăng cường đầu tư vốn, kỹ thuật, công nghệ để mở rộng và nâng cấp cơ sở vật chất hiện có. *Giải pháp thứ ba* là tăng cường phát triển lực lượng sản xuất của các vùng và xây dựng mối quan hệ sản xuất thích ứng. *Giải pháp thứ tư* là đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên. Sử dụng có hiệu quả những tay nghề lâu năm có kinh nghiệm trong ngành thủy sản để tạo ra sản phẩm hàng hóa xuất khẩu. Xây dựng Luật Thủy sản và chiến lược phát triển kinh tế thủy sản là cần thiết.

4. Đề nghị Đảng, Nhà nước tập trung chỉ đạo, xây dựng chiến lược cho ngành, có các dự án lớn cho cả trước mắt và lâu dài, tiến hành quy hoạch tổng thể giữa các ngành, trong đó có thủy sản và giữa các ngành thủy sản với nhau. Cần tăng cường đầu tư vốn, công nghệ, gắn sản xuất với bảo vệ môi trường, khắc phục sự yếu kém trong công tác nghiên cứu cơ bản, cũng như ứng dụng. Cần có chính sách hỗ trợ xuất khẩu vì thủy sản là loại sản phẩm chóng hỏng. Tăng cường lực lượng sản xuất phải đi đôi với hoàn thiện quan hệ sản xuất. ❑

HẢI HƯNG
thực hiện

Digitized by Google

VỀ NHU CẦU, MỨC ĐỘ SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP 1992 VÀ QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

ĐÀO TRÍ ÚC *

XÂY dựng và ban hành Hiến pháp 1992 không chỉ thể hiện bước phát triển mới của thực tiễn xây dựng Nhà nước, mà còn là kết quả của những nhận thức mới, đầy đủ hơn của các khoa học : chính trị, pháp lý, quản lý và các khoa học khác. Đó là những nhận thức mới về vai trò của Nhà nước, về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước, về vai trò to lớn, phạm vi tác động của Hiến pháp và pháp luật trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong suốt những thời kỳ khác nhau, Hiến pháp của nhiều nước đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì quyền lực chính trị của các giai cấp. Nó xác định mô hình pháp lý về quyền lực nhà nước mà thực chất là mối liên hệ phản ánh các tương quan, các lợi ích giai cấp và các thang bậc giá trị xã hội. *Sự hiện diện của Hiến pháp và bảo đảm cho nó có vị trí trung tâm trong hệ thống pháp luật là điều kiện quan trọng nhất cho sự ổn định xã hội, sự an toàn của người dân.*

Đặc điểm pháp lý đầu tiên của Hiến pháp so với các văn bản pháp lý khác ở chỗ nó là luật cơ bản nhất của Nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất. Mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến pháp. Tính chất của một văn bản chính trị - pháp lý cao nhất còn được thể hiện ở những tính chất như : tính cơ bản, nền tảng nhất ; tính khái quát cao nhất ; tính phổ biến nhất ; tính xác định và khẳng định mạnh mẽ nhất ; tính ổn định nhất ; tính thừa nhận tuyệt đối nhất ; tính cô đọng nhất ; hoàn chỉnh và đồng bộ nhất.

Ở nước ta, xây dựng Hiến pháp và pháp luật luôn luôn là phương hướng quan trọng để thực hiện dân chủ, giữ vững quyền lực chính trị của nhân dân, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển mọi mặt kinh tế - xã hội. Hiến pháp 1992 thể hiện tính kế thừa và phát triển không ngừng qua ba bản Hiến pháp 1946, 1959, 1980 về con đường cách mạng mà Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn.

Về nhu cầu và mức độ sửa đổi Hiến pháp 1992, hiện nay có *hai quan điểm*. Những người theo quan điểm *thứ nhất* cho rằng, đã đến lúc sửa đổi một cách căn bản, toàn diện Hiến pháp năm 1992 vì nó được ban hành vào thời kỳ đầu của công cuộc đổi mới, khi chúng ta chưa đủ điều kiện để xây dựng một bản Hiến pháp đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước. Còn những người theo quan điểm *thứ hai* lại cho rằng, trong thời điểm hiện nay không thể đặt vấn đề sửa đổi căn bản, toàn diện mà chỉ cần sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992. Theo tôi, *quan điểm thứ hai xác đáng hơn*. Tuy vậy, cũng cần phải nói cho rõ rằng, không phải vì *sửa đổi một số điều* mà không cần phải sửa một cách căn bản mang tính đổi mới đối với các quy định cụ thể của Hiến pháp, khi điều đó đã chín mùi và thực sự bức xúc. Hiến pháp 1992 là Hiến pháp thể chế hóa đường lối đổi mới được chính thức bắt đầu từ Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam. Đường lối đổi mới của Đảng ta từ Đại hội VI đến nay là nhất quán. Đại hội IX của Đảng khẳng định tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới. Có thể

* PGS, TSKH, Viện trưởng Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật

Digitized by Google

nói : ***Hiến pháp 1992 là Hiến pháp của Việt Nam trong suốt hành trình đổi mới.***

Trong những năm qua, Hiến pháp 1992 là cơ sở pháp lý quan trọng để đổi mới kinh tế, phát huy dân chủ, tăng cường hệ thống chính trị, bảo đảm quyền tự do dân chủ của nhân dân, tôn trọng và bảo vệ quyền con người, cải cách bộ máy nhà nước, từng bước xây dựng một Nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Về cơ bản, các quy định của Hiến pháp năm 1992 vẫn phù hợp với bối cảnh hiện nay của đất nước. Đồng thời trong thời gian qua, càng ngày chúng ta càng nhận thức rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về những thời cơ và thách thức đang đặt ra, về những thiếu sót, bất cập của bộ máy nhà nước... Để Hiến pháp phù hợp hơn với thực tế đời sống, chúng ta cần tiến hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992. Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 phải quán triệt các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước đã được nêu trong các văn kiện của Đảng. Đồng thời khẳng định bản chất, mô hình tổng thể của bộ máy nhà nước đã được quy định trong Hiến pháp 1992 ; phát huy dân chủ và bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân và bảo vệ quyền con người.

Hiện nay Ủy ban dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 đang còn băn khoăn khi sửa đổi, bổ sung *Điều 2* nên đã đưa ra cả *hai phương án* để lấy ý kiến nhân dân. *Phương án thứ nhất* là giữ nguyên như Hiến pháp 1992, *phương án thứ hai* bổ sung một điểm rất quan trọng : *Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.* Theo tôi, nên theo phương án hai. Đó là cách để khẳng định rõ tư tưởng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong điều kiện hiện nay chúng ta đã có đủ các tiền đề về kinh tế, chính trị, xã hội để từng bước xây dựng nhà nước pháp quyền. Nhận thức của nhân dân về nhu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền ngày càng được nâng cao. Nhà nước pháp quyền là mô hình chung, hình thức chung về một nhà nước dân chủ, *trong đó pháp luật được đề cao, quyền lực nhà nước được đặt dưới sự giám sát của nhân dân, được tổ chức khoa học và dân chủ, các quyền công dân, quyền con người được tôn trọng, bảo vệ.* Khi áp dụng mô hình chung này vào từng nước cụ thể thì nhà nước pháp quyền sẽ có bản chất, sắc thái riêng phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, truyền thống của nước đó. Do vậy, cần khẳng định, Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Nhà nước pháp quyền dưới giác độ là phương thức quản lý xã hội và thực hiện quyền lực nhà nước khi áp dụng vào một quốc gia nhất định, *nó có khả năng thể hiện bản chất của chế độ nhà nước, chế độ chính trị* của quốc gia đó. Ở nước ta, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ, nhà nước pháp quyền là *phương thức hữu hiệu* để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, quyền tự do của con người trong xã hội mà quan trọng nhất là quyền tự do kinh doanh, quyền thực hiện các giao dịch và khế ước. Nhà nước pháp quyền với những yêu cầu và thuộc tính của nó là một mô thức tổng thể trong việc tổ chức bộ máy nhà nước. Mô thức đó bao gồm những thành tố cơ bản sau đây :

+ Nhà nước pháp quyền đồng nghĩa với yêu cầu về kiểm soát quyền lực ;

+ Đề cao trách nhiệm của những đại biểu, những cơ quan đại diện ;

+ Có sự phân công, phối hợp nhất định giữa các cơ quan quyền lực nhà nước, trong đó có mối quan hệ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp ; mối quan hệ giữa các cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương và ở địa phương ;

+ Đề cao pháp luật với tính cách là công cụ điều chỉnh các quan hệ xã hội ; ***khẳng định tính pháp quyền của các thể chế nhà nước ;***

Digitized by Google

tính bị ràng buộc bởi pháp luật về thẩm quyền, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước ;

+ Nhà nước pháp quyền khẳng định các giá trị của công lý, đề cao vai trò của Tòa án và các cơ quan tư pháp.

Để đáp ứng các yêu cầu đặt ra đối với nhà nước pháp quyền, Chương II Hiến pháp 1992 cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng khẳng định một nguyên tắc cơ bản : công dân và doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh, có quyền được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm. Đây cũng là vấn đề mà Đảng và Nhà nước ta đã nỗ lực nhiều năm nay và còn phải được tiếp tục đẩy tới hơn nữa nhằm mở ra những khả năng mới của nền kinh tế nước nhà. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tôn trọng và bảo vệ quyền con người và quyền công dân, thực hiện tốt chức năng xã hội, bảo đảm sự phát triển bền vững của xã hội Việt Nam. Đây là định hướng sửa đổi, bổ sung Chương III về văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học, công nghệ và Chương V về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Một trong những đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền là bảo đảm sự giám sát đối với quá trình sử dụng quyền lực nhà nước. Quyền giám sát ấy chỉ thuộc về các cơ quan do nhân dân bầu ra, tức là các cơ quan đại diện. Ở nước ta đó là Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Những năm gần đây chúng ta vui mừng nhìn thấy vai trò ấy của các cơ quan nói trên được nâng lên đáng kể. Nhưng nếu so với yêu cầu thì phải nói là chưa đạt. Phải tăng cường hơn nữa các khả năng kiểm tra, giám sát, các hình thức và cơ chế kiểm tra và giám sát từ phía các cơ quan đại diện.

Một số người suy nghĩ rằng, Nhà nước mạnh thể hiện ở một hệ thống hành pháp mạnh và hệ thống tư pháp tốt. Điều đó rất đúng ! ***Nhưng việc tăng cường năng lực các cơ quan đó không thể tách rời việc tăng cường các hình thức và khả năng kiểm tra, giám sát của các cơ quan đại diện. Hai hướng đó phải luôn luôn song hành với nhau.***

Quyền lực nhà nước ở nước ta là thống nhất. Sự thống nhất đó không phải là sự tập trung quyền lực cao độ vào một "nhánh" quyền lực nào đó theo kiểu phân lập quyền lực mà là *sự thống nhất ở mục tiêu chung là phục vụ lợi ích của nhân dân, của đất nước, của dân tộc.* Tuy nhiên, xét theo cơ chế tổ chức thì quyền lực nhà nước tối cao, tức là những chức năng và thẩm quyền cao nhất và lớn nhất phải nằm trong tay cơ quan đại diện nhân dân và xét về cội nguồn thì đó là quyền lực nhân dân và nhân dân giao phó quyền lực cho các đại diện của mình. Theo tinh thần đó, tôi hoàn toàn đồng tình với dự kiến bổ sung vào khoản 7 Điều 84 Hiến pháp 1992 quy định về *bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.*

Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 cần quan tâm đến chính quyền địa phương. Trong điều kiện hiện nay cần phân cấp rõ chức năng, nhiệm vụ cho chính quyền các cấp, cần tạo cho chính quyền địa phương quyền chủ động trong các vấn đề của địa phương, hội đồng nhân dân có quyền quyết định ngân sách của cấp mình (Quốc hội chỉ có quyền phân bổ ngân sách trung ương). Cần khẳng định trong Hiến pháp mô hình chính quyền địa phương ở đô thị và mô hình chính quyền địa phương ở nông thôn. v.v..

Trong nhà nước pháp quyền vai trò của quyền xét xử, của cơ quan tư pháp rất được coi trọng. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta đòi hỏi phải củng cố và tăng cường hệ thống tư pháp, cơ quan xét xử. Việc sửa đổi, bổ sung các quy định của Hiến pháp về Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân cần đảm bảo tăng cường sự độc lập của Tòa án trong hoạt động xét xử và của các cơ quan tiến hành tố tụng khác, đảm bảo công bằng, công lý. *Nhưng phải hiểu độc lập ở đây là độc lập về quyền hạn, nhiệm vụ và đặc biệt là độc lập về trách nhiệm, độc lập chịu trách nhiệm về các*

Digitized by Google

quyết định, các bản án đưa ra. Điều này không có gì trái với yêu cầu về việc duy trì và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền đối với các hoạt động đó cũng như đối với sự theo dõi, giám sát của nhân dân.

Trong điều kiện hiện nay, khi Hiến pháp còn ít các cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền lực nhà nước thì chúng ta cần cân nhắc kỹ lưỡng dự kiến bỏ chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát nhân dân. Nếu chỉ giao cho các cơ quan chính phủ thực hiện tự kiểm tra việc tuân thủ pháp luật thì rất dễ dẫn đến tình trạng *khoảng trống* quyền lực, quyền lực không được kiểm soát đầy đủ và hữu hiệu. Việc giám sát đối với tuân theo pháp luật là điều cần thiết trong bất cứ giai đoạn nào, điều kiện nào. *Vấn đề quan trọng không phải ở chỗ cơ quan nào thực hiện chức năng đó mà chức năng đó thực hiện như thế nào. Chức năng giám sát đặt trên yêu cầu nghiêm ngặt về thủ tục, trình tự bảo đảm khách quan, công khai, dân chủ của các quyết định kiểm tra, bảo đảm sự giám sát đầy đủ từ phía nhân dân và các cơ quan đại diện.*

Vì Hiến pháp là đạo luật cơ bản, văn bản chính trị - pháp lý cao nhất, nên về mặt kỹ thuật lập pháp, chúng ta cần chú ý đến tính khái quát và tính cô đọng trong các quy định. Các quy định trong Hiến pháp phải là những quy định có tính khái quát cao nhất, có tính cô đọng nhất, do vậy không nên viết các điều của Hiến pháp theo cách liệt kê, diễn giải.

Mặc dù lần này không phải là lần sửa đổi căn bản, toàn diện nhưng những điều gì mà chúng ta nhận thấy nhất thiết cần sửa đổi, bổ sung để tạo cơ sở hiến định vững chắc cho việc tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp đổi mới thì chúng ta nghiên cứu một cách chu đáo, nghiêm túc để xây dựng được những quy định Hiến pháp thực sự là những đại lượng công bằng, khách quan, có tính chất pháp lý cao nhất. ❑

CÁC CẤP HỘI...

(Tiếp theo trang 21)

3 - Tăng cường kiểm tra, giám sát sự lãnh đạo của các cấp chính quyền và tổng kết thực tiễn để phát hiện điển hình, phát hiện đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề khó khăn nảy sinh trong thực tiễn được kịp thời. Duy trì việc kiểm điểm chế độ trách nhiệm trong việc thực hiện cơ chế phối hợp hoạt động giữa các cấp hội và các cấp chính quyền từ trung ương đến cơ sở. Tăng cường giáo dục về giới trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ hoạch định chính sách, kế hoạch, ra quyết định các cấp, các ngành và cần đưa các chỉ tiêu giới cụ thể vào việc hoạch định chính sách, kế hoạch của nhà nước và địa phương. Đối với các địa phương, một số hội đồng tư vấn chưa có đại biểu của Hội Phụ nữ, cần tiếp tục bổ sung đại diện của Hội tham gia vào những vấn đề có liên quan đến phụ nữ, trẻ em.

4 - Tiếp tục quán triệt nội dung QĐ 163/HĐBT trong các cấp ủy đảng, chính quyền và hệ thống Hội Phụ nữ vì nhiều địa phương lãnh đạo mới tiếp nhận công việc chưa được giới thiệu đầy đủ về nội dung này nhằm tạo sự đồng bộ trong nhận thức và tổ chức thực hiện. Tăng cường phối hợp với Ủy ban quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ để chỉ đạo, kiểm tra giám sát việc thực hiện QĐ 163/HĐBT trong khối các bộ ngành, các đoàn thể khác. Đề nghị Chính phủ giao cho một cơ quan chủ trì phối hợp với Trung ương Hội LHPN Việt Nam trong triển khai tiếp tục QĐ 163/HĐBT trong thời gian tới. Định kỳ hằng năm Chính phủ và Trung ương Hội phối hợp kiểm tra việc thực hiện quy định này nhằm đánh giá và rút kinh nghiệm, đề ra chương trình hoạt động cụ thể cho các năm tiếp theo. ❑

Digitized by Google

PHỤ NỮ TRONG PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM

LÊ THỊ QUÝ *

VIỆT Nam là một trong những nước nghèo và đông dân. Đến năm 2000, dân số Việt Nam có khoảng hơn 76 triệu người, trong đó phụ nữ chiếm hơn 51% (1)

Từ năm 1986, Nhà nước tuyên bố chính sách đổi mới kinh tế, chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. Chính sách này đã tạo ra những đổi thay to lớn trên mọi mặt của đời sống xã hội và sự năng động mới cho sản xuất và con người.

1. Chính sách của Nhà nước về vấn đề phụ nữ.

a - Ở Việt Nam Đảng và Nhà nước luôn quan tâm và ủng hộ sự bình đẳng Giới. Trong Luận cương chính trị năm 1930 khi thành lập Đảng Cộng sản, 3 nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam đã được khẳng định là : *Giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng phụ nữ.* Ba nhiệm vụ đó đã được tiến hành cùng một lúc và hỗ trợ cho nhau trong cuộc đấu tranh chung. Cuộc Cách mạng Tháng Tám (1945) và sau đó, công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc (1954 - 1975) đã là sự minh họa sinh động cho tư tưởng trên. Ngay sau khi giải phóng một nửa đất nước (1954), chính quyền mới đã tuyên bố thực hiện chính sách "nam nữ bình đẳng" trên miền Bắc.

Có thể nói các chính sách của Chính phủ trong thời kỳ này đã đặt nền móng cho phong trào giải phóng phụ nữ Việt Nam, đưa phụ nữ từ địa vị người nô lệ lên địa vị người tự do, đưa họ ra khỏi những căn nhà tù túng, riêng lẻ để tham gia vào những công việc chung của xã hội như nam giới. Vì lẽ đó, khác với các cuộc cách mạng trước đây ở Việt Nam, *cuộc Cách mạng Tháng Tám (1945) không chỉ là một cuộc cách mạng xã hội mà còn là cuộc cách mạng trong gia đình và giải phóng phụ nữ.*

b - Bình đẳng Giới hiện nay vẫn đang là một mục tiêu lớn của Chính phủ Việt Nam. Đó không chỉ là sự tiếp nối trung thành và có hiệu quả những mục tiêu ban đầu của cách mạng Việt Nam, mà còn phù hợp với quan điểm về văn minh và phát triển bền vững hiện nay trên thế giới. Điều này đã không chỉ thể hiện bằng văn bản, luật pháp mà còn bằng cuộc sống xã hội. So với nhiều nước trên thế giới, Việt Nam đã có một hệ thống pháp luật tương đối tốt với trên 40 luật và bộ luật, trên 120 pháp lệnh và trên 850 văn bản pháp quy của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ... Nhà nước còn phê chuẩn và gia nhập 13 điều ước quốc tế về quyền con người. Những chính sách tiến bộ về Giới được ghi nhận trong nhiều bộ luật như Bộ luật hôn nhân và gia đình (1959 và sửa đổi năm 1986), Hiến pháp năm 1980, Luật Quốc tịch, Bộ luật lao động, Luật Thừa kế và Bộ luật hình sự... Nhà nước đã công nhận quyền bình đẳng của nam và nữ ở cả hai nơi, xã hội và gia đình ; nam và nữ được hưởng quyền bình đẳng trong bầu cử và ứng cử ; có

* TS. Trung tâm nghiên cứu khoa học về Gia đình và Phụ nữ

(1) Theo Tổng điều tra dân số của nước ta năm 1999

Digitized by Google

cơ hội như nhau trong học tập và tiến bộ. Ở công sở, nam và nữ có quyền bình đẳng trong công việc, trong điều kiện lao động và đồng lương. Nhà nước công nhận và bảo hộ chế độ một vợ một chồng, nam và nữ bình đẳng trong việc xây dựng và bảo vệ hạnh phúc gia đình, được hưởng quyền thừa kế, quyền nuôi con và hưởng tài sản sau khi ly dị. Ngoài ra, Nhà nước còn có một số chính sách đặc biệt cho phụ nữ xuất phát từ chức năng giới tính của họ. Chẳng hạn, chính sách ưu tiên phụ nữ không phải lao động trong các công việc nặng nhọc, độc hại như lao động trong các hầm mỏ, giàn giáo cao hay tiếp xúc với hóa chất độc hại ; chính sách thai sản và nghỉ đẻ 4 tháng cho phụ nữ làm công ăn lương trong lĩnh vực nhà nước...

Việt Nam cũng là một trong những nước phê chuẩn Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) từ rất sớm bởi hai lý do chính : Những điều khoản của Công ước phù hợp với chính sách của Chính phủ Việt Nam và Việt Nam có khả năng thực hiện được Công ước (2).

c - Tuy nhiên, vấn đề bình đẳng Giới mặc dù đã được đặt ra trong các chính sách của Nhà nước, được thực thi trong một số mặt của cuộc sống xã hội và trong các trong trào vận động, song nó lại chưa được nghiên cứu sâu sắc và nghiêm túc, đặc biệt là trong khoa học xã hội và nhân văn. Sự thiếu hụt này chỉ mới được bổ khuyết khi những cơ quan nghiên cứu khoa học về Giới đầu tiên ở Việt Nam được thành lập mà đi tiên phong là Trung tâm nghiên cứu phụ nữ được thành lập vào năm 1987. (3)

Nhờ nghiên cứu, các nhà khoa học đã nhận ra rằng : *Phong trào giải phóng phụ nữ ở Việt Nam đã có những xuất phát điểm rất tốt, rất căn bản, rất thuận lợi song không vì thế mà con đường tiến tới bình đẳng của phụ nữ Việt Nam lại ngắn và đơn giản hơn các nước khác.*

2. Phụ nữ trong đổi mới kinh tế ở Việt Nam.

a - Vấn đề lao động, việc làm.

Hiện nay, phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong lực lượng lao động của toàn quốc. Trong số 38 triệu lao động thì phụ nữ chiếm hơn 52%, trong đó : trên 70% trong ngành dệt, may, 60% trong chế biến lương thực, thực phẩm, 60% trong lĩnh vực y tế, 70% trong giáo dục phổ thông. Trong nông nghiệp, với gần 10 triệu hộ nông dân và 27 triệu lao động thì phụ nữ chiếm tới 53,3%, còn trong ngành công nghiệp là 45%. (4)

Phụ nữ tỏ ra rất có năng lực trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh. Hiện nay đã xuất hiện hàng trăm công ty, xí nghiệp đã và đang làm ăn có lãi và ngày càng có uy tín cao trên thị trường Việt Nam và quốc tế mà phụ nữ đang làm giám đốc, tổng giám đốc. Nhiều chị đã được nhận nhiều giải thưởng cao của Nhà nước và nước ngoài. Lao động của phụ nữ trong nhiều ngành đã được công nhận là có chất lượng và kỹ thuật tốt. Tuy nhiên, một trong những bất lợi lớn của phụ nữ khi đi vào kinh tế thị trường là vấn đề việc làm. Hiện nay, tỷ lệ thất nghiệp của cả nước là 7,4% trong đó phụ nữ chiếm hơn một nửa. Phụ nữ khó cạnh tranh được với nam giới là những người có sức khỏe, trình độ cao hơn, lại rảnh rang hơn trong các chức năng tái sinh sản : tái sinh sản sinh học và tái sinh sản ra lực lượng sản xuất. Ngay trong đội ngũ sinh viên mới ra trường, cơ may xin được việc làm thường đến với nam sinh viên hơn là nữ sinh viên. Tình trạng thất nghiệp của phụ nữ đã khiến nhiều người phải chấp nhận làm những công việc nặng nhọc, lương

(2) Theo tài liệu của Ủy ban quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam

(3) Báo cáo của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường

(4) Ủy ban quốc gia về sự tiến bộ của phụ nữ - UNDP, Thống kê về Giới ở Việt Nam, 11-1999

Digitized by Google

thấp, hoặc chế độ làm việc không bảo đảm. Chẳng hạn, để có việc làm, nhiều phụ nữ đã phải ký với chủ nước ngoài những hợp đồng có những điều khoản bất lợi cho họ như không được lấy chồng hoặc sinh con trong 5 năm, không được về nhà trong ngày nghỉ, phải làm thêm giờ... Một số phụ nữ công nhân làm trong lĩnh vực nhà nước đã xin nhà nước giảm chế độ nghỉ đẻ từ 6 tháng có ăn lương xuống còn 4 tháng để có thể đi làm sớm hơn và nhận lương theo sản phẩm cao hơn. Thất nghiệp cũng khiến cho một số không nhỏ phụ nữ nông thôn phải di cư ra thành thị, phải tham gia vào lĩnh vực kinh tế không chính thức trong hoàn cảnh nghèo khổ, thấp kém, phải chấp nhận làm bất cứ việc gì để kiếm sống kể cả phải làm gái mại dâm và buôn bán ma túy.

Việt Nam là một nước nông nghiệp. Gần 80% dân số sống ở nông thôn. Trong những năm sau đổi mới, nông nghiệp Việt Nam đã có những tiến bộ vượt bậc. Giữa thập niên 80, đất nước vẫn còn bị nạn đói đe dọa nhưng từ giữa thập niên 90 đến nay, Việt Nam đã trở thành một trong những nước xuất khẩu lúa gạo lớn nhất thế giới. Tuy nhiên, trong nền kinh tế thị trường, sự khác biệt về mức sống và thu nhập giữa nông thôn và thành thị mà nguyên nhân chính là ruộng đất ít và giá nông sản rẻ so với các sản phẩm khác đang kéo theo nhiều vấn đề kinh tế, xã hội phức tạp như vấn đề di cư từ nông thôn ra thành thị, vấn đề nghèo đói, vấn đề dân số tăng nhanh, sự mất cân bằng về y tế, giáo dục. Vì vậy, phát triển nông thôn bền vững là một trong những đường lối chiến lược quan trọng của nước ta.

Phụ nữ thường không được đứng tên làm chủ ruộng đất trong trường hợp có chồng cùng là nông dân. Tuy nhiên không phải vì thế mà họ không có quyền gì trong việc sản xuất và kinh doanh trên mảnh đất được chia. Ngay cả khi người chồng muốn bán đất thì phần lớn họ cũng phải bàn bạc với vợ.

Sự thay đổi về hình thức sở hữu ruộng đất cũng kéo theo sự thay đổi về phân công lao động. Nếu như trước đây, phân công lao động giữa nam và nữ diễn ra trong phạm vi hợp tác xã thì nay nó đã diễn ra trong các gia đình, trong kinh tế hộ gia đình. Ở nhiều địa phương, đặc biệt là các địa phương nghèo, lực lượng lao động chính trong gia đình đã phải di cư ra thành thị, hoặc các vùng khác để kiếm sống. Trong các gia đình mà nam giới ra đi, mọi việc đồng áng dồn lên vai phụ nữ. Họ buộc phải làm tất cả các khâu từ cày bừa, gieo hạt, làm cỏ, bỏ phân, phòng trừ sâu bệnh, gặt hái. Nghĩa là ở một số khâu nặng nhọc trước đây nam giới làm thì nay phụ nữ phải làm. Hơn nữa, những phụ nữ này còn phải đi cày thuê, gặt thuê cho các gia đình khác.

Ngoài việc lao động trên đồng ruộng, nhiều phụ nữ còn tham gia làm nghề phụ, sản xuất miến, mỳ hoặc buôn bán nhỏ. Họ lao động cực nhọc mong kiếm đủ miếng cơm, manh áo, xây được căn nhà khang trang và lo cho con cái được đến trường. Ngoài ra, phụ nữ vẫn phải đóng vai trò lao động chính trong các công việc gia đình. Tình hình này đưa đến một thực tế là : vai trò và tính năng động của phụ nữ nông dân hiện nay khá cao nhưng cường độ và thời gian lao động của họ cũng tăng tới mức báo động. Rõ ràng là, ở nông thôn, phụ nữ nông dân đã đóng vai trò quan trọng trong việc sản xuất ra lúa gạo và các thực phẩm khác, nhưng cũng như nam nông dân, họ là nhóm xã hội ít được hưởng các chính sách và phúc lợi xã hội.

Cùng với đà phát triển của kinh tế, số phụ nữ vươn lên vị trí lãnh đạo kinh tế và lãnh đạo chính trị nhìn chung đang tăng dần cả về số lượng và chất lượng. Chẳng hạn, mặc dù số đại biểu Quốc hội là nữ có chiều hướng giảm xuống qua các khóa trước : 32% (1971 - 1976), 27% (1976 - 1981), 22% (1981 - 1987), 18% (1987 - 1992), 18,5% (1992 - 1997), nhưng đã tăng lên trong khóa X (1997 - 2002)

Digitized by Google

là 26,22% (118 / 450) và nhất là chất lượng cao hơn trước nhiều. Tỷ lệ phụ nữ trong Hội đồng nhân dân các cấp là 12% (1989 - 1992) và hiện nay là hơn 22%. Việt Nam là nước đứng hàng thứ hai trong khu vực châu Á - Thái Bình Đương, hàng thứ 9 trong 135 nước Liên minh Quốc hội thế giới về tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội.

Hoạt động khoa học là một trong những lĩnh vực then chốt của nền kinh tế quốc dân và đây cũng là lĩnh vực được coi là khó với phụ nữ. Nếu như trong thời phong kiến và thực dân, hầu như không có phụ nữ trong lĩnh vực này thì trong gần 50 năm qua, đội ngũ nữ trí thức trong các ngành khoa học của nước ta tăng lên cả về số lượng lẫn chất lượng. Tuy nhiên, nếu só với tỷ lệ nữ trong dân số (trên 51%), tỷ lệ nữ trong lực lượng lao động (trên 52%) và năng lực thực sự của phụ nữ thì con số nữ trí thức còn rất khiêm tốn. Tính đến nay, số cán bộ nữ trong tổng số cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học trở lên chiếm 37% (so với nam giới), trong đó giáo sư, phó giáo sư là 132 chị (chiếm 6,7%), số nữ tiến sỹ là 1 635 (chiếm 19,9%). (5)

Trong những năm gần đây, nhiều nhà khoa học nữ đã phát huy tính chủ động, gắn kết các đề tài nghiên cứu khoa học với thực tế sản xuất và đời sống, trực tiếp phục vụ cuộc sống. Tuy nhiên, số lượng các nhà khoa học nữ tham gia quản lý nhà nước ở các cấp là còn thấp và càng ở cấp cao, tỷ lệ này càng thấp hơn. Tại hầu hết các cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, cơ quan nghiên cứu khoa học không có cán bộ lãnh đạo nữ tham gia trong ban lãnh đạo bộ, rất ít phụ nữ tham gia lãnh đạo cấp viện. Mặt khác, việc đưa các cán bộ nữ còn non nớt về trình độ khoa học vào vị trí lãnh đạo lại làm cản trở cho công tác nghiên cứu khoa học và đoàn kết nội bộ.

b - Vấn đề gia đình, văn hóa :

Hiện nay ở nhiều nước, đặc biệt là các nước phương Đông vẫn còn tồn tại quan điểm cho rằng : phục vụ vô điều kiện cho chồng con nói riêng và nam giới nói chung là "chức năng", là "thiên hướng", là sự "hy sinh" nhường nhịn, là "nữ tính" của những người phụ nữ trong gia đình. Quan niệm này đã xuất phát từ tư tưởng "phụ quyền", nó hòa quyện nhuần nhuyễn vào đời sống xã hội từ hàng chục thế kỷ nay, dưới lớp vỏ của một dạng "đạo đức" xã hội, một kiểu phong tục tập quán và cũng chính nó đã trở thành tấm màn sắt kiên cố để che đậy tư tưởng "phụ quyền" khi mà sự bất công về giới có nguy cơ được phanh phui. Ở các mức độ khác nhau, quan niệm này đã ép buộc phụ nữ phải sống trong hoàn cảnh bất bình đẳng trong gia đình, trao cho họ những trách nhiệm chính rất nặng nề trong các công việc tái sản xuất sinh học, tái sản xuất ra lực lượng sản xuất, nghĩa là phải chịu trách nhiệm nội trợ, quán xuyến, dọn dẹp nhà cửa, chăm sóc chồng, con và những thành viên khác trong gia đình, trong khi họ vẫn phải thực hiện nhiệm vụ sản xuất như nam giới. Bên cạnh đó, việc hưởng thụ của phụ nữ bị coi là thứ yếu, thậm chí không được tính đến.

Theo thống kê, phụ nữ lao động từ 16 đến 18 giờ/ngày, trong khi nam giới lao động từ 8 đến 10 giờ/ngày. Điều này đã khiến cho phụ nữ không có hoặc có rất ít thời gian nghỉ ngơi, học tập và hưởng thụ văn hóa. Có nhiều chị do quá bận rộn với công việc đã không chỉ bị tổn hại sức khỏe, trí tuệ mà còn bị mất đi hạnh phúc gia đình.

Nghèo đói gắn chặt với trình độ văn hóa thấp. Văn hóa càng thấp thì phụ nữ càng trốn tránh các hoạt động văn hóa, xã hội, càng tự ti, mặc cảm và chỉ biết vùi đầu vào công việc. Ngược lại, không tham gia các hoạt động văn hóa - xã hội thì phụ nữ càng không có điều kiện để nâng cao văn hóa. Tất cả tạo thành một

(5) Số liệu theo dự án "Phòng chống, buôn bán phụ nữ", Viện Nghiên cứu Thanh niên 1997 - 1999

Digitized by Google

vòng tròn luẩn quẩn trói buộc người phụ nữ suốt cuộc đời vào "cái xiềng" gia đình. Trong một nghiên cứu về "bạo lực gia đình", tôi đã coi việc phụ nữ phải lao động quá sức là một dạng "bạo lực không nhìn thấy được".

Một nguyên nhân lớn đã ảnh hưởng tới sự phân công lao động về giới bất hợp lý hiện nay là sự *thiếu hiểu biết đầy đủ về giới* của phụ nữ và nam giới. Cả phụ nữ và nam giới đều coi đây là nhiệm vụ, là chức năng của phụ nữ. Phân công lao động trong gia đình, nhìn chung là phản ánh và chịu sự tác động của phân công lao động xã hội. Ở một xã hội mà sự phân công lao động giữa nam và nữ tương đối bình đẳng thì trong các gia đình sự phân công lao động cũng tương ứng. Ngược lại, trong các xã hội "trọng nam khinh nữ", khi mà các nghề được coi là cao quý, được trả lương cao thường được dành cho nam giới, thì trong gia đình họ cũng trở thành các chủ nhân ông, các nhân vật quan trọng điều hành người khác.

Trong vấn đề phát triển dân số, vấn đề quyền sinh sản, sức khỏe sinh sản của phụ nữ vẫn còn nhiều điều bất cập. Việc phụ nữ sinh đẻ quá nhiều ở nông thôn hiện nay đã gắn liền với tình trạng kinh tế, văn hóa còn chưa phát triển ở các vùng này. Phụ nữ phải chịu nhiều áp lực của tập tục cũ về quan niệm đông con, nhiều cháu, về con trai nối dõi nên đã đẻ nhiều, đẻ dày trong hoàn cảnh thiếu thốn những điều kiện vật chất và tinh thần. Phụ nữ nông thôn ít được tiếp cận với dịch vụ y tế vì tình trạng thiếu y, bác sỹ, hoặc giá dịch vụ y tế còn quá cao so với túi tiền của họ. Hiện nay phụ nữ vẫn là đối tượng chính trong các chương trình thực hiện kế hoạch hóa gia đình mà ít nhận được sự chia sẻ trách nhiệm của nam giới. Số phụ nữ gặp rủi ro trong thai sản, sinh đẻ và trẻ em thiếu dinh dưỡng, bệnh tật còn khá cao.

Một vấn đề đáng chú ý nữa là tình trạng bất bình đẳng trong cơ hội tiếp cận với thông tin và giáo dục giữa nam và nữ nhất là ở một số vùng nông thôn và miền núi. Phụ nữ, nhất là các em gái là những người thiệt thòi nhất vì họ ít có điều kiện được đi học vì lý do kinh tế : khi cha mẹ không có đủ tiền để chu cấp cho tất cả các con đến trường thì các em gái thường phải "nhường" cho các anh em trai của họ, để ở nhà lo việc gia đình, kiếm sống hoặc sớm kiếm lấy một tấm chồng. Những lý do xã hội khác cũng nổi lên : hiện nay ở một số vùng nông thôn, một số quan niệm, tập tục lạc hậu từ thời phong kiến đang có xu hướng phục hồi, trong đó có quan niệm : con gái không cần học nhiều, chỉ cần biết chữ là đủ, có học thì học làm ruộng, học nấu cơm, coi em. Lớn lên rồi chúng lại làm đồng, làm việc nhà và chăm sóc gia đình. Không cần đầu tư cho con gái vì chúng sẽ là "con người ta". Ở một số trường hợp, các em gái (thậm chí cả các em trai) không thể đến trường được vì trường ở quá xa nhà (từ 10 km trở lên), như ở một số vùng nông thôn, miền núi, các em phải đi bộ đến trường, hoặc con em các gia đình đánh cá, phải ở trên thuyền quanh năm suốt tháng lênh đênh cùng trên biển.

Phụ nữ và các vấn đề xã hội :

Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay đã xuất hiện nhiều vấn đề xã hội phức tạp mang tính toàn cầu mà phụ nữ là nạn nhân đau khổ nhất. Một trong những vấn đề đáng chú ý là nạn bạo lực chống phụ nữ, trong đó có bạo lực gia đình.

Theo thống kê chưa đầy đủ của 18 tỉnh và thành phố, trong 8 năm gần đây nhất, đã xảy ra 11 630 vụ bạo lực gia đình buộc các cơ quan chính quyền và luật pháp phải can thiệp giải quyết. Trong đó Bà Rịa - Vũng Tàu có 515 vụ, Khánh Hòa 819 vụ, Thái Bình 1 123 vụ, Hà Tây 1 484 vụ, Ninh Thuận 967 vụ, Kiên Giang 2 002 vụ. Phần lớn các vụ nói trên thuộc diện bạo lực của chồng đối vợ hoặc người lớn đối với trẻ em. Số còn lại là những hành vi bạo lực khác giữa các thành viên trong

Digitized by Google

gia đình với nhau, như con cái đối với cha mẹ già, anh em họ hàng trong gia đình với nhau, bố mẹ chồng với nàng dâu... Những con số này chỉ giống như phần nổi của một tảng băng chìm, tức là chỉ dựa trên những tài liệu chính thức của các cơ quan chính quyền và luật pháp, trên cơ sở những vụ việc công khai đã được xử lý mà thôi. Tuy nhiên, do tính nhạy cảm của mình, bạo lực gia đình lại nằm trong số những tệ nạn ít tính công khai nhất, bởi lẽ còn rất nhiều vụ mà nạn nhân không tố cáo vì rất nhiều lý do.

c - Vấn đề nâng cao năng lực cho phụ nữ trong sự phát triển bền vững :

Nâng cao năng lực cho phụ nữ là một chiến lược phát triển ở Việt Nam. Chiến lược này nằm trong pháp luật, chính sách của Nhà nước và cũng đang được thực hiện từng bước trong thực tiễn đời sống.

Như trên đã trình bày, trước đây việc nâng cao năng lực cho phụ nữ đã được đặt ra ở Việt Nam, song nó đã diễn ra trên phạm vi phong trào lớn và chủ yếu là các chính sách của Nhà nước đưa từ trên xuống. Ngày nay, một thực tế đã chứng minh rằng : sự kết hợp từ hai phía nhân dân và nhà nước, từ dưới lên và từ trên xuống sẽ đưa đến hiệu quả cao. Chẳng hạn, cần xuất phát từ chính nhu cầu của nhân dân, từ cơ sở đưa lên để làm chính sách, sau đó nó cần phải được thực hiện trong sự chủ động, sáng tạo cao của nhân dân và mục đích cuối cùng là nhằm phục vụ nhân dân. Chính sách nâng cao năng lực cho phụ nữ cũng không đi ra ngoài khuôn mẫu đó.

Trước hết là vấn đề nhận thức. Việc thay đổi nhận thức của xã hội trên một số vấn đề liên quan đến giới, phụ nữ sẽ có tác động trực tiếp trong việc hướng dẫn hành động làm thay đổi tình hình. Trong phạm vi này, công tác truyền thông đã đóng vai trò rất quan trọng. Hiện nay, các hoạt động tuyên truyền về quyền bình đẳng của phụ nữ, phổ biến những kiến thức về Giới đang được chú trọng thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng (truyền hình, đài phát thanh, sách, báo, tạp chí). Bên cạnh đó, nhiều lớp tập huấn về Giới từ trung ương đến địa phương cho nhiều đối tượng như trí thức, cán bộ phụ nữ, các nhà lập chính sách, các nhà quản lý, các nhà hoạt động xã hội và bản thân phụ nữ cũng đã được tổ chức. Trong lĩnh vực này, các nghiên cứu thực nghiệm có liên quan đến giới đã bắt đầu định hình và đóng góp những kết quả bước đầu vào việc nâng cao nhận thức của xã hội trên vấn đề Giới.

Trong những năm qua, ngoài những hoạt động mang tầm vĩ mô, việc nâng cao năng lực của phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ nông dân đã được các tổ chức chú trọng đưa vào các dự án cụ thể (cả hai loại dự án đáp ứng nhu cầu thực tế, thực dụng và nhu cầu chiến lược Giới). Theo đó, phụ nữ và nam giới được đặt ra bình đẳng trên các vấn đề về nhu cầu, khả năng, sự đóng góp và sự hưởng thụ có chú ý đến tính đặc thù của mỗi giới và chú ý đến phụ nữ là nhóm xã hội yếu thế và thiệt thòi nhất. Kinh nghiệm đã cho thấy, cách làm này đưa đến nhiều hiệu quả tốt, không chỉ cải thiện đời sống của người tham gia dự án mà còn nâng cao tính chủ động và năng lực của họ, đặc biệt là phụ nữ. Một số dự án được chính nhân dân địa phương nơi dự án tiến hành đánh giá tốt như các dự án về Xóa đói giảm nghèo ; Phát triển kinh tế hộ gia đình ; Nước sạch nông thôn, Tín dụng cho phụ nữ nghèo ở nông thôn ; Chăm sóc sức khỏe sinh sản ; Xóa mù chữ ; Phòng chống HIV/AIDS.

Nghiên cứu khoa học ngày càng đi sâu vào các vấn đề cụ thể đang đặt ra trong đời sống xã hội và đã đưa ra được nhiều kiến nghị mới trên vấn đề phụ nữ, giới. Chính đây sẽ là cơ sở cho các cấp có thẩm quyền định ra các chính sách, luật pháp ngày càng sát hợp với tình hình thực tế. Bằng cách đó, các nhà khoa học đã đóng góp vào việc giải quyết dần tình trạng bất hợp lý còn tồn tại trên vấn đề giới. ❑

Digitized by Google

UY TÍN CỦA NGƯỜI CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

LÊ KIM VIỆT *

NGHỊ quyết Đại hội IX của Đảng đã rất chú trọng và nhấn mạnh vấn đề tiếp tục đổi mới công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý. Trong văn kiện của Đại hội IX có đoạn viết : *"Có chính sách cụ thể để sử dụng, đãi ngộ và phát huy những cán bộ thực sự có tài năng, uy tín, có cống hiến xứng đáng".*

Từ ngày ra đời đến nay, Đảng ta luôn luôn coi uy tín của cán bộ là một trong những cơ sở quan trọng để lựa chọn, sử dụng và bố trí cán bộ. Trong suốt quá trình cách mạng, đông đảo đội ngũ cán bộ ở nước ta được Đảng đào tạo và rèn luyện, đã xây dựng được uy tín đối với nhân dân, được nhân dân tin cậy và tín nhiệm. Họ thực sự là những người tổ chức, lãnh đạo quần chúng, tập hợp lực lượng, là nhân tố làm tăng khả năng sáng tạo, tính tích cực, tinh thần trách nhiệm của quần chúng, là tấm gương để quần chúng noi theo. Hàng triệu cán bộ, đảng viên như thế đã làm nên uy tín của Đảng, củng cố và tăng cường quyền lực lãnh đạo của Đảng. Đảng ta nhờ thế mà huy động, tập hợp được nhân dân dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Hiện nay, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và yêu cầu đưa dân tộc ta nhanh chóng phát triển, sánh kịp với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới đang đặt ra cho người cán bộ lãnh đạo, quản lý rất nhiều thử thách cũng như những vấn đề mới mẻ, khó khăn và phức tạp. Sau hơn 15 năm đổi mới, phần lớn cán bộ vẫn giữ được uy tín của mình, vẫn được nhân dân tin cậy và tín nhiệm, được Đảng và Nhà nước tin tưởng giao cho những trọng trách nặng nề. Họ đang hằng ngày cùng với nhân dân góp sức, chung lòng xây dựng đất nước, phấn đấu vì mục tiêu *"Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"*. Tuy nhiên, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có những cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp không còn là "công bộc", là "đầy tớ của nhân dân", gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng, đến niềm tin của nhân dân, Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chẳng những làm giảm uy tín của Đảng mà còn là một nguy cơ đe dọa sự sống còn của chế độ. Tuy nhiên, để làm rõ thế nào là người lãnh đạo, quản lý có uy tín trong thực tế không hề dễ dàng, đơn giản. Vậy thế nào là người lãnh đạo, quản lý có uy tín trong tình hình hiện nay ?

Trước hết, người cán bộ lãnh đạo, quản lý muốn có uy tín phải là người có *phẩm chất chính trị, tư tưởng* vững vàng, kiên định con đường độc lập dân tộc và xã hội chủ nghĩa, phấn đấu vì lý tưởng cách mạng, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, với lợi ích của Tổ quốc và nhân dân. Đây không chỉ là đòi hỏi của Đảng đối với người cán bộ mà còn chính là yêu cầu, là đòi hỏi của quần chúng nhân dân đối với người cán bộ. Các số liệu điều tra xã hội học về người lãnh đạo, quản lý trong thời kỳ mới đều cho rằng, phẩm chất chính trị, tư tưởng luôn giữ vai trò quan trọng trong mô hình cấu trúc nhân cách của người lãnh đạo, quản lý. Đó là những giá trị chuẩn mực mà quần chúng lựa chọn, phán xét, đánh giá đội ngũ cán bộ. Người lãnh đạo, quản

* Ths. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

lý chỉ có thể có uy tín với quần chúng khi đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi đó.

Để có được uy tín, *người cán bộ lãnh đạo, quản lý phải có trình độ* nắm bắt, xử lý được các thông tin liên quan đến công tác của ngành, của cơ quan đơn vị mà mình phụ trách, tạo điều kiện cho việc ra quyết định đúng đắn, kịp thời, chính xác, phù hợp, mang lại hiệu quả. Trình độ của người cán bộ lãnh đạo, quản lý phải cao hơn, rộng hơn mặt bằng trình độ của cán bộ, công nhân, viên chức và quần chúng trong phạm vi và lĩnh vực mà người cán bộ đó phụ trách. Chỉ có sự am hiểu sâu sắc, rộng lớn hơn mới có thể bao quát, phát hiện, xử lý được những vấn đề mà thực tiễn cuộc sống đặt ra. Đó là đòi hỏi của quần chúng đối với người lãnh đạo hiện nay.

Xã hội ngày nay luôn trông chờ ở người lãnh đạo có trình độ tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác chuyên môn, luôn đưa ra những giải pháp tích cực, hữu hiệu, mang lại lợi ích cho nhân dân ; nói phải đi đôi với làm, năng động, quyết đoán, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và biết tập hợp, thu hút quần chúng, phục vụ cho sự nghiệp chung.

Uy tín của người lãnh đạo thể hiện ở *đạo đức* trong sáng. Đạo đức của người lãnh đạo, quản lý phải phù hợp với đạo lý của dân tộc Việt Nam : mình vì mọi người ; đặt lợi ích tập thể, cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân ; sống có thủy chung, thương người như thể thương thân v.v... Người cán bộ lãnh đạo, quản lý còn phải là người trung thực, tận tâm, tận tụy với công việc và với tập thể, chăm lo cho lợi ích của mọi người, thu hút, tập hợp, cảm hóa, lãnh đạo được quần chúng.

Người cán bộ lãnh đạo, quản lý có uy tín phải có *phong cách lãnh đạo dân chủ,* thường xuyên tôn trọng ý kiến tập thể, tôn trọng những sáng kiến của mỗi cá nhân. Mạnh dạn, quyết đoán nhưng không độc đoán, chuyên quyền. Nguyên tắc, cứng rắn nhưng không thô bạo. Mọi biểu hiện của chủ nghĩa độc tôn, của tính thô bạo trong quan hệ ứng xử đều không có chỗ đứng trong tâm tưởng của quần chúng. Do vậy, người lãnh đạo, quản lý phải thường xuyên gần gũi hòa đồng với mọi người, có lối sống giản dị, trong sạch, liêm khiết, biết giúp đỡ cấp dưới đúng lúc, thiết thực. Trong quan hệ với mọi người, có lòng độ lượng, khoan dung, đối xử văn hóa.

***

Để xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng được những cán bộ lãnh đạo, quản lý có uy tín cần rất nhiều yếu tố, trong đó công tác tổ chức, cán bộ có vị trí cực kỳ quan trọng. Lê-nin đã từng nhấn mạnh là, phải lựa chọn người, tìm những cán bộ có bản lĩnh, có uy tín. Đó là nhân tố quyết định thắng lợi của Đảng Cộng sản. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói "cán bộ là cái gốc của mọi công việc", "công việc thành công hay thất bại là do cán bộ tốt hay kém". Cán bộ tốt hay kém, ở một nghĩa nào đó là cán bộ có uy tín hay không có uy tín. Theo Người, trách nhiệm xây dựng đội ngũ cán bộ là công việc thường xuyên của mọi tổ chức đảng mà trực tiếp là công tác cán bộ của các cấp ủy đảng. Công tác tổ chức, cán bộ của Đảng có nhiệm vụ phát hiện, lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra mọi hoạt động của cán bộ, bố trí cán bộ phù hợp với năng lực, sở trường, với yêu cầu, nhiệm vụ v.v... Nếu công tác tổ chức, cán bộ làm tốt mọi khâu sẽ tạo ra được một đội ngũ cán bộ có chất lượng cao, đủ sức hoàn thành mọi nhiệm vụ nhân dân giao phó, thì đội ngũ cán bộ có uy tín. Ngược lại, nếu công tác cán bộ không làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, không chú ý đào tạo, nâng cao trình độ cho cán bộ, không quản lý, kiểm tra chặt chẽ, để cán bộ tham nhũng, tiêu cực, thiếu trách nhiệm trong công việc, bố trí cán bộ không đúng với năng lực, sở trường, không đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của công việc, của nhân dân, hiệu quả công việc thấp v.v... thì cán bộ mất uy tín hoặc uy tín giảm. Như vậy, nâng cao uy tín đội ngũ cán bộ, thực chất là nâng cao chất lượng cán bộ. Muốn có uy tín cao, trước hết đội ngũ cán bộ phải có chất lượng cao.

Trong hơn 15 năm đổi mới, công tác cán bộ của Đảng có nhiều chuyển biến mạnh mẽ. Nhờ đó, chất lượng, uy tín của đội ngũ cán bộ ngày

Digitized by Google

càng được nâng cao. Công tác cán bộ đã chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, trình độ mọi mặt cho đội ngũ cán bộ. Hàng vạn cán bộ được đào tạo tương đối cơ bản, hệ thống, được bồi dưỡng kiến thức tương đối toàn diện. Nói chung, công tác cán bộ ngày càng chú trọng vấn đề tiêu chuẩn hóa và trẻ hóa đội ngũ, bố trí đúng chuyên môn, phù hợp với năng lực, sở trường. Công tác lựa chọn, bố trí cán bộ đã được đổi mới một cách căn bản. Cán bộ được đề bạt, bổ nhiệm qua sự giới thiệu, sự tín nhiệm của quần chúng. Do vậy, giữa quần chúng với cán bộ có mối quan hệ gần gũi, thân thiện, hiểu biết lẫn nhau, cán bộ có trách nhiệm trước quần chúng hơn. Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát được tăng cường trên tất cả các khâu, các hoạt động của cán bộ. Sự tham gia kiểm tra, giám sát của quần chúng đã góp phần quan trọng trong việc giữ gìn uy tín của người cán bộ, đồng thời là yếu tố giúp cho cán bộ hạn chế, sửa chữa kịp thời những sai lầm, khuyết điểm. Nhân tố quan trọng quyết định đến chất lượng, uy tín đội ngũ cán bộ là sự rèn luyện gian khổ, vươn lên của chính bản thân người cán bộ. Nhiều cán bộ ham học hỏi, lăn lộn với công việc, luôn giữ được phẩm chất đạo đức của người cán bộ cách mạng, biết lắng nghe ý kiến quần chúng, tôn trọng, gần gũi mọi người, dám quyết định, dám chịu trách nhiệm về mọi công việc của mình trước tập thể, trước nhân dân, luôn chăm lo đến lợi ích của quần chúng nhân dân.

Tuy nhiên, hiện nay công tác tổ chức, cán bộ cũng còn nhiều yếu kém, làm ảnh hưởng đến chất lượng và uy tín của cán bộ. Trước hết, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong những năm qua còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng chưa gắn với đào tạo nghề lãnh đạo, quản lý ; chưa trang bị đầy đủ kiến thức về quản lý kinh tế, nhất là kinh tế thị trường. Công tác đào tạo, bồi dưỡng chưa đồng bộ nên hiện nay nhiều cán bộ có trình độ, bằng cấp chuyên môn nhưng lại chưa được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về công tác quản lý, lãnh đạo. Hơn 60% số cán bộ chưa qua các lớp về quản lý kinh tế ; gần 90% chưa qua các lớp về quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Những kiến thức về tâm lý học, xã hội học v.v... (là những kiến thức rất cần thiết trong khoa học quản lý) vẫn chưa được cập nhật cho người cán bộ lãnh đạo, quản lý trong thời kỳ mới.

Trong đào tạo, bồi dưỡng, chưa chú trọng vấn đề rèn luyện và tự rèn luyện để nâng cao đạo đức của người cán bộ cách mạng. Một bộ phận không nhỏ cán bộ thiếu sự tu dưỡng, rèn luyện bản thân, lợi dụng chức quyền, mưu lợi cá nhân, bất chấp lợi ích của Đảng, của nhân dân. Không ít cán bộ bằng lòng, thỏa mãn với năng lực, trình độ hiện có, chưa chịu khó học tập, vươn lên. Xu hướng chạy theo bằng cấp, đi học để lấy bằng, để đủ tiêu chuẩn, để được đề bạt, đang xuất hiện trong tư tưởng, trong suy nghĩ và trong việc làm của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Có những cán bộ lãnh đạo, quản lý, tuy có bằng cấp cao, nhưng trình độ, năng lực thực tế không cao hơn cấp dưới do đó không tạo lập được uy tín, chưa có sức thu hút và tập hợp được quần chúng.

Việc sử dụng, bố trí, đề bạt cán bộ nhiều nơi còn tùy tiện, không đúng với tiêu chuẩn. Do chưa thực sự coi lãnh đạo, quản lý là một nghề và chưa nhận thức đầy đủ tính đặc thù của từng lĩnh vực lãnh đạo, quản lý cho nên tình trạng bố trí, sử dụng cán bộ không đúng chuyên môn, ngành, nghề còn tồn tại khá nhiều. Qua khảo sát tại một số doanh nghiệp ở trung ương cũng như địa phương có hơn 40% giám đốc kiến thức chưa phù hợp với lĩnh vực phụ trách.

Công tác quản lý, kiểm tra, giám sát cán bộ còn nhiều sơ hở, thậm chí rất lỏng lẻo. Nhiều hoạt động của cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa được kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Nắm nội dung quản lý, kiểm tra cán bộ thực hiện thiếu nghiêm túc, nhất là việc quản lý quan hệ, quản lý sinh hoạt... Nhiều cán bộ khi được đề bạt, bổ nhiệm có năng lực, đạo đức và uy tín, nhưng trong quá trình công tác bị thoái hóa, biến chất, uy tín bị giảm sút. Do không được phát hiện, xử lý, uốn nắn kịp thời nên không ít cán bộ lãnh đạo, quản lý đã bị thoái hóa làm ảnh hưởng xấu đến

Digitized by Google

uy tín của Đảng. Điều đáng suy nghĩ là, trong khi nhấn mạnh đến tính tự chủ, năng động của cán bộ, trao nhiều quyền lực cho cán bộ nhưng chúng ta lại chưa xây dựng được một cơ chế kiểm soát hữu hiệu và quy chế trách nhiệm cụ thể ; chưa huy động được sức mạnh của quần chúng để kiểm tra, giám sát cán bộ. Hệ thống cơ chế, chính sách đối với cán bộ thiếu đồng bộ, có nhiều kẽ hở. Đây là cơ hội, là "mảnh đất màu mỡ" cho nhiều hiện tượng tiêu cực, tham nhũng phát triển. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý lộng quyền, trù dập, ức hiếp quần chúng, tự coi mình là "ông chủ", đứng trên nhân dân, xa cách nhân dân. Đó là một trong những nguyên nhân làm cho quần chúng xa lánh, nhân dân không còn tín nhiệm đối với người lãnh đạo của mình.

***

Xây dựng, nâng cao uy tín và chất lượng đội ngũ cán bộ nói chung và cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp nói riêng là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Giải quyết tốt một số vấn đề sau đây, theo chúng tôi, sẽ góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cần được tăng cường và nâng cao chất lượng theo hướng đào tạo nghề. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng cần gắn với công việc hằng ngày của người cán bộ, trang bị nhiều hơn những kiến thức quản trị kinh doanh, kinh tế thị trường, quản lý nhà nước và quản lý xã hội. Rà soát lại số cán bộ chưa được đào tạo cơ bản hoặc đã được đào tạo từ lâu để có kế hoạch đào tạo lại số cán bộ này. Mạnh dạn đưa cán bộ trẻ đi đào tạo cơ bản, tạo nguồn lâu dài và ổn định cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các ngành, các cấp.

Đổi mới căn bản và tiếp tục đổi mới phương thức đánh giá, lựa chọn bố trí cán bộ. Trước hết là thực hiện chế độ thi tuyển đối với các chức danh được bổ nhiệm, tạo điều kiện cho mọi cán bộ có thể đua tranh vào cương vị lãnh đạo, quản lý. Kết hợp thi tuyển trình độ chuyên môn với việc lấy ý kiến đánh giá tín nhiệm của quần chúng nhân dân về phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn, đạo đức, lối sống v.v... của cán bộ. Cần dựa vào sự tín nhiệm của quần chúng trong tuyển chọn cán bộ, bởi đây là một trong những yếu tố rất quan trọng để lựa chọn được cán bộ tốt, tạo tiền đề cho cán bộ nâng cao uy tín của mình.

Bố trí, sử dụng cán bộ theo nguyên tắc đúng chuyên môn. Cán bộ phải am hiểu ngành, nghề, lĩnh vực mà mình đã, đang và sẽ phụ trách. Tình hình mới, nhiệm vụ mới đang đòi hỏi ở đội ngũ cán bộ nước ta lòng nhiệt tình, ý chí quyết tâm, cộng với trình độ kiến thức và năng lực chuyên môn cao. Chú trọng sử dụng cán bộ trẻ, có trình độ, có tư duy năng động, nhạy bén, đồng thời hết sức coi trọng tiêu chuẩn chính trị, đạo đức và năng lực tổ chức thực tiễn.

Quản lý, kiểm tra chặt chẽ mọi hoạt động của cán bộ cả về lĩnh vực tư tưởng, chuyên môn, đạo đức, sinh hoạt, mối quan hệ với quần chúng ở nơi cư trú và nơi công tác... Để quản lý, kiểm tra chặt chẽ, cần nêu cao trách nhiệm của tổ chức đảng, dựa vào đội ngũ đảng viên, dựa vào quần chúng. Bằng nhiều hình thức thường xuyên lấy phiếu tín nhiệm của quần chúng đối với cán bộ. Nếu cán bộ có dấu hiệu tiêu cực, tham nhũng, không còn đủ tín nhiệm với quần chúng thì kiên quyết xử lý, đưa ra khỏi vị trí lãnh đạo, quản lý. Quản lý chặt chẽ, kiểm tra, giám sát thường xuyên là một biện pháp tốt nhất để ngăn ngừa tiêu cực, tham nhũng, là hình thức tốt để giữ gìn, bảo vệ uy tín của cán bộ.

Có chính sách hợp lý đối với cán bộ theo hướng khuyến khích tài năng, nhất là đối với những cán bộ có nhiều đóng góp, mang lại nhiều lợi ích cho tập thể, cho đất nước và nhân dân. Kết hợp thưởng, phạt nghiêm minh, nêu cao trách nhiệm cá nhân trong công việc. Quy định cụ thể chế độ tiếp dân, đi cơ sở đối với cán bộ. Có chính sách khuyến khích cán bộ tự học tập, rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ. ❑

Digitized by Google

SUY NGHĨ THÊM VỀ VĂN HÓA NÔNG NGHIỆP LÚA NƯỚC CỦA VIỆT NAM

NGUYỄN ĐĂNG DUY *

Là người Việt Nam ai cũng dễ nhận biết tố chất cơ bản nuôi sống con người Việt Nam là hạt gạo bát cơm ; nghề nuôi sống con người Việt Nam từ ngàn xưa tới nay cơ bản vẫn là nghề nông, trồng lúa nước, để rồi hình thành nên nền văn hóa Việt Nam gọi là nền văn hóa nông nghiệp lúa nước hoặc có người gọi là văn minh lúa nước. Lâu nay nhiều người cứ nói hoặc viết như thế, nhưng lý giải có hệ thống văn hóa nông nghiệp lúa nước là thế nào, thì hầu như ít được quan tâm bàn đến. Ở đây, chúng tôi xin bàn thêm những đặc trưng của văn hóa nông nghiệp lúa nước.

I - Văn hóa diễn trình theo gia đình hạt nhân.

Gia đình hạt nhân là gia đình gồm chồng vợ và các con cùng sống chung trong một không gian nhà, theo chế độ phụ quyền, con sinh ra lấy họ cha. Gia đình hạt nhân có thêm ông bà thành ba thế hệ cùng chung sống gọi là gia đình nhỏ (thường diễn ra ở người con trai cả hoặc con trai duy nhất). Gia đình hạt nhân hay gia đình nhỏ hình thành ngay từ thời đồ đá mới. Khi con người tiến hành trồng trọt chăn nuôi, tự sản xuất ra của cải để duy trì cuộc sống, vai trò người đàn ông trở nên quan trọng, thì phụ quyền chiếm tuyệt đối trong gia đình. Căn cứ vào dấu vết kiến trúc những lỗ chôn cột trên nền đất độ mươi mét vuông, kèm theo trong đó những mảnh đồ gốm nồi nhỏ, chỉ có thể nấu hoặc đựng thức ăn cho độ dăm người trong các di chỉ văn hóa khảo cổ Phùng Nguyên, thì ở Việt Nam cuối đồ đá bước sang đồ đồng đã phổ biến tồn tại những gia đình hạt nhân hay gia đình nhỏ. Sang thời văn hóa đồng thau Đông Sơn, với câu chuyện truyền lại, năm mươi người con trai theo mẹ Âu Cơ ở lại Phong Châu, tôn người con trai cả lên làm Hùng Vương, nói lên gia đình phụ quyền, quyền huynh thế phụ đã chiếm ưu thế trong xã hội. Trong nền kinh tế nông nghiệp lúa nước, gia đình phụ quyền chiếm dụng một số ruộng đất, cày cấy làm ăn sinh sống. Câu ca dao :

"Trên đồng cạn, dưới đồng sâu
Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa"

đã phản ánh đầy đủ nền văn hóa nông nghiệp lúa nước diễn trình theo gia đình hạt nhân (hay nhỏ). Thể hiện ra đất đai canh tác trong mỗi gia đình đủ cả đồng cạn đồng sâu, phương thức lao động sản xuất lý tưởng là chồng cày vợ cấy, làm đất bằng sức kéo trâu bò. Và trong diễn trình ấy "thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn", có nghĩa là động lực thúc đẩy phát triển văn hóa (nông nghiệp lúa nước) là sự êm ấm thuận hòa từ trong mỗi gia đình. Và "trong có ấm thì ngoài mới êm", mỗi gia đình no ấm yên vui thì xóm làng mới no ấm yên vui.

Trong gia đình Việt Nam gắn với nền kinh tế nông nghiệp tiểu nông tuy nói là phụ quyền, nhưng người phụ nữ quán xuyến lo toan tần tảo vẫn đóng một vai trò quan trọng nhất định trong gia đình. Nên tuy danh nghĩa là phụ quyền nhưng "lệnh ông không bằng cồng bà", người vợ tay hòm chìa khóa, thái hậu thay vua con buông rèm nhiếp chính...

Như vậy có thể kết luận nghề nông nghiệp lúa nước ở nước ta cơ bản được diễn trình theo từng đơn vị gia đình nhỏ. Tùy theo sản phẩm cấy trồng, chăn nuôi phụ làm ra, một phần rất nhỏ để lại đầu tư cho tái sản xuất, còn lại quyết định

* Đại học Văn hóa Hà Nội

Digitized by Google

mức sống kinh tế trong gia đình, giỗ chạp thờ cúng tổ tiên, đóng góp cho làng cho nước, cùng việc đầu tư nuôi dậy con cháu, hình thành nếp sống văn hóa và nhân cách văn hóa của các thành viên trong gia đình. Gia đình vừa là cơ sở tạo nền tảng kinh tế vừa là môi trường văn hóa trong nền văn hóa nông nghiệp lúa nước Việt Nam.

II - Văn hóa hội tụ thành đơn vị làng.

Trên đất nước ta từ Bắc vào Nam ở đâu mà ta không gặp làng, miền Nam còn gọi là ấp. Làng được hình thành ngay từ buổi đầu các vua Hùng dựng nước, thời ấy gọi là chạ (chung chạ). Sau này trong hát chèo, mỗi nhân vật mới ra chiếu diễn giáo đầu là chiềng (trình) làng, chiềng (trình) chạ là theo nghĩa ấy. Còn kẻ là tiếng làng nọ gọi làng kia (ở xa một chút), với nghĩa là người (kẻ) ở phương ấy, nơi ấy. Văn hóa Việt cùng nguồn gốc với văn hóa Mường, ở người Mường (người Việt cổ) mỗi đơn vị cư trú do một quan lang đứng đầu cai quản, gọi là lang nọ lang kia, dần về sau người Việt tách khỏi người Mường, gọi mỗi đơn vị cư trú là làng, làng là hoàn toàn gọi theo tiếng Việt. Nông nghiệp lúa nước vấn đề trị thủy phải đặt lên hàng đầu. Hạn phải làm hệ thống mương phai dẫn nước vào ruộng cày cấy nuôi dưỡng cây lúa. Nước lên cao thì phải đắp bờ thửa, bờ vùng, nhất là bờ đê ngăn lũ lụt. Công việc đó nhiều nhà, cả làng, các làng hợp lại mới có thể làm nổi. Như vậy nghề nông nghiệp lúa nước do nhu cầu chống thiên tai và cả chống địch họa nữa, tất yếu dẫn đến con người phải cư trú thành làng.

Đã hình thành cái làng, khắp các làng, thì phải sản sinh ra văn hóa làng. Vì thế văn hóa nông nghiệp lúa nước, cùng với văn hóa gia đình, điều cực kỳ quan trọng tiếp theo là hình thành nền văn hóa làng. Ta cũng có thể gọi là văn hóa làng xã. Làng xã đây không phải là làng xã như ngày nay, mới hình thành nên từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Xã gồm nhiều làng, có thể trong cùng một xã, nhưng mỗi làng lại có phong tục tập quán khác nhau, thờ thần khác nhau. Xã đây phải hiểu là đất, theo nghĩa ngày xưa ở kinh đô lập đàn xã tắc, hàng năm nhà vua đến tế thần xã là đất, thần tắc là lúa. Từ đó văn hóa làng xã là văn hóa gắn liền với đất đai (cư trú, canh tác) của một đơn vị làng. Ta cũng có thể gọi là văn hóa xóm làng, vì làng thường bao gồm trong đó nhiều xóm.

Do đặc điểm đất đai cũng như hoạt động cư trú và canh tác mỗi làng khác nhau, nên không thể có người ở làng này đến điều hành công việc làm ăn của làng khác, mà mỗi làng từ thế hệ này qua thế hệ khác tự bầu lấy người làng mình đứng ra điều hành công việc của làng. Như thế văn hóa nông nghiệp lúa nước tự nó sinh ra tính tự trị, tự quản ở trong mỗi làng, mà không thể từ ngoài vào hay trên xuống làm thay nó được. Trong lịch sử thời Trần, thời Nguyễn, thời Pháp thuộc thực hiện cải cách làng xã, đưa người từ xã khác đến làm xã quan đều thất bại. Thời dân chủ cộng hòa, cũng đã có một thời đưa đảng viên từ xã khác đến làm bí thư đảng ủy đều không mang lại kết quả. Có thể nói tính tự trị, tự quản ở làng xã (đất đơn vị làng) là một hằng số trong văn hóa nông nghiệp lúa nước. Chẳng cần ngoài tác động vào hay trên tác động xuống mà nó cứ vẫn tồn tại hết thời này qua thời khác. Từ tính tự trị tự quản lâu dần tự mỗi làng hình thành nên những luật tục, hay tập quán pháp riêng, gọi thành những bản hương mới. Như vậy văn hóa nông nghiệp lúa nước tự nó đã tạo nên đủ hai yếu tố là cơ sở kinh tế kỹ thuật bên dưới và chính quyền luật pháp ở thượng tầng bên trên, để lại nó có thể khẳng định về một nền văn minh xóm làng, hay là nền văn minh nông nghiệp lúa nước ở trong mỗi cái làng, tự nó có thể đứng vững hết thời này qua thời khác không gì phá vỡ nổi. Cái văn minh xóm làng này gọi theo tiếng Hán là hương đẳng tiểu triều đình, cấp triều đình nhỏ trong mỗi hương thôn. Cái hương đẳng tiểu triều đình này là cấp trung gian có ý nghĩa quyết định trong mối quan hệ giữa làng và nước. Bao nhiêu thuế, phu, lính ở trong mỗi cái làng đóng góp cho nước là do mỗi hương đẳng tiểu triều đình này quyết định bổ bán trong dân làng họ, trên không cần biết đến. Vì thế mà ngày xưa các triều đại phong kiến cứ phải chấp nhận "phép vua thua lệ làng".

Digitized by Google

Văn hóa nông nghiệp lúa nước diễn trình theo từng gia đình nhỏ nhưng lại do làng quyết định cái diễn trình văn hóa ấy. Làng điều chỉnh nguồn nước, làng có lịch thời vụ, xuống đồng lên đồng nhà không thể khác làng được. Ngày xưa chỉ có độc canh cây lúa, nên nếu anh cấy sớm một chút, côn trùng chuột bọ dồn đến phá hoại hết, hoặc anh cấy muộn một chút, lúa được gặt sau cũng bị chuột bọ dồn đến phá hoại. Rồi thì còn biết bao phong tục, lễ tết, lễ hội cưới xin, ma chay, nhà không thể tách khỏi làng, tách khỏi làng thì anh bị cô lập. Vì thế mà ngày xưa mới có câu "một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp". Đây không đơn thuần là miếng ăn phần xôi thịt, mà là một lối ứng xử văn hóa giữa nhà với làng, nhà dù có giàu sang bao nhiêu cũng không thể sống tách khỏi lời khen tiếng chê của xóm giềng xung quanh. Vì vậy, nghề nông nghiệp lúa nước đã tạo nên nếp sống văn hóa nhà không thể tách rời khỏi làng, làng tạo điều kiện, nâng đỡ cho nhà phát triển. Văn hóa Việt Nam trước tiên hòa quyện giữa hai cấp độ nhà và làng là như thế.

Văn hóa làng chứa đựng trong đó nội dung đủ cả mọi mặt. Văn hóa nếp sống vật chất (ăn, ở, mặc, đi lại) nếp sống tinh thần (hôn lễ, tang lễ, lễ tết, giao tiếp ứng xử). Văn hóa giáo dục đạo đức, nuôi dậy học tập của con cái. Văn hóa nghệ thuật, văn hóa tín ngưỡng tôn giáo. Văn hóa làng nghề thủ công, làng khoa bảng, làng võ nghệ... nhưng quy kết chung lại mang tính đặc trưng của văn hóa làng là làm ruộng - thờ thần - mở lễ hội.

Làm ruộng cho nên ở đâu ta cũng thấy tinh thần cần cù lao động một nắng hai sương, tháng năm năm việc tháng mười mười việc, ở đâu ta cũng thấy "ơn trời mưa nắng phải thì, nơi thì bừa cạn, nơi thì cấy sâu", ở đâu ta cũng thấy "ăn chắc mặc bền", "có thực mới vực được đạo", ở đâu ta cũng thấy "được mùa chớ phụ ngô khoai"...

Thờ thần là từ tín ngưỡng thờ thần bộ lạc để lại, rồi trong lao động nông nghiệp, được mùa mất mùa, con người chưa giải thích được là do tại sao, cho là có một lực lượng thần linh vô hình nào đó chi phối, "đất có thổ công, sông có hà bá..." nên đã sinh ra tín ngưỡng thờ thần làng rất sâu đậm ở người Việt. Thần là các hiện tượng thiên nhiên mây, mưa, sấm, chớp, ánh sáng, gió ; thần là thần núi, thần sông, thần cây, thần giếng ; thần là người có công tụ dân lập làng ; thần là vị mang về cho làng một nghề thủ công ; thần là vị có công đánh giặc giữ làng giữ nước ; thần là vị khoa bảng có công mở trường lập chữ. Thờ thần với nghĩa là phúc thần, thần mang lại hạnh phúc cho dân làng ! Cúng tế thần để cầu mong thần "phù hộ" cho hiện thực cuộc sống an cư lạc nghiệp, ăn nên làm ra... Thờ thần gây nên động lực thăng hoa sáng tạo kiến trúc nghệ thuật, dựng nên những ngôi đình đền, trong Nam gọi là miếu to đẹp nhất, để làm nơi thần "ngự". Thờ thần sinh ra thiết chế văn hóa lễ hội gắn với mỗi làng.

Lễ hội là một cuộc sinh hoạt văn hóa tổng hợp, trong cùng một không gian một thời gian diễn ra đủ cả hoạt động sân khấu, âm nhạc, kiến trúc, hội họa, các trò vui thi sức thi tài, văn hóa ẩm thực, giao tiếp ứng xử... Ngày nay mới xuất hiện lễ hội do các cấp chính quyền nhà nước đứng ra tổ chức, nhưng ngày xưa lễ hội diễn ra đều gắn với một làng.

"Làng ta mở hội tưng bừng,
Chiêng khua trống gióng vang lừng bốn bên"
"Làng ta mở hội tế thần,
Chiêng khua trống gióng xa gần vui thay".

Lễ hội làng ấp trong miền Nam diễn ra với mô thức chung là lễ xây chầu và hát bội, còn mô thức chung lễ hội làng diễn ra ở ngoài Bắc và miền Trung là tế thần, rước thần, diễn lễ tục kèn, tổ chức các trò vui thi sức thi tài, biểu diễn văn nghệ, đọng lại hai niềm vui lớn là được mùa và thắng trận. Lễ hội làng mang trong nó nhiều ý nghĩa văn hóa : Duy trì tinh thần bình đẳng. Gây ý thức nhớ về cội nguồn. Truyền đạt thông tin chuyển giao văn hóa. Ý nghĩa sáng tạo văn hóa. Ý nghĩa liên kết cộng đồng.

Lễ hội là dịp biểu thị sức mạnh cộng đồng, là dịp thể hiện mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng hoặc ngược lại, là dịp hòa nhập giữa cái tôi và cái ta chung, là dịp thể hiện trách nhiệm tình cảm đối với cộng đồng. Mọi thành viên đều muốn vươn tới cái đẹp, cái vui chung, người ta dễ quên đi, tha thứ những bất đồng, muốn rộng

Digitized by Google

rãi tốt lành chan hòa thân thiết với nhau hơn, ngay cả đối với những người trước đây chưa quen biết. Tình bạn bè xóm giềng làng xã lại được một dịp nhắc lại diễn ra thân thiết hơn. Lễ hội của một làng, nhưng không bao giờ lễ hội chỉ của một làng, mà là lễ hội của cả vùng, thậm chí của cả nước... Lễ hội là một dịp liên kết trong làng phe giáp, ngoài làng dân anh dân em. Liên kết trong tập tục khế ước, liên kết trong tự nguyện. Hàng ngàn, hàng vạn con người cứ đến với nhau, để được gặp gỡ, để được hòa nhập, để được hưởng thụ, giải tỏa... ý nghĩa liên kết cộng đồng ở lễ hội làng thật là thiêng liêng kỳ diệu.

III - Văn hóa gắn liền làng với nước.

Nghề nông nghiệp lúa nước không những gắn chặt nhà với làng mà còn gắn liền với nước, lý do cơ bản trước tiên vẫn là vấn đề trị thủy. Sự liên kết văn hóa nông nghiệp lúa nước tất yếu sớm sinh ra nhà nước để điều hành trị thủy và chống ngoại xâm, mà C.Mác gọi là nhà nước theo kiểu phương thức sản xuất châu Á, nghĩa là nhà nước ra đời chưa phải dựa trên nền kinh tế thị trường. Nhà nước Văn Lang, nhà nước Âu Lạc được ra đời trên nền tảng kinh tế nông nghiệp lúa nước là như thế. Nhà nước Văn Lang đóng đô ở Phong Châu, Việt Trì (hồ nước Việt) tất không thể không diễn ra trị thủy sơ khai buổi ban đầu, địa danh Tứ xã ngày nay ở huyện Phong Châu tương truyền là nơi vua Hùng cho đào ngòi thoát nước ra sông Đà và là nơi thuyền bè các Lạc hầu, Lạc tướng bốn phương hội tụ về đây họp bàn việc nước. Vua Hùng thứ sáu lập bàn thờ ông Gióng chỗ đền Thượng, đền Hùng, ấy là nhà nước Văn Lang còn mang chức năng điều hành chống ngoại xâm. Nhà nước Âu Lạc đã có trị thủy đắp đê ở Phong Khê (nhiều khe mới) để định đô Loa thành và lãnh đạo nhân dân Âu Lạc chống Tần xâm lược.

Nhiều người không để ý cứ nói nông nghiệp lúa nước là tiểu nông tùy tiện phân tán, mà không thấy được tính tất yếu của liên kết văn hóa Làng - Nước mà nền kinh tế nông nghiệp lúa nước sinh ra. Vì thế mà trước đây nếp sống văn hóa ở mỗi làng, bên cạnh "phép vua thua lệ làng" đi liền ngay với "lệ làng phép nước". Cái riêng nằm trong cái chung, gặp tai họa trong nhà trong làng là người ta kêu lên "ới làng nước ơi", đi đánh giặc giữ nước nhưng người ta vẫn cứ nói là đi đánh giặc giữ làng. Làng đi liền ngay với nước (còn các cấp trước kia là phủ châu lộ, nay là huyện tỉnh thời nào cũng là cấp trung gian).

Trong mối quan hệ Làng, Nước con người sinh sống làm ăn ở nhà, nhưng mang tinh thần "sống ở làng sang ở nước", "quốc gia hưng vong thất phu hữu trách" (đất nước thịnh suy người dân thường cũng phải có trách nhiệm) mới hoàn thiện là con người văn hóa Việt Nam. Nhà - Làng - Nước gắn liền làm một, nên người ta cứ nói còn làng là còn nước, mất làng là mất nước. Đây là một sự thực đã diễn ra trong văn hóa Việt Nam thời nghìn năm Bắc thuộc và ở các thời sau này. Đây là yếu tố cực kỳ quan trọng để phản ứng, bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc.

IV - Văn hóa hình thành nên cốt cách con người.

Người Việt Nam giàu lòng yêu quê hương đất nước. Nông nghiệp lúa nước thì hai yếu tố đất và nước là cực kỳ quan trọng, không có nó không có nguồn sống, không làm nên văn hóa, mất nó là mất kinh tế, mất miếng ăn, mất văn hóa, nên phải tha thiết yêu nó, giữ gìn nó. Có thể nói văn hóa nông nghiệp lúa nước là văn hóa nhào nặn giữa đất và nước, suốt cuộc đời mỗi con người, suốt trường tồn lịch sử Việt Nam, văn hóa Việt Nam diễn ra như thế. Mở đầu từ châu thổ sông Hồng, sông Mã khi nước biển bắt đầu rút dần (cách ngày nay khoảng một vạn năm), thì con người tràn xuống trung du đồng bằng tụ cư khai phá đất đai, phát triển nghề lúa nước. Trong điều kiện rừng cây chật đất, chật đường hổ báo cá sấu sát hại con người không ít, việc khai phá được tấc đất gian nguy lắm, đau thương lắm. Vì thế từ tha thiết yêu quý hai yếu tố cụ thể là đất và nước, những yếu tố cơ bản (qua sức lực của con người) tạo nên hạt gạo bát cơm nuôi sống con người cư dân nông nghiệp lúa nước, dần trở thành thiêng liêng yêu quý biểu tượng văn hóa Đất - Nước. Lòng yêu quê hương đất nước bắt nguồn từ cái cụ thể là như thế.

Digitized by Google

Lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với quân đội ta : "Trung với Đảng, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng" chẳng phải là ngẫu nhiên, mà từ thực tế văn hóa nông nghiệp lúa nước diễn ra từ hằng nghìn năm nay đã đúc kết, tổng kết về ý chí kiên cường bất khuất của dân ta quả là khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. Nghề nông nghiệp lúa nước ở vào một xứ khí hậu vô cùng khắc nghiệt "nắng lửa mưa dầu" thiên tai khủng khiếp liên tục xảy ra, kẻ thù từ bên ngoài hễ có cơ hội là tràn vào xâm lược, trong tình hình ấy không thể không hun đúc nên tính cách con người Việt Nam kiên cường bất khuất. Tính cách kiên cường bất khuất ấy vào đến Nam bộ được hình tượng hóa thành câu ca dao :

"Trời sinh cây cứng lá dai,
Gió bay mặc gió chiều ai chẳng chiều".

Văn hóa nông nghiệp lúa nước còn hun đúc nên tính cách con người Việt Nam tinh thần tương thân tương ái, tình nghĩa xóm làng. Mất mát đau thương do thiên tai địch họa gây ra thật là khủng khiếp, nếu không có cưu mang giúp đỡ "một miếng khi đói bằng một gói khi no", "của ít lòng nhiều" tạo nên sức mạnh vật chất và tinh thần thì làm sao con người đứng vững được để vượt qua. Cả nước vì lũ lụt miền Trung cuối năm 1999, cả nước vì lũ lụt đồng bằng sông Cửu Long năm 2000... đã nói lên tinh thần đó.

Nông dân Việt Nam xưa nay vẫn truyền tụng câu ca dao :

"Trông trời trông đất trông cây,
Trông mưa trông nắng trông ngày trông đêm,
Trông cho chân cứng đá mềm
Trời yên biển lặng mới vui tấm lòng".

Ở đây ta thấy nổi bật lên cái khát khao cháy bỏng của người làm lúa nước là bao nhiêu thứ trông đợi dồn lại để có trời yên biển lặng mới vui tấm lòng. Có an cư mới lạc nghiệp, có ổn định thanh bình, thì con người mới ra sức chăm bón cây trồng vật nuôi, mùa màng mới bội thu... Vì thế kinh tế nông nghiệp lúa nước tất yếu đẻ ra tính cách con người, yêu hòa bình ghét chiến tranh.

Con người Việt Nam hiếu hòa hơn hiếu thắng. Giặc Minh xâm lược thống trị nước ta (1407 - 1427) vô cùng tàn bạo, nhưng khi chúng khốn đốn ta chấp chấp nhận mở hội thề Đông Quan, cấp 500 chiếc thuyền, mấy nghìn con ngựa với đầy đủ lương thực và sai sửa cầu cống đường sá để chúng rút về nước. Về hành động cao đẹp này, Nguyễn Trãi viết trong "Chí Linh sơn phú" :

"Chỉ cần vẹn đất,
Cốt sao ân tình,
Giữ hòa hiếu giữa hai nước,
Hết muôn đời chiến tranh".

Kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975) sắp đến ngày thắng lợi, ta mở mặt trận đấu tranh ngoại giao, ký hòa ước để quân Pháp, quân Mỹ rút về nước trong danh dự.

Ưa hòa bình trọng tình nghĩa nên mở ra bao dung "đánh kẻ chạy đi không ai nỡ đánh người chạy lại", người Việt Nam sẵn sàng tha thứ ngay cả cho những kẻ lầm đường lạc lối phản lại Tổ quốc nếu biết ăn năn hối lỗi.

Chúng ta đang thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng ở nước ta một nền văn hóa công bằng, dân chủ, văn minh, nhanh chóng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiều người lo ngại đến những yếu tố bảo thủ tự trị, tùy tiện do nền kinh tế nông nghiệp tiểu nông gây ra, sẽ là những cản trở cho việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ngược lại chúng tôi cho rằng với tốc độ công nghiệp hóa, thành phố hóa làng xã như hiện nay, thì những lẽ sống tốt đẹp từ nền văn hóa nông nghiệp lúa nước là lòng thiết tha yêu quê hương đất nước, ý chí kiên cường bất khuất, tinh thần tương thân tương ái tình nghĩa xóm làng nếu không biết giữ gìn sẽ bị cơ chế kinh tế thị trường nhanh chóng xóa đi. Còn những thói quen bảo thủ tự trị, tùy tiện tiểu nông chẳng khó khăn gì mất đi khi khoa học - kỹ thuật nếp sống công nghiệp mạnh lên ở làng xã. ❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG LỰC LƯỢNG BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG

HỒ TRỌNG LÂM *

Bộ đội Biên phòng (BĐBP) là một bộ phận quan trọng trong lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng, có chức năng bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia. Địa bàn hoạt động chủ yếu trực tiếp, thường xuyên là biên giới, bờ biển, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống. Cả nước có 54 dân tộc thì địa bàn Bộ đội Biên phòng quản lý có 42 dân tộc thiểu số, khoảng 5,2 triệu dân cư trú ở các làng bản vùng cao biên giới, nơi xa xôi hẻo lánh. Đồng bào các dân tộc rất đa dạng về phong tục tập quán, nếp sống văn hóa. Hầu hết đồng bào vẫn duy trì nền sản xuất nương rẫy, không có điều kiện cho con em đi học, tỷ lệ thanh thiếu niên đến tuổi trưởng thành có trình độ văn hóa phổ thông cấp tiểu học, trung học rất ít. Nhu cầu đào tạo cán bộ chủ chốt cho hệ thống chính trị và các ngành cần thiết như y tế, giáo dục ở cơ sở xã rất lớn nhưng tạo nguồn cán bộ có nhiều khó khăn. Các thế lực thù địch thường lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để tuyên truyền kích động tư tưởng hẹp hòi, chia rẽ tình đoàn kết giữa các dân tộc... Âm mưu thủ đoạn "diễn biến hòa bình" mà các thế lực thù địch tiến hành đặt ra cho công tác biên phòng nước ta luôn luôn đứng trước yêu cầu nhiệm vụ toàn diện và phức tạp. Trong đó đáng chú ý là những hoạt động của chúng tập trung phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân nhằm từng bước vô hiệu hóa vai trò và sức mạnh của nhân dân các dân tộc vùng biên giới đối với việc bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia. Để làm tròn nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, quan trọng nhất là phải dựa vào dân. Tại buổi lễ thành lập lực lượng Công an nhân dân vũ trang (nay là BĐBP) theo Nghị định 100/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 3-3-1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã huấn thị : *"Chúng ta phải dựa vào dân. Nhất là công an biên phòng, những nơi đồng bào thiểu số, phải chú ý đến phong tục tập quán của đồng bào, luôn giúp đỡ, giáo dục đồng bào, làm cho đồng bào tin yêu, phục cán bộ thì đồng bào sẽ hết sức giúp đỡ, có khi hy sinh cả cho ta". "... Muốn làm như thế, phải nắm vững chính sách đối với đồng bào thiểu số, điều đó rất cần thiết..."*. Khâu then chốt để dựa vào dân là giữ được dân, ổn định dân, tranh thủ được dân, phải thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tạo ổn định về chính trị ở các thôn bản, xã vùng biên. Bộ đội Biên phòng phải quan hệ mật thiết với nhân dân, ***"coi đồn là nhà, biên giới là quê hương, đồng bào các dân tộc như anh em ruột thịt"***; phải thông thuộc từng đỉnh núi, con suối, đường đi lối lại trên biên giới, phải nắm vững đường biên, cột mốc ; phải giỏi lội suối. xuyên rừng ; phải biết tiếng nói, phong tục tập quán của đồng bào từng dân tộc nước mình và đồng bào dân tộc của nước láng giềng bên kia biên giới. Có như vậy mới vận động được nhân dân các dân tộc tham gia thực hiện công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thực hiện các hiệp ước, hiệp định, hiệp nghị, quy chế khu vực biên giới.

* Đại tá, Chủ nhiệm chính trị, Bộ đội Biên phòng

Digitized by Google

Trong lãnh đạo và chỉ đạo công tác biên phòng, Đảng và Nhà nước ta thường xuyên coi trọng phát huy vai trò của nhân dân các dân tộc vùng biên giới đấu tranh bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia. Ngày 22-2-1989 Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã có quyết định tổ chức "Ngày Biên phòng" là ngày 3 tháng 3 hàng năm. Mục đích tổ chức "Ngày Biên phòng" nhằm động viên cả nước chăm lo xây dựng và bảo vệ biên giới, trong đó đặc biệt chú trọng nâng cao trách nhiệm và vai trò của nhân dân các dân tộc vùng biên giới, của các đơn vị biên phòng đối với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới của Tổ quốc. Các đồn biên phòng ở biên giới thực sự làm nòng cốt giúp địa phương xây dựng trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội của các xã, cụm xã biên giới.

Xây dựng đội ngũ cán bộ của BĐBP có ý nghĩa rất quan trọng. Xây dựng được đội ngũ cán bộ dân tộc trong BĐBP lại càng cần thiết và quan trọng hơn có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi trong thực hiện chức năng nhiệm vụ của BĐBP. Cán bộ dân tộc không chỉ thông thạo tiếng nói dân tộc mình mà còn biết tiếng của nhiều dân tộc anh em khác trong vùng. Họ lại rất thông thuộc địa hình, xuyên rừng lội suối, am hiểu phong tục tập quán ; có sự đồng cảm nhanh khi tiếp cận với đồng bào ; có điều kiện và phẩm chất do các yếu tố văn hóa tạo nên trong việc quy tụ, đoàn kết, tập hợp và tổ chức quần chúng là đồng bào dân tộc cùng BĐBP xây dựng và bảo vệ biên giới.

Thấm nhuần quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta về chính sách dân tộc và xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc, 42 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Đảng ủy QSTU, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Đảng ủy BĐBP đã thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số có số lượng đáng kể, chất lượng tốt, đáp ứng ngày càng cao yêu cầu nhiệm vụ công tác biên phòng. Đảng ủy BĐBP có nhiều chủ trương, biện pháp tạo nguồn để đào tạo bồi dưỡng, bố trí sử dụng và thực hiện chính sách cán bộ dân tộc. Đó là những bước đi tích cực và đang mang lại hiệu quả thiết thực, cơ bản cho việc xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số trong BĐBP.

Trên cơ sở chính sách chung của Đảng, Nhà nước, quân đội, BĐBP đã vận dụng tối đa chính sách ưu tiên, nhằm thu hút thanh niên, quân nhân người dân tộc thiểu số phục vụ lâu dài. Tận dụng kinh phí từ các nguồn khác nhau để phục vụ cho công tác tạo nguồn, bồi dưỡng văn hóa. Đối với đội ngũ cán bộ dân tộc hiện có, Đảng ủy và Bộ Tư lệnh đã quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo từng chức danh. Sắp xếp sử dụng, cất nhắc, đề bạt đúng nên đội ngũ cán bộ có sự ổn định và phát triển tương đối cơ bản. Chỉ tính 5 năm 1996 - 2000 đã đào tạo cơ bản được 351 đồng chí, cử tuyển 6 khóa đại học với 306 chiến sĩ BĐBP thuộc dân tộc thiểu số ở các huyện, xã biên giới. Đến nay đội ngũ cán bộ dân tộc của BĐBP có 665 đồng chí thuộc 30 dân tộc khác nhau, chiếm 8,9% cán bộ toàn lực lượng. Trong số cán bộ dân tộc có 18,47% là dân tộc thiểu số đặc biệt ít người. So với cán bộ là người dân tộc thiểu số từ năm 1994 trở về trước thì tăng 1,4%. 100% cán bộ dân tộc thiểu số đều được đào tạo ở các bậc học theo cương vị ; nhiều cán bộ được đào tạo cơ bản ở Trường đại học Biên phòng, Trường đại học An ninh, Học viện Quốc phòng và các trường khác của Nhà nước. Hầu hết các tỉnh biên giới có đông đồng bào dân tộc đều có cán bộ chủ trì cấp ủy, bí thư, chỉ huy trưởng hoặc chỉ huy phó cấp tỉnh, cấp phòng, đồn trưởng, đồn phó, đội trưởng là người dân tộc thiểu số như Gia Lai, Kon Tum, Đắc Lắc, Cao Bằng, Thanh Hóa, Sơn La, Lai Châu, Hà Giang, Nghệ An, Lạng Sơn... Nhiều đồng chí là cán bộ dân tộc cũng có mặt ở cơ quan tham mưu chiến lược, ở các lĩnh vực như : hải quân, cửa khẩu, trinh sát, vận động quần chúng, bác sỹ, y sỹ, giáo viên giảng dạy, văn hóa - nghệ thuật...

Có thể nói đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số trong BĐBP dù hoạt động trên lĩnh vực nào, cương vị nào cũng đều đã và đang phát huy tốt vai trò, trách nhiệm, đóng góp to lớn cùng toàn

Digitized by Google

lực lượng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị và xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Anh em cán bộ dân tộc thiểu số đã thực hiện có hiệu quả trong công tác vận động quần chúng ở các địa bàn có nhiều đồng bào dân tộc, trong đấu tranh chống lấn chiếm, chống xâm canh xâm cư, vượt biên, xâm nhập, chống các loại tội phạm, đối ngoại biên phòng. .. trên các tuyến biên giới.

Tuy số lượng cán bộ dân tộc ít người của BĐBP được tăng lên so với mấy năm trước nhưng so với yêu cầu, nhiệm vụ, việc xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số của BĐBP đang đặt ra những vấn đề cần phải tiếp tục nghiên cứu để khắc phục. Tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số so với tổng số cán bộ còn thấp, cơ cấu chưa thật hợp lý, phân bổ chưa đều ở các cấp, các ngành và chưa sát với yêu cầu thực tiễn từng vùng, miền, địa bàn. Tuyến biên giới phía bắc tỷ lệ cán bộ dân tộc khá cao, trong đó Cao Bằng 80,22%, Lạng Sơn 41,54%, Sơn La 46,49%, nhưng các tuyến biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia, Việt Nam - Lào, Tây Nguyên lại còn quá thấp như : Gia Lai 4,31%, Kom Tum 2,98%, Kiên Giang 0,98% do công tác tạo nguồn có nhiều khó khăn. Về nội dung đào tạo, bồi dưỡng còn chưa sát, phù hợp với cán bộ dân tộc thiểu số nên ảnh hưởng đến tính tích cực, chủ động, hứng thú của người học. Nhiều cán bộ dân tộc thiểu số còn có tâm lý tự ti, ngại đi học ở các trường xa, ngại học dài hạn. Cơ chế tuyển quân, tuyển sinh chưa phù hợp, đầu tư kinh phí chưa thỏa đáng, chính sách ưu tiên chưa đồng bộ cũng là những khó khăn không nhỏ trong xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số.

Thực tiễn quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số trong BĐBP, có thể rút ra vấn đề chủ yếu sau :

1 - Nhận thức đúng đắn, đầy đủ tầm quan trọng và tính cấp thiết của việc xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số trong BĐBP.

Đây là vấn đề có quan hệ tới vấn đề dân tộc và miền núi trong nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng thế trận biên phòng toàn dân, giữ vững độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ ; quan hệ đến vị trí chiến lược cả về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng. Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số là vấn đề có ý nghĩa chiến lược quan trọng cả trước mắt và lâu dài, góp phần thực hiện các mục tiêu và chính sách dân tộc của Đảng. Phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số ở khu vực biên giới không chỉ trực tiếp bổ sung cho đội ngũ cán bộ dân tộc của BĐBP mà còn góp phần trực tiếp tạo ra sức mạnh ở cơ sở trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới, tăng thêm lực lượng cán bộ cho hệ thống chính trị ở các tuyến biên giới.

Trong chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, Đảng ta đã có chính sách toàn diện và cụ thể đối với việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số. Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng trong phần đường lối và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chỉ rõ : "Quan tâm phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới hải đảo, chú trọng vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam". Đường lối của Đảng thể hiện sự quan tâm đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng thời cũng nói lên tính cấp thiết của việc xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số để phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng ở vùng biên giới.

2 - Làm tốt công tác tạo nguồn cơ bản, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số trong BĐBP.

Trước hết phải hiểu nguồn cán bộ dân tộc thiểu số ở khu vực biên giới là những thanh, thiếu niên thuộc các dân tộc thiểu số cư trú ở các xã, huyện biên giới và những cán bộ, chiến sĩ các dân tộc thiểu số đang công tác trong BĐBP. Địa bàn biên giới và đồng bào dân tộc thiểu số cũng

Digitized by Google

như vùng sâu, vùng xa là những khu vực đang còn khó khăn về nhiều mặt ; do đời sống còn nhiều khó khăn đồng bào phải lo làm ăn, lo cuộc sống, ít có thời gian và kinh tế bảo đảm cho việc học hành của con em mình. Nhiều học sinh học xọng tiểu học phải nghỉ học, tình trạng mù chữ, hoặc tái mù chữ ở một số địa phương có xu hướng phát triển trở lại. Một số thanh niên đã tốt nghiệp trung học phổ thông có học lực khá, giỏi lại chỉ muốn vào học các trường mà tương lai sau khi ra trường có thu nhập khá, được công tác ở thị xã, thành phố...

Công tác tạo nguồn cơ bản trong BĐBP bao gồm :

- Tạo nguồn từ quân nhân các dân tộc thiểu số, thông qua các đợt quyển quân hằng năm. Các đồn biên phòng tại vùng dân tộc thiểu số phấn đấu mỗi năm tuyển chọn được 1 - 2 thanh niên dân tộc ít người có triển vọng trở thành cán bộ để đưa nhập ngũ vào BĐBP.

- Tạo nguồn từ học sinh đang học các trường dân tộc nội trú ở các địa phương. Những đối tượng này thường không muốn chọn con đường binh nghiệp, vì vậy phải làm tốt công tác chính sách và công tác tuyên truyền, động viên giáo dục hướng nghiệp, xác định trách nhiệm của người thanh niên với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ biên giới.

- Tạo nguồn từ thanh thiếu niên dân tộc theo diện "đặc cách". Tuyển chọn theo hướng này cần có kinh phí để đào tạo, bồi dưỡng và đó là điều hiện nay chưa được tháo gỡ. Nhưng hướng tạo nguồn này có thuận lợi cơ bản là chúng ta có thể lựa chọn đối tượng theo đúng dân tộc đã xác định, đúng độ tuổi, đúng địa bàn cư trú. Yêu cầu công tác tạo nguồn cơ bản là chọn đúng đối tượng, địa bàn, có phẩm chất đạo đức tốt, yêu mến gắn bó với BĐBP, đủ tiêu chuẩn văn hóa thì gửi đi đào tạo các trường trong và ngoài lực lượng.

Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ là khâu rất quan trọng nhằm biến nguồn đã có thành đội ngũ cán bộ. Xuất phát từ thực trạng chất lượng nguồn cán bộ dân tộc thiểu số như phong tục tập quán, đặc điểm tâm lý, mặt bằng kiến thức... công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số cần có những bước điều chỉnh cho hợp lý. Yêu cầu chung trong quá trình đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số là vừa cố gắng bảo đảm những yêu cầu cơ bản, cần thiết về kiến thức đối với mỗi bậc học, mỗi chuyên ngành đào tạo, vừa phải phù hợp với trình độ, khả năng tiếp thu, nhận thức của người học.

Việc tổ chức các lớp học chung với các đối tượng không cùng trình độ, sử dụng cùng loại tài liệu, giáo án, cùng một phương pháp truyền thụ sẽ gây nhiều khó khăn cho cả thầy và trò. Để khắc phục tình trạng trên, từ năm 1995, BĐBP đã xin chủ trương của trên và tiến hành mở loại hình đào tạo cử tuyển bậc trung học, đại học. Quá trình tổ chức đào tạo đã bố trí biên chế thành các lớp riêng, có chương trình và bài giảng riêng, sử dụng phương pháp giảng đạy, hướng dẫn phương pháp học tập thích hợp. Giáo viên được phân công giảng dạy là những giáo viên có trình độ chuyên môn giỏi, thực tiễn về công tác biên phòng ở các vùng dân tộc thiểu số phong phú, cách trình bày cụ thể, súc tích ngắn gọn, thiết thực gần gũi với địa bàn, quê hương, dân tộc của học viên. Trong 6 khóa đào tạo cử tuyển ở bậc đại học đã có 2 khóa với 92 học viên tốt nghiệp ra trường năm 1999 - 2000, sắp xếp bố trí công tác hợp lý nên đều phát huy tốt.

3 - Đi đôi với công tác đào tạo, bồi dưỡng, việc bố trí sắp xếp đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số phải được quan tâm đúng mức.

Đối với đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số hiện có, cần xây dựng quy hoạch, sắp xếp bố trí hợp lý, đề bạt đúng cương vị kịp thời để họ có điều kiện phát triển. Phân cấp quản lý cán bộ dân tộc thiểu số để các đơn vị có trách nhiệm và điều kiện chăm lo. Người thuộc dân tộc nào nên đưa về công tác ở vùng có dân tộc đó. Song việc

Digitized by Google

này quả là một bài toán khó giải, sẽ phải khắc phục trong nhiều năm tới. Bố trí sắp xếp xen kẽ giữa cán bộ dân tộc thiểu số đặc biệt ít người với cán bộ dân tộc khác, giữa cán bộ cũ với cán bộ mới, giữa cán bộ già với cán bộ trẻ, tạo điều kiện kèm cặp giúp đỡ lẫn nhau, khắc phục được hiện tượng cục bộ khép kín trong nội bộ mỗi đơn vị.

4 - Chính sách đối với cán bộ nói chung và cán bộ dân tộc thiểu số nói riêng phải được các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương quan tâm. Tuy các cấp các ngành đã có nhiều cố gắng trong công tác tạo nguồn đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp bố trí công tác phù hợp, nhưng cơ chế, chính sách chưa được cụ thể hóa, kinh phí đầu tư còn hạn hẹp, chưa tạo được sự chuyển biến đồng bộ trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số của toàn lực lượng.

Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số trong BĐBP có số lượng và cơ cấu hợp lý, chất lượng ngày một nâng lên, là một công tác quan trọng, thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, nằm trong chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ, xây dựng lực lượng BĐBP đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới trong tình hình mới.

Thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước, trước bối cảnh trong nước và quốc tế hiện nay, vấn đề sắc tộc, dân tộc, tôn giáo còn nhiều điểm nổi cộm cần giải quyết từng bước vững chắc. Thấm sâu quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh **"Cán bộ là cái gốc của mọi công việc"**, trong lúc chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ toàn lực lượng, cần chủ động, có tầm nhìn xa, có quy hoạch, kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số. Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) đã nghiêm khắc đánh giá : *"Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ lãnh đạo chưa chủ động xây dựng quy hoạch cán bộ, không tích cực chuẩn bị người kế nhiệm"*.

Khắc phục thiếu sót trên, chúng ta sớm có chiến lược đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số cho các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương ; các cấp cần phải nhận thức đúng đắn vị trí, vai trò của cán bộ dân tộc thiểu số trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và quản lý bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia. Trước mắt cần có các quy chế phối hợp trong công tác tạo nguồn cán bộ dân tộc, tăng kinh phí thích đáng, củng cố nâng cao chất lượng và quy mô đào tạo của các trường dân tộc nội trú, phấn đấu các huyện miền núi có các cụm trường trung học phổ thông để con em dân tộc thiểu số có điều kiện theo học.

Đối với cấp ủy, chính quyền, ban ngành cần coi việc đào tạo nguồn xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số trong BĐBP có quan hệ mật thiết với xây dựng đội ngũ cán bộ cho địa phương mình, động viên con em dân tộc thiểu số người địa phương hăng hái gia nhập và tình nguyện phục vụ lâu dài trong lực lượng vũ trang và BĐBP nói riêng. Đồng thời thường xuyên quan tâm phối hợp giúp đỡ mọi mặt theo khả năng của địa phương mình cho BĐBP để làm tốt công tác tạo nguồn cán bộ dân tộc thiểu số.

Quán triệt đường lối *"Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"*, thấm nhuần các quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác cán bộ, hơn lúc nào hết, BĐBP cần có sự đổi mới toàn diện về nhận thức, phương thức và biện pháp tiến hành, thực hiện các giải pháp đồng bộ, phát huy đầy đủ trách nhiệm của mọi đảng bộ, mọi cấp, mọi ngành xây dựng đội ngũ cán bộ nói chung, đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số nói riêng có số lượng hợp lý, chất lượng ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới quốc gia trước thời kỳ mới. ❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI VỀ CHÍNH TRỊ - NHIỆM VỤ VẺ VANG CỦA HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUÂN SỰ

TRẦN XUÂN TRƯỜNG *

MỘT trong những nguyên tắc cơ bản hàng đầu của xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh là lấy xây dựng chính trị làm cơ sở cho mọi mặt xây dựng khác. Học viện Chính trị quân sự từ khi ra đời đến nay luôn thực hiện nhiệm vụ xây dựng quân đội về chính trị theo chức năng của một nhà trường quân sự. Đó là xây dựng chính trị cho đội ngũ cán bộ trung cao cấp của Đảng, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ chính ủy, chính trị viên của quân đội để các đội ngũ này xây dựng chính trị cho toàn quân.

Học viện Chính trị quân sự ra đời khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đi vào giai đoạn quyết liệt và quyết định. Ngày 25 tháng 10 năm 1951, trong khóa học chính trị đầu tiên cho cán bộ trung, cao cấp của quân đội ta, tại núi rừng Việt Bắc, Bác Hồ đã đến động viên và chỉ thị cho học viên : "Phải học tập chính trị . Quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng lại có hại. Quân đội ta là quân đội nhân dân. Nhân dân có Đảng lãnh đạo, Đảng có chính cương, chính sách. Đã là quân đội nhân dân thì phải học chính sách của Đảng... Học tập chính cương, chính sách của Đảng cho hiểu mà làm cho đúng tức là thực hành chủ nghĩa Mác - Lê-nin... Riêng về các chú, chính trị biểu hiện ra trong lúc đánh giặc. Học chính cương chính sách rồi thì phải thực hiện. Nếu thuộc làu mà không biết đánh giặc thì vô dụng" (1).

Lịch sử 50 năm Học viện Chính trị quân sự chủ yếu là lịch sử dạy và học chính trị, lịch sử nghiên cứu các khoa học chính trị theo chỉ thị trên đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, xây dựng quân đội về chính trị tập trung vào nhiệm vụ giải quyết mâu thuẫn giữa dân tộc với đế quốc Pháp, đến mức gay gắt nhất là chiến tranh. Do hoàn cảnh chính trị thời đó, hình thức dạy và học ở nhà trường chủ yếu bằng những khóa huấn luyện ngắn ngày, lấy nội dung chính là một số chuyên đề về đường lối cách mạng Việt Nam, về cuộc kháng chiến trường kỳ. Thời gian huấn luyện gồm hai giai đoạn : giai đoạn nâng cao nhận thức chính trị và giai đoạn kiểm thảo, tự phê bình và phê bình các tư tưởng và hành động sai trái của từng người. Chủ trương đúng đắn đó đã đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội về chính trị trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, đã dẫn đến một "Điện Biên chấn động địa cầu", giải phóng hoàn toàn một nửa nước.

Trong kháng chiến chống Mỹ, do điều kiện lịch sử mới, nên yêu cầu xây dựng quân đội về chính trị phải cơ bản hơn, sâu sắc hơn. Cách mạng Việt Nam đứng trước một kẻ thù lớn mạnh, trung tâm phản động thế giới, sử dụng chiến lược tổng lực để xâm lược nước ta.

---

* Trung tướng, GS

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 6, tr 318 - 319

Digitized by Google

Cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước vừa có nội dung dân tộc, vừa có nội dung giai cấp và ý nghĩa thời đại hơn bao giờ hết. Chúng ta thực hiện sức mạnh tổng hợp của chiến tranh toàn dân phát triển đến trình độ cao, cuộc đấu tranh giữa hai hệ tư tưởng đối lập phức tạp hơn trước rất nhiều, hàm lượng chính trị trong cuộc chiến tranh ngày càng tăng lên v.v.. Tất cả những điều đó đòi hỏi nội dung xây dựng quân đội về chính trị phải có bước phát triển mới. Lặp lại nội dung và cách làm như thời chống Pháp sẽ không đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

Trong mười năm đầu tương đối hòa bình trên miền Bắc, Học viện Chính trị quân sự đã mở những khóa học bổ túc và đào tạo từ một năm đến ba năm, chuyển lên học các môn học lý luận, lịch sử và đường lối một cách cơ bản, tương đối có hệ thống, quán triệt phương châm "lý luận liên hệ với thực tiễn", kết hợp nâng cao nhận thức tư tưởng với cải tạo tư tưởng bằng những hình thức phù hợp. Trong mười năm sau, suốt thời kỳ cả nước chống Mỹ cứu nước, tuy có điều chỉnh chương trình, theo hướng nhanh gọn đáp ứng kịp thời nhu cầu cán bộ cho việc phát triển quân đội, đáp ứng yêu cầu các chiến trường Nam và Bắc, các nước bạn, nhưng vẫn cố gắng giữ kết cấu nội dung theo hướng cơ bản và có hệ thống. Nội dung và phương pháp giáo dục của Học viện thời chống Mỹ đã trang bị cho đội ngũ cán bộ chỉ huy cũng như đội ngũ chính ủy, chính trị viên quân đội ta vốn tri thức lý luận và chính trị rất cơ bản, đạt tới trình độ thế giới quan phương pháp luận, bản lĩnh chính trị, giúp họ đủ sức tự định hướng và hành động trong những tình huống khó khăn của chiến tranh, góp phần quan trọng vào thắng lợi chống Mỹ cứu nước của quân dân ta. Bên cạnh đó, công tác nghiên cứu khoa học trong Học viện đã thực sự ra đời và có những bước tiến đáng kể . Học viện bắt đầu có tiếng nói trên các diễn đàn khoa học, đóng góp đáng kể trong các sinh hoạt lý luận lớn của đất nước, xây dựng cơ sở lý luận của đường lối chống Mỹ cứu nước, phát triển lý luận về công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang, phê phán chủ nghĩa xét lại hiện đại thế giới, phê phán trào lưu tự do hóa tư sản nảy sinh ở miền Bắc.

Khi cả nước độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội, nhất là trong thời kỳ đổi mới, nội dung xây dựng quân đội về chính trị lại phải phát triển lên một trình độ mới và cao hơn. Trên lĩnh vực xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta đang tìm tòi một con đường, một mô hình mới sau khi mô hình bao cấp cũ đã tỏ ra không hiệu quả ; trong khi đó, lý luận về con đường đó không phải mọi cái đã rõ ràng. Cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng lý luận diễn ra phức tạp. Công cuộc bảo vệ Tổ quốc trong những năm chiến tranh, sự xâm lược và nô dịch bằng những hình thức phi vũ trang diễn ra gay gắt ngay trong điều kiện hòa bình. Tình hình đó đòi hỏi giác ngộ chính trị của quân đội, đặc biệt của đội ngũ cán bộ cao cấp phải vươn lên một trình độ mới. Giai đoạn mới cũng đòi hỏi và cho phép nâng cao mặt bằng học vấn cán bộ quân đội, xuất hiện một cách tất yếu yêu cầu đại học hóa đội ngũ sĩ quan. Nắm bắt và đáp ứng trúng những yêu cầu trên đây, Học viện đã phát triển theo hướng đại học hóa, đã thực sự trở thành một trường đại học mạnh của quân đội và của quốc gia, có thể tiến hành tốt việc đào tạo sau đại học. Trong khi thực hiện đào tạo theo một chương trình đại học xã hội nhân văn quân sự, Học viện không sao nhãng việc nâng cao lập trường quan điểm, phương pháp cách mạng và khoa học của học viên theo yêu cầu

Digitized by Google

mới, trăn trở tìm tòi để quán triệt phương châm lý luận liên hệ với thực tiễn, tinh thần tự phê bình và phê bình trong dạy và học trong một thể thức đại học chính quy. Những năm qua công tác nghiên cứu khoa học phát triển lên một trình độ mới, bám sát hơn đời sống của đất nước và quân đội, triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học gắn liền với tiến trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng ta, với trọng điểm đấu tranh trên mặt trận tư tưởng lý luận, với những nhiệm vụ chính trị mới mẻ của quân đội ta.

* *
*

Học viện Chính trị quân sự là một nhà trường quân đội, nằm trong hệ thống các trường đại học của đất nước, nhưng xét về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động lại rất gần với hệ thống trường Đảng. Có thể rút ra một số kinh nghiệm của Học viện qua 50 năm xây dựng và trưởng thành.

1 - Chương trình, nội dung, hình thức phương pháp huấn luyện giáo dục của Học viện thay đổi tùy theo hoàn cảnh, thời bình hay thời chiến, lớp luân huấn chính trị ngắn ngày hay các khóa đại học và sau đại học về các khoa học xã hội nhân văn quân sự. Dù bất kỳ dưới hình thức nào thì chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử phong trào và đường lối của Đảng, lý luận và thực tiễn công tác đảng, công tác chính trị bao giờ cũng là những nội dung cốt lõi được dạy và học ở Học viện. Học viện luôn tranh thủ mọi điều kiện để trang bị tốt nhất cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về tư tưởng và chính trị của Đảng, những kiến thức không xơ cứng, được đổi mới và phát triển không ngừng đi theo sự phát triển của thực tiễn xã hội và quân đội. Việc trang bị kiến thức, học vấn nhất định phải chuyển hóa thành bản lĩnh chính trị, kỹ năng hoạt động chính trị, làm công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang. Quá trình dạy và học ở Học viện, dù là trong thể thức chính quy, đại học hóa vẫn phải tuân theo quy luật phát triển nhận thức của con người trong mối tương quan biện chứng giữa lý luận và thực tiễn ; thực hiện tự phê bình và phê bình, quy luật phát triển của Đảng trong dạy và học, cũng như trong mọi hoạt động của Học viện.

2 - Để Học viện Chính trị quân sự phát triển bền vững, nhất thiết phải coi trọng hoạt động nghiên cứu khoa học song song với đào tạo giáo dục. Lấy dạy và học để nuôi dưỡng và thúc đẩy nghiên cứu khoa học, lấy thành quả nghiên cứu khoa học bồi dưỡng, nâng cao chất lượng dạy và học. Những vấn đề lý luận và thực tiễn nảy sinh trong dạy và học cũng là những vấn đề của thực tiễn đường lối, cho nên việc huy động khoa học phục vụ dạy học và phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong quân đội về cơ bản là đồng hướng. Quan niệm nhiệm vụ đào tạo giáo dục là chính, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học là phụ, làm được thì tốt còn không thì có thể châm chước là một quan niệm lỗi thời. Học viện với tư cách là trung tâm giáo dục và khoa học cũng giống như một người nếu chỉ đi một chân thì không thể đi nhanh, đi xa, đi vững chắc được.

3 - Mục tiêu đào tạo của Học viện không chỉ "dạy chữ" mà quan trọng là dạy người, dạy làm cán bộ đảng viên ưu tú trong quân đội. Ở Học viện không phải chỉ có quá trình huấn luyện mà còn là quá trình giáo dục, học tập và tu dưỡng rèn luyện nhân cách. Cho nên toàn bộ Học viện từ những ngành trực tiếp huấn luyện giáo dục như các giáo viên, các chủ nhiệm lớp đến các ngành "cận sư phạm" như các cơ quan bảo đảm sinh hoạt và học tập, từ người giám đốc đến nhân viên cấp dưỡng, phục vụ... đều phải thể hiện tính sư

Digitized by Google

phạm phù hợp với chức trách của mình, tạo ra môi trường sư phạm thuận lợi cho phát triển nhân cách học viên. Xây dựng một học viện chính quy, mẫu mực về mọi mặt là điều kiện không thể thiếu để Học viện phát triển toàn diện, có thể tiến lên không ngừng.

4 - Một tổ chức nhà trường được lập ra để đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm công tác xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng của Đảng trong lực lượng vũ trang, Đảng bộ Học viện phải thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Công tác xây dựng Đảng bộ Học viện, bảo đảm cho Học viện đủ sức hoàn thành các nhiệm vụ đào tạo, giáo dục và nghiên cứu khoa học ngày càng nặng nề. Giữ vững và nâng cao không ngừng sức chiến đấu của Đảng bộ, nhất là các đảng bộ cơ sở, đề ra phương hướng xây và chống phù hợp với đặc điểm của từng loại đảng bộ cơ sở, với từng thời kỳ lịch sử của Học viện là nội dung cốt lõi của việc xây dựng Đảng bộ Học viện.

* *
*

Ngày nay, nguyên tắc lấy xây dựng về chính trị làm cơ sở cho mọi mặt xây dựng khác của quân đội càng phải được quán triệt giáo dục đào tạo toàn diện và sâu sắc hơn bao giờ hết. Khi các thế lực thù địch đang tìm mọi cách "phi chính trị hóa" quân đội ; khi hàm lượng chính trị của công cuộc xây dựng đất nước trên mọi lĩnh vực đều tăng lên, không chỉ về số lượng mà cả về độ phức tạp gay gắt ; khi con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một con đường mới khai phá, chưa có tiền lệ trong lịch sử... thì công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, lý luận cho cán bộ, chiến sỹ, quân đội phải được đề cao hơn bao giờ hết.

Công tác hàng đầu của xây dựng quân đội về chính trị là giáo dục giác ngộ chính trị cho cán bộ, chiến sĩ, nhất là cho đội ngũ cán bộ trung cao cấp, là về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong bối cảnh hiện nay, nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho quân đội là công việc không dễ dàng, nhưng vô cùng cần thiết bởi lẽ lý luận và thực tiễn xã hội của chủ nghĩa Việt Nam đang vận động. Dưới ánh sáng Nghị quyết của các Đại hội Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội IX gần đây, nhiều vấn đề đã sáng tỏ nhưng cũng có những vấn đề còn phải chờ thực tiễn và lý luận làm rõ thêm. Trong bất cứ một hiện tượng nào của đời sống xã hội nước ta, bản chất và hiện tượng, mục tiêu và con đường, cái bất biến và cái vạn biến, chiến lược và sách lược, nhân tố dân tộc và nhân tố giai cấp... đều tồn tại đan xen tác động lẫn nhau, đòi hỏi chủ thể nhận thức và hành động cách mạng phải có một trình độ chất lượng mới trong giác ngộ chính trị.

Trước yêu cầu ngày càng cao như vậy, nhiệm vụ của Học viện Chính trị quân sự ngày càng nặng nề hơn, đòi hỏi Học viện có những nỗ lực vượt bậc nhằm đổi mới toàn diện và triệt để hơn nữa mọi mặt công tác, thực sự phát triển theo chiều sâu. Trong tình hình như vậy, con đường tiến lên của Học viện phải tập trung vào yêu cầu hiệu quả và chất lượng cao, kết hợp chặt chẽ giáo dục đào tạo với nghiên cứu khoa học, làm cho quá trình đào tạo thực sự là quá trình tự đào tạo. Học viên tự giác học tập dưới sự hướng dẫn của thầy bằng một nghệ thuật sư phạm đổi mới, nâng cao trình độ kiến thức hoàn thiện nhân cách và bản lĩnh chính trị của mình, xứng đáng là người tiên phong trong việc tăng cường vững chắc chính trị của Đảng trong quân đội nhân dân Việt Nam. ❑

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT KHU VỰC I QUA NHỮNG NĂM ĐỔI MỚI

NGUYỄN PHÁT *

Xí nghiệp liên hợp vận tải đường sắt khu vực I (gọi tắt là XNLH1) được thành lập từ ngày 1-4-1989. XNLH1 là một trong 3 xí nghiệp liên hợp vận tải khu vực của ngành đường sắt, được giao quản lý và khai thác một tài sản quốc gia có quy mô lớn gồm 6 tuyến đường chính với gần 1 600 km chạy qua hơn 630 cầu và 17 đoạn đường hầm từ ga Đồng Hới (Quảng Bình) trở ra với 38 đơn vị thành viên, 162 ga trạm, và hơn 2 vạn CBCNV. Khối lượng vận tải hàng hóa, hành khách và doanh thu hằng năm, cũng như số lượng lao động của XNLH1 luôn chiếm hơn 1/2 toàn ngành ; đồng thời nó cũng gánh chịu phần lớn những khó khăn của ngành. Cụ thể như : chất lượng công trình rất xấu ; trắc dọc tuyến đường đi qua nhiều vùng đồng lầy, chiêm trũng lại do sử dụng lâu năm không được tu sửa cơ bản nên nền đường nhiều đoạn lún, phụt bùn, thiếu đá, tà vẹt vỡ và mục nát ; cầu xung yếu chiếm tỷ trọng cao, nguy cơ xảy ra tai nạn chạy tàu luôn thường trực ; số đoạn đường mà tàu phải chạy chậm tăng lên hàng năm. Thêm vào đó hệ thống thông tin đường dài, thông tin điều độ chạy tàu, thông tin chuyên dụng và hệ thống thiết bị đều đang sử dụng công nghệ cũ lạc hậu, chắp vá. Nhà ga, ke ga, kho, bãi hàng đã xuống cấp nghiêm trọng. Đầu máy hơi nước còn chiếm phần lớn, một số đầu máy TY5E, TY7E có công suất nhỏ, tốc độ thấp, tiêu hao nhiên liệu lớn. Tải trọng thành xe của toa xe và tốc độ thiết kế thấp, 65% toa xe ổ trượt, không quá 40% toa xe hàng có đủ hãm, số toa xe nợ cấp sửa chữa định kỳ còn nhiều. Hệ thống sửa chữa đầu máy toa xe chưa đáp ứng yêu cầu, thiết bị vừa cũ và lạc hậu, lại vừa không đồng bộ. Cơ sở vật chất kỹ thuật đã yếu kém, công tác tổ chức chạy tàu lại không tính đến hiệu quả kinh tế, tỷ lệ tàu đi - đến đúng giờ đạt rất thấp. Thời gian một lần tác nghiệp tăng, kỳ hạn chuyên chở hàng hóa và thời gian quay vòng toa xe kéo dài..., do đó năng suất ngày xe thấp, chất lượng phục vụ hành khách, chủ hàng kém. Cơ chế chính sách đối với người lao động còn nhiều vướng mắc, đời sống CBCNV rất khó khăn...

Bước vào thời kỳ đổi mới, toàn ngành còn bỡ ngỡ trước cơ chế thị trường, cạnh tranh khách và hàng với các phương tiện vận tải khác ngày càng quyết liệt, Đảng ủy và Tổng giám đốc XNLH1 cùng với lãnh đạo Liên hiệp đường sắt Việt Nam trăn trở, suy tính để tìm lối ra cho bài toán cực kỳ khó khăn : làm thế nào để trong điều kiện không thể có ngay tài chính khắc phục những yếu kém về hạ tầng cơ sở mà vẫn tổ chức tốt công tác chạy tàu, khắc phục nhanh những yếu kém trong phục vụ, giảm số lượng và tăng chất lượng lao động, nhưng vẫn đảm bảo đủ việc làm, ổn định đời sống cho CBCNV. Với bản chất giai cấp công nhân và truyền thống cách mạng kiên cường, CBCNV của XNLH1 đã xác định : muốn phát huy được sức mạnh của hơn 2 vạn con người để vượt qua khó khăn, thử thách, thì điều trước tiên là phải có cơ chế phù hợp, phát động được tinh thần làm chủ cụ thể của mỗi cá nhân trên mỗi công đoạn của vận tải đường sắt. XNLH1 còn là một doanh nghiệp nhà nước có đặc thù riêng, không chỉ khai thác đường sắt và thiết bị nhằm mục đích kinh doanh thuần túy

* Tổng giám đốc, Bí thư Đảng ủy Đảng bộ Xí nghiệp liên hợp vận tải đường sắt khu vực I

Digitized by Google

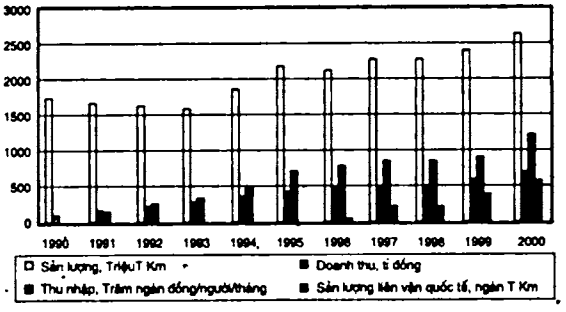
mà còn phải đề cao tính chất phục vụ và đảm bảo quốc phòng và an ninh quốc gia (1).

Tuy sản phẩm chung của toàn ngành tập trung ở khâu vận tải, nhưng nó lại gồm nhiều công đoạn phức tạp, nằm rải rác cách xa nhau... nên vận tải đường sắt đòi hỏi phải có sự phối hợp và tổ chức rất chặt chẽ để bảo đảm an toàn chạy tàu. Một sơ xuất nhỏ cũng có thể gây hậu quả lớn. Không những thế, đường sắt hoạt động trong một không gian mở, các tuyến đường đi qua nhiều địa hình phức tạp, xung yếu, nhiều khu dân cư, nên việc bảo đảm an toàn chạy tàu còn là trách nhiệm chung của toàn xã hội và phụ thuộc nhiều vào các hành vi ứng xử của công chúng nơi tàu chạy qua.

Trước thực tế ấy, lãnh đạo XNLH1 đã đề ra nhiều chủ trương quan trọng, như : tổ chức lại sản xuất ; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm ; tăng cường sửa chữa, mua sắm bổ sung trang thiết bị, đặc biệt là ưu tiên cho đầu máy toa xe. Xây dựng nhà ga, đoàn tàu, các cung cầu đường, thông tin tín hiệu, đội trạm "chính quy - văn hóa - an toàn". Từng bước xây dựng các nhà ga nằm trên địa bàn các thành phố, thị xã, thị trấn thành các trung tâm văn hóa, dịch vụ, thương mại. Mở rộng các loại hình sản xuất kinh doanh vận tải và quan hệ hợp tác quốc tế. Áp dụng cơ chế khoán sản phẩm - công đoạn. Đổi mới công tác giao kế hoạch và quản lý, điều hành sản xuất và phân phối theo nguyên tắc : không để một tổ chức, một cá nhân nào có quyền mà không chịu trách nhiệm, hưởng quyền lợi mà không làm nghĩa vụ ; không để một nhà ga, một đoàn tàu, một đầu máy, toa xe, một mét cầu, thanh ray nào không có người làm chủ cụ thể...

Mặc dầu tư duy mới thắng tư duy cũ là cả một quá trình đấu tranh bền bỉ, kiên trì, thậm chí chấp nhận có mất mát hy sinh về lợi ích cá nhân hay tập thể ở đâu đó, nhưng kết quả cuối cùng đã chứng minh con đường đổi mới vừa qua của ngành đường sắt nói chung và của XNLH1 nói riêng là đúng đắn. Kết quả cụ thể như sau :

1 - Các chỉ tiêu cơ bản, như sản lượng vận tải (tấn km tính đổi), doanh thu từ năm 1989 đến nay XNLH1 luôn đạt khá, năm sau cao hơn năm trước. Năm 2000 sản lượng vận tải tăng gấp hơn 1,5 lần so với năm 1990, mặc dù chỉ tiêu này phụ thuộc nhiều vào nhu cầu luân chuyển hàng hóa của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Mức tăng nhanh nhất là doanh thu, năm 2000 đạt 729 tỉ đồng so với 88,7 tỉ năm 1990 (xem biểu đồ).



Biểu đồ : Kết quả sản xuất kinh doanh và thu nhập cá nhân của XNLH1

XNLH1 góp phần xứng đáng vào việc rút ngắn hành trình chạy tàu khách Thống Nhất từ 58h xuống 32h (từ 19-5-1999) tiến tới sẽ còn 30h, tàu hàng Bắc - Nam xuống 52h. Trong phạm vi của XNLH1, nhiều tuyến đường từ chỗ chạy tốc độ dưới 30km/h nay hầu hết đã được nâng lên 60 - 70km/h. Tàu khách tuyến Hà Nội - Vinh giảm từ 9 - 10h xuống còn 6h30', Hà Nội - Hải Phòng từ 4 - 5h nay còn 1h50'...

Đặc biệt là từ đầu năm 1996, XNLH1 đã tham gia chạy tàu khách, tàu hàng liên vận quốc tế Hà Nội - Bắc Kinh và Hà Nội - Côn Minh (Trung Quốc). Trong thời gian ngắn sản lượng liên vận quốc tế tăng rất nhanh, từ 47,5 ngàn tấn km tính đổi (năm 1996) lên 613,5 ngàn tấn km (năm 2000). Riêng 6 tháng đầu năm 2001 đã đạt 315,2 ngàn tấn km. Liên vận quốc tế đang mở ra hướng phát triển đầy khả quan cho toàn ngành đường sắt.

2 - Đổi mới căn bản hệ thống đầu máy, toa xe, loại bỏ hoàn toàn các đầu máy chạy bằng hơi

(1) Có tuyến XNLH1 phải rải người bảo quản, bảo trì, nhưng khai thác rất ít, như Kép - Lưu Xá, Hà Nội - Thái Nguyên

Digitized by Google

nước. Số đầu máy có công suất lớn, hiện đại được tăng cường góp phần cải thiện đáng kể năng lực vận tải chung của toàn ngành. Các cơ sở sửa chữa được xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, áp dụng công nghệ mới và công nghệ sạch đủ sức sửa chữa các đầu máy nhập từ Tiệp, Bỉ và Trung Quốc... Mở rộng nhà xưởng, đầu tư thêm máy móc thiết bị, dụng cụ sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến quy trình công nghệ và sản xuất phụ tùng, toa xe. Hiện nay, toa xe thế hệ II đã được đưa vào sử dụng để thay thế dần các loại toa xe cũ kém chất lượng. Tỷ trọng toa xe ổ bi chiếm 90% đối với toa khách, 60% đối với toa hàng (trước khi đổi mới là 55% và 40%). Nhiều toa xe chất lượng tốt, tiện nghi, có máy điều hòa không khí, hệ thống phụ tải điện 220V, phục vụ các suất ăn tươi chế biến sẵn..., nhiều toa xe chuyên dùng để vận chuyển hàng hóa đặc chủng, hàng siêu trường, siêu trọng được đưa vào vận hành. Hiện nay, 100% số toa xe có đủ hãm, trong đó 90% đạt chất lượng cao.

3 - Đổi mới công nghệ duy tu sửa chữa đường sắt. Có đầu máy và toa xe tốt mà đường xấu, thì không thể tăng tốc độ và bảo đảm an toàn chạy tàu. Nếu trước đổi mới công đoạn này thực hiện chủ yếu bằng công cụ cầm tay, thô sơ, năng suất và chất lượng thấp, thì nay các xí nghiệp thuộc XNLH1 đều đã đưa cơ giới vào duy tu, sửa chữa như : sàng đá, dồn ray, kích nâng mặt đường bôi trơn chống mòn... Nhờ đó, tốc độ tàu trên các tuyến đã được nâng lên đáng kể. Việc đưa vào sử dụng máy kiểm tra kỹ thuật cầu đường, thành lập đội chuyên duy tu sửa chữa cầu với các trang bị máy móc gọn nhẹ, tính cơ động cao đã nâng cao độ chính xác, phát hiện và khắc phục nhanh các sự cố bảo đảm an toàn chạy tàu.

4 - Hệ thống thông tin, tín hiệu đã được đổi mới và nâng cấp đồng bộ, đưa công nghệ hiện đại vào công việc thông tin và quản lý. Tất cả các ga đã đưa vào sử dụng tổng đài điện tử số, lập đường truyền PAX trên mạng thông tin đường sắt và thông tin giữa đoàn tàu với mặt đất. Hoàn thành xây dựng tín hiệu bán tự động từ Hà Nội đến Đồng Hới, hệ thống đóng đường tự động, bảo đảm an toàn chạy tàu và tăng năng lực thông qua tất cả các tuyến đường. Đến nay, máy vi tính đã được trang bị khá đầy đủ cho các bộ phận để quản lý lao động, tiền lương, hồ sơ kỹ thuật, thống kê sản lượng vận tải, quản lý tài chính vật tư, bán vé, kiểm đếm toa xe, điều hành vận tải... Gần đây, hệ thống đặt chỗ, bán vé tự động đã được đưa vào sử dụng cho tuyến đường sắt Thống Nhất.

Những kết quả bước đầu dù còn rất khiêm tốn so với trình độ vận tải đường sắt của thế giới và các nước trong khu vực, nhưng so với trước khi đổi mới là sự cố gắng lớn, đáng khích lệ và đã tạo được một nền móng rất căn bản để ngành và XNLH1 cùng với cả nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Mục tiêu phấn đấu cho giai đoạn 2001 - 2005 của XNLH1 là tiếp tục nâng cao vị thế của ngành đường sắt trên thị trường bằng nhiều giải pháp hữu hiệu, như giảm thời gian quay vòng toa xe ; cơ giới hóa công đoạn xếp dỡ ; xây dựng biểu đồ chạy tàu hàng ; phát triển các phương thức vận tải hàng từ kho đến kho và hành khách từ nhà đến nhà ; hiện đại hóa các trang thiết bị trên tàu và dưới ga, biến ga trở thành trung tâm văn hóa, du lịch, thương mại ; đa dạng hóa sản phẩm vận tải và dịch vụ, sử dụng tối đa lợi thế so sánh của đường sắt để mở rộng thị phần...

Nhìn lại chặng đường đổi mới, chúng tôi thấy có thể rút ra mấy vấn đề cốt yếu như sau :

Một là, trong cơ chế thị trường toàn ngành đường sắt đã tạo được bước ngoặt về tư duy, nhận thức đặc biệt là thống nhất quan điểm coi *"hành khách và chủ hàng là ân nhân"*. Hành khách và chủ hàng đến với đường sắt đều được coi là có đóng góp xây dựng ngành phát triển, là ân nhân của ngành, do đó ngành đường sắt cũng phải có bổn phận và lương tâm phục vụ thật tốt. Phong trào xây dựng nhà ga, khu ga và đoàn tàu chính quy - văn hóa - an toàn được CBCNV ủng hộ. Nhiều nhà ga đã có bài trí hài hòa, thoáng mát, sạch sẽ như một công viên nhỏ. Với quan

Digitized by Google

điểm ấy, XNLH1 đã chủ động tiếp thị, quảng cáo, tích cực cạnh tranh với các phương tiện giao thông, vận tải khác, từng bước mở rộng thị phần vận tải. Từ nhận thức rõ đặc thù của đường sắt là vận tải theo tuyến, phần lớn chỉ phục vụ từ ga đến ga, nhưng nhu cầu của chủ hàng lại thường muốn làm dịch vụ vận tải cả gói, XNLH1 đã tìm cách vươn ra làm dịch vụ vận tải đa phương tiện, nhất là ở hai đầu tuyến đường sắt, cố gắng vươn ra vận tải từ kho đến kho tạo điều kiện thuận lợi cho chủ hàng. Ngoài ra, XNLH1 còn vận trù chính xác để tổ chức tốt các đợt vận tải cao điểm, như các ngày lễ lớn, tết, du lịch hè, học sinh đi thi..., xây dựng chính sách giảm giá cước vận tải hợp lý cho các đối tượng làm cho hành khách cảm thấy thuận lợi, thoải mái khi lựa chọn đi tàu.

Hai là, coi toàn ngành đường sắt là *"một đại gia đình".* Điều đó xuất phát từ đặc thù của ngành đường sắt, mặc dù có nhiều khâu, công đoạn rất khác nhau, nhưng sản phẩm chung là kết quả vận tải. Một công nhân bẻ ghi hay gác chắn đường ngang để sơ suất, một thợ lái tàu bỏ qua một khâu nhỏ của quy trình là có thể gây hậu quả khôn lường về an toàn chạy tàu. Do đó, khái niệm đại gia đình ở đây là sự thể hiện một kỷ luật nghiêm minh và một sự gắn bó mật thiết giữa các gia đình nhỏ và giữa các thành viên trong đại gia đình ấy. Nó thể hiện một phương thức lao động có tính phối hợp tập thể cao và tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình, quy tắc ở mọi khâu, mọi công đoạn. Không thể một khâu hay một bộ phận nào đó chạy theo doanh thu mà không có phối hợp ăn khớp với các khâu còn lại. Với đặc thù sản xuất ấy, cơ chế khoán sản phẩm - công đoạn đã ra đời và đem lại tác dụng tốt, làm cho mọi CBCNV thấy được lợi ích thiết thân của việc nỗ lực nâng cao hiệu quả công tác. Song, mọi sản phẩm - công đoạn lại nằm trong một chỉnh thể thống nhất và được thể hiện bằng một thước đo chung là an toàn chạy tàu. Mỗi km chạy tàu an toàn, mỗi đồng doanh thu là sản phẩm của tất cả các công đoạn, các bộ phận... Do đó, toàn ngành đường phải là một gia đình, toàn ngành cùng làm vận tải, toàn ngành hỗ trợ cho cơ sở hạ tầng. XNLH1 đã tìm ra phương thức chỉ huy cho phù hợp với tính đặc thù, vừa đảm bảo thống nhất từ trên xuống dưới, vừa phát huy được tính năng động sáng tạo của cơ sở. Văn bản 1027 của XNLH1 là một cách quản lý mới, quy định tất cả các kiến nghị, yêu cầu từ dưới lên hay trên xuống thuộc bộ phận nào thì tổng giám đốc giao cho bộ phận đó tối đa trong 5 ngày phải giải quyết. Nếu để quá hạn, tùy theo mức độ tác hại mà quy trách nhiệm, trừ điểm thi đua và trừ quĩ tiền lương tháng của bộ phận đó.

Ba là, coi công tác xây dựng Đảng là động lực nội tại thúc đẩy sản xuất phát triển. Thực chất của công tác xây dựng Đảng là xây dựng con người. Muốn có một đại gia đình đoàn kết, nhất trí trước hết phải giáo dục nhận thức tư tưởng, ý thức chấp hành kỷ luật lao động cho CBCNV. Và con đường tốt nhất là làm tốt công tác xây dựng Đảng. Trong những năm đổi mới, số đảng viên kết nạp mới của XNLH1 tăng nhanh, nếu năm 1989 chỉ kết nạp được 44 đảng viên, thì năm 2000 đã kết nạp 274 đảng viên, riêng nhiệm kỳ 1996 - 2000 đã kết nạp 1323 đảng viên. Đến nay, Đảng bộ XNLN1 có 4 900 đảng viên (chiếm 24,3% CBCNV), sinh hoạt tại 38 cơ sở đảng. Mặc dù môi trường làm việc phân tán theo mạng đường sắt, có đảng viên sống cách xa nơi sinh hoạt chi bộ hàng trăm km, nhưng chi bộ nào cũng sinh hoạt đều từ ngày 1 đến 10 hàng tháng, nội dung sinh hoạt gắn với việc thực hiện mục tiêu : *"An toàn, tăng trưởng, chất lượng, hiệu quả và tiết kiệm"* phù hợp với đặc điểm của từng tổ đảng, từng chi bộ.

Nhiệm kỳ 1996 - 2000 đã có 97,5% đảng viên và 88,3% CBCNV ngoài Đảng được học tập, quán triệt các nghị quyết của Đảng, 100% cán bộ chủ chốt, 99,8% đảng viên được tiến hành tự phê bình và phê bình theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII.

Vai trò động lực nội tại của công tác xây dựng Đảng còn thể hiện ở chỗ tất cả các đảng viên và tổ chức đảng luôn bám sát các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên để tìm biện pháp thực hiện cho thích hợp và đạt hiệu quả cao nhất. Làm tốt công tác xây dựng Đảng còn tạo được

Digitized by Google

nền nếp sinh hoạt dân chủ thông qua việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy chế, nội quy ngành và đơn vị đã được thông qua tại đại hội CBCNV. Điều quan trọng hơn nữa phải kể đến là thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã góp phần tăng cường khối đoàn kết, nhất trí, giảm hẳn những bất đồng và đơn thư khiếu kiện vượt cấp. Nhờ cầu nối này, nên cấp trên thường xuyên sâu sát cơ sở để có chủ trương đúng đắn, kịp thời ; cấp dưới và người lao động có môi trường tốt để phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Trong những năm đổi mới, toàn XNLH1 đã có trên 4 313 sáng kiến, làm lợi 11 tỉ 614 triệu đồng, hàng trăm đề tài nghiên cứu đã được kịp thời ứng dụng cho sản xuất và quản lý, 83 lượt CBCNV đạt danh hiệu Lao động sáng tạo.

Toàn ngành đường sắt và XNLH1 đã cụ thể hóa nội dung nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng bằng cơ chế *Đảng lãnh đạo, chuyên môn quản lý, CBCNV làm chủ.* Những vấn đề lớn đều được bàn bạc kỹ lưỡng trước khi ra quyết định. Khi đã có Nghị quyết thì mọi người phải quyết tâm thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao nhất. Nghị quyết của Đảng, kế hoạch sản xuất kinh doanh của chuyên môn và hoạt động của các đoàn thể phải xuất phát từ mục tiêu sản xuất, vận tải và mang lại lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động. Thực tế cho thấy, cách làm đó đã thực sự tạo được động lực thúc đẩy người lao động nêu cao tinh thần trách nhiệm cá nhân, chủ động, sáng tạo và ý thức yêu ngành, yêu nghề, đoàn kết, gắn bó với đơn vị, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Bốn là, phải thực sự quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. So với trước khi đổi mới, thu nhập và đời sống của CBCNV thuộc XNLH1 đã được cải thiện một cách căn bản. Lương bình quân tháng toàn XNLH1 năm 1989 chỉ có 53 500 đồng, năm 2000 đã đạt được 1 226 000 đồng, tăng gấp 23 lần. Thực tế cho thấy ngoài không khí làm việc thoải mái, dân chủ, chan hòa tình người, thì thu nhập cũng là chất keo thu phục nhân tâm và gắn bó người lao động với ngành. XNLH1 luôn quan tâm chăm lo, bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động, như bảo đảm việc làm, mở rộng các dịch vụ ngoài sản xuất chính, tuần làm việc 40h, đầu tư xây dựng các công trình điện, nước sạch, vệ sinh môi trường ở những nơi có khó khăn. .. Riêng năm 2000 XNLH1 đã xét trợ cấp trên 507 triệu đồng cho 7 650 CBCNV gặp khó khăn, các gia đình chính sách, bà mẹ Việt Nam anh hùng, học sinh nghèo vượt khó... Tất cả những biện pháp thiết thực, hợp lòng người đã góp thêm sức lực cho XNLH1 vượt qua khó khăn, khắc phục những hạn chế, tồn tại để phấn đấu đi lên trong thời gian tới.

Trước hai thách thức lớn là cạnh tranh với các phương tiện vận tải khác trong nước và cạnh tranh quốc tế, hội nhập với mạng đường sắt trong khối ASEAN, ngành đường sắt nói chung và XNLH1 nói riêng còn phải tiếp tục phấn đấu nhiều hơn nữa. Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ : "Tiếp tục nâng cấp tuyến đường sắt Thống Nhất, tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Lạng Sơn, bảo đảm an toàn chạy tàu"(2).

Để tạo điều kiện cho ngành đường sắt thực hiện thành công mục tiêu chiến lược ấy, đề nghị Nhà nước quan tâm hơn nữa đến cơ sở hạ tầng. Các cơ quan chức năng phối hợp với ngành đường sắt xử lý dứt điểm những vấn đề tồn đọng như hành lang an toàn đường sắt, hạn chế tối đa các đường dân sinh cắt ngang, đầu tư nâng cấp đi đôi với việc tăng cường các cầu vượt giao cắt lập thể với đường sắt, xây dựng rào chắn các khu dân cư, cấm nghiêm ngặt việc mở tùy tiện đường ngang... Luật đường sắt Việt Nam nếu sớm được Quốc hội thông qua sẽ tạo hành lang pháp lý cho ngành khi xử lý các vi phạm ảnh hưởng tiêu cực đến an toàn chạy tàu. Do đặc thù của ngành, trước mắt cũng như lâu dài không thể tách quản lý hạ tầng khỏi sản xuất kinh doanh khai thác vận tải, vì đây là ngành kinh tế - kỹ thuật đòi hỏi kỷ luật cao, sự phối hợp thống nhất. Sắp tới nên trở lại mô hình Tổng cục đường sắt quản lý các xí nghiệp thành viên, hoặc mô hình tập đoàn đường sắt quản lý các công ty con. ❑

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 291*

Digitized by Google

Để thực thi một nghị quyết chiến lược

NGUYÊN THÀNH *

KỲ họp thứ 8, Quốc hội khóa X (11-2000), đã thông qua Nghị quyết về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đây là một Nghị quyết mang tính chiến lược đối với sự nghiệp giáo dục. Tại kỳ họp, nhiều đoàn đại biểu Quốc hội đều khẳng định tính cấp thiết của việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, nhưng hoài nghi về tính khả thi của Đề án do Chính phủ trình. Những kinh nghiệm trong các lần cải cách, thể nghiệm giáo dục đã buộc Quốc hội phải thận trọng. Nhiều đại biểu cho rằng, bây giờ không phải là cải cách, mà là một *cuộc cách mạng trong giáo dục* và chúng ta *sẵn sàng đầu tư để cuộc cách mạng đó thành công*, thậm chí, nếu phải bội chi ngân sách, *thì việc bội chi đó chỉ nên dùng cho giáo dục.*

Với mục tiêu lớn nhằm : *nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện thế hệ trẻ, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phù hợp với thực tiễn và truyền thống Việt Nam, tiếp cận trình độ giáo dục phổ thông ở các nước phát triển trong khu vực và thế giới,* Nghị quyết của Quốc hội yêu cầu phải xây dựng hoàn chỉnh nội dung chương trình, phương pháp giáo dục, sách giáo khoa phổ thông mới. Việc xây dựng mới này *phải được thực hiện đồng bộ với nâng cấp và đổi mới trang thiết bị dạy học, tổ chức đánh giá, thi cử, chuẩn hóa trường sở, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và công tác quản lý giáo dục.* Để đáp ứng các yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, Chính phủ đã nêu 5 nguyên tắc : quán triệt mục tiêu giáo dục ; đảm bảo tính khoa học và sư phạm ; đảm bảo tính thống nhất ; đáp ứng yêu cầu phát triển ; đảm bảo tính khả thi. Quốc hội thống nhất các nguyên tắc này, đồng thời yêu cầu phải xây dựng được một chương trình tối ưu đáp ứng mục tiêu giáo dục mà Luật Giáo dục đã quy định. Tính tối ưu ở đây bao gồm một *chương trình chuẩn* và một *chuẩn kiến thức*, nghĩa là kiến thức tối thiểu mà mọi học sinh ở các vùng kinh tế - xã hội khác nhau đều có thể đạt được. Trên cơ sở *chuẩn kiến thức* để xác định việc áp dụng chương trình, biên soạn sách giáo khoa phù hợp, phải xác định nội dung nâng cao cho những học sinh có năng lực phát triển.

Trong 5 nguyên tắc quan trọng này, nguyên tắc được lưu ý nhất là tính khả thi của chương trình. Theo Nghị quyết, việc xây dựng chương trình, biên soạn sách giáo khoa, triển khai thí điểm... phải làm khẩn trương, để lần lượt triển khai đại trà bắt đầu ở lớp 1 và lớp 6 từ năm học 2002 - 2003, ở lớp 10 từ năm học 2004 - 2005 ; đến năm học 2006 - 2007 tất cả các lớp cuối cấp đều thực hiện chương trình và sách giáo khoa mới, hoàn tất việc triển khai dạy và học theo chương trình và sách giáo khoa mới ở tất cả các cấp học, bậc học phổ thông.

Theo chương trình mới, các lớp 1, 2, 3 chỉ học 6 môn bắt buộc, lớp 4, 5 học 9 môn. Các bậc học này tuy vẫn phải bảo đảm yêu cầu giáo dục toàn diện nhưng tập trung chủ yếu vào các môn Tiếng Việt và Toán. Học sinh bậc trung học cơ sở sẽ học 10 môn, nhưng mỗi tuần có thêm 4 tiết học theo chủ đề tự chọn thuộc các môn : Toán, Tin, Ngữ văn, Âm nhạc, Ngoại ngữ, Mỹ thuật... Ngoài ra, còn thêm sách, tài liệu mới về sinh hoạt hướng nghiệp, hoạt động ngoài giờ, hướng dẫn thí nghiệm thực hành. Ở bậc trung học phổ thông sẽ thực hiện chương trình phân ban mới, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - nhân văn, bắt đầu phân ban từ lớp 10. Sự chênh lệch giữa chương trình phân ban và cả hai ban đều học chung một chương trình thống nhất. Học sinh được học đủ 13 môn, trong đó có 7 môn học chung. Chương trình còn

* TS. Văn phòng Quốc hội

Digitized by Google

chủ trương *tăng thời lượng dạy học và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông*, trước hết là ở tiểu học và trung học cơ sở, tăng từ 33 tuần thực học lên 35 tuần và mong muốn *đến năm 2010, số đông học sinh được học tập và sinh hoạt 2 buổi/ngày ở nhà trường (kể cả trung học cơ sở và trung học phổ thông).*

Đổi mới chương trình phải gắn liền với đổi mới sách giáo khoa. Từ những năm trước, ngành giáo dục - đào tạo đã xây dựng quy trình soạn thảo sách giáo khoa gồm ba bước, tập hợp một đội ngũ các nhà khoa học, nhà giáo có uy tín để tham gia biên soạn, thẩm định chương trình và sách giáo khoa, nhưng kết quả vẫn đang gây ra nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí trái ngược nhau, dù rằng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nghiệm thu và quyết định đưa chương trình này vào giảng dạy.

Thực hiện đổi mới chương trình sách giáo khoa và tăng thời lượng học sẽ được triển khai trong lúc cả nước còn thiếu gần 100 000 giáo viên, trong đó ở 31 tỉnh thuộc vùng khó khăn là 55 000 người. Tỷ lệ giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ đào tạo còn cao, riêng ở tiểu học là gần 23%. Cả nước thiếu 8 000 phòng học, nhiều nơi còn phải học ca ba. Chỉ có 3 tỉnh đạt 100% số trường có trang thiết bị dạy học đủ để thực hiện được trên 50% số giờ thực hành theo quy định. Để thực hiện dạy 2 buổi/ngày và 1 lớp học/1 phòng cần phải có 483 116 phòng học. Vì thế, chúng ta phải xây dựng thêm số phòng mới, nhiều hơn tất cả tổng số phòng học hiện có (cả các phòng học tạm cần phải xây dựng lại), là 249 826 phòng. Theo kế hoạch của ngành giáo dục - đào tạo, từ 2001 - 2005 chỉ xây dựng được 59 148 phòng học mới để thanh toán lớp học 3 ca và thanh toán phòng học tạm thời, 50 000 phòng học để 1/2 số lớp tiểu học được học 2 buổi/ngày và nâng cấp 50 000 phòng. Còn hàng trăm ngàn phòng học phải xây mới thì đành để sau năm 2005. Về kinh phí, kế hoạch 5 năm ghi tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản của ngành là 15 450 tỉ đồng, trong đó trang bị cho đồ dùng dạy học là 1 011,5 tỉ đồng. Theo tính toán, số đầu tư này chưa thể đáp ứng được việc thực hiện trọn vẹn chương trình vào năm học 2006 - 2007.

Nhìn thẳng vào thực tế nêu trên, chúng ta mới có thể xây dựng kế hoạch chuẩn bị điều kiện để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông một cách có hiệu quả. Chính phủ đã đề ra các biện pháp nhằm xây dựng đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, tăng thời lượng dạy và học, chuẩn bị kinh phí, kế hoạch phối hợp của các ngành... Nhưng các giải pháp này vẫn mang tính vĩ mô và khi so với khối lượng công việc phải làm, chúng còn thiếu tính cụ thể. Theo chúng tôi, trong kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, của ngành giáo dục - đào tạo những năm tới, cần thiết phải có thêm các biện pháp sau :

Một là : Qua tổng kết tình hình giáo dục từ 1980 đến nay (thời điểm tiến hành cải cách giáo dục), cần thống kê tất cả những nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục bất cập, lạc hậu để loại bỏ. Ví dụ, những nội dung bị coi là đại học hóa phổ thông, những phương pháp bắt học sinh học vẹt, mẫu chữ viết phản thẩm mỹ và trái tự nhiên, chương trình quá tải so với tâm lý lứa tuổi... Những thay đổi lớn phải trình Quốc hội xem xét, như thay đổi hình thức mẫu tự, nội dung dạy thêm trong nhà trường hoặc ngoài nhà trường...

Hai là : Trình kế hoạch cụ thể khi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho từng năm học : xây mới, nâng cấp bao nhiêu phòng học, trang bị đồ dùng dạy học gồm những loại gì, kinh phí cụ thể bao nhiêu, để Ủy ban Văn hóa - giáo dục thanh thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội xem xét, giám sát và kiến nghị phân bổ ngân sách năm.

Ba là : Xây dựng bộ sách giáo khoa thống nhất theo môn học, từ lớp 1 đến lớp 12, bảo đảm tính khoa học, hệ thống, có trình tự từ thấp đến cao, và tính chuyển tiếp của chương trình. Các bộ sách này nên xin ý kiến rộng rãi của các nhà khoa học, các nhà giáo, nhà văn, nhà báo... sau khi soạn thảo để chỉnh lý.

Bốn là : Kế hoạch xây dựng đội ngũ giáo viên đủ, đồng bộ, có năng lực sư phạm, có đạo đức... cũng phải cụ thể. Thí dụ : đào tạo bao nhiêu, phân công công tác thế nào, ưu đãi đối với giáo viên vùng khó khăn ra sao, nâng cao và đào tạo lại theo hướng nào...

Năm là : Chủ trương xã hội hóa giáo dục phải cụ thể về đối tượng, hình thức, mức độ tham gia, tránh chung chung như những năm qua. ❑

Digitized by Google

CHẾT MAU, CHẾT LÂU

MAI NINH

CÂU chuyện được nêu lên tại một cuộc hội thảo về "phát triển kinh tế thủy sản".

Ở vùng biển X., người ta thấy cái nguy cơ lớn là nguồn thủy sản ngày càng cạn kiệt nhưng các phương tiện đánh bắt lại gia tăng rất nhanh. Ví như trước cứ một cá thì có một thuyền thì nay một cá có hai, ba thuyền, mà thuyền lại lớn hơn. Thành ra có sự cạnh tranh gay gắt trong việc "bóc lột" biển.

Một nhà khoa học bảo rằng, ở nước nào cũng vậy, để bảo vệ nguồn thủy sản, người ta dùng nhiều biện pháp khác nhau. Thấp thì cấm đánh bắt vào mùa cá đẻ, cấm đánh bắt cá con. Cao hơn thì cấm khai thác một số loài có nguy cơ diệt chủng. Cao hơn nữa thì đóng cửa biển, cấm khai thác ở những khu vực nhất định trong một thời gian nhất định. Nhưng ở nước ta thì dễ dàng quá, tự do quá !

Một ý kiến khác nói : Không phải vậy. Ta cũng đã có nhiều quy định để bảo vệ nguồn hải sản, như cấm dùng mìn đánh cá, không cho dùng lưới mắt quá dày,...

Một nhà quản lý phân trần : Đúng là có những quy định như vậy, nhưng ở nhiều nơi dân không theo. Ta bảo làm mắt lưới thưa ra để chỉ bắt cá lớn, đồng bào lại cứ làm dày vào để vơ vét bằng hết. Ta nói dân trí thấp quá, chỉ thấy cái lợi gần mà không biết cái hại xa. Dân đáp lại, chúng tôi biết cả đấy, cứ cào quét thế này thì có ngày biển kiệt, chết thẳng cẳng. Dầu sao, đó vẫn là cái chết xa, chết lâu. Còn bây giờ, không cào quét không thể sống được, đấy là cái chết gần, chết mau !

Lập luận này cũng được nghe thấy ở khu vực rừng. Theo lối du canh, để làm nương rẫy, đồng bào thường đốt phá hết cánh rừng này đến cánh rừng khác. Cây to cây nhỏ đều chặt sạch. Rừng trồng không đủ bù đắp rừng bị phá. Nói phải trái với nhau, đồng bào cũng nhận ra. Mình phá rừng, rừng hết rồi mình cũng chết, nhưng còn lâu mới chết. Còn không đốt phá rừng để làm nương rẫy thì cái bụng đói, đói thì chết ngay.

Lẽ thường, giữa cái sống và cái chết, ai dại gì đi chọn cái chết. Giữa cái chết mau và cái chết lâu, ai dại gì đi chọn cái chết mau. Nhưng đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý, vấn đề không phải ở chỗ đó. Vấn đề là tìm ra giải pháp để bà con không chết lâu mà cũng không chết mau. Quan niệm về nghề biển và nghề rừng phải được thay đổi. Nghề biển không chỉ có việc đánh bắt. Nghề rừng cũng không chỉ có việc khai thác. Nghề biển phải được hiểu một cách toàn diện hơn, bao gồm cả đánh bắt và nuôi trồng, khai thác và chế biến... Trong khai thác cũng phải phân biệt vùng gần bờ và vùng xa bờ. Nếu một bộ phận ngư dân được chuyển từ nghề đánh bắt sang nghề nuôi trồng và chế biến, từ đánh bắt trong lộng sang đánh bắt ngoài khơi thì cái áp lực đối với cuộc sống người dân và vùng gần bờ sẽ giảm đi rất nhiều. Nghề rừng cũng phải được hiểu là bao gồm cả việc trồng rừng, giữ rừng và bồi dưỡng vốn rừng. Nếu giữ rừng và trồng rừng, làm ruộng nước và làm vườn rừng mà lại được no hơn đốt rừng làm rẫy thì người ta sẽ không đốt rừng nữa.

Nhận thức đúng thì sẽ có chủ trương đúng. Chủ trương đúng sẽ có chính sách đúng. Mà chính sách đúng thì lo gì dân không theo. Chẳng phải là đã có ngày càng nhiều những mô hình tốt trong nghề rừng và nghề biển đó sao ! ❑

Digitized by Google

NHỮNG CHUYỂN ĐỘNG MỚI TRONG PHONG TRÀO CỘNG SẢN, CÔNG NHÂN QUỐC TẾ

LƯU VĂN AN * NGUYỄN HOÀNG **

Ở thập niên "bản lề" giữa hai thế kỷ, phong trào cộng sản, công nhân quốc tế đã trải qua những bước vận động thăng trầm, phức tạp nhất trong lịch sử phát triển của mình. Với biến cố chính trị dữ dội do sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô, phong trào cộng sản, công nhân quốc tế (PTCSCNQT) rơi vào khủng hoảng, CNXH tạm thời lâm vào thoái trào. Tuy nhiên, nhờ những nỗ lực vượt bậc của các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới trong suốt mười năm qua, phong trào đã từng bước hồi phục cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và ngày càng có những chuyển động tích cực, chứng tỏ sức sống mãnh liệt của một phong trào hiện thực được nuôi dưỡng không chỉ bằng lý tưởng - niềm tin khoa học mà còn bằng cả một cơ sở nền tảng xã hội - giai cấp sâu rộng. Xét trên mọi góc độ, PTCSCNQT vẫn là một lực lượng chính trị có ý nghĩa quyết định xu thế phát triển của thời đại ngày nay - thời đại quá độ từ CNTB lên CNXH, được mở đầu bằng cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại.

Hiện nay, số lượng đảng viên của các đảng cộng sản, công nhân trên thế giới là 75 triệu người. Trong đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc có 64 triệu, Đảng Lao động Triều Tiên : 4 triệu, Đảng Cộng sản Việt Nam : 2,4 triệu, Đảng Cộng sản Ấn Độ và Đảng Cộng sản Ấn Độ (M) : 1 triệu, Đảng Cộng sản Cu-ba : 822 nghìn, Đảng Cộng sản Liên bang Nga : 548 nghìn, Đảng Cộng sản Nhật Bản : 380 nghìn, Đảng Cộng sản Pháp : 200 nghìn, Đảng Cộng sản I-ta-li-a : 150 nghìn, Đảng Cộng sản Bồ Đào Nha : 140 nghìn, Đảng Nhân dân cách mạng Lào : 100 nghìn v.v.

Nhìn tổng quát, cho đến nay, các đảng cộng sản cầm quyền đã vượt qua được những thử thách khắc nghiệt nhất bắt nguồn từ sự đổ vỡ của hệ thống XHCN thế giới, tiếp tục trụ vững và phát triển. Còn các đảng cộng sản chưa cầm quyền cũng đã có những điều chỉnh lớn về chiến lược, sách lược đấu tranh trong tình hình mới, hoạt động trong điều kiện đa nguyên đa đảng ; đấu tranh bằng nhiều hình thức hợp pháp, tập hợp lực lượng, cải thiện được vị trí, vai trò trong đời sống chính trị - xã hội, từng bước chuẩn bị tiền đề cho cách mạng XHCN. Sự lớn mạnh của các đảng cộng sản cầm quyền và sự phục hồi của các đảng cộng sản chưa cầm quyền đã mở ra triển vọng mới cho PTCSCNQT thế kỷ XXI.

Tại các nước như Trung Quốc, Việt Nam, CHDCND Lào, Cu-ba,... dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, công cuộc cải cách mở cửa, đổi mới, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng XHCN đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Ba lĩnh vực cơ bản được các nước này chú trọng tiến hành là : cải cách, đổi mới kinh tế ; đổi mới hệ thống chính trị và cải cách hành chính ; cải cách gắn với mở cửa, đổi mới chính sách đối ngoại. Do đó đã khắc phục được khủng hoảng, duy trì tình hình chính trị - xã hội ổn định, phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân ; nâng cao được vị thế trên trường quốc tế, làm thất bại âm mưu chống phá bằng "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Năm 2000, trong khi nền kinh tế thế giới bị chững lại thì kinh tế các nước XHCN tăng trưởng khá cao. GDP của Trung Quốc tăng 8%, Việt Nam : 6,7%, Cu-ba : 5%.

Sự duy trì, củng cố và phát triển CNXH ở các nước XHCN hiện nay là thành tựu quan trọng nổi bật của PTCSCNQT từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay. Thông qua cải cách, đổi mới, các đảng cộng sản và nhân dân các nước XHCN, bằng thực tiễn, đã khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin là hệ tư tưởng tiến bộ nhất của loài người. Các nước XHCN đã và đang năng động tìm kiếm mô hình, con đường đi lên xây dựng CNXH

* TS. khoa Chính trị học, Phân viện Báo chí và Tuyên truyền
** TS. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

phù hợp với điều kiện cụ thể của từng quốc gia. Họ đã trở thành những chủ thể quan hệ quốc tế không thể không tính đến trong cán cân so sánh lực lượng của thế giới đương đại, đồng thời đã góp phần to lớn cùng nhân loại tiến bộ đấu tranh vì những mục tiêu cao cả mang tính thời đại.

Nhiều năm qua, các đảng cộng sản cầm quyền đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn xây dựng và bảo vệ CNXH ở mỗi nước. Rút kinh nghiệm từ sự sụp đổ của một số nhà nước XHCN và đảng cộng sản trong thời kỳ vừa qua, các đảng cộng sản cầm quyền khẳng định kiên trì những nguyên tắc nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đổi mới và phát triển sáng tạo lý luận về con đường đi lên CNXH, tăng cường phát triển quan hệ giữa các đảng cầm quyền trên nhiều lĩnh vực : chính trị, tư tưởng, lý luận, kinh tế, an ninh - quốc phòng. Đảng Cộng sản Việt Nam cùng với Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Đảng Cộng sản Cu-ba thường xuyên gặp gỡ cấp cao song phương để trao đổi kinh nghiệm lý luận và thực tiễn xây dựng CNXH cũng như bày tỏ quan điểm về nhiều vấn đề quốc tế cùng quan tâm v.v. Sự lớn mạnh của các đảng cộng sản cầm quyền trở thành nhân tố hết sức quan trọng đối với tiến trình lịch sử của CNXH ở mỗi nước và trên thế giới, là nguồn cổ vũ lớn lao đối với PTCSCNQT, đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Các đoàn đại biểu đảng cộng sản, công nhân nhiều nước dự Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam vừa qua đã đánh giá rất cao những thành tựu của cách mạng Việt Nam nói chung và ý nghĩa quốc tế của sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam. Trưởng đoàn đại biểu Đảng Cộng sản U-crai-na, Mác-tư-nhi-úc cho rằng, kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Việt Nam chứng minh tính chất tiến bộ của sự phát triển theo con đường XHCN, củng cố niềm tin vào CNXH. Trưởng đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Séc và Mô-ra-va Clác-pho khẳng định : "Di sản của đồng chí Hồ Chí Minh đã, đang và sẽ cổ vũ toàn bộ phong trào của chúng ta, tác động đến phong trào cộng sản công nhân rất lớn". Trưởng đoàn đại biểu Đảng Cộng sản tái lập I-ta-li-a Mác-cô-côn-sơ-lô nhấn mạnh : "Nhân dân I-ta-li-a quan tâm sâu sắc công cuộc đổi mới của Việt Nam. Quan tâm theo dõi học hỏi, tin tưởng...". Còn Trưởng đoàn đại biểu Đại hội dân tộc Phi tuyên bố : "Đảng Cộng sản Việt Nam vững mạnh là tài sản của toàn thế giới" v.v.

Cùng với những thành tựu của các đảng cộng sản cầm quyền, phong trào cộng sản, công nhân ở các khu vực khác nhau trên thế giới đã có những bước củng cố quan trọng. Tại khu vực Liên Xô (cũ) và Đông Âu, vốn là nơi phong trào chịu tổn thất nặng nề nhất sau những sự biến chính trị cuối thập niên 80, đầu 90, các đảng cộng sản đã nhanh chóng hồi phục, đổi mới hoạt động, củng cố cơ sở xã hội, lấy lại uy tín trong xã hội. Tại các cuộc bầu cử Quốc hội và hội đồng địa phương, nhiều đảng đã giành thắng lợi lớn, trở thành lực lượng đối lập tích cực mạnh nhất như Đảng Cộng sản Liên bang Nga, Đảng Cộng sản U-crai-na, Đảng Cộng sản Séc và Mô-ra-va, Liên minh Dân chủ cánh tả (SLD) Ba Lan, một số đảng ở vùng Trung Á, thậm chí có đảng giành được quyền đứng ra thành lập chính phủ như Đảng Cộng sản Môn-đô-va (sau thắng lợi tại cuộc bầu cử Quốc hội và tổng thống năm 2000)...

Là một đảng lớn nhất ở khu vực Liên Xô (cũ) và Đông Âu, Đảng Cộng sản Liên bang Nga (KPRF) hiện có tổ chức đảng tại 88 chủ thể của nước Nga, bao gồm 17 316 chi bộ và cho tới nay đã tiến hành 7 kỳ đại hội với nhiều tiến bộ rõ rệt về mọi mặt. Ba năm qua, mỗi năm KPRF kết nạp được 20 nghìn đảng viên mới, trong đó trên một nửa là thanh niên, chủ yếu là sinh viên. Tại cuộc bầu cử Quốc hội năm 1999, KPRF vẫn giành được 142/450 ghế. Trong các cơ quan lập pháp ở các chủ thể của nước Nga, KPRF có 1240 đại biểu là đảng viên và đồng minh của KPRF trong Liên minh dân tộc - yêu nước. Tháng 12 - 2000, Đại hội VII của KPRF đã thông qua văn kiện mang tính cương lĩnh : "Những nhiệm vụ của KPRF trong ba năm tới". Cương lĩnh khẳng định mục tiêu chiến lược của Đảng vẫn là chính quyền nhân dân chân chính và chủ nghĩa xã hội. Báo cáo chính trị của UBTƯ tại Đại hội khẳng định lại : "Vai trò đối lập cực kỳ trọng đại và không khoan nhượng đối với đường lối tư bản hóa đầy tính tàn phá" diễn ra ở nước Nga.

Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng bên cạnh những bước củng cố và phát triển rất khích lệ, các đảng cộng sản và công nhân ở khu vực Liên Xô (cũ) và Đông Âu vẫn còn đứng trước không ít khó khăn, hạn chế. Đường lối, cương lĩnh của nhiều đảng còn chậm đổi mới, chưa chuyển kịp so với yêu cầu của thời kỳ không còn nắm chính quyền. Cơ sở xã hội của một số đảng bị thu hẹp đáng kể, chủ yếu là trong lớp người cao tuổi, cựu chiến binh, người về hưu ; trong giới trẻ còn hạn chế. Tổ chức cơ sở đảng chỉ có ở địa bàn cư trú, trong khi tại các khu vực sản xuất, xí nghiệp, nhà máy lại chưa xác lập được. Vấn đề đoàn kết, hợp tác, phối hợp hoạt động giữa các đảng còn nhiều bất cập, thậm chí còn tình trạng bất đồng, phê phán lẫn nhau,

Digitized by Google

tranh giành ảnh hưởng với nhau, làm giảm sức mạnh chung của các lực lượng cộng sản và cánh tả. Trong khi đó, các lực lượng cầm quyền cánh hữu, các lực lượng thù địch lại thường xuyên can thiệp, gây sức ép, chống phá bằng nhiều biện pháp tinh vi, xảo quyệt.

Tại khu vực các nước tư bản phát triển, sau những biến động, phân hóa và phân liệt đầu những năm 90, phong trào cộng sản, công nhân đã bước vào giai đoạn phục hồi rõ nét. Trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn, lại thường xuyên bị các thế lực phản động công kích gay gắt, nhiều đảng cộng sản và công nhân tại khu vực này vẫn kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin, lý tưởng cộng sản, điều chỉnh đường lối chiến lược, sách lược đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, bảo vệ lợi ích chính đáng của các tầng lớp lao động.

Đi đầu theo hướng nêu trên phải kể đến những cố gắng của các Đảng Cộng sản Hy Lạp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Síp, Hà Lan, Đan Mạch, Phần Lan, Lúc-xăm-bua, Pháp, Đảng Cộng sản tái lập I-ta-li-a, Đảng Cộng sản cánh tả Thụy Điển v.v. Trong hoạt động của các đảng này, về đối nội, điều chỉnh quan trọng nhất mà họ thực hiện là tập trung chống chính sách kinh tế - xã hội theo chủ nghĩa tự do mới, chống đại tư bản độc quyền, vạch trần các thủ đoạn bóc lột tinh vi của CNTB trong điều kiện cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại và toàn cầu hóa. Nhằm tập hợp các lực lượng xã hội rộng rãi, các đảng cộng sản và công nhân Tây, Bắc Âu chú trọng mục tiêu đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội. Nhờ vậy, ảnh hưởng và uy tín chính trị của nhiều đảng trong xã hội mấy năm gần đây có xu hướng được củng cố, nâng cao. Trên lĩnh vực đối ngoại, hiện nay tuyệt đại đa số các đảng ở đây đều nhấn mạnh ưu tiên cho cuộc đấu tranh chống cường quyền đế quốc trong sinh hoạt quốc tế. Họ phản đối nền ngoại giao "dân chủ, nhân quyền" mà Mỹ và phương Tây sử dụng nhằm áp đặt và can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia có chủ quyền. Trước việc NATO mở rộng sang phía Đông, phát động chiến tranh chống Nam Tư, thông qua chiến lược mới đầy tham vọng, các đảng cộng sản và công nhân ở Hy Lạp, Síp, I-ta-li-a, Thụy Điển, Tây Ban Nha đã lên tiếng phản đối khá gay gắt.

Tại Nhật Bản, Đảng Cộng sản hiện là lực lượng đối lập mạnh thứ hai sau Đảng xã hội - dân chủ. Đại hội XXI của Đảng năm 1997 đã vạch ra đường lối chiến lược thực tế hơn, chú trọng kết hợp 3 nhiệm vụ là : điều chỉnh chính sách để mở rộng mặt trận, liên minh với tất cả các lực lượng chống đại tư bản độc quyền phản động ; kiên trì chủ nghĩa cộng sản khoa học và tăng cường đấu tranh vì dân sinh, dân chủ. Do đó, tại các cuộc bầu cử các cấp từ 1997 đến 2001, Đảng đã giành được số cử tri ủng hộ ngày càng tăng. Hiện nay, Đảng Cộng sản Nhật Bản có 26 ghế tại Quốc hội và 14 ghế tại Thượng viện, có quyền được đưa ra dự thảo luật. Đại hội XXII (11-2000) nhấn mạnh Đảng Cộng sản Nhật Bản là chính đảng của giai cấp công nhân và nhân dân Nhật Bản, phấn đấu tăng số đảng viên lên 500 nghìn trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Nét mới đáng chú ý trong PTCSCNQT thời gian gần đây là phong trào đã nỗ lực tìm ra được cơ chế tập hợp lực lượng, tăng cường đoàn kết, trao đổi kinh nghiệm, phối hợp hành động, góp phần nâng cao sức mạnh của phong trào. Theo hướng này, hàng loạt hội nghị của các đảng cộng sản và công nhân ở từng khu vực, từng châu lục đã được tổ chức và cùng với điều đó, quan hệ song phương giữa các đảng cộng sản được thúc đẩy. Các cuộc hội thảo, trao đổi lý luận và thực tiễn được nhiều đảng quan tâm.

Ở khu vực châu Âu, các đảng cộng sản và công nhân liên tiếp tổ chức các cuộc gặp gỡ, bày tỏ quan điểm về nhiều vấn đề quan trọng, thúc đẩy sự năng động hóa của phong trào cộng sản khu vực. Chẳng hạn, tháng 1-1999, tại Pa-ri đã diễn ra cuộc gặp gỡ của 16 đảng cộng sản và cánh tả châu Âu. Tháng 4-1999, 21 đảng công nhân châu Âu tiến hành cuộc gặp gỡ ở Síp, lên tiếng phản đối cuộc chiến tranh của NATO chống Nam Tư. Tiếp đó, từ ngày 21 đến ngày 23-5-1999, tại A-ten (Hy Lạp), 54 đảng cộng sản và tổ chức chính trị đã dự hội nghị quốc tế với chủ đề : "***Cuộc khủng hoảng của CNTB, toàn cầu hóa và câu trả lời của phong trào công nhân***". Hội nghị đánh giá cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính ở khu vực Đông - Nam Á, phân tích những vấn đề toàn cầu và quá trình toàn cầu hóa, nêu rõ những mặt tiêu cực của quá trình này. Hội nghị lên tiếng phê phán Mỹ và NATO đẩy mạnh chiến tranh chống Nam Tư. Hội nghị cũng đánh giá cao kinh nghiệm xây dựng CNXH ở Việt Nam, đồng thời nêu vấn đề thành lập một tạp chí để công bố những quan điểm lý luận chính trị, chủ trương, nhận định của các đảng cộng sản chung quanh những vấn đề thời sự đặt ra trước các đảng và toàn bộ phong trào.

Tháng 11-2000, sáu đảng cộng sản khu vực Ban-căng bao gồm Đảng Cộng sản Hy Lạp, An-ba-ni, Bun-ga-ri, Ru-ma-ni, Thổ Nhĩ Kỳ và Nam Tư đã tổ chức cuộc gặp gỡ tại thủ đô A-ten của Hy Lạp. Tại đây, các đại biểu lại bày tỏ sự

Digitized by Google

lo ngại và cực lực phản đối những âm mưu và hành động thô bạo của NATO và Mỹ can thiệp vào công việc nội bộ của các nước vùng Ban-căng, gây bất ổn định ở khu vực và châu Âu. Các đảng tham dự cuộc gặp quyết định thành lập một Ủy ban có trụ sở tại Hy Lạp để phối hợp hoạt động của phong trào cộng sản, công nhân vùng Ban-căng. Ngoài ra, các đảng cộng sản và công nhân còn tổ chức các cuộc hội thảo khoa học với nhiều chủ đề khác nhau trên lĩnh vực lý luận chính trị. Từ ngày 5 đến ngày 10-11-2000, Hội nghị quốc tế về ***"Chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XXI"*** đã được tổ chức tại Nê-pan. Hai mươi chín đảng từ 19 nước đến tham dự, trong đó có Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Lao động Triều Tiên, Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng Cộng sản Ấn Độ v.v. Nội dung hội nghị hướng vào những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của CNXH ; giá trị thời đại của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và triển vọng của thế kỷ XXI - "thế kỷ phát triển CNXH, thế kỷ của tự do, hòa bình và công lý". Cũng trên lĩnh vực này, trong quan hệ song phương giữa các đảng diễn ra nhiều cuộc hội thảo, trao đổi thẳng thắn và hữu ích. Năm 2000, Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổ chức hai cuộc hội thảo quan trọng. Cuộc hội thảo tại Bắc Kinh (6-2000) với chủ đề : ***"CNXH - cái phổ biến và cái đặc thù"***. Còn tại Hà Nội (11-2000), chủ đề cuộc hội thảo là : ***"CNXH - Kinh nghiệm của Việt Nam và kinh nghiệm của Trung Quốc"***. Thông qua hình thức quan hệ này, hai đảng có điều kiện nâng cao hiểu biết lẫn nhau, tham khảo, vận dụng kinh nghiệm của nhau trong thực tiễn xây dựng CNXH ở mỗi nước. Đồng thời, hai bên có những phân tích đánh giá, chia xẻ quan điểm về nhiều vấn đề chung có tính nguyên tắc về con đường đi lên CNXH.

Tại khu vực Mỹ la-tinh, các đảng cộng sản và công nhân và các đảng cánh tả từ đầu thập niên 90 đến nay đã có sáng kiến định kỳ hằng năm tổ chức gặp gỡ trong khuôn khổ Diễn đàn Sao Pao-lô (Bra-xin) nhằm đánh giá sự vận động, phát triển của phong trào cộng sản, phong trào cánh tả quốc tế nói chung và khu vực nói riêng thời kỳ sau "chiến tranh lạnh" ; từ đó tìm kiếm các biện pháp phối hợp hành động chung. Đến nay, Diễn đàn Sao Pao-lô đã tổ chức 9 lần hội nghị.

Hội nghị lần thứ IX của Diễn đàn được tổ chức vào năm 2000 với sự tham dự của đại diện các đảng từ 34 nước khu vực Mỹ la-tinh, Ca-ri-bê cùng với nhiều đoàn quốc tế khác. Các đại biểu đã thảo luận và bày tỏ quan điểm về hàng loạt vấn đề. Hội nghị lên án gay gắt chủ nghĩa tự do mới ở Mỹ la-tinh, vì nó chỉ phục vụ cho lợi ích của các tập đoàn tư bản đế quốc lũng đoạn, đòi mở cửa không giới hạn cho nước ngoài vào đầu tư, đòi tư nhân hóa triệt để và đa nguyên, đa đảng. Hội nghị cũng phê phán con đường thứ 3 và tính không triển vọng của nó, coi đây là con đường cải lương cơ hội, là "đồng minh của chủ nghĩa tư bản và chống CNXH".

Mặt khác, Hội nghị còn dành nhiều thời gian trong chương trình nghị sự để cập kinh nghiệm xây dựng CNXH hiện thực từ khu vực Liên Xô, Đông Âu xã hội chủ nghĩa trước kia, đến Trung Quốc, Việt Nam hiện nay. Đối với các nước Mỹ la-tinh, Hội nghị cho rằng, họ cần làm cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trước khi tiến lên CNXH ; cần áp dụng tất cả các hình thức đấu tranh, kể cả đấu tranh vũ trang giành chính quyền. Bài học kinh nghiệm của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ được Hội nghị đánh giá rất cao, coi đó là tấm gương cho các dân tộc đang phát triển, nhất là đối với các nước Mỹ la-tinh. Hội nghị cũng khẳng định tính chất quốc tế của cuộc đấu tranh cách mạng của các nước Mỹ la-tinh, đồng thời nhấn mạnh quy luật đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc tiến lên CNXH đã đúng trong thế kỷ XX và sẽ tiếp tục đúng trong thế kỷ XXI.

Nhìn lại thực tiễn vận động của PTCSCNQT từ sau chiến tranh lạnh đến nay, có thể thấy, tuy bị chấn động dữ dội do sự sụp đổ thể chế XHCN ở Liên Xô và Đông Âu, nhưng chính trong hoàn cảnh ngặt nghèo ấy nhiều đảng cộng sản và công nhân đã đứng vững, phát huy tính chủ động sáng tạo, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo và hoạt động thích hợp với tình hình mới, nên phong trào đã từng bước hồi phục, củng cố và phát triển. Mặc dù vậy, nhìn chung phong trào vẫn chưa hoàn toàn vượt ra khỏi cuộc khủng hoảng bắt đầu từ cuối thập niên 80, đồng thời cũng đang đứng trước nhiều khó khăn thử thách lớn. Trong những năm tới, PTCSCNQT sẽ tiếp tục vận động thông qua những bước đi, hình thức, cơ chế phong phú, linh hoạt từ hoàn thiện mô hình CNXH, con đường đấu tranh cách mạng, chiến lược và sách lược... đến tập hợp lực lượng, liên minh giai cấp, phối hợp hành động để tiến tới mục tiêu chiến lược của mình. Bởi vậy, có cơ sở để khẳng định, sức sống và xu thế đi lên của PTCSCNQT là không thể đảo ngược trong thế kỷ XXI. Phong trào cộng sản, công nhân quốc tế đã và vẫn tiếp tục đóng vai trò là một lực lượng đi tiên phong trên hành trình giải phóng và phát triển của nhân loại. ❑

Digitized by Google

NƯỚC MỸ VỚI NGÀY THỨ BA ĐEN VÀ CHỦ NGHĨA KHỦNG BỐ

"Người Mỹ đang đặt câu hỏi :
Tại sao chúng căm ghét chúng ta ?"
G.Bu-sơ

VÕ THỦ PHƯƠNG

NGÀY thứ ba 11-9-2001 là ngày kinh hoàng, tang tóc và đầy chấn động không chỉ riêng với nước Mỹ mà còn đối với cả nhân loại trên thế giới. Thời khắc ngắn ngủi của "ngày thứ ba đen" đã diễn ra theo một kịch bản hắc ám mà nước Mỹ đã gần như tê cóng, không có phản ứng chống trả hữu hiệu nào.

Cuộc tấn công khủng bố, cảm tử chỉ diễn ra trong vòng 1 tiếng 40 phút, nhưng đã gieo rắc một không khí kinh hoàng, thảm khốc lên toàn bộ nước Mỹ và làm bàng hoàng cả thế giới. Người ta so sánh cuộc tấn công này với trận Trân Châu cảng, nhưng thực ra đây là một sự kiện có tầm cỡ lớn hơn rất nhiều. Trân Châu cảng (Pearl Harbor) nằm ở bang Ha Oai,xa tít tắp trung tâm nước Mỹ, thiệt hại về người và của khi đó chưa phải là lớn lắm, mà chủ yếu là thất bại về quân sự, vả lại lúc đó vị thế của nước Mỹ trên bàn cờ chính trị thế giới thua xa vị thế của nước Mỹ bây giờ. Còn cuộc tấn công khủng bố ngày 11-9 vừa qua đã đánh thẳng vào các trung tâm chính trị, kinh tế, quân sự của Mỹ, vào cả thủ đô kinh tế (Niu-oóc) và cả thủ đô chính trị (Oa-sinh-tơn). Tháp đôi WTC - biểu tượng của nước Mỹ đã bị đánh sụp. Nước Mỹ - đất nước tưởng như bất khả xâm phạm, đã bị xâm phạm.

Sau khi sự kiện ngày 11-9 xảy ra, nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, đã kịch liệt lên án hành động khủng bố tàn bạo này. Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã gửi điện chia buồn đến Chính phủ Mỹ và nhân dân Mỹ. Hành động khủng bố ngày thứ ba (11-9-2001) là hành động phi đạo lý, bởi vì mục tiêu tấn công trên thực tế là nhằm vào dân thường, số người chết và bị thương lên tới hơn sáu nghìn người. Tang tóc, đau thương và cả uất hận bao trùm lên nước Mỹ trong những ngày tháng chín vừa qua. Người ta nghẹn ngào khi nghe lại những lời vĩnh biệt qua điện thoại của những nạn nhân trên chuyến máy bay bị bọn khủng bố khống chế.

Thủ đoạn ra tay của quân khủng bố rất tàn độc, chúng không dùng máy bay thể thao có đặt bom, chúng cũng chẳng dùng các loại máy bay thuê, (rất sẵn ở Mỹ), bởi những máy bay này khi bị phát hiện rất dễ bị bắn hạ, mà dùng cách cướp và khống chế máy bay hành khách để biến nó thành thứ vũ khí kinh dị "bom bay có lá chắn sống". Rõ ràng là, ngay cả khi hệ thống ra đa của Mỹ phát hiện được mục tiêu nguy hiểm đe dọa an ninh, thì việc quyết định bắn hạ loại mục tiêu này cũng chẳng hề đơn giản chút nào. Trên máy bay còn có hành khách, thậm chí rất nhiều, việc thỉnh thị ý kiến

Digitized by Google

và ra quyết định sẽ làm mất đi khoảng thời gian rất quý báu để có thể đối phó với bọn khủng bố. Và ngay cả khi biết có sự cố cướp máy bay và máy bay đang đổi hướng thì không phải ai cũng có gan chỉ thị bắn hạ quả "bom bay có lá chắn sống" ấy !, vì người ta còn có một chút hy vọng rằng có thể đây chỉ là bọn không tặc "bình thường". Đó chính là nước cờ rất tàn độc của quân khủng bố.

Ngay sau ngày 11-9, người Mỹ và rất nhiều người trên thế giới đều nghĩ ngay tới Bin La-đen vì sự "nổi tiếng" của ông ta. Tổng thống và Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ đã chỉ đích danh Bin La-đen là kẻ tình nghi số một. Mỹ đã đưa ra các bằng chứng về sự liên quan của Bin La-đen và tổ chức Al Qaeda tới vụ khủng bố 11-9, và Áp-ga-ni-xtan, nơi cư trú của Bin La-đen đã rơi vào "tầm ngắm" của Mỹ. Cơn hoảng loạn và chiến dịch sơ tán lại từ Mỹ truyền sang Áp-ga-ni-xtan. Người Mỹ sẵn sàng bắn một quả tên lửa giá hai triệu đô la chỉ để tiêu diệt một túp lều giá hai mươi đô la ! Và những người dân (cũng lại những người dân thường như ở Mỹ) ăn mặc tồi tàn vốn trú ngụ dưới những "túp lều giá hai mươi đô la" đã phải lếch thếch kéo nhau đi sơ tán. Họ sợ quả tên lửa hai triệu đô la, cũng như dân Mỹ sợ "bom bay có lá chắn sống". Cái gì sẽ đến ? chưa ai biết, song có một điều chắc chắn : không ai trong số những nạn nhân đã chết trong ngày thứ ba đen và không ai trong số những người phải rời bỏ túp lều tồi tàn của mình ở Áp-ga-ni-xtan là thủ phạm của những hành động khủng bố và trả đũa.

Thủ phạm vụ khủng bố cần phải bị trừng trị, công lý đòi hỏi điều đó. Tuy nhiên, không thể nhân danh công lý để cùng với việc truy tìm và trừng trị thủ phạm lại đồng thời giết hại dân lành vô tội, gây ra một trường thảm họa cho nhân dân Áp-ga-ni-xtan và có thể là cả những nước khác hiện đang nằm trong "vòng ngắm" của Mỹ. Mỹ sẽ làm gì và đi tới đâu trong cuộc trả đũa này ? Trong bài phát biểu trước Quốc hội ngày 21-9-2001, ông G.Bu-sơ đã nói : "Người Mỹ không nên trông chờ một trận đánh, mà là một chiến dịch lâu dài, không giống với bất kỳ một chiến dịch nào khác mà chúng ta đã từng chứng kiến" !!

Tại sao vụ khủng bố kinh hoàng, được chuẩn bị hết sức kỹ lưỡng, vừa qua lại xảy ra ở Mỹ, mà không phải ở nước khác ?. Tại sao Mỹ hầu như chẳng có một phản ứng nào để chế ngự quân khủng bố ?

Để trả lời câu hỏi thứ hai, ta trở lại với lời cảnh báo công khai của một trong những sĩ quan chỉ huy phản gián hàng đầu của Mỹ, cách đây 7 tháng, rằng nước Mỹ có thể phải đương đầu với một cơn ác mộng mà ông ta mô tả tựa như sự kiện 11-9 vừa qua. Cũng trước khi xảy ra vụ khủng bố, thượng tướng Tô-mát Uyn-xơn đã báo cáo trước Ủy ban tình báo của Thượng nghị viện Mỹ rằng ông "rất lo ngại" về khả năng có "một cuộc tiến công khủng bố lớn chống lại lợi ích của Mỹ, ..., với một loại vũ khí được dùng để sát thương hàng loạt". Và, Mỹ cũng nhận được nhiều tin tình báo, tin trực tiếp hoặc gián tiếp thông báo về một cuộc đánh bom cảm tử sắp xảy ra. Lùi về xa hơn nữa, năm 1993, Ram-zi Y-ô-xép cũng đã âm mưu đánh sập tòa nhà Trung tâm thương mại, nhưng không thành. Đối với lực lượng khủng bố thì WTC là biểu tượng của nước Mỹ. Lại có tin rằng, cơ quan tình báo Ai-cập đã báo trước cho Mỹ tin tức về vụ khủng bố có thể xảy ra ! Nước Mỹ đã biết trước cái gì sẽ đến, nước Mỹ cũng đã có những cảnh báo bằng hành động. Vậy thì cái gì đã làm một nước Mỹ với trình độ khoa học, kỹ thuật tiên tiến nhất thế giới bó tay trước thảm họa vừa qua ? Phải chăng cái gì đó đã làm tê liệt một đất nước vốn được coi là rất năng động ?

Về câu hỏi thứ nhất. Một trong những nguyên nhân dẫn đến sự trả đũa khủng khiếp vừa qua phải kể tới đường lối đối ngoại của

Digitized by Google

Mỹ. Đã lâu nay Mỹ tự cho mình cái quyền dạy các dân tộc khác, tự cho mình quyền phán xét và can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác. Mỹ lại không chịu tham gia những hoạt động quan trọng của cộng đồng quốc tế : rút lui khỏi Hiệp định Ky-ô-tô, rút lui khỏi Hiệp định ABM, rút lui khỏi Hội nghị chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Trong khi đó chính quyền của ông G.Bu-sơ lại quyết định xây dựng Hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia (NMD) với tham vọng khống chế toàn thế giới, hậu thuẫn cho I-xra-en đi ngược lại tiến trình hòa bình tại Trung Đông. Chính những điều này đã gây ra nỗi bất bình lớn đối với nhiều nước, kể cả đồng minh của Mỹ.

Nếu nhìn lại thời gian, có thể thấy việc Mỹ bị hứng chịu chiến dịch khủng bố cảm tử, còn có nguyên nhân sâu xa hơn. Trước đây, để ngăn chặn "làn sóng đỏ", thừa hưởng di sản của cơ quan tình báo Anh (SAS), trong những năm 40 - 50, Mỹ đã quy tụ những phong trào Hồi giáo ở Ai-cập và toàn bộ khu vực Trung Đông, đồng thời cho phép A-rập Xê-út cung cấp tài chính cho các phong trào này nhằm chặn đứng các nước A-rập bị coi là ủng hộ chủ nghĩa cộng sản. Tiến trình này lên đến đỉnh cao dưới thời Tổng thống J.Ca-tơ, những chuyên gia CIA và Lầu năm góc được phái sang Áp-ga-ni-xtan để huấn luyện "những kẻ cuồng tín Di-hát" chống lại Liên Xô, Áp-ga-ni-xtan đã trở thành trường huấn luyện lớn của những lực lượng khủng bố mà chính quyền Mỹ tham gia nuôi dưỡng và chỉ huy. Và chính tại đây đã xuất hiện chàng trai A-rập Xê-út "ưu tú" Bin La-đen mà CIA đã thu phục được. Nhưng rồi Bin La-đen cùng với chủ nghĩa Hồi giáo quốc tế bị CIA và Mỹ bỏ rơi. Từ năm 1983, trận tấn công khủng khiếp bằng một xe tải với sáu tấn thuốc nổ TNT vào đại bản doanh của lính Mỹ ở Bây-rút khiến hơn 300 lính Mỹ bị thiệt mạng, đánh dấu vết rạn đầu tiên trong quan hệ Mỹ và chủ nghĩa Hồi giáo quốc tế. Rồi cùng với thời gian, chính sách đối ngoại của Mỹ nói chung và đối với thế giới Hồi giáo nói riêng với những hành động cường quyền như tấn công I-rắc, cấm vận I-ran, Li-bi, thao túng những hoạt động gây mất ổn định trong khu vực Trung Đông đã làm sự rạn nứt tăng dần và đạt tới mức "một sự rạn nứt khổng lồ" vào đầu thế kỷ này, như ông Xa-mu-en Hăn-tin-tơn - một nhà nghiên cứu Mỹ đã tiên đoán, và "sự rạn nứt khổng lồ" đã kéo theo thảm họa.

Vấn đề đầu tiên mà người ta nghĩ đến sau thảm họa ngày thứ ba đen là sự cần thiết của Hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia (NMD). Cuộc tấn công ngày 11-9 làm suy yếu các lý do để tiến hành chương trình NMD, bởi chương trình này tập trung vào những đe dọa rất mơ hồ và tiêu tốn những khoản tiền khổng lồ, trong khi những đe dọa hiển hiện như các cuộc khủng bố đánh bom cảm tử thì chưa có kế hoạch ngăn chặn hữu hiệu và các biện pháp an ninh tại sân bay thì còn xa mới được gọi là hoàn chỉnh.

Vấn đề thứ hai là các chủ đề có liên quan đến chủ nghĩa khủng bố và liên minh chống chủ nghĩa khủng bố toàn cầu. Sự kiện ngày thứ ba đen cho thấy mối hiểm họa của chủ nghĩa khủng bố quốc tế có thể chẳng chừa quốc gia nào. Bởi vậy, các nước trên thế giới cần có những cuộc tiếp xúc, phối hợp, tạo nên một liên minh xuyên quốc gia, nhằm chống lại chủ nghĩa khủng bố quốc tế. Tuy nhiên, quan điểm của các nước về khủng bố lại rất khác nhau, có khá nhiều vấn đề đặt ra ở đây : - Trước hết là phải phân biệt giữa chủ nghĩa khủng bố cần bị tiêu diệt với những người yêu nước chân chính chống xâm lược. - Thứ hai là khái niệm "quốc gia chứa chấp và viện trợ cho quân khủng bố" cũng là một khái niệm rất mơ hồ, không dễ phân biệt. Ví dụ chính Bin La-đen (như trên đã nói) lại do CIA nuôi

Digitized by Google

dưỡng trước đây thì sao ?. - Thứ ba là khái niệm "trừng phạt quân khủng bố", thế nào là "trừng phạt có vi phạm nhân quyền" và thế nào là "trừng phạt không vi phạm nhân quyền" (chẳng lẽ khi Liên bang Nga trừng phạt bọn khủng bố tại Tréc-xni-a thì bị lên án là trừng phạt vi phạm nhân quyền, còn Mỹ thì không vi phạm nhân quyền khi có hàng triệu trẻ em I-rắc đã chết do lệnh cấm vận của Mỹ ?!). - Thứ tư là liệu có thể tiêu diệt được căn bản chủ nghĩa khủng bố quốc tế hay không nếu chỉ dùng biện pháp quân sự, phải chăng biện pháp quân sự mới chỉ là phương sách chữa bệnh bên ngoài, mà chưa tiệt trừ được tận gốc căn bệnh. - Thứ năm là khá nhiều tổ chức khủng bố đều xuất phát từ một số chủ nghĩa tôn giáo cực đoan, bởi vậy vấn đề tôn giáo đương đại phải được nghiên cứu một cách khoa học, tuyệt đối tránh xu hướng đánh đồng tôn giáo nào đó với chủ nghĩa khủng bố, và có một câu hỏi là : tại sao lại không phải là chính tôn giáo sẽ chữa trị hoặc góp phần quan trọng vào việc chữa trị căn bệnh "khủng bố" ?... Hàng loạt vấn đề sẽ được đặt ra cần có sự hợp tác trung thực, nghiêm túc và hết mình của các quốc gia, dân tộc trên toàn cầu thì mới có thể ngăn chặn và loại trừ được chủ nghĩa khủng bố quốc tế - đại dịch của thế kỷ.

Cuối cùng, sau gần một tháng chuẩn bị, Mỹ và Anh đã mở màn cuộc chiến tranh trả đũa. Ngày chủ nhật 7-10-2001 đã trở thành ngày ảm đạm đối với người Áp-ga-ni-xtan, thủ đô Ca-bun và nhiều thành phố đã bị không kích bằng đủ các thứ vũ khí hiện đại. Thế giới không ngạc nhiên trước cuộc tấn công của liên quân Mỹ - Anh vào lực lượng Ta-li-ban, bởi lẽ mọi người đều biết rằng giờ "G" ấy rồi thế nào cũng đến, nhưng bao trùm lên tất cả là sự quan ngại về phạm vi của cuộc chiến và tang tóc đau thương mà người dân vô tội ở Áp-ga-ni-xtan phải chịu. Một câu hỏi hiển hiện trước chúng ta : đã có hơn sáu nghìn dân thường chết trong vụ khủng bố 11-9 tại Mỹ, sẽ có bao nhiêu dân thường nữa sẽ chết ở Áp-ga-ni-xtan trong chiến dịch trả đũa này ?

Cuộc chiến bùng lên tại Áp-ga-ni-xtan làm nảy sinh thêm nhiều vấn đề mới :

- Về mục tiêu của cuộc chiến mà Mỹ và Anh tiến hành, theo phía liên quân Mỹ - Anh thì chiến dịch nhằm tiêu diệt lực lượng khủng bố của Bin La-đen và kẻ dung túng là Ta-li-ban, mục tiêu này không chỉ được xác định bằng lời nói, mà trên thực tế phía Liên quân cũng cố gắng chứng tỏ bằng việc làm - tiếp tế lương thực cho dân thường ở Áp-ga-ni-xtan, tức là cố chứng minh là dân chúng đã được tách ra khỏi "vòng ngắm" của cuộc chiến. Đây là điều khác biệt đối với các cuộc chiến tranh mà Mỹ đã tiến hành ở Vùng Vịnh, Nam Tư. Hành động này cũng là nỗ lực chứng tỏ với cộng đồng Hồi giáo rằng phía Mỹ - Anh chỉ đánh quân khủng bố, chứ không định đụng đến thế giới Hồi giáo. Ngược lại, Bin La-đen cũng thừa tinh khôn để thấy đòn của phía Liên quân. Ông ta cũng cố gắng thuyết phục các nước Hồi giáo rằng : hành động của Anh - Mỹ là sự thách thức lớn đối với cộng đồng Hồi giáo và kêu gọi một cuộc Thánh chiến. Chính ở đây, mục tiêu của cuộc chiến sẽ quyết định một điều hết sức hệ trọng - đó là chiến tuyến của cuộc chiến trong tương lai : nếu mục tiêu mà phía Liên quân đưa ra được cộng đồng Hồi giáo nhìn nhận, thì cuộc chiến chỉ gói gọn trong phạm vi Mỹ - Anh với Ta-li-ban, nhưng nếu Ta-li-ban và Bin La-đen thuyết phục được cộng đồng Hồi giáo thì chiến tuyến sẽ mở ra ở tầm toàn cầu, đó sẽ là cuộc chiến của liên minh các nước phương Tây với thế giới Hồi giáo, và hậu quả sẽ khôn lường.

- Lao vào cuộc chiến, chính quyền Mỹ bị lâm vào thế lưỡng đầu thụ địch : một bên là cuộc chiến quân sự tại Áp-ga-ni-xtan, một bên là cuộc chiến kinh tế ngay tại chính quốc với

Digitized by Google

cơn suy thoái đang đe dọa nước Mỹ. Để có thể thoát ra khỏi hai cuộc chiến này, ông G. Bu-sơ chắc chắn phải điều chỉnh chính sách của mình khá nhiều, đặc biệt là chính sách đối ngoại.

- Và, một điều nữa mà không ít người quan tâm là liệu Mỹ có dùng chước "mượn đường diệt Quắc", để nhân đà đánh Ta-li-ban mà thâm nhập vào vùng Trung Á hay không ?!

Cùng với nhân dân trên khắp thế giới, nhân dân Việt Nam đặc biệt quan tâm và lo ngại trước các sự kiện đang xảy ra. Ngày 8-10-2001, người phát ngôn Bộ Ngoại giao ta đã khẳng định "Việt Nam phản đối mạnh mẽ mọi hành động khủng bố và ủng hộ các nỗ lực nhằm loại trừ khủng bố ra khỏi đời sống của nhân loại. Việt Nam cho rằng các biện pháp chống khủng bố phải được tiến hành phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.", đồng thời "Việt Nam bày tỏ sự lo ngại sâu sắc về cuộc chiến tranh diễn ra ở Áp-ga-ni-xtan đang đe dọa nghiêm trọng tính mạng của thường dân vô tội và mong rằng các bên liên quan hết sức kiềm chế, không để chiến tranh lan rộng và nhanh chóng tìm ra giải pháp thích hợp sớm chấm dứt chiến tranh, vãn hồi hòa bình.". Chúng ta đang sống trong một thế giới văn minh, việc sử dụng vũ lực không phải là cách tốt để giải quyết các vấn đề đương đại, và việc giết hại dân lành, dù dưới bất kỳ chiêu bài nào cũng đều là dã man, phải bị ngăn chặn. ❑

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC VỀ NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐẢNG VIÊN, TỔNG HỢP, THỐNG KÊ

Từ ngày 2 đến 5-10-2001, tại Hà Nội, Ban Tổ chức Trung ương Đảng đã tổ chức Hội nghị toàn quốc về nghiệp vụ công tác đảng viên, tổng hợp, thống kê trong công tác tổ chức xây dựng Đảng. Dự hội nghị có 421 đại biểu thuộc 72 ban tổ chức các tỉnh, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương và đại biểu các cơ quan đảng, đoàn thể ở trung ương ; các cơ quan thông tấn, báo chí của trung ương và Hà Nội. Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đến dự và phát biểu ý kiến chỉ đạo hội nghị.

Trong bài phát biểu với hội nghị, đồng chí Trần Đình Hoan đã khẳng định công tác nghiệp vụ đảng viên và công tác tổng hợp, thống kê là một bộ phận quan trọng của công tác tổ chức xây dựng Đảng ; biểu dương những cố gắng của đội ngũ cán bộ làm công tác nghiệp vụ đảng viên và tổng hợp, thống kê của hệ thống tổ chức đảng trong cả nước trong việc giúp ban tổ chức cấp ủy các cấp từ trung ương đến cơ sở làm tốt công tác tham mưu, chỉ đạo công tác tổ chức xây dựng Đảng, nhất là trong việc phục vụ thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về Chiến lược cán bộ, Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phục vụ đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng vừa qua. Đồng chí đã đề nghị hội nghị tập trung thảo luận làm rõ những vấn đề đặt ra trong thực tiễn công tác nghiệp vụ, nguyên nhân của những mặt làm được và chưa làm được, đồng thời đề xuất, kiến nghị với Trung ương những giải pháp thực hiện trong thời gian tới, nhằm phát huy tốt vai trò tham mưu đắc lực của đội ngũ cán bộ làm công tác nghiệp vụ đảng viên và tổng hợp, thống kê trong công tác tổ chức xây dựng Đảng.

Hội nghị đã nghe báo cáo về tình hình nghiệp vụ công tác đảng viên và báo cáo công tác tổng hợp, thống kê tổ chức xây dựng Đảng từ năm 1997 đến nay, phương hướng nhiệm vụ 5 năm 2001 - 2005 của Ban Tổ chức Trung ương và 7 báo cáo kinh nghiệm về các chuyên đề công tác nghiệp vụ, 10 ý kiến trao đổi, đi sâu đánh giá những ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân và những kinh nghiệm trong việc thực hiện công tác kết nạp đảng viên, phát thẻ đảng viên, giới thiệu sinh hoạt đảng, quản lý hồ sơ đảng viên, chế độ tặng phẩm kèm theo khi trao tặng Huy hiệu Đảng, công tác tổng hợp, thống kê và việc bố trí, sử dụng, bồi dưỡng cán bộ nghiệp vụ.

Digitized by Google

Các ý kiến đều thống nhất với những nội dung đã được trình bày trong 2 bản báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương ; đồng thời đề xuất, kiến nghị một số vấn đề cụ thể trong công tác nghiệp vụ và thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ làm công tác này. Một số ý kiến đã nêu lên những tồn tại như : một số ban tổ chức cấp ủy chưa thấy hết vai trò, chức năng, nhiệm vụ của bộ phận công tác nghiệp vụ ; thiếu quan tâm chăm lo, kiện toàn bộ phận nghiệp vụ, đào tạo, bồi dưỡng và giải quyết chế độ, chính sách, tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ nghiệp vụ hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng vai trò giúp ban tổ chức cấp ủy tham mưu, điều hành công việc. Cán bộ một số nơi còn thiếu và yếu, điều kiện và phương tiện làm việc còn nhiều khó khăn và lạc hậu...

Đồng chí Tạ Xuân Đại, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương đã phổ biến nhanh 25 vấn đề đã được bổ sung, sửa đổi trong Quy định thi hành Điều lệ Đảng (khóa IX) vừa được Bộ Chính trị thông qua và kết luận một số nội dung chính của hội nghị như sau :

- Về công tác nghiệp vụ đảng viên phải bảo đảm đúng nguyên tắc và thủ tục kết nạp đảng viên, trên cơ sở lấy chất lượng làm chính, tùy theo đặc điểm của từng địa phương, đơn vị, những vấn đề về trình độ học vấn, độ tuổi, sinh con thứ 3... ban tổ chức các tỉnh, thành ủy cần tham mưu cho ban thường vụ cấp ủy quy định cụ thể cho phù hợp. Sớm khắc phục tình trạng những tổ chức cơ sở đảng trong thời gian dài không kết nạp được đảng viên, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào có đạo ; phấn đấu đến năm 2005 cơ bản xóa xong thôn, bản, buôn, làng, trường học không có đảng viên. Thực hiện chế độ bổ sung hồ sơ hằng năm trong việc quản lý hồ sơ đảng viên và việc phân cấp quản lý hồ sơ đảng viên theo quy định. Làm tốt việc quản lý chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên theo đúng quy định thi hành Điều lệ Đảng của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương ; kịp thời phát hiện và xử lý những trường hợp ngộ nhận, mạo nhận là đảng viên. Việc phân tích chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên : trên cơ sở tiến hành nghiên cứu và thực hiện đề án đổi mới, phân tích chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, kết quả làm điểm, ý kiến đóng góp của các đại biểu, Ban Tổ chức Trung ương sẽ hoàn chỉnh và trình Ban Bí thư ban hành quy định thực hiện từ sau Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX). Duy trì việc chuyển sinh hoạt đảng tạm thời như quy định hiện hành. Ban Tổ chức Trung ương báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương, phối hợp với các cơ quan có liên quan ban hành hướng dẫn thống nhất về chế độ tặng phẩm kèm theo khi trao tặng Huy hiệu Đảng ; tiến hành tổng kết Chỉ thị 83 - CT/TƯ ngày 26-11-1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IV) về phát thẻ đảng viên và triển khai thực hiện đề án đổi thẻ đảng viên ; nghiên cứu, bổ sung và ban hành hướng dẫn thống nhất việc quản lý hồ sơ đảng viên, mẫu hồ sơ, mẫu lý lịch người vào Đảng và mẫu quyết định kết nạp đảng viên thống nhất.

- Về tổ chức và cán bộ làm công tác nghiệp vụ và về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy ban tổ chức cấp ủy các cấp : căn cứ vào Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII), Ban Tổ chức Trung ương sẽ nghiên cứu, xây dựng dự thảo hướng dẫn và lấy ý kiến của ban tổ chức các tỉnh, thành ủy trước khi ban hành hướng dẫn. Đối với đội ngũ cán bộ làm công tác nghiệp vụ, các đơn vị cần có chế độ khen thưởng, động viên kịp thời, những đồng chí 2 năm liền là chiến sĩ thi đua cần được ưu tiên nâng lương sớm 1 năm ; trước mắt vẫn tiếp tục thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên đối với các đồng chí làm nghiệp vụ công tác đảng viên ; vận dụng thực hiện chế độ bồi dưỡng và phụ cấp đối với cán bộ làm công tác thông tin - tổng hợp, thống kê như đối với cán bộ văn phòng cấp ủy theo Công văn số 13 - CV/TƯ ngày 17-7-2001 của Ban Bí thư Trung ương ; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và trao đổi, học tập kinh nghiệm giữa các cán bộ làm nghiệp vụ công tác đảng viên và công tác tổng hợp, thống kê. Đối với cán bộ nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở sẽ được nghiên cứu tổng thể trong đề án Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Tiếp thu ý kiến của đại biểu hội nghị, thống nhất 5 năm 1 lần, Ban Tổ chức Trung ương sẽ tổ chức hội nghị nghiệp vụ toàn quốc và hằng năm sẽ tổ chức hội nghị chuyên đề theo từng khu vực.

- Về công tác thông tin, tổng hợp, thống kê phải thường xuyên nâng cao chất lượng các loại báo cáo, thực hiện chế độ thông tin hai chiều ; tăng cường báo cáo chuyên đề, báo cáo nhanh ; bảo đảm tính khách quan, trung thực, kịp thời ; phản ánh đầy đủ những ý kiến chỉ đạo của cấp ủy và tình hình thực tiễn đang đặt ra ở địa phương, đơn vị. Đổi mới và ban hành thống nhất các loại mẫu biểu thống kê trong toàn quốc. Từng bước hiện đại hóa phương tiện, điều kiện làm việc, tiến tới nối mạng toàn hệ thống. Ban Tổ chức Trung ương sẽ triển khai đề án "Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về đảng viên" bằng công nghệ thông tin từ năm 2002 đến 2005 và triển khai thực hiện thống nhất trong toàn quốc từ năm 2006.

Hội nghị đã dành thời gian 2 ngày tập huấn nghiệp vụ, triển khai lấy ý kiến các đại biểu và dự thảo hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng và hệ thống mẫu biểu thống kê của Ban Tổ chức Trung ương. Tại hội nghị Ban Tổ chức Trung ương đã quyết định khen thưởng và trao bằng khen, giấy khen cho 307 tập thể đơn vị và 783 cá nhân đã có những thành tích xuất sắc trong công tác nghiệp vụ đảng viên và công tác tổng hợp, thống kê thời gian vừa qua.

PHẠM QUANG HƯNG

Digitized by Google

CÔNG TY LẮP MÁY 45 - 1

ERECTION COMPANY 45 –1

ECC 45-1

ISO - 9002

ASME

CERTIFICATES OF AUTHORIZATION

Địa chỉ liên hệ : 140 Điện Biên Phủ - Quận I - TP Hồ Chí Minh
Điện thoại : 8297527 - 8201124 Fax : (84.08) 8201455
E-mail : lapecc451@hcm.fpt.vn



Lắp đặt bồn chứa khí hóa lỏng Hình cầu (LPG)



Máy lốc uốn thép tấm dày 100 mm của công ty lắp máy 45 - 1.

- Công ty Lắp máy 45 - 1 là đơn vị duy nhất trong lĩnh vực cơ khí của Việt Nam đã được cấp chứng chỉ ASME và ISO - 9002.

- Chuyên nhận thầu xây lắp trọn gói các công trình công nghiệp, với chất lượng cao.

- Công ty có đủ khả năng nhận thầu, tự thiết kế, cung cấp, chế tạo lắp đặt thiết bị công nghệ bồn bể có dung tích lớn, các loại bình áp lực, bình chứa khí hóa lỏng (LPG) theo tiêu chuẩn quốc tế.



Lắp đặt thiết bị bao hơi lò hơi thu nhiệt nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 1.

Digitized by Google

CÔNG TY HÓA CHẤT VINH

Trụ sở : Nghi Liên - Nghi Lộc - Nghệ An (Quốc lộ 1A - Km số 7 Vinh - Hà Nội
Điện thoại : (038) 851247 - 852035 - 851136 * Fax : (038) 8511247



Tổng cục trưởng Tổng cục TCĐLCL Nguyễn Hữu Thiện trao chứng chỉ ISO 9002 cho Giám đốc Công ty Lương Ngọc Nho



Giải Bạc
Chất lượng Việt Nam
1998 - 1999



Huân chương
Lao động Hạng 3

Sản phẩm chính

FPhân NPK các loại : 5-10-3, 8-8-3, 8-10-4, 8-7-4, 11-1-8, 5-10-15, 16-16-8
FPhân đặc chủng cho : Mía, Lạc, Cà phê
FSản phẩm khác : Magie, Clorua, Tấm lợp Lưu ly, Magiê ôxýt



Ruộng mía thí nghiệm được bón bằng phân NPK cho năng suất cao



Lễ động thổ khai trương xí nghiệp phân bón Hữu cơ sinh học Nghệ An (Tân Kỳ 17-4-2001)

20 năm kinh nghiệm nghiên cứu chế biến các loại phân bón có hợp tác chặt chẽ với các cơ quan khoa học chuyên ngành

Có hệ thống Quản lý chất lượng đạt Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002

CÔNG TY HÓA CHẤT VINH

người bạn tin cậy của Nông dân và Nông nghiệp

Digitized by Google

CÔNG TY VẬT TƯ - VẬN TẢI - XI MĂNG

Địa chỉ : 21B Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội

Tel : 8457458 ; 8457328 - Fax : 8457186

Công ty Vật tư - Vận tải - Xi măng (Comatce), đơn vị thành viên trực thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam, được thành lập theo QĐ 824/BXD-TCLĐ ngày 3/12/1990 và được thành lập lại theo QĐ số 022A/BXD-TCLĐ ngày 12/3/1993 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Hoạt động theo cơ chế thị trường và theo kế hoạch của Tổng Công ty xi măng Việt Nam giao cho.



CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

+ Kinh doanh vật tư - thiết bị phục vụ sản xuất xi măng
+ Vận tải clinker Bắc - Nam.
+ Kinh doanh dịch vụ vận tải
+ Kinh doanh vận tải đường sông.
+ Khai thác tuyển xỷ dùng cho sản xuất xi măng và XD các công trình giao thông, thủy lợi.
+ Kinh doanh các mặt hàng phụ gia như : Xỷ nhiệt điện, bô xít, quặng sắt... cho sản xuất xi măng.
+ Đại lý tiêu thụ các loại xi măng và vật liệu XD khác.

*** CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÔNG TY**

1 * Chi nhánh tại Quảng Ninh
Địa chỉ : Số 27 Hạ Long - T.P Hạ Long - Quảng Ninh
Tel : 033.825387 Fax : 033.828096

2 * Chi nhánh tại Hải Phòng
- Địa chỉ : Số 20 Đường Hà Nội - T.P Hải Phòng
- Tel : 031.842158 Fax : 031.824406

3 * Chi nhánh tại Hoàng Thạch
- Địa chỉ : Minh Tân - Kim Môn - Hải Dương
- Tel : 0320.821090 Fax : 0320.821068

4 * Chi nhánh tại Hà Nam
- Địa chỉ : Kiện Khê - Thanh Liêm - Hà Nam
- Tel : 0351.853098 Fax : 0351.853122

5 * Chi nhánh tại Bỉm Sơn
- Địa chỉ : P. Ngọc Trạo - Thị xã Bỉm Sơn - Thanh Hóa
- Tel : 037.770241
- Địa chỉ : P. Thanh Bình - Thị xã Ninh Bình - Ninh Bình
- Tel : 030.871018 Fax : 030.874450

6 * Chi nhánh tại Hoàng Mai
- Địa chỉ : Quỳnh Thiện - Quỳnh Lưu - Nghệ An
- Tel : 038.661.248

7 * Chi nhánh tại Phú Thọ
- Địa chỉ : Chu Hóa - Lâm Thao - Phú Thọ
- Tel : 0210.825023 Fax : 0210.825715

8 * Chi nhánh tại Phả Lại
- Địa chỉ : Thị trấn Phả Lại - Chí Linh - Hải Dương
- Tel : 0320.881271

9 * Văn phòng Đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ : 229/4A - Bùi Thị Xuân - Tân Bình - TP HCM
- Điện thoại : 08.8445497 ; Fax : 08.8461870

10 * Trung tâm kinh doanh VLXD
- Địa chỉ : Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội
- Điện thoại : 04.8542667

11 * Đoàn Vận tải :
- Địa chỉ : Nhân Chính - Thanh Xuân - Hà Nội
- Điện thoại : 04.5531811 ; Fax : 088461801

Công ty Vật tư - Vận tải - Xi măng rất hân hạnh được đón tiếp quí khách và sẵn sàng hợp tác với các đơn vị trên các lĩnh vực kinh doanh, đến với Công ty chúng tôi, quý khách sẽ được phục vụ tốt nhất, với phương thức bán hàng đa dạng theo yêu cầu của quí khách, đảm bảo chất lượng sản phẩm giá cả hợp lý, thái độ phục vụ lịch sự, văn minh.

Digitized by Google

TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG

CÔNG TY

ĐIỆN - CƠ - HÓA CHẤT 15

Doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo QĐ 344/TTg của Thủ tướng Chính phủ



ĐƯỢC TẶNG PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ

* Huân chương Quân Công Hạng Ba
* Các huân chương Chiến Công Hạng Nhì
* Các huân chương Chiến Công Hạng Ba
* Nhiều cờ thi đua của Bộ Quốc phòng. Tổng cục CNQP





Giám đốc - Kỹ sư
Nguyễn Trọng Nghiệp

Trụ sở chính : THỊNH ĐÁN - THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
Tel : 0280.846355 ; Tel/Fax : 0280 - 846353
Tel (QS) : 9280.721.323 (Xin 105) 091286579
9820.721.487 (Xin 105)

CHI NHÁNH PHÍA NAM : LONG BÌNH - BIÊN HÒA - ĐỒNG NAI
ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG : 091.286.572
ĐIỆN THOẠI/FAX : 061.893.474 - **QUÂN SỰ :** 961.830.888
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN : 24 PHAN PHÙ TIÊN - Q. ĐỐNG ĐA - HÀ NỘI.
TEL/FAX : 047.335.834 **TEL (QS) :** 069.882.250
PHÒNG KẾ HOẠCH - KINH DOANH : - ĐT : 0280.846.354
ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG : 091.286.285

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

* Sản xuất các mặt hàng phục vụ QP
* Sản xuất kinh doanh các ngành hàng :
- Các loại thuốc nổ công nghiệp ưu việt
- Các sản phẩm điện - cơ khí - nhựa phục vụ trong nước và xuất khẩu

THUỐC NỔ CÔNG NGHIỆP CÁC LOẠI ƯU VIỆT THAY THẾ HÀNG NHẬP KHẨU



Trung tâm điều hành của công ty



Thuốc nổ SOFANIT



Thuốc nổ ANFO chịu nước



Ổ bánh xe đạp kiểu Trung Quốc - Tiệp - Nhật



Thuốc nổ AMÔNÍT phá đá số 1 "AD1 - 15"



Thuốc mồi nổ (TMN - 15H) năng lượng cao

CÁC SẢN PHẨM KHÁC PHỤC VỤ TRONG NƯỚC VÀ XUẤT KHẨU

* Trụ lấy nước – lăng phun – vành kẹp các loại phục vụ ngành phòng, chữa cháy
* Các loại ổ bánh xe đạp phục vụ trong nước và xuất khẩu
* Các loại kìm điện xuất khẩu
* Sản phẩm nhựa cứng, nhựa dẻo phục vụ trong nước và xuất khẩu
* Sản phẩm $K_2Cr_2O_7$ công nghiệp
* Các phụ tùng dùng trong khai thác khoáng sản

Digitized by Google

CÔNG TY BAY DỊCH VỤ MIỀN NAM

Đơn vị anh hùng lao động thời kỳ đổi mới

Địa chỉ : Sân bay Vũng Tàu - Thành phố Vũng Tàu
Tel : 838301 - 833493 - 838573 * Facsimlite : 84.64.838466
Giám đốc : Thượng tá PHẠM VIẾT THÍCH

Hiện nay, Công ty Bay dịch vụ Miền Nam có khả năng cung cấp đầy đủ các dịch vụ hàng không với chất lượng cao trên mọi lĩnh vực :

- Bay dịch vụ thăm dò và khai thác dầu khí ngoài khơi.
- Vận chuyển, treo cẩu hàng hóa.
- Bay phục vụ du lịch : Tuyến thường kỳ Vũng Tàu - Tân Sơn Nhất - Côn Đảo, tuần 3 chuyến thứ 2 - 5 - 7.
- Bay quay phim, chụp ảnh, nhảy dù.
- Kéo rải dây điện, bảo dưỡng đường dây.



Máy bay hạ cánh trên giàn khoan



Văn phòng Công ty Bay dịch vụ Miền Nam

MỤC TIÊU HÀNG ĐẦU CỦA CÔNG TY LÀ :

An toàn, hiệu quả, không ngừng vươn tới tương lai

Công ty Bay dịch vụ Miền Nam hân hạnh đón tiếp và phục vụ quý khách

Digitized by Google

5180

BỘ XÂY DỰNG
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ

Trụ sở : 21 phố Kim Đồng - Hai Bà Trưng - Hà Nội Tel : 04.8.647129 Fax : 04.8.647144



Trụ sở Tổng Công ty

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ là Tổng công ty Nhà nước, có tên giao dịch quốc tế là HOUSING AND URBAN DEVELOPMENT CORPORATION **(HUD)**, hoạt động trong lĩnh vực đầu tư phát triển nhà và đô thị mới trong phạm vi cả nước.

Lập thành tích chào mừng kỷ niệm 56 năm Cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 2-9, ngày 31/8/2001 Tổng công ty đã tổ chức **LỄ KHÁNH THÀNH và GẮN BIỂN CÔNG TRÌNH CHÀO MỪNG CÁCH MẠNG THÁNG 8 VÀ QUỐC KHÁNH 2-9** tại Nhà ở cao tầng CT5 & CT6 - Khu đô thị mới Định Công. Kể từ ngày 01/9/2001, Tổng công ty đã tổ chức bàn giao 275 căn hộ tại đây cho khách hàng đưa vào sử dụng.



Đ/c Nguyễn Hiệp - TGĐ. Tổng công ty báo cáo quá trình đầu tư xây dựng nhà ở cao tầng CT.5 & CT.6



Các đồng chí lãnh đạo thành phố Hà Nội và Bộ xây dựng cắt băng khánh thành nhà ở CT. 5 & CT.6



Công trình dịch vụ - vui chơi giải trí tại KHU ĐÔ THỊ MỚI ĐỊNH CÔNG



Đ/c : Hoàng Văn Nghiên - CT. UBND TP. HN & đ/c Nguyễn Hồng Quân - Thứ trưởng BXD gắn biển công trình chào mừng CM T 8 và Quốc khánh 2/9 tại nhà CT.5 & CT.6

Digitized by Google

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 5000Đ

HX
9
. H08B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
DEC 0 3 2001
CURRENT SERIALS

21
11-2001

Digitized by Google

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG BỔ TÚC VĂN HÓA HỮU NGHỊ

Địa chỉ : Xã Thọ Lộc - huyện Phúc Thọ - thị xã Sơn Tây

ĐT : (034) 848495 - 848332

Hiệu trưởng : Hoàng Huy Toàn

Trường bổ túc văn hóa Hữu Nghị thuộc Bộ Giáo dục - Đào tạo được thành lập tháng 6 năm 1980.



Hiệu trưởng : HOÀNG HUY TOÀN

Chức năng nhiệm vụ :

- Từ năm thành lập đến nay trường đào tạo cán bộ giúp nước bạn Lào.
- Năm 1993 đến năm 1994 đào tạo giáo viên cắm bản có thêm bằng y tá.
- Từ năm 1995 đến nay được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo văn hóa cho cán bộ, thanh niên các dân tộc miền núi phía Bắc.

21 năm qua Trường bổ túc văn hóa Hữu Nghị đã đào tạo :



Lễ đón nhận Huân chương

I : CÁN BỘ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Tổng số 1239 lưu học sinh có 314 nữ

Có 1050 đồng chí (250 nữ) đi học Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

+ Trong đó :

- Cấp huyện 450
- Cấp tỉnh 349
- Cấp trung ương, quân đội 254

+ Có 186 lưu học sinh Lào học ở 16 trường đại học Việt Nam

Khi về nước về nhiều học viên được giữ trọng trách trong bộ máy đảng, chính quyền, đoàn thể, quân đội, từ trung ương đến địa phương.

II. ĐÀO TẠO HỌC VIÊN DÂN TỘC :

1) Giáo viên cắm bản có bằng y tá : tổng số 67, 24 nữ

2) Học sinh dân tộc nội trú

- Năm học 1995 - 1996, có 85 học sinh, nữ 41
- Năm học 1996 - 1997, có 212 học sinh, nữ 77
- Năm học 1998 - 1999, có 327 học sinh, nữ 110
- Năm học 1999 - 2000, có 384 học sinh, nữ 121
- Năm học 2000 - 2001, có 414 học sinh, nữ 131
- Năm học 2001 - 2002, có 400 học sinh, nữ 126

Thi tốt nghiệp hàng năm đạt 97 đến 100%.

Đến nay đã có 22 tỉnh miền núi và 28 dân tộc ít người có học sinh tại trường.



Đội văn nghệ

Khen thưởng :

Năm 1985 được Huân chương lao động hạng ba.

Năm 1989 được Huân chương lao động hạng nhì.

Năm 2001 được Huân chương lao động hạng nhất.



Đón tiếp lưu học sinh Lào

Được Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào tặng :

Năm 1986 Huân chương ITXALA (tự do)

Năm 2000 Huân chương lao động hạng nhì.

- Cá nhân :

Có hai cán bộ giáo viên được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Có 17 cán bộ, giáo viên, công nhân viên được Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào tặng huân chương trong đó có :

2 Huân chương ITXALA (tự do) hạng nhất

4 Huân chương ITXALA (tự do) hạng nhì

5 Huân chương ITXALA (tự do) hạng ba

Có 15 cán bộ, giáo viên được Bộ giáo dục và Đào tạo tặng Huân chương **"Vì sự nghiệp giáo dục"**

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 627 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768.* **Tạp Chí Cộng Sản điện tử :** *http:// www.tapchicongsan.org.vn ;*
Email : bbttccs@.hn.vnn.vn ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : VŨ VĂN HIỀN**

21
11-2001

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	NGUYỄN TẤN DŨNG - Về đường lối và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng tại Đại hội IX	3
	NGUYỄN NGỌC HIẾN - Cải cách hành chính theo tinh thần dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992	10
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	VŨ HIỂN - Thế giới chống tham nhũng	14
	LÊ TRỌNG - Bàn về cuộc đấu tranh chống tham nhũng ở nước ta	18
	HỒ BÁ THÂM - Suy nghĩ thêm về nền dân chủ ở nước ta hiện nay	22
	NGUYỄN VĂN ĐỘNG - Về mối quan hệ giữa nhà nước và công dân ở Việt Nam	26
	NGUYỄN PHAN THỌ - Sân khấu Xô viết và ảnh hưởng của nó đối với sân khấu Việt Nam	30
	ĐÀO XUÂN THƯỞNG - Đào tạo nguồn nhân lực cho đồng bằng sông Cửu Long	33
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	VŨ NGỌC AM - Mấy vấn đề hiệu quả và đánh giá hiệu quả việc học tập nghị quyết của Đảng	36
	NGUYỄN CHÍ MỸ - Đổi mới công tác tư tưởng ở cơ sở	39
	VŨ NGỌC LÂN - NGUYỄN THÁI SƠN - Ghi nhận qua những nẻo đường Tây Nguyên	43
	TIẾN HẢI - Từ "địa ngục trần gian" đến "thiên đàng tại thế"	52
	PHẠM SONG - Vượt lên thách thức mới về sức khỏe sinh sản và HIV/AIDS	57
	BÙI ĐƯỜNG NGHIÊU - Một số vấn đề trong quan hệ tài chính giữa Trung ương và địa phương	61
	TRẦN ĐÌNH ĐÀN - NGUYỄN SĨ ĐẠI - Xóa đói, giảm nghèo ở Hà Tĩnh	65
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	TỰ NHIÊN - Khủng bố và chống khủng bố	69
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	PHĂN-ĐUÔNG-CHÍT VÔNG-SA - Đảng Nhân dân cách mạng Lào tăng cường giáo dục lý luận trong thời kỳ đổi mới	70
	NGUYỄN HUY QUÝ - Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc : mười năm khôi phục và phát triển (1991 - 2001)	73
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	- Hội nghị triển khai hướng dẫn về công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng	76

Bìa 1 : *Làm đường Hồ Chí Minh, ở Quảng Bình* *Ảnh : TTXVN*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ТАН ЗУНГ: О курсе и стратегии социально-экономического развития Партии на ее IX-ом Съезде. НГУЕН НГОК ХИЕН: Административные реформы в духе Проекта Поправок к 1992ой Конституции. ВУ ХИЕН: Мир против коррупции. ЛЕ ЧОНГ: Обсуждение о борьбе против корупции в нашей стране. НГУЕН ВАН ДОНГ: Об отношениях между государством и гражданами во Вьетнаме. ХО БА ТХАМ: Расширенное мышление о демократии в нашей стране на нынешнем этапе. НГУЕН ФАН ТХО: Советский театр и его влияние на Вьетнамский театр. ДАО СУАН ТХЫОНГ: Подготовка людских ресурсов для Кыулонгской дельты. ФАН-ДУОНГ-ЧИТ ВОНГ-ША: Лаоская Народно- Революционная Партия усиливает теоретическое воспитание в периоде обновления. НГУЕН ТХУ КУЙ: Вьетнамо-китайские отношения: 10 лет восстановления и развития (1991-2001).

CONTENTS

NGUYỄN TẤN DŨNG: Regarding Party socio-economic development lines and strategy at her IX congress. NGUYỄN NGỌC HIẾN: Administrative reforms in the spirit of Draft of Amendments to 1992 Constitution. VŨ HIỀN: The World against corruption. LÊ TRỌNG: Discussion on the struggle against corruption in our country. HỒ BÁ THÂM: Additional thoughts about democracy in our country at the present stage. NGUYỄN VĂN ĐỘNG: On state-citizen relationship in Vietnam. NGUYỄN PHAN THỌ: Soviet theatre and its influence on Vietnam theatre. ĐÀO XUÂN THƯỞNG: Training of manpower sources for the Cuu Long delta. PHĂN-ĐUÔNG-CHÍT VÔNG-SA: The Laos People's Revolutionary Party increasing theoretical education in the renovation period. NGUYỄN HUY QUÝ: Vietnamese – Chinese relationship: 10 years of recovery and development (1991-2001).

SOMMAIRE

NGUYỄN TẤN DŨNG: Sur la ligne et la stratégie du développement socio-économique au IXe Congrès national du PCV. NGUYỄN NGỌC HIẾN: La réforme administrative suivant l'esprit du Projet de l'amendement de la Constitution de 1992. VŨ HIỀN: Le monde contre la corruption. LÊ TRỌNG: Diverses opinions sur la lutte contre la corruption au Viêt-nam. HỒ BÁ THÂM: Quelques réflexions autour la notion "démocratie" au Viêt-nam. NGUYỄN VĂN ĐỘNG: Sur les relations "Etat-citoyen" au Viêt-nam. NGUYỄN PHAN THỌ: Le théâtre soviétique et son influence sur le théâtre vietnamien. ĐÀO XUÂN THƯỞNG: Formation des ressources humaines pour le delta du Mékong. PHĂN-ĐUÔNG-CHÍT VÔNG-SA: Le Parti populaire révolutionnaire du Laos renforce l'éducation théorique dans la période de renouveau. NGUYỄN HUY QUÝ: Les relations Viêt-nam-Chine : 10 ans de rétablissement et de développement (1991-2001).

SUMARIO

NGUYỄN TẤN DŨNG: Sobre el lineamiento y la estrategia del desarrollo socio-económico del IX Congreso Nacional del PCV. NGUYỄN NGỌC HIẾN: La reforma administrativa según el espíritu del proyecto de la modificación de la Constitución de 1992. VŨ HIỀN: El mundo contra la corrupción. LÊ TRỌNG: Discuciones sobre la lucha contra la corrupción en Vietnam. HỒ BÁ THÂM: Algunas reflexiones alrededor de la noción "democracia" en Vietnam en la actualidad. NGUYỄN VĂN ĐỘNG: Sobre las relaciones entre el Estado y el ciudadano en Vietnam. NGUYỄN PHAN THỌ: El teatro soviético y su influencia para con el teatro vietnamita. ĐÀO XUÂN THƯỞNG: Formación del recurso humano para el delta del Mekong. PHĂN-ĐUÔNG-CHÍT VÔNG-SA: El Partido Popular Revolucionario Laosiano refuerza la educación teórica en el período de renovación. NGUYỄN HUY QUÝ: Relaciones vietnamo-chinas: Díez años de restablecimiento y desarrollo (1991 - 2001).

目录

阮晋勇: 党"九大"关于经济—社会发展的路线和战略 • 阮玉宪: 以1992年宪法修改草案的精神进行行政改革 • 武贤: 世界反贪污腐败 • 黎仲: 论我国反贪污腐败斗争 • 胡伯深: 对我国目前的民主基础的再思考 • 阮文动: 有关越南国家及公民的关系 • 阮潘寿: 苏维埃戏剧及其对越南戏剧的影响 • 陶春赏: 为九龙江平原培训人力资源 • PHAN-DUONG-CHIT VONG-SA: 老挝人民革命党加强在革新时期的理论教育 • 阮辉贵: 越—中关系: 十年恢复和发展(1991年-2001年).

Digitized by Google

VỀ ĐƯỜNG LỐI VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐẢNG TẠI ĐẠI HỘI IX

NGUYỄN TẤN DŨNG *

TRONG quá trình đổi mới, Đảng ta luôn xác định nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, nhiệm vụ then chốt là xây dựng Đảng. Đó là quan điểm nhất quán của Đảng và đã được thể hiện trong văn kiện của các kỳ đại hội. Báo cáo Chính trị tại Đại hội IX lần này đã dành một phần riêng (phần IV) nói về ***Đường lối và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội*** nhằm xác định nội dung cơ bản của đường lối kinh tế trong 20 năm đầu của thế kỷ XXI và một hệ thống các quan điểm chỉ đạo, những định hướng lớn của Chiến lược 10 năm (2001 - 2010) và kế hoạch 5 năm (2001 - 2005).

I. ĐƯỜNG LỐI PHÁT TRIỂN KINH TẾ.

Xuất phát từ tình hình trong nước và quốc tế, Đảng ta xác định đường lối phát triển kinh tế trong thời gian tới với những nội dung chủ yếu là :

1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH), xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp. Có thể nói, đây là tư tưởng chiến lược rất quan trọng, là mục tiêu cơ bản của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay, bởi vì muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) từ một nước nông nghiệp, không kinh qua chế độ tư bản chủ nghĩa, chúng ta phải tiến hành CNH để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH. Nhưng CNH ở nước ta lại đang được tiến hành trong bối cảnh thế giới đã có nhiều thay đổi, đặc biệt là sự phát triển rất nhanh cả về quy mô và chất lượng của lực lượng sản xuất trên nền tảng của một cuộc cách mạng mới về khoa học và công nghệ ; một số nước phát triển trên thế giới đã đi qua giai đoạn phát triển đại công nghiệp và bước sang phát triển kinh tế tri thức. Do đó, con đường CNH, HĐH của nước ta đòi hỏi chúng ta phải lựa chọn những mô hình và bước đi thật thích hợp, có bước tuần tự, có bước nhảy vọt, phát huy cao nhất những lợi thế của đất nước, trước hết là nguồn lực con người, phát triển mạnh giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, tận dụng mọi khả năng tranh thủ đi tắt đón đầu để sớm đạt trình độ tiên tiến, hiện đại ở những ngành, những khâu, những lĩnh vực có điều kiện, rút ngắn thời gian công nghiệp hóa, từng bước phát triển kinh tế tri thức, thu hẹp khoảng cách với sự phát triển chung của thế giới.

Công cuộc CNH, HĐH nền kinh tế nước ta đang diễn ra trong xu thế toàn cầu hóa kinh tế, các quốc gia đều mở rộng các quan hệ kinh tế đối ngoại. Thực chất đó là một nấc thang phát

---

* Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ

Digitized by Google

triển cao của lực lượng sản xuất, mà cụ thể là của quá trình phân công lao động quốc tế, như C.Mác đã từng dự kiến, và chính nó đang làm cho sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế ngày càng tăng lên đi đôi với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt. Hội nghị giữa nhiệm kỳ (khóa VII) của Đảng cũng đã đưa ra tư tưởng *"giữ vững độc lập, tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại"*, Đại hội VIII tiếp tục khẳng định quan điểm chỉ đạo ấy, và Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII nêu quan điểm "... kiên trì đường lối kinh tế đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở...", đến Đại hội IX, lần đầu tiên Đảng ta đưa ra chủ trương xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong quá trình tiến hành đổi mới, hội nhập, mở rộng quan hệ đối ngoại. Độc lập tự chủ không có nghĩa là đóng cửa, khép kín, bài ngoại mà là chủ động hội nhập ngày càng nhiều hơn, hiệu quả hơn vào kinh tế quốc tế, không phụ thuộc vào sức ép từ bên ngoài. Đại hội khẳng định : "... trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách, đồng thời có tiềm lực kinh tế đủ mạnh : có mức tích lũy ngày càng cao từ nội bộ nền kinh tế ; có cơ cấu kinh tế hợp lý, có sức cạnh tranh ; kết cấu hạ tầng ngày càng hiện đại và có một số ngành công nghiệp nặng then chốt ; có năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ ; giữ vững ổn định kinh tế - tài chính vĩ mô ; bảo đảm an ninh lương thực, an toàn năng lượng, tài chính, môi trường..." (1). Để có được quan điểm như vậy, Đảng đã xuất phát từ kinh nghiệm thực tế của chúng ta và của nhiều quốc gia khác, từ nhận thức sâu sắc về nhiều mặt của quá trình toàn cầu hóa kinh tế hiện nay. Quan niệm đó vừa đúng về mặt nguyên tắc, quan điểm, đường lối, vừa xuất phát từ đòi hỏi của thực tiễn, không chỉ để bảo đảm có một nền chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh độc lập tự chủ vững chắc, giữ vững định hướng XHCN, mà còn là cơ sở bảo đảm cho sự phát triển bền vững lâu dài của đất nước, làm cho việc mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế thật sự có hiệu quả.

2. Ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ Đại hội VI, Đảng ta đã rút ra bài học quan trọng là lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ, có những yếu tố vượt quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Theo quy luật khách quan, bất kỳ sự thay đổi nào của quan hệ sản xuất, nhất là quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất, cũng đều là kết quả tất yếu của sự phát triển lực lượng sản xuất, do lực lượng sản xuất quy định. Do đó, ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất là sự lựa chọn đúng quy luật, lựa chọn đúng mắt xích quan trọng nhất của tiến trình đưa đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát triển. Muốn vậy, điều hết sức quan trọng là phải tìm cách khơi dậy mọi tiềm năng, mọi nguồn lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, nhưng đồng thời phải từng bước và kịp thời điều chỉnh, cải biến các yếu tố của quan hệ sản xuất cho phù hợp. Ở đây cần lưu ý : ***Một mặt,*** tiêu chuẩn căn bản để xem xét một hình thức cụ thể nào đó của quan hệ sản xuất có phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất hay không là việc nó có tác dụng đến đâu trong việc thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. ***Mặt khác,*** trong nền kinh tế thị trường của nước ta, việc xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất phải bảo đảm được định hướng XHCN, nghĩa là, cùng với việc thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, nó cũng phải góp phần đắc lực vào việc cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện công

(1) *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2001, tr 91, 92

Digitized by Google

bằng xã hội, tạo cơ hội đồng đều cho mọi người lao động và các tầng lớp dân cư, các cộng đồng dân tộc trong việc thụ hưởng các thành quả của sự phát triển, cũng như tham gia đóng góp vào công cuộc phát triển của đất nước.

Về mặt lý luận, rõ ràng khi lực lượng sản xuất đạt tới trình độ xã hội hóa cao và hiện đại thì đòi hỏi tất yếu phải xác lập chế độ sở hữu công cộng về những tư liệu sản xuất chủ yếu, chế độ công hữu này sẽ chiếm ưu thế tuyệt đối. Nhưng để đạt tới trình độ đó tất yếu phải trải qua một quá trình phát triển lâu dài. Vì vậy, cái chính hiện nay là làm thế nào để cải biến dần dần quan hệ sản xuất, phát triển từ thấp đến cao theo tính chất và trình độ đạt được của lực lượng sản xuất. Trong điều kiện lực lượng sản xuất phát triển rất không đều giữa các ngành, vùng, và ngay trong nội bộ từng ngành, vùng, thì việc còn tồn tại nhiều trình độ khác nhau của quan hệ sản xuất với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế là một tất yếu khách quan. Bởi vậy, muốn thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, Nhà nước cần có chính sách phù hợp với từng thành phần kinh tế.

Từ Đại hội VI đến nay, Đảng ta đã thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, coi đây là một giải pháp chiến lược nhằm giải phóng và khai thác tối đa các tiềm năng hiện có để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý. Đồng thời, luôn khẳng định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Đại hội IX khẳng định thêm "các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN" và "Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách đối với doanh nghiệp nhà nước để... doanh nghiệp cạnh tranh bình đẳng trên thị trường...".

3. Phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững. Quá trình khu vực hóa và toàn cầu hóa đang làm cho các nước, nhất là các nước chậm phát triển và đang phát triển, đứng trước nhiều thời cơ mới đi đôi với nhiều thách thức gay gắt, mà cách ứng xử thích hợp nhất là không tự cô lập mình và đứng ngoài quá trình ấy. Thực tế cho thấy, nước nào có chiến lược kinh tế đối ngoại thích hợp, sẽ vừa tranh thủ được ngoại lực, vừa phát huy được nội lực để phát triển nhanh và bền vững.

Dựa trên sự tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của 15 năm đổi mới, tại Đại hội IX, Đảng ta lần đầu tiên nêu rõ quan điểm và chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Điều đáng lưu ý là trong hội nhập kinh tế quốc tế việc sử dụng hiệu quả nguồn ngoại lực lại rất tùy thuộc vào năng lực hấp thụ ở trong nước, trong đó yếu tố quyết định là con người, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và năng lực quản lý. Nhiều nước do năng lực hấp thụ ở mức thấp, lại thêm nạn tham nhũng làm thất thoát, lãng phí..., nên kết cục là càng vay nhiều càng nghèo thêm, gánh nặng nợ nần ngày một chồng chất.

Ngay từ những năm đầu của chính quyền cách mạng, mặc dù lúc đó viện trợ và vốn vay bên ngoài chủ yếu từ các nước trong phe XHCN, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn : sự giúp đỡ từ bên ngoài chỉ như thêm vốn cho ta. "Ta phải khéo dùng cái vốn ấy để bồi bổ lực lượng của ta, phát triển khả năng của ta. Song nhân dân và cán bộ ta tuyệt đối chớ vì bạn ta giúp nhiều mà đâm ra ỷ lại" (2). Hiểu một cách

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 8, tr 30

Digitized by Google

thấu đáo là có phát huy cao độ nội lực mới sử dụng hiệu quả ngoại lực, kết hợp nội lực với ngoại lực thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước nhanh và bền vững.

4. Tăng trưởng kinh tế đi liền với phát triển văn hóa, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường. Thực tiễn của các nước đang phát triển cho thấy, có 3 hình thái tăng trưởng phổ biến sau :

- Tăng trưởng kinh tế trước rồi giải quyết công bằng xã hội sau, chú trọng tăng GDP bằng bất cứ giá nào. Hình thái này thường dẫn đến hậu quả nặng nề về mặt xã hội, thậm chí bất công xã hội có thể dẫn đến xung đột và mất ổn định chính trị, có thể làm tiêu tan mọi kết quả tăng trưởng.

- Dựa vào viện trợ và vay nợ nước ngoài để giải quyết khó khăn trước mắt về đời sống nhằm tạo tiền đề cho tăng trưởng kinh tế. Nhưng sử dụng vốn nước ngoài kém hiệu quả, để thất thoát nhiều, rốt cuộc đã không tăng trưởng được, lại còn mất khả năng trả nợ, lún sâu vào trì trệ, lệ thuộc bên ngoài, nhiều khi phát sinh khủng hoảng cả về kinh tế, chính trị.

- Tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, kinh tế tăng trưởng đến đâu mức sống của người lao động được nâng dần lên đến đó, người lao động phấn khởi, nhiệt tình đẩy mạnh sản xuất kinh doanh hơn nữa tạo thêm của cải vật chất cho xã hội, bảo đảm nền kinh tế phát triển bền vững trên cả ba mặt : kinh tế, xã hội, môi trường.

Chúng ta đã lựa chọn mô hình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, gắn liền tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, thực hiện ngay trong từng bước sự tiến bộ và công bằng xã hội, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, chăm lo đúng mức việc bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên, cân bằng sinh thái.

5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh. Theo nhận định chung của Đại hội IX, tình hình khu vực và thế giới cho phép chúng ta tập trung sức vào nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, nhưng cũng đòi hỏi chúng ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chủ động đối phó với những tình huống phức tạp, bất trắc có thể xảy ra, nhất là những âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù định đối với công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta.

Vì vậy, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường quốc phòng - an ninh là một chủ trương lớn, nhất quán và xuyên suốt trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội. Phải có tiềm lực kinh tế mới tạo được nguồn lực và cơ sở vật chất - kỹ thuật cho việc tăng cường quốc phòng - an ninh ; đồng thời quốc phòng - an ninh mạnh sẽ tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Lợi ích của hai nhiệm vụ chiến lược : xây dựng và bảo vệ đất nước là một chỉnh thể thống nhất. Bởi vậy, phải coi trọng việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ chiến lược này cho phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể, từng ngành, từng vùng, từng địa phương ; thể hiện trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, trong từng dự án và công trình.

II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2001 - 2010.

Cụ thể hóa đường lối kinh tế và trên cơ sở tổng kết Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000, Đại hội IX đã xác định Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu của thế kỷ XXI : *Chiến lược đẩy mạnh*

Digitized by Google

CNH, HĐH theo định hướng XHCN, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Đây chính là mục tiêu chủ yếu là nội dung cốt lõi của Chiến lược này.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 đã đề ra các mục tiêu và định hướng lớn, nội dung chính có thể được khái quát trên những điểm sau :

1. Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. GDP bình quân đầu người là một trong những chỉ tiêu quan trọng để đánh giá trình độ phát triển của một nước. Ngoài ra, còn có chỉ số phát triển con người (HDI) và một số chỉ tiêu khác. Nếu tính theo GDP thì nước ta đã đạt khoảng 400 USD/người/năm, trong khi dưới 500 USD được coi là nước kém phát triển. Căn cứ vào số liệu dự báo về mức tăng dân số và mục tiêu đặt ra về tăng trưởng GDP, đến năm 2010 GDP bình quân đầu người của nước ta sẽ đạt 700 - 750 USD, theo tiêu thức trên, nước ta sẽ ra khỏi nhóm nước kém phát triển.

Từ thực tiễn 10 năm qua và với điều kiện hiện nay, trên cơ sở cân đối các nguồn lực và với quyết tâm thực hiện tốt các khâu đột phá mà Đại hội IX đã đề ra, khả năng đạt tốc độ tăng trưởng ít nhất 7,2%/năm giai đoạn 2001 - 2010 là hoàn toàn có tính hiện thực. Đương nhiên, để đạt được mục tiêu đó đòi hỏi phải có quyết tâm lớn của toàn Đảng, toàn dân, của tất cả các cấp, các ngành, các thành phần kinh tế ; đồng thời phải có sự nắm bắt nhanh nhạy thời cuộc và điều hành sát sao của Chính phủ.

2. Tạo nền tảng để năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Có nhiều chỉ tiêu để đánh giá một nước công nghiệp, trong đó quan trọng là lao động công nghiệp trong tổng số lao động cả nước phải chiếm tỷ lệ cao hơn đáng kể so với lao động trong lĩnh vực nông nghiệp (những nước công nghiệp phát triển tỷ lệ lao động nông nghiệp chỉ chiếm 2 - 6%). Nước ta phấn đấu đến năm 2010 lao động nông nghiệp còn khoảng 50% và sẽ giảm mạnh trong 10 năm tiếp theo. Bên cạnh việc tất cả các ngành đều tăng trưởng nhanh về số tuyệt đối, thì tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP ngày càng lớn, dự kiến năm 2010 là khoảng 83 - 84% và năm 2020 khoảng trên dưới 90% ; khoa học và công nghệ có khả năng nắm bắt và vận dụng được nhiều thành tựu mới nhất của thế giới ; chế độ sở hữu, cơ chế quản lý, chế độ phân phối gắn kết với nhau tạo ra động lực giải phóng và phát triển mạnh sức sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội ; nhân dân có cuộc sống no đủ, có nhà ở tương đối tốt, có điều kiện thuận lợi về đi lại, học hành, chữa bệnh, có mức hưởng thụ văn hóa khá ; quan hệ xã hội lành mạnh, lối sống văn minh, gia đình hạnh phúc.

Trên con đường tiến tới mục tiêu về cơ bản trở thành một nước công nghiệp, từ nay đến năm 2010 chúng ta phấn đấu xây dựng cho được nền tảng của nó. Đó là : xây dựng tiềm lực kinh tế và cơ sở vật chất - kỹ thuật, bao gồm kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ; nền công nghiệp có sức cạnh tranh, trong đó có công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp quốc phòng ; nền nông nghiệp hàng hóa lớn ngày càng hiện đại ; các ngành dịch vụ cơ bản ; tiềm lực khoa học và công nghệ. Đó cũng là phát triển mạnh nguồn lực con người Việt Nam với yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp CNH, HĐH. Đó còn là xây dựng để hình thành về cơ bản và vận hành thông suốt, có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN với vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Như vậy, nền tảng cho một nước công nghiệp nói ở đây bao gồm cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cả cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng xã hội.

Digitized by Google

Mười và hai mươi năm tới sẽ đánh dấu một chặng đường phát triển quan trọng của đất nước trên con đường CNH, HĐH và xây dựng CNXH. Nếu chúng ta thực hiện thắng lợi những mục tiêu như Chiến lược đã đề ra, chẳng những chúng ta có tiềm lực về kinh tế, khoa học và công nghệ, mà chất lượng cuộc sống của nhân dân được nâng cao, mọi người được sống trong một xã hội an toàn, ổn định, có một nền văn hóa lành mạnh, môi trường tự nhiên và sinh thái được bảo vệ và cải thiện, quốc phòng - an ninh được giữ vững, quan hệ quốc tế rộng mở và vị thế của nước ta trên trường quốc tế sẽ tiếp tục được nâng cao.

3. Những giải pháp lớn phát triển kinh tế - xã hội trong 10 năm tới .

- Phát triển kinh tế nhanh, có hiệu quả và bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng CNH, HĐH. Cơ cấu ngành là cốt lõi và là nhân tố quan trọng nhất quyết định hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Cơ cấu kinh tế gắn với cơ cấu đầu tư, trước hết phải dựa trên cơ sở phát huy mọi nguồn lực để phát triển nhanh và có hiệu quả những sản phẩm, những ngành, lĩnh vực mà nước ta có lợi thế, đáp ứng nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường trong nước và thế giới. Cùng với đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ, Chiến lược xác định phải tăng cường sự chỉ đạo và huy động các nguồn lực cần thiết để đẩy nhanh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, tiếp tục phát triển nông, lâm, ngư nghiệp lên một trình độ mới.

Về cơ cấu vùng kinh tế, một mặt, phải chấp nhận sự chênh lệch (chưa thể xóa bỏ) trong sự phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng ; mặt khác, phải tạo điều kiện cho mọi vùng đều phát triển ; nhà nước thúc đẩy các vùng kinh tế trọng điểm phát huy vai trò đầu tàu tăng trưởng nhanh ; đồng thời đầu tư thích đáng hơn cho các vùng có nhiều khó khăn sớm vượt qua tình trạng kém phát triển. Bởi vậy, cơ cấu đầu tư phải cân nhắc thật kỹ quan điểm cơ cấu vùng và gắn việc phát triển cơ cấu vùng kinh tế hợp lý với việc xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh toàn dân cả trên đất liền và vùng biển.

Về cơ cấu thành phần kinh tế, Đại hội IX xác định trong nền kinh tế đang tồn tại ba hình thức sở hữu cơ bản : sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân. Các hình thức sở hữu có thể tồn tại riêng biệt hoặc đan xen, hỗn hợp, tạo thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng. Khác với trước đây, lần này Đại hội phân định các thành phần kinh tế ở nước ta bao gồm : kinh tế nhà nước ; kinh tế tập thể ; kinh tế cá thể, tiểu chủ ; kinh tế tư bản tư nhân ; kinh tế tư bản nhà nước ; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Xác định thành phần kinh tế tập thể để có sự phân biệt với kinh tế hợp tác là một hình thức tổ chức sản xuất - kinh doanh. Ngoài ra, cách phân định thành phần kinh tế như trên cũng phản ánh đúng thực tiễn phát triển của đất nước và để có chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển phù hợp.

- Từ Đại hội VIII, Đảng ta đã nêu ra một số nhận thức mới về cơ chế quản lý nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đại hội IX khẳng định *tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường, đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước và lần đầu tiên nêu rõ chủ trương hình thành thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN.* Phương hướng cụ thể là thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường, bao gồm : thị trường hàng hóa và dịch vụ, lao động, khoa học và công nghệ, vốn (cả thị trường chứng khoán) và tiền tệ, bất động sản, quyền sử dụng đất... Hoàn thiện các loại thị

Digitized by Google

trường đi đôi với xây dựng khuôn khổ pháp lý của thể chế kinh tế thị trường vừa để phát huy tốt những mặt tích cực của cơ chế thị trường, vừa hạn chế tối đa những mặt trái của nó ; đồng thời khắc phục những hạn chế yếu kém của quản lý nhà nước, như bao cấp, độc quyền, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, sách nhiễu gây phiền hà...

Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng để các doanh nghiệp cạnh tranh và hợp tác phát triển. Bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách, kết hợp với sử dụng lực lượng vật chất của mình, Nhà nước định hướng phát triển kinh tế - xã hội, khai thác hợp lý các nguồn lực của đất nước, bảo đảm cân đối vĩ mô nền kinh tế, điều tiết thu nhập. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng kiểm tra, kiểm soát, thanh tra mọi hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, chống buôn lậu, làm hàng giả, gian lận thương mại.

- *Giải quyết tốt các vấn đề xã hội.* Đây vừa là giải pháp, vừa là mục tiêu lớn của Đảng ta, bởi vì bản chất của chế độ ta là vì con người, đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và lấy việc nâng cao chất lượng cuộc sống con người làm mục tiêu phục vụ. Phát triển kinh tế theo định hướng XHCN lại càng đòi hỏi phải giải quyết tốt những vấn đề xã hội và bảo đảm sự phát triển bền vững. Bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường quyện vào nhau, hòa nhập vào nhau để tạo ra động lực phát triển nội tại. Đó là sự khác nhau về chất của CNXH so với chủ nghĩa tư bản. Đại hội IX khẳng định : "Thực hiện các chính sách xã hội hướng vào phát triển và lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp" (3) và "Các chính sách xã hội được tiến hành theo tinh thần xã hội hóa, đề cao trách nhiệm của chính quyền các cấp, huy động các nguồn lực trong nhân dân và sự tham gia của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội" (4).

- Để đưa Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 vào cuộc sống, Đại hội IX đã xác định phải tập trung sức để đột phá những lĩnh vực then chốt, từ đó làm chuyển động toàn bộ tình hình.

Tiếp tục đổi mới, xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN mà trọng tâm là đổi mới cơ chế, chính sách nhằm giải phóng triệt để lực lượng sản xuất, mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Đây cũng là thể hiện tư tưởng, đường lối chính trị của Đảng trong giai đoạn hiện nay nhằm phát huy sức mạnh của toàn dân tộc trong công cuộc CNH, HĐH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng "coi phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của sự nghiệp CNH, HĐH" (5).

Đổi mới tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, trọng tâm là cải cách hành chính, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh. Cần sớm khắc phục sự chậm trễ trong lĩnh vực này.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo ra sự thống nhất cao về nhận thức, ý chí và hành động ở mọi cấp, mọi ngành, từ Trung ương đến cơ sở, điều này có ý nghĩa rất quyết định cho việc thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 -2010. ❑

---

(3) *Văn kiện đã dẫn*, tr 104
(4) *Văn kiện đã dẫn*, tr 108
(5) *Văn kiện đã dẫn*, tr 91

Digitized by Google

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THEO TINH THẦN DỰ THẢO SỬA ĐỔI HIẾN PHÁP 1992

NGUYỄN NGỌC HIẾN *

TRONG gần một thập kỷ qua, gắn liền với tiến trình đổi mới đất nước, Hiến pháp năm 1992 đã góp phần hết sức to lớn vào việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thể chế hóa các quan điểm đúng đắn của Đảng và nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, trước những yêu cầu và đòi hỏi mới của thực tiễn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Hiến pháp năm 1992 đã bộc lộ một số vấn đề bất cập, cần phải được bổ sung, sửa đổi kịp thời nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước trong thời kỳ mới. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã đề ra nhiệm vụ : "Khẩn trương nghiên cứu, đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 phù hợp với tình hình mới" (1).

Bản Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 (dưới đây xin gọi tắt là Dự thảo) đã đáp ứng ở một mức độ nhất định những yêu cầu về tổ chức bộ máy và quản lý nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước. Đồng thời, Dự thảo lần này cũng đã phản ánh những định hướng quan trọng đối với công cuộc cải cách hành chính ở nước ta. Ở đây chỉ xin đề cập 2 nội dung quan trọng của cải cách hành chính trong Dự thảo.

1. Cải cách bộ máy hành chính nhà nước và thể chế hành chính.

Dự thảo đã đưa ra những quy định quan trọng định hướng xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hóa ở nước ta. Điều 109, Hiến pháp 1992 đã xác định : "Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" (2). Bản Dự thảo tiếp tục khẳng định vai trò đó của Chính phủ và về cơ bản vẫn giữ nguyên các quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ. Đồng thời, Dự thảo quy định việc điều chỉnh chức năng và cải tiến phương thức hoạt động của Chính phủ theo hướng thống nhất quản lý vĩ mô việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

Dự thảo đề nghị xem xét bỏ quy định về thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của thủ trưởng cơ quan trực thuộc Chính phủ. Nội dung này thể hiện và thực hiện quan điểm của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về việc "Tinh giản các tổ chức trực thuộc Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, trước hết cần giảm ngay các đầu mối không hợp lý" (3). Trong quá trình thực hiện cải cách hành chính, việc tinh giản các cơ quan trực thuộc Chính phủ sẽ làm cho bộ máy chính phủ gọn nhẹ hơn. Hiện nay, Chính phủ có 24 cơ quan trực thuộc,

---

* TS, Giám đốc Học viện Hành chính quốc gia

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 132 - 133

(2) *Hiến pháp Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr 178

(3) *Văn kiện Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr 38

Digitized by Google

trong đó có 14 cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước. Với việc sửa đổi Hiến pháp, vấn đề này trở thành một nguyên tắc, có tác dụng hạn chế và ngăn ngừa sự "phình to" một cách tùy tiện của bộ máy hành chính nhà nước. Theo tinh thần đó, trong thời gian tới, chúng ta phải từng bước giải thể hoặc sáp nhập các cơ quan trực thuộc Chính phủ có chức năng quản lý nhà nước vào các bộ có chức năng tương tự. Tiến tới, các cơ quan thuộc Chính phủ chỉ được thành lập nhằm giúp Chính phủ trong một số lĩnh vực sự nghiệp hoặc nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (không có chức năng quản lý nhà nước).

Dự thảo đã quy định việc Thủ tướng có quyền điều động, bổ nhiệm Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp trên có thể điều động, bổ nhiệm Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp. Việc đưa quy định này vào Hiến pháp là một bước tiến quan trọng và cần thiết để bảo đảm một nền hành chính thống nhất, thông suốt, nâng cao tính tự chịu trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp. Quy định này sẽ góp phần khắc phục được tình trạng "trên bảo dưới không nghe", lập lại trật tự kỷ cương trong bộ máy hành chính.

Tuy không đề cập đến vấn đề cải cách thể chế hành chính, song với việc khẳng định quan điểm xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta. Dự thảo đã đặt ra yêu cầu to lớn về việc cải cách thể chế hành chính. Nhà nước pháp quyền là một nhà nước mà phương thức tổ chức và hoạt động của nó dựa trên cơ sở pháp luật. Đó là một căn cứ quyết định đối với việc đẩy mạnh cải cách thể chế hành chính ở nước ta, đòi hỏi các cơ quan nhà nước phải nghiên cứu ban hành một hệ thống pháp luật phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước, tạo điều kiện thuận lợi cho sự chuyển đổi nền kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường và tạo ra cơ chế hoạt động có hiệu quả của bộ máy nhà nước.

2. Tăng cường quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực.

Quản lý nhà nước về kinh tế

Nhiệm vụ trung tâm của nước ta hiện nay là phát triển kinh tế. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã xác định "Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; đó chính là *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*" (4). Do đó, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 phải hướng vào nhiệm vụ trung tâm đó. Trong nền kinh tế hiện vật và bao cấp, Nhà nước không những thực hiện sự quản lý toàn diện đối với xã hội, mà còn nhận lấy những trách nhiệm làm nhiều việc lẽ ra các cộng đồng dân cư, cộng đồng xã hội, từng công dân, từng gia đình có thể đảm nhận. Nền kinh tế thị trường đòi hỏi phải tăng cường quản lý nhà nước một cách có hiệu lực, hiệu quả, uy quyền, bảo đảm một trật tự kinh tế có kỷ cương, phép nước, đồng thời tạo điều kiện cho nhân dân phát triển cả kinh tế và các lĩnh vực xã hội. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã nỗ lực rất nhiều trong phát triển kinh tế thị trường, nhưng kết quả đạt được còn hạn chế. Cho đến nay, quản lý nhà nước vẫn chưa thoát ra khỏi thể chế chủ quản, cơ chế "xin - cho". Điều đó dẫn đến chỗ sự phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta chưa được như mong muốn, làm cho bộ máy nhà nước chưa phát huy vai trò chủ động trong quản lý xã hội, làm nảy sinh nhiều tiêu cực trong đời sống kinh tế - xã hội.

Những đòi hỏi bức xúc về một cuộc cải cách bộ máy nhà nước, trọng tâm là cải cách nền hành chính, đã trở thành một yêu cầu nội tại của cải cách kinh tế, là một nguồn lực bên trong của

(4) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 86

Digitized by Google

sự phát triển kinh tế. Nhằm khẳng định vai trò của Nhà nước trong việc tạo điều kiện và thúc đẩy hình thành nền kinh tế thị trường ở nước ta, bản Dự thảo đã khẳng định : "Nhà nước phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa". Các điều 16, 19, 21, 24 của bản Dự thảo đã cụ thể hóa hơn một bước về định hướng, chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vai trò của Nhà nước trong việc hình thành đồng bộ hệ thống thị trường, chính sách phát triển kinh tế đối ngoại theo hướng chủ động hội nhập quốc tế trên cơ sở phát huy nội lực của đất nước. Đó chính là những nội dung cơ bản nhất của việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Quản lý tài chính công

Kiến nghị sửa đổi Hiến pháp 1992 liên quan đến quyền phân bổ ngân sách của Quốc hội thực sự là bước ngoặt trong phân cấp, phân quyền về tài chính - ngân sách. Khoản 4, Điều 84 của Hiến pháp 1992 được sửa đổi như sau : thay việc Quốc hội quyết định "phân bổ ngân sách nhà nước" bằng "phân bổ ngân sách trung ương". Đây là bước đột phá có ý nghĩa trong quá trình khắc phục cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Thay đổi quan trọng này sẽ dẫn đến các hệ quả sau :

- Ngân sách được sử dụng có hiệu quả hơn. Một mặt, việc xóa bỏ cơ chế "xin - cho" sẽ ngăn ngừa tình trạng kinh phí rơi rụng trong quá trình đi lại xin kinh phí ; mặt khác, khi địa phương được tự quyết định phân bổ ngân sách của cấp mình sẽ hạn chế được tình trạng lãng phí do đầu tư không đúng nhu cầu, khắc phục được trình trạng các cơ quan cấp trên quyết định phân bổ ngân sách của địa phương một cách không sát thực.

- Với quy định này, hệ thống Hội đồng nhân dân - cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương - có điều kiện để khắc phục tính hình thức trong hoạt động của mình. Quyền phân bổ ngân sách địa phương là yếu tố quyết định, là điều kiện vật chất cơ bản để tăng cường quyền lực của Hội đồng nhân dân một cách thực chất.

- Hạn chế sự tham nhũng, tiêu cực và phát huy tính chủ động sáng tạo của địa phương. Cơ chế "xin - cho" trong quá trình phân bổ ngân sách hiện nay là "mảnh đất màu mỡ" làm phát sinh các hiện tượng tiêu cực và nạn tham nhũng. Để được phân bổ ngân sách, phê duyệt các dự án, không ít địa phương đã tìm cách hối lộ để "bôi trơn" bộ máy công quyền và một số cơ quan trung ương. Quy định mới này sẽ hạn chế rất nhiều cơ hội tham nhũng, đồng thời tạo điều kiện phát huy tính chủ động sáng tạo của địa phương trong việc phân bổ ngân sách cho phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích to lớn nói trên, việc đổi mới phân cấp ngân sách cũng gặp khó khăn trong việc phân chia ngân sách cho các địa phương : Trong điều kiện ngân sách nước ta còn hạn hẹp, trình độ phát triển giữa các địa phương không đồng đều, và do đó sự đóng góp giữa các địa phương vào ngân sách cũng không đồng đều. Phân bổ ngân sách như thế nào để bảo đảm công bằng xét trên cả hai khía cạnh : *thứ nhất,* tính đến sự đóng góp của mỗi địa phương và *thứ hai,* bảo đảm sự phát triển đồng đều giữa các vùng, hỗ trợ cho các vùng kém phát triển vì những khó khăn do lịch sử và điều kiện tự nhiên để lại trở thành một vấn đề cần được nghiên cứu để tìm ra cơ chế thích hợp.

Quản lý nhà nước về giáo dục và khoa học công nghệ

Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đều được coi là quốc sách hàng đầu. Dự thảo xác định giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của Nhà nước và của toàn dân. Dự thảo cũng nhấn mạnh khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Những tư tưởng cơ bản nói trên đã được Đảng ta khẳng định trong Nghị quyết Đại hội lần thứ IX và được đưa vào Dự thảo, làm căn cứ và định hướng cho hoạt động quản lý của nhà nước đối với các lĩnh vực này trong mối tương quan với các lĩnh vực khác.

Digitized by Google

Nguồn lực quan trọng và lớn lao nhất trong sự phát triển đất nước ta chính là nguồn lực con người. Song nguồn lực này chỉ đem lại hiệu quả cho sự phát triển nếu được đào tạo bồi dưỡng, đặc biệt được khuyến khích, nuôi dưỡng để sáng tạo ra và ứng dụng các phát minh khoa học và công nghệ trong đời sống. Trên tinh thần đó, Dự thảo tiếp tục khẳng định việc Nhà nước thống nhất quản lý hệ thống giáo dục quốc dân về mục tiêu, chương trình, nội dung, kế hoạch giáo dục, tiêu chuẩn giáo viên, quy chế thi cử và hệ thống văn bằng. Nhà nước xây dựng và thực hiện chính sách khoa học, công nghệ quốc gia ; xây dựng nền khoa học, công nghệ tiên tiến trên cơ sở phát triển đồng bộ các ngành khoa học ; nghiên cứu, tiếp thu các thành tựu khoa học và công nghệ của thế giới. Việc nhấn mạnh vai trò của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong Dự thảo và nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực này là sự cụ thể hóa tư tưởng đổi mới quan trọng của Đảng ta, tạo cơ sở pháp lý cơ bản cho việc phát huy nguồn lực quan trọng nhất cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Có thể khẳng định rằng việc triển khai sửa đổi, bổ sung Hiến pháp lần này là bước đi mang tầm chiến lược, vạch ra định hướng đúng đắn cho việc "xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch và vững mạnh, từng bước hiện đại hóa" như Văn kiện Đại hội IX đã đề ra. Tuy nhiên, bên cạnh những nội dung đổi mới định hướng cho công cuộc cải cách hành chính, có thể thấy những điều sửa đổi, bổ sung về bộ máy nhà nước chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển, của tất yếu kinh tế - xã hội đang diễn ra, chưa tổng kết được các kinh nghiệm quý báu của công cuộc cải cách hành chính đã thực hiện trong những năm qua. Để tiếp tục hoàn thiện việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992, theo chúng tôi cần phản ánh rõ nét hơn một số nội dung sau :

Thứ nhất, tăng cường vai trò của Chính phủ trong quản lý vĩ mô, cụ thể là :

- Làm rõ hơn nhiệm vụ quản lý vĩ mô của Chính phủ và phân quyền nhiều hơn cho địa phương.

- Định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ theo hướng bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực trên phạm vi toàn quốc.

- Bổ sung quyền hạn, nhiệm vụ của Chính phủ trong lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh tế, bao gồm cả việc chỉ đạo củng cố, sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

- Thống nhất quản lý việc cung cấp dịch vụ công và chỉ đạo thực hiện việc cung cấp một số dịch vụ công thiết yếu cho xã hội.

Thứ hai, tăng cường cơ chế tạo thực quyền cho Hội đồng nhân dân.

Hội đồng nhân dân cần trở thành cơ quan dân cử thật sự đại diện cho ý chí, nguyện vọng của cộng đồng dân cư ở địa phương, có thực quyền quyết định những vấn đề có tính địa phương và những vấn đề phân cấp cho địa phương. Cụ thể là quy định rõ :

- Hội đồng nhân dân thực hiện tự quản địa phương trong khuôn khổ pháp luật quy định.

- Hội đồng nhân dân có thẩm quyền xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển các lĩnh vực thuộc địa phương, quyết định kế hoạch đầu tư dựa vào nguồn ngân sách được phân cấp và huy động sức dân tại địa phương.

- Quyết định những vấn đề về tổ chức và nhân sự đã được phân cấp đối với bộ máy chính quyền địa phương, giám sát cơ quan hành chính.

Thứ ba, xác định rõ cơ chế trách nhiệm của ủy ban nhân dân

Sửa đổi, bổ sung một số điểm về tổ chức và hoạt động của ủy ban nhân dân theo hướng tăng cường phân công, phân cấp, nâng cao tính chủ động của chính quyền địa phương, kết hợp chặt chẽ quản lý ngành và quản lý lãnh thổ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

(Xem tiếp trang 21)

Digitized by Google

THẾ GIỚI CHỐNG THAM NHŨNG

VŨ HIỀN

Là một "quốc tế nạn", tham nhũng đã có từ rất lâu trong lịch sử loài người, có thể từ thời kỳ xuất hiện những hình thức ban đầu của nhà nước. Do có tệ tham nhũng nên việc phòng và chống tham nhũng từ bao thế kỷ nay luôn được coi là nhiệm vụ bức xúc của mọi quốc gia và tới nay, khi nạn tham nhũng đã phát triển đến mức đặc biệt nguy hiểm thì toàn thế giới đã phải tính tới có hành động chung để chống lại. Tham nhũng đã được đặt thành một trong những vấn đề toàn cầu mà tất cả các quốc gia đều có trách nhiệm cùng tham gia giải quyết.

Chính vì vậy mà trong thời điểm cả thế giới đang dồn sự quan tâm đặc biệt tới sự kiện nước Mỹ bị tiến công ngày 11-9 và hành động Mỹ ra đòn trả đũa chống bọn khủng bố bằng quân sự, tiến công Áp-ga-ni-xtan, thì Hội nghị quốc tế chống tham nhũng lần thứ 10 vẫn được tổ chức tại Pra-ha, Cộng hòa Séc, từ ngày 7 đến 11-10-2001. Có hơn 1 200 đại biểu trong đó có các vị tổng thống, thủ tướng, phó thủ tướng, các bộ trưởng, thứ trưởng, các nghị sĩ, các nhà khoa học, các nhà hoạt động xã hội, các nhà kinh doanh từ hơn 130 nước và các tổ chức quốc tế tham dự. Mục tiêu của Hội nghị này là trao đổi kinh nghiệm và đưa ra những phương hướng hành động chung của cộng đồng quốc tế để phòng, chống tham nhũng. Trên những bức tường của các phòng họp trong Hội nghị đều có treo bức tranh về hành vi tham nhũng : có một bàn tay đang móc tiền từ một chiếc túi rộng. Và nữa, biểu tượng của Hội nghị là chiếc còi và một đoạn dây thừng - thể hiện sự cảnh báo và trừng phạt nghiêm túc kẻ tham nhũng.

Chương trình của Hội nghị rất phong phú và sinh động. Ngoài phần khai mạc và bế mạc rất ngắn gọn, Hội nghị tổ chức 4 phiên họp toàn thể và khoảng trên 80 cuộc hội thảo theo chuyên đề. Tổng hợp các văn kiện của Hội nghị và các ý kiến tham luận có thể lên tới vài nghìn trang giấy bao gồm rất nhiều vấn đề, nhiều lĩnh vực được đề cập tới. Nếu không kể tới một vài khía cạnh có tính chất chính trị do có sự sắp đặt với dụng ý xấu như bố trí một vài sinh viên từ một số nước ở Liên Xô cũ đổ vấy cho chế độ Xô viết là nguyên nhân gây ra nạn tham nhũng của nước họ hiện nay hoặc việc đánh đồng bản chất của nhà nước dân chủ tư sản với bản chất của nhà nước dân chủ xã hội chủ nghĩa, thì kết quả mà Hội nghị đạt được là tích cực, có phần sâu sắc.

1 - Nhận dạng và nơi phát sinh tham nhũng.

Do có những cách tiếp cận khác nhau nên nhiều ý kiến đưa ra những quan niệm và định nghĩa không giống nhau về tham nhũng. Nếu lược bỏ những yếu tố khác biệt và tìm ra những điểm chung được mọi người thừa nhận, thì *tham nhũng* là hành vi tham lam và sách nhiễu của người có chức vụ và quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó để tham ô, nhận hối lộ hoặc cố ý làm trái pháp luật vì động cơ vụ lợi, gây thiệt hại đối với tài sản nhà nước, tập thể và cá nhân, làm sai lệch những hoạt động đúng đắn và làm mất uy tín của các cơ quan, tổ chức.

Từ sự nhất trí chung rằng tham nhũng là sự lạm dụng quyền công để thu lợi tư, Hội nghị đã đưa ra nhiều hình ảnh sống động về sự thiên hình vạn trạng của hành vi tham nhũng cũng

Digitized by Google

như những loại vụ việc rất dễ nảy sinh tham nhũng.

Bà E-va Giô-ly, chánh tòa án hình sự ở Ly-ông (Pháp) đã khẳng định rằng, phải coi tham nhũng là hành vi tội ác, coi bọn tham nhũng là tội phạm như những kẻ giết người. Cũng như ông Tổng thư ký tổ chức In-ter-pôn (cảnh sát quốc tế), Bà cho rằng hành vi tham nhũng và kẻ tham nhũng có ở mọi ngành, từ cả cảnh sát, các cơ quan thực thi pháp luật đến các ngành giáo dục, y tế, thể thao và các hoạt động văn hóa xã hội. Ở nhiều nước, tham nhũng có khi là bộ trưởng, thủ tướng, và đôi khi là tổng thống. Từ đảo Van-nua-tu xa xôi ngoài Thái Bình Dương, một nơi trong lành không có ô nhiễm, không cần đến đèn giao thông, Bà Ma-ri-a Phu-tê-sơn cho rằng, những kẻ tham nhũng thường hay giấu mặt nhưng đôi khi cũng sẵn sàng lộ mặt. Các quan chức trên đảo này đã công khai tham nhũng và công khai làm vô hiệu hóa những tổ chức thanh tra chống tham nhũng.

Vậy những hành vi tham nhũng thường xuất hiện ở đâu ?

Trong khi ông G. Sôrốt - Chủ tịch quỹ Sôrốt cùng với nhiều đại biểu khác cho rằng nhận biết tham nhũng là một việc cực kỳ khó khăn, thì nhiều ý kiến khác lại nêu rõ những địa chỉ để tìm ra manh mối tham nhũng. Đó là những quan chức giàu lên nhanh chóng sau một thời gian đảm nhận những chức vụ quan trọng ; là những vụ tư nhân hóa hàng loạt các công ty, xí nghiệp ở các nước có nền kinh tế chuyển đổi ; là những khoản viện trợ hoặc khoản vay kếch xù để xóa đói giảm nghèo hoặc cứu giúp nhân dân hoạn nạn, nhưng đến dân rất ít mà đến các quan chức chính phủ nhiều hơn ; là nạn mua chuộc hối lộ ở các cuộc bầu cử thiếu minh bạch, hối lộ để lập các công ty mới ; là nạn rửa tiền của bọn Ma-phi-a quốc tế... Kinh nghiệm của Công ty Dược phẩm xuyên quốc gia Metck (Áo) cho hay : Tham nhũng làm chậm nhịp độ phát triển hàng năm của mỗi nước khoảng 0,5 - 1%. Các công ty mới thường phải trả hơn 1/3 số tiền để hối lộ so với các công ty cũ ; tham nhũng thường xuất hiện trong các tình huống : 1 - đăng ký chất lượng sản phẩm ; 2 - đền bù sản phẩm không đạt ; 3 - điều hòa lợi ích giữa chủ công ty, giám đốc với hội đồng quản trị.

2 - Nguyên nhân tham nhũng.

Nếu như hành vi tham nhũng biểu hiện dưới nhiều vẻ, xuất hiện ở nhiều nơi, thì nguyên nhân nảy sinh tham nhũng cũng được Hội nghị bàn tới với nhiều góc cạnh. Điều cần khẳng định trước tiên là việc tìm kiếm, đòi hỏi và thu đặc lợi kinh tế là nguyên nhân chung nhất và chủ yếu nhất của tham nhũng. Các cá nhân, các tổ chức tìm kiếm đặc lợi và thực hiện được hành vi tham nhũng trước hết là dùng cách tận dụng những khiếm khuyết, sơ hở của luật pháp, chính sách. Ví dụ như các chính sách hạn chế xuất, nhập khẩu một số mặt hàng, khi người được xuất và được nhập thu được lợi nhuận độc quyền cao thì người cho phép cũng có cơ đòi được hưởng. Tương tự như vậy, các doanh nghiệp có thể đưa hàng đống tiền để các quan chức có thẩm quyền dành cho họ vị trí độc quyền trong sản xuất, tiêu thụ hàng hóa hoặc chí ít có lợi thế trong cạnh tranh.

Việc các thể chế, luật pháp, các quy định thường xuyên thay đổi cũng là kẽ hở cho tham nhũng hành hoành. Luật pháp thiếu chặt chẽ cũng sẽ tạo cơ hội cho các quan chức diễn giải theo hướng có lợi cho hành vi tham nhũng. Chủ tịch Ngân hàng châu Âu, ông Giăng Li-mi-ê nêu 3 nguyên nhân của tham nhũng : *Thứ nhất* là về đạo đức, đạo đức kém thì quan chức mới tham nhũng. *Thứ hai* là hoàn cảnh kinh tế vĩ mô : cách bố trí nguồn lực và chuyển đổi kinh tế từ cơ chế kế hoạch tập trung sang cơ chế thị trường đều là những công việc rất khó khăn, nếu đưa ra các chủ trương hoặc hành động thiếu chuẩn tắc là lập tức sinh ra cơ hội cho bọn tham nhũng. *Thứ ba* là vấn đề đầu tư trong lĩnh vực công và tư : ưu tiên đầu tư không đúng cũng tạo điều kiện để tham nhũng.

Ông D.Côp-xmen, quản trị cao cấp của Ngân hàng thế giới (WB) nêu vấn đề lạm dụng các cơ quan nhà nước và chính phủ. Một số công ty lớn bằng cách giúp các quan chức mua phiếu bầu, mua các dự án để khuynh đảo chính

Digitized by Google

phủ, chèn ép các công ty vừa và nhỏ, kết cục là họ thu được lợi nhuận độc quyền cao. Ông cho rằng quá trình chuyển đổi kinh tế, kinh tế ngầm, các nhà băng hoặc các doanh nghiệp có tài sản chui đều là những miếng mồi ngon cho tham nhũng.

Vấn đề vay nợ cũng cần phải được lưu tâm. Nhà doanh nghiệp A.Pê-ti-pho nhận định : Cho vay không cẩn thận là trao thêm vũ khí cho các nhà chính trị tiếp tục tham nhũng. Đi vay và cho vay sinh ra đủ thứ tiêu cực, từ lãi cho vay đến việc trả được hoặc cả việc không trả được nợ cũng sinh tham nhũng.

Tham nhũng nảy sinh cả ở các tổ chức ít có quan hệ đến kinh doanh như Ủy ban Ô-lim-pic quốc tế. Ngay cả các nhà báo chuyên vạch vòi người khác nhưng có khi cũng nhận hối lộ để viết hay không viết.

Sự thiếu minh bạch hoặc trình độ yếu kém trong quản lý kinh tế cũng là nguyên nhân gây tham nhũng. Do yếu kém quản lý và thiếu minh bạch mà các khoản mua sắm, chi tiêu từ nhỏ đến lớn của nhà nước, của chính phủ và của công đều có thể bị thất thoát do tham nhũng. Ông Pa-tric A-lây, đại biểu Tổ chức chứng kiến toàn cầu của Anh khẳng định : ở bất kể nơi nào thiếu minh bạch trong quản lý là nơi đó nảy sinh hành vi tham nhũng vì thiếu minh bạch sẽ đẻ ra trốn thuế, hối lộ. Ở Ni-giê-ni-a, có những công ty dùng cả trăm triệu đô la Mỹ để chi phí giao dịch và mua chuộc các quan chức.

Nhiều đại biểu cho rằng, tiền lương của các công chức trong khu vực dịch vụ công thường thấp hơn tương đối so với khu vực tư nhân, tiền lương của các quan chức thường thấp hơn so với tiền lương của các nhà doanh nghiệp và đây cũng là nguyên nhân tham nhũng bởi các quan chức và công chức có thể sử dụng quyền lực của mình để đòi hối lộ và nhận hối lộ như một phương cách để kiếm sống, để cho "bằng anh, bằng em".

Hội nghị nhất trí cao với nhận định : một nhà nước có bộ máy và đội ngũ công chức trong sạch, minh bạch, làm việc có hiệu lực, hiệu quả, luật pháp đồng bộ và chặt chẽ, thì ít tạo ra ham muốn và cơ hội để tham nhũng. Ngược lại, một nhà nước có bộ máy yếu kém, cán bộ hư hỏng, luật pháp thiếu công minh thì không tránh khỏi dẫn đến tình trạng móc nối giữa sự thoái hóa của công chức với mặt trái của chính sách, luật pháp và thị trường, làm cho tình trạng tham nhũng thêm trầm trọng. Quốc gia nào có tham nhũng nặng thì cả dân tộc, toàn thể nhân dân phải gánh chịu và bộ phận tinh hoa nhất phải chịu trách nhiệm trước dân tộc, trước nhân dân.

3 - Giải pháp nào chống tham nhũng ?

Các đại biểu dự Hội nghị đều nhất trí rằng, tham nhũng là vấn đề toàn cầu nên cuộc đấu tranh chống tham nhũng phải đặt ra ở quy mô toàn cầu. Tất cả các nước phải kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng và thẳng tay trừng trị kẻ tham nhũng. Tuy nhiên đây là một cuộc đấu tranh lâu dài, phải giành thắng lợi từng bước và không thể giải quyết ngày một, ngày hai. Trong cuộc đấu tranh này, các chính phủ phải có quyết tâm chính trị và đường lối đúng đắn, chống tham nhũng nhưng phải giữ ổn định chính trị xã hội và để giữ ổn định chính trị, xã hội đất nước. Những giải pháp chống tham nhũng có giải pháp chung nhưng đồng thời phải có những giải pháp đặc thù phù hợp với tình hình và hoàn cảnh cụ thể của từng quốc gia.

Hội nghị lần thứ 10 tiếp thu những kết quả đã đạt được của Hội nghị lần thứ 9 năm 1999 với các nguyên tắc chỉ đạo chống tham nhũng và bảo toàn phẩm chất của các quan chức gồm 12 điểm :

1 - Thiết lập và duy trì các hệ thống của chính phủ tuyển dụng các công chức, bảo đảm sự công khai, tính vô tư, hiệu quả và khuyến khích việc tuyển dụng các cá nhân có phẩm chất trung thực và năng lực cao nhất.

2 - Thực hiện các biện pháp quản lý công cộng tích cực để thúc đẩy và duy trì phẩm chất trung thực của các quan chức.

3 - Thiết lập các nguyên tắc về mặt hành chính và ứng xử theo đạo lý, cấm tranh giành quyền lợi.

4 - Xây dựng các bộ luật hình sự và các hình thức trừng phạt để ngăn cấm một cách có hiệu

Digitized by Google

quả nạn hối lộ, lạm dụng của công và các hình thức lạm dụng uy tín cơ quan để thu lợi cá nhân.

5 - Thông qua các luật, các biện pháp quản lý và các thủ tục kiểm toán để dễ phát hiện hành vi tham nhũng hơn và khuyến khích việc phát hiện, tố cáo các hành vi tham nhũng.

6 - Cung cấp các thanh tra và công tố viên hình sự có đủ thẩm quyền và phương tiện để phát hiện và truy tố các vụ tội phạm tham nhũng.

7 - Bảo đảm rằng các điều tra viên, các công tố viên và các nhân viên tòa án đủ vô tư thực thi luật pháp công bằng và hiệu quả để chống tham nhũng.

8 - Bảo đảm rằng luật dân sự và hình sự có các điều khoản trừng phạt và đấu tranh để ngăn chặn hữu hiệu các hành vi tham nhũng.

9 - Bảo đảm rằng công luận và báo chí được tự do nhận và phát thông tin về các vụ tham nhũng.

10 - Phát triển sự hợp tác quốc tế ở mức rộng lớn nhất có thể được trong lĩnh vực chống tham nhũng.

11 - Thúc đẩy hoặc khuyến khích, ủng hộ các cuộc thảo luận của công chúng và tiếp tục nghiên cứu tất cả các khía cạnh của việc duy trì phẩm chất trung thực, ngăn ngừa tham nhũng trong các quan chức.

12 - Khuyến khích các hoạt động của các tổ chức khu vực và đa phương trong các nỗ lực chống tham nhũng.

Trên cơ sở thừa nhận là các giải pháp nêu trên vẫn còn hữu hiệu, có tính phổ biến và khả thi, Hội nghị 10 đặc biệt nhấn mạnh thêm các giải pháp cả ở tầm vĩ mô và vi mô. Cụ thể là :

- Tăng cường hoạt động của xã hội dân sự, đề cao nhận thức của nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi để mọi tổ chức xã hội và tổ chức quần chúng tham gia vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Đây là tác nhân chính trong đấu tranh chống tham nhũng đối với mọi nước, mọi nơi.

- Tăng cường vai trò giám sát của quốc hội. Quốc hội phải chịu trách nhiệm trước cử tri, trước nhân dân trong việc giám sát các hoạt động của chính phủ, buộc chính phủ phải thực thi pháp luật một cách nghiêm minh, đặc biệt là pháp luật chống tham nhũng và nghiêm trị những kẻ tham nhũng.

- Cùng với việc minh bạch hóa hoạt động của các cơ quan quyền lực cũng như các doanh nghiệp, cần đưa ra các nguyên tắc chặt chẽ chống hối lộ và nhận hối lộ.

- Cần có sự cân nhắc cần thiết khi đưa ra các chính sách kinh tế trong quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế từ tập trung sang thị trường.

- Công khai hóa các khoản ngân sách và việc mua sắm tài sản công, kiểm tra chặt chẽ cả các hoạt động dịch vụ về y tế, văn hóa, giáo dục.

- Tăng cường vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng, của các tổ chức phi chính phủ trong việc đấu tranh chống tham nhũng.

- Cùng với việc hoàn thiện luật pháp để ngăn ngừa và chống tham nhũng, cần xử phạt thật nghiêm minh, đặc biệt là những người có chức quyền cao mà tham nhũng.

- Kiểm soát chặt chẽ những thỏa thuận đầu tư, vay mượn, những hợp đồng kinh tế.

- Tăng cường phối hợp quốc tế trong việc phanh phui các vụ việc tham nhũng.

Hội nghị cho rằng, trong việc đấu tranh chống tham nhũng, trách nhiệm lớn nhất thuộc về các nhà lãnh đạo chính trị. Để cuộc đấu tranh chống tham nhũng có hiệu quả phải hướng trước hết vào việc làm trong sạch đội ngũ công chức, xây dựng đạo đức công chức, minh bạch hóa các hoạt động ở mọi cơ quan quyền lực, dân chủ hóa đời sống xã hội.

Ai cũng thấy rằng không thể có đơn thuốc chung để chữa trị nạn tham nhũng cho mọi quốc gia. Điểm chung ở đây là ý chí quốc tế, là toàn thế giới đều nhận thức được tác hại to lớn của tham nhũng gây ra nên có tiếng nói chung và có hành động chung ở tầm quốc tế. Cảnh giác cao, ngăn ngừa có hiệu quả và xử lý thật nghiêm túc nạn tham nhũng là ý chí chung của mọi quốc gia, mọi dân tộc. ❑

Digitized by Google

BÀN VỀ CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG THAM NHŨNG Ở NƯỚC TA

LÊ TRỌNG *

BÁO cáo Chính trị tại Đại hội IX đã nhấn mạnh : *"Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng*. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta. Tình trạng lãng phí, quan liêu còn khá phổ biến" (1). Trong khi đó cuộc đấu tranh chống tham nhũng đã được tiến hành từ rất sớm và qua nhiều đợt, nhiều cao trào, nhưng kết quả thu được chưa thật căn bản và vững chắc. Vậy, do những nguyên nhân chủ yếu nào ?

Theo tôi, *trước hết* đó là do nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn chưa đủ mức, đủ tầm về tính chất, thủ đoạn của bọn tham nhũng và những mối nguy cơ, những tác hại do chúng gây ra.

Hai là, tinh thần đấu tranh cách mạng của không ít đảng viên, cán bộ và tổ chức đảng bị giảm sút, có nơi giảm sút nghiêm trọng. Biểu hiện là nhiều người sợ đấu tranh - tránh đâu, né tránh, ngại va chạm. Một số cán bộ có nhận thức sai rằng, nếu xử lý nghiêm thì động đến nhiều người, nhất là cán bộ cấp cao - sẽ "mất uy tín lãnh đạo", sẽ "mất cán bộ", đồng nhất cá nhân với thể chế. Chính vì thế mà một số người trong cấp ủy, trong lãnh đạo biết rõ những hành vi, thủ đoạn tham nhũng của cán bộ có chức, có quyền, nhưng do tính toán cá nhân hoặc sợ bị người lãnh đạo cao hơn trù dập cho nên im lặng, hoặc phụ họa ; một số khác thì hoặc cơ hội, hoặc "giá áo, túi cơm", "mũ ni che tai", an phận thủ thường. Thậm chí có số ít cán bộ tốt trước đây đã từng vào sinh ra tử, nay không vững vàng, không kiềm chế được mình trước ma lực của đồng tiền đã bị bọn tham nhũng lũng đoạn, lôi kéo vào dòng tham ô, trụy lạc, thoái hóa biến chất.

Ba là, một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong hệ thống tổ chức đảng, tổ chức nhà nước không thể hiện được vai trò, uy tín, ảnh hưởng của mình, làm cho cuộc đấu tranh chống tham nhũng không kiên quyết, thiếu triệt để. Trong đó không ít vì lợi ích của bản thân, của người thân quen, hoặc bị mua chuộc, bị các thế lực tham nhũng vô hiệu hóa, khống chế... đã thật sự làm ô dù cản trở việc làm rõ sự thật trong đấu tranh chống tham nhũng.

Bốn là, bọn tham nhũng thường có lắm "mưu ma", "chước quỷ". Có khi để đánh lừa dư luận, một số người cũng hô "chống tham nhũng" để mỵ dân, nhưng thực chất thì chúng dùng các thủ đoạn rất tinh vi, lạm quyền chỉ đạo để trấn áp, trù dập người thẳng thắn tố cáo, đấu tranh.

Qua hàng loạt vụ án lớn, đều do dân và báo chí phát hiện là chủ yếu, và qua kết quả công tác của các đoàn Chính phủ vừa qua, có thể khái quát một số biểu hiện của tham nhũng trong đời sống thực tiễn :

- Có địa phương, đơn vị ra những chỉ thị, quyết định không đúng với chính sách, luật

---

* PGS, TS, Viện trưởng Viện phát triển quốc tế học và Giám đốc Trung tâm nghiên cứu kinh tế-xã hội

(1) Báo *Nhân Dân*, ngày 20-4-2001

Digitized by Google

pháp của Nhà nước để thu lợi bất chính, phổ biến là lấy đất công để bán chia nhau, lấy đất của nông dân để bóc lột lại nông dân như một kiểu phát canh thu tô ;

- Đề ra hàng loạt khoản (có nơi tới trên dưới 30 khoản) bắt nông dân đóng góp, bưng bít thông tin, thiếu công khai, minh bạch để xà xẻo, tư túi ;

- Gây khó khăn, sách nhiễu để đòi hối lộ dưới nhiều hình thức kể cả mua bằng, bán điểm ;

- Vừa là bên A, vừa có quyền chỉ định bên B... để dễ hưởng hoa hồng, lại quả, tham nhũng lớn trong nhiều chương trình, dự án - kể cả các chương trình, dự án nghiên cứu khoa học ;

- Khi xây dựng định mức về kinh tế - kỹ thuật thì nâng lên cao, khi thực hiện thì lắt léo để giảm xuống, có lúc có công trình còn trên dưới 50%, lấy chênh lệch để chia chác, "của người, phúc ta..." làm cho hàng loạt công trình mặc dù được hội đồng nghiệm thu đánh giá tốt, nhưng mới sử dụng đã hư hỏng (?!) ;

- Lợi dụng buôn bán vận chuyển, đi nước ngoài câu kết với bọn "buôn lậu thế kỷ", có tính quốc tế (nhập tàu, xe cũ, máy móc lạc hậu, rác thải...) bất chấp hậu quả tai hại cho dân và nền kinh tế, miễn là có "chênh lệch", có "hoa hồng" ;

- Thông đồng với nhau để "vay" tiền ngân hàng, tiền nước ngoài (như vốn ODA...) đến hàng trăm, hàng nghìn tỉ đồng không kể hiệu quả sử dụng để hưởng hoa hồng, xà xẻo ;

- Sử dụng tiền quỹ công, tiền tín dụng ưu đãi người nghèo, gia đình chính sách để cho vay lấy lãi ; buôn bán lập quỹ đen ; mua tặng phẩm có giá trị lớn tặng lẫn nhau ;

- Tạo ra thành tích giả để tham ô dưới danh nghĩa tiền thưởng, quà cáp, biếu xén nhau ngày lễ, ngày tết, việc hiếu hỷ đến hàng chục, hàng trăm tỉ đồng ;

- Tranh mua hàng xuất khẩu, chạy chọt "cô ta" để lấy ngoại tệ mua hàng tiêu dùng xa xỉ về bán lấy lãi chia nhau... gây lãng phí và rối loạn thị trường v.v.

- Lập những "dự án lừa", "trồng rừng trên giấy" để lấy tiền nhà nước ;

- Thậm chí đâu đó còn có tình trạng ăn cả tiền cứu giúp người đói nghèo, xã khó khăn ; ăn chặn tiền ủng hộ bão, lụt v.v và v.v.

Trong khi đó lực lượng chống tham nhũng, những đảng viên, cán bộ, công chức trung kiên, công nhân, nông dân, trí thức liêm khiết, chiến sĩ quân đội, công an nhân dân luôn trung thành với sự nghiệp cách mạng, dù rất muốn tham gia tích cực đấu tranh chống tham nhũng, nhưng do nhiều nguyên nhân, nhất là do quy chế dân chủ chưa được thực hiện đầy đủ nên thiếu thông tin, không phát huy được vai trò tích cực của mình. Nhiều chủ trương do Đảng phát động, tổ chức, lãnh đạo cuộc đấu tranh diệt trừ quốc nạn tham nhũng còn mang tính hình thức, mới dừng lại ở những vụ trọng điểm. Người hăng hái đấu tranh chưa thực sự được bảo vệ an toàn.

Từ những phân tích trên, tôi xin kiến nghị một số giải pháp sau :

1 - *Cần nhận thức đúng* tác hại và nguyên nhân của "quốc nạn tham nhũng". Ở đây xin nhấn mạnh tư tưởng của Bác Hồ : "Tham ô là trộm cướp" là "giặc nội xâm" nên *"chống tham ô... cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận"* (2). Tham nhũng chẳng những là từ một nguy cơ đã trở thành một hiểm họa trong thực tế, mà chính nó đã trở thành nguyên nhân số một của các nguy cơ và "điều đáng lo sợ nhất là "diễn biến hòa bình từ nội bộ Đảng ta" (3). Do đó, cuộc đấu tranh này tuy là đấu tranh nội bộ, nhưng trước mắt phải được coi là một trong những nhiệm vụ trung tâm và cấp thiết của đấu tranh giai cấp, đấu tranh chống lại sự tha hóa trong hàng ngũ những chiến sĩ cách mạng. Cần tăng cường các biện pháp để ủng hộ những người và tổ chức tham gia đấu tranh chống tham nhũng. Trong nhiều năm, ở nhiều tỉnh, nông dân, công nhân, đảng viên

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, t 6, tr 490

(3) Phạm Văn Đồng : *Tạp chí Cộng sản*, số 10-1999, tr 5

Digitized by Google

chân chính... đã đứng lên đấu tranh bằng các hình thức từ kêu kiện liên tục, kêu kiện kéo dài, kêu kiện vượt cấp đến kêu kiện tập thể. Thế mà có những vụ kêu kiện đúng lại bị những cán bộ tham nhũng trong cơ quan có thẩm quyền đàn áp bằng nhiều hình thức, như vụ : khai trừ đảng của đồng chí Nguyễn Tăng Thắng (Báo Nhân Dân, 15-4-1999), khai trừ đồng chí Nguyễn Đăng Tam (Báo Nông nghiệp Việt Nam, 3-5-2000), v.v... Đặc biệt là hàng loạt vụ nông dân bị ức hiếp lấy đất... lại bị đàn áp : "Người bị lấy đất lại... bị đẩy vào tù" (Báo Nông nghiệp Việt Nam, 19-9-2000), "Kẻ tham nhũng không xử lại bắt giam người chống tham nhũng ?" (Báo Nông nghiệp Việt Nam, 3-12-1999)... Đáng chú ý là các vụ đấu tranh chống tham nhũng, kêu kiện tập thể của nông dân tỉnh Thái Bình. Hành động đó đã được đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước kết luận : "Sự việc xảy ra ở Thái Bình... Đảng, Nhà nước và nhân dân ta rút ra được những bài học vô giá" (4).

2 - Về tổ chức chống tham nhũng, thiết nghĩ nên vận dụng sáng tạo tinh thần của Sắc lệnh 64-SL do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký (ngày 23-11-1945) có thể không nhất thiết phải thành lập ban thanh tra đặc biệt và tòa án đặc biệt để chống tham nhũng, nhưng phải có thể chế chặt chẽ, chỉ huy thống nhất và đủ mạnh trên cơ sở học tập kinh nghiệm tốt của một số nước. Thể chế đó phải làm sao huy động được tất cả đảng viên và nhân dân tham gia phát hiện và chống tham nhũng. Cần phải tổ chức một đường dây nóng để nhân dân tham gia chống tham nhũng như kinh nghiệm của Trung Quốc đang làm.

3 - Theo tư tưởng của Bác Hồ thì phải : "... *phải phát động tư tưởng quần chúng*, làm cho quần chúng khinh ghét tệ tham ô, lãng phí, quan liêu ; biến hàng ức, hàng triệu con mắt, lỗ tai cảnh giác của quần chúng thành những ngọn đèn pha soi sáng khắp nơi, không để cho tệ tham ô, lãng phí, quan liêu có chỗ ẩn nấp" (5). Và do đó, cần phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, giữ vững trật tự kỷ cương và *phát động tư tưởng quần chúng đấu tranh chống quốc nạn tham nhũng* ; xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh, không để cho kẻ thù lợi dụng. Ai thành khẩn thì được Đảng, nhân dân khoan hồng, ai ngoan cố thì đấu tranh và nghiêm trị. Đồng thời có chế độ bảo vệ cho quần chúng đấu tranh ; có chính sách thưởng, phạt thích đáng.

4 - Cần công khai việc kê khai tài sản cá nhân và bao gồm cả thân nhân của cán bộ có chức có quyền (trong khoảng 15 năm trở lại đây) một cách nghiêm túc. Tránh kê khai mang tính hình thức (lấy lệ) không đúng sự thật. Trước mắt cần thi hành nghiêm chỉnh Điều 14 của Pháp lệnh chống tham nhũng :

- Người có chức vụ, quyền hạn phải kê khai nhà, đất và các loại tài sản khác có giá trị lớn của mình.

- Người kê khai phải kê khai chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai.

Chính phủ cần bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện những quy định cụ thể đối tượng kê khai (bao gồm cả những đối tượng mà nhân dân đã phát hiện, đã yêu cầu), thời điểm, trình tự và thủ tục kê khai. Ở đây cần lưu ý là, để thực hiện Pháp lệnh chống tham nhũng có hiệu quả, phải nhanh chóng bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện một số điều quy định trong Pháp lệnh và Nghị định không còn phù hợp với yêu cầu chống tham nhũng.

5 - Phát huy sức mạnh tổng hợp của tất cả các cơ quan có chức năng của Đảng, Nhà nước, Mặt trận, Quân đội, Công an, đặc biệt là các cơ quan truyền thông đại chúng. Tính chất của bọn tham nhũng rất ngoan cố, chúng đang tìm cách cố giữ quyền lực để tham nhũng, nên chúng rất sợ công luận nêu tên lên án. Do đó phải phát huy vai trò của báo chí trong phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng, đồng thời yêu cầu công luận phải trung thực, công tâm, nghiêm túc.

---

(4) Báo *Nhân Dân*, ngày 2-3-1998

(5) Xem Hồ Chí Minh : *Thực hành tiết kiệm, chống bệnh tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1981, tr 44

Digitized by Google

6 - Quán triệt và thực hiện nghiêm túc ý kiến của đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nông Đức Mạnh tại Hội nghị Trung ương ba (khóa IX), rằng : "... trước mắt xử lý những vụ tham nhũng đang nổi lên với tinh thần thẳng thắn, công minh, để người có khuyết điểm phải được phê bình, chịu kỷ luật, người có tội phải bị xử tội, bất kể họ là ai" (6). Người đứng đầu một tổ chức, một địa phương, một ngành đến toàn quốc đã để cho cán bộ tham nhũng có tính nghiêm trọng, kéo dài thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhận kỷ luật đầu tiên trước Đảng, trước dân. Nếu tòng phạm hoặc cố ý bao che thì phải truy tố trước pháp luật.

7 - Những cán bộ có chức, có quyền đã tham nhũng dưới bất kỳ hình thức nào, sa đà vào chủ nghĩa cá nhân, hám danh, hám lợi, sống giả dối, cơ hội, dối trên lừa dưới, "nói nhiều làm ít", "nói nhưng không làm", "nói một đằng làm một nẻo", ức hiếp quần chúng nhân dân, tạo cho mình một cuộc sống vương giả bằng thu nhập bất chính đều không thể chấp nhận, dung dưỡng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Như vậy, muốn đấu tranh chống tham nhũng có hiệu quả phải sử dụng những giải pháp đồng bộ cả về nhận thức tư tưởng và tổ chức, luật pháp và chính sách, vừa có tính chiến đấu cao, vừa khoa học. Tại Hội nghị cán bộ toàn quân quán triệt Nghị quyết Đại hội IX, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã phát biểu về các quan điểm, tư tưởng Đại hội IX của Đảng và lại một lần nữa nhấn mạnh : "Đặc biệt là, cần liên hệ phân tích, phê phán tình trạng tham nhũng (...). Đây là cuộc đấu tranh rất quyết liệt, vừa cấp bách, vừa cơ bản..., liên quan trực tiếp đến sự tồn vong của Đảng ta và chế độ ta". Thiết nghĩ quan điểm tư tưởng Đại hội IX của Đảng đã tạo một bước ngoặt kiên quyết đấu tranh tẩy trừ "quốc nạn tham nhũng", cũng như trừ một thứ "giặc nội xâm". Vấn đề còn lại là quán triệt và đưa những quan điểm tư tưởng đúng đắn ấy vào cuộc sống. ❑

(6) Báo *Nhân Dân*, ngày 23-8-2001

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH...

(Tiếp theo trang 13)

Ủy ban nhân dân với tư cách là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, đồng thời là cơ quan cấp dưới của hệ thống hành chính thống nhất từ Chính phủ đến ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp cơ sở, do đó nó không phải là cơ quan có thẩm quyền quyết định mà chỉ là cơ quan có thẩm quyền chấp hành. Vì vậy, đề cao chế độ cá nhân chịu trách nhiệm trong hoạt động của Ủy ban nhân dân. Chế độ cá nhân chịu trách nhiệm sẽ làm cho nền hành chính tăng thêm hiệu lực và hiệu quả của quản lý nhà nước.

Đồng thời với việc quy định tại Điều 123 "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên có thể điều động, bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp ; trong trường hợp bổ nhiệm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân không nhất thiết là đại biểu Hội đồng nhân dân", cần có quy định tương ứng về trách nhiệm của Hội đồng nhân dân trong vấn đề này để tránh mâu thuẫn với câu trên của Điều này là "Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân bầu".

Thứ tư, tạo ra sự đồng bộ giữa phân cấp ngân sách và phân cấp chức năng. Hiện nay trên thực tế đang tồn tại sự không đồng bộ giữa phân cấp ngân sách và phân cấp chức năng, nhiệm vụ. Việc giao quyền quyết định ngân sách địa phương cho Hội đồng nhân dân địa phương đòi hỏi phải phân định rõ ràng nhiệm vụ, chức năng để tạo cơ sở phân chia ngân sách một cách tương ứng. Vấn đề ở đây là năng lực của hệ thống Hội đồng nhân dân các cấp trong việc phân bổ ngân sách và giám sát việc thực hiện ngân sách. Do năng lực chưa phát triển, những quyết định phân bổ ngân sách của Hội đồng nhân dân có thể sẽ mang tính hình thức và kém hiệu quả. Việc phân quyền luôn luôn phải đi đôi với việc nâng cao năng lực của chính quyền địa phương. ❑

Digitized by Google

SUY NGHĨ THÊM VỀ NỀN DÂN CHỦ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

HỒ BÁ THÂM *

ĐẢNG ta chủ trương thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Hai năm lại đây, chúng ta thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, là một bước cụ thể hóa chủ trương chung của Đảng. Song kết quả và ý kiến về vấn đề này còn có sự nhìn nhận, đánh giá khác nhau. Vì thế đánh giá nền dân chủ ở nước ta hiện nay như thế nào cho đúng là việc làm rất cần thiết để từ đó đề ra đường lối, chính sách cùng các biện pháp thích hợp về xây dựng và thực thi nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Vấn đề đặt ra là đi sâu nghiên cứu làm rõ nền dân chủ ở nước ta hiện nay một cách khách quan, khoa học trong hoàn cảnh và thời cuộc mới đang đặt ra những vấn đề gì ? Cần xây dựng và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta ra sao ? Thành tựu về dân chủ là gì ? Đâu là những hạn chế cần khắc phục ? Triển vọng như thế nào ?

1 - Thực chất nền dân chủ nước ta .

Muốn đánh giá đúng nền dân chủ của nước ta phải nhìn sự vận động của đất nước như một quá trình, không thể dừng lại giải thích kinh điển hoặc chỉ so sánh giản đơn nước ta với nước khác khi trình độ kinh tế - xã hội và lịch sử khác nhau.

Nước ta từ chế độ thuộc địa - nửa phong kiến đang từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Điều đó có nghĩa là từ một nước mang dấu ấn của chế độ chuyên chế quân sự lên một nước dân chủ cách mạng theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Ở đây có yếu tố dân chủ truyền thống làng xã và yếu tố sơ khai của dân chủ tư sản, nhưng thật ra còn chưa đáng kể. Trong quá trình thực hiện cuộc cách mạng dân tộc và dân chủ nhân dân, chúng ta đã tạo ra được nền dân chủ cách mạng của liên minh công - nông phát triển theo hướng xã hội chủ nghĩa. Nền dân chủ này có lịch sử ngắn (70 năm) so với các nền dân chủ tư sản trên thế giới đã có lịch sử hàng trăm năm (200 - 300 năm). Thế nhưng đây là nền dân chủ khác với bản chất nền dân chủ tư sản (dân chủ của đa số những người lao động so với thiểu số - bóc lột), và ưu việt hơn nhiều nền dân chủ tư sản một cách thực chất chứ không phải hình thức.

Bước tiến của nền dân chủ cách mạng trong kinh tế, chính trị và văn hóa suốt 70 năm qua mà thời gian hòa bình xây dựng còn rất ít so với thời kỳ chiến tranh và kháng chiến... là một bước tiến dài, và có thể nói là vĩ đại, đã *mở ra một thời đại dân chủ mới*, thời đại nhân dân lao động làm chủ cuộc sống của mình, không ai có thể phủ nhận được. Nhưng nền dân chủ này ở nấc thang nào đạt trình độ đến đâu ?

Xuất phát từ trình độ phát triển của lực lượng sản xuất cũng như các quan hệ sản xuất mới đang hình thành và thu nhập tính theo đầu người thì nước ta còn là một trong những nước kém phát triển - đang

* TS Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

Digitized by Google

phát triển, do đó chế độ chính trị và nền dân chủ ở nước ta trên khá nhiều mặt cũng còn nhiều hạn chế là lẽ tự nhiên. Bản chất và tính ưu việt trong việc thiết lập và thực thi quyền dân chủ của nhân dân lao động thì rõ ràng là cao hơn nền dân chủ tư sản, nhưng trình độ dân chủ, ý thức dân chủ của người dân, và của một số đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý cùng hệ thống thể chế, cơ chế dân chủ thì còn thấp, có mặt chỉ ở mức trung bình. Nền dân chủ ở nước ta đang phát triển trên cơ sở của quá trình hoàn thiện nền dân chủ nhân dân và bước đầu xây dựng nội dung và thiết chế dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở giai đoạn đầu ấy vẫn mang *tính chất quá độ, có mặt còn hạn chế và đang phát triển,* đang từng bước hoàn thiện chứ chưa phải là nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở mức chín muồi, đầy đủ hoặc hoàn thiện. Do đó, một mặt là, không thể phủ nhận tính chất và các yếu tố dân chủ xã hội chủ nghĩa trong nền dân chủ hiện nay, nhưng mặt khác cũng không nên coi rằng nền dân chủ hiện nay đã là chủ nghĩa xã hội đầy đủ và cao rồi, chỉ cần phát huy thôi chứ không cần xây dựng và phát triển.

Nền dân chủ hiện nay đã có lịch sử : đi qua thời của dân chủ cách mạng (dân chủ tư sản kiểu mới), đi qua mô hình dân chủ xã hội chủ nghĩa thời chiến (mô hình quan liêu - bao cấp) và hiện nay đang ở thời kỳ xây dựng nền dân chủ theo hướng chủ nghĩa xã hội đổi mới trong bối cảnh hội nhập quốc tế và nền kinh tế tri thức đang hình thành trên thế giới. Chắc rằng cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta còn thấy nền dân chủ ấy sẽ trải qua những giai đoạn tiếp theo ngày càng cao như một quá trình tiến hóa - xây dựng và phát triển không ngừng.

Cần nhận thức sâu sắc rằng dù tính chất dân chủ ở nước ta có ưu việt như thế nào chăng nữa thì trình độ dân chủ ấy không thể thoát ly trình độ kinh tế - xã hội hiện thực của đất nước. Nhưng mặt khác, lại cần thấy tính chất của quan hệ sản xuất và chế độ chính trị, chế độ nhà nước để hiểu rõ bản chất và triển vọng tốt đẹp của nền dân chủ mới khác với nền dân chủ cũ đang lỗi thời về mặt lịch sử, dù nó được những thiết chế, thể chế cao, tinh vi. Ngay nền dân chủ Mỹ có lịch sử 200 năm của một nước phát triển nhất thế giới như vậy nhưng qua lần bầu cử năm 2000 gần đây, theo nhận xét của các chính giới phương Tây, dân chúng đã chán ngán, và số cử tri đi bầu chỉ khoảng 50% như phần nhiều các nước dân chủ tư sản phát triển cao (số cử tri đi bầu không hơn bao nhiêu), rằng đó là một nền dân chủ không có tương lai. Tất nhiên, những người cộng sản cũng cần phân tích một cách biện chứng các nền dân chủ tư sản để rút kinh nghiệm một cách xác đáng.

Khi nói đến dân chủ là nói đến *quyền lực nhà nước và quyền tự do* của người dân được thiết lập thông qua chế độ kinh tế và chính trị xã hội như thế nào, và quy định như thế nào, đồng thời được thực hiện bằng các thiết chế, quy chế như thế nào. Dân chủ được thể chế hóa thành chế độ dân chủ. Chế độ đó thể hiện trong kinh tế, trong chính trị, trong xã hội khi được định hình thành nền nếp, thành lối sống, thành văn hóa... thì đó là *nền dân chủ.* Nền dân chủ như thế là *một cơ cấu xã hội* với tư cách là một hệ thống, một chỉnh thể được vận hành theo những quy luật khách quan nhất định. Những quan hệ có tính quy luật ấy được thể hiện trong quan hệ giữa quyền dân chủ và tính chất cũng như trình độ của nền kinh tế xã hội ; giữa dân

Digitized by Google

chủ đại diện và dân chủ trực tiếp ; giữa quyền dân chủ và hệ thống thể chế ; quan hệ giữa tập trung và dân chủ ; quan hệ giữa dân chủ và chuyên chính ; quan hệ giữa quyền dân chủ thực tế và ý thức, năng lực chủ quan thực hiện các quyền đó ; quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, giữa yếu tố nội sinh và ngoại sinh... trong việc thực thi dân chủ. Đó là vấn đề mà trong đánh giá và xây dựng nền dân chủ luôn luôn phải tính đến.

Do đó, từ việc xây dựng những quyền dân chủ, đến thiết chế dân chủ, rồi đến nền dân chủ ; từ dân chủ trong chính trị đến dân chủ trong kinh tế và xã hội ; từ ý thức dân chủ đến trình độ, năng lực thực hành dân chủ (làm chủ), từ biết làm chủ đến thành thạo dân chủ... quả là một quá trình không dễ dàng và có ngay tức khắc trong một thời gian ngắn mà có được. Với nền dân chủ nào điều này cũng tính bằng thế kỷ, vài ba thế kỷ ; nếu đi tắt, đón đầu hay bỏ qua có kế thừa... thì cũng có lẽ phải hàng thập kỷ. Nhận thức rõ tính chỉnh thể nhiều mặt của cơ cấu dân chủ của nền dân chủ như một hiện tượng văn hóa trong chiều sâu lịch sử của nó là một yêu cầu cao, có ý nghĩa nguyên tắc, phương pháp luận trong việc xây dựng và đánh giá. Cần khắc phục bệnh giản đơn, có khi còn ảo tưởng, thỏa mãn, tự đắc khi xây dựng và đánh giá nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

2 - Thời kỳ mới đặt ra những vấn đề gì mới về dân chủ ?

Khi sang thời kỳ đổi mới mà trước hết là đổi mới tư duy, đã đặt ra yêu cầu mới về tự do tư tưởng, thái độ cầu thị, tinh thần tự phê phán, tự phê bình, công khai thông tin, quyền dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra được thực thi và mở rộng trong nhiều lĩnh vực là cần thiết và tất yếu.

Trên lĩnh vực kinh tế, khi chuyển sang nền kinh tế thị trường nhiều thành phần thì vấn đề bảo vệ quyền sở hữu tài sản, quyền tự do kinh doanh được tôn trọng và mở rộng giữa các công dân và các thành phần kinh tế, ai cũng được quyền làm những lĩnh vực mà pháp luật không cấm.

Trên lĩnh vực chính trị, quan hệ giữa Đảng và dân, Nhà nước và công dân có quan hệ hai chiều, dân chủ, bình đẳng hơn. Quyền lực của nhân dân được phát huy ngày càng đầy đủ hơn ; tính độc lập - tự do, chủ động của cá nhân được tôn trọng hơn và có điều kiện để phát triển.

Xã hội mở cửa cả bên trong với bên ngoài, thực hiện nền kinh tế thị trường, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước tiếp cận nền kinh tế tri thức, xã hội thông tin càng thúc đẩy và đòi hỏi *dân chủ hóa thực sự, mở rộng dân chủ một cách toàn diện,* vừa phải hội nhập với những truyền thống pháp lý và dân chủ trong môi trường quốc tế, vừa phải tôn trọng những nguyên tắc chính trị truyền thống văn hóa dân tộc mình có lợi cho ổn định chính trị - xã hội và sự tiến bộ của dân tộc.

Tất cả những gì đạt được chỉ mới là bước đầu, nhiệm vụ tiếp tục dân chủ hóa xã hội, phát huy các động lực của sự phát triển đất nước còn nặng nề. Điều đó đòi hỏi phải xóa bỏ triệt để các thể chế quan liêu, bao cấp, những rào cản, tiếp tục biến đổi xã hội cổ truyền với tâm lý phong kiến và tiểu nông, và cả "di chứng nô lệ" còn rơi rớt dai dẳng trong xã hội và trong tư tưởng tâm lý con người ; tiếp thu và xây dựng những nền tảng mới, những thể chế mới của xã hội văn minh. Đồng thời, khi phát triển nền kinh tế thị trường, những hiện tượng tiêu cực mới, những hành động vi phạm quyền dân chủ đối với nhân dân cũng nảy sinh. Ở những

Digitized by Google

nơi quyền dân chủ bị vi phạm nghiêm trọng thường dẫn tới những điểm nóng, và tại đây cũng xuất hiện cả dân chủ quá trớn, hoặc bị những người cơ hội làm cho phức tạp thêm.

Cũng từ tình hình đó, các thế lực cơ hội trong nước bị các thế lực phản động ngoài nước lôi kéo mua chuộc đã giương cao con bài mị dân : đòi "dân chủ đa nguyên", đa đảng đối lập, và vu cáo ta "vi phạm nhân quyền".

Thực tiễn của sự phát triển xã hội đang đòi hỏi không chỉ mở rộng dân chủ, dân chủ hóa xã hội mà còn đòi hỏi phải có sự hoàn chỉnh hệ thống pháp luật mới năng động phù hợp và thúc đẩy sự phát triển, tức là đòi hỏi một chế độ pháp quyền, một nền dân chủ pháp quyền. *Dân chủ và pháp quyền là hai mặt thống nhất hữu cơ tạo thành quy luật của xã hội văn minh cần được tôn trọng và phát triển.* Không thể có dân chủ vô hạn độ, bất chấp luật pháp, kỷ cương, và cũng không chấp nhận sự chuyên quyền, độc đoán.

Với quan điểm đúng đắn chúng ta nhận thấy một cách khái quát rằng, ở nước ta hiện nay lúc này lúc khác, chỗ này chỗ khác vừa có dân chủ, vừa chưa có đầy đủ dân chủ ; vừa rất tôn trọng dân chủ vừa có vi phạm dân chủ, có khi, có nơi khá nghiêm trọng. Nền dân chủ ở nước ta đang ở giai đoạn đầu, đang tự khắc phục những yếu kém, những sai sót, lệch lạc và đang được đổi mới - xây dựng - phát triển là rất có triển vọng, như một thực tế đang phát triển, sẽ ngày càng được hoàn thiện. Dù có cải biên, xây dựng phát triển nền dân chủ ở mức nào chăng nữa thì cũng không thể phủ nhận nguyên tắc : tất cả quyền lực là thuộc về nhân dân, nòng cốt là liên minh công - nông - trí thức do Đảng Cộng sản lãnh đạo ; nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tự do của cộng đồng được phát huy trên cơ sở quyền độc lập - tự chủ - tự do cá nhân được bảo đảm, nguyên tắc dân chủ pháp quyền, sự thống nhất giữa dân chủ với kỷ cương và đoàn kết xã hội, hợp tác và đồng thuận xã hội giữa nhà nước và doanh nghiệp, nhà nước và xã hội công dân... theo hướng dân chủ hóa toàn diện, tạo động lực để phát triển, vì hạnh phúc của nhân dân.

Dân chủ hóa hơn nữa chính là để phát triển các tiềm năng, tài năng của con người và các năng lực xã hội trong các dân tộc, giai tầng xã hội, các thành phần kinh tế, phát huy nội lực để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng đất nước giàu mạnh - văn minh. Sự nghiệp dân chủ xã hội chủ nghĩa mới ở những chặng ban đầu, còn nhiều việc phải làm, nhất là về mặt cơ chế, thể chế không chỉ ở cơ sở mà còn cả ở nhà nước trung ương và tỉnh, thành. Chẳng hạn, cơ chế phát huy tính độc lập và tự do cá nhân, cơ chế trưng cầu dân ý, cơ chế kiểm soát cán bộ công chức v.v. Ở đây không chỉ cần cải cách, đổi mới, xây dựng trong lĩnh vực các kết cấu, cơ chế kinh tế, mà đều có phần quan trọng hơn nữa là trong cơ cấu, cơ chế chính trị - xã hội và hành chính.

Nền dân chủ, nội dung dân chủ, cơ chế dân chủ như thế đang được xây dựng, được đổi mới, được nhận thức rõ hơn, được bổ sung và được xây dựng trên những tiền đề kinh tế xã hội mới, có kế thừa và phát triển những kết quả dân chủ đã đạt được trước đó. Dân chủ như thế vừa rất quen thuộc lại vừa rất mới mẻ. Do đó không nên nói rằng dân chủ đã bàn nhiều rồi, chẳng có gì mà bàn nữa ! Quả thật không thể nhìn dân chủ bằng con mắt và lối suy nghĩ không thay đổi, thiếu sáng tạo. ❑

Digitized by Google

VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC VÀ CÔNG DÂN Ở VIỆT NAM

NGUYỄN VÂN ĐỘNG *

1 - *Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ - bản chất của mối quan hệ giữa nhà nước và công dân ở nước ta.*

a - Quan hệ giữa nhà nước và cá nhân dưới chế độ bóc lột

Kể từ khi nhà nước ra đời, quan hệ giữa nhà nước với cư dân thuộc quyền quản lý của nhà nước đã hình thành. Tuy nhiên, mối quan hệ ấy có bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của hai bên hay không, điều đó còn phụ thuộc vào bản chất của mỗi chế độ nhà nước. Dưới chế độ chiếm hữu nô lệ, nhà nước chủ nô là tổ chức quyền lực chính trị của giai cấp chủ nô, do giai cấp chủ nô thiết lập và được giai cấp chủ nô sử dụng như là một công cụ có hiệu lực nhất để đàn áp, bóc lột nô lệ và những người lao động khác. Nô lệ không được coi là con người mà chỉ là "công cụ lao động biết nói" và hoàn toàn lệ thuộc vào giai cấp chủ nô về thân thể, kinh tế, chính trị tư tưởng, xã hội,...

Bởi vậy, quan hệ giữa nhà nước và chủ nô và nô lệ là quan hệ bất bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của hai bên. Nhà nước chủ nô có quyền đàn áp, áp bức, bóc lột nô lệ, còn nô lệ chỉ có nghĩa vụ đem sức lao động của mình ra để phục vụ cho chủ nô.

Trong chế độ phong kiến, người nông dân có khá hơn người nô lệ ở chỗ họ không còn bị coi là vật sở hữu riêng của giai cấp địa chủ nữa, tức là được giải phóng về thân thể, nhưng vẫn là người bị lệ thuộc về kinh tế, chính trị, tư tưởng, xã hội vào nhà nước phong kiến, vì họ không có tư liệu sản xuất trong tay. Do đó, trong quan hệ giữa nhà nước phong kiến với nông dân vẫn chưa có sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. Người nông dân chỉ có nghĩa vụ phục vụ vô điều kiện cho giai cấp địa chủ, và nhà nước phong kiến mà thôi.

Sang chế độ tư bản chủ nghĩa - một chế độ mà giai cấp tư sản cho là hoàn toàn tự do, dân chủ, bình đẳng, bác ái, nhân quyền, thì về mặt hình thức, giữa nhà nước tư sản với công dân hình như có sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ, vì hiến pháp tư sản đã ghi nhận các quyền tự do, dân chủ của công dân và nghĩa vụ của nhà nước tư sản đối với công dân. Nhưng trên thực tế, nhà nước tư sản đã tìm mọi cách trốn tránh các nghĩa vụ đó, hoặc hạn chế tối đa các quyền tự do, dân chủ của công dân đã được hiến pháp tư sản quy định. Bằng chứng là các luật về bầu cử của nhà nước tư sản đã đặt ra hàng loạt những điều kiện cần và đủ để công dân được đi bầu cử và được tự ứng cử, như giá trị tài sản của cá nhân, trình độ học vấn, thời hạn cư trú, v.v... Ở thời kỳ tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản (từ 1917 đến 1945), khi nhiều nhà nước tư sản đã chuyển thành những nhà nước độc tài phát xít (ví dụ : ở I-ta-li-a 1922, Đức 1933), thì các quyền tự do, dân chủ của công dân hoặc bị hạn chế tối đa, hoặc bị loại bỏ hoàn toàn. Vì lẽ đó, có thể khẳng định rằng trong quan hệ giữa nhà nước tư sản với công dân cũng không có sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của hai bên.

* TS. Giảng viên Trường đại học Luật Hà Nội

Digitized by Google

b - Quan hệ giữa nhà nước với công dân trong chế độ xã hội chủ nghĩa.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, khi nhân dân lao động đã làm chủ nhà nước, sử dụng nhà nước như là một phương tiện hữu hiệu nhất để thực thi quyền lực của mình, thì nhà nước thực sự trở thành nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và quyền lực nhà nước đã hoàn toàn thuộc về nhân dân, mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức (Điều 2 Hiến pháp 1992). Trong quan hệ giữa nhà nước xã hội chủ nghĩa với công dân đã có sự biến đổi về chất, nổi bật nhất là cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với nhau, được ghi nhận, bảo đảm thực hiện bằng hiến pháp và pháp luật. Hiến pháp 1992 của Nhà nước ta, tại Điều 51, đã khẳng định rõ nguyên tắc bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong quan hệ giữa nhà nước với công dân : "Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân. Nhà nước bảo đảm các quyền của công dân, công dân phải làm tròn nghĩa vụ của mình đối với nhà nước và xã hội". Nguyên tắc này đã tạo nên tính thống nhất hài hòa giữa quyền và nghĩa vụ của nhà nước và công dân ; quyền và nghĩa vụ của bên này là nghĩa vụ và quyền của bên kia. Một khi mà nguyên tắc bình đẳng và tính thống nhất hài hòa về quyền và nghĩa vụ đó không được quán triệt và thực hiện đầy đủ thì lợi ích của một bên cũng sẽ không được bảo đảm.

Mối quan hệ bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa nhà nước và công dân được thể hiện trên hai mặt sau đây :

Thứ nhất, thái độ của nhà nước đối với công dân. Ở đây nhà nước mang hai tư cách : vừa là tổ chức công quyền quản lý công dân bằng pháp luật, vừa là công cụ (phương tiện) hữu hiệu nhất bảo đảm, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Ở tư cách thứ nhất, nhà nước có quyền đối với công dân - quyền xác định bằng pháp luật các quyền và nghĩa vụ của công dân ; yêu cầu (đòi hỏi) công dân phải sử dụng đúng quyền và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và xã hội ; kiểm tra, giám sát công dân trong việc sử dụng quyền và thực hiện nghĩa vụ của họ ; xử lý theo pháp luật những công dân không sử dụng đúng quyền hoặc không thực hiện hay thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ mà pháp luật đã quy định. Trong tư cách thứ hai, nhà nước có nghĩa vụ đối với công dân - nghĩa vụ tôn trọng và thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh, thống nhất pháp luật mà mình đã ban hành ; bảo đảm mọi điều kiện thuận lợi cho công dân thực sự được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước, xã hội ; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân khi chúng bị xâm hại ; không ngừng mở rộng các quyền tự do, dân chủ cho công dân phù hợp với sự phát triển của xã hội...

Thứ hai, thái độ của công dân đối với nhà nước. Ở đây, công dân cũng mang hai tư cách : vừa là chủ thể của quyền lực nhà nước (người làm chủ nhà nước), vừa là đối tượng tác động của quyền lực đó. Với tư cách là chủ thể của quyền lực nhà nước, công dân có quyền đối với nhà nước - quyền thiết lập các cơ quan đại diện cho quyền lực của mình (các cơ quan quyền lực nhà nước) và bãi miễn đại biểu không còn tín nhiệm đối với cử tri ; tham gia quản lý nhà nước và xã hội ; thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương ; kiến nghị với cơ quan nhà nước ; biểu quyết khi nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân ; kiểm tra, giám sát sự hoạt động của bộ máy nhà nước ; yêu cầu các cơ quan nhà nước, công chức nhà nước phải tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của mình và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho mình được hưởng các quyền và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước ; khiếu nại, tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân hoặc bất cứ cá nhân nào... Ở tư cách thứ hai, công dân phải thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước - trung thành với Tổ quốc ; bảo vệ Tổ quốc ; tôn trọng và bảo vệ tài sản của

Digitized by Google

nhà nước và lợi ích công cộng ; tuân theo hiến pháp và pháp luật ; bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội ; giữ gìn bí mật quốc gia ; chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng ; đóng thuế và lao động công ích ;...

Như vậy, xét từ hai góc độ quan hệ nêu trên, cả nhà nước và công dân đều có quyền và nghĩa vụ đối với nhau. Các quyền và nghĩa vụ đó do hiến pháp và pháp luật quy định. Sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ đó là tất yếu và cần thiết trong điều kiện nhà nước và pháp luật đã là của dân, do dân, vì dân ; còn công dân đã trở thành chủ nhân của nhà nước và xã hội. Trong quan hệ giữa nhà nước với công dân, nếu nhà nước chỉ có quyền mà không có nghĩa vụ đối với công dân thì nhà nước đó không phải là nhà nước của dân, do dân, vì dân ; còn công dân nếu chỉ phải làm nghĩa vụ mà không được hưởng quyền gì thì công dân đó chưa thật sự là chủ nhân của nhà nước và xã hội. Do đó, sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ là bản chất của mối quan hệ giữa nhà nước và công dân trong chế độ xã hội chủ nghĩa ; là một bảo đảm quan trọng cho sự tồn tại, phát triển của nhà nước và cho sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân công dân.

2 - Hoàn thiện các quy phạm hiến pháp về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Quan hệ giữa nhà nước và công dân thể hiện tập trung nhất ở hệ thống các quyền và nghĩa vụ của công dân và của nhà nước. Điều 51 Hiến pháp 1992 quy định : "Quyền và nghĩa vụ của công dân do Hiến pháp và luật quy định". Điều đó có nghĩa là hiến pháp và luật xác lập mối quan hệ pháp lý cơ bản giữa nhà nước và công dân trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, xã hội và tự do cá nhân. Trong Hiến pháp 1992, Chương V quy định các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Theo chúng tôi, các điều luật của chương này chưa thể hiện được đầy đủ mối quan hệ pháp lý bình đẳng về quyền, nghĩa vụ giữa nhà nước và công dân. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung Chương V của Hiến pháp 1992.

Trước hết nói về chế định "Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân" trong Hiến pháp 1992. Chế định này gồm 7 nhóm quy phạm luật. Nhóm một quy định những nguyên tắc chung, cơ bản về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, được thể hiện trong bốn điều luật (từ Điều 49 đến Điều 52). Nhóm hai - các quyền cơ bản của công dân về chính trị (các Điều 53, 54, 74). Nhóm ba - các quyền cơ bản của công dân trong lĩnh vực kinh tế - xã hội (các Điều 55, 58, 61 - 67). Nhóm bốn - các quyền cơ bản của công dân trong lĩnh vực văn hóa, khoa học, giáo dục (các Điều 59, 60). Nhóm năm - các quyền cơ bản của công dân trong lĩnh vực tự do cá nhân (từ Điều 68 đến Điều 73). Nhóm sáu - các nghĩa vụ cơ bản của công dân (từ Điều 76 đến Điều 80). Nhóm bảy - việc bảo hộ của nhà nước Việt Nam đối với quyền lợi của người Việt Nam định cư ở nước ngoài (Điều 75), quyền và nghĩa vụ của người nước ngoài cư trú ở Việt Nam (Điều 81) và quyền được xét cho cư trú ở Việt Nam của người nước ngoài bị bức hại (Điều 82). Như vậy, nội dung các quy phạm luật trong chế định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được diễn đạt bằng 34 điều luật, thuộc Chương V của Hiến pháp 1992. So với các chương khác trong Hiến pháp 1992 thì Chương V có nhiều điều nhất, bao quát nhiều vấn đề liên quan tới quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam cũng như của người nước ngoài ở Việt Nam, phản ánh mối quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam với các cá nhân chứ không đơn thuần là quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam với công dân Việt Nam. Những điều luật hiện có trong chương này đã vượt quá khuôn khổ quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam, làm cho kết cấu và cách sắp xếp, bố trí của nó thiếu lô gích chặt chẽ và tính khoa học. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung cả về hình thức lẫn nội dung của Chương V là rất cần thiết, nhằm đáp ứng được hai yêu cầu quan trọng : *một là*, trong chương này chỉ chứa đựng các điều luật về các quyền

Digitized by Google

và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam ; *hai là,* trong từng điều luật về quyền cơ bản của công dân phải bảo đảm được tính thống nhất về quyền và nghĩa vụ trong quan hệ giữa nhà nước và công dân, tức là khi hiến pháp quy định quyền cơ bản của công dân thì cũng xác lập những bảo đảm của nhà nước đối với quyền được tuyên bố.

Để đạt được những mục tiêu nêu trên, chúng tôi đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung Chương V như sau :

- Về hình thức, cần đưa ra khỏi Chương V (để chuyển vào chương khác) các điều luật chỉ nêu những nguyên tắc chung về quyền, nghĩa vụ của công dân Việt Nam ; quyền, nghĩa vụ của người nước ngoài ở Việt Nam ; việc bảo hộ quyền lợi của người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài. Đó là : Điều 49 quy định khái niệm "Công dân Việt Nam" ; Điều 51 - nguyên tắc thống nhất giữa quyền và nghĩa vụ công dân, trách nhiệm hai chiều giữa nhà nước và công dân, cơ sở pháp luật của quyền và nghĩa vụ công dân ; Điều 52 - nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật của công dân ; Điều 75 - việc bảo hộ quyền lợi của người Việt Nam định cư ở nước ngoài ; Điều 81 - quyền và nghĩa vụ của người nước ngoài cư trú tại Việt Nam ; Điều 82 - quyền được xem xét cho cư trú tại Việt Nam của người nước ngoài bị bức hại.

Một vấn đề đặt ra là : các điều luật trên sẽ chuyển vào chương nào của Hiến pháp ? Điều này liên quan đến kết cấu của hiến pháp. Kinh nghiệm lập hiến ở nước ngoài cho thấy kết cấu của hiến pháp theo từng phần, mỗi phần gồm các chương là hợp lý nhất (ví dụ : Hiến pháp Liên Xô 1977 trước đây có 9 phần, 21 chương). Theo phương án này, có thể sắp xếp lại cơ cấu của Hiến pháp nước ta theo các phần. Phần 1 gồm các chương về những vấn đề chế độ chính trị, chế độ kinh tế, chính sách văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, xã hội, quốc phòng của Nhà nước. Phần 2 về quan hệ giữa nhà nước và cá nhân, gồm hai chương - Chương I quy định các vấn đề quốc tịch Việt Nam, quyền con người ở Việt Nam, các nguyên tắc quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam, quyền của người nước ngoài bị bức hại xin cư trú tại Việt Nam, quyền lợi của người Việt Nam định cư tại nước ngoài. Chương II chỉ quy định các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam. Phần 3 - cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Phần 4 - quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, thủ đô. Phần 5 - hiệu lực của hiến pháp và việc sửa đổi hiến pháp.

Với cách sắp xếp như trên thì 7 điều được đưa ra khỏi Chương V sẽ ở vào Chương I của Phần 2 trong Hiến pháp sửa đổi.

- Về nội dung Chương II của Phần 2 trong Hiến pháp sửa đổi, thì các điều luật có thể được chia thành hai nhóm như cũ. Nhóm một quy định các quyền cơ bản của công dân. Nhóm hai quy định các nghĩa vụ cơ bản của công dân. Trong những điều quy định các quyền cơ bản của công dân thì cũng xác lập bảo đảm của nhà nước, nhằm vừa bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, tính thống nhất về quyền và nghĩa vụ trong quan hệ giữa nhà nước và công dân, vừa tăng thêm tính hiện thực của các quyền được quy định. Hiện nay, trong 22 điều của Chương V quy định các quyền cơ bản thì chỉ có 17 điều luật này, nếu thấy cần thiết, thì bổ sung, sửa đổi theo hướng đầy đủ và cụ thể hơn cho phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa hiện nay ở nước ta. Năm điều còn lại chưa quy định bảo đảm của nhà nước là : Điều 53 - quyền tham gia quản lý nhà nước ; Điều 54 - quyền bầu cử và ứng cử ; Điều 57 - quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật, Điều 68 - quyền tự do đi lại, cư trú ở trong nước, ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước theo quy định của pháp luật, Điều 69 - quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, được thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, có thể bổ sung thêm : quyền được sống trong môi trường, nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa dân tộc. ❑

Digitized by Google

SÂN KHẤU XÔ VIẾT VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ ĐỐI VỚI SÂN KHẤU VIỆT NAM

NGUYỄN PHAN THỌ

SÂN khấu Xô viết đã có một thời gian dài nhiều thập kỷ lừng danh trên thế giới với bao tác phẩm đồ sộ, có tầm khái quát lớn, mang đậm tính nhân văn cao cả, được biểu hiện bằng những tài năng diễn xuất điêu luyện với cách dàn dựng quy mô và công phu.

Sân khấu Xô viết cũng như các lĩnh vực văn học - nghệ thuật khác, đã một thời làm sôi động cuộc sống tinh thần của nhân dân Liên Xô ; nó là vũ khí sắc bén góp phần giáo dục và động viên hàng trăm triệu người đứng lên đấu tranh cách mạng và xây dựng Tổ quốc.

Sân khấu Xô viết giành được những thành tựu to lớn như vậy, trước hết là nhờ biết vận dụng cả 3 thể tài trong sáng tạo nghệ thuật. Thể tài là khái niệm của mỹ học và văn học - nghệ thuật ; thể tài bao giờ cũng gắn liền với đề tài. Mối quan hệ thẩm mỹ của con người đối với hiện thực trong nghệ thuật sân khấu được thể hiện qua cái gọi là thể tài, bao gồm : bi kịch, hài kịch và chính kịch.

Bi kịch - một thể tài của văn học - nghệ thuật vẫn còn ý nghĩa đối với thời đại chúng ta, nó gắn liền với quá trình đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản - đó là bi kịch cách mạng. Bi kịch cách mạng, với quan điểm mác xít, đã vượt ra ngoài giới hạn mỹ học trước đây, tạo thành nền móng cho nền bi kịch mới - hiện thực cách mạng.

Ở mỗi thời kỳ lịch sử, bi kịch có những mặt, những yêu cầu khác nhau, nhưng vẫn là một thể tài để thể hiện những vấn đề lớn của xã hội, và tác động đến khán giả một cách mạnh mẽ, sâu sắc. Và như C. Mác đã nói, cách mạng là chủ đề chân chính của bi kịch, và xung đột cách mạng phải trở thành điểm trung tâm cho bi kịch hiện đại. Trong các vở *Đoàn tàu bọc thép, Bi kịch lạc quan, Bão táp, Xâm lược, Vĩnh biệt hạm đội, Cô gái đánh trống* v.v... những người lao động trở thành những nhân vật trung tâm. Họ đại diện cho cái tiên tiến và đấu tranh đến cùng chống những cái cũ, đã lỗi thời. Họ mang tư tưởng cách mạng gắn liền với tình yêu Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội. Điểm nổi bật nhất trong những tác phẩm này là sự hài hòa, thống nhất giữa cá nhân và tập thể, giữa tự do và tất yếu. Ở đây các tác giả đã tạo dựng nên toàn bộ đời sống phong phú của hiện thực đấu tranh cách mạng. Nhân vật của họ có đầy đủ phẩm chất con người. Bi kịch Xô viết không phải là bi kịch của giai cấp cũ, bị diệt vong, mà là bi kịch của giai cấp mới - những chiến sĩ của giai cấp vô sản, đấu tranh cho một tương lai tốt đẹp. Đó là tính lạc quan trong bi kịch. Cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân đã trở thành đối tượng trọng tâm của nghệ thuật. Người nghệ sĩ lấy việc ca ngợi các hành động anh hùng làm nhiệm vụ chủ yếu của mình.

Hài kịch cũng là một thể tài của sân khấu, mà đặc thù của nó là tiếng cười của khán giả. Cái đặc thù này bao giờ cũng mang tính lịch sử, tính dân tộc và tính giai cấp cụ thể. Vì vậy, hài kịch không ngừng biến động theo quá trình biến hóa của tâm sinh lý dân tộc, tính cách giai cấp, truyền thống văn hóa, lý tưởng thẩm mỹ, ngôn ngữ địa phương...

Sau Cách mạng Tháng Mười trên sân khấu Xô viết đã xuất hiện hàng loạt những vở hài kịch như *Động đất* (1923) của P. Rô-ma-nốp, *Dân tộc hóa phụ nữ* (1924) của I-u-rin, *Ngôi nhà Xô viết*

Digitized by Google

(1924) của M. Cri-nhi-ski, *Giấy ủy nhiệm* (1924) của N. Ec-dman, *Điều quái dị* (1926), *Nhà máy tuổi trẻ* (1927) của A. Tôn-xtôi, *Kẻ bịp bợm* (1928) của Séc-vac-kin, *Vấn đề vuông tròn* (1928) của V. Ca-pha-ép v.v... Những vở hài kịch châm biếm đó như một vũ khí chống những biểu hiện của tư tưởng tư sản, vạch trần những hành vi đầu cơ chính trị và đầu cơ kinh tế của chúng.

Các vở *Con rệp* (1928), *Nhà tắm* (1929) của Mai-a-cốp-xki thể hiện sâu sắc và có tầm khái quát lớn ; chúng trở thành những tác phẩm cổ điển của nền sân khấu hiện thực mới.

Tuy nhiên, hài kịch châm biếm của sân khấu Xô viết vẫn còn hơi thiên lệch trong việc thể hiện. Các nhân vật tiêu cực thì bị châm biếm một cách cường điệu, trong khi các nhân vật tích cực lại được miêu tả quá thực như đời thường, làm cho phong cách hài kịch thiếu sự hài hòa, thiếu trung thực.

Chính kịch trong sáng tạo của Goóc-ki lần đầu tiên miêu tả cuộc sống theo sự phát triển cách mạng của nó trong cuộc đấu tranh quyết liệt giữa cái lỗi thời với cái mới đang nảy sinh. Tiếp tục phát triển con đường sáng tạo của Goóc-ki, các nhà viết kịch Xô viết sau này đã đưa thể tài chính kịch bước sang những trang sử mới - trang sử nói về sự chiến thắng của người lao động trong đấu tranh và xây dựng xã hội mới. Những tác phẩm của A. Phi-nô-ghê-nôp, Lê-ô-nốp, Ac-bu-đốp, Gu-xép, Xi-mô-nốp... không những kế thừa những phẩm chất của Tsê-khốp, Ip-xen, Ô-xtrốp-xki, Tôn-xtôi... trong việc mở rộng giới hạn của cốt truyện gia đình.

Những vở chính kịch Xô viết chứa đựng nhiều đề tài và đi vào khuynh hướng tâm lý sâu sắc. Nó rất phong phú, chân thực, có sức mạnh tác động lớn vào quá trình phát triển xã hội mới và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

*

* *

Khác với hai lần tiếp cận trước đây với sân khấu Trung Quốc và sân khấu Pháp, vào những năm đầu của thập kỷ 50 thế kỷ XX, sân khấu Việt Nam lại được tiếp cận với một nền sân khấu cách mạng, tiến bộ và hiện đại - đó là sân khấu Xô viết. Sự tiếp nhận này mang đầy đủ ý thức tự nguyện, nó bắt nguồn từ sự đồng nhất về lý tưởng xã hội của hai dân tộc, mà hạt nhân cơ bản là chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Nghệ sĩ Việt Nam tìm thấy ở sân khấu Xô viết một mô hình nghệ thuật phù hợp với khát vọng dân tộc. Sân khấu Việt Nam đến với sân khấu Liên Xô bằng nhiều con đường khác nhau, mà con đường quan trọng nhất là mối quan hệ giữa hai nước theo nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản và bằng sự thống nhất cảm xúc thẩm mỹ của hai dân tộc trước hiện thực, trong nghệ thuật cũng như về tương lai của xã hội. Đó là sự thống nhất của đôi bên, tạo nên những giá trị nghệ thuật ; và sân khấu Việt Nam đã tiếp thu và lớn lên từ những giá trị đó để rồi tạo dựng cho mình những giá trị nghệ thuật đích thực.

Nổi bật nhất trong quan hệ sân khấu Việt Nam và Liên Xô là thời kỳ sau hòa bình 1954.

Nhiều cán bộ, nghệ sĩ Việt Nam đã sang Liên Xô tham quan, học tập ; nhiều chuyên gia Liên Xô sang Việt Nam giảng dạy, cố vấn, dựng vở cho nhiều nhà hát. Rất nhiều kịch bản xuất sắc của Liên Xô được dịch và xuất bản, hoặc được dàn dựng trên sân khấu Việt Nam. Cả một thời gian dài, nhất là sau năm 1954, khi một nửa nước được giải phóng, sân khấu Xô viết đã ồ ạt chiếm lĩnh nhiều sàn diễn ở nước ta và được công chúng khán giả Việt Nam hoan nghênh.

Nhờ có sự thống nhất cảm xúc thẩm mỹ của hai dân tộc mà sân khấu Xô viết đến với khán giả Việt Nam một cách thanh thoát, để lại nhiều ấn tượng mạnh mẽ, nhiều cảm tình sâu sắc.

Sân khấu Xô viết trở thành vũ khí tinh thần sắc bén và đã tham gia tích cực, có hiệu quả trong cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam. Nhiều hình tượng nghệ thuật trong các tác phẩm kịch Xô viết như *Li-u-ba, Những người Nga, Pla-tôn C-rét-sép,*

Digitized by Google

Câu chuyện I-ê-cút, Ni-la, Xâm lược, Bão táp, Bi kịch lạc quan, Đoàn tàu bọc sắt, Vĩnh biệt hạm đội, Người cầm súng, Chuông đồng hồ điện Crem-lanh, Những con hươu xanh, Khúc bi tráng thứ ba, Biên bản cuộc họp, Vụ án A-rốt-xtat, Thánh của các vị thánh, Người con trai cả... đã góp phần nung nấu khí tiết anh hùng, tinh thần yêu nước của người Việt Nam. Nó củng cố lòng tin cho khán giả vào tương lai tươi sáng. Bằng những hình tượng của sân khấu Xô viết mà công chúng Việt Nam tìm thấy ở đó những vấn đề xã hội, những con người có đủ những phẩm chất cao đẹp. Sân khấu Xô viết đã góp phần đáng kể trong sự nghiệp cải tạo và xây dựng nhân cách mới cho con người Việt Nam thông qua những vở kịch được các đạo diễn Liên Xô dàn dựng một cách công phu. Nhiều nhân vật trong tác phẩm trở thành những con người lý tưởng của thanh niên.

Bên cạnh việc giúp các nghệ sĩ Việt Nam dàn dựng và biểu diễn nhiều vở kịch của Liên Xô, bạn còn giúp ta đào tạo một đội ngũ chuyên gia về sân khấu, bao gồm lý luận, phê bình, tác giả, đạo diễn, diễn viên, nhạc sĩ, họa sĩ và những nhà tổ chức - quản lý nghệ thuật...

Sân khấu Xô viết cũng góp phần chắp cánh cho nghệ sĩ Việt Nam bay xa, giúp họ hiểu thêm về giá trị truyền thống Việt Nam. Nó không chỉ giúp ích trực tiếp cho kịch nói, mà còn có tác động tới sân khấu truyền thống, không chỉ trong kịch bản, đạo diễn, diễn viên, mà trong toàn bộ công việc của loại hình tổng hợp.

Nhờ biết tiếp thu có sáng tạo những tinh hoa của sân khấu Xô viết mà từ những năm 50 trở lại đây bên cạnh những tác phẩm sân khấu Xô viết trên sàn diễn các nhà hát đã xuất hiện thêm nhiều vở kịch có giá trị. Phần do biết tiếp thu một số thủ pháp của sân khấu truyền thống, như tính cách điệu, ước lệ của Chèo, Tuồng, phần biết ứng dụng hệ X-ta-nhi-láp-xki vào việc dàn dựng và diễn xuất, nên sân khấu nước ta đã có những mùa thu hoạch lớn.

Các loại hình sân khấu truyền thống của ta cũng đã tiếp thu được nhiều yếu tố quý báu trong phong cách biểu hiện và cả trong dàn dựng.

Thời kỳ nở rộ của sân khấu Việt Nam là thời kỳ sau giải phóng miền Nam (1975). Nhiều vở kịch nói nổi tiếng đã xuất hiện. Đó là *Nhân danh công lý* (Võ Khắc Nghiêm và Doãn Hoàng Giang), *Tiếng hát* (Đào Hồng Cẩm), *Tôi và Chúng ta*, *Nguồn sáng trong đời* và *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ), *Mùa hè ở biển*, *Nửa ngày về chiều* (Xuân Trình), *Mười đóa phong lan* (Tất Đạt), *Ngôi sao biển* (Lê Bá Sinh)...

Chính kịch là thể tài trung tâm và sung mãn nhất của kịch nói Việt Nam, đặc biệt nhờ ảnh hưởng của chính kịch Xô viết. Nét chủ đạo của thể tài chính kịch - tâm lý xã hội Việt Nam là những đề tài mới về con người điển hình Việt Nam. Chính vì thế mà chính kịch Việt Nam mang tính thời sự, tính chân thực. Nó thể hiện được sức mạnh đặc biệt của cuộc sống nội tâm trong mỗi con người và mối liên hệ thống nhất giữa cá nhân và xã hội.

Chủ đề trọng tâm của thể tài chính kịch anh hùng ca Việt Nam là khẳng định cái mới, cái tiên tiến của hiện thực cách mạng. Trong đề tài chiến tranh thì chủ đề đó được thể hiện bằng cảm hứng anh hùng của người nghệ sĩ và sự cảm thụ nghệ thuật anh hùng của người xem.

Những vở kịch *Quê hương Việt Nam*, *Đại đội trưởng của tôi*, *Dòng sông ám ảnh*, *Trận tuyến ven đô*... là những vở chính kịch anh hùng ca. Chính kịch anh hùng ca là thể tài mới trong lịch sử sân khấu Việt Nam, là sản phẩm của cách mạng Việt Nam, có sự đóng góp đáng kể của sân khấu Xô viết.

Ảnh hưởng của sân khấu Xô viết đến với Việt Nam tuy có muộn, nhưng lại rất mạnh mẽ và được người Việt Nam tiếp nhận một cách tự nguyện. Chính vì thế mà hiệu quả của nó rất lớn, tác động không những đối với sự nghiệp phát triển của kịch nói, mà còn ảnh hưởng nhiều tới việc cải tiến và nâng cao nền sân khấu truyền thống của chúng ta. ❑

Digitized by Google

ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHO ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

ĐÀO XUÂN THƯỞNG *

NGÀY nay, khi trình độ phát triển khoa học - kỹ thuật thế giới đã đạt được những tiến bộ vượt bậc thì con người có trí tuệ cao đã trở thành yếu tố cơ bản, có vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững và đó chính là sức mạnh của mọi quốc gia, dân tộc. Bởi vậy, việc phát triển *sự nghiệp giáo dục, đào tạo* (GD - ĐT) *và phát triển nguồn nhân lực* là vấn đề được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm, điều đó được thể hiện cụ thể trong chiến lược phát triển GD - ĐT mà Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã đề cập tới.

Nước ta hiện có trên 76 triệu dân, với gần 40 triệu người trong độ tuổi lao động, trong đó, đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có dân số bình quân hằng năm chiếm trên dưới 22% dân số cả nước, với tốc độ dân số tăng đáng kể : năm 1995, toàn vùng có 16,5 triệu người ; đến năm 1996 đã là 16,52 triệu ; năm 1997, con số này đã lên tới 16,82 triệu. Bình quân số dân tăng ở thời kỳ 1990 - 1995 là 2,1%, thời kỳ 1996 - 2000 là 1,61%. Dự kiến, năm 2001, vùng ĐBSCL sẽ có số dân khoảng trên 17 triệu người.

Sau 15 năm đổi mới, ĐBSCL đã có những chuyển đổi đáng kể và thực sự đã trở thành vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp, đóng vai trò cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội cả nước. Hằng năm, giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm từ 38% - 40% của cả nước, trong đó lúa chiếm trên 52%, lượng gạo xuất khẩu chiếm xấp xỉ 90% và đóng góp từ 55 - 60% kim ngạch xuất khẩu thủy sản.

Với số dân đông so với cả nước và là vùng nông nghiệp trọng điểm nhưng do những bất cập nhất định cả chủ quan và khách quan nên quá trình sản xuất và đời sống dân cư trong vùng vẫn chưa ổn định, trước mắt vẫn còn rất nhiều những khó khăn. Mặc dù sản lượng lúa năm 1999 đạt mức cao nhất (bình quân đầu người trên 1 000 kg), nhưng mức thu nhập bình quân trong nhiều năm (trong đó có cả năm 1999) cũng chưa vượt quá con số 4 triệu đồng/người/năm, còn rất thấp so với mức bình quân chung cả nước. Tỷ lệ các hộ nghèo còn cao (tại thời điểm năm 2000 còn 15% hộ theo đánh giá chuẩn của năm 1999). Những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống như đi lại, học tập, chữa bệnh, việc làm của người dân nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc vẫn chưa được bảo đảm tốt.

Thực hiện chiến lược về con người, các tỉnh trong khu vực đã có sự chuyển dịch trong cơ cấu đầu tư. Hằng năm, đã dành tỷ lệ khá lớn ngân sách chi cho sự nghiệp GD - ĐT. Trong 5 năm trở lại đây, công tác giáo dục ở khu vực này có những chuyển biến rõ rệt, song vẫn còn chưa đạt với mặt bằng dân trí của cả nước. Tháng 5-2000, toàn vùng đã được công nhận đạt tiêu chuẩn quốc gia xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Đối với một vùng nông nghiệp phía Nam của Tổ quốc, với những đặc thù về tự nhiên, văn hóa - xã hội và lịch sử hình thành vùng đất còn khá non trẻ thì thành tựu trên rất đáng khích lệ. Tuy nhiên, so với

* Phó vụ trưởng, Vụ Kinh tế phía Nam - Ban Kinh tế Trung ương

Digitized by Google

tốc độ tăng trưởng chung của cả nước và các khu vực khác thì ĐBSCL vẫn còn ở khoảng cách khá xa ; tỷ lệ bình quân số người được đi học đạt trên dưới 51%, số người mù chữ năm 1999 chiếm gần 40% số người mù chữ trong cả nước, tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 mới đạt 92%. Ở những vùng sâu, vùng xa tỷ lệ huy động đi học trong độ tuổi còn thấp hơn, tỷ lệ học sinh bỏ học nhiều. Số năm được học trung bình của 1 người dân trong vùng là từ 4,5 đến 5 năm. (Bình quân cả nước khoảng từ 5,4 đến 6,2 năm. Còn ở Nhật Bản là 10,8 năm, Hàn Quốc là 9,3 năm và Phi-lip-pin là 7,6 năm). Dân số ĐBSCL chiếm 22% dân số cả nước, nhưng cả khu vực chỉ có 1/3 trường đại học được Nhà nước đầu tư. Lao động có đào tạo chỉ chiếm 6% (của cả nước là 15%). Quy mô đào tạo trung học chuyên nghiệp và cao đẳng tăng chậm. Trong khi đó, tỷ lệ số trường đại học trên số dân còn quá thấp. Hệ thống trường, lớp, đội ngũ giáo viên đứng lớp vẫn còn thiếu và chưa đạt chuẩn. Từ những thực tế trên, có thể thấy rằng *GD - ĐT là một trong những mặt tồn tại lớn nhất của khu vực.*

Những năm gần đây, lao động trong độ tuổi ở ĐBSCL có chiều hướng tăng nhanh (bình quân khoảng gần 3%/năm). Dự kiến năm 2001, lao động trong toàn vùng sẽ có khoảng từ 8,5 đến 8,8 triệu người (tương đương với trên 53,5% dân số). Lực lượng lao động vùng ĐBSCL được đánh giá là cần cù, nhạy cảm với sản xuất hàng hóa và quan hệ thị trường, có khả năng tiếp cận nhanh với tiến bộ khoa học - kỹ thuật. Tuy nhiên, số *lao động đã qua đào tạo không nhiều.* Số được đào tạo qua đại học, cao đẳng đến năm 1999 là 0,143% (cả nước 0,312%, đồng bằng sông Hồng - 0,595%). Các trung tâm dạy nghề phát triển chưa đồng bộ, cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu dạy và học đang đòi hỏi ngày càng cao. Lao động trong các ngành nghề, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp phần lớn dựa vào kinh nghiệm thực tế cộng với vốn kiến thức tự tìm tòi để tiến hành quá trình sản xuất. Từ đó, năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm kém, thiếu khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới. Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều tiềm năng nhưng thu hút đầu tư nước ngoài yếu. Trong nhiều nguyên nhân, yếu tố đội ngũ cán bộ của vùng cũng là một tồn tại lớn. Hiện nay, có một thực trạng là *đội ngũ cán bộ hạn chế về chuyên môn, thiếu kiến thức về hoạt động trong nền kinh tế thị trường* ; thiếu kinh nghiệm về hợp tác đầu tư ; thiếu tác phong công nghiệp hiện đại. Công nhân có trình độ văn hóa, kỹ thuật tay nghề hạn chế... Tất cả những yếu tố này ảnh hưởng không chỉ đến việc thu hút đầu tư nước ngoài mà còn là trở ngại rất lớn trong quá trình hội nhập quốc tế và khu vực.

Thực tế trên đang đặt ra cho ĐBSCL một vấn đề cấp bách cần tập trung giải quyết, và phải có *những giải pháp, kịp thời nâng cao trình độ dân trí, tạo được nguồn nhân lực* có chuyên môn, có học vấn để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) đất nước.

Ngày nay, việc đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, nâng cao dân trí làm nền tảng cho việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, là cơ sở cho con người vừa sáng tạo, vừa làm chủ tiến bộ khoa học - kỹ thuật là xu thế chung của nhiều nước. Vì vậy, khi định hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong toàn vùng, không thể coi việc đẩy mạnh công tác GD - ĐT và phát triển nguồn nhân lực chỉ là mục tiêu, mà còn phải làm một giải pháp, và giải pháp hàng đầu có tính quy luật, là điều kiện tiền đề cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở ĐBSCL một cách bền vững. Trong chuyến làm việc với các tỉnh ĐBSCL gần đây của Phó Thủ tướng Chính phủ, *giải pháp đầu tiên để phát triển kinh tế - xã hội của vùng* được đề cập đến là *nâng cao dân trí trong khu vực.* Ngoài sự hỗ trợ của Nhà nước để phát huy

Digitized by Google

nội lực, các tỉnh ĐBSCL cần giải quyết một số vấn đề sau :

1 - Cần có những dự án *lao động và việc làm*, trên cơ sở hình thành các dự án thu hút vốn đầu tư trong mọi thành phần kinh tế, có chính sách phù hợp khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ ngoài quốc doanh, phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại, mở rộng ngành nghề, phát triển kinh tế hộ gia đình... để sử dụng tối đa lao động hiện có và khoảng 3% lao động tăng thêm hằng năm.

2 - Tập trung giải quyết tốt *vấn đề thị trường, tiêu thụ sản phẩm* sản xuất trong vùng, nhất là hàng hóa nông, lâm, thủy sản, từ đó thúc đẩy được tái sản xuất và tái sản xuất mở rộng, tăng thu nhập cho nhân dân, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần. Đây cũng là điều kiện quan trọng để giải quyết lao động, việc làm trong nông nghiệp nông thôn.

3 - Các địa phương cần tập trung *xây dựng các dự án khả thi về GD - ĐT* và *phát triển nguồn nhân lực*. Mục tiêu trước mắt là phải hạn chế tỷ lệ người tái mù chữ, tiến tới phổ cập trung học cơ sở trong độ tuổi. Có chính sách khuyến khích dân ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc đi học. Chủ trương cho thành lập rộng rãi quỹ đào tạo, quỹ khuyết học, có sự đóng góp của những nhà tài trợ và ngân sách địa phương từ các khoản tiết kiệm chi tiêu hành chính.

4 - Thực hiện chủ trương *chuẩn hóa đội ngũ cán bộ*, bằng hình thức bắt buộc tham gia quá trình đào tạo và đào tạo lại kiến thức, phù hợp với công việc được phân công đảm nhận. Tuân thủ Quy chế tuyển dụng công chức thông qua thi tuyển. Có kế hoạch đào tạo ngành nghề trước khi chuyển qua lĩnh vực công tác khác đối với lực lượng lao động trong các đơn vị hành chính sự nghiệp dôi ra do sắp xếp lại biên chế. Chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ nguồn là người dân tộc, các thành phần tôn giáo v.v.

5 - *Tăng cường năng lực đào tạo của các trường đại học, trung học chuyên nghiệp* hiện có trong vùng. Mở rộng và phát triển mới hệ thống các trung tâm dạy nghề trong các tỉnh, đa dạng hóa hình thức đào tạo, ngành nghề, sớm tạo được đội ngũ lao động lành nghề cho mọi ngành sản xuất, nhất là cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản. Xây dựng ở mỗi tỉnh có ít nhất một trường đào tạo nghề, tiếp tục hoàn chỉnh mạng lưới trường trung học chuyên nghiệp, tăng quy mô tuyển sinh cho các trường này. Nâng số lượng và đầu tư nâng cấp các trường đại học, cao đẳng, tăng số lượng sinh viên đào tạo.

6 - Cần có *chính sách về đãi ngộ* đối với lực lượng lao động có tay nghề cao, chuyên viên kỹ thuật và cán bộ quản lý giỏi, tạo điều kiện thu hút cán bộ, sinh viên tốt nghiệp ra trường là con em của ĐBSCL và những nơi khác về ĐBSCL công tác. Chú trọng bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên. Áp dụng chính sách ưu đãi đối với đối tượng giáo viên, học sinh thành phần người dân tộc.

Có thể nói, dù còn có không ít khó khăn, nhưng ĐBSCL có rất nhiều điều kiện thuận lợi, trong đó, có cả những lợi thế về mặt tự nhiên, nguồn lực... để có thể phát triển kinh tế - xã hội đi lên theo hướng CNH, HĐH nhanh hơn một số vùng khác trong cả nước. Tuy nhiên, để có thể đi lên một cách vững chắc, ĐBSCL phải tự mình tạo được những điều kiện vật chất làm chỗ dựa vững chắc, trong đó, yếu tố hàng đầu là phải có đội ngũ lao động hùng hậu, có tri thức và học vấn, có tay nghề và khả năng tiếp thu nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật, có kỹ năng tổ chức, quản lý giỏi. Có như vậy ĐBSCL mới phát triển bền vững, chủ động trong quá trình hội nhập quốc tế và khu vực ; hoàn thành tốt những trọng trách mà cả nước đã tin cậy gửi gắm cho vùng nông nghiệp trọng điểm, vùng đất phía Nam của Tổ quốc. ❑

Digitized by Google

MẤY VẤN ĐỀ HIỆU QUẢ VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VIỆC HỌC TẬP NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG

VŨ NGỌC AM *

LÂU nay, trong đời sống xã hội, chúng ta thường nói nhiều đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hiệu quả các hoạt động, nhất là hoạt động kinh tế. Việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động là yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn cách mạng nước ta nhất là trong thời kỳ hiện nay. Tuy nhiên, để hiểu và đánh giá đúng hiệu quả, tìm cách đạt được hiệu quả trong hoạt động không phải đơn giản, nhất là trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, học tập quán triệt nghị quyết của Đảng. Bởi vì, đây là lĩnh vực hoạt động trừu tượng có liên quan đến tư tưởng, tình cảm và lý trí của con người, phải thông qua tư duy của con người mới ra hành động, mà hoạt động thực tiễn của con người lại là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố (khách quan và chủ quan). Vì vậy, quan niệm về hiệu quả và đánh giá hiệu quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng, học tập nghị quyết của Đảng phải được cân nhắc, xem xét, đánh giá tác động của nó một cách toàn diện.

Hiện nay, vấn đề hiệu quả và đánh giá hiệu quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng, học tập nghị quyết của Đảng trên thực tế đang còn những quan niệm chưa đúng và có sự nhầm lẫn, chưa phân biệt rõ sự khác nhau giữa kết quả và hiệu quả. Trong các báo cáo tổng kết hằng năm (kể cả ở cấp trung ương và địa phương) thường nhấn mạnh đến kết quả thực hiện bằng các chỉ tiêu : số lớp được tổ chức, số người tham gia ; tháng này, quý này, năm này mở được bao nhiêu lớp ; số người so với chỉ tiêu đề ra tăng thêm hoặc giảm đi bao nhiêu phần trăm... Những số liệu đó là quan trọng và cần thiết, song chưa phải là sản phẩm cuối cùng, phản ánh đúng hiệu quả. Vì hiệu quả không chỉ đơn giản là kết quả, mặc dù hiệu quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng, học tập nghị quyết của Đảng, trước hết là kết quả của công tác đó. Hiệu quả không đồng nhất với kết quả. Kết quả là hiện tượng mới xuất hiện do một hay nhiều nguyên nhân tạo nên. Kết quả thể hiện qua số lượng và chất lượng, mới nói lên mức độ hoạt động của chủ thể, nên chỉ là một trong những tiêu chí để đánh giá hiệu quả. Nếu chỉ dựa thuần túy vào những số liệu đó mà đánh giá hiệu quả sẽ không chính xác và thậm chí còn bị sai lệch.

Điều này có thể thấy rõ trên lĩnh vực sản xuất vật chất trong điều kiện kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường hiện nay. Một người nông dân bình thường, khi sản xuất đã biết tính toán đến hiệu quả kinh tế : nuôi con gì, trồng cây gì trên cùng một diện tích để khi bán được giá trị cao hơn. Để đạt được như vậy phải đổi mới cơ cấu cây, con, áp dụng tiến bộ khoa học. Tóm lại phải đầu tư suy nghĩ, đổi mới để có hiệu quả kinh tế cao. Đây là quan niệm đơn thuần về hiệu quả kinh tế. Nhưng nếu xét một cách toàn diện cả về kinh tế - xã hội thì lại là một chuyện khác, vì lúc đó hiệu quả kinh tế - xã hội còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác. Nói như vậy để thấy việc đánh giá hiệu quả của các hoạt động xã hội là không đơn giản.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, học tập nghị quyết của Đảng là lĩnh vực hoạt động xã hội tương đối trừu tượng, rất khó đánh giá

* Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

Digitized by Google

hiệu quả. Tuy nhiên, nếu kết hợp nhiều yếu tố để phân tích thì vẫn có thể đánh giá được. Xét một cách cụ thể : số lượng lớp học, số lượng người học chỉ là một trong những căn cứ để đánh giá hiệu quả. Bởi vì, những số liệu đó mới chỉ nói lên một cách chưa đầy đủ mức độ hoạt động của tổ chức đảng và các cơ quan chức năng tiến hành việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chủ trương, chính sách của Đảng tới cán bộ, đảng viên và quần chúng, chứ chưa nói lên được sự tiếp thu, sự chuyển hóa những tri thức đó qua giáo dục được biểu hiện như thế nào. Do đó, muốn đánh giá chính xác hiệu quả của công việc này, ngoài việc xem xét, phân tích các yếu tố về số lượng, còn phải kết hợp xem xét, phân tích những yếu tố khác như : chất lượng của người truyền đạt, chất lượng của tài liệu, mức độ tiếp thu của người học, mức độ vận dụng vào thực tiễn và giải quyết những vấn đề thực tiễn sau khi học v.v...

Theo báo cáo của các địa phương, cơ sở, thời gian vừa qua có tới 80%, thậm chí 100% số đảng viên tham gia học nghị quyết, nhưng tình hình thực hiện nghị quyết, đưa nghị quyết vào cuộc sống chuyển biến còn chậm. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được tổ chức học nhiều lần, nhưng đến nay vẫn còn nhiều đảng viên chưa nắm được 6 đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Về vấn đề dân chủ ; nguyên tắc tập trung dân chủ được nghiên cứu học tập nhiều lần, nhưng thực tế tình trạng vừa mất dân chủ và kém dân chủ vẫn còn tồn tại ở nhiều nơi. Tình hình đó có nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân yếu kém về công tác giáo dục chính trị tư tưởng, học tập nghị quyết của Đảng cần được xem xét, trên cơ sở đó mà đổi mới nội dung và hình thức tổ chức giáo dục, học tập nghị quyết cho phù hợp. Chúng ta cần khắc phục tình trạng tổ chức học tập ồ ạt, chạy theo thành tích, chú ý hình thức, không chú trọng đến chất lượng và hiệu quả, dẫn đến vừa tốn kém về thời gian, vật chất, vừa gây tâm trạng nặng nề trong học tập lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Để đánh giá hiệu quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng, học tập nghị quyết của Đảng cần có sự thống nhất về nhận thức, quan niệm trên những điểm chính sau : *Trước hết*, căn cứ vào mục tiêu, chức năng nhiệm vụ của công tác giáo dục chính trị tư tưởng một cách toàn diện. *Thứ hai*, xác định nội dung các chương trình giáo dục. *Thứ ba*, tổ chức thực hiện chuyển tải nội dung chương trình. *Thứ tư*, các hình thức và phương pháp phong phú sinh động chuyển tải và học tập. *Cuối cùng* là biểu hiện ở trình độ nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng qua việc nắm vững các quan điểm, đường lối của Đảng, ở việc nâng cao tính tự giác cách mạng, tinh thần hăng say, tận tụy trong hành động qua phong trào quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân không ngừng được nâng lên thông qua công tác giáo dục chính trị tư tưởng, học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng. Điều này biểu hiện ở trình độ hiểu biết, nắm vững chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tin tưởng vào mục tiêu lý tưởng của Đảng, kiên định con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, trong bất kỳ tình huống nào cũng quyết tâm phấn đấu thực hiện mục tiêu đó.

Hoạt động và hành vi của mỗi người trong thực tế là thước đo, là tiêu chuẩn quyết định tính hiệu quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Bởi chúng ta không thể đánh giá đúng sự trưởng thành về chính trị tư tưởng nếu chỉ dựa trên lời nói mà quan trọng và quyết định là phải xem xét trong hoạt động thực tiễn. Vì thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý. Điều đó càng khẳng định việc đánh giá hiệu quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng phải căn cứ vào kết quả hoạt động thực tiễn của mỗi cá nhân, thông qua việc hoàn thành nhiệm vụ được giao với năng suất và chất lượng ngày càng cao ; có thái độ tích cực tham gia các phong trào cách mạng, nhất là phong trào thi đua yêu nước. Đối với toàn xã hội, hiệu quả của công tác giáo dục

Digitized by Google

chính trị tư tưởng phải góp phần tạo ra phong trào cách mạng rộng lớn của quần chúng, động viên cổ vũ mọi người hăng hái tham gia vào việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Vì vậy, tiêu chí để đánh giá hiệu quả phải căn cứ vào sự giác ngộ, nhất trí của cán bộ, đảng viên và nhân dân, biểu hiện ở số người tham gia, mức độ tán thành đường lối, chính sách của Đảng, tinh thần, thái độ tích cực trong hoạt động lao động sản xuất, công tác để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của đơn vị, địa phương, ngành.

Khi đánh giá hiệu quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng, học tập nghị quyết của Đảng, cần thấy rõ tính đặc thù của lĩnh vực này là không phải lúc nào cũng thể hiện ngay sự tác động của hiệu quả mà thường phải qua một thời gian nào đó mới thấy rõ hiệu quả. Hiệu quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng thể hiện trên các mức độ khác nhau : có hiệu quả gián tiếp, có hiệu quả trực tiếp, có hiệu quả trước mắt và cả hiệu quả lâu dài.

Hiệu quả gián tiếp góp phần củng cố hệ thống kiến thức cho mỗi cán bộ, đảng viên. Thông qua đó họ tự điều chỉnh suy nghĩ và hành động của mình cho phù hợp với nghị quyết.

Hiệu quả trực tiếp tạo sự chuyển biến về tư tưởng và hành động của một cá nhân tập thể, sau khi nghe một bài giảng, một buổi nói chuyện, hoặc sau một lớp học nghị quyết của Đảng.

Hiệu quả trước mắt làm hình thành và phát triển ý thức tự giác của quần chúng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Để đánh giá loại hiệu quả này có thể căn cứ vào các chỉ tiêu do nhiệm vụ chính trị đề ra đạt được cao hay thấp, ít hay nhiều.

Hiệu quả lâu dài góp phần xác lập hệ thống giá trị của xã hội, của nhận thức tư tưởng và phương pháp tư duy.

Một yếu tố nữa đóng vai trò quan trọng bảo đảm cho hiệu quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng là Đảng có đường lối chính trị và các chủ trương, chính sách đúng. Để có đường lối chính trị và các chủ trương, chính sách đúng, Đảng cần không ngừng nâng cao việc tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận và tư duy sáng tạo. Một đường lối đúng, một chủ trương, chính sách đúng, bao giờ cũng phản ánh đúng lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nên được nhân dân hoanh nghênh và đồng tình ủng hộ. Tuy nhiên, không phải lúc nào và không phải bao giờ cán bộ, đảng viên và nhân dân cũng nhận thức đúng đắn ngay từ đầu đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, nên công tác giáo dục chính trị tư tưởng phải chủ động thường xuyên, năng động, đồng thời không thể dừng lại ở khâu giáo dục, giải thích mà phải biết phát hiện ra những vấn đề mới, yếu tố mới để kiến nghị, đề xuất với Đảng bổ sung, hoàn thiện đường lối, chính sách. Mặt khác, trong những trường hợp cụ thể có những chủ trương, chính sách của Đảng ở Trung ương hoặc cấp ủy, chính quyền địa phương chưa phù hợp với thực tiễn, chưa được nhân dân đồng tình thì công tác giáo dục chính trị tư tưởng cần tìm cách để làm sao có thể vừa giữ vững được kỷ cương, vừa tập hợp được những ý kiến để bảo đảm cho chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thể hiện được ý chí, nguyện vọng của nhân dân.

Khi đánh giá hiệu quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng, học tập quán triệt Nghị quyết của Đảng còn phải xem xét những hình thức và phương pháp thực hiện để có thể giảm được chi phí, bảo đảm tiết kiệm. Nếu kết quả đạt được mà chi phí quá lớn thì không thể nói là hiệu quả cao, thậm chí có nhiều khi ngược lại... Để bảo đảm tiết kiệm, giảm được chi phí mà vẫn có hiệu quả cao, đòi hỏi phải có sự dày công suy nghĩ, tìm tòi sáng tạo của đội ngũ cán bộ trên lĩnh vực này. Điều quan trọng là khi xem xét và đánh giá hiệu quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng, chúng ta có thể rút ra được những bài học kinh nghiệm bổ ích để thường xuyên đổi mới nâng cao chất lượng của công tác giáo dục chính trị tư tưởng, học tập nghị quyết của Đảng. ❑

Digitized by Google

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG Ở CƠ SỞ

NGUYỄN CHÍ MỲ *

Cơ sở là nơi các tầng lớp nhân dân bao gồm nông dân, công nhân, cán bộ, công chức, viên chức, quân nhân và các thành phần lao động khác đang sinh sống. Cơ sở là nơi sản xuất, kinh doanh, lao động, học tập, là nơi thường xuyên nảy sinh nhiều yêu cầu bức xúc hằng ngày về đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Cơ sở cũng là nơi nhân dân đang có nhiều đòi hỏi về dân chủ, nơi có điều kiện để thực hiện quyền dân chủ một cách trực tiếp và rộng rãi nhất.

Để đổi mới công tác tư tưởng ở cơ sở, cần chú ý những vấn đề chủ yếu sau đây :

Thứ nhất, nắm vững nội dung trong công tác tư tưởng ở cơ sở

Trong quá trình đổi mới đất nước, các hoạt động tư tưởng tiến hành trong điều kiện dân chủ hóa, xã hội ngày càng phát triển, trình độ dân trí ngày một nâng cao, nhu cầu thông tin trong cán bộ, đảng viên nhân dân ngày một phong phú, đa dạng. Các phương tiện thông tin hiện đại giúp con người tiếp nhận được nhiều thông tin, đó là chưa kể các kênh thông tin khác trong xã hội. Tính đa dạng xã hội nâng lên, trong nhiều vấn đề thường xuất hiện nhiều ý kiến khác nhau, phản ánh sự khác nhau về lợi ích cụ thể, về trình độ nhận thức, về kinh nghiệm sống. Trong cuộc sống, có những suy nghĩ, ý kiến khác nhau là chuyện bình thường ; song điều quan trọng là người làm công tác tư tưởng phải biết nắm bắt, hướng dẫn các tầng lớp dân cư xử lý thông tin, hướng suy nghĩ và ý kiến khác nhau vào suy nghĩ đúng và ý kiến đúng. Từ đó hướng tới thống nhất về ý chí, đi đến thống nhất về hành động. Muốn vậy, công tác tư tưởng ở cơ sở tập trung nắm bắt những nhận thức của nhân dân đối với các chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ cũng như của địa phương, cơ sở.

Quy luật xã hội là quy luật của chính hành động xã hội. Hành động đông đảo nhất là hành động của quần chúng nhân dân đang diễn ra ở các cơ sở. Quy luật xã hội khi được thực hiện phải thông qua các chủ trương, chính sách của giai cấp, chính đảng cầm quyền.

Việc nắm bắt thái độ, phản ứng của nhân dân với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước là điều cực kỳ quan trọng trong công tác tư tưởng ở cơ sở. Điều này giúp Đảng, Nhà nước đề ra chủ trương chính sách đúng đắn, sát thực tiễn, hợp lòng dân. Đây chính là khâu làm cho chủ trương, chính sách mang được hơi thở của cuộc sống, vì lợi ích của nhân dân.

Người làm công tác tư tưởng phải biết khó khăn, thuận lợi của nhân dân về đời sống vật chất và tinh thần. Con người trước tiên muốn tồn tại phải có cái ăn, ở, mặc... Con người sống không phải để ăn nhưng ai cũng phải ăn để sống. Nếu không quan tâm đến ăn, ở, mặc, điều kiện đời sống vật chất để tồn tại thì sẽ sa vào chủ nghĩa duy tâm. Khát vọng có đời sống vật chất sung túc là khát vọng tự nhiên chính đáng và sẽ còn tồn tại chừng nào loài người chưa chuyển sang chế độ phân phối theo nhu cầu. Song, bất kỳ sự đi chệch nào khỏi tính nguyên

* PGS, TS, Trưởng Ban Tuyên giáo Thành ủy Hà Nội

Digitized by Google

tắc của chủ nghĩa xã hội, khuấy động các động cơ cá nhân chủ nghĩa, hám lợi, chỉ biết mình và "tập thể phường hội" là vượt qua ranh giới sang một con đường khác. Việc làm này không chỉ gây ra những thiệt hại về kinh tế, mà còn gây tổn thất lớn về tinh thần. Bản chất của chế độ xã hội mới khi quan tâm đến con người là chú ý toàn diện, cả đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Cán bộ ở cơ sở phải nắm được trên địa bàn mình có bao nhiêu hộ giàu, bao nhiêu hộ khá, bao nhiêu hộ nghèo. Hiểu rõ nguyên nhân từ đâu mà giàu, tại sao lại nghèo, để có các biện pháp cụ thể phát huy hoặc giúp đỡ. Từng cơ sở đánh giá được đời sống tinh thần, những gì đã được và những gì chưa được trong lối sống đạo đức, sinh hoạt văn hóa - văn nghệ, thông tin, quan hệ người - người... để từ đấy có phương hướng, giải pháp xây dựng đời sống tinh thần phong phú lành mạnh. Trong quá trình xây dựng, phát triển đời sống vật chất, tinh thần ở cơ sở, chắc chắn sẽ có nhiều thuận lợi, khó khăn đan xen. Nắm bắt và phát huy cái thuận lợi, quan tâm, góp phần tháo gỡ cái khó khăn là một trong những nội dung quan trọng của công tác tư tưởng ở cơ sở.

Để làm tốt công tác tư tưởng ở cơ sở, phải nắm được tâm trạng, tư tưởng ý kiến, nguyện vọng của quần chúng nhân dân.

Sau 15 năm đổi mới, cục diện đất nước ta cả về thế và lực tăng lên. Niềm tin ở sự nghiệp đổi mới phát triển cả về bề rộng và chiều sâu. Nhưng từ đây nhân dân lại đòi hỏi cao hơn ở các cấp những vấn đề cụ thể như : chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác ; yêu cầu làm lành mạnh các quan hệ tài chính ngân hàng tiền tệ ; thực hiện công bằng xã hội ở các lĩnh vực khác nhau, nhiều chế độ, chính sách phải điều chỉnh, hoàn thiện...

Tâm trạng, tư tưởng của nhân dân ở cơ sở diễn ra trên những vấn đề rất cụ thể. Do vậy, phải xem nhân dân đồng tình với cái gì, phản đối cái gì. Có thể chỉ là một sự khen thưởng hay kỷ luật không công bằng ; một sự đề bạt cán bộ chưa xứng đáng, một cách làm chưa dân chủ, một sự đóng góp, huy động tiền quỹ không minh bạch, công khai ; một sự làm ăn không sòng phẳng v.v... Chú ý nắm bắt tâm trạng, tư tưởng quần chúng, phân tích nguyên nhân, dự báo xu hướng của nó trở thành một trong những trọng tâm mà công tác tư tưởng ở cơ sở phải đặt ra. Nếu không nắm vững diễn biến tâm trạng tư tưởng của dân dễ dẫn đến những tình huống bất ngờ. Nếu bị bất ngờ thì lúng túng trong cách giải quyết mà thực tiễn đã cho ta những bài học đáng giá.

Thứ hai, nắm bắt thực tiễn và ý kiến của cơ sở một cách chính xác kịp thời.

Nắm bắt ý kiến nguyện vọng của nhân dân hàng ngày là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của công tác tư tưởng ở cơ sở. Để tránh quan liêu ngay từ cơ sở (không thể chủ quan ở sát dân mà không quan liêu, xa dân), thì phải biết dân đang suy nghĩ gì, có ý kiến gì, nguyện vọng gì trên các vấn đề của đất nước, của địa phương... Các ý kiến, nguyện vọng đó, là của một bộ phận, một thiểu số hay đa số ; việc phân tích, đánh giá đúng sai, nguyên nhân và nguyện vọng cùng những đề xuất các giải pháp để giải quyết mà nhân dân nêu lên là nội dung quan trọng của công tác tư tưởng ở cơ sở.

Quy định tỷ lệ thời gian nhất định để cán bộ các cấp đi thực tế ở cơ sở, tiếp xúc gặp gỡ trực tiếp nói chuyện, đối thoại với nhân dân. Phải coi đây là nội dung công tác bắt buộc của tất cả cán bộ các cấp, kể cả cán bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước. Cán bộ, đảng viên ở mọi cấp tham gia sinh hoạt theo hình thức thích hợp với chi bộ và tổ dân cư nơi mình sinh sống để nhân dân giám sát cán bộ, đảng viên và ngược lại cán bộ, đảng viên gần dân, hiểu dân hơn. Quy định và thực hiện nghiêm túc việc tổ chức quần chúng phê bình sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, quản lý của chính quyền ở cơ sở và các cấp. Phê bình tư cách của cán bộ, đảng viên, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Khi nhân dân có ý kiến, phải

Digitized by Google

có sự tiếp thu trả lời trong thời gian nhất định. Đa dạng hóa các hình thức nắm thực tiễn, nắm ý kiến nguyện vọng của nhân dân.

Các hình thức có thể là : giao ban định kỳ công tác tư tưởng ở cơ sở, các cấp, các ngành ; thông qua sinh hoạt của các tổ chức đảng, nhà nước, các tổ chức đoàn thể quần chúng ; thông qua các lớp học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng, các lớp bồi dưỡng ở các trung tâm chính trị quận, huyện, qua thảo luận, thu hoạch của học viên... ; thông qua các kênh dư luận xã hội ; thông qua sự đóng góp ý kiến của dân qua thư, báo ; thông qua gặp gỡ trực tiếp, tiếp xúc, đối thoại với các tầng lớp nhân dân và đối thoại cá biệt, nghe dân nói và nói cho dân nghe. Thông qua đối thoại để nắm thông tin từ nhân dân và thông tin đến dân. v.v..

Thứ ba, thực hiện tốt công tác thông tin.

Bảo đảm quyền được thông tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Yêu cầu thông tin của người dân hiện nay rất đa dạng : thông tin trong nước và quốc tế, thông tin kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, khoa học - công nghệ, những thông tin cụ thể có quan hệ đến cuộc sống hàng ngày của từng cơ sở. Nếu không có thông tin cần thiết đến với dân thì phương châm *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"* chỉ là lời nói suông. Vì vậy, đa dạng hóa thông tin, đưa lại những thông tin có định hướng bổ ích, cần thiết cho người dân ở cơ sở chính là phát huy tốt quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên, nhân dân ở cơ sở.

Bảo đảm thực hiện thông tin nhiều chiều : trên xuống, dưới lên nhằm làm cho tiếng nói của Đảng xuống tận người dân, đồng thời người dân có quyền phát biểu về những công việc có liên quan đến đời sống của mình, đến đội ngũ cán bộ, đảng viên, đến sự nghiệp chung của Đảng, của đất nước. Những thông tin phải phản ánh đúng hiện thực, cả thuận lợi và khó khăn, cả cái được và chưa được, cả những thành công và sai lầm. Tức là phải thông tin đúng cái bản chất của hiện tượng.

Biết chủ động tiến công các quan điểm sai trái ngay từ cơ sở.

Kiên quyết, đấu tranh phê phán một cách có luận cứ khoa học đối với những nhận thức tư tưởng sai lệch, trái với đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Một trong những cách thức tiến hành tốt là thông qua tổ chức Mặt trận ở phường, thông qua những người có uy tín, có trình độ lý luận và thực tiễn, đối thoại và phê phán trực diện những quan điểm sai trái ấy. Các cán bộ về hưu có vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc đấu tranh này. Còn đối với một số đảng viên có thể do nhận thức chính trị đến độ trước sự phát triển mạnh mẽ, phức tạp của cuộc sống mà mắc sai lầm cũng phải chủ động đối thoại, phê phán trong sinh hoạt chi bộ. Nếu chưa nhất trí với nhau thì phải chấp hành kỷ luật đảng về phát ngôn, về sử dụng tài liệu. Ai vi phạm nguyên tắc đảng, phải xử lý nghiêm minh cho dù người ấy là ai và ở cương vị nào.

Công tác tư tưởng là lĩnh vực công tác vừa cần bảo đảm tính nguyên tắc, vừa phải nhạy cảm, tế nhị. Công tác tư tưởng vừa là một khoa học, vừa là một nghệ thuật. Thực tiễn công tác tư tưởng những năm qua ở Hà Nội cho thấy phải phát hiện sớm các tư tưởng lệch lạc, kịp thời "khoanh" lại trong phạm vi cơ sở và giải quyết triệt để ngay bằng các biện pháp thuyết phục, vận động, cảm hóa. Người làm công tác tư tưởng vận động thuyết phục nhân dân, đồng thời tạo ra sức mạnh của nhân dân để thực hiện việc thuyết phục đó trước hết trong nội bộ nhân dân.

Thứ tư, xây dựng và thực hiện thiết chế dân chủ ở cơ sở.

Muốn phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, thực tiễn cho thấy sau khi đã có đường lối, quan điểm, chính sách đúng đắn, thì phải xây dựng được thiết chế dân chủ ở cơ sở. Theo Lê-nin, "không phải chỉ tuyên truyền về dân chủ, tuyên bố và ra sắc lệnh về dân chủ là đủ, không phải chỉ giao trách nhiệm thực hiện chế

Digitized by Google

độ dân chủ cho "những người đại diện" nhân dân trong những cơ quan đại biểu là đủ. Cần phải xây dựng ngay chế độ dân chủ, bắt đầu từ cơ sở, dựa vào sáng kiến của bản thân quần chúng, với sự tham gia thực sự của quần chúng vào tất cả đời sống của nhà nước, không có "sự giám sát từ trên, không có quan lại" (1).

Khi xây dựng thiết chế dân chủ cần chú ý tới sự phù hợp của nó với từng loại cơ sở cụ thể : xã, phường, doanh nghiệp, trường học, cơ quan, bệnh viện, viện nghiên cứu khoa học... Thiết chế dân chủ quy định rõ : những loại việc dân cần được thông tin đầy đủ ; những loại việc dân phải được bàn, được đóng góp ý kiến, trước khi các cơ quan chính quyền quyết định ; những loại việc dân vừa được bàn vừa được trực tiếp quyết định luôn ; những loại việc đã được trực tiếp kiểm tra và cách thức kiểm tra để vừa đảm bảo dân chủ, vừa tuân thủ kỷ cương phép nước, vừa không bị lợi dụng, gây nhiễu, gây rối, kích động.

Thiết chế quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, chính quyền, phải định kỳ báo cáo các công việc trước dân, báo cáo công khai tài chính, các khoản thu, đóng góp của dân, các công trình cơ bản. Thiết chế cũng xác định rõ trách nhiệm tổ chức tốt việc tiếp dân, giải quyết các khiếu nại, tố cáo và trả lời thắc mắc của dân. Thiết chế cũng phát huy các hình thức tự quản để nhân dân tự bàn, tự xây dựng trong khuôn khổ pháp luật các công việc mang tính xã hội hóa như xây dựng hương ước, nội quy nơi tập thể, công cộng, quy ước xây dựng nếp sống văn minh nơi cư trú, quy ước cưới, tang, lễ hội, các phong trào đền ơn đáp nghĩa, những việc từ thiện... Quá trình thực hiện dân chủ chỉ được bảo đảm trong kỷ cương, phép nước. Dân chủ phải nằm trong khuôn khổ pháp luật. Chỉ có thực hiện và phát huy dân chủ trong pháp luật thì mới chống được những hành động lợi dụng dân chủ để gây rối. Khi người ta lợi dụng dân chủ vì những mưu mô cá nhân coi thường pháp luật thì trên thực chất, người ta đã vi phạm dân chủ một cách tệ hại nhất.

Thứ năm, để đổi mới công tác tư tưởng ở cơ sở, phải có một mô hình tuyên giáo ở cơ sở thống nhất, đủ mạnh.

Mô hình này cần thống nhất cả nước, nếu không cũng có định hướng cho từng khu vực. Đi liền với mô hình, cơ cấu tổ chức là các chính sách, chế độ kèm theo để thực sự khuyến khích thu hút những người có tài, có đức vào làm công tác tuyên giáo. Xây dựng, quy hoạch một đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo không chỉ đáp ứng nhiệm vụ của giai đoạn trước mắt, mà còn cho các giai đoạn cách mạng tiếp theo. Các cấp ủy đảng coi trọng và chủ động trong việc nắm bắt, chỉ đạo công tác tư tưởng. Chú trọng phối hợp giữa công tác tư tưởng, công tác dân vận, công tác tổ chức, công tác kiểm tra và sự hoạt động của các ban, ngành với nhau. Phát huy dân chủ thông qua các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, hội nông dân, hội cựu chiến binh, hội phụ nữ v.v... là điều có ý nghĩa quan trọng. Đồng thời coi trọng việc chỉ đạo trọng tâm, trọng điểm, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm. Những vấn đề mới nảy sinh và phức tạp cần tập trung chỉ đạo thống nhất, thông suốt trên dưới, giải quyết kịp thời.

Đổi mới công tác tư tưởng ở cơ sở là một trong những vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong công tác của Đảng hiện nay. Mọi cách làm giản đơn, hời hợt quan liêu, xa thực tế, xa quần chúng không thể đưa lại sự nhất trí vững chắc, không khuyến khích được hành động tự giác sáng tạo của nhân dân. Công tác tư tưởng ở cơ sở phải được tiến hành một cách khoa học, thường xuyên, luôn luôn bám sát sự vận động, phát triển của thực tiễn cơ sở, luôn luôn bổ sung bằng những hình thức và phương pháp mới. Có như vậy công tác tư tưởng ở cơ sở mới đáp ứng được nhiệm vụ cách mạng, mới đưa công cuộc đổi mới đến đích thắng lợi. ❑

(1) V. I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981, t 31, tr 336 - 337

Digitized by Google

GHI NHẬN QUA NHỮNG NẺO ĐƯỜNG TÂY NGUYÊN

VŨ NGỌC LÂN - NGUYỄN THÁI SƠN

ĐẾN Tây Nguyên chúng tôi mới hiểu rõ hơn về mảnh đất nổi tiếng hùng vĩ, nhiều tiềm năng, thế mạnh. Có đến đây chúng tôi mới hiểu thế nào là *bình nguyên trên cao nguyên* khi đi xe với tốc độ trăm cây số/giờ trên *"mái nhà Đông Dương"* với những cánh đồng lộng gió mênh mang, bát ngát xa tít tận chân trời. Đến Tây Nguyên càng hiểu thêm tại sao người Pháp lại đánh giá : *"Ai làm chủ Tây Nguyên, sẽ làm chủ Đông Dương"*. Đi đến đâu chúng tôi cũng gặp những tên đất, tên buôn, tên làng, tên núi, tên sông, tên những di tích lịch sử và cách mạng, tên những con người bình dị, ngoan cường, anh dũng.

THÀNH TỰU TO LỚN, ĐỔI THAY SÂU SẮC

Trước mặt chúng tôi là những tập văn kiện Đại hội Đảng bộ 4 tỉnh Tây Nguyên cũng như những văn kiện, báo cáo, những quyển sách, tư liệu mà ở đó là những nhận định, con số, bài học kinh nghiệm và những phương hướng cho tương lai của miền đất này. Cụ thể như mức tăng trưởng kinh tế của các tỉnh Tây Nguyên trong những năm qua thường trên dưới 10%/năm ; những khoản thống kê ngân sách đầu tư cho cơ sở hạ tầng ở từng vùng, từng tỉnh trong 26 năm qua ; tỷ lệ người trong độ tuổi đi học và biết chữ thường trên 90%, (trước ngày giải phóng 90% số dân mù chữ) ; những con số nói lên thành tựu trong lĩnh vực văn hóa, số trường được kiên cố và ngói hóa, tỷ lệ người được hưởng chế độ chăm sóc y tế, số hộ được dùng điện, dùng nước sạch, và những điển hình làm ăn giỏi trong cơ chế thị trường... Đặc biệt là những bài học kinh nghiệm được rút ra sau 10 năm và 15 năm qua.

Thành tựu to lớn và biến đổi sâu sắc của Tây Nguyên được thể hiện ở rất nhiều mặt, nhưng có lẽ dễ thấy nhất, rõ nhất trước hết là đường sá ở Tây Nguyên hiện nay. Đường nối liền các tỉnh, các huyện, các xã, buôn, làng Tây Nguyên và đi đến các vùng, các khu vực khác. Người ta thường nói : ở miền núi, đường ô tô đến đâu thì kinh tế, văn hóa phát triển đến đó. Địa hình Tây Nguyên rất bằng phẳng, không lắm đèo, dốc, không lắm "cua tay áo" như các tỉnh miền núi khác. Ấy vậy mà hơn 100 năm dưới ách đô hộ của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, những con đường ở Tây Nguyên không được quan tâm xây dựng, nếu có chỉ là những con đường phục vụ mục đích khai thác tài nguyên, cho mục đích quân sự và một vài điểm nghỉ ngơi, du lịch... Giờ đây, Tây Nguyên có nhiều con đường to, rộng trải dài, xe cứ bon bon lăn bánh. Từ Tây Nguyên có những con đường sang các nước bạn, đường ngược Trường Sơn, đường xuôi về đồng bằng, thành phố, đường xuống biển, đường ô tô đã đến tận các xã xa xôi, hẻo lánh. Quốc lộ 14 rộng và khá phẳng, xe con có thể chạy hàng giờ với tốc độ 80 - 100km/h, được coi là "động mạch chính" của Tây Nguyên, nối từ các tỉnh miền Đông Nam Bộ lên Tây Nguyên, chia Tây Nguyên thành hai phần Đông và Tây. Theo quốc lộ này, ngược lên hướng Bắc khoảng 80 km ta sẽ gặp ngã ba Thuần Mẫn (nay là huyện EA H'Leo, tỉnh Dăk Lăk). Từ đây theo đường 7 B về phía Đông khoảng 50 km sẽ gặp thị trấn A Yun Pa, tỉnh Gia Lai. Cũng từ ngã ba Thuần Mẫn, tiếp tục theo quốc lộ 14, lên tiếp hướng Bắc khoảng 100 km nữa là thị xã Pleiku nhộn nhịp, sầm uất,

Digitized by Google

có địa tầng và khí hậu gần như Đà Lạt. Đi tiếp khoảng 45 km nữa là thị xã Kon Tum thơ mộng, yên tĩnh với dòng sông Dakbla như đang reo vui suốt đêm ngày. Từ thị xã Kon Tum đi khoảng 70 km, qua địa danh Đắc Tô, Tân Cảnh vượt qua sông Pakô nổi tiếng có "người lái đò" A Sanh đã đi vào bài hát, chúng ta sẽ đến thị trấn Ngọc Hồi "ngã ba Đông Dương", nơi con gà gáy cả ba nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia đều nghe tiếng. Ở đây có cửa khẩu Bờ-Y-Giang giơn ; có đường Hồ Chí Minh (trong tương lai) chạy qua, có đường thông với các nước khu vực Đông-Nam Á. Cũng theo quốc lộ 14 đi về hướng Tây Nam khoảng 60 km là thị trấn Đức Lập (huyện Dak Mil - Dăk Lăk) và tiếp đó là thị xã Gia Nghĩa (huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng). Còn theo hướng quốc lộ 14 đi về phía Nam khoảng 350 km là đến TP Hồ Chí Minh.

Từ Buôn Ma Thuột đi khoảng 150 km theo quốc lộ 26, qua đèo M'DRăk và đèo Phượng Hoàng hướng về phía Đông huyện Ninh Hòa (Khánh Hòa) chúng ta sẽ gặp quốc lộ 1 A cùng các bãi biển Nha Trang - Ninh Thuận - Phan Rang xanh mát. Quốc lộ 26 là con đường chiến lược quan trọng nối đồng bằng Nam Trung Bộ với Tây Nguyên. Từ thị xã Phan Rang với những tháp chàm sừng sững, trầm mặc, theo quốc lộ 20 qua đèo Ngoạn Mục, với ống dẫn nước khổng lồ, trắng toát của nhà máy thủy điện Đa Nhim đồ sộ, chạy từ đỉnh núi xuống, chúng ta sẽ tới Đà Lạt - thành phố mộng mơ. Từ Đà Lạt theo quốc lộ 20 khoảng 300 km qua những địa danh nổi tiếng là trù phú như Bảo Lộc, Đức Trọng, cao nguyên Lâm Viên... chúng ta về tới TP Hồ Chí Minh. Còn theo đường số 25, từ ngã ba Mỹ Thạch (Nam thị xã Pleiku 37 km) xuôi xuống 180 km, sẽ tỏa xuống thị xã Tuy Hòa (tỉnh Phú Yên) quanh năm nắng gió. Từ Mỹ Thạch đi chỉ chừng 60 km cũng có thể đến địa danh Cheo Reo nổi tiếng...

Cho đến nay, hệ thống đường liên huyện, liên xã, liên thôn, nối các buôn, làng, từ thị xã, thành phố, thị trấn đến các vùng sâu, vùng xa đã và đang được mở mang, xây dựng và kiên cố hóa. Ở tỉnh Đăk Lăk, tất cả các đường từ tỉnh xuống huyện đã được rải nhựa ; 60% đường liên xã được nhựa hóa, 40% được bê tông hóa ; trong số 240 xã chỉ còn 1 xã chưa có đường ô tô đến trung tâm. Các đồng chí lãnh đạo TP Buôn Ma Thuột tự hào nói rằng, trước năm 1975, ở Buôn Ma Thuột chỉ có một đoạn đường nhựa trong trung tâm thị xã, đến nay 100% đường nội bộ, ngoại thành được mở rộng và nhựa hóa, bê tông hóa với tốc độ phát triển của thành phố 6 năm (1996 - 2001) bằng cả 20 năm trước đó. Ở tỉnh Gia Lai đã có 12/13 tuyến đường từ thị xã Pleiku xuống các huyện được rải nhựa. Ở tỉnh Kon Tum chỉ có 3/70 xã chưa có đường ô tô đến trung tâm. Ở tỉnh Lâm Đồng thành tích về giao thông vận tải là một trong những mặt nổi bật trong 26 năm qua. Từ thị xã Kon Tum đến Sa Loong, xã vùng sâu, vùng xa huyện Ngọc Hồi giáp biên giới với tỉnh Rat-ta-na-ki-ri (Cam-pu-chia) dài trên 100 km, nhưng chỉ đi hơn một giờ đồng hồ là tới.

Cùng với những con đường, một thành tựu nổi bật nữa ở Tây Nguyên phải kể đến là hệ thống điện, điều mà từ nhiều đời nay nhiều người không dám mơ ước. Hiện nay, có đến hơn 2/3 số dân được dùng điện lưới quốc gia. Điện đến đâu góp phần đem lại cuộc sống văn minh đến đó. Ở nhiều buôn, làng khi điện mới về, đồng bào mở tiệc ăn mừng, nhảy, múa, đánh cồng, chiêng... thâu đêm suốt sáng ; họ bật điện sáng cả ban ngày để ngắm nhìn và nhảy múa.

Đồng chí Rơ Chăm Hyéo, Ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Gia Lai, kể lại câu chuyện rất cảm động. Trong hội nghị già làng, trưởng thôn và những người tiêu biểu, có một người đã từng làm Phó tỉnh trưởng tỉnh Gia Lai dưới chế độ Mỹ - ngụy từ năm 1960 đến 1970, phát biểu rằng : chưa có chế độ nào tốt như chế độ hiện nay, chưa có ai thương đồng bào Thượng bằng cách mạng. Vào năm 1978,

Digitized by Google

ở thị xã Pleiku một tuần chỉ 2 buổi tối có điện, còn nay thì điện có suốt ngày, suốt đêm, nhà nào cũng có ti vi để xem, có đài để nghe. Trước đây đã có 3 người Pháp chết ở Ialy trong khi thăm dò để làm thủy điện. Người dân quanh vùng cho rằng "giàng" (ông trời) không cho ai ngăn cái sông, làm thủy điện ở đây. Thế mà cách mạng về làm được. Chỉ có cách mạng mới đưa lại ánh sáng, mới có công trình thủy điện và công trình thủy lợi như Ialy, Ayun Hạ, có nước tưới cho hàng chục ngàn héc ta đồng ruộng.

Đi qua các nẻo đường 4 tỉnh Tây Nguyên, ngoài một số dinh thự, khu nghỉ ngơi, giải trí được xây dựng trước đây, điều dễ nhận biết nhất lại là ít thấy dấu tích của kết cấu hạ tầng (nhà cửa, trường, trạm, kho tàng, khu sinh hoạt văn hóa...) của các chế độ cũ để lại. Các thành phố, thị xã, thị trấn, buôn, làng đã được xây dựng mới hoàn toàn, khá khang trang, đẹp đẽ, có tiện nghi. Rất nhiều buôn, làng văn hóa ra đời. Khó khăn lắm và phải có người sở tại chỉ dẫn, khách mới nhận ra một vài khu nhà mái tôn theo kiểu trại lính phủ rêu phong. Có chăng ở TP Buôn Ma Thuột khu nhà đầy còn được giữ nguyên vẹn, ở thị xã Kon Tum, ngục Kon Tum cũng chỉ còn là dấu tích của thời kỳ *"nhà tù nhiều hơn trường học"*.

Đi dọc khắp các tuyến đường, hai bên bát ngát những trang trại cà phê, những nông trường chè, cao su, những cánh đồng lúa nước, tiêu, hoa, màu khá tập trung đậm nét sản xuất hàng hóa. Phương thức canh tác truyền thống tự cấp, tự túc, du canh, du cư đang dần bị thay thế bằng định canh định cư, sản xuất hàng hóa tập trung. Hàng nghìn năm nay, từ đời này qua đời khác, trong nhiều dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, đất, nước và rừng được coi là của chung dân làng, là của "ông cha để lại", chưa xuất hiện sở hữu tư nhân về đất đai. Đồng bào Bana, Gia rai thường nói "con trâu, con lợn còn sống là của ta, làm thịt rồi là của chung làng xóm, thóc còn trong gùi là của ta, nấu thành rượu rồi là của làng xóm". Gia đình nào săn bắn được muông thú hoặc có cúng bái, lễ lạt thì cả làng cùng ăn uống. Người thiếu, người đủ bao giờ cũng được giúp đỡ, thường là cho không. Mọi gia đình khi gặp khó khăn, khi vui, khi buồn đều có nhau. Khi có người chết thì cả buôn, cả làng mang cơm, gạo, thịt, rượu đến viếng. Họ ăn, ngủ lại nhà tang chủ, khóc thương người chết và giúp đỡ công việc ma chay cho đến khi an táng xong.

Sau ngày giải phóng, được sự quan tâm, đầu tư của Đảng, Nhà nước, sự hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi của các cấp bộ đảng, chính quyền, đoàn thể, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, đồng bào Tây Nguyên dần dần làm quen, thích nghi với lối sống, cơ chế mới. Phần lớn đồng bào đã định canh, định cư, thâm canh, sản xuất hàng hóa. Rất nhiều trang trại, nhiều vùng sản xuất tập trung cà phê, cao su, dâu tằm, chè, cây ăn quả, cây lương thực... phát triển, đạt hiệu quả kinh tế và hàng hóa cao. Sản lượng lương thực không ngừng tăng, bảo đảm đời sống, xóa đói giảm nghèo. Nhờ sự thay đổi phương thức, tập quán canh tác, đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đổi mới cách nghĩ, cách làm nên đã góp phần làm tăng sản phẩm xã hội. Từ năm 1990 đến 2000, tốc độ phát triển kinh tế ở Tây Nguyên thuộc loại cao của cả nước : Kon Tum đạt 9,85%/năm, Gia Lai : 10,7%/năm ; Dăk Lăk : 13,84%/năm và Lâm Đồng : 14,8%/năm. Đời sống vật chất, tinh thần của đa số đồng bào Tây Nguyên được nâng lên rõ rệt. Tỷ lệ đói nghèo 5 năm qua giảm đáng kể. Nếu như vào năm 1995, tỷ lệ hộ đói và nghèo ở tỉnh Dăk Lăk là 42%, Lâm Đồng là 40%, Gia Lai là 35% và Kon Tum là 53,7% ; thì đến nay tỷ lệ tương ứng là 15%, 11%, 16% và 17%. Những huyện, những xã, những gia đình làm ăn giỏi, có thu nhập từ 30 đến 40 triệu đồng/năm ngày càng nhiều. Đó là các xã như xã Gào TP Pleiku 2 lần được phong anh hùng, xã Gung Ré (huyện Di Linh, Lâm Đồng), xã Dak Ui (huyện Dak Hà, Kon Tum) xã Ea Yông (huyện Krông Păc) xã Chư Pơng (huyện Crông Búc,

Digitized by Google

Dăk Lăk) v.v... Đồng bào các tỉnh miền Bắc vào đây làm ăn sinh sống đã tăng thêm sự đoàn kết, giúp đỡ nhau, trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất và đời sống.

CÒN NHIỀU VẤN ĐỀ NỔI CỘM, BỨC XÚC

Trước khi lên Tây Nguyên, chúng tôi đã có dịp ngồi uống cà phê ven hồ Ngọc Khánh (Hà Nội) và hồ Con Rùa (TP Hồ Chí Minh). Một ly cà phê Trung Nguyên giá thường 5 - 10 nghìn đồng, thậm chí có nơi, có lúc lên đến 30 - 40 nghìn đồng, tùy theo chỗ ngồi và sở thích của người uống. Vẫn biết cà phê trên thế giới và trong nước đang rớt giá, nhưng không khỏi bùi ngùi khi lên Tây Nguyên thấy đồng bào phàn nàn rằng : "ở đây phải bán 4 cân cà phê mới mua được một cân cà pháo". Còn vào đợt tết trung thu vừa qua, để mua được một hộp bánh nướng, bánh dẻo (giá 45 - 50 nghìn đồng) cho con trẻ "phá cỗ trông trăng", người ta phải bán hơn một tạ cà phê nhân ! Để có một héc ta cà phê đến 5 năm tuổi, tổng chi phí lên đến 50 - 60 triệu đồng, nhưng chỉ cần bỏ bẵng một thời gian không chăm sóc coi như là vứt bỏ. Trong những đợt nóng hạn có những gia đình mỗi lần tưới nước cho cà phê đã chi tới vài ba triệu đồng. Còn để tạo ra một cân cà phê nhân chưa kể công lao động giá thành thường là khoảng 10 đến 12 nghìn đồng (đối với doanh nghiệp nhà nước) hoặc 8 - 10 nghìn đồng đối với trang trại của tư nhân. Ấy vậy mà giá bán cà phê nhân hiện nay chỉ 3 500 đ - 4 000 đồng/kg. Một cân cà phê quả hiện nay bán đi giỏi lắm đủ tiền công thuê hái chính nó. Do vậy, tình trạng bỏ mặc cà phê vì không có tiền chăm sóc hoặc chặt bỏ để trồng cây khác đang phổ biến ở Tây Nguyên. Không ai có thể thống kê chính xác hiện nay có bao nhiêu héc ta cà phê ở Tây Nguyên đang bị chặt hoặc bỏ rơi. Có tỉnh nói vài nghìn, có nơi báo cáo khoảng chục nghìn héc ta. Cà phê rớt giá làm cho thị trường ở Tây Nguyên cũng tẻ nhạt, tiêu điều. Đó là vấn đề nổi cộm, nhức nhối, nhất là với bà con các dân tộc thiểu số vừa mon men bước vào "sân chơi" của cơ chế thị trường.

Từ lâu, Đảng ta đã đề ra và nhấn mạnh quan điểm : *tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển.* Tuy nhiên, cho đến nay sự chênh lệch về mức sống cũng như sự tiến bộ và công bằng xã hội đang bị doãng ra trên vùng đất Tây Nguyên. Đất, rừng là thế mạnh, là nguồn nuôi sống chính yếu của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên nhưng vấn đề đất đai, người nông dân thiếu đất đang là một vấn đề nhức nhối, khó khăn ở Tây Nguyên. Trong quá trình phát triển của sản xuất hàng hóa nông nghiệp thường kéo theo quá trình tích tụ đất, chuyên môn hóa cây trồng, vật nuôi. Nhưng nếu tích tụ đất đến mức người dân không có đất sản xuất, không có nguồn sinh sống thì lại nảy sinh những vấn đề xã hội phức tạp. Ở thị xã Kon Tum, đất mênh mang là thế nhưng vẫn có đến 233 hộ bà con dân tộc thiểu số không có đất sản xuất. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng đồng bào thiếu đất. Các đồng chí lãnh đạo Huyện ủy Đức Trọng (Lâm Đồng) giải thích việc bán đất ở đây : do phong tục tập quán, nhiều bà con người dân tộc thiểu số không quen làm ruộng nước, chỉ quen phát rẫy, làm nương, khi được chia ruộng nước xong họ cũng bán đi, sau đó vào rừng phát rẫy. Hiện nay có tới 60 nghìn hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên còn nghèo đói. Những lúc khó khăn, có bà con bán đất với bất kỳ giá nào, thậm chí có khi một bao gạo cũng có thể mua được một héc ta đất. Còn nhiều người ở nơi khác đến thì mua được càng nhiều đất, với giá càng rẻ, càng tốt. Chính sách giao đất, giao rừng, định canh, định cư còn nhiều điều chưa phù hợp cũng không đủ "sức hút" đồng bào ở lại với đất, giữ rừng. Chẳng hạn, trước đây bình quân thường phải 15 ha/hộ nhưng nay chỉ có 1,5 ha/hộ nên không đủ canh tác. Chăm sóc một héc ta rừng một năm, chỉ được trả tiền công có 50 nghìn đồng thì là quá ít ỏi và chưa hợp lý. Hiện nay, tình trạng

Digitized by Google

dân di cư tự do và đồng bào sống du canh, du cư cũng đang là vấn đề phức tạp. Hiện tượng này càng phát triển tự phát thì rừng ở nhiều vùng Tây Nguyên ngày càng bị tàn phá nặng nề, môi trường sinh thái ngày càng bị suy thoái. Ở huyện Ea Sup (Đăk Lăk) số dân di cư tự do hiện nay chiếm tới 60% tổng số dân trong huyện (20 nghìn/34 nghìn). Ở xã Dak Pne (huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum) có 86,6% số hộ còn du canh, du cư và số hộ có thu nhập 50 000đ/tháng chiếm tới 67% (196/241 hộ). Đó là chúng ta chưa lường trước hiện tượng tình hình kinh tế - xã hội khó khăn, trong số 10 000 hộ ở Tây Nguyên định canh, định cư chưa vững chắc sẽ dễ dàng quay lại con đường du canh, du cư và như thế, tất yếu rừng ở Tây Nguyên tiếp tục bị tàn phá nặng nề.

Văn hóa các dân tộc Tây Nguyên là một kho tàng vô cùng quý báu. Nhưng những giá trị văn hóa phi vật thể đang bị âm thầm, mai một có thể chúng ta khó nhận biết, còn những giá trị văn hóa vật thể ở Tây Nguyên lại bị mất đi hằng ngày, hằng giờ làm không ít người khỏi đau lòng, nuối tiếc. Trên các nẻo đường chúng tôi đi qua, nhà cửa của đồng bào dân tộc phần nhiều đã tôn hóa, xi măng hóa, nhựa hóa không khác mấy dưới đồng bằng. Những dãy nhà rông như trong sách, báo, phim ảnh miêu tả ngày càng ít dần do một phần không có gỗ để làm, một phần do cấu trúc gia đình nhỏ thay thế nhà dài. Đây đó chúng ta bắt gặp một số nhà rông nhưng cột lại bằng sắt hoặc xi măng, mái thì lợp bằng tôn. Tượng nhà mồ chắc cũng vừa bị mai một, vừa không phổ biến khi đất bị thu hẹp và điều quan trọng là không có gỗ để làm.

Những phong tục, tập quán tốt đẹp, những trang phục phong phú, đa dạng của bà con các dân tộc, vì nhiều lý do mà bị mai một, lai tạp. Một điều vô cùng nhức nhối mà chúng ta khó nhận biết một cách dễ dàng là những "khoảng trống" trong tâm linh, trong đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào, nhất là đối với những người trình độ nhận thức thấp, ở vùng sâu, vùng xa, nếu chúng ta không có biện pháp hữu hiệu thì sẽ là "mảnh đất màu mỡ" cho những "nấm độc" phát triển hoặc bị đầu độc bằng những "món ăn" tinh thần ngoại lai độc hại.

Qua sự kiện đầu tháng 2 - 2001, một số nơi ở Tây Nguyên phần nào thể hiện sự yếu kém của hệ thống chính trị và đội ngũ của cán bộ cơ sở, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Một số tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể, tổ chức chính trị ở một số nơi đã buông lỏng sự lãnh đạo, không làm chủ được tình hình, thậm chí bị vô hiệu hóa. Một số tổ chức đảng, đoàn thể, chính quyền tồn tại, hoạt động một cách hình thức, hành chính, quan liêu, không có những hình thức để tập hợp, vận động quần chúng. Còn không ít cơ sở, buôn, làng chưa có tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng. Tình trạng xa dân, không nắm được tâm tư, nguyện vọng, không hiểu dân, tình trạng hoạt động yếu kém của tổ chức đảng và các đoàn thể, chưa phát huy được những ưu thế và mặt tốt của các già làng, trưởng bản... đã biểu hiện khá phổ biến ở các cơ sở. Ở một số nơi khi có những vấn đề nổi cộm, phức tạp xảy ra, tổ chức đảng, đoàn thể còn lúng túng, chưa có biện pháp tích cực để vận động, tuyên truyền, giáo dục có hiệu quả.

Hiện nay đội ngũ cán bộ ở Tây Nguyên, nhất là cán bộ chủ chốt ở cơ sở (cấp xã) nói chung vừa yếu, vừa thiếu, hụt hẫng và bất cập. Cán bộ và công tác cán bộ vừa là nguyên nhân vừa là hệ quả của nhiều vấn đề yếu kém, nổi cộm. Thể hiện rõ nhất của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở (xã) là trình độ học vấn, quản lý, vận động quần chúng thấp và yếu kém. Phần lớn cán bộ cấp xã hiện nay chỉ có trình độ lớp 5, lớp 6, chưa được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lại càng ít được quan tâm, bồi dưỡng về pháp luật, quản lý xã hội... Chính vì vậy cán bộ dễ rơi vào tình trạng quản lý, điều hành xã hội bằng thói quen, theo lệ hoặc tùy tiện. Ở tỉnh Gia Lai có đồng chí làm bí thư chi bộ đã 26 năm nay (nghĩa là từ sau ngày giải phóng) vì không có ai thay. Đặc biệt tình trạng

Digitized by Google

quan liêu, xa dân là rất đáng báo động. Có đồng bào phàn nàn rằng : "trước đây cán bộ đi bằng cái chân thì dân còn dễ gặp, bây giờ cán bộ đi bằng "cái bánh" dân càng khó gặp hơn". Đồng chí Yblok Ebal, nguyên thiếu tướng quân đội - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh Dăk Lăk, phản ánh : một số cán bộ xã ngày nay cũng "sáng dừng băng cốc, trưa vào viêng chăn" (tức là sáng thì nâng cốc, trưa thì đắp chăn ngủ). Tỷ lệ cán bộ chủ chốt là người dân tộc thiểu số rất thấp, ở nhiều nơi không có ; còn cán bộ người kinh thì không nói, không hiểu được tiếng đồng bào. Do vậy tình trạng đồng bào nói cán bộ không hiểu, cán bộ nói đồng bào không rõ là điều không hiếm. Ở nhiều nơi, cán bộ chủ chốt cấp xã, thôn lại không đồng thời là già làng, trưởng thôn, trưởng buôn. Các già làng, trưởng buôn... ở Tây Nguyên rất đông đảo, có uy tín, huy động, tập hợp được nhân dân, nếu không huy động được lực lượng này tham gia công tác xã hội tức là lãng phí một lực lượng rất quý báu.

NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG TỒN TẠI, YẾU KÉM

Phải khẳng định rằng Đảng, Nhà nước ta luôn luôn quan tâm, đầu tư về mọi mặt, không hề coi nhẹ, đánh giá thấp tầm quan trọng, vị trí, tiềm năng vô cùng to lớn của Tây Nguyên. Thế nhưng những công việc chúng ta làm còn kém hiệu quả, đồng bào Tây Nguyên còn nhiều khó khăn là do chúng ta chưa thấy hết những đặc điểm, nét khác biệt về kinh tế, văn hóa, xã hội phong tục, tập quán của đồng bào Tây Nguyên cho nên chưa có nhiều giải pháp thích hợp.

Tây Nguyên là địa bàn chiến lược, có vị trí đặc biệt quan trọng. Nhưng khi đầu tư, cũng như khi đề ra chế độ, chính sách, giải pháp lại chưa tương xứng với địa bàn và vị trí đặc biệt ấy. Một loạt các vấn đề như : đất đai, cơ sở hạ tầng, hệ thống chính trị, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, vấn đề văn hóa, y tế, tôn giáo, dân tộc... nổi cộm ở đây hiện nay phần lớn là do yếu kém, sai lầm, chủ quan, sự thiếu quan tâm giải quyết, thiếu tầm nhìn xa trông rộng. Chẳng hạn, nhiều nơi đã bỏ ra 5 - 7 tỉ đồng để đưa điện sinh hoạt đến cho đồng bào các xã. Nhưng lại chưa có cơ chế chính sách để giúp đỡ những gia đình khó khăn vài chục mét dây và cái bóng điện. Một số kẻ phản động phá hoại, chỉ cần bỏ ra vài nghìn đồng mua cái bóng điện cho đồng bào và ngạo mạn nói rằng chính chúng là người đã đưa lại cho đồng bào ánh sáng. Có những cán bộ rất giỏi tiếng Bana, Êđê, làm tốt công tác vận động quần chúng, nhưng đến khi thi công chức lại phải thi môn ngoại ngữ như tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga. Ở thị xã Kon Tum vẫn còn 10 xã vùng cao nhưng chưa nằm trong diện được hưởng Chương trình 135 của Chính phủ, không thuộc địa bàn được có trường nội trú dân tộc.

Khi chúng ta bước vào xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trên cả nước thì điểm xuất phát của nhiều vùng, nhiều địa phương, nhiều ngành, có sự chênh lệch khá rõ rệt. Ở Tây Nguyên có nhiều mặt thấp hơn nơi khác, nhất là về trình độ dân trí trong các dân tộc thiểu số. Từ phương thức sản xuất còn lạc hậu, du canh, du cư, sống nhờ vào thiên nhiên, tự túc, tự cấp, còn canh tác theo kiểu chọc lỗ, bỏ hạt... chuyển sang sản xuất hàng hóa tập trung "được ăn lỗ chịu" là một "bước nhảy" khá xa, nhưng cũng không tránh khỏi vấp ngã. Mấy năm liền trúng vụ cà phê, cao su, tiêu, điều, thu nhập và đời sống của đông đảo đồng bào được nâng cao, tạo đà hứng khởi. Nhưng đến nay giá cà phê, giá cao su, giá điều... ngày càng xuống thấp, làm ăn thua lỗ kéo dài, công tác tư tưởng, giải thích, vận động quần chúng của chúng ta còn kém, những tác động tư tưởng của các thế lực thù địch đã tạo ra tâm lý hẫng hụt, chán nản, thiếu tin tưởng.

Tuy là vùng đất có nhiều tiềm năng, có ưu thế nổi trội hơn nhiều vùng khác, miền khác, đồng bào các dân tộc có truyền thống cách mạng kiên cường, bất khuất, cần cù, chịu khó... nhưng lại để những vụ việc phức tạp xảy ra, để tồn tại nhiều khó khăn, yếu kém nhẽ ra không đáng có là điều thật đáng tiếc mà trách nhiệm chính phải thuộc về các cấp lãnh đạo ở cơ sở.

Digitized by Google

Nếu có sự chỉ đạo, hướng dẫn, phổ biến cụ thể thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi một cách cân đối, hài hòa, thỏa đáng thì tác động của cơ chế thị trường có ảnh hưởng cũng không đến nỗi nặng nề như hiện nay. Vì thiếu sự chỉ đạo, hướng dẫn để đồng bào chạy theo vào một loại cây như cà phê, đến khi đói thì quay lại cây sắn, cây khoai lang cũng khó tìm ra hom ra giống. Nếu như các cấp chính quyền làm tốt công tác quản lý đất đai, vận động, tuyên truyền luật pháp, xử lý nghiêm, không dung túng cho những người mua, bán đất trái phép... thì tình hình đất đai ở Tây Nguyên sẽ đỡ phức tạp hơn, số người không có đất để sản xuất cũng sẽ ít hơn. Chúng ta không thể vin vào lý do chế độ chính sách chưa thỏa đáng hay đường sá xa xôi mà không sát dân, để bọn xấu lợi dụng truyền đạo trái phép, xuyên tạc chế độ của chúng tôi, lừa phỉnh dân làm điều sai trái. Việc bỏ không dạy học chữ, tiếng dân tộc thiểu số trong các nhà trường trong những năm qua đến nay đã gây tác hại, trước hết là cho công tác dân vận.

Trong công tác cán bộ có những hạn chế thiếu sót thuộc cơ chế, chính sách nói chung nhưng nhiều vấn đề thuộc nỗ lực chủ quan của địa phương, cơ quan, đơn vị. Tình trạng cán bộ thiếu thốn, yếu kém, hẫng hụt, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số, khuyết điểm trước hết thuộc về các cấp ủy đảng ở Tây Nguyên. Đối với đồng bào dân tộc thiểu số việc cán bộ làm như thế nào sẽ là thuyết phục, lôi cuốn hơn là cán bộ nói hay, nói giỏi mà không làm được như nói. Sự suy thoái, xa dân của một bộ phận cán bộ ở Tây Nguyên càng không có lợi cho phong trào cách mạng, trong khi Tây Nguyên vẫn là địa bàn mà các thế lực phản động, thù địch luôn luôn nhòm ngó, chờ thời cơ để phá hoại.

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP

Trước hết, Đảng, Nhà nước ta sớm có một chiến lược tổng thể về Tây Nguyên. Đặt đúng vị trí, tầm chiến lược quan trọng của vùng này, quan tâm một cách chu đáo hơn, thiết thực, cụ thể hơn nữa đối với đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Ngay việc xác định địa giới hành chính của Tây Nguyên cũng cần rõ ràng. Tây Nguyên bao gồm 4 tỉnh hay 3 tỉnh. Tỉnh Lâm Đồng thuộc khu vực miền Đông Nam Bộ hay thuộc khu vực Tây Nguyên ? Hiện nay tỉnh này thuộc "trục kinh tế miền Đông Nam Bộ" nhưng lại "nằm trong hệ thống các tỉnh Tây Nguyên". Tây Nguyên là vùng có nhiều thế mạnh, là địa bàn trọng yếu, có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, do đó trong chiến lược phát triển đồng thời phải quan tâm đến tất cả các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng, tôn giáo, dân tộc... Tăng cường đầu tư hơn nữa và xác định những vùng trọng điểm xác định cây, con, diện tích, sản lượng, đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp.

Việc phát triển các thành phần kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cần đặc biệt quan tâm hơn nữa đến nét đặc thù ở Tây Nguyên và đặc biệt tiếp tục quán triệt và thực hiện quan điểm của Đảng : phát triển kinh tế phải đi liền với tiến bộ và công bằng xã hội. Các nông, lâm trường, công ty, đơn vị quân đội làm kinh tế ở Tây Nguyên thật sự là "bà đỡ", đóng vai trò chủ đạo trong phát triển kinh tế. Đồng thời có vai trò, chức năng xã hội, thu hút đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ sức khỏe, nâng cao dân trí, làm nòng cốt trong việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, biên giới quốc gia. Do đó, cần có cơ chế chính sách đặc thù cho các đơn vị này mặc dù cũng vẫn trong hạch toán, kinh doanh. Chế độ chính sách, đầu tư cho các vùng, các dân tộc thiểu số không nên bình quân, cào bằng như các nơi khác. Chẳng hạn, có những xã ở đây có diện tích rộng bằng cả tỉnh Thái Bình, nhưng đi lại rất khó khăn thì không thể đầu tư và định biên như nơi khác. Việc đầu tư cho đồng bào dân tộc thiểu số có nơi, có lúc phải theo kiểu : "giúp cả cần câu, giúp cả con cá và giúp cả cách câu cá".

Điều tra, khảo sát lại diện tích đất đai của các công ty, lâm trường, nông trường, đơn vị

Digitized by Google

quân đội, của cá nhân. Trên cơ sở đó có kế hoạch tổng thể về đất đai ở Tây Nguyên, có sự điều chỉnh, thu hồi, xử lý những diện tích đất không hợp lý hoặc mua, bán trái pháp luật. Đối với đồng bào không có đất sản xuất, đồng thời với việc khai hoang, mở rộng diện tích đất nông nghiệp cần có kế hoạch, biện pháp giao đất, giao rừng và quản lý đất được giao một cách chặt chẽ. Làm tốt vấn đề này chẳng những ổn định tình hình xã hội, cải thiện đời sống nhân dân mà còn góp phần giữ vững và mở rộng diện tích rừng ở Tây Nguyên đang có nguy cơ bị triệt phá ngày càng cao. Giữ được rừng trên "mái nhà Đông Dương" là một vấn đề rất cấp bách và quan trọng. Bởi vì nếu rừng ở đây bị triệt phá, các con sông bị cạn kiệt thì không thể có phương cách nào chống hạn cho hơn 5 triệu héc ta đất trên độ cao trung bình là 700 mét so với mặt biển được. Những đợt nắng hạn kéo dài vừa qua ở Tây Nguyên cho chúng ta bài học kinh nghiệm và cảnh báo đừng để vùng đất này từ tiềm năng trở thành hiểm họa.

Có kế hoạch, quy hoạch, quản lý chặt chẽ việc di dân ở các tỉnh trong nước đến Tây Nguyên cũng là một giải pháp bức thiết. Việc di dân tự do trong thời gian qua tuy có những mặt lợi nhưng cũng có điều "lợi bất cập hại". Ở nhiều nơi, cán bộ xã không nắm được trên địa bàn của mình có bao nhiêu dân, có bao nhiêu dân tộc, ai mới đến, ai mới đi nơi khác. Tình trạng di dân tự do chẳng những gây ra rất nhiều vấn đề xã hội phức tạp mà còn là kẽ hở để các tội phạm, bọn phản động lợi dụng để hoạt động, chống phá ta từ bên trong. Kinh nghiệm ở nhiều nơi làm tốt vấn đề này cho thấy cần có sự phối, kết hợp giữa chính quyền nơi có người di cư đi và nơi tiếp nhận để quản lý nhân khẩu, hộ khẩu, xác định nơi định cư, quy hoạch đất đai, ruộng vườn, hỗ trợ về phương tiện đi lại, tư liệu sản xuất, trao đổi thông tin, tình cảm v.v... Đã đến lúc các ngành, các cấp cần có sự nhìn nhận, đánh giá và có giải pháp đồng bộ, cụ thể về vấn đề dân di cư lên Tây Nguyên.

Một điều đặc biệt cần quan tâm là bảo vệ giữ gìn và phát huy văn hóa các dân tộc ở Tây Nguyên. Sau 26 năm giải phóng, nhất là 15 năm bước vào cơ chế thị trường, vấn đề văn hóa nước ta nói chung và văn hóa ở Tây Nguyên nói riêng đang đặt ra hết sức bức xúc. Tuy trình độ học vấn, sự hưởng thụ sản phẩm văn hóa (số gia đình có ti vi, điện phủ sóng, thông tin, phương tiện nghe, nhìn...) có được cải thiện, nhưng các giá trị, bản sắc văn hóa các dân tộc lại đang có xu hướng bị mai một. Tình trạng giao thoa, xâm thực giữa các luồng văn hóa nhất là sự thâm nhập của văn hóa ngoại lai cùng với việc đầu tư chưa thỏa đáng cho việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, cho thiết chế văn hóa .v.v... đã và đang làm cho bản sắc văn hóa các dân tộc Tây Nguyên bị pha tạp, mai một dần. Văn hóa ăn, văn hóa ở, văn hóa mặc, văn hóa giao tiếp, sinh hoạt, lễ nghi, văn hóa vật thể và phi vật thể trong các dân tộc ở Tây Nguyên cần có những giải pháp cấp thiết để nghiên cứu, giữ gìn, phát huy.

Củng cố tăng cường và nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức chính trị ở Tây Nguyên là một giải pháp mang tính chất tổng hợp và rất có hiệu quả. Trước, trong và sau khi những vụ việc phức tạp xảy ra ở một số nơi thuộc địa bàn Tây Nguyên đầu tháng 2 - 2001, công tác vận động quần chúng có vị trí cực kỳ quan trọng. Ở Tỉnh ủy Lâm Đồng đã có những chính sách đầu tư rất mạnh mẽ, hiệu quả, làm tốt công tác vận động đồng bào các dân tộc thiểu số cho nên mặc dù sau ngày giải phóng tình hình rất phức tạp, bọn Phul rô hoạt động mạnh, nhưng những năm qua, tình hình an ninh chính trị khá tốt. Ở tỉnh Kon Tum, Dăk Lăk, Gia Lai cũng có rất nhiều kinh nghiệm và cơ sở làm tốt công tác vận động quần chúng cho nên kẻ địch không thể lừa phỉnh, lôi kéo được đồng bào.

Do đó, hướng chủ yếu để củng cố, tăng cường, nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống chính trị, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tập trung vào một số nội dung :

Digitized by Google

- Rà soát và có kế hoạch củng cố kịp thời các tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể, các tổ chức quần chúng ở cơ sở, để hệ thống chính trị cơ sở tự đứng vững và nắm được dân. Các tỉnh ở Tây Nguyên trực tiếp bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ này cả về đường lối, quan điểm và phương pháp công tác.

- Mở rộng các hình thức kết nghĩa giữa các cơ quan, ban, ngành của tỉnh, huyện, nông, lâm trường, đơn vị lực lượng vũ trang với các xã vùng sâu, vùng xa, đặc biệt khó khăn như kinh nghiệm của Tỉnh ủy Kon Tum đã tiến hành từ nhiều năm nay hoặc của Binh đoàn 15 (160 đội sản xuất của Binh đoàn 15 kết nghĩa với các buôn, làng), của nhiều đồn biên phòng. Đối với một số nơi, cần thiết tổ chức các đội công tác của tỉnh đi xây dựng cơ sở gắn với giúp đỡ bà con về nhiều mặt như : hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, phát triển văn hóa, làm công tác xã hội gắn với bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội...

- Cần đẩy mạnh việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, gắn với xây dựng hương ước ; sử dụng những mặt tích cực của luật tục để nắm dân, tuyên truyền, vận động nhân dân.

- Đội ngũ các thầy, cô giáo và cán bộ y tế là cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang - lực lượng làm công tác dân vận có hiệu quả ở cơ sở, cần được trang bị kiến thức vận động quần chúng và động viên anh chị em tích cực tham gia mặt trận quan trọng này.

Vấn đề đào tạo đội ngũ cán bộ và lực lượng lao động cho Tây Nguyên là nhân tố có tính chất quyết định sự thành công của sự nghiệp cách mạng nơi đây. Để thực hiện tốt và có hiệu quả vấn đề này cần giải quyết tốt một số vấn đề mấu chốt sau :

- Về phía Đảng, Nhà nước, các cấp, các ngành ở trung ương có cơ chế, chính sách, chế độ thích hợp để từng bước tạo ra đội ngũ đáp ứng nhu cầu, nhiệm vụ. Chế độ chính sách cần căn cứ vào tình hình thực tế của khu vực, của địa phương, cơ sở, tránh rập khuôn, máy móc, cào bằng, bình quân. Đổi mới chế độ tuyển sinh, thi tuyển công chức, mở trường nội trú ở các thị xã, thành phố ở Tây Nguyên, định chế, phụ cấp... cho phù hợp.

- Đối với từng địa phương, xây dựng kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đồng bộ đội ngũ cán bộ chủ chốt từ tỉnh, huyện, cơ sở. Đặc biệt ưu tiên đào tạo, sắp xếp, sử dụng những sinh viên, học sinh là con, em đồng bào các dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề hiện chưa có công ăn, việc làm. Củng cố, phát triển, mở rộng và có cơ chế phù hợp lựa chọn học sinh vào học các trường dân tộc nội trú. Từ những trường này có thể lựa chọn những học sinh khá, giỏi, xuất sắc đi đào tạo lâu dài.

- Công tác bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cơ sở là rất cấp thiết và quan trọng. Nội dung bồi dưỡng sao cho thiết thực, sát hợp. Cán bộ công tác ở lĩnh vực nào cần được bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn ở lĩnh vực đó. Các trung tâm chính trị tỉnh, huyện cần được xây dựng, mở rộng đầu tư kinh phí, trang, thiết bị để thường xuyên có những lớp bồi dưỡng cán bộ cơ sở. Đặc biệt quan tâm đầu tư, phát huy tác dụng của hệ thống thông tin đại chúng trong công tác tuyên truyền, giáo dục, góp phần nâng cao phẩm chất, năng lực cán bộ.

- Vấn đề học tiếng, học chữ các dân tộc thiểu số cũng là một vấn đề rất quan trọng và bức bách. Đã có nhiều trường hợp học sinh là người dân tộc thiểu số nhưng sống lâu ở thành phố, thị xã, thị trấn nên không nói được tiếng mẹ đẻ của mình. Vì vậy, đây là vấn đề vừa lâu dài, vừa bức bách, liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp. Trước mắt các nhà trường (đại học, trường quân đội, công an, trường chính trị tỉnh) các cơ quan, cán bộ thường giao tiếp, quan hệ với dân cần mở lớp dạy và học tiếng dân tộc. Có chế độ chính sách thỏa đáng cho cán bộ giỏi tiếng dân tộc thiểu số và làm việc có hiệu quả bằng các ngôn ngữ này. ❑

Digitized by Google

TỪ "ĐỊA NGỤC TRẦN GIAN" ĐẾN "THIÊN ĐÀNG TẠI THẾ"

TIẾN HẢI

Côn Đảo đi vào ký ức tuổi thơ tôi từ cái thuở lên chín, lên mười. Sau đó, những năm ngồi trên ghế nhà trường phổ thông, nhất là những năm học cấp 3, tôi mới có dịp được đọc nhiều sách báo, nghe nhiều chuyện kể về Côn Đảo. Hồi đó, đối với thế hệ trẻ chúng tôi nói chung và bản thân tôi nói riêng, Côn Đảo chỉ là địa danh về một chốn lao tù đầy ải, một **địa ngục trần gian** dưới thời thực dân, đế quốc.

Thế rồi trong suốt 34 năm làm báo, tôi vẫn đau đáu một niềm khát khao được đặt chân tới mảnh đất mà cả dân tộc Việt Nam và nhân loại tiến bộ đều coi đó là một bản cáo trạng hùng hồn về tội ác tày trời của chủ nghĩa thực dân cũ mà đại diện là đế quốc Pháp và chủ nghĩa thực dân mới mà đại diện là đế quốc Mỹ ; đồng thời cũng là một bản anh hùng ca về sự hy sinh vô bờ bến của lớp lớp cha anh vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Song mãi tới ngày 30-8-2001, niềm khát khao ấy của tôi mới trở thành hiện thực.

Đúng 8 giờ sáng ngày 30 tháng 8, chiếc máy bay trực thăng của *Công ty bay dịch vụ miền Nam* chở 25 người bao gồm những cán bộ đi công tác và khách du lịch cất cánh tại sân bay Vũng Tàu ra Côn Đảo. Hôm đó trời đẹp : nắng nhẹ, gió nhẹ và biển xanh ngắt một màu.

Sau một giờ mười lăm phút bay, chiếc trực thăng hạ cánh an toàn xuống sân bay Cỏ Ống của Côn Đảo. Dành ít phút ngắm cảnh đẹp của biển, trời, rồi chúng tôi lên xe đi 15 km đường nhựa phẳng lì để về khu trung tâm của huyện mà người dân ở đây quen gọi là thị xã (thủ phủ của huyện Côn Đảo).

Các đồng chí lãnh đạo huyện ủy Côn Đảo đã thống nhất với chúng tôi một chương trình làm việc hết sức khoa học, hợp lý và cũng rất tâm lý. Cụ thể là : Chiều ngày 30-8 đoàn thăm các di tích lịch sử cách mạng của Côn Đảo. Sáng 31-8 làm việc với lãnh đạo huyện ủy. Chiều 31-8 thăm Vườn quốc gia Côn Đảo, một số công trình xây dựng mới như khu trường học, bệnh viện, cảng cá Bến Đầm và một vài khu danh lam, thắng cảnh khác. 7 giờ sáng ngày 1-9 ra sân bay đi về TP Vũng Tàu. Với một chương trình làm việc, tham quan và khảo sát thực tế như vậy, chúng tôi có thể hiểu được những nét khái quát nhất của Côn Đảo hôm qua, hôm nay và ngày mai.

Từ trước năm 1930, đã có biết bao sỹ phu yêu nước bị thực dân Pháp đày ra Côn Đảo. Trong số đó có những người tiêu biểu cho cả một thế hệ như các cụ Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn. Nhưng từ khi có Đảng Cộng sản lãnh đạo thì cuộc đấu tranh của những người tù, mà trước hết là các tù chính trị đã bước sang một trang mới. Lực lượng tù chính trị Côn Đảo đã không ngừng đấu tranh chống lại chế độ lao tù hà khắc. Họ đã biến nhà tù thành trường học cách mạng để rèn luyện, đào tạo lớp lớp cán bộ ưu tú cho Đảng. Đó là một chủ trương rất quan trọng, đúng đắn được các tù chính trị cộng sản thời kỳ 1930 - 1945 khởi xướng. Ngô Gia Tự, một trong những đồng chí lãnh đạo xuất sắc của Đảng thời ấy đã không ngừng động viên các tù chính trị "phải biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng, tranh thủ thời gian mà học tập, bất cứ ở đâu cũng phải hoạt động hữu ích cho chủ nghĩa cộng sản".

Digitized by Google

Quan điểm này đã trở thành phương châm hành động của tù chính trị Côn Đảo. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khoảng 2000 tù chính trị Côn Đảo trở về đất liền và nhiều người đã trở thành cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở Trung ương và các địa phương. Trong số những người tiêu biểu như thế có các đồng chí Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh. Chính vì thế, nhiều người đã gọi nhà tù Côn Đảo là một trường đại học cộng sản. Cái trường đại học cộng sản ấy sau này tiếp tục đào tạo thêm được khá nhiều những chiến sĩ cộng sản xuất sắc như : Vũ Văn Hiếu là hình ảnh tiêu biểu cho lớp người cộng sản "chết còn cởi áo cho nhau", là biểu tượng cao đẹp của lý tưởng "sống vì Đảng, chết không rời Đảng". Lê Ngọc Hương tiêu biểu cho thế hệ tù kháng chiến trong cuộc đấu tranh *chống cúi đầu* với lời tuyên bố bất hủ : "Cái đầu chúng tôi có thể rời khỏi cổ nhưng từ nay không bao giờ cúi nữa". Võ Thị Sáu hiên ngang ra pháp trường Côn Đảo, nhìn thẳng vào họng súng kẻ thù với lời tuyên bố hùng hồn : "Tôi không có tội. Chính bọn thực dân Pháp xâm lược mới là kẻ có tội". Và còn biết bao những tấm gương bất khuất khác nữa đã làm cho kẻ thù vừa run sợ, vừa cảm phục như các đồng chí Trần Trọng Tín, Lưu Chí Hiếu, Cao Văn Ngọc, Nguyễn Đức Thuận, Phan Trọng Bình, Phạm Quốc Sắc, Nguyễn Minh, Lê Văn Một... Đó là những gương sáng cao đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, góp phần tạo nên những trang sử hào hùng của nhà tù Côn Đảo. Chính vì lẽ đó mà 26 năm qua, kể từ khi đất nước được hoàn toàn thống nhất, mỗi năm có hàng vạn du khách trong và ngoài nước tới Côn Đảo. Tại đây, họ có dịp suy ngẫm về cái gọi là *"sứ mệnh khai hóa văn minh"* của nước Pháp và *"bảo vệ tự do, nhân quyền"* của nước Mỹ. Từ đó họ hiểu được những giá trị đích thực mà các thế hệ cách mạng Việt Nam đã phải trả cho độc lập tự do của Tổ quốc. Cũng từ đó họ hiểu sâu sắc hơn về bản chất lừa mị, giả dối, tráo trở của chủ nghĩa thực dân. Nhiều khách du lịch người Pháp và Mỹ khi tới Côn Đảo đã phải thốt lên : "Thật là xấu hổ khi được nhìn thấy tận mắt những di vật là bằng chứng tố cáo sự dã man không thể tưởng tượng nổi của chính phủ đất nước chúng tôi đối với dân tộc Việt Nam". Và giờ đây, vào cái thời điểm mà Hạ viện Mỹ thông qua dự luật 2 368 được gọi là "Đạo luật nhân quyền Việt Nam", nếu có một công dân chân chính nào của nước Mỹ đặt chân tới Côn Đảo thì chắc chắn họ sẽ phải tự đặt cho mình câu hỏi : "Tại sao Hạ viện Mỹ lại có thể nhắm mắt thông qua một đạo luật *ngớ ngẩn* đến như vậy".

Trước ngày Côn Đảo được giải phóng (1-5-1975) nhà tù Côn Đảo có 4 324 tù chính trị (494 phụ nữ). Bộ máy kìm kẹp của địch gồm một tiểu đoàn bảo an (khoảng hơn 500 tên), một đại đội cảnh sát (khoảng hơn 100 tên), 89 giám thị, 130 công chức và gần 100 tên trong đội trật tự, an ninh. Tất cả khoảng gần 1 000 tên. Như vậy cứ khoảng 4 tù chính trị thì có 1 tên trong bộ máy kìm kẹp. Sáng ngày 1-5-1975 khi được tin tổng thống ngụy quyền Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng quân ta, TP Sài Gòn được giải phóng, các tù chính trị Côn Đảo đã lập tức bầu ra đảo ủy lâm thời để lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng Côn Đảo. Chương trình hành động của đảo ủy lâm thời gồm ba điểm chính : *Một là*, giải phóng các nhà lao, trước hết là lao phụ nữ. *Hai là*, tổ chức ngay lực lượng vũ trang, chiếm trại lính và các vị trí quan trọng trện đảo. *Ba là*, thành lập chính quyền cách mạng để quản lý và giải quyết mọi việc trên đảo.

Trưa ngày 1-5-1975, cuộc nổi dậy giải phóng của tù chính trị toàn thắng, chấm dấu hết cho chế độ nhà tù hà khắc ở Côn Đảo, xóa sổ địa ngục trần gian. Cũng bắt đầu từ đó, lịch sử Côn Đảo lật sang một trang mới, mở đầu cho một thời kỳ huy hoàng mới - thời kỳ từng bước xây dựng Côn Đảo thành **thiên đàng tại thế**.

*

* *

Huyện Côn Đảo trực thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bao gồm 16 hòn đảo lớn, nhỏ khác

Digitized by Google

nhau, trong đó đảo Côn Sơn là lớn nhất (52 km2). Suốt hai mươi sáu năm sau ngày giải phóng, lãnh đạo huyện Côn Đảo luôn trăn trở tìm tòi một hướng đi sao cho có thể phát huy được cao nhất những tiềm năng và thế mạnh của địa phương mình, nhanh chóng đưa Côn Đảo trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển của khu vực và cả nước.

Côn Đảo có vị trí chiến lược quan trọng không chỉ về quốc phòng, an ninh mà cả về kinh tế - xã hội và chính trị. Tuy vậy, sau ngày giải phóng, đất nước còn muôn vàn khó khăn nên cuối những năm 70, đầu những năm 80 của thế kỷ XX, sự đầu tư của cấp trên cho Côn Đảo mới chỉ đáp ứng được những yêu cầu chủ yếu về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Sự đầu tư cho phát triển kinh tế rất thấp. Khi Đảng ta có đường lối đổi mới thì Côn Đảo cũng bắt đầu chuyển mình một cách nhanh chóng. Đặc biệt từ năm 1996, khi Chính phủ triển khai thực hiện chủ trương phát triển kinh tế biển theo tinh thần Nghị quyết 03 ngày 6-5-1993 của Bộ Chính trị (khóa VII) thì sự nghiệp đổi mới trên Côn Đảo có bước phát triển đột biến.

● Thành tựu nổi bật nhất của Côn Đảo là *hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển khá nhanh.* Tất cả các tuyến đường trước đây đều được nâng cấp ; một số tuyến đường mới được mở ra. Cùng với quá trình đó là dáng dấp một đô thị sầm uất đang ngày càng hình thành rõ nét tại khu trung tâm. Cảng cá Bến Đầm được coi là một công trình trọng điểm về kinh tế đầu tiên được xây dựng tại Côn Đảo. Cùng với cảng cá Bến Đầm, Côn Đảo đã hình thành việc cảo tạo, nâng cấp ; rải nhựa và mở rộng tuyến đường dài 25 km từ sân bay Cỏ Ống qua khu trung tâm rồi chạy thẳng tới cảng cá Bến Đầm. Hệ thống đường nội thị, đường ven núi, đường kè ven biển, đường Nguyễn Thị Minh Khai, trường mầm non Hướng Dương, trường Cao Văn Ngọc và trường Võ Thị Sáu cũng đã và đang được xây dựng. Ngoài những công trình trên, các bộ, ngành, đoàn thể của trung ương như ngành Bưu chính - Viễn thông, Bộ Lao động - thương binh và xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng Liên Đoàn lao động Việt Nam đang thực hiện dự án xây mới hoặc cải tạo, nâng cấp một số công trình quan trọng trên địa bàn Côn Đảo với số vốn hàng vài chục tỉ đồng. Nhân dân và các cơ quan, ban, ngành tại Côn Đảo cũng có sự đầu tư đáng kể trong việc xây dựng nhà ở, trụ sở làm việc và doanh trại. Nhìn chung, các công trình đã phát huy hiệu quả ngay sau khi đưa vào sử dụng, đặt nền móng cho việc xây dựng, phát triển các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, phục vụ thiết thực đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, tạo tiền đề cho Côn Đảo bước tiếp vào giai đoạn phát triển mới với nhịp độ nhanh hơn và có hiệu quả cao hơn.

● *Trên lĩnh vực kinh tế.* Trong 10 năm nay, Côn Đảo đã ba lần chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Thời kỳ 1991 - 1995, cơ cấu kinh tế là **hải sản - dịch vụ - nông nghiệp**. Thời kỳ 1996 - 2000 cơ cấu kinh tế là **hải sản - dịch vụ - công nghiệp**. Và trong nhiệm kỳ Đại hội VI đảng bộ huyện Côn Đảo vừa qua (2001 - 2005) cơ cấu kinh tế của huyện được xác định lại là **dịch vụ - công nghiệp**. Như vậy, sau 10 năm, ngành kinh tế dịch vụ đã chuyển từ vị trí số hai lên vị trí số một trong bảng tổng sắp. Điều đó thể hiện sự mạnh dạn tìm tòi và một tư duy mới của đội ngũ cán bộ lãnh đạo huyện Côn Đảo. Với những bước tìm tòi và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý như vậy, kinh tế Côn Đảo đã liên tục phát triển. Chỉ tính riêng trong 5 năm qua, nếu lấy mốc thời gian 1996 so với năm 2000 thì :

- GDP năm 1996 thực hiện được 12 tỉ 338 triệu đồng, đến năm 2000 thực hiện được 100 tỉ 895 triệu đồng. GDP bình quân tính theo đầu người năm 1996 đạt 663 USD, đến năm 2000 đạt 1 338 USD. Nhịp độ tăng GDP bình quân hàng năm là 69,10%.

- Giá trị sản xuất của ngành thủy sản năm

Digitized by Google

1996 là 9 tỉ 227 triệu đồng, đến năm 2000 là 19 tỉ 579 triệu đồng, đạt nhịp độ tăng bình quân hàng năm là 22,22%.

- Ngành kinh tế thương mại - dịch vụ và du lịch cũng phát triển khá nhanh ; năm 1996 giá trị tăng thêm chỉ có 6 tỉ 766 triệu đồng, đến năm 2000 là 19 tỉ 605 triệu đồng, gấp 2,75 lần so với năm 1996 và luôn đứng đầu trong cơ cấu GDP.

- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp (chỉ tính riêng khu vực ngoài quốc doanh) năm 1996 là 1 tỉ 546 triệu đồng, đến năm 2000 tăng lên 6 tỉ 056 triệu đồng, đạt tốc độ tăng bình quân hàng năm là 49,72%. Nếu tính cả Công ty thủy sản và xuất nhập khẩu Côn Đảo (doanh nghiệp nhà nước) thì tốc độ tăng bình quân mỗi năm lên tới 174,33%.

- Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 1996 đạt 1 tỉ 900 triệu đồng, đến năm 2000 đạt 5 tỉ 252 triệu đồng, nhịp độ tăng bình quân hàng năm là 28,6%.

- Tổng thu ngân sách của địa phương những năm qua cũng không ngừng được tăng lên. Năm 1996 thu 11 tỉ 800 triệu đồng, đến năm 2000 đạt 23 tỉ, nhịp độ tăng bình quân mỗi năm là 18%.

Với những con số nêu trên, có thể nhiều bạn đọc sẽ cho là quá bình thường. Song phải thấy một thực tế là điểm xuất phát của Côn Đảo quá thấp và dân số của Côn Đảo chỉ có 3 689 người (tính đến thời điểm tháng 6 năm 2001) thì mới thấy hết giá trị của nó.

● Những thành tựu đạt được về xây dựng cơ sở hạ tầng và trên lĩnh vực kinh tế đã *tạo đà cho đời sống văn hóa phát triển, góp phần làm ổn định xã hội, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của Côn Đảo.*

- Hoạt động quản lý bảo tồn bảo tàng, tu bổ và khai thác các giá trị của những di tích lịch sử cách mạng Côn Đảo đạt được kết quả ngày càng tốt. Việc thuyết minh (kể cả thuyết minh bằng tiếng nước ngoài) và phục vụ khách tham quan có những bước tiến rõ rệt.

- Công tác quản lý và bảo vệ Vườn quốc gia Côn Đảo được thực hiện rất tốt. Có thể nói Vườn quốc gia Côn Đảo là một trong số ít vườn quốc gia có nhiều loài động, thực vật quý hiếm, cảnh quan đẹp, đi lại thuận lợi, do đó là một trong những điểm thu hút được nhiều khách tham quan. Ban lãnh đạo Vườn quốc gia Côn Đảo đã thực hiện tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy và chính quyền địa phương trong việc bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ môi trường sinh thái ; đồng thời tranh thủ được khá nhiều vốn đầu tư của các địa phương, ban ngành trong nước và các tổ chức nước ngoài.

- Các lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, báo chí, truyền thanh, truyền hình đều phát triển mạnh. Giữa cái nơi "ngàn trùng đảo xa" này tôi cứ tưởng ít nhiều nó vẫn bị cô lập với đất liền. Nhưng không ! Ở Côn Đảo xem các chương trình của Đài truyền hình trung ương cũng nét như ở Hà Nội. Điện thoại di động được phủ đầy sóng. Từ nơi đảo xa này chỉ trong tích tắc ta có thể liên hệ được với bất cứ địa phương nào trong cả nước và với hầu hết các quốc gia trên thế giới. Tình trạng *đói* về đời sống văn hóa ở Côn Đảo đã được chấm dứt từ lâu.

- Sự nghiệp giáo dục đào tạo và y tế được quan tâm đúng mức. Nhiều trường lớp mới được mọc lên. Chất lượng dạy và học ở nhà trường ngày càng được nâng cao. Số học sinh thi đỗ vào các trường cao đẳng và đại học hàng năm đạt từ 50 đến 70%. Trung tâm y tế huyện có thể đảm đương việc chữa trị những bệnh khá hiểm nghèo. Trừ những trường hợp thật đặc biệt mới phải gửi lên tỉnh.

- Điều rất đáng mừng về mặt xã hội là ở Côn Đảo có một môi trường trong sạch, lành mạnh với đúng cả nghĩa đen và nghĩa bóng. Tình hình trật tự, trị an rất tốt. Hầu như ở nơi đây không có các con nghiện ma túy và gái mại dâm.

Digitized by Google

Còn môi trường thiên nhiên thì tuyệt hảo, chưa có một dấu hiệu nhỏ nào chứng tỏ nó đã bị ô nhiễm.

*

* *

Côn Đảo hiện tại là như thế. Còn trong một tương lai gần (tức là tính tới năm 2005) Côn Đảo sẽ phấn đấu đạt các chỉ tiêu cơ bản : Tổng sản phẩm (GDP) trong 5 năm (2001 - 2005) là 836,5 tỉ đồng ; nhịp độ tăng bình quân hàng năm là 14,52%. Phấn đấu đến năm 2005 thu nhập bình quân tính theo đầu người là 4 250 USD ; không còn hộ nghèo ; đạt tiêu chuẩn phổ cập phổ thông trung học ; hoàn thành việc mở tuyến đường nhựa mới ở phía bên kia đảo nối tiếp cảng cá Bến Đầm với sân bay Cỏ Ống. Như vậy đảo Côn Sơn sẽ có tuyến đường nhựa bao quanh dài khoảng 60 km, rất thuận tiện cho việc tham quan của khách du lịch.

Đứng từ góc nhìn của hiện tại để xem xét tương lai, tôi rất tin vào *tính khả thi* của những tiêu chí nói trên. Tôi tự hỏi mình "liệu có chủ quan quá không ?" rồi tự trả lời "không hề chủ quan một chút nào".

Khi thăm các nhà tù Côn Đảo và khi đứng lặng ở nghĩa địa Hàng dương giữa hàng nghìn bia mộ trong tiếng thông reo buồn hiu hắt tôi cảm thấy lòng mình đau nhói. Còn khi đứng trước khách sạn Phi Yến nhìn ra bến cảng với hàng trăm tàu thuyền ra vào tấp nập thì lòng tôi lại phơi phới niềm vui. Tôi cứ hình dung xem diện mạo Côn Đảo trong 5 năm, 10 năm tới sẽ như thế nào. Chắc chắn khi đó Côn Đảo - miền đất hứa - sẽ là một địa danh văn minh, giàu đẹp, mang đậm truyền thống cách mạng và bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mỗi người dân Côn Đảo hiện tại đều mang trong mình một ý nghĩ hết sức mộc mạc : "*Ai xui Côn Đảo trần ai. Ta xây Côn Đảo nên đời thần tiên*". Với một quyết tâm như vậy, lại có đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng, chắc chắn Côn Đảo sẽ trở thành "**Thiên đàng tại thế**" trong thập niên đầu của thế kỷ XXI. ❑

QUAN HỆ VIỆT NAM...

(Tiếp theo trang 75)

gian tới cần được thực thi một cách nghiêm chỉnh. Vấn đề trên biển, hai bên thực hiện tốt cam kết "tiếp tục duy trì cơ chế đàm phán hiện có về vấn đề trên biển, kiên trì thông qua đàm phán hòa bình để tìm ra một giải pháp cơ bản mà hai bên đều có thể chấp nhận được. Trước khi vấn đề được giải quyết, với tinh thần dễ trước khó sau, hai bên tích cực bàn bạc, tìm kiếm khả năng và giải pháp triển khai hợp tác trên biển trong lĩnh vực như : bảo vệ môi trường biển, khí tượng thủy văn, phòng chống thiên tai. Đồng thời, hai bên không tiến hành các hành động làm phức tạp thêm hoặc mở rộng tranh chấp, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực. Hai bên cần bàn bạc kịp thời và giải quyết thỏa đáng những bất đồng nảy sinh với thái độ bình tĩnh xây dựng, không để bất đồng làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của quan hệ hai nước" [5]. Về quan hệ kinh tế - thương mại Việt - Trung, cũng như quan hệ kinh tế - thương mại giữa các nước khác, vừa có mặt hợp tác, vừa có mặt cạnh tranh. Tuy nhiên, xuất phát từ quan hệ hữu nghị, Việt Nam và Trung Quốc cần tăng cường hợp tác tương trợ, hạn chế mặt cạnh tranh có thể gây khó khăn cho nhau, nhất là trong tình hình Trung Quốc gia nhập WTO trước Việt Nam, cạnh tranh gay gắt trên thị trường quốc tế và khu vực có thể ảnh hưởng lớn tới quan hệ kinh tế - thương mại giữa hai nước.

Hai nước Việt - Trung đang cùng các nước khác trên thế giới bước vào thế kỷ XXI nhiều cơ hội, nhưng cũng lắm thách thức. Trong bối cảnh quốc tế mới, tăng cường quan hệ Việt - Trung theo phương châm 16 chữ "Láng giềng thân thiện, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai" là nguyện vọng chung của hai dân tộc, là nhân tố quan trọng đưa sự nghiệp hiện đại hóa XHCN của hai nước đi tới thành công. ❑

---

(5) Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện trong thế kỷ mới giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Trung Hoa". Báo *Nhân Dân*, ngày 26-12-2000

Digitized by Google

VƯỢT LÊN THÁCH THỨC MỚI VỀ SỨC KHỎE SINH SẢN VÀ HIV/AIDS

PHẠM SONG *

Con người là nguồn lực quan trọng nhất, có giá trị nhất của mọi dân tộc. Tất cả các chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội của các quốc gia đều hướng về mục tiêu vì con người, cho con người. Một trong những hệ thống chính sách quan trọng có liên quan đến đời sống hạnh phúc của con người là chính sách về dân số, trong đó có vấn đề bức xúc là sức khỏe sinh sản và HIV/AIDS. Hội nghị quốc tế I-xta-bun tháng 5-2001 đã thống nhất nhận định : sức khỏe sinh sản và phòng chống HIV/AIDS tuy có đạt được một số kết quả nhưng còn là thách thức lớn. Tài chính cung cấp cho phương tiện tránh thai và bao cao su để phòng chống HIV/AIDS giai đoạn từ nay đến năm 2005 sẽ thiếu hụt, nếu các quốc gia không có phương án khắc phục hữu hiệu.

Trên thế giới hiện nay cứ một phút có : 40 phụ nữ nạo phá thai không an toàn ; 10 người nhiễm HIV (+) ; 650 người bị lây nhiễm các bệnh truyền qua đường tình dục. Thảm kịch này đang tăng dần ở đối tượng 15 đến 24 tuổi. Số tiền để bảo đảm cung cấp phương tiện tránh thai từ năm 2001 đến 2015 tăng từ 810 triệu USD lên 1,8 tỉ USD. Dịch vụ sức khỏe sinh sản cũng sẽ tăng từ 4 tỉ USD lên 9 tỉ USD trong cùng thời gian nói trên.

Nước ta đã được nhận giải thưởng dân số 1999 của Liên hợp quốc, vì những kết quả : giảm nhanh và rõ rệt tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi 14,7% thập niên 60 ; 11,8% thập niên 70 ; 7% thập niên 80 và hiện nay là 4,5%. Giảm số trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng từ 50% trong thập niên 80, xuống còn 43,9% như hiện nay. Giảm rõ rệt tử vong bà mẹ từ 400/100 000 ca đẻ sống vào thập niên 50, xuống còn 200/100 000 vào thập niên 80 và đến nay khoảng 137/100 000. Trong hơn 10 năm hoạt động phòng chống AIDS - kể từ khi phát hiện ca nhiễm HIV đầu tiên (1990) đến nay - chúng ta đã thu được những thành quả bước đầu đáng khích lệ : kìm hãm tốc độ lây lan HIV/AIDS trong cộng đồng ; đặc biệt nhờ đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục mà khoảng 70% dân chúng có hiểu biết về HIV/AIDS và cách phòng tránh, góp phần giảm dần sự kỳ thị phân biệt đối xử với người nhiễm HIV.

Số liệu trên cho thấy những nội dung của vấn đề sức khỏe sinh sản, phòng chống HIV/AIDS đã được Đảng và Nhà nước ta chú trọng đúng mức và đạt được kết quả tích cực. Chính điều đó đã góp phần làm tăng cường sức khỏe cho các bà mẹ, trẻ em, đem lại niềm vui, hạnh phúc cho nhiều gia đình, làm lành mạnh thêm đời sống kinh tế - xã hội của đất nước.

Mặc dù đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, nhưng tình trạng sức khỏe sinh sản và HIV/AIDS đang đặt ra thật bức xúc, có nhiều vấn đề trở nên gay gắt. Đại dịch HIV/AIDS ở nước ta tuy chưa đến mức nghiêm trọng như nhiều nước châu Phi, nhưng với tốc độ lan truyền như hiện nay thì sẽ là một thách thức lớn đối với sự phát triển. Theo thống kê của Ủy ban quốc gia phòng chống AIDS thì : HIV (+) ca đầu tiên phát hiện vào tháng 12-1990 đến tháng 12-2000 là 33 330 ca. Con số thực tế còn

* GS, Viện sĩ, Chủ tịch Hội kế hoạch hóa gia đình Việt Nam

Digitized by Google

cao hơn nhiều và đang tăng nhanh, có thể đạt đỉnh vào năm 2010. HIV/AIDS tác động mạnh đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa và sức khỏe. Sự lan truyền nhanh HIV/AIDS tạo ra thay đổi phức tạp theo xu hướng làm xấu đi các quan hệ xã hội, nhất là trong gia đình. Nó làm đảo lộn các mối quan hệ, các giá trị truyền thống trong các gia đình người bệnh và cộng đồng. Đây là những yếu tố tiềm ẩn của những xáo trộn không mong muốn, không tích cực đối với xã hội. Đại dịch HIV/AIDS sẽ gây ra những tổn thất lớn về kinh tế cho đất nước, gia đình người nhiễm HIV, sẽ ngăn cản, làm chậm sự phát triển kinh tế - xã hội. Dịch bệnh HIV/AIDS sẽ tác động xấu tới khả năng phát triển lâu dài của đất nước thông qua những thay đổi theo chiều hướng không tốt trong cơ cấu dân cư và làm giảm cả về số lượng và chất lượng lực lượng lao động xã hội trong tương lai. Đồng thời nó cũng có thể làm tăng thêm khoảng cách xã hội, giữa người có thu nhập cao, có hiểu biết, có sức khỏe với những người nghèo lại thiếu tri thức về HIV/AIDS.

Nước ta cũng là một trong năm nước có tỷ lệ nạo phá thai cao nhất thế giới. Theo ước tính, hiện có khoảng 40% phụ nữ có thai bị hủy bỏ bằng phương pháp y tế, xấp xỉ 1,5 triệu người/năm ; có người nạo phá thai nhiều lần trong đời và cả nhiều lần trong một năm. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ còn yếu kém, hằng năm nước ta vẫn còn từ 2 200 đến 2 800 bà mẹ tử vong do các nguyên nhân có liên quan đến sinh đẻ và thai nghén, trong khi 90% các trường hợp này có thể tránh được nếu có đầy đủ hệ thống chăm sóc. 50% các bà mẹ không đến cơ sở y tế để sinh con. Đa số trong đó là đẻ và đỡ đẻ tại nhà với các phương tiện sơ sài, lạc hậu. 60% các bà mẹ có thai trong tình trạng thiếu máu, sức khỏe yếu. Tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh trước 24 giờ chiếm gần 80% trong tổng số chết trẻ em. Tỷ lệ chấp nhận các biện pháp tránh thai nhìn chung là tương đối cao (khoảng 65% các cặp vợ chồng, trong độ tuổi sinh đẻ), nhưng có tới 22% là các biện pháp tránh thai truyền thống, hiệu quả thấp. Tỷ lệ lây nhiễm qua đường tình dục năm 1996 là 30 318 ca, năm 2000 đã lên tới 127 258 ca. Số tiền cần cho phương tiện tránh thai nếu lấy tổng nhu cầu trừ đi số đã cam kết của chính quyền và các nhà tài trợ thì còn thiếu hụt khoảng 86,4 triệu USD... Đây thực sự là gánh nặng và thách thức lớn đối với toàn xã hội.

Trong những nguyên nhân từ các vấn đề nhức nhối nêu trên, có nguyên nhân của tình trạng kinh tế, xã hội yếu kém, có nguyên nhân thuộc về sự chỉ đạo, quản lý bất cập của các cấp, các ngành có liên quan, trong đó phải nhắc tới sự yếu kém của công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục. Bên cạnh đó, yếu tố tâm lý của người Việt Nam, nhất là phụ nữ còn rất nặng nề cần phải được quan tâm, giải quyết. Nhiệm vụ của chúng ta là thực hiện bằng được những mục tiêu cải thiện sức khỏe của nhân dân, trong đó có sức khỏe sinh sản và đẩy lùi dịch bệnh HIV/AIDS. Đại hội lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ : "Chủ động kiểm soát quy mô và tăng chất lượng dân số phù hợp với những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình" (1). "Nâng lên đáng kể chỉ số phát triển con người (HDI) của nước ta. Tốc độ tăng dân số đến năm 2010 còn khoảng 1,1%" (2).

Để vượt lên thách thức về sức khỏe sinh sản và HIV/AIDS, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, chúng ta cần phát huy những mặt đã đạt được, khắc phục những mặt yếu kém, kết hợp kinh nghiệm quốc tế với trong nước trong vấn đề chăm sóc sức khỏe sinh sản và HIV/AIDS. Trước mắt, khẩn trương tiến hành những nhiệm vụ cụ thể sau đây :

---

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 107

(2) *Văn kiện đã dẫn*, tr 160

Digitized by Google

- Nâng cao năng lực và tổ chức để dự báo nhu cầu dài hạn 2001 đến 2015 phương tiện tránh thai và bao cao su cho kế hoạch hóa gia đình và phòng chống HIV/AIDS. Vấn đề này không đơn giản vì nhu cầu của người sử dụng không đồng đều ở các địa bàn, thay đổi theo nhận thức về sự cần thiết của việc sử dụng và khả năng chi trả. Dự báo số lượng cần cung cấp, phương thức để có hàng cần thiết, xác định tổ chức phân phối, dịch vụ và cơ chế chính sách thích hợp. Phương tiện tránh thai và các thuốc phục vụ cho sức khỏe sinh sản nên xếp vào danh mục thuốc thiết yếu của y tế thế giới. Điều đó phù hợp với nhóm thuốc cả gói trong nội dung " làm mẹ và con an toàn". Xu thế chung là đưa vào danh mục thuốc dự phòng. Phải có tổ chức chuyên trách và phân công cụ thể để có dự báo quốc gia dài hạn về nhu cầu phương tiện tránh thai.

- Vấn đề quan trọng đặt ra là : Cần bao nhiêu tiền từ 2001 đến 2015 cho các phương tiện nói trên. *Nguồn tài trợ* quan trọng vẫn là của các tổ chức Liên hợp quốc mà cơ quan chính là Quỹ dân số Liên hợp quốc (UNFPA), các tài trợ song phương. Hội nghị quốc tế I-xta-bun khuyến nghị nên có sự phối hợp và ưu tiên vì trong ngân sách tài trợ phần cung cấp phương tiện tránh thai và bao cao su đã không được chú ý đúng với vai trò của nó. Hội nghị đánh giá và khẳng định Việt Nam phải được tài trợ từ 8 đến 10 năm cho nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và phòng chống HIV/AIDS.

Việt Nam khuyến khích tư nhân cung cấp phương tiện tránh thai và bao cao su nhưng lĩnh vực này chưa được phát triển. Nhà nước chưa có chính sách khuyến khích hỗ trợ về thuốc, về xuất nhập khẩu hoặc đầu tư cho vay vốn sản xuất. Cần có chính sách khuyến khích khu vực tư nhân tham gia tích cực vào lĩnh vực này.

Gánh nặng của sự nghèo đói : Đây là vấn đề khó khăn nhất của ta. Dân ta nghèo nhưng những chỉ số về y tế, về sức khỏe trẻ em đứng ở hạng trung bình trên thế giới. Cần nhận rõ nguyên nhân thành công này để đẩy mạnh hơn nữa việc giảm dần gánh nặng nghèo đói. Nhà nước ta đang tích cực thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo và được thế giới đánh giá cao, nhưng nước ta vẫn còn là nước nghèo. Kinh nghiệm của Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ cho thấy chính sách xóa bỏ bao cấp chỉ có thể thực hiện được khi thu nhập bình quân đầu người trên 10 000 USD/năm, đi đôi với chế độ bảo hiểm xã hội tốt về các dịch vụ y tế và sức khỏe sinh sản.

Trên cơ sở điều tra, nghiên cứu phân chia thị trường, chúng ta có thể áp dụng ba cơ chế : *Một là,* người dân giàu tự mua lấy những phương tiện tránh thai và bao cao su tốt nhất để sử dụng theo giá thị trường của sản phẩm. *Hai là,* thực hiện tiếp thị xã hội là bước đệm để khi bình quân đầu người tăng lên trên 10 000 USD thì sẽ xóa bỏ chế độ này và thực hiện chính sách *bao cấp một phần qua giá.* Hiện nay, người nghèo đang là số đông trong phần trăm dân số ở vùng đồng bằng và đô thị. Cần cổ vũ và có cách bán hoặc cho không rộng rãi bao cao su để phòng lây nhiễm HIV ; các bệnh lây truyền qua đường tình dục ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Tiếp thị xã hội không chỉ là vấn đề kinh tế mà còn tạo ra sự tự giác và tính bền vững của chương trình sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình. *Ba là,* cấp không cho người nghèo không có khả năng chi trả. Đối tượng này có nguy cơ cao dễ mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục khó thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

Nước ta đang thực hiện một phần chính sách bao cấp trong các vấn đề xã hội, điều ấy đúng, nhưng thiếu hụt tài chính là một thách thức lớn đối với chương trình kế hoạch hóa gia đình và phòng chống HIV/AIDS. Vì vậy, vai trò của tổ chức phi chính phủ như Hội kế hoạch hóa gia đình đang thực hiện dự án cung cấp phương tiện tránh thai trong cộng đồng là rất quan trọng. Cần xác định và hỗ trợ mạnh cho vấn đề tiếp thị xã hội rộng khắp kể cả ở vùng sâu, vùng xa.

Digitized by Google

Để làm việc này khắp cả nước không dễ nhưng chắc chắn phải làm và làm càng sớm càng tốt tạo bước đệm cho đến khi xóa bỏ chính sách bao cấp. Kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới là áp dụng chính sách giảm dần viện trợ để nước tiếp nhận tiến đến tự túc. Thời gian giảm dần viện trợ phụ thuộc vào nền tài chính, chính sách cung cấp phương tiện tránh thai và phòng chống HIV/AIDS của nước tiếp nhận. *Bốn là :* nhập hay sản xuất trong nước phương tiện tránh thai và bao cao su ? Sản xuất bao cao su trong nước là vấn đề không phải bàn cãi nhiều vì nước ta có nguồn nguyên liệu cao su dồi dào và tốt nhất. Thực tế đang có hai nhà máy sản xuất bao cao su là : Xí nghiệp cao su y tế MERFURA do UNFPA tài trợ (1987), Xí nghiệp LAPRODEX liên doanh của thành phố Hồ Chí Minh và Mát-xcơ-va. Cả hai nhà máy này đều hoạt động chưa hết công suất nhưng đã xuất khẩu được một tỷ lệ nhất định. Chính phủ cần nghiên cứu cơ chế chính sách về giá, thuế để nâng cao chất lượng kỹ thuật nhằm phát huy hết công suất của sản xuất bao cao su trong nước. Phải đến những năm 30-34 của thế kỷ XXI Việt Nam mới ổn định được dân số (dự báo khoảng 120 đến 130 triệu người). Phương tiện tránh thai, phòng chống HIV/AIDS luôn luôn là nhu cầu lớn.

- Chính phủ xây dựng một kế hoạch có tầm chiến lược để vượt lên thách thức về sức khỏe sinh sản và đẩy lùi đại dịch HIV/AIDS trong những năm tới. Chiến lược này phải phù hợp điều kiện Việt Nam và tiếp thụ những kinh nghiệm, phương pháp hay của thế giới và khu vực ; coi sức khỏe sinh sản, phòng chống HIV/AIDS là một nhiệm vụ kinh tế - xã hội có tính cấp bách và lâu dài.

Chiến lược phòng chống AIDS lấy dự phòng làm chính, tăng cường và đẩy mạnh công tác giáo dục, truyền thông nâng cao nhận thức của người dân mới có thể làm giảm vững chắc các hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV trong cộng đồng. Đồng thời có đầu tư cho hoạt động can thiệp làm giảm tác hại như : bảo đảm an toàn truyền máu, cung cấp bao cao su và bơm kim tiêm vô trùng. Xây dựng cơ chế huy động toàn bộ các lực lượng xã hội của cộng đồng, kể cả các doanh nghiệp, các tổ chức tôn giáo, tổ chức xã hội và tư nhân cùng tham gia thực hiện sức khỏe sinh sản và phòng chống đại dịch AIDS. Mở rộng hoạt động tư vấn và xét nghiệm tự nguyện, cung cấp máu an toàn, nâng cao chất lượng chăm sóc và điều trị HIV/AIDS, phát hiện và điều trị sớm các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Tăng cường các hoạt động nghiên cứu khoa học về sức khỏe sinh sản và HIV/AIDS, ưu tiên các nghiên cứu triển khai ; bảo đảm cung cấp thuốc cần thiết, tiếp cận các loại thuốc giá rẻ đáp ứng nhu cầu đại trà. Có các biện pháp xây dựng dư luận xã hội thông cảm, thương yêu giúp đỡ và xóa bỏ sự kỳ thị đối với người nhiễm HIV, bảo vệ những người thường xuyên làm việc trong môi trường có HIV/AIDS. Lồng ghép các hoạt động phòng, chống HIV với các hoạt động phòng chống sử dụng ma túy và hoạt động tình dục không an toàn, nhất là trong tầng lớp thanh, thiếu niên. Kinh nghiệm cho thấy hiệu quả của việc ngăn chặn lan truyền HIV phụ thuộc vào kết quả của hai hoạt động này.

Lồng ghép các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, lấy chất lượng phục vụ và sự hài lòng của người sử dụng làm mục tiêu của các hoạt động sức khỏe sinh sản. Hướng dẫn, khuyến khích các cặp vợ chồng, các cá nhân quyết định tự nguyện và có trách nhiệm về việc mang thai và các biện pháp kế hoạch hóa gia đình. Phổ cập kiến thức về sức khỏe sinh sản đến tất cả mọi cá nhân ở mọi lứa tuổi thích hợp. Vấn đề cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng, đó là duy trì và mở rộng các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực sức khỏe sinh sản và phòng chống HIV/AIDS, đặc biệt là phối hợp với các nước láng giềng trong việc phòng lây nhiễm HIV qua biên giới.❑

Digitized by Google

Một số vấn đề trong quan hệ tài chính giữa trung ương và địa phương

BÙI ĐƯỜNG NGHIÊU *

SAU hơn một thập kỷ đổi mới, vị thế và tiềm lực tài chính của Nhà nước ta đã được tăng cường một bước đáng kể. Quy mô ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2000 lớn gấp 2,6 lần, riêng quy mô chi lớn gấp 2,9 lần so với năm 1991. Từ một ngân sách phụ thuộc, trông chờ vào vay nợ, tiếp nhận viện trợ hoặc dựa vào các nguồn thu khác từ bên ngoài, một ngân sách mà các nguồn thu từ nội bộ nền kinh tế không đáp ứng đủ nhu cầu chi thường xuyên..., đã chuyển thành một ngân sách độc lập, tự chủ, có dư dật được một phần đáng kể để chi cho đầu tư phát triển, trả nợ và tăng cường dự trữ tài chính của quốc gia. Nhà nước không những giữ được an ninh tài chính, mà còn bảo đảm được ổn định chính trị - xã hội, củng cố an ninh kinh tế, cũng như an ninh quốc phòng.

Trong kết cấu quan hệ ngân sách giữa trung ương với các cấp chính quyền địa phương cũng đã đạt được nhiều thành tựu. Bước đầu đã luật hóa các quan hệ tài chính giữa trung ương và địa phương, tạo ra sự ổn định đối với các nguồn thu và nhiệm vụ chi của ngân sách các cấp ; khắc phục tình trạng tùy tiện, thỏa thuận, co kéo nguồn thu và thương lượng nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách. Do đó, quyền chủ động của các cấp chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng bước đầu đã được xác lập và củng cố ; hiệu quả khai thác sử dụng nguồn thu - chi ngân sách từng bước được cải thiện ; khắc phục cơ bản tình trạng ỷ lại, thụ động và lãng phí trong sử dụng ngân sách ở tất cả các cấp. Đồng thời, ngân sách trung ương (NSTƯ) đã giảm bớt căng thẳng do không còn phải cân đối thay cho ngân sách địa phương (NSĐP) như trước đây. Chính phủ cũng đã giảm bớt điều hành quá chi tiết, tỷ mỷ không cần thiết vào công việc của địa phương.

Tuy nhiên, cho đến nay vẫn còn tồn tại một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, giải quyết. Để hình dung rõ hơn những vấn đề đang đặt ra, chúng ta hãy nhìn tổng quan hệ thống ngân sách của đất nước. NSNN của ta bao gồm toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước trong dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước, trong đó :

Thu NSNN gồm 6 khoản mục lớn, đó là các khoản thu (1) từ thuế, phí, lệ phí ; (2) từ hoạt động kinh tế của Nhà nước ; (3) đóng góp của các tổ chức và cá nhân ; (4) viện trợ ; (5) vay để bù đắp bội chi được đưa vào cân đối NSNN ; (6) các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Chi NSNN cũng gồm 6 khoản mục lớn là (1) chi phát triển kinh tế - xã hội, (2) chi bảo đảm quốc phòng - an ninh, (3) chi cho bộ máy nhà nước ; (4) chi trả nợ của Nhà nước ; (5) chi viện trợ và (6) các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, hệ thống NSNN có 4 cấp (tương ứng với 4 cấp chính quyền trung ương, tỉnh, huyện, xã) bao gồm NSTƯ, lồng ghép với ngân sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ; ngân sách các quận, huyện và ngân sách các xã, phường, thị trấn. Mặc dù luật pháp quy định NSNN được quản lý thống nhất, có phân công trách nhiệm gắn với quyền hạn, phân cấp quản lý giữa các ngành, các cấp, nhưng trong thực tế, *tính lồng ghép trong hệ thống NSNN rất cao, thể hiện ở các quy định chồng chéo về thẩm quyền quyết định ngân sách cũng như trong các khâu của quá trình lập, duyệt, thực hiện và quyết toán ngân sách.*

* Ths, Viện Khoa học tài chính, Bộ Tài chính

Digitized by Google

Trong hệ thống đó, Quốc hội quyết định dự toán NSNN với tổng số thu, tổng số chi, mức bội chi và các nguồn bù đắp ; phân bổ NSNN theo từng loại thu, từng lĩnh vực chi và theo cơ cấu giữa chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển, chi trả nợ. Quốc hội cũng ủy quyền cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định phương án phân bổ NSTƯ cho từng bộ, ngành và mức bổ sung từ NSTƯ cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Quốc hội quyết định điều chỉnh dự toán NSNN trong trường hợp cần thiết và phê chuẩn quyết toán NSNN.

Cũng theo Luật NSNN hiện hành, căn cứ vào dự toán ngân sách được cấp trên giao, căn cứ vào nguồn thu, nhiệm vụ chi đã được phân cấp cho địa phương và chế độ, chính sách hiện hành, ĐHND các cấp có quyền và trách nhiệm quyết định dự toán ngân sách cấp mình. Cụ thể là quyết định dự toán, phân bổ dự toán, quyết định điều chỉnh dự toán trong trường hợp cần thiết và phê chuẩn quyết toán. Thủ tướng Chính phủ, chủ tịch UBND cấp trên có quyền yêu cầu ĐHND cấp dưới điều chỉnh lại dự toán ngân sách, nếu thấy việc bố trí ngân sách của cấp đó không phù hợp với quyết định của Quốc hội, ĐHND cấp trên.

Bằng cách tổ chức như vậy, quyền lực của hệ thống NSNN được tập trung mạnh về trung ương ; quyền hạn của các ĐHND các cấp được giới hạn trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp, nhưng về ngân sách thì phần nhiều còn mang tính hình thức, vì ĐHND chỉ có quyền quyết định ngân sách cấp mình sau khi Quốc hội đã quyết định toàn bộ NSNN (bao gồm NSTƯ và NSĐP). Quy định này thể hiện *tính phức tạp trong mô hình ngân sách lồng ghép nhiều cấp và sự ôm đồm trong quản lý của trung ương, hạn chế tính chủ động của các cấp chính quyền địa phương trong huy động nguồn thu và sử dụng có hiệu quả ngân sách.* Hệ thống hiện tại vừa không khắc phục triệt để tình trạng trung ương phải "chăm lo" cân đối ngân sách thay địa phương, gây chia lẻ, phân tán sức mạnh tập trung của Nhà nước, vừa làm tăng tính trông chờ, ỷ lại của địa phương vào trung ương. Đây là một trong các bất cập lớn của hệ thống NSNN hiện hành.

Đi sâu phân tích tình hình NSNN và quan hệ giữa NSTƯ và các cấp chính quyền địa phương trong những năm qua thể hiện trên các mặt như sau :

Về thu ngân sách : Số thu NSNN đã tăng từ 13,8% GDP năm 1991 lên đến đỉnh cao 23,3% năm 1995. Bình quân 5 năm (1991 - 1995) đạt 20,5% GDP. Sau những tác động của khủng hoảng tài chính châu Á, thu NSNN có phần giảm sút và còn khoảng 20% GDP vào các năm 1997, 1998 ; năm 1999 chỉ còn 17,5%, và năm 2000 có tăng lên chút ít đạt 18,5% GDP. Bình quân 10 năm (1991 - 2000), thu NSNN đạt khoảng 20,2% GDP, nếu so với mức bình quân 13,4% GDP trong giai đoạn 1986 - 1990, thì đây vẫn là con số đáng khích lệ.

So với năm 1991, tổng thu NSNN năm 2000 lớn gấp 7,7 lần (chưa trừ yếu tố lạm phát). Trong đó, số thu từ thuế, phí ngày càng lớn và chiếm tỷ trọng quyết định trong tổng thu NSNN (bình quân đạt khoảng 95% đến 98% trong tổng thu). *Thành tựu này đánh dấu bước tiến bộ của ngành tài chính, đồng thời, khẳng định chiều hướng phát triển đúng đắn của công cuộc chuyển đổi kinh tế, cải cách thuế, xây dựng nền tài chính nhà nước phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.*

Về chi ngân sách : Năm 1990, tổng chi NSNN chiếm 20,5% GDP, năm 1991 giảm xuống chỉ còn 15,9% GDP, sau đó đột ngột tăng lên tới gần 30% vào năm 1993. Từ 1994, đặc biệt là sau 1995, tổng chi NSNN so với GDP đã liên tục giảm. Chỉ trong 5 năm, tỷ trọng chi NSNN so với GDP đã giảm mạnh, từ 29,4% GDP (1993) xuống 22,7% GDP (1998), tương đương với việc cắt giảm khoảng 20% tổng chi NSNN. Mức chi bình quân thực tế giai đoạn 1991 - 1995 đạt 24,5% GDP. Trong các năm 1999 - 2000 quy mô chi NSNN dao động trong khoảng từ 22,5% đến 23,5% GDP. Bình quân, chi NSNN 10 năm qua đạt khoảng 24,1% GDP, tăng mạnh so với mức bình quân 19,7% GDP trong giai đoạn 5 năm 1986 - 1990. Năm 2000, quy mô chi NSNN lớn gấp 8,5 lần so với năm 1991 (chưa trừ yếu tố lạm phát).

Trong quan hệ với NSĐP : NSTƯ luôn luôn giữ vai trò chủ đạo, chi phối ngân sách cả nước, bảo đảm nguồn tài chính để Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ chính trị và duy trì sự công bằng, bình đẳng về nguồn thu giữa các địa phương khác nhau trong cả nước. Bình quân 10 năm (1991 - 2000) thu NSTƯ chiếm 65,2%, thu NSĐP chiếm 34,8% tổng thu NSNN. Trong đó, trước khi có

Digitized by Google

Luật NSNN (1-1-1997) thu NSĐP không ổn định, dao động từ mức cao nhất 43,1% (năm 1993) xuống mức thấp nhất là 28,3% (năm 1995) ; từ khi có Luật, nguồn thu của NSĐP khá ổn định, dao động trong khoảng 33% đến 34% tổng thu NSNN, bình quân các năm thu NSĐP chiếm 33,3% tổng số thu NSNN (NSTƯ chiếm 66,7%).

Nếu như đa số các nước trên thế giới (kể cả Trung Quốc) đều phân định rõ ràng thẩm quyền và trách nhiệm về ngân sách của trung ương với địa phương ; NSTƯ chỉ trợ cấp cân đối mà không bao biện, làm thay NSĐP, thì ở nước ta, khái niệm NSNN bao gồm cả NSTƯ và NSĐP, và đều được quản lý thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, có phân công trách nhiệm gắn với quyền hạn, phân cấp quản lý giữa các ngành, các cấp, theo các nguyên tắc cơ bản sau :

1 - Ngân sách trung ương và ngân sách mỗi cấp chính quyền địa phương được phân định nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể ;

2 - Thực hiện việc bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để bảo đảm công bằng, phát triển cân đối giữa các vùng, các địa phương. Số bổ sung này là khoản thu của ngân sách cấp dưới ;

3 - Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi thuộc chức năng của mình, thì phải chuyển kinh phí từ ngân sách cấp trên cho cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ đó ;

4 - Ngoài việc bổ sung nguồn thu và ủy quyền thực hiện nhiệm vụ chi theo Luật định, không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác, trừ trường hợp đặc biệt theo quy định của Chính phủ.

Trong cơ chế phân định nguồn thu giữa trung ương và các cấp chính quyền địa phương, hiện nay, các nguồn thu của NSNN được chia thành 3 loại : (i) loại thuộc quyền NSTƯ hưởng 100% ; (ii) loại thuộc quyền NSĐP được hưởng 100% và (iii) loại nguồn thu cả trung ương và địa phương cùng được quyền hưởng (gọi là những nguồn thu phân chia). Theo Luật hiện hành, các nguồn thu phân chia giữa NSTƯ và ngân sách cấp tỉnh gồm 5 loại : (1) Thuế VAT (trừ VAT hàng nhập khẩu và hoạt động xổ số kiến thiết) ; (2) Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thu từ các đơn vị hạch toán ngành và hoạt động xổ số kiến thiết) ; (3) Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao ; (4) Thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài ; (5) Thu từ sử dụng vốn ngân sách của các doanh nghiệp nhà nước.

Việc phân chia nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa trung ương và các cấp chính quyền địa phương là nội dung cơ bản trong phân cấp quản lý ngân sách, tạo nền tảng trong các tính toán về nguồn tài chính bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội giữa trung ương và địa phương. Các nguồn thu, nhiệm vụ chi phân chia cho mỗi cấp ngân sách được ổn định theo Luật, tỷ lệ điều tiết và số bổ sung từ NSTƯ cho ngân sách từng tỉnh cũng được ổn định trong khoảng từ 3 đến 5 năm. Sau đó, sẽ được điều chỉnh lại tùy theo diễn biến kinh tế thực tế và yêu cầu quản lý.

Sau khi xác định những nguồn thu thuộc quyền của từng cấp ngân sách được hưởng 100%, căn cứ nhiệm vụ chi đã được phân cấp, thực hiện cân đối thu chi ngân sách của từng tỉnh, xác định tỷ lệ điều tiết đối với các nguồn thu chung (giữa trung ương và địa phương) hoặc số ngân sách cấp bổ sung từ trung ương cho địa phương, nếu các nguồn thu chung đã để lại cả cho địa phương nhưng vẫn còn thiếu.

Đối với những khoản thu phân chia, Luật chỉ quy định tên các khoản thu chung giữa NSTƯ với ngân sách tỉnh, hoặc giữa ngân sách tỉnh với ngân sách huyện, hoặc giữa ngân sách huyện với ngân sách xã, mà không quy định tỷ lệ phân chia cụ thể. Trong điều hành, căn cứ thực tế thu - chi ngân sách từng cấp, từng thời kỳ, Chính phủ quyết định tỷ lệ phân chia giữa NSTƯ và ngân sách tỉnh. UBND các tỉnh quyết định tỷ lệ phân chia giữa ngân sách tỉnh với ngân sách huyện, xã. Theo cơ chế hiện nay, tỷ lệ phân chia nguồn thu giữa ngân sách trung ương với ngân sách cấp tỉnh được tính gộp cho cả 5 khoản thu chung, không tính riêng cho từng nguồn thu.

Việc xác định tỷ lệ điều tiết hoặc số bổ sung ngân sách phải dựa vào dự toán thu, chi NSĐP trên cơ sở các tính toán trung bình của 3 năm gần nhất, căn cứ vào các tiêu thức định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu, căn cứ dân số, số biên chế tại các đơn vị hành chính, sự nghiệp, số học sinh đi học, số giường bệnh... Với cách tính này, *tỷ lệ gộp về phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách trong thực tế là một trong các nguyên nhân gây ra hiện tượng "thương lượng" khi lập dự toán ngân sách giữa các cơ quan chức năng. Phải nói rằng đây là những công việc phức tạp và*

Digitized by Google

căng thẳng nhất của các cơ quan tài chính. Cái gọi là cơ chế "xin-cho" phải chăng cũng bắt nguồn từ quá trình thương lượng này.

Những hạn chế của hệ thống ngân sách hiện hành thể hiện trên ba vấn đề chính như sau :

Một là, do tính lồng ghép (hệ thống NSNN bao gồm NSTƯ và NSĐP ; trong NSĐP, ngân sách tỉnh phải tổng hợp cả ngân sách huyện, xã ; ngân sách cấp trên bao gồm ngân sách của tất cả các cấp dưới) nên trung ương thì ôm đồm trong quản lý, mà tính độc lập của từng cấp ngân sách không cao, không thực sự phát huy được vai trò chủ động, tính tự chịu trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương. Mặt khác, cơ quan tổng hợp ngân sách gặp nhiều khó khăn, phức tạp về kỹ thuật để khắc phục tính lồng ghép của hệ thống.

Hai là, quy định hiện hành về trách nhiệm, quyền hạn của các cấp chính quyền và các cơ quan chức năng liên quan đến ngân sách còn nhiều trùng lắp, vai trò của các cấp địa phương còn bị hạn chế ngay từ trong quá trình lập, phê chuẩn dự toán đến quyết toán ngân sách cấp mình. Thực quyền về ngân sách của cấp huyện còn thấp, nhiều khi huyện chỉ đóng vai trò trung gian. Vấn đề quyền tự chủ và tính ổn định của NSĐP, tuy đã có nhiều cải thiện so với tình hình trước khi chưa có Luật, nhưng trên thực tế vẫn còn nhiều bất cập. Các nguồn thu giao 100% cho địa phương thường là nhỏ, khó thu, thậm chí không sát với thực tế (thu về nhà - đất, thu ngoài quốc doanh... nhất là ở các thành phố lớn). Hiện vẫn còn nhiều khoản thu phân chia chung giữa trung ương và địa phương đang làm phức tạp thêm cho công tác quản lý và phân tán tiềm lực tài chính của trung ương.

Ba là, nhiều huyện và đa số xã, phường, nhất là ngân sách cấp xã đều rất lúng túng trong lập, duyệt, phân bổ dự toán và quyết toán, nguyên nhân chính là hầu như các xã đều thiếu cán bộ đủ năng lực chuyên môn làm tài chính, ngân sách. Do đó, những bất cập trong quản lý ngân sách xã hiện nay càng bức xúc. Một nghịch lý là nhiều cán bộ ở xã, sau khi được đào tạo chuyên môn tài chính, ngân sách, sau một vài năm làm việc, nhất là trải qua thời điểm chuyển nhiệm kỳ, hoặc là sẽ được bầu, được bổ nhiệm làm công tác khác, có trách nhiệm cao hơn, hoặc bị thuyên chuyển do ban lãnh đạo mới không tín nhiệm... Do đó, việc đào tạo, tuyển dụng và quản lý cán bộ tài chính, ngân sách chuyên trách càng gặp nhiều khó khăn. Nếu định biên số cán bộ này, thì không những nguồn cán bộ chung của cấp xã bị ảnh hưởng, mà còn làm tăng thêm gánh nặng về biên chế và quỹ lương cho NSNN.

Phải chăng giải pháp trước mắt cho vấn đề cơ cấu tổ chức cán bộ trong hệ thống NSNN là xây dựng đồng bộ và cụ thể hóa hệ thống các cơ chế, thiết lập các kho bạc liên xã, bổ sung chức năng và giao cho Kho bạc nhà nước thực hiện nhiệm vụ kế toán và thủ quỹ cho các cấp chính quyền xã.

Trước những yêu cầu mới của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thiết nghĩ công tác quản lý NSNN phải được cải tiến để bảo đảm tính hiệu quả. Nghĩa là vừa thống nhất, tập trung tài lực đủ mạnh cho Nhà nước tổ chức, điều tiết và định hướng nền kinh tế, đồng thời vừa tăng thêm quyền lực và tính chủ động cho các cấp chính quyền địa phương... đòi hỏi phải có tổng kết kinh nghiệm thực tiễn và nghiên cứu nghiêm túc, cung cấp những luận cứ khoa học thật xác đáng, tạo cơ sở cho những quyết sách đúng đắn trong việc cơ cấu lại hệ thống NSNN. Đây là yếu tố khởi đầu, quyết định mức độ giải quyết các vướng mắc khác trong công tác quản lý hệ thống NSNN hiện nay.

Một hệ thống NSNN thống nhất nhưng phân cấp rõ hơn cho từng cấp, gạt bỏ các chồng chéo về trách nhiệm và thẩm quyền quyết định ngân sách là câu trả lời tốt nhất cho những bức xúc của thực tế. Lựa chọn phương án tổ chức hệ thống NSNN 2 cấp, 3 cấp hay 4 cấp không những phải xuất phát từ những nhìn nhận thực tế về năng lực, trình độ hiện tại của bộ máy quản lý nhà nước, mà còn phải cân nhắc đến xu hướng vận động và yêu cầu quản lý trong tương lai. Theo chúng tôi, mô hình nào cũng cần phải giao quyền hạn đi liền với trách nhiệm chủ trì của cấp tỉnh trong hệ thống ngân sách các cấp chính quyền địa phương.

Tổ chức lại hệ thống NSNN nhất thiết không được xa rời các mục tiêu kinh tế, tài chính, chính trị, xã hội, bảo đảm tăng cường sức mạnh của cả NSTƯ và NSĐP, hết sức tránh việc chỉ nhấn mạnh đến một chiều nào đó, bởi điều đó sẽ chỉ giải quyết được lợi ích của một phía, dễ có nguy cơ xé lẻ tiềm lực tài chính của đất nước, không khắc phục được các lỗ hổng trong quản lý. ❑

Digitized by Google

XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO Ở HÀ TĨNH

TRẦN ĐÌNH ĐÀN * - NGUYỄN SĨ ĐẠI **

1 - Câu chuyện Kỳ Nam.

Xã Kỳ Nam ở phía bắc Đèo Ngang có bãi biển đẹp nhất, nhì miền Trung, sơn thủy hữu tình, lại có quốc lộ 1 vắt qua, nhưng trước năm 1995 lại thuộc diện đói nghèo, lạc hậu đặc biệt của Hà Tĩnh. Xã có hai nghìn dân nhưng chưa có ai học cấp 3 và mãi tới năm 1998 mới có điện. Thu nhập bình quân hiện nay theo báo cáo của đảng ủy xã là 813 nghìn đồng/người/năm ; có tỷ lệ hộ thuộc diện nghèo đói cao nhất tỉnh. Năng suất lúa bình quân 60 kg/sào, cá biệt mới có hộ đạt tới 120 kg/sào.

Giống như nhiều người khác, chúng tôi đã từng nghĩ dân Kỳ Nam là những người lạc hậu, không biết làm ăn. Ấy là khi chưa chứng kiến cái nghiệt ngã của điều kiện tự nhiên. Đi sâu vào từng thôn, xóm, lòng người đều mặn nỗi xót xa khi thấy những ngôi nhà không giường, không tài sản, những trẻ con chưa đủ áo, quần. Nhà ông N. ở xóm Minh Đức, hai vợ chồng gần 60 tuổi với hai con gái, có ruộng phải nhượng ruộng, quanh năm làm thuê, hái củi, để có bình quân thu nhập 200 nghìn đồng/người/năm. Do hoàn cảnh đưa đẩy, ở Kỳ Nam còn có hàng chục phụ nữ đơn thân phải đèo bòng con cái, được cộng đồng chấp nhận một cách tự nhiên, không mặc cảm. Đó có phải là một mảng đời nối dài cái nghèo khó của Kỳ Nam trong tương lai ?

Bốn năm nay, mỗi năm Kỳ Nam nhận được hơn 1 tỉ đồng từ các nguồn trợ giúp của xã hội, cộng với sự nỗ lực vươn lên, Kỳ Nam đã có những bước chuyển mình cùng cả nước. Toàn xã đã có thêm nhiều nhà ngói, có 32 học sinh cấp 3 (học cách nhà 30 km), nhiều cánh rừng 327. Điển hình như chị Viễng một năm thu nhập hơn 1 tấn lúa, anh Mai Bông có 5 sào hồ nuôi tôm thu 15 triệu đồng/năm, anh Chiến có 25 cây nhãn, 15 cây xoài đã vào kỳ thu hoạch, anh Hợp có 12 ha rừng tràm...

Thế nhưng thời tiết khắc nghiệt không hiểu cho những vất vả nhọc nhằn của con người, tất cả đã bị "bẻ sạch" trong cơn bão số 4 đầu tháng 9-2000, phơi ra một Kỳ Nam xơ xác. Người dân ở đây lại tự hỏi phải làm ăn cách gì ? Không bão thì Kỳ Nam thường xuyên hứng nửa năm gió chướng. Cả xã có 45 thuyền thì hầu hết là thuyền hai người bê được để chạy lên bờ tránh sóng lúc cần thiết. Trồng cây ngại gió. Làm ruộng ngại đất cằn. Không ít cơ quan, tổ chức đặt câu hỏi có nên đầu tư vào Kỳ Nam theo cách cũ ? Nếu mỗi năm 1 tỉ ấy mà đầu tư cho nơi có điều kiện làm giàu và tìm cho Kỳ Nam hướng đi khác thì bây giờ chắc không đến nỗi trắng tay !

Xóa đói, giảm nghèo thật là một việc làm không dễ !

2 - Kỳ Thọ, một hướng mở vững bền.

Kỳ Nam đã vậy, nhưng chúng tôi vẫn nhìn Kỳ Thọ bằng con mắt thương cảm. Vì hình ảnh người Kỳ Thọ muôn đời nay là một đầu quang, đầu cào đi mót khoai miền thượng, tay giỏ, tay nắm bắt cáy. Việc mót khoai đã thành "làng nghề", chuyện nghề. Vào năm 1992, khi Hà Tĩnh bắt đầu triển khai Chương trình xóa đói giảm nghèo, theo tiêu chí cũ của

* Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh
** TS. Báo Nhân Dân

Digitized by Google

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (1) thì tỉnh có 56% hộ đói nghèo, riêng Kỳ Anh là 66,6%. Hà Tĩnh đã chọn Kỳ Thọ là một xã điểm trong Chương trình xóa đói giảm nghèo vì :

- Xã có xuất phát điểm kinh tế thấp, sản xuất thuần nông, đói nghèo triền miên và phổ biến. Năm 1992, có 65,2% hộ đói nghèo, năm 1997, vẫn còn 43,1%.

- Là xã thường gặp thiên tai, bị chiến tranh tàn phá nặng nề.

- Ruộng đồng tuy rộng nhưng bị nhiễm mặn bởi hai con sông Kênh và Cái. Địa hình khá phức tạp, đa dạng : phía tây là núi, phía đông là gò đồi ven biển, trình độ dân trí chưa cao, chỉ biết làm ruộng mót khoai, bắt cua cáy.

- Kỳ Thọ có thể phát triển, đó là ruộng đất tương đối nhiều : 1 344 ha/3 212 người, trong đó đất nông nghiệp là 539,48 ha, đất lâm nghiệp 370,39 ha, đất chưa sử dụng 312,30 ha ; có quốc lộ 1A đi qua. Có nước thủy nông sông Rác ; có nhân dân chất phác, cần cù lao động và tin Đảng, tin chủ nghĩa xã hội ; có đội ngũ cán bộ trong sáng, tận tâm với quê hương.

Ông Nguyễn Din, dạy học 13 năm, rồi làm tuyên huấn, Chủ tịch và Bí thư Huyện ủy Kỳ Anh, hiện đã nghỉ hưu. Cả cuộc đời ông không chỉ nhìn thấy mà sống đầm mình trong nghèo đói quê hương. Làm nghề gì, trong đầu ông cũng chỉ một câu hỏi : Làm thế nào để Kỳ Anh thoát nghèo ? Day dứt dẫu cháy lòng, giải pháp không dễ hiện ra. Làm Chủ tịch, Bí thư, việc chính vẫn là chạy gạo thường niên cho 10/14 vạn người thiếu ăn, nhất là thời kỳ 1986 - 1992. Năm 1987, cơn bão số 7 như một "nhát chổi khổng lồ" quét trụi hầu hết cái ăn, cái ở của Kỳ Anh. Nhà nước cứu trợ một nghìn tấn bột mì, tổ chức phát triển Anh Oxfam (nguyên là tổ chức ra đời từ một nhóm dân thành phố Ôx-phớt nước Anh chuyên quyên góp giúp đỡ trẻ em bị đói ở Hy Lạp dưới ách chiếm đóng của phát xít năm 1942) viện trợ 50 tấn gạo. Năm đó Kỳ Anh được hai việc : một là, về nhận thức, thấy không thể đi xin mãi, phải làm lấy mà ăn. Việc của cán bộ cũng không phải xin rồi chia. Hai là, Oxfam thấy được thực trạng đói nghèo, thấy được sự tận tụy của cán bộ với dân, hứa sẽ hợp tác lâu dài. Trên thực tế, tuy vốn không lớn, nhưng Oxfam đã hợp tác có hiệu quả với phương châm "giúp đỡ để tự giúp đỡ" đối với Kỳ Anh. Sau khi nghỉ hưu, ông Din đến tâm sự với cán bộ Kỳ Thọ : "Mình giờ không quyền, không tiền, không còn nhiều sức khỏe, các ông có cùng với mình xóa đói giảm nghèo ở Kỳ Thọ không ?" Họ đồng ý vì tin ở tấm lòng ông. Ông lập dự án, trình bày lên trên và được Oxfam giúp 7,8 triệu đồng. Bà He-dơ, đại diện Oxfam lúc đó hỏi : "Tiền chừng này có ít quá không ?". Ông Din nói : "Việc là việc của chúng tôi. Có chừng này hay không có thì chúng tôi cũng phải làm". Câu nói ấy, quyết tâm ấy đã thuyết phục được bà He-dơ và Oxfam có sự cộng tác tích cực hơn. Ở Kỳ Anh, có nhiều tác nhân phát triển làm việc tình nguyện mà ông Din là một trong những người tiêu biểu. Ông Din còn tiêu biểu cho phẩm chất, ý chí của người đảng viên : còn sống, còn trách nhiệm với dân.

Cách làm ở Kỳ Thọ đơn giản, dễ theo, có tính thực tế. Trước hết là ban quản lý dự án, mà trực tiếp là Huyện ủy, UBND huyện về các tổ thôn xóm điều tra, tập huấn. Bước đầu chỉ để trả lời một số câu hỏi : *Ta là ai ? Ta đang đi đâu ? Ta cần đến đâu ? Phải đi như thế nào ?* Sau đó được đi tham quan các nơi khác để lựa chọn mô hình, nhất định người nông dân sẽ tự dấy phong trào. Thuận lợi của Kỳ Thọ là có đê ngăn mặn kinh phí Oxfam tài trợ và nhất là công trình thủy nông sông Rác. Từ dự án nhỏ đến chương trình toàn diện trong thời hạn 1998 - 2003, việc xóa đói giảm nghèo ở Kỳ Thọ đã đạt những kết quả tốt đẹp. Dân

(1) Dưới 13 kg gạo/người/tháng là đói, dưới 15 kg là thuộc diện nghèo

Digitized by Google

"khôn" lên và háo hức làm ăn, biết tin ở mình. Sản lượng lương thực năm 1999 tăng 1,5 lần so với 1997. Năm 2000 thoát khỏi xã nghèo, thu nhập đạt 2 300 000 đồng/người/năm. Hộ nghèo giảm còn 9,5%. Năm 2001, ước thu nhập bình quân đạt 3 triệu đồng. Hạ tầng cơ sở phát triển, cơ cấu kinh tế đa dạng. Tinh thần dân chủ, đoàn kết thống nhất ý chí giữa dân và Đảng lên cao. Không có đơn thư khiếu kiện.

Chị Lâng, nguyên là thanh niên xung phong đã từng quảy hai đứa con trai sinh đôi đi mót khoai cách nhà 18 km ở quê ngoại Kỳ Lâm, nay đã có hơn 11 tấn lúa, 5 con trâu, 4 con lợn và 400 con vịt. Gia đình chị chưa phải là nhà giàu, chỉ là gia đình đảng viên có kinh tế khá. Ở Kỳ Thọ hiện nay không có gia đình đảng viên nào thuộc hộ nghèo. Phấn đấu thoát khỏi đói nghèo ở đây đã trở thành một tiêu chuẩn đảng viên. Đó là một cuộc đổi đời, do biết nhạy bén thay đổi phương cách làm ăn.

3 - Đạo lý xóa nghèo.

Nghi Xuân, huyện phía bắc Hà Tĩnh, nằm dưới chân Ngàn Hống là một doi cát hẹp, kẹp giữa núi và biển, cậy vào nước trời để cấy hái. Năm 1996, hộ đói nghèo còn là 35,7%. Đã thế, gần một nghìn gia đình chính sách, 319 hộ phụ nữ đơn thân, tàn tật càng làm bức tranh Nghi Xuân kém vẻ "nghi xuân".

Chị Trần Thị Thái sinh năm 1954, ở xã Xuân Hồng, là một cán bộ thanh niên năng nổ. Chồng chị là một thương binh nặng, Chị Thái là lao động chính nuôi 8 miệng ăn. Năm 1997, người chồng từng chia sẻ ngọt bùi cũng mất sau một cơn đau đột ngột, để lại 3 con đang tuổi đến trường. Vốn nghị lực, chị không gục ngã nhưng đành nuốt nước mắt vào trong để các con gác chuyện sách đèn. Giữa lúc đó thì Hội phụ nữ đến động viên và cho vay 500 nghìn đồng, hướng dẫn chị làm bún, nuôi lợn. Chị vượt qua đận 1998 và còn thu từ chăn nuôi được 3 triệu 170 nghìn đồng, lãi 2 triệu 634 nghìn đồng. Năm 1999, Hội lại cho vay tiếp 1 triệu đồng. Nhờ thế, chị đã mua được trâu cày, thu về từ lúa, lạc hơn 6 triệu, chăn nuôi 3 triệu đồng. Các con được theo học tiếp. Chị quyết đem đời mình để vun bón tương lai cho con cái.

Chị Phan Thị Lan, 45 tuổi, hội viên phụ nữ phân chi Hải Long, Xuân Hải, nguyên là cô giáo hiệu trưởng trường mầm non xã Xuân Thành. Năm 1976, chị ra trường với hoài bão lớn, đem sức mình cống hiến cho quê hương. Từ chỗ không có lớp học, chị đã đề nghị chính quyền giúp đỡ và vận động nhân dân đóng góp xây dựng thành một trường có 12 lớp. Rồi chị lại yêu thương và lấy một người chồng tàn tật. Lòng trắc ẩn nhiều khi cũng làm nên tình yêu đẹp và sự hy sinh cao cả. Họ lấy nhau năm 1989 và năm 1990 sinh đứa con đầu. Vì không có thời gian để làm tốt việc ở trường, vì "lương" dân lập mỗi mùa 6 yến thóc không đủ sống, chị Lan phải bỏ nghề dạy học. Năm 1993, họ sinh thêm một cháu gái. Chồng bại liệt hẳn. Không vốn, không ruộng, tài sản chỉ là túp lều trống hoác, một chồng tật nguyền và hai con nhỏ dại. Biển rộng, trời xanh, con chim mẹ rã cánh chiều chiều mà khó có cái gì cho bầy chim con há mỏ.

Phân chi hội phụ nữ đã đến như những người ruột thịt, góp phần đỡ đần chăm sóc các cháu, cho vay vốn 300 nghìn đồng, hướng dẫn chị làm nghề tráng bánh đa và tiết kiệm. Thoạt đầu, mỗi ngày chị làm 10 kg gạo, tráng được 150 chiếc bánh đa, nhập mỗi bánh 500 đồng, lãi một ngày 12 000 đồng. Cứ thế, có vốn của hội cho vay tiếp, chị phát triển lên, cộng với chăn nuôi, nay đã thoát đói, còn xây được nhà ngói nhỏ, làm các công trình phụ, nhà tắm, giếng nước và đã trả hết vốn vay. Nghèo đói đến thế mà vay đồng nào lo trả đồng ấy. "Đói cho sạch" - so với những kẻ ăn chơi phè phỡn mà là con nợ của hàng nghìn tỉ "nợ khó đòi" của ngân hàng, quả là hai lối sống, đạo lý và phi đạo lý. Nếu vươn lên làm kinh tế của chị

Digitized by Google

làm cho mọi người cảm phục thì sự chăm sóc của chị đối với chồng thật sự là một tấm gương. Chị dậy từ 4 giờ sáng, ngày nào cũng như ngày nào, cho lợn ăn, dọn dẹp nhà cửa, chuẩn bị cơm ăn cho chồng con rồi xay bột, làm bánh, nhập bánh cho các quán, thu tiền bán bánh hôm trước... 11 giờ đêm mới xong việc. Để chồng có thể phụ giúp, ngày bốn lần chị bế chồng từ giường ra chỗ làm bánh, rồi bế ra giếng tắm, vào nhà cho ăn mà không một "tiếng bấc, tiếng chì"...

Đó chỉ là hai trong hàng trăm câu chuyện về những phụ nữ vượt nghèo ở Nghi Xuân. Tôi hỏi chị Lan : Bây giờ chị có chút vốn, lại mang nặng ơn nghĩa của đời, chị có giúp được người nghèo khác không ? Chị trả lời : "Tôi tiết kiệm mỗi tháng 15 nghìn đồng cho mình, 2 nghìn cho quỹ Hội để làm nguồn vốn chi dùng chung và giúp đỡ người khác". Góp suối thành sông, góp của nhỏ thành công lớn là cách làm của Hội Liên hiệp phụ nữ Nghi Xuân. Với nguồn vốn tự tiết kiệm, tín chấp vay ngân hàng và một số ít vốn khác, phụ nữ Nghi Xuân đã cho vay gần 2 tỉ đồng cho 2 243 hộ phụ nữ nghèo ; 100% phát huy vốn có hiệu quả, trả nợ đúng hạn, 45% vươn lên khá vững chắc, có hộ vươn lên giàu và có tài sản khoảng 120 triệu đồng.

Một vài kinh nghiệm.

Một là, chúng tôi thấy muốn xóa đói giảm nghèo được một cách thật sự và bền vững thì trước hết phải là nhu cầu cháy bỏng của người nghèo, của vùng nghèo. Sau đó mới đến các tác nhân phát triển. Tất cả đều phải có quyết tâm lớn, phải có điều tra kỹ càng, vạch ra biện pháp và bước đi cụ thể, nhất là không bỏ dở nửa chừng ; không chỉ vượt qua ngưỡng 13, hay 15, hay 20 kg gạo là thôi, mà còn đẩy lên khá, khá đẩy lên giàu ; không chỉ đánh giá mức thu nhập mà còn đánh giá ở tài sản, ở công cụ sản xuất. Xóa đói giảm nghèo không phải chỉ đối với người nghèo mà phải thành chương trình phát triển của cộng đồng.

Hai là, điều quyết định nhất của xóa đói giảm nghèo là sự "khôn" ra của người nghèo. Muốn người nghèo khôn phải tạo được nhiều nhà giàu, hay nói đúng hơn là cách làm ăn chân chính trong điều kiện tương tự để trở nên giàu, tạo ra sự lôi cuốn, vẫy gọi. Mặt khác, phải có những "cú hích" và sự trợ giúp thiết thực : nguồn vốn, hướng dẫn và chịu trách nhiệm về sự hướng dẫn của mình, đi cùng "chương trình" của người nghèo ba đến năm năm hoặc lâu hơn nữa. Xóa đói nghèo và phát triển, chung qui lại cũng chỉ có hai điều kiện : nguồn vốn, nguồn nhân lực, trong nhân lực thì nguồn tri thức chiếm một vị trí hết sức quan trọng, có khi là quyết định. Chị Lan (Nghi Xuân) chỉ có một nguồn vốn rất nhỏ là 300 nghìn đồng mà xóa được nghèo. Có lẽ đây là món vay xóa đói giảm nghèo có hiệu quả nhất mà chúng tôi được biết. Mong rằng những người nắm quyền, nắm tiền cũng phải suy nghĩ.

Ba là, ở Kỳ Thọ mục tiêu nào đặt ra, thực hiện được mục tiêu ấy. Từ kết quả năm 2000 mà nhìn đến và tin được ở mục tiêu năm 2003 ; còn 4% hộ nghèo, thu nhập đạt 3 800 000 đồng/người. Đó là nhờ sự tập trung chỉ đạo của tỉnh, ở việc đặt ra một cách cụ thể công tác của chính quyền địa phương, có kiểm tra, điều chỉnh từng bước và có đội ngũ "tác chiến" phát triển tâm huyết, có năng lực.

Bốn là, xóa đói giảm nghèo phải đặt trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước. Nhưng không phải cứ vùng đó phát triển là xóa được hết đói nghèo và ngược lại, không phải ở vùng nghèo thì không có những điểm có thể xóa nghèo và vươn lên giàu.

Năm là, cái được của xóa đói giảm nghèo còn là về đạo lý, về truyền thống. Chúng tôi nghĩ con em Kỳ Thọ, Kỳ Nam và nhiều nơi khác sẽ mang nặng ơn nghĩa con người, ơn nghĩa của quê hương và của chế độ. ❑

Digitized by Google

KHỦNG BỐ VÀ CHỐNG KHỦNG BỐ

TỰ NHIÊN

KHỦNG bố và chống khủng bố là chủ đề đang gây ra những cuộc tranh luận cả trong nước ta và trên toàn thế giới. Vậy xin bàn luận đôi điều về vấn đề này.

Khủng bố là gì ?

- Là những hành động lén lút đen tối nhằm gây sự kinh hoàng cho kẻ đối địch với mình, kẻ mình không ưa, bất chấp hậu quả ra sao.

Tính chất của khủng bố là bất nhân, xấu xa, bẩn thỉu.

Bằng cách nào gây nên sự kinh hoàng ?

- Bằng nhiều cách có thể gây nên sự kinh hoàng. Thông thường người ta nghĩ đến cách dùng bạo lực để giết người. Thực ra với mục đích gây kinh hoàng cho đối phương, kẻ gây khủng bố có nhiều cách và bằng những phương tiện khác nhau, bằng những con đường chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Bao vây, cấm vận về kinh tế, phá hoại về chính trị bằng những âm mưu lật đổ dưới những danh hiệu mỹ miều "dân chủ", "nhân quyền", đặt điều vu khống, xuyên tạc gây chia rẽ nội bộ đối phương, nuôi dưỡng, gây lực lượng thù địch từ bên trong những nước khác, v.v.. đều có thể gọi là những hành động khủng bố.

Ai là chủ mưu gây khủng bố ?

- Những kẻ lăm lăm tiêu diệt người khác. Nguyên nhân gây khủng bố là sự hận thù. Có người nghĩ rằng khủng bố chỉ là phương tiện của những kẻ yếu. Không phải hoặc không hẳn như thế. Kẻ mạnh mưu đồ bá quyền thường đe dọa bằng khủng bố kẻ không theo lệnh chỉ huy của mình. Khác với kẻ yếu, ngoài những hoạt động gián điệp, nội gián, kẻ mạnh công khai, vỗ ngực trừng trị người này người khác, tổ chức này, tổ chức khác, quốc gia này, quốc gia khác, chỉ vì họ không theo "luật lệ" của mình. Kẻ mạnh có thể vừa tự đi khủng bố, vừa tạo dựng, nuôi dưỡng, tiếp tay cho bọn khủng bố và biến nó thành công cụ để hại người khác. Còn kẻ yếu hơn, không thể đánh đối thủ một cách trực diện thì cũng dùng những hành vi khủng bố.

Có tiêu diệt được nạn khủng bố ?

- Còn có hận thù (cá nhân, dân tộc, giai cấp), còn có tệ phân biệt chủng tộc và tôn giáo thì còn có thể xảy ra khủng bố.

Giải quyết khủng bố bằng cách khơi dậy nguyên nhân gây ra khủng bố chẳng khác nào đổ dầu vào lửa. Gây chiến tranh là hành động khủng bố lớn nhất, gây tai họa lớn nhất cho nhân loại.

Con đường giải quyết khủng bố không phải là con đường bạo lực, mà là con đường hòa bình, hữu nghị, tôn trọng luật pháp quốc tế, tôn trọng lợi ích quốc gia của nhau, đề cao nhân ái, nhân văn.

Đối với những kẻ cực đoan coi khủng bố là lẽ sống của chúng, đối sách của những lực lượng chống khủng bố phải thế nào ?

- Phải tiêu diệt, nhưng bằng cách nào, phải có sự thỏa thuận của cộng đồng. Đối với khủng bố quốc tế, phải có sự thỏa thuận của cộng đồng quốc tế dựa trên những luật pháp quốc tế.

Số kẻ cực đoan sẽ không nhiều, càng ngày càng bị cô lập nếu các quốc gia trên thế giới, nhất là các quốc gia lớn mạnh gọi là "cường quốc" thi hành đúng đắn những cam kết quốc tế, theo đường lối hòa bình, hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau.

Thế giới đã có kinh nghiệm lớn chống khủng bố, đó là cộng đồng thế giới chung sức tiêu diệt chủ nghĩa phát xít. Việt Nam cũng đã có kinh nghiệm đoàn kết toàn dân, đoàn kết được nhân dân thế giới yêu chuộng công lý đánh bại những lực lượng đế quốc hùng hậu nhất thế giới đã sử dụng chủ nghĩa khủng bố tàn bạo chống lại nhân dân ta.

*

* *

Khủng bố khác hẳn với những hành động tự vệ của cá nhân, tập thể hay của một quốc gia, dân tộc nhằm bảo vệ quyền sống của mình.

Chủ nghĩa khủng bố giấu mặt hay công khai đều là hành động xấu xa, vô nhân đạo, hèn hạ. Bất cứ trong trường hợp nào cũng không thể chấp nhận, bao che cho chủ nghĩa khủng bố.❑

Digitized by Google

ĐẢNG NHÂN DÂN CÁCH MẠNG LÀO TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC LÝ LUẬN TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

PHĂN-ĐUÔNG-CHÍT VÔNG-SA *

CÔNG cuộc đổi mới ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào từ Đại hội IV, 1986 của Đảng đến nay đã đạt được những thành công bước đầu rất cơ bản, tuy nhiên cũng còn tồn tại những yếu kém. Mọi thành công và yếu kém đó xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân về công tác lý luận nói chung và công tác giáo dục lý luận nói riêng.

Vậy, giáo dục lý luận có tác động tích cực đến công cuộc đổi mới như thế nào :

Một là : Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã cố gắng thúc đẩy công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận Mác - Lê-nin, đường lối chính sách của Đảng tới cán bộ, đảng viên và phần lớn các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức thích hợp với trình độ dân trí của từng đối tượng. Nhờ vậy, đã khơi dậy sự sáng tạo của mọi ngành, mọi địa phương, mọi đơn vị kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và định hướng xã hội chủ nghĩa, từ đó góp phần tạo nên những thành tựu quan trọng về kinh tế, văn hóa, xã hội an ninh quốc phòng và mở rộng quan hệ với nước ngoài.

Hai là : Công tác giáo dục lý luận đã góp phần xây dựng tư duy mới cho cán bộ, đảng viên và nhân dân theo hướng đổi mới, làm cho bầu không khí toàn xã hội sôi động, mọi người hăng hái tìm cách khắc phục khó khăn, vươn lên làm giàu, góp phần thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ chính trị của Đảng đề ra.

Ba là : Hệ thống cơ sở giáo dục lý luận được củng cố và phát triển cả về tổ chức, cơ sở vật chất và chất lượng hoạt động. Học viện Chính trị quốc gia được củng cố và các lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ về lý luận Mác - Lê-nin, đường lối chính sách của Đảng, chủ trương của Nhà nước đã được tổ chức và duy trì. Trường chính trị - hành chính ở một số tỉnh có điều kiện đã hoạt động trở lại nhằm bồi dưỡng kiến thức lý luận Mác - Lê-nin, đường lối cho cán bộ ở các địa phương của mình.

Bốn là : Nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục lý luận tư tưởng cũng có đổi mới bước đầu ; có sự kết hợp tốt hơn giữa các lực lượng, binh chủng, các phương tiện thông tin, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, câu lạc bộ, các cơ sở giáo dục quốc gia.

Tuy nhiên vẫn còn một số khuyết điểm đang tồn tại trong công tác giáo dục lý luận - tư tưởng, thể hiện như sau :

- Một số cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa nhận thức sâu sắc việc học tập lý luận là nhu cầu bức xúc và cần thiết cho chính mình. Một số cấp ủy các ngành, địa phương còn coi nhẹ công tác giáo dục lý luận Mác - Lê-nin, đường lối chính sách. Học tập lý luận và chủ trương chính sách còn thiếu nghiêm túc, thiếu hệ thống. Thậm chí có một số người quan niệm rằng, không cần học lý luận cũng có thể giải quyết tốt những nhiệm vụ cách mạng đề ra. Mặt khác, còn những quan niệm là đất nước có nhiều khó khăn, phải giải quyết ngay những vấn đề cấp bách nhất của đời sống, chưa cần đến việc học tập lý luận.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Thông tin - Văn hóa CHDCND Lào

Digitized by Google

- Nội dung giáo dục lý luận chưa gắn liền với thực tiễn, chưa sâu sắc và trở thành hệ thống, nói chung, lý luận chưa có tác dụng hướng dẫn thực tiễn. Trong khi đó có khá nhiều mô hình thực tiễn tốt mà chưa được tổng kết, rút ra bài học kinh nghiệm để tiếp tục phát huy và triển khai.

- Công tác giáo dục lý luận chưa được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc, tích cực và đồng đều. Cán bộ cấp trên được học tập lý luận khá nhiều, nhưng cấp dưới và nhân dân ít học và học sơ sài. Do vậy, trình độ nhận thức lý luận, đường lối chưa kịp theo yêu cầu của công cuộc đổi mới.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật - công nghệ, phương tiện, ngân sách tài chính cho công tác giáo dục lý luận chưa được ưu tiên, nhiều năm qua rất thiếu thốn, cho nên công tác giáo dục lý luận bất cập, khó khăn, không đáp ứng được đòi hỏi của Đảng và Nhà nước.

- Đội ngũ cán bộ, giảng viên lý luận thiếu về số lượng, yếu về chất lượng, chế độ chính sách không đủ thu hút cán bộ về công tác lĩnh vực lý luận tư tưởng.

Xuất phát từ sự đánh giá ưu, khuyết điểm trong công tác giáo dục lý luận cộng với hoàn cảnh thế giới và khu vực hiện nay, Nghị quyết Đại hội VII của Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã khẳng định "... Phải tăng cường giáo dục lý luận - tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân để cho cán bộ, đảng viên và nhân dân có trình độ kiến thức, có lý tưởng xã hội chủ nghĩa và nâng cao giác ngộ chính trị...". Do vậy, công tác giáo dục lý luận phải đạt được những mục tiêu sau đây :

Một là : Nâng cao trình độ hiểu biết lý luận, tạo lập sự thống nhất quan điểm trong cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp, các ngành. Bởi vì, lý luận Mác - Lê-nin là cơ sở khoa học để hoạch định đường lối chính sách của Đảng.

Hai là : Phấn đấu giáo dục thật sự sâu sắc đường lối, chính sách của Đảng, đặc biệt là đường lối đổi mới có định hướng, có nguyên tắc cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, trên cơ sở đó củng cố lòng tin của nhân dân với sự lãnh đạo của Đảng, làm cho nhân dân hưởng ứng và thi hành tốt đường lối chính sách của Đảng ; nâng cao tinh thần độc lập tự chủ, tinh thần đoàn kết yêu nước trong đại gia đình dân tộc, cùng nhau vươn lên làm giàu cho mình và đất nước.

Ba là : Giáo dục lý luận phải đạt đến sự chuyển biến trong hoạt động thực tiễn của đội ngũ cán bộ và nhân dân - đây là mục tiêu rất quan trọng. Học lý luận để nhận thức, hiểu biết là một mặt, nhưng lý luận Mác - Lê-nin là lý luận khoa học và cách mạng, cho nên học để nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn, để tăng thêm quyết tâm, ý chí và sáng tạo trong hoạt động của mình. Sửa đổi khuyết điểm và quan điểm lệch lạc của cán bộ ở mỗi cương vị.

Bốn là : Giáo dục lý luận phải nhằm mục tiêu củng cố đạo đức, phẩm chất chính trị của cán bộ, đảng viên trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng quan hệ quốc tế để cán bộ, đảng viên có đủ bản lĩnh chống lại luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch và phần tử xấu.

Trong khi tiến hành công tác giáo dục lý luận chính trị cần tuân theo phương châm do Đảng đề ra :

- Công tác giáo dục lý luận chính trị phải gắn với nhiệm vụ chính trị của từng giai đoạn.

- Gắn liền với thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo lý luận, làm luận cứ để khẳng định lý luận, đồng thời lý luận trở lại hướng dẫn chỉ đạo thực tiễn.

- Công tác giáo dục lý luận phải có tính thường xuyên, toàn diện, cả về chiều rộng và chiều sâu, làm đi làm lại nhiều lần với nội dung và hình thức thích hợp.

- Phải có tinh thần tiến công, chủ động, có dự đoán và đề ra các biện pháp giáo dục kịp thời.

- Công tác giáo dục lý luận phải được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cấp ủy, bảo đảm nội dung và phương thức hoạt động có kết quả.

- Công tác giáo dục lý luận phải gắn liền với công tác tổ chức, cán bộ và chính sách về vật chất và tinh thần.

- Công tác giáo dục lý luận, nhất là giáo dục tư tưởng chính trị phải trở thành sự nghiệp của quần chúng nhân dân, của các cấp ủy và chính quyền các cấp, trở thành một bộ phận của công tác lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

Digitized by Google

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục lý luận, đáp ứng tinh thần của Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, cần sử dụng đồng bộ hệ thống các biện pháp chủ yếu sau đây :

- Gấp rút soạn thảo, hoàn thiện chương trình, giáo trình học tập lý luận thích hợp cho các hệ thống đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp, các ngành.

- Đa dạng hóa các hình thức giáo dục lý luận - chính trị, tư tưởng. Trong đó tập trung vào các hình thức : *Một là*, hình thức giáo dục theo hệ chính qui, đào tạo một cách cơ bản và hệ thống, có trình độ học vị nhất định. *Hai là*, tiến hành những khóa bồi dưỡng ngắn hạn để nâng cao nhận thức đối với vấn đề cơ bản của lý luận Mác - Lê-nin, những chuyên đề mới nhất. *Ba là*, tổ chức tiến hành tập huấn các Nghị quyết, đường lối chính sách của Đảng. *Bốn là*, tiến hành phương thức tuyên truyền phổ biến lý luận và đường lối một cách thường xuyên, thông qua nhiều kênh, nhiều phương tiện, trong đó thông tin đại chúng đóng vai trò rất quan trọng.

- Đổi mới cách thức giáo dục lý luận, không chỉ học tập ở trong phòng, trong hội trường mà phải tìm cách giáo dục lý luận thích hợp, trong đó cần chú trọng phương pháp giáo dục lý luận thông qua sinh hoạt trong tổ chức Đảng, Nhà nước và đoàn thể quần chúng ; tổ chức cho cán bộ đi thực tập ở cơ sở, vừa làm vừa học và rút kinh nghiệm từ thực tiễn sinh động của phong trào nhân dân ; tiến hành các cuộc thảo luận, hội thảo khoa học theo chuyên đề chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng an ninh ; tham dự các hội thảo khoa học quốc tế để khảo sát và trao đổi kiến thức khoa học ; tổ chức cho cán bộ đi tham quan cơ sở kinh tế, mô hình kinh tế trang trại, mô hình làng bản văn hóa v.v...

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên lý luận đủ về số lượng và có chất lượng cao. Những cán bộ này phải đạt đến yêu cầu : có lập trường bản lĩnh chính trị vững vàng ; có trình độ lý luận cao đáp ứng nhiệm vụ, thường xuyên được cập nhật quan điểm mới ; hiểu biết thực tiễn ; có phương pháp sư phạm tốt. Cải cách các khâu giáo dục : giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu cá nhân, thảo luận, kiểm tra v.v... ; giảng viên lý luận phải là người gương mẫu về đạo đức, phẩm chất và có lối sống lành mạnh.

Có cơ chế, chính sách ưu đãi về vật chất và tinh thần đối với cán bộ làm công tác lý luận, nhất là đội ngũ giảng viên, báo cáo viên về lý luận, các nhà nghiên cứu, nhà khoa học xã hội - nhân văn, các nhà báo để họ tích cực tham gia công tác.

- Tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện cho công tác giáo dục tuyên truyền lý luận. Trước hết xây dựng củng cố cơ sở hệ thống trường lý luận từ trung ương đến địa phương ; cấp tỉnh phải có trường chính trị tương đối khang trang đầy đủ. Trang bị các phương tiện in sách báo, tài liệu, các dụng cụ thông tin hiện đại ; cung cấp ngân sách đủ để hoạt động công tác giáo dục lý luận ; tăng cường các tài liệu, tư liệu, tủ sách, thư viện phục vụ công tác giáo dục, tuyên truyền lý luận.

- Mở rộng quan hệ với nước ngoài để tiếp cận lý luận khoa học mới, chủ yếu là các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Việt Nam, bởi vì Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đầu tiên truyền bá lý luận Mác - Lê-nin vào Lào và Đảng Cộng sản Việt Nam luôn giúp Lào toàn diện, trong đó tích cực giúp đào tạo cán bộ lý luận. Do hoàn cảnh kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội và lịch sử của Lào và Việt Nam có nhiều nét giống nhau, cho nên tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm về giáo dục lý luận với Việt Nam có nhiều thuận lợi và phù hợp nhất.

Như vậy, công tác giáo dục lý luận ở Lào trong thời gian qua có nhiều thành tựu song cũng tồn tại nhiều điểm yếu kém. Trong thời kỳ mới, để đáp ứng được nhu cầu và nhiệm vụ ngày càng nặng nề hơn, Đảng đã đề ra yêu cầu cho công tác giáo dục lý luận là phải kiên định giáo dục lý luận Mác - Lê-nin, đường lối chính sách của Đảng với các biện pháp phương thức thích hợp hơn và có sự đột phá trong chính sách, cơ chế đối với công tác giáo dục lý luận. ❑

Digitized by Google

QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC : MƯỜI NĂM KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN (1991 - 2001)

NGUYỄN HUY QUÝ *

NGÀY 10-11-1991, tại Bắc Kinh, "Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc" đã khẳng định việc bình thường hóa quan hệ giữa hai nước.

Từ đó đến nay trọn 10 năm đã trôi qua. Chúng ta vui mừng thấy rằng quan hệ Việt - Trung đã được khôi phục và phát triển tương đối nhanh trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa v.v... và đang hướng tới một tương lai nhiều hứa hẹn. Tuy nhiên, trên con đường phát triển, quan hệ hữu nghị Việt - Trung còn phải vượt qua nhiều thử thách, đòi hỏi lãnh đạo và nhân dân hai nước phải tiếp tục nỗ lực, tìm ra những giải pháp nhằm "không ngừng thúc đẩy quan hệ hai nước bước sang một giai đoạn phát triển mới trong thế kỷ XXI" (1).

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm ngày tuyên bố bình thường hóa quan hệ Việt - Trung, chúng ta điểm lại một số nét chủ yếu về thành tựu đã đạt được trong 10 năm qua và hướng tầm nhìn vào thế kỷ mới.

I. NHÌN LẠI 10 NĂM KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN QUAN HỆ VIỆT - TRUNG.

1. Về chính trị :

Trong Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc, tháng 11-1991 có viết : "Hai bên tuyên bố hai nước Việt Nam và Trung Quốc sẽ phát triển quan hệ hữu nghị và láng giềng thân thiện trên cơ sở năm nguyên tắc : Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau ; không xâm phạm lẫn nhau ; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau ; bình đẳng cùng có lợi ; và cùng tồn tại hòa bình. Hai Đảng Cộng sản Việt Nam và Trung Quốc sẽ khôi phục quan hệ bình thường trên các nguyên tắc độc lập tự chủ, hoàn toàn bình đẳng, không can thiệp vào nội bộ của nhau..."

"Hai bên đồng ý thông qua thương lượng giải quyết hòa bình các vấn đề lãnh thổ, biên giới... tồn tại giữa hai nước...". (2)

Mười năm qua hai bên đã thực hiện cam kết nói trên, nhanh chóng khôi phục và phát triển quan hệ chính trị giữa hai đảng, hai chính phủ và nhân dân hai nước. Các cuộc viếng thăm, gặp gỡ cấp cao diễn ra hằng năm. Sau chuyến thăm chính thức Trung Quốc của Tổng Bí thư BCH TU Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười và Chủ tịch HĐBT nước CHXHCN Việt Nam tháng 11-1991 là chuyến thăm chính thức nước CHXHCN Việt Nam của Thủ tướng Quốc Vụ viện Trung Quốc Lý Bằng tháng 12-1992. Tháng 11-1994 Tổng Bí thư BCH TU Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước CHND Trung Hoa Giang Trạch Dân đã sang thăm hữu nghị chính thức Việt Nam. Tháng 12-1995 Tổng Bí thư BCH TU Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười thăm hữu nghị chính thức Trung Quốc. Trong chuyến thăm hữu nghị chính thức nước CHND Trung Hoa của Tổng Bí thư BCH TU Đảng Cộng sản Việt Nam Lê Khả Phiêu tháng 2-1999, hai bên đã ra "Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc năm 1999" xác định rõ phương châm xây dựng quan hệ Việt - Trung "láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai" (3). Ngày 30-12-1999, tại Hà Nội, Bộ trưởng

---

* PGS, TBT Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc. Ủy viên thường vụ Hội Hữu nghị Việt - Trung

(1) Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện trong thế kỷ mới giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Trung Hoa. Báo *Nhân Dân* ngày 26-12-2000

(2) Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc, tháng 11-1991

(3) "Tuyên bố chung Việt Nam - Trung Quốc 1999", Báo *Nhân Dân* 28-2-1999

Digitized by Google

Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm và Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Đường Gia Triền thay mặt Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHND Trung Hoa ký "Hiệp ước biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc". Tháng 12-2000 trong chuyến thăm hữu nghị chính thức nước CHND Trung Hoa của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Trần Đức Lương, hai bên đã ra "Tuyên bố chung về hợp tác toàn diện trong thế kỷ mới giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Trung Hoa", ký "Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ ; Hiệp định hợp tác nghề cá". Bản Tuyên bố chung lần này đã cụ thể hóa "Phương châm 16 chữ" nhằm đưa quan hệ Việt - Trung phát triển sang thế kỷ XXI.

Đồng thời với quá trình khôi phục và phát triển quan hệ hai đảng, hai nhà nước, quan hệ giữa các tổ chức đoàn thể quần chúng, giữa các ngành chuyên môn của hai nước cũng đã được khôi phục và phát triển.

2. Về kinh tế - thương mại :

Trong 10 năm qua, quan hệ kinh tế - thương mại giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc đã được khôi phục và phát triển với nhịp độ tương đối nhanh, các phương thức giao lưu hợp tác được đổi mới phù hợp với tình hình kinh tế của mỗi nước và thông lệ quốc tế.

Kim ngạch xuất nhập khẩu Việt - Trung từ năm 1991 đến năm 2000 như sau :

Đơn vị : triệu USD.

Năm	Tổng kim ngạch	Trung Quốc xuất sang Việt Nam	Việt Nam xuất sang Trung Quốc
1991	30	20	10
1992	180	110	70
1993	400	280	120
1994	530	340	190
1995	1050	720	330
1996	1150	840	310
1997	1440	1080	360
1998	1245	1028	217
1999	1318	980	338
2000	2466	1537	929
(Nguồn : Tập hợp từ thống kê của Hải quan Trung Quốc)			

Có thể nói rằng quan hệ thương mại Việt - Trung trong 10 năm qua phát triển tương đối nhanh, chỉ có năm 1998 sút giảm do ảnh hưởng khủng hoảng tài chính khu vực, năm 2000 lại tăng đột biến.

Về đầu tư thì ở mức độ thấp hơn. Đầu tư của Việt Nam sang Trung Quốc chưa đáng kể. Còn đầu tư trực tiếp của Trung Quốc tại Việt Nam cũng còn ít so với nhiều nước chủ đầu tư khác. Năm 1999, Trung Quốc mới chỉ có 88 dự án đầu tư trực tiếp tại Việt Nam được cấp giấy phép với tổng số vốn đăng ký 132,6 triệu USD, vốn pháp định 76,8 triệu USD [4]. Về hợp tác kinh tế, trong 10 năm qua Trung Quốc đã viện trợ không hoàn lại và cho vay không lãi suất hàng trăm triệu NDT để cải tạo, nâng cấp, và xây dựng mới nhiều hạng mục công trình như nhà máy Phân đạm Bắc Giang, nhà máy Gang thép Thái Nguyên v.v...

Du lịch là một lĩnh vực hoạt động vừa có tính chất văn hóa vừa có ý nghĩa kinh tế. Từ ngày quan hệ Việt - Trung bình thường hóa tới nay, hợp tác du lịch giữa hai nước ngày càng phát triển nhanh chóng. Năm 1994 "Hiệp định hợp tác du lịch giữa CHXHCN Việt Nam và CHND Trung Hoa", đã được ký kết. Mấy năm qua hợp tác du lịch Việt Nam - Trung Quốc đã đạt kết quả đáng khích lệ, số khách Trung Quốc tới Việt Nam du lịch năm 1993 mới chỉ có hơn 17 ngàn người (chiếm khoảng 1/5 khách quốc tế vào Việt Nam du lịch), năm 1998 đã lên tới hơn 420 ngàn người (chiếm gần một nửa số khách quốc tế tới Việt Nam du lịch). Hằng năm cũng khoảng 20 ngàn người Việt Nam sang Trung Quốc du lịch.

3. Về văn hóa, giáo dục, khoa học - công nghệ :

Năm 1992, hai Bộ Văn hóa Việt Nam và Trung Quốc đã ký hợp đồng "hợp tác văn hóa". Từ đó tới nay các hoạt động giao lưu hợp tác trên các lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, thể dục - thể thao, báo chí, phát thanh - truyền hình, điện ảnh, thư viện, bảo tàng... đã không ngừng phát triển. Năm 1999 hai Bộ Văn hóa Việt Nam và Trung Quốc ký

(4) Tổng cục Thống kê : *Niên giám Thống kê năm 2000*

Digitized by Google

"Kế hoạch thực hiện hợp đồng văn hóa năm 2000 - 2001". Giao lưu hợp tác văn hóa Việt - Trung đã góp phần quan trọng vào việc tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau và tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

Về giáo dục, tính đến nay đã có trên 20 trường đại học của nước ta có quan hệ giao lưu hợp tác với trên 40 trường đại học của Trung Quốc. Mấy năm gần đây, hằng năm Chính phủ Trung Quốc cấp học bổng toàn phần cho 45 người Việt Nam đến lưu học tại các trường đại học ở Trung Quốc, Chính phủ Việt Nam cấp học bổng toàn phần cho 5 - 10 người Trung Quốc sang học tập, nghiên cứu tại Việt Nam.

Trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, giao lưu hợp tác Việt - Trung cũng đã được triển khai có hiệu quả. Hai bên đã ký nhiều hợp đồng khoa học - kỹ thuật cùng nghiên cứu và ứng dụng khoa học trong các lĩnh vực nông nghiệp, khai thác thủy sản, bảo vệ môi trường... Trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, học giả hai nước đã giao lưu hợp tác nghiên cứu nhiều đề tài. Từ năm 2000, giới lý luận cấp cao của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tiến hành các cuộc hội thảo hằng năm xoay quanh chủ đề chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, sự hợp tác nghiên cứu về lý luận Mác - Lênin và xây dựng CNXH giữa giới lý luận Trung Quốc và Việt Nam có một ý nghĩa vô cùng quan trọng không những đối với sự nghiệp cách mạng hai nước mà cả đối với phong trào cách mạng quốc tế.

Nhìn lại chặng đường 10 năm qua trong lịch sử quan hệ Việt - Trung, chúng ta vui mừng thấy rằng tình hữu nghị và giao lưu hợp tác trên mọi lĩnh vực giữa nhân dân hai nước đã được khôi phục và phát triển nhanh chóng. Năm năm đầu đã hoàn thành quá trình khôi phục (1991 - 1995), 5 năm sau là một quá trình phát triển, trong đó, những năm cuối (1999 - 2000) quan hệ Việt - Trung có bước phát triển đột biến. Tuy nhiên, để đưa quan hệ Việt - Trung tiếp tục phát triển hơn nữa, hai bên đều phải thực sự cầu thị, nhận thức rõ những thuận lợi và thử thách trong tương lai, thành tâm nỗ lực cùng nhau hợp tác giải quyết tốt những vấn đề trong quan hệ giữa hai nước.

II. HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI, ĐƯA QUAN HỆ VIỆT - TRUNG PHÁT TRIỂN LÊN MỘT TẦM CAO MỚI.

Quan hệ hữu nghị Việt - Trung được khôi phục và phát triển nhanh chóng trong 10 năm qua không phải là ngẫu nhiên, mà là xu thế tất yếu, vì mối quan hệ đó có một cơ sở vững chắc, phù hợp với tình cảm và lợi ích của nhân dân hai nước, thuận chiều với xu thế phát triển của thế giới và khu vực.

Trong tiến trình lịch sử mấy nghìn năm, nhân dân hai nước Việt - Trung đã có mối quan hệ "gần gũi". Trong quá trình cách mạng dân tộc, dân chủ và trong công cuộc xây dựng CNXH dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhân dân hai nước Việt - Trung lại có thêm tình "đồng chí". Trong công cuộc cải cách mở cửa, hiện đại hóa đất nước, góp phần vào sự nghiệp hòa bình và phát triển trong khu vực và trên thế giới, nhân dân hai nước Việt - Trung hơn bao giờ hết cần thắt chặt mối tình hữu nghị và tăng cường quan hệ giao lưu hợp tác trên mọi lĩnh vực. Chính trên cơ sở vững chắc đó mà quan hệ Việt - Trung được bình thường hóa và phát triển nhanh chóng trong 10 năm qua. Và cũng chính trên cơ sở đó mà chúng ta tin tưởng vào sự phát triển tốt đẹp của quan hệ Việt - Trung trong thời gian tới.

Tuy nhiên, để hướng tới tương lai, chúng ta cần thấy rõ một số vấn đề tồn tại hiện nay cùng nhau tìm ra biện pháp giải quyết : Những vấn đề do lịch sử để lại, thời gian qua đã giải quyết một bước, sắp tới sẽ giải quyết những bước tiếp theo. Nhân dân hai nước tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, để có nhận thức chung về những vấn đề lịch sử, từ kinh nghiệm lịch sử rút ra những bài học cho quan hệ giữa hai nước trong tương lai. Hai bên cần giải quyết tốt những vấn đề lãnh thổ, vùng biển, hải đảo do lịch sử để lại. Hiệp định biên giới trên đất liền, Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá đã được ký kết giữa hai nước, thời

(Xem tiếp trang 56)

Digitized by Google

HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI HƯỚNG DẪN VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA VÀ KỶ LUẬT CỦA ĐẢNG

Trong 2 ngày 8 và 9-10-2001, tại Hà Nội, Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã tổ chức *Hội nghị triển khai hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng*, các tỉnh phía Bắc.

Đại biểu tham dự Hội nghị gồm có các đồng chí thường trực cấp ủy, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và cán bộ văn phòng ủy ban kiểm tra các cấp trực thuộc Trung ương từ Quảng Bình trở ra ; các đồng chí lãnh đạo và đại diện một số cơ quan Trung ương Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các đoàn thể nhân dân...

Đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra và các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Phó chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương : Mai Văn Năm, Nguyễn Thị Doan chủ trì hội nghị.

Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng, đồng chí Lê Văn Dũng Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quân sự Trung ương tới dự và chỉ đạo hội nghị.

Sau khi nghe giới thiệu Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa IX, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tài chính Đảng (1996 - 2000) và hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng, các đại biểu đã thảo luận ở tổ và trên hội trường. Từ ý kiến phát biểu của các đại biểu dự hội nghị, có thể rút ra một số vấn đề quan trọng là :

1. Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa IX đã được Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 3, khóa IX thông qua là kế thừa những nội dung vẫn còn phù hợp của Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương các khóa trước, cụ thể hóa trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và các thành viên Ủy ban do Điều lệ Đảng quy định ; đề ra chế độ làm việc chặt chẽ và khoa học theo nguyên tắc tập trung dân chủ ; làm rõ các mối quan hệ công tác của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2. Từ Đại hội V đến Đại hội VIII, Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư quyết định ban hành. Quy chế khóa này do Ban Chấp hành Trung ương quyết định ban hành nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát trực tiếp của Ban Chấp hành Trung ương với các hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và đề cao trách nhiệm tham mưu của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Đây là sự chấp hành nghiêm túc theo quy định của Điều lệ Đảng, là sự thể hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Quán triệt sâu sắc những tư tưởng trên, các ý kiến phát biểu đều thống nhất khẳng định : Kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng, là nội dung quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Để thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ đã được quy định trong Điều lệ Đảng và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, cấp ủy các cấp phải trực tiếp lãnh đạo công tác kiểm tra của Đảng. Cấp ủy các cấp, ủy ban kiểm tra các cấp và đội ngũ những người làm công tác kiểm tra cần quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội IX, nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình và những quy định về kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.

4. Những người làm công tác kiểm tra có trách nhiệm lớn trước Đảng, vì vậy phải hết sức công tâm, có tinh thần trách nhiệm cao, tác phong làm việc sâu sát, thận trọng, có bản lĩnh chính trị vững vàng và nhạy bén, sáng suốt, phân biệt được phải, trái, đúng, sai. Phải luôn luôn học tập và rèn luyện, vươn lên đáp ứng nhiệm vụ chính trị. ❑

Digitized by Google

ĐIỆN LỰC HƯNG YÊN

Địa chỉ : 308 Nguyễn Văn Linh - TX Hưng Yên - tỉnh Hưng Yên
Điện thoại : 0321. 863868 - 0321. 862166 Fax : 0321. 863886
Giám đốc : Kỹ sư Ngô Công Phương

Chức năng nhiệm vụ :

Quản lý, vận hành lưới điện đến 110 kV

Sản xuất và kinh doanh điện năng.

Xây dựng và cải tạo lưới điện đến 35 kV

Sửa chữa máy biến áp các loại

Sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị và dụng cụ đo đếm điện năng.

Thiết kế các công trình điện đến 35 kV.

Khối lượng đang quản lý :

- 01 trạm biến áp 110 kV - dung lượng 50.000 kVA.
- 06 trạm biến áp trung gian 35/10-6 KV - dung lượng 15.700 kVA.
- 628 trạm biến áp phân phối 35,10,6/0,4 kV - dung lượng 160.628 kVA.
- 910km đường dây cao hạ thế (không kể lưới điện hạ thế ở nông thôn).
- 7.358 khách hàng có hợp đồng mua bán điện.
- 100% số xã, phường có điện lưới quốc gia ; 94% số hộ sử dụng điện.
- Điện nhận của tỉnh năm 1999 là : 174.889.000 kWh.
- Tỷ lệ tổn thất điện năng năm 1999 đạt : 8,8%.

Khối lượng quản lý đến năm 2005 có xét đến 2010:

- 04 trạm biến áp 110 kV - dung lượng 125.000 kVA.



- 06 trạm biến áp trung gian 35/10-6 KV - dung lượng 15.700 kVA.
- 930 trạm biến áp phân phối 35,22,10,6/0,4 KV - dung lượng 209.761 kVA.
- 2.356km đường dây cao hạ thế (không kể lưới điện hạ thế ở nông thôn).
- Điện nhận của Tỉnh : 400.800.000 kWh.

Điện lực Hưng Yên đang từng bước củng cố, cải tạo và đầu tư xây dựng lưới điện nhằm cung cấp điện liên tục, ổn định, phục vụ tốt cho các nhiệm vụ chính trị và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

BỘ CÔNG NGHIỆP

TRƯỜNG ĐÀO TẠO NGHỀ CƠ ĐIỆN

Địa chỉ : Thị trấn Sao Đỏ, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương
Điện thoại : 0320.882269 - Fax : 0320.882921



Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thăm trường

Trường đào tạo nghề cơ điện - Bộ Công nghiệp nằm trên địa bàn thị trấn Sao Đỏ, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương có truyền thống hơn 30 năm xây dựng và phát triển, là một địa chỉ đào tạo nghề đáng tin cậy của các doanh nghiệp phía Đông Bắc và các tỉnh phía Bắc.

Trong suốt quá trình xây dựng và trưởng thành trường luôn kiên trì mục tiêu đào tạo công nhân chất lượng cao. Đó là việc tạo ra những thế hệ công nhân giỏi, trí tuệ cao, đáp ứng yêu cầu lao động của cơ sở sản xuất trong ngành và các thành phần kinh tế khác.

Trong những năm qua, nhà trường đã vinh dự nhận được nhiều danh hiệu cao quý của ngành và Nhà nước trao tặng. Đặc biệt là trong năm học 1996 - 2000, nhà trường đã nhận cờ Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Trường luôn quan tâm đến chất lượng đào tạo của những thế hệ công nhân của trường : công tác tuyển sinh được chú trọng cả về số lượng cũng như chất lượng ; trình độ chuyên môn nghiệp vụ của Giáo viên thường xuyên được nâng cao đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ đào tạo ; bên cạnh đó nhà trường còn không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo thông qua phong trào thi đua trong học tập. Chương trình đào tạo của trường đã giải quyết tốt mối quan hệ giữa lý thuyết và thực hành, vừa ưu tiên thời lượng thích hợp cho việc học tập, phối hợp sản xuất, liên kết với các xí nghiệp, nhà máy để học sinh được thực hành thực tế để sau khi tốt nghiệp học sinh có thể tự tin bước vào công việc vững vàng. Bên cạnh đó công tác tìm kiếm và giới thiệu việc làm cho học sinh ở các doanh nghiệp được nhà trường xúc tiến mạnh mẽ. Năm học 2000 - 2001, ngoài việc giới thiệu việc làm cho học sinh ở các doanh nghiệp trong ngành, nhà trường còn giới thiệu việc làm cho học sinh đi làm việc ở những công ty lớn như : HUYNDAI, VINASHIN...

Quy chế dân chủ trong nhà trường cũng được phát huy mạnh mẽ, đó là cơ sở để tăng cường sự đoàn kết trong cán bộ, công nhân viên, giáo viên và học sinh trong trường.

Một trường dạy nghề kiên trì mục đích đào tạo người lao động toàn diện "Tri thức cao và những bàn tay vàng". Truyền thống vẻ vang và những kết quả đào tạo đã đạt được trong thời gian qua sẽ là chỗ dựa vững chắc để nhà trường bước tiếp những bước hòa nhập với sự phát triển của một xã hội hiện đại, góp phần mình vào sự nghiệp Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước do Đảng để xướng và lãnh đạo.

Google

XỔ SỐ KIẾN THIẾT TÂY NINH





KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH
MAY MẮN VÀ HẠNH PHÚC

Địa chỉ : Đại lộ 30/4 thị xã Tây Ninh

Điện thoại : 822327 - 827536

Tài khoản : 948.00026 tại kho bạc nhà nước Tây Ninh

Giám đốc

Nguyễn Hữu Tài

Digitized by Google

BỘ THƯƠNG MẠI

CÔNG TY XÂY LẮP THƯƠNG MẠI I

Building Installing Investment Company

605 MINH KHAI - HAI BÀ TRƯNG - HÀ NỘI TEL : 04.9712584 - 9716636 FAX : 04.8621116

Giám đốc - Bí thư đảng ủy Công ty : Ks. NGUYỄN NGỌC LUY

1. Công ty Xây lắp thương mại I là doanh nghiệp nhà nước hạng 1 đã có hơn 30 năm xây dựng và trưởng thành. Trong quá trình phát triển của mình, Công ty đã xây dựng nhiều công trình lớn tại thủ đô Hà Nội, các thành phố và các địa phương trên khắp mọi miền đất nước.
2. Công ty có đủ khả năng tổng nhận thầu toàn bộ từ khâu lập dự án đến thi công xây lắp ; nhận thầu tất cả các công trình có quy mô, yêu cầu kỹ - mỹ thuật khác nhau.
3. Công ty có đủ các mặt hàng vật liệu xây dựng, đồ trang trí nội ngoại thất ; các mặt hàng cao cấp, phục vụ mọi đối tượng. Có khả năng cung ứng với khối lượng lớn các mặt hàng xi măng, sắt thép, nhôm, kính, tấm lợp... và dịch vụ đến tận chân công trình.
4. Công ty sản xuất các mặt hàng vật liệu xây dựng như xi măng đen P300 nhãn hiệu Con Nai, xi măng đặc chủng cho các công trình ở môi trường đặc biệt ; bột xây, vật liệu đúc sẵn từ xi măng ; các loại sản phẩm gỗ, sắt thép, khung nhôm kính...
5. Xuất nhập khẩu trực tiếp và thực hiện xuất nhập khẩu ủy thác.



Trung tâm Thương mại Tỉnh Lạng Sơn

6. Đầu tư dự án kinh doanh phát triển.
7. Công ty sẵn sàng liên doanh liên kết trong các lĩnh vực hoạt động kinh tế như : Xây lắp, sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ khách sạn, kinh doanh tổng hợp.

Tài khoản : 710 A - 00101 Chi nhánh Ngân hàng Công thương khu vực II Hai Bà Trưng - Hà Nội.

CÔNG TY CÔNG VIÊN CÂY XANH

ĐỊA CHỈ : 2A NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU - QUẬN HAI BÀ TRƯNG - HÀ NỘI

TEL : 8.228133 - 8.228136. FAX : 84-4228117

GIÁM ĐỐC : ĐỖ CAO MẠI



Trụ sở Công ty

- Công ty Công viên Cây xanh thuộc Sở Giao thông Công chính – là Công ty quản lý duy trì vườn hoa, công viên trong thành phố Hà Nội.
- Các công trình thi công vườn hoa, công viên, sân vườn do Công ty đảm nhiệm đã được nhiều đơn vị trong và ngoài nước tín nhiệm.



Hàng cây xanh : Bằng lăng hoa tím đường Ngọc Khánh

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG :

– Sản xuất, kinh doanh các loại cây giống, cây hoa, cây cảnh, cây xanh Thành phố.

– Duy trì, tôn tạo và xây dựng các công viên, vườn hoa trong thành phố và theo đơn đặt hàng của các tổ chức, nhân dân.

– Thiết kế, sửa chữa, cải tạo nâng cấp các vườn hoa công viên

– Tổ chức các hoạt động dịch vụ, vui chơi, giải trí, văn hóa, nghệ thuật.

CÔNG TY CÔNG VIÊN CÂY XANH SẴN SÀNG LIÊN KẾT, LIÊN DOANH VỚI CÁC TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC NHẰM KHAI THÁC KHẢ NĂNG VÀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CÔNG VIÊN, CÂY XANH THÀNH PHỐ.

Digitized by Google

CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH
(TANISUGAR)



Trụ sở :
- **Xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh**
- **Điện thoại : 066.751002, 751003**
- **Fax : 066.755087**
- **E.Mail : tanisuga@hcm.vnn.vn**

VPĐD : 002, Nguyễn Thái Học, F2, TXTN, Tây Ninh.

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG :

- Sản xuất đường có chất lượng cao phục vụ cho nhu cầu trong nước.
- Trồng mới chăm sóc và phát triển diện tích mía, khảo nghiệm giống, cung cấp các giống năng suất chất lượng cao cho người trồng mía...
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm từ mía đường, vật tư thiết bị phục vụ ngành đường, xăng dầu, phân bón ; thu mua, xuất nhập khẩu nông sản, mì lát, bột mì.
- Cho thuê kho cảng sân bãi.

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

1. Phân xưởng đường Nước Trong :

Địa chỉ : Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh. Công suất chế biến 1.000 tấn mía cây/ngày, dây chuyền công nghệ hiện đại do CuBa thiết kế, xây dựng và lắp đặt.

2. Nông trại mía : Gồm 2 nông trại Tân Hưng, Nước Trong và 1 trại mía giống với tổng diện tích đất canh tác trên 2.500 ha, chuyên cung cấp mía nguyên liệu và mía giống với tổng sản lượng 200.000 tấn/năm.

3. Cửa hàng mua bán xăng dầu :

Địa chỉ : Xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chuyên kinh doanh mua bán xăng, dầu, nhớt các loại sử dụng cho phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị công nghiệp...

4. Phân xưởng sản xuất phân vi sinh :

Địa chỉ : Xã Tân Hội, huyện Tân Châu tỉnh Tây Ninh. Sản lượng 2.000 tấn/năm (sẽ mở rộng lên 4.000 tấn/năm), nguyên liệu chính từ bã bùn. Dùng bón cho mía và các loại cây trồng khác.

5. Cụm kho cảng Bến Kéo :

Địa chỉ : Xã Long Thành Nam, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Vị trí thuận lợi gần quốc lộ 22B với hệ thống kho có sức chứa 4.000 tấn, sử dụng hệ thống bốc xếp cầu trục chuyên dùng, bến phục vụ cho việc neo cặp và bốc dỡ hàng hóa cho các loại tàu và xà lan có trọng tải 1.000 tấn.

CÁC DỰ ÁN HỢP TÁC ĐẦU TƯ

Công ty có mặt bằng rộng thuận lợi cho việc mở rộng sản xuất. Mong muốn được hợp tác với mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước để thực hiện các dự án :

- Đầu tư phức hợp đường, cồn và các sản phẩm phụ.
- Đầu tư nhà máy chế biến thức ăn gia súc.
- Xây dựng trung tâm nghiên cứu và nhân giống mía cung cấp toàn quốc.

Digitized by Google



SOCTRANG

CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG
SÓC TRĂNG

SOCTRANG SUGAR COMPANY

Địa chỉ : Tỉnh lộ 6, phường 8, Thị xã Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
Điện thoại : (84) 079.822825 - 826182 Fax : (84) 079.822828
E-mail : soctrangsugar@hcm.vnn.vn



Digitized by Google

VINABECO

Sản Phẩm Được Ưa Chuộng



TỔNG CÔNG TY RƯỢU-BIA-NƯỚC GIẢI KHÁT VIỆT NAM

VINABECO

Digitized by Google

Địa chỉ: 94 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện Thoại: (04) 8 219261 **Fax:** (04) 8 219661

Văn phòng đại diện: 12 Đông Du, Q.1 TP. Hồ Chí Minh
Điện Thoại: (08) 8 296343 **Fax:** (08) 8 296856

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
DEC 13 2001
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Trụ sở chính : 105, Lê Lợi, TP. Vũng Tàu
Điện thoại : 64–839871/72. Fax : 64–839857



CHÀO MỪNG 20 NĂM THÀNH LẬP XNLD VIETSOVPETRO (19.11.1981-19.11.2001) VÀ KHAI THÁC 100 TRIỆU TẤN DẦU

XNLD VIETSOVPETRO *được* Nhà nước Việt Nam phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, *là đơn vị liên doanh giữa Việt Nam và Liên Bang Nga khai thác dầu khí lớn nhất ở Việt Nam, đang hoạt động trên 3 mỏ Bạch Hổ, Rồng và Đại Hùng. Sản lượng dầu khai thác từ năm 1986 đến tháng 11 năm 2001 sẽ đạt 100 triệu tấn. Khí cung cấp vào bờ từ năm 1995 đến tháng 11 năm 2001 sẽ đạt 6,5 tỉ mét khối.*

XNLD VIETSOVPETRO sẵn sàng hợp tác với các công ty dầu khí khác trong nhiều lĩnh vực : địa chất dầu khí, thiết kế, lắp ráp, xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình dầu khí biển, khoan thăm dò, khai thác dầu khí, dịch vụ cảng, vận tải biển, phòng chống phun trào dầu khí, bảo vệ môi trường.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 628 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768.* **Tạp Chí Cộng Sản điện tử :** *http:// www.tapchicongsan.org.vn ; Email : bbttccs@.hn.vnn.vn* ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : VŨ VĂN HIỀN**

22
11-2001

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	Khai mạc Hội nghị lần thứ tư BCH TƯ Đảng (khóa IX)	3
	PHAN DIỄN - Hãy xứng đáng là những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng	5
	NGUYỄN KHOA ĐIỀM - Thúc đẩy quá trình đổi mới, phát triển báo chí, xuất bản, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	8
	* * * Báo chí, xuất bản sau 4 năm thực hiện Chỉ thị 22-CT/TƯ	14
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	CAO ĐỨC THÁI - Quyền con người với độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia	20
	NGUYỄN CHÍ DŨNG - Một đạo luật thiếu khách quan và phi khoa học	25
	NGUYỄN THÚY - Vì sao phải xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ ?	29
	TẠ XUÂN ĐẠI - Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước	33
	NGUYỄN THỊ NGA - HỒ TRỌNG HOÀI - Đoàn kết tôn giáo trong chiến lược đoàn kết toàn dân ở nước ta hiện nay	38
	PHAN AN - Đặc thù tôn giáo và dân tộc của vùng đất Nam Bộ	42
	* * * *Hội thảo khoa học - thực tiễn* : Bắc Ninh và khả năng hợp tác với châu Âu	45
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGUYỄN TĨNH GIA - Giáo dục lý luận chính trị và đạo đức cho cán bộ hiện nay	48
	CHU TIẾN QUANG - LÊ XUÂN ĐÌNH - Nhìn lại bốn năm đưa Luật Hợp tác xã vào cuộc sống	51
	CHU THÁI THÀNH - Nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến về nước sạch - vệ sinh môi trường	57
	TỪ THANH - Bộ đội Biên phòng đấu tranh phòng, chống tội phạm ở biên giới, hải đảo	62
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	MAI NINH - Chuyện "con đê"	66
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	TRẦN TRỌNG - Chạy đua vũ trang ngày nay, đặc trưng và hiểm họa	67
	NGUYỄN TIẾN NGHĨA - Liên kết cộng đồng các quốc gia độc lập : khó khăn và triển vọng	71

Bìa 1 : *Kênh Hà Bổ - Sóc Trăng* *Ảnh : TL.*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Открытие 4ого Пленума Центрального Комитета Партии (IX^ого созыва). ФАН ЗИЕН: Будьте достойными: авангардными борьцами на идеолого – культурном фронте Партии. НГУЕН ХОА ДИЕМ: Ускорить процесс обновления, развития прессы, издательского дела на лучшем службе курсу индустрилизации, модернизации страны. *** Пресса, издательское дело после 4 лет выпольнения Указания 22/CT-T- . КАО ДЫК ТХАЙ: Человеческие права и национальная независимость и государственный суверенитет. НГУЕН ТИ ЗУНГ: Необъективный и ненаучный закон. НГУЕН ТХУ: Почему необходимо создать независимую, самостоятельную экономику? ТА СУАН ДАЙ:Повысить руководящую способность и боевую силу базовых партийных организаций в государственных предприятиях. НГУЕН ТХИ НГА – ХО ЧОНГ ХОАЙ: Религиозная солидарность в стратегии всенациональной солидарности в нашей стране на нынешнем этапе. ФАН АН: Религионые и этнические специфические черты южных краев. ЧАН ЧОНГ: Нынешние гонки вооружений: своеобразие и катастрофы. НГУЕН ТИЕН НГИА: Интеграция СНГ трудности и перспективы.

CONTENTS

Opening of IVth Plenum of CPV central committee (IX tenure). PHAN DIỄN: Be worthy vanguard fighters in the ideology – culture front of the Party. NGUYỄN KHOA ĐIỂM: To push up the renovation, development process of the press and publication in efficient service to the cause of country industrialization, modernization. *** The press, publication after 4 years fulfilling 22/CT-T- Instruction. CAO ĐỨC THÁI: Human rights and national independence and state sovereignty. NGUYỄN CHÍ DŨNG: Nonobjective and unscientific law. NGUYỄN THÚY: Why it is necessary to build an independent and sovereign economy. TẠ XUÂN ĐẠI: To enhance leadership capability and fighting power of grassroots Party organizations in state enterprises. NGUYỄN THỊ NGA – HỒ TRỌNG HOÀI: Religious solidarity in the strategy of nation-wide solidarity in our country at the present. PHAN AN: Religious ethnic specific traits of the South lands. TRẦN TRỌNG: Contemporary armaments' races: specific features and danger NGUYỄN TIẾN NGHĨA: Integration of SNG: difficulties and prospects.

SOMMAIRE

Ouverture du 4e Plénum (issu du IXe Congrès national du Comité central du PCV). PHAN DIỄN: Etre digne les combattants d'avant-garde sur le Front idéologique, culturel du Parti. NGUYỄN KHOA ĐIỂM: Accélérer le processus de renouveau, le développement de la presse et de l'édition au service de l'industrialisation et de la modernisation du pays. *** La presse et l'édition après 4 ans d'exécution du Directive 22/CT-TU. CAO ĐỨC THÁI: Le droit de l'homme et l'indépendance et la souveraineté nationales. NGUYỄN CHÍ DŨNG: Un acte anti-scientifique et manque d'objectivité. NGUYỄN THÚY: Pourquoi doit-on édifier une économie indépendante et autonome? TẠ XUÂN ĐẠI: Rehausser la compétence de direction et la combativité des bases du Parti dans les entreprises d'Etat. NGUYỄN THỊ NGA - HỒ TRỌNG HOÀI: La solidarité entre les religions dans la stratégie d'union de tout le peuple du Vietnam à l'heure actuelle. PHAN AN: Le caractére spécifique des religions et des ethnies dans le Nam Bo. TRẦN TRỌNG: Les courses aux armements d'aujourd'hui: caractéristiques et dangers. NGUYỄN TIẾN NGHĨA: L'association en communautés des nations indépendantes: difficultés et perspectives.

SUMARIO

Inauguración del IV Pleno del Comité Central del Partido (IX Congreso). PHAN DIỄN: A ser dignos combatientes de vanguardia en el frente idiológico-cultural del Partido. NGUYỄN KHOA ĐIỂM: Intensificar el proceso de renovación, el desarrollo de la prensa y publicación en activo servicio de la cause de industrialización y modernización nacional. *** La prensa y la publicación después de 4 años del cumplimiento de la Directiva 22/CT-TU. CAO ĐỨC THÁI: El derecho humano con la independencia nacional y soberanía estatal. NGUYỄN TRÍ DŨNG: Una ley falta de objetividad y ciencia. NGUYỄN THÚY: ¿ Por qué debemos edificar una economía independiente y soberana? TẠ XUÂN ĐẠI: Aumentar la capacidad directiva y la combatividad de las organizaciones de base del Partido en las empresas estatales. NGUYỄN THỊ NGA – HỒ TRỌNG HOÀI: La solidaridad religiosa en la estrategia de unión nacional en nuestro país actual. PHAN AN: Particularidades de religión y etnias en Nam Bo. TRẦN TRỌNG: La actual carrera armamentista – características y riesgos. NGUYỄN TIẾN NGHĨA: La integración de la comunidad de los estados independientes: dificultades y perspectivas.

目录

越共党中央九届四中全会会议开幕●潘演: 无愧于党的思想、文化阵线上的先锋战士●阮科恬: 大力推动革新进程, 发展新闻出版工作, 大力服务国家工业化, 现代化事业*** 落实22/CT-TU 指示4年后的新闻、出版工作●高德泰: 人权与民族独立和国家主权●阮志勇: 缺乏客观性及非科学的一道法律●阮翠: 为何必须建立独立自主的经济?●谢春大: 提高基层党组在国有企业中的领导能力及战斗力●阮氏娥、胡仲怀: 目前我国全民团结战略中的宗教团结●潘安: 南部地区的宗教和民族的特殊性●陈仲: 目前的军备竞赛—特征及危害●阮进义: 独立国家共同体的联结—困难与展望.

Digitized by Google

ĐÍNH CHÍNH

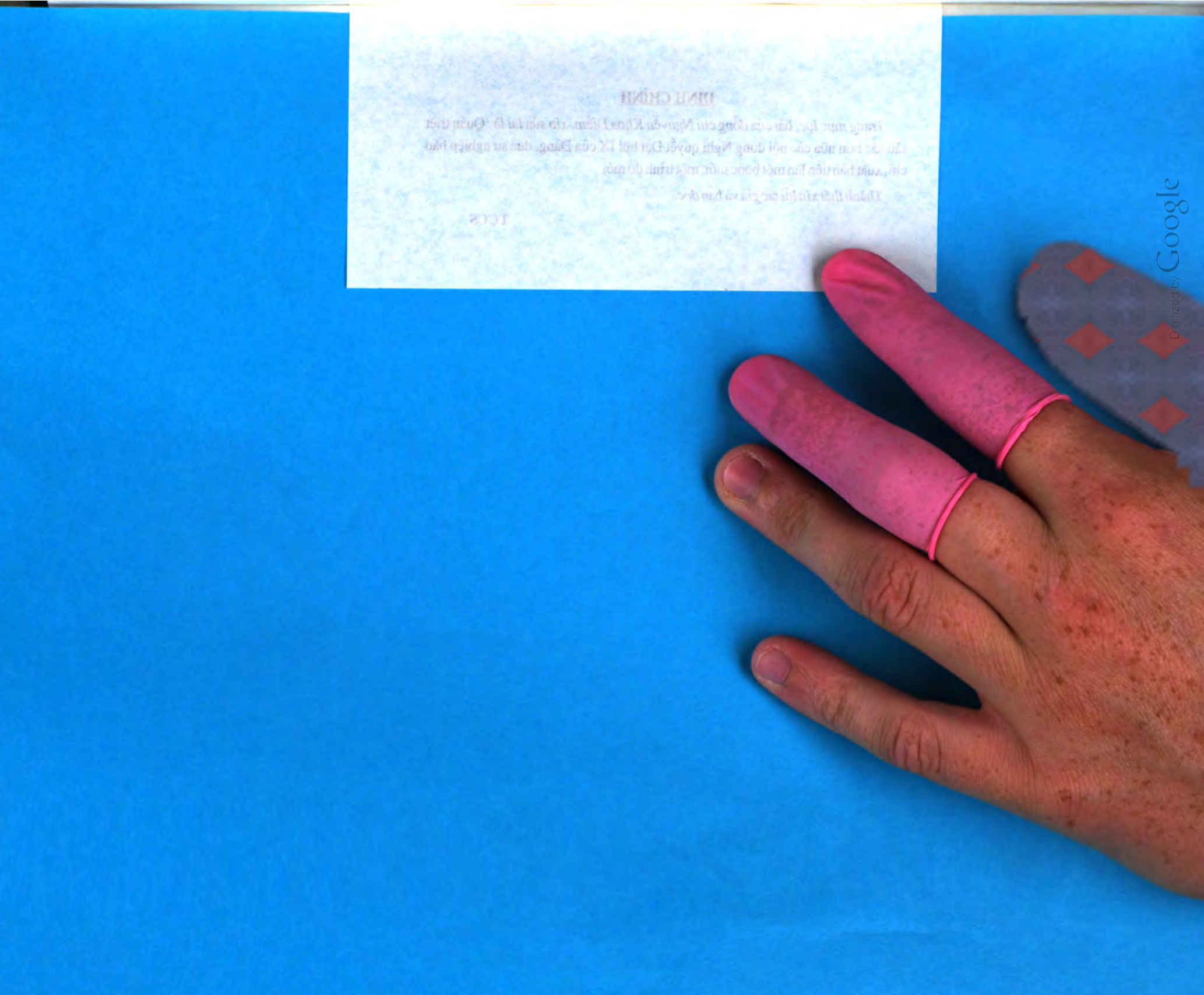
Trang mục lục, bài của đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, xin sửa lại là : Quán triệt sâu sắc hơn nữa các nội dung Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đưa sự nghiệp báo chí, xuất bản tiến lên một bước mới, một trình độ mới.

Thành thật xin lỗi tác giả và bạn đọc.

TCCS



Digitized by Google


Digitized by Google

KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA IX)



HỘI nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) diễn ra tại Hà Nội từ ngày 5-11-2001. Hội nghị lần này sẽ tập trung thảo luận và quyết định phương hướng chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992, phương hướng bầu cử Quốc hội khóa XI; Kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2001, xác định mục tiêu phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2002 và cụ thể hóa thêm phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 ; Phương hướng, biện pháp tiếp tục thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, các giải pháp ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí...

Trong bài phát biểu khai mạc Hội nghị, đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh nhấn mạnh : Mỗi nội dung Hội nghị Trung ương bàn và quyết định đều là những vấn đề quan trọng nhằm cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Các đề án trình Hội nghị Trung ương đã qua nhiều đợt lấy ý kiến của các ban, ngành, một số địa phương, một số chuyên gia và một số đồng chí lão thành

Digitized by Google

cách mạng. Dự thảo đề án sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp 1992 đã công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến đóng góp của các tầng lớp nhân dân trong cả nước.

Về vấn đề sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiếp pháp 1992, Tổng Bí thư khẳng định : Sửa đổi, bổ sung Hiến pháp là một việc hệ trọng, phải trên cơ sở tổng kết toàn diện và sâu sắc thực tiễn đất nước ; những vấn đề gì cần và đã rõ mới sửa đổi, bổ sung, cho nên lần này chỉ tập trung điều chỉnh, bổ sung một số điều bức xúc, đã được thực tiễn kiểm nghiệm và có sự thống nhất cao trong xã hội.

Về vấn đề kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Tổng Bí thư nhấn mạnh : Trong bối cảnh quốc tế và trong nước thời gian qua có nhiều biến động phức tạp, kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2001 là một cố gắng lớn đáng ghi nhận, cần được khẳng định mạnh mẽ và phân tích kỹ các nguyên nhân thành công để tiếp tục phát huy, đồng thời cũng cần phân tích sâu sắc những yếu kém trong phát triển kinh tế, nhất là chất lượng tăng trưởng, cũng như những thiếu sót, hạn chế trên các lĩnh vực chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng..., phân tích và dự báo hết những mặt khó khăn cũng như những thuận lợi do tình hình mới đặt ra, trên cơ sở đó xác định đúng đắn phương hướng, nhiệm vụ, các giải pháp thực thi để phát huy cao độ sức mạnh toàn dân tộc, khai thác mạnh mẽ nguồn nội lực, cổ vũ phong trào thi đua yêu nước, đề cao tinh thần khắc phục khó khăn, vượt qua thách thức, giữ vững ổn định chính trị, thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội IX, trước mắt là thực hiện tốt nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2002.

Về vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng và các giải pháp ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí, đồng chí Tổng Bí thư nêu rõ : Hiện nay, tiếp tục kiên trì Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, nhất là đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, là đòi hỏi bức xúc nhất của xã hội và cũng là vấn đề có tầm quan trọng sống còn để làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân, củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước ta, điều kiện quyết định để Đảng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong những thập niên đầu thế kỷ XXI. Hội nghị lần này có nhiệm vụ bàn những giải pháp vừa có tính đồng bộ, cơ bản, vừa cấp bách, thiết thực cần làm ngay và có tính khả thi để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đáp ứng lòng mong đợi của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân.

Đồng chí Tổng Bí thư nhấn mạnh : Với những vấn đề rất lớn và rất hệ trọng như vậy đòi hỏi các đồng chí Ủy viên Trung ương phát huy dân chủ, tranh luận thẳng thắn với tinh thần trách nhiệm rất cao trước dân tộc, trước Đảng để có những quyết định đúng đắn, sáng tạo. ❑

Digitized by Google

HÃY XỨNG ĐÁNG LÀ NHỮNG CHIẾN SĨ TIÊN PHONG TRÊN MẶT TRẬN TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA CỦA ĐẢNG **

PHAN DIỄN *

THAY mặt Ban Bí thư Trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt hoan nghênh các đồng chí lãnh đạo các cơ quan báo chí - xuất bản ở Trung ương và địa phương đã về dự Hội nghị tổng kết bốn năm thực hiện Chỉ thị 22 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về "Tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác báo chí - xuất bản". Đây là Hội nghị quan trọng nhằm đánh giá thực trạng tình hình báo chí - xuất bản nước ta hiện nay, khẳng định những mặt mạnh, mặt yếu, rút ra những kinh nghiệm và xác định phương hướng, nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý công tác báo chí - xuất bản trong thời gian tới, góp phần chuẩn bị Hội nghị Trung ương 5 của Đảng bàn về công tác tư tưởng - lý luận trong tình hình mới.

Báo chí - xuất bản giữ vai trò rất quan trọng trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng. Trong quá trình giải phóng đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong công cuộc đổi mới đất nước hơn 15 năm qua, báo chí - xuất bản luôn thể hiện vai trò là vũ khí sắc bén tuyên truyền, giáo dục tập hợp, tổ chức và vận động nhân dân tiến hành thắng lợi sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo.

Từ khi có Chỉ thị 22 đến nay, như trong bản Tổng kết của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương đã nêu, trên nhiều mặt, công tác báo chí - xuất bản đã thu được những kết quả đáng phấn khởi.

Trong bối cảnh đất nước và thế giới có nhiều biến động phức tạp, thời cơ và thách thức đan xen, nền kinh tế thị trường đặt ra nhiều thử thách khắc nghiệt, hoạt động báo chí - xuất bản nhìn chung đã giữ vững định hướng chính trị, tư tưởng, làm tốt chức năng tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh chống những thông tin và quan điểm tư tưởng sai trái, chống tham nhũng, tiêu cực, khẳng định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cổ vũ phong trào thi đua yêu nước của các tầng lớp nhân dân xây dựng và bảo vệ đất nước, tiến hành sự nghiệp đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Báo chí - xuất bản góp phần quan trọng vào việc xây dựng con người mới, nâng cao dân chí, đáp ứng những nhu cầu ngày càng cao và phong phú, đa dạng về đời sống tinh thần của nhân dân ; vừa tiếp thụ những tinh hoa văn hóa của nhân loại, vừa đấu tranh chống ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa ngoại lai, góp phần bảo vệ và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Qua mở rộng công tác thông tin đối ngoại, báo chí góp phần rất quan trọng giới thiệu Việt Nam với bạn bè

---

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Thường trực Ban Bí thư

** Bài phát biểu tại Hội nghị tổng kết 4 năm thực hiện Chỉ thị 22 của Bộ Chính trị BCH TU Đảng (khóa VIII), ngày 29-10-2001 tại Hà Nội

Digitized by Google

quốc tế và thực hiện đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Các phương tiện thông tin đại chúng đặc biệt là báo chí - xuất bản đã ứng dụng ngày càng rộng rãi và có hiệu quả những tiến bộ khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin hiện đại. Trong quá trình phát triển của mình, đội ngũ cán bộ báo chí - xuất bản có bước phát triển nhanh về số lượng, trưởng thành về chất lượng, về trình độ và năng lực làm báo... xứng đáng là những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng, là niềm tự hào của Đảng ta, nhân dân ta.

Bên cạnh những thành tích, ưu điểm rất cơ bản nêu trên, hoạt động báo chí - xuất bản có những thiếu sót, khuyết điểm, hạn chế và bất cập. Có những khuyết điểm, thiếu sót trong Chỉ thị 22 đã nêu ra, đến nay vẫn chậm được khắc phục. Báo cáo Chính trị tại Đại hội IX của Đảng đã chỉ ra những thiếu sót của công tác tư tưởng - lý luận, trong đó có những thiếu sót, khuyết điểm cũng là của công tác báo chí - xuất bản, như công tác chính trị tư tưởng còn thiếu sắc bén, tính chiến đấu chưa cao, chưa phê phán mạnh và đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, những quan điểm mơ hồ, sai trái, cũng như khuynh hướng "thương mại hóa", lai căng, chạy theo thị hiếu tầm thường trên báo chí, phát thanh, truyền hình, trong văn hóa, văn nghệ và xuất bản... Trong các báo cáo của Ban Tư tưởng - Văn hóa của Bộ Văn hóa - Thông tin tại Hội nghị hôm nay đã nêu lên những biểu hiện tiêu cực và những mặt yếu kém cụ thể của báo chí - xuất bản trong thời gian qua.

Chúng ta đều biết, trong điều kiện cơ chế thị trường, sản phẩm báo chí - xuất bản cũng là một loại hàng hóa được bán rộng rãi ; hoạt động báo chí - xuất bản nói chung cũng phải lấy thu bù chi và kinh doanh có lãi. Nhưng mục tiêu chính của hoạt động báo chí - xuất bản không phải là kinh doanh vì lợi nhuận mà là vì sự phát triển và hoàn thiện con người, góp phần xây dựng con người mới và xã hội xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, báo chí - xuất bản phải luôn nắm vững và phục vụ tốt đường lối đối nội và đối ngoại của Đảng và Nhà nước, phản ảnh được ý nguyện của nhân dân, thực sự là tiếng nói, là công cụ của Đảng và Nhà nước, của các tổ chức chính trị xã hội, là diễn đàn của nhân dân và phục vụ lợi ích chân chính của nhân dân. Báo chí - xuất bản phải bảo đảm tính tư tưởng, tính giáo dục, tính chiến đấu, tính chân thật, tính thẩm mỹ và sự phong phú đa dạng ; phải đấu tranh chống lại các hiện tượng xa rời tôn chỉ mục đích và lập trường chính trị của báo chí cách mạng ; chống khuynh hướng "thương mại hóa", vì lợi nhuận mà chạy theo những thị hiếu thấp kém ; phải đề cao tinh thần trách nhiệm, chống lối thông tin cửa quyền, coi thường dư luận, dùng báo chí để trù dập, xúc phạm các tổ chức xã hội và công dân. Trong hội nghị này, mong các đồng chí với tinh thần đề cao tự phê bình và phê bình sẽ thảo luận, phân tích kỹ tình hình nêu trên, chỉ rõ nguyên nhân và đề ra những biện pháp khắc phục có hiệu quả. Chúng ta nhất định không để tình trạng "con sâu làm rầu nồi canh". Các cơ quan thông tin đại chúng phải phấn đấu bảo đảm các hoạt động báo chí - xuất bản lành mạnh và đúng hướng, để ngày càng chiếm được lòng tin yêu của nhân dân, nâng cao được uy tín trong xã hội.

Để hoạt động báo chí - xuất bản góp phần tích cực vào việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, tuyên truyền, cổ vũ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đồng thời với việc tiếp tục phát triển sự nghiệp báo chí - xuất bản phải làm tốt hơn nữa công tác quản lý báo chí - xuất bản, đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao chất lượng chính trị, văn hóa, khoa học, nghiệp vụ của hoạt động này. Các nhà báo, nhà sáng tác và các nhà xuất bản cần phấn đấu bắt nhịp được hơi thở của cuộc sống, phản ánh

Digitized by Google

chân thực, sâu sắc và sinh động hơn nữa cuộc sống của nhân dân, đề cập đến những vấn đề, những đề tài mà xã hội quan tâm. Trong khi phấn đấu mở rộng, đáp ứng nhu cầu của độc giả, sắp tới cần đặc biệt chú ý nhiều hơn nữa việc phục vụ đồng bào ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đồng bào các tôn giáo ; có biện pháp đưa sách báo đến người dân ở các khu vực này nhiều hơn nữa, kịp thời hơn nữa. Theo đó, chúng ta cần tiếp tục phấn đấu mở rộng diện phủ sóng phát thanh và truyền hình, cũng như mạng lưới phát hành sách báo, mạng lưới cộng tác viên, đa dạng hóa các loại hình báo chí - xuất bản cho phù hợp trình độ, nhu cầu của đồng bào các dân tộc ở từng vùng. Đất nước càng đi sâu vào công cuộc sáng tạo xây dựng cuộc sống mới thì hoạt động báo chí - xuất bản càng cần quan tâm làm tốt hơn nữa việc phát hiện và giới thiệu những gương người tốt, việc tốt, phát hiện, tổng kết và phổ biến những kinh nghiệm và mô hình hay trên các lĩnh vực ở các cấp, các ngành. Đây cũng là một phương hướng quan trọng của hoạt động báo chí - xuất bản sắp tới.

Chất lượng của báo chí - xuất bản chính là ở giá trị nhân văn, ở tính giáo dục, ở chất lượng chính trị, văn hóa, khoa học, ở tính chân thật và ở sức truyền cảm, cũng như tính hấp dẫn trong hình thức thể hiện, trình bày của từng bài viết, từng tờ báo, từng quyển sách, mà thước đo tổng hợp là hiệu quả thực tế góp phần xây dựng con người mới và xã hội mới, thúc đẩy sự phát triển của đất nước, sự phồn vinh và trường tồn của dân tộc.

Chúng ta tin tưởng rằng hội nghị này sẽ góp phần làm sáng tỏ thêm những vấn đề chúng ta cần giải quyết, những mục tiêu cụ thể mà hoạt động báo chí - xuất bản cần phấn đấu thực hiện, những thiếu sót chúng ta cần nghiêm túc đấu tranh khắc phục, để nâng cao chất lượng công tác báo chí - xuất bản, để ngày càng có nhiều sản phẩm báo chí và những cuốn sách hay làm rung động lòng người, phản ánh sâu sắc đời sống, cuộc đấu tranh anh hùng của nhân dân ta bảo vệ và xây dựng đất nước, nhất là cuộc sống sinh động muôn màu, muôn vẻ và khí thế hào hùng của dân tộc ta, đất nước ta trong thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Để nâng cao chất lượng của báo chí - xuất bản thì vấn đề có ý nghĩa quyết định là xây dựng con người, ở đây là xây dựng đội ngũ các nhà báo, những người làm công tác xuất bản và đội ngũ các cơ quan chủ quản và quản lý báo chí - xuất bản. Tôi xin chúc các đồng chí làm công tác báo chí - xuất bản, trên mỗi cương vị sẽ thường xuyên rèn luyện và không ngừng nâng cao bản lĩnh chính trị, trau dồi phẩm chất đạo đức cách mạng, lối sống gương mẫu và học hỏi không ngừng để nâng cao trình độ nghề nghiệp. Mong các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý báo chí - xuất bản có kế hoạch bồi dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ các nhà báo và những người làm công tác xuất bản ; nghiên cứu, tiếp tục sắp xếp các cơ quan báo chí - xuất bản như thế nào cho hợp lý hơn, cải tiến cách quản lý thế nào cho có hiệu quả hơn, tăng cường được vai trò lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước ; nâng cao trách nhiệm chính trị, xã hội các tổng biên tập, đồng thời xem xét, đề xuất với Nhà nước bổ sung các chính sách cần thiết đối với báo chí - xuất bản.

Bước vào thế kỷ XXI, Đại hội IX của Đảng đã đề ra cho nhân dân ta những mục tiêu phấn đấu lớn lao ; đất nước ta đang đứng trước những cơ hội to lớn và cả những thách thức gay gắt. Trong bối cảnh đó, trách nhiệm của người cầm bút đối với vận mệnh của dân tộc, của đất nước rất nặng nề. Xin chúc các đồng chí làm công tác báo chí - xuất bản, những chiến sĩ trên mặt trận Văn hóa vẻ vang, sẽ vượt qua mọi khó khăn ngày càng có những đóng góp xứng đáng với dân tộc, với đất nước ; đáp ứng niềm tin yêu của Đảng, của nhân dân. ❑

Digitized by Google

QUÁN TRIỆT SÂU SẮC HƠN NỮA CÁC NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG, ĐƯA SỰ NGHIỆP BÁO CHÍ, XUẤT BẢN TIẾN LÊN MỘT BƯỚC MỚI, MỘT TRÌNH ĐỘ MỚI **

NGUYỄN KHOA ĐIỂM *

SAU 3 ngày làm việc khẩn trương với tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị tổng kết 4 năm thực hiện Chỉ thị 22-CT/TU của Bộ Chính trị (khóa VIII) về **"Tiếp tục đổi mới và tăng cường lãnh đạo, quản lý báo chí, xuất bản"** đã hoàn thành yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Hội nghị đã nghe các báo cáo của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Bộ Văn hóa - Thông tin, Hội Nhà báo Việt Nam, Bộ Ngoại giao, Tổng cục Bưu điện và một số ban, ngành, địa phương.

Đồng chí Phan Diễn, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng ; đồng chí Phạm Gia Khiêm, Phó Thủ tướng Chính phủ đã có bài phát biểu quan trọng.

Hội nghị đã dành ra hai ngày để các đại biểu trao đổi về những vấn đề bức xúc đang đặt ra và thảo luận về một số nhiệm vụ, giải pháp cơ bản trước mắt cũng như lâu dài nhằm tiếp tục phát triển báo chí, xuất bản ngang tầm với yêu cầu sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn hiện nay. Hội nghị đã nghe các ý kiến phát biểu tại hội trường và trong các buổi thảo luận tổ. Qua tổng hợp bước đầu nội dung các phát biểu đã thể hiện tinh thần trách nhiệm, xây dựng, thẳng thắn, ý thức tự phê bình và phê bình. Toàn bộ những ý kiến đó sẽ được tổng hợp, bổ sung vào các bản báo cáo và xuất bản trong kỷ yếu Hội nghị. Thay mặt Ban chỉ đạo Hội nghị, tôi nhiệt liệt biểu dương những đóng góp tích cực của toàn thể các đồng chí vào thành công của Hội nghị chúng ta.

Sau đây, tôi xin khái quát một số vấn đề đã được Hội nghị trao đổi, thảo luận và nhấn mạnh thêm các quan điểm và nhiệm vụ của công tác báo chí, xuất bản trong thời gian tới.

1 - Hầu hết các ý kiến đều khẳng định Chỉ thị 22-CT/TU ngày 17-10-1997 của Bộ Chính trị (khóa VIII) là một văn kiện quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Những quan điểm về báo chí, xuất bản cũng như những nhận định, phương hướng, nhiệm vụ của báo chí, xuất bản nêu trong Chỉ thị vẫn là những định hướng lớn trong hoạt động trên lĩnh vực này hiện nay cũng như về lâu dài. Vấn đề quan trọng hàng đầu hiện nay là từ cơ quan có chức năng lãnh đạo, quản lý đến từng tòa soạn báo, nhà xuất bản, các nhà in, hệ thống phát hành

---

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

** Bài phát biểu tại Hội nghị tổng kết 4 năm thực hiện Chỉ thị 22 của Bộ Chính trị BCH TU Đảng (khóa VIII), ngày 31-10-2001, tại Hà Nội

Digitized by Google

phải quán triệt sâu sắc hơn nữa tinh thần của Chỉ thị, đề ra được, thực hiện được các giải pháp cụ thể để tiếp tục phát triển đi đôi với quản lý tốt để phát triển báo chí, xuất bản trong hình hình mới.

2 - Các đại biểu đều nhất trí cao với đánh giá trong báo cáo của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Bộ Văn hóa - Thông tin. Đó là, bốn năm qua, hoạt động báo chí, xuất bản và công tác quản lý báo chí, xuất bản nước ta đã có những tiến bộ và có bước phát triển quan trọng. Sự phát triển đó được thể hiện cả về chất lượng, nội dung, hình thức, loại hình và cả về công nghệ, quy mô, phạm vi tác động trong đời sống xã hội. Sự phát triển nhanh và khá toàn diện đó đã tạo điều kiện cần thiết để báo chí, xuất bản thực hiện tốt vai trò, chức năng của mình trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ năm 1997 - năm ban hành Chỉ thị 22-CT/TU đến nay, tình hình quốc tế và khu vực có những biến động phức tạp. Tình hình kinh tế - xã hội nước ta bên cạnh những thuận lợi cơ bản vẫn phải đương đầu với những nguy cơ, thách thức không thể xem thường. Báo chí, xuất bản đã góp phần định hướng tư tưởng, góp phần giữ vững sự ổn định chính trị - xã hội, đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, các tệ nạn xã hội, phê phán các luận điệu sai trái của các thế lực thù định, cổ vũ phong trào thi đua yêu nước, phát hiện và giới thiệu các nhân tố mới, điển hình tiên tiến ; làm tốt công tác thông tin đối ngoại, thực hiện chức năng là một trong những kênh thông tin quan trọng của Đảng và Chính phủ trong việc lãnh đạo và điều hành đất nước, góp phần giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Báo chí, xuất bản nước ta thực sự là vũ khí sắc bén trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng ngày càng làm tốt hơn chức năng là cơ quan ngôn luận của Đảng, Nhà nước, tổ chức xã hội và diễn đàn tin cậy của nhân dân.

Tại Hội nghị này, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Chính phủ đã đánh giá cao vai trò, vị trí của báo chí, xuất bản, tiếp tục khẳng định sự đóng góp to lớn của báo chí, xuất bản nước nhà đối với sự nghiệp đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng.

3 - Các báo cáo chính được trình bày tại Hội nghị và nhiều ý kiến tham luận đã phân tích, đánh giá khá sâu sắc những khuyết điểm yếu kém của báo chí, xuất bản thời gian qua. Các ý kiến đều cho rằng, những khuyết điểm, yếu kém đó nếu không được khắc phục có hiệu quả, chắc chắn sẽ không có lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội và sự ổn định của đất nước và với chính sự phát triển của báo chí, xuất bản. Cần phải thống nhất trong nhận thức của những người làm công tác quản lý và đội ngũ nhà báo, cán bộ xuất bản là khuynh hướng thương mại hóa vẫn là khuyết điểm lớn nhất hiện nay trong hoạt động báo chí, xuất bản nước ta. Mỗi một cơ quan báo chí, xuất bản cần nghiêm túc nhìn nhận lại hoạt động của mình, tránh tình trạng chỉ thấy khuynh hướng thương mại hóa biểu hiện ở cơ quan báo chí, nhà xuất bản khác. Nếu không thấy được điều đó thì chắc chắn sẽ không có biện pháp khắc phục có hiệu quả. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX vừa qua cũng đã nghiêm khắc chỉ rõ khuynh hướng thương mại hóa báo chí, xuất bản mà Chỉ thị 22-CT/TU của Bộ Chính trị đã nêu ra. Nhìn lại thời gian qua khuynh hướng "thương mại hóa" vẫn chưa được khắc phục có hiệu quả, thậm chí, trên một số mặt cụ thể còn có biểu hiện gia tăng. Cùng với khuynh hướng thương mại hóa là tình trạng xa rời tôn chỉ mục đích, đối tượng phục vụ. Hai vấn đề này tuy nội dung không hoàn toàn giống nhau nhưng có quan hệ chặt chẽ và có sự tác động lẫn nhau. Khuynh hướng thương mại hóa báo chí, xuất bản sẽ dẫn đến việc xa rời tôn chỉ mục đích, đối tượng phục vụ và ngược lại xa rời tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ là một biểu hiện của thương mại hóa. Có thể có sự khác nhau trong cách hiểu về thuật ngữ thương mại hóa nhưng về

Digitized by Google

những biểu hiện và tác hại của nó, nhìn chung các ý kiến đều thống nhất. Trước mắt, cần dựa vào những nội dung mà báo cáo của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Bộ Văn hóa - Thông tin đã đề cập để làm căn cứ cho việc đánh giá cũng như khắc phục khuynh hướng thương mại báo chí, xuất bản.

Có ý kiến cho rằng nhà nước xóa bỏ bao cấp, sách báo phải hoạt động trong nền kinh tế thị trường. Đã tham gia thị trường thì phải cạnh tranh, phải bị điều tiết theo quy luật cung cầu, do vậy thương mại hóa là tất nhiên, không tránh khỏi. Vấn đề không đơn giản như vậy. Chúng ta biết rằng từng bước xóa bao cấp trong lĩnh vực thông tin đại chúng là một chủ trương sáng tạo của Đảng, mở ra cho báo chí, xuất bản khả năng phát huy sức năng động, sáng tạo để tự đổi mới và phát triển. Mọi hàng hóa tham gia thị trường đều chịu tác động của quy luật giá trị, quy luật cung cầu và những quy luật khác của nền kinh tế này. Nhưng sách báo khác mọi hàng hóa thông thường là ở chỗ nó không lấy lợi nhuận làm mục đích cao nhất và duy nhất mà đặt lợi ích chính trị, văn hóa tinh thần của xã hội lên hàng đầu. Lợi ích xã hội ở đây là lợi ích của dân tộc, của đất nước và lợi ích của đa số người lao động. Mọi hoạt động kinh tế trong báo chí, xuất bản, in, phát hành... đều phải hướng tới mục đích này. Chệch khỏi mục tiêu đó là xa rời tôn chỉ, mục đích, là thương mại hóa, từ bỏ bản chất của báo chí cách mạng. Hơn nữa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải có sự điều tiết của Nhà nước. Nhà nước ta bằng hệ thống chính sách và bằng cả ngân sách hỗ trợ bảo đảm cho những lợi ích toàn dân, trong đó có cả báo chí, xuất bản. Vì vậy không thể quan niệm sản xuất và lưu thông các sản phẩm sách báo theo các phương pháp của sản xuất hàng hóa thông thường. Chẳng hạn không nên nhấn mạnh vấn đề cạnh tranh sách báo để hạ thấp vai trò chiến sĩ xung kích trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của báo chí, xuất bản, hạ thấp tính tư tưởng, tính nhân văn, tính chân thật của thông tin.

Hiện nay có một bộ phận công chúng quan niệm đọc sách báo, xem phim, vào rạp để nghỉ ngơi, giải trí. Cũng có một bộ phận công chúng tò mò, chuộng lạ, đòi hỏi được sách báo, phim ảnh thỏa mãn những nhu cầu thị hiếu riêng. Nhưng cần nhận thấy đa số công chúng mong muốn sách báo phản ánh chân thực cuộc sống cũng như tâm tư, nguyện vọng của họ ; giải đáp những thắc mắc thường nhật ; gợi ý họ kinh nghiệm sống và làm ăn ; cung cấp tri thức ; giúp họ hoàn thiện nhân cách và dạy dỗ con cái... Đấy là công chúng thực sự của sách báo, họ chiếm số đông, đang chờ đợi chúng ta và chúng ta cần tìm đến với họ. Những người làm ra sách báo không thể chỉ thụ động chiều theo nhu cầu thị hiếu riêng của một số người mà phải tìm đến công chúng lớn của mình để tăng hiệu quả và chất lượng sách báo. Đó là bản lĩnh cao nhất cũng là thử thách lớn nhất của chúng ta.

Trách nhiệm lớn của người làm báo, làm xuất bản hiện nay là phải nâng cao chất lượng sách báo, khắc phục bằng được khuynh hướng "thương mại hóa", ngăn chặn những xu hướng không lành mạnh trong hoạt động ra báo, in sách, tích cực tạo ra môi trường thông tin, dư luận thực sự lành mạnh, phù hợp các định hướng của Đảng.

4 - Chúng ta đã nghiêm túc nhìn thẳng vào sự thật để kiểm điểm, đánh giá công tác quản lý báo chí, xuất bản. Những ý kiến đóng góp của Hội Nhà báo Việt Nam và các đại biểu thay mặt cho các cơ quan chủ quản, các cơ quan báo chí, xuất bản cũng đã nêu lên nhiều vấn đề bổ ích. Thực hiện Chỉ thị 22-CT/TU của Bộ Chính trị, lĩnh vực quản lý, chỉ đạo báo chí, xuất bản có nhiều cố gắng và làm được nhiều việc, nhưng cũng còn nhiều thiếu sót như việc xử lý còn chậm và lúng túng ; một số chính sách, quy định cụ thể không còn phù hợp nhưng chưa được sửa đổi, hoàn thiện ; thiếu cơ chế hoàn chỉnh để phối hợp giữa các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước trong việc quản lý, định hướng, xử lý khi có vi phạm ; thiếu kiên quyết, kịp thời và triệt để ngăn chặn các ấn phẩm có

Digitized by Google

nội dung độc hại ; còn thiếu các quy định cụ thể trong công tác quản lý phát thanh, truyền hình, Intermet và các cơ sở in ấn. Việc phát hành sách báo chưa được quan tâm đúng mức đến các đối tượng công chúng ở vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Một số nội dung được đề ra trong Chỉ thị 22-CT/TU chậm được triển khai thực hiện hoặc chưa thực hiện tốt như việc xây dựng chiến lược thông tin quốc gia, việc quy hoạch hệ thống cơ sở đào tạo, bồi dưỡng báo chí, xuất bản. Việc bố trí, bổ nhiệm cán bộ báo chí, xuất bản, mặc dù đã có quy định trong Luật Báo chí, Luật Xuất bản và Chỉ thị 22-CT/TU của Bộ Chính trị nhưng trong thực tế không được chấp hành nghiêm chỉnh, thậm chí còn có sự tùy tiện trong việc thực hiện quy trình này. Một số cơ quan chủ quản còn buông lỏng vai trò lãnh đạo, quản lý hoạt động của cơ quan báo chí, xuất bản trực thuộc, chưa coi trọng việc bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên về chính trị, nghiệp vụ và phẩm chất, đạo đức.

Những khuyết điểm trong công tác quản lý, tổ chức và cán bộ là nguyên nhân quan trọng dẫn đến các khuyết điểm trong hoạt động báo chí, xuất bản vừa qua. Khắc phục khuyết điểm này là cơ sở để khắc phục các hạn chế, khuyết điểm khác.

5 - Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã xác định : *Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh* và chỉ ra phương hướng lớn *Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa* để thực hiện mục tiêu đó. Đại hội cũng chỉ ra những cơ hội lớn cũng như những thách thức lớn với toàn dân, toàn Đảng ta trong giai đoạn cách mạng mới.

Từ sau Đại hội đến nay, tình hình thế giới và trong nước có những biến chuyển nhanh chóng mở ra triển vọng mới đồng thời cũng đòi hỏi chúng ta hết sức cảnh giác, quyết tâm vượt qua những khó khăn, thách thức. Trong bối cảnh đó, kẻ thù đang ra sức chống phá ta trên nhiều mặt, tiến hành "diễn biến hòa bình", bằng cả hệ thống thông tin đồ sộ ; những thế lực thù địch, cơ hội chính trị nhân cơ hội này đang ra sức xúi giục, kích động, chia rẽ nhân dân. Trên mặt trận tư tưởng - văn hóa, chúng rêu rao con bài "dân chủ", "nhân quyền" giả hiệu hòng lừa phỉnh những người nhẹ dạ, cả tin. Nhằm phá hoại mặt trận báo chí - xuất bản, những phần tử chống đối ra sức vu cáo chúng ta không có tự do báo chí ; họ đòi được ra báo, lập nhà xuất bản tư nhân ; họ xúi giục báo chí đối lập với hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trước tình hình ấy, chúng ta công khai vạch trần mọi thủ đoạn vu cáo, lừa bịp, chúng ta khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng chính trị duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam và hệ thống báo chí, xuất bản Việt Nam là công cụ sắc bén của Đảng, Nhà nước, là tiếng nói đại diện cho nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng vô cùng khó khăn, gian khổ nhưng vẻ vang và nhất định thắng lợi.

Trước nhiệm vụ hết sức nặng nề đó, những người làm báo, làm sách phải đặt mục tiêu phục vụ chính trị lên hàng đầu, không chỉ là những thông tin chính trị mà mục tiêu chính trị phải thấm nhuần trong mọi thông tin kinh tế, xã hội, văn hóa, nghệ thuật, các hình thức giải trí.

Chúng ta cần nâng cao sức chiến đấu của báo chí, thẳng thắn vạch trần những luận điệu thù địch, sai trái đang tìm cách lừa mị quần chúng. Cần tuyên truyền mạnh mẽ, chính xác, có sức lôi cuốn các mặt tích cực, những tập thể và cá nhân tiên tiến trong đời sống, khơi dậy lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào chế độ, vào tương lai của đất nước. Báo chí phải thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội. Tăng cường hơn nữa truyền bá văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, cập nhật trình độ kỹ thuật, công nghệ thế giới. Xây dựng nền đạo đức mới trên nền tảng đạo lý dân tộc.

Digitized by Google

Vun đắp, hoàn thiện hình mẫu con người Việt Nam hiện đại, kế thừa nét đẹp truyền thống của cha ông. Nâng tầm trí tuệ, tri thức khoa học, công nghệ của mỗi công dân. Kịp thời tổng kết các thành tựu Việt Nam trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, khoa học, sáng tạo nghệ thuật, đời sống xã hội... trên báo, nhất là trên sách.

Để làm tốt những nhiệm vụ này, cần nâng cao nhận thức chính trị, đồng thời nhanh chóng đổi mới nghiệp vụ để thông tin không chỉ đúng mà còn hay, sinh động, hấp dẫn.

Tại Hội nghị lần này, các đại biểu đều nhất trí cao việc quán triệt sâu sắc hơn nữa các nội dung nghị quyết Đại hội IX của Đảng, tiếp tục thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và nguyên tắc đã đề ra trong Chỉ thị 22-CT/TU. Để đưa sự nghiệp báo chí, xuất bản tiến lên một bước mới, một trình độ mới, tôi xin nhấn mạnh một số công việc cần khẩn trương thực hiện sau đây :

- Các cơ quan báo chí, xuất bản, đặc biệt là các tổ chức đảng, các đoàn thể quần chúng ; các đồng chí lãnh đạo trong những cơ quan này cần quán triệt hơn nữa Nghị quyết Đại hội IX, Chỉ thị 22-CT/TU, tổ chức cho cán bộ, đảng viên, phóng viên, biên tập viên và nhân viên tiếp tục học tập, xây dựng chương trình hành động toàn diện nâng cao chất lượng sách, báo phục vụ nhân dân. Báo chí và xuất bản nước ta cần làm tốt hơn nữa nhiệm vụ phổ cập, truyền bá những quyết sách của Đảng trong văn kiện Đại hội IX, thúc đẩy phong trào hành động cách mạng rộng rãi trong mọi tầng lớp nhân dân. Các cơ sở in, phát hành đẩy mạnh đổi mới kỹ thuật, đổi mới phương thức kinh doanh để có sách báo đẹp, đến được người đọc. Tăng cường đoàn kết nội bộ, đấu tranh phê bình và tự phê bình trên tinh thần xây dựng, chống các biểu hiện tiêu cực, không ngừng rèn luyện, trau dồi đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân. Tích cực học tập, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ chính trị và nghiệp vụ, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng và nhân dân. Đầu tư kỹ thuật mới, nhanh chóng làm chủ kỹ thuật theo kịp đà tiến bộ của khoa học - công nghệ thông tin.

- Các cơ quan chủ quản thực hiện nghiêm túc trách nhiệm và quyền hạn đã ghi trong Luật Báo chí, Luật Xuất bản. Cần bố trí cán bộ có khả năng thường xuyên chỉ đạo, giúp đỡ báo chí, xuất bản hoạt động. Cơ quan chủ quản cần tạo điều kiện cho các báo, nhà xuất bản như về việc bố trí đủ người và về cơ sở vật chất, tài chính đồng thời kiểm tra, đôn đốc, định hướng tuyên truyền, xuất bản. Cần nghiêm túc xử lý sai phạm, khen thưởng kịp thời, nghiêm minh và cùng chịu trách nhiệm với tổng biên tập, giám đốc trước pháp luật và kỷ luật đảng về hoạt động báo chí, xuất bản của cơ quan, ngành, đoàn thể, địa phương mình.

- Các cơ sở đào tạo nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ báo chí, xuất bản ; cán bộ kỹ thuật báo in, phát thanh, truyền hình, in và cán bộ kinh doanh phát hành. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh cùng các trường đại học, các ban, ngành có liên quan khẩn trương xây dựng quy hoạch đào tạo, chuẩn hóa chương trình và giáo trình cán bộ báo chí, xuất bản. Các cơ quan báo chí, xuất bản cùng với các cơ sở đào tạo, Hội Nhà báo, Hội Xuất bản phối hợp sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ mới được đào tạo nhất là nâng cao giác ngộ chính trị và trình độ nghiệp vụ.

- Đề nghị Hội Nhà báo, Hội Xuất bản tích cực động viên, tổ chức hội viên thực hiện nhiệm vụ chính trị đồng thời tăng cường hơn nữa việc chăm lo, bảo vệ quyền lợi những người làm báo, làm xuất bản. Quan tâm đời sống tinh thần, vật chất các hội viên lão thành, kiến nghị Nhà nước có hình thức ghi nhận xứng đáng những người có công lao với nghề. Cần hoàn thiện hệ thống cơ quan lãnh đạo, quản lý theo kịp tình hình mới, đồng thời xây dựng, bổ sung hệ thống chế độ, chính sách và cơ chế làm việc để phát huy hiệu lực và chất lượng công tác của các cơ quan này.

Digitized by Google

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương sớm xây dựng quy định về trách nhiệm, quyền hạn lãnh đạo báo chí, xuất bản của các tổ chức đảng từ trung ương tới cơ sở.

- Bộ Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm phối hợp với các ban, ngành, hội đẩy nhanh tiến độ hoàn chỉnh **Chiến lược thông tin quốc gia** trình Chính phủ vào nửa đầu năm 2002 ; xúc tiến chủ trì Dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản ; rà soát lại để xây dựng, điều chỉnh, bổ sung các văn bản liên quan đến báo chí, xuất bản ; phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các ngành có liên quan đề xuất vấn đề lương và phụ cấp có tính lương, chế độ nâng cấp, nâng bậc, chế độ tài trợ, chế độ thuế báo chí, xuất bản ; phí phát hành sách báo, Internet ; quy định về trách nhiệm, quyền hạn các cơ quan chủ quản theo Luật Báo chí ; kiến nghị về quy hoạch, quản lý Nhà nước phát thanh, truyền hình và một số vấn đề khác trong lĩnh vực báo chí, xuất bản. Trước mắt, cần đệ trình Chính phủ về việc ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Báo chí (sửa đổi), chế độ nhuận bút báo chí.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, cùng với nhân dân cả nước, đội ngũ báo chí, xuất bản nước ta đang bước vào thời kỳ phấn đấu mới. Hội nghị tổng kết bốn năm thực hiện Chỉ thị 22-CT/TU của Bộ Chính trị (khóa VIII) là bước khởi động rất quan trọng của những người làm báo, làm xuất bản cả nước. Chúng tôi đề nghị các đồng chí lãnh đạo các cơ quan tư tưởng, văn hóa, các cơ quan báo chí Trung ương và các tỉnh, thành phố, các cơ quan chủ quản báo chí sẽ triển khai kết quả Hội nghị, phát huy ưu điểm, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, thúc đẩy quá trình đổi mới và phát triển báo chí, xuất bản lên một bước mới, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đáp ứng lòng mong đợi của nhân dân. ❑

VÌ SAO PHẢI XÂY DỰNG...

(Tiếp theo trang 32)

những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của kinh tế mỗi nước hoặc mỗi chế độ xã hội. Nó có thể chi phối sự vận hành của nền kinh tế trong những khoảng thời gian nhất định. Khi điều kiện, hoàn cảnh kinh tế có sự biến chuyển khác đi thì các lý thuyết kinh tế hoặc phải thay đổi hoặc không được tuân theo, vậy thì lý thuyết kinh tế của chủ nghĩa tự do mới, theo quy luật, sớm muộn cũng sẽ bị thay đổi. *Thứ hai,* chủ nghĩa tự do mới đang được các nước tư bản phát triển áp đặt đối với kinh tế toàn cầu thông qua các thiết chế kinh tế, những quy tắc ứng xử có lợi cho họ. Cùng với thời gian, vận hành theo những lý thuyết chủ đạo của chủ nghĩa tự do mới, những cuộc khủng hoảng kinh tế không tránh được cũng sẽ ngày càng lan tỏa và đến một chừng mực nào đó cái được coi là chủ thuyết kinh tế này cũng sẽ bị đào thải. *Thứ ba,* trong khi tuân thủ những quy tắc ứng xử toàn cầu, mỗi nước cũng có những chủ thuyết kinh tế của mình và điều đó là cơ sở cho việc xây dựng một nền kinh tế riêng có và việc hội nhập vào nền kinh tế thế giới tùy thuộc vào trình độ phát triển và mức độ chuẩn bị của nền kinh tế trong nước.

Trong bối cảnh quốc tế phức tạp và đầy mâu thuẫn như đã phân tích ở trên, đối với đất nước ta, việc xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ càng cấp thiết hơn bởi đó là điều kiện quyết định để giữ vững được định hướng phát triển mà chúng ta đã lựa chọn. Chỉ có xây dựng được nền kinh tế độc lập tự chủ, chúng ta mới có cơ sở và điều kiện để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

Digitized by Google

BÁO CHÍ, XUẤT BẢN SAU 4 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ 22-CT/TU *

I - TÌNH HÌNH BÁO CHÍ, XUẤT BẢN TRONG THỜI GIAN QUA

Sau Hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 08-CT/TU của Ban Bí thư (khóa VII), Bộ Chính trị (khóa VIII) đã ra Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 17-10-1997 về ***"Tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác báo chí, xuất bản"***, nêu những quan điểm và định hướng lớn trong hoạt động báo chí, xuất bản đồng thời chỉ ra những nhiệm vụ, giải pháp cơ bản nhằm tiếp tục phát triển đi đôi với quản lý tốt công tác báo chí, xuất bản.

Thực hiện Chỉ thị 22-CT/TU của Bộ Chính trị, 4 năm qua Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Bộ Văn hóa - Thông tin, Hội Nhà báo Việt Nam, Tổng cục Bưu điện đã có những văn bản hướng dẫn, chỉ đạo cụ thể.

Sau 4 năm, đến nay 59 cấp ủy, chính quyền địa phương, hơn 60 bộ, ngành, đoàn thể có cơ quan báo chí, xuất bản và hầu hết các cơ quan báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình trong cả nước đã nghiên cứu, quán triệt và xây dựng chương trình hành động thực hiện Chỉ thị 22-CT/TU. Nhiều cấp ủy, chính phủ, ban cán sự, đảng đoàn đã đưa nhiệm vụ chỉ đạo, quản lý báo chí, xuất bản vào nội dung công tác thường xuyên, tăng cường cán bộ chuyên trách cho lĩnh vực này, góp phần quan trọng vào những tiến bộ mới của báo chí, xuất bản trong thời gian qua.

Nhờ những cố gắng và nỗ lực, tự vượt lên của nhiều cơ quan báo chí, xuất bản, trong bối cảnh đất nước và quốc tế có nhiều biến động mau lẹ, phức tạp, thời cơ và thách thức đan xen, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ thông tin, nhu cầu thông tin tăng không ngừng và ngày càng đa dạng của nhân dân, nền kinh tế thị trường đặt ra nhiều thử thách khắc nghiệt, nhưng nhìn chung, chiều hướng phát triển của báo chí, xuất bản vẫn theo xu hướng đi lên, có bước phát triển mới về ngoại hình, về nội dung và hình thức, giữ vững định hướng chính trị, góp phần vào thành tựu chung của sự nghiệp đổi mới đất nước. Những mặt thành tựu nổi bật đó là :

1 - Phát huy truyền thống vẻ vang của báo chí cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, các phương tiện thông tin đại chúng, xuất bản tiếp tục tỏ rõ bản lĩnh chính trị, lập trường vững vàng trước mọi biến cố, thử thách, thực hiện tốt hơn nhiệm vụ đối nội, đối ngoại của Đảng, Nhà nước, vươn lên làm tốt chức năng tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, là diễn đàn của nhân dân. Chính vì vậy, báo chí ngày càng có uy tín trong quần chúng, trở thành vũ khí tư tưởng tin cậy, sắc bén, kịp thời của Đảng.

2 - Các cơ quan báo chí, xuất bản ngày càng nhận thức sâu sắc hơn tính tất yếu của sự nghiệp đổi mới, tin tưởng hơn vào triển vọng của đất nước, từ đó tăng thêm nhiệt tình ủng hộ sự nghiệp đổi mới, góp sức đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; tích cực cổ vũ phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân ; khẳng định ý chí bảo vệ toàn vẹn chủ quyền

* Báo cáo của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương do đồng chí Hồng Vinh, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam, Phó trưởng Ban thường trực Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương trình bày tại Hội nghị tổng kết 4 năm thực hiện Chỉ thị 22/CT-TU của Bộ Chính trị (khóa VIII)

Digitized by Google

lãnh thổ và quyết tâm đổi mới, tiến lên chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta. Tích cực đấu tranh chống tham nhũng và các hành vi tiêu cực, các biểu hiện vi phạm dân chủ, các tệ nạn xã hội, góp phần làm trong sạch Đảng và bộ máy công quyền, khôi phục, nâng cao lòng tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa. Báo chí đã trở thành một lực lượng của Đảng trong công tác kiểm tra, giám sát, tổ chức, hoàn thiện hệ thống chính trị. Báo chí cũng đã góp phần quan trọng vào tổng kết thực tiễn bổ sung và làm phong phú thêm kho tàng lý luận của Đảng. Nhiều thông tin và kiến nghị của hệ thống thông tin đại chúng đã giúp Đảng, Nhà nước bổ sung, hoàn thiện nhiều chủ trương, chính sách.

3 - Báo chí, xuất bản góp phần tích cực vào việc nâng cao dân trí, chống ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa ngoại lai, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đã có tiến bộ đáng kể trong việc thỏa mãn nhu cầu thông tin, nhu cầu hưởng thụ văn hóa lành mạnh của nhân dân lao động, có ảnh hưởng tích cực trong việc giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống, xây dựng con người Việt Nam theo những chuẩn mực nêu trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), phục vụ đắc lực công cuộc phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều báo, đài có cố gắng lớn trong việc thông tin phục vụ đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

4 - Báo chí có tiến bộ rõ nét trong công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại. Với việc tham gia thông tin điện tử toàn cầu (In-tơ-nét), mở rộng diện phát sóng truyền hình và phát thanh tới một số khu vực và quốc gia trên thế giới, đã phá vỡ thế bị động, cô lập về thông tin, phục vụ ngày càng tốt hơn việc tuyên truyền đường lối đối ngoại, chính sách hội nhập kinh tế và các hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước, nhân dân ta. Công tác quản lý, cung cấp thông tin cho phóng viên, cơ quan báo chí nước ngoài của Bộ Ngoại giao có nhiều tiến bộ, nhất là trong dịp tổ chức các hội nghị quốc tế lớn, các sự kiện chính trị, ngoại giao quan trọng.

5 - Có bước phát triển nhanh về kỹ thuật và công nghệ thông tin theo hướng hiện đại hóa. Loại hình báo điện tử từ bước thử nghiệm đến nay đã có 17 tờ báo và website (trang báo) tham gia mạng In-tơ-nét, 9 tháng năm 2001 đã có 400 triệu lượt người truy cập với tổng thời lượng 2,5 tỉ phút, gấp nhiều lần tổng số độc giả, thính giả của báo in, sách in, phát thanh cộng lại. Ngoài ra, còn nhiều mạng In-tơ-nét với hàng chục triệu người thường xuyên sử dụng. Hệ thống phát thanh, truyền hình đã và đang áp dụng nhiều công nghệ thông tin tiên tiến từ analog (tương tự) sang digital (kỹ thuật số). Phương thức phát thanh có giao lưu trực tiếp, cầu truyền hình, đã phổ cập tới một số đài địa phương. Kỹ thuật truyền hình cáp có nhiều triển vọng. Diện phủ sóng phát thanh, truyền hình tăng lên, tới được nhiều vùng lõm, vùng miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số. Kỹ thuật tiếp nhận, xử lý thông tin, in ấn và phát hành báo in có tiến bộ rõ nét, đạt mức trung bình tiên tiến của thế giới. Cùng sách in cổ điển, đã xuất hiện sách điện tử được người đọc hoan nghênh tuy còn trong diện hẹp.

6 - Đội ngũ cán bộ quản lý, phóng viên báo chí, biên tập viên các nhà xuất bản tiếp tục phát triển về số lượng, chất lượng, chính trị và chuyên môn được nâng lên một bước. Cả nước hiện có 11 000 nhà báo được cấp thẻ của Bộ Văn hóa - Thông tin, 9 000 nhà báo là hội viên Hội Nhà báo Việt Nam. Công tác bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ chính trị và nghiệp vụ báo chí, xuất bản được chú ý hơn trước. Việc giáo dục, nâng cao đạo đức nghề nghiệp theo 10 quy ước của Hội Nhà báo được giới báo chí và xã hội quan tâm.

7 - Các cơ quan báo chí và nhà xuất bản đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quá trình thích ứng cơ chế thị trường, từng bước tự chủ về tài chính đầu tư đổi mới điều kiện làm việc. Một số cơ quan khác vừa hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, vừa tăng nguồn thu, giảm chi cho ngân sách. Đời sống người làm báo, làm xuất bản được cải thiện một bước.

8 - Trình độ, năng lực của các cơ quan quản lý báo chí, xuất bản được nâng lên hơn trước.

Digitized by Google

Đi đôi với những thành tích, ưu điểm lớn và rất cơ bản nêu trên, hoạt động báo chí, xuất bản cũng còn những khuyết điểm, thiếu sót không nhỏ. Một số khuyết điểm, thiếu sót chậm được khắc phục và có phần nghiêm trọng hơn ; trong khi đó lại phát sinh một số khuyết điểm, thiếu sót mới. Những mặt tiêu cực này hạn chế rất lớn đến thành tựu của báo chí, xuất bản, trở thành vấn đề bức xúc trong xã hội, thậm chí dẫn tới những phản ứng gay gắt của dư luận, phủ nhận mặt tích cực của báo chí. Đáng chú ý một số biểu hiện như sau :

1 - Xu hướng thương mại hóa chậm được ngăn chặn và đẩy lùi, thể hiện rõ nét ở cách làm báo, làm sách giật gân, câu khách, kích thích thị hiếu thấp hèn, tò mò, chuộng lạ của một bộ phận độc giả trình độ văn hóa thấp. Hiện tượng chạy theo lợi nhuận cục bộ còn thể hiện ở việc tranh giành thông tin ; làm báo theo kiểu các tờ "lá cải" của phương Tây ; thông tin thiếu trung thực, khách quan, thiếu chuẩn xác ; trình bày báo xa lạ với thẩm mỹ dân tộc ; quảng cáo sai sự thật, thiếu văn hóa... Đây là những biểu hiện nghiêm trọng cần được ngăn chặn.

2 - Một số tờ báo có xu hướng xa rời tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ ; hiện tượng thờ ơ trước các sự kiện chính trị - xã hội quan trọng của đất nước, của ngành mình, địa phương mình... Chạy theo lợi nhuận nên không ít cơ quan báo chí chưa quan tâm đúng mức tuyên truyền biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến, kinh nghiệm hay trong sản xuất, kinh doanh, các gương thi đua yêu nước, lao động tận tụy và sáng tạo của công nhân, nông dân, trí thức... Phương pháp tuyên truyền điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt, tổng kết kinh nghiệm... chậm đổi mới, chưa hấp dẫn người đọc. Tin lễ tân còn nhiều, làm cho các trang báo và chương trình thời sự còn nặng nề, thiếu sinh động.

Việc giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống cách mạng ; đề cao đạo lý và nhân cách Việt Nam ; bảo tồn và phát huy văn hóa Việt Nam, xây dựng con người Việt Nam chủ yếu tập trung trong dịp các ngày kỷ niệm lớn, các ngày lễ, các cuộc vận động chính trị lớn. Trong một số thông tin, bài vở còn bộc lộ sự mơ hồ về quan điểm : đề cao một chiều tự do kinh doanh, giới thiệu quá nhiều các chính khách, văn hóa, lối sống phương Tây, thiếu chọn lọc khi sử dụng những thông tin của nước ngoài. Một số báo, đài chỉ nhấn mạnh một chiều quyền thông tin báo chí, mà không đề cao trách nhiệm của báo chí trong xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, tôn trọng đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước...

Chậm và thiếu chủ động, thiếu sắc bén trong cuộc đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hòa bình" trên mặt trận tư tưởng, văn hóa của các thế lực thù địch. Chưa thật chủ động và tích cực trong việc phê phán các luận điệu sai trái mưu toan chia rẽ và làm suy yếu Đảng của một số phần tử bất mãn, cơ hội.

3 - Trong đấu tranh chống tiêu cực một số báo, đài còn để nhiều sai sót, trong đó có những sai sót nghiêm trọng do thiếu hiểu biết, thiếu điều tra, nghiên cứu, thiếu khách quan, trung thực.

Trong tuyên truyền về chủ trương, chính sách, có hiện tượng nặng về phê phán chính sách của Nhà nước, mặt khiếm khuyết, chưa coi trọng đề xuất các giải pháp tích cực, chỉ chú ý phê phán những người có chức quyền, góp phần tạo ra cách nhìn phiến diện, tiêu cực đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nói chung ; không nhìn thấy các mặt tích cực, những đóng góp to lớn của các cơ quan, tổ chức cũng như của đa số cán bộ, đảng viên trong sự nghiệp đổi mới hiện nay. Khi có sai sót, khuyết điểm về thông tin thì cửa quyền, coi thường dư luận, không thành khẩn nhận sai lầm ; nhiều khi còn dùng báo chí để trù dập, xúc phạm các tổ chức xã hội và công dân.

4 - Tình trạng thiếu tu dưỡng, rèn luyện thường xuyên về phẩm chất, đạo đức có xu hướng tăng lên. Bệnh "ngôi sao", tự thỏa mãn đã xuất hiện ở một số cơ quan báo có nhiều công chúng, nhất là trong lớp nhà báo trẻ. Số phóng viên, biên tập viên vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm pháp luật không ít. Đã xuất hiện tình trạng mất đoàn kết nội bộ trong một số cơ quan

Digitized by Google

báo, đài ; giữa các cơ quan báo chí và các cơ quan xuất bản gây ảnh hưởng xấu tới uy tín của báo chí, xuất bản.

5 - Việc chấp hành kỷ luật thông tin của Đảng, pháp luật Nhà nước về báo chí - xuất bản chưa thật nghiêm. Một số cơ quan báo chí, xuất bản chậm sửa chữa khuyết điểm, sai phạm về chính trị, mặc dù đã được nhắc nhở, rút kinh nghiệm nhiều lần. Một số cơ quan báo chí, nhà xuất bản còn để tư nhân, kể cả tư nhân nước ngoài thao túng như lựa chọn đề tài, chủ đề tuyên truyền, xuất bản ; thiết kế mỹ thuật báo, sách...

6 - Quy hoạch báo chí, nhà xuất bản thiếu cụ thể, dứt điểm, chưa khắc phục được đáng kể sự mất cân đối. Tình trạng sách, báo tập trung quá nhiều ở thành trị, trong khi vùng nông thôn rộng lớn thiếu nghiêm trọng ; có ngành quá nhiều báo, tạp chí, nhà xuất bản, trong khi ngành khác không có báo ; có địa phương thị trường báo chí sôi động chi phối thị trường báo chí cả nước, trong khi các địa bàn quan trọng khác thiếu sách, báo, do vậy đã tạo ra tình trạng lãng phí, vừa thừa vừa thiếu, chênh lệch về hưởng thụ thông tin. Việc tổ chức các văn phòng đại diện, phóng viên thường trú còn nhiều bất hợp lý, chưa được quản lý chặt chẽ.

7 - Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ báo chí, xuất bản, nhất là cán bộ quản lý, cán bộ đường lối chủ chốt các báo, đài còn thiếu quy hoạch, chất lượng đào tạo chưa cao, quản lý chương trình, giáo trình lỏng lẻo, thiếu hệ thống, chưa thực sự có chuyển biến mạnh mẽ.

8 - Công tác quản lý, chỉ đạo báo chí tuy có tiến bộ nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu.

Hệ thống văn bản pháp luật và dưới luật cũng như các văn bản hướng dẫn thực hiện còn thiếu, không đồng bộ, chồng chéo, lạc hậu so với thực tiễn và thiếu các chính sách, cơ chế phù hợp.

Phần lớn các cơ quan văn hóa thông tin cấp tỉnh, thành phố còn lúng túng, chưa thực sự quản lý chặt chẽ hệ thống báo, đài, xuất bản ngày càng phong phú trên địa bàn. Hệ thống truyền thanh cơ sở đang bị thả nổi. Mạng In-tơ-nét chậm phát triển, lúng túng trong tổ chức quản lý. Việc xem xét chấn chỉnh các khuyết điểm, sai phạm trong hoạt động báo chí văn nghệ còn nể nang, dễ dãi.

II - NGUYÊN NHÂN THÀNH TỰU VÀ KHUYẾT ĐIỂM, THIẾU SÓT.

1 - Nguyên nhân thành tựu.

- Báo chí, xuất bản nước ta luôn trung thành với nhân dân, đất nước và Đảng quang vinh. Đội ngũ báo chí, xuất bản về cơ bản là những cán bộ, đảng viên từng trải trong quá trình hoạt động cách mạng, qua chiến tranh giữ nước, được Đảng giáo dục, dìu dắt. Trong hoạt động báo chí, xuất bản Việt Nam chưa từng xuất hiện xu hướng đối lập, cơ hội, chia rẽ và truyền thống đó tiếp tục được phát huy cho tới ngày nay.

- Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, đường lối đúng đắn của Đảng, thành tựu của 16 năm đổi mới, vị thế quốc tế ngày càng được nâng cao của nước ta là thực tiễn lớn, là cơ sở thực hiện sinh động thúc đẩy báo chí, xuất bản phát triển lành mạnh.

- Sự trưởng thành của đội ngũ những người làm báo chí, xuất bản về chính trị, nghiệp vụ, kỹ thuật, về kinh nghiệm hoạt động trong cơ chế kinh tế thị trường và ảnh hưởng tích cực của sự phát triển mạnh mẽ kỹ thuật thông tin hiện đại.

- Vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với báo chí, xuất bản ngày càng được tăng cường.

2 - Nguyên nhân của khuyết điểm, yếu kém :

- Nhận thức của cán bộ, đảng viên tổ chức Đảng ở các cơ quan báo chí, xuất bản chưa nâng lên tương xứng với nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ xóa bỏ bao cấp, thực hiện cơ chế kinh tế thị trường hiện nay.

Chưa có sự nhất trí cao trong chống xu hướng thương mại hóa, còn lẫn lộn giữa khuyến khích xã hội hóa báo chí, xuất bản với việc thương mại hóa báo chí, xuất bản.

Còn có biểu hiện nặng về khuynh hướng kinh tế đơn thuần trong hoạt động báo chí, xuất bản.

- Công tác rèn luyện, giáo dục đạo đức nghề nghiệp, trình độ chính trị, năng lực nghiệp vụ chưa thường xuyên được đề cao.

Digitized by Google

Việc đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý báo chí, xuất bản, chỗ dựa nòng cốt của Đảng chưa được thật chú trọng.

- Công tác lãnh đạo, quản lý, chỉ đạo báo chí của Đảng và Nhà nước còn hạn chế, có điểm bất cập. Vai trò tổ chức Đảng ở cơ sở, của cơ quan chủ quản và sự giám sát của xã hội chưa được đề cao đúng mức.

Các chính sách, cơ chế quản lý còn chậm, thiếu đồng bộ, bị buông lỏng, việc phân công còn chồng chéo, thiếu rõ ràng. Có tình trạng hữu khuynh, dựa dẫm, đổ trách nhiệm cho nhau.

III - NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN ĐI ĐÔI VỚI TĂNG CƯỜNG CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ BÁO CHÍ, XUẤT BẢN HIỆN NAY.

Dưới ánh sáng Nghị quyết và các văn kiện của Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, hoạt động báo chí, xuất bản trong cả nước cần tiếp tục quán triệt các quan điểm chỉ đạo nêu trong Chỉ thị 22 của Bộ Chính trị (khóa VIII) thực hiện có hiệu quả một số nhiệm vụ quan trọng sau đây :

1 - Tăng cường sự lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước theo phương châm phát triển đi đôi với quản lý tốt báo chí, xuất bản. Phát triển toàn diện báo chí, xuất bản, mà trọng tâm là nâng cao chất lượng tư tưởng, chính trị, văn hóa, khoa học. Đổi mới nghiệp vụ thông tin, hình thức trình bày, in ấn theo hướng từng bước hiện đại hóa, quan tâm hàng đầu tới chất lượng và hiệu quả.

Nâng cao tính tư tưởng, tính chân thật, tính chiến đấu của các sản phẩm báo chí, hướng nội dung thông tin và nhiệm vụ trung tâm là phục vụ sự nghiệp bảo vệ độc lập và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Kiên quyết chống xu hướng xa rời tôn chỉ, mục đích ở từng cơ quan báo chí, xuất bản ; xu hướng phai nhạt lý tưởng, né tránh chính trị, "trung lập hóa" báo chí, xuất bản. Hoạt động báo chí, xuất bản gắn liền với thực tiễn sản xuất và đời sống, phản ánh sinh động phong trào cách mạng, phong trào thi đua yêu nước của các tầng lớp nhân dân ở mọi miền đất nước. Báo chí, xuất bản là tiếng nói của Đảng và Nhà nước ; đồng thời là diễn đàn của nhân dân, là công cụ của dân, do dân, vì dân. Chính vì vậy những người làm báo phải là đội quân tư tưởng, văn hóa tinh nhuệ, đáng tin cậy của Đảng.

2 - Chống các tiêu cực, lệch lạc, đặc biệt là chống thương mại hóa báo chí, xuất bản. Thương mại hóa biểu hiện ở nhiều dạng, chủ yếu là các mặt sau : *Một là,* hạ thấp chất lượng chính trị, văn hóa, khoa học của sách, báo ; thông tin theo kiểu giật gân, bịa đặt, khơi gợi và thỏa mãn sự tò mò, để bán được nhiều báo, thu được nhiều lãi. *Hai là,* biến tờ báo thành nơi kinh doanh quảng cáo, biến cơ quan báo chí của Đảng, Nhà nước và các tổ chức xã hội trở thành nơi độc quyền quảng cáo để thu lợi sau khi đã nộp một phần thuế trong diện được ưu đãi. Một số không ít báo, đài đã không quan tâm đến độ tin cậy của quảng cáo, tới khuyến khích sản xuất và kinh doanh trong nước, tới nội dung chính trị và văn hóa của quảng cáo. *Ba là,* dùng tờ báo vào mục đích thương mại một cách tinh vi, kín đáo hơn như nhận tài trợ, lập quỹ, trao đổi học bổng, đi nước ngoài.

3 - Quy hoạch và xây dựng hệ thống thông tin đại chúng cân đối, đồng bộ, hợp lý. Khắc phục tư tưởng cục bộ, bản vị, thiếu kiên quyết của một số địa phương và ngành chủ quản, thiếu một cơ chế thống nhất để tránh tình trạng nội dung thông tin trùng lặp, nghèo nàn, thiếu đa dạng, chưa thiết thực với người đọc, người nghe. Khá nhiều tin tức trên báo in khai thác cùng một nguồn, xào xáo lại của nhau, một bài in nhiều báo, một bản thảo in nhiều nhà xuất bản. Tình trạng tương tự như vậy cũng phổ biến trên các chương trình phát thanh, truyền hình. Các đài phát thanh - truyền hình nhất là ở địa phương dành quá nhiều thời lượng cho phim nước ngoài, lãng phí tiền của và thời gian của người dân.

Trước mắt, ưu tiên phát triển truyền hình, phát thanh, báo điện tử, các báo, tạp chí khoa học kỹ thuật, các loại sách chính trị, phục vụ giáo dục, văn hóa đi đôi với quản lý tốt các loại hình báo chí, xuất bản này. Nghiên cứu, đề xuất giải pháp sắp xếp lại các đài phát thanh - truyền

Digitized by Google

hình địa phương trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu của công chúng. Kiểm tra, đánh giá kết quả đầu tư phủ sóng, trợ giá máy thu thanh, thu hình để tiếp tục có chủ trương phù hợp. Đầu tư thích đáng, giải quyết hợp lý phát hành để có thêm các ấn phẩm phục vụ nông thôn, vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có nhiều đồng bào các tôn giáo. Phát triển các báo điện tử phục vụ thông tin đối ngoại và trong nước kể cả phát thanh, truyền hình, báo in đối ngoại đi đôi với quản lý chặt chẽ nội dung thông tin và dịch vụ kèm theo các loại hình này. Thử nghiệm và từng bước phát triển các dạng sách điện tử.

4 - Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, các chế độ, chính sách. Trước mắt tập trung vào xây dựng chiến lược thông tin quốc gia trung hạn và định hướng thông tin dài hạn ; dự thảo *"Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xuất bản"* trình Chính phủ phê duyệt để trình Quốc hội xem xét ; ban hành quy định của Văn phòng Chính phủ về quy hoạch, quản lý Nhà nước hệ thống phát thanh, truyền hình ; ban hành chế độ lương, nhuận bút, tài trợ, trợ giá, chính sách thuế đối với báo chí, xuất bản ; quy định về việc thành lập, quản lý phóng viên thường trú ; văn phòng đại diện cơ quan báo chí và xuất bản ; quy định và phân công trách nhiệm trong công tác phát hành, xuất nhập khẩu sách, báo, phim nước ngoài, các thiết bị phát thanh, truyền hình, phần mềm báo điện tử. Hoàn thiện cơ chế quản lý đầu vào, đầu ra và sử dụng, kinh doanh In-tơ-nét phù hợp với tốc độ phát triển của loại hình thông tin này.

5 - Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ, phóng viên báo chí, biên tập viên xuất bản. Sớm nghiên cứu, đề xuất việc quy hoạch hệ thống đào tạo cử nhân và nghiên cứu sinh báo chí, xuất bản, xây dựng thống nhất khung chương trình đào tạo cử nhân báo chí, xuất bản cho các cơ sở đào tạo. Cần quan tâm thích đáng việc đào tạo cán bộ quản lý báo chí, xuất bản ; đào tạo lại và bồi dưỡng những nhà báo có kinh nghiệm lâu năm trong nghề, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt. Quản lý chặt chẽ số lượng, chất lượng đào tạo cử nhân báo chí, xuất bản tại chức và ngắn hạn. Tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác đào tạo, đồng thời quản lý chặt chẽ, cảnh giác trước âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch trong lĩnh vực này.

6 - Giáo dục, tổ chức, động viên các cơ quan báo chí, những người làm báo, làm xuất bản giữ vững và nâng cao đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân. Hội Nhà báo, Hội Xuất bản, đảng bộ các cơ quan chủ quản, cơ sở đảng trong các cơ quan báo chí, xuất bản ; các cơ quan quản lý báo chí của Đảng và Nhà nước có chương trình, kế hoạch thường xuyên công tác rất quan trọng này. Xây dựng quy chế dân chủ, mở rộng hệ thống cộng tác viên và bạn đọc, tăng cường công tác tiếp dân của từng tòa soạn báo, khắc phục tình trạng cửa quyền, mất dân chủ trong các cơ quan báo chí. Đề phòng khuynh hướng mất đoàn kết trong nội bộ và giữa các cơ quan báo chí, xuất bản với nhau.

7 - Để làm tốt các nhiệm vụ và giải pháp quan trọng vừa nêu, vấn đề quyết định là nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của các tổ chức đảng từ Trung ương tới địa phương và vai trò quản lý nhà nước về công tác báo chí, xuất bản. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban cán sự, đảng đoàn, đảng bộ các tỉnh, thành phố trực tiếp là các Ban tuyên giáo ; tổ chức đảng ở các cơ quan báo chí, xuất bản ; Bộ Văn hóa - Thông tin, các Sở Văn hóa - Thông tin sau Hội nghị này cần triển khai đánh giá, tổng kết, rút ra bài học trên tinh thần thẳng thắn phê bình và tự phê bình công tác lãnh đạo, quản lý báo chí, xuất bản, từ đó xây dựng chương trình hành động cụ thể, sát hợp tập trung vào các mục tiêu và giải pháp vừa nêu.

Công tác báo chí, xuất bản là sự nghiệp chung của toàn Đảng, toàn dân ta trên mặt trận chính trị, tư tưởng. Dưới ánh sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác tư tưởng - văn hóa và quyết tâm của chúng ta, nhất định báo chí, xuất bản sẽ khắc phục nhanh khó khăn, khuyết điểm và thu được nhiều tiến bộ mới, thành tựu mới. ❑

Digitized by Google

QUYỀN CON NGƯỜI VỚI ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA

CAO ĐỨC THÁI *

DÂN chủ, nhân quyền cũng như độc lập, tự do, bình đẳng, bác ái... là thành quả phát triển lịch sử lâu dài của các dân tộc, là khát vọng cháy bỏng của nhân loại. Chính vì những lý tưởng đó mà lớp lớp các thế hệ người Việt Nam đã không quản đầu rơi, máu chảy, đứng lên đấu tranh để giành và giữ độc lập dân tộc. Cũng chính vì lý tưởng đó mà Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm đường cứu nước, mà hàng triệu đồng bào, chiến sĩ ta trên khắp ba miền của đất nước đã hy sinh xương máu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ.

Đằng sau cái gọi là "thúc đẩy nhân quyền và thay đổi dân chủ" của "đạo luật nhân quyền Việt Nam".

Sau thất bại của các thế lực phản động hiếu chiến hung hăng nhất của chủ nghĩa tư bản trong chiến tranh thế giới thứ hai, bộ tham mưu của chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ đã sớm nhận thấy, chỉ với sức mạnh quân sự không thôi, sẽ không đánh bại được các nước xã hội chủ nghĩa và khó có thể khuất phục được các quốc gia đi theo con đường độc lập dân tộc. Để có thể làm bá chủ thế giới, họ cũng sớm thấy rằng cần phải có một chiến lược mới mang tính tổng hợp, kết hợp sức mạnh quân sự, kinh tế với các thủ đoạn chính trị thâm độc bằng cách giương cao cái gọi là ngọn cờ "dân chủ", "nhân quyền". Vì thế Hoa Kỳ quyết định hằng năm cho ra báo cáo về tình hình nhân quyền các nước, chủ yếu nhằm vào xuyên tạc, bôi nhọ các nước xã hội chủ nghĩa và các quốc gia được họ coi là "cứng cổ", không chịu đi theo quỹ đạo của Mỹ.

Sau cuộc khủng hoảng của hệ thống xã hội chủ nghĩa và sự sụp đổ của Liên Xô cùng các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, các thế lực cường quyền của chủ nghĩa đế quốc càng nhận thấy sức mạnh, tính hiệu quả của "vũ khí dân chủ, nhân quyền" và họ càng đẩy mạnh việc sử dụng chiêu bài này.

Giương cao ngọn cờ dân chủ, nhân quyền, những thế lực cực hữu ở Hoa Kỳ thông qua cái gọi là "Đạo luật nhân quyền Việt Nam", một mặt họ che giấu ý đồ thiếu thiện chí, lừa dối nhân dân Mỹ rằng họ đang làm những việc "chính nghĩa", "nhân đạo" để sử dụng tiền đóng thuế của nhân dân Mỹ trong việc can thiệp vào công việc nội bộ của các nước khác. Mặt khác, bằng việc xuyên tạc tình hình nhân quyền nước khác, họ đánh lạc hướng chú ý của nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới về chính "thành tích bất nhân quyền" của Hoa Kỳ.

Nhân đây, xin nhắc lại những thất bại về uy tín chính trị của Hoa Kỳ trên diễn đàn quốc tế. Đó là việc Hoa Kỳ bị gạt khỏi Ủy ban nhân quyền của Liên hợp quốc trong cuộc bỏ phiếu tại Hội đồng kinh tế - xã hội (ECOSOC) ngày 3-5-2001. Cũng trong khoảng thời gian này, Hoa Kỳ lại bị gạt khỏi Ủy ban kiểm soát ma túy (INCB). Dư luận quốc tế đã chỉ ra rằng, nguyên nhân chính của sự thất bại đó là vì :

* TS, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Hoa Kỳ rút khỏi Nghị định thư Ky-ô-tô, bộc lộ thái độ vô trách nhiệm đối với sự suy thoái môi trường toàn cầu ; là do Mỹ quyết định triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa NMD, phá vỡ thế cân bằng chiến lược, đe dọa hòa bình thế giới. Điều quan trọng hơn là nhiều nước muốn thông qua việc gạt bỏ Hoa Kỳ khỏi các tổ chức đó để hạn chế những việc làm sai trái của Hoa Kỳ, thường lấy cớ bảo vệ nhân quyền, kiểm soát ma túy để can thiệp thô bạo vào công việc của các nước.

Ý đồ của Hoa Kỳ qua cái gọi là "Đạo luật nhân quyền Việt Nam" quá rõ ràng :

- Dùng quan niệm dân chủ, nhân quyền của Hoa Kỳ và những thông tin sai lạc do một số phần tử phản quốc người Việt Nam định cư ở nước ngoài cung cấp để xuyên tạc tình hình nhân quyền ở Việt Nam, lừa dối nhân dân Mỹ, nhân dân thế giới hòng bôi nhọ và cô lập Việt Nam về chính trị, hạn chế các quan hệ hợp tác kinh tế giữa Hoa Kỳ với Việt Nam.

- Đối với những kẻ làm tay sai cho chúng ở Việt Nam cũng như ở nước ngoài, đạo luật này cho phép Chính phủ Hoa Kỳ cung cấp tài chính cho các "cá nhân và tổ chức" để đấu tranh cho cái gọi là "nhân quyền" và thay đổi "dân chủ" ở Việt Nam nhằm phối hợp : "nội công - ngoại kích", từng bước làm suy yếu sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước ta : phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, chia cắt đất nước, xâm phạm sự toàn vẹn lãnh thổ và thống nhất đất nước của dân tộc ta. Nói tóm lại, đằng sau cái gọi là "Đạo luật nhân quyền Việt Nam" không phải vì nhân quyền cho nhân dân Việt Nam, mà là thủ đoạn phá hoại sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa, làm suy yếu Việt Nam, đưa nước Việt Nam vào quỹ đạo do Hoa Kỳ chi phối.

"Đạo luật nhân quyền Việt Nam" - một sự vi phạm thô bạo Hiến chương Liên hợp quốc và các nguyên tắc của pháp luật quốc tế về quyền con người.

"Đạo luật nhân quyền Việt Nam" đã đưa ra những điều mà họ gọi là "những vi phạm nghiêm trọng và hệ thống các quyền cơ bản của con người". Đó là chế độ do Đảng ta lãnh đạo ; là vi phạm quyền "tự do phát biểu ý kiến và hội họp", là "tước đoạt tự do tôn giáo...". Đương nhiên, đây là sự xuyên tạc và vu cáo trắng trợn tình hình thực tế ở Việt Nam.

Trước hết trong đạo luật này, các nghị sĩ Hạ viện Hoa Kỳ đã áp đặt quan niệm dân chủ và nhân quyền của mình cho nước khác, đồng thời vi phạm Hiến chương Liên hợp quốc và pháp luật quốc tế về quyền con người.

Điều 1 và 2 (Chương I) ghi : Mục đích của Liên hợp quốc là "phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc *trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và tự quyết của các dân tộc..."* [1]. "Liên hợp quốc được xây dựng trên *nguyên tắc bình đẳng chủ quyền của tất cả các nước thành viên".*

Việt Nam và Hoa Kỳ là hai quốc gia độc lập, có chủ quyền, là thành viên bình đẳng của Liên hợp quốc. Việt Nam có Hiến pháp, pháp luật riêng của mình, thể hiện ý chí, nguyện vọng của tuyệt đại đa số nhân dân Việt Nam. Việc Hạ viện Hoa Kỳ phê phán vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam được ghi trong Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một việc làm vi phạm nguyên tắc tôn trọng chủ quyền quốc gia được ghi trong Hiến chương Liên hợp quốc. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam ghi rằng : "Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo, tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật". Như vậy, sự lãnh đạo của Đảng, không phải là chuyên quyền, độc đoán, độc tài như họ cố tình xuyên tạc. Đạo luật này còn vi phạm chính hai công ước quốc tế quan trọng và

(1) Trung tâm nghiên cứu quyền con người thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh : "*Các văn kiện quốc tế về quyền con người*". Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr 20

Digitized by Google

cơ bản nhất về quyền con người. Đó là Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị ; Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 1966. Điều 1 (của cả hai công ước) ghi : "*Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết.* Xuất phát từ quyền đó, *các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình* và tự do phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa".

Việt Nam là một dân tộc có bề dày lịch sử, có truyền thống văn hiến, thời nào cũng có cách tổ chức và quản lý xã hội, đất nước của mình dựa trên pháp luật. Việc Hạ viện Hoa Kỳ đóng vai trò phán xét hệ thống chính trị của Việt Nam, pháp luật của Việt Nam là không thể chấp nhận được cả về mặt chính trị và đạo lý. Sự khác nhau về cơ cấu của hệ thống chính trị, Hiến pháp và pháp luật giữa các quốc gia là điều bình thường. Việt Nam thực hiện chế độ bầu cử theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Trong khi Hoa Kỳ có chế độ bầu cử gián tiếp qua các lá phiếu đại cử tri. Pháp luật Việt Nam không cho phép tư nhân sử dụng súng, còn Hoa Kỳ thì bảo đảm "quyền tự do" được mua, bán và sử dụng súng !... Những sự khác biệt đó, hay - dở như thế nào hãy để cho mọi người phán xét.

Việc Nhà nước Việt Nam thực thi pháp luật hạn chế quyền tự do của một số công dân vi phạm pháp luật là hoàn toàn thuộc thẩm quyền của Việt Nam. Điều này hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc của luật quốc tế.

Tuyên bố về các nguyên tắc của luật quốc tế điều chỉnh quan hệ hữu nghị hợp tác giữa các quốc gia, phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc ghi : "Không một quốc gia nào được can thiệp vào các vấn đề thuộc thẩm quyền của một quốc gia khác. Mọi quốc gia đều có quyền bất di, bất dịch trong việc lựa chọn hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa mà không chịu bất cứ một hình thức can thiệp nào từ một quốc gia khác" (2). Như vậy là việc Hạ viện Hoa Kỳ dẫn ra những vụ việc một số công dân Việt Nam vi phạm pháp luật bị các cơ quan tư pháp có thẩm quyền xử lý và cho rằng, đó là sự vi phạm nhân quyền, trên thực tế đã vi phạm các nguyên tắc của luật quốc tế do Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua.

Phải nói thêm rằng, trong pháp luật của các quốc gia, tất cả các quyền tự do đều có giới hạn. Tính hợp pháp của những hạn chế đó là ở chỗ, phải do luật định và phù hợp với lợi ích của cộng đồng. Dường như tất cả các quốc gia đều ghi trong Hiến pháp của mình quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng, nhưng ở Hoa Kỳ, người ta đã phải xử lý giáo phái "Thần mặt trời" - tổ chức gây ra vụ tự sát tập thể tại một giáo đường vào năm 1998. Ở Nhật Bản, người ta đã phải đưa ra tòa giáo phái A-um, tổ chức đã xả chất độc sa-rin vào đường tàu điện ngầm ở Tô-ky-ô. Ở Trung Quốc, Chính phủ cũng buộc phải cấm giáo phái "Pháp luân công" với mưu toan giành giật quyền lực với chính quyền để phục vụ cho ý đồ của các thế lực phản động. Ở Việt Nam, các quyền tự do tôn giáo tín ngưỡng được tôn trọng. Đồng thời để bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng, Nhà nước đã có chính sách đối với tôn giáo. Việc người công dân có đạo, không có nghĩa là họ không có nghĩa vụ và trách nhiệm công dân. Trái lại, họ phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đầy đủ như những công dân không có đạo. Việc một số công dân có đạo bị các cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý không có nghĩa là Nhà nước ta xét xử họ về việc họ theo tôn giáo này hay tôn giáo khác, mà vì họ đã hành động phạm pháp luật, vi phạm lợi ích của cộng đồng.

Độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ thống nhất đất nước là điều kiện cơ bản nhất để bảo vệ quyền con người.

Không phải ngẫu nhiên mà pháp luật quốc tế về quyền con người trong thế kỷ XX đã

(2) Nghị quyết số 2625 (XXV) của Đại hội đồng Liên hợp quốc, ngày 24-10-1970

Digitized by Google

phát triển và mở rộng từ quyền cá nhân đến quyền tập thể, quyền dân tộc, quyền phát triển (chủ yếu là quyền dân tộc) ; đã đi từ quyền dân sự, chính trị đến các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Sở dĩ có được sự phát triển và mở rộng hệ thống quyền con người như vậy là do các dân tộc, trước hết là các dân tộc ở các nước xã hội chủ nghĩa cùng với những lực lượng tiến bộ trên thế giới đã tiến hành các cuộc đấu tranh kiên cường chống chủ nghĩa đế quốc giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, tiến bộ xã hội. Thắng lợi của các cuộc đấu tranh này đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận trong các văn kiện quốc tế.

Sự phát triển của quyền con người gắn liền với lịch sử nhân loại. Trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản mới hình thành và ở giai đoạn cạnh tranh tự do, quyền con người phát triển trong khuôn khổ quốc gia, song song với quyền công dân. Từ khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa với các cuộc chiến tranh xâm lược và khai thác thuộc địa, quyền con người trở thành một vấn đề quốc tế, trong khuôn khổ những vấn đề dân tộc và thuộc địa. Các khái niệm : dân chủ, nhân quyền, tự do, bình đẳng, bác ái đã đến các thuộc địa qua những con đường khác nhau : bằng lưỡi lê và gót giày của đội quân xâm lược và qua những trí thức tiên tiến, thật sự mong muốn thực hiện lý tưởng nhân đạo cho nhân loại. Những tư tưởng tiến bộ đó đã đến Việt Nam vào cuối thế kỷ XIX và có sức hấp dẫn to lớn với tầng lớp trí thức Việt Nam. Những người đi theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tìm thấy con đường bảo đảm quyền con người ở một nước thuộc địa trước hết phải đấu tranh giành lại độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia. Từ khi chủ nghĩa xã hội ra đời, quyền con người trở thành nội dung quan trọng của cuộc đấu tranh ý thức hệ, đấu tranh giữa hai hệ thống tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Các thế lực đế quốc luôn mạo nhận là người bảo vệ dân chủ, nhân quyền, dùng chiêu bài giương cao ngọn cờ dân chủ, nhân quyền để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước xã hội chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực nhân quyền do đó gắn liền với cuộc đấu tranh bảo vệ Đảng, Nhà nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hệ thống chính trị, bảo vệ Hiến pháp và pháp luật quốc gia.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm chỉ ra rằng, các cuộc cách mạng dân chủ tư sản là những cuộc cách mạng "không đến nơi". Chỉ có cách mạng do giai cấp vô sản mà Đảng Cộng sản lãnh đạo mới thật sự đem lại hạnh phúc cho mọi người.

Đi theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam đã gắn việc giành và bảo vệ quyền con người với độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất đất nước.

Ai cũng biết rằng dưới chế độ thực dân phong kiến, nhân dân ta, không kể tầng lớp, giai cấp nào, tất cả đều không được hưởng một chút quyền con người nào. Đối với bọn xâm lược, các quyền tự do, dân chủ công bằng, bình đẳng... là quyền con người của "chính quốc", đâu phải quyền của người dân thuộc địa ! Chỉ đến khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nhân dân ta mới có quyền làm người. Nhưng phải 30 năm sau , tiến hành các cuộc chiến tranh giữ nước với biết bao hy sinh xương máu, nhân ta mới bảo vệ được chủ quyền quốc gia, thống nhất đất nước và toàn vẹn lãnh thổ. Lịch sử đã chỉ ra rằng độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia là tiền đề và điều kiện cho việc bảo vệ quyền con người. Những ai hy vọng vào các thế lực ngoại bang đem lại quyền con người cho dân tộc mình thì thật là người ngây thơ ngờ nghệch.

Kinh nghiệm quốc tế gần đây, cũng như trước kia cho thấy, chủ nghĩa đế quốc luôn luôn sử dụng ngọn cờ dân chủ, nhân quyền, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, quyền của các bộ tộc,

Digitized by Google

phá hoại sự ổn định về chính trị từng bước đi đến xé nhỏ các quốc gia, làm suy yếu các dân tộc để dễ bề chi phối, cai trị, đó là một chiến lược quen thuộc của chủ nghĩa đế quốc.

Hơn một nửa thế kỷ qua, từ khi giành được độc lập đến nay, Hiến pháp và pháp luật Việt Nam luôn luôn ghi nhận những quyền con người cơ bản. Cho đến nay, Việt Nam đã ký kết và gia nhập 8 công ước quốc tế và 2 nghị định thư về quyền con người, trong đó có hai công ước cơ bản. Đó là Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị, Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (năm 1966). Trong quá trình lập hiến, lập pháp cũng như xác định các chủ trương chính sách, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn tính tới tập quán quốc tế, trách nhiệm quốc gia, đã nội luật hóa các điều ước quốc tế mà mình tham gia. Báo cáo Chính trị Đại hội IX đã ghi : "Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người ; tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia" (3)

Có thể nói, cho đến nay, Hiến pháp, pháp luật nước ta về cơ bản thống nhất với các chuẩn mực quốc tế về quyền con người.

Tiếp tục sự nghiệp đấu tranh giành và giữ vững độc lập dân tộc, bảo vệ quyền sống cho tất cả mọi người, công cuộc đổi mới đã mở ra một thời kỳ mới, hiện thực hóa mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Nói cách khác, là thời kỳ mà các quyền con người được bảo đảm ở mức cao hơn.

Cùng với chính sách kinh tế, xã hội đúng đắn, gắn liền tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" chúng ta đã dấy lên nhiều phong trào xã hội, giải quyết một cách sáng tạo nhiều vấn đề kinh tế, xã hội nan giải. Đó là phong trào xóa đói giảm nghèo, xây dựng nhà tình nghĩa, phủ xanh đất trống đồi trọc, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, bê tông hóa kênh mương, trợ giúp pháp lý cho người nghèo, bảo hiểm y tế cho nông dân, phong trào thanh niên tình nguyện đưa ánh sáng văn hóa tới vùng sâu, vùng xa... Thật khó có thể thống kê hết số liệu và sự kiện tương tự như vậy.

Theo báo cáo của cơ quan phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), trong nhiều năm liền chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam luôn được nâng cao và cao hơn chỉ số của một số quốc gia có chỉ số kinh tế bằng hoặc cao hơn Việt Nam. Ba năm qua chỉ số HDI của Việt Nam như sau : năm 1998 Việt Nam xếp thứ 122/174 (quốc gia), 1999 là 110/174, năm 2000 là 108/174.

Như vậy là Hạ viện Hoa Kỳ đã không muốn nhìn nhận quyền con người của nhân dân Việt Nam đã được bảo đảm và nâng cao, mà lại dựa vào những chứng cớ sai lệch, vu vơ, để lên án Việt Nam vi phạm nhân quyền. Cách nhìn nhận đó là thiên kiến, hạn hẹp, xuất phát từ những động cơ thiếu thiện chí. Trên cương vị của một cơ quan quyền lực quốc gia, cách nhìn đó không ngang tầm với trọng trách của mình.

Nguyên tắc và cơ chế của luật quốc tế nói chung, của quyền con người nói riêng là giải quyết những vấn đề bất đồng bằng đối thoại trên tinh thần bình đẳng, xây dựng, tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau. Mọi mưu toan đơn phương áp đặt, đối đầu, chẳng những là sự vi phạm luật quốc tế mà còn là hành động vi phạm nhân quyền một cách nghiêm trọng.

Là một dân tộc đã hy sinh nhiều xương máu để giành lại độc lập dân tộc, tự do cho nhân dân, cũng là giành lại quyền làm người, nhân dân ta kiên quyết bảo vệ những thành quả đó, không ngừng phát huy dân chủ, hoàn thiện nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân ; từng bước thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. ❑

(3) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 134

Digitized by Google

MỘT ĐẠO LUẬT THIẾU KHÁCH QUAN VÀ PHI KHOA HỌC

NGUYỄN CHÍ DŨNG *

NGÀY 6-9-2001, Hạ viện Hoa Kỳ đã thông qua cái gọi là "Đạo luật nhân quyền Việt Nam" (ĐLNQVN). Đạo luật này là một văn bản vừa sai về pháp lý vừa thiếu khách quan và phi khoa học.

Thứ nhất : *Nói về "nhân quyền".*

Đạo luật viết rằng : "Chính phủ Việt Nam nhất quán theo đuổi chính sách quấy nhiễu, phân biệt đối xử, đe dọa và thậm chí bỏ tù những người bất đồng chính kiến". Đây là một kết luận thiếu khách quan, là một luận điệu vu cáo một cách trắng trợn. Thực sự Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) giành và giữ được quyền lãnh đạo của mình là do Đảng đã đại diện cho những lợi ích chân chính của dân tộc, đồng thời đại diện cho xu thế phát triển tất yếu của thời đại. Ở Việt Nam - đất nước có lịch sử hàng ngàn năm với nhiều trang sử chống ngoại xâm oanh liệt, ý chí độc lập và tự cường dân tộc rất cao. Ai đại diện cho ý chí này, người đó trở thành người lãnh đạo đất nước. Sự thật lịch sử trong thế kỷ XX đã chứng minh rõ điều này. Năm 1930 sau sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái, Quốc dân đảng - một đảng của giai cấp tư sản Việt Nam đã chấm dứt vai trò của mình. Đảng Cộng sản Việt Nam tuy mới thành lập đã xác lập vai trò lãnh đạo độc tôn. Từ đó đến nay, ĐCSVN đã hoàn thành vẻ vang sứ mạng lịch sử là lật đổ chế độ thực dân, đế quốc giành độc lập dân tộc. Đại diện cho ý chí và quyền lợi của cả dân tộc Việt Nam, ĐCSVN là người lãnh đạo độc tôn. Đó là một tất yếu. Sau giải phóng miền Nam, nước Việt Nam chuyển sang hòa bình xây dựng, ĐCSVN chủ trương xây dựng đất nước Việt Nam ngày một dân chủ văn minh. Nhưng cuộc chiến tranh 30 năm đã chia rẽ xã hội Việt Nam rất sâu sắc. Hàng triệu người Việt Nam sợ bị trả thù đã di tản ra nước ngoài. Một bộ phận trong số này do thất bại, mất quyền lực và lợi ích, họ đã tạo thành một lực lượng chống đối đáng kể. Họ được nước ngoài khuyến khích và đã có không ít kế hoạch để "chuyển lửa về quê hương". Trong bối cảnh đó các thế lực thù địch lợi dụng gây sức ép từ nhiều phía. Họ đòi xét lại đường biên giới, kích động gây mâu thuẫn dân tộc, chia rẽ đồng bào miền Bắc với miền Nam, đồng bào miền xuôi và miền ngược, đồng bào đa số với đồng bào thiểu số. Ở một số nơi, họ lợi dụng tự do tôn giáo để khuyến khích chủ nghĩa ly khai, chia rẽ giáo, lương, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc. Thực tế họ đã chống lại ý chí độc lập, thống nhất của cả dân tộc Việt Nam. Trong bối cảnh đó, dân chủ theo mô hình phương Tây sẽ đồng nghĩa với sự ly tán, sự tan rã, sự suy sụp, sự mất đoàn kết mà những bài học đắt giá ở Nam Tư, Nga, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin và ở nhiều nơi khác đã và đang khuyến cáo chúng ta. Chính phương Tây đã áp đặt mô hình dân chủ, nhân quyền theo kiểu của họ vào nước khác mà không tính đến những đặc thù của nó. Đây là những yếu tố đầu tiên nói lên tính thiếu khách quan, phi khoa học của cái gọi là "Đạo luật nhân quyền Việt Nam" mà Hạ viện Hoa Kỳ đã thông qua.

Thứ hai : *Nếu xét chi tiết, có thể chỉ ra hàng loạt những luận điểm thiếu khách quan, những đòi hỏi không thực tế.*

---

* TS. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Một là, giải quyết vấn đề sắc tộc.

Đạo luật này có đoạn viết : "Chính phủ Việt Nam phải thúc đẩy những tiến bộ thực chất theo hướng tôn trọng nhân quyền đối với thành viên của nhóm dân tộc thiểu số ở cao nguyên miền Trung và các vùng khác của Việt Nam".

Ở đây "các nhóm dân tộc thiểu số ở cao nguyên miền Trung" được đạo luật cáo giác là những người Thượng "Đã đi đầu trong việc chống lại sự xâm lược của miền Bắc vào Nam" và là "những người chiến đấu dũng cảm bên cạnh quân đội Mỹ", "Họ đã bị chọn làm đối tượng của sự đàn áp nghiêm trọng một phần vì sự liên kết trong quá khứ của họ với Mỹ và một phần vì sự cam kết mạnh mẽ của họ với lối sống truyền thống của mình và với Thiên Chúa giáo được coi là sự không phù hợp với sự trung thành tuyệt đối và sự kiểm soát do chế độ cộng sản đòi hỏi".

Thực tế ai cũng biết, tuyệt đại đa số đồng bào Tây Nguyên luôn đi theo ĐCSVN chống bọn thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Trong cả hai cuộc chiến tranh chống xâm lược Tây Nguyên luôn là địa bàn chở che cho các lực lượng kháng chiến. Tây Nguyên bất khuất trở thành câu ca, bài hát trong lòng mỗi người Việt Nam. Còn theo lập luận của đạo luật kể trên, cái gọi là "Người Thượng ở Tây Nguyên" chỉ là một nhóm người cố kết trong tổ chức (FULRO) phản động.

Lúc đầu họ được thực dân Pháp tổ chức, nuôi dưỡng, chỉ đạo để khống chế các dân tộc ở Tây Nguyên. Họ là tổ chức chính trị vong bản. Thời Mỹ - ngụy họ đã theo Mỹ và đôi khi chống đối cả chính quyền Sài Gòn. Không ít tài liệu chứng minh rằng họ đã có những quan hệ buôn bán kể cả buôn bán ma túy để thu lợi bất chính. Họ tuyệt đối không thể được coi là đại diện cho đồng bào Thượng. Sau giải phóng miền Nam năm 1975, họ đã hoạt động như những toán thổ phỉ chuyên đặt mìn phá hoại, tấn công quấy rối làm mất an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội ở Tây Nguyên. Đây chính là bọn khủng bố, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Tháng 2-2001 một số phần tử trong nhóm này đã kích động gây bạo loạn. Chúng nêu khẩu hiệu : "Đất Tây Nguyên của người Tây Nguyên để mưu đồ lập ra một nhà nước "Đề Ga" tự trị, tách Tây Nguyên khỏi nước Việt Nam. Đây không phải là : "Các cuộc biểu tình hòa bình... yêu cầu tự do tôn giáo và đòi trả lại những vùng đất đai bị tịch thu" như "Đạo luật nhân quyền Việt Nam" (ĐLNQVN) đã khẳng định, mà là hoạt động chống phá có tổ chức được che đậy dưới chiêu bài "tự do tôn giáo" đã được điều khiển từ bên ngoài.

Còn yêu cầu "Đòi lại những vùng đất đai đã bị tịch thu" thì càng hoàn toàn vô lý. Sự thật sau năm 1975, ở Việt Nam không có bất kỳ cuộc cải cách ruộng đất nào. Nếu có thì chỉ là những cuộc điều chỉnh ruộng đất - tức là đem đất công, đất không chủ chia cho dân nghèo để phát triển sản xuất. Nhà nước Việt Nam không có bất kỳ hành động nào nhằm tịch thu ruộng đất của ai. Việc quyên điền, quyên sản ở một số người và một số tổ chức kể cả nhà thờ hoặc nhà chùa ở một vài địa phương sau giải phóng là hoàn toàn tự nguyện. Đất đai, tài sản quyên, hiến, thường được dùng để xây dựng trường học, nhà thương, nhà văn hóa và các công trình phúc lợi xã hội khác... Gần đây một số chủ thể quyên, hiến muốn thu lại những tài sản đã quyên hiến của mình cũng đã được chính quyền địa phương nghiên cứu và hoàn trả thích hợp. Đây là những sự thật. Không hiểu đạo luật nêu trên, căn cứ vào cơ sở nào để quy kết cho Việt Nam là "đã tịch thu ruộng đất" của nhân dân, nhất là của nhân dân các dân tộc thiểu số. Sự thật thì quá trình thực dân hóa diễn ra ở Mỹ hàng trăm năm trước đây mới chính là quá trình cướp đất, lập đồn điền, tìm vàng, khai thác khoáng sản mà ở đó tước đoạt bằng bạo lực, đền bù không thỏa đáng là những biện pháp chủ yếu. Còn ở Tây Nguyên lập các đồn điền, trang trại là tất yếu của quá trình đi lên sản xuất lớn. Đồng bào các dân tộc cần phải tham gia tích cực hơn vào quá trình

Digitized by Google

này. Tuy nhiên đây là một việc không dễ dàng, Nhà nước và các chủ thể sản xuất, kinh doanh cần phải có chính sách sát hợp với những biện pháp tích cực nhằm làm cho quá trình phát triển sản xuất lớn ở Tây Nguyên ngày một tốt hơn. Đây chính là mục tiêu mà định hướng xã hội chủ nghĩa của ĐCSVN và Chính phủ Việt Nam đang theo đuổi.

Ngoài những cái sai đã nêu, ĐLNQVN, còn vu cáo "Chính phủ Việt Nam ngược đãi thành viên của các nhóm dân tộc thiểu số khác bao gồm người Khơ-me Kơ-rom ở đồng bằng sông Mê - công mà nhiều người trong số họ đã sát cánh với lực lượng quân sự Mỹ chiến đấu trong chiến tranh Việt Nam". Một sự thật là trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, phần đông những người lính Sài Gòn là những người lao động bị Mỹ - ngụy cưỡng ép buộc phải cầm súng. Sau chiến tranh, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã thực hiện chính sách nhân đạo hòa hợp dân tộc và không có bất cứ cuộc "tắm máu" nào như người ta đã hù dọa. Cũng ngay từ sau giải phóng, đồng bào Khơ-me ở Nam Bộ cùng đồng bào các dân tộc khác sống ở đây đã được điều chỉnh ruộng đất để sinh sống làm ăn. Nhiều người từ không có ruộng đã trở thành người chủ hàng chục công đất. Tuy nhiên do thói quen và tập quán làm ăn cũ, nhiều người nông dân Khơ-me không tự chủ được cả quá trình sản xuất nên một số người đã bán đất hoặc cho thuê lại đất để tiếp tục đi làm thuê. Tình hình này khiến cho đời sống một bộ phận nhân dân Khơ-me còn nhiều khó khăn, chậm được cải thiện. Đây là hậu quả của tình trạng dân trí thấp, tư duy kinh tế chậm đổi mới, lực lượng sản xuất kém phát triển của bộ phận không nhỏ các dân tộc thiểu số, trong đó có người Khơ-me. Đây quyết không phải là kết quả của chính sách phân biệt đối xử hoặc ngược đãi của Đảng và Nhà nước Việt Nam như "ĐLNQVN" đã vu cáo.

Hai là, vấn đề tự do tôn giáo.

Mặc dù phải thừa nhận ở Việt Nam, quyền tự do thờ cúng vẫn được cho phép nhưng "ĐLNQVN" vẫn quy kết một cách vô lý rằng : "Chính phủ Việt Nam đã tước đoạt một cách có hệ thống quyền cơ bản tự do tôn giáo của công dân mình". Đảng Cộng sản Việt Nam và Chính phủ Việt Nam rất chú ý đến khía cạnh văn hóa và nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân. Trong Hiến pháp và hệ thống pháp luật của mình, Nhà nước Việt Nam luôn coi "tự do tôn giáo" là một trong những điều khoản quan trọng. Trên thực tế hiện nay ở Việt Nam đã có 22% dân số theo 6 tôn giáo chính. Trong đó Phật giáo có số tín đồ lớn nhất với 48,23%. Công giáo đứng thứ hai chiếm 29,81%. Đạo Cao Đài đứng thứ ba chiếm 11,47%. Còn lại là số tín đồ Hòa Hảo, Tin Lành và Hồi Giáo. Những tôn giáo này trong phần lớn thời gian hoạt động của mình đã chăm lo đến việc đạo và quán xuyến việc đời. Trong những hoạt động này họ không bao giờ bị Nhà nước ngăn cản. Tuy nhiên trong quá khứ và trong hiện tại đã có một số người trong tôn giáo bị lợi dụng để tuyên truyền chủ nghĩa li khai, kích động hiềm khích dân tộc, chia rẽ đồng bào có đạo và không có đạo... phục vụ cho những mưu đồ đen tối của các lực lượng thù địch bên ngoài. "Chia để trị" vốn là chính sách quen dùng của các thế lực xâm lược từ trước đến nay. Một nhà nước có chủ quyền lẽ nào không có những can thiệp cần thiết để ngăn cản những hoạt động lợi dụng tôn giáo như thế. Hơn nữa Việt Nam là một đất nước tồn tại và phát triển qua hàng ngàn năm lịch sử với biết bao mồ hôi và xương máu của tất cả các thế hệ tạo dựng lên. Đất nước này phải là một khối toàn vẹn, dân tộc Việt Nam phải thống nhất. Đó là chân lý dù cho sông cạn đá mòn cũng không bao giờ thay đổi. Chân lý này đã trở thành chuẩn mực giá trị bền vững của dân tộc Việt Nam. Ai chống lại dù dưới bất kỳ chiêu bài "tự do" tôn giáo, sắc tộc nào cũng đều bị dân tộc Việt Nam kiên quyết đánh bại. Thắng lợi của nhiều cuộc kháng chiến mà nhân dân Việt Nam đã giành được trong suốt những năm tháng lịch sử của mình đã chứng minh điều đó. Mọi hành động

Digitized by Google

lợi dụng vấn đề tôn giáo tín ngưỡng và sắc tộc để khuyến khích chủ nghĩa ly khai làm mất ổn định chính trị, ngăn cản khối đoàn kết thống nhất và phát triển là một toan tính lỗi thời. Nó chỉ làm tăng thêm tinh thần cảnh giác của mỗi người dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh để củng cố khối đoàn kết dân tộc.

Thứ ba : "ĐLNQVN" tiếp tục sai lầm khi vu cáo Chính phủ Việt Nam "can dự hoặc bỏ qua những vụ vi phạm nghiêm trọng quyền của người lao động", trong đó có cả việc để cho "hàng chục ngàn trẻ em dưới 15 tuổi bị bóc lột lao động" hoặc thờ ơ với số phận của nhiều người lao động Việt Nam đang lao động ở nước ngoài trong những chương trình xuất khẩu lao động.

Trước hết khẳng định rằng, Việt Nam không phải là quốc gia có tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi bị bóc lột sức lao động ở mức nghiêm trọng. Nhiều nghiên cứu của Quỹ nhi đồng Anh, của tổ chức SIDA Thụy Điển, của UNICEP và nhiều cơ quan quốc tế khác chứng minh rằng số lượng trẻ em dưới 15 tuổi phải lao động, nhất là lao động nặng nhọc không nhiều. Có tỉnh (Quảng Ninh, Hải Phòng...) các đoàn điều tra đến không thể tìm gặp bất cứ một trường hợp lao động trẻ em nào trong các cơ sở kinh doanh, sản xuất. Có chăng chỉ là trẻ em do những hoàn cảnh khác nhau ở nông thôn ra kiếm sống ở thành phố (trẻ em lang thang). Số này chủ yếu đánh giầy, bán báo, thu gom phế liệu trên các đường phố. Chính phủ Việt Nam và các nhà chức trách đã có nhiều kế hoạch để tập hợp, giáo dục, giúp đỡ các em nhỏ này học nghề, tái hòa nhập cộng đồng và kiếm sống.

Còn chương trình xuất khẩu lao động đạo luật này sao lại có thể đánh đồng với chuyện "buôn người". Thực tế hiện nay ở Việt Nam do nhiều nguyên nhân nên rất thừa lao động. Hằng năm tỉ lệ người thiếu việc làm có tới 7% đến 9%. Xuất khẩu lao động là một hướng quan trọng để giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động mà nhiều nước không chỉ Việt Nam đã và đang làm. Tuy nhiên, do trình độ chuyên môn tay nghề của người lao động Việt Nam chưa cao nên trước khi xuất khẩu cần đào tạo, hỗ trợ cho họ. Những chi phí cho việc đào tạo này và cho các thủ tục hành chính là cần thiết, hoàn toàn không vi phạm quyền của người lao động. Việc thực hiện chương trình xuất khẩu lao động có kế hoạch, phù hợp với lợi ích đất nước và lợi ích của những người lao động còn đang tiếp tục.

Thứ tư : "ĐLNQVN" cũng còn đặt ra những điều bất hợp lý và ngang ngược khác là đòi "Chính phủ Việt Nam đạt những tiến bộ thực chất theo hướng phóng thích tất cả những tù nhân chính trị và tôn giáo khỏi các trại giam, quản thúc tại gia và các hình thức giam cầm khác". Bất cứ một quốc gia độc lập, thống nhất và có chủ quyền nào kể cả Mỹ đều bỏ tù, phạt giam những kẻ vi phạm pháp luật, bán nước, phá hoại khối đoàn kết dân tộc, kích động hận thù, khuyến khích ly khai và khủng bố. Vì an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của mình, nước Mỹ cũng chưa bao giờ dám tuyên bố tha bổng tất cả những kẻ làm hại tới an ninh quốc gia và chia rẽ sắc tộc.

Chính phủ Việt Nam và nhân dân Việt Nam biết mình phải làm gì. Tự do, dân chủ là cần. Chỉ có tự do, dân chủ mới có thể phát triển, tiến bộ và đạt tới văn minh. Song tự do, dân chủ bao giờ cũng phải phù hợp với những đặc điểm văn hóa và lịch sử, truyền thống của từng dân tộc, quốc gia. Việc áp đặt mô hình dân chủ theo cách làm của Mỹ với Việt Nam, rõ ràng là không phù hợp. Điều đó chỉ tạo thêm phức tạp, làm tăng mâu thuẫn, khuyến khích bất đồng, hiềm khích và xung đột xã hội. Cái tối cần thiết cho xã hội Việt Nam hiện nay là ổn định để phát triển. Mọi hoạt động làm mất ổn định đều đi ngược lại lợi ích chân chính của dân tộc ở Việt Nam đang bị tất cả nhân dân Việt Nam lên án, chống lại. ❑

Digitized by Google

VÌ SAO PHẢI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ ĐỘC LẬP TỰ CHỦ ?

NGUYỄN THÚY

Hiện nay tất cả các nước trên thế giới khi tham gia quá trình toàn cầu hóa kinh tế, đều khẳng định mạnh mẽ chủ quyền kinh tế của mình. Ở nước ta vấn đề này càng được nhấn mạnh và được coi là một trong những nội dung chính yếu của đường lối kinh tế do Đại hội IX của Đảng đề ra : "Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp..." (1).

Như vậy, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ đã trở thành chủ trương của Đảng, là nhiệm vụ quan trọng của sự nghiệp cách mạng nước ta trong thời kỳ mới. Tuy nhiên đây là vấn đề mới mẻ và phức tạp nên vẫn còn có những ý kiến khác nhau, rất cần được trao đổi. Chẳng hạn, có những câu hỏi đặt ra như : Trong điều kiện toàn cầu hóa kinh tế, mở cửa hội nhập mạnh mẽ như thế mà lại đặt vấn đề xây dựng kinh tế độc lập tự chủ thì có thiếu nhạy bén, thiếu thức thời, có bảo thủ lạc hậu không, có đi ngược lại xu thế khách quan của sự phát triển kinh tế hay không ? Thế giới hiện nay thị trường thống nhất, cái gì cũng có thể mua, có thể vay thì cần gì phải có nền kinh tế độc lập tự chủ ?

Thực ra, khái niệm nền kinh tế độc lập tự chủ đã không ít lần được nhắc tới. Tuy nhiên, quan niệm về nền kinh tế độc lập tự chủ trong thời gian trước đây và hiện nay có những nét khác nhau. Nếu như trước kia khái niệm nền kinh tế độc lập tự chủ làm cho người ta liên tưởng tới việc tự lực cánh sinh hoặc biệt lập, khép kín, ít giao lưu và kém hiệu quả, thì ngày nay, khái niệm này được hiểu một cách mềm dẻo và linh hoạt hơn, độc lập tự chủ có tính tương đối. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ được đặt trong mối quan hệ biện chứng với việc đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, mở cửa, giao lưu với các nền kinh tế, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, hợp tác bình đẳng và cùng có lợi. Nói một cách chung nhất, nền kinh tế độc lập tự chủ là nền kinh tế có thể tự thân vận động, sử dụng và phát huy được nội lực, chủ động hội nhập vào nền kinh tế thế giới, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, không bị lệ thuộc vào bất cứ ai, thế lực nào, có khả năng đối phó và đứng vững trước những thách thức, tác động tiêu cực từ bên ngoài.

Trở lại những câu hỏi đặt ra đã nêu ở trên, có thể thấy rằng, mặc dù những lý lẽ đó có phần nào có lý, nhưng việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ được đặt ra vào thời điểm này cũng thực sự bắt nguồn từ chính quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Thực tiễn đó cho thấy nếu không có một nền kinh tế độc lập tự chủ sẽ không những không thể có sự độc lập về chính trị, không thể

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 89

Digitized by Google

bảo đảm được lợi ích cơ bản của dân tộc cũng như chủ quyền quốc gia mà bản thân việc mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế cũng không đạt được những kết quả như mong muốn. Sự cần thiết phải xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ cùng với việc đẩy mạnh quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế xuất phát từ một số luận cứ sau đây :

- *Một là,* tất cả các nước tham gia quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đều xuất phát từ mục tiêu bên trong, phục vụ cho yêu cầu, nhiệm vụ trong nước. Toàn cầu hóa, tự do hóa làm cho các nền kinh tế phụ thuộc, đan xen vào nhau, đó là điều không thể phủ nhận. Tuy nhiên, trong sự ràng buộc về lợi ích đó không có sự ràng buộc thuần túy, vô điều kiện mà chính là vì phải biết chia sẻ lợi ích một cách hợp lý, nhằm mục đích cuối cùng là thu được nhiều hơn lợi ích cho đất nước mình, dân tộc mình, giữ được tính độc lập của nền kinh tế qua mối quan hệ ràng buộc, phụ thuộc lẫn nhau - một sự ràng buộc đa phương về lợi ích.

Tất cả các nước tham gia vào quá trình tự do hóa thương mại đều trước hết vì lợi ích của mình chứ tuyệt nhiên không phải vì lợi ích của đối tác. Tuy nhiên, những lợi ích có được do hội nhập với nền kinh tế thế giới cũng không phải tự nhiên mà có, nó chỉ ở dạng tiềm năng và tiềm năng đó có trở thành hiện thực hay không và đến mức nào lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó cơ bản nhất là nội lực của nền kinh tế. Nước nào mạnh hơn nước đó thu được nhiều lợi hơn. Hội nhập kinh tế là cần thiết và quan trọng, là động lực nhưng không phải là động lực chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mỗi nước. Toàn cầu hóa kinh tế, tự do hóa thương mại, vừa tạo ra sự hợp tác, phụ thuộc lẫn nhau nhưng đồng thời cũng tạo nên sự cạnh tranh khốc liệt và rất không cân sức giữa các nền kinh tế. Sự cạnh tranh đó gay gắt đến mức có khi tạo ra nguy cơ gây mất ổn định kinh tế và chính trị của các nước, thậm chí có thể chuyển thành xung đột. Chính vì lẽ đó, các nước đều nhận thấy không thể ngồi yên chờ đợi, thụ động chịu sự tác động của toàn cầu hóa kinh tế, mà phải đưa ra các chiến lược, chính sách phát triển nhằm nâng cao năng lực nội sinh, vừa tham gia kinh tế toàn cầu, vừa toan tính để có thể chiếm giữ vị trí, lợi thế, tự bảo vệ nền kinh tế của mình, khuếch trương ưu thế và những giá trị của mình đến mức cao nhất, để từ đó chi phối đến nền kinh tế nước khác và nền kinh tế thế giới. Chẳng hạn, Liên minh châu Âu (EU) đã thông qua kế hoạch "Châu Âu điện tử", xây dựng xã hội tin học, đưa ra chính sách đổi mới trong nền kinh tế dựa trên cơ sở tri thức, nhằm theo kịp Mỹ, tạo ra một lợi thế cạnh tranh mới trong tương lai. Đồng thời, đối với thế giới, Liên minh châu Âu chú trọng điều chỉnh toàn cầu hóa theo cách của mình thông qua việc nêu những khác biệt của mình và trong trường hợp cần thiết áp đặt những giá trị của Liên minh lên các nước khác. Một số nhà kinh tế Trung Quốc lại nêu mục tiêu của việc tham gia hội nhập kinh tế quốc tế một cách rất cụ thể nhưng lại có tính khái quát : Trong khi tham gia, nếu giỏi tính toán và có thực lực thì có thể được 7 mất 3, nếu thực lực trung bình và chưa đủ độ tinh khôn thì được 5 mất 5, còn yếu kém cả hai mặt kể trên thì chỉ được 3 mà mất 7 hoặc được ít hơn nữa và mất nhiều hơn nữa. Trên thực tế đã có rất nhiều nước tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia vào các tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại thế giới từ lâu nhưng vẫn nằm trong tình trạng trì trệ, thậm chí mức độ bị phụ thuộc, mất tự do lại còn tăng hơn.

Như vậy đủ thấy là mỗi nước sẽ không thể thực hiện được những mục đích đã định ra nếu không có một nền kinh tế của chính mình và đủ mạnh.

Digitized by Google

Hai là, vì sự phát triển vững chắc và bảo đảm tính an toàn cho mỗi nền kinh tế.

Trong quá trình toàn cầu hóa hiện nay ẩn chứa rất nhiều những yếu tố bất ổn, bất lường, bất công mà mức độ cũng như khả năng phòng tránh, khắc phục nó phụ thuộc rất nhiều ở trình độ phát triển của các nền kinh tế. Toàn cầu hóa bên cạnh những tác động tích cực của nó cũng đang đặt ra những vấn đề, buộc người ta càng ngày càng phải cảnh giác hơn, càng có nhiều băn khoăn hơn đối với quá trình này. Ai cũng rõ rằng toàn cầu hóa kinh tế làm lây lan nhanh chóng và trên quy mô lớn những cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ, kinh tế ; làm trầm trọng thêm những vấn đề mang tính toàn cầu mà cho đến nay thế giới chưa tìm được lối thoát... Điều đó cũng có nghĩa là các nền kinh tế trở nên dễ biến động, bất ổn định hơn trước. Thí dụ : Một trong những bài học kinh nghiệm sâu sắc mà một số nước châu Á rút ra sau khi bị rơi vào cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ nặng nề năm 1997 - 1998, là sự phụ thuộc về vốn, công nghệ, thị trường nước ngoài và sự đầu cơ trục lợi của những nhà kinh doanh tiền tệ qua thị trường chứng khoán và các luồng vốn ngắn hạn. Các nền kinh tế này vượt qua được giai đoạn khó khăn, nhanh chóng phục hồi một phần rất quan trọng, theo đánh giá của các nhà phân tích kinh tế nước ngoài, là do nền kinh tế Mỹ mấy năm qua có sự tăng trưởng khá. Tuy nhiên, hiện nay khi nền kinh tế Mỹ đang ngập trong khó khăn, nhất là sau sự kiện 11-9 vừa qua người ta lại dự đoán rằng nền kinh tế một số nước châu Á khó bề vươn dậy vì đã dựa quá nhiều vào xuất khẩu, không tranh thủ thời cơ để tiến hành những cải cách cần thiết trong nước. Rồi nữa, "cái bẫy" nợ nần cùng với những hậu quả hết sức tai hại mà nhiều nước châu Phi đang phải gánh chịu là bài học nhỡn tiền rằng nếu chỉ biết sống dựa vào bên ngoài, phụ thuộc hẳn vào bên ngoài thì sẽ chẳng bao giờ nền kinh tế trong nước cất nổi mình lên.

Đối với nhiều nước tư bản chủ nghĩa, cái gọi là "nhà nước phúc lợi" hiện nay đang bị đe dọa bởi họ đang phải huy động đến tối đa các nguồn vốn để nâng cao sức cạnh tranh, dốc sức cho tăng trưởng kinh tế nên ngân sách dành cho phúc lợi trở thành gánh nặng, vì lợi ích có tính xã hội đang phải nhường bước cho lợi nhuận, lợi ích kinh tế thuần túy.

Không phải ngẫu nhiên mà khi quá trình toàn cầu hóa kinh tế càng lan tỏa thì nhiều câu hỏi càng trở nên bức xúc thêm : Vì sao môi trường sống, môi trường thiên nhiên lại đang bị đe dọa nghiêm trọng đến như vậy ; tại sao sự phân hóa giàu nghèo giữa các quốc gia và giữa các tầng lớp dân cư trong một quốc gia nhất là ở một số nước tư bản phát triển lại tăng lên như vậy ? Tại sao lại có nhiều người nghèo đến thế ở vào một thời điểm mà chưa bao giờ của cải lại dồi dào đến thế và người giàu lại giàu đến thế ? Nếu những vấn đề trên không được giải quyết, hoặc không tìm được lời giải trong hành trình tiếp theo của toàn cầu hóa, thì toàn cầu hóa, cuối cùng, sẽ mang đến cho toàn nhân loại cái gì ? Phải chăng đã đến lúc cần phải nhấn mạnh đến tính nhân văn của quá trình này ?...

Ba là, trong khi tham gia cuộc chơi chung toàn cầu hóa kinh tế, nước nào cũng muốn thu được nhiều lợi và nắm được công cụ quan trọng là công nghệ hiện đại.

Hiện nay tiêu chí sản phẩm hàng hóa cùng với các thiết chế, luật lệ kinh tế đang trở thành luật chơi trong sân chơi toàn cầu. Muốn tham gia cuộc chơi có kết quả nhất định mỗi nước phải biết tự vươn lên, phải tìm được vị trí cho mình đứng ở đâu, đi đến đâu. Điều quan trọng bậc nhất trong cuộc chơi này là làm sao tạo ra được nhiều sản phẩm mà ai cũng thấy cần

Digitized by Google

và được chấp nhận. Sức cạnh tranh, cung cầu trên thương trường, thế mạnh của nền kinh tế mỗi nước được định đoạt như vậy. Một trong những yếu tố mang tính quyết định giúp cho việc giành giữ ngôi thứ và vị trí trong nền kinh tế toàn cầu là công nghệ hiện đại. Không có công nghệ hiện đại thì bất kể đất nước nào cũng không thể cất cánh. Vì lẽ đó đã xuất hiện tình trạng phụ thuộc, yếu thế do thiếu công nghệ hiện đại của riêng mình. Để thực hiện sự chuyển giao công nghệ, một mặt, các nước nhận công nghệ phải đạt được đến một trình độ nhất định mới tiếp thu được công nghệ hiện đại. Mặt khác, quan trọng hơn, là phải phá được bức rào cản do các công ty đa quốc gia nắm trong tay công nghệ hiện đại lại chỉ muốn chuyển giao công nghệ cho các nước khác trong phạm vi rất hạn chế để luôn bảo đảm vị trí độc quyền của nó. Công nghệ hiện đại được sử dụng như một thứ công cụ, làm tăng thêm quyền lực và tập trung quyền lực cho họ, tạo nên một ưu thế mặc cả, một lợi thế cạnh tranh cho các siêu cường. Trong nhiều trường hợp, chính dựa vào ưu thế công nghệ, họ tự cho mình quyền chi phối các tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế, "quyền" đưa ra các lợi ích kinh tế đi kèm với các điều kiện chính trị, áp đặt tư tưởng. Thậm chí nhiều nước phát triển còn đưa ra cả "quyền" trừng phạt các nước khác dưới nhiều hình thức. Chẳng hạn, nếu các chính sách kinh tế của một nước nào đó bị coi là "có những tín hiệu thị trường lệch lạc" thì nước đó sẽ nhanh chóng bị trì hoãn hoặc cắt những khoản viện trợ, đầu tư trực tiếp từ nước ngoài. Hoặc một sự kiện nổi bật nhất gần đây là Hạ viện Mỹ thông qua Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đồng thời với việc thông qua "Đạo luật nhân quyền Việt Nam". Mưu toan của một số phần tử cực đoan ở Mỹ là muốn dùng "cái phanh hãm" này để áp đạt các biện pháp hạn chế trong làm ăn với Việt Nam vì những lý do hoàn toàn không liên quan đến kinh tế. Để khắc phục đến mức thấp nhất tình trạng bị rơi vào thế lệ thuộc, tất cả các nền kinh tế bằng mọi cách đều nỗ lực nâng cao nguồn nội lực của mình, nâng sức mạnh kinh tế trong nước, chống lại sự can thiệp quá sâu từ bên ngoài, giữ cho nền kinh tế tăng trưởng ổn định.

Bốn là, bản thân nguyên lý của "cuộc chơi" toàn cầu hóa cũng phải có thay đổi do sự phát triển về bề rộng và chiều sâu của quá trình toàn cầu hóa kinh tế.

Không nên coi chủ nghĩa tự do mới (với giá trị cốt lõi của nó là tự do cạnh tranh và tư nhân hóa) là cái gì đó nhất thành bất biến. Một nhà nghiên cứu đã nhận xét rằng "công tác tư tưởng và tuyên truyền của phái hữu là cực kỳ xuất sắc. Họ đã chi hàng trăm triệu đôla, nhưng kết quả thật xứng đáng với từng đồng xu họ bỏ ra, bởi lẽ họ đã khiến chủ nghĩa tự do mới trông như là điều tự nhiên và bình thường của nhân loại. Bất kể hệ thống tự do mới rõ ràng đã gây ra bao nhiêu thảm họa đủ các loại, bất kể nó có thể tạo nên bao nhiêu người bị thua thiệt và gạt bỏ, nó vẫn được trình bày như là tất yếu, như một công trình của thượng đế, một trật tự kinh tế và xã hội duy nhất có thể có đối với chúng ta... Một khi bạn hiểu được rằng chủ nghĩa tự do mới không phải là một lực như trọng lực mà là một cơ cấu hoàn toàn nhân tạo, thì bạn cũng có thể hiểu được rằng cái gì do người này tạo ra thì người khác cũng có thể thay đổi" (2). Nhận xét trên gợi lên một số điều đáng suy nghĩ. *Thứ nhất*, xưa nay, những lý thuyết kinh tế thường được xuất hiện trong

(Xem tiếp trang 13)

(2) *Chủ quyền kinh tế trong một thế giới đang toàn cầu hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr 28

Digitized by Google

NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

TẠ XUÂN ĐẠI *

I. Vị trí, vai trò, đặc điểm và kết quả hoạt động của tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp nhà nước thời gian qua

Tổ chức cơ sở đảng (TCCSĐ) là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở. Quy định số 49 QĐ/TU do Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) ban hành ngày 19-11-1992 về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trong doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đã nêu rõ : "Đảng bộ, chi bộ trong doanh nghiệp nhà nước là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ở doanh nghiệp ; lãnh đạo sản xuất kinh doanh có hiệu quả; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân, viên chức, hoàn thành nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế quốc dân, xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh".

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSĐ trong DNNN chính là khả năng quán triệt sâu sắc và vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của doanh nghiệp để đề ra các chủ trương, phương hướng đúng, có biện pháp tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ ở đơn vị ; tập hợp, động viên, kiểm tra người lao động thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh có hiệu quả cao ; chấn chỉnh và cải tiến sinh hoạt đảng, thực hiện có nền nếp việc quản lý đảng viên. Năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng trong DNNN thể hiện tiêu biểu nhất ở năng lực lãnh đạo của cấp ủy đảng. Năng lực lãnh đạo của cấp ủy càng cao thì việc đề ra chủ trương, kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp càng bảo đảm kịp thời, đúng đắn, sáng tạo, có hiệu quả. Bí thư cấp ủy phải là người có đủ phẩm chất và năng lực, nhất là năng lực thực tiễn trong chỉ đạo, điều hành, có kinh nghiệm về quản lý kinh tế, tổ chức sản xuất, gương mẫu về mọi mặt và tập hợp, quy tụ được quần chúng, các đoàn thể chính trị, thực hiện tổ chức sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đi đúng hướng và đạt hiệu quả cao. Điều đó thể hiện ở khả năng vượt mọi khó khăn, lãnh đạo doanh nghiệp hoạt động đạt được hiệu quả kinh doanh đúng định hướng trong cơ chế thị trường.

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSĐ trong DNNN là hai điều kiện cần thiết của một TCCSĐ thực sự xứng đáng là hạt nhân chính trị ở cơ sở.

Tổ chức cơ sở đảng trong DNNN có những đặc điểm, yêu cầu riêng so với TCCSĐ ở các loại hình doanh nghiệp khác là :

- Cùng với lãnh đạo doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước Đảng và Nhà nước về vốn và tài sản được giao ; về vai trò chủ đạo, đầu tầu trong hoạt động kinh doanh ; về định hướng phát triển nền kinh tế mà Nhà nước giao cho doanh nghiệp thực hiện. Do đó, đòi hỏi đảng bộ trong DNNN phải có năng lực trí tuệ, năng động, sáng tạo đủ sức lãnh đạo doanh nghiệp hoàn thành nhiệm vụ được giao.

---

* Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng

Digitized by Google

- Lực lượng công nhân đang làm việc trong các DNNN là một bộ phận quan trọng của giai cấp công nhân cả nước. Vì vậy, bên cạnh nhiệm vụ lãnh đạo sản xuất, kinh doanh, TCCSĐ phải có trách nhiệm xây dựng, phát triển, giáo dục, bồi dưỡng và rèn luyện bản chất giai cấp công nhân, góp phần xây dựng giai cấp công nhân nước ta ngày càng trưởng thành và vững mạnh để thực sự là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Tổ chức cơ sở đảng trong DNNN có trách nhiệm lãnh đạo doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh đúng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở doanh nghiệp, phát triển kinh tế phải đi đôi với từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động và thực hiện công bằng xã hội.

- Việc đổi mới DNNN không thể tách rời sự lãnh đạo của Đảng, không thể tách khỏi công tác xây dựng đảng trong doanh nghiệp. Tăng cường và đổi mới công tác xây dựng Đảng trong doanh nghiệp, phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo của tổ chức đảng là yêu cầu cần thiết để đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNN. Vì vậy, trong quá trình đổi mới DNNN phải không ngừng tăng cường công tác xây dựng Đảng trong doanh nghiệp.

Thời gian qua, Ban Tổ chức Trung ương cùng các cấp, ngành chức năng đã nghiên cứu, khảo sát thực tế ở 56 DNNN trên địa bàn 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ; thu thập 3 128 phiếu điều tra lấy ý kiến của đảng viên tại doanh nghiệp (có 200 cấp ủy viên cấp trên cơ sở, 462 cấp ủy viên cấp cơ sở, 2 466 cán bộ, đảng viên) ; thu thập, khai thác nhiều tài liệu, báo cáo về TCCSĐ trong DNNN của các ngành, địa phương trong những năm qua ; tổ chức nhiều cuộc tọa đàm, hội thảo khoa học, triển khai 10 chuyên đề nghiên cứu về các mặt hoạt động của TCCSĐ tại doanh nghiệp, bước đầu đã rút ra một số vấn đề về năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của TCCSĐ trong DNNN như sau :

- Việc lãnh đạo công tác chính trị, tư tưởng, tổ chức cho đảng viên, công nhân học tập, nghiên cứu các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đã được các cấp ủy đảng lãnh đạo, chỉ đạo, quan tâm. Trước những diễn biến phức tạp của tình hình chính trị thế giới, những khó khăn của đời sống kinh tế - xã hội trong nước, đại bộ phận cán bộ, đảng viên, công nhân trong khu vực DNNN có lập trường kiên định, vững vàng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của công cuộc đổi mới của đất nước. Cán bộ, công nhân, viên chức nhận thức ngày càng đúng đắn, đầy đủ hơn bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đa số đã có ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, tiếp cận với cơ chế mới, khắc phục khó khăn, xác định rõ nhiệm vụ và có ý thức chăm lo xây dựng doanh nghiệp.

- Trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiều TCCSĐ đã xây dựng được quy chế hoạt động, trên cơ sở đó thống nhất lãnh đạo mọi mặt hoạt động của đơn vị. Đa số TCCSĐ đã coi trọng việc xây dựng, bổ sung và hoàn thiện quy chế hoạt động của cấp ủy (94%) ; quy chế đề ra phù hợp với đặc điểm của tình hình đơn vị (91,85%) ; mối quan hệ giữa bí thư và giám đốc, trưởng các đoàn thể được củng cố, vai trò, trách nhiệm của cấp ủy được coi trọng. Cơ chế "Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý" được vận dụng có kết quả rõ hơn ; vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị được coi trọng và phát huy. Từ kinh nghiệm xây dựng quy chế hoạt động của tổ chức đảng, giám đốc, ban giám đốc và chỉ đạo xây dựng các quy chế hoạt động cho các lĩnh vực quản lý như quy chế tài chính, sử dụng lao động, phân phối thu nhập, thưởng, phạt... Thông qua lãnh đạo thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước và các chính sách xã hội đối với cán bộ, công nhân, viên chức, trình độ, năng lực, ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ chủ chốt và đảng viên, vai trò của cấp ủy đảng trong lãnh đạo sản xuất kinh doanh được nâng cao.

Việc bố trí đúng bí thư cấp ủy là một vấn đề được các tổ chức đảng hết sức quan tâm và coi trọng. Trong thực tế hiện nay còn nhận thức khác nhau về mô hình bí thư cấp ủy ở DNNN. Qua 200 ý kiến của cấp ủy viên cấp trên cơ sở có 27,45% cho rằng giám đốc nên kiêm bí thư ;

Digitized by Google

26,14% cho là không nên kiêm và 46,40% cho rằng cần căn cứ vào tình hình cụ thể của từng đơn vị mà bố trí, sắp xếp cho phù hợp. Cũng câu hỏi như trên, trong số 448 cấp ủy viên cơ sở được hỏi ý kiến, có 32,47% cho rằng nên kiêm ; 25,32% đề nghị không nên kiêm và 42,20% trả lời tùy vào tình hình cụ thể của từng đơn vị.

Kết quả bước đầu đáng ghi nhận trong công tác xây dựng TCCSĐ, các tổ chức đoàn thể quần chúng trong DNNN thời gian qua là : cơ cấu tổ chức đảng được quan tâm, củng cố, kiện toàn ; chất lượng cấp ủy, cán bộ, đảng viên được chú trọng, nâng cao ; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở được triển khai tích cực ; mối quan hệ lãnh đạo, làm việc giữa tổ chức đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể quần chúng từng bước được củng cố, phù hợp với cơ chế mới.

Bên cạnh những ưu điểm và kết quả đã đạt được, TCCSĐ trong các doanh nghiệp nhà nước đang nổi lên một số mặt yếu kém và khuyết điểm, như sau :

- Nội dung, phương thức lãnh đạo của TCCSĐ còn lúng túng. Giải quyết mối quan hệ giữa cấp ủy với chính quyền, giữa bí thư cấp ủy với chủ tịch hội đồng quản trị, với giám đốc tuy đã được điều chỉnh, song vẫn còn những bất cập và phụ thuộc nhiều vào quan hệ cá nhân của các đồng chí giữ trọng trách này ở doanh nghiệp. Chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm Đảng thống nhất lãnh đạo, quản lý công tác cán bộ. Trong tình hình các DNNN đang trong quá trình điều chỉnh, sắp xếp lại, do vậy, cơ cấu, mô hình tổ chức đảng, đoàn thể chưa được quy định thống nhất và ổn định ; cán bộ, đảng viên làm công tác đảng chưa thật sự yên tâm. Theo báo cáo của các Ban Tổ chức tỉnh, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, đến nay còn 316 doanh nghiệp (chiếm 3,82%) chưa có tổ chức đảng ; 374 công ty, xí nghiệp thành viên (chiếm 3,81%) chưa có chi bộ đảng và hàng ngàn phân xưởng, tổ đội sản xuất chưa có tổ đảng hoặc chưa có đảng viên. Một số nơi, có tình trạng TCCSĐ trong TCCSĐ như một số Tổng công ty 90, 91. Lại có tình trạng trong một doanh nghiệp mỗi chi bộ trực thuộc một nơi mà chưa được điều chỉnh, khắc phục. Hệ thống TCCSĐ trong doanh nghiệp có nơi lập theo ngành học, nơi lập tổ chức theo địa bàn lãnh thổ, có nơi lại trực thuộc nhiều cấp khác nhau, đến nay vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau và chưa được xác định rõ. Các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên trong doanh nghiệp cũng có tình trạng tương tự như vậy.

- Việc chấp hành chế độ sinh hoạt, chất lượng sinh hoạt chi bộ thấp, việc đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chi bộ chuyển biến chậm, chưa rõ nét, không ít nơi còn mang tính hình thức, nội dung không thiết thực, tinh thần tự phê bình và phê bình yếu, chưa bảo đảm dân chủ trong sinh hoạt đảng.

- Một số TCCSĐ chưa được chỉnh đốn, dân chủ bị vi phạm, kỷ luật, kỷ cương lỏng lẻo, làm ăn thua lỗ kéo dài, nội bộ mất đoàn kết. Công tác tổ chức, cán bộ còn một số biểu hiện trì trệ, lúng túng và bất cập. Tổ chức đảng, đoàn thể còn nhiều mặt chưa thống nhất. Tổ chức chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước còn yếu và chưa nghiêm.

Từ thực trạng tình hình hoạt động của TCCSĐ trong các DNNN hiện nay, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau :

a - Phải xác lập cho được vai trò hạt nhân chính trị, vị trí lãnh đạo của TCCSĐ trong DNNN, nâng cao tính chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên, chú trọng xây dựng chính quyền, tổ chức công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh.

b - Duy trì sinh hoạt đảng đều đặn, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, phân công trách nhiệm rõ ràng và có sự phối hợp hoạt động đồng bộ trong cấp ủy. Xây dựng cho được các quy chế làm việc, thực hiện nghiêm chỉnh quy chế đã ban hành. Hằng tháng, hằng quý cần tổ chức sơ kết, kiểm tra việc triển khai và thực hiện nghị quyết của cấp ủy.

c - Xây dựng cấp ủy, bố trí, sắp xếp đúng người đứng đầu cấp ủy đủ sức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của TCCSĐ trong DNNN. Xác lập tiêu chuẩn hóa, đề bạt cán bộ đúng theo quy trình, tập thể cấp ủy đánh giá, nhận xét, đề bạt cán bộ bằng nghị quyết.

Digitized by Google

d - Lãnh đạo chăm lo, tạo việc làm ổn định, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức. Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của người lao động theo quy chế dân chủ ở cơ sở, lãnh đạo thực hiện nhiều hơn quyền dân chủ trực tiếp.

e - Củng cố, tăng cường đoàn kết thống nhất trong đảng bộ, chi bộ. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa đảng ủy, chi ủy với giám đốc và ban chấp hành các đoàn thể quần chúng trong doanh nghiệp theo nguyên tắc và có lý, có tình.

II. Đề xuất một số biện pháp chủ yếu

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ đưa nước ta trở thành nước công nghiệp, các DNNN có vai trò chủ đạo xây dựng nền tảng kinh tế xã hội chủ nghĩa theo Cương lĩnh của Đảng. Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng khẳng định : "Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế nhà nước để thực hiện tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế". Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) đã xác định : "Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước", "đề ra nhiệm vụ chủ yếu trong 5 năm 2001 - 2005" hoàn thành cơ bản việc sắp xếp, cơ cấu lại và đổi mới hoạt động của doanh nghiệp nhà nước hiện có". Nghị quyết Hội nghị cũng chỉ rõ "Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở tất cả các cấp, các ngành và nâng cao sức chiến đấu của TCCSĐ, phát huy hoạt động của công đoàn và vai trò làm chủ của người lao động, bảo đảm quá trình và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước".

Trước những yêu cầu của thời kỳ mới, để đạt được những mục tiêu và nhiệm vụ nêu trên, TCCSĐ tập trung làm tốt một số biện pháp sau :

1 - *Lãnh đạo sản xuất kinh doanh có hiệu quả là vấn đề quyết định sự tồn tại của TCCSĐ trong DNNN.*

Thực hiện chủ trương của Đảng phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo thì các doanh nghiệp phải phát triển bền vững, mà trọng tâm là sản xuất, kinh doanh đúng hướng, có hiệu quả cao. Do đó, nhiệm vụ số một để tăng cường vai trò lãnh đạo của TCCSĐ là lãnh đạo xây dựng phương án, kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình ; lãnh đạo phát huy trí tuệ của tập thể cán bộ, công nhân, viên chức, xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh ; đề ra được các cơ chế, chính sách nhằm tạo ra động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

2 - *Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng và vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, kiện toàn, định rõ trách nhiệm của cấp ủy và vai trò của bí thư.*

Tổ chức đảng phải tập trung làm tốt các nhiệm vụ : quán triệt và thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp ; tham gia đề ra và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển sản xuất, kinh doanh của đơn vị ; bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người lao động, phát huy dân chủ, thi đua hoàn thành nhiệm vụ ; lãnh đạo đội ngũ cán bộ, đảng viên, các tổ chức quần chúng làm tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

Cấp ủy phải có trình độ đồng đều, phải bảo đảm cơ cấu hợp lý để đủ sức lãnh đạo toàn diện các mặt hoạt động của doanh nghiệp. Cấp ủy viên phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, có khả năng vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào sản xuất, kinh doanh của đơn vị, đoàn kết và gương mẫu trong lao động và cuộc sống. Cấp ủy không bao biện, làm thay công việc quản lý, điều hành sản xuất của giám đốc và bộ máy quản lý. Đồng thời cũng không khoán trắng trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở doanh nghiệp cho giám đốc và cán bộ quản lý. Bí thư cấp ủy là người đại diện cho cấp ủy, lãnh đạo mọi mặt công tác của tổ chức đảng, có trách nhiệm điều hành hoạt động của cấp ủy theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

3 - *Tiếp tục làm rõ và đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của TCCSĐ.*

Cấp ủy cấp trên cùng với cấp ủy đảng cơ sở rà soát, bố trí lại đội ngũ cán bộ giữ các cương vị

Digitized by Google

lãnh đạo và quản lý chủ chốt ở cơ sở như : bí thư, giám đốc, trưởng các đoàn thể quần chúng. Lựa chọn các cán bộ trẻ, có đủ tiêu chuẩn vào các cương vị chủ chốt của doanh nghiệp. Có những phụ cấp thỏa đáng từ chính kinh phí đơn vị đối với các cán bộ như : bí thư chi bộ, cấp ủy viên các cấp, cán bộ chủ chốt và ban chấp hành các tổ chức quần chúng trong doanh nghiệp để họ yên tâm công tác. Chú trọng nâng cao chất lượng đảng viên và làm tốt công tác phát triển đảng, đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng.

4 - *Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa đảng bộ, chi bộ với bộ máy quản lý và đoàn thể quần chúng trong doanh nghiệp với cấp trên.*

Đảng bộ, chi bộ, các cấp ủy cần bảo đảm và tôn trọng vai trò của giám đốc trong việc thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được giao. Giám đốc đề cao ý thức và bảo đảm điều kiện để đảng bộ, chi bộ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trong doanh nghiệp nhà nước do Ban Bí thư Trung ương quy định. Giám đốc định kỳ báo cáo với cấp ủy hoặc trước đại hội Đảng về tình hình các mặt công tác và những chủ trương, nhiệm vụ của doanh nghiệp. Cấp ủy ra nghị quyết về những vấn đề lớn, quan trọng và lãnh đạo đảng viên, quần chúng trong doanh nghiệp thực hiện. Đồng thời định kỳ thông báo với giám đốc ý kiến của đảng viên, quần chúng về việc thực hiện nhiệm vụ và các chính sách, chế độ trong doanh nghiệp. Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với Ban cán sự đảng (nếu có) với cấp ủy đảng và chính quyền địa phương nơi doanh nghiệp đóng và nơi có đảng viên là công nhân, nhân viên của doanh nghiệp cư trú để phối hợp công tác.

Để các biện pháp trên thực hiện có kết quả, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSĐ trong DNNN, chúng tôi kiến nghị Đảng, Nhà nước một số vấn đề sau :

Một là, tiến hành sắp xếp các Tổng công ty nhà nước theo hướng : ngành nào, lĩnh vực nào cần có Tổng công ty nhà nước thì Nhà nước tập trung sức kiện toàn và phát triển. Những Tổng công ty nào hoạt động trong các ngành không cần có Tổng công ty nhà nước và không hội đủ các điều kiện về quy mô vốn, trình độ công nghệ, quản lý, sản phẩm không có khả năng cạnh tranh và không có khả năng phát triển thì sáp nhập vào các Tổng công ty khác hoặc giải thể sau khi đã sắp xếp các đơn vị thành viên.

Hai là, tổ chức đảng tại các doanh nghiệp nhà nước cần phải được kiện toàn phù hợp với đặc điểm tổ chức quản lý của doanh nghiệp trong điều kiện mới. Đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước. Tập trung xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý và ban hành chính sách, cơ chế quản lý đối với DNNN, chỉ đạo xây dựng quy hoạch tổng thể và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương. Xây dựng quy hoạch và đào tạo đội ngũ cán bộ cốt cán cho DNNN ; tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật, chủ trương, chính sách, chế độ quy định của Nhà nước tại doanh nghiệp.

Ba là, xử lý dứt điểm nợ không thanh toán được của các DNNN. Đồng thời, làm rõ nguyên nhân phát sinh và trách nhiệm của hội đồng quản trị, tổng giám đốc, giám đốc với các khoản nợ đó của mỗi DNNN. Đề nghị Ban cán sự đảng của Chính phủ quy định cơ chế quản lý DNNN, nhất là cơ chế kiểm tra, giám sát về tài chính. Có cơ chế phối hợp giữa công tác kiểm tra của Đảng với các cơ quan chức năng của Nhà nước trong việc quản lý nhà nước đối với DNNN. Kinh phí hoạt động của tổ chức đảng, kể cả tiền lương, chế độ khen thưởng cho cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng trong doanh nghiệp cần được cụ thể hóa dưới dạng các văn bản pháp quy. Bổ sung kịp thời chính sách đối với lao động trong sắp xếp, cơ cấu lại DNNN.

Bốn là, về chức danh bí thư (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm) ở TCCSĐ trong các DNNN, tùy thuộc vào nhân sự cụ thể, không quy định cứng nhắc theo một mô hình thống nhất. Phấn đấu nhất thể hóa nhân sự ban lãnh đạo doanh nghiệp với nhân sự Ban thường vụ cấp ủy. Đảng đoàn Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam nghiên cứu xem xét lại tổ chức Công đoàn ngành và Công đoàn ở các Tổng công ty 90, 91 trong cả nước một cách thống nhất. ❑

Digitized by Google

ĐOÀN KẾT TÔN GIÁO TRONG CHIẾN LƯỢC ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ NGA * HỒ TRỌNG HOÀI **

ĐOÀN kết là một trong những giá trị tinh thần truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Trong những cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm cũng như các công cuộc trị thủy quai đê, lấn biển, mở mang vùng đất mới, dân tộc ta - một dân tộc đất không rộng, người không đông, nhờ đoàn kết một lòng đã cộng hưởng được nội lực tạo nên sức mạnh phi thường để chiến thắng. Khẳng định giá trị ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đúc kết thành bài học :

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công".

Truyền thống ấy, bài học ấy luôn được Đảng ta đề cao, nhân dân ta trân trọng, gìn giữ và phát huy trong suốt cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Văn kiện Đại hội IX của Đảng chỉ rõ : "Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội" (1). Sự nghiệp cách mạng ở nước ta không thể thành công nếu thiếu sức mạnh đoàn kết.

Khối đoàn kết toàn dân được xây dựng dựa trên nguyên tắc "cầu đồng, tôn dị" vì mục tiêu chung là đất nước Việt Nam độc lập, thống nhất, giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Từ góc độ dân tộc, đó là khối đoàn kết mọi dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam dù là dân tộc Kinh hay dân tộc ít người, tất cả đều được tôn trọng và cùng hợp tác, phát triển trong khối cộng đồng các dân tộc Việt Nam thống nhất. Từ góc độ giai cấp, đó là khối đoàn kết mọi giai cấp, giai tầng trong xã hội gồm giai cấp công nhân, nông dân, trí thức, thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh, các bậc lão thành cách mạng, những người có công với nước, cán bộ nghỉ hưu, người cao tuổi, nhà doanh nghiệp... Trên cơ sở xóa bỏ định kiến, mặc cảm, phân biệt đối xử về quá khứ, mọi giai cấp, giai tầng đều được tôn trọng và tạo điều kiện để phát huy năng lực, sở trường của giai cấp mình trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc. Bầu không khí cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai sẽ tạo môi trường trong lành và sức hút mạnh mẽ để tăng cường khối đoàn kết giữa các giai cấp, giai tầng. Từ góc độ kinh tế, đó là khối đoàn kết mọi thành phần, bao gồm kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, những người làm ăn trong nước cũng như làm ăn ở nước ngoài... Mọi thành phần kinh tế đều được bình đẳng, tạo cơ hội phát triển trên khả năng hiện thực của mình. Từ góc độ tín ngưỡng, tôn giáo, đó là khối đoàn kết giữa đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo... Như vậy, thực hiện khối đoàn kết toàn dân chính là thực hiện đoàn kết trên tất cả các mặt đời sống, kinh tế, chính trị, xã hội của con người. Nếu một mặt nào đó bị vi phạm tất yếu sẽ ảnh hưởng đến khối đoàn kết toàn dân, ngược lại, thực hiện tốt đoàn kết trên các lĩnh vực của đời sống

*, ** TS. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 123

Digitized by Google

con người là hình thức tốt nhất đảm bảo cho sự ổn định vững chắc của khối đoàn kết toàn dân.

Con người Việt Nam có đời sống tín ngưỡng, tôn giáo hết sức phong phú. Bên cạnh những tôn giáo lớn "ngoại nhập" như Nho - Nhật - Lão, Hồi giáo, Công giáo, Tin lành, Việt Nam còn có những tôn giáo "nội sinh" như Cao Đài, Hòa Hảo. Đến nay bộ phận người dân theo các tôn giáo chiếm khoảng 1/3 dân số trong cả nước. Ngoài ra, Việt Nam còn có thệ thống tín ngưỡng dân gian hết sức đa dạng. Có hình thức tín ngưỡng phổ biến ở khắp mọi vùng, mọi dân tộc, và trong cả những người đã theo một tôn giáo nào đó như tín ngưỡng thờ tổ tiên, tín ngưỡng thờ thần. Ở những vùng khác nhau, các dân tộc khác nhau còn có những hình thức tín ngưỡng đặc thù của vùng mình, dân tộc mình. Là một hiện tượng xã hội đặc biệt, tín ngưỡng, tôn giáo từ lâu đã trở thành một chỗ dựa tinh thần và là nhu cầu thiết thân cho những người có tín ngưỡng, tôn giáo và hiện vẫn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Trong chiến lược đoàn kết toàn dân, đoàn kết tôn giáo là một bộ phận quan trọng.

Trên thực tế, vấn đề tín ngưỡng, nhất là vấn đề tôn giáo hết sức phức tạp và tế nhị. Nó không thuần túy là đời sống tinh thần của cá nhân mà từ khi xuất hiện, nó luôn là vấn đề của xã hội, của giai cấp, của dân tộc. Bởi lẽ, xét cho cùng tôn giáo cũng phản ánh xã hội hiện thực nhưng đó là sự phản ánh hết sức đặc thù. Ăng-ghen đã nhận xét : "... tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo - vào trong đầu óc của con người - của những lực lượng ở bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế (2). Vì vậy, ở bất cứ tôn giáo nào vấn đề của đời sống thế tục cũng được đề cập trong các mặt của thế giới siêu phàm. Tôn giáo có sự đan xen quan hệ với nhiều khía cạnh của văn hóa, đạo đức, chính trị...

Mặt khác, tôn giáo còn là một thực thể xã hội, không chỉ có đức tin, giáo lý, giáo luật, lễ nghi, mà còn có cả những tổ chức, những thiết chế để hiện thực hóa tín lí, luật lệ tôn giáo. Với lượng tín đồ có đức tin và tình cảm tôn giáo, được cố kết trong tổ chức giáo hội, tôn giáo đã trở thành một thế lực xã hội đặc biệt. Ở các quốc gia, các thế lực chính trị, các tập đoàn thống trị đều đã biết lợi dụng tôn giáo, sử dụng tôn giáo như một công cụ tinh thần, thậm chí tôn giáo cũng được sử dụng như một tổ chức xã hội để thực hiện các mục đích chính trị. Sự gắn kết giữa thế quyền và Kitô giáo ở xã hội phong kiến châu Âu, sự liên kết giữa quân quyền với Nho giáo ở Trung Quốc thời phong kiến là những dẫn chứng điển hình lịch sử đã ghi nhận. Ở Việt Nam từ rất lâu trong lịch sử, tôn giáo cũng đã được sử dụng như một công cụ tinh thần đắc lực của các tập đoàn thống trị xã hội. Việc sử dụng Phật giáo ở triều đại phong kiến Lý - Trần, Nho giáo ở triều đại Lê - Nguyễn đã chứng minh điều đó. Tôn giáo ra đời là để đáp ứng khát vọng của đời sống tâm linh con người, song cũng từ khi có tôn giáo, nó luôn bị các thế lực xã hội lợi dụng để thực hiện các mục đích phi tôn giáo, đặc biệt là mục đích chính trị.

Hơn nửa thế kỷ qua, trải qua nhiều biến động lịch sử, nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã làm cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ chấm dứt chế độ phong kiến suy tàn, đánh đuổi thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, giải phóng đất nước, đi lên chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình đó, các tổ chức phản cách mạng trong và ngoài nước luôn tìm cách phá hoại sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta. Hiện nay tôn giáo đang bị các thế lực phản động lợi dụng để thực thi chiến lược "diễn biến hòa bình" nhằm phá hoại công cuộc đổi mới của nhân dân ta. Các "điểm nóng" về tôn giáo trong thời gian gần đây như các hoạt động trái phép nhằm lập ra tổ chức đạo "Tin lành Đề Ga" ở Tây Nguyên... đã phản ánh

(2) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*. NxbChính trị quốc gia, Hà Nội, 1995 t 20, tr 437

Digitized by Google

điều đó. Hiệu ứng tiêu cực của các hoạt động đó là sự mất ổn định trong đời sống dân cư, gây chia rẽ từ trong nội bộ gia đình, làng xóm, thôn bản, chia rẽ dân tộc này với dân tộc khác, làm phương hại đến tình hình kinh tế, an ninh, trật tự xã hội ; làm sứt mẻ khối đoàn kết toàn dân. Vì vậy, đoàn kết tôn giáo là một mắt xích quan trọng trong chiến lược đoàn kết toàn dân. Muốn thực hiện đoàn kết toàn dân phải thực hiện đoàn kết tôn giáo, ngược lại, đoàn kết tôn giáo thực sự góp phần làm tăng sức mạnh khối đoàn kết toàn dân.

Coi trọng đoàn kết tôn giáo là một tư tưởng chủ đạo, nhất quán trong chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh đã nhìn thấy điểm tương đồng cơ bản ở mọi người dân Việt Nam là yêu nước, chuộng hòa bình, mưu cầu ấm no hạnh phúc. Người coi đó là mẫu số chung để đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, trong cuộc họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định đoàn kết tôn giáo là một trong sáu vấn đề cấp bách. Người nói : "Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố : TÍN NGƯỠNG TỰ DO và Lương Giáo đoàn kết (3). Trong bối cảnh các thế lực phản động đội lốt tôn giáo tìm mọi cách chống phá cách mạng, chúng tuyên truyền cộng sản là vô thần, là tiêu diệt tôn giáo làm cho không ít đồng bào tôn giáo hiểu lầm. Hồ Chí Minh kêu gọi : "Toàn thể đồng bào ta, không chia lương giáo, đoàn kết chặt chẽ, quyết lòng kháng chiến, để giữ gìn non sông Tổ quốc, mà cũng để giữ gìn quyền tôn giáo tự do" (4).

Quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về đoàn kết tôn giáo vì mục tiêu giải phóng dân tộc, xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc cho nhân dân là nguồn sức mạnh to lớn tạo nên nội lực của dân tộc. Đó cũng là nhân tố có thể xóa bỏ dần những mặc cảm, những định kiến, nghị kỵ do lịch sử để lại và do các thế lực phản động thường xuyên tuyên truyền, xuyên tạc nhằm chia rẽ khối đoàn kết toàn dân. Đoàn kết tôn giáo là một trong những nhân tố không thể thiếu để đem lại lợi ích vật chất, tinh thần, cho từng cá nhân và cả xã hội. Nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay, vì xung đột tôn giáo mà xã hội rối loạn, kinh tế yếu kém. Ngược lại, nhiều quốc gia nhờ thực hiện đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo mà kinh tế phát triển, xã hội ổn định. Với một quốc gia đa tín ngưỡng, tôn giáo như nước ta, đoàn kết tôn giáo chính là đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Người Việt Nam dù có tín ngưỡng, tôn giáo, hay không có tín ngưỡng, tôn giáo, dù theo tín ngưỡng, tôn giáo này hay theo tín ngưỡng, tôn giáo khác đều có chung một Tổ quốc. Con người Việt Nam chỉ thực sự được tôn trọng, được hạnh phúc và tự do tín ngưỡng, tôn giáo... khi có Tổ quốc độc lập, giàu mạnh... Từ xưa, sự khoan dung, cởi mở, không kỳ thị tín ngưỡng, tôn giáo vốn là nét đặc trưng của con người Việt Nam. Chất keo kết dính khối đoàn kết dân tộc chính là lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, đồng sức, đồng lòng vì lợi ích chung của dân tộc. Trong sự nghiệp bảo vệ, xây dựng đất nước theo mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh hiện nay, bên cạnh việc gìn giữ , phát huy những giá trị tinh thần quý báu của con người Việt Nam, Đảng ta còn chủ động thực hiện đồng bộ các giải pháp trên nhiều lĩnh vực nhằm tăng cường củng cố đoàn kết tôn giáo. Căn cứ vào chủ trương, đường lối, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, cũng như tình hình đất nước ta hiện nay, để củng cố đoàn kết tôn giáo chúng ta cần tập trung vào các vấn đề sau :

Thứ nhất : Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, quyền sinh hoạt tôn giáo theo đúng pháp luật. Đó chính là tôn trọng và

---

(3) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, t 4, tr 9

(4) Sđd : t4, tr 490

Digitized by Google

bảo đảm quyền được theo hay không theo một hình thức tín ngưỡng, tôn giáo nào đã được xã hội và luật pháp thừa nhận, quyền được sinh hoạt tôn giáo một cách bình thường trong khuôn khổ của luật pháp. Trong xã hội ngày nay, xuất hiện nhiều giáo phái lạ mượn danh tín ngưỡng, tôn giáo, lợi dụng niềm tin của nhân dân vì những mục đích phi tôn giáo. Nhiều tổ chức phản cách mạng âm mưu lợi dụng tôn giáo để chống phá Nhà nước, thực hiện các mục tiêu chính trị đen tối. Vì vậy, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cần được hiểu, tôn trọng, thực hiện trong khuôn khổ của luật pháp. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cũng có nghĩa là phải tôn trọng niềm tin tôn giáo của quần chúng. Mọi sự xúc phạm đến niềm tin tôn giáo của quần chúng đều là nguy cơ tạo nên sự hiềm khích, đố kỵ, gây chia rẽ, mất đoàn kết.

Thứ hai : Chống mọi âm mưu lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ đồng bào. Thực tế cho thấy, các thế lực phản cách mạng luôn tìm cách chia rẽ những người có tôn giáo và những người không tôn giáo, giữa những người theo tôn giáo khác nhau nhằm chống lại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Muốn đoàn kết tôn giáo, bên cạnh việc tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cần phân biệt được nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo chân chính của quần chúng với âm mưu lợi dụng tôn giáo và kiên quyết chống mọi âm mưu lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo. Hướng tới mục tiêu trên, một mặt phải phổ biến, tuyên truyền, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, giáo dục đồng có đạo nêu cao tinh thần yêu nước, cảnh giác, vạch trần sự lợi dụng tôn giáo của các thế lực phản động. Mặt khác, kiên quyết đấu tranh và xử lý thích đáng những kẻ lợi dụng tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ dân tộc, xâm hại đến khối đoàn kết toàn dân.

Thứ ba : Tuyên truyền, giáo dục và tạo điều kiện để những người có tín ngưỡng, tôn giáo hay không có tín ngưỡng, tôn giáo phấn đấu vì lợi ích chung là độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Trên cơ sở không ngừng phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân, tạo cho nhân dân một cơ sở xã hội hiện thực để họ yên tâm, tin tưởng vào xã hội mới ; chấp nhận sự khác biệt, khai thác điểm tương đồng, thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ thu hút mọi người dân phấn đấu vì mục tiêu chung. Giúp cho người dân nhận thức hạnh phúc, tự do tín ngưỡng, tôn giáo chỉ có được khi lợi ích chung ấy được thực hiện.

Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ta hiện nay, đoàn kết tôn giáo là một nội dung quan trọng không thể thiếu để tạo nên sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân. Văn kiện Đại hội IX đã chỉ rõ : *"Tín ngưỡng, tôn giáo* là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Chăm lo phát triển kinh tế, văn hóa, nâng cao đời sống của đồng bào. Đồng bào theo đạo và các vị chức sắc tôn giáo có nghĩa vụ làm tròn trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc, sống "tốt đời, đẹp đạo", phát huy những giá trị tốt đẹp về văn hóa, đạo đức của tôn giáo. Từng bước hoàn thiện luật pháp về tín ngưỡng, tôn giáo.

Nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật và chính sách của nhà nước, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia" (5). Đó là những vấn đề cần được phổ biến, tuyên truyền và hiện thực hóa nó trong cuộc sống để củng cố, tăng cường đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ta hiện nay. ❑

(5) *Văn kiện đã dẫn*, tr 128

Digitized by Google

ĐẶC THÙ TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC CỦA VÙNG ĐẤT NAM BỘ

PHAN AN *

1. Vùng đất Nam Bộ mới được khai khẩn hơn 3 thế kỷ qua. Nơi đây, từ trước thế kỷ XVII hãy còn hoang hóa, đất rộng, người thưa, phần nhiều là rừng rậm và đầm lầy, sông rạch chằng chịt, thủy triều ảnh hưởng khá sâu vào đất liền. Vùng đất phía Nam nhiều tiềm năng, nhưng cũng đầy cam go thử thách cho những con người đến đây sinh sống, đất đai nhiễm mặn, nhiễm phèn, rừng rậm, sông nước, đầy thú dữ, lam chướng, không ít người đã ngã xuống trong công cuộc tiên phong mở đất.

Vùng đất này sớm là nơi hội tụ và giao lưu nhiều nền văn hóa của các dân tộc trong nước, khu vực và thế giới. Song, nổi trội hơn cả là sự giao lưu văn hóa của các dân tộc cùng chung sống và khai khẩn. Ở đây, văn hóa của những cư dân bản địa đã gặp gỡ với văn hóa của người Việt từ phía Bắc vào, với di dân người Hoa, người Chăm... để tạo nên một nền văn hóa chung của cộng đồng cư dân Nam Bộ, kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa của các dân tộc để thích nghi với vùng đất mới. Các dân tộc đến đây đã sớm gắn kết, đùm bọc, cùng chia sẻ, giúp đỡ nhau trong quá trình tồn tại và phát triển. Đây là vùng đất cư trú của nhiều dân tộc, ngoài người Việt còn có các dân tộc thiểu số như Hoa, Khơ-me, Chăm, Stiêng, Chơ ro, Mạ... và không ít các cộng đồng cư dân từ nhiều nơi khác di cư đến trong quá trình khai khẩn vùng đất mới phía Nam. Người Việt từ miền Bắc và Bắc Trung Bộ di cư vào phía Nam từ khá sớm. Đến khi chúa Nguyễn thiết lập cơ cấu hành chính miền Gia Định vào năm 1869, đã có hơn 200 000 người Việt định cư và khai thác nơi đây. Người Hoa cũng đã đến miền Nam từ giữa thế kỷ XVII, họ là những lưu dân từ các tỉnh ven biển Nam Trung Hoa như Quảng Đông, Phúc Kiến... Người Chăm vào cuối thế kỷ XVIII, cũng đã lập những làng xóm bên bờ sông Hậu, gần biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia.

2. Cuộc sống của những cư dân trên vùng đất Nam Bộ không chỉ có khai hoang, lập làng, cày bừa, gặt hái để có cái ăn, cái mặc, mà còn có những nhu cầu tâm linh. Sự đoái thương về nguồn cội, không chỉ là tình cảm mà còn là niềm tin ở sự trợ giúp của ông bà, tổ tiên cho con cháu sinh sống trên vùng đất mới. Cũng trên vùng đất này, các cư dân đã phải đối diện với một sức mạnh siêu nhiên hoang sơ, đầy bí ẩn, chi phối không ít cuộc sống của họ. Niềm tin ở sự can dự của thần thánh, ma quỷ vào công cuộc khai khẩn, định cư của các cư dân như là một tất yếu, một nhu cầu về mặt tinh thần. Chính điều đó đã lý giải vì sao vùng đất phía Nam này lại là *nơi hội tụ và hình thành nhiều loại hình tín ngưỡng và tôn giáo.* Cũng cần lưu ý thêm rằng, vùng đất này ở nơi gặp nhau giữa các tuyến đường giao thông từ Đông sang Tây, từ Bắc xuống Nam, thuận tiện cho việc truyền bá các tôn giáo lớn trên thế giới. Đạo Phật đã đến phía Nam khá sớm và hiện diện cả hai nhánh : Tiểu thừa và Đại thừa ; Đạo Thiên chúa theo chân các giáo sĩ và nhà buôn từ phương Tây đến ; và Hồi giáo từ các nước Đông - Nam Á cũng du nhập vào. Đấy là chưa kể đến trong các lớp văn hóa cổ xưa hơn ở Nam Bộ người ta đã ghi

* PGS. TS. Viện KHXH tại TP. Hồ Chí Minh, thuộc Trung tâm Khoa học - Xã hội và Nhân văn quốc gia

Digitized by Google

nhận những ảnh hưởng của Ấn Độ giáo. Ngay đến những thập kỷ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, vùng đất Nam Bộ vẫn tiếp tục sản sinh những tín ngưỡng và tôn giáo mới thu hút hàng chục vạn tín đồ như Tứ Ân hiếu nghĩa, Cao Đài, Hòa Hảo... Như vậy, *tín ngưỡng và tôn giáo đã trở thành chỗ dựa về mặt tinh thần cho những người dân đang chinh phục vùng đất phương Nam.* Mặc dù tin vào thần thánh, vào sức mạnh siêu nhiên, nhưng thực chất là họ tin vào chính bản thân mình, vào chính hoạt động mở đất cần cù và dũng cảm của mình. Những cộng đồng cư dân Việt, Hoa đến đây đã mang theo trong hành lý của mình không chỉ cày cuốc, kinh nghiệm gieo trồng, mà còn cả những phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo nữa. Đến vùng đất mới lập nghiệp, cùng với làng xóm, chợ búa, họ đã dựng cả đình, làng, chùa để thờ Phật ; miếu, đền thờ thần, thánh. Những tín ngưỡng và tôn giáo của những lớp cư dân này hướng vào sự ổn định và mở mang tốt đẹp cho cuộc sống, cho làm ăn phát đạt, thịnh vượng. Chính vì vậy, đời sống tâm linh, tín ngưỡng của các dân tộc ở Nam Bộ khá phong phú và có những nét đặc thù. Bản sắc văn hóa của các dân tộc ở Nam Bộ đã ảnh hưởng đến các tôn giáo mà họ chấp nhận, lựa chọn những yếu tố phù hợp với văn hóa, tập quán của mình. Ở đây, trước hết là tính nhân văn và tính cộng đồng của các tôn giáo, là cái gần gũi với văn hóa của các dân tộc ở Nam Bộ. Điều đó cũng góp vào sự giải thích tại sao ở Việt Nam nói chung và ở Nam Bộ nói riêng không có sự tranh chấp, bài xích giữa các tôn giáo, các dân tộc trong lịch sử.

Ngoài một số tôn giáo có tín đồ của nhiều dân tộc, có một số tôn giáo khác có tín đồ chỉ của một dân tộc. Ngược lại, có dân tộc lại theo nhiều tôn giáo khác nhau, và có dân tộc chỉ chấp nhận một tôn giáo (Phật giáo Đại thừa, Thiên chúa giáo và Tin lành có nhiều tín đồ là người Việt, người Hoa và một số dân tộc thiểu số ở Đông Nam Bộ ; Phật giáo Tiểu thừa hầu như chỉ có tín đồ là người Khơ-me ; tín đồ Hồi giáo là cộng đồng người Chăm ở Nam Bộ ; tín đồ đạo Cao Đài và Hòa Hảo phần nhiều là nông dân người Việt ở Nam Bộ tập trung ở các tỉnh miền Tây An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp...)

Các tôn giáo từ bên ngoài du nhập vào (Phật giáo, Thiên chúa, Tin Lành, Hồi giáo) trong chừng mực nhất định, đã được cộng đồng các dân tộc tiếp nhận theo cách của mình, nói cách khác là được "bản địa hóa". Ông Phật với người Việt, Hoa đôi khi trở thành vị thần có thể ban ơn hoặc cứu giúp người bất hạnh. Những tín đồ Thiên chúa giáo có cách thực hành các nghi lễ kết hợp với những tín ngưỡng dân gian (bên cạnh bàn thờ Chúa là bàn thờ tổ tiên có khói hương). Hồi giáo có những tín đồ người Chăm (một dân tộc vốn còn duy trì chế độ mẫu hệ) nên vai trò của người phụ nữ Hồi giáo Chăm được tôn trọng hơn một số quốc gia Hồi giáo khác trên thế giới... Tín ngưỡng, tôn giáo ở Nam Bộ gắn liền với các dân tộc về nội dung cũng như hình thức. Sự thờ cúng tổ tiên phổ biến ở nhiều cộng đồng cư dân Nam Bộ, nhưng hình thức thờ cúng ở mỗi dân tộc có sự khác nhau và biểu hiện khá rõ nét đặc trưng sông nước. Người Việt, người Hoa có từ đường, có bàn thờ trong nhà để thờ cúng tổ tiên ông bà vào những ngày nhất định trong năm. Người Khơ-me thờ cúng tổ tiên vào ngày lễ Dolta (15-8 âm lịch). Hằng năm, lễ cúng được tổ chức chủ yếu ở nhà chùa, nơi các tháp của chùa được chọn giữ tro cốt của người thân (stupa hoặc pchéđây). Các vị thần, thánh, ma quỷ được các dân tộc ở Nam Bộ tôn vinh thờ cúng khá nhiều, tuy nhiên mỗi dân tộc lại có sự lựa chọn nhất định, và có ít nhiều dị biệt. Người Việt chọn Thành Hoàng là vị thần bảo hộ cho dân làng, thờ cúng ở đình làng. Người Khơ-me thờ Nakta (hoặc Ông Tà) làm vị bảo hộ cho phum, sóc, được thờ trong một chòi lá ở đầu sóc. Những vị thần bảo hộ của người Hoa có phần nhiều hơn, tùy theo từng nhóm ngôn ngữ, đó là ông Quan Công, bà Thiên Hậu, ông Bổn... được thờ cúng trong các đền miếu... Thờ cúng tổ tiên của người Việt, Hoa không đơn thuần chỉ là nghi lễ mà đã trở thành nét văn hóa, nếp sống, có ý nghĩa nhắc nhở, giáo dục thế hệ sau nhớ công ơn của

Digitized by Google

người đi trước. Phật giáo Tiểu thừa của người Khmer đã tạo nên nếp sống hướng thiện, sự gắn bó của cộng đồng. v.v...

3. Trong lịch sử phát triển vùng đất Nam Bộ, *chính sách tôn giáo và dân tộc của các nhà cầm quyền ở các thời kỳ khác nhau cũng có sự khác nhau.* Nhìn chung, cho đến trước năm 1975, các nhà cầm quyền, và các thế lực chính trị đều tìm cách khai thác triệt để mối quan hệ tôn giáo, dân tộc vì những mục đích, lợi ích riêng của mình như là một phương tiện nhằm củng cố sự thống trị của các tập đoàn, nhóm người nào đó.

Dưới thời phong kiến, *các chúa Nguyễn và sau đó là nhà Nguyễn* thống trị ở Đàng Trong đã có những chính sách khá thô bạo trong đối xử với một số tôn giáo và dân tộc nhằm kiểm soát và đồng hóa các dân tộc thiểu số. Minh Mạng (1820 - 1840) đã từng ban hành các quy định buộc người Khơ-me ở Nam Bộ phải đăng ký nhân khẩu với các họ do nhà nước ấn định như Danh, Sơn, Kim, Lâm, Thạch..., buộc các nhà sư Khơ-me phải thay đổi màu sắc y trang... Dưới thời Tự Đức (1848 - 1883) đã từng cấm đoán việc truyền bá đạo Thiên chúa, trục xuất các giáo sĩ, gây sự bất bình và phản ứng khá quyết liệt của các tôn giáo và dân tộc ở trong nước cũng như riêng vùng Nam Bộ.

Mở đầu xâm lược Việt Nam, *thực dân Pháp* đã lợi dụng tôn giáo, đặc biệt là Thiên chúa giáo như một phương tiện gây chia rẽ các lực lượng yêu nước và cách mạng ở Việt Nam, tạo nên sự thù hằn giữa các tôn giáo. Các giáo sĩ phương Tây đã cùng với các thương nhân, sau đó là quân đội mở đường cho thực dân xâm lược. Thiên chúa giáo đã sớm được truyền bá ở các vùng đông dân tộc ít người như Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

Dưới thời thống trị của *đế quốc Mỹ và các chính quyền tay sai* (từ sau năm 1954 đến năm 1975), dân tộc và tôn giáo đã trở thành vấn đề gay gắt và phức tạp. Chính sách và thủ đoạn có thể khác nhau ít nhiều qua từng thời kỳ, nhưng tựu trung là chia rẽ, gây mâu thuẫn, sử dụng tôn giáo nhằm ru ngủ, hướng các dân tộc vào ý đồ chống cộng. Ngay sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954) được ký kết, Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã tìm cách tranh thủ lực lượng Thiên chúa giáo làm chỗ dựa về chính trị và quân sự. Các dân tộc ít người ở miền Nam bị lôi kéo vào cuộc chiến tranh, chia tách khỏi lực lượng cách mạng yêu nước.

Qua một số các thống kê, ước tính số tín đồ các tôn giáo ở Nam Bộ hiện nay chiếm khoảng 40% dân số (thực tế, việc thống kê số lượng rất khó chính xác, không kể số lượng tín đồ dao động, và ngay cả khái niệm "tín đồ" trong một số trường hợp như các tín đồ đạo Phật cũng chưa được phân biệt rõ). Số lượng người theo các tôn giáo trong từng dân tộc cũng chênh lệch nhau khá lớn. Người Khmer có thể coi như 100% là tín đồ của Phật giáo Tiểu thừa ; người Chăm hầu như theo Hồi giáo ; còn người Việt, Hoa và các dân tộc ít người ở Đông Nam Bộ có tỷ lệ tín đồ tôn giáo thấp hơn (từ 20 - 25%). Bên cạnh đó số người theo tín ngưỡng khác nhau cũng chiếm tỷ lệ khá lớn.

Vấn đề tôn giáo và dân tộc luôn giữ vị trí quan trọng trong quá trình phát triển của Nam Bộ nói riêng, vì thế, ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã rất coi trọng vấn đề này. Đảng ta luôn chủ trương bình đẳng và đoàn kết giữa các tôn giáo, các dân tộc, nên đã tập hợp được lực lượng các tín đồ tôn giáo yêu nước, các dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do cho tổ quốc và cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Cuộc vận động cách mạng trong đồng bào tôn giáo, trong các dân tộc thời kỳ trước năm 1975 đã chứng minh, lĩnh vực tôn giáo và dân tộc luôn giữ vị trí quan trọng sự nghiệp cách mạng. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra hôm nay có nhiều yêu cầu mới hơn, theo sát với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Từ sau ngày đổi mới, chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta có sự cởi mở và vẫn luôn bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân. Tín ngưỡng và tôn giáo luôn được coi là nhu

(Xem tiếp trang 61)

Digitized by Google

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

BẮC NINH VÀ KHẢ NĂNG HỢP TÁC VỚI CHÂU ÂU

CUỘC hội thảo về chủ đề trên được Ban Kinh tế - Tạp chí Cộng sản và Trung tâm hợp tác nghiên cứu Việt Nam (CVSC), phối hợp với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bắc Ninh tổ chức ngày 3-11-2001 tại Thị xã Bắc Ninh. ***PGS.TS. Vũ Văn Hiền*** - Ủy viên TƯ Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản cùng đồng chí ***Nguyễn Thế Thảo*** - Ủy viên TƯ Đảng, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh chỉ đạo hội thảo. Dự hội thảo có 130 đại biểu của một số cơ quan nghiên cứu, quản lý, báo chí ở trung ương, tỉnh Bắc Ninh và đại diện một số tổ chức kinh tế châu Âu.

Tại hội thảo, ngoài phát biểu khai mạc, chào mừng và kết luận, đã có 16 ý kiến phát biểu ; trong đó có 8 ý kiến của các nhà nghiên cứu và quản lý ở Trung ương, 4 ý kiến của đại biểu tỉnh Bắc Ninh và 4 ý kiến của khách là đại diện một số tổ chức châu Âu.

Điều khiển hội thảo do ***TS. Nguyễn Ngọc Tuấn*** - Trưởng Ban vật giá Chính phủ và ***PGS.TS. Trần Quang Nhiếp*** - Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản đã hướng hội nghị tập trung làm rõ những vấn đề sau :

1. Thực trạng hợp tác với châu Âu :

Nhiều báo cáo đề cập khá toàn diện về thực trạng hợp tác với châu Âu trên nhiều lĩnh vực từ đầu tư, thương mại, khoa học công nghệ cũng như viện trợ cho văn hóa thông tin, giáo dục đào tạo. Đặc biệt, báo cáo của *TS. Nguyễn Ngọc Tuấn* (Trưởng Ban Vật giá Chính phủ) trình bày khá sâu kinh nghiệm hợp tác trong lĩnh vực giá cả, *TS. Lưu Đạt Thuyết* (Vụ trưởng Vụ hợp tác quốc tế - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) về kinh nghiệm hợp tác với châu Âu trên một số lĩnh vực trong những năm qua, *TS. Nguyễn Thế Lực* (Phó viện trưởng Viện quan hệ quốc tế - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) về quan hệ ngoại giao Việt Nam - châu Âu.

Các ý kiến trình bày tại hội thảo đều đánh giá sự hợp tác Việt Nam - châu Âu trong hơn 10 năm gần đây có nhiều mặt tích cực. Ngài đại sứ Ba Lan tại Việt Nam - *Vi-xlap Sôn-dơ*, khẳng định rằng : Trong những năm qua, Ba Lan đã nhiệt tình giúp Việt Nam phát triển ngành đóng tàu và một số cơ sở công nghiệp một cách có hiệu quả. Hiện nay, mỗi năm Ba Lan xuất khẩu sang Việt Nam trị giá hàng trăm triệu USD và Việt Nam cũng xuất sang Ba Lan một khối lượng hàng hóa lớn, chủ yếu là hàng tiêu dùng như quần áo, giày dép. Cộng đồng người Việt Nam sinh sống làm việc tại Ba Lan hiện có hơn 3 vạn người, có nhiều đóng góp cho sự giao lưu hợp tác và cung cấp hàng tiêu dùng ở khắp các vùng của Ba Lan.

2. Nhu cầu và khả năng hợp tác giữa Bắc Ninh với châu Âu :

Điều khẳng định là Việt Nam nói chung cũng như Bắc Ninh nói riêng hoàn toàn có khả năng hợp tác với châu Âu và khả năng đó dễ trở thành hiện thực. Bởi vì : *Thứ nhất*, quá trình toàn cầu hóa kinh tế, hợp tác quốc tế đang là xu thế phát triển tất yếu khách quan. *Thứ hai*, chính sách của Đảng và Nhà nước đã khẳng định là cần chủ động mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao hiệu quả hợp tác đầu tư với các nước trên thế giới. *Thứ ba*, Liên minh châu Âu cũng như từng quốc gia ở châu Âu đều có nhu cầu hợp tác với Việt Nam trên từng lĩnh vực, từng ngành cụ thể. *Thứ tư*, các chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh cũng đã bước đầu mở rộng, bắt nhịp với xu thế chung và có hiệu quả.

Vấn đề này, tuy mức độ khác nhau song được trình bày ở nhiều báo cáo của cả 3 phần. Ngay trong lời khai mạc, *TS. Phạm Tất Thắng* (Trưởng Ban Kinh tế - Tạp chí Cộng sản) đã nêu :

Digitized by Google

Trong mấy thập niên gần đây, sự phát triển của châu Âu có vị trí to lớn trên bàn cờ thế giới. Sự hợp tác với châu Âu của Việt Nam nói chung và Bắc Ninh nói riêng sẽ có lợi về nhiều mặt cho cả 2 phía. Mấy năm gần đây, Bắc Ninh đã có một số hợp tác với châu Âu về dự án đầu tư, viện trợ, tiếp nhận kỹ thuật, công nghệ ; nhưng còn hạn chế và mới chỉ là bước đầu. Chúng ta cần phân tích mọi tiềm năng, tìm ra những phương hướng cụ thể, các biện pháp thiết thực cho sự hợp tác Bắc Ninh - châu Âu. Con đường sang châu Âu của Bắc Ninh đã mở, song đi tới đâu, mức độ như thế nào còn tùy thuộc sự vận dụng của các nhà quản lý ở Bắc Ninh (1). Đồng chí *Nguyễn Thế Thảo* (Ủy viên TƯ Đảng, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh) nhấn mạnh : Trong bối cảnh Bắc Ninh đang trên đà phát triển sau đại hội của tỉnh đảng bộ và thực thi Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX, việc đặt ra vấn đề hợp tác với châu Âu là thích hợp... Với một thị trường lớn như châu Âu... là điều kiện thuận lợi để Bắc Ninh thâm nhập. Chúng ta cần tìm cách thức để đưa hàng hóa vào thị trường châu Âu, cần tìm những mặt hàng, sản phẩm mà châu Âu đang cần. (2)

Trong các phát biểu của *GS. Chu Văn Cấp* (Trưởng khoa Kinh tế chính trị - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), *Ths. Hoàng Xuân Hòa* (Trung tâm hợp tác nghiên cứu châu Âu)... đều phân tích một số khó khăn, thuận lợi trong phát triển hợp tác giữa Việt Nam với châu Âu và liên hệ trực tiếp với Bắc Ninh. *TS. Nguyễn Tiến Lộc* (Phó ban hợp tác quốc tế - Viện phát triển Quốc tế học) nhận định : "Từ thực tiễn sinh động của Bắc Ninh, có thể thấy rằng, con người Bắc Ninh có nhiều tư duy sắc sảo và làm việc tự mình, cho mình, vì mình dễ thành công hơn. Họ lao động sáng tạo mang tính cá thể rất giỏi, do vậy dễ xuất hiện các nhà khoa học, nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, nghệ nhân ; nhưng chưa được liên kết lại để phát huy sức mạnh, thế mạnh trong hợp tác với bên ngoài".

Nhiều ý kiến làm rõ nhu cầu, khả năng hợp tác về kinh tế cũng như các lĩnh vực khác của cả 2 phía châu Âu, Việt Nam (hoặc Bắc Ninh). *PGS. Bùi Huy Khoát* (Tổng biên tập Tạp chí Nghiên cứu châu Âu) cho biết : "Việt Nam có một vị trí địa lý rất quan trọng, là cầu nối giữa Đông Á và Đông - Nam Á. Việt Nam còn có thể là cầu nối giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương để vào Trung Cận Đông. Ngoài ra, Việt Nam ở vào vị trí nối liền lục địa châu Á với châu Đại Dương. Không những thế, trong con mắt của EU, Việt Nam là một thị trường lớn đầy hấp dẫn với gần 80 triệu dân hầu như chưa được khai thác, với lực lượng lao động hết sức dồi dào, có học vấn tốt mà tiền công lao động lại không cao. Bên cạnh vị thế địa kinh tế, Việt Nam còn được thế giới biết đến như một quốc gia có thiện chí trong công cuộc xây dựng hòa bình, an ninh trong khu vực và trên phạm vi toàn thế giới. Do vị thế chính trị cũng như những thành quả đạt được của công cuộc đổi mới kinh tế, Việt Nam càng quyết tâm hội nhập với các nước trong khu vực và trên toàn cầu. Do vậy, EU đã có sự đánh giá một cách khách quan và đầy đủ hơn về tiềm năng cũng như vai trò của Việt Nam đối với khu vực. Liên hiệp châu Âu đã hoạch định và thực hiện một chính sách mới trong quan hệ với Việt Nam. Hợp tác với Việt Nam đã được đẩy mạnh trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế trong đó việc tăng cường đầu tư và thúc đẩy buôn bán với Việt Nam được xúc tiến bằng việc dành cho hàng hóa của Việt Nam hưởng ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) và tăng vốn ODA hằng năm cùng với việc đẩy mạnh hỗ trợ về kỹ thuật". Bà *Phéc-nan-đa Giu-rơ* (người I-ta-li-a, Trưởng đại diện tổ chức nông nghiệp và lương thực của Liên hợp quốc tại Việt Nam - FAO Việt Nam) khẳng định sự quan tâm và mong muốn có hợp tác hơn nữa với Bắc Ninh. Đại diện tổ chức GVC của I-ta-li-a tại Việt Nam cũng muốn mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác với một số địa phương của Việt Nam, trong đó có Bắc Ninh.

Các ý kiến khác đã trình bày khá toàn diện về nhu cầu và khả năng hợp tác trên một số lĩnh vực như :

- Đồng chí Giám đốc Sở Lao động thương binh và xã hội cho rằng, lao động Bắc Ninh có trình độ tương đối khá, có thể cung cấp cho các nhà máy của châu Âu đặt tại Bắc Ninh hoặc xuất khẩu sang châu Âu.

---

(1) Xem thêm : Phát triển doanh nghiệp và vấn đề thu hút đầu tư của châu Âu ở Bắc Ninh. Chuyên đề Thế giới & Việt Nam, số 7-2001, tr 33

(2) Xem thêm : Mở rộng hợp tác với châu Âu để Bắc Ninh hội nhập và phát triển. Báo Bắc Ninh ngày 2-11-2001, tr 1

Digitized by Google

- Ý kiến của đại diện Sở Khoa học công nghệ môi trường khẳng định, châu Âu có thể hợp tác với Bắc Ninh trong nghiên cứu, đào tạo cán bộ khoa học, công nghệ.

- Đồng chí Trưởng ban quản lý khu công nghiệp tỉnh nhấn mạnh, Bắc Ninh đã hình thành khu công nghiệp Tiên Sơn, Quế Võ và một số nơi khác có thể tiếp nhận dự án đầu tư của châu Âu hoặc nhập thiết bị công nghệ của châu Âu vào những doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Báo cáo của Đại diện Sở Thương mại - du lịch tỉnh phân tích và cho rằng, Bắc Ninh có làng nghề truyền thống với một số sản phẩm thủ công và một số hàng nông sản có thể xuất khẩu sang châu Âu. Bắc Ninh còn có một số di tích - danh thắng có thể hợp tác với châu Âu trong phát triển du lịch.

- Báo cáo của *TS. Nguyễn Hữu Thư* - Giám đốc chi cục dự trữ tỉnh chỉ rõ, Bắc Ninh có một số tổng kho của chi cục dự trữ quốc gia, đã từng thực hiện chương trình trao đổi lương thực với Liên bang Nga và nhập kho hàng chục ngàn bộ lốp xe vận tải cỡ lớn của Liên Xô cũ ; nay các tổng kho này có nhu cầu rất lớn về nhập hàng công nghệ cao của châu Âu.

3. Các điều kiện cho sự mở rộng hợp tác giữa Bắc Ninh với châu Âu :

Vấn đề này được các đại biểu quan tâm, bởi đây là cái mà Bắc Ninh cần trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhiều đại biểu băn khoăn rằng nhu cầu, khả năng hợp tác được phân tích có cơ sở khoa học song điều quan trọng là làm sao ứng dụng có hiệu quả vào thực tiễn ở Bắc Ninh. Để góp phần giải đáp một phần sự băn khoăn này, có những gợi ý về hướng phát triển của Bắc Ninh, qua các ý kiến của *Bà Tú Pa-kát* (chuyên gia tại Bộ kế hoạch đầu tư), *Bà Phéc-nan-đa Giu-rơ* và *TS. Nguyễn Thiết Hùng* (Phó chủ nhiệm Ủy ban kinh tế Ngân sách Quốc hội)... Có một số vấn đề đặt ra như những điều kiện cần phải tập trung giải quyết ở Bắc Ninh :

1. Điều quan trọng nhất chính là sự năng động, sáng tạo trong hợp tác với châu Âu của Bắc Ninh. Về những điều kiện, tiền đề ở trong nước cũng như quốc tế đã rõ. Vấn đề là cần chủ động giao lưu, nắm chắc thông tin ; nhanh chóng bắt nhịp với sự phát triển cũng như nhu cầu của từng nước châu Âu ; thường xuyên bám sát các cơ quan Trung ương ; tranh thủ các nguồn vốn đầu tư và đặc biệt là khai thác tiềm năng của những người quê hương Bắc Ninh hiện đang sinh sống và làm việc tại châu Âu.

2. Xác định và phát huy thế mạnh của tỉnh, nhất là những lợi thế so với bên ngoài. Chẳng hạn như vị trí gần thủ đô, giao thông thuận lợi, con người năng động, là địa phương giàu truyền thống văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc...

3. Học tập kinh nghiệm hợp tác của các nước châu Âu nhỏ và tham khảo kinh nghiệm của tỉnh Bình Dương cũng như một vài địa phương đã thu hút được nhiều dự án, hình thành được những khu công nghiệp phát triển. Bài học rút ra ở Bình Dương chính là sự hình thành, vận dụng cơ chế, chính sách, nắm bắt cơ hội để thu hút vốn đầu tư để phát triển. Bắc Ninh cần có cơ chế, chính sách phù hợp hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư châu Âu.

4. Nghiên cứu thị trường châu Âu, lựa chọn lĩnh vực hợp tác và mặt hàng xuất, nhập khẩu ; tìm đối tác chính (doanh nghiệp vừa và nhỏ, các nước nhỏ hoặc tỉnh có nhiều điểm bổ sung cho sự hợp tác với Bắc Ninh).

5. Chuẩn bị đội ngũ cán bộ thật chu đáo. Đây là khâu có tính quyết định trong việc xây dựng cũng như tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương phát triển. Nhân lực của Bắc Ninh phải được đào tạo thích ứng cho sự hợp tác với châu Âu (lao động trong doanh nghiệp của I-ta-li-a thì nên biết tiếng I-ta-li-a, y tá sang làm việc ở Anh phải hiểu về văn hóa, ngôn ngữ Anh, sử dụng công nghệ Đức phải có tay nghề khá...).

Cuối hội thảo, *TS. Hoàng Hải* (Phó Ban Kinh tế - Tạp chí Cộng sản) đại diện Ban Tổ chức cuộc Hội thảo đã nêu rõ ý nghĩa của cuộc hội thảo trong việc gắn hoạt động nghiên cứu với thực tiễn ; cảm ơn các nhà khoa học đã đi sâu nghiên cứu, chỉ ra những điều bức xúc đang đặt ra trong quá trình hội nhập quốc tế của Bắc Ninh ; đồng thời khẳng định hội thảo đã góp phần mở rộng hợp tác giữa Bắc Ninh với châu Âu và đóng góp tích cực cho đề tài độc lập cấp nhà nước "Những quan điểm, chính sách phát triển hợp tác Việt Nam - châu Âu" (do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh quản lý). ❑

HẢI HƯNG
thực hiện

Digitized by Google

GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ VÀ ĐẠO ĐỨC CHO CÁN BỘ HIỆN NAY

NGUYỄN TĨNH GIA *

VIỆC giáo dục lý luận chính trị đạo đức cho cán bộ, đảng viên đã trở thành truyền thống và đạt những thành tựu nhất định. Song, lý luận thường lạc hậu so với thực tiễn. Sự lạc hậu từ hai phía : lạc hậu của chính bản thân lý luận và lạc hậu về sự nhận thức lý luận. Vì vậy, dù đã trở thành truyền thống, vấn đề giáo dục lý luận chính trị và đạo đức cho cán bộ, đảng viên vẫn là vấn đề luôn luôn mới - vấn đề luôn có vấn đề. Thực tiễn cảnh báo chúng ta như vậy.

Thực tiễn đất nước đang đặt ra nhiều vấn đề cho lý luận mà ai cũng biết, chúng ta đang sống trong một đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Từ một xuất phát rất thấp - thấp đồng bộ, cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cả cơ sở kinh tế lẫn kiến trúc thượng tầng ; cả về dân trí, dân chủ và làm chủ, về ý thức pháp luật... Chúng ta lại đang mở cửa hội nhập với thế giới bên ngoài nhằm khắc phục sự hụt hẫng nhiều mặt, tạo đà cho những bước đi chuyển tiếp hợp quy luật về sự "bỏ qua". Trong khuôn khổ bài viết này, không trình bày nội dung của các nhân tố chủ quan dẫn đến nhu cầu về sự bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa mà chỉ làm bật lên vấn đề là : việc bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa từ nhu cầu nội sinh đòi hỏi rất cao vai trò của nhân tố chủ quan. Ở đây, chủ nghĩa xã hội chưa có mà chính chúng ta phải tự xây dựng lên, vì vậy, Đảng cộng sản cầm quyền, giai cấp vô sản lãnh đạo phải nỗ lực nâng mình lên ngang tầm để thiết kế hệ thống lý luận chính trị khoa học phù hợp và khả thi trong điều kiện riêng của mỗi nước trên một nguyên tắc là xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Muốn giáo dục chính trị có hiệu quả, trước hết phải có một hệ thống lý luận chính trị khoa học dựa trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Song, đó chỉ là nền tảng định hướng còn việc xây lên hệ thống lý luận chính trị thực tiễn để dùng nó như là công cụ nhận thức và hành động cách mạng ở Việt Nam thì phải biết thiết kế lên hệ thống lý luận sắc sảo, mang tính *thực tiễn - ứng dụng cao*. Đây là điểm yếu nhất trong hệ thống lý luận chính trị của chúng ta.

Chúng ta dạy và học chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh rất nhiều, nhưng còn thiếu tính ứng dụng, cho nên, học nhiều mà tác dụng và hiệu quả ít. Điều đó có cả sự lạc hậu của bản thân hệ thống lý luận chính trị, lẫn sự lạc hậu trong giáo dục lý luận chính trị.

* PGS, TS Triết học, Viện phó Viện Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Tình trạng học một đường làm một nẻo, nói một đường làm một nẻo đang là hiện tượng khá phổ biến trong không ít cán bộ hiện nay. Học là do tổ chức, cơ chế để đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn hóa chứ chưa phải là sự tự giác thôi thúc nâng cao trình độ, rèn luyện phẩm chất.

Cách mạng Việt Nam hơn bao giờ hết đang đòi hỏi rất cao công tác lý luận chính trị, trình độ tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ về mặt lý luận và thực tiễn công cuộc đổi mới, xây dựng đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam đề xướng.

Công tác giáo dục lý luận chính trị với xây dựng đạo đức cho cán bộ lãnh đạo, quản lý đã được Đảng chú ý quan tâm. Hệ thống các trường chính trị có đều khắp từ trung ương đến cơ sở, không kể đến các trường lớp của ngành, đoàn thể... Có thể nói không một cán bộ lãnh đạo quản lý nào mà không có ít nhất từ 1 đến 2 lần học dài hạn hoặc bồi dưỡng ngắn hạn lý luận chính trị. Đất nước ta đang có nhiều điều kiện khách quan và chủ quan thuận lợi để giáo dục lý luận chính trị nhằm xây dựng đạo đức cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý. Song, ở đây, muốn nói thực trạng của công tác giáo dục lý luận chính trị đã tác động, ảnh hưởng đến xây dựng đạo đức cho cán bộ lãnh đạo, quản lý như thế nào để có được những đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức trong sáng, có sức thuyết phục đối với cấp dưới và được nhân dân quý mến ?

Do đó, hệ thống lý luận mà ta thường gọi là lý luận chính trị dùng để giáo dục, bồi dưỡng cho cán bộ lãnh đạo và quản lý hiện nay là chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối và chính sách của Đảng, luật pháp Nhà nước phải là hệ thống công cụ, nhận thức và hành động cách mạng, nó sẽ mãi mãi là cơ sở, nền tảng lý luận trong hệ thống lý luận chính trị. Nhưng để nó trở thành công cụ, lý luận chính trị sắc bén có tác dụng, biến đổi đời sống đạo đức của cán bộ lãnh đạo, quản lý, xây dựng đạo đức mới cho họ thì phải đổi mới hệ thống lý luận và công tác giáo dục lý luận chính trị hiện nay, vì những lý do chính sau :

Một là, vẫn còn không ít sự giáo điều trong hệ thống chương trình lý luận chính trị và trong phương pháp giáo dục.

Hai là, hệ thống lý thuyết (lý luận chính trị) phải có "gạch nối" với việc xây dựng đạo đức cho cán bộ lãnh đạo quản lý. Gạch nối đó chưa được thể hiện ngay trong cấu trúc chương trình.

Ba là, cần bỏ lối học nhồi nhét, học vòng vo, trùng lắp. Học nhiều nhưng kết quả đối với việc xây dựng đạo đức thì không tương xứng.

Bốn là, chưa xây dựng môi trường đạo đức mới làm "bệ đỡ" cho công tác giáo dục lý luận chính trị. Học viên học lý thuyết được soi những tấm gương trong, nhưng nhìn vào cuộc sống thực thì phải đối đầu với không ít tấm gương "đục", "mờ". Một bộ phận không nhỏ cán bộ hiện nay suy giảm về đạo đức lối sống thì những bài giảng về lý luận chính trị và công tác giáo dục chính trị làm sao có sức thuyết phục. Cũng cần phải nói thêm rằng, đặc thù của công tác giáo dục lý luận chính trị nhằm xây dựng đạo đức trong cán bộ lãnh đạo, quản lý không chỉ có hệ thống lý thuyết hay, mà chính là ở sức thuyết phục thực tiễn của nó.

Digitized by Google

Năm là, lý luận chính trị và công tác giáo dục lý luận chính trị với việc xây dựng đạo đức trong cán bộ lãnh đạo, quản lý của ta còn rất chậm so với những biến động nhanh, to lớn của thời đại và thời cuộc ; còn rất chậm so với những yêu cầu đặt ra trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang sử dụng nó như những phương tiện nhằm đạt mục tiêu : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Nắm bắt được cái "thần" cuộc sống để định hướng đúng cho sự phát triển của đời sống xã hội, thiết nghĩ là việc làm, là lý do tồn tại của lý luận chính trị và công tác giáo dục lý luận chính trị. Lý luận chính trị và công tác giáo dục lý luận chính trị của ta vẫn còn chung chung trừu tượng : dạy lý luận chính trị vẫn còn sách vở, giáo khoa chưa dạy bằng thực tiễn cuộc sống, thực tế để thuyết phục lòng người.

Công tác giáo dục lý luận chính trị để xây dựng đạo đức cho cán bộ lãnh đạo, quản lý càng cần được "lượng hóa" theo hướng xây dựng niềm tin để biến niềm tin thành sức mạnh. Công tác này không phải chỉ nói mà còn phải làm. Tuy nhiên, nói tức là làm - đặc thù của công tác này. Song, cần có cơ chế phối hợp với các cơ quan, ngành hữu quan và khi cần thiết, phải can thiệp vào thực tiễn xử lý vụ việc gắn với đạo đức, nhân cách của cán bộ đảng viên.

Trên cơ sở thực trạng và những vấn đề đặt ra từ giáo dục lý luận chính trị với xây dựng đạo đức cho cán bộ đảng viên, xin có mấy kiến nghị :

1 - Cải cách cơ bản chương trình, giáo trình, giáo khoa về lý luận chính trị và công tác giáo dục lý luận chính trị hiện nay nhằm xây dựng bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng mới cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảng viên theo hướng thực tiễn - ứng dụng. Cải cách này nhằm khắc phục tính giáo điều, sách vở, xa thực tiễn... của lý luận chính trị và công tác giáo dục lý luận chính trị. Khắc phục sự tách rời giữa giáo dục lý luận chính trị với xây dựng bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng mới.

2 - Đầu tư xây dựng chương trình chính trị - đạo đức học cụ thể dành cho cán bộ đảng viên.

Cải cách này nhằm gắn việc học lý luận chính trị với xây dựng bản lĩnh chính trị, đạo đức mới, khắc phục tình trạng đem mấy bài đạo đức học phổ thông trong sách giáo khoa của học sinh, sinh viên giảng cho cán bộ đảng viên khiến cho tác dụng chẳng được bao nhiêu. Giáo dục lý luận chính trị phải xuất phát từ nhu cầu của cơ sở, từ đối tượng đào tạo để xây dựng chương trình. Không dùng một chương trình định sẵn áp đặt cho mọi đối tượng.

3 - Đã là cán bộ đảng viên, dù ở cấp nào, từ Trung ương đến cơ sở, không trừ ai phải qua học tập lý luận chính trị gắn với việc xây dựng đạo đức mới. Đây là lĩnh vực không có vùng "cấm". Thiết nghĩ, không ai có thể nói rằng : lý luận chính trị và đạo đức cách mạng với tôi đã đủ, không cần học nữa, chỉ cần dạy cho đời chứ không cần học nó trong cuộc đời.

4 - Các trung tâm giáo dục lý luận chính trị cần được đặt ngang tầm, đúng vị trí của nó trong công tác giáo dục lý luận chính trị và xây dựng đạo đức cho cán bộ đảng viên hiện nay, sao cho giáo dục chính trị thực sự có hiệu lực trong cuộc sống. ❑

Digitized by Google

NHÌN LẠI BỐN NĂM ĐƯA LUẬT HỢP TÁC XÃ VÀO CUỘC SỐNG

CHU TIẾN QUANG và LÊ XUÂN ĐÌNH

NGÀY 18-3-1996, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa X, Luật Hợp tác xã đã được phê chuẩn. Luật đã tạo hành lang pháp lý cho quá trình tiếp tục đổi mới và phát triển HTX, một loại hình tổ chức kinh tế có khả năng thu hút đông đảo nhất người lao động tham gia, đặc biệt là nông dân và những người sản xuất nhỏ ở cả nông thôn và thành thị. Luật Hợp tác xã ra đời cũng là kết quả của quá trình tổng kết thực tiễn phong trào hợp tác hóa của nước ta và tham khảo kinh nghiệm xây dựng, phát triển HTX của các nước.

Để triển khai nhanh Luật vào cuộc sống, Chính phủ đã ban hành 9 nghị định dưới Luật, bao gồm các nội dung : chuyển đổi HTX cũ và đăng ký HTX mới ; chính sách khuyến khích phát triển HTX ; quản lý nhà nước về HTX ; điều lệ mẫu về HTX (cho 6 ngành kinh tế). Các bộ, ngành liên quan cũng đã ban hành các thông tư hướng dẫn thực hiện các nghị định của Chính phủ. Với hệ thống văn bản đã ban hành, có thể nói, lần đầu tiên kinh tế HTX ở Việt Nam được đổi mới toàn diện và phát triển dựa trên những khung pháp lý rõ ràng, cụ thể.

Điều 1 của Luật Hợp tác xã đã định nghĩa *"Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tự chủ của người lao động có nhu cầu, có lợi ích chung, tự nguyện cùng góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của pháp luật để phát huy sức mạnh của tập thể và từng xã viên"* với năm nguyên tắc cơ bản : Tự nguyện gia nhập hoặc ra khỏi hợp tác xã ; Quản lý dân chủ, bình đẳng ; Tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi ; Chia lãi bảo đảm kết hợp lợi ích xã viên và sự phát triển của hợp tác xã ; Hợp tác và phát triển cộng đồng.

Như vậy, Luật Hợp tác xã đã trở thành một mốc quan trọng trong đổi mới nhận thức lý luận và thực tiễn về mô hình HTX kiểu mới, đồng thời giải tỏa được nhiều vướng mắc của mô hình HTX cũ để lại. Đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp, có nhiều HTX cũ tồn tại hình thức, đã trở nên mất tác dụng, không còn vai trò khai thác tiềm năng tại chỗ để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển. Phát triển hợp tác xã kiểu mới theo Luật, trên cơ sở tôn trọng vai trò tự chủ của kinh tế hộ, tự nguyện bình đẳng và cùng chia sẻ lợi ích, rủi ro... sẽ tạo ra những HTX đích thực có cơ sở kinh tế vững chắc để phát triển lâu dài.

Qua một thời gian phát triển HTX theo Luật có thể thấy phong trào hợp tác xã đã có những thay đổi quan trọng, được người lao động đánh giá cao, một số HTX đã phát triển tốt hơn, vững vàng hơn. Nhưng cũng còn khá nhiều HTX yếu kém, chưa thực sự phát huy được vai trò, vị trí của nó trong việc thúc đẩy sản xuất, huy động tối đa các nguồn lực cho phát triển kinh tế của từng hộ xã viên và kinh tế tập thể HTX, cơ sở kinh tế chẳng những không được bồi đắp thêm, lại còn nghèo đi. Không ít HTX chưa khơi dậy được tinh thần hợp tác, tương trợ, hỗ trợ lẫn nhau trong cộng đồng... Do vậy, Đại hội IX của Đảng đã khẳng định việc nghiên cứu, tổng kết thực tiễn phong trào HTX hiện nay để tiếp tục phát triển HTX theo Luật nhằm làm cho HTX xứng đáng là nòng cốt của các loại hình kinh tế hợp tác của người lao động...

Digitized by Google

1. Thực trạng chuyển đổi hợp tác xã kiểu cũ sang hoạt động theo Luật Hợp tác xã.

Theo số liệu báo cáo bước đầu của 49 tỉnh thành phố [1], 4 năm qua đã chuyển đổi được khoảng 60% tổng số hợp tác xã kiểu cũ, trong đó, 43% các HTX chuyển đổi đã nhận đăng ký kinh doanh ; 12% đã làm thủ tục nhưng chưa nhận đăng ký kinh doanh. Trong lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp, nhiều HTX không thấy có nhu cầu thực sự ở giấy đăng ký kinh doanh, do chưa ký kết các hợp đồng kinh tế, mở rộng quan hệ kinh tế với bên ngoài.

Tính riêng cho từng ngành, thì lĩnh vực tín dụng có tỷ lệ HTX chuyển đổi cao nhất trong tổng số HTX cũ (88%), tiếp theo là các HTX trong lĩnh vực xây dựng (84%), giao thông vận tải (81%), thủy sản 76% và thấp nhất là các HTX nông nghiệp (gần 48%).

Trong quá trình thực hiện Luật đã giải thể 1 088 HTX cũ, chiếm 11%. Mặc dù Nghị định 16/CP đã đưa ra thời hạn chuyển đổi là 1 năm, tính từ ngày 21-2-1997, sau đó Công văn số 355, ngày 30-3-1998, Chính phủ đã gia hạn chuyển đổi đến 31-12-1998, nhưng tới nay vẫn còn tồn đọng 3 269 HTX cũ (hơn 33%) không chuyển đổi và cũng không giải thể được.

Các địa phương thường lấy tỷ lệ HTX đã chuyển đổi cao để đánh giá thành tích đã thực hiện Luật Hợp tác xã "nhanh và kết quả tốt". Hầu như rất ít địa phương đánh giá được thực chất chất lượng của các HTX đã chuyển đổi, ngay cả đối với việc đánh giá theo những chỉ tiêu đã được Luật Hợp tác xã và các văn bản pháp quy dưới luật quy định. Vì vậy, có thể nhận định rằng, chất lượng các HTX chuyển đổi chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, thể hiện trên một số mặt, như sau :

- Vốn sản xuất kinh doanh trong các HTX đã chuyển đổi nhìn chung là thấp và không tương xứng với các phương án sản xuất kinh doanh đã đề ra. Trong cơ cấu, vốn cố định chiếm tỷ trọng cao, vốn lưu động - thấp, không đủ để duy trì các hoạt động thường xuyên trong quá trình sản xuất của hộ, đồng thời phản ánh hoạt động của các HTX còn rất đơn điệu, nghèo nàn. Cụ thể, trong ngành giao thông vận tải, tính quân bình cho mỗi HTX, cơ cấu vốn lưu động và vốn cố định khoảng 95/5 ; ngành thủy sản : 87/13 ; ngành nông nghiệp : 72/28 ; ngành công nghiệp : 56/44 ; ngành xây dựng : 49/51 và ngành tín dụng có tỷ lệ thấp hơn cả là 3,4/96,6.

- Số xã viên trong các HTX nông nghiệp thường rất nhiều, bình quân mỗi HTX có 1 159 xã viên. Nhiều HTX đã chuyển toàn bộ các hộ xã viên của HTX cũ sang HTX mới, lấy đại diện mỗi hộ 1 người. Góp vốn thường rất chiếu lệ, có HTX mỗi xã viên chỉ góp 30 ngàn hay 50 ngàn đồng. Nhận thức cũ vẫn còn tồn tại phổ biến trong nhân dân, nhiều hộ sợ thiệt thòi nếu không được vào HTX, nhưng lại không muốn đóng góp cổ phần, chưa thực sự thấu suốt nội dung và bản chất của HTX mới theo Luật...

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh còn thấp, không ổn định và rất khác nhau giữa các ngành. Số HTX nông nghiệp làm ăn có lãi giảm nhanh từ 67,5% (1997) xuống 61,2% (1998) và 55,5% (1999). Mức lãi nhìn chung thấp, chủ yếu là chênh lệch giữa tiền thu từ các hoạt động dịch vụ nội bộ trừ đi chi phí trực tiếp, trong đó không tính hoặc chưa tính hết khấu hao các tài sản cố định đang dùng. Thu nhập của ban quản lý HTX còn thấp, từ 100 ngàn đồng đến 200 ngàn đồng/người/tháng. Khả năng thu từ các dịch vụ nội bộ (từ xã viên) rất hạn chế, trong khi các hoạt động kinh doanh ra bên ngoài chưa phát triển, tích lũy cho phần sở hữu tập thể còn rất khiêm tốn.

Riêng trong lĩnh vực nông nghiệp, số HTX chuyển đổi tốt và hoạt động thực sự có hiệu quả, cơ sở kinh tế được củng cố và tăng cường

(1) Số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Digitized by Google

chỉ chiếm 30%, số còn lại (70%) là gượng ép, hình thức và khó có khả năng phát triển nếu không có những thay đổi căn bản về cách thức tổ chức quản lý sản xuất, kinh doanh theo tinh thần của Luật Hợp tác xã, nhất là nếu không có được đội ngũ cán bộ mới đủ năng lực và trình độ tổ chức quản lý các hoạt động kinh doanh, dịch vụ của HTX trong điều kiện cạnh tranh và hội nhập kinh tế sắp tới.

2. Thành lập mới hợp tác xã theo Luật.

Theo thống kê bước đầu của 49 tỉnh thành, đến hết quý I năm 2001 đã có 2 361 HTX thành lập mới, chiếm khoảng 21% tổng số HTX hiện đang hoạt động và phân bố trong các ngành như sau :

Biểu 1 : Phân bố các hợp tác xã thành lập mới theo các ngành

	% so với tổng số HTX thành lập mới	% so với tổng số HTX trong ngành
Nông nghiệp	43,3	13,6
Thủy sản	9,8	58,7
Công nghiệp	14,8	31,9
Xây dựng	6,2	58,5
Tín dụng	6,9	21,1
Giao thông vận tải	11,6	43,9
Ngành khác	7,4	27,9

Nhìn chung, các HTX thành lập mới đều do những người lao động tự nguyện lập ra trên cơ sở thừa nhận điều lệ mẫu và các nguyên tắc của HTX. Họ đã cùng nhau hùn vốn và thống nhất phương án sản xuất kinh doanh. Bình quân mỗi HTX có khoảng 861 triệu đồng. Số xã viên trong các HTX thành lập mới thường không đông, bình quân khoảng 100 người/HTX, gồm những người thực sự có nhu cầu, có trách nhiệm cùng nhau xây dựng HTX. Đây là dấu hiệu rất tích cực để bảo đảm xã viên gắn bó với HTX.

Những xã viên tham gia HTX mới thường đóng cổ phần cao hơn nhiều lần so với mức đóng cổ phần của các HTX chuyển đổi, trong đó những người tham gia ban quản trị thường đóng cổ phần cao hơn xã viên, khoảng từ 7 - 10 cổ phần/người, không có trường hợp vượt quá 30% vốn điều lệ.

Các HTX thành lập mới thường lựa chọn phương án sản xuất khá sát hợp với nhu cầu thực sự của xã viên và nhu cầu dịch vụ cho kinh tế hộ, nhưng còn gặp nhiều khó khăn về vay vốn ngân hàng, đặc biệt là kinh nghiệm hoạt động, kiến thức tiếp thị và quản lý kinh tế...

3. Những vấn đề đang đặt ra.

Một là, Phương án sản xuất kinh doanh của nhiều HTX chưa sát với nhu cầu thực tế trong sản xuất. Chẳng hạn, chế biến và tiêu thụ nông sản phẩm là lĩnh vực mà đa số các hộ nông dân đang rất cần, thì tỷ lệ HTX làm dịch vụ này đang mới ở mức 10%, và trên thực tế các HTX đưa ra chủng loại hàng hóa còn rất đơn giản, chất lượng thấp, khối lượng nhỏ. Những lĩnh vực như thủy lợi, thì tỷ lệ HTX làm dịch vụ lại rất cao, nhưng hiệu quả thấp, nhiều HTX phải bù lỗ cho hoạt động này.

Số HTX tạo được lòng tin đối với các hộ xã viên đều thông qua hoạt động dịch vụ có hiệu quả. Ví dụ, có HTX đã hạ thủy lợi phí được 30%, giảm phí bảo vệ thực vật được 35%, giảm giá điện từ 1 000 - 1 100 đồng/Kwh xuống còn 500 - 700 đồng. Nhưng vẫn còn nhiều HTX lúng túng trước cơ chế thị trường dẫn đến lựa chọn các phương án sản xuất, kinh doanh giản đơn, thiếu linh hoạt mở thêm các dịch vụ có lợi nhuận và đáp ứng nhu cầu hộ xã viên và hộ nông dân trên địa bàn, nên hiệu quả hoạt động chưa cao, ảnh hưởng đến uy tín của mô hình HTX kiểu mới.

Hai là, trong nông nghiệp nông thôn, không ít trường hợp các cơ quan đảng, chính quyền cơ sở chưa thực sự coi HTX là tổ chức kinh tế tự chủ như Luật Hợp tác xã quy định. Nhiều nơi vẫn còn tình trạng coi HTX là công cụ hỗ trợ, là một bộ phận của tổ chức chính quyền để đóng góp kinh phí cho hoạt động của chính quyền và phúc lợi của địa phương, có lúc vượt

Digitized by Google

quá khả năng của bản thân HTX. Chính quyền can thiệp quá sâu vào hoạt động HTX, có nơi chính quyền khống chế cả thu nhập của ban quản lý, ra quyết định thuyên chuyển cán bộ của HTX. Đã có nơi xảy ra mâu thuẫn giữa ủy ban nhân dân xã với HTX, kìm hãm HTX không thể phát triển theo khả năng của nó.

Ba là, một số HTX thành lập mới chưa tuân thủ đúng các nguyên tắc của HTX, thực chất là công ty cổ phần, để lợi dụng sự ưu đãi của nhà nước đối với HTX. Cụ thể HTX thành lập bằng vốn góp của một số ít cá nhân, nhưng họ đã phân chia nhỏ cho các xã viên khác đứng tên.

Sự khác nhau căn bản giữa HTX với công ty cổ phần là ở quyền bình đẳng ngang nhau giữa các xã viên trong quản lý và phát triển HTX, dù vốn đóng góp có thể khác nhau, nhưng phải thấp hơn mức tối đa mà Luật cho phép. Chẳng hạn, Luật quy định vốn góp có thể nhiều hơn mức tối thiểu, nhưng ở mọi thời điểm không được vượt quá 30% tổng vốn điều lệ của HTX (vốn điều lệ bằng tổng vốn góp của các xã viên tại thời điểm đăng ký kinh doanh). So với điều lệ của HTX ở nhiều nước, mức 30% là quá cao, nếu để một vài cá nhân có số tiền đóng góp quá lớn, thì cá nhân đó sẽ nắm quyền định đoạt HTX giống như công ty cổ phần, khó duy trì sự công bằng, dân chủ theo đúng nghĩa của HTX.

Kinh nghiệm thực tế đã chứng minh, các cá nhân có cổ phần áp đảo trong vốn điều lệ chi phối hoạt động của HTX dưới nhiều kiểu khác nhau và rất tinh vi. Đó cũng là quy luật của cuộc sống, như Ăng-ghen đã từng nói : "Ai có phương tiện đó* là chi phối được thế giới sản xuất" [2]. Điều đáng bàn ở đây là nếu không kiểm soát được tình trạng này sẽ khó nhận biết các công ty cổ phần nấp dưới tên gọi HTX, đáng ra phải chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, lại chịu sự chi phối của Luật Hợp tác xã, và được hưởng các ưu tiên ưu đãi của chính sách, làm méo mó tinh thần hỗ trợ của chính sách nhà nước đối với HTX.

Bốn là, có tình trạng trì trệ ở các cấp chính quyền kể cả ở trung ương và địa phương trong việc hướng dẫn, thực hiện các chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển HTX. Chẳng hạn, chính sách giao đất, giao rừng, chính sách cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ sản xuất nông nghiệp. Tính đến cuối năm 2000, cả nước mới có 70,6% số xã, phường thực hiện xong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 77,8% diện tích đất nông nghiệp thuộc diện phải cấp, hiện mới có 86,8% số hộ nông dân nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cá biệt, như ở Quảng Ngãi, đến nay 100% số xã vẫn chưa tiến hành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ. Thêm vào đó, hầu hết các HTX chưa tiếp cận được vốn vay của ngân hàng vì không có tài sản thế chấp, HTX nông nghiệp càng khó khăn hơn vì đất đai đều do hộ xã viên nắm. Hầu như không có cơ quan nhà nước nào có trách nhiệm hướng dẫn thị trường đối với HTX, đặc biệt đối với đông đảo các HTX nông nghiệp nằm rải rác khắp các vùng, miền trong cả nước.

Năm là, trình độ học vấn và quản lý của cán bộ HTX đang là một vấn đề nổi cộm. Số liệu thống kê sơ bộ cho thấy, mới chỉ có gần 6% cán bộ ban quản lý HTX có trình độ đại học, 18% có trình độ trung cấp, còn lại 76% chưa qua đào tạo. Nhiều chủ nhiệm HTX thậm chí còn chưa nắm vững nội dung của Luật Hợp tác xã. Một phần nguyên nhân của tình trạng lúng túng trong lựa chọn các phương án sản xuất kinh doanh cũng là do trình độ hiểu biết kém cỏi của cán bộ HTX về kinh tế thị trường và pháp luật.

4. Một số kiến nghị giải pháp.

Có thể nói trong xu thế đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và với sự ra đời của Luật Hợp tác xã, người dân nói chung và nông dân nói riêng đã

---

* Tức là tiền

(2) C. Mác và Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 21, tr 247

Digitized by Google

thực sự có đủ các điều kiện về mặt thể chế để thành lập HTX đích thực của mình, thế nhưng để các thể chế vào được cuộc sống, trước mắt cần có một số giải pháp sau :

Thứ nhất, làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền nội dung Luật Hợp tác xã, trước hết là các nguyên tắc cơ bản về xây dựng HTX kiểu mới trong đội ngũ đảng viên, các cấp lãnh đạo cơ sở. Những phân tích trên đây cho thấy nguyên nhân cơ bản của tình trạng yếu kém của một số HTX phần nhiều là do nhận thức về HTX kiểu mới chưa thật đầy đủ. Nhận thức sai dẫn đến hành động thiếu chuẩn xác, có địa phương làm qua loa, tuyên truyền một chiều, như giải thích với quần chúng rằng, phải phát triển HTX vì đó là chủ trương của Đảng và Nhà nước ta. Các hộ nông dân đã nhận thức về HTX mới không khác gì so với kiểu hợp tác hóa cũ, cho nên đăng ký xã viên theo kiểu toàn xã, "đánh trống ghi tên". Có nơi chạy theo số lượng để báo cáo thành tích của hoạt động cấp ủy đảng và chính quyền cơ sở. Thêm vào đó còn có tâm lý lo sợ một cách mơ hồ, đặc biệt trong nông nghiệp, nông thôn, rằng mất HTX là mất chủ nghĩa xã hội... dẫn đến gò ép, thiếu tôn trọng nguyện vọng và quyền tự nguyện của xã viên, vừa sai Luật, vừa không xây dựng được những HTX đích thực có khả năng phát triển hiệu quả.

Tư tưởng của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đều nhấn mạnh việc tuyệt đối không được gò ép nông dân, bất kỳ dưới hình thức nào, phải để cho nông dân tự suy nghĩ trên luống cày của họ, thấy rõ được lợi ích thiết thân của việc thành lập HTX. Nguyên tắc tự nguyện gia nhập hoặc ra khỏi hợp tác xã của Luật đã thể hiện đầy đủ tinh thần đó. Ở đâu và lúc nào bản thân người lao động chưa thực sự có nhu cầu thiết thân đối với HTX, thì chưa nên tổ chức. Ở đâu có sự tôn trọng các nguyên tắc của HTX, thì ở đó sẽ xuất hiện HTX đích thực, có thể ban đầu mới chỉ là các tổ hợp tác giản đơn. Chẳng hạn cả nước đã có tới trên 160 ngàn tổ hợp tác giản đơn và các nhóm liên kết trong các lĩnh vực, và mặc dầu không có sự nâng đỡ, hỗ trợ nào về tài chính và kinh tế từ phía Nhà nước, nhưng chúng đã hoạt động hiệu quả, sự tồn tại của chúng trong cuộc sống đã nói lên tất cả điều đó.

Bởi vậy, trước hết cán bộ, đảng viên cơ sở phải gương mẫu, đầu tàu trong việc học tập, nghiên cứu nội dung của Luật, từ đó dẫn dắt quần chúng nhận thức đầy đủ hơn nữa về mô hình HTX kiểu mới. Nhận thức tư tưởng là chiếc "chìa khóa" để có hành động đúng, đưa đường lối chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống.

Thứ hai, khẩn trương xử lý dứt điểm những HTX cũ còn tồn đọng chưa chuyển đổi được, đồng thời rà soát lại số HTX đã chuyển đổi nhưng còn hình thức, hoạt động kém hiệu quả. Không nên kéo dài hạn chuyển đổi HTX cũ, chấp hành nghiêm chỉnh Công văn 355 của Chính phủ quy định hạn chuyển đổi HTX cũ. Những HTX nào xét thấy xã viên không còn thiết tha thì sớm cho làm thủ tục giải thể, hướng dẫn xử lý triệt để những vấn đề tồn đọng của HTX cũ. Đối với vấn đề nợ của HTX cũ (chủ yếu là của các HTX nông nghiệp), thiết nghĩ, Nhà nước nên xóa nợ, nhất là đối với các HTX thực sự yếu kém, cơ sở kinh tế nghèo nàn, chính quyền xã không xử lý nổi [3]. Tuy nhiên, việc xử lý xóa nợ đối với từng HTX phải được đưa ra đại hội xã viên dân chủ bàn bạc và thống nhất phương án xử lý, tránh những kiện cáo không cần thiết sau khi nhà nước xóa nợ.

Đối với các HTX đã chuyển đổi, nếu phát hiện thấy có vấn đề gượng ép, chưa thực hiện đúng các thủ tục chuyển đổi và thủ tục đăng ký

(3) Đến nay tổng số nợ đọng của các HTX nông nghiệp cũ là 552,3 tỉ đồng, trong đó nợ ngân hàng 125,4 tỉ (đã khoanh 78 tỉ), nợ thuế nông nghiệp 22,4 tỉ, nợ các doanh nghiệp thủy lợi, công ty vật tư, giống là 236 tỉ, nợ chính quyền, đoàn thể và các tổ chức xã hội 168,2 tỉ đồng

Digitized by Google

kinh doanh, thì thông qua đại hội xã viên bổ sung cho đầy đủ. Trường hợp HTX đã chuyển đổi nhưng vẫn yếu kém, không có phương án và triển vọng phát triển, xã viên thực sự không muốn duy trì, thì có thể cho giải thể trên cơ sở tôn trọng dân chủ và nguyện vọng của xã viên.

Thứ ba, tăng cường công tác tư vấn ở cơ sở giúp các HTX có thông tin kiến thức về sản xuất, thị trường. Đây là vấn đề khó, nhưng lại đang là chỗ thiếu hụt lớn trong quá trình phát triển kinh tế hợp tác xã, đặc biệt trong nông nghiệp, nông thôn. Nếu Liên minh các hợp tác xã, các tổ chức khuyến nông, chính quyền cơ sở biết đứng ra làm trung tâm liên kết các nhà khoa học với HTX và người sản xuất, thì chúng ta có thể cải thiện được tình trạng bế tắc trong tiêu thụ sản phẩm hiện nay.

Về mặt lý thuyết, do tiến bộ của khoa học và công nghệ mà năng suất lao động ngày một tăng, và do cạnh tranh thị trường nên giảm giá là một xu thế có tính quy luật. Vấn đề là ở chỗ nhà sản xuất phải biết chớp thời cơ vận dụng thành tựu mới nhất của khoa học - công nghệ để tăng năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Thêm vào đó việc nắm bắt kịp thời thông tin, vận dụng linh hoạt các trạng huống của thị trường cũng là cả một nghệ thuật. Chẳng hạn trong lúc giá cà phê đang xuống liên tục mấy năm gần đây, nhưng ở ta vẫn có tới hơn 10% các nhà xuất khẩu cà phê có lãi. Họ đã tiết lộ bí quyết rằng, buôn cà phê thực sự như buôn vàng, sáng một giá, chiều lại giá khác, nếu có đủ thông tin, có khả năng quyết đoán nhanh, chớp thời cơ thì có lãi.

Trên thực tế công tác tư vấn còn phải bảo đảm việc dự báo thị trường trung và dài hạn, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp. Bởi vậy, công tác quy hoạch sản xuất của các địa phương phải được rà soát lại và điều chỉnh cho hợp với biến động của thị trường tiêu thụ, đồng thời tăng tính pháp lý của quy hoạch, gắn quy hoạch với chính sách khuyến khích sản xuất, kinh doanh, quy hoạch là định hướng chung cho các HTX lựa chọn phương án sản xuất, kinh doanh. Trên cơ sở đó HTX mới có thể trở thành tổ chức kinh tế giúp hộ xã viên chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Có như vậy mới tránh được các hiện tượng tự phát, chạy theo phong trào... gây ra tình trạng ế thừa sản phẩm, chặt phá các cây lâu năm chỉ vì giá xuống nhất thời, lúc giá lên thì "trở tay" không kịp gây lãng phí.

Thứ tư, phát triển và đa dạng hóa các hình thức sở hữu cộng đồng ở nông thôn. Đó là cộng đồng về hệ thống cơ sở hạ tầng sản xuất, đời sống, các công trình phúc lợi xã hội, dân sinh (cùng xây dựng, cùng quản lý và cùng chia sẻ lợi ích từ các công trình này). Thực tế cho thấy đây là một nhu cầu bức bách của đông đảo đồng bào sinh sống tại các thôn, bản vùng nông thôn nói chung và miền núi nói riêng. Sở hữu cộng đồng thông qua các hương ước, các quan hệ luật tục do cộng đồng dân cư tại chỗ lập ra, có sự hướng dẫn của cơ quan đảng và chính quyền cơ sở để xây dựng các quy ước. Cụ thể như, làng văn hóa, quan hệ tương trợ, giúp đỡ trên tinh thần "lá lành đùm lá rách". Bằng các quy ước cộng đồng có thể kiểm soát được các hoạt động có liên quan đến trách nhiệm và lợi ích của từng cá nhân, cùng hợp tác để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội chung. Phát triển sở hữu cộng đồng sẽ tạo ra quan hệ kinh tế cộng đồng tốt, và đây chính là điều kiện cơ bản, động lực quan trọng giúp cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, đồng thời tạo tiền đề cho sự hình thành và phát triển các hợp tác xã đích thực. Kinh nghiệm của nhiều địa phương, cách làm này thực sự có hiệu quả trong việc hạn chế các vi phạm về môi trường do phát triển sản xuất gây ra, bảo đảm trật tự an ninh, chống tệ nạn xã hội và giáo dục thế hệ trẻ sống có văn hóa, bảo vệ thuần phong mỹ tục, tinh thần hợp tác cùng nhau phát triển.❑

Digitized by Google

NHÂN RỘNG CÁC MÔ HÌNH, ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN VỀ NƯỚC SẠCH - VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

CHU THÁI THÀNH

NƯỚC sạch - vệ sinh môi trường (NS-VSMT) đã trở thành vấn đề toàn cầu, đồng thời cũng là vấn đề cấp thiết của nước ta. Nước sạch - vệ sinh môi trường liên quan đến tất cả mọi người, mọi vùng, đến sự phát triển bền vững của đất nước trước mắt cũng như lâu dài. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Bộ Chính trị đã có Chỉ thị 36/CT *Về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*. Đây là một nhiệm vụ hết sức to lớn và cấp bách, tác động trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng sống của nhân dân.

Sau hơn 3 năm thực hiện *Chỉ thị* của Bộ Chính trị, khắp nơi trong cả nước, từ thành thị tới nông thôn, từ miền ngược đến miền xuôi, từ trong Nam ra ngoài Bắc đã xuất hiện nhiều mô hình, điển hình tiên tiến trong phong trào thực hiện cung cấp NS-VSMT, mang lại hiệu quả rõ rệt. Nhờ đó, chúng ta đã ngăn chặn được một bước tình trạng suy thoái môi trường do các cơ sở sản xuất gây ra. Giải quyết nạn ô nhiễm môi trường, trước hết là nước và không khí trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bảo đảm môi trường lao động, sinh hoạt cho con người ở các khu công nghiệp, các đô thị. Nhiều dự án về cải tạo, bảo vệ môi trường, xây dựng các vườn quốc gia, khu rừng cấm, trồng cây xanh ở đô thị và các khu công nghiệp đang được thực hiện ; nhiều biện pháp kỹ thuật tiên tiến xử lý các chất độc hại, chất thải đang được áp dụng có kết quả. Hơn 36% dân số ở nông thôn có nước sạch và cải thiện được vệ sinh môi trường. Đến nay, *Chương trình mục tiêu quốc gia* đã giải quyết được thêm 2,5 triệu người có nước sạch sử dụng, tăng gấp 4 lần so với những năm trước đây, gồm cả những bản làng vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa, thậm chí đến một số vùng hải đảo. Điều quan trọng là thông qua các mô hình, điển hình tiên tiến, đã tạo được nếp sống văn hóa, văn minh và nâng cao ý thức giữ gìn và bảo vệ môi trường ở tất cả mọi người dân.

Thực tế cho thấy mỗi mô hình NS-VSMT có những nét riêng, phù hợp với từng vùng kinh tế - xã hội, sinh thái khác nhau của miền núi, đồng bằng, ven biển... trong đó có nhiều mô hình đạt hiệu quả cao đang được ứng dụng ở những vùng thường xuyên bị thiên tai như đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung. Nhiều mô hình đang được nhân rộng trong cả nước. Có thể kể đến những mô hình, điển hình tiên tiến sau đây :

Mô hình hộ nông dân thực hiện vệ sinh môi trường bằng hầm Biogas và tự sản xuất phân hữu cơ sinh học trên nền than bùn và dịch thải từ hầm Biogas. Mô hình này đã được thí điểm ở nhiều nơi như các huyện Ứng Hòa (Hà Tây), Bình Lục và Kim Bảng (Hà Nam), Vân Hà (Bắc Giang), Nam Đàn (Nghệ An). Trên cơ sở thể hiện những nguyên tắc cơ bản, hiện đại, xử lý môi trường bằng công nghệ sinh học, không chất thải, mô hình đã mang lại những kết quả thật đáng khích lệ. Đó là kết hợp được lợi ích môi trường, sức khỏe và tăng thu nhập ;

Digitized by Google

giúp cho nông dân biết cách làm giàu nguồn phân bón cả về lượng và chất, góp phần cải tạo đồng ruộng, thực hiện một nền nông nghiệp sạch trong xu thế phát triển bền vững ; tạo tiền đề chăn nuôi, chế biến nông sản theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn. Đưa mô hình lên trung du, miền núi sẽ hạn chế nạn phá rừng, cải tạo nguồn phân hữu cơ để trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Đưa mô hình vào vùng đất xấu như gò đồi, đất cát sẽ phát huy tác dụng cải tạo đất bạc màu, tạo công ăn việc làm, góp phần xóa đói giảm nghèo. Về góc độ khác, mô hình đã góp phần làm giảm khí hậu toàn cầu nóng lên do xử lý tốt phân gia súc, giải quyết vấn đề chất đốt, ngăn chặn nạn phá rừng bừa bãi.

Mô hình xã hội hóa NS-VSMT đã được triển khai ở một số tỉnh, thành phố, bước đầu có những kết quả khả quan. Đó là mô hình cổ phần hóa thu gom, xử lý rác đô thị của Công ty trách nhiệm hữu hạn Huy Hoàng (Lạng Sơn), Công ty môi trường đô thị thành phố Đà Nẵng, Hợp tác xã Thắng (Hiệp Hòa, Bắc Giang). Mô hình lấy Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt, huy động dân góp vốn làm nhà máy nước ở ba xã Phú Thọ, Phú Đức, Phú Hiệp (Tam Nông, Đồng Tháp). Hội Liên hiệp phụ nữ vận động dân làm 2 ngàn cầu tiêu hợp vệ sinh bằng chính đồng tiền của dân bỏ ra tại các xã điểm thuộc hai huyện Nam Thanh, Kim Môn (Hải Dương) và Vĩnh Bảo (Hải Phòng). Xã Xuân Bắc (Xuân Trường, Nam Định) đã huy động mỗi hộ dân 550 000 đồng đóng góp qua 3 vụ lúa để làm nước sạch, tập trung phục vụ nhân dân trong xã. Mô hình xã Tây Tựu (Bình Lục, Hà Nam) được xem là mô hình tổng thể "đi từ nhà ra ngõ", mô hình ở tỉnh Bình Dương "đi từ ngõ vào nhà". Mô hình xây dựng xã điển hình về an ninh - quốc phòng ; dân số, kế hoạch hóa gia đình ; tăng cường bảo vệ môi trường với phương châm phát huy nội lực của địa phương là chính ở xã Hải Bình (Tĩnh Gia, Thanh Hóa) thu được nhiều kết quả (huy động được hơn 1,5 tỉ đồng làm NS-VSMT, trong đó dân đóng góp 90%, ngân sách xã hỗ trợ 8%, tỉnh hỗ trợ 30 triệu). Những mô hình do chính người dân góp vốn và đứng ra làm chủ có tác dụng rất tích cực, vì chỉ khi họ tự tạo nguồn nước sạch, giữ vệ sinh môi trường cho chính gia đình mình thì mới nhanh chóng mở rộng phạm vi cung ứng nước và vệ sinh môi trường. Ở những vùng nhân dân có thu nhập khá, mô hình này không chỉ thu hẹp trong cung cấp NS-VSMT mà còn mở rộng đường giao thông, xây dựng các công trình phúc lợi công cộng, phát triển văn hóa, giáo dục, làm thay đổi bộ mặt của địa phương.

Mô hình công nghệ cấp nước cho miền núi : giếng đào, giếng khoan, bể, lu chứa nước... Có thể tận dụng nguồn nước mưa dồi dào, sẵn có tại các vùng khan hiếm nguồn nước ngầm hoặc nguồn nước mặn bị ô nhiễm nặng. Việc xây dựng lu chứa nước giá thành rẻ chỉ bằng 30-40% so với xây bể. Kỹ thuật làm lu đơn giản, dễ áp dụng. Sau 3 năm thử nghiệm ở các vùng kinh tế, sinh thái khác nhau, mô hình này đang được áp dụng có hiệu quả ở 14 tỉnh trong cả nước. *Mô hình cấp nước hệ tự chảy* phù hợp với các vùng miền núi có địa hình dốc, phục vụ cho nhóm hộ, một bản, liên bản. Sử dụng nguồn nước tự nhiên, không phải đầu tư kinh phí cho việc khai thác và xử lý. Hiện nay đã có hơn 400 hệ tự chảy đang hoạt động, nước bảo đảm tiêu chuẩn cho sinh hoạt của nhân dân. Mô hình này đang được thực hiện phổ biến ở Tuyên Quang, Yên Bái. Trong tương lai, khi độ che phủ của rừng tăng lên (theo kế hoạch trồng 5 triệu ha rừng) thì hệ tự chảy càng được nhân rộng ở các tỉnh miền núi trong toàn quốc. *Mô hình cấp nước hệ tập trung vừa và nhỏ*, sử dụng các giếng khoan đã có sẵn,

Digitized by Google

đường kính nhỏ, thay bơm tay bằng bơm lắp điện, phù hợp với loại giếng có lưu lượng nước từ 2 đến 3 m^3/giờ, nối mạng phục vụ cho từng cụm dân từ 20 đến 30 hộ. Mô hình công nghệ này phù hợp với vùng đồng bằng sông Hồng, sông Cửu Long và các vùng dân cư tập trung như thị trấn, thị tứ, làng, xã, vừa rẻ tiền vừa dễ quản lý, bảo vệ được nguồn nước ngầm.

Mô hình gắn cung cấp NS-VSMT với quản lý tài nguyên nước theo lưu vực sông. Đây là mô hình hiện đại và có hiệu quả nhất để khai thác nguồn lợi của lưu vực, đi đôi với bảo vệ dòng sông, hạn chế tác hại của lũ lụt, hạn hán, xói mòn màu mỡ đất vùng trung lưu và hạ lưu. Mô hình này đang được thực hiện ở sông Cầu và sông Hương. *Mô hình huy động sức dân cung cấp NS-VSMT ở các vùng đông dân và nhiều lễ hội* như : Cố đô Huế, Đền Hùng, Chùa Hương... Nhân dân đứng ra góp công, góp của, kết hợp với sự hỗ trợ vốn của cá nhân, các tổ chức trong và ngoài nước, sự đầu tư của Nhà nước giải quyết những vấn đề về NS-VSMT, bảo vệ di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh của đất nước ngày càng thêm sạch đẹp. Đáng chú ý là các *mô hình xử lý và cung cấp nước sạch cho các vùng phèn lợ, nhiều lũ lụt* ở đồng bằng sông Cửu Long, góp phần nâng cao chất lượng sống cho người dân "đang sống chung với lũ". *Có nhiều mô hình công nghệ* đang được ứng dụng thích hợp trong việc xử lý nước lợ, nước đục cao, nước phèn, sắt dùng cho sinh hoạt và sản xuất, xử lý nước rác thải. Có thể kể đến công nghệ KATAWA, ALUWAT, CONTACT, KATOX, công nghệ màng lọc...

Những mô hình, điển hình tiên tiến về NS-VSMT đang xuất hiện trong cả nước đã góp phần không ngừng nâng cao tỷ lệ người dân được dùng nước sạch ở thành thị và nông thôn, cải thiện một bước đáng kể tình trạng ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, tình hình NS-VSMT ở nước ta vẫn còn nhiều vấn đề đáng lo ngại. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng nhấn mạnh : "Môi trường đô thị, nơi công nghiệp tập trung và một số vùng nông thôn bị ô nhiễm ngày càng nặng" (1). Tài nguyên nước quốc gia chưa được quản lý tốt và đang bị ô nhiễm do tập quán vệ sinh làm cầu tiêu trên sông, rạch, đi tiêu bừa bãi và nuôi cá bằng phân người, nuôi thả gia súc, gia cầm và vứt bỏ đủ các loại rác trên kênh rạch. Chất thải từ các bệnh viện, cơ sở sản xuất công nghiệp chưa được xử lý cũng đổ ra sông, hồ. Vấn đề quản lý chất thải còn thả nổi. Tổng chất thải hằng ngày trong cả nước khoảng 19 315 tấn. Trong đó chất thải công nghiệp 10 162 tấn, chất thải bệnh viện 212 tấn, thải sinh hoạt 8 941 tấn. Phần lớn các tỉnh, thành phố chưa có quy hoạch bãi chôn chất thải. Trên toàn quốc chưa có tỉnh nào có bãi chôn lấp chất thải đúng quy cách, bảo đảm vệ sinh môi trường. Ngay tại Hà Nội vẫn còn 1 đến 2 triệu hố xí thùng. Tập quán sử dụng phân tươi nuôi cá, bón hoa màu vẫn tồn tại. Khu vực bãi chôn lấp chất thải Mễ Trì hiện nay đã quá tải. Chất độc hại từ sản xuất công nghiệp, từ các bệnh viện và chất thải sinh hoạt được chôn lấp chung đã gây ô nhiễm nặng nề môi trường đất, nước, không khí. Vấn đề vệ sinh thực phẩm cũng đáng lo ngại. Có 40 đến 50% các mẫu thực phẩm qua kiểm tra không đạt yêu cầu. Hàng ăn uống đạt tiêu chuẩn vệ sinh không quá 20%. Sức khỏe người lao động công nghiệp và nông nghiệp do môi trường lao động trong công nghệ lạc hậu cũng rất bức xúc. Chúng ta đang có những hành động làm lãng phí, cạn kiệt tài nguyên đất nước như khai thác tùy tiện, bừa bãi các vườn chim ở Đồng Tháp Mười, Cà Mau và rừng tràm U Minh ; phá rừng đước

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 74

Digitized by Google

để nuôi tôm... Sự cố môi trường ngày càng nhiều, nhất là lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long và miền Trung. Nhịp độ lũ tăng, nước lũ đến nhanh hơn, ngập cao hơn, rút chậm hơn trong những năm gần đây. Lũ lụt mang theo dịch bệnh nguy hiểm đối với con người. Nếu không được phòng ngừa và ngăn chặn kịp thời có thể gây tác hại nghiêm trọng tới sức khỏe nhân dân, ảnh hưởng xấu đến sản xuất và sự phát triển bền vững của nền kinh tế - xã hội nước ta.

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang mở ra những triển vọng hết sức lớn lao, đồng thời cũng đặt ra nhiều vấn đề mới, thách thức to lớn về bảo vệ môi trường sinh thái. Chỉ có làm tốt công tác cung cấp NS-VSMT mới có thể bảo đảm cho sự phát triển bền vững, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiệm vụ của chúng ta là phải làm thế nào để phát triển và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến về NS-VSMT ra phạm vi rộng lớn hơn. Những mô hình, điển hình trong sự nghiệp cung cấp NS-VSMT có thể bước đầu còn là "những mầm non của cái mới", cũng có thể đang là một phương pháp mới, một kinh nghiệm mới, một sự kiện mới, một phẩm chất mới... Nhưng cần phải coi trọng và bằng đủ mọi cách giúp cho chúng trưởng thành. Điều quan trọng là phải phát động được phong trào sâu rộng trong quần chúng học tập, nghiên cứu và làm theo các mô hình, điển hình tiên tiến ; làm cho chúng có sức lan tỏa mạnh mẽ.

Hiện nay và trong những năm đầu của thế kỷ XXI, việc xây dựng và phát triển các mô hình, điển hình tiên tiến về cung cấp NS-VSMT phải hướng vào thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. "Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ và cải thiện môi trường theo hướng phát triển bền vững ; tiến tới bảo đảm cho mọi người dân được sống trong môi trường có chất lượng tốt về không khí, đất, nước, cảnh quan và các nhân tố môi trường tự nhiên khác đạt chuẩn mực tối thiểu do Nhà nước quy định" (2). Trước mắt, tập trung xây dựng các mô hình nhằm giải quyết tình trạng suy thoái môi trường ở các khu công nghiệp, các khu dân cư đông đúc, chật chội ở các thành phố lớn và một số vùng nông thôn. Xây dựng mô hình kiểm soát ô nhiễm và ứng cứu sự cố môi trường do thiên tai, lũ lụt gây ra ; mô hình cải tạo, khắc phục sự cố môi trường trên các dòng sông, ao hồ, kênh mương. Thực hiện các dự án về cải tạo, bảo vệ môi trường : xây dựng vườn quốc gia, khu rừng cấm, trồng cây xanh, giữ gìn đa dạng sinh học, bảo tồn các nguồn gen di truyền, xây dựng các công trình làm sạch môi trường.

Phát triển công tác NS-VSMT trên cơ sở *cung* và *cầu* ; từng bước chuyển dịch cấp nước sạch sang phương thức dịch vụ có thu tiền và được hưởng các chế độ ưu đãi về vốn, thuế, hỗ trợ của Nhà nước để mọi tổ chức trong và ngoài nước, quốc doanh và tư nhân đầu tư vào dịch vụ cung cấp NS-VSMT. Tăng cường công tác NS-VSMT ở các vùng kinh tế trọng điểm, vùng dân cư tập trung. Lồng ghép mô hình NS-VSMT vào các mô hình phát triển kinh tế - xã hội, gắn mục tiêu cung cấp NS-VSMT với mục tiêu nâng cao mức sống của cộng đồng dân cư. Ngăn ngừa sự cố môi trường và xử lý ô nhiễm môi trường, trước hết xử lý nước thải, chất thải rắn, tập trung ở các bệnh viện lớn ; nghiên cứu tái sử dụng chất thải và áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn. Khuyến khích các nhà khoa học, công nhân kỹ thuật bậc cao và toàn dân sáng chế công nghệ xử lý nước để có nước sạch, xử lý nước thải, vệ sinh môi trường bằng công nghệ cao,

(2) *Văn kiện đã dẫn*, tr 301, 302

Digitized by Google

nhưng thích hợp với điều kiện kinh tế và đòi hỏi thực tế cần xử lý các nguồn nước và chất thải trong sản xuất ở Việt Nam.

Chú trọng xây dựng các mô hình, điển hình tiên tiến ở những vùng sâu, vùng xa để người dân nghèo nhất cũng được hưởng những tiện nghi tối thiểu của vệ sinh và được cung cấp nước sạch. Xây dựng các mô hình khảo sát, quản lý tổng hợp tài nguyên nước, tình trạng ô nhiễm nước, không khí, đất để có biện pháp đối phó trước mắt và ngăn chặn nạn thiếu nước sạch ở các vùng nông thôn. Ưu tiên các mô hình xử lý nước nơi thiếu nước nhất, nơi có chất độc hại nguy hiểm. Chú trọng các mô hình cấp nước tập trung ở nông thôn. Nước cho tưới tiêu, tháo úng, phòng hạn hán, bão lụt. Nước thải sinh hoạt, chăn nuôi, công nghệ chế biến nông sản, thực phẩm phải được xử lý bằng công nghệ sinh học để tái sử dụng nước... Làm sao để từ nay đến năm 2005, chúng ta có thể thực hiện được mục tiêu của Đảng và Nhà nước đề ra là bảo đảm cho 80% dân số nông thôn (gần 50 triệu người) được sử dụng nước sạch, 50% hộ gia đình có hố xí hợp vệ sinh, 30% chuồng trại chăn nuôi và 10% số làng nghề có hệ thống xử lý chất thải ; phủ xanh 40% diện tích rừng.

Cung cấp NS-VSMT là nhiệm vụ và sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, gắn liền với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Sự nghiệp quan trọng này không thể thiếu được sự tham gia của các cấp, các ngành, các địa phương ; nhất là vai trò đắc lực của các đoàn thể quần chúng như : Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Hội Cựu chiến binh... Họ vừa là hạt nhân, vừa đi đầu trong nhiệm vụ xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến về cung cấp NS-VSMT, thực hiện bằng được tiêu chí nâng cao chất lượng sống và phát triển bền vững. ❑

ĐẶC THÙ TÔN GIÁO...

(Tiếp theo trang 44)

cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đảng và Nhà nước rất chú trọng sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, bảo đảm để các dân tộc được bình đẳng trong phát triển, đoàn kết giúp đỡ nhau xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Về phía chủ quan, cũng có lúc, có nơi, chúng ta còn có một số sai sót, khiếm khuyết trong công tác vận động, thực hiện chính sách dân tộc và tôn giáo, chưa phát huy hết tiềm năng, sức mạnh đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo.

Mối quan hệ giữa tôn giáo và dân tộc ở Nam Bộ rất mật thiết và có vị trí, vai trò quan trọng trong sự phát triển của Nam Bộ và cũng nằm trong dòng chảy chung của đất nước và dân tộc. Nam Bộ cũng như cả nước hôm nay đang bước vào thời kỳ mới. Trong nhận thức và thực hiện chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo trong tình hình hiện nay ngoài yêu cầu đổi mới, cần nhạy bén và theo kịp với thực tiễn. Trước thực tế vẫn còn sự chênh lệch về trình độ giữa các dân tộc, Nhà nước cần có sự quan tâm, hỗ trợ đặc biệt cho đồng bào các dân tộc thiểu số, tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo, đáp ứng các nhu cầu văn hóa, giáo dục, động viên các tín đồ và chức sắc tôn giáo có những hoạt động tích cực đóng góp cho đất nước.

Trong việc thực hiện chính sách tôn giáo cần theo sát phương châm "dùng việc đạo giải quyết việc đạo" không cho phép bất kỳ và các thế lực nào lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng chống phá sự nghiệp cách mạng, gây mâu thuẫn và chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân, đi ngược lại với lợi ích của dân tộc. Vấn đề đặt ra trong hiện tại và tương lai gần đây vẫn là phát huy sức mạnh truyền thống đoàn kết để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ❑

Digitized by Google

BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM Ở BIÊN GIỚI, HẢI ĐẢO

TỪ THANH

Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng, phục vụ công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng yếu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong xu thế hội nhập, mở rộng giao lưu quốc tế, hoạt động của bọn tội phạm ở khu vực biên giới phát triển và diễn biến phức tạp. Nhiều tội phạm liên quan đến an ninh quốc gia, tội phạm có tổ chức, tội phạm hình sự nguy hiểm và tội phạm có tính quốc tế đã xuất hiện ở khu vực biên giới và có chiều hướng gia tăng. Bộ đội Biên phòng với chức năng nhiệm vụ làm nòng cốt, chuyên trách quản lý bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia đã thực hiện Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm của Chính phủ, và đã thu được nhiều kết quả, góp phần giữ vững chủ quyền và an ninh trật tự ở khu vực biên giới - vùng biển.

Ở các vùng biên giới, nhất là vùng dân tộc ít người, bọn tội phạm tăng cường móc nối với các phần tử cực đoan, kẻ xấu trong dân tộc, tôn giáo để tập hợp lực lượng ; lôi kéo người Mông lập ra vùng người Mông ở khu vực Tây Bắc, dọc biên giới Việt - Lào, liên kết với bọn phỉ Vàng Pao còn rơi rớt lại thực hiện âm mưu lập "vương quốc" riêng chống phá cách mạng nước ta, chia rẽ mối quan hệ đoàn kết đặc biệt giữa hai nước Việt - Lào. Chúng kích động các phần tử cực đoan trong dân tộc Khơ-me gây mất đoàn kết dân tộc. Chúng sử dụng bọn Fulrô, những đối tượng phản động, cực đoan trong các tôn giáo, dân tộc, lợi dụng những khó khăn về kinh tế và những thiếu sót của ta trong thực hiện chính sách xã hội, lợi dụng những tiêu cực xã hội để chia rẽ gây mâu thuẫn dân tộc, kích động xu hướng ly khai, mưu toan gây bạo loạn ở một số nơi.

Các thế lực thù địch còn tiến hành phong tỏa, kiềm chế Việt Nam, cung cấp vũ khí, vật chất cho các cụm phỉ, các tổ chức phản động ở ngoại biên xâm nhập hoạt động móc nối với các đối tượng phản động trong nước vận chuyển vũ khí, chất nổ, tài liệu phản động về phá hoại gây bạo loạn, lật đổ.

Chỉ trong 5 năm (1996 - 2000), trên các khu vực biên giới, vùng biển, đã xảy ra hàng chục ngàn vụ vi phạm pháp luật với hàng trăm ngàn đối tượng, trong đó rất nhiều vụ xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm trật tự xã hội.

Hoạt động của tội phạm ở khu vực biên giới - vùng biển trung bình tăng 8%/ năm. Ở địa bàn cả hai tuyến biên giới, đất liền và bờ biển, mức độ tội phạm cao hơn 5-7% so với các địa bàn khác, chiếm 15% tội phạm trên phạm vi toàn quốc, trong khi các xã ở khu vực biên giới chỉ chiếm 8,65% tổng số xã trong cả nước.

Những năm trước đây, việc qua lại biên giới còn hạn chế, hoạt động kinh tế, xuất nhập khẩu hàng hóa chưa phát triển thì tỷ lệ tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia so với các tội phạm về trật tự xã hội luôn chiếm tỷ lệ

Digitized by Google

cao hơn (52%). Năm năm qua, do xu thế mở cửa, hội nhập và tác động tiêu cực xã hội, tỷ lệ các loại tội phạm về trật tự xã hội có chiều hướng gia tăng (chiếm 64,46%) tổng số tội phạm xảy ra ở khu vực biên giới - vùng biển.

Bọn tội phạm ở biên giới thường tổ chức các ổ nhóm đường dây, móc nối, liên kết chặt chẽ giữa nội và ngoại biên với các thủ đoạn hết sức tinh vi, không theo một quy luật nhất định.

Một số tội phạm nghiêm trọng, nguy hiểm, liên quan đến hai bên biên giới có chiều hướng gia tăng cả về quy mô, phạm vi và tính chất mức độ phạm tội . Nhiều tội phạm trước đây rất ít xảy ra, nhưng những năm gần đây lại xuất hiện nhiều như : vận chuyển tài liệu mật qua biên giới, văn hóa phẩm độc hại từ nước ngoài vào nước ta ; truyền đạo trái phép ; vận chuyển, lưu hành tiền giả ; vũ khí ; ma túy ; chất nổ ; mua bán phụ nữ trẻ em qua biên giới ; chống người thi hành công vụ...

Chúng lợi dụng chính sách mở cửa, trao đổi hàng hóa ở biên giới ; thông qua các mối quan hệ dòng họ, thân tộc hai bên biên giới ; lợi dụng phong tục tập quán lạc hậu, trình độ hiểu biết còn hạn chế của đồng bào dân tộc để hoạt động. Chúng thường lấy khu vực biên giới làm địa bàn trung gian để thực hiện tội phạm. Hành vi thực hiện tội phạm thường diễn ra trong thời gian ngắn, khi bị phát hiện, truy đuổi thường vượt biên qua biên giới hoặc vào nội địa để lẩn trốn...

Bọn tội phạm thường xuyên sử dụng tiền, hàng để hối lộ, mua chuộc cán bộ, chiến sĩ bảo vệ biên giới, nhất là đối với các phần tử thoái hóa biến chất để tiếp tay bao che cho chúng. Mặt khác, chúng còn sử dụng các phương tiện kỹ thuật, các thiết bị thông tin hiện đại để theo dõi hoạt động của ta nhằm đối phó, trốn chạy hoặc tẩu tán tang vật.

Từ nắm chắc những tình hình phức tạp nêu trên, Đảng ủy chỉ huy Bộ đội Biên phòng dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng, đã khắc phục mọi khó khăn gian khổ vừa tấn công bọn tội phạm, vừa phối hợp với các ngành có liên quan (kể cả lực lượng biên phòng nước bạn) nghiên cứu tìm hiểu rút ra một số đặc điểm phương thức thủ đoạn hoạt động của bọn tội phạm nơi biên giới hải đảo.

Lực lượng biên phòng đã hiệp đồng chặt chẽ với các cơ quan có liên quan, đặc biệt là dựa vào nhân dân, vạch kế hoạch cụ thể phòng chống tội phạm theo phương châm *"Chủ động phòng ngừa, tích cực tấn công tội phạm, lấy giữ vững an ninh bên trong là chính, ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động xâm nhập phá hoại của địch từ bên ngoài, tích cực phòng chống tội phạm, giữ vững kỷ cương, công bằng xã hội, xác định rõ địa bàn, đối tượng, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, tập trung chỉ huy, chỉ đạo và thực hiện đối sách đúng đắn".*

Bộ Tư lệnh Biên phòng đã chỉ đạo đấu tranh với từng loại tội phạm một cách cụ thể. Đối với bọn tội phạm xâm hại an ninh quốc gia, chúng ta tích cực chủ động, kiên quyết ngăn chặn làm thất bại âm mưu thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bộ Tư lệnh đã tổ chức các hội nghị chuyên đề chống lấn chiếm biên giới, bằng phương pháp khôn khéo, mềm dẻo, lấy đấu tranh chính trị, đấu lý đấu tình là chủ yếu, kiên quyết bảo vệ chủ quyền nhưng không gây tình hình căng thẳng, vẫn giữ được mối quan hệ đoàn kết hữu nghị. Tăng cường tuần tra kiểm soát bảo vệ chủ quyền an ninh trên biển, kiên quyết xử lý các đối tượng xâm phạm chủ quyền quốc gia.

Digitized by Google

Trong đấu tranh chống hoạt động xâm nhập của bọn phản động lưu vong, Bộ Tư lệnh chỉ đạo các đơn vị nắm tình hình từ xa, vận dụng các biện pháp nghiệp vụ an ninh biên phòng kết hợp kiểm soát hành chính và các tổ chức lực lượng phục kích, chốt chặn đón bắt, triệt phá các đường dây đưa người, vũ khí vào Việt Nam, làm thất bại các âm mưu thủ đoạn hoạt động phá hoại của chúng.

Trong đấu tranh chống di, dịch cư tự do và truyền đạo trái phép, chúng ta kết hợp chặt chẽ ngăn chặn từ nơi xuất phát, thiết lập cơ chế quản lý ở nơi đến, đẩy mạnh công tác chính trị, tư tưởng, tuyên truyền thuyết phục đồng bào các dân tộc không mắc mưu kẻ địch, đồng thời có biện pháp răn đe cưỡng chế đối với các đối tượng ngoan cố, cầm đầu, không cho chúng liên hệ với các thế lực thù địch ở bên ngoài. Thường xuyên kiểm soát chặt chẽ xuất nhập cảnh ở các cửa khẩu không để bọn tội phạm lợi dụng sơ hở để hoạt động.

Đối với tội phạm ma túy, đã xác định đúng địa bàn trọng điểm trong đấu tranh, chú ý cả ba lĩnh vực : sản xuất, mua bán, vận chuyển và tiêu thụ ma túy.

Đối với tội phạm buôn lậu, Bộ Tư lệnh chỉ đạo lập nhiều kế hoạch nghiệp vụ và các chuyên án trinh sát tiến hành các đợt cao điểm chống buôn lậu trên biển. Mặt khác phối hợp với các ngành chức năng và chỉ đạo các đơn vị thực hiện nhiệm vụ với quyết tâm ngăn chặn bằng được các hoạt động cướp có vũ trang, bảo vệ an ninh trật tự biên giới, vùng biển. Bộ Tư lệnh đã tổ chức hội nghị chuyên đề chống cướp ở biên giới Tây Nam, vạch ra kế hoạch quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới và vùng biển. Các đơn vị cơ bản đã loại trừ được các băng nhóm cướp vũ trang ở biên giới Tây Nam. Ngăn chặn có hiệu quả hoạt động bắt phạt tàu đánh cá Việt Nam của các tàu vũ trang nước ngoài.

Bộ đội Biên phòng đã phối hợp với Cục phòng chống tội phạm xã hội - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai thực hiện đề án đấu tranh chống hoạt động mua bán phụ nữ trẻ em qua biên giới, triệt phá các tụ điểm mại dâm dọc bờ biển và ở các cửa khẩu biên giới.

Quán triệt tư tưởng của Đảng về đấu tranh phòng chống tội phạm là phải dựa vào nhân dân, các đơn vị thường xuyên xây dựng, củng cố thế trận biên phòng, thực hiện phòng ngừa xã hội, xác định công tác vận động quần chúng là nền tảng cơ sở trong công tác đấu tranh chống tội phạm, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia.

Các đồn biên phòng làm tham mưu và cùng với địa phương thực hiện tốt các dự án 327 ; chương trình xóa đói giảm nghèo ở vùng sâu - vùng xa ; xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học ; đưa nước sạch đến các xã biên giới ; phủ sóng phát thanh, truyền hình ; xóa điểm trắng về y tế ; thực hiện quân dân - y kết hợp để chăm sóc bảo vệ sức khỏe của nhân dân... Đã tuyên truyền cho hàng nghìn lượt người về kiến thức pháp luật, hiểu rõ các âm mưu, thủ đoạn hoạt động của địch, nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng cho quần chúng. Tổ chức nhiều hội nghị về vận động quần chúng bảo vệ biên giới và giữ gìn an ninh trật tự ở biên giới thuộc Tây Nguyên và Tây Bắc. Phối hợp với các cấp, các ngành, các lực lượng, nhất là lực lượng công an, xây dựng củng cố duy trì hoạt động có hiệu quả hàng nghìn tổ "an ninh tự quản", tổ "tàu thuyền an toàn" ; hàng trăm tổ hòa giải nhân dân, tham mưu cho cấp ủy địa phương củng cố hàng trăm tổ chức cơ sở đảng, hàng trăm ủy ban nhân dân xã, phường. Vai trò trưởng thôn, già làng, trưởng bản được đề cao và phát huy tác dụng tốt trong việc tổ chức nhân dân tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự ở địa phương.

Digitized by Google

Do làm tốt công tác vận động quần chúng đã thực sự xây dựng được thế trận lòng dân vững chắc nên huy động được đông đảo nhân dân tham gia đấu tranh chống tội phạm. Trong 5 năm (1996 - 2000) đã vận động được 2 069 đối tượng phạm tội ra đầu thú, thu giữ hàng ngàn khẩu súng các loại tàng trữ trái phép trong nhân dân ; cảm hóa được 3 615 người lầm lỗi, kết hợp với công an và chính quyền địa phương đưa 5 421 đối tượng hình sự ra kiểm điểm trước dân ; tổ chức hòa giải được 4 126 vụ mâu thuẫn trong nhân dân. Đáng chú ý là quần chúng nhân dân đã giúp đỡ, tạo điều kiện để lực lượng bộ đội biên phòng xử lý giải quyết đúng pháp luật 9 416 vụ phạm pháp hình sự, 1 023 vụ tệ nạn xã hội góp phần tích cực vào nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia. Ngăn chặn phá bỏ 340 điểm với diện tích 2 135 ha đất bị xâm canh, xâm cư ; phát hiện và ngăn chặn 727 vụ 7 344 đối tượng xâm phạm chủ quyền lãnh thổ và 31 000 lượt tàu nước ngoài xâm phạm chủ quyền vùng biển.

Đã xác lập nhiều chuyên án xâm phạm an ninh quốc gia, trong đó có những chuyên án đấu tranh với các hoạt động tình báo gián điệp, chuyên án đấu tranh với hoạt động xâm nhập của bọn phản động, chuyên án đấu tranh với hoạt động vận chuyển tài liệu mật ra nước ngoài ; lập và thực hiện kế hoạch nghiệp vụ, làm rõ âm mưu và hoạt động của các tổ chức, nhóm phản động lưu vong ; bắt nhiều đối tượng phản động lưu vong.

Ngoài ra, Bộ đội Biên phòng còn phối hợp với các lực lượng khác đấu tranh chống các hoạt động phá hoại chính sách đoàn kết dân tộc ; gây rối an ninh trật tự ; tổ chức, cưỡng ép người trốn đi nước ngoài ; vi phạm các quy định về hàng hải ; phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia.

Từ những kết quả rất quan trọng vừa qua có thể rút ra những kinh nghiệm bước đầu như sau :

Một là, để đấu tranh chống tội phạm có kết quả, trước hết các cấp ủy, các cấp chỉ huy luôn nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò quan trọng đấu tranh chống tội phạm và thường xuyên quan tâm tập trung lãnh đạo, chỉ huy chỉ đạo cấp dưới và các lực lượng nghiệp vụ thực hiện tốt nhiệm vụ.

Hai là, tiến hành đấu tranh phòng chống tội phạm cần kết hợp đồng bộ các biện pháp công tác biên phòng, hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng, các ngành chức năng và địa phương, tập trung địa bàn trọng điểm, đối tượng nổi lên trong từng thời gian để lập kế hoạch, phương án đấu tranh.

Ba là, nắm vững pháp luật, thẩm quyền của Bộ đội Biên phòng trong xử lý các vụ án hình sự, vi phạm hành chính một cách triệt để, kiên quyết kết hợp mềm dẻo khéo léo không để oan sai, sót, lọt tội phạm.

Bốn là, chú trọng giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, tinh thần cảnh giác cho cán bộ, chiến sĩ, nhất là các lực lượng làm nhiệm vụ trực tiếp đấu tranh chống tội phạm. Thường xuyên củng cố, xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, đơn vị vững mạnh toàn diện, bảo vệ tốt an ninh nội bộ, không để địch, phần tử xấu móc nối lôi kéo.

Năm là, thường xuyên tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ, nhất là lực lượng nghiệp vụ những kiến thức cần thiết đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phòng chống tội phạm, phục vụ chiến đấu tại chỗ, góp phần quy hoạch phát triển cán bộ về lâu dài. ❑

Digitized by Google

CHUYỆN "CON ĐÊ"

MAI NINH

TRONG đấu tranh với thiên tai và bệnh tật, người ta thường kết hợp cả hai mặt *phòng* và *chống*. Phòng thường được coi trọng hơn chống, bởi phòng tốt thì ngăn ngừa được tai họa, và nếu tai họa có xảy ra thì việc chống nó cũng sẽ được tiến hành dễ dàng hơn. Thí dụ : Để phòng và chống lụt, người ta chủ động đắp đê, khai thông các kênh mương thoát lũ, tôn các khu nhà ở cao hơn mức lũ dự kiến, v.v.. Dẫu sao, đó vẫn là chủ động trong cái thế phòng thủ thụ động, bởi những biện pháp đó chưa triệt tiêu nguồn gốc của lũ, lụt. Biện pháp cơ bản hơn là bảo vệ môi trường, sinh thái, giữ rừng và trồng rừng, tạo ra các công trình trị thủy một cách hợp lý và có hiệu quả. Đấu tranh chống dịch bệnh cũng vậy. Coi trọng *phòng* có nghĩa là làm vệ sinh môi trường, có những biện pháp ngăn ngừa nguồn dịch bệnh từ nơi khác tràn đến, thực hiện tiêm phòng dịch, và một khi dịch bệnh xảy ra thì nhanh chóng bao vây các ổ dịch bệnh đó, dùng các loại thuốc đặc hiệu để trị. Sau khi dập tắt dịch bệnh, lại phải có những biện pháp khắc phục hậu quả, không cho nó xuất hiện trở lại.

Liên hệ với cuộc đấu tranh chống tham nhũng hiện nay, có ý kiến cho rằng ta coi trọng chống hơn phòng, bởi ngay cái tên cũng chỉ nói cuộc vận động chống tham nhũng chứ không nói cuộc vận động phòng và chống tham nhũng. Ý kiến khác lại bảo, đặt vấn đề *chống* là đúng bởi tham nhũng hiện nay đã là "quốc nạn", đâu còn là nguy cơ mà nói *phòng*. Cả hai ý kiến trên đều có lý, song chưa nói thật đúng bản chất cuộc vận động. Chữ *chống* ở đây bao gồm cả hai mặt *phòng* tham nhũng và *trị* tham nhũng. Cứ xem các biện pháp nêu lên sẽ thấy rõ. Những biện pháp đó bao gồm từ việc tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng ; tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy chế, quy định về quản lý kinh tế - tài chính, quản lý tài sản công không để cho kẻ xấu lợi dụng ; cải cách cơ bản chế độ tiền lương, nâng cao đời sống người hưởng lương, chống đặc quyền đặc lợi ; cho đến việc nghiêm trị những vụ tham nhũng và kẻ tham nhũng, dù ở cấp nào, lĩnh vực nào, kể cả việc xem xét trách nhiệm hình sự hoặc có kỷ luật thích đáng đối với những người đứng đầu cơ quan, đơn vị nơi xảy ra những vụ tham nhũng lớn, gây hiệu quả nghiêm trọng. Một số biện pháp cụ thể khác được đề ra như : bắt buộc cán bộ, công chức kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh ; xóa bỏ tình trạng lấy tiền của Nhà nước và tập thể để biếu cho cá nhân ; đảng viên phải thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy định về những điều đảng viên không được làm, v.v.. Tất cả các biện pháp nêu trên rõ ràng là để vừa *phòng* vừa *trị*, đâu phải chỉ để *trị*, mặc dù trị nghiêm là đặc biệt quan trọng, và trị càng nghiêm thì ý nghĩa răn đe càng lớn. Vấn đề hiện nay là làm thế nào để thực hiện bằng được những biện pháp đề ra, làm bằng được những điều đã nói, có thế thì cuộc đấu tranh mới thật sự có kết quả.

Một số nhà nghiên cứu đề nghị thiết lập một con đê phòng và chống tham nhũng chắc chắn, vững bền. Đó không phải là con đê vật thể mà là con đê phi vật thể, con đê tinh thần, con đê pháp luật. Con đê đó được xây dựng trong lòng mỗi người để cho bất cứ ai, hễ là cán bộ và công chức thì đều nhận rõ.

1 - *Không cần tham nhũng.* Lương và thu nhập chính đáng bảo đảm cuộc sống đàng hoàng cho công chức và gia đình. Đừng nghĩ rằng do có hành vi tham nhũng nhưng chưa phòng chống được, cho nên có thể trả lương thấp để "thu nhập do tham nhũng sẽ bù vào chỗ thiếu".

2 - *Không muốn tham nhũng.* Phải thấy tham nhũng là cái nhục. Đừng để xảy ra tình trạng người làm công vụ lúc đầu do cuộc sống bức bách mà vừa tham nhũng vừa xấu hổ, sau quen dần đi, thấy không bị trừng trị mà sinh nhờn, không biết ngượng nữa, rồi từ tham nhũng vặt đến tham nhũng lớn.

3 - *Không dám tham nhũng.* Các biện pháp trừng trị phải thật nghiêm. Trị tham nhũng không chỉ nhằm vào hạng cáo cấy, mà cả cỡ hùm beo.

4 - *Không thể tham nhũng.* Dù ai có cần, có muốn hay có dám cũng không thể tham nhũng được. Việc đó đòi hỏi hai điều : một là có cơ chế quản lý chặt chẽ để kịp thời nhận diện, ngăn ngừa, phát hiện và trừng trị tham nhũng ; hai là có cơ chế kiểm tra và giám sát nhiều tầng nhiều nấc, nhất là giám sát của nhân dân, giám sát từ cơ sở để kẻ tham nhũng thấy được lưới trời lồng lộng. ❑

Digitized by Google

CHẠY ĐUA VŨ TRANG NGÀY NAY, ĐẶC TRƯNG VÀ HIỂM HỌA

TRẦN TRỌNG

NHỮNG biến động rất phức tạp của tình hình thế giới gần đây đang làm cho dư luận phải lo ngại. Một trong những nguyên nhân quan trọng gây ra tình trạng đó là tác động dồn ép khá mạnh - cả trực tiếp và gián tiếp - của cuộc chạy đua vũ trang (CĐVT) đang xô đẩy, cuốn hút nhiều nước vào vòng xoáy của nó. Sau sự kiện ngày 11-9-2001, cuộc "động binh lớn chống khủng bố toàn cầu" do Oa-sinh-tơn phát động, triển khai đã làm cho không khí CĐVT trên thế giới mặc nhiên bị đốt nóng lên cao độ.

Thực ra, không phải đến bây giờ mà đã hàng mấy thập niên qua, CĐVT và chống CĐVT luôn là một vấn đề lớn, bức xúc của thế giới, gây xáo động đến nhiều mặt trong quan hệ quốc tế, liên quan đến chính sách và chiến lược của nhiều quốc gia. Vừa qua, Liên hợp quốc đã tổ chức một số hội nghị quốc tế về chủ đề đó, như Hội nghị của 128 nước về cấm buôn bán vũ khí nhỏ ; Hội nghị thế giới chống vũ khí hạt nhân (VKHN) với khẩu hiệu "Bảo đảm thế kỷ XXI không còn VKHN" ; Hội nghị về các loại vũ khí sinh học, hóa học... Tuy nhiên, ý nghĩa thực tiễn của những hội nghị này không nhiều. Đã có những lời cảnh báo về nguy cơ các cuộc CĐVT mới về vũ khí tên lửa - hạt nhân toàn cầu, về các loại vũ khí công nghệ cao có khả năng vượt xa tầm kiểm soát sẽ đưa đến những hiểm họa khôn lường.

Khác với trước đây, cuộc CĐVT ngày nay có nhiều đặc trưng mới mà hậu quả và tác động của nó tàng ẩn nhiều hiểm họa không những đối với các quốc gia mà còn đối với cả hành tinh nói chung :

Thứ nhất, chạy đua vũ trang ngày nay diễn ra trong lúc mặt bằng quân bị của thế giới cuối thế kỷ XX đã đầy ắp vũ khí - cả vũ khí thông thường và vũ khí hạt nhân. Theo một thống kê của Liên hợp quốc vừa được công bố mới đây, trên thế giới hiện đang lưu hành khoảng 500 triệu vũ khí hạng nhẹ (súng tiểu liên, súng tự động, súng bán tự động, súng phóng lựu, súng chống tăng...). Các loại vũ khí nhỏ và nhẹ này chỉ mới chiếm gần 50% tổng số các loại vũ khí hiện có trên thế giới. Đó là chưa kể đến số lượng các loại súng nhỏ dưới cấp tiểu liên, như các loại súng có thanh và giảm thanh, ước tính có khoảng 150 triệu khẩu. Như vậy, tính trung bình trên toàn hành tinh, cứ 6 người thì có 1,2 khẩu súng. Ngoài ra, trong danh mục vũ khí còn có các loại khác không phải là súng nhưng là vũ khí sát thương dùng trong quân sự, như mìn... Theo một con số thống kê, cách đây vài năm trên toàn thế giới đã có gần 200 triệu quả mìn đủ loại kích cỡ.

Chạy đua vũ trang làm cho thị trường vũ khí luôn sôi động. Có thể hình dung quy mô vận động, chu chuyển, bổ sung của nó qua những số liệu sau đây : Theo tài liệu của Liên hợp quốc, hiện nay chỉ tính riêng thị trường buôn bán vũ khí hợp pháp trên thế giới, doanh thu mỗi năm lên đến trên 20 tỉ đô-la, còn ở thị phần vũ khí bất hợp pháp, doanh thu ước tính khoảng từ 1/2 đến 3/4 con số vừa nêu. Đó là vũ khí thông thường. Về vũ khí hạt nhân, đến cuối thế kỷ XX, trên thế giới đã có 8 nước sản xuất được loại vũ khí này. Trong số các quốc gia đó, Mỹ là nước có nhiều VKHN nhất. Trung tuần tháng 6 vừa qua, tạp chí *Tuần*

Digitized by Google

tin tức (Mỹ) đã tiết lộ mấy con số sau (được Roi-tơ đưa lại) : Mỹ hiện có 4 500 đầu đạn hạt nhân gắn trên các tên lửa xuyên lục địa, 1 750 quả bom và đầu đạn hạt nhân có thể lắp và phóng đi từ các máy bay ném bom hạt nhân B2 và B52, 1 670 VKHN chiến thuật cùng hơn 12 500 đầu đạn hạt nhân khác được tích trữ trên toàn lãnh thổ Mỹ. Ở các nước khác như Nga, Trung Quốc, Anh, Pháp..., tuy số lượng VKHN của mỗi nước không bằng Mỹ, nhưng nếu cộng lại thì số lượng vũ khí đó có ở những nước này cũng không nhỏ.

Thứ hai, chạy đua vũ trang diễn ra trong thời điểm quá trình toàn cầu hóa đang tiến triển với nhịp độ nhanh, quy mô rộng lớn và tính chất quyết liệt do sự vận động của nhiều mâu thuẫn đan xen. Nếu toàn cầu hóa trong nền kinh tế nói chung dẫn đến sự sáp nhập lớn, tập trung tiềm lực của nhiều tập đoàn công nghiệp, tài chính khổng lồ, tận dụng tối đa những thành tựu mới nhất của khoa học - kỹ thuật để sản xuất ra hàng loạt sản phẩm hàng hóa mới công nghệ cao, giành giật quyết liệt để mở rộng tối đa quyền khống chế thị trường..., thì trong kinh tế sản xuất quân sự nói riêng cũng diễn ra những quá trình tương tự.

Một trong những kế hoạch lớn của Mỹ và Tây Âu nhằm giành giật thị trường trong CĐVT nhiều năm gần đây là chiến lược "Đông tiến" của NATO. Ngoài ý đồ bao vây, cô lập Nga, kế hoạch này có mục tiêu quan trọng khác bao trùm cả khu vực Ban-căng và Đông Âu (gồm cả 3 nước Ban-tích thuộc Liên Xô trước đây), nơi mà ngót nửa thế kỷ trước đã là thị trường truyền thống gần như độc quyền về cung cấp vũ khí và hàng quân sự của Liên Xô. Về phương diện CĐVT, mở rộng NATO theo hướng "Đông tiến" thực chất còn nhằm gạt hẳn Nga và giành độc quyền kiểm soát thị trường cung cấp vũ khí rộng lớn đó về tay các tập đoàn tổ hợp công nghiệp quân sự Mỹ và Tây Âu. Với mục đích đó, Mỹ và NATO đã thực thi nhiều chủ trương và biện pháp rất tàn bạo, trắng trợn, thâm độc. Họ đã chỉ đạo và tiếp tay gây ra các cuộc chiến tranh ở Bốt-xnhi-a Héc-xê-gô-vi-na, phát động cuộc chiến tranh lớn của toàn khối NATO tấn công Nam Tư (1999), lợi dụng và "hà hơi tiếp sức" cho các lực lượng ly khai quá khích, gây bạo loạn vũ trang ở Ma-xê-đô-ni-a và nhờ chiêu bài đó đã đưa trên 50 000 quân NATO vào chiếm đóng ở đây. Quá trình "Đông tiến" nói trên của NATO hoàn toàn gắn chặt và tiến hành đồng thời với kế hoạch mở rộng Liên minh châu Âu, có sự phối hợp và bổ trợ cho nhau trong toàn cầu hóa.

Trong cuộc CĐVT, việc tận dụng những thành tựu mới nhất về khoa học, kỹ thuật và công nghệ cao được đặc biệt chú trọng. Hơn chục năm qua, nhiều phương tiện quân sự và chủng loại vũ khí được sản xuất bằng công nghệ cao liên tiếp ra đời và liên tục được cải tiến, đã làm cho danh mục các mặt hàng vũ khí chất lượng cao tham gia vào thị trường CĐVT càng dài thêm, như máy bay chiến đấu tàng hình, xe tăng, tàu chiến tàng thanh, tàng hình, vũ khí chùm tia, tên lửa tầm trung, tầm xa có độ bắn chính xác tuyệt đối (sai số gần bằng 0). Hàng vạn quả đạn pháo chứa u-ra-ni-om nghèo (còn gọi là u-ra-ni-om giảm xạ DU) đã được quân đội Mỹ đã dùng trong chiến tranh vùng Vịnh (1990 - 1991) và chiến tranh chống Nam Tư (1999).

Đặc điểm phát triển của công nghiệp vũ khí công nghệ cao trong toàn cầu hóa là : sản xuất ra nhanh và nhiều loại vũ khí tinh vi, hiện đại, độ chính xác cao, giá đắt. Có những loại đã được đem ra sử dụng và có loại bước đầu thử nghiệm thành công như vũ khí chùm tia, công nghệ vũ khí sinh học, bom hạt nhân mini... với sức hủy diệt rất lớn.

Đặc trưng này cho thấy, trong cuộc CĐVT ngày nay, ngoài luồng vũ khí hiện đại sản xuất bằng công nghệ thông thường như trước đây, nay lại có thêm khối lượng ngày càng lớn vũ khí công nghệ cao.

Thứ ba, cuộc CĐVT ngày nay diễn ra trong bối cảnh trật tự quốc tế sau "chiến tranh lạnh" bị chao đảo, chưa ổn định do các thế lực chính trị cường quyền phương Tây ráo riết kích động CĐVT nhằm phá vỡ thế cân bằng chiến lược, giành ưu thế áp đảo về quân sự hòng nắm

Digitized by Google

quyền bá chủ, kiểm soát thế giới. Nhìn chung, các thế lực chính trị này đa phần gồm các xu hướng thiên hữu, một số có quan điểm cực đoan, một số khác là những chính khách diều hâu mà qua một số cuộc chiến tranh gần đây đã lộ mặt trước dư luận. Những gì nổi bật trong "bản lĩnh" của họ chỉ là những tư tưởng, quan điểm chiến lược và chính sách bảo thủ, phản động : kích động chiến tranh, thúc dục bạo loạn, CĐVT, can thiệp và xâm lược... Câu hỏi lớn đặt ra là tại sao ở một số cường quốc tư bản phát triển lại nổi lên các xu hướng chính trị như vậy trong các giới cầm quyền ? Một số công trình nghiên cứu khoa học gần đây rút ra kết luận rằng, về thực chất, các thế lực chính trị cầm quyền đó chỉ là đại diện hoặc là công cụ của các tập đoàn tổ hợp công nghiệp quân sự siêu quốc gia trong toàn cầu hóa. Các tập đoàn đó nắm trong tay quyền lực tác động rất mạnh đối với chính trường các nước công nghiệp phát triển. Nhân tố quyền lực đó không chỉ có tác động mang tính quyết định đối với đường lối chiến lược và chính sách mà nhiều khi cả về nhân sự của các quốc gia đó. Thực tế cho thấy sự ủng hộ của các thế lực cầm đầu các tổ hợp công nghiệp quân sự lớn nhiều khi có ảnh hưởng quyết định cả đến việc chọn ai làm thủ tướng, ai làm tổng thống, dù là có hình thức tranh cử. Hiện tượng đó trong đời sống chính trị của thế giới tư bản là phổ biến. Tuy nhiên nó mới chỉ là phần nổi của "tảng băng ngầm" của những đặc thù mang tính quy luật trong nền kinh tế tư bản hiện đại. Không làm rõ điều này thì sẽ rất khó lý giải một cách thuyết phục nhiều câu hỏi đặt ra về CĐVT, cả về lý luận lẫn thực tiễn. Tại sao kinh tế của các cường quốc tư bản phát triển hiện đại luôn có quan hệ chặt chẽ với sự phát triển của kinh tế quân sự mà chủ yếu là công nghiệp sản xuất vũ khí ? Tại sao 200 công ty lớn hàng đầu về kinh tế của Mỹ lại đồng thời là 200 nhà thầu quân sự (sản xuất vũ khí) lớn nhất của Lầu năm góc ? Đây cũng không phải là hiện tượng của riêng Mỹ. Các công ty công nghiệp lớn hàng đầu ở Anh, Pháp, Nhật, Đức... cũng "đi 2 chân" kiểu đó. Vì sao ? Có thể giải thích điều này một cách cô đúc và tổng quát nhất : *Một là*, ngày nay không có một ngành sản xuất lớn nào thu được siêu lợi nhuận tối đa và nhanh chóng như sản xuất quân sự (đặc biệt là sản xuất vũ khí). *Hai là*, kinh tế tư bản hiện đại vẫn không tránh khỏi khủng hoảng, suy thoái theo chu kỳ. Một điều dường như đã trở thành quy luật vận động của kinh tế tư bản thế giới ngày nay là khi nền kinh tế có dấu hiệu sắp bước vào khủng hoảng, suy thoái thì người ta chuyển hướng tập trung vào sản xuất quân sự, coi đó như một giải pháp hữu hiệu nhất. Ở các nước nói trên, trong sản xuất quân sự, chính phủ vừa là người đặt hàng, đồng thời cũng là người thầu, bao tiêu toàn bộ sản phẩm (vũ khí). Để thu càng nhiều siêu lợi nhuận tối đa cho các tập đoàn tổ hợp công nghiệp quân sự, chính phủ các nước đó ắt phải tạo điều kiện mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp quân sự bằng các thủ đoạn như kích động CĐVT, gây ra các cuộc can thiệp và xâm lược, xung đột và chiến tranh, bất chấp cả đạo lý, lương tri và luật pháp quốc tế.

Trong ba đặc trưng nói trên, đặc trưng thứ ba là nhân tố biểu thị tập trung bản chất, quy mô, tiến độ và triển vọng của CĐVT trong quá trình toàn cầu hóa hiện nay. Song, cả ba đặc trưng này đều chỉ rõ cuộc CĐVT hiện nay đang ẩn chứa rất nhiều hiểm họa. Nếu toàn cầu hóa là một quá trình có những mặt tích cực và tiêu cực, thì CĐVT là một trong những mặt tiêu cực tệ hại nhất của nó. Nhiều bằng chứng thực tế giúp chúng ta dễ dàng hình dung được những hiểm họa của CĐVT. Chi tiêu quân sự của các nước trên thế giới đang có chiều hướng tăng mạnh. Viện nghiên cứu hòa bình Stốc-khôn vừa mới đưa ra con số tổng hợp sau đây : chi phí quân sự của toàn thế giới năm 1999 là 780 tỉ đô-la. Năm 2000 là 798 tỉ đô-la. Trong tổng số đó chi phí quân sự của Mỹ chiếm đến 47%. Điều dễ thấy là, chi phí quân sự càng lớn thì nguy cơ gây căng thẳng, mất ổn định càng tăng. Theo thống kê của Viện nghiên cứu xung đột quốc tế CHLB Đức, trong năm 2000 trên thế giới đã xảy ra 144 cuộc xung đột bao gồm cả các cuộc chiến tranh và

Digitized by Google

xung đột vũ trang. Qua cập nhật diễn biến tình hình, người ta phát hiện ra rằng trong 10 năm cuối cùng của thế kỷ XX và cho đến tận hôm nay, thế giới này chưa có một ngày nào không có tiếng súng.

Do CĐVT không bị ngăn chặn, nhiều khu vực quan trọng trên thế giới, như Trung Đông, thường không có hòa bình, ổn định và luôn ở trong tình trạng căng thẳng vì sự leo thang của bạo lực, xung đột và chiến tranh. Tại sao cả năm nay, máy bay quân sự của Mỹ và Anh tháng nào cũng mấy lần dội bom, bắn phá I-rắc ? Hành động của họ nhằm mục đích gì ? Tại sao lâu nay Mỹ không ngừng ủng hộ và tiếp tay cho chính quyền hiếu chiến ở I xra-en ngang nhiên dùng hành động chiến tranh phá hoại tiến trình hòa bình với Pa-lét-xtin ?...

Rõ ràng là mục đích của Mỹ không chỉ gây tổn tại cho I-rắc và Pa-lét-xtin, mà còn gây nên tình hình căng thẳng thường xuyên và tạo ra không khí chiến tranh bao trùm lên toàn khu vực Trung Đông, buộc nhiều nước phải lo chuẩn bị đối phó với chiến tranh, phải lao vào mua sắm vũ khí, trang bị quân sự và mặc nhiên là họ bị cuốn hút vào cuộc CĐVT. Bằng thủ đoạn đó, ngoài những lợi nhuận khác, nguồn siêu lợi nhuận tối đa thu về từ kinh doanh vũ khí cứ ồ ạt chảy vào túi các tập đoàn tổ hợp công nghiệp quân sự của Mỹ và phương Tây. Sau chiến tranh vùng Vịnh (1990 - 1991), chỉ riêng 1 hợp đồng mua sắm vũ khí trong mấy năm qua của A-rập Xê-út ký với Mỹ đã lên đến trên 40 tỉ đô-la.

Trước tình hình thế giới và khu vực có nguy cơ mất ổn định, nhiều nước còn tìm mua vũ khí từ các nguồn cung cấp khác, không phải từ Mỹ mà từ Nga. Tại cuộc họp báo ở Nô vô xi-biếc-xcơ ngày 4-9-2001, Phó Thủ tướng Nga Clê-ba-nốp tuyên bố rằng, đến cuối năm 2001, Nga sẽ chiếm vị trí thứ 2 trên thế giới (sau Mỹ) về sản xuất vũ khí. Ông Clê-ba-nốp còn cho biết là đến nay Nga vẫn chưa đáp ứng được đơn đặt hàng quốc phòng ngày càng tăng nhanh của nước ngoài, nhất là đơn đặt hàng dài hạn. Kim ngạch xuất khẩu vũ khí của Nga hằng năm sẽ lên tới 7 tỉ đô-la, 70% vũ khí xuất khẩu của Nga là máy bay quân sự và tàu chiến. Dĩ nhiên là cuộc cạnh tranh giữa 2 cường quốc Nga - Mỹ trong lĩnh vực này cũng sẽ không kém phần quyết liệt.

Điều nguy hại hơn nữa, như đã trình bày ở trên, CĐVT trong toàn cầu hóa có sự tham gia của nhân tố công nghệ cao trong sản xuất vũ khí hiện đại. Nhân tố công nghệ cao làm cho quá trình sản xuất vũ khí diễn ra nhanh hơn, số lượng nhiều hơn, độ chính xác cao hơn, đồng thời cũng mang đến nhiều hiểm họa khôn lường hơn. Theo báo *Bưu điện Oa-sinh-tơn* (Mỹ) số ra ngày 15-4-2001, Lầu năm góc đang nghiên cứu triển khai loại vũ khí hạt nhân mới có tên là "Bom nguyên tử mini" có đương lượng chỉ từ 1 - 5 kilôtôn và đệ trình Quốc hội Mỹ thông qua vào tháng 7-2001. Do sự khống chế gắt gao của Lầu năm góc, nên báo chí Mỹ và phương Tây đã không được bình luận về các loại vũ khí đó. Điều đáng quan tâm hơn là việc chế tạo ra các loại vũ khí trên (đạn chứa u-ra-ni-om nghèo, bom nguyên tử mini...) báo hiệu 1 hiểm họa lớn về chiến tranh đầu thế kỷ XXI mà ít ai nghĩ đến. Phải chăng đó là ý đồ "bình thường hóa" việc sử dụng các loại vũ khí có chất phóng xạ hạt nhân vào các loại hình và quy mô chiến tranh lớn nhỏ, làm cho việc sử dụng các loại vũ khí đó trở thành phổ biến mà nhiều dân tộc và quốc gia khác không thể đối phó ? Trên thực tế đã diễn ra ít nhất là 2 cuộc chiến tranh như vậy. Đó là chưa kể đến các loại vũ khí khác, như vũ khí sinh học, hóa học, chùm tia... gần đây đã có nhiều phát triển rất mới mà chưa hề bị gạt ra khỏi danh mục các loại vũ khí trong cuộc CĐVT.

Sau sự kiện 11-9 ở Mỹ vừa qua, cuộc "Chiến tranh trả đũa" do Oa-sinh-tơn phát động được khối NATO và chính phủ nhiều nước ủng hộ, đã thực sự bùng nổ ở Áp-ga-ni-xtan. Bóng đen chiến tranh đã bao phủ lên nhiều khu vực trên thế giới. Tổng thống Mỹ tuyên bố "đặt nước Mỹ trong tình trạng chiến tranh" và mở cuộc "Chiến tranh trả đũa",

(Xem tiếp trang 76)

Digitized by Google

LIÊN KẾT CỘNG ĐỒNG CÁC QUỐC GIA ĐỘC LẬP : KHÓ KHĂN VÀ TRIỂN VỌNG

NGUYỄN TIẾN NGHĨA

MƯỜI năm trước, sau sự tan rã của Liên Xô không lâu, ngày 15-12-1991 tại An-ma A-ta (Ca-dắc-xtan) các quốc gia hậu Xô viết, trừ Gru-di-a và 3 nước vùng Ban-tích, đã cùng nhau ký Hiệp ước thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập gọi tắt là SNG. Sau đó 2 năm, Gru-di-a cũng gia nhập Cộng đồng. Như vậy, xét về thành phần của SNG thì 12 nước thành viên của tổ chức này vẫn chính là các nước cộng hòa thuộc Liên Xô trước đây.

Ngay sau khi SNG được thành lập, đa số các quốc gia thành viên đều thống nhất tuyên bố, rằng sự hợp tác nhiều mặt với các nước khác trong khuôn khổ Cộng đồng là ưu tiên chiến lược trong chính sách đối ngoại của mình. Suốt 10 năm qua, các nước này đã cùng nhau ký kết hơn 880 văn kiện bàn về liên kết, hợp tác nhiều mặt trong phạm vi SNG. Nếu điểm lại những văn kiện đó thì các lĩnh vực quan trọng nhất được đa số nhất trí cần đẩy mạnh là hợp tác an ninh - quân sự, kinh tế, chính trị. Chẳng hạn, Hiệp ước an ninh tập thể (12-1991), Hiệp định về thành lập liên minh kinh tế (9-1993), Tuyên bố về vấn đề duy trì ổn định trên thế giới (6-2000), Hiệp định về hợp tác quân sự giữa Nga và 7 nước cộng hòa (10-2000), Quyết định về thành lập "Trung tâm chống khủng bố SNG" (12-2000), Hiệp định thành lập lực lượng tập thể triển khai nhanh cho vùng Trung Á (5-2001), Hiệp định về thành lập Cộng đồng kinh tế Á - Âu (5-2001),... Số lượng văn kiện được ký kết nhiều như vậy, nhưng hiệu quả hoạt động liên kết SNG trên thực tế trong suốt thập niên qua thế nào ? Xung quanh vấn đề này có nhiều đánh giá khác nhau. Ngay các nước thành viên SNG cũng đưa ra những ý kiến trái ngược nhau. Đa số cho rằng, SNG là mô hình hợp tác *mang tính chiến lược* phù hợp với giai đoạn chuyển đổi kinh tế, củng cố chủ quyền quốc gia và cải cách những quan hệ xã hội đang diễn ra trong khu vực. Nhận định như vậy được thể hiện rõ trong Tuyên bố chung của những người đứng đầu các nước SNG về xu hướng phát triển của Cộng đồng : "*SNG có ảnh hưởng tích cực đối với sự ra đời của các quốc gia độc lập, sự chọn lựa của từng nước mô hình cải cách kinh tế và xây dựng nhà nước phù hợp điều kiện nước mình, sự thiết lập và duy trì các mối quan hệ hợp tác bình đẳng cùng có lợi giữa các quốc gia trong khuôn khổ Cộng đồng*" (1). Ngược lại với nhận định này, một vài thành viên khác của SNG coi việc tham gia vào Cộng đồng chỉ là một *giải pháp tình thế*. Có những thành viên (như Gru-di-a, U-dơ-bê-ki-xtan) đôi lúc còn tỏ ra không mặn mà với những hoạt động hợp tác liên kết trong tổ chức này, bởi cho rằng SNG hoạt động không hiệu quả. Thậm chí, có nước còn định từ bỏ tư cách là thành viên của SNG. Trường hợp Gru-di-a hồi tháng 12-1996 là một ví dụ. Quốc hội nước này khi đó đã lập ra một Ủy ban đặc biệt để nghiên cứu vấn đề có nên tiếp tục là thành viên của SNG nữa hay không. Trong giới quan sát và nghiên cứu từng có những đánh giá coi SNG như là một câu lạc bộ chính trị. Nói khác đi, SNG chỉ là nơi để thảo luận, bàn bạc chứ không giải quyết các vấn đề cụ thể, có chăng cũng rất ít. Theo thống kê, trong số 880 văn bản về hợp tác, liên kết nhiều mặt trong phạm vi SNG đã được ký kết, chỉ có khoảng 130 văn bản được triển khai (2). Không ít ý kiến cho rằng thực

(1) Bản tin của Hội đồng những người đứng đầu nhà nước và Hội đồng những người đứng đầu chính phủ SNG (tiếng Nga) số 1-1999

(2) Báo *Độc lập* (tiếng Nga) 4-4-2000

Digitized by Google

chất liên kết SNG chỉ là sự phô trương, cường điệu hóa lợi ích chính trị và quân sự của Cộng đồng, không chú trọng đến hướng ưu tiên quan trọng nhất mà SNG phải hướng tới là bảo đảm sự phát triển kinh tế ổn định của các nước thành viên cũng như cả Cộng đồng. Đồng ý với nhận xét này, TS N. Sum-xki cho rằng, nếu xét hiệu quả hoạt động của SNG trong thời gian qua ở các lĩnh vực chính trị, quân sự và kinh tế, thì với tư cách là một liên minh chính trị và quân sự, hiệu quả liên kết SNG chỉ đạt ở chừng mực nhất định. Còn với tư cách là một liên minh kinh tế, hiệu quả này đạt ở mức rất thấp (3). Nhận xét như vậy không phải là không có căn cứ. Trong lĩnh vực chính trị và quân sự, tuy đã có gần 400 văn kiện đã được ký kết, nhưng trên thực tế quá trình liên kết chủ yếu vẫn chỉ dừng lại ở các tuyên bố chứ chưa có nhiều hoạt động cụ thể. Trong các hiệp định quân sự, chỉ có Hiệp định về hệ thống phòng không thống nhất là thỏa thuận duy nhất được tất cả các nước thành viên tham gia và hoạt động tương đối hiệu quả. Còn việc triển khai Hiệp ước an ninh tập thể cũng gặp rất nhiều trở ngại. Trong lĩnh vực kinh tế, những nỗ lực nhằm xây dựng SNG thành một liên minh kinh tế theo hình mẫu Liên minh châu Âu (EU) chưa mang lại một kết quả đáng kể nào. Kim ngạch buôn bán giữa các nước SNG với nhau chỉ chiếm 3-4% tổng kim ngạch ngoại thương giữa các nước này với các nước khác ngoài SNG (4) (trong khi đó tại EU tỉ lệ này là 60-70%, tại khu vực ASEAN là 25%). Theo thống kê của Vụ kinh tế đối ngoại Bộ hợp tác kinh tế Nga, khối lượng ngoại thương giữa các nước SNG còn có xu hướng thu hẹp lại. Nếu trong năm 1996 trao đổi hàng hóa trong Cộng đồng đạt 72,2 tỉ USD, thì năm 1997 giảm 2%, năm 1998 giảm 18%, năm 1999 giảm 26%. (5) Nhận xét về tình hình kinh tế SNG những năm qua, sau khi dẫn ra những con số cụ thể về tình trạng trì trệ của nền kinh tế, thâm hụt ngân sách, tham nhũng, buôn lậu, thất nghiệp... ở các nước thành viên, tạp chí Pháp "Tổng kết thế giới" số năm 2001 do báo *Lơ-mông* xuất bản đã viết : "*Toàn cảnh kinh tế SNG là một bức tranh ảm đạm*" (6)... Còn rất nhiều ý kiến đánh giá khác nhau nữa về cái được cũng như cái chưa được trong hoạt động liên kết SNG. Thế nhưng có những kết luận chung mà nhiều người thừa nhận, đó là :

- SNG đã có vai trò tích cực trong việc làm quá trình phân chia tài sản của Liên Xô (sau sự đổ vỡ của chế độ XHCN ở nước này) cho các nước thành viên của Cộng đồng diễn ra và kết thúc tương đối hòa bình, không giống những gì đã xảy ra như "kịch bản Nam Tư" ở khu vực Ban-căng.

- Tuy hoạt động liên kết trong khuôn khổ SNG đã đạt được một vài thành tựu nhất định, song, hiệu quả của hoạt động này còn thấp và chưa đúng với tiềm năng của Cộng đồng.

Kết luận thứ 2 được nhiều người quan tâm. Xuất phát từ những cách tiếp cận khác nhau mà đã có những lý giải khác nhau xung quanh việc làm rõ nguyên nhân vì sao liên kết SNG chưa thực sự hiệu quả. Trong phạm vi nghiên cứu chúng tôi sẽ đề cập đến một số khó khăn nổi bật, nảy sinh ngay từ bên trong đời sống của Cộng đồng và được xem như là những nguyên nhân gây trở ngại lớn cho hoạt động liên kết trong khu vực. Những khó khăn đó là :

Thứ nhất, sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa các quốc gia trong Cộng đồng. Trong số các nước thành viên thuộc SNG thì chỉ có Nga, Bê-la-rút và U-crai-na là những nước có nền công nghiệp tương đối phát triển. Những thành viên còn lại - các nước vùng Trung Á và Da-cáp-ca-dơ, nếu xét theo những tiêu chí về kinh tế - xã hội, thì chỉ đứng vào loạt các nước đang phát triển. Hơn nữa, giữa các nước thành viên SNG lại chưa nhất quán trong việc lựa chọn những bước đi, thời hạn cũng như cơ chế và biện pháp cần thiết thực hiện những cải cách kinh tế. Cho nên, tiến trình cải cách kinh tế thị trường ở những nước này đã diễn ra theo những kịch bản rất khác nhau. Tại A-déc-bai-gian, Ác-mê-ni-a, Ca-dắc-xtan, Cư-rơ-gư-xtan tiến trình cải cách kinh tế diễn ra với những tốc độ tương đối nhanh, bằng những biện pháp mềm dẻo và đạt được những chỉ số kinh tế vĩ mô khá tốt. Chẳng hạn, tính riêng trong 8 tháng đầu năm 2000 tổng sản phẩm xã hội của A-déc-bai-gian tăng 9,9%, Nga tăng 7,5%, Ca-dắc-xtan 7%, Cư-rơ-gư-xtan - 5,7%, Ac-mê-ni-a - 3%, U-crai-na - 3%. (7). Trong khi đó tại

(3) Tạp chí *Xã hội và Kinh tế* (tiếng Nga) số 11-12-2000

(4) Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 2 (4-2001), tr 17-18

(5) Tạp chí *Nghiên cứu châu Âu*, số 2-2000, tr 44

(6), (7) *Kinh tế quốc tế* (tham khảo), Thông tấn xã Việt Nam, 11-2-2001

Digitized by Google

Bê-la-rút, Tuốc-mê-ni-xtan, U-dơ-bê-ki-xtan, Tát-ghi-ki-xtan, Môn-đô-va quá trình này được thực hiện theo từng bước chậm chạp, bằng những biện pháp quá cứng rắn, hiệu quả thấp. Mặt khác, nhìn một cách tổng thể, thì mặt bằng về trình độ kỹ thuật và công nghệ sản xuất ở tất cả các nước thành viên SNG đều thấp hơn nhiều so với nhiều khu vực khác trên thế giới.

Thứ hai, tuy mục đích, nhiệm vụ và chức năng của SNG là những vấn đề đã được xác định rõ trong Hiến chương và các văn kiện quan trọng khác của tổ chức này, nhưng mỗi nước thành viên lại tiếp nhận những vấn đề đó theo quan điểm riêng của mình. Nhiều điểm không thống nhất đã nảy sinh xung quanh vấn đề chính sách đối ngoại và chính sách an ninh của các nước thành viên. Nếu như Nga và Bê-la-rút muốn có sự hợp tác nhiều mặt trong khuôn khổ SNG thì ngược lại, U-crai-na lại chỉ muốn phát triển hợp tác ở lĩnh vực kinh tế và không muốn bất cứ sự liên kết nào ở lĩnh vực chính trị và quân sự trong phạm vi Cộng đồng. Ca-dắc-xtan mong muốn thành lập một tổ chức trên quốc gia theo kiểu liên minh Á - Âu. Trước đây, khi Tổng thống Nga V.Pu-tin chưa có thay đổi quan điểm đối với kế hoạch "Đông tiến" của NATO, thì Nga và Bê-la-rút luôn coi việc mở rộng của NATO sang phía Đông là một đe dọa lớn đối với an ninh khu vực, trong khi đó U-crai-na và Gru-di-a lại tuyên bố việc liên minh chặt chẽ với NATO là biện pháp bảo đảm an ninh trong vùng. Thậm chí, U-crai-na còn muốn thỏa thuận với Mỹ, chứ không phải với Nga về việc rút tên lửa hạt nhân ra khỏi nước mình. Nếu đa số các quốc gia ở Trung Á xem những hoạt động của các phần tử hồi giáo cực đoan ở những nước này cũng như từ phía Áp-ga-nít-xtan là nguy cơ lớn đối với sự ổn định trong khu vực, thì U-dơ-bê-ki-xtan, một thời gian dài trước khi xảy ra cuộc khủng bố tấn công vào nước Mỹ ngày 11-9 vừa qua, đã nhìn nhận Ta-li-ban như một sự bảo đảm hòa bình tại đây và không đồng tình việc Nga đưa quân đội đến Tát-ghi-ki-xtan...

Thứ ba, mặc dù các nước thành viên SNG đều công nhận Nga là nước kế thừa Liên Xô trước đây về mọi mặt cũng như vai trò chủ đạo của Nga trong hoạt động của SNG, nhưng sự gắn kết giữa các thành viên với Nga nhiều khi rất lỏng lẻo. Những năm qua Nga đã là một thị trường rộng lớn cho các nước trong Cộng đồng xuất khẩu sản phẩm hàng hóa của họ sang đó và nhập khẩu năng lượng, dầu khí từ thị trường này với giá ưu đãi (Bê-la-rút, U-crai-na, Môn-đô-va hầu như nhập hoàn toàn nguồn nhiên liệu từ Nga). Tính riêng trong năm 1998 và nửa đầu năm 1999 trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của SNG tỉ trọng hàng hóa được xuất sang Nga chiếm 51,7% và nhập khẩu từ Nga chiếm 38,8%. Như vậy, trong một chừng mực nào đó có thể khẳng định rằng SNG khó đứng vững nếu không có Nga. Nhưng, như đã biết, một mặt, gần như suốt nửa đầu của thập niên 90, Nga quá chú trọng đến việc thực hiện chính sách đối ngoại "định hướng Đại Tây Dương", nhằm sớm được hòa nhập với thế giới phương Tây ; mặt khác, Nga lại khó đảm đương vai trò đầu tàu, điều phối chính sách kinh tế chung của cả Cộng đồng cũng như vai trò của nhà tài trợ chính cho các nước thành viên SNG, nhất là khi xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ hồi tháng 8-1998. Theo số liệu của ngân hàng Mát-xcơ-va, Nga nằm ở vào khoảng giữa các nước phát triển trung bình và các nước kém phát triển về sản xuất bình quân đầu người, và đứng đầu thế giới về mức độ nợ nước ngoài (nợ nước ngoài chiếm đến 80% GDP) (8). Trong tổng số đầu tư nước ngoài vào SNG, tỉ trọng đầu tư của Nga chỉ chiếm khoảng 3-4%. Nếu trong cả năm 1992 tổng số các khoản viện trợ trực tiếp và gián tiếp từ Nga cho các nước thành viên SNG là 22 tỉ đôla, thì đến năm 1999 trong ngân sách của Nga, tổng số nợ của các nước SNG chỉ khoảng 700 triệu đôla (9). Thực tế đó cắt nghĩa vì sao nhiều nước thành viên trong Cộng đồng đã chủ trương hướng ngoại "tìm người bảo trợ mới", nhằm vào các nước phương Tây để tìm kiếm viện trợ, như Gru-di-a đã tuyên bố mong muốn trở thành thành viên NATO, U-crai-na từng trông đợi vào EU và Ba Lan, các nước Trung Á đã định hướng vào Thổ Nhĩ Kỳ...

Thứ tư, tiến trình liên kết trong khuôn khổ SNG còn bị cản trở bởi sự bùng nổ và kéo dài đến tận

---

(8) Tạp chí "*Đối thoại*" (tiếng Nga), số 12-2000

(9) Số liệu của Ủy ban thống kê liên quốc gia các nước thành viên SNG (tiếng Nga), Mát-xcơ-va, 6-1999

Digitized by Google

ngày hôm nay của các cuộc xung đột giữa các quốc gia và giữa các dân tộc trong khu vực, như xung đột ở Na-go-rơ-nưi Ca-ra-bác giữa A-déc-bai-gian và Ác-mê-ni-a, ở Áp-kha-di-a (Gru-di-a), Pri-đơ-nextơ-rô-vi-a (Môn-đô-va), Trec-xnhi-a (Nga)... Các nhà lãnh đạo SNG đã bàn nhiều đến việc giải quyết những điểm nóng này. Song, với khả năng hiện nay của SNG thì các biện pháp chính trị và kinh tế được đưa ra dường như không có mấy kết quả. Trong khi đó biện pháp quân sự cử các lực lượng gìn giữ hòa bình đến các điểm xung đột này cũng không dễ thực hiện được. Bởi lẽ, biện pháp này cũng không nhận được sự nhất trí ủng hộ và sự thông hiểu của tất cả các nước thành viên. Chẳng hạn, Gru-di-a luôn không đồng tình với hoạt động giám sát của lực lượng gìn giữ hòa bình SNG do Nga làm chủ đạo tại Áp-kha-di-a và mong muốn sự triển khai của các lực lượng quốc tế trong việc giải quyết căng thẳng tại vùng này. Việc Nga tích cực tham gia vào việc giải quyết những xung đột đó đôi khi còn bị xem là hành động bành trướng vị thế của mình tại khu vực.

Thứ năm, chính sách liên kết chưa nhận được sự đồng tình ủng hộ cao của dư luận xã hội. Hiện người ta chỉ có thể đánh giá ý nghĩa của Cộng đồng cũng như các hoạt động của tổ chức này qua những ấn phẩm sách báo, những chương trình phát thanh và truyền hình được đăng tải với thời lượng và nội dung còn hạn chế, chưa phản ánh được đầy đủ thực chất và những nỗ lực của các hoạt động liên kết, hợp tác đang diễn ra trong thực tế Cộng đồng này. Không ít văn kiện, tài liệu về hoạt động hợp tác, liên kết SNG vẫn chưa được tuyên truyền sâu rộng trong đông đảo các tầng lớp nhân dân tại các nước trong khu vực. Thậm chí, nhiều tổ chức chính quyền nhà nước ở những quốc gia thành viên cũng chỉ biết rất ít ỏi về chính sách liên kết, cũng như những hoạt động khác của Cộng đồng.

Trên đây mới chỉ là một số chứ chưa phải tất cả những khó khăn mà quá trình liên kết SNG đã vấp phải. Việc khắc phục những khó khăn ấy không phải một sớm một chiều là xong. Nhiều khó khăn vẫn còn là vấn đề nan giải đối với Cộng đồng. Từ thực tế này đã xuất hiện nhiều nhận định khác nhau về triển vọng liên kết SNG trong thời gian tới. Có nhiều ý kiến cho rằng, các nước thành viên SNG không thể đứng vững nếu không tiếp tục củng cố và tăng cường liên kết trong phạm vi Cộng đồng. Có những ý kiến đồng tình với nhận định trên, nhưng lại nhấn mạnh thêm rằng, liên kết SNG phải gắn với việc giải quyết các vấn đề mang tính trên quốc gia và chuyển giao một phần chủ quyền quốc gia cho các tổ chức của Cộng đồng. Bên cạnh những ý kiến đó, cũng không ít ý kiến coi liên kết SNG là "hữu danh vô thực", vì bản thân tổ chức này đang chết dần do những gì mà nó đặt ra đều không giải quyết nổi và các nước cộng hòa hậu Xô viết ngày càng xa rời nhau hơn. Nhiều nhà phân tích Mát-xcơ-va cho rằng sự chia rẽ giữa các nước trong khối, thời gian qua thành "những nhóm lợi ích" khác nhau đã đánh dấu "sự chấm dứt hoàn toàn khả năng hồi sinh của SNG" (10).

Ý kiến thì vẫn chỉ là ý kiến. Còn một thực tế đang diễn ra không thể phủ nhận là hiện tại không một thành viên nào (kể cả Gru-di-a) lại muốn tách mình ra khỏi Cộng đồng. Hội nghị thượng đỉnh các nước SNG được tổ chức hồi đầu tháng 6 vừa qua tại thành phố Min-xcơ (Bê-la-rút) và hàng loạt các phiên họp bên lề Hội nghị diễn ra trong mấy ngày trước đó, đã đánh dấu một bước khởi sắc mới trong hoạt động liên kết của tổ chức này. Các cuộc gặp gỡ đó đã đề ra chương trình hành động SNG trong những năm tới trên nhiều lĩnh vực, nhất là việc xúc tiến thành lập khu vực buôn bán tự do trong khuôn khổ SNG, triển khai kế hoạch hợp tác quân sự liên quốc gia đến năm 2005, tăng cường liên kết hợp tác giữa các nước thành viên SNG trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, đấu tranh chống khủng bố, tội phạm có tổ chức và tội phạm trong lĩnh vực công nghệ cao... Theo đánh giá của giới quan sát, không khí chung tại các cuộc gặp gỡ cấp cao của các nước thành viên SNG kể từ đầu năm nay cho thấy không còn những lời ca thán, phàn nàn về hoạt động liên kết SNG hay những lời bàn về sự tiêu vong sắp tới của Cộng đồng này. Bài học các nước SNG rút ra từ mấy năm gần đây, nhất là từ khi chính sách hướng ngoại nhằm vào các nước phương Tây đều bị thất bại, là : không có sự lựa chọn nào khác tốt hơn, thực dụng hơn bằng việc tiếp tục duy trì, củng cố và tăng

(10) *Tin kinh tế hằng ngày*, TTXVN, 6-6-2001

Digitized by Google

cường liên kết trong khu vực. Trông chờ hoàn toàn vào viện trợ của phương Tây không những chỉ là ảo tưởng mà còn bị thua thiệt nhiều mặt trên bình diện quốc tế. Ông A. Ma-la-sen-cô từ Trung tâm hướng nghiệp Mát-xcơ-va hoàn toàn có lý khi nhận xét rằng : "*Các nước cộng hòa thuộc Liên Xô trước đây ban đầu muốn quay sang các quốc gia phát triển, nhưng rõ ràng không nước phương Tây nào cần họ cũng như nền kinh tế của họ*"(11). Theo báo cáo mới đây của Ủy ban thống kê liên quốc gia các nước thành viên SNG, trong nửa đầu năm 2001, các nước này đã duy trì được tốc độ tăng trưởng cao theo những chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản. Tổng sản phẩm quốc nội bình quân của SNG tăng 7% so với cùng kỳ thời kỳ này của năm 2000, tỉ lệ lạm phát giảm, thu nhập của người lao động tăng lên, tình hình thị trường lao động có đăng ký bớt căng thẳng, tỉ giá hối đoái của các đồng tiền quốc gia được ổn định, kim ngạch ngoại thương giữa các nước SNG tăng đến 12% (12). Các chuyên gia kinh tế cho rằng, những kết quả mà SNG đạt được trong 2 năm qua chứng tỏ nền kinh tế SNG bước đầu đã đi vào xu hướng ổn định và phát triển một cách tương đối.

Mặc dù phải đương đầu với nhiều vấn đề nan giải gây trở ngại cho hoạt động liên kết, nhưng các nước thành viên SNG cũng có không ít điều kiện khách quan thuận lợi cho việc liên kết lại với nhau thành một tổ chức khu vực thực sự hiệu quả. Có thể thấy những thuận lợi đó ở mấy phương diện sau :

- *Xét từ phương diện địa chính trị,* sự tồn tại của SNG là điều cần thiết. Bởi lẽ, các quốc gia thành viên đều đang phải đối mặt với nhiều vấn đề chung mà chỉ cùng nhau phối hợp hành động mới giải quyết nổi, như sự mất ổn định của hệ thống chính trị, đời sống túng thiếu của đại bộ phận các tầng lớp nhân dân, sự hoành hành của chủ nghĩa khủng bố, của các phần tử tôn giáo cực đoan, ly khai, tội phạm... So với những ngày đầu thành lập SNG, số lượng các vấn đề đòi hỏi phải có sự kết hợp giải quyết của các nước thành viên ngày càng tăng thêm.

- *Xét từ phương diện kinh tế,* các quốc gia trong Cộng đồng tạo thành một không gian kinh tế rộng lớn với số dân hơn 285 triệu người. Không gian kinh tế này tạo nhiều triển vọng cho việc phát triển một thị trường chung rộng lớn với nguồn nguyên liệu tự nhiên có trữ lượng lớn (chiếm 1/4 trữ lượng toàn thế giới). Ngoài ra, các nước này còn được thừa hưởng từ Liên bang Xô viết trước đây một mạng lưới đường giao thông khá thuận lợi, kinh nghiệm xây dựng và sử dụng hệ thống đường ống dẫn khí và mạng lưới cung cấp điện năng tương đối hoàn chỉnh.

- *Xét từ phương diện văn hóa - lịch sử,* các quốc gia hậu Xô viết vẫn giữ gìn, duy trì những mối giao lưu, hợp tác văn hóa đa dạng và những nét lịch sử truyền thống giữa các dân tộc trong phạm vi Cộng đồng được xây dựng trong suốt 70 năm chung sống dưới thời Xô viết. Tiếng Nga vẫn được sử dụng rộng rãi như ngôn ngữ giao tiếp giữa các dân tộc. Tại nhiều trường phổ thông, đại học ở các nước thành viên SNG tiếng Nga vẫn được dùng để giảng dạy cho học sinh, sinh viên...

Bàn về triển vọng liên kết SNG, các nhà nghiên cứu cho rằng, xu hướng phát triển liên kết tất nhiên tùy thuộc vào khả năng tới đây của Cộng đồng trong việc khắc phục, giải quyết triệt để những khó khăn cũng như khai thác, tận dụng một cách hiệu quả những lợi thế của mình. Để khả năng đó trở thành hiện thực, các nước thành viên phải cùng thống nhất một số quan điểm cơ bản mang tính nguyên tắc : *Một là,* liên kết SNG không có mục đích tự thân, nó là sự tập trung tối đa thế và lực của các quốc gia thành viên nhằm đạt những mục tiêu mà Cộng đồng đặt ra. *Hai là,* động lực chủ yếu thúc đẩy các hoạt động liên kết SNG là hợp tác kinh tế cùng có lợi. *Ba là,* đường lối và chiến lược chung của Cộng đồng cho thời gian tới phải được thống nhất thông qua và được triển khai trên thực tế. *Bốn là,* xuất phát từ điều kiện kinh tế - xã hội và lợi ích của từng nước thành viên, liên kết SNG sẽ diễn ra theo những "tốc độ khác nhau".

Xét về khả năng thực tại, thì còn quá sớm nếu xem SNG như một công cụ tổng hợp có thể giải quyết hữu hiệu hết thảy các vấn đề về mọi mặt đời sống của khu vực. Hiện nay trong khuôn khổ SNG

(11) *Tin kinh tế hằng ngày*, TTXVN, 6-6-2001
(12) *Tin Kinh tế hằng ngày*, TTXVN, 8-9-2001

Digitized by Google

chưa hội tụ đủ những yếu tố để bản thân SNG có thể trở thành một tổ chức liên kết *trên quốc gia* với năng lực hoạt động thực sự hiệu quả. Một mặt, các văn kiện quan trọng hiện hành của SNG chưa dành cho tổ chức khu vực này những quyền hạn trên quốc gia. Như Điều 1 của Hiến pháp SNG vẫn còn ghi rõ : "*SNG không phải là một nhà nước và không có các quyền hạn trên nhà nước*". Mặt khác, giữa các quốc gia trong Cộng đồng hiện vẫn còn tồn tại khá nhiều bất đồng. Do đó, việc đưa những yếu tố trên quốc gia vào hoạt động liên kết mọi mặt SNG trước mắt chưa đáp ứng được lợi ích chiến lược của nhiều nước thành viên. Từ những khó khăn và thuận lợi, từ những vấn đề mang tính nguyên tắc được đặt ra và khả năng hiện tại của SNG, có thể nhận thấy, trong triển vọng tới đây, liên kết SNG sẽ tiếp tục được duy trì và có thể phát triển theo mô hình "liên kết với những tốc độ khác nhau". Tổng thống nước Cộng hòa Ca-dắc-xtan N. Na-gia-bai-ép đã từng nhấn mạnh : "*Liên kết SNG là một quá trình lâu dài và phải trải qua nhiều giai đoạn...*" (13) Điều này đã được thể nghiệm trong thực tế qua hoạt động của "các nhóm lợi ích khác nhau", như liên minh Nga và Bê-la-rút ; liên minh kinh tế Trung Á giữa các nước Ca-dắc-xtan, Cư-rơ-gư-xtan, Tát-ghi-ki-xtan và U-dơ-bê-ki-xtan ; liên minh Gru-di-a, A-déc-bai-gian, U-crai-na, U-dơ-bê-ki-xtan và Môn-đô-va gọi tắt là GUUAM, liên minh thuế quan giữa các nước Bê-la-rút, Ca-dắc-xtan, Cư-rơ-gư-xtan, Nga và Tát-ghi-ki-xtan mà hiện tại đã phát triển thành Cộng đồng kinh tế Á - Âu (EEC)... Sự hình thành các nhóm liên minh này là một quá trình tự nhiên. Đây không phải là một xu hướng xé lẻ dẫn tới sự tan vỡ của SNG như nhận xét của một số người. Ngược lại, các nhóm liên minh này rất quan trọng và cần thiết đối với việc thúc đẩy và tăng cường các hoạt động liên kết ở giai đoạn hiện nay. Trên thực tế những hình thức hiệp đồng của các nhóm liên minh này đang dần được hoàn thiện và có thể trong tương lai không xa sẽ được triển khai trong phạm vi toàn bộ Cộng đồng. ❑

(13) Báo *Độc lập* (tiếng Nga), ngày 29-3-1996

CHẠY ĐUA VŨ TRANG...

(Tiếp theo trang 70)

"không phân biệt những kẻ khủng bố và những quốc gia bảo trợ quân khủng bố". Còn Ta-li-ban và Bin-La-đen thì tuyên bố sẽ tiến hành "Cuộc Thánh chiến Hồi giáo chống Mỹ đến người lính cuối cùng". Trên phương diện CĐVT, cuộc chiến tranh này sẽ là thị trường tiêu thụ lý tưởng, là thời cơ "hốt bạc" tốt nhất mà các thế lực kinh doanh vũ khí lao vào.

Song, khủng bố và chống khủng bố bằng chiến tranh chỉ làm cho hận thù chồng chất lên hận thù. Thế giới này rồi sẽ ra sao ? Lúc này không thể không nghĩ đến những hiểm họa mới.

Một câu hỏi được đặt ra là liệu cuộc chiến tranh này có bị lợi dụng danh nghĩa "chống khủng bố" để nhằm các mục đích đen tối khác hay không ? Đã có những bằng chứng thực tế cho thấy năm 1999, lợi dụng danh nghĩa ủng hộ các nhóm dân tộc ly khai ở một tỉnh Cô-xô-vô đòi tự trị, Mỹ đã huy động toàn khối NATO mở cuộc chiến tranh lớn tiến công xâm lược Liên bang Nam Tư suốt gần 3 tháng. Chúng ta hoàn toàn ủng hộ việc chống khủng bố nhưng phản đối việc lợi dụng chiêu bài chống khủng bố để gây chiến tranh giết hại dân thường vì những mưu đồ can thiệp và xâm lược. Ngay trên báo chí của Mỹ, các nhà phân tích chính trị Mỹ cũng đã vạch trần điều đó. Báo *Bưu điện Oa-sinh-tơn* số ra ngày 28-9-2001 viết : mục tiêu của Mỹ "không phải là Bin La-đen và mạng lưới khủng bố quốc tế của Bin La-đen" mà là nhằm "lật đổ chính quyền Ta-li-ban để lập ra một chính quyền thân Mỹ ở Áp-ga-ni-xtan" và không chỉ dừng lại ở đây. Các "giai đoạn thứ 2, thứ 3... và tiếp theo sẽ là mở rộng, làm thay đổi chính quyền tại nhiều nước khác nữa, như I-rắc, Xi-ri, I-ran..." Rồi sẽ có bao nhiêu cuộc chiến tranh "khoác áo chống khủng bố" như vậy sẽ xảy ra ?

Chưa lúc nào bằng lúc này, lương tri của cả nhân loại đang đòi hỏi tất cả các lực lượng đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới hãy hết sức tỉnh táo, đề cao cảnh giác. ❑

Digitized by Google

CÔNG TY LẮP MÁY VÀ XÂY DỰNG 69-3

Erection & Construction Company 69-3

ECC 69-3

Trụ sở : 19 Nguyễn Trãi - TP. Hải Dương * Tel : (84) 0320.821095 - 852139 Fax : (84) 0320.821083

Giám đốc : Vũ Văn Hậu

NHỮNG PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ



- ★ 01 HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT
- ★ 02 HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHÌ
- ★ 06 HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA
- ★ 10 BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
- ★ 05 HUY CHƯƠNG VÀNG CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH XÂY DỰNG

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

Chế tạo thiết bị :

- Chế tạo các kết cấu bằng kim loại, các thiết bị phi tiêu chuẩn, các thiết bị trong dây chuyền sản xuất xi măng và dây chuyền chế biến nông sản thực phẩm, chế tạo các loại máy bơm nước trục đứng đến 4.000 m^3/giờ và các máy cơ khí phục vụ nông nghiệp.
- Đúc các chi tiết bằng thép đặc biệt cho các thiết bị trong nhà máy sản xuất VLXD.
- Hàn kết cấu thép bằng thiết bị và công nghệ hàn tiên tiến. Hàn các hệ thống ống hợp kim, kim loại màu trong các nhà máy chế biến thực phẩm bằng phương pháp hàn đặc biệt. Hàn dưới lớp khí bảo vệ (TIG, MIG). Hàn bằng máy hàn tự động, bán tự động. Các mối hàn được kiểm tra bằng thiết bị hiện đại, tiêu chuẩn quốc tế.

Lắp máy :

- Lắp đặt, thí nghiệm và đưa vào chạy thử dây chuyền công nghệ của các nhà máy công nghiệp, các công trình dân dụng.
- Lắp đặt các trạm biến thế và đường dây tải điện tới 500kv, các tủ bảng và hệ thống điện cho các dây chuyền sản xuất, các công trình dân dụng.
- Lắp đặt hệ thống kiểm nhiệt, đo lường, hệ thống tự động hóa cho các lĩnh vực trên.

Duy tu, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị của các nhà máy đang hoạt động.







1. Lắp đặt thiết bị cho Nhà máy xi măng Nghi Sơn
2. Sửa chữa giảm tốc chính của máy nghiền xi măng Nhà máy xi măng Hoàng Thạch
3. Mô hình Nhà máy chế tạo thiết bị tại Hải Dương

Công ty sẵn sàng hợp tác với các đơn vị trong và ngoài ngành

Digitized by Google

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ CHỢ LỚN

CHOLON HOUSE TRADING AND CONSTRUCTION COMPANY

B BUILDING CONSTRUCTION C

432 - 434 An Duong Vuong Street, Ward 4, District 5, HCMC

Tel : 8.390414 - 8.353611 - Fax: (84.8) 8.396438

GIỚI THIỆU

Thành lập

Công ty xây dựng và kinh doanh nhà Chợ Lớn được thành lập từ năm 1976 trực thuộc Sở Nhà đất TP. HCM. Từ tháng 12/1997, trực thuộc Tổng công ty Địa ốc Sài Gòn.

Công ty xây dựng và kinh doanh nhà Chợ Lớn là doanh nghiệp nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 2684/QĐ-UB-NC ngày 18/8/1994 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy phép kinh doanh số 103077 ngày 11/11/1994 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp.

Chức năng và nhiệm vụ :

- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, trụ sở cơ quan, nhà ở, các công trình phúc lợi, v.v....

- Kinh doanh các loại nhà phố, biệt thự, nhà ở trong các cụm dân cư theo quy hoạch tại các quận, huyện, thực hiện các dịch vụ môi giới nhà cửa, địa ốc.

- Xây dựng các công trình giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, cụm dân cư nông thôn.

- Tư vấn xây dựng, thiết kế quy hoạch các khu dân cư, thiết lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng, lập hồ sơ đấu thầu thiết kế, xây dựng kỹ thuật hạ tầng. Liên doanh với các đơn vị trong và ngoài nước trên các lĩnh vực : xây lắp, đo đạc - bản đồ, kinh doanh địa ốc và vật liệu xây dựng.

- Liên doanh với các đơn vị trong và ngoài nước trên các lĩnh vực : xây lắp, kinh doanh địa ốc và vật liệu xây dựng.

- Là đơn vị đã nhận được nhiều cờ, huy chương vàng và bằng khen các công trình đạt chất lượng cao do Bộ Xây dựng tặng.

Hiện công ty đang làm chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng khu dân cư.

1. Khu dân cư phường 12 quận Gò Vấp (2 ha)
2. Khu dân cư phường Phú Mỹ, quận 7 (6,5 ha)
3. Khu dân cư phường 7, quận 8 (16 ha)
4. Khu dân cư Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh (53 ha).

Chủ nhiệm điều hành dự án khu tái định cư Vĩnh Lộc 2, huyện Bình Chánh (18 ha)

QUY HOẠCH PHÂN LÔ KHU CƯ DÂN MỚI XÃ VĨNH LỘC B

VINH LOC B NEW RESIDENTIAL AREA LOT DIVISION PROJECT



Digitized by Google

XỔ SỐ KIẾN THIẾT TÂY NINH





KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH
MAY MẮN VÀ HẠNH PHÚC

Địa chỉ : Đại lộ 30/4 thị xã Tây Ninh
Điện thoại : 822327 - 827536
Tài khoản : 948.00026 tại kho bạc nhà nước Tây Ninh

Giám đốc
Nguyễn Hữu Tài

Digitized by Google

HAPROSIMEX

XÍ NGHIỆP

MAY XUẤT KHẨU THANH TRÌ

Địa chỉ : Km 11 - Quốc lộ 1A - TT. Văn Điển - Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 8615334/8614239/8615551 * Fax : (84-4) 8615390
E-mail : hapro@fpt.vn * Website : www.hapro.com.vn

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
VIỆT NAM



Giám đốc
PHẠM TUẤN HÀ



Bộ phận thiết kế tạo mẫu



Kiểm tra sản phẩm trước khi xuất hàng



Toàn cảnh phân xưởng sản xuất



Xuất khẩu hàng

JAS-ANZ

LOMS ISO 9002 Approved Company

QUACERT ISO9002

ISO 9002



Digitized by Google

CÔNG TY SẢN XUẤT - KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG CẦN THƠ

CANTHO CONSTRUCTION MATERIALS PRODUCING & TRADING COMPANY

SADICO CANTHO

ĐỊA CHỈ : Số 03 Nguyễn Trãi. TP. Cần Thơ, Việt Nam
ĐIỆN THOẠI : (84) 71.821885 - 823457 - 824886 * Fax : (84) 71.821141
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN : 37B Nguyễn Thông, Q.3, TP. HCM
ĐT : 08.9325852 - Fax : 08.9320489

CHUYÊN SẢN XUẤT KINH DOANH :

- *Sản xuất vỏ bao PP, PK, KPK cao cấp đựng xi măng, đựng gạo xuất khẩu, hàng nông sản, đường, thức ăn gia súc và phân bón, bao đựng thức ăn nuôi tôm và hóa chất xử lý nước nuôi tôm, hóa chất, tấm bạt và các loại bao PP thông dụng khác.*
- *Sản xuất và kinh doanh xi măng - trụ điện bê tông tiền áp, ống cống thoát nước, cọc cừ bê tông các loại - kinh doanh vật liệu xây dựng.*
- *Xuất khẩu trực tiếp : vỏ bao PP, PK, KPK các loại xi măng - vật liệu xây dựng.*
- *Nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu : nguyên liệu ngành nhựa, ngành xi măng, vật tư, hóa chất, thiết bị, phụ tùng thay thế phục vụ sản xuất vỏ bao, xi măng, vật liệu xây dựng.*
- *Chuẩn bị năm 2002 sản xuất bao giấy Kraft, PK đáy vuông đựng xi măng.*

Sadico Cần Thơ Sẵn Sàng Phục Vụ Quý Khách Hàng !

BỘ THƯƠNG MẠI

CÔNG TY THỰC PHẨM MIỀN BẮC

The northern Foodstuff Company

Địa chỉ: 203 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội
210 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 636 0663 - 664 2431 - 636 1415 - 862 7234
Fax: 862 3204 - 664 2426 - 363 2430 - 864 2597
E-mail: Fonexim@fpt.vn - tpmbhuunghi@hn.vnn.vn

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- **Kinh doanh:** Các mặt hàng thực phẩm tươi sống, chế biến nông, lâm, thổ, hải sản, lương thực,thuốc lá, cao su, phân bón, dược liệu, nguyên liệu cho sản xuất chế biến...
- Sản xuất chế biến: Bánh mứt kẹo, rượu bia, nước giả khát... mang nhãn hiệu ***Hữu Nghị*** và ***Meiji***
  Hàng thực phẩm chế biến sẵn như: Patê, xúc xích, giò chả...
- **Dịch vụ du lịch khách sạn, cho thuê kho bãi...**

PHẠM VI HOẠT ĐỘNG
Thị trường trong và ngoài nước.

SẢN PHẨM XUẤT KHẨU CHÍNH:

- Đường tinh luyện
- Cao su
- Gạo
- Dược liệu
- Thuốc lá
- Tinh bột sắn
- Bánh kẹo cao cấp ***Hữu Nghị***

DOANH THU HÀNG NĂM
1000 tỉ đến 1350 tỉ đồng VN

Công ty mong muốn được đón tiếp, đặt mối quan hệ với các quý đơn vị kinh tế trong và ngoài nước.
Rất cám ơn quý vị đã xem và quan tâm đến chúng tôi.

Digitized by Google

930

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

ĐỊA CHỈ: 136 ĐƯỜNG XUÂN THUỶ - PHƯỜNG QUAN HOA - QUẬN CẦU GIẤY - HÀ NỘI
Điện thoại: 04. 7683423 ; Fax: 7.681171
Hiệu trưởng: PGS.TS Đinh Quang Báo
Ngày thành lập: 11/10/1951

1. CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA TRƯỜNG



Đào tạo giáo viên chất lượng cao cho tất cả các bậc học, ngành học, từ trình độ cử nhân đến tiến sỹ. Đào tạo cán bộ giảng dạy cho các trường sư phạm các cấp, đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho cán bộ các trường trung học chuyên nghiệp, các trường cao đẳng, đại học khác. Bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ giáo viên đương chức để đạt trình độ chuẩn các cấp học tổ chức thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học cơ bản, khoa học giáo dục. Mở rộng hợp tác, liên kết đào tạo với các trường đại học trong và ngoài nước.

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC:

Tổng số cán bộ công nhân viên: 1043 cán bộ. Trong đó có: 793 giảng viên, 33 GS, 98 PGS, 275 TSKH và TS, còn lại là thạc sỹ, 12 nhà giáo nhân dân, 61 nhà giáo ưu tú.

Đảng uỷ, ban giám hiệu, công đoàn, đoàn TNCS Hồ Chí Minh; 17 khoa, 2 bộ môn trực thuộc, 9 phòng ban, 3 đơn vị trực thuộc, hơn 20 trung tâm NCKH, 1 khối phổ thông chuyên toán –tin, 1 trường thực hành.

3. CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO:

a. Đào tạo cử nhân sư phạm 17 chuyên ngành

b. Đào tạo sau đại học: 45 chuyên ngành

50 năm qua, Trường đại học Sư phạm Hà Nội đã đào tạo trên 60.000 cử nhân, gần 3.000 thạc sỹ, hơn 450 TSKH và TS.

Trường đại học Sư phạm Hà Nội là đơn vị trọng điểm trong nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học giáo dục của ngành. Nghiên cứu khoa học đã thực hiện hơn 2000 đề tài; Trong 10 năm đổi mới, Trường đã thực hiện 845 đề tài NCKH, trong đó có 178 đề tài thuộc các chương trình trọng điểm quốc gia; 11 đề tài đặc biệt cấp Bộ.

Nhà trường đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất, hạng nhì, hạng ba; Huân chương Độc lập hạng nhất, hạng nhì; Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
JAN 07 2002
CURRENT SERIALS

23
12-2001

Digitized by Google

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

DIRECTORATE FOR STANDARD AND QUALITY

Đ/C: 70 Trần Hưng Đạo - Hà Nội
ĐT : 84-4.9423975 - Fax: 9422418.
E-mail web: www.tcvn.gov.vn/.



- Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng thuộc Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường có chức năng, nhiệm vụ giúp Chính phủ quản lý và phát triển các hoạt động tiêu chuẩn hóa, đo lường, quản lý chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong cả nước và đại diện cho nước ta trong các hoạt động của các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan.

- Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, là thành viên (chính thức và thông tấn) của 15 tổ chức quốc tế và khu vực, trong đó có Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế - ISO (tham gia từ năm 1997).

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CHÍNH

- Xây dựng các văn bản pháp luật về TC ĐLCL và BVQLNTD trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành TC ĐLCL và BVQLNTD.
- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch về TC ĐLCL và BVQLNTD.
- Ban hành các văn bản hướng dẫn về TCĐLCL và BVQLNTD thuộc thẩm quyền.
- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch và quy định pháp luật về TC ĐLCL và BVQLNTD.
- Tổ chức xây dựng Tiêu chuẩn Việt Nam ; tham gia xây dựng Tiêu chuẩn quốc tế và kiến nghị áp dụng các tiêu chuẩn đó.
- Xây dựng và quản lý hệ thống chuẩn đơn vị đo lường, hệ thống mẫu chuẩn, bảo quản và sử dụng các chuẩn quốc gia theo quy định của Nhà nước.
- Tổ chức hoạt động kiểm định, tiến hành kiểm định, công nhận khả năng kiểm định và ủy quyền kiểm định phương tiện đo, chứng nhận kiểm định việc đo lường.
- Chứng nhận chất lượng hàng hóa, hệ thống bảo đảm chất lượng, công nhận các phòng thử nghiệm, hiệu chuẩn, tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định xét duyệt mẫu và cho phép sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo lường, kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Tranh tra nhà nước về chất lượng hàng hóa và đo lường, xử lý vi phạm pháp luật về chất lượng hàng hóa và đo lường.
- Hướng dẫn tổ chức và nghiệp vụ cho các cơ quan quản lý chất lượng hàng hóa và đo lường của ngành, địa phương cơ sở.
- Nghiên cứu khoa học - kỹ thuật trong lĩnh vực TC ĐLCL và BVQLNTD.
- Tổ chức công tác thông tin, đào tạo và hợp tác quốc tế về TC ĐLCL và BVQLNTD.



Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 629 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768.* **Tạp chí Cộng sản điện tử :** *http:// www.tapchicongsan.org.vn ;*
Email : bbttccs@hn.vnn.vn ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : VŨ VĂN HIỀN**

23
12-2001

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	Thông báo Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX	3
	NÔNG ĐỨC MẠNH - Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với cải cách hành chính nhà nước, đẩy lùi một bước tình trạng tham nhũng, lãng phí, tệ nạn xã hội	8
	PHAN VĂN KHẢI - Thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao chất lượng phát triển, tạo chuyển biến mới về kinh tế - xã hội trong 5 năm mở đầu thế kỷ	15
	PHẠM THẾ DUYỆT - Đại đoàn kết toàn dân - động lực chủ yếu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	27
	LÊ NGỌC HOÀN - Giao thông vận tải trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010	30
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	LÊ HỒNG SƠN - Sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 với vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam	36
	ĐÀO TRÍ ÚC - Vấn đề nhà nước pháp quyền và sự cần thiết xây dựng mô hình tổng thể bộ máy Nhà nước ta	40
	NHỊ LÊ - Những người mưu toan "đảo lộn khoa học" về con đường xã hội chủ nghĩa Việt Nam	43
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	LƯU PHƯỚC LƯỢNG - Kế tục truyền thống vẻ vang Binh đoàn Cửu Long anh hùng	49
	CHU THÁI THÀNH - Qua miền Tây Bắc	53
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	VŨ VĂN - Nên trong hay nên đục ?	61
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	VŨ ĐÌNH CỰ - Sự sụp đổ của tháp tiền	62
	TRẦN BÁ KHOA - Cuộc chiến tranh trả đũa của Mỹ vẫn chưa thể kết thúc	66
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	- Hội thảo khoa học - thực tiễn về đại đoàn kết dân tộc	71

Bìa 1 : *Đại biểu Quốc hội khóa X, tại kỳ họp thứ 10* *Ảnh :* **CAO VIỆT HÒA**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Собщение IV^ого Пленума Центрального Коммитета КПВ (IX^ого созыва). НОНГ ДЫК МАНЬ: Продолжать выпольнять эффективно кампанию по укреплению, переупорядочиванию Партии в связи с административными реформами государства, отбросить на один шаг назад ситуацию коррупции, расточительства, социальных пороков. ФАН ВАН ХАЙ: Стимулировать экономический рост и повышать качество развития, создать новый социально-экономический сдвиг в первые 5 лет нового века. ФАМ ТХЕ ЗУЕТ: Всенациональная солидарность – главный импульс для ускорения индустриализации, модернизации, строительства и защиты Социалистической Родины Вьетнама. ЛЕ НГОК ХОАН: Транспорт в стратегии социально-экономического развития 2001-2010 г.г. ЛЕ ХОНГ ШОН: Поправки, попольнения к Конституции 1992ого года и проблема создания правового государства Вьетнама. ДАО ЧИ УК: Проблема правового государства и необходимость создания совокупной модели аппарата нашего государства. ВУ ДИНЬ КЫ: Падение денежной башни. ЧАН БА ХОА: Ответная война США все еще не может быть законченной.

CONTENTS

Information of IVth Plenum of CPV Central Committee (IX tenure). NÔNG ĐỨC MẠNH: To continue to fulfil effectively the campaign for strengthening, realigning the Party in acompany with administrative reforms of the state, to hurl one step back the situation of corruption, dissipation and social evils. PHAN VĂN KHẢI: To stimulate economic growth and enhance quality of development, to create a new socio-economic shift in the first 5 years of the new century. PHẠM THẾ DUYỆT: Nation-wide solidarity – the principal impulse for accelerating industrialisation, modernisation, building and defending of the Socialist Motherland of Vietnam. LÊ NGỌC HOÀN: Transport in the strategy of socio-economic development in 2001-2010. LÊ HỒNG SƠN: Corrections, amendments to the 1992 Constitution and the problem of building the law-governed state of Vietnam. ĐÀO TRÍ ÚC: The problem of law - governed state and the neccesity of creating an aggregate model of our state's apparatus. VŨ ĐÌNH CỰ: The fall of the money tower. TRẦN BÁ KHOA: Reciprocal war still cannot be finished.

SOMMAIRE

Communiqué du 4e Plénum (issu du IXe Congrès national du CC du PCV). NÔNG ĐỨC MẠNH: Réaliser avec efficacité le mouvement d'édification et de rectification du Parti en liaison avec la réforme de l'administration publique, repousser la corruption, le gaspillage et les vices sociaux. PHAN VĂN KHẢI: Accélérer la croissance de l'économie et rehausser la qualité de son développement, créant les changements socio-économiques dans les 5 premières années du nouveau siècle. PHẠM THẾ DUYỆT: La grande union de tout le peuple - une force motrice essentielle pour impulser l'industrialisation, la modernisation et l'édification, la défense de la Patrie socialiste vietnamienne. LÊ NGỌC HOÀN: Les Transports et les Communications dans la stratégie du développement socio-économique 2001-2010. LÊ HỒNG SƠN: L'amendement et le complément de la Constitution de 1992 et l'édification d'un Etat de droit au Viêt-nam. ĐÀO TRÍ ÚC: L'Etat de droit et la nécessité d'élaborer un modèle global de l'appareil d'Etat du Viêt-nam. VŨ ĐÌNH CỰ: L'effondrement des deux Tours jumelles aux Etats-Unis. TRẦN BÁ KHOA: La guerre de rétorsion des Etats-Unis n'arrive pas encore à se terminer.

SUMARIO

Comunicado del IV Pleno del Comité Central del Partido Comunista de Vietnam (IX Congreso). NÔNG ĐỨC MẠNH: Realizar con eficacia el Movimiento de edificación y rectificación del Partido ligando con la reforma de la administración del Estado, retrocediendo la corrupción, el despilfarro y los vicios sociales. PHAN VĂN KHẢI: Acelerar el increcimiento de la economía, mejorar la calidad de su desarrollo creando nuevos cambios económicos en los primeros cinco años del nuevo siglo. PHẠM THẾ DUYỆT: La gran unidad de todo el pueblo, una fuerza motriz esencial para impulsar la industrialización, modernización, edificación y defensa de la Patria socialista de Vietnam. LÊ NGỌC HOÀN: Los transportes y comunicaciones en la estrategia del desarrollo socio-económico 2001-2010. LÊ HỒNG SƠN: Modificación y suplemento de la Constitución de 1992 y la edificación de un Estado de derecho en Vietnam. ĐÀO TRÍ ÚC: El Estado de derecho y la necesidad de elaborar un modelo global del aparato del Estado vietnamita. VŨ ĐÌNH CỰ: El hundimiento de la Torre jimelga en Estados Unidos. TRẦN BÁ KHOA: La guerra de retorsión de estados Unidos aún no podrá terminar.

目录

越共九大四中全会公报●农德孟: 继续有效地落实与国家行政改革相连的建党与整党运动, 打击贪污、浪费及社会弊端现象●潘文凯: 促进增长和提高发展的质量, 为世纪初五年内的经济—社会造就新的转变●范世阅: 全民大团结是推动国家工业化、现代化与建设和捍卫越南社会主义祖国的主要动力●黎玉环: 在2001－2010年经济—社会发展战略中的交通、运输业●黎红山: 修改、补充1992年宪法与建设越南法制国家的问题●陶志澳: 法制国家的问题和建立国家机器总体模式的必要性●武亨炬: 世界贸易中心大厦－"金钱塔"的倒塌●陈伯科: 美国的还击战争仍未能结束.

Digitized by Google

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX

TỪ ngày 5 tháng 11 đến ngày 13 tháng 11 năm 2001, tại thủ đô Hà Nội đã diễn ra Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa IX). Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì Hội nghị, phát biểu ý kiến khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Hội nghị đã làm việc khẩn trương, phát huy dân chủ, thảo luận và tranh luận thẳng thắn, sâu sắc với tinh thần trách nhiệm cao của từng đồng chí Ủy viên Trung ương để giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong chương trình làm việc của Hội nghị.

Hội nghị đã thảo luận và cho ý kiến về phương hướng chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 ; phương hướng bầu cử Quốc hội khóa XI ; kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2001 ; xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2002, cụ thể hóa thêm phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 ; phương hướng, biện pháp tiếp tục thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí...

1 - Hội nghị đã thảo luận và thông qua phương hướng chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 với quan điểm là : Tiếp tục khẳng định bản chất và mô hình tổng thể của thể chế chính trị và bộ máy nhà nước đã được xác định trong Cương lĩnh của Đảng và Hiến pháp năm 1992. Tổ chức bộ máy nhà nước theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện 3 quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Chỉ sửa đổi, bổ sung một số vấn đề thực sự bức xúc, đã có đủ cơ sở, được kiểm nghiệm trong thực tiễn và có sự thống nhất cao. Trọng tâm là sửa đổi, bổ sung một số điều về tổ chức bộ máy nhà nước làm cơ sở cho việc tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước. Đồng thời sửa đổi, bổ sung một số điều thuộc các lĩnh vực khác cho phù hợp với các nội dung mới đã được Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng xác định.

Quán triệt các quan điểm chỉ đạo đó, Hội nghị đã cho ý kiến về phương hướng sửa đổi, bổ sung một số điều trong Hiến pháp về Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và Lời nói đầu.

Digitized by Google

Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị chỉ đạo Đảng đoàn Quốc hội, Ủy ban dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 hoàn chỉnh đề án trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 10 (tháng 11 và 12 năm 2001).

Hội nghị cũng cho ý kiến về phương hướng bầu cử Quốc hội khóa XI, bảo đảm việc chuẩn bị cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI tiến hành dân chủ, đúng pháp luật, an toàn và tiết kiệm, bầu được những đại biểu Quốc hội đủ tiêu chuẩn, với cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới, thay mặt nhân dân quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước, góp phần hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

2 - Hội nghị đã thảo luận, thông qua báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2002, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005.

Hội nghị đã phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và ngân sách nhà nước năm 2001, chỉ rõ thành tựu, yếu kém và nguyên nhân của tình hình. Năm 2001, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, nền kinh tế nước ta phải đương đầu với những khó khăn rất lớn : kinh tế thế giới tiếp tục trì trệ, thị trường xuất khẩu bị thu hẹp ; giá cả nhiều mặt hàng xuất khẩu quan trọng của ta giảm mạnh và liên tục, gần đây giá xuất khẩu dầu thô cũng có những biến động bất lợi ; sau sự kiện 11-9-2001 tại Mỹ, tình hình kinh tế thế giới có những diễn biến phức tạp tác động đến kinh tế nước ta. Bên cạnh đó, thiệt hại do những trận lũ lụt năm trước gây ra còn chưa khắc phục hết, thì năm nay lũ lụt lại tiếp tục xảy ra ở đồng bằng sông Cửu Long và nhiều tỉnh miền Trung làm cho nền kinh tế nước ta thêm khó khăn.

Trong bối cảnh đó, năm 2001 nền kinh tế nước ta vẫn tiếp tục phát triển khá và ổn định ; cơ cấu kinh tế đã có bước chuyển dịch tích cực ; các nguồn lực trong nước được huy động cho đầu tư phát triển tăng khá ; thu ngân sách vượt dự toán và tăng nhiều so với năm trước ; một số lĩnh vực xã hội có tiến bộ ; quốc phòng, an ninh được củng cố, độc lập chủ quyền của đất nước được giữ vững ; vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế được nâng lên. Tuy một số chỉ tiêu chưa đạt mức kế hoạch đề ra, những thành tựu đạt được trong năm 2001 là rất tích cực và đáng khích lệ. Đây là kết quả của sự phấn đấu rất cao của các cấp, các ngành, của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta và kế thừa những thành quả đạt được trong nhiều năm trước đây.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều yếu kém : chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm ; việc khai thác các nguồn lực trong nước còn chưa tương xứng với khả năng và yêu cầu ; nền tài chính còn chưa vững chắc ; lĩnh vực xã hội còn nhiều vấn đề đáng lo ngại.

Hội nghị đã chỉ rõ những mặt hạn chế, yếu kém có nguyên nhân khách quan, nhưng nhấn mạnh nguyên nhân chủ quan, chủ yếu là việc triển khai tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chậm, kém hiệu lực, hiệu quả, công tác tổ chức cán bộ còn nhiều bất cập. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, kể cả cán bộ có chức trách cao yếu kém cả về năng lực và phẩm chất. Cải cách hành chính còn chậm. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng bộ máy nhà nước chưa đáp ứng được đòi hỏi của tình hình.

Phân tích tình hình, bối cảnh quốc tế và trong nước, nêu bật những khó khăn, hạn chế và những thuận lợi khi bước vào kế hoạch năm 2002, Hội nghị chỉ rõ : các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2002 và những năm tới cần quán triệt sâu sắc quan điểm

Digitized by Google

phát huy cao nhất nội lực, đồng thời tranh thủ có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, hạn chế những ảnh hưởng xấu, tận dụng những cơ hội mới để phát triển nhanh và bền vững. Phấn đấu năm 2002 đạt tốc độ tăng trưởng bằng hoặc cao hơn năm 2001 ; tới năm 2005 đạt được các mục tiêu kế hoạch 5 năm do Đại hội IX đề ra. Đồng thời, phải chủ động có các phương án phù hợp để ứng phó kịp thời với những diễn biến phức tạp chưa lường trước được của tình hình.

Cùng với phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng cao, phải nâng cao chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư và sản xuất, cơ cấu lao động theo hướng phát huy lợi thế, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và tính độc lập tự chủ của nền kinh tế trong điều kiện hội nhập kinh tế thế giới ; tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu, đồng thời phải đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường trong nước. Đẩy nhanh việc ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến trong tất cả các ngành và lĩnh vực kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong nông nghiệp và sản xuất hàng xuất khẩu. Thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 3 về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước ; phát huy cao nhất sức mạnh của toàn dân tộc, của các thành phần kinh tế để phát triển đất nước.

Tập trung giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc. Tiếp tục làm tốt công tác xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống của nhân dân, nhất là đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên bị thiên tai, của đồng bào các dân tộc thiểu số ; tập trung chỉ đạo sớm ổn định đời sống của nhân dân vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long và vùng bị bão lũ ở miền Trung. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, các tệ nạn ma túy, mại dâm. Có biện pháp đồng bộ, kiên quyết để giảm tai nạn giao thông và xóa bằng được các băng nhóm phạm tội có tổ chức. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chủ quyền của đất nước trong mọi tình huống.

Đẩy mạnh cải cách hành chính trên tất cả các mặt thể chế, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức và quản lý tài chính công, đặc biệt là tạo ra bước chuyển biến căn bản trong cải cách thủ tục hành chính. Tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), nhất là đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí ; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở ; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, xây dựng các cấp ủy đảng và bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ.

Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị chỉ đạo Ban cán sự đảng Chính phủ hoàn chỉnh các báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2002 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 để trình Quốc hội trong kỳ họp sắp tới.

3 - Về nhiệm vụ tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí, Hội nghị đã dành nhiều thời gian phân tích sâu sắc những kết quả đạt được và những khuyết điểm, thiếu sót chính ; phân tích sâu thêm những nguyên nhân chủ quan dẫn đến những khuyết điểm, thiếu sót về lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện ; đồng thời, dành phần quan trọng trình bày và xem xét quyết định một số chủ trương, biện pháp thiết thực, cụ thể để đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng mà trọng tâm là việc ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí.

Digitized by Google

Từ sau Đại hội lần thứ IX của Đảng đến nay, thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TU ngày 07-6-2001 của Bộ Chính trị, toàn Đảng tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Đợt triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đã góp phần củng cố và nâng cao một bước đáng kể nhận thức tư tưởng chính trị của cán bộ, đảng viên, trước hết của đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành. Nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng được coi trọng hơn. Những biểu hiện suy thoái đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên tiếp tục được cảnh tỉnh, răn đe ; một số nơi các vụ việc tiêu cực có giảm bớt. Các vụ việc nổi cộm, phần lớn liên quan đến tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, trong đó có không ít vụ việc tồn đọng kéo dài nhiều năm được tiếp tục giải quyết. Đoàn kết trong Đảng, trước hết trong cấp ủy, tổ chức đảng có chuyển biến tích cực. Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đổi mới phong cách công tác, lề lối làm việc có tiến bộ.

Tuy nhiên, nhìn chung, cho đến nay cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa tạo được những chuyển biến cơ bản trong công tác xây dựng Đảng, trong việc nâng cao chất lượng của các tổ chức đảng và của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là chưa ngăn chặn và đẩy lùi được nạn tham nhũng, tiêu cực. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa kiên quyết chỉ đạo tập trung giải quyết dứt điểm những vấn đề nổi cộm. Một số vụ án tham nhũng đã phát hiện, xử lý không nghiêm minh hoặc để kéo dài. Tình trạng tham nhũng, lãng phí tồn tại và phát triển trong nhiều lĩnh vực, kể cả lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ pháp luật... Một số chủ trương, biện pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí thực hiện còn nửa vời, mang tính hình thức, thiếu kiểm tra, đôn đốc. Tình hình mất đoàn kết nội bộ ở một số nơi đến nay vẫn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực đến công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Những khuyết điểm, thiếu sót nêu trên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về chủ quan, có những nguyên nhân chủ yếu là :

Sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, trước hết là của Bộ Chính trị chưa kiên quyết và chưa tập trung đúng mức. Một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp chưa tự giác tự phê bình và phê bình, chưa làm gương cho cán bộ, đảng viên trong đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Việc xử lý một số vụ việc nổi cộm chưa nghiêm, vẫn còn vụ việc có biểu hiện "trên nhẹ, dưới nặng". Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa thật sự dựa vào dân, chưa coi trọng tiếp thu ý kiến phê bình của dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Một số chủ trương, biện pháp, quy chế, chính sách nhằm ngăn ngừa, đấu tranh chống tệ tham nhũng, lãng phí quy định chưa hợp lý, chặt chẽ, tính khả thi chưa cao, còn ít hiệu quả. Thiếu sự phân công phối hợp chỉ đạo việc chống tham nhũng một cách có hiệu lực, hiệu quả từ trung ương đến địa phương, ở các ngành, các lĩnh vực, ở mỗi đơn vị.

Để tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Hội nghị xác định cả ba nội dung cơ bản của Nghị quyết đều phải đi sâu, thực hiện có hiệu quả, nhưng hiện nay, chống tham nhũng, lãng phí là vấn đề nóng bỏng, trọng tâm cần tập trung giải quyết.

Cùng với việc thực hiện các giải pháp đồng bộ có tính lâu dài, cơ bản, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương quyết định một số biện pháp cụ thể, trước mắt, nhằm ngăn chặn, đẩy lùi một bước tệ tham nhũng, lãng phí là : tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên ; tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp và cơ chế, chính sách, đẩy mạnh cải cách hành chính ; đưa tự phê bình và phê bình vào nền nếp thường xuyên trong sinh hoạt đảng ; khẩn trương

Digitized by Google

giải quyết, xử lý những vụ việc nổi cộm, bức xúc ; các vụ án liên quan đến cán bộ lãnh đạo, dù cán bộ đó ở cấp nào, đương chức hoặc đã chuyển công tác, đã nghỉ hưu cũng phải được xem xét đầy đủ về trách nhiệm hành chính hoặc hình sự theo đúng Điều lệ Đảng, pháp luật Nhà nước. Các cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không được có các hành vi (bằng bất cứ hình thức nào) can thiệp vào quá trình điều tra, xét xử các vụ án nhằm bao che, để lọt người, lọt tội. Kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh của cán bộ, công chức nhằm mục đích làm rõ ràng, minh bạch về tài sản của cán bộ, công chức ; tạo điều kiện để tổ chức và quần chúng quản lý và giám sát, nhất là giám sát việc hình thành những tài sản mới ; góp phần ngăn ngừa tham nhũng, tiêu cực. Nghiêm cấm việc lấy tiền của Nhà nước, của tập thể biếu, tặng cho cá nhân, tổ chức, trừ trường hợp thực hiện chính sách theo quy định ; cán bộ, công chức không được nhận tiền, quà biếu, tiền thưởng không đúng chính sách, chế độ của các cơ quan, tổ chức kinh tế - xã hội trong mọi trường hợp, kể cả các ngày lễ, tết, đi công tác.

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo pháp lệnh của Quốc hội và quy định của Chính phủ, trước hết, trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, cấp phép, đấu thầu và quản lý dự án ; quản lý, sử dụng đất đai, xây dựng trụ sở làm việc, mua sắm trang thiết bị, phương tiện đi lại, điện thoại ; khi phát hiện sai phạm, cần tổ chức kiểm điểm xử lý nghiêm đối với lãnh đạo cơ quan, đơn vị và người trực tiếp vi phạm. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy định những điều đảng viên không được làm ; công khai những điều đảng viên không được làm cho quần chúng nhân dân biết để giám sát đảng viên thực hiện ; đưa việc kiểm điểm thực hiện Quy định những điều đảng viên không được làm vào sinh hoạt thường kỳ của cấp ủy, tổ chức đảng cơ sở. Xử lý về trách nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý để xảy ra các vụ tiêu cực, tham nhũng lớn trong cơ quan, đơn vị ; bảo vệ và khen thưởng những người tích cực đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng ; động viên, khuyến khích, khoan dung đối với những người tự giác, thành khẩn khai báo và trả lại tài sản khi mắc sai phạm, tích cực khắc phục những hậu quả gây ra. Hoàn thiện Quy chế dân chủ ở cơ sở ; gắn chặt việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Về chỉ đạo tổ chức thực hiện, Hội nghị Trung ương đã chỉ rõ trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân các đồng chí lãnh đạo ở các cấp, các ngành, các đơn vị trong việc thực hiện các giải pháp Trung ương đã đề ra để chống tham nhũng, lãng phí, tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới.

Hội nghị Trung ương còn thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng khác.

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương đã hoàn thành các nội dung trong chương trình đề ra.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, ý thức tự lực tự cường, vượt qua mọi khó khăn thách thức, phấn đấu hoàn thành thắng lợi mục tiêu kế hoạch năm 2002 và kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 do Đại hội IX đề ra ; tạo bước chuyển mạnh mẽ trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí ; xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch vững mạnh, lãnh đạo nhân dân ta đưa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa vững vàng tiến lên phía trước. ❑

Digitized by Google

TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG GẮN LIỀN VỚI CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC, ĐẨY LÙI MỘT BƯỚC TÌNH TRẠNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TỆ NẠN XÃ HỘI

*Bài phát biểu của **Tổng Bí thư NÔNG ĐỨC MẠNH** bế mạc Hội nghị lần thứ tư BCH TƯ Đảng khóa IX*

Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa các đồng chí,

SAU hơn 8 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Hội nghị Trung ương lần thứ tư đã hoàn thành chương trình làm việc. Mỗi nội dung Hội nghị bàn và quyết định lần này là những vấn đề quan trọng nhằm cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành Trung ương. Trên cơ sở các đề án của Bộ Chính trị, các đồng chí Trung ương và đại biểu Hội nghị đã phát biểu sôi nổi, đóng góp nhiều ý kiến, thảo luận thẳng thắn với tinh thần trách nhiệm cao. Bộ Chính trị đã nghiên cứu những ý kiến thảo luận tại Hội nghị và trình bày ý kiến tiếp thụ, có một số vấn đề đã được biểu quyết.

Các quan điểm, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp cơ bản về từng nội dung đã được thể hiện trong Báo cáo tiếp thụ của Bộ Chính trị trước Trung ương và Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét, quyết định. Tôi chỉ phân tích để nhấn mạnh thêm một số vấn đề.

Thưa các đồng chí,

Hiến pháp là đạo luật cơ bản của nhà nước, có giá trị pháp lý cao nhất, làm cơ sở cho việc xây dựng hệ thống luật pháp của mỗi quốc gia. Trong hơn 50 năm qua, kể từ bản Hiến pháp đầu tiên ra đời năm 1946 đến nay, Nhà nước ta đã có 4 bản Hiến pháp (Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992). Ra đời trong những hoàn cảnh khác nhau của từng giai đoạn lịch sử nhưng nội dung cơ bản của các bản Hiến pháp là sự kế thừa và phát triển liên tục trong kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội của nước ta mở đầu từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám. Mỗi bản Hiến pháp đều in đậm dấu ấn chặng đường cách mạng mà đất nước đã trải qua và những thành quả cách mạng mà nhân dân ta đã đạt được. Hiến pháp năm 1992 đã xác định thể chế chính trị của đất nước trong thời kỳ đổi mới, phản ánh những tư tưởng cơ bản của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đang định hướng phát triển đất nước trong gần 10 năm qua đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng ; thế và lực của đất nước tăng nhanh, uy

Digitized by Google

tín của nước ta trên thế giới được nâng cao. Mặc dù còn nhiều khó khăn, thử thách, tình hình đất nước đã có những phát triển mới. Trên cơ sở tổng kết thực tiễn 15 năm đổi mới, Đại hội lần thứ IX của Đảng đã khẳng định thêm những nội dung mới để phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến lên trong thế kỷ mới. Những nội dung mới đó cần được phản ánh vào Hiến pháp để trên cơ sở đó góp phần thể chế hóa nghị quyết của Đảng, đưa nghị quyết Đảng vào cuộc sống.

Xây dựng, sửa đổi, bổ sung một số điều trong Hiến pháp bao giờ cũng là việc trọng đại ; phải trên cơ sở tổng kết thực tiễn sâu sắc và được chỉ đạo chặt chẽ. Do đó, tại Hội nghị Trung ương lần thứ hai, cũng như Hội nghị Trung ương lần này, Bộ Chính trị đã trình bày các quan điểm chỉ đạo việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 và đã được Ban Chấp hành Trung ương tán thành. Đó là :

- Tiếp tục khẳng định bản chất và mô hình tổng thể của thể chế chính trị và bộ máy nhà nước đã được xác định trong Cương lĩnh năm 1991 của Đảng và Hiến pháp năm 1992. Khẳng định bản chất Nhà nước ta là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

- Tổ chức bộ máy theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

- Không đặt vấn đề sửa đổi toàn diện Hiến pháp mà chỉ tập trung sửa đổi, bổ sung những vấn đề bức xúc, đã có đủ cơ sở thực tiễn và đã được thống nhất cao trong xã hội. Trọng tâm là sửa đổi, bổ sung một số điều về tổ chức bộ máy nhà nước làm cơ sở cho việc tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước. Đồng thời sửa đổi, bổ sung một số điều thuộc một số lĩnh vực khác cho phù hợp với những nội dung mới đã được Đại hội lần thứ IX của Đảng xác định để phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp thuộc thẩm quyền của Quốc hội, theo Điều 147 của Hiến pháp. Theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, quyết định của Hội nghị Trung ương là ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam với Quốc hội để Quốc hội xem xét và quyết định theo thủ tục và quy trình pháp lý.

Thưa các đồng chí,

Một nội dung quan trọng mà Trung ương tập trung thảo luận và quyết định tại Hội nghị này là kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch năm 2001 ; xác định phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2002 ; cụ thể hóa phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm (2001 - 2005).

Việc thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2001 có vị trí rất quan trọng vì đó là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, năm đầu của thế kỷ XXI. Bước vào năm kế hoạch, đất nước có những thuận lợi cơ bản từ những kết quả đạt được trong những năm đổi mới và trong kế hoạch 1996 - 2000, đồng thời phải đương đầu với những khó khăn rất lớn, có những khó khăn không lường được trước. Đó là kinh tế thế giới lâm vào trì trệ ; thị trường xuất khẩu bị thu hẹp, giá cả nhiều mặt hàng xuất khẩu của nước ta bị giảm mạnh ; đồng thời sau sự kiện 11-9 ở Mỹ, tình hình thế giới tiếp tục có những biến động, kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến không thuận

Digitized by Google

và phức tạp, ảnh hưởng tới một số lĩnh vực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội của nước ta. Bên cạnh đó, những thiệt hại do những trận lũ lụt năm 2000 gây ra còn chưa khắc phục được nhiều thì lũ lụt ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và Trung Trung Bộ mấy tháng qua đã làm cho tình hình thêm nặng nề, thiệt hại về người và của khá lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng tới đời sống của hàng chục triệu đồng bào. Trong bối cảnh phức tạp đó, tình hình chính trị - xã hội đất nước vẫn tiếp tục ổn định, nền kinh tế vẫn tiếp tục tăng trưởng với tốc độ khá và ổn định ; cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp bước đầu đã có chuyển dịch tích cực, thủy sản phát triển khá, sản xuất công nghiệp và các hoạt động dịch vụ tăng khá ; các nguồn lực trong nước được chú trọng phát huy, việc huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển sôi động hơn và đạt được những kết quả khá tốt ; thu ngân sách vượt kế hoạch, bảo đảm kịp thời các khoản chi, góp phần cơ bản ổn định nền tài chính quốc gia ; một số lĩnh vực văn hóa xã hội có chuyển biến tích cực, nhất là xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm ; quốc phòng, an ninh được củng cố ; trật tự an toàn xã hội cơ bản được duy trì ; các hoạt động đối ngoại được đẩy mạnh, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho phát triển đất nước và làm tăng uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Tuy còn một số chỉ tiêu chưa đạt mức kế hoạch đề ra, nhưng trong bối cảnh khó khăn rất lớn ở cả trong nước và ngoài nước, những kết quả phát triển kinh tế - xã hội đạt được trong năm 2001, trong đó tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức cao hơn năm 2000 là *rất tích cực và đáng khích lệ.*

Nhìn tổng quát bức tranh kinh tế - xã hội năm 2001, chúng ta có thể thấy rõ những cố gắng to lớn của nhân dân, của các cấp, các ngành, những tiến bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội ; rút ra những kinh nghiệm bổ ích cho các năm sau.

Kinh nghiệm chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2001 và trước những biến động của tình hình kinh tế thế giới càng làm cho chúng ta thêm tin tưởng và khẳng định mạnh mẽ sự đúng đắn của đường lối kinh tế - xã hội đã được Đại hội lần thứ IX của Đảng quyết định. Chúng ta ngày càng thấy rõ : sự ổn định chính trị - xã hội, an ninh quốc gia luôn luôn là cơ sở để phát triển kinh tế và đổi mới thành công. Xác định mối quan hệ giữa độc lập tự chủ về kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế, Nghị quyết Đại hội đã khẳng định "độc lập tự chủ về kinh tế tạo cơ sở cho hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả tạo điều kiện cần thiết để xây dựng kinh tế độc lập tự chủ", xác định "nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng, gắn kết với nhau thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước". Tập trung sức phát triển kinh tế, xây dựng đồng bộ nền tảng cho một nước công nghiệp hiện đại, bảo đảm nền kinh tế đủ sức đứng vững và ứng phó được với các tình huống phức tạp, trong điều kiện thực hiện có hiệu quả các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Những tư tưởng đó đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn năm 2001, là những tư tưởng cơ bản cần quán triệt trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2002 và các năm sau. Việc nghiêm chỉnh thực hiện Luật Doanh nghiệp, chỉ đạo tháo gỡ những vướng mắc cho doanh nghiệp, có chính sách kịp thời khuyến khích xuất khẩu, tăng cường phân công, phân cấp hợp lý cho địa phương trong thời gian qua đã đem lại những kết quả rõ rệt, chứng tỏ rằng : nếu nắm vững quan điểm, chủ trương của Đảng, bám sát và đáp ứng yêu cầu của cơ sở, nhanh nhạy và chủ động xử lý các vướng mắc thì chúng ta có thể phát huy mạnh mẽ hơn nữa nguồn nội lực để phát triển đất nước và vững vàng trong mọi tình thế.

Chúng ta vui mừng về những kết quả đạt được, nhưng như nhiều đồng chí đã phân tích

Digitized by Google

tình hình, nhấn mạnh không được chủ quan, thỏa mãn. Kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2001 cần căn cứ vào kết luận của Bộ Chính trị tại Hội nghị Trung ương lần thứ hai và Nghị quyết của Quốc hội kỳ họp thứ 9. Do đó, bên cạnh việc khẳng định những thành tựu đã đạt được cần nghiêm khắc chỉ ra những mặt tồn tại, yếu kém. Tình hình chính trị - xã hội đất nước cơ bản ổn định nhưng vẫn tiềm ẩn những vấn đề phức tạp, nếu xử lý không đúng đắn, khôn khéo có thể gây mất ổn định trong từng khu vực. Tuy mức tăng trưởng kinh tế đạt khá nhưng chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao, biểu hiện ở hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư còn thấp, chi phí gián tiếp còn rất cao ; việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm và còn để xảy ra tự phát ; nhiều vùng nông thôn, nhất là vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiên tai còn gặp nhiều khó khăn ; về mặt văn hóa, xã hội, tuy có một số tiến bộ, nhưng văn hóa đồi trụy tiếp tục phát triển, tệ nạn xã hội có những biểu hiện mới rất nghiêm trọng, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và lập lại trật tự kỷ cương xã hội chưa có chuyển biến đáng kể. Mỗi đồng chí được Đảng phân công phụ trách các ngành và các địa phương cần thấy đầy đủ trách nhiệm của mình trước những tồn tại đó để nghiêm khắc kiểm điểm, kiên quyết khắc phục trong quá trình điều hành thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đất nước.

Đối với chúng ta, cần phát triển nhanh nhịp độ tăng trưởng để đến năm 2010, GDP ít nhất gấp đôi năm 2000, đưa đất nước thoát ra khỏi tình trạng nghèo và kém phát triển. Nhưng phải *luôn luôn coi trọng chất lượng của tăng trưởng để phát triển bền vững*. Chất lượng tăng trưởng phải được biểu hiện ở hiệu quả sản xuất, sức cạnh tranh của sản phẩm, của doanh nghiệp và cả nền kinh tế ; sự ổn định nền kinh tế vĩ mô, sự lành mạnh và bền vững của nền tài chính quốc gia và tài chính doanh nghiệp nhà nước ; ở việc giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc ; thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế động lực, đồng thời quan tâm hơn nữa các vùng có khó khăn, giảm các tệ nạn xã hội. *"Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường"* là quan điểm phát triển hướng tới chất lượng kinh tế - xã hội đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Tư tưởng cơ bản đó cần được quán triệt trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2002 và các năm sau.

Đối với tình hình thế giới, Nghị quyết Đại hội lần thứ IX đã nhận định : "Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra gay gắt", "Trong một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới. Nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp lật đổ, khủng bố còn xảy ra ở nhiều nơi với tính chất phức tạp ngày càng tăng". Sự biến động của tình hình thế giới trong hai tháng qua chứng tỏ nhận định đó là hoàn toàn đúng. Trước những biến động mới, cần theo dõi tình hình chặt chẽ, nắm vững các quan điểm, định hướng của Đảng, nêu cao ý thức tự lực tự cường, phát huy sức mạnh nội lực to lớn của toàn dân tộc, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, nắm vững thời cơ, phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, chủ động xử lý linh hoạt, khôn khéo, kịp thời, đúng đắn những vấn đề mới đặt ra là những việc phải quán triệt trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch năm 2002 và các năm sau, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp chặt chẽ kinh tế với văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng.

Digitized by Google

Thưa các đồng chí.

Trong Di chúc của Bác Hồ, Người dặn lại *"Trước hết nói về Đảng"*. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã khẳng định : "Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng". Chính vì lẽ đó, trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta xác định "kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt".

Nghị quyết Đại hội IX của Đảng nêu rõ : "Trong những năm tới, toàn Đảng tiếp tục thực hiện các Nghị quyết về xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII". Tại Hội nghị này, Bộ Chính trị đã trình Trung ương đề án "Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí" để thực hiện Nghị quyết Đại hội.

Các đồng chí Trung ương đã thảo luận rất sôi nổi nội dung quan trọng này. Bản giải trình tiếp thụ của Bộ Chính trị đã được Trung ương thảo luận và quyết định. Tôi chỉ phân tích thêm một số vấn đề :

1 - Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII được phát động vào dịp Kỷ niệm lần thứ 109 Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiến hành tập trung trong 2 năm. Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII trình Đại hội lần thứ IX là bản báo cáo tổng kết 2 năm thực hiện cuộc vận động trình Đại hội theo quy chế tổ chức Đại hội Đảng các cấp. Đề án của Bộ Chính trị trình Trung ương lần này chủ yếu bổ sung một số diễn biến từ sau Đại hội tới nay, phân tích sâu thêm các nguyên nhân vì sao cuộc vận động chưa đạt yêu cầu, chủ yếu là nguyên nhân chủ quan dẫn tới những khuyết điểm, thiếu sót về lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, dành phần quan trọng để kiến nghị Trung ương xem xét, quyết định một số chủ trương, biện pháp thiết thực, cụ thể nhằm đẩy mạnh cuộc vận động.

Công tác xây dựng Đảng có nhiều mặt, Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) tập trung vào ba nội dung về nhận thức, tư tưởng chính trị, về phẩm chất, đạo đức cách mạng và về vấn đề tổ chức thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ ; cả ba mặt đó đều rất quan trọng trong xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Rút kinh nghiệm 2 năm tiến hành Cuộc vận động, muốn đạt hiệu quả cao phải kiên trì thực hiện toàn diện ba nội dung, nhưng trong từng thời gian cần tập trung sức thực hiện những nhiệm vụ bức xúc. Thực hiện Nghị quyết Đại hội, tại Hội nghị Trung ương lần này chúng ta tập trung bàn vấn đề đẩy mạnh chống tham nhũng, lãng phí, vì đây là vấn đề bức xúc nhất của xã hội, đang làm cản trở việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân, "là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta" như Đại hội đã nhận định. Chính vì vậy, Nghị quyết Đại hội IX đã chỉ rõ phải : "Tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị ở các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở. Gắn chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt chống các hành vi lợi dụng chức quyền để làm giàu bất chính". Do đó, trong tình hình trước mắt, tập trung sức chống tham nhũng, lãng phí là thực hiện tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng.

Các nội dung khác của cuộc vận động đều rất quan trọng sẽ được tập trung thảo luận và quyết định tại Hội nghị Trung ương lần thứ năm. Nội dung nhận thức, tư tưởng chính trị, chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng sẽ gắn với việc thảo luận và quyết định về "công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới" ; nội dung tổ chức, thực hiện

Digitized by Google

nghiêm chỉnh nguyên tắc tập trung dân chủ sẽ gắn với thảo luận và quyết định về "nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở".

2 - Chống tham nhũng, lãng phí là một cuộc đấu tranh lâu dài, quyết liệt, là vấn đề rất hệ trọng liên quan đến chế độ xã hội và sinh mệnh của Đảng. Chính vì lẽ đó, Nghị quyết Đại hội lần thứ IX đã dành hẳn một mục để đề cập, bao gồm một hệ thống các biện pháp từ giáo dục nhận thức, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy chế, quy định đến việc xây dựng một hệ thống giám sát, trước hết của nhân dân đối với cán bộ, công chức ; bảo vệ và khen thưởng những người kiên quyết đấu tranh ; xử lý nghiêm những người sai phạm, xử lý trách nhiệm những người đứng đầu các địa phương, đơn vị để xảy ra tham nhũng gây hậu quả nghiêm trọng ; giải quyết thỏa đáng thu nhập của cán bộ, công chức đi đôi với chống đặc quyền, đặc lợi. Đó là những biện pháp đồng bộ mà Ban Chấp hành Trung ương có trách nhiệm cụ thể hóa, triển khai việc tổ chức thực hiện nghiêm túc.

Cùng với việc thực hiện các giải pháp đồng bộ, Trung ương đã nhất trí đề ra những giải pháp cụ thể, trước mắt để ngăn chặn, đẩy lùi một bước tệ tham nhũng, lãng phí, gắn chống tham nhũng, lãng phí với việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò tham gia có hiệu quả của Mặt trận, các đoàn thể và nhân dân. Đó là giải quyết, xử lý những vụ nổi cộm, bức xúc ; những vụ việc đã rõ cần xử lý nghiêm minh, kiên quyết những người mắc lỗi, phạm tội bất kể họ là ai, không ai được có các hành vi can thiệp vào quá trình điều tra, xét xử các vụ án nhằm bao che, để lọt người, lọt tội ; tiến hành kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh của cán bộ, công chức ; cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện chủ trương này. Đối với những người được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, hoặc được giới thiệu bầu cử vào các chức danh lãnh đạo các cấp phải được báo cáo minh bạch về vấn đề này nhằm làm rõ ràng các tài sản của cán bộ, công chức, tạo điều kiện để các tổ chức và nhân dân giám sát, góp phần ngăn ngừa tham nhũng, tiêu cực ; trừ những trường hợp thực hiện chính sách theo quy định, nghiêm cấm tình trạng lấy tiền nhà nước và tập thể để biếu cho cá nhân ; thực hiện quy định về tiết kiệm, chống phô trương, lãng phí ; chấp hành đầy đủ, nghiêm túc quy định những điều đảng viên không được làm ; kiên quyết xử lý trách nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý để xảy ra các vụ tham nhũng trong cơ quan, địa phương, đơn vị ; bảo vệ người tích cực đấu tranh chống tham nhũng ; đưa việc tự phê bình và phê bình vào nền nếp thường xuyên trong sinh hoạt đảng. Rà soát, bổ sung các quy định pháp luật về chống tham nhũng, lãng phí và kiên quyết chỉ đạo thực hiện.

Phương hướng, nội dung và các giải pháp chống tham nhũng, lãng phí đã được Ban Chấp hành Trung ương nhất trí cao, được thực hiện nghiêm túc, chắc chắn có thể ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng tham nhũng, lãng phí.

Thưa các đồng chí,

Đất nước đang đứng trước thời cơ lớn đồng thời phải đối mặt với thách thức lớn. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giữ vững nguyên tắc, đồng thời nhạy bén, năng động, sáng tạo, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công nắm vững thời cơ, vượt qua thử thách luôn luôn là bản lĩnh của những người lãnh đạo, quản lý, trước hết là của Ban Chấp hành Trung ương để tiếp tục giữ vững ổn định chính trị - xã hội, đưa đất nước tiếp tục tiến lên, thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

Nói đi đôi với làm là phẩm chất của người đảng viên, là một điểm nổi bật trong phong cách lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã được ghi trong Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương mà Hội nghị

Digitized by Google

Trung ương lần thứ ba vừa thông qua. Muốn "nói và làm" có kết quả, mỗi người lãnh đạo và quản lý, trước hết là các đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương, thành viên Chính phủ và Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các đồng chí lãnh đạo các ngành, các đoàn thể, các địa phương phải nêu gương : nêu gương về tinh thần hết lòng vì nhân dân, vì đất nước, nêu gương về cuộc sống cá nhân và gia đình trong sạch, mẫu mực, cũng như nêu gương thực hiện nghiêm chỉnh, có hiệu quả cao các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước ở địa phương, đơn vị mình. Trước mắt, trong dịp tết dương lịch và cổ truyền sắp tới, kiên quyết không dùng tiền của Nhà nước và của tập thể biếu xén, quà cáp cá nhân, xử lý kỷ luật những người vi phạm ; sớm có quy định nhằm giảm đến mức thấp nhất việc hội họp, tổ chức các ngày kỷ niệm thành lập, đón nhận các phần thưởng, danh hiệu, gây lãng phí tiền của của Nhà nước và gây bất bình trong nhân dân ; tiếp tục đổi mới phong cách làm việc, luôn luôn gắn bó với cơ sở, với nhân dân, tổ chức các chuyến đi làm việc gọn gàng, thiết thực, không gây phiền hà cho địa phương, cơ sở và lãng phí của công.

Trong những ngày Trung ương họp, cơn bão số 8 rất mạnh đã tràn vào gây thiệt hại lớn cho một số tỉnh miền Trung và Tây Nguyên, nhất là các tỉnh Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi. Trong quá trình diễn biến cơn bão ngoài Biển Đông, Bộ Chính trị và Thủ tướng Chính phủ đã thường xuyên chỉ đạo các địa phương, đơn vị sẵn sàng phòng chống. Ngay khi bão sắp vào đất liền, Bộ Chính trị đã báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương cử các đồng chí trong Ban phòng chống lụt bão và một số đồng chí đại biểu dự Hội nghị vào ngay vùng bị bão lụt để chỉ đạo tại chỗ việc phòng chống lụt bão. Tại diễn đàn này, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, tôi xin gửi lời thăm hỏi thân thiết và sự cảm thông sâu sắc tới đồng bào vùng bị bão và đồng bào bị lũ lụt ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long ; đánh giá cao tinh thần đoàn kết đùm bọc lẫn nhau của toàn thể đồng bào để vượt qua những khó khăn hoạn nạn ; biểu dương các cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể các địa phương đã quan tâm chăm lo cho đồng bào khi gặp khó khăn ; khen ngợi tinh thần trách nhiệm cao, dũng cảm, tận tụy phục vụ nhân dân của cán bộ các cấp, chiến sĩ quân đội nhân dân, công an nhân dân đã cùng với đồng bào vượt qua bão lũ. Chân thành cảm ơn chính phủ, lãnh đạo các nước, các tổ chức và bè bạn quốc tế đã gửi điện thăm hỏi và giúp đỡ vật chất cho đồng bào vùng bị thiên tai. Cần tiếp tục theo dõi tình hình mưa lớn thường xảy ra sau cơn bão để có phương án phòng chống. Các cơ quan có trách nhiệm ở trung ương cần có kế hoạch và hành động kịp thời giúp địa phương khắc phục hậu quả bão lũ, ổn định đời sống và sản xuất của đồng bào. Tổ chức cứu trợ kịp thời những gia đình bị nạn. Nhưng cần chỉ đạo chặt chẽ, không gây phiền hà cho địa phương, bảo đảm hàng cứu trợ đến tận tay đồng bào bị nạn, tuyệt đối không để xảy ra các tiêu cực.

Thưa các đồng chí,

Với nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, với tinh thần trách nhiệm cao của mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương, của các đồng chí lãnh đạo các địa phương, các ngành, các đoàn thể, chúng ta tin tưởng rằng đất nước sẽ đạt được những thành tựu mới trong việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2002, năm năm (2001 - 2005), tiếp tục thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với cải cách hành chính nhà nước, đẩy lùi một bước tình trạng tham nhũng, lãng phí, tệ nạn xã hội.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương. Chúc các đồng chí sức khỏe và hạnh phúc.

Xin cảm ơn. ❑

Digitized by Google

THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHÁT TRIỂN, TẠO CHUYỂN BIẾN MỚI VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG 5 NĂM MỞ ĐẦU THẾ KỶ

Trích Báo cáo của Chính phủ do Thủ tướng PHAN VĂN KHẢI trình bày tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa X,ngày 20-11-2001

THAY mặt Chính phủ, tôi xin trình bày những nhận định tổng quát và một số chủ trương lớn, mong được các vị đại biểu tập trung thảo luận để ra nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và về nhiệm vụ năm 2002.

VỀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2001 - 2005 VÀ NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2002

I - Mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005

Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 có vị trí rất trọng yếu, tạo tiền đề cho việc thực hiện thắng lợi chiến lược 10 năm 2001 - 2010, một chặng quan trọng trên con đường đi tới mục tiêu xây dựng nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020. Năm năm này cũng là thời gian nước ta phải xúc tiến rất khẩn trương việc chuẩn bị thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

Nghị quyết Đại hội IX đã xác định mục tiêu tổng quát của Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 là : *"Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Tạo chuyển biến mạnh về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát huy nhân tố con người. Tạo nhiều việc làm ; cơ bản xóa đói, giảm số hộ nghèo ; đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia".*

Báo cáo về kế hoạch 5 năm gửi các vị đại biểu Quốc hội đã trình bày các nhiệm vụ chủ yếu và định hướng phát triển của từng ngành, lĩnh vực và vùng lãnh thổ nhằm thực hiện mục tiêu tổng quát nêu trên với những chỉ tiêu phấn đấu như sau :

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm 7,5%.

- Cơ cấu ngành kinh tế trong GDP đến năm 2005 dự kiến :

Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp 20-21% (năm 2000 : 24,3%),

Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng khoảng 38-39% (năm 2000 : 36,6%),

Tỷ trọng các ngành dịch vụ 41-42% (năm 2000 : 39,1%) ;

- Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 14-16%/năm.

- Giảm tỷ lệ sinh bình quân hằng năm 0,05% ; tốc độ tăng dân số vào năm 2005 khoảng 1,2%.

Digitized by Google

- Giải quyết thêm việc làm cho khoảng 7,5 triệu lao động, bình quân 1,4 - 1,5 triệu lao động/năm ; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 30% vào năm 2005.

- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi trung học cơ sở đi học đạt 80% ; trong độ tuổi trung học phổ thông đi học đạt 45% vào năm 2005.

- Cơ bản xóa hộ đói, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 10% (theo chuẩn mới) vào năm 2005.

- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống còn 22-25%, tỷ lệ chết trong trẻ em dưới 1 tuổi xuống còn 3,0% vào năm 2005 ; đáp ứng 40% nhu cầu thuốc chữa bệnh bằng sản xuất trong nước ; nâng tuổi thọ bình quân vào năm 2005 lên 70 tuổi.

- Cung cấp nước sạch cho 60% dân số nông thôn...

II - Mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 2002

Trên cơ sở phân tích tình hình, điều kiện và khả năng, dự báo các cân đối lớn của nền kinh tế, Chính phủ đề nghị xác định ***mục tiêu tổng quát của năm 2002 là :*** *Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, tăng năng lực cạnh tranh ; chuyển dịch cơ cấu sản xuất ; sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, phát triển mạnh khu vực dân doanh, thu hút đầu tư nước ngoài ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ; đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo ; giải quyết có hiệu quả một số vấn đề xã hội bức xúc ; bảo đảm vững chắc an ninh quốc phòng trong mọi tình huống.*

Để thực hiện mục tiêu trên, hướng vào *4 trọng tâm :*

Một là, đẩy mạnh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trước hết là cơ cấu sản xuất và xuất khẩu ; tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, cải cách hệ thống ngân hàng và khu vực doanh nghiệp nhà nước.

Hai là, huy động tối đa mọi nguồn lực trong nước, nhất là nguồn lực của khu vực dân doanh, đồng thời tận dụng lợi thế thu hút đầu tư nước ngoài, tiếp tục thực hiện chính sách kích cầu đầu tư và tiêu dùng, tăng khối lượng và hiệu quả đầu tư toàn xã hội đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế.

Ba là, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ đi đôi với tăng cường thông tin, tiếp thị, mở rộng thị trường, tạo thị trường ổn định cho sản phẩm chủ yếu xuất khẩu, tăng nhanh tổng kim ngạch xuất khẩu.

Bốn là, tạo chuyển biến rõ rệt trong việc nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, phát triển văn hóa, bảo vệ sức khỏe và giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc ; tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm ; củng cố quốc phòng và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Với tinh thần bảo đảm tính hiện thực, phù hợp với thực tế đang diễn biến, đồng thời đề cao ý chí phấn đấu vượt khó khăn và tận dụng thời cơ phát triển, các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội năm 2002 được đề ra như sau :

- Tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 7-7,3%. Giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng 4,2%, công nghiệp tăng 14%, dịch vụ tăng 6,8-7%.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 17,2 tỷ USD, tăng khoảng 10%.

- Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 175 nghìn tỷ đồng, tăng 17% và bằng khoảng 32% GDP.

- Ngân sách nhà nước tăng 7,7% tổng thu ; tăng 8% tổng chi ; bội chi không quá 5% GDP.

- Chỉ số giá tiêu dùng tăng khoảng 3-4%.

- 12 tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở (tăng thêm 4 tỉnh, thành phố so với cuối năm 2001).

- Tạo việc làm cho khoảng 1,4 triệu lao động.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 14-15% (theo chuẩn mới).

Digitized by Google

- Giảm tỷ lệ sinh bình quân trong năm 0,04% ; tốc độ phát triển dân số vào khoảng 1,32%.

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 30%, tỷ lệ chết trong trẻ em dưới một tuổi xuống 3,4%.

Để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu phấn đấu nêu trên, Báo cáo về kế hoạch năm 2002 đã đề ra yêu cầu phát triển từng ngành và lĩnh vực kinh tế, xã hội, đi liền với các biện pháp, nhất là các vấn đề về cơ chế, chính sách nhằm bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu trong các ngành và lĩnh vực đó.

CÁC GIẢI PHÁP LỚN

Báo cáo về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 cũng như Báo cáo về kế hoạch và ngân sách năm 2002 đều chú trọng các giải pháp thực hiện. Tuy mức độ cụ thể hóa có khác nhau, song các giải pháp đó đều nhất quán về nội dung, cùng xuất phát từ chủ trương, chính sách của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội IX và các kỳ hội nghị Trung ương.

Tôi xin trình bày 5 vấn đề lớn, mang tính chất tổng hợp những giải pháp chính đã đề ra trong các báo cáo nêu trên.

I - Đẩy mạnh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Tạo chuyển biến có ý nghĩa cơ bản cả về cơ cấu ngành nghề, cơ cấu kinh tế vùng, cơ cấu thành phần kinh tế là giải pháp quan trọng hàng đầu của kế hoạch 5 năm và phải tiến hành khẩn trương ngay từ năm 2002.

1 - Về cơ cấu ngành kinh tế :

Nông nghiệp và nông thôn phải có bước chuyển mạnh thành một nền nông nghiệp hàng hóa đa dạng, gắn với phát triển công nghiệp chế biến và các ngành nghề phi nông nghiệp, phân công lại lao động ở nông thôn.

Sản xuất nông nghiệp phải chuyển dịch cả về cơ cấu cây trồng, vật nuôi và cơ cấu sản phẩm nhằm đáp ứng cùng một lúc nhiều yêu cầu : phù hợp với nhu cầu thị trường, với điều kiện khí hậu, sinh thái, giảm nhẹ được thiệt hại do thiên tai, tạo ra những sản phẩm có chất lượng, có giá trị kinh tế cao, có lợi thế cạnh tranh ; nhờ đó, đạt được giá trị gia tăng ngày càng lớn trên một đơn vị diện tích (Hiện nay, giá trị gia tăng bình quân trên một héc-ta đất nông nghiệp mới đạt xấp xỉ 1 000 USD, phải nâng lên gấp 2-3 lần vào năm 2005). Đi đôi với việc bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, nền nông nghiệp nước ta có điều kiện bố trí cơ cấu cây trồng đa dạng, linh hoạt, chuyển hướng sản xuất hoặc đổi giống, đổi thời vụ đối với những diện tích cây trồng kém hiệu quả, kể cả một bộ phận đất trồng lúa. Phát triển mạnh một số cây trồng mà nước ta có điều kiện sản xuất có hiệu quả, nhưng hiện nay còn phải dựa vào nhập khẩu khối lượng lớn, như bông, thuốc lá, đậu tương, ngô...

Phát triển chăn nuôi với mức tăng trưởng nhanh hơn trồng trọt, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu, kể cả thịt, sữa, da. Thủy sản là một thế mạnh, có thể tăng trưởng nhanh, nâng đáng kể tỷ trọng trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp và chiếm vị trí quan trọng trong khu vực.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án 5 triệu ha rừng, kết hợp với chương trình trồng cây nguyên liệu làm 1 triệu tấn bột giấy và giấy, mở lối cho miền núi khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội. Chính phủ đã ban hành quy định cụ thể về nghĩa vụ và quyền lợi của các hộ gia đình và cá nhân thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp, bảo đảm cho người làm rừng sống được bằng nghề rừng.

Một biện pháp đẩy nhanh sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp có hiệu quả là kết hợp tính sáng tạo, chủ động vươn lên của kinh tế hộ gia đình với vai trò của các doanh nghiệp tiêu thụ, chế biến nông sản thuộc các thành phần kinh tế (trong đó có vai trò quan trọng của hợp tác xã kiểu mới) làm cầu nối trực tiếp sản xuất nông nghiệp với thị trường bằng hợp đồng đặt hàng và cung ứng, hỗ trợ "đầu vào" cho nông dân, đưa nhanh tiến bộ khoa học - công nghệ vào nông, lâm, ngư nghiệp. Bằng cách đó, những người tham gia quá trình sản xuất, chế biến và

Digitized by Google

tiêu thụ nông sản liên kết với nhau trên cơ sở điều hòa các lợi ích và được Nhà nước hỗ trợ để tạo nên những sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường, có sức cạnh tranh cao về chất lượng và giá cả...

Cơ cấu sản xuất công nghiệp phải được chuyển dịch mạnh hơn theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp chế tạo và chế biến, công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, các ngành có công nghệ cao. Đặc biệt chú trọng phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, nhằm làm tăng giá trị sản phẩm, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, đồng thời cải thiện cơ cấu xuất khẩu, giảm mạnh tỷ trọng xuất khẩu hàng thô không qua chế biến. Các ngành công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu (đặc biệt là dệt may và da giày), công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, viễn thông, công nghiệp cơ khí không chỉ tăng sản lượng mà phải nâng cao phần giá trị tạo ra trong nước trong tổng giá trị sản phẩm.

Thực hiện các dự án phát triển ngành điện, than, khai thác và chế biến dầu, khí, bảo đảm sự phát triển cân đối, an toàn về năng lượng. Tăng nhanh năng lực chế tạo cơ khí, trước hết là cơ khí phục vụ nông, lâm, ngư nghiệp và vận tải. Phát triển có lựa chọn các cơ sở khai thác quặng và luyện kim, hóa chất, phân bón, vật liệu xây dựng. Tích cực đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp quốc phòng.

Sự tăng trưởng nhanh và bền vững của công nghiệp phụ thuộc trước hết vào khả năng tăng sức cạnh tranh trên cơ sở sắp xếp lại sản xuất, đổi mới công nghệ và nâng cao trình độ quản lý. Các bộ quản lý ngành phải cùng với các hiệp hội doanh nghiệp, các tổng công ty có phương án cụ thể đối với từng ngành hàng, phát triển mạnh những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, có biện pháp thích hợp hỗ trợ những doanh nghiệp và sản phẩm đang thua kém các nước xung quanh về chất lượng, giá cả.

Lĩnh vực dịch vụ cần mở rộng các loại hình hoạt động với nhịp độ tăng trưởng cao hơn 5 năm trước, tăng tỷ trọng trong GDP. Phát triển đi đôi với nâng cao chất lượng và giảm giá của các dịch vụ phục vụ sản xuất, lưu thông hàng hóa, như thương mại, vận tải, bưu chính, viễn thông (bao gồm cả In-tơ-nét), khoa học - công nghệ, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, tư vấn pháp luật, môi giới lao động... góp phần thúc đẩy sự phát triển và hạ chi phí đầu vào của các ngành sản xuất. Tận dụng lợi thế mới, đẩy mạnh việc thực hiện chương trình quốc gia về du lịch, tăng nhanh tỷ trọng của ngành này trong GDP và trong cơ cấu lao động, sớm trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Đổi mới cơ chế, phát huy nguồn lực của Nhà nước và xã hội để phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ đáp ứng sự phát triển toàn diện con người, như giáo dục, y tế, văn hóa và thể thao. Mở rộng các dịch vụ phục vụ đời sống công cộng và sinh hoạt gia đình.

2 - Về cơ cấu kinh tế vùng :

Báo cáo về kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 đã trình bày phương hướng phát triển cùng với những công trình trọng điểm cần đầu tư nhằm phát huy lợi thế và chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế của từng địa bàn lớn : vùng trung du và miền núi phía Bắc ; vùng đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ ; vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, trong đó có vùng kinh tế trọng điểm miền Trung ; vùng Tây Nguyên ; vùng Đông Nam Bộ, trong đó có vùng kinh tế trọng điểm phía Nam ; vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Các vùng kinh tế trọng điểm, trong đó có các thành phố lớn, được tiếp tục tạo cơ chế thuận lợi để phát triển nhanh và tăng cường quan hệ liên kết kinh tế với các địa bàn để phát huy vai trò đầu tầu. Nhà nước và xã hội tích cực hỗ trợ cho những vùng khó khăn đặc biệt là vùng núi phía Bắc, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long, thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội gắn với chương trình xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm. Các vùng nông thôn gắn chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp với phát triển mạnh các ngành, nghề công nghiệp, dịch vụ tại làng, xã,

Digitized by Google

phát triển các làng nghề, xây dựng các khu công nghiệp nhỏ, hình thành và phát triển các thị tứ, thị trấn, thị xã, giảm nhẹ áp lực dân nông thôn chuyển về thành phố lớn...

3 - Về cơ cấu thành phần kinh tế :

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa IX), 5 năm tới phải hoàn thành về cơ bản việc sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý các doanh nghiệp nhà nước, tích cực đổi mới công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh. Số lượng doanh nghiệp nhà nước sẽ giảm, nhưng vẫn giữ những vị trí then chốt trong nền kinh tế, tiếp tục tăng tổng sản lượng với hiệu quả kinh tế được nâng cao, góp phần phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế quốc dân.

Nhiệm vụ đó đi liền với việc tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế khác ở trong nước và các công ty nước ngoài đầu tư kinh doanh. Kinh tế hợp tác và hợp tác xã phải có bước phát triển mới nhằm hỗ trợ, bổ sung cho kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, doanh nghiệp nhỏ ; các doanh nghiệp, công ty tư nhân, công ty hỗn hợp sở hữu, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sẽ phát triển đa dạng về loại hình, về ngành nghề, góp phần quan trọng tạo ra của cải, giải quyết việc làm, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế ; thực hiện chính sách mới ban hành về khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Phát triển các hình thức liên kết để bổ sung, hỗ trợ nhau giữa các doanh nghiệp và giữa doanh nghiệp với các làng nghề và kinh tế hộ gia đình.

II - Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh

Trong bối cảnh hiện nay của thế giới và khu vực, sự ổn định chính trị - xã hội của nước ta là một lợi thế cho sự phát triển kinh tế, được quốc tế đánh giá cao. Tuy nhiên lợi thế đó chỉ trở thành hiện thực nếu chúng ta mau chóng cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, khắc phục những điều đang cản trở việc phát huy khả năng đầu tư, kinh doanh của các thành phần kinh tế trong nước, cũng như các doanh nghiệp nước ngoài. Yêu cầu này càng bức xúc khi việc thực hiện các mục tiêu phát triển của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 đòi hỏi vốn đầu tư trong toàn xã hội phải tăng 1,5 lần so với 5 năm trước.

Để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, Nhà nước phải tập trung giải quyết một số vấn đề lớn thuộc chức năng quản lý kinh tế của mình.

1. Xây dựng ***môi trường pháp lý*** rõ ràng, nhất quán, ổn định, được thi hành nghiêm chỉnh để mọi người yên tâm làm ăn theo pháp luật. Đó chính là sự hình thành đồng bộ và vận hành thông suốt thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, một mục tiêu quan trọng của Chiến lược 10 năm 2001 - 2010, mà từ nay đến năm 2005 phải đạt được một bước tiến quan trọng.

Trong việc xây dựng thể chế, thời gian qua chúng ta đã làm được một số việc đáng kể ; tuy nhiên còn nhiều việc phải làm tiếp để đáp ứng yêu cầu của cuộc sống, trước hết là thể chế hóa các chủ trương, chính sách đã được Đại hội IX của Đảng và các kỳ Hội nghị Trung ương đề ra...

2. Trong việc làm lành mạnh môi trường kinh tế vĩ mô, điều cực kỳ quan trọng là thực hiện một ***chính sách tài chính tích cực, linh hoạt và thận trọng, đẩy mạnh cải cách tài chính, tiền tệ,*** tăng dự trữ quốc gia về tài chính, ngoại tệ.

- ***Ngân sách nhà nước*** tiếp tục giữ tỷ lệ động viên ở mức 19-20% GDP, điều chỉnh dần cơ cấu thu cho phù hợp với tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế. Mở rộng diện hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Sửa đổi thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp phù hợp với đặc điểm của nền kinh tế, đề cao tính tự giác và kỷ luật với mọi đối tượng nộp thuế.

Tổng kết từng khâu trong quy chế quản lý ngân sách nhà nước, từ lập và xét duyệt dự toán, trình tự giải ngân, đấu thầu đấu giá, tới khâu quyết toán, kiểm toán, đánh giá hiệu quả chi tiêu công cộng, để có biện pháp chấn chỉnh

Digitized by Google

và đổi mới nhằm nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách nhà nước, khắc phục tình trạng lãng phí, bị lợi dụng tham nhũng. Đề cao trách nhiệm cá nhân trong việc sử dụng ngân sách và quy định rõ biện pháp chế tài bằng kỷ luật hành chính hoặc truy tố và bắt bồi thường thiệt hại đối với những người chi sai chế độ, lãng phí, tham nhũng.

Đổi mới cơ chế bảo đảm kinh phí hoạt động cho khu vực dịch vụ công cộng theo hướng chính thức hóa, công khai hóa việc thu phí từ người hưởng dịch vụ đồng thời có chính sách, biện pháp cụ thể hỗ trợ cho người nghèo được hưởng các dịch vụ cơ bản. Các đơn vị sự nghiệp có thu được giao quyền chủ động và trách nhiệm trong việc sử dụng ngân sách, quản lý biên chế và phải thực hiện quy chế dân chủ, công khai ở cơ sở. Xây dựng quy chế thu hút khu vực dân doanh tham gia đầu tư công cộng và cung ứng một số dịch vụ công.

Sửa đổi, bổ sung Luật Ngân sách nhà nước nhằm phân định rành mạch hơn thẩm quyền và trách nhiệm của từng cấp ngân sách, giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tài chính nhiều hơn cho chính quyền địa phương, nhất là cấp tỉnh, cấp xã, bảo đảm thực quyền của Hội đồng nhân dân trong việc phân bổ ngân sách ở địa phương mình. Ngân sách ở mỗi cấp phải bảo đảm chi thường xuyên, trả nợ, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và thực hiện chính sách trợ giúp đối với một số đối tượng cần thiết. Nhu cầu vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước phải được giải quyết thông qua tín dụng và thị trường vốn.

- ***Chính sách tiền tệ*** linh hoạt được tiếp tục thực hiện với yêu cầu đổi mới và nâng cao tính nhạy bén trong cơ chế điều hành tỷ giá, lãi suất và các đối sách khác để bảo đảm sự ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định giá trị đồng tiền và hạn chế tác động bất lợi của những biến động trên thị trường quốc tế.

Đẩy mạnh việc thực hiện chương trình cải cách mang tính cơ cấu, làm lành mạnh hệ thống ngân hàng đi đôi với đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Mục tiêu cơ bản là xây dựng một hệ thống ngân hàng mạnh về tài chính, giỏi về quản trị, điều hành, hiện đại về công nghệ, thực hiện tốt chức năng huy động vốn nhàn rỗi trong xã hội, đáp ứng tín dụng đầy đủ cho các cơ hội kinh doanh có hiệu quả của mọi doanh nghiệp và dân cư, cung ứng kịp thời và đa dạng các tiện ích ngân hàng.

Yêu cầu cấp bách là xử lý nợ tồn đọng trên cơ sở phân loại và đánh giá chính xác khối lượng nợ, tách việc cho vay chính sách ra khỏi hoạt động thông thường của các ngân hàng thương mại quốc doanh, cơ cấu lại các ngân hàng thương mại cổ phần. Đồng thời, tiếp tục đơn giản hóa thủ tục, hoàn thiện quy chế tín dụng, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh..., vừa tạo điều kiện cho các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, kể cả khu vực dân doanh, được thuận lợi, dễ dàng trong việc tiếp cận các nguồn vốn ; vừa bảo đảm sự an toàn cho các tổ chức tín dụng.

- ***Chính sách kích cầu đầu tư và tiêu dùng*** trong nước được tiếp tục áp dụng trên cơ sở rút kinh nghiệm thời gian qua nhằm nâng cao hiệu quả.

Trong giới hạn cho phép về mức thâm hụt ngân sách và về chỉ số lạm phát, Chính phủ đã trình Quốc hội một chương trình đầu tư công cộng nhằm xúc tiến các công trình trọng điểm quốc gia, đẩy nhanh tiến độ các công trình đang xây dựng, thực hiện các dự án phục vụ cho chuyển dịch cơ cấu sản xuất, phòng chống lũ bão, xóa đói, giảm nghèo, tạo thêm nhiều việc làm và thu nhập cho một phần đáng kể lao động thiếu việc làm ở cả nông thôn và thành thị.

Chính sách tín dụng sẽ linh hoạt hơn cho những dự án sản xuất đáp ứng những nhu cầu mới trong nước và đặc biệt cho xuất khẩu, cho dân cư xây dựng nhà ở. Triển khai bước đầu những chương trình tín dụng "mua hàng trả góp" có sự liên kết giữa ngân hàng, doanh nghiệp và người tiêu dùng để mua nhà ở, sắm đồ dùng lâu bền.

Digitized by Google

III - Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu

Trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 và ngay từ năm 2002, tiến trình thực hiện các cam kết đa phương và song phương về hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là các cam kết trong khuôn khổ hợp tác ASEAN, Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế và trong việc thi hành Hiệp định Thương mại Việt - Mỹ đã tới thời điểm rất khẩn trương. Việc đàm phán gia nhập WTO cũng được xúc tiến tích cực hơn. Chúng ta phải chủ động tranh thủ cơ hội, vượt qua khó khăn và thách thức để phát triển và bảo đảm độc lập tự chủ về kinh tế, hạn chế thua thiệt trong tiến trình hội nhập.

Nhà nước tiếp tục áp dụng chính sách bảo hộ có lựa chọn, có điều kiện và có thời hạn đi đôi với công bố lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu. Chính phủ và các bộ quản lý ngành cùng với các hiệp hội doanh nghiệp, các Tổng công ty nhà nước phải ráo riết thúc đẩy, tạo điều kiện và hỗ trợ các doanh nghiệp chủ động tìm và thực hiện các biện pháp nâng cao sức cạnh tranh theo kịp tiến trình thực hiện các cam kết hội nhập quốc tế đối với từng ngành và lĩnh vực. Chính phủ đã thành lập Ban chỉ đạo công việc này.

Đẩy mạnh xuất khẩu theo hướng đa dạng hóa và đa phương hóa, không quá tập trung vào một số ít mặt hàng, không để từng mặt hàng quá phụ thuộc vào một thị trường ; tăng thị phần trên những thị trường truyền thống, khai thông và mở rộng thị trường mới ; đặc biệt chú ý mở rộng quan hệ thương mại và đầu tư với các nước Đông - Nam Á, với các thị trường có tiềm năng lớn như Trung Quốc, Mỹ, Nga, Nhật, EU... Tăng cường sự phối hợp có hiệu quả giữa cơ quan nhà nước với các hiệp hội và các doanh nghiệp để đẩy mạnh công tác tiếp thị, xâm nhập thị trường. Có cơ chế khuyến khích và tạo thuận lợi cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm cầu nối cho hàng Việt Nam đi vào thị trường nước sở tại. Thực hiện nghiêm túc cơ chế quản lý xuất - nhập khẩu thời kỳ 2001 - 2005. Điều chỉnh sự phân công giữa các Bộ để khắc phục sự tách rời sản xuất và xuất khẩu trong công tác quản lý nhà nước. Mở rộng hoạt động hỗ trợ và bảo lãnh tín dụng xuất khẩu, hỗ trợ về thông tin, lập trung tâm thương mại ở ngoài nước, tham dự triển lãm, hội chợ. Xây dựng cơ chế bảo hiểm hàng xuất khẩu trước những biến động khó lường của giá cả thị trường thế giới, nhất là hàng nông sản xuất khẩu.

Cùng với việc cải thiện môi trường đầu tư, cần chủ động khai thác khả năng và cơ hội mới để thu hút mạnh hơn và nâng cao hiệu quả đầu tư trực tiếp của nước ngoài theo Nghị quyết của Chính phủ mới ban hành tháng 9 năm nay. Tăng mức sử dụng các khu công nghiệp tập trung đã xây dựng ; đổi mới cơ chế khu chế xuất để mở rộng quan hệ trao đổi với thị trường nội địa. Ban hành quy chế cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nếu hội đủ điều kiện, được chuyển thành công ty cổ phần, tham gia thị trường chứng khoán.

Bảo đảm các điều kiện cần thiết, đặc biệt là về cán bộ, chuyên gia, vốn đối ứng và việc giải phóng mặt bằng, để thực hiện có hiệu quả các dự án sử dụng nguồn tài trợ chính thức cho phát triển (ODA) của bên ngoài. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân đối với nguồn ODA đã cam kết và tiếp tục tranh thủ nguồn ODA mới để bổ sung vốn đầu tư thực hiện kế hoạch 5 năm.

Khuyến khích và hỗ trợ cho các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài. Nhà nước tiến hành đàm phán, ký kết các Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, các Hiệp định tránh đánh thuế trùng với các nước để bảo hộ và tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư Việt Nam ở nước ngoài.

Tận dụng lợi thế và cơ hội mới, điều chỉnh đối tác và phương thức thích hợp với tình hình mới, tăng cường tiếp thị, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ để phát triển mạnh *du lịch, đặc biệt là du lịch quốc tế* ; không chỉ tăng lượng khách mà còn chú trọng tăng doanh thu.

Digitized by Google

Đẩy mạnh *xuất khẩu lao động* trên cơ sở nâng cao chất lượng lao động về kỹ thuật, ngoại ngữ và tinh thần kỷ luật ; chấn chỉnh hoạt động dịch vụ về xuất khẩu lao động, nghiêm trị những hành vi lừa đảo. Tăng cường công tác lãnh sự để bảo hộ quyền lợi của người Việt Nam lao động ở nước ngoài, trước hết ở những nước có nhiều lao động xuất khẩu.

IV - Phát triển toàn diện và phát huy yếu tố con người

Để phát huy yếu tố con người trên cơ sở phát triển toàn diện cả trí lực, thể lực và nhân cách, không ngừng cải thiện điều kiện vật chất và tinh thần, phải tiến hành đồng bộ các giải pháp trong nhiều lĩnh vực. Về mỗi lĩnh vực đó, Chính phủ đã có những chương trình hành động đang được thực hiện và Chính phủ đang tiếp tục đổi mới, hoàn thiện các chính sách và giải pháp. Báo cáo này lựa chọn và nhấn mạnh một số điều sau đây :

1 - *Tích cực giải quyết vấn đề việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, xóa đói, giảm nghèo* là một yêu cầu bức xúc, một điều kiện cơ bản để phát triển con người.

Chương trình quốc gia giải quyết việc làm là một chương trình tổng hợp mà mọi ngành, mọi cấp đều phải tập trung nguồn lực và sự chỉ đạo để thực hiện. Thông qua sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, hàng năm phải tạo thêm việc làm cho khoảng 1,4 - 1,5 triệu lao động, thu hút nhiều thanh niên mới ra trường, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị, nâng mức sử dụng thời gian lao động ở nông thôn. Trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, chúng ta sẽ phấn đấu để thực hiện cho được cải cách tiền lương, gắn với chấn chỉnh tổ chức, biên chế của bộ máy nhà nước, quan tâm tới thu nhập của người lao động làm cho tiền lương và thu nhập thật sự thành động lực thúc đẩy tăng hiệu suất công tác và năng suất lao động.

Phát huy kết quả và kinh nghiệm đã thu được để thực hiện tốt hơn nữa chương trình *xóa đói, giảm nghèo.* Nhân rộng các mô hình tốt, việc làm tốt ở một số địa phương đã kết hợp chính sách của Nhà nước với việc huy động các nguồn lực trong xã hội để giúp đỡ các hộ nghèo chuyển hướng sản xuất, có thêm việc làm trong nước và đi lao động ở nước ngoài, được chuyển giao tri thức công nghệ và dễ dàng tiếp cận tín dụng. Cùng với việc tạo nhiều việc làm mới thu hút lao động nghèo vào các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, đô thị thông qua các chương trình đầu tư công cộng, Nhà nước mở rộng nguồn vốn và quy mô phục vụ của Ngân hàng người nghèo và Quỹ quốc gia hỗ trợ giải quyết việc làm, đồng thời hỗ trợ tài chính và cán bộ nghiệp vụ cho những sáng kiến tín dụng của đoàn thể xã hội theo cơ chế tự nguyện, tự kiểm soát. Đi đôi với việc mở mang hơn nữa đường giao thông, đưa điện, điện thoại về các xã nghèo, Nhà nước khuyến khích và có chính sách hỗ trợ tích cực mọi người, mọi doanh nghiệp đầu tư, tiêu thụ hàng hóa cho những vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa. Nhà nước dành nhiều ngân sách hơn nữa và huy động thêm nguồn thu từ tầng lớp thu nhập cao san sẻ cho người nghèo có thêm cơ hội được chăm sóc y tế, giáo dục, cung cấp nước sạch và cải thiện đời sống văn hóa.

2 - *Tiếp tục mở rộng quy mô và đặc biệt coi trọng nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.*

Trước yêu cầu ngày càng lớn của công cuộc phát triển đất nước, phải tiếp tục mở rộng quy mô giáo dục và đào tạo, củng cố vững chắc thành quả xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, triển khai việc phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phát triển trung học phổ thông, mở rộng đào tạo nghề, tiếp tục phát triển giáo dục cao đẳng, đại học và sau đại học. Coi trọng phát triển giáo dục mầm non để tạo nền tảng từ ban đầu. Điều chỉnh hợp lý cơ cấu đào tạo theo ngành nghề và theo trình độ ; tăng nhanh nhịp độ và tỷ trọng đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động. Cùng với giáo dục và đào tạo trong nhà trường, còn phải nuôi dưỡng ý chí và tạo điều kiện cho mọi người ở mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên bằng

Digitized by Google

nhiều hình thức, học qua mạng, học từ xa, tự học, học liên tục và học suốt đời, trở thành những người có tri thức và có năng lực tạo tri thức của đất nước, đi kịp bước tiến rất nhanh của tri thức mới và khoa học, công nghệ trong thời đại ngày nay. Một xã hội học tập cần phải sớm trở thành một thực tế sinh động ở nước ta.

Để nâng cao chất lượng toàn diện, cần phải có nhiều nỗ lực liên tục và bền bỉ đổi mới chương trình, giáo trình, phương pháp dạy và học, bảo đảm đủ kiến thức và kỹ năng cơ bản cần thiết tương ứng với từng cấp học, và quan trọng nhất là phát huy được tư duy sáng tạo, năng lực tự đào tạo của người học, năng lực thực hành, làm chủ và vận dụng kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn sau khi ra trường ; biết tự tìm việc làm, tạo việc làm, vươn lên trong cuộc sống. Coi trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và phẩm chất của nhà giáo. Toàn xã hội và Nhà nước tôn vinh nghề sư phạm, những nhà giáo có năng lực và đạo đức nghề nghiệp.

Nhà trường và ngành giáo dục phải từng bước thực hiện cho được các yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa. Về chuẩn hóa, trước hết phải đạt được chuẩn quốc gia, tiến dần tới đạt chuẩn quốc tế ; có hệ thống kiểm định đánh giá đúng chất lượng. Về hiện đại hóa, phải từng bước tiếp cận trình độ khu vực và thế giới trên cơ sở vận dụng những thành quả mới về giáo dục của thời đại và phát huy những nét đặc sắc của nền giáo dục nước nhà. Về xã hội hóa, phải thật sự thực hiện có hiệu quả chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm, nhân dân có sự đóng góp đích đáng và công bằng chẳng những về tiền, của, mà rất quan trọng là về trí tuệ và công sức để xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng từng nhà trường đến cả nền giáo dục. Từ trong nhà trường đến ngoài xã hội, việc quản lý giáo dục phải có sự tham gia của đông đảo nhà giáo, học sinh, phụ huynh và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhà trường và giáo dục. Phát huy tính tự chủ của nhà trường, trước hết là các trường đại học, trên cơ sở quản lý thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chúng ta cố gắng thực hiện một nền giáo dục công bằng cho mọi người, mọi tầng lớp dân cư, mọi vùng của đất nước, trong đó rất quan tâm chăm lo cho vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc, những người nghèo ; bằng mọi cách thực hiện đổi mới, ngăn chặn và đẩy lùi các tiêu cực trong thi cử, cấp văn bằng, công nhận học hàm, học vị, khắc phục khuynh hướng "chạy theo đồng tiền" đang làm xói mòn những giá trị đích thực của nền giáo dục của chúng ta.

3 - *Phát huy yếu tố khoa học và công nghệ,* tạo chuyển biến rõ rệt trong việc gắn khoa học và công nghệ với sản xuất, kinh doanh, với giáo dục - đào tạo và mọi hoạt động kinh tế, xã hội.

Giải pháp chủ yếu là tạo ra cơ chế làm cho khoa học và công nghệ thật sự thành một yếu tố của thị trường, sản phẩm nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ được tiêu thụ và cạnh tranh trên thị trường, mà người sử dụng trước hết là các doanh nghiệp, các tổ chức dịch vụ và các cơ quan quản lý, thông qua các hợp đồng với tổ chức nghiên cứu khoa học, công nghệ. Việc thiết lập môi trường cạnh tranh bình đẳng, giảm và xóa bỏ sự bao cấp, bảo hộ của Nhà nước cùng với sức ép cạnh tranh gay gắt từ bên ngoài đòi hỏi những nỗ lực vượt bậc trong lĩnh vực đổi mới công nghệ, ngày càng tạo ra nhu cầu nhiều hơn, cao hơn đối với các sản phẩm nghiên cứu, triển khai khoa học và công nghệ. Trước mắt, tập trung vào việc chuyển dịch và cải thiện cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản phẩm, nâng cao chất lượng và hạ giá thành, tăng nhanh các sản phẩm và dịch vụ có nhiều hàm lượng công nghệ, các sản phẩm công nghệ cao.

Nhà nước sẽ xúc tiến nhanh việc đổi mới cơ chế quản lý khoa học - công nghệ và tăng đầu tư cho lĩnh vực này, tập trung trước hết vào một số lĩnh vực công nghệ trọng điểm, như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, đặc biệt là phục vụ nông nghiệp và công nghiệp chế biến ; công nghệ vật liệu mới. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu công nghệ cao hiện nay còn

Digitized by Google

quá chậm, chú trọng tạo ra các khu vực nông nghiệp có công nghệ cao. Việc xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, việc triển khai các chương trình, đề tài cấp nhà nước cần bảo đảm hiệu quả thiết thực.

Các nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn phải tập trung vào các chủ đề mà cuộc sống đang đặt ra, tổng kết thực tiễn để giải đáp những vấn đề cần tiếp tục làm rõ về sự phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Các trường đại học phải gắn kết chặt chẽ với các viện nghiên cứu khoa học, các nhà khoa học phải tham gia giảng dạy, các nhà giáo phải nghiên cứu khoa học tại trường và tại viện. Các trường đại học và các viện nghiên cứu làm trung tâm hướng dẫn kỹ thuật tại các vùng, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, thúc đẩy sự hình thành và phát triển nhanh các khu công nghiệp.

Đổi mới chính sách sử dụng và đãi ngộ để phát huy tiềm năng trí thức trong nước, thu hút đội ngũ chuyên gia đông đảo là người Việt Nam ở nước ngoài về làm việc trong nước dưới nhiều hình thức thích hợp, chuyển giao tri thức mới và tham gia nghiên cứu khoa học và công nghệ.

4 - *Chú trọng phát triển con người về thể lực và thể chất.*

Yêu cầu quan trọng này đòi hỏi phải phát triển và nâng cao chất lượng các hoạt động chăm sóc, bảo vệ sức khỏe và thể dục - thể thao.

Đẩy mạnh việc thực hiện các chương trình quốc gia về bảo vệ sức khỏe, tập trung nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ở tất cả các tuyến, đặc biệt coi trọng tăng cường dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, người cao tuổi, người bị di chứng chiến tranh, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa ; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, tử vong ; phòng, chống có hiệu quả các bệnh xã hội nhất là bệnh AIDS. Tiếp tục xây dựng các trung tâm y tế chuyên sâu và trung tâm y tế vùng, đồng thời củng cố và phát triển mạng lưới y tế cơ sở, nâng cấp các bệnh viện ; tăng cường khả năng sản xuất thuốc và quản lý tốt việc kinh doanh thuốc ; đổi mới chính sách viện phí, mở rộng bảo hiểm y tế, đề cao y đức, ngăn chặn và đẩy lùi tiêu cực.

Vận động toàn dân rèn luyện sức khỏe, noi gương Bác Hồ ngày ngày tập thể dục, thể thao. Tạo ra phong trào hưởng ứng bằng hành động thiết thực và chuẩn bị tích cực, chu đáo cho SEA Games 22 tổ chức tại Việt Nam thành công tốt đẹp.

5 - *Đẩy mạnh các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa - thông tin* hướng vào phát triển con người về nhân cách và tinh thần.

Tiếp tục triển khai sâu rộng cuộc vận động toàn dân xây dựng đời sống văn hóa, tạo cho được nếp sống lành mạnh, có văn hóa trong từng gia đình, từng cộng đồng, trước hết là sống và làm việc theo pháp luật, một tiêu chí của lối sống văn minh mà ngay từ bây giờ, dù còn chưa dư dật vật chất, đã cần và có thể tạo ra được. Đây là công việc của từng tổ dân cư, từng thôn xóm, phường, xã, từng doanh nghiệp, từng đoàn thể nhân dân, từng cơ quan nhà nước. Làm được như vậy, sẽ đẩy lùi được các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, các tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, các tai nạn giao thông ; tạo ra trật tự kỷ cương. Chúng ta cần đặc biệt chú ý làm tốt công việc này đối với thanh niên, lớp trẻ. Ở các vùng nông thôn, vùng còn nhiều khó khăn, cần thực hiện cho được chương trình xây dựng các điểm văn hóa, nhà văn hóa - bưu điện xã, cùng với phát thanh, truyền hình, hình thành và phát triển những thiết chế văn hóa - thông tin ở cơ sở để góp phần nâng cao đời sống văn hóa - tinh thần của nhân dân.

6 - *Đẩy lùi các tệ nạn xã hội, các loại tội phạm và tai nạn giao thông.*

Trong thời gian qua, cuộc đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, các loại tội phạm đã được đẩy mạnh thông qua việc thực hiện Chương trình hành động phòng, chống ma túy

Digitized by Google

giai đoạn 2001 - 2005, các đợt kiểm tra, xử lý các tụ điểm mại dâm, văn hóa đồi trụy, song tình hình vẫn diễn biến hết sức phức tạp và nghiêm trọng. Về tình hình tội phạm, đáng chú ý sự xuất hiện các băng nhóm gây tội ác một cách táo bạo và trắng trợn.

Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực này phải được tiếp tục một cách bền bỉ, kiên quyết hơn nữa để từng bước đẩy lùi các tệ nạn, mau chóng thanh toán loại tội phạm có tổ chức. Mọi bộ phận trong bộ máy bảo vệ pháp luật là lực lượng nòng cốt, phối hợp với các đoàn thể chính trị - xã hội, các trường học bảo đảm cho luật pháp được mọi người, mọi giới, mọi cấp tôn trọng. Cán bộ, đảng viên, công chức vi phạm phải bị xử lý nghiêm. Đồng thời cần gắn cuộc đấu tranh này với cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa trong các gia đình, các cụm dân cư, với các biện pháp giúp đỡ của Nhà nước và xã hội cho người mắc tệ nạn, tạo điều kiện cho họ cai nghiện, hoàn lương, trở lại cuộc sống hội nhập với cộng đồng. Phát triển mạnh các hoạt động văn hóa, nghệ thuật lành mạnh và phong trào rèn luyện thể dục - thể thao là biện pháp tích cực để đẩy lùi các tệ nạn xã hội và văn hóa đồi trụy.

Tình trạng tai nạn giao thông ngày càng nghiêm trọng cần có giải pháp khắc phục đồng bộ, kiên quyết và khẩn trương của toàn xã hội và của Nhà nước. Chính phủ đang chỉ đạo xây dựng phương án giải tỏa ách tắc giao thông ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh bằng nhiều biện pháp như tổ chức lại hệ thống giao thông ở những điểm nút và những đường phố có lưu lượng lớn, điều hòa giờ cao điểm, phát triển mạnh giao thông công cộng, giảm dần việc sử dụng phương tiện cá nhân... Tuy nhiên một nguyên nhân gây ra phần lớn các vụ tai nạn giao thông, khiến cho Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có tỷ lệ tai nạn cao hơn các thành phố lớn ở các nước xung quanh (mặc dù các thành phố này có mật độ xe cộ lớn hơn hai thành phố nước ta), là thói quen coi thường, vi phạm luật lệ giao thông trở thành phổ biến. Tình trạng thiếu tôn trọng luật pháp này là một biểu hiện kém văn hóa trong nếp sống, nhưng dư luận xã hội chưa lên án, phê phán đúng mức, thậm chí coi là bình thường, việc xử phạt cũng không nghiêm. Để thắng được sức ỳ của thói quen, cần huy động sức mạnh tổng hợp của các cơ quan, đoàn thể, tổ chức xã hội và phương tiện thông tin đại chúng tiến hành sâu rộng, bền bỉ công tác giáo dục, hướng dẫn kết hợp với các biện pháp xử phạt đúng mức, tạo thành một dư luận xã hội nghiêm khắc với mọi hành vi trái luật lệ giao thông, kể cả những vi phạm nhỏ. Việc xây dựng nếp sống tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ giao thông phải được đặt thành một chương trình hành động gắn với nội dung chuẩn bị SEA Games và kỷ niệm 1000 năm Thăng Long. Theo tinh thần đó, Chính phủ sẽ chỉ đạo các bộ hữu quan phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và Đoàn Thanh niên, với cơ quan lãnh đạo thủ đô và thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và triển khai thực hiện chương trình này và rất mong được sự ủng hộ, tham gia và giám sát của Quốc hội và các vị đại biểu.

V - Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước .

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội IX và trên cơ sở tổng kết thực tiễn cải cách hành chính trong thời gian qua, Chính phủ đã thông qua Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010 nhằm mục tiêu : *xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc phát triển đất nước ; đến năm 2010, hệ thống hành chính về cơ bản được cải cách phù hợp với yêu cầu quản lý kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Để thực hiện chương trình tổng thể, Chính phủ đề ra 5 nhóm giải pháp chủ yếu, trong đó đặc biệt nhấn mạnh khâu chỉ đạo điều hành,

Digitized by Google

và xác định các chương trình hành động cụ thể triển khai trong hai giai đoạn : từ 2001 đến 2005 và từ 2005 đến 2010. Trước mắt, đi đôi với việc tiếp tục đổi mới thể chế và cải cách thủ tục hành chính như đã trình bày ở phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cần tập trung sức làm tốt mấy loại việc sau đây :

1. Điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Chính phủ, các bộ và chính quyền địa phương cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới, phù hợp với Hiến pháp (sửa đổi), Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi). Chính phủ sẽ chủ động xây dựng phương án điều chỉnh, sửa đổi tổ chức bộ máy của Chính phủ trình Quốc hội khóa mới (khóa XI), nghiên cứu sửa đổi Nghị định về nhiệm vụ và trách nhiệm quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ ; sửa đổi Quy chế làm việc của Chính phủ. Các bộ, các Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, xác định tổ chức và tinh giản biên chế của các cơ quan thuộc cấp mình theo các Quyết định hiện hành của Chính phủ. Phải làm rõ để giải quyết đúng các mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với dân, với doanh nghiệp ; giữa chức năng quản lý hành chính nhà nước với công việc dịch vụ công ; giữa cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương và địa phương ; phân định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân người đứng đầu cơ quan hành chính.

2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo yêu cầu mới, cả về phẩm chất và năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng hành chính là trọng tâm của Chương trình tổng thể về cải cách hành chính. Phải có đội ngũ cán bộ, công chức liêm khiết, có tinh thần trách nhiệm và thạo việc cả về chuyên môn và về quản lý hành chính để bộ máy nhà nước hoạt động tốt, có hiệu lực và hiệu quả, bảo đảm dân chủ và tiến tới hiện đại. Trước mắt, Chính phủ sẽ chỉ đạo đánh giá công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức để trên cơ sở đó đổi mới nội dung chương trình và phương thức đào tạo cho phù hợp với từng đối tượng, kết hợp đào tạo chính quy với các hình thức đào tạo không chính quy, điều chỉnh hệ thống cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở cả trung ương và địa phương ; chú trọng công tác đào tạo cán bộ chính quyền và cán bộ chuyên môn cấp cơ sở.

Quán triệt Nghị quyết mới đây của Hội nghị Trung ương 4 về đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí, cần tiến hành những biện pháp mạnh mẽ để làm trong sạch bộ máy nhà nước.

Nạn tham nhũng, lãng phí có đất nuôi dưỡng là cơ chế xin - cho còn nặng, việc quản lý tài chính công lỏng lẻo, trình tự, thủ tục đầu tư, đấu thầu các dự án từ nguồn tài chính công, công tác thanh tra, giám sát kinh tế còn nhiều điều vừa nhiêu khê vừa dễ lợi dụng. Bên cạnh việc kiên quyết đấu tranh chống hành vi tham nhũng, khẩn trương xử lý những vụ việc nổi cộm, bức xúc, phải tích cực đổi mới thể chế và cải cách thủ tục hành chính, rà soát, chỉnh sửa các văn bản pháp luật, bổ sung các quy chế về quản lý tài chính và chi tiêu ngân sách, xây dựng đề án và chuẩn bị điều kiện cải cách chế độ tiền lương, nhằm loại trừ dần nguyên nhân phát sinh tệ tham nhũng, lãng phí. Ban hành quy chế thực hiện việc kê khai nhà, đất, cơ sở sản xuất kinh doanh trước hết đối với cán bộ lãnh đạo, và tiếp tục mở rộng đối với toàn bộ cán bộ, công chức nhà nước.

3. Phát huy dân chủ tăng cường tính công khai, minh bạch về thể chế, chính sách và hoạt động của bộ máy nhà nước, tạo điều kiện cho dân tham gia có hiệu quả vào việc xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh. Phát huy vai trò tích cực của các cơ quan thông tin đại chúng trong công việc này.

Hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước phải được đo bằng kết quả đáp ứng nhu cầu và lợi ích của nhân dân, trước hết là tạo điều kiện thuận lợi cho sự làm ăn, sinh sống

(Xem tiếp trang 29)

Digitized by Google

ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN - ĐỘNG LỰC CHỦ YẾU ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

PHẠM THẾ DUYỆT *

CÁCH đây đúng 71 năm, ngày 18-11-1930, ngay khi Đảng Cộng sản Đông Dương vừa mới thành lập chưa đầy một năm, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã thông qua một văn kiện lịch sử quan trọng. Đó là bản "Chỉ thị về việc thành lập Hội phản đế đồng minh", hình thức đầu tiên của Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam. Từ đó đến nay, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, các hình thức tổ chức Mặt trận đã lần lượt ra đời, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của từng thời kỳ cách mạng. Đó là : Hội phản đế đồng minh (1930), Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936 - 1938), Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương (1939), Mặt trận Việt Minh (1941), Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (1946), Mặt trận Liên Việt (1951), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1955), Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam (1960), Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình miền Nam Việt Nam (1968), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (từ 1977 đến nay).

Năm tháng sẽ qua đi nhưng lịch sử vẻ vang của Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam vẫn mãi mãi gắn liền với lịch sử quang vinh của Đảng ta, của dân tộc ta. So với lịch sử hàng ngàn năm của dân tộc thì lịch sử 71 năm tồn tại và không ngừng lớn mạnh của Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam chỉ là khoảnh khắc rất ngắn ngủi. Song chính trong thời gian ngắn ngủi ấy, đã diễn ra những sự kiện vô cùng lớn lao, làm thay đổi hẳn bộ mặt và đời sống của đất nước ta, của nhân dân ta. Đó là thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, là chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, là Đại thắng mùa Xuân, thống nhất đất nước năm 1975, là những thành quả rất quan trọng của công cuộc đổi mới đưa đất nước ta thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đưa nhân dân ta vững bước tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa trong lúc chủ nghĩa xã hội ở một số nước trên thế giới lâm vào thoái trào. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam đã có những đóng góp rất to lớn vào sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân, một trong những nhân tố rất quan trọng bảo đảm thắng lợi của cách mạng nước ta, góp phần làm nên những mốc son chói lọi trong lịch sử của dân tộc. Bài học lớn của cách mạng nước ta đã được ghi trong Cương lĩnh năm 1991 của Đảng là không ngừng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam. Bước sang thế kỷ mới, thiên niên kỷ mới, thực hiện Cương lĩnh của Đảng, toàn Đảng, toàn dân

* Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Digitized by Google

ta đang ra sức tăng cường, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh to lớn của toàn dân tộc, tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Kỷ niệm ngày truyền thống của Mặt trận dân tộc thống nhất năm nay vào lúc toàn thể nhân dân ta đang ra sức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Đại hội IX của Đảng đã mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử phát triển của dân tộc ta, giai đoạn đẩy mạnh và tiếp tục phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong vài thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI. Đại hội IX của Đảng coi đại đoàn kết toàn dân là đường lối cơ bản, là động lực chủ yếu và sức mạnh to lớn để thúc đẩy sự phát triển của đất nước, với chủ trương đoàn kết rộng rãi mọi người Việt Nam yêu nước nhằm phát huy sức mạnh to lớn của toàn dân tộc để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, là sự tổng kết quan trọng kinh nghiệm 71 năm Đảng ta lãnh đạo Mặt trận dân tộc thống nhất. Đường lối đó phù hợp với quy luật phát triển của đất nước ta, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của mọi tầng lớp nhân dân ta. Các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các giai cấp, các tôn giáo từ Nam chí Bắc, từ miền ngược đến miền xuôi, cũng như đồng bào ta đang sinh sống ở nước ngoài... đều nhiệt liệt hưởng ứng đường lối do Đại hội IX của Đảng đề ra, ủng hộ đường lối đó bằng các phong trào cách mạng của nhân dân, bằng lời nói và việc làm, đồng thời cũng mong mỏi Đảng, Nhà nước ta sớm cụ thể hóa và tổ chức thực hiện thật tốt Nghị quyết của Đại hội, đưa các nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Trong tình hình đó, cần phải nhận thức đúng đắn, sâu sắc, toàn diện những quan điểm lớn của Đại hội, vận dụng và cụ thể hóa thành những chủ trương, chính sách, biện pháp... nhằm tạo nên sự chuyển động đồng bộ, dấy lên một phong trào hành động cách mạng sôi nổi trong toàn dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại... Làm như vậy, sẽ tiếp tục nâng cao lòng tin của nhân dân đối với đường lối của Đảng, củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và phát huy sức mạnh của toàn dân tộc thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kế thừa và phát huy truyền thống các tổ chức Mặt trận trước đây, nơi tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện đường lối của Đảng. *Thực hiện đại đoàn kết dân tộc - động lực chủ yếu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*, chính là nhằm quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội IX và các nghị quyết ba, bốn của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân là động lực chủ yếu của cách mạng nước ta hiện nay, trên cơ sở đó đẩy mạnh mọi hoạt động thực hiện thắng lợi Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề ra, đưa Nghị quyết Đại hội IX của Đảng vào cuộc sống.

Có thể nêu lên những cụm vấn đề lớn cần được quán triệt, nghiên cứu, cụ thể nhằm thực hiện đại đoàn kết dân tộc - động lực chủ yếu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa :

1 - Những vấn đề chung về phát huy chủ nghĩa yêu nước, xây dựng khối đại đoàn kết

Digitized by Google

toàn dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh, củng cố khối liên minh công - nông - trí, về mối quan hệ giữa đoàn kết và dân chủ, đoàn kết các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài v.v.

2 - Những vấn đề liên quan đến những chủ trương, chính sách lớn quyết định sự phát triển của đất nước và nâng cao đời sống nhân dân, như : chính sách kinh tế nhiều thành phần, hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát triển văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học công nghệ, an ninh, quốc phòng, đối ngoại nhằm phát huy sức mạnh toàn dân tộc, theo đường lối mà Đại hội IX của Đảng đã đề ra.

3 - Những vấn đề xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân trên nền tảng của sự liên minh công, nông, trí dưới sự lãnh đạo của Đảng, củng cố quan hệ Đảng, Nhà nước với nhân dân.

4 - Vấn đề rèn luyện đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, xây dựng con người mới của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đường lối của Đảng nêu ra là rõ ràng, đúng đắn, thể hiện trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân ta, phản ánh nhận thức chủ quan của chúng ta đối với thực tiễn khách quan của đất nước hiện nay và dự báo triển vọng trong tương lai. Song để nhận thức cho đầy đủ và đúng đắn những loại vấn đề trên đây, đòi hỏi không ngừng đi sâu nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để vừa làm sáng tỏ quan điểm, đường lối của Đảng, vừa không ngừng hoàn thiện đường lối.

Trong giai đoạn hiện nay, việc tăng cường củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và phát huy vai trò của Mặt trận dân tộc thống nhất có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là một vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. ❑

THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG...

(Tiếp theo trang 26)

của nhân dân, của các doanh nghiệp, bảo vệ và phát huy quyền dân chủ, quyền làm chủ của dân, đồng thời giữ vững trật tự, kỷ cương theo pháp luật. Trên tinh thần đó, cần hoàn thiện và đưa vào nền nếp việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, đề cao kỷ luật thi hành công vụ trong toàn bộ bộ máy nhà nước, kiên quyết phê phán và xử phạt nghiêm minh những hành động sách nhiễu nhân dân, sách nhiễu doanh nghiệp, thái độ vô trách nhiệm, xử lý oan sai gây thiệt hại cho dân.

Các cấp, các cơ quan hành chính nhà nước phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm và quyền hạn của mình trong việc giải quyết khiếu kiện của dân, tích cực xử lý những vụ tồn đọng từ trước và không để kéo dài những vụ việc mới.

Từ những bài học thành công và kinh nghiệm chưa thành công trong thời gian qua, Chính phủ quyết tâm nâng cao năng lực và hiệu lực chỉ đạo, điều hành, tăng cường sự phối hợp có hiệu quả với các cơ quan Quốc hội, Tòa án, Viện Kiểm soát, với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội để triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đảng, phấn đấu với tinh thần trách nhiệm cao nhất hoàn thành nhiệm vụ trong nhiệm kỳ này và chuẩn bị tiền đề cho hoạt động của Chính phủ nhiệm kỳ sắp tới. Sự ủng hộ và giám sát của Quốc hội và các vị đại biểu đối với công việc của Chính phủ và cơ quan chính quyền các cấp được tăng cường sẽ cổ vũ và thúc đẩy hệ thống hành chính hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Với những nỗ lực đó, chúng ta tin rằng năm 2002 và những năm kế tiếp sẽ đánh dấu bước tiến mới trong sự gắn kết nhân dân với bộ máy nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, tạo thành sức mạnh tổng hợp đưa đất nước vượt qua khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội được Quốc hội thông qua. ❑

Digitized by Google

GIAO THÔNG VẬN TẢI TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2001 - 2010

LÊ NGỌC HOÀN *

TRONG những năm đổi mới, đặc biệt là 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đã đạt được những thành tựu khá nổi bật. Bộ mặt của đất nước, nhất là một số tuyến trục đầu mối giao thông quan trọng ở Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng đã phát triển mang dáng dấp hiện đại.

Với tinh thần chủ động phát huy nội lực, Nhà nước ta đã tăng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách ; đồng thời ngành GTVT cũng đã thực hiện nhiều hình thức huy động vốn như BOT, BT, vay vốn hoàn trả để xây dựng nhiều công trình giao thông quan trọng. Đặc biệt, ngành đã tích cực chuẩn bị các dự án, tranh thủ được nguồn tài trợ ODA, nên đến nay đã và đang thực hiện 60 dự án với hạn mức vốn vay lên tới gần 3,5 tỉ USD. Các công trình được đầu tư tập trung vào các vùng động lực kinh tế, các vùng chiến lược, nhằm nối thông các trục Bắc - Nam, mở đường lên biên giới, đến các cửa khẩu và hải cảng theo đúng định hướng quy hoạch. Công tác quản lý vốn đầu tư và xây dựng được tăng cường, giải ngân kịp thời, bảo đảm tiến độ và chất lượng công trình.

Nhìn lại 5 năm (1996 - 2000) về phát triển giao thông, chúng ta thấy đã xây dựng mới và nâng cấp 5 134 km quốc lộ, làm mới 11,5 km cầu đường bộ, sửa chữa và nâng cấp 200 km đường sắt, khôi phục 2,5 km cầu trên tuyến đường sắt Thống Nhất ; mở rộng và từng bước hiện đại hóa các cảng biển quan trọng là Hải Phòng, Sài Gòn, Đà Nẵng, Cần Thơ, các cảng trên sông Thị Vải, nâng năng lực thông qua hệ thống cảng biển lên 80 triệu T/năm. Nhiều cầu lớn như Yên Bái, Việt Trì, Phú Lương, Lai Vu, Tiên Cựu, cầu Bình, Gianh, sông Hàn, Đăkrông, Hiền Lương, Hoàng Long, Quán Hầu, Lạc Quần và 9 cầu trên đường sắt Thống Nhất được xây dựng. Phần lớn tuyến QL 1, một số đoạn QL 18, đường Láng - Hòa Lạc, QL 51, QL 14, một số dự án ở trung du, miền núi và Tây Nguyên khác đã được hoàn thành. Đặc biệt là ***toàn bộ dự án nâng cấp QL 5*** - công trình mở đầu của sự hợp tác quốc tế sử dụng vốn ODA và cầu ***Mỹ Thuận*** - cây cầu dây văng hiện đại và lớn nhất nước ta được hoàn thành đưa vào sử dụng. Một số công trình ở biển Đông, hải đảo cũng được hoàn thành. Nhiều công trình trọng điểm được khởi công xây dựng như đường Hồ Chí Minh (giai đoạn 1), đường xuyên Á, hầm đường bộ qua đèo Hải Vân, cảng Cái Lân - cảng nước sâu đầu tiên ở vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc...

Năm 2001, chúng ta đã hoàn thành hệ thống cầu vượt nút giao thông Nam Chương Dương ; khánh thành các cầu Sông Phan, Phú Quới, Lộc Hà, Ngân Sơn (QL 1), cầu Sa Đéc (thuộc dự án 2 tuyến đường thủy phía Nam). Hoàn thành cảng Vũng Áng, 5 cầu trên QL 18... Triển khai 2 gói thầu chuẩn bị cho khởi công cầu Thanh Trì và cầu Cần Thơ. Thông xe đoạn tuyến mới Thường Tín - Cầu Giẽ - ***đoạn tuyến cao tốc đầu tiên của nước ta.***

---

* Bộ trưởng, Bí thư Ban cán sự đảng, Bộ GTVT

Digitized by Google

Trên toàn tuyến QL 1, năm 1999 đã hoàn thành cải tạo và nâng cấp (giai đoạn 1) các đoạn Hà Nội - Vinh, TP Hồ Chí Minh - Cần Thơ và TP Hồ Chí Minh - Nha Trang. Đầu năm nay, đã hoàn thành giai đoạn 2 đoạn Hà Nội - Lạng Sơn. Vừa qua đã tổ chức chính thức thông xe đoạn Vinh - Quán Hàu và tới tháng 12-2001 sẽ hoàn tất tới Đông Hà. Hiện nay đang phấn đấu để hoàn thành nâng cấp và cải tạo đoạn Quảng Ngãi - Nha Trang vào đầu năm 2003, chuẩn bị thi công đoạn Cần Thơ - Năm Căn vào đầu năm 2002 và sẽ hoàn thành vào cuối năm 2004.

Trên tuyến đường Hồ Chí Minh (giai đoạn 1) sau hơn một năm triển khai dự án, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhất là về thời tiết, nhưng đã thực hiện được khoảng 70% khối lượng xây dựng cầu và cống, 80% khối lượng đào đắp đất đá nền đường... Bộ đang chỉ đạo các đơn vị hướng tới mục tiêu là cơ bản thông tuyến vào cuối năm nay, tạo đà đẩy mạnh thi công trong mùa khô năm 2002 và phấn đấu hoàn thành giai đoạn 1 (từ Hà Tĩnh đến Kon Tum) vào năm 2003 theo đúng quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Đến nay, nước ta đã có một mạng lưới giao thông với đầy đủ các phương thức vận tải, đó là 200 000 km đường bộ (bao gồm 15 467 km quốc lộ, 16 403 km đường tỉnh, 37 000 km đường giao thông nông thôn...) ; 2 632 km đường sắt ; 8 000 km đường sông ; hơn 90 cảng biển... Nhưng so với các nước trong khu vực và trên thế giới thì hệ thống kết cấu hạ tầng GTVT nước ta quy mô còn nhỏ bé, tiêu chuẩn kỹ thuật thấp, trang thiết bị lạc hậu, năng lực hạn chế. Về vận tải còn nhiều yếu kém : chưa an toàn, tỷ lệ tai nạn còn cao ; việc đi lại đến các vùng sâu, vùng xa và các hải đảo còn trắc trở ; năng suất vận tải thấp, chi phí vận tải trong giá thành sản phẩm còn cao ; vấn đề giao thông đô thị và bảo vệ môi trường chưa được quan tâm đúng mức.

Để phục vụ cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nói chung, kết cấu hạ tầng GTVT nói riêng phải có sự phát triển vượt bậc, với định hướng đúng và bước đi phù hợp.

*

* *

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 được Đại hội IX thông qua đã đề ra ***mục tiêu cụ thể***: "Kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và có bước đi trước. Hệ thống giao thông bảo đảm lưu thông an toàn, thông suốt quanh năm và hiện đại hóa một bước. Mạng lưới giao thông nông thôn được mở rộng và nâng cấp..." (1).

Về định hướng phát triển kết cấu hạ tầng được xác định : Về đường bộ, hoàn thành nâng cấp quốc lộ 1 và xây dựng đường Hồ Chí Minh. Nâng cấp, xây dựng các tuyến quốc lộ khác, chú trọng các tuyến đường biên giới, các tuyến đường vành đai và tuyến đường nối các vùng tới các trung tâm phát triển lớn, các cầu vượt sông lớn, các tuyến nối với các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Công mở rộng. Phát triển, nâng cấp hệ thống giao thông trên từng vùng, kể cả giao thông nông thôn, bảo đảm thông suốt quanh năm. Nâng cấp hệ thống đường sắt hiện có, mở thêm tuyến mới đến các trung tâm kinh tế. Hoàn thiện hệ thống cảng biển quốc gia và mạng lưới các cảng địa phương theo quy hoạch. Phát triển vận tải thủy, tăng năng lực vận tải biển gắn với phát triển công nghiệp đóng và sửa chữa tàu. Hiện đại hóa các sân bay quốc tế, nâng cấp các sân bay nội địa.

Về định hướng phát triển các ngành dịch vụ được xác định : Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hàng hóa, hành khách ngày càng hiện đại, an toàn, có sức cạnh tranh, vươn nhanh ra thị trường khu vực và thế giới. Dành thị phần lớn cho doanh nghiệp trong nước trong vận chuyển hàng hóa Việt Nam theo đường biển và đường hàng không quốc tế. Phát triển mạnh vận tải khách công cộng ở các thành phố lớn.

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 161

Digitized by Google

Thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 được Đại hội IX thông qua, ***ngành GTVT xác định mục tiêu đến năm 2010 là :***

Toàn bộ hệ thống quốc lộ được nối thông vào đúng cấp kỹ thuật, bền vững và được nhựa hóa 100%. Hầu hết các đường tỉnh được nhựa hóa, bảo đảm đi lại thông suốt hai mùa an toàn. Mở rộng các quốc lộ có nhu cầu vận tải lớn và xây dựng một số tuyến đường bộ cao tốc vùng kinh tế trọng điểm và ven đô thị lớn.

Khôi phục, nâng cấp hệ thống đường sắt hiện có một cách bền vững và xây dựng mới một số tuyến đường sắt đạt tiêu chuẩn kỹ thuật quy định.

Mở rộng, nâng cấp hệ thống cảng tổng hợp quốc gia, xây dựng các cảng nước sâu cho tàu trên 40 000dwt ở 3 khu vực kinh tế trọng điểm.

Nâng cấp các tuyến vận tải thủy chủ yếu, hình thành hệ thống cảng sông ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long, bảo đảm phương tiện đi lại 24/24h.

Nâng cấp các sân bay quốc tế ở 3 khu vực đạt tiêu chuẩn cấp I, các sân bay nội địa còn lại đạt cấp II, cấp III, đồng thời xây dựng hệ thống bay dân dụng đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.

Có đường đến tất cả các trung tâm xã, cụm xã, tỷ lệ mặt đường bê tông xi măng và mặt nhựa đạt 50%.

Xây dựng các tuyến vành đai, các nút giao lập thể, các tuyến tránh, các bến bãi đỗ xe trong đô thị, nâng tỷ lệ khách đi bằng phương tiện công cộng lên 15 - 18%. Xây dựng đường sắt trên cao ở thủ đô Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

Về định hướng cụ thể phát triển GTVT giai đoạn 2001 - 2010 :

Miền Bắc .

Tập trung đầu tư nâng cấp các quốc lộ nan quạt từ Hà Nội đi các cửa khẩu quốc tế, các tỉnh, thành phố như QL1, QL2, QL3, QL6, QL32, QL70 ; các đường vành đai biên giới và ven biển bao gồm hệ quốc lộ 4, đường 279, đường 10 và 37 để tạo ra mạng lưới liên hoàn cho cả vùng. Nâng cấp các tuyến đường sắt hiện có, cải tạo phát triển cảng đường thủy nội địa, nâng cấp các cảng sông chuyên dùng như Vạn Yên, Tà Học, Sơn La. Phát triển tuyến hành lang biên giới trên cơ sở phát triển các đô thị gắn với kinh tế cửa khẩu, nâng cấp các đường giao thông tới các vùng biên quan trọng nhằm kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh, quốc phòng.

Tiếp tục xây dựng và nâng cấp các trục giao thông quan trọng nối liền các trung tâm kinh tế thuộc tam giác kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh như QL5, QL10, QL18 ; đường cao tốc Nội Bài - Hạ Long ; xây dựng các cầu lớn Thanh Trì, Bính, Bãi Cháy. Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng ; Yên Viên - Phả Lại - Cái Lân. Nâng cấp, mở rộng cảng Hải Phòng, xây dựng cảng nước sâu Cái Lân. Nâng cấp các tuyến vận tải thủy quan trọng, chỉnh trị sông cho tàu 1000T vào được Hà Nội ; kênh hóa đoạn sông Hồng qua Hà Nội. Từng bước cải thiện hệ thống giao thông công cộng ở Hà Nội, Hải Phòng.

Miền Trung :

Hoàn thành việc xây dựng, nâng cấp 2 trục dọc quan trọng là QL1A và đường Hồ Chí Minh, các quốc lộ ngang nối thông 2 trục dọc, nối các cảng biển của Việt Nam với các nước láng giềng như QL7, QL8, QL9, QL12, QL19, QL24. Xây dựng và nâng cấp theo quy hoạch các cảng biển quan trọng như Nghi Sơn, Cửa Lò, Vũng Áng, Tiên Sa, Liên Chiểu, Chân Mây, Dung Quất, Quy Nhơn, Nha Trang. Nâng cấp đường sắt Thống Nhất, nghiên cứu xây dựng các tuyến nhánh trong mạng đường sắt xuyên Á.

Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường hành lang đông - tây nối các cảng biển Việt Nam với nước bạn Lào, các trục đường ngang nối Tây Nguyên với các cảng biển, các tỉnh duyên hải miền Trung như QL24, QL25, QL26, QL27, QL28.

Nam Bộ :

Tiếp tục đầu tư xây dựng đường cao tốc TP Hồ Chí Minh - Long Thành đi Dầu Giây - Vũng Tàu ; các trục quốc lộ từ TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

đi các cửa khẩu quốc tế, các tỉnh như QL22, QL13, QL20. Nâng cấp cụm cảng Sài Gòn, từng bước xây dựng mới các cảng khu vực Vũng Tàu - Thị Vải. Cải tạo đường sắt đầu mối khu vực TP Hồ Chí Minh và nghiên cứu xây dựng các tuyến đường sắt từ TP Hồ Chí Minh đi Vũng Tàu, Lộc Ninh, Tây Nam Bộ, Tây Nguyên.

Phát huy lợi thế của đường thủy, gắn kết mạng lưới đường bộ với đường thủy trên cơ sở nâng cấp QL1A và các tuyến quốc lộ chủ yếu như QL54, 60, 50, 80, 30, 91, 62, 63..., hình thành mạng lưới quốc lộ về tất cả các tỉnh ly. Xây dựng các tuyến mới N1, N2 nối khu vực Đông Nam Bộ với đồng bằng sông Cửu Long để phá thế độc đạo của QL1A. Nâng cấp các tuyến đường thủy Sài Gòn - Kiên Lương, Sài Gòn - Cà Mau, luồng Định An và các cảng sông chủ yếu trên sông Tiền, sông Hậu.

Xây dựng cầu Cần Thơ và tuyến đường bộ cao tốc TP Hồ Chí Minh - Cần Thơ.

Xây dựng đường giao thông nông thôn, xóa cơ bản "cầu khỉ" đồng thời có các biện pháp bảo vệ công trình giao thông trong mùa lũ.

*

* *

Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 được Đại hội IX thông qua đã xác định hướng phát triển kết cấu hạ tầng : Tập trung nâng cấp và hoàn thiện bước cơ bản các trục đường giao thông trên các tuyến Bắc - Nam (kể cả đường hầm qua đèo Hải Vân), các tuyến từ Hà Nội, TP Hồ Chí Minh đi các khu công nghiệp, các vùng kinh tế quan trọng ; nâng cấp QL 1A, mở thêm tuyến trục song song để giải tỏa ách tắc giao thông, củng cố các tuyến liên tỉnh thuộc đồng bằng Nam Bộ ; nâng cấp các tuyến lên Tây Nguyên, miền núi. Thông tuyến giai đoạn I đường Hồ Chí Minh. Xây dựng các cầu lớn : cầu Thanh Trì, cầu Cần Thơ, cầu Bính, cầu Bãi Cháy. Tiếp tục nâng cấp tuyến đường sắt Thống Nhất, tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Lạng Sơn, bảo đảm an toàn chạy tàu. Hoàn thành cải tạo, nâng cấp, mở rộng hoặc xây dựng mới theo quy hoạch các cảng Cái Lân, Hải Phòng, Nghi Sơn, Cửa Lò, Tiên Sa, Dung Quất, Liên Chiểu, Chân Mây, Quy Nhơn, Nha Trang, Thị Vải, Cần Thơ. Nâng cấp một số tuyến đường sông và hệ thống các cảng sông chính. Hoàn thiện sân bay quốc tế Nội Bài, xây dựng nhà ga sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, nâng cấp các nhà ga tuyến nội địa... Tiếp tục thực hiện chương trình xây dựng đường giao thông nông thôn.

Cũng trong phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 đã đề ra ***về dịch vụ vận tải*** : Nâng cao chất lượng, tăng khối lượng và độ an toàn vận tải khách, hàng hóa trên tất cả các loại hình vận tải ; có các biện pháp tích cực để giải quyết tốt vận tải khách công cộng ở các thành phố lớn Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, phấn đấu để giảm thiểu tai nạn giao thông... Nâng tỷ lệ thị phần vận tải quốc tế bằng hàng không, đường biển... Khối lượng luân chuyển hàng hóa tăng 9 - 10%/năm. Luân chuyển hành khách tăng 5 - 6%/năm.

Thực hiện phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2005 được Đại hội IX thông qua, ***ngành GTVT xác định nhiệm vụ 5 năm tới như sau :***

1 - ***Xây dựng cơ bản .***

Dự kiến tổng mức đầu tư trong kế hoạch 5 năm là 65.500 tỉ đồng, tăng gấp 2,44 lần so với giá trị thực hiện 5 năm 1996 - 2000, trong đó vốn nước ngoài 57%, vốn trong nước 43%.

Về đường bộ, đồng bộ hóa, đưa vào cấp, nhựa hóa 90% mặt đường quốc lộ, 70% mặt đường tỉnh lộ ; 100% trung tâm xã, cụm xã có đường ôtô đến (trừ các huyện đảo).

Hoàn thành cải tạo, xây dựng các trục dọc QL 1A, đường Hồ Chí Minh (giai đoạn I), các QL 4A, 4B, 4C, 4D, QL 34, QL 10, QL 18 (đến Móng Cái) QL 6, QL 12, QL 9, QL 49, tuyến tránh thành phố Huế, các QL 14B,14D, 14E, đường xuyên Á (TP Hồ Chí Minh - Mộc Bài), 29 dự án tín dụng, QL 80 (cầu Mỹ Thuận - Vòm Cống), đường cao tốc TP Hồ Chí Minh - Cần Thơ và TP Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây (giai đoạn I), đường vành đai 3 Hà Nội (giai

Digitized by Google

đoạn I), đường vào khu SEA Games,... Hoàn thành xây dựng các cầu Thanh Trì, Cần Thơ, Bính, Bãi Cháy, Trung Hà, Mây, Tuần, Yên Lệnh, Tuyên Sơn, Tô Châu, hầm đường bộ Hải Vân... Hoàn thiện QL 37, nối thông QL 279, tuyến N2, kiên cố hóa một số đường ngang (nối QL 1 với đường Hồ Chí Minh)...

Về đường sắt, nâng cấp các tuyến chính để tàu khách nhanh tuyến Thống Nhất chạy 30 giờ, Hà Nội - Đồng Đăng 4 giờ, Hà Nội - Lào Cai 6 giờ 30'. Chú trọng đổi mới công nghệ thông tin, tín hiệu. Hoàn thành giai đoạn I chương trình đường ngang. Nghiên cứu điện khí hóa một vài đoạn thí điểm (Hà Nội - Hải Phòng - TP Hồ Chí Minh - Biên Hòa...). Làm mới các nhánh ra cảng Cửa Lò, Cái Lân. Chuẩn bị và khởi công đường sắt trên cao tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh...

Về hàng hải, đầu tư đồng bộ hóa các cảng biển, đặc biệt chú trọng các cảng nước sâu, các bến container. Chuẩn bị và khởi công xây dựng cảng trung chuyển quốc tế. Nghiên cứu cải tạo, chỉnh trị luồng vào cảng Hải Phòng, luồng Định An... Hoàn thành cải tạo cảng Hải Phòng (giai đoạn II) ; hoàn thành cảng Cái Lân (7 bến), cảng Quy Nhơn (tàu 3 vạn tấn), cảng Tiên Sa, sông Hàn, bến cảng Cần Thơ... Khởi công các cảng Chân Mây, Thị Vải... Xây dựng các bến tàu khách tại Hòn Gai, Đà Nẵng, Vũng Tàu...

Về đường thủy nội địa, xây dựng các cụm cảng đầu mối, cảng khu vực và một số bến khách. Kết hợp nạo vét và chỉnh trị để giải quyết luồng, nâng chiều dài tuyến sông trung ương có báo hiệu điện (24/24 giờ) lên 60%. Hoàn thành các dự án : hai tuyến đường thủy phía Nam, tuyến qua tứ giác Long Xuyên, Đồng Tháp Mười...

Đồng thời, nghiên cứu triển khai Tuyên bố Hà Nội của Bộ trưởng Ngoại giao các nước thành viên ASEAN ngày 23-7-2001 về lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng, trong đó có dự án đường sắt Xin-ga-po - Côn Minh và mạng đường bộ ASEAN.

2 - ***Vận tải .***

Nâng cao chất lượng, bảo đảm an toàn vận tải với mức tăng trưởng hàng năm 9 - 10% về hàng hóa, 5 - 6% về hành khách. Phát triển đội tàu viễn dương lên 1,6 - 1,8 triệu DWT, đảm nhận vận tải 25% hàng xuất nhập khẩu. Dự tính khối lượng hàng thông qua cảng biển cả nước năm 2005 khoảng 135 triệu tấn, trong đó cảng Hải Phòng 8,5 triệu tấn, cảng Đà Nẵng 3 triệu tấn, cảng Sài Gòn 9 triệu tấn, cảng Cần Thơ 2,5 triệu tấn... Tăng năng lực và chất lượng vận tải đường sắt để giữ thị phần vận tải quan trọng đối với các hướng có tuyến đường sắt. Củng cố hợp tác xã vận tải, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế kinh doanh khai thác lợi thế vận tải sông và vận tải ôtô.

Xây dựng các văn bản dưới luật để thực hiện Luật giao thông đường bộ từ 1-1-2002. Xây dựng các dự án Luật Giao thông đường sắt, Luật Đường thủy nội địa. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp về bảo đảm ATGT, khắc phục ùn tắc giao thông đô thị theo tinh thần báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa X : *Trong nhiều việc phải làm để củng cố trật tự, kỷ cương xã hội, tạo nếp sống và làm việc theo pháp luật, Chính phủ yêu cầu đặc biệt coi trọng việc chấp hành luật lệ giao thông. Công việc này không chỉ nhằm khắc phục sự ách tắc và tai nạn giao thông đang diễn ra nghiêm trọng, gây tổn hại nặng nề về người và của mà còn đáp ứng yêu cầu sơ đẳng về xây dựng nếp sống văn hóa, kỷ cương trong xã hội...*

*3 - **Công nghiệp, cơ khí chuyên ngành .***

Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ để đóng được tàu có trọng tải đến 3 vạn tấn (đối với doanh nghiệp 100% vốn trong nước) và 7 vạn tấn (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) ; sửa chữa được các loại tàu có trọng tải đến 40 vạn tấn và giàn khoan biển. Năm 2005, năng lực và quy mô sản xuất kinh doanh của công nghiệp đóng tàu tăng gấp 4 lần so với năm 2000, giá trị xuất khẩu đạt 150 triệu USD (gấp ba lần năm 2001).

Sản xuất ôtô khách 24 - 50 chỗ ngồi ; ôtô vận tải dưới 5 tấn, tăng năng lực chế tạo máy xây dựng ; nội địa hóa khoảng 50 - 60% phụ tùng lắp ráp ôtô, xe máy các loại.

Digitized by Google

4 - ***Khoa học - công nghệ .***

Trong xây dựng cơ bản, phải đổi mới công nghệ đồng bộ từ khảo sát thiết kế, thi công, vật liệu mới đến công nghệ quản lý khai thác công trình. Đưa tỷ lệ tự động hóa tính toán, thiết kế công trình giao thông lên 70 - 80%. Làm chủ được các khâu thiết kế và nắm bắt được công nghệ thi công cầu dây văng, hầm đường bộ, công trình ngầm, đường sắt trên cao thông qua chuyển giao công nghệ các dự án lớn. Làm chủ công nghệ khoan cọc nhồi đường kính đến 2,5m và độ sâu khoảng 100m ; hoàn chỉnh công nghệ xử lý nền đất yếu xây dựng đường, tường chắn. Xây dựng 3 phòng thí nghiệm trọng điểm chuyên ngành và 3 nhà máy kết cấu thép phục vụ xây dựng công trình ở 3 vùng (Bắc, Trung, Nam).

Đến năm 2005, toàn bộ các trạm trộn nhựa nóng công suất 120 tấn/giờ trở xuống và các loại máy thi công như lu rung, lu lốp... sẽ được tự thiết kế và chế tạo trong nước.

Sản xuất toàn bộ toa xe hàng, xe khách, kể cả toa xe khách cao cấp đáp ứng được nhu cầu trong nước và hướng tới xuất khẩu. Sản xuất động cơ ôtô mang nhãn hiệu Việt Nam, động cơ xăng cỡ nhỏ công suất đến 500 cc cho xe máy, xuồng...

Ứng dụng và làm chủ công nghệ hiện đại trong tổ chức khai thác vận tải chuyên ngành, vận tải đa phương thức và vận tải liên quốc gia. Nghiên cứu các giải pháp khoa học công nghệ và quản lý điều hành chống ách tắc giao thông ở các thành phố lớn. Ứng dụng công nghệ giao thông thông minh (ITS) cho hệ thống giao thông đường bộ.

Hầu hết các doanh nghiệp trong ngành GTVT có hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế ISO 9000.

5 - ***Một số giải pháp chủ yếu .***

Về vốn đầu tư xây dựng, đối với những công trình có khả năng hoàn vốn toàn bộ hoặc từng phần sẽ chuyển dần từ hình thức ngân sách đầu tư sang các hình thức huy động vốn tư nhân hoặc vốn các doanh nghiệp nhà nước, bao gồm : BOT có Nhà nước tham gia vốn, BOT Nhà nước cho vay tín dụng ưu đãi, doanh nghiệp tự đầu tư và thu phí hoàn vốn, BT trả chậm từ 3 đến 7 năm...

Tăng hình thức đầu tư bằng cho vay tín dụng ưu đãi do địa phương chịu trách nhiệm trả lãi, ngân sách Nhà nước trả chậm vốn gốc từ 5 đến 7 năm, thậm chí đến 10 năm. Đối với một số tỉnh miền núi thực sự khó khăn, ngân sách nhà nước sẽ trả vốn cả gốc và lãi.

Ưu tiên đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông bằng nguồn ODA cho những dự án lớn có tính chất quyết định đối với sự phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội như đường sắt trên cao và đường vành đai ở hai thành phố lớn ; điện khí hóa đường sắt ; xây dựng các đường hầm, các bến cảng container nước sâu... Dự kiến trong 5 năm 2001 - 2005, vốn ODA vẫn chiếm khoảng trên 50% tổng vốn đầu tư phát triển GTVT.

Cùng với đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đi trước một bước, cần chú trọng các lĩnh vực có tính chất mũi nhọn như : công nghệ vận tải biển bao gồm phát triển và trẻ hóa đội tàu, công nghệ bốc xếp, vận tải đa phương thức... Tiếp tục thực hiện chính sách ưu tiên vốn để phát triển công nghiệp đóng tàu biển, sản xuất ôtô chở khách, thực hiện chương trình nội địa hóa ôtô, phát triển vận tải khách công cộng...

Xây dựng và thực hiện chiến lược đào tạo cán bộ, chuyên gia, công nhân GTVT 2001 - 2005 ; kiện toàn hệ thống cơ sở đào tạo chuyên ngành trong đó có Trường đại học GTVT thành phố Hồ Chí Minh ; mở rộng hợp tác quốc tế và tranh thủ các nguồn vốn tài trợ để đầu tư xây dựng các trường và gửi người đi đào tạo ở nước ngoài ; thực hiện gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học với thực tiễn sản xuất...

Để đạt được các mục tiêu nêu trên, cần có các giải pháp, chính sách phù hợp với từng giai đoạn. Trong đó, phát huy lợi thế của từng loại hình vận tải, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn trong nước và nguồn vốn vay của nước ngoài. Đồng thời, quản lý đầu tư xây dựng chặt chẽ bảo đảm hiệu quả đầu tư và chất lượng công trình để phát triển mạnh và đưa GTVT đi trước một bước theo hướng chính quy, hiện đại, an toàn.❑

Digitized by Google

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HIẾN PHÁP NĂM 1992 VỚI VẤN ĐỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VIỆT NAM

LÊ HỒNG SƠN *

VIỆC nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992 đang được tiến hành khẩn trương theo hướng trọng tâm là tổ chức bộ máy nhà nước, đồng thời cũng sửa đổi, bổ sung một số điều khác cho phù hợp với tình hình mới. Một trong những nội dung quan trọng về tổ chức bộ máy nhà nước đã dành được sự quan tâm sâu sắc trong dịp sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 lần này là hiểu và thể chế hóa như thế nào đường lối "Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng" mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã đề ra. Để góp phần vào việc thảo luận, chỉnh lý Dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992, chúng tôi xin nêu một số ý kiến liên quan đến vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và việc thể chế hóa quan điểm này trong Dự thảo sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992.

1. Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là một quan điểm cơ bản, nhiều lần được Đảng ta khẳng định. Điểm qua quan điểm của Đảng về xây dựng nhà nước pháp quyền, có thể thấy đây là chủ trương nhất quán được thể hiện xuyên suốt và ngày càng rõ nét qua các văn kiện của các đại hội, hội nghị Trung ương của Đảng ta.

Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII đã trở thành một mốc quan trọng khi đưa ra chủ trương *"Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân"* và coi đây là một trong 8 nhiệm vụ chủ yếu trong giai đoạn cách mạng mới. Nghị quyết Hội nghị cũng nêu những định hướng rất cơ bản, quan trọng của nhà nước pháp quyền Việt Nam : *"Đó là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, đưa đất nước phát triển theo định hướng XHCN. Nhà nước pháp quyền Việt Nam được xây dựng trên cơ sở tăng cường, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng ta lãnh đạo"*(1).

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng tiếp tục khẳng định chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam trên cơ sở quán triệt các quan điểm cơ bản sau đây : xây dựng nhà nước XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp ; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ ; tăng cường pháp chế XHCN ; xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam ; tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước...

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (khóa VII), Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 3 (khóa VIII) đã cụ thể hóa và làm sâu sắc thêm chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam mà Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII và Đại hội VIII của Đảng đã đề ra.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền

* TS, Bộ Tư pháp

(1) Nghị quyết Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1-1994, tr 56

Digitized by Google

Việt Nam một lần nữa lại được khẳng định : *"Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật"* (2).

Những quan điểm cơ bản của Đảng ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam là sự kế thừa, phát triển tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được Người nêu ra từ đầu những năm 20 của thế kỷ XX. Mặc dù khái niệm nhà nước pháp quyền chưa được chính thức sử dụng, song ý tưởng về xây dựng một kiểu nhà nước như vậy đã từng được đặt nền móng bởi những định hướng cơ bản như : chủ quyền nhân dân, tư tưởng nhân quyền và dân quyền, tư tưởng lập hiến pháp trị, tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam mới mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần nêu ra và thực hiện trong cả sự nghiệp cách mạng của Người (3).

Như vậy Đảng ta đã có một quá trình nghiên cứu, cụ thể hóa và thực thi trên thực tế chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Cho đến nay, quan điểm xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam đã được đúc kết, khái quát hóa trong Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng. Nguyên tắc xây dựng nhà nước pháp quyền do Đại hội IX của Đảng nêu ra vừa thể hiện tính liên tục, kế thừa phát triển của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, vừa thể hiện sự tiếp thu có chọn lọc những thành tựu của thế giới về khoa học tổ chức quyền lực nhà nước và quản lý xã hội được vận dụng một cách thích hợp vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam.

2. Căn cứ vào những quan điểm cơ bản của Đảng cũng như thực tiễn tổ chức và hoạt động của Nhà nước ta, có thể thấy, thể chế hóa chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN của dân, do dân, vì dân là một nhiệm vụ mang tính chiến lược khi sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992. Khi đã nêu vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền là nguyên tắc hiến định thì không đơn thuần chỉ là thêm một vài nội dung ở một vài điều của Hiến pháp.

Do đặc trưng và yêu cầu cụ thể, nguyên tắc xây dựng nhà nước pháp quyền và những nội dung cơ bản của nguyên tắc này cần phải được nêu ra và xử lý đồng bộ khi sửa đổi, bổ sung các chương, điều của Hiến pháp năm 1992. Do không đặt ra nhiệm vụ sửa đổi một cách cơ bản, toàn diện, vậy nên cần phải lựa chọn hợp lý những vấn đề liên quan đến nguyên tắc xây dựng nhà nước pháp quyền thật sự cần thiết, bức xúc, đã có đủ cơ sở và có sự thống nhất cao để sửa đổi bổ sung Hiến pháp lần này.

Theo tinh thần đó, chúng tôi đề nghị xem xét, bổ sung các vấn đề sau đây :

Một là, Theo Dự thảo công bố lấy ý kiến nhân dân, tại điều 2 về bản chất Nhà nước ta đã có 2 phương án được đưa ra. Phương án 1 đề nghị giữ nguyên nội dung của điều này như quy định trong Hiến pháp năm 1992. Phương án 2 đề nghị bổ sung thêm cụm từ "Pháp quyền xã hội chủ nghĩa" vào nội dung của điều này. Chúng tôi cho rằng phương án 2 là hợp lý. Cần khẳng định rằng, Điều 2 Hiến pháp năm 1992 đã nêu rõ bản chất của Nhà nước ta và vấn đề này cần được tiếp tục khẳng định. Tuy nhiên, việc bổ sung cụm từ "Pháp quyền xã hội chủ nghĩa" sẽ thể hiện đầy đủ hơn bản chất Nhà nước ta, đồng thời làm tiền đề, cơ sở cho việc tổ chức quyền lực trong bộ máy nhà nước theo nguyên tắc mà Đảng ta đã đề ra, cũng như tiếp tục khẳng định nguyên tắc pháp chế XHCN, nhà nước quản lý bằng pháp luật. Việc mở rộng phạm vi Điều 2 của Hiến pháp vừa tiếp tục khẳng định bản chất Nhà nước vừa làm rõ hơn nguyên tắc tổ chức, phương thức hoạt động của Nhà nước ta, đó là *"Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức"*.

Hai là, Khi đã nêu nguyên tắc Nhà nước ta là "Nhà nước pháp quyền XHCN" thì cần thiết phải bổ sung thêm vào Chương I (Chế độ chính trị) một nội dung quan trọng liên quan đến phương thức tổ chức quyền lực nhà nước, phân công lao động quyền lực nhà nước. Thực ra nội dung này đã được Nghị quyết Đại hội VIII và Nghị quyết

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 131 -132

(3) Nguyễn Đình Lộc, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr 14 - 15

Digitized by Google

Đại hội IX nêu ra và gắn với nguyên tắc xây dựng nhà nước pháp quyền là *"Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp"*. Cần lưu ý rằng, trong tổng thể các tiêu chí nhà nước pháp quyền mà Đảng ta đã nêu, các tiêu chí như "của dân, do dân, vì dân", "tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân", "nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế XHCN" đều đã được khẳng định trong Hiến pháp năm 1992. Song, riêng tiêu chí tổ chức quyền lực nhà nước ở trung ương - "quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp" là một đặc trưng cơ bản trong phân công quyền lực của Nhà nước ta thì lại chưa được thể chế hóa trong Hiến pháp. Việc bổ sung nội dung này sẽ làm đầy đủ, hoàn thiện hơn nguyên tắc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam và cũng là nguyên tắc cơ bản định hướng cho việc quy định tổ chức hoạt động của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân trong các chương sau của Hiến pháp. Có thể bổ sung nội dung quan trọng này vào Điều 2 hoặc Điều 6 của Hiến pháp năm 1992.

Ba là, Nguyên tắc xây dựng nhà nước pháp quyền, nếu được quán triệt một cách cơ bản, đầy đủ thì liên quan không chỉ đến nội dung của Chương I (Chế độ chính trị) mà còn đến nội dung của các chương khác của Hiến pháp 1992, như Chương II (Chế độ kinh tế) ; Chương III (Chế độ văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ) ; Chương V (Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân). Theo hướng chỉ sửa đổi những vấn đề thực sự cần thiết, bức xúc, cho nên những nội dung của các chương vừa nêu có liên quan đến nguyên tắc xây dựng nhà nước pháp quyền cần được nghiên cứu thấu đáo, đồng bộ, toàn diện hơn để phục vụ cho việc sửa đổi một cách cơ bản, toàn diện Hiến pháp năm 1992 trong những năm tiếp theo.

Cũng liên quan đến nguyên tắc xây dựng nhà nước pháp quyền, nhưng đến các Chương VI (Quốc hội) ; Chương VIII (Chính phủ) ; Chương IX (Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân) ; Chương X (Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân) thì lại cần phải có sự quan tâm, tập trung đầu tư nghiên cứu để đưa ra được những nội dung sửa đổi cơ bản, quan trọng trong dịp này. Chúng ta đã biết, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, Hiến pháp năm 1992 sửa đổi Hiến pháp năm 1980 chủ yếu ở những nội dung về chế độ kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Những nội dung về tổ chức bộ máy nhà nước trong Hiến pháp năm 1992 chỉ được đổi mới một bước theo tinh thần thận trọng, chắc chắn, bảo đảm giữ vững và tăng cường ổn định chính trị vì còn nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn phải được tiếp tục nghiên cứu, tìm tòi, phát triển. Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng, nhiệm vụ tiếp tục xây dựng và hoàn thiện tổ chức, hoạt động của Nhà nước ta thực sự trở lên bức xúc do đòi hỏi của tình hình mới. Có thể nói, nếu sửa đổi, bổ sung Hiến pháp lần này không đẩy mạnh một cách cơ bản tổ chức hoạt động của các cơ quan nhà nước thì Nhà nước ta sẽ không phát huy được đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả vai trò trụ cột, công cụ chủ yếu trong hệ thống chính trị, không phát huy đầy đủ nhiệm vụ thúc đẩy, mở đường cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong tình hình mới.

Theo tinh thần đó, cần tiếp tục khẳng định vị trí, tính chất, chức năng của Quốc hội như đã được quy định tại Điều 83 của Hiến pháp năm 1992. Về nhiệm vụ quyền hạn của Quốc hội, bên cạnh những nội dung đã được bổ sung, chúng tôi cho rằng cần cụ thể hóa thêm một số nội dung liên quan đến các chức năng cơ bản của Quốc hội, nhất là những nhiệm vụ quyền hạn liên quan đến chức năng giám sát tối cao của Quốc hội (khi mà chúng ta không có cơ chế bảo hiến độc lập) theo hướng xác định rõ phạm vi, phương thức, cơ chế tổ chức thực hiện quyền này. Riêng quyền quyết định nhân sự cấp cao của Nhà nước, chúng tôi cho rằng, trong điều kiện hiện nay, cần bảo đảm để Quốc hội thực hiện, không nên giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bởi vì khoảng thời gian giữa 2 kỳ họp Quốc hội hiện đã được rút ngắn (trong khi đó, chúng ta lại còn có cơ chế nhân sự của Đảng xem xét qua nhiều cơ quan, cần có nhiều thời gian).

Về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, để bảo đảm cho Chính phủ thực hiện tốt chức năng là

Digitized by Google

cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, cần thiết phải bổ sung thêm một số nhiệm vụ, quyền hạn như xây dựng thể chế chính sách quản lý vĩ mô đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, trình Quốc hội quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền, đồng thời thể hiện rõ hơn mối quan hệ phối hợp với các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, quyền tư pháp cũng như thực hiện chức năng là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất trong hệ thống hành chính của Nhà nước ta.

Trong phạm vi chính phủ, cần bổ sung thêm một số quy định làm rõ hơn vai trò của tập thể chính phủ, cá nhân Thủ tướng, các thành viên khác của Chính phủ. Với tư cách là người đứng đầu, lãnh đạo công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cần được giao quyền quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ quyền hạn của Chính phủ sau khi tham khảo ý kiến các thành viên Chính phủ trừ các vấn đề phải đưa ra Chính phủ thảo luận tập thể và quyết định theo đa số. Cần quy định rõ hơn thẩm quyền quản lý hành chính (bao gồm cả việc quyết định một số hình thức kỷ luật hành chính) của Thủ tướng đối với các thành viên khác của Chính phủ, người đứng đầu cơ quan hành chính ở địa phương. Trong quan hệ phối hợp với người đứng đầu cơ quan tư pháp, cần giao cho Thủ tướng Chính phủ quyền phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật ; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, lợi ích của nhà nước và xã hội.

Về Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân : Điều 118 của Hiến pháp năm 1992 chỉ mới phân chia các đơn vị hành chính theo trục dọc (tỉnh, huyện, xã) mà chưa có quy định thích hợp việc phân chia các đơn vị hành chính theo chiều ngang (theo đặc trưng của địa bàn đô thị, nông thôn). Chúng tôi cho rằng cần chỉnh lý Điều 118 một cách đầy đủ hơn, làm cơ sở cho việc thành lập HĐND, UBND không chỉ theo tiêu chí dọc (tỉnh, huyện, xã) mà còn theo tiêu chí ngang (đô thị, nông thôn). Theo tinh thần đó, HĐND, UBND được tổ chức ở địa bàn đô thị có khác với địa bàn nông thôn. Ở đô thị, có thể và cần tổ chức chính quyền hai cấp mà không cần dàn trải ra cả ba cấp như ở nông thôn. Trên địa bàn nông thôn, cũng cần nghiên cứu hướng tổ chức chính quyền không hoàn chỉnh ở cấp trung gian. Đồng thời với những nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên ở các cấp hành chính, trên thực tế đang có sự tồn tại của làng, bản, thôn, ấp như một cộng đồng tự quản trên địa bàn dân cư. Nhiều quan hệ xã hội, chủ trương chính sách đang được tổ chức thực hiện ở trên địa bàn này. Tính độc lập, tự quản cũng như vai trò của làng, bản, thôn, ấp càng thể hiện rất rõ nét ở nông thôn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Có lẽ, đã đến lúc cần phải có quy định thích hợp khẳng định vị trí vai trò của làng, bản, thôn, ấp trong Hiến pháp Việt Nam.

Bốn là, Một tiêu chí rất quan trọng của nhà nước pháp quyền được thừa nhận rộng rãi là khẳng định vai trò quan trọng của pháp luật trong quản lý xã hội. Trong hệ thống pháp luật, vai trò của các đạo luật được coi trọng khi điều chỉnh các quan hệ xã hội. Yêu cầu của nhà nước pháp quyền là nhà nước phải ban hành đủ các đạo luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản trong quốc gia đó. Mặt khác, cần phải có một hệ thống luật pháp hoàn thiện, đồng bộ, rõ ràng, minh bạch để quản lý xã hội. Như vậy, việc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp lần này phải quy định đầy đủ, rõ ràng hơn khi những vấn đề cần phải do luật định, kèm theo đó là cơ chế cụ thể để Quốc hội có điều kiện ban hành nhanh chóng các đạo luật phục vụ cho quản lý tất cả các mặt, các lĩnh vực của đời sống xã hội. Một vấn đề khác cũng quan trọng không kém để đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền là đã đến lúc cần phải đặt ra nhiệm vụ đơn giản hóa hệ thống pháp luật ngay từ Hiến pháp, cụ thể là cần xác định một hệ thống có ít văn bản quy phạm pháp luật hơn theo hướng hạn chế bớt cơ quan có thẩm quyền cũng như loại văn bản quy phạm pháp luật mà mỗi cơ quan được ban hành. Đồng thời bảo đảm đầy đủ quyền ban hành các văn bản áp dụng pháp luật của các cơ quan, các cá nhân có thẩm quyền quản lý nhà nước. Việc đơn giản, minh bạch hóa hệ thống pháp luật ngay trong Hiến pháp theo hướng nêu trên sẽ tạo điều kiện cho việc xây dựng một hệ thống pháp luật của nhà nước pháp quyền Việt Nam thống nhất, đồng bộ, loại trừ tối đa tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo hiện nay của các văn bản pháp luật. ❑

Digitized by Google

VẤN ĐỀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG MÔ HÌNH TỔNG THỂ BỘ MÁY NHÀ NƯỚC TA

ĐÀO TRÍ ÚC *

1 - Thực chất của nhà nước pháp quyền là gì ?

Khi nói đến nhà nước pháp quyền là nói đến phương thức dân chủ của tổ chức quyền lực nhà nước ở đó, pháp luật là cơ sở cho việc tổ chức tốt quyền lực nhà nước.

Nhà nước ta là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Để Nhà nước giữ được vai trò đó, Đảng ta xác định tiếp tục đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được Đảng ta coi là một trong những biện pháp để đạt được mục tiêu đó (1).

Vậy nhà nước pháp quyền trong tổng thể cần được hiểu như thế nào cho đúng ?

Chúng ta đều biết rằng, ra đời trong thời kỳ các cuộc cách mạng tư sản, các học thuyết pháp quyền tư sản đều xuất phát từ nhu cầu muốn phá bỏ cách cai trị phong kiến hà khắc và độc đoán, thiết lập một phương thức biểu thị quyền lực chính trị và quyền lực nhà nước dân chủ hơn chế độ chính trị phong kiến. Với thắng lợi của các cuộc cách mạng tư sản và thiết lập ở các nước phương Tây chế độ nhà nước tư sản, học thuyết nhà nước pháp quyền đã được áp dụng vào việc tổ chức thực thi quyền lực trên thực tế. Tuy nhiên, do nền chính trị ở mỗi nước khác nhau, sự đối sánh giai cấp, truyền thống và đặc điểm dân tộc khác nhau trong từng thời kỳ lịch sử đã dẫn đến những khác nhau về cách tổ chức quyền lực nhà nước. Nhưng, trên những nét chính và ở những mức độ nhất định, những yếu tố hợp thành chế độ pháp quyền được vận dụng tương đối nhất quán.

Như vậy, bản thân sự ra đời và sự hiện diện trên thực tế của chế độ pháp quyền đã cho thấy đây chỉ là mô thức tổ chức giúp cho việc thực hiện những mục tiêu mang tính bản chất của mỗi chế độ chính trị. Nhà nước pháp quyền chính nó không phải là bản chất của bất kỳ một nhà nước nào.

Đối với chúng ta, nói xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nói tới một phương thức tổ chức nền chính trị xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa mà mục đích là không ngừng duy trì bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân của Nhà nước, phát huy cao độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, làm cho Nhà nước thật sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý và điều hành.

Mô thức tổng quát nhất của nhà nước pháp quyền bao gồm trong đó những đòi hỏi nhất định về tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước. Đó là :

a) Yêu cầu về tính pháp quyền của bản thân các thiết chế nhà nước. Nói khác đi, nhà nước pháp quyền là chế độ cai trị mà ở đó quyền lực được ghi nhận bởi Hiến pháp và pháp luật, khẳng định đó là quyền lực xuất phát từ nhân dân. Vì

* PGS, TSKH, Viện trưởng Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, Trung tâm khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia

(1) Xem : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 231 - 232

Digitized by Google

vậy, đòi hỏi này đồng nghĩa với yêu cầu về tính tối cao của các cơ quan đại diện cho nhân dân đối với tất cả các thiết chế khác của Nhà nước.

b) Yêu cầu về tính tối thượng của pháp luật. Pháp luật không chỉ ghi nhận vị trí, giới hạn thẩm quyền của các cơ quan nhà nước mà còn có hiệu lực ràng buộc các cơ quan đó phải hoạt động trong khuôn khổ và trên cơ sở các thẩm quyền luật định. Vượt ra khỏi ranh giới thẩm quyền đó là đồng nghĩa với sự vi phạm thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức khác và có khả năng dẫn đến vi phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

c) Yêu cầu về mối liên hệ dân chủ giữa các cơ quan nhà nước với cá nhân, giữa Nhà nước với các thiết chế tự quản và xã hội dân sự. Mối liên hệ đó phải phản ánh quyền tự do trên nguyên tắc "có thể làm tất cả những gì luật không cấm".

d) Yêu cầu về tổ chức quyền lực nhà nước khoa học và dân chủ trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật thể hiện ở nguyên tắc phân công quyền lực giữa các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp ; giữa các cấp trung ương với địa phương.

đ) Yêu cầu về sự độc lập và bảo đảm công lý của Tòa án và các cơ quan tư pháp.

e) Yêu cầu về tính dân chủ và minh bạch của pháp luật cũng như tính hệ thống thứ bậc hiệu lực chặt chẽ của các văn bản pháp luật.

Với những đòi hỏi như vậy, chế độ nhà nước pháp quyền được thực tiễn lịch sử chấp nhận như cách cai trị ưu việt bên cạnh những phương thức thực thi quyền lực khác như chính sách (kinh tế, xã hội, giáo dục, khoa học - kỹ thuật v.v...), đạo đức (đức trị), nhân tố con người (nhân trị), tôn giáo v.v..

2. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta - những nội dung chính và triển vọng

Báo cáo Chính trị tại Đại hội lần thứ IX của Đảng nêu rõ nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng. Như vậy, chế độ nhà nước pháp quyền, đối với chúng ta, là con đường để đạt được các mục tiêu và yêu cầu của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta vận dụng nhà nước pháp quyền như một mô thức lấy hình thức (phương thức) phục vụ các mục đích mang tính nguyên tắc và bản chất là xuất phát trước hết từ chính những nhu cầu bức xúc của thực tiễn quản lý xã hội, quản lý kinh tế và quản lý nhà nước của đất nước ta, có tham khảo kinh nghiệm quốc tế và tiếp thu những giá trị lịch sử của nhân loại. Xây dựng chế độ nhà nước pháp quyền là nhằm phục vụ và phù hợp với việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm công bằng xã hội, phát huy dân chủ, tăng cường trật tự kỷ cương và pháp chế, hội nhập và hợp tác kinh tế quốc tế.

Căn cứ vào những đặc tính chủ yếu và được chấp nhận chung của chế độ nhà nước pháp quyền, từ những đòi hỏi của việc tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước hiện nay ở nước ta, có thể xác định những nội dung cơ bản của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta như sau :

a) Xây dựng cho được hệ thống các bảo đảm về tổ chức và pháp lý nhằm phát huy hơn nữa năng lực đại diện của các cơ quan đại diện (Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp).

Hiến pháp và các đạo luật về tổ chức Quốc hội, tổ chức HĐND đã quy định các hình thức tổ chức như các kỳ họp, các hội đồng và ủy ban (ban). Ngoài việc cần tiếp tục làm cho các kỳ họp và các tổ chức hoạt động có hiệu quả, cần phải có những hình thức tổ chức thích hợp để phát huy quyền đại diện và trách nhiệm đại diện của các đại biểu trước cử tri của mình, tạo ra những điều kiện cần thiết cho việc các vị đại biểu thực thi có hiệu quả trách nhiệm của mình tại các đơn vị bầu cử. Chúng tôi cho rằng, làm tốt những việc đó, về cơ bản chúng ta sẽ khắc phục được tình trạng sinh hoạt hình thức và hiện trạng "thiếu thực quyền" của các cơ quan dân cử.

b) Tăng cường các cơ chế kiểm soát thực thi quyền lực, nâng cao hơn nữa hiệu quả của quyền giám sát do các cơ quan dân cử thực hiện.

Về nguyên tắc, chúng ta đều biết rằng, nhân dân ta thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua việc trực tiếp bầu ra những người đại diện cho mình để thực thi quyền lực nhà nước. Do vậy, quyền giám sát và trách nhiệm giám sát của các cơ quan này là xuất phát từ yêu cầu của sự đại

Digitized by Google

diện, không thể khác được ! Đối với Quốc hội, cơ quan lập hiến và lập pháp duy nhất ở nước ta, quyền giám sát còn xuất phát từ yêu cầu bảo đảm cho pháp luật - ý chí của nhân dân được thực hiện đầy đủ và đúng đắn.

Quyền giám sát của các cơ quan đại diện được Hiến pháp và pháp luật xác định qua nhiều hình thức và cơ chế. Nhiệm vụ của chúng ta là tăng cường các biện pháp để bảo đảm cho các cơ chế và hình thức đó trở nên hữu hiệu hơn. Đồng thời, trong những điều kiện mới, cần xác lập thêm những cơ chế và hình thức giám sát mới với những phương thức tương thích với vị trí, vai trò và chức năng của các cơ quan đại diện.

c) Đổi mới tổ chức, phương thức hoạt động của các cơ quan hành pháp, tư pháp nhằm bảo đảm xác lập đúng đắn thẩm quyền và phương thức hoạt động phù hợp với vị trí, chức năng pháp lý tương ứng trên cơ sở tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Hiến pháp. Có một loạt vấn đề cần được nghiên cứu, đánh giá để có giải pháp đổi mới. Chẳng hạn, Hiến pháp năm 1992 và Luật Tổ chức Chính phủ đã lập ra Chính phủ thay cho Hội đồng Bộ trưởng theo Hiến pháp năm 1980. Như vậy, cách tổ chức, phương thức làm việc và trách nhiệm của các thành viên Chính phủ phải khác nhiều so với trước đây. Hoặc chẳng hạn đó là vấn đề về tổ chức và chức năng của các cơ quan kiểm tra, giám sát cũng cần được nghiên cứu kỹ lưỡng để có giải pháp đổi mới v.v..

d) Tạo ra những bảo đảm cần thiết cho việc thực hiện công lý, tăng cường trách nhiệm, vị trí độc lập, chức năng rành mạch của các cơ quan tư pháp.

Bảo đảm dân chủ, tăng cường pháp chế gắn liền với yêu cầu bảo đảm công lý. Nền tư pháp XHCN của chúng ta phải thực sự vì dân, xứng đáng với sự tin cậy của người dân gửi gắm để giải quyết những vấn đề thiết thực của mình về tài sản, danh dự, nhân phẩm cho các cơ quan đại diện công lý. Bảo đảm xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, bảo đảm để không có oan, sai trong các khâu điều tra, truy tố và xét xử đã trở thành một trong những yêu cầu quan trọng của việc cải cách hệ thống tư pháp nước ta.

Như vậy, về phía các cơ quan tư pháp, việc xem xét lại các chức năng, nhiệm vụ, đổi mới phương thức hoạt động, dân chủ hóa các thủ tục tố tụng, tăng cường trách nhiệm pháp lý, năng lực và phẩm chất của những người thực thi chức năng tư pháp là điều kiện không thể thiếu được của nhiệm vụ xây dựng nhà nước pháp quyền.

đ) Tăng cường những kênh liên hệ tiện lợi giữa các cơ quan thực hiện quyền lực nhà nước với người dân, bảo đảm trách nhiệm của Nhà nước trước những yêu cầu và đòi hỏi chính đáng của người dân theo nghĩa thực sự là "công bộc" của dân.

Trong quá trình đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã có những nỗ lực to lớn, từ chủ trương, chính sách đến các giải pháp cụ thể trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh có thể nêu ví dụ về việc ban hành Luật Doanh nghiệp, các nỗ lực bỏ các "giấy phép con", phá dỡ các rào cản hành chính trong kinh doanh v.v.. Trong lĩnh vực hành chính, có thể thấy rõ qua các nỗ lực về cải cách hành chính. Trong lĩnh vực tư pháp, điều rõ ràng nhất là việc xác lập các thủ tục giải quyết các tranh chấp kinh tế bằng tòa án và trọng tài ; thủ tục giải quyết các vụ án hành chính và thành lập các Tòa án hành chính ; thủ tục giải quyết bằng tòa án các tranh chấp về lao động. Việc ban hành Luật khiếu nại, tố cáo đã nâng lên một bước đáng kể khả năng và điều kiện giải quyết đơn thư, khiếu tố của công dân, các quy định pháp luật về cơ chế bồi thường thiệt hại do công chức gây ra cũng đang được nghiên cứu áp dụng v.v.. Song song với các giải pháp pháp lý đó là những nỗ lực cụ thể nhằm giải quyết các yêu cầu dân sinh đang đặt ra hàng ngày, từ những vấn đề về xích mích trong nội bộ dân cư, những vấn đề về môi trường, đến những "điểm nóng" ở một số địa phương.

Để tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước theo hướng đòi hỏi xây dựng nhà nước pháp quyền, cần tiếp tục tạo cho được một chuyển biến mới về các kênh liên hệ Nhà nước - công dân theo hướng dân chủ, tiện lợi và nhanh chóng.

(Xem tiếp trang 48)

Digitized by Google

NHỮNG NGƯỜI MƯU TOAN "ĐẢO LỘN KHOA HỌC" VỀ CON ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

NHỊ LÊ

VẪN là những "khuôn mặt tư tưởng" đã quen và lác đác thêm vài dung mạo nữa với các luận đề cũng trở nên quá nhàm, nhưng họ lại khát mong trở thành những "vĩ nhân" danh tiếng trong chuyện làm ầm ĩ "học thuật chính trị"... Họ đã từng la lối một thời song chẳng tích sự gì, chẳng ai biết đến, chỉ vô tình "làm mướn không công" cho mấy kẻ mưu đồ "thọc gậy bánh xe", "đục nước béo cò" trong nước và hải ngoại. Rốt cuộc, tất cả đã rơi vào im ắng và chẳng ai còn nhớ gì tới họ nữa.

Chẳng hiểu có phải vì cả thẹn bởi những chuyện đó hay không hoặc những mưu đồ thâm sâu sẵn có lại tăng thêm bởi sự kích động từ bên ngoài mà bây giờ họ lại đùng đùng tự lăng xê mình và lăng xê lẫn nhau bằng cái trò giả danh khoa học, khiến không ít người, dù hiền nhất, cũng phải bực mình.

Bằng cách, qua đài báo địch ở hải ngoại, họ "du thuyết cao đàm khoát luận" khắp nơi để huyên truyền, phát tán cái "tâm huyết", để tung ra những sự "uyên bác" của mình bằng những cuộc "tọa đàm nhỏ" hay dưới dạng những "sách trắng mới về Việt Nam" (!) hoặc những tài liệu lén lút truyền tay ở trong nước nhằm vu cáo, nói xấu Đảng ta, xuyên tạc lịch sử, kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân, lôi kéo người mơ hồ, nhẹ dạ, cả tin theo họ.

Họ cho rằng, việc Đảng ta đưa ra định hướng xã hội chủ nghĩa là thừa, là vô nghĩa, do đó, chỉ cần đặt vấn đề xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh là đủ, cần gì phải định hướng xã hội chủ nghĩa (!), vì theo họ dòng sông tự nó chảy ra biển cần gì phải uốn nắn (!). Rằng, Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là một điều kỳ quặc, trái quy luật (!), vì thế, hãy tạm gác lại mục tiêu chủ nghĩa xã hội và lùi về với cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân là đúng đắn nhất (!). v.v.

Xem thế, thì ra họ muốn học mót cái bài của ngài E. Đuy-rinh cách đây chừng 130 năm, định tiến hành một cuộc "đảo lộn khoa học" thời hiện đại, về vấn đề con đường xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nhưng kỳ thực, chúng ta thấy những lập luận như vậy đã quá cũ kỹ trong cái mớ hỗ đốn sách báo chống chủ nghĩa xã hội, chống Việt Nam của đủ hạng người trong và ngoài nước, từ trước đến nay. Mặc nhiên vậy, điều chúng tôi buộc lòng phải trao đổi ở đây là, liệu tất cả những điều "tâm huyết", "khuyến nghị" của họ có thực sự đúng đắn không ? ; có "hoàn toàn vô tư, trong sáng", như đã từng khuếch trương trong các lời "phi lộ" của họ không ?.

Trước hết, về vấn đề định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bảy mươi mốt năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, sự lựa chọn mục tiêu chủ nghĩa xã hội của Đảng và nhân dân ta, xét về *lôgích* là một tất yếu khách quan ; xét về *lịch sử*, là hoàn toàn phù hợp với sự vận động của cách mạng Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại ; và xét về *nhu cầu*, là hoàn toàn xuất

Digitized by Google

phát từ điều kiện cụ thể của một nước thuộc địa, nửa phong kiến và nguyện vọng cháy bỏng của nhân dân lao động Việt Nam. Đó là điều ít ai trong số họ đòi tranh thảo.

Chúng ta biết, đối tượng của nhận thức về định hướng xã hội chủ nghĩa không chỉ dừng lại ở tiền đề, mục tiêu, mà rộng lớn và sâu sắc hơn, nó bao hàm sự nhận thức tất cả các tính quy luật, bản chất của chủ nghĩa xã hội quy định toàn bộ sự vận động của xã hội Việt Nam hướng tới mục tiêu chủ nghĩa xã hội được thể hiện thông qua con đường, phương thức, bước đi và hệ giải pháp theo những nguyên tắc xã hội chủ nghĩa. Xét rộng ra, chẳng cứ chủ nghĩa xã hội, mà bất cứ xã hội nào khác, trong tiến trình phát triển của mình đều cần có một sự hoạch định từ phương hướng đến bước đi. Bởi vậy, xét về nhu cầu thông thường tối thiểu, rõ ràng, định hướng xã hội chủ nghĩa là một tất yếu. Và đây chính là vấn đề phương pháp luận mà các nhà kinh điển mác xít đã nhấn mạnh. Chúng ta có thể giả định con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội là con đường thẳng để có thể hình dung rõ đâu là bước đầu, đâu là bước tiếp theo, đâu là bước cuối cùng để tránh khỏi lạc đường và mất phương hướng. Nói như lời V. I. Lê-nin, phương pháp chắc chắn nhất và cần thiết nhất để thực sự có được thói quen xem xét vấn đề đó một cách đúng đắn, và không để lạc hướng trong rất nhiều chi tiết, hoặc trong rất nhiều ý kiến đối lập nhau - điều quan trọng nhất là không nên quên mối liên hệ lịch sử căn bản ; là xem xét mỗi vấn đề theo quan điểm sau đây : một hiện tượng nhất định đã xuất hiện trong lịch sử như thế nào, hiện tượng đó đã trải qua những giai đoạn phát triển chủ yếu nào, và đứng trên quan điểm của sự phát triển đó để xem xét hiện nay nó đã trở thành như thế nào. Nhưng trên thực tế, con đường đó không phải là con đường thẳng tắp, trơn tru mà nó rất quanh co, phức tạp. Để tránh chủ quan, duy ý chí, muốn đốt cháy giai đoạn dẫn tới tình trạng làm cho con đường đó càng phức tạp, quanh co hơn, thậm chí chệch hướng, nên không thể không hoạch định những giới hạn cho phép, trong khả năng cụ thể, vững vàng đi tới mục tiêu đã vạch ra. Đó chính là quá trình *định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp hoàn toàn mới mẻ, chưa hề có tiền lệ trong lịch sử nên quá trình nhận thức và tổ chức thực hiện sẽ hết sức khó khăn, lâu dài, thậm chí cả những bất trắc, thất bại tạm thời. Cho nên, sự thống nhất về nhận thức, sự đồng tâm về tư tưởng, sự tỉnh táo và đúng đắn trong việc xử lý các tình huống đều có ý nghĩa hết sức to lớn, thậm chí có *vai trò quyết định.* Đặc biệt, việc khắc phục và ngăn ngừa những khuynh hướng tự phát, vô chính phủ, nhất là chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa thực dụng làm chệch hướng xã hội chủ nghĩa, là vấn đề vừa mang tầm chiến lược vừa có tính nóng bỏng, cấp bách. Vì vậy, để xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong bối cảnh hiện nay, rõ ràng không thể không bao hàm *định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Hơn nữa, ở tầm vĩ mô, lịch sử thế giới càng về cuối thế kỷ XX càng trở nên rất rõ ràng, là thời kỳ lịch sử phát triển rút ngắn với gia tốc mạnh mẽ chưa từng thấy ; đồng thời, xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa về kinh tế với tốc độ chóng mặt tạo nên một thế giới chỉnh thể vừa thống nhất vừa đấu tranh hết sức phức tạp giữa các quốc gia, dân tộc. Bối cảnh đó đã làm cho *sự phát triển của xã hội vừa có tính đa dạng, vừa nhảy vọt, bỏ qua, rút ngắn.*

Thực tiễn khi bước vào thế kỷ XXI đã xuất hiện hàng loạt vấn đề mới mẻ và xác nhận rằng, chỉ những quốc gia, dân tộc nào đã *xác định rõ rệt và đúng đắn hướng đi, có nội lực đủ mạnh, bền vững, đủ khả năng thích ứng nhằm tiến tới hội nhập hiệu quả vào thế giới* mới có thể tồn tại và phát triển nhanh. Cùng với những yếu tố ấy, vấn đề lựa chọn **mục tiêu** và hoạch định **phương hướng** phát triển trở thành bài học có ý

Digitized by Google

nghĩa *căn bản, then chốt* đối với bất cứ quốc gia, dân tộc nào. Đó chính là vấn đề có tính thời đại về tư tưởng phát triển *đúng hướng, mạnh mẽ và bền vững.*

Việt Nam trên con đường phát triển của mình không nằm ngoài quy luật ấy. Tầm cỡ, quy mô, tốc độ và chiều sâu của công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, trong bối cảnh thời đại hiện nay, càng đòi hỏi nghiêm ngặt phải giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Hơn nữa, cho dù hiện nay xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa về kinh tế có phát triển đến đâu đi nữa, vẫn còn đó cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, dù dưới hình thức này hay khác. Dù chúng ta có "mở cửa", "hội nhập" thế giới đến đâu thì trong điều kiện phức tạp ấy, phải có nguyên tắc là *bảo vệ triệt để lợi ích dân tộc, lợi ích quốc gia theo định hướng xã hội chủ nghĩa.* Đó không chỉ là yêu cầu nội tại của tiến trình phát triển đất nước mà còn quyết định sự thành bại của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay. Nếu xa rời mục tiêu chủ nghĩa xã hội sẽ dẫn tới những lệch lạc trong chủ trương chính sách và chỉ đạo thực tiễn, sẽ đưa tới nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa và như thế sẽ phải trả giá rất đắt, có khi không cứu vãn được. Do đó, nhất định phải tiến hành *định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Vì vậy, nếu theo lý sự chỉ cần xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh cứ để dòng sông tự nó chảy ra biển, không cần phải uốn nắn, định hướng thì đất nước sẽ đi đến đâu hay sẽ chảy vào quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản mà những nhà "thuyết khách" kia đang thờ phụng.

Nói khái lược, *định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình xác định những giới hạn, những "độ" tồn tại lịch sử cụ thể của chủ nghĩa xã hội bắt đầu từ điểm xuất phát tới mục tiêu cuối cùng, mà nếu vượt ra ngoài những giới hạn, những "độ" ấy có thể và tất yếu xuất hiện một chế độ xã hội khác với chủ nghĩa xã hội.* Nghĩa là, thực chất của toàn bộ quá trình định hướng xã hội chủ nghĩa là hoạch định một hành lang hoạt động cho phép, phù hợp thực tế và những quy luật khách quan, với những tiêu chí xác định, thông qua một cơ chế thích hợp xuyên suốt sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ điểm xuất phát tới đích cuối cùng nhằm đạt hiệu quả mong muốn. Đó chính là nhiệm vụ trung tâm của quá trình định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bởi vậy, định hướng xã hội chủ nghĩa là một *tất yếu*, một *nhu cầu*, một *phương án phát triển duy nhất đúng* đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc ; nó cần luôn được xem xét, bổ sung và hoàn chỉnh không ngừng.

Thứ hai, xung quanh vấn đề bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam mà họ cho là điều kỳ quặc, trái quy luật.

C. Mác đã đưa ra luận điểm nổi tiếng : Lịch sử là một quá trình phát triển tự nhiên. Ai cũng biết, luận điểm này xuất phát từ vai trò của nhân tố kinh tế : Không một chế độ xã hội nào lại diệt vong khi tất cả những lực lượng sản xuất mà chế độ xã hội đó tạo địa bàn đầy đủ cho sự phát triển, vẫn còn chưa phát triển, và những quan hệ sản xuất mới cao hơn, không bao giờ xuất hiện những điều kiện tồn tại vật chất của những quan hệ đó còn chưa chín muồi trong lòng bản thân xã hội cũ. Kết luận này của C. Mác là hoàn toàn chính xác, nếu xét ở tầm bao quát lịch sử, mang tính khuynh hướng của một thời đại.

Nhưng, nếu xét ở những trường hợp đặc thù, tại một thời điểm lịch sử cụ thể, thì *không phải bao giờ kinh tế cũng là cái duy nhất quyết định.* Bởi, kết luận trên của C. Mác là một kết luận có tính triết học - lịch sử. Hơn nữa, C. Mác chỉ chú ý nhấn mạnh yếu tố kinh tế, khi Người xem nó trong tư cách "xét cho đến cùng" mà thôi. Vì, C. Mác thừa hiểu rằng, sự phát sinh, tồn tại, phát triển của một chế độ xã hội không chỉ phát sinh từ các điều kiện kinh tế, mà còn bắt

Digitized by Google

nguồn từ các mâu thuẫn giai cấp, xã hội, chính trị... Còn ai đó chỉ cố bám vào cái luận đề *không tất yếu về kinh tế* để nhằm bài xích *bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa* của Việt Nam, chẳng khác gì cái xu hướng muốn giải đáp những vấn đề cụ thể bằng cách phát triển một cách đơn thuần lô gích chân lý chung... là một cách lập luận thiếu hiểu biết về chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa duy vật biện chứng. Vả nữa, "Cả tôi lẫn Mác chưa bao giờ khẳng định gì hơn thế - Ph. Ăng-ghen viết - Còn nếu có ai đó xuyên tạc luận điểm này theo ý nghĩa nhân tố kinh tế là nhân tố quyết định *duy nhất*, thì người đó biến lời khẳng định này thành một câu trống rỗng, trừu tượng, vô nghĩa" (1).

Thực tế cho thấy vô số các quốc gia ở vào tình thế phát triển như vậy. Chẳng hạn khi V. I. Lê-nin tuyên bố : "Chủ nghĩa cộng sản là chính quyền sô viết cộng với điện khí hóa toàn quốc" thì không ít người phương Tây thiếu thiện chí cho rằng, đó là trò không tưởng. Song chỉ 15 năm sau đó, đất nước xô viết trở thành một nước công nghiệp hùng mạnh. Rõ ràng, ở những trường hợp cụ thể nhất định, thì khoa học và ý chí thực sự đã làm biến đổi kinh tế. Và nữa, cuộc Cách mạng tư sản Pháp năm 1789 chẳng hạn. Cuộc cách mạng này nổ ra trong khi trong lòng xã hội Pháp lực lượng sản xuất chưa phát triển tới trình độ để mâu thuẫn với quan hệ sản xuất phong kiến. Ở thời đoạn này, người ta thấy nổi bật lên vai trò của những tư tưởng đi tiên phong. Vì hàng chục năm trước đó, các nhà lý luận, các nhà tư tưởng như J. Rút-xô, C. Mông-te-xki-ơ, Vôn-te, Đ. Đi-đrô và các nhà kinh tế như J. Ma-bli, Mô-ren-li... đã phê phán chế độ phong kiến, cổ vũ tư tưởng dân chủ tư sản.

Từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga (năm 1917), một loạt nước châu Á, Mỹ la-tinh đã xây dựng các chế độ xã hội chủ nghĩa ở một xuất phát điểm về trình độ sức sản xuất thấp hơn nước Nga đương thời rất nhiều. Rõ ràng, lịch sử là một quá trình tự nhiên, nếu "xét cho đến cùng", khi lấy nhân tố kinh tế để bao quát lịch sử là hoàn toàn đúng. Song, trong nhiều trường hợp lịch sử cụ thể, như đã thấy, hoặc lúc này nhân tố kinh tế là quyết định, hay lúc khác nhân tố tư tưởng, ý chí lại đóng vai trò tiên phong. Cho nên, nếu cứ khư khư đem cái nhãn hiệu gọi là "tất yếu kinh tế" để gán cho bất cứ mọi sự vật, hiện tượng lịch sử khác nhau thì chẳng khác gì cái lối Ph. Ăng-ghen đã từng chỉ trích, "dùng đòn bẩy để kết cấu theo kiểu của phái Hê-ghen" ; chẳng khác gì tự giam mình vào "một khuôn mẫu đúc sẵn, theo đó người ta đẽo gọt những sự kiện lịch sử tùy theo ý muốn". Rốt cuộc, "... họ đã phạm phải những điều hết sức kỳ quái" và "rối rắm một cách lạ lùng" (2).

Các hình thái kinh tế - xã hội thông thường được xây dựng như một quá trình tiệm tiến và liên tục từ thấp đến cao, bước sau phải bao gồm các bước trước có tính chất tuần tự. Nhưng, sự tiến hóa trong lịch sử nhân loại, bên cạnh đó, lại diễn ra với những bước nhảy vọt. Chẳng hạn, người Giéc-manh từ xã hội thị tộc chuyển thẳng sang xã hội phong kiến, không qua chế độ chiếm hữu nô lệ. Hy Lạp, La Mã cổ đại tạo ra chế độ chiếm hữu nô lệ điển hình, nhưng không tiến lên xã hội phong kiến. Người Giéc-manh lại không tiến lên chế độ tư bản mà là người Ăng-lô Sắc-xông, v.v... còn hầu hết các nước ở châu Á, Phi, Mỹ la-tinh đều không trải qua các hình thái xã hội giai cấp phát triển. Cụ thể là, không có nước nào lúc đó tiến sang chủ nghĩa tư bản. Cơ sở của đại đa số các xã hội này vẫn là các công xã nông thôn tồn tại trong lịch sử cho tới thế kỷ XIX và một phần còn kéo sang thế kỷ XX.

Rõ ràng, một chế độ xã hội cụ thể khi đã suy tàn, xét trong tiến trình phát triển tự nhiên, nó có thể tiến lên hai hoặc thậm chí ba

(1) C. Mác và Ph. Ăng ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, t 37, tr 641

(2) Xem C. Mác và Ăng-ghen : *Sđd*, tr 644

Digitized by Google

hình thái cao hơn nào đó, chứ nhất thiết không phải chỉ tiến lên một hình thái cao hơn liền kề với nó. Nghĩa là, không nhất thiết tiến lên một cách tuần tự, tức là *nhảy vọt*. Từ chế độ xã hội nguyên thủy, nước này có thể tiến lên xã hội theo kiểu "phương thức sản xuất châu Á", như Ấn Độ, Ai Cập ; nước khác bước sang chế độ chiếm hữu nô lệ, như trường hợp Hy Lạp ; nước khác nữa lại nhảy vọt lên chế độ phong kiến, như Giéc-manh... Cùng xuất phát từ chế độ phong kiến nửa thuộc địa như Trung Quốc hoặc thuộc địa nửa phong kiến như Việt Nam, nhưng các nước này không tiến lên chủ nghĩa tư bản mà đều tiến lên chủ nghĩa xã hội. Điển hình là, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào vượt qua hai nấc thang trong tiến trình phát triển lịch sử tự nhiên để đi lên chủ nghĩa xã hội. Như vậy, cùng với *hiện tượng tuần tự của lịch sử* còn nổi bật lên *hiện tượng lịch sử nhảy vọt*, như chúng ta đã thấy. Nói cách khác, đó là *sự phát triển đứt đoạn trong liên tục, tuần tự kết hợp với nhảy vọt biện chứng của lịch sử.*

Cho nên, tiến hóa là cái *bên trong* (mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất) cộng với *thời cơ* phát triển bứt phá. Do đó, việc "bỏ qua" một hay nhiều giai đoạn là vấn đề mang tính quy luật và là hiện thực, chỉ có điều còn tùy thuộc vào khả năng hiện thực bên trong với sự liên kết nguồn động lực với bên ngoài và chớp đúng thời cơ phát triển mà thôi. Một quốc gia còn ở trình độ tiền tư bản vẫn có thể tiến lên xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, chứ không nhất thiết phải kinh qua chế độ tư bản chủ nghĩa một cách tuần tự cứng nhắc hay nhất thành bất biến nào đó, như mấy ai vẫn khư khư nghĩ. Nước Việt Nam trong tiến trình phát triển của mình cũng không nằm ngoài tính quy luật và thực tiễn lịch sử có tính phổ biến ấy.

Vậy là, không chỉ trên phương diện lý luận, mà rõ ràng lịch sử đã chứng minh hết sức chắc chắn và phong phú, chỉ có điều nó trái với những ai đó có suy nghĩ kỳ quặc, thiếu thiện ý về vấn đề "bỏ qua" này ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà thôi.

Cuối cùng, vấn đề Việt Nam nên gác lại mục tiêu chủ nghĩa xã hội và lùi về với cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, như khuyến nghị của một số người.

Việt Nam đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tuy chưa có đầy đủ cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nhưng chúng ta đã xây dựng được những điều kiện cơ bản và quan trọng trên tất cả các phương diện để thực hiện bước *quá độ rút ngắn* "bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa" một cách hợp quy luật.

Về phương diện *chính trị*, đó là Đảng Cộng sản đủ sức hoàn thành trọng trách lịch sử của nó, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân ; các tổ chức chính trị, xã hội đủ sức tập hợp toàn thể nhân dân lao động thực hiện sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Tất cả hợp thành hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa chỉnh thể và toàn vẹn bảo đảm chắc chắn cho sự tồn tại, vận hành và phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trên bình diện *kinh tế*, chúng ta xác định rõ thể chế kinh tế của chúng ta là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa - mô hình kinh tế tổng quát của thời kỳ quá độ ; và thực tế, bước đầu nó đã phát huy hết sức rõ ưu thế và sức mạnh, đủ sức bảo đảm cho nước ta chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Về cơ cấu nền kinh tế, chúng ta không ngừng xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, nó cùng với kinh tế hợp tác xã tạo thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân và các thành phần kinh tế khác đều là bộ phận cấu thành một cách bình đẳng nên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ở phương diện *văn hóa, xã hội*, chúng ta không ngừng xây dựng một nền văn hóa

Digitized by Google

Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ; con người không ngừng được giải phóng về mọi mặt ; các dân tộc, tôn giáo được tôn trọng và bảo vệ, để tất cả phát triển bình đẳng, đoàn kết và cùng nhau tiến bộ.

Về phương diện *ngoại giao*, với phương châm đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ quốc tế, Việt Nam đã thiết lập mối bang giao với hơn 160 nước, với một vị thế mới, một cách chủ động, theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa...

Như thế, hà cớ gì Việt Nam không nên tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa mà lại lùi về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ?.

Hơn nữa, ai cũng hiểu giữa hai cuộc cách mạng đó không có bức tường thành nào ngăn cách cả ; và cũng không có gì ngăn cách nổi. Bởi lẽ, dưới chủ nghĩa xã hội, tư tưởng cách mạng không ngừng tự nó được biểu hiện bằng công thức phát triển dân chủ nhân dân tiến tới chủ nghĩa xã hội, trong đó thống nhất bốn nội dung cơ bản và hữu cơ : *dân tộc, dân chủ, hiện đại và chủ nghĩa xã hội* như một thực thể sống.

Bảy mươi mốt năm qua, nhất là 15 năm đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta đã chứng minh hết sức xác đáng quy luật cách mạng đó. Nhờ vậy, Việt Nam đã thoát khỏi cuộc khủng hoảng chung của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới vào cuối thế kỷ XX. Nói như đồng chí U. Côi-chi-ô, Trưởng Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Nhật Bản, tham dự Đại hội IX của Đảng ta : "Đường lối đổi mới (...) là con đường của những người mở đường mới mẻ trong lịch sử (...) mà chưa một ai đi qua" (3). ❑

(3) *Lời chào mừng Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 53

VẤN ĐỀ NHÀ NƯỚC...

(Tiếp theo trang 42)

e) Đẩy mạnh việc hoàn chỉnh hệ thống pháp luật theo hướng bảo đảm tính công bằng, minh bạch, tính khả thi của các quy định, tính đồng bộ và thống nhất của các văn bản, tính phù hợp giữa pháp luật với các hình thức điều chỉnh khác, giữa pháp luật quốc gia với pháp luật và thông lệ quốc tế.

Nói đến nhà nước pháp quyền là nói đến tính tối thượng và khả năng điều chỉnh của pháp luật. Nhưng tiền đề của vị trí tối thượng đó phải được xem xét trong quá trình xây dựng pháp luật, trong việc tổ chức thực thi pháp luật, trong nhận thức của người dân và của đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước về pháp luật. Do đó, pháp luật trong nhà nước pháp quyền phải là sản phẩm của một cơ chế xây dựng pháp luật dân chủ, khoa học, của việc coi trọng tổng kết thực tiễn và tạo ra các kênh hữu hiệu để áp dụng pháp luật, đưa pháp luật vào cuộc sống. Cũng không thể có pháp luật tốt, nếu thiếu sự hiểu biết cần thiết về chính nó - từ sự hiểu biết về các giá trị đích thực của công lý, của pháp luật, về các nguyên tắc pháp luật cho đến các quy định cụ thể về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý v.v.. Chẳng hạn, không thể nói đến nhà nước pháp quyền nếu người công chức chưa hiểu rõ phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm cụ thể của mình và thái độ đúng đắn trước dân, nếu như người dân không biết, để bảo vệ lợi ích của mình thì phải làm gì và làm như thế nào v.v..

Chính vì vậy, xây dựng nhà nước pháp quyền là cả một quá trình kiên trì giáo dục ý thức pháp luật sâu rộng và đầy đủ, lâu dài và bền bỉ, thông qua thực tiễn pháp lý sinh động của xã hội. Vì vậy không thể chỉ xác định khuôn khổ của nhiệm vụ xây dựng nhà nước pháp quyền trong phạm vi của việc xây dựng pháp luật hoặc tuyên truyền, phổ biến pháp luật một cách hình thức, mà là sự đóng góp trí tuệ, công sức của toàn Đảng, toàn dân, toàn xã hội vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". ❑

Digitized by Google

KẾ TỤC TRUYỀN THỐNG VẺ VANG BINH ĐOÀN CỬU LONG ANH HÙNG

LƯU PHƯỚC LƯỢNG *

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG CHIẾN ĐẤU.

Với tên gọi ***Binh đoàn Cửu Long - Quân đoàn 4*** đã thấy rõ nét đặc trưng vùng đất chín dòng sông giàu truyền thống của Nam Bộ thành đồng, bất khuất. Đây là một trong những binh đoàn chủ lực cơ động của quân đội ta, ra đời trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Tháng 8-1961, thời kỳ miền Nam chuyển từ đấu tranh chính trị lên đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang, trên cơ sở lực lượng vũ trang đã phát triển mạnh, Trung ương Cục và Ban quân sự Miền quyết định thành lập 3 tiểu đoàn chủ lực đầu tiên. Theo quy mô phát triển và yêu cầu của cuộc chiến đấu, các đơn vị chủ lực Miền được hình thành, xây dựng từng bước, từ nhỏ đến lớn, từ đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn bộ binh đến các đơn vị binh chủng hợp thành. Trong điều kiện chiến tranh ác liệt, phải vừa chiến đấu, vừa củng cố, quá trình xây dựng gặp muôn vàn khó khăn, gian khổ.

Ngày 20-7-1974, Quân đoàn 4 được thành lập với chức năng là quả đấm chủ lực mạnh ở chiến trường B2, làm nòng cốt cho lực lượng vũ trang ba thứ quân và chỗ dựa cho đấu tranh chính trị của quần chúng. Đây là sự phát triển tất yếu của quá trình tổ chức thực hiện đường lối quân sự và nghệ thuật chỉ đạo tiến hành chiến tranh nhân dân của Đảng ta ; là sự phản ánh thế mới, lực mới của quân và dân ta trước bước ngoặt quyết định của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đơn vị ra đời là hiện thực hóa ước mong của nhiều đồng chí lãnh đạo, của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân muốn có một quân đoàn cơ động gồm nhiều đơn vị chủ lực Miền. Trưởng thành trong chiến đấu, Quân đoàn đã góp phần làm nên những chiến công vang dội làm nức lòng quân dân cả nước : Bình Giã, Đồng Xoài, Bầu Bàng, Dầu Tiếng, đánh bại trận càn Gian - xơn Xy-ti, những cuộc tấn công và nổi dậy Tết Mậu thân 1968 ở Sài Gòn - Gia Định... cùng tên tuổi của những anh hùng bất tử : Trừ Văn Thố, Bùi Văn Hợp, Ngô Khắc Quyền... những người mãi mãi đi vào trang sử vẻ vang của quân đội và dân tộc. Chỉ một thời gian ngắn sau khi thành lập, Quân đoàn đã giành thắng lợi lớn - giải phóng tỉnh Phước Long. Từ chiến thắng này, Đảng và Nhà nước đã nhìn thấy triển vọng thực hiện tác chiến chiến lược trong thời cơ quyết định. Theo kế hoạch đó, mùa Xuân năm 1975, Quân đoàn liên tục tiến công, phối hợp với lực lượng vũ trang và nhân dân địa phương giải phóng các tỉnh Lâm Đồng, Bình Long, Long Khánh ; bao vây, tiêu diệt căn cứ Xuân Lộc, mở toang cánh cửa phía Đông Bắc Sài Gòn, cùng các đơn vị bạn và nhân dân tiến hành Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, được sự ủng hộ của nhân dân, Quân đoàn đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quân quản thành phố Sài Gòn - Gia Định, góp phần xây dựng chính

* Thiếu tướng, Phó tư lệnh Chính trị, Bí thư Đảng ủy Quân đoàn 4

Digitized by Google

quyền cách mạng và lực lượng vũ trang cơ sở, trấn áp bọn phá hoại, ổn định đời sống nhân dân, bảo vệ thành quả cách mạng.

Trong điều kiện lịch sử mới, Quân đoàn 4 là lực lượng cơ động của Bộ Quốc phòng ở phía Nam của Tổ quốc, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược mà Đảng và nhân dân giao phó là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (XHCN) ; đẩy mạnh huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu, tham gia lao động sản xuất, xây dựng kinh tế.

Khi kẻ thù ngang nhiên phát động chiến tranh xâm lược ở biên giới Tây Nam của đất nước, lịch sử Quân đoàn lại sang một trang mới - chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và thực hiện nghĩa vụ quốc tế.

THỜI KỲ XÂY DỰNG, CỦNG CỐ LỰC LƯỢNG .

Sau nhiều năm làm nhiệm vụ quốc tế, mặc dù đất nước đã hòa bình, nhưng Quân đoàn thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong những điều kiện đầy khó khăn, gian khổ ; điều kiện sinh hoạt, huấn luyện thiếu thốn ; trang bị kỹ thuật thiếu và không đồng bộ ; hậu cần và tài chính hạn hẹp ; biên chế thay đổi ; có những biến động nhất định về nhận thức, tư tưởng trong cán bộ, chiến sĩ do chuyển từ chiến đấu sang huấn luyện, xây dựng và sẵn sàng chiến đấu trong điều kiện mới. Trước tình hình đó, Đảng ủy Quân đoàn (1989) đã xác định nhiệm vụ của giai đoạn này là :

- Tập trung huấn luyện, xây dựng, nâng cao sức mạnh tổng hợp, bảo đảm cho Quân đoàn có đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ trước mắt và lâu dài.

- Phối hợp cùng các lực lượng địa phương đánh bại chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch. Luôn sẵn sàng cơ động, hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình huống.

- Đẩy mạnh lao động sản xuất, góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của bộ đội ; tự cân đối một phần để xây dựng cơ bản và giải quyết chính sách.

Trong nhiều năm qua, nhất là giai đoạn từ năm 1996 - 2000, Quân đoàn cơ bản ổn định về nhiệm vụ và tổ chức lực lượng. Là đơn vị chủ lực đứng chân trên địa bàn chiến lược trọng yếu, có biển, đảo, biên giới với vùng kinh tế trọng điểm của cả nước, phát triển rất năng động, song cũng tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Quân đoàn đã triển khai đồng bộ các mặt công tác mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân đoàn lần thứ 6 đã đề ra, tập trung xây dựng đơn vị vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Trong xây dựng và phát triển lực lượng về mọi mặt, vấn đề luôn được coi trọng hàng đầu là phải dựa vào nhân dân, đây là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Từ ngày thành lập cho đến khi chiến tranh kết thúc, các đơn vị của Quân đoàn luôn đứng trong thế xen kẽ và giành giật quyết liệt giữa ta và địch. Hoạt động chiến đấu trong thế trận chiến tranh nhân dân, các đơn vị của Quân đoàn đã phối hợp với lực lượng vũ trang ba thứ quân ; kết hợp tác chiến tập trung của bộ đội chủ lực với chiến tranh nhân dân rộng khắp ; phối hợp tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng, đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang ; đánh địch bằng ba mũi giáp công trên ba vùng chiến lược. Trong suốt cuộc chiến tranh chống Mỹ gian khổ, nhân dân cả hai miền Nam - Bắc, đặc biệt là các tỉnh Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ luôn giành cho Quân đoàn sự quan tâm giúp đỡ cao nhất.

Ngày nay, Quân đoàn 4 là một trong những lực lượng nòng cốt sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ XHCN trên một địa bàn trọng yếu thuộc các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, vùng kinh tế trọng điểm, vùng có nhiều đồng bào theo đạo (Thiên Chúa giáo, Phật giáo, Cao Đài, Tin Lành...), nơi có tỉ lệ dân nhập cư tự do cao... Năm 1990, Thường vụ Đảng ủy Quân đoàn đã ra nghị quyết chuyên đề *Về công tác dân vận trong tình hình mới*, trong đó xác định, xây dựng cơ sở chính trị địa

Digitized by Google

phương là khâu then chốt, là nhiệm vụ chiến lược, cơ bản lâu dài và cấp bách của mọi cấp, mọi ngành trong đơn vị mà trọng tâm là công tác dân vận vùng tôn giáo, vùng sâu, vùng xa và vùng địa bàn có những vấn đề phức tạp. Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với đảng bộ, chính quyền, các đoàn thể quần chúng trên địa bàn đứng chân, cùng tham gia vận động nhân dân thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước ; giữ vững an ninh trật tự ; tham gia các phong trào "Xóa đói giảm nghèo", "Xóa nạn mù chữ", "Phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng" ; phát triển kinh tế, xây dựng các công trình phúc lợi (làm đường giao thông, công trình thủy lợi, khám chữa bệnh, huấn luyện dân quân tự vệ...). Ở mọi lúc, mọi nơi, vấn đề tôn trọng tự do tín ngưỡng trên cơ sở pháp luật, tăng cường đoàn kết lương - giáo, góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước ; giáo dục, quản lí bộ đội chấp hành nghiêm chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước luôn được đặt lên hàng đầu. Nhân dân những nơi gặp thiên tai, hoạn nạn nhanh chóng khắc phục hậu quả, vượt qua khó khăn, ổn định đời sống một phần rất lớn nhờ sự giúp sức của anh "Bộ đội cụ Hồ". Đây cũng là một trong những việc làm thường xuyên cùng với các hoạt động kết nghĩa, giao lưu văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao, thi tìm hiểu truyền thống dân tộc nhằm tăng cường tình quân - dân của đơn vị. Cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn được nhân dân và cả các chức sắc tôn giáo tin tưởng, yêu mến. Các đơn vị Đoàn S9 ; Đoàn B 09 đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng ba về thành tích dân vận trong thời kỳ đổi mới.

Theo kết quả kiểm tra mới đây, Thường vụ ĐUQSTU đã ghi nhận : "Là Quân đoàn chủ lực cơ động của Bộ đứng chân trên địa bàn chiến lược ở phía Nam của Tổ quốc, Đảng ủy Quân đoàn đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, tập trung lãnh đạo đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao". "... Quân đoàn có bước phát triển tiến bộ trên nhiều mặt, giữ được sự ổn định về tư tưởng, không khí đoàn kết dân chủ ngày một tốt hơn, nội bộ đoàn kết nhất trí, quan hệ tốt với cấp ủy, chính quyền địa phương nơi đóng quân, vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng được tăng cường, Quân đoàn có sức chiến đấu cao, có khả năng sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao".

Bên cạnh đó, Thường vụ ĐUQSTU cũng thẳng thắn chỉ ra những tồn tại của Quân đoàn : "chất lượng huấn luyện, xây dựng đơn vị tuy có chuyển biến nhưng chưa thật đồng đều ; tình hình vi phạm kỷ luật, pháp luật tuy có giảm nhưng vẫn còn ; quân nhân chuyên nghiệp, nhân viên chuyên môn kỹ thuật còn thiếu nhiều ; trình độ, năng lực, kinh nghiệm tổ chức chỉ huy của một số cán bộ cơ sở so với yêu cầu còn hạn chế...".

Về phía chủ quan, phải thừa nhận một thực tế là một số cán bộ (kể cả ở cơ quan Quân đoàn) ít tự học tập, nghiên cứu, nâng cao trình độ, năng lực mặc dù yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, khu vực đặt ra rất bức bách. Công tác dân vận cũng còn không ít những khiếm khuyết : một số cấp ủy, chỉ huy chưa nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác này nói chung, công tác vận động đồng bào theo đạo nói riêng, vì thế, việc triển khai tổ chức thực hiện còn chưa đồng bộ, sự phối hợp với các cấp ủy, chính quyền địa phương và các ban, ngành nhiều khi còn hình thức. Công tác giáo dục, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về tôn giáo, tìm hiểu chính sách, nghiệp vụ dân vận còn chưa sâu, chưa thường xuyên... Đa số sĩ quan trẻ, quân nhân chuyên nghiệp còn băn khoăn về mức thu nhập thực tế thấp so với mặt bằng xã hội, khu vực. Dơ có 80% cán bộ, chiến sĩ sống cạnh gia đình, nên ngoài công tác tốt, đảm bảo đời sống gia đình ổn định, hạnh phúc cũng là một trọng trách không chỉ của mỗi cá nhân, mà cả của lãnh đạo, chỉ huy Quân đoàn.

Digitized by Google

TRƯỚC TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ MỚI :

Quân đội nói chung, Quân đoàn 4 nói riêng tiếp tục nâng cao sức mạnh tổng hợp, trước hết là bản lĩnh chính trị, nhận thức tư tưởng để có đủ trình độ, năng lực, sáng tạo trong xử lý những tình huống phức tạp nảy sinh ; thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Yêu cầu xây dựng quân đội trong giai đoạn hiện nay không chỉ là tinh nhuệ về quân sự mà còn cả về chính trị ; không chỉ giỏi trên mặt trận đấu tranh vũ trang mà cả trên mặt trận đấu tranh chính trị, tư tưởng. Thông qua giáo dục chính trị, tư tưởng khẳng định vững chắc con đường đi lên XHCN mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

Phương hướng xây dựng đơn vị được xác định trong thời gian tới của Quân đoàn là :

- Lấy xây dựng chính trị, tư tưởng làm cơ sở cho việc nâng cao sức chiến đấu trong tình hình mới ; phòng chống có hiệu quả chiến lược "diễn biến hòa bình - bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch. Giáo dục quan điểm đổi mới của Đảng trong lĩnh vực quốc phòng và xây dựng lực lượng vũ trang : quân đội không chỉ là lực lượng chiến đấu mà còn là lực lượng chính trị trung thành của Đảng, của nhân dân. Góp phần xây dựng khu vực phòng thủ và thế trận quốc phòng toàn dân. Giữ vững mối quan hệ giữa lãnh đạo với chỉ huy ; gắn bó với nhân dân nơi làm việc và cư trú. Phấn đấu đến năm 2005, 100% các trung đoàn, lữ đoàn, sư đoàn của Quân đoàn đạt đơn vị vững mạnh toàn diện, vững chắc.

- Củng cố các tổ chức đảng gắn với triển khai nghiêm túc Chỉ thị 03/CT-TU của Bộ Chính trị và Chỉ thị 160/CT-TVĐUQSTU Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Thực hiện nghiêm Quy định 81/QĐ-ĐUQSTU về chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và các quy chế lãnh đạo trên từng lĩnh vực. Tiếp tục triển khai Chỉ thị 02/CT của Thường vụ Đảng ủy Quân đoàn về quy trình ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết ở các cấp ; Chỉ thị 02/CT-TV của Quân đoàn về phân tích chất lượng đảng viên hằng tháng. Tăng cường phát triển đảng viên mới, phấn đấu đến năm 2005, mỗi chi bộ ở đại đội binh chủng cơ bản có ban chấp hành chi ủy, 50% chi bộ đại đội bộ binh đủ quân số chi ủy. Phấn đấu không còn các chi bộ yếu kém, 85% đảng viên đủ tư cách mức 1.

- Xây dựng các tổ chức quần chúng ngày càng vững mạnh, nhất là tổ chức Đoàn Thanh niên. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa cán bộ và hạ sĩ quan, chiến sĩ theo tinh thần Chỉ thị 97/CT của Thường vụ Đảng ủy Binh đoàn. Phối hợp hoạt động với thanh niên các tỉnh miền Đông Nam Bộ, các địa phương kết nghĩa thực hiện các phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn"...

Nhiệm vụ trước mắt *đến cuối năm 2002 là :*

- Tạo chuyển biến vững chắc trong xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện theo chỉ thị 917/CT-QP, tập trung vào trọng tâm xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở, cán bộ chủ trì, lãnh đạo, chỉ huy và cơ quan cấp chiến dịch, cán bộ đầu ngành tương xứng với chức năng của Quân đoàn chủ lực cơ động. Đào tạo kết hợp với xin tăng cường đội ngũ quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên chức quốc phòng các ngành cấp thiết ; chú trọng tạo nguồn, chuyển loại cán bộ chính trị, đào tạo trung đội trưởng chuyên nghiệp, trung đội phó và tiểu đội trưởng.

- Làm tốt việc tạo nguồn và phát triển đảng viên, tập trung vào đối tượng sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan... Phấn đấu 20% chi bộ đại đội có quân số chi ủy.

- Kết hợp chặt chẽ với địa phương tuyển chọn thanh niên nhập ngũ. Tăng cường biện pháp giáo dục và quản lý ở đơn vị, giảm xuống thấp nhất, tiến tới không còn quân nhân bỏ, đào ngũ.

- Gắn cải thiện đời sống bộ đội đi đôi với phòng chống dịch bệnh, bảo đảm quân số khỏe

(Xem tiếp trang 60)

Digitized by Google

QUA MIỀN TÂY BẮC

CHU THÁI THÀNH

"Qua miền Tây Bắc
Núi ngút ngàn trùng xa
Suối sâu, đèo cao..."

Câu hát xưa hòa quyện với màu sắc thiên nhiên hoang sơ, vời vợi của núi rừng Tây Bắc hôm nay, cứ thôi thúc, dục giã, vẫy gọi chúng tôi. Qua miền Tây Bắc là qua đỉnh Phan-xi-păng sừng sững, bốn mùa mây phủ, qua Sa Pa ẩn hiện kỳ ảo trong sương. Qua miền Tây Bắc lại nhớ những cái tên đã đi vào huyền thoại : "Dốc Pha Đin chị gánh, anh thồ. Đèo Lũng Lô anh hò chị hát". Vùng rừng núi trùng điệp này là địa bàn sinh sống của hơn 30 dân tộc anh em, cư trú đan xen nhau trên những bình độ của non ngàn, trong các thung lũng sâu và dọc theo dòng chảy của những con sông, con suối.

1. Đôi điều cảm nhận.

Tựa lưng vào thế núi, thế sông hùng vĩ ấy, Tây Bắc giàu tiềm năng và thế mạnh về phát triển kinh tế, văn hóa, an ninh - quốc phòng. Cảm nhận đầu tiên của chúng tôi về Tây Bắc là đây có thể trở thành *vùng du lịch sinh thái - văn hóa đặc sắc.* Cả *vùng đất* và *con người* Tây Bắc đều tiềm tàng và ẩn chứa những nét riêng không phải nơi nào cũng có. Đến Hòa Bình khách có thể được thăm những danh lam tiêu biểu : suối nước khoáng Kim Bôi, núi Rồng Tắm, động bản Văn, bản Lác, làng văn hóa Mai Châu, hồ Sông Đà... Đến Sơn La khách vào hang Tát Toòng, hang Bản Mòn, hang Rơi, hang Coo Nong... Đến Lai Châu khách sẽ gặp rừng Mường Phăng, động Bình Lư, tháp Mường Luân, du thuyền trên hồ Pa Khoang ngoạn mục. Đến Lào Cai chiêm ngưỡng Sa Pa, thăm thác Bạc, cầu Mây, núi Cô Tiên, lũy cổ Trung Đô, Đền Thượng... tản bộ trong môi trường thiên nhiên trong trẻo, hoang sơ.

Đến Tây Bắc, chúng ta được sống trong nền văn hóa của các dân tộc thiểu số, vào từng ngôi nhà sàn, xem nhuộm chàm, dệt thổ cẩm, làm khăn piêu... tận hưởng những cuộc vui bất tận của những lễ hội mang đậm sắc thái các dân tộc vùng cao như : hội lồng tồng, sải sán, giooóng poọc ở Lào Cai, hội mừng cơm mới của người Thái, cầu mưa của người Khơ Mú, xíp xí của người Mường ở Sơn La ; thưởng thức món cơm lam, rượu cần, thắng cố và những món ăn đậm màu sắc dân tộc. Mấy năm gần đây, trong sự tác động của kinh tế thị trường, Tây Bắc vẫn giữ được bản sắc của mình ; phát triển kinh tế nhưng cân bằng được sinh thái, bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là các vùng du lịch văn hóa - sinh thái.

Tương lai Tây Bắc thật xán lạn. Từ hồ nước và nhà máy thủy điện Hòa Bình - một công trình thế kỷ, lớn nhất Đông - Nam Á, hiện đang cung cấp 34% tổng sản lượng điện của cả nước - đến nhà máy thủy điện Sơn La sắp tới có ý nghĩa chiến lược to lớn. Thủy điện Sơn La sẽ cung cấp nguồn điện chủ yếu cho sản xuất và tiêu dùng, góp phần điều hòa nguồn tài nguyên nước, chống lũ vào mùa mưa, cấp nước vào mùa khô cho một vùng rộng lớn không chỉ của Tây Bắc mà cả đồng bằng sông Hồng. Theo sự tương quan giữa phát triển kinh tế và năng lượng, muốn bảo đảm tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân hằng năm 7,5% thì nhu cầu điện năng phải tăng từ 12% trở lên. Những nguồn điện mới từ miền Tây Bắc sẽ đóng góp to lớn vào

Digitized by Google

phát triển cộng đồng các dân tộc, bảo đảm an ninh - quốc phòng, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước chúng ta.

Chúng tôi đi qua những vùng núi đồi bát ngát, hàng trăm nông trường và lâm trường quốc doanh đã được xây dựng từ nhiều năm nay và không ngừng phát triển trở thành trung tâm của những vùng kinh tế nông - lâm nghiệp hiện đại. Những vùng cây công nghiệp như : chè, cà phê, quế, trẩu, sở... những vùng chuyên canh cây ăn quả đặc sản, những khu vực chăn nuôi bò sữa tập trung cũng đang được mở rộng và phát triển gắn liền với những địa danh nổi tiếng như : Mộc Châu, Nghĩa Lộ, Nà Sản, Chiềng Khương, Than Uyên, Điện Biên, Tam Đường... Nhiều nhà máy chế biến nông - lâm sản cũng đã được xây dựng, áp dụng những dây chuyền công nghệ tiên tiến như các nhà máy chè, nhà máy gỗ đang phát huy hiệu quả kinh tế cao.

Đất đai và khí hậu Tây Bắc đã tạo cho nông nghiệp, lâm nghiệp khả năng đa dạng hóa rất đặc biệt và phong phú. Ở vùng cao trồng được các loại rau và quả có nguồn gốc ôn đới trong khi ở các vùng khác lại có các loại cây đặc sản nổi tiếng như : muỗm Yên Châu, cam Mường Phồn, lê Sìn Hồ, thảo quả Phong Thổ, chè tuyết Suối Giàng. Hoa quả, thảo dược, cây công nghiệp ngắn ngày (đậu tương, mía...), cây công nghiệp dài ngày (chè, quế...) có thể chế biến thành những mặt hàng xuất khẩu có giá trị.

Tây Bắc đang từng ngày từng giờ "đổi thịt, thay da". Theo người dân địa phương kể lại, thị xã Sơn La trước kia chỉ có vài con đường đất nhỏ hẹp ở phố Chiềng Lề, Tô Hiệu nối ra cầu Trắng, cầu Sắt với câu vè : "nhà không số, phố không tên, đêm không đèn". Ngày nay, Sơn La là một trong những thị xã miền núi có tốc độ đô thị hóa nhanh và đẹp. Một vùng đất rộng lớn ở cửa ngõ thuộc xã Chiềng Sinh trước kia là cỏ dại, đất hoang, trong mấy năm đổi mới đã hình thành khu công nghiệp mới với các nhà máy : bê tông đúc sẵn, gạch tuy nen 20 triệu viên/năm, xi măng 8,2 vạn tấn/năm, tổ hợp cụm các công trình công nghiệp ; rồi cả Trường cao đẳng sư phạm... Nơi cửa ngõ này cho chúng tôi cảm giác về một thị xã đang chuyển mình và phát triển năng động.

Vẻ đẹp của các thị xã miền núi Tây Bắc giờ đây có sức quyến rũ lạ thường. Những ngôi nhà nhiều tầng san sát của nhân dân với các kiểu cách hiện đại đang được bố trí, quy hoạch theo những tiêu chí mới. Các khu chợ trên đường phố rực rỡ các màu sắc trang phục của các dân tộc Mông, Thái, Tày... Các thị trấn đều được quy hoạch, mở rộng gấp chín mười lần so với trước đây. Hệ thống đèn điện công cộng thắp sáng khắp các phố phường, cây xanh hè phố, vệ sinh môi trường, cảnh quan, nhịp sống đô thị đang bừng dậy. Thị xã Điện Biên sau những trận thiên tai đã hồi sinh mạnh mẽ, đang hình thành hai vùng kinh tế mới : đô thị và nông thôn, tập trung phát triển nông - lâm nghiệp và kinh tế trang trại. Hệ thống bưu điện, tín dụng ngân hàng, vận tải, du lịch, nhà hàng, khách sạn... tạo thành khu đô thị rộng lớn, là trung tâm thương mại, dịch vụ của tỉnh Lai Châu. Trong đà đô thị hóa và công nghiệp hóa sôi động của vùng Tây Bắc hiện nay, chúng tôi vẫn còn gặp những con đường dài còn hoang vắng. Trong đó con đường từ Lai Châu sang Lào Cai như giải thắt lưng hoa lý cuối cùng còn sót lại. Để rồi sau giải thắt lưng hoa lý ấy, chúng ta bỗng ngỡ ngàng trước vẻ đẹp và những đổi thay kỳ diệu ở Sa Pa, thị xã Lào Cai, Cam Đường, thị trấn Phố Lu, Phố Ràng...

Màu xanh đang dần trở lại với núi rừng Tây Bắc. Tuy nhiên, nơi đây vẫn còn bao điều trăn trở, bức xúc. Trên những nẻo đường chúng tôi qua còn không ít vùng đất trống,

Digitized by Google

đồi núi trọc. Rừng và thảm thực vật tự nhiên đang bị cạn kiệt. Độ che phủ chỉ còn trên dưới 20%, có nơi chỉ 10%, thấp nhiều so với mức an toàn sinh thái tối thiểu (33%). Do địa hình dốc, rừng bị phá, đồi núi trống trọc, mùa mưa lũ lớn đã gây nên xói mòn, sụt lở nghiêm trọng ; có nơi đã trở thành những thảm trạng như những trận lũ ống, lũ quét vừa qua ở Sìn Hồ, Sa Pa... Điều đáng mừng là đến làng bản, huyện, tỉnh nào của Tây Bắc, chúng tôi cũng nhận thấy sự quyết tâm cao của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân trong việc khôi phục lại rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, đưa độ che phủ mặt đất từ 20% hiện nay lên 40 - 50% trong vòng từ 5 đến 10 năm tới, bảo vệ an toàn mặt đất và cân bằng sinh thái. Có giữ được đất và phát triển được rừng thì mới có vùng lãnh thổ đặc biệt, mới chiến thắng được nghèo nàn, lạc hậu.

2. Vượt qua đói nghèo.

Đứng trên độ cao từ 600 m trở lên so với mặt nước biển, các tỉnh thuộc Tây Bắc là vùng núi non hiểm trở, trùng điệp, rộng lớn. Đây là những tỉnh mà tỷ lệ đói nghèo còn cao, chiếm khoảng 27,44%. Theo chúng tôi nguyên nhân trực tiếp dẫn đến đói nghèo của đồng bào các dân tộc Tây Bắc là do thường xuyên bị thiên tai, mất mùa, môi trường bị tàn phá nặng nề, điều kiện địa lý phức tạp, khó khăn ; cơ sở hạ tầng thiếu và yếu, trình độ dân trí thấp, sinh đẻ nhiều, tập quán du canh du cư, canh tác theo kiểu cũ, năng suất thấp, chi tiêu trong gia đình không tiết kiệm và không có kế hoạch, chưa tiếp cận được thông tin và kinh tế thị trường. Đói nghèo lạc hậu lại là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng di dân tự do, tái trồng cây thuốc phiện, các tôn giáo xâm nhập gây nhiều tác động tiêu cực về tư tưởng chính trị, văn hóa, xã hội, làm đình trệ sản xuất, mất ổn định về đời sống và mai một các phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc.

Từ nhiều năm nay, Đảng và Nhà nước ta đã chú trọng đầu tư phát triển kinh tế - xã hội bằng nhiều chương trình, dự án cụ thể, nhất là đầu tư mạnh về cơ sở hạ tầng cho vùng Tây Bắc, từng bước thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và mức sống của nhân dân ; trong đó chương trình đầu tư cho các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa (gọi tắt là Chương trình 135) được triển khai ba năm nay cùng các chương trình lồng ghép khác đã thật sự phát huy mọi mặt đối với các tỉnh Tây Bắc.

Đến Tây Bắc hôm nay chúng ta dễ dàng nhận rõ bước phát triển khá toàn diện. Các tỉnh nằm trong diện đặc biệt khó khăn đều có những đổi thay dễ thấy. Sơn La đã xây dựng được vùng nguyên liệu hàng vạn ha, bao gồm : cà phê, mía, chè, dâu tằm và cây ăn quả ; độ che phủ của rừng tăng từ 9% năm 1995 lên hơn 20% năm 2000 ; mức tăng trưởng kinh tế cao, nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân thời kỳ 1996 - 2000 trên 9% ; cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch quan trọng theo hướng phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ; GDP nông - lâm nghiệp tăng 7,9% (năm 2000), tỷ trọng cây công nghiệp, chăn nuôi, nghề rừng ngày càng lớn, sản lượng lương thực tăng 6,9%/năm. Lai Châu đã hình thành một số vùng cây công nghiệp gắn với chế biến như : chè ở Tam Đường, Bình Lư ; cà phê ở Mường Ảng, Điện Biên ; khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng mới trong vòng 5 năm đạt 11 160 ha ; tăng độ che phủ của rừng từ 14% năm 1995, lên 31% năm 2000 ; tổng sản lượng lương thực (quy thóc) đạt 190 ngàn tấn, tăng 3,65%, trong đó tỷ trọng lúa ruộng 51% ; bình quân lương thực đạt 312 kg/người. Lào Cai cũng đang có nhiều khởi sắc, giá trị tổng sản phẩm (GDP) tăng bình quân 9-10%/năm ; giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp tăng bình quân 6%/năm, cây công nghiệp tăng 25%/năm, thương mại - du lịch tăng 20%/năm,

Digitized by Google

thu ngân sách tăng 25%/năm ; độ che phủ của rừng từ 16% năm 1991 lên 32,4% năm 2000, tỷ lệ đói nghèo còn 21,1%. Năm 2000, mức tăng trưởng kinh tế của Lào Cai 9,07%, Sơn La 7,91%, Lai Châu 6,43% ; thu nhập bình quân đầu người : Lào Cai 2,3 triệu đồng, Sơn La 1,9 triệu đồng, Lai Châu 2 triệu đồng. Trong khi đó tăng trưởng kinh tế của cả nước là 6,7%, thu nhập bình quân đầu người là 5,72 triệu đồng. Phong trào xóa đói giảm nghèo đạt kết quả đáng phấn khởi (bình quân giảm khoảng 4,4%/năm), số hộ khá và giàu không ngừng tăng lên.

Tây Bắc đang vượt khỏi tình trạng đói nghèo bằng xây dựng các mô hình kinh tế. Đáng chú ý nhất là việc hình thành và phát triển kinh tế trang trại gia đình. Mô hình này phát triển rất phong phú và đa dạng, theo hướng kinh doanh tổng hợp chiếm khoảng 86,6%, lâm nghiệp 10,7%. Do bình quân đất trồng trọt thấp nên ngoài phần đất canh tác, người dân hướng tới khai thác đất trống, đồi núi trọc, đất hoang hóa để trồng rừng, cây ăn quả, cây công nghiệp hoặc cải tạo đất xấu để thâm canh, làm ao hồ nuôi trồng thủy sản. Theo thống kê, hiện nay ở các tỉnh Tây Bắc có từ 1 216 đến 7 250 trang trại. Nhiều trang trại có tới 100 nhân công. Các trang trại đã cung cấp phần lớn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ, giấy, chè. Hơn 60% giá trị kim ngạch xuất khẩu của Tây Bắc là sản phẩm hàng hóa được sản xuất từ khu vực kinh tế trang trại.

Kinh tế trang trại Tây Bắc không chỉ phát triển ở các huyện và xã vùng thấp mà còn ở các huyện, xã vùng cao - nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số cùng sinh sống. Nhiều huyện vùng núi như Điện Biên (Lai Châu) quan tâm giải quyết việc làm cho người lao động bằng cách khuyến khích mở rộng ngành nghề, phát triển các mô hình kinh tế, các trang trại nông - lâm nghiệp. Đến nay toàn huyện đã có 226 trang trại với vốn đầu tư từ 20 triệu đồng trở lên. Kinh tế trang trại ở đây đã phát huy hiệu quả, nâng cao thu nhập cho hộ nông dân, phát triển kinh tế hàng hóa. Ông Lê Xuân Hoàn, bản Thanh Xuân, có trang trại 60 ha trồng cam đã cho thu nhập 40 triệu đồng/vụ. Ông Nguyễn Ngọc Chấn, bản Việt Hưng, nhờ trồng giống lúa hàng hóa, kết hợp trồng cây ăn quả và chăn nuôi cũng cho thu nhập 40 đến 50 triệu đồng/năm. Kinh tế trang trại phát triển góp phần làm cho bộ mặt nông thôn Điện Biên từng bước đổi mới. Năm 1996, toàn huyện có 7% số hộ giàu, năm 2000 tăng lên 10%, đã xóa được đói, giảm được nghèo, đời sống người dân từng bước được ổn định và cải thiện. Các trang trại ở huyện Kỳ Sơn, Tân Lạc (Hòa Bình) chủ yếu tập trung kinh tế vườn rừng, có trang trại rộng 30 ha, chăn nuôi đại gia súc. Nhiều trang trại ở Lào Cai phát triển cây đặc sản ôn đới. Riêng cây ăn quả đã hình thành vùng sản xuất tập trung có sản lượng cao như mận Bắc Hà, hằng năm cho sản lượng ổn định từ 20 000 đến 25 000 tấn. Các trang trại ở huyện Trấn Yên, Yên Bình, Văn Yên, Văn Chấn (Yên Bái) phần lớn chuyên về trồng rừng, cung cấp các lâm sản (quế, bồ đề), kết hợp với kinh doanh tổng hợp (chè, trâu bò và lương thực). Các mô hình này đã góp phần làm thay đổi môi sinh, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, tăng độ che phủ của rừng. Nhiều chủ trang trại ở Yên Bái đã làm ăn thành công như ông Nguyễn Văn An, xã Đại Sơn, Văn Yên có một trang trại trồng 40 ha quế từ 1 đến 15 tuổi, trị giá 1,01 tỉ đồng. Bà Lò Thị Puốn ở Bản Nam (Sơn La) chỉ có 2 ha cà phê mà mỗi năm cho thu hoạch từ 30 đến 40 triệu đồng. Hầu hết các hộ làm trang trại đều mua sắm được những tiện nghi đắt tiền như : xe máy, ti vi, tủ lạnh và không ít hộ có giá trị tài sản hàng trăm triệu đến hàng tỉ đồng.

Kinh tế trang trại đã tạo thế và lực mới cho vùng Tây Bắc phát triển nông - lâm nghiệp toàn diện ; tạo khả năng mở rộng kinh tế

Digitized by Google

thị trường, khai thác tiềm năng, nguồn lực to lớn trong nông nghiệp, nông thôn ; thúc đẩy các nhu cầu về cơ sở hạ tầng như : đường giao thông, điện, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục... cải thiện đáng kể đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số. Khi được hỏi về kinh nghiệm để phát triển kinh tế trang trại, đồng chí Giàng Seo Phử, Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai cho chúng tôi biết : "Kinh tế trang trại vùng Tây Bắc tuy đã đạt được một số thành quả bước đầu, song vẫn còn những khó khăn cần được tháo gỡ, giải quyết. Cần có phương án quy hoạch, phát triển kinh tế trang trại cụ thể, nhằm khai thác có hiệu quả tài nguyên và nguồn lực sẵn có của từng vùng để sản xuất ra nhiều sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao, khắc phục tình trạng phát triển tự phát, tràn lan, không sát với yêu cầu của thị trường dẫn đến sản xuất, kinh doanh kém hiệu quả. Phải có cơ chế, chính sách hợp lý để kích thích sản xuất phát triển, giải quyết hài hòa mối quan hệ về lợi ích giữa nhà nước, tập thể, người lao động và các chủ trang trại. Mặt khác, phải tạo điều kiện nâng cao trình độ quản lý kinh tế, tiếp thu khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh của các chủ trang trại... kinh tế trang trại đã mang lại lợi ích thiết thực cho các hộ gia đình, góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo ở Lào Cai cũng như các dân tộc miền núi Tây Bắc..."

Hướng đi của các tỉnh Tây Bắc là tập trung khai thác tiềm năng đất đai, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, tổ chức lại sản xuất cây trồng gắn với việc điều chỉnh các khu dân cư. Nhiều tỉnh có chủ trương đưa dân ở vùng thấp, sản xuất gặp khó khăn lên vùng cao, đất tốt, đưa đồng bào nơi vùng cao xuống bố trí xen kẽ các khu dân cư để các cộng đồng dân tộc giúp nhau sản xuất. Mục tiêu đến năm 2005, phải ổn định dân cư, hình thành các vùng kinh tế mới. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thay đổi cây trồng, vật nuôi là một trọng tâm lớn trong chương trình xây dựng, phát triển nông thôn mới. Để tiến trình ấy đi nhanh và hiệu quả hơn, các tỉnh Tây Bắc xác định cần có những điều kiện bảo đảm mà trọng tâm là hệ thống đường giao thông. Thực hiện phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm", mấy năm nay kết cấu hạ tầng nông thôn Tây Bắc đã đổi thay nhiều. Hàng ngàn km đường giao thông nông thôn được mở rộng, nâng cấp. Huyết mạch giao thông là điều kiện cho phát triển sản xuất hàng hóa, thúc đẩy nhanh việc hình thành các vùng kinh tế, khai thác mọi tiềm năng của địa phương.

Vấn đề cốt tử để vượt qua đói nghèo được các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương các tỉnh Tây Bắc quan tâm, đó là an ninh lương thực. Nhờ thay đổi cơ cấu mùa vụ, giống lúa mà Tây Bắc đã giảm dần được sự thiếu hụt lương thực. Yên Bái là tỉnh đi đầu trong sản xuất giống lúa lai F1 với diện tích hằng năm khoảng 15 đến 20 ha, diện tích lúa lai đại trà 13 000 ha chiếm 33% ha diện tích lúa hằng năm với năng suất 55 tạ/ha. Diện tích ngô tăng khoảng 20% so với những năm trước, do đưa mạnh giống ngô lai có năng suất cao vào sản xuất. Năm 1998, Yên Bái tự túc được 84,6% ; năm 1999 : 85,8% và năm 2000 là 86,4% lương thực. Lai Châu mấy năm trước đây tỷ lệ đói nghèo còn ở mức cao, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số (chiếm 37,2%), hằng năm lương thực thiếu triền miên. Đến nay do tỉnh chủ trương khai hoang mở rộng diện tích, nâng cấp cải tạo các công trình thủy lợi, tăng diện tích lúa nước, tiếp thu các công nghệ lúa lai, ngô lai vào sản xuất, mức tăng trưởng lương thực hằng năm lên 3,3%. Chúng tôi đến cánh đồng lúa cao sản vùng lòng chảo Điện Biên và Phong Thổ đang vào mùa lúa chín vàng rực, hứa hẹn một mùa bội thu lớn, đáp ứng nhu cầu lương thực tại chỗ và có một phần cung cấp cho một số tỉnh trong vùng.

Digitized by Google

Cuộc sống đang sinh sôi trên giải đất này. Hiệu quả của đường lối phát triển kinh tế, của các chương trình đầu tư của Đảng và Nhà nước đối với vùng sâu, vùng xa đang làm cho từng bản làng thay da đổi thịt. Thành quả ấy không chỉ đem lại cuộc sống ấm no hạnh phúc mà còn là chất keo dính cho sự qui tụ, đoàn kết các dân tộc anh em và là nguồn lực to lớn tạo đà cho cả vùng phát triển mạnh mẽ trên con đường đổi mới.

3. Nét khởi sắc trong văn hóa, giáo dục.

Năm tháng chắt chiu dòng mật ngọt của núi rừng Tây Bắc, nuôi dưỡng nên một nền văn hóa với những sắc thái riêng, phong phú và độc đáo cả trong văn hóa phi vật thể và văn hóa vật thể. Điều đáng nói là, trong hoàn cảnh chiến tranh kéo dài, văn hóa của các dân tộc Tây Bắc đã không bị mất mát vì bom đạn, vẫn được bảo lưu và có sức sống mạnh mẽ. Trong quá trình đổi mới, công trình thủy điện Hòa Bình và bao công trình thế kỷ khác đã mọc lên nhưng không làm cho bức tranh văn hóa các dân tộc Tây Bắc nhạt nhòa, biến dạng. Có thể nói, suối sâu, đèo cao cùng các chủ nhân miền Tây Bắc đã giữ gìn, bồi đắp và sáng tạo nên một vùng văn hóa đa dạng, đặc sắc.

Trong những năm gần đây các chính sách của Đảng và Nhà nước đang tác động nhiều đến các cộng đồng dân tộc, trước hết phải kể đến các chương trình kinh tế - xã hội như : xóa đói, giảm nghèo, đầu tư các cơ sở hạ tầng, phát triển y tế, giáo dục... Đời sống của người dân thay đổi, từ đó nhu cầu về văn hóa, tinh thần cũng được nâng lên. Các dự án phát triển cơ sở hạ tầng đang làm giảm dần khoảng cách giữa các cộng đồng dân tộc, làm thay đổi dần những phong tục tập quán lạc hậu của các dân tộc. Sự giao thoa, ảnh hưởng giữa các nền văn hóa đã vốn có trong lịch sử nay lại có cơ hội phát triển mạnh mẽ. Chính những tiếp xúc này là một trong những yếu tố quan trọng làm biến đổi văn hóa của các cộng đồng. Những lối sống mới đang được người dân tiếp nhận, các giá trị mới cũng đang khẳng định vị trí của mình.

Theo báo cáo của các đồng chí làm công tác văn hóa ở các tỉnh Tây Bắc, mỗi tỉnh đều có hàng trăm đội văn nghệ. Sơn La có nhiều bản văn nghệ nổi tiếng như : bản Cọ, bản Panh, bản Cá, bản Bó, bản Công, bản Lầu... Hình thức văn nghệ phổ biến nhất của đồng bào là múa tập thể. Kết thúc thường bằng những điệu múa sạp rộn ràng, cuốn hút nhiều người vào cuộc. Bản nào cũng có thể tổ chức đêm văn nghệ tự biên, tự diễn phong phú, say đắm lòng người. Chủ trương của Đảng về khôi phục và phát huy truyền thống văn hóa các dân tộc được quán triệt tới từng bản, đáp ứng được tình cảm của người dân. Trong buổi liên hoan văn nghệ với bản Cọ, chị Lò Thị Ban, trong bộ váy mới khoe với chúng tôi : "Con ma đói, ma đau bản em đã bị các bác sĩ đuổi khỏi từ lâu rồi..." Đúng là trên các bản làng Tây Bắc hôm nay, cuộc sống đã thật sự khởi sắc. Dân làng tiếp nhận cuộc sống mới với ý thức làm chủ, không còn cảnh ăn ở mất vệ sinh. Gia cầm, gia súc được nhốt trong chuồng trại xa nơi ở, người dân đã biết sử dụng các loại máy móc, công cụ cầm tay phục vụ lao động sản xuất. Chị Ban còn nói : "Bây giờ "bắt chồng" sướng lắm, không cực như ngày xưa. Bắt được chồng rồi thì có chi đoàn, có bản đứng ra tổ chức cho. Vợ chồng về ăn ở với nhau có nhà có rẫy, có xe. Ngày xưa mình đi "bắt chồng" khổ lắm, chỉ có cái gùi và con rựa. Còn bây giờ con gái "bắt chồng" có tất cả, sướng cái bụng lắm..."

Bịn rịn, dùng dằng mãi rồi cũng phải chia tay với bản Cọ và các bản làng Sơn La, chúng tôi tìm đến huyện Phong Thổ, cửa ngõ đông bắc, tỉnh Lai Châu. Phong Thổ hiện ra trước mắt chúng tôi đẹp như một bức tranh với ngút ngàn chè xanh, với trang phục đủ màu sắc của người Thái, người Dao, người Mông... Cuộc sống ở đây thật thanh bình. Qua tìm hiểu, chúng tôi biết, Phong Thổ nằm dọc 80 km

Digitized by Google

đường biên giới, là quê hương của 100 000 đồng bào, gồm 17 dân tộc anh em từ 18 tỉnh, thành phố về đây lập nghiệp. Vốn quý nhất của con người vùng đất này là lòng nhiệt tình, tinh thần đoàn kết thương yêu đùm bọc lẫn nhau, cùng phấn đấu xây dựng cuộc sống mới. Theo sự chỉ dẫn của một cán bộ huyện ủy, chúng tôi vào nhà ông Nguyễn Văn Công, bí thư đảng ủy xã Tam Đường. Ông Công nói : "Từ ngày thực hiện những quy ước của nếp sống mới, chúng tôi thấy tư tưởng thoải mái hơn. Dù no hay đói nhưng tình làng nghĩa xóm luôn được đề cao, hiếm khi xảy ra xích mích. Cuộc sống của gia đình tôi cũng như nhiều gia đình trong xã có thu nhập khá cao, đời sống ngày một tốt hơn...". Cũng như Tam Đường, nhiều huyện, xã vùng Tây Bắc đang vận động xây dựng nếp sống mới. Nhân dân được tiếp thu chủ trương xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa qua hệ thống truyền thanh của huyện. Bà con các dân tộc quyết tâm cùng nhau bài trừ các tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, vận động thanh niên tổ chức những đám cưới tiết kiệm, tránh phô trương tốn kém. Hằng tháng, băng hình tuyên truyền về kế hoạch hóa gia đình, phòng chống HIV - AIDS, bài trừ tệ nạn xã hội... được chiếu tại nhà trưởng bản. Nhiều hội thi, hội diễn nghệ thuật quần chúng như : Hội diễn ca múa nhạc lần thứ hai, liên hoan văn nghệ các xã biên giới và bộ đội biên phòng... làm phong phú thêm đời sống tinh thần, góp phần giữ gìn phát huy nét đẹp, giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận thấy đời sống văn hóa mới của không ít dân tộc trên rẻo cao vùng Tây Bắc vẫn chưa đạt được mức độ cần phải có để hòa nhập và giao lưu với các dân tộc khác trên đất nước ta. Vẫn còn một khoảng cách khá xa trong việc thụ hưởng các giá trị văn hóa giữa dân tộc Kinh và các tộc thiểu số khác, giữa miền xuôi và miền núi. Quá trình rút ngắn khoảng cách về văn hóa, kinh tế, nhất là khoảng cách về hưởng thụ văn hóa vẫn còn là một vấn đề cấp thiết, đòi hỏi sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực của các ngành, các cấp với những giải pháp khả thi và có hiệu quả.

Trong sự chuyển động đi lên của Tây Bắc, không chỉ có những nét khởi sắc trong văn hóa mà sự nghiệp giáo dục cũng đạt được những thành quả bước đầu rất quan trọng. Nhiều vùng đất Tây Bắc chúng tôi qua đã hình thành những khu dân cư mới gồm đủ các công trình : điện - đường - trường - trạm. Trên đường đến thăm Trường phổ thông dân tộc nội trú Tân Lạc (Hòa Bình), có già làng kéo tay tôi nói : "Cái chữ nó ở trong đó, con em của đồng bào mình bây giờ đứa nào cũng được đi học, tối về nghe chúng nó học bài mà ưng cái tai, sướng cái bụng". Đúng là giáo dục ở Hòa Bình đang có những thành quả tốt đẹp. Một tỉnh miền núi nhưng cứ ba người dân có một người đi học, 100% số xã có trường tiểu học, hơn 90% số xã có trường trung học cơ sở. Mỗi huyện có hai, ba trường trung học phổ thông. Ngoài ra còn có hơn chục trường phổ thông dân tộc nội trú các cấp. Trường phổ thông dân tộc tỉnh mở cả lớp chuyên để tạo nguồn đào tạo nhân tài người dân tộc. Trong hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, có cả hai trường nội trú cấp liên xã ở Hang Kia-Pa Cò (Mai Châu) và Mường Chiềng (Đà Bắc). Nơi đây xưa không có nổi một học sinh người Mông học tới lớp 5, thì nay đã có giáo viên "cắm bản" người Mông dạy cho người Mông. Mỗi thôn, bản người Mông đều có lớp học của người Mông, nhiều như hoa rừng. Ở nhiều xã vùng cao cũng đã có học sinh người Dao tốt nghiệp lớp 12. Năm 2001 - 2002, tổng số học sinh dân tộc toàn tỉnh là 141 198 tăng 1 046 học sinh so với năm học 1999 - 2000.

Một thành quả đáng phấn khởi là vào năm 2000 các tỉnh vùng Tây Bắc đều được

Digitized by Google

công nhận đạt tiêu chuẩn quốc gia về xóa nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Tây Bắc đang củng cố và phát huy những kết quả đó, đồng thời triển khai thực hiện mục tiêu phổ cập trung học cơ sở. Mạng lưới trường lớp mầm non với các loại hình mầm non bán công, dân lập, tư thục đang được phát triển ở các thôn bản. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 và học sinh hết lớp 5 vào lớp 6 được duy trì đạt trên 80% hằng năm. Các lớp xóa mù chữ cho số người trong độ tuổi còn mù chữ, các lớp sau xóa mù chữ cho số người đã được công nhận xóa mù chữ đang được triển khai rộng rãi. Những đối tượng trong độ tuổi 15 đến 18 không đi học phổ thông được vào học ở các lớp bổ túc văn hóa. Tây Bắc đang tập trung đầu tư xây dựng đội ngũ giáo viên, từng bước bảo đảm đủ về số lượng, cơ cấu theo môn học, tăng cường giáo viên cho vùng cao. Những giáo sinh đã tốt nghiệp đại học và cao đẳng sư phạm đang chờ công tác đều được ký hợp đồng dạy học. Ở những xã đặc biệt khó khăn, Nhà nước đầu tư cho việc xây dựng trường học kiên cố. Những học sinh nghèo đều được hưởng chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ giấy bút, sách giáo khoa...

Sự nghiệp văn hóa, giáo dục phát triển, trình độ dân trí không ngừng được nâng cao, cái vòng kim cô cay nghiệt : *mù chữ sinh ra đói nghèo, đói nghèo dẫn đến mù chữ* hàng nghìn đời xưa của người dân vùng cao Tây Bắc đã được xóa bỏ. Cô giáo Thùy Liên, người dân tộc Hà Nhì, Điện Biên (Lai Châu) tâm sự với chúng tôi : "Con cháu bây giờ đã học được nhiều chữ của Bác Hồ ; biết được nhiều điều hay, lẽ phải ; nghe theo lời Chính phủ, đi trồng cây gây rừng, phá đá mở đường, bắt điện về thay sao, làm cho quê hương mình giàu đẹp...".

Chia tay với Tây Bắc, chúng tôi cứ ngẫm nghĩ mãi về lời tâm sự đó của cô giáo Thùy Liên ! ❑

KẾ TỤC VẺ VANG...

(Tiếp theo trang 52)

thường xuyên đạt trên 99% ; giá trị sản phẩm tăng gia sản xuất 250 nghìn đồng/người/năm, đưa vào ăn thêm 825 đồng/người/ngày, tăng dần tỉ lệ này hằng năm.

- Có kế hoạch và biện pháp cụ thể thực hiện tốt công tác dân vận trên địa bàn đứng chân thuộc vành đai căn cứ. Góp phần cùng địa phương xây dựng cơ sở chính trị, địa bàn an toàn.

Ra đời trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, được Đảng giáo dục, rèn luyện, nhân dân ủng hộ, cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của dân, của nước. Lịch sử Quân đoàn là biểu hiện sống động của tình đoàn kết quân - dân, tình hữu nghị quốc tế. Vì nhân dân chiến đấu, xây dựng ; được dân tin, yêu, đùm bọc không chỉ là truyền thống tốt đẹp mà còn là nhân tố có ý nghĩa quyết định giúp Quân đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ trong nhiều năm qua. Với bề dày chiến công và thành tích, Quân đoàn đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều danh hiệu cao quý : Danh hiệu *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân* ; 2 *Huân chương Hồ Chí Minh* ; 2 *Huân chương Quân công hạng nhất*. Có 31 cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn (trong đó có 14 liệt sĩ), được tuyên dương danh hiệu *Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân*. Nhà nước Cộng hòa nhân dân Cam-pu-chia trao tặng cho Quân đoàn phần thưởng cao quý - *Huân chương Ăng-co*.

Trước những yêu cầu của giai đoạn lịch sử mới, cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn 4 nguyện kế tục xứng đáng truyền thống "Trung thành, đoàn kết, anh dũng, sáng tạo, tự lực, quyết thắng" vẻ vang của Binh đoàn Cửu Long anh hùng, cùng cả nước thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.❑

Digitized by Google

NÊN TRONG HAY NÊN ĐỤC ?

VŨ VĂN

TRONG một hội nghị quan trọng, khi bàn về các giải pháp chống tham nhũng, đặc biệt là việc cấm cán bộ đưa và nhận quà trong dịp lễ, tết, có một đồng chí lãnh đạo cấp tỉnh phát biểu một ý rất đáng suy nghĩ. Đồng chí ấy nói rằng : chống tham nhũng thì nhất định phải làm cương quyết rồi, nhưng đừng làm gì thái quá, nước trong quá thì cá không sống được, làm căng quá sẽ mất cán bộ !

Tôi và một số đồng chí khác cứ bàn mãi chung quanh chủ đề đó. Rõ ràng ý kiến nêu trên là tâm huyết, có trách nhiệm và trong chừng mực nào đó phản ánh đúng thực tế, nhưng cách nghĩ như thế vẫn có những khía cạnh chưa ổn.

Trước hết cần nhấn mạnh ngay là nước trong cần cho sinh hoạt con người lắm chứ. Nhưng nếu quá nhấn mạnh đến chữ *trong* như trong veo, trong vắt thì có cái gì đó thật lạnh lùng. Cứ như lúc nắng hạn, đồng khô, cỏ cháy, cơn khát đến chỉ mong trời thôi đừng trong veo để mà có mây, để mà có mưa và để mà có nước. Hoặc như nước ở hồ ao, đồng ruộng cũng thế, trong quá thì quả là ít cá và cá khó sống, nên có lẽ cũng phải đục một chút thì mới hay.

Trong tự nhiên thì như thế nhưng trong đời sống xã hội lại không phải như vậy. Trở lại vấn đề cấm đưa và cấm nhận quà biếu trong dịp lễ, tết, có nhiều ý kiến khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Ở một phía và là số đông cho rằng, đây là giải pháp đúng đắn, cần kíp, nhất định phải làm thật nghiêm túc ; chỉ có cấm triệt để không ai được biếu và không ai được nhận quà dưới bất cứ hình thức nào trong dịp lễ, tết thì mới ngăn chặn được tệ nạn dùng công quỹ để biếu xén, hối lộ. Ở một phía khác, thiểu số cũng nhất trí với việc ngăn chặn hành vi lợi dụng quà tết để hối lộ nhưng e rằng cấm tất cả, không cho ai biếu và không cho ai được nhận là không nên, làm như thế là quá đáng ; cả một năm mải làm ăn, tết đến mới có dịp đáp nghĩa nhau thì có gì phải cấm đoán ; lễ tết là phong tục, tập quán của ngàn đời chứ đâu phải bây giờ ! Một số ý kiến khác hoàn toàn đồng tình với giải pháp nêu trên nhưng chỉ băn khoăn ở tính khả thi của nó. Đã nhiều năm nay, mỗi dịp cuối năm, tết đến chúng ta đều có chỉ thị, nhắc nhở và ngăn cấm nên việc lễ tết bằng tiền công quỹ tuy cũng có thuyên giảm nhưng vẫn cứ diễn ra. Vả chăng, cấm như vậy nhưng trường hợp anh em bè bạn thăm hỏi nhau rất thành tâm, chỉ có đôi chút quà bánh chẳng lẽ phải trả lại nhau v.v...

Những ý kiến khác nhau đại loại như trên kể ra còn nhiều nhưng cũng là lẽ thường tình. Điều đáng mừng là, tất cả các ý kiến đó đều thống nhất với chủ trương chống tham nhũng, đều mong Đảng và Chính phủ có những giải pháp hữu hiệu. Vậy thì cấm triệt để việc dùng công quỹ làm quà biếu là hoàn toàn đúng đắn. Và nữa, đối với người có chức, có quyền, việc cấm mọi hành vi nhận quà, kể cả của tập thể và của cá nhân cũng là cần thiết. Cấm triệt để như vậy có nhiều điều lợi : *một là*, công quỹ không bị mất ; *hai là*, sẽ rất thuận cho nhiều cơ quan và nhiều người không hề muốn biếu xén nhưng thấy cơ quan khác làm, người khác làm thì cũng phải làm theo ; *ba là*, cán bộ có chức, quyền sẽ hết sức thanh thản.

Đúng là khó thật nhưng cứ quyết tâm là làm được vì như thế ý Đảng, chính sách của Nhà nước rất hợp với lòng dân. Như việc cấm đốt pháo nổ khó là thế nhưng cuối cùng đã làm được và cũng thành nếp quen mỗi tết đến không cần thiết phải có pháo nổ đinh tai, nhức óc mà vẫn cứ vui. Bây giờ càng nên tạo nếp quen mới là ngày lễ, tết thăm nhau không cần có túi quà nữa. Như thế thì thật thoải mái và minh bạch, quyết không cho "đục nước" để "béo cò". Và như thế, thì nên trong lắm chứ. *Trong* ở đây có nghĩa là *trong sáng, trong sạch, trong lành*, một chữ trong trọn nghĩa. ❑

Digitized by Google

SỰ SỤP ĐỔ CỦA THÁP TIỀN

VŨ ĐÌNH CỰ *

Sự kiện thảm khốc ngày 11-9 vừa qua tại Niu Oóc và Oa-sinh-tơn thật khủng khiếp, cướp đi mạng sống của trên năm ngàn người, làm cho nhân dân Mỹ và nhân dân toàn thế giới phẫn nộ. Chắc chắn phải mất nhiều thời gian mới làm rõ nguyên nhân sâu xa và thủ phạm, mà bây giờ gọi chung là chủ nghĩa khủng bố. Hiện nay đang còn nhiều nhận định rất khác nhau về sự kiện này với nhiều câu hỏi đặt ra mà không dễ gì tìm thấy lời giải đáp. Ví dụ : đây là một sự kiện có tính ngẫu nhiên, đơn lẻ hay đó là tiếng sét báo hiệu một cơn giông tố lớn ? Bài viết này không có tham vọng đề cập các vấn đề còn chờ khoảng thời gian đó, chỉ mong góp phần làm sáng tỏ một số khía cạnh của sự kiện đang diễn biến phức tạp.

1. Khủng bố (dùng) công nghệ cao.

Khủng bố hiểu theo nghĩa thông dụng, là hành vi bạo lực tội phạm nhằm mục đích khuất phục ý chí hoặc chiếm đoạt trái phép các giá trị. Như vậy, mọi cuộc chiến tranh xâm lược, mọi hành vi bóc lột đều là khủng bố hoặc là nguyên nhân của khủng bố. Các hành vi dã man của bọn thực dân, đế quốc xâm chiếm nước ta, của bọn ma-phi-a quốc tế, của bọn diệt chủng Pôn Pốt ở Cam-pu-chia, của bọn Nguyễn Hữu Chánh, Võ Đại Tôn, Lý Tống, v.v. đều là khủng bố.

Hành động xảy ra ngày 11-9 vừa qua ở Niu Oóc và Oa-sinh-tơn đúng là hành động khủng bố vì đó là bạo lực tội phạm làm thiệt mạng hàng ngàn người vô tội. Điều trớ trêu là chính ở Mỹ, nước có trình độ công nghệ cao phát triển nhất thì hành động khủng bố lại cũng được nâng mức bi thảm bằng các công nghệ cao đó. Có thể nói, mức độ thâm độc và nham hiểm của bọn khủng bố ngày 11-9 là chưa từng có trong lịch sử, thể hiện ở các điểm dưới đây.

a) Việc lựa chọn mục tiêu đánh phá của bọn khủng bố là cực kỳ thâm độc : Trung tâm Thương mại thế giới (WTC) là một tháp đôi cao bậc nhất của thế giới (thường xây tháp đôi, một mặt có lợi về kết cấu nền móng và cấu trúc bền vững, đồng thời phù hợp với giáo điều của thuyết phong thủy). Điều quan trọng là ở đây có khoảng 5 vạn nhân tài của thế giới tư bản làm việc, tạo ra "cái rốn" tiền bạc của chủ nghĩa tư bản toàn cầu hóa mà từ đó phát ra mệnh lệnh có thể gây sóng gió khủng khiếp cho các thị trường ở xa hàng vạn dặm. WTC là biểu tượng cao nhất của chủ nghĩa tư bản hiện đại, ở đây hằng ngày có dòng tư bản, mà phần lớn là tư bản giả (1) khoảng một ngàn tỉ đô la Mỹ (2) được luân chuyển đến toàn thế giới. Sự kiện ***sụp đổ tháp tiền bạc*** WTC có tác động như một "cú đấm nốc ao" làm cho đối phương không dễ tỉnh lại ! Đánh sụp WTC không chỉ là hạ bệ và làm nhục hình ảnh và vai trò siêu cường số một mà còn là sự răn đe ngạo mạn đến nhiều nước, đặc biệt là các nước thân Mỹ.

Việc đánh phá Lầu năm góc lại mang một thâm ý khác của bọn khủng bố, thể hiện sự khinh thường, nhục mạ lực lượng quân sự Mỹ, giống như việc răn đe trong xử sự thanh toán lẫn nhau của các phe nhóm, dằn mặt thủ lĩnh đối phương.

---

* GS. Chủ tịch Ủy ban Hòa bình Việt Nam

(1) Xem thêm C.Mác, Ph.Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t 25, tr 10, 30

(2) Xem thêm Tạp chí Cộng sản, số 1 (1-1998), tr 10

Digitized by Google

Việc lựa chọn mục tiêu trên đây rõ ràng là có tính chất khiêu khích cao độ, không thể chỉ là một sự trả thù đơn lẻ, mà hẳn phải thuộc một âm mưu to lớn trong ván chơi quyết định của "bàn cờ lớn".

b) Công cụ và biện pháp hành động của bọn khủng bố là cực kỳ nham hiểm. Chỉ riêng việc nhằm vào năm 2001, năm mở đầu thế kỷ và thiên niên kỷ để hạ sát đối thủ sẽ để lại nỗi ám ảnh kinh hoàng và đáng là bậc thầy của "kẻ đốt đền" trong lịch sử.

Làm thế nào để đánh sụp cả hai tháp mà không dùng thuốc nổ vì việc này đã một lần bị bại lộ ? Việc chọn số xăng máy bay dự trữ trong một máy bay dân sự lao vào tháp để làm tháp sụp đổ là một tính toán đòi hỏi một khối kiến thức khổng lồ thuộc các bộ môn khoa học cao cấp như thủy khí động lực học, nhiệt học, kim loại học, động lực học cấu trúc, kỹ thuật nổ, v.v. Dù có nhóm chuyên gia giỏi các môn khoa học - công nghệ như trên mà không có máy siêu tính có tốc độ trên 1 000 tỉ phép tính trong 1 giây đồng hồ như ở nước Mỹ thì không thể nào làm nổi thí nghiệm mô phỏng trên máy tính, để phát hiện ra việc sụp đổ của tòa tháp.

Một máy bay nặng vài trăm tấn (kể cả nhiên liệu) bay với tốc độ vài trăm km/giờ, khi lao vào tòa tháp cũng chỉ có thể gây nên sức công phá bằng động năng, cỡ như 1-2 tấn thuốc nổ TNT. Nếu chỉ có thế thì chắc là tòa tháp chỉ bị trọng thương mà không sụp đổ. Vấn đề là có khoảng 100 tấn nhiên liệu của động cơ phản lực dự trữ ở trong máy bay. Loại nhiên liệu này (ví dụ loại có mác T -1 hoặc TC - 1 của Liên Xô) có năng lượng khi cháy tỏa ra khoảng 45 Mj/kg (Mj = Megajun = 1 triệu jun) gấp gần 10 lần năng lượng tỏa ra khi nổ của thuốc nổ TNT (khoảng 5 Mj/kg). Vì thuốc nổ cháy cực nhanh nên có sức công phá lớn. Bởi vậy, nếu biến xăng máy bay thành thuốc nổ được thì 100 tấn xăng biến thành 1 000 tấn thuốc nổ có năng lượng như thuốc nổ TNT (nhưng sức công phá thì không bằng vì ở dạng khí). Điều này đã xảy ra vì xăng máy bay trộn với không khí sẽ trở thành một hỗn hợp nổ mạnh. Khi máy bay Bô-ing lao vào tòa tháp, thùng xăng nổ tung, bốc cháy và hàng trăm tấn xăng bay hơi, phun vào khắp các tầng trong tòa tháp kín, giống như hàng chùm quả bom tấn được lăn vào các tầng, trong khoảnh khắc phát nổ. Tác dụng của quả bom xăng khổng lồ và sự bốc cháy dữ dội của nội thất vừa làm tan rã các kết nối cấu trúc vừa làm nhũn mềm bộ khung thép (nhiệt độ trong tòa tháp có thể lên tới trên 500°C), dẫn đến sự sụp đổ của tòa tháp phía Nam sau 1 giờ 15 phút và của tòa tháp phía Bắc sau 1 giờ 20 phút. Sau đó một số tháp thấp hơn ở gần cũng lần lượt sụp đổ vì bị xung chấn của sự sụp đổ các tháp WTC.

Rõ ràng là có một lực lượng khoa học - công nghệ có trình độ cao và có thể liên quan với các nghiên cứu quân sự ở ngay trong nước Mỹ có thể vô tình hoặc cố ý hỗ trợ mạnh mẽ cho bọn khủng bố.

c) Thủ đoạn hành động của bọn khủng bố rất tàn nhẫn và bạo liệt. Trước hết đó là việc dụ dỗ, khống chế một nhóm hàng chục thanh niên "ưu tú" có trình độ học vấn cao, được huấn luyện ý chí cuồng tín và hành động phức tạp, sẵn sàng "tử vì đạo", lấy cái chết vì chủ làm lý tưởng. Với 20 tên chính thức, thì phải có từng ấy tên dự bị nữa, nghĩa là nhóm này khoảng 50 tên, thì phép tính chứng tỏ rằng nếu độ tin cậy của mỗi tên chỉ là 99% thì cơ may thành công chỉ còn 60% ; do đó độ tin cậy của mỗi tên phải là 99,9%, nghĩa là hầu như tin cậy tuyệt đối thì cơ may thành công mới đạt 95,1%. Trong trường hợp nếu có tín hiệu về một sự dao động thì ắt hẳn đương sự phải bị thủ tiêu mà không gây nghi ngờ.

Vì vụ khủng bố cực kỳ phức tạp, kịch bản phải chuẩn bị, tính toán, lên kế hoạch hằng năm mà lại thực hiện ở ngay trên lãnh địa của các cơ quan tình báo sừng sỏ như CIA và FBI, thì về mặt tổ chức bọn khủng bố phải có trình độ tinh quái khác thường. Nhiều điệp viên lừng danh, nay đã về hưu của các tổ chức tình báo hàng đầu trên thế giới đều cho rằng : Thứ nhất, bọn khủng bố rất thông thạo xã hội Mỹ, thậm chí có thể

Digitized by Google

nhiều tên là công dân Mỹ (kiểu như T.Mc. Veigh là cựu binh Mỹ đã được thưởng Anh dũng bội tinh, năm 1995 đánh bom tòa nhà của chính quyền Mỹ ở Ô-cla-hô-ma làm thiệt mạng hàng trăm người). Thứ hai, có thể có bao che gián tiếp của một số cá nhân có cấp bậc ở các cơ quan rất có trách nhiệm của Mỹ và một số nước khác. Những ý kiến trên đây là đáng quan tâm vì nghi can số 1, theo chính quyền Mỹ là Ô-xa-ma Bin La-đen, lại chính là người đã từng được CIA đào tạo, huấn luyện truyền nghề.

2. Vòng xoáy của bạo lực.

Trong điều kiện xã hội ổn định thì lẽ phải và pháp luật có thể được sử dụng để dập tắt kịp thời các ổ bạo lực đã nhen nhúm do mâu thuẫn căng thẳng giữa các cá nhân, phe nhóm... Trong hoàn cảnh đầy rối ren, bất ổn thì nói chung bạo lực đẻ ra bạo lực và không ít trường hợp đốm lửa đốt cháy cánh đồng.

Vòng xoáy nguy hiểm.

Khi dự báo diễn biến của bạo lực, người ta thường nhắc tới quy luật là : sự gia tăng bạo lực của ngày hôm nay bằng cường độ bạo lực của ngày hôm qua nhân với yếu tố tác động. Có hai trường hợp chính xảy ra :

Trường hợp thứ nhất là khi yếu tố tác động có tính kìm hãm chống lại bạo lực thì dần dần bạo lực sẽ bị loại trừ. Đây thường là trường hợp của xã hội ổn định.

Trường hợp thứ hai là khi yếu tố tác động *trung tính*, thậm chí còn có *tính kích thích* thì bạo lực sẽ có *vòng xoáy tăng cường theo hàm số mũ* và thảm họa lớn sẽ xảy ra. Ví dụ việc các nước Tây Âu dâng Tiệp Khắc cho Hít-le đã tạo ra yếu tố kích thích dẫn tới chiến tranh thế giới lần thứ hai (1939 - 1945).

Giữa hai trường hợp nói trên còn có nhiều biến thái khác. Sở dĩ như vậy là vì các yếu tố tác động nhiều khi còn phụ thuộc vào chính bạo lực, có thể thay đổi từ kìm hãm sang kích thích hoặc ngược lại. Tính toán chiến lược phải dự báo được các tình huống phức tạp đó. Khi thảm họa chiến tranh xảy ra trong một quốc gia hoặc có quy mô quốc tế, quá trình không còn tuân theo quy luật nói trên mà thường theo các "quy luật của tai biến", nghĩa là sau khi đạt đỉnh cao của đột biến thì trong xã hội (trong một nước hoặc nhiều nước), sẽ xảy ra quá trình "tự tổ chức lại" cùng với sự chấm dứt chiến tranh. Ví dụ, chiến tranh thế giới thứ hai chấm dứt kèm theo sự tổ chức lại thế giới thành hai cực và tạo ra thế cân bằng trong chiến tranh lạnh.

Hãy cảnh giác.

Thảm họa khủng bố ngày 11-9, dù nó ghê gớm gấp hàng ngàn lần việc Kinh Kha mang chủy thủ xông vào tận triều đình toan giết tươi Tần Thủy Hoàng, thì vẫn chỉ là một hành động khủng bố mà chưa phải là một hành động chiến tranh. Đơn giản vì kẻ chủ mưu không dám lộ mặt, yêu cầu chính trị không dám tuyên bố công khai, lực lượng cơ bản là "lực lượng ảo", cướp lấy của đối thủ để hành động, v.v.

Lấy cớ chống lại hành động khủng bố đó, Mỹ đã dùng lực lượng quân sự hùng hậu tổ chức chiến tranh thực sự chống Áp-ga-ni-xtan như thế là bạo lực đã leo thang. Điều đó có nghĩa là trạng thái xã hội của thế giới một cực đã tạo ra yếu tố tác động kích thích. Do đó vòng xoáy bạo lực đang tăng tốc : I-xra-en/Pa-le-xtin - Irắc - Cô-xô-vô - Niu Oóc/Oa-sinh-tơn - Áp-ga-ni-xtan...

Chúng ta phải cảnh giác, mặc dầu biểu tình chống chiến tranh rầm rộ trên toàn thế giới, kể cả ở nước Mỹ và thái độ có vẻ như lúng túng về chiến lược của siêu cường, nhưng diễn biến đã ở vào giai đoạn nhạy cảm bất thường (hay còn gọi là phi tuyến cao độ), những lực lượng lớn khác cũng đang vận động.

Đầu thế kỷ này, đa số nhân dân các nước đều khát khao hòa bình để phát triển. Nhưng có thể có người nghĩ rằng đây lại là thời cơ duy nhất giành ngôi bá chủ, với thủ đoạn lấy sự mong muốn phát triển của các nước làm "con tin".

Có người cho rằng, ngày nay loài người đã ở trong thời kỳ xung đột giữa các nền văn minh, nghĩa là chiến tranh do mâu thuẫn văn hóa, mà không thể phân tích tìm ra nguyên nhân

Digitized by Google

từ mâu thuẫn xã hội, mâu thuẫn giai cấp và mâu thuẫn dân tộc... Đây là một suy luận phiến diện, bào chữa cho những bế tắc của chủ nghĩa tư bản. Có thể cuộc chiến tranh có phủ một "màn che" mang tính tôn giáo, văn hóa... nhưng ở tầm sâu, tận gốc rễ thì vẫn là các mâu thuẫn xã hội trên nền tảng là các mâu thuẫn quyền lợi kinh tế mà thôi.

Lực lượng tiến bộ chống chiến tranh trên toàn thế giới hiện đại đã đủ mạnh, nếu vạch trần được các nguyên nhân để cảnh giác mọi người và biết đoàn kết lại, thì chắc chắn có thể ngăn chặn được sự ***tồi tệ cuối cùng*** : chiến tranh thế giới thứ ba !

3. Thế giới sau 11-9.

Nhiều người cho rằng thế giới sau 11-9 khác hẳn về chất so với trước, vì đây là sự sụp đổ của thần tượng về chủ nghĩa tư bản hiện đại, sẽ đưa loài người đến chỗ giàu có hòa đồng, bằng toàn cầu hóa sau chiến tranh lạnh. Sự sụp đổ của tháp tiền ngày 11-9 lại làm hiện ra các mâu thuẫn cố hữu của chủ nghĩa tư bản mà trong chiến tranh lạnh họ đã có điều kiện khéo léo che đậy.

a) Ý thức hệ dầu hỏa.

Mọi thăm dò tìm kiếm đều đi đến kết luận là dầu hỏa sẽ cạn trong thế kỷ này, thậm chí đã vẽ được đồ thị diễn biến giá dầu sẽ vọt lên như tên lửa. Một trong những việc đầu tiên mà vị tổng thống mới của nước Mỹ quyết định khẩn cấp là chương trình năng lượng để cứu nguy nền kinh tế Mỹ. Chương trình ấy bao gồm việc xây dựng hàng chục tổ hợp nhiệt điện, điện hạt nhân, thậm chí cho phép xâm phạm Vườn cấm quốc gia ở A-la-xca và thẳng thừng từ chối Hiệp định Ky-ô-tô (về cắt giảm việc phát thải khí CO_2 gây biến đổi khí hậu toàn cầu). Từ đó chúng ta dễ dàng hiểu rằng việc chiếm đoạt các mỏ dầu phong phú và khống chế mức giá rẻ tài nguyên này ở các nước A-rập Trung - Cận Đông phần lớn theo đạo Hồi, là vấn đề sinh tử đối với chủ nghĩa tư bản hiện đại và đồng thời cũng tạo ra một lò lửa âm ỉ có thể bùng phát bất kỳ lúc nào. Việc đánh chiếm Áp-ga-ni-xtan còn mở ra khả năng chia "phần sư tử" của các mỏ dầu phong phú vùng biển Ca-xpi. Đó là thực chất của vấn đề, có thể gọi là đấu tranh "ý thức hệ dầu hỏa", xảy ra giữa siêu cường đứng đầu các nước tư bản phát triển với các lực lượng phản đối ở các vùng có nhiều dầu hỏa mà cực kỳ nghèo khổ, ở Trung - Cận Đông và Nam Á. Người ta liền che đậy các nguyên nhân cơ bản này bằng sự "xung đột của các nền văn minh". Sự phê phán thiếu căn cứ khoa học và phi chính trị của thuyết "sự xung đột của các nền văn minh" cũng đã được trình bày trong cuốn sách "Sự đảo lộn của thế giới - địa chính trị thế kỷ XXI". Như vậy, chiến tranh mở đầu thế kỷ XXI không phải bằng quả bom C, như người ta loan truyền, mà thực chất lại là quả bom O (C - civilisation - văn minh ; O - oil - dầu hỏa).

b) Thế giới của hòa bình.

Những đổi thay to lớn trong thế kỷ XX đã đưa nhân loại đến một giai đoạn mới, chưa từng có về mọi mặt. Với dân số trên 6 tỉ người trong đó trên 5 tỉ người biết chữ với trên 1 tỉ người có trình độ đại học và trên đại học. Sự phát triển của khoa học và công nghệ đã tạo ra một lực lượng sản xuất đủ để trung lưu hóa tất cả mọi người. Ấy thế nhưng vẫn còn có những lực lượng rất cũ, hóa trang trong các bộ đồ rất mới, cứ muốn kìm hãm loài người phải đói nghèo, bệnh tật, tha hóa và cắn xé lẫn nhau bằng chiến tranh, khủng bố, cấm vận..., phải an phận trong các lồng sắt "dân chủ" và "nhân quyền" của họ. Các thủ đoạn cũ rích về "cái gậy và củ cà rốt" lại hươ lên, với tên lửa hành trình, bom chùm và suất ăn 1 ngày cho người dân Áp-ga-ni-xtan khốn khó hiện nay.

Nhân loại ngày nay đã đủ trưởng thành về trí tuệ, có đủ lực lượng cần thiết để ngăn cản những bàn tay muốn "đốt nhà cả xóm" để thủ lợi, nếu biết đoàn kết lại nhất định sẽ ngăn chặn được nạn khủng bố và chặn đứng việc mở rộng chiến tranh thành chiến tranh thế giới thứ ba. Thế giới tự giải phóng dấu tranh cho hòa bình là một trào lưu không thể cưỡng lại của thế kỷ này. Đó chính là dòng chảy của thời kỳ quá độ vượt lên trên chủ nghĩa tư bản, bảo đảm hòa bình, công bằng và cuộc sống hạnh phúc cho mọi người. ❑

Digitized by Google

CUỘC CHIẾN TRANH TRẢ ĐŨA CỦA MỸ VẪN CHƯA THỂ KẾT THÚC

TRẦN BÁ KHOA

SAU cuộc tiến công khủng bố ngày 11-9 làm kinh hoàng nước Mỹ, cuộc chiến tranh trả đũa của Mỹ, Anh vào Áp-ga-ni-xtan từ ngày 7-10 không làm ai ngạc nhiên và bất ngờ. Cuộc chiến tranh tổng lực của Mỹ được tiến hành trên 2 mặt trận : *Đại bàng kiêu hãnh* - chống khủng bố bên trong nước Mỹ và *Tự do bền vững* - chống khủng bố trên toàn thế giới, trước mắt tập trung tiến công quân sự Áp-ga-ni-xtan. Có thể nói đây chỉ là bước khởi đầu. Cuộc chiến chống khủng bố quốc tế và tiến công quân sự Áp-ga-ni-xtan bề ngoài là nhằm loại trừ Bin La-đen và lực lượng Ta-li-ban, nhưng về thực chất là thông qua việc kiểm soát Áp-ga-ni-xtan để kiểm soát vùng Trung Á và Tây - Nam Á giàu tài nguyên dầu khí và rất quan trọng về giao thông chiến lược. Các nhà chiến lược Mỹ và nhiều nước gọi đây là "cuộc chiến tranh đầu thế kỷ XXI", hay "cuộc chiến tranh kiểu mới". Đối thủ không phải chỉ là một quốc gia riêng lẻ, mà là một hệ thống tổ chức trải rộng ở nhiều nước, trong đó kẻ cầm đầu cũng như thế lực ủng hộ chúng chưa được xác định rõ ràng. Tiến công trả đũa của Mỹ và liên minh có thể kéo theo sự đáp lại bằng bạo lực khủng bố, phục thù, bạo lực không bao giờ dứt, với hậu quả khôn lường.

Cuộc chiến tranh kiểu mới : một vài đặc điểm.

Sau vụ khủng bố ngày 11-9, bầu không khí chiến tranh bao trùm toàn nước Mỹ. Ngày 14-9, Thượng viện Mỹ nhất trí thông qua ngân sách bổ sung 40 tỉ USD và ra nghị quyết cho phép tổng thống Mỹ "được quyền sử dụng mọi lực lượng cần thiết và thích hợp để chống lại những nước, những tổ chức đã giúp đỡ quân khủng bố ngày 11-9, kể cả những ai đã chứa chấp những tổ chức và cá nhân khủng bố này". Từ kinh nghiệm những bài học đã qua, nhiều phương án chiến tranh được đưa ra xem xét trong Nội các chiến tranh, Hội đồng an ninh quốc gia và Bộ tham mưu liên quân Mỹ. Qua tiết lộ, có ba phương án chính như sau :

Phương án thứ nhất : Tiến hành chiến dịch không kích có giới hạn vào các mục tiêu của lực lượng khủng bố. Đây là giải pháp ít rủi ro, nặng về biểu dương chiếu lệ như các cuộc tấn công bằng tên lửa hành trình vào Xu-đăng và Áp-ga-ni-xtan năm 1998, nhưng cũng ít khả năng thành công. Mặt khác, đây sẽ bị xem như dấu hiệu thể hiện sự yếu ớt và thiếu quyết tâm của Mỹ.

Phương án thứ hai : Mở chiến dịch quân sự quy mô lớn toàn diện, liên tục, tiếp đó sử dụng lực lượng lớn lục quân tiến công các mục tiêu của lực lượng khủng bố, tương tự như chiến dịch *Bão táp sa mạc* chống I-rắc (1991). Biện pháp này có nhiều khó khăn, nguy hiểm, bởi Áp-ga-ni-xtan là một nước nằm sâu trong lục địa khép kín, địa hình hiểm trở và khí hậu khắc nghiệt bậc nhất thế giới ; là nước gồm nhiều dân tộc theo đạo Hồi, thiện chiến đã từng đánh thắng thực dân

Digitized by Google

Anh trong thế kỷ XIX và quân đội Liên Xô trong những năm 80 (thế kỷ XX). Tổng thống G. Bu-sơ đã tuyên bố, kinh nghiệm chiến tranh Việt Nam cho thấy, không thể dùng chiến tranh thông thường đối chọi với chiến tranh du kích. Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, Đ. Răm-xphen cũng cho rằng, cuộc chiến tranh chống khủng bố sẽ buộc Mỹ phải sử dụng các biện pháp quân sự "không thông thường" và "chịu nhiều rủi ro".

Phương án thứ ba : Tiến hành không kích phá hủy các mục tiêu của các nhóm khủng bố và tổ chức bao che, sau đó đổ bộ lực lượng đặc biệt truy lùng. Trong phương án này có 2 chủ trương : 1) chỉ giới hạn ở Áp-ga-ni-xtan, 2) đánh rộng sang cả I-rắc và một số tổ chức khủng bố ở Ly-băng, Xô-ma-li. Theo ông Đ. Răm-xphen, trước mắt chủ trương (được đa số lãnh đạo Mỹ tán thành) chỉ nhằm vào đồng đảng của Bin La-đen và những ai chứa chấp tổ chức này ở Áp-ga-ni-xtan, đồng thời sẽ dựng lên một chính phủ liên hiệp đa sắc tộc thay thế chính quyền Ta-li-ban hiện nay. Sở dĩ Mỹ phải thu hẹp diện tiến công quân sự là vì lý do ngoại giao và chiến lược. Ưu tiên hàng đầu của Mỹ hiện nay là tập hợp liên minh rộng lớn chống khủng bố bao gồm cả các nước Hồi giáo, nhất là các nước A-rập, Pa-ki-xtan, U-dơ-bê-ki-xtan và Ta-gi-ki-xtan, đồng thời phải bằng mọi cách không để xảy ra cuộc xung đột giữa các nước phương Tây và các nước Hồi giáo. Qua tin tức rò rỉ và qua thực tiễn cuộc chiến tranh trả đũa của Mỹ có thể thấy, Mỹ đang tiến hành một cuộc chiến tranh kiểu mới trên tất cả các mặt chính trị, ngoại giao, tài chính, kinh tế, tình báo, tâm lý, quân sự và cuối cùng là dùng người Áp-ga-ni-xtan đánh người Áp-ga-ni-xtan. Như vậy hoạt động quân sự chỉ là một bộ phận của cuộc chiến tranh. Chiến lược chiến tranh chống khủng bố của Mỹ phụ thuộc rất lớn vào các hoạt động chính trị, ngoại giao, tài chính, kinh tế. Các hoạt động này nhằm dọn đường cho hoạt động quân sự như được quyền bay qua không phận nhiều nước, sử dụng các căn cứ không quân, hải quân và cơ sở quân sự khác, chủ yếu trên 2 hướng Nam và Bắc Áp-ga-ni-xtan. Trong suốt thời gian qua máy bay Mỹ tập trung đánh vào các chiến tuyến của quân Ta-li-ban nhằm tiêu diệt hệ thống phòng ngự và lực lượng Ta-li-ban, yểm trợ trực tiếp cho quân của Liên minh phương Bắc (được Nga và nay cả Mỹ cung cấp vũ khí, hậu cần, huấn luyện) đánh chiếm thành phố Ma-da I Sa-ríp, thủ đô Ca-bun và nhiều thành phố khác. Đã có lực lượng biệt kích, thám báo Mỹ hoạt động phối hợp với lực lượng này. Liên quân Mỹ, Anh rất cần địa bàn Ma-da I Sa-ríp và thung lũng Pan-sia gần đó để làm nơi đứng chân và bàn đạp cho việc đổ bộ lực lượng mặt đất phối hợp với quân Liên minh phương Bắc xâm nhập sâu truy lùng lực lượng Bin La-đen, Al Qaeda và Ta-li-ban. Việc sử dụng lực lượng mặt đất của Mỹ, khởi đầu là các đơn vị nhỏ thuộc lực lượng đặc biệt, biệt kích, sau đó có thể có những đòn tiến công quy mô từ 20 000 đến 50 000 quân. Sư đoàn bộ binh 10 chuyên về đánh rừng núi và sư đoàn không vận 82 đã trong tư thế sẵn sàng tham chiến.

Nhìn chung, cuộc tiến công quân sự Áp-ga-ni-xtan theo phương án thứ ba là bước khởi đầu và là bộ phận của cuộc chiến tranh chống khủng bố quốc tế "rất khó tiên đoán và kéo dài tới mức không bao giờ kết thúc" (Phó Tổng thống Đ. Chen-ni, *Bưu điện Oa-sinh-tơn,* 21-10). Trong chiến tranh vùng Vịnh, Mỹ và liên quân có căn cứ xuất phát kề sát I-rắc. Hiện nay, căn cứ xuất phát tiến công của quân Mỹ, Anh chủ yếu là từ các tàu chiến ở biển A-rập. Pa-ki-xtan, U-dơ-bê-ki-xtan và Ta-gi-ki-xtan chỉ cho Mỹ sử dụng hạn chế một số sân bay vì dân chúng các nước này rất nhạy cảm với số lượng lớn quân Mỹ đóng trên nước họ. Một

Digitized by Google

số máy bay chiến đấu của Mỹ, Anh từ các căn cứ vùng Vịnh, Thổ Nhĩ Kỳ, phải bay qua chặng đường dài nên thời gian ở chiến trường hạn chế. Qua nhiều tuần lễ oanh kích và vài lần đổ quân biệt kích, thám báo, quân Liên minh phương Bắc đã nhanh chóng đánh bật Ta-li-ban ra khỏi các thành phố đông dân ở Áp-ga-ni-xtan. Tuy nhiên, Mỹ vẫn chưa đạt được mục tiêu loại trừ Bin La-đen và lực lượng Al Qaeda. Vì vậy, cuộc chiến tranh chống khủng bố của Mỹ chưa kết thúc mà còn diễn biến phức tạp.

Chiến tranh chống khủng bố và quan hệ quốc tế.

Trong quá trình chuẩn bị và tiến hành hoạt động quân sự ở Áp-ga-ni-xtan, chính sách đối ngoại theo hướng hành động đơn phương, "đơn cực" của Mỹ đã có nhiều thay đổi. Đòn đánh trả đũa mang tính tổng lực cần có sự ủng hộ và phối hợp của nhiều nước. Cuộc tiến công của bọn khủng bố vào Mỹ ngày 11-9 khiến cho hàng nghìn thường dân bị chết, bị coi là tội phạm đối với xã hội quốc tế. Mặc dù có những bất đồng trong việc đánh giá nguyên nhân và biện pháp đối phó, sau sự kiện ngày 11-9, các nước có hình thái ý thức khác nhau, chế độ xã hội khác nhau đã nhanh chóng đưa ra phản ứng, tự nguyện hoặc dưới sức ép của Mỹ, phương Tây, kết thành liên minh quốc tế chống khủng bố. Đến nay, theo Lầu năm góc, đã có 36 nước đồng ý hỗ trợ Mỹ về thiết bị quân sự và gửi quân đến khu vực chiến sự, 44 nước tuyên bố cho phép máy bay Mỹ sử dụng không phận, 33 nước cho phép máy bay Mỹ sử dụng các sân bay chống Ta-li-ban. Vụ khủng bố đã trở thành sự kiện làm thay đổi thái độ hướng nội "nước Mỹ trên hết" của các thế lực bảo thủ Mỹ. Sau lời tuyên chiến chống khủng bố quốc tế của Tổng thống G. Bu-sơ ngày 20-9, Quốc hội Mỹ đã chấp nhận đóng góp 580 triệu USD khoản tiền nợ của Mỹ cho Liên hợp quốc và cử đại sứ mới bên cạnh Liên hợp quốc. Nga và Trung Quốc đang phải đối phó với phong trào ly khai và lực lượng Hồi giáo quá khích ở Tre-xni-a và Tân Cương đều ủng hộ chiến dịch chống khủng bố quốc tế của Mỹ để được Mỹ ủng hộ họ trong hoạt động chống các thế lực khủng bố ly khai. Để tranh thủ Nga và các nước SNG cho phép máy bay Mỹ bay qua không phận các nước này, nhất là không phận các nước Trung Á, Mỹ đã hoãn thử Hệ thống tên lửa quốc gia và làm dịu bớt lập trường NATO mở rộng sang phía Đông, nhưng vẫn đòi Nga sửa đổi Hiệp ước ABM (1972) mà theo Mỹ là đã lỗi thời. Ở Trung Đông, để tranh thủ các nước A-rập, chính quyền G. Bu-sơ đã tuyên bố ủng hộ một nhà nước Pa-le-xtin độc lập và gây sức ép với I-xra-en để nước này chấp nhận ngừng bắn và rút lui khỏi 6 thị trấn của Pa-le-xtin ở bờ Tây sông Gioóc-đan. Nếu hành động quân sự của Mỹ chỉ hạn chế vào các tổ chức khủng bố của Ta-li-ban và Bin La-đen, tránh gây thương vong cho thường dân, không để xảy ra thảm họa cho người dân tị nạn thì có thể được hầu hết các chính phủ A-rập, ngoại trừ I-rắc và I-ran ủng hộ và chỉ bị một bộ phận tín đồ Hồi giáo phản đối. Chính phủ các nước châu Âu nhiều lần nhấn mạnh sự phối hợp ủng hộ Mỹ theo điều khoản 5, Hiệp ước NATO, có lẽ cũng bao hàm cả ý định khôi phục lại mối quan hệ Mỹ - châu Âu vốn có sự cách biệt do việc Mỹ rút lui khỏi Nghị định thư Ky-ô-tô. Sau "chiến tranh lạnh", châu Âu đã buộc phải dựa vào Mỹ trong việc can thiệp vào cuộc nội chiến ở Bô-xni-a và xung đột Cô-xô-vô. Nay Mỹ bị tấn công khủng bố và tự mình không đối phó được, phải cầu viện châu Âu và các nước khác, từ đó tính chất của mối quan hệ liên minh cũng có sự thay đổi. Trong khi Mỹ đang cần sự hợp tác quốc tế, nhiều nước châu Âu đã thúc đẩy Mỹ can dự tích cực hơn nữa vào các vấn đề quốc tế khác, không chỉ giới hạn trong vấn đề chống khủng bố. Ông T. Ble, Thủ tướng Anh, cũng thúc giục Mỹ và các nước hợp tác trên các vấn đề môi trường, nghèo đói và vấn đề

Digitized by Google

hòa bình Trung Đông. Mỹ cũng đã xóa bỏ trừng phạt đối với Xu-đăng, Pa-ki-xtan và Ấn Độ, khôi phục lại địa vị liên minh quân sự với Pa-ki-xtan và tăng thêm viện trợ (đã viện trợ 100 triệu USD, sắp bổ xung 500 triệu USD và cho vay tín dụng 2,5 tỉ USD), giảm nợ (36 tỉ USD) cho nước này để lôi kéo nước này vào bàn cờ chiến lược của Mỹ tại Nam và Tây - Nam Á.

Cuộc chiến tranh chống khủng bố quốc tế đang có ảnh hưởng lớn đối với quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại Mỹ, nhưng nhìn về lâu dài, ảnh hưởng đó bị hạn chế. Ví dụ, I-ran chống khủng bố nhưng không ủng hộ Mỹ ; Trung Quốc trong khi ủng hộ chống khủng bố của Mỹ nhưng vẫn phản đối Mỹ triển khai Hệ thống phòng thủ tên lửa, phản đối việc bán vũ khí cho Đài Loan ; Nga hợp tác với Mỹ chống khủng bố nhưng Nga vẫn kiên quyết chống lại việc NATO mở rộng sang phía Đông.

Có thể dự kiến Mỹ sẽ không vì sự hợp tác quốc tế chống khủng bố mà hoàn toàn thay đổi chính sách hiện có của mình. Trong nhiều vấn đề quốc tế quan trọng như NATO mở rộng về phía Đông, triển khai Hệ thống phòng thủ tên lửa (NMD), vấn đề Đài Loan, nhân quyền... tuy Mỹ tạm thời làm dịu mâu thuẫn với Nga, Trung Quốc và thế giới thứ ba, nhưng một khi cuộc đấu tranh chống khủng bố giành được sự tiến triển nhất định thì những mâu thuẫn này có thể sẽ trở thành mâu thuẫn chủ yếu trong quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, cuộc chiến tranh chống khủng bố sẽ kéo dài, diễn biến phức tạp, khó xác định được kết cục thắng bại, buộc Mỹ phải sửa đổi ít nhiều thái độ độc đoán, đơn phương vừa qua, gia tăng hơn nữa sự hợp tác quốc tế, nhưng cũng đòi hỏi liên minh chia sẻ trách nhiệm nhiều hơn.

Cuộc chiến tranh chống khủng bố : "khó khăn lâu dài, không có kết thúc, không có kỳ hạn".

Đó là tuyên bố ngày 30-10-2001 của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Đ. Răm-xphen. Trước đó ngày 25-10-2001, ông ta còn tuyên bố : "Bin La-đen có nhiều tiền, được rất nhiều người ủng hộ nên khó lòng bắt được ông ta", mặc dù Mỹ quyết tâm bắt ông ta "còn sống hay đã chết". Dư luận thế giới cho rằng đây là "một cuộc chiến bí hiểm về quân sự, không chắc chắn về chính trị và mạo hiểm về kinh tế" (tuần báo *Thế giới* Tây Ban Nha). "Tiến quân vào Áp-ga-ni-xtan là hoàn toàn ngu ngốc" (tờ *Tin nhanh*, CHLB Đức). "Vụ khủng bố vừa qua có phải là cuộc chiến chống lại một quốc gia thực hiện chủ nghĩa bành trướng, là cuộc đụng đầu Nam - Bắc, là sự căm thù chủ nghĩa tư bản hay chỉ là cuộc chiến chống lại sự hiện diện của Mỹ ở vùng Vịnh ? Chính sách đối ngoại của Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ đã làm trầm trọng thêm cuộc xung đột vốn đang tồn tại. Nói chính xác hơn, Mỹ đã chuyển sự đối đầu quân sự giữa hai phe trong "chiến tranh lạnh" thành sự đối đầu giữa thế giới Hồi giáo và phương Tây" (báo *Giải phóng*, Pháp). Nhìn chung, cuộc chiến tranh chống khủng bố quốc tế và cuộc tiến công của Mỹ vào Áp-ga-ni-xtan sẽ gặp nhiều thử thách gay go, vòng xoáy bạo lực sẽ ngày càng gia tăng cường độ và lan rộng, sẽ diễn ra nhiều tình huống phức tạp, quyết liệt khó lường. Theo đánh giá của các nhà chiến lược Nga và phương Tây, tiến công quân sự Áp ga-ni-xtan, Mỹ sẽ phải đương đầu với những thách thức nghiêm trọng sau :

1. Áp-ga-ni-xtan nằm giữa vùng đất liền, thời nào cũng vậy, việc giao lưu buôn bán, quá cảnh của chính phủ và phe đối lập luôn luôn phụ thuộc vào một hoặc vài nước trong số 6 quốc gia láng giềng. Đây là ngã ba đường cho hoạt động buôn bán và là vùng đệm giữa các khu vực Trung Á, Nam Á và Trung Đông. Giá trị chiến lược của Áp-ga-ni-xtan đã khiến cho các cường quốc ngoại bang luôn lăm le can thiệp từ nhiều thế kỷ nay. Mục tiêu tiến công quân sự Áp ga-ni-xtan của Mỹ không phải chỉ nhằm triệt phá trùm khủng bố Bin La-đen và

Digitized by Google

kẻ bao che là Ta-li-ban mà chủ yếu là để kiểm soát được vị thế chiến lược của Áp-ga ni-xtan, thông qua đó kiểm soát nguồn dầu khí biển Ca-xpi, làm thay đổi cục diện chiến lược vùng Trung Á, Tây - Nam Á từ chỗ có lợi cho Nga, I-ran sang có lợi cho Mỹ và phương Tây. Chắc chắn là các cường quốc vốn có ảnh hưởng lớn ở khu vực này như Nga, I-ran, Ấn Độ, Trung Quốc sẽ không để cho Mỹ dễ bề thực hiện được ý đồ này.

2. Trong chiến lược chiến tranh xâm lược Áp-ga-ni-xtan, cùng với chính sách "cái gậy và củ cà rốt", việc tiến tới thành lập được một chính phủ liên hiệp lâm thời mang tính đại diện cho các sắc tộc (có 30 ngôn ngữ thiểu số) vốn chia rẽ do các màu sắc tôn giáo đạo Hồi (84% theo dòng Sun-ni thân A-rập Xê-út, Pa-ki-xtan và 15% theo dòng Sit thân I-ran). Trong số các sắc tộc cư trú ở Áp-ga-ni-xtan, người Pa-xtun đông nhất (chiếm 38%) sinh sống ở phía Nam - chỗ dựa của Ta-li-ban, người Tát-dích chiếm 19% và người U-dơ-bếch chiếm 6% dân số - chỗ dựa của Liên minh phương Bắc đối lập... Các phe phái chính trị - quân sự của Áp-ga-ni-xtan được tập hợp lại theo sắc tộc và địa lý. Sau khi Liên Xô rút khỏi Áp-ga-ni-xtan (1989), Pa-ki-xtan đã dung dưỡng Ta-li-ban như kẻ đại diện cho mình kiểm soát đường vào Trung Á. Sau khi Mỹ tiến công quân sự Áp-ga-ni-xtan, cuộc chiến giành quyền kiểm soát nước này sẽ chỉ gia tăng thêm và điều này được phản ánh trong những bất đồng sâu sắc giữa Mỹ - Anh, Pa-ki-xtan, I-ran, Nga và lực lượng liên minh phương Bắc trong việc tập hợp một chính phủ liên hiệp "hậu Ta-li-ban".

3. I-ran giống như Nga muốn bảo vệ đường vào Trung Á thông qua việc chống đối Pa-ki-xtan kiểm soát tuyến đường vận chuyển dầu lửa xuyên suốt Áp-ga-ni-xtan ra biển A-rập. Mười hai năm đổ máu ở Áp-ga ni-xtan khiến cho việc hình thành một chính phủ liên hiệp tại đây khó khăn hơn nhiều. Tất cả các phe phái trước tiên chỉ tìm cách tự bảo tồn lực lượng, thiếu lòng tin lẫn nhau và sẽ khó sẵn sàng chấp nhận một giải pháp chính trị. Các cuộc tiếp xúc giữa các phe nhóm lưu vong và các thế lực chống Ta-li-ban ở trong nước Áp-ga-ni-xtan vừa qua đều chưa mang lại kết quả.

Trong khi cuộc không kích của Mỹ, Anh đang tăng cường ở Áp-ga-ni-xtan thì ở nước Mỹ, bất chấp những luật lệ chống khủng bố, bảo đảm an ninh hàng không, chống rửa tiền, kiểm soát chặt người nhập cư, tăng thêm quyền hạn cho cảnh sát, sở mật thám liên bang (FBI)... nguy cơ khủng bố từ vũ khí sinh học (bệnh than) có khả năng chuyển sang nguy cơ khủng bố hạt nhân ; nền kinh tế Mỹ lần đầu tiên rơi vào suy thoái kể từ năm 1991 (quý III giảm 0,4% so cùng kỳ năm ngoái).

4. Trên phạm vi thế giới và ngay trong nước Mỹ, phong trào chống chiến tranh, đòi Mỹ ngừng ngay cuộc không kích Áp-ga-ni-xtan ngày càng lên cao. Nội tình nhiều nước Hồi giáo, nhất là Pa-ki-xtan, bị chia rẽ ; xung đột gay gắt giữa chính phủ và các thế lực phản chiến. Chiến tranh càng kéo dài, liên minh chống khủng bố do Mỹ dựng lên - mang tính nhất thời, bấp bênh, hình thành chủ yếu do những toan tính lợi ích riêng khác nhau của các nước tham gia - có nguy cơ rạn nứt, đổ vỡ.

Từ những nhân tố tổng hợp nêu trên, khi phát động chiến tranh chống khủng bố quốc tế và tiến công quân sự Áp-ga-ni-xtan, Mỹ đã đi bước đầu tiên trong một cuộc chiến kéo dài, tốn kém. Do sự cạnh tranh quyết liệt giữa các phe phái chính trị - quân sự khác nhau ở Áp-ga-ni-xtan và giữa các thế lực bảo trợ bên ngoài, mọi toan tính bình định, thôn tính nước này đều đụng phải những vấn đề nan giải. ❑

Digitized by Google

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

NHÂN kỷ niệm 71 năm Ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam (18-11-1930 - 18-11-2001), ngày 15-11-2001, tại Hà Nội, Đoàn Chủ tịch Ủy ban TƯ MTTQ Việt Nam đã tổ chức hội thảo khoa học - thực tiễn với chủ đề ***"Đại đoàn kết dân tộc - động lực chủ yếu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"***, nhằm góp phần làm sáng tỏ và cụ thể hóa quan điểm Đại hội IX của Đảng về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất, kiến nghị những giải pháp thiết thực nhằm đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

Dự hội thảo có Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải, Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình, các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị : Trương Quang Được, Trưởng Ban dân vận Trung ương ; Nguyễn Khoa Điềm, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương ; nhiều đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng ; lãnh đạo tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, lãnh đạo các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở trung ương và địa phương. Dự hội thảo còn có các đồng chí lão thành cách mạng, đại diện của các giới, các nhân sĩ, trí thức, dân tộc, tôn giáo, đồng bào Việt Nam ở nước ngoài.

Gần 40 bản tham luận và nhiều ý kiến phát biểu tại hội thảo đã tập trung vào 3 loại vấn đề lớn sau :

Một là, ***những vấn đề thuộc chính sách đại đoàn kết dân tộc.***

Nhiều ý kiến đã khẳng định quan điểm nhất quán và chính sách của Đảng, Nhà nước ta về vấn đề quan trọng mang tính chiến lược này ; đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân trong giai đoạn cách mạng mới. Đặc biệt bài phát biểu quan trọng của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã quán triệt và cụ thể hóa thêm một bước quan điểm của Đại hội IX của Đảng về phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, coi đó là di sản quý báu trong truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta, là niềm tự hào và là động lực phát triển của dân tộc trong cuộc chiến chống đói nghèo và lạc hậu, giúp dân tộc ta nắm vững thời cơ, vượt qua thách thức, tạo nên sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đưa nước ta sánh kịp với các nước tiên tiến trên thế giới. Đồng chí Tổng Bí thư chỉ rõ : Phải làm cho tư tưởng đại đoàn kết dân tộc được thể hiện trong mọi chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên mọi lĩnh vực và phải đáp ứng được lợi ích, nguyện vọng chính đáng và bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của các giai tầng xã hội. Đường lối đại đoàn kết dân tộc cần được các cơ quan hoạch định chính sách chủ động và tích cực tiếp tục cụ thể hóa thành các chính sách cụ thể, phù hợp cho từng vùng, miền, các tầng lớp nhân dân. Động viên, tổ chức để nhân dân tham gia xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực cao, thực sự là chính quyền của dân, do dân và vì dân. Đồng chí Tổng Bí thư xác định rõ vị trí, vai trò, trách nhiệm quan trọng của các tổ chức trong hệ thống chính trị đối với việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo đất nước sau khi giành được chính quyền thì vai trò của Nhà nước là cực kỳ quan trọng đối với việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân như Nghị quyết Đại hội IX đã chỉ rõ. Nhiều bản tham luận, đặc biệt là bài phát biểu của Thủ tướng Phan Văn Khải đều đã trình bày sáng tỏ vai trò quan trọng và trách nhiệm của Nhà nước ta đối với việc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh nội lực của nhân dân, đoàn kết toàn dân, làm cho dân chủ và đoàn kết gắn bó với nhau. Phát biểu của đại diện các dân tộc thiểu số, các tôn giáo, nhân sĩ, trí thức,... một mặt nói lên kết quả của đường lối, chính sách

Digitized by Google

đoàn kết toàn dân của Đảng và Nhà nước đã tác động tích cực đến mọi tầng lớp nhân dân, không phân biệt dân tộc, giai cấp, tôn giáo, chính kiến, quá khứ,... mặt khác, nói lên sự tích cực hưởng ứng bằng lời nói và việc làm của các tầng lớp nhân dân đối với đường lối đoàn kết của Đảng Cộng sản Việt Nam, đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, coi Mặt trận là mái nhà chung của mọi tổ chức, mọi đoàn thể, phong trào nhân dân trong cả nước. Phát biểu của Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình đã phân tích rõ, để tăng cường khối đoàn kết toàn dân, phong trào thi đua yêu nước là một hình thức tập hợp nhân dân vào hành động cách mạng và MTTQ Việt Nam cần phát huy vai trò tích cực của mình trong phong trào đó.

Nhiều bài phát biểu đã nêu lên những giải pháp cụ thể và toàn diện để xây dựng giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức và phát huy vai trò đoàn kết, tập hợp các tầng lớp xã hội trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Một số đại biểu đã nêu lên những kinh nghiệm trong việc chăm lo đời sống và đoàn kết đồng bào các dân tộc thiểu số, nhấn mạnh vấn đề phát huy bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số ; đề nghị Đảng, Nhà nước có chính sách để tạo ra động lực phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở miền núi. Các bản tham luận còn phát triển và cụ thể hóa với nhiều ý tưởng mới khá sâu sắc và độc đáo về những giải pháp nhằm thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân trong tình hình mới nhằm phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân để xây dựng và bảo vệ đất nước.

*Hai là, **về các chính sách của Nhà nước.***

Các tham luận đặc biệt đề cập đến những vấn đề thuộc các chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, đối ngoại. Đại hội IX đã nhấn mạnh vai trò rất quan trọng của các chính sách của Nhà nước đối với việc phát huy dân chủ, tăng cường đoàn kết trong xã hội ta. Nhiều tầng lớp xã hội đang rất quan tâm đến chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ trong đời sống kinh tế bằng các chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Về vấn đề này, trong bài phát biểu của mình, Thủ tướng Phan Văn Khải đã khẳng định đây là một chính sách nhất quán và lâu dài để thực hiện đại đoàn kết dân tộc và phát huy dân chủ trong đời sống kinh tế. Nhiều bản tham luận về các chính sách quốc phòng, giáo dục, khoa học công nghệ, hội nhập kinh tế quốc tế... đã bổ sung, làm rõ thêm trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với việc thực hiện các chính sách kinh tế và sự phát triển kinh tế, xã hội.

*Ba là, **về vấn đề xây dựng Đảng.***

Nhiều bản tham luận đã đi sâu phân tích vấn để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong mối quan hệ với các tổ chức trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân ; chỉ rõ phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với khối đoàn kết toàn dân. Một số bài phát biểu đã đi sâu vào vấn đề : Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải làm gì để tham gia vào công tác xây dựng Đảng để Đảng thực sự trở thành nhân tố bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng, phát huy được sức mạnh sáng tạo của quần chúng nhân dân, của khối đại đoàn kết toàn dân. Một số tham luận đã phân tích toàn diện, sâu sắc về mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân trong điều kiện Đảng cầm quyền, đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, vai trò các chính sách giải quyết lợi ích thiết thân của các tầng lớp nhân dân đối với việc củng cố quan hệ máu thịt giữa Đảng với các tầng lớp nhân dân. Đảng muốn hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình phải tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân. Nhiều tham luận đã đề cập đến một vấn đề vừa cơ bản, vừa cấp bách, đang được Đảng ta và cả xã hội quan tâm. Đó là vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tạo nên sự đoàn kết, nhất trí cao trong Đảng, làm cơ sở cho việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu làm nên thắng lợi của cách mạng nước ta mấy chục năm qua là Đảng ta có đường lối đúng đắn, Đảng trung thành với Tổ quốc và sự đoàn kết nhất trí trong Đảng luôn được củng cố, tăng cường, tập hợp được mọi tầng lớp nhân dân. Trong giai đoạn hiện nay, việc tăng cường, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân và phát huy truyền thống quý báu của Mặt trận dân tộc thống nhất có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. ❑

Digitized by Google

XỔ SỐ KIẾN THIẾT TÂY NINH





KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH
MAY MẮN VÀ HẠNH PHÚC

Địa chỉ : Đại lộ 30/4 thị xã Tây Ninh
Điện thoại : 822327 - 827536
Tài khoản : 948.00026 tại kho bạc nhà nước Tây Ninh

Giám đốc
Nguyễn Hữu Tài

Digitized by Google

CÔNG TY GANG THÉP THÁI NGUYÊN

THAI NGUYEN IRON AND STEEL CORPORATION

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG CAM GIÁ - THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

TEL: 0280.832060; 8.33559; FAX: 0280.832056;

EMAIL: gangthep@hn.vnn.vn

Bí thư Đảng ủy - Tổng Giám đốc : KS. Đặng Văn Siu

Hệ thống quản lý chất lượng quốc tế





Huy chương vàng tại các kỳ hội chợ

Do người tiêu dùng bình chọn



Dây chuyền khu thiêu kết



Dây chuyền cán thép ø6, ø8



Sản phẩm thép cán

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỦ YẾU:

- Sản xuất thép xây dựng các loại:
- Sản lượng 250.000 tấn/năm.
- Sản xuất gang đúc và gang luyện thép xuất khẩu.
- Sản lượng 130.000 tấn/năm.
- Sản xuất các loại hợp kim như, FeMn, FeSi, FeCr.
- Công nghiệp khai thác than, sản xuất than cốc và các sản phẩm sau cốc.
- Sản xuất Vật liệu chịu lửa, Ôxy, Đất đèn, Hồ điện cực.
- Sửa chữa xe ô tô vận chuyển hàng hóa.
- Khảo sát thiết kế, chế tạo, thi công các công trình thiết bị luyện kim.
- Công ty được phép kinh doanh xuất, nhập khẩu trực tiếp.

ĐỘC QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU "TISCO" TRÊN CÂY THÉP

BỘ THƯƠNG MẠI

CÔNG TY THỰC PHẨM MIỀN BẮC

The Northern Foodstuff Company

Địa chỉ: 203 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội
210 Trần Quang Khải - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: 636 0663 - 664 2431 - 636 1415 - 862 7234

Fax: 862 3204 - 664 2426 - 363 2430 - 864 2597

E-mail: Fonexim@fpt.vn - tpmbhuunghi@hn.vnn.vn

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- **Kinh doanh:** Các mặt hàng thực phẩm tươi sống, chế biến nông, lâm, thổ, hải sản, lương thực,thuốc lá, cao su, phân bón, dược liệu, nguyên liệu cho sản xuất chế biến...
- **Sản xuất chế biến:** Bánh mứt kẹo, rượu bia, nước giả khát... mang nhãn hiệu ***Hữu Nghị*** và ***Meiji***
  Hàng thực phẩm chế biến sẵn như: Patê, xúc xích, giò chả...
- **Dịch vụ du lịch khách sạn, cho thuê kho bãi...**

PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Thị trường trong và ngoài nước.

SẢN PHẨM XUẤT KHẨU CHÍNH:

- Đường tinh luyện
- Cao su
- Gạo
- Dược liệu
- Thuốc lá
- Tinh bột sắn
- Bánh kẹo cao cấp ***Hữu Nghị***

DOANH THU HÀNG NĂM

1000 tỉ đến 1350 tỉ đồng VN

Công ty mong muốn được đón tiếp, đặt mối quan hệ với các quý đơn vị kinh tế trong và ngoài nước.

Rất cảm ơn quý vị đã xem và quan tâm đến chúng tôi.

Digitized by Google



BƯU ĐIỆN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NHANH CHÓNG

CHÍNH XÁC

AN TOÀN

TIỆN LỢI

VĂN MINH

75 Đinh Tiên Hoàng - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: (84-4) 825 4403
Fax: (84-4) 824 3973
E-mail: hnpt@hn.vnn.vn

Dịch vụ bưu chính

- Thư tín
- Bưu phẩm, bưu kiện
- Chuyển phát nhanh
- Chuyển tiền
- Điện hoa
- Tiết kiệm bưu điện

Dịch vụ viễn thông

- Điện thoại, Fax, Telex
- Truyền số liệu
- Internet
- Điện thoại di động
- Nhắn tin
- Điện thoại dùng thẻ
- Dịch vụ 1080, 116, 1088
- Dịch vụ điện thoại hội nghị truyền hình ISDN

Các dịch vụ khác

- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, xây lắp các công trình thông tin.
- Xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị bưu chính viễn thông
- Vận chuyển, giao nhận hàng hóa và dịch vụ kho vận.

HNPT

Digitized by Google

VIỆN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ GTVT

RESEARCH INSTITUTE FOR TRANSPORTATION SCIENCE AND TECHNOLOGY

ĐỊA CHỈ : 1252 ĐƯỜNG LÁNG, QUẬN ĐỐNG ĐA, HÀ NỘI

TEL: 84-4-8.347980; 84-4-7.663404 - FAX: 84-4-7.663403

Huân chương Độc lập Hạng Ba

Kỷ niệm 45 năm thành lập Viện (1956 - 2001)

CÁC HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT CỦA VIỆN TRONG MỘT SỐ NĂM GẦN ĐÂY :

1 . Chủ trì 4 đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước thuộc chương trình KHCN - 10.

2. Ứng dụng rộng rãi các công nghệ hiện đại trong kiểm tra, đánh giá chất lượng cọc móng công trình: PDA, PIT, siêu âm...

3. Chủ trì thiết kế và tư vấn thiết kế, giám sát, thẩm định một số dự án thuộc đường Hồ Chí Minh.

4. Làm chủ công nghệ sửa chữa nâng cấp cầu BTCT bằng phương pháp dự ứng lực ngoài.



Cầu treo Bình Thành (Huế) do Viện KHCN GTVT thiết kế, thử tải và lập trạng thái "O".

5. Thiết kế một số kết cấu điển hình cầu GTNT như : Dàn thép 15 ÷ 30m ; dầm "Seper T" 6 ÷ 12m ; cầu treo 80, 100, 120m.

6. Ứng dụng công nghệ tiên tiến của Vương quốc Anh, lập trạng thái ban đầu (trạng thái "O") cho các công trình cầu mới đưa vào khai thác.

7. Tư vấn KHCN và Tư vấn giám sát thi công nhiều công trình cầu ứng dụng công nghệ mới.

8. Giải quyết thành công phòng chống sụt lở ta luy mái dốc đường vào thủy điện Yaly, QL - 49, QL - 4D, QL - 27, khu vực đèo Hải Vân, Phú Gia, Phú Tượng (QL - 1A)...

9. Ứng dụng những máy móc thiết bị hiện đại trong khảo sát và kiểm tra đánh giá chất lượng đường ô tô.

10. Chế tạo thành công gối cầu bằng cao su tổng hợp Neopren và khe co giãn bằng cao su cho mặt cầu.

11. Chế tạo các hệ sơn để bảo vệ kết cấu thép công trình GTVT ở khu vực chịu xâm thực mạnh.

12. Ứng dụng thành công công nghệ nổ mìn phi điện để phá đá ngầm dưới nước (Cái Lân).

13. Tiến hành thử nghiệm và thi công lớn nhiều đoạn đường gia cố chất liên kết hữu cơ/vô cơ ở các vùng nông thôn, miền núi.

14. Đào tạo Kỹ sư Tư vấn giám sát chất lượng XDCTGT, tổng số ≈ 1.600 học viên.

Digitized by Google

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

CHI NHÁNH BẮC HÀ NỘI

BAC HA NOI BRANCH

217 Đội Cấn - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại : 7.627628 ; Fax : 7.627637 - 7.627636

Giám đốc : TS. TRỊNH NGỌC KHÁNH

- Thực hiện đầy đủ các hoạt động của Ngân hàng Thương mại hiện đại.
- Nhận gửi tiền bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ.
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ.
- Thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh.
- Thanh toán xuất - nhập khẩu, mua bán ngoại tệ...
- Dịch vụ két sắt, kiểm ngân tại chỗ, chuyển tiền nhanh trong và ngoài nước. ..
- Đầu tư góp vốn - mua cổ phần và các dịch vụ Ngân hàng hiện đại khác.



ĐẾN VỚI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN BẮC HÀ NỘI QUÝ KHÁCH CHẮC CHẮN SẼ HÀI LÒNG VỀ CHẤT LƯỢNG, TINH THẦN, THÁI ĐỘ PHỤC VỤ TẬN TÌNH CHU ĐÁO.

SHIPSCITECH

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY VIỆT NAM

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TÀU THỦY

Địa chỉ : 80B Trần Hưng Đạo - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 8.257070 ; Fax : (84-4) 8.258672 ; Email : vket@fpt.vn

Viện trưởng : TS Ngô Cân

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

1. Công tác nghiên cứu :

a. Nghiên cứu tham mưu : nghiên cứu và xây dựng chiến lược phát triển công nghiệp tàu thủy kể cả phát triển KHCN nói riêng, nghiên cứu xu hướng phát triển của ngành trên thế giới, tập hợp và xử lý thông tin chuyên ngành.

b. Nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ tàu thủy, ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới, thiết bị mới, thiết kế sản phẩm kiểu mới.

2. Công tác thiết kế

a. Thiết kế đóng mới, sửa chữa, hoán cải các phương tiện nổi, công trình biển và các kết cấu thép.

b. Thiết kế các hệ thống, các thiết bị, các cụm các chi tiết cho các công trình sản phẩm trên.

c. Thiết kế các dây chuyền công nghệ nhà máy đóng tàu.

d. Thiết kế các dạng sản phẩm đặc chủng thuộc khả năng

3. Công tác sản xuất công nghiệp :

a. Chế tạo, lắp đặt thiết bị năng lượng, điện, điện tử, cơ khí thủy lực, các hệ thống tự động hóa, làm lạnh cho các phương tiện và công trình thủy, bộ.

b. Chế tạo và lắp đặt các thiết bị đặc chủng đòi hỏi công nghệ cao.

4. Công tác dịch vụ khoa học - công nghệ :

a. Tư vấn kỹ thuật về các vấn đề nghiên cứu - thiết kế các phương tiện nói trên.

b. Thẩm định kỹ thuật thiết kế và dự toán đóng mới, sửa chữa tàu và công trình biển theo sự ủy nhiệm của các cơ quan chức năng Nhà nước và các đơn vị kinh doanh.

c. Giám sát thi công và đánh giá các sự cố kỹ thuật.

d. Dịch vụ vật tư kỹ thuật chuyên ngành.

e. Lập luận chứng kinh tế kỹ thuật, lập dự án khả thi và tiền khả thi các

TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI TRÀNG TIỀN

TRANGTIEN PLAZA

ĐỊA CHỈ TIN CẬY CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ



Tổng giám đốc
NGUYỄN VĂN DẦN

CHỦ ĐẦU TƯ :

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI TRÀNG TIỀN

(LIÊN DOANH TỔNG CÔNG TY VINACONEX - CÔNG TY TM HÀ NỘI)

Ngành nghề kinh doanh:
Bất động sản - siêu thị - văn phòng cho thuê - dịch vụ vui chơi giải trí
Dịch vụ ăn uống, dịch vụ lữ hành trong nước, buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa
Xây dựng dân dụng và công nghiệp

DIỆN TÍCH SỬ DỤNG: 4.355 m^2 ĐẤT
TỔNG DIỆN TÍCH SÀN: 18.873 m^2
PHẦN TIẾP GIÁP ĐƯỜNG GỒM 4 TẦNG CAO 16 m
PHẦN PHÍA TRONG GỒM 6 TẦNG CAO 23.2 m
1 TẦNG HẦM DÙNG LÀM NƠI ĐỖ XE
TẦNG 1, 2, 3, 4 : SIÊU THỊ
TẦNG 5, 6 : VĂN PHÒNG CHO THUÊ

SUPERMARKET & OFFICE FOR LEASE

Địa chỉ giao dịch

Tầng 7 - Số 2 Láng Hạ - Ba Đình - Hà Nội
ĐT: 8314174-8314429-7720698 * Fax: 8314173
E-Mail: trangtienplaza@hn.vnn.vn

e Homes Vietnam Co., Ltd
G/F Hanoi Towers 49 Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT: 9342800 * Fax: 9342801 - E-Mail: dph@fpt.vn



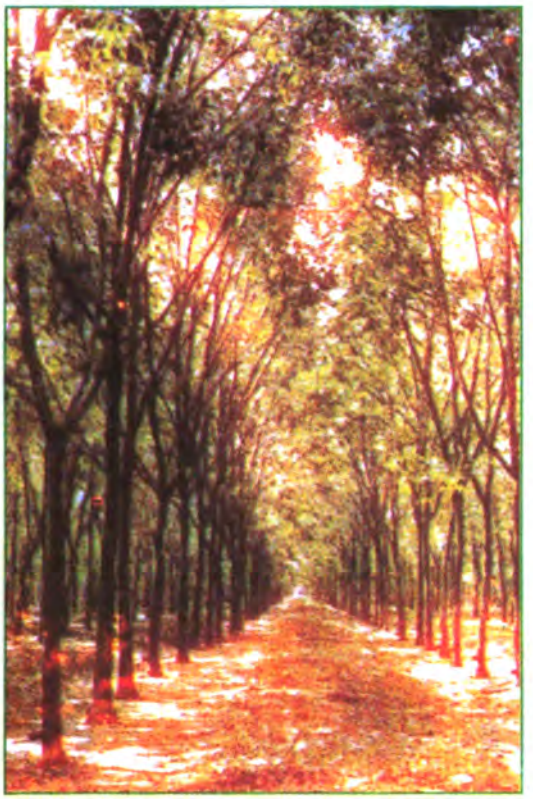
Digitized by Google

CÔNG TY CAO SU
ĐỒNG NAI

ĐỊA CHỈ : Xã Xuân Lập, huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai



Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh :
39 Bến Vân Đồn, quận 4, TP. Hồ Chí Minh
ĐT : 08.9400345 - Fax : 08.9400874



Tổng diện tích vườn cây :
39.408 ha

Trong đó :

Diện tích khai thác :
31.471 ha

Kiến thiết cơ bản :
7.937 ha

Sản lượng khai thác bình quân :
45.000 tấn/năm

Công ty Cao Su Đồng Nai sẵn sàng liên doanh và quan hệ hợp tác thương mại với tất cả các thành phần kinh tế trong và ngoài nước trên các lĩnh vực :

- **Tiêu thụ sản phẩm**
- **Sản xuất hàng hóa từ nguyên liệu Cao Su**
- **Hợp tác khoa học kỹ thuật về Cao Su**

CÔNG TY THUỐC TRỪ SÂU SÀI GÒN

Khu phố 1, P. Tân Thuận Đông, quận 7, TP. HCM
ĐT : 08.8733295 - 8731149 - Fax : 84.8.8733391

GUIDE 25 VÀ ISO 9002



TRẠM DỊCH VỤ
BẢO VỆ THỰC VẬT

Địa chỉ : 22c Phan Đăng Lưu, Phường 6, quận Bình Thạnh, TP.HCM
Điện thoại : 08.5100591 - 5104578 - Fax : 84.8.5104579

Thực hiện các dịch vụ :

- Tư vấn và chuyển giao kỹ thuật BVTV : giải đáp các thắc mắc và hướng dẫn kỹ thuật phòng trừ dịch hại cây trồng (lúa, rau, màu, cây ăn quả, cây công nghiệp, hoa, cây cảnh).
- Phun xịt thuốc trừ sâu - bệnh - cỏ dại cho cây trồng ngoài đồng ruộng và các vườn cây.
- Cung ứng các loại thuốc bảo vệ thực vật, bình xịt









Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Trụ sở chính : 105, Lê Lợi, TP. Vũng Tàu
Điện thoại : 64- 839871/72. Fax : 64- 839857



CHÀO MỪNG 20 NĂM THÀNH LẬP XNLD VIETSOVPETRO (19.11.1981 - 19.11.2001) VÀ KHAI THÁC 100 TRIỆU TẤN DẦU

XNLD VIETSOVPETRO *được* Nhà nước Việt Nam phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, *là đơn vị liên doanh giữa Việt Nam và Liên bang Nga khai thác dầu khí lớn nhất ở Việt Nam, đang hoạt động trên 3 mỏ Bạch Hổ, Rồng và Đại Hùng. Sản lượng dầu khai thác từ năm 1986 đến tháng 11 năm 2001 sẽ đạt 100 triệu tấn. Khí cung cấp vào bờ từ năm 1995 đến tháng 11 năm 2001 sẽ đạt 6,5 tỉ mét khối.*

XNLD VIETSOVPETRO sẵn sàng hợp tác với các công ty dầu khí khác trong nhiều lĩnh vực : địa chất dầu khí, thiết kế, lắp ráp, xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình dầu khí biển, khoan thăm dò, khai thác dầu khí, dịch vụ cảng, vận tải biển, phòng chống phun trào dầu khí, bảo vệ môi trường.

Digitized by Google

Công ty in Tạp chí Cộng sản

Communist Review Printing Company

38 Bà Triệu - Hà Nội * ĐT : (04) 8267244 - 8255778 * Fax : (84-4) 9345765

Huân chương Lao động hạng Ba : 1978
Huân chương Lao động hạng Nhì : 1983
Huân chương Lao động hạng Nhất : 1998

Với thiết bị dây chuyền sản xuất hiện đại khép kín của Cộng hòa Liên bang Đức cùng đội ngũ kỹ thuật cao - sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng về chất lượng và thời gian.

Sản phẩm truyền thống :

- *Tạp chí Cộng sản*
- *Các tạp chí và báo tuần*
- *Các loại sách và văn hóa phẩm*
- *Catalogue, sách ảnh, lịch...*
- *Các loại tem nhãn và bao bì hàng hóa*









Digitized by Google

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 5000Đ

-IX
9
H68D

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
JAN 0 9 2002
CURRENT SERIA

Digitized by Google



SOCTRANG

CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG SÓC TRĂNG

SOCTRANG SUGAR COMPANY

Địa chỉ : Tỉnh lộ 6, phường 8, Thị xã Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
Điện thoại : (84) 079.822825 - 826182 Fax : (84) 079.822828
E-mail : soctrangsugar@hcm.vnn.vn



Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 630 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 9422061, Fax : 8222846*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768.* **Tạp chí Cộng sản điện tử :** *http:// www.tapchicongsan.org.vn ;*
Email : bbttccs@hn.vnn.vn ❖ **TỔNG BIÊN TẬP : VŨ VĂN HIỀN**

24
12-2001

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG	* * * Bộ Chính trị ra Nghị quyết về hội nhập kinh tế quốc tế	3
	NÔNG ĐỨC MẠNH - Thực hiện đại đoàn kết dân tộc là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội	6
	PHẠM GIA KHIÊM - Đại hội đồng UNESCO lần thứ 31 với vấn đề đa dạng văn hóa và lòng khoan dung	10
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	LÊ XUÂN LỰU - Lại bàn về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam	15
	DƯƠNG VŨ - Nhìn lại chặng đường xã hội hóa giáo dục ở nước ta	20
	LÊ XUÂN ĐÌNH - Mấy suy nghĩ về việc tiếp tục hoàn thiện chính sách tiền lương	25
	MAI HẢI OANH - Niềm tin vào triển vọng phát triển văn học - nghệ thuật nước ta	31
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	ĐẶNG VŨ LIÊM - Bộ đội Biên phòng với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng	37
	NGUYỄN THỊ VY - Cải cách hành chính ở thành phố Hồ Chí Minh	43
	TRẦN VĂN KHÁNH - Bà Rịa - Vũng Tàu : Chặng đường phấn đấu 10 năm	50
	PHẠM PHAN DŨNG - Thúc đẩy và mở rộng việc phát triển dịch vụ tài chính - tiền tệ	55
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	TUẤN MINH - Đích danh thủ phạm	61
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	LƯƠNG VĂN TỰ - Hợp tác chiều sâu cho mục tiêu phát triển trong ASEAN và ASEM	62
	PHẠM QUỐC TRỤ - Phản toàn cầu hóa : một phong trào quốc tế đang lên	67
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Hội nghị công tác cán bộ	71
	Nghiệm thu đề tài cấp nhà nước "Làm người cộng sản trong giai đoạn hiện nay"	72

Bìa 1 : *Tượng đài binh chủng anh hùng* *Ảnh : XUÂN HÀ*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

*** Политбюро опубликует резолюцию о международной экономической интеграции. НОНГ ДЫК МАНЬ: Реализация всенациональной солидарности является ответственностью всей политической системы и всего общества. ФАМ ЗА ХИЕМ: 31aa генеральная ассамблея ЮНЕСКО и проблема культурного разнообразия и претерпения. ЛЕ СУАН ЛЫУ: Снова обсуждать о руководстве коммунистической Партии Вьетнама. ЗЫОНГ ВУ: Взгляд назад на перегон социализации воспитания в нашей стране. ЛЕ СУАН ДИНЬ: Некоторое мышление о дальнейшем совершенстве политики зарплаты. МАЙ ХАЙ ОАНЬ: Вера в перспективы развития литературы и исскуства нашей страны. ФАМ ФАН ЗУНГ: Способствование и расширение развития финансово-денежных сервизов. ЛЫОНГ ВАН ТЫ: Интенсивная кооперация в целях развития в АСЕАН и АСЕМ. ФАМ КУОК ЧУ: Контр-глобализация : пробудившееся международное движение.

CONTENTS

*** The CPV Politbureau issues resolution regarding international economic integration. NÔNG ĐỨC MẠNH: Fulfilling nation-wide solidarity is responsibility of the whole political system and whole society. PHẠM GIA KHIÊM: The 31th General Assembly of UNESCO and the problem of culture diversity and indulgence. LÊ XUÂN LƯU: To discuss once again about leadership by the Communist Party of Vietnam. DƯƠNG VŨ: Retrospective look at a stage of socialization of education in our country. LÊ XUÂN ĐÌNH: Some thoughts on the further perfection of the salary policy. MAI HẢI OANH: Belief in the developmental prospects of literature and arts. PHẠM PHAN DŨNG: To push up and extend the development of the finance – money services. LƯƠNG VĂN TỰ: Cooperation in-depth for purposes of the development inside ASEAN and ASEM. PHẠM QUỐC TRỤ: Counter-globalization: a rising world movement.

SOMMAIRE

*** Résolutions du Bureau politique sur l'intégration du Vietnam à l'économie mondiale. NÔNG ĐỨC MẠNH: Réaliser la grande union nationale est la tâche de tout notre système politique et de toute notre société. PHẠM GIA KHIÊM: La 31e Assemblée générale de l'UNESCO sur la diversité culturelle et la tolérance. LÊ XUÂN LƯU: Essai sur la direction du PCV. DƯƠNG VŨ: Regard rétrospectif sur le parcours de la socialisation de l'enseignement au Vietnam. LÊ XUÂN ĐÌNH: Quelques réflexions sur la poursuite de la réforme salariale. MAI HẢI OANH: La confiance à l'avenir du développement des lettres et des arts du Vietnam. PHẠM PHAN DŨNG: Accélérer et développer les services financiers-monétaires. LƯƠNG VĂN TỰ: La coopération en profondeur pour le développement au sein de l'ANSEA et de l'ASEM. PHẠM QUỐC TRỤ: L'anti-mondialisation: un mouvement international en évolution.

SUMARIO

*** Resolución del Buró Político del Partido sobre la integración de Vietnam en la economía internacional. NÔNG ĐỨC MẠNH: Realizar la gran unión nacional es la tarea de todo nuestro sistema político y de toda nuestra la sociedad. PHẠM GIA KHIÊM: La 31 Asamblea general de la UNESCO sobre la diversidad cultural y la tolerancia. LÊ XUÂN LƯU: Reconocimiento sobre la dirección del Partido Comunista de Vietnam. DƯƠNG VŨ: Una mirada retrospectiva sobre el proyecto de la socialización de la educación en Vietnam. LÊ XUÂN ĐÌNH: Algunas reflexiones sobre la continuación del perfeccionamiento de las políticas salarias. MAI HẢI OANH: La confianza en el porvenir de la literatura y arte de Vietnam. PHẠM PHAN DŨNG: Acelerar y desarrollar los servicios financieros-monetarios. LƯƠNG VĂN TỰ: La cooperación en profundo por el desarrollo en seno de la ASEAN y de la ASEM. PHẠM QUỐC TRỤ: La anti-globalización : un movimiento internacional en evolución.

目录

*** 越共中央政治局颁布有关融入国际经济的决议● 农德孟: 实现民族大团结是整个政治系统和全社会的责任● 范嘉谦: 联合国教科文组织第31次全体大会关于文化的多元性和宽容心的问题● 黎春馆: 再论越南共产党的领导● 杨武: 回顾我国教育社会化历程● 黎春廷: 关于继续完善薪金政策的一些想法● 梅海莺: 对我国文学艺术发展展望的信心● 范潘勇: 促进和推广财政金融服务的发展● 梁文学: 为东盟及亚欧会议的发展目标而深层次的合作● 范国柱: 反全球化 — 兴起的国际运动.

Digitized by Google

MỤC LỤC
TẠP CHÍ CỘNG SẢN NĂM 2001

Tên bài	Tác giả	Số
I - Những vấn đề chung		
- Chào năm mới ! Chào thế kỷ mới ! Chào thiên niên kỷ mới !	Xã luận	1
- Tiền đồ xán lạn của chủ nghĩa Mác	Hoàng Tùng	1
- Mùa xuân của ngàn xuân	Xã luận	2
- Hà Nội, TP Hồ Chí Minh... phải phấn đấu đạt yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa sớm hơn so với yêu cầu chung của cả nước	Lê Khả Phiêu	2
- Quốc hội ta chí cả, công cao	Nông Đức Mạnh	2
- Thế giới năm qua và nhiệm vụ đối ngoại của chúng ta trong năm 2001	Nguyễn Dy Niên	2
- Hoàn thành tốt nhất mọi công việc chuẩn bị cho Đại hội lần thứ IX của Đảng	Lê Khả Phiêu	3
- Để Thủ đô Hà Nội mãi mãi xứng đáng với sự tin yêu của Đảng và nhân dân cả nước	Nguyễn Phú Trọng	3
- Đảng Cộng sản Việt Nam trong thế kỷ XX	Hoàng Tùng	3
- Kiên trì mục tiêu chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh	Song Thành	3
- Đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc, xác thực vào Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng	***	4
- Chủ nghĩa Mác - Lê-nin - bản chất cách mạng và khoa học	Lê Xuân Lựu	5
- Sứ mệnh lịch sử và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thế kỷ XX	Nguyễn Trọng Phúc	5
- Tọa đàm về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta (Đóng góp ý kiến xây dựng Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội IX của Đảng)	***	6
- Những ý kiến tâm huyết, những tình cảm chân thành với Đảng	***	6
- Phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng và dân tộc, ra sức thi đua thực hiện tốt mọi nhiệm vụ, góp phần vào thắng lợi Đại hội IX của Đảng	Lê Khả Phiêu	7
- Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu bế mạc Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản (khóa VIII)	***	8
- Đại hội tám chữ vàng	Xã luận	8
- Niềm tin của chúng ta	Nguyễn Đức Bình	8
- Phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc, vững bước vào thời kỳ mới	Xã Luận	9

Digitized by Google

Tên bài	Tác giả	Số
- Tham luận của các đại biểu tại Đại hội IX của Đảng	***	9-10
- Ngọn cờ chỉ đường của chúng ta đi vào thế kỷ XXI	Hoàng Tùng	9
- Cách mạng Việt Nam trong bối cảnh quốc tế hiện nay	Nguyễn Phúc Khánh	9
- Về tư tưởng Hồ Chí Minh	Lê Xuân Lựu	10
- Nâng cao hơn nữa công tác tư tưởng - văn hóa trong tình hình mới	Nông Đức Mạnh	11
- Đẩy mạnh công tác tư tưởng - văn hóa, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng	Nguyễn Khoa Điềm	11
- Phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2001, tạo bước phát triển mới ngay từ năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng	Nguyễn Tấn Dũng	11
- Toàn Đảng, toàn dân đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng	Nông Đức Mạnh	12
- Đoàn kết chung quanh Đảng ta, tiếp tục đưa đất nước vững bước đi lên	Nguyễn Văn An	14
- Một số vấn đề về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta	Nguyễn Phú Trọng	15
- Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh	Trương Quang Được	16
- Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế	Nguyễn Phú Trọng	16
- Việc sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước phải hướng tới hiệu quả cao để kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần	Nông Đức Mạnh	17
- Tạo sự thống nhất cao về tư tưởng và hành động, quyết tâm biến Nghị quyết thành hiện thực cuộc sống	Nông Đức Mạnh	18
- Tiếp tục thực hiện Luật Doanh nghiệp, khẩn trương tháo gỡ những trở ngại trong sản xuất, kinh doanh, phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 2001, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng	Phan Văn Khải	19
- Về đường lối và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng tại Đại hội IX	Nguyễn Tấn Dũng	21
- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn liền với cải cách hành chính Nhà nước, đẩy lùi một bước tình trạng tham nhũng, lãng phí, tệ nạn xã hội	Nông Đức Mạnh	23
- Thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao chất lượng phát triển, tạo chuyển biến mới về kinh tế - xã hội trong 5 năm mở đầu thế kỷ	Phan Văn Khải	23

Digitized by Google

Tên bài	Tác giả	Số
- Thực hiện đại đoàn kết dân tộc là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội	Nông Đức Mạnh	24
II - Kinh tế		
- Kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế đối ngoại của nước ta năm 2000	Vũ Khoan	1
- Thành tựu 15 năm phát triển kinh tế	Nguyễn Cảnh Hưng	1
- Nhìn lại quá trình đổi mới kinh tế ở nước ta	Nguyễn Văn Đặng	1
- Định hướng và chính sách huy động các nguồn lực tài chính phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	Tào Hữu Phùng	1
- Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tại thành phố Hồ Chí Minh	Bùi Chí Kiên	1
- Tổng công ty đầu tư phát triển nhà đô thị Bộ Xây dựng : những thành công từ quyết tâm và định hướng đúng	Nguyễn Hiệp	2
- Điều chỉnh cơ cấu đầu tư nông nghiệp bảo đảm tăng trưởng ổn định và bền vững	Võ Hùng Dũng	2
- Một số giải pháp hoàn thiện, mở rộng và phát triển hệ thống quỹ tín dụng nhân dân	Lê Minh Hồng	3
- Thái độ của xã hội đối với môi trường kinh doanh trong nền kinh tế nước ta	Trần Minh Châu	3
- Định hướng cơ chế điều hành xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001 - 2005	Mai Văn Dâu	4
- Luật Doanh nghiệp sau một năm thực hiện	Phan Thế Hải	4
- Tổng quan nông nghiệp nước ta sau 15 năm đổi mới (1986 - 2000)	Nguyễn Sinh Cúc	5
- Vấn đề bảo đảm an ninh kinh tế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế	Đinh Trọng Thịnh	5
- Những đổi mới ở huyện tiền tiêu Côn Đảo	Phan Chiến	5
- Nắm vững quan điểm của Đảng về quản lý đất đai trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	Bùi Xuân Sơn	6
- Phát huy lợi thế so sánh, nâng cao sức cạnh tranh của cây cà phê	Trần Tỏ	6
- Bàn về thực chất của kinh tế tri thức	Nguyễn Cảnh Hồ	7
- Trà Vinh - một chặng đường xây dựng và phát triển	Nguyễn Thái Bình	7
- Lối ra của các nông trường quốc doanh	Trần Đức	7
- Một số vấn đề về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010)	Lưu Bích Hồ	8
- Phát triển thương nghiệp, thị trường ở nước ta	Nguyễn Thị Doan	8
- Kinh tế thế giới khi bước vào thế kỷ XXI và quan hệ kinh tế đối ngoại của Việt Nam	Hồ Vũ	10

Digitized by Google

Tên bài	Tác giả	Số
- Đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước	Nguyễn Minh Thông	10
- Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề cán bộ quản lý kinh tế	Nguyễn Thế Hinh	10
- Nông nghiệp Việt Nam trước thách thức của hội nhập kinh tế	Lương Văn Tự	11
- Công tác ngoại giao phục vụ kinh tế trong giai đoạn hiện nay	Lâm Đình Ngọc	11
- Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế	Nguyễn Thúy Anh	12
- Phát triển làng nghề ở nông thôn	Nguyễn Sinh Cúc	12
- Về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 và kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 của nước ta	Trần Xuân Giá	13
- Nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và doanh nghiệp Việt Nam	Nguyễn Thị Doan	13
- Lựa chọn các giải pháp tài chính trong những năm đầu thế kỷ XXI	Đặng Văn Thanh	13
- Phát huy nội lực từ thực hiện Quy chế dân chủ trong doanh nghiệp nhà nước	Lê Minh Hồng	13
- Việt Nam và các kinh nghiệm phát triển của ASEAN	Nguyễn Thu Mỹ	13
- Về chính sách thương mại quốc tế của nước ta trong tình hình mới	Hồ Văn Vĩnh	14
- Đổi mới và hoàn thiện cơ chế điều hành lãi suất	Nguyễn Đắc Hưng	14
- Vùng kinh tế mở Mê Linh trên đường đổi mới	Nguyễn Khắc Bộ	14
- Làng nghề ở Bắc Ninh	Nguyễn Sỹ	14
- Vietsovpetro : Những bước trưởng thành và triển vọng	Nguyễn Giao	15
- Nông thôn Nam Bộ trong quá trình công nghiệp hóa	Trần Kim Dung	15
- Phát triển thị trường nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Bùi Hữu Đức	16
- Đồng chí Võ Chí Công với khoán sản phẩm trong nông nghiệp và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế	Đinh Văn Niệm	16
- Hà Giang vượt khó đi lên	Vũ Ngọc Kỳ	16
- Kế hoạch hóa trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta	Vũ Văn Phúc	17
- Để cà phê Việt Nam đứng vững trên thị trường thế giới	Văn Dền	17
- Kinh tế - xã hội ở Tây Nguyên sau 10 năm nhìn lại	Hoàng Công Dung	17
- Đồng bằng sông Cửu Long tích cực phòng chống bão, lũ	Kim Ngân	17
- Móng Cái trên đà phát triển	Hoàng Hải	17
- Quảng Bình đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống	Trần Hòa	18
- Đắk Lắk bước vào thế kỷ XXI	Y Luyện Nie Kdăm	18
- Đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Trịnh Đức Hồng	18

Digitized by Google

Tên bài	Tác giả	Số
- Kinh tế vùng biển Đông Bắc - vực dậy những tiềm năng	Phạm Thắng	18
- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hoạt động ngân hàng	Nguyễn Hoành Xanh	18
- Chỉ số giá cả ở nước ta - thực trạng và giải pháp	Xuân Hoành	18
- Thực trạng tình hình của các doanh nghiệp và một số kiến nghị	Đoàn Duy Thành	19
- Chủ động hơn nữa hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế	Nguyễn Thị Doan	19
- Thị trường trong nước là động lực quan trọng để kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững	Nguyễn Đình Bích	19
- An ninh lương thực nước ta trong tình hình mới	Võ Hùng Dũng	19
- Hội thảo khoa học - thực tiễn : Đẩy mạnh phát triển kinh tế thủy sản vùng duyên hải Bắc Bộ, phát huy vai trò chiến lược kinh tế biển Việt Nam	Hải Hưng	20
- Xí nghiệp vận tải đường sắt khu vực I qua những năm đổi mới	Nguyễn Phát	20
- Ghi nhận qua những nẻo đường Tây Nguyên	Vũ Ngọc Lân - Nguyễn Thái Sơn	21
- Từ "địa ngục trần gian" đến "thiên đàng tại thế"	Tiến Hải	21
- Một số vấn đề trong quan hệ tài chính giữa trung ương và địa phương	Bùi Đường Nghiêu	21
- Xóa đói, giảm nghèo ở Hà Tĩnh	Trần Đình Đàn - Nguyễn Sĩ Đại	21
- Hội thảo khoa học - thực tiễn : Bắc Ninh và khả năng hợp tác với châu Âu	***	22
- Nhìn lại 4 năm đưa Luật Hợp tác xã vào cuộc sống	Chu Tiến Quang - Lê Xuân Đình	22
- Vì sao phải xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ ?	Nguyễn Thúy	22
- Giao thông vận tải trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2001 - 2010	Lê Ngọc Hoàn	23
- Mấy suy nghĩ về việc tiếp tục hoàn thiện chính sách tiền lương	Lê Xuân Đình	24
- Bà Rịa - Vũng Tàu : Chặng đường phấn đấu 10 năm	Trần Văn Khánh	24
- Thúc đẩy và mở rộng việc phát triển dịch vụ tài chính - tiền tệ	Phạm Phan Dũng	24
III - Chính trị - Triết học		
- "Từ bỏ chủ nghĩa xã hội" ! hay từ bỏ lối nhìn sai về chủ nghĩa xã hội	Nhị Lê	1
- Một đảng cầm quyền với việc phát huy dân chủ	Lê Hữu Nghĩa	1

Digitized by Google

Tên bài	Tác giả	Số
- Sự nghiệp giải phóng dân tộc của Việt Nam nhìn từ góc độ "trật tự thế giới"	Nguyễn Quốc Hùng	1
- Nhận dạng và xử lý cơ hội, thách thức	Vũ Hiền	2
- Phát triển đất nước phải gắn liền với bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa	Văn Tiến Dũng	3
- Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước hiện nay	Chu Văn Thành - Hà Quang Ngọc	3
- Chủ nghĩa xã hội vượt qua những sự kiện ở hai đầu của thế kỷ	Trần Quang Nhiếp	4
- Một số vấn đề về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta	Vũ Văn Phúc	4
- Về con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	Nhị Lê	5
- Quan điểm mác xít và quan điểm tư sản về khoa học - kỹ thuật và tri thức khác nhau thế nào ?	La Côn	5
- Bộ đội Biên phòng với việc xây dựng "điểm sáng văn hóa biên giới"	Vũ Hiệp Bình	5
- Thanh tra nhà nước 15 năm đổi mới	Tạ Hữu Thanh	6
- Công tác dân vận của Đảng - một khoa học cách mạng	Văn Tạo	6
- Suy nghĩ về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và kiện toàn tổ chức của Quốc hội	Nguyễn Quốc Thắng	7
- Tăng cường quốc phòng - an ninh bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới	Phạm Văn Trà	8
- Chiến thắng 30-4-1975, nhìn lại và suy ngẫm	Văn Tiến Dũng	8
- "Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ mở ra giai đoạn phát triển mới"	Sác-lơ Phuốc-ni-ô	8
- Xây dựng chủ nghĩa xã hội mang bản sắc dân tộc Việt Nam	Quang Cận	8
- Bàn thêm về triết lý phát triển xã hội của Hồ Chí Minh	Hồ Bá Thâm	8
- Tiếng nói của đồng chí và bạn bè tại Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam		9
- Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ở cơ sở	Kiều Cao Tâm	10
- Chữ "đồng" trong quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân	Phạm Ngọc Quang	11
- Một số vấn đề thực hiện chính sách dân tộc ở Đắk Lắk	Nguyễn Văn Lạng	11
- Học viện Hậu cần vững bước đi lên trong sự nghiệp đổi mới	Phạm Tuyến	11
- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội	Vũ Hiền	12
- Soạn thảo, sửa đổi Hiến pháp và thực hiện bảo vệ Hiến pháp	Nguyễn VănThảo	12
- Kế thừa và phát huy những mặt tích cực của hương ước cổ trong việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở xã	Lê Quốc Hùng	12

Digitized by Google

Tên bài	Tác giả	Số
- Đại hội IX và thời điểm mở đầu thế kỷ mới của thế giới hiện đại	Hồng Long	12
- Quốc hội triển khai nhiệm vụ kinh tế - xã hội, thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng	Nhật Tân	13
- Phát huy dân chủ trong cơ chế một đảng cầm quyền ở nước ta hiện nay	Nguyễn Văn Huyên	13
- Trí thức hóa giai cấp công nhân nước ta hiện nay	Cù Thị Hậu	13
- Về công tác vận động quần chúng trong giai đoạn hiện nay	Nguyễn Minh Đào	13
- Mấy giải pháp chống buôn lậu trong tình hình hiện nay	Lê Văn Tới	13
- Thực hiện tốt hơn nữa chính sách hậu phương quân đội	Lê Văn Hân	14
- An ninh trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	Lê Minh Hương	15
- Những nhiệm vụ chủ yếu của ngành tổ chức nhà nước	Đỗ Quang Trung	15
- Về tương lai của chủ nghĩa xã hội	Nhị Lê	15
- Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước	Nguyễn Trọng Điều	16
- Về việc sửa đổi Hiến pháp năm 1992 - một số vấn đề có tính nguyên tắc	Nguyễn Đăng Dung	16
- Thực hiện dân chủ ở cơ sở theo tư tưởng Hồ Chí minh	Nguyễn Long Khánh	16
- Đại đoàn kết dân tộc và công tác mặt trận trong giai đoạn hiện nay	Phạm Thế Duyệt	17
- Nâng cao chất lượng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Nguyễn Thế Trị	17
- Nhân tố nhà nước pháp quyền, thống nhất quyền lực trong Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau Cách mạng Tháng Tám	Nguyễn Văn Thảo	17
- Thực hiện chính sách dân tộc của Đảng ở Quảng Nam	Phan Thanh Châu	17
- Đóng góp tích cực của Việt Nam vào sự phát triển của ASEAN	Nguyễn Dy Niên	18
- Nhận rõ quan hệ biện chứng và tính sáng tạo qua bốn đặc trưng của Đại hội	Văn Tạo	18
- Ở nước ta, dân chủ chỉ được bảo đảm trong một nền chính trị nhất nguyên	Phạm Ngọc Quang	18
- Suy nghĩ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992	Nguyễn Văn Thảo	19
- Đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, đoàn kết toàn dân là những động lực cơ bản của cách mạng Việt Nam	Lê Xuân Lựu	19
- Dân chủ, đoàn kết dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh và Nghị quyết Đại hội IX của Đảng	Nguyễn Thanh Bình	19

Digitized by Google

Tên bài	Tác giả	Số
- Đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống, hoạt động của thanh niên và phong trào thanh niên	Đặng Cảnh Khanh	19
- Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới	Nguyễn Phúc Thanh	20
- Về nhu cầu, mức độ sửa đổi Hiến pháp năm 1992 và quan điểm xây dựng nhà nước pháp quyền	Đào Trí Úc	20
- Xây dựng quân đội về chính trị - nhiệm vụ vẻ vang của Học viện Chính trị quân sự	Trần Xuân Trường	20
- Các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ với việc tham gia quản lý nhà nước	Nguyễn Thị Oanh	20
- Xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số trong lực lượng Bộ đội Biên phòng	Hồ Trọng Lâm	20
- Cải cách hành chính theo tinh thần Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992	Nguyễn Ngọc Hiến	21
- Bàn về cuộc đấu tranh chống tham nhũng ở nước ta hiện nay	Lê Trọng	21
- Suy nghĩ thêm về nền dân chủ ở nước ta hiện nay	Hồ Bá Thâm	21
- Về mối quan hệ giữa nhà nước và công dân ở Việt Nam	Nguyễn Văn Động	21
- Quyền con người với độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia	Cao Đức Thái	22
- Một đạo luật thiếu khách quan và phi khoa học	Nguyễn Chí Dũng	22
- Đoàn kết tôn giáo và dân tộc của vùng đất Nam Bộ	Phan An	22
- Bộ đội Biên phòng đấu tranh phòng, chống tội phạm ở biên giới, hải đảo	Từ Thanh	22
- Đại đoàn kết toàn dân - động lực chủ yếu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	Phạm Thế Duyệt	23
- Sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992 với vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam	Lê Hồng Sơn	23
- Vấn đề nhà nước pháp quyền và sự cần thiết xây dựng tổng thể bộ máy Nhà nước ta	Đào Trí Úc	23
- Những người mưu toan "đảo lộn khoa học" về con đường xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Nhị Lê	23
- Kế tục truyền thống vẻ vang Binh đoàn Cửu Long anh hùng	Lưu Phước Lượng	23
- Lại bàn về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam	Lê Xuân Lưu	24
- Cải cách hành chính ở thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Vy	24
IV - Văn hóa - Xã hội		
- Bản sắc dân tộc trong văn học - nghệ thuật	Hà Xuân Trường	1
- Giải pháp chiến lược nâng cao sức khỏe nhân dân	Lê Ngọc Trọng	1
- Hồ Chí Minh với việc phát huy sức mạnh của văn hóa	Thành Duy	1

Digitized by Google

Tên bài	Tác giả	Số
- Để phát triển kinh tế - xã hội những xã đặc biệt khó khăn	Trần Quang Nhiếp	1
- Về chiến lược dân số ở nước ta đến năm 2010	Trần Thị Trung Chiến	2
- Việt Nam thế kỷ XX - một trăm năm trong một nghìn năm	Dương Trung Quốc	2
- Xuân chuyển giao thế kỷ vang vọng những vần thơ về Đảng	Nguyễn Xuân Lạc	2
- Tiếp tục tinh thần nhập cuộc mạnh mẽ của nhà văn	Hữu Thỉnh	2
- Văn hóa dân gian và bản sắc văn hóa dân tộc	Ngô Đức Thịnh	3
- Phát huy thành quả chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, đẩy nhanh tốc độ và bảo đảm chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Phạm Minh Hạc	4
- Xây dựng đời sống văn hóa của công nhân, viên chức và người lao động	Đỗ Kim Thịnh	4
- Bước tiến mới của sự nghiệp xóa đói giảm nghèo	Nguyễn Thị Hằng	4
- Tôn giáo trong đời sống tinh thần và xã hội Việt Nam hiện nay	Đỗ Công Định	5
- Xây dựng Trường đại học sư phạm trọng điểm	Đinh Quang Báo	5
- Thử xác định đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn từ sau năm 1975	Nguyễn Văn Long	6
- Vấn đề việc làm : thực trạng và triển vọng giải quyết	Đường Vinh Sường	6
- Chống mù chữ và phổ cập giáo dục - sự nghiệp to lớn và lâu dài của toàn xã hội	Nguyễn Minh Hiển	7
- Quặng của thời gian	Phạm Tiến Duật	7
- Qua hai bờ đại dương thế hệ điện ảnh trẻ Việt Nam tự khẳng định	Hải Ninh	7
- Ngời sáng tấm gương người cộng sản Hồ Chí Minh	Nguyễn Xuân Lạc	8
- Tư tưởng trọng dân trong văn hóa chính trị Việt Nam truyền thống	Hồ Trọng Hoài - Lâm Quốc Tuấn	8
- Đẩy mạnh xuất khẩu lao động và chuyên gia	Nguyễn Hải Hà	8
- Chân lý của đời sống	Hữu Thỉnh	9
- Môi trường - sinh thái và mối hiểm họa của thế kỷ XXI	Trần Nhâm	10
- Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp	Phạm Văn Chúc	10
- Thế tựa Trường Sơn	Phạm Tiến Duật	10
- Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học lịch sử quân sự	Trịnh Vương Hồng	10
- Hồ Chí Minh, nhà xã hội học của hành động	Thanh Lê	10
- Bản lĩnh văn hóa Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa	Hồ Sĩ Vịnh	11
- Viết về Đảng, trách nhiệm và vinh dự của người làm báo	Hà Đăng	12
- Nhà báo trước những yêu cầu mới của Đảng	Chu Thái Thành	12
- "Chính quyền điện tử", yêu cầu của thời đại	Vũ Đình Cự	12

Digitized by Google

Tên bài	Tác giả	Số
- Giáo dục mầm non, thực trạng và kiến nghị	Lê Thị Ánh Tuyết	12
- Để khoa học và công nghệ thực sự trở thành nền tảng và động lực của sự phát triển	Chu Tuấn Nhạ	13
- Kế thừa luật tục để xây dựng quy ước làng văn hóa ở Tây Nguyên	Phan Đăng Nhật	13
- Văn nghệ và việc đưa Nghị quyết Đại hội IX vào cuộc sống	Hà Xuân Trường	14
- Từ thực tế của Đài truyền hình Việt Nam	Vũ Văn Hiến	14
- Tạo dựng nguồn lực cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước	Nguyễn Trọng Chuẩn	14
- Những mũi cần đột phá trong giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số	Trần Thị Nam	14
- Nhìn nhận từ phong trào thanh niên tình nguyện	Đặng Cảnh Khanh	14
- Thực hiện định hướng công bằng và hiệu quả trong chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân	Phạm Mạnh Hùng	15
- Phát triển giáo dục đại học đầu thế kỷ XXI	Vũ Văn Tảo	15
- Hiện đại hóa truyền thống và truyền thống hóa hiện đại	Tương Lai	16
- Vài ý kiến nhân "Nhìn lại một thế kỷ văn học Việt Nam"	Hà Xuân Trường	17
- Di sản văn hóa truyền thống Việt Nam trước những biến động của thời đại	Nguyễn Trọng Chuẩn	17
- Nâng cao chất lượng báo chí và công tác quản lý báo chí	Phạm Quang Nghị	18
- Toàn cầu hóa và một số vấn đề đặt ra đối với bản sắc văn hóa Việt Nam	Nguyễn Văn Huyên	18
- Những thách thức đối với gia đình hiện nay và chính sách hỗ trợ gia đình	Lê Thị Anh Tuyết	19
- Xuất bản và phát hành sách giáo khoa hiện nay : thực trạng và giải pháp	Đường Vinh Sường	19
- Suy nghĩ thêm về văn hóa nông nghiệp lúa nước của Việt Nam	Nguyễn Đăng Duy	20
- Sân khấu Xô viết và ảnh hưởng của nó đối với sân khấu Việt Nam	Nguyễn Phan Thọ	21
- Vượt lên thách thức mới về sức khỏe sinh sản và HIV/AIDS	Phạm Song	21
- Hãy xứng đáng là những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng	Phan Diễn	22
- Quán triệt sâu sắc hơn nữa các nội dung Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đưa sự nghiệp báo chí, xuất bản tiến lên một bước mới	Nguyễn Khoa Điềm	22
- Báo chí, xuất bản sau 4 năm thực hiện Chỉ thị 22 - CT/TU	***	22

Digitized by Google

Tên bài	Tác giả	Số
- Nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến về nước sạch - vệ sinh môi trường	Chu Thái Thành	22
- Qua miền Tây Bắc	Chu Thái Thành	23
- Đại hội đồng UNESCO lần thứ 31 với vấn đề đa dạng hóa văn hóa và lòng khoan dung	Phạm Gia Khiêm	24
- Nhìn lại chặng đường xã hội hóa giáo dục ở nước ta	Dương Vũ	24
- Niềm tin vào triển vọng phát triển văn học - nghệ thuật ở nước ta	Mai Hải Oanh	24
V - Xây dựng Đảng		
- Nâng cao hiệu quả tổ chức chỉ đạo thực hiện	Tiến Hải	2
- Thành tựu đổi mới đối với việc tiếp tục chỉnh đốn Đảng	Bùi Ngọc Thanh	3
- Sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội Nông dân Việt Nam - một nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn	Nguyễn Đức Triều	3
- Quần chúng và lòng tin ở Đảng	Nguyễn Chí Tình	3
- Từ cuộc vận động, chỉnh đốn Đảng ở huyện Thăng Bình (Quảng Nam)	Trần Dũng Mãnh	3
- Dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng	Vũ Ngọc Lân	5
- Đồng chí Phạm Văn Đồng, nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng và nhân dân ta	Lê Hữu Nghĩa	6
- Giáo dục lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ	Trương Giang Long	6
- Chi bộ với việc giáo dục quản lý đảng viên	Bùi Thành Phần	6
- Ghi nhận qua đại hội đại biểu đảng bộ các tỉnh, thành phố	Nguyễn Đức Hà	7
- Thế hệ trẻ Việt Nam mãi mãi đi theo con đường của Đảng và Bác Hồ vĩ đại	Vũ Trọng Kim	7
- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vận động thanh niên	Lê Thanh Đạo	7
- Tuyên Quang trồng cây và "trồng người"	Vũ Ngọc Lân	9
- Đại hội trí tuệ	Văn Tạo	11
- Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng	Nguyễn Thế Nghĩa	11
- Những vấn đề cơ bản của bốn bài học sau 15 năm đổi mới	Nhị Lê	11
- Về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng	Trần Quang Nhiếp	12
- Đổi mới công tác cán bộ, thuận lợi và thách thức	Xuân Hải	12
- Nhiệm vụ trọng yếu sau Đại hội	Vũ Hiền	14
- Những hình thức và biện pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu, quán triệt và thực hiện Nghị quyết của Đảng	Lê Hữu Nghĩa	14

Digitized by Google

Tên bài	Tác giả	Số
- Một số suy nghĩ về tiêu chuẩn người đứng đầu tổ chức trong giai đoạn hiện nay	Nguyễn Kim Đỉnh	14
- Tuổi trẻ Việt Nam qua các Đại hội liên hoan thanh niên, sinh viên thế giới	Tấn Vũ	15
- Hội thảo khoa học - thực tiễn : "Nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và đưa Nghị quyết vào cuộc sống"	* * *	15
- Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đẩy mạnh cải cách tổ chức, hoạt động của Nhà nước	Trần Đình Hoan	17
- Vì sao cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu đề ra ?	Vũ Ngọc Lân	18
- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của chính quyền ở cơ sở	Lê Hữu Nghĩa	19
- Phụ nữ trong phát triển ở Việt Nam	Lê Thị Quý	20
- Uy tín của người cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ta hiện nay	Lê Kim Việt	20
- Đào tạo nguồn nhân lực cho Đồng bằng sông Cửu Long	Đào Xuân Thưởng	21
- Mấy vấn đề về hiệu quả và đánh giá hiệu quả việc học tập Nghị quyết của Đảng	Vũ Ngọc Am	21
- Đổi mới công tác tư tưởng ở cơ sở	Nguyễn Chí Mỳ	21
- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp nhà nước	Tạ Xuân Đại	22
- Giáo dục lý luận chính trị và đạo đức cho cán bộ hiện nay	Nguyễn Tĩnh Gia	22
- Bộ đội Biên phòng với Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng	Đặng Vũ Liêm	24
VI - Sinh hoạt tư tưởng		
- Ở đâu khó khăn hơn	Vũ Lân	1
- Vậy là vậy	Mai Ninh	2
- Khoảng cách	Nguyễn Trung Thực	4
- Cái sàng	Ngọc Minh	5
- Cái khó khi lựa chọn !	Phạm Đức Rục	6
- Trung thực	Nguyễn Văn Hải	7
- "Mua xã nghèo"	Thanh Thủy	10
- Ba nhiều, ba ít	Mai Ninh	11
- Phong bì và cái bì không phong	Lê Xuân Vũ	13
- "Đứng giữa"	Ngọc Minh	14
- Số còn nặng nợ	Lê Thành	15
- Ba "đừng"	Nhân Đăng	16

Digitized by Google

Tên bài	Tác giả	Số
- Chuyện... không nhỏ	Nguyễn Trọng Thụ	17
- Người lãnh đạo thời nay	Nguyễn Tiến	18
- No cái tai, đói cái bụng	Mai Ninh	19
- Chết mau, chết lâu	Mai Ninh	20
- Khủng bố và chống khủng bố	Tự Nhiên	21
- Chuyện "con đê"	Mai Ninh	22
- Nên trong hay nên đục	Vũ Văn	23
- Đích danh thủ phạm	Tuấn Minh	24
VII - Thư gửi Bộ biên tập		
- Về tên gọi : "Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên"	Hà Nhân	1
- Nên có "Ngày toàn dân thực hành tiết kiệm"	Nguyễn Văn Hải	3
- Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt	Trung Nhương	7
- Học từ quá khứ là trách nhiệm để đối phó với tương lai	Đặng Minh Phương	12
- Để thực thi một nghị quyết chiến lược	Nguyên Thành	20
VIII - Thế giới : Vấn đề, sự kiện		
- Hoa Kỳ sau bầu cử	La Côn	1
- Hiệp định phân định vịnh Bắc Bộ và Hiệp định hợp tác nghề cá giữa Việt Nam - Trung Quốc trong Vịnh Bắc Bộ	Lê Công Phụng	2
- "Nam hành" trên đất Lạn-xang	Phạm Văn Chúc	3
- Diễn đàn kinh tế Đa-vốt năm 2001 và làn sóng phản đối toàn cầu hóa hiện nay	Hoàng Giáp	4
- Chủ nghĩa tự do mới và vấn đề "hội nhập"	Nguyễn Văn Thanh	5
- Quan hệ Việt - Nga : Tầm cao mới, triển vọng mới	Phạm Văn Chúc	6
- Khu vực văn hóa Đông - Nam Á và những lần hội nhập quốc tế	Ngô Văn Doanh	6
- Về diện mạo và bản chất của chủ nghĩa tư bản hiện nay	Nguyễn Tiến Thủ	7
- Phát triển nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở CHDCND Lào	Bun-Thoỏng Di-vi-xay	7
- Chiến thắng Hi-rôn - 40 năm nhìn lại	Nguyễn Viết Thảo	7
- Ban - căng vẫn chưa hết nóng	Nguyễn Hoàng Giáp - Thái Văn Long	9
- Những đường nét cơ bản trong chính sách đối ngoại của Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ	Nguyễn Thế Lực - Mai Hoài Anh	10
- Hệ thống phòng thủ tên lửa quốc gia - canh bạc lớn đầu thiên niên kỷ	Võ Thủ Phương	11

Digitized by Google

Tên bài	Tác giả	Số
- Quan niệm về an ninh quốc gia dưới tác động của xu thế toàn cầu hóa	Phạm Quốc Trụ	12
- Quan hệ Nga - Trung - Mỹ thập niên 1991 - 2001	Nguyễn Hoàng Giáp - Phan Văn Dâu	13
- Đảng Cộng sản Trung Quốc trên chặng đường lịch sử 80 năm	Nguyễn Huy Quý	14
- Chính sách hỗ trợ tài chính đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ ở một số nước	Vũ Bá Định	14
- Tấn trò giễu cợt công lý	Quang Lợi	15
- Thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các nước thành viên ASEAN	Nguyễn Mạnh Cầm	16
- Các nước châu Phi - Trung Đông trong quan hệ với Việt Nam thời gian qua	Nguyễn Văn Du	16
- Tiếp cận kinh tế tri thức qua kinh nghiệm của một số nước	Nguyễn Xuân Tế	16
- Chính sách đối ngoại của Tổng thống G. Bu-sơ	Trần Bá Khoa	17
- Bí quyết thành công trong sự bắt chước công nghệ của Nhật Bản	Hoàng Xuân Long	18
- Một đạo luật phi đạo lý	Người bình luận	19
- Những chuyển động mới trong phong trào cộng sản, công nhân quốc tế	Lưu Văn An - Nguyễn Hoàng	20
- Nước Mỹ với ngày thứ ba đen và chủ nghĩa khủng bố	Võ Thủ Phương	20
- Thế giới chống tham nhũng	Vũ Hiền	21
- Đảng Nhân dân cách mạng Lào tăng cường giáo dục lý luận trong thời kỳ đổi mới	Phăn-đuông-chít Vông-sa	21
- Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc : mười năm khôi phục và phát triển (1991 - 2001)	Nguyễn Huy Quý	21
- Chạy đua vũ trang ngày nay, đặc trưng và hiểm họa	Trần Trọng	22
- Liên kết cộng đồng các quốc gia độc lập : khó khăn và triển vọng	Nguyễn Tiến Nghĩa	22
- Sự sụp đổ của tháp tiền	Vũ Đình Cự	23
- Cuộc chiến tranh trả đũa của Mỹ vẫn chưa thể kết thúc	Trần Bá Khoa	23
- Hợp tác chiều sâu cho mục tiêu phát triển trong ASEAN và ASEM	Lương Văn Tự	24
- Phản toàn cầu hóa : một phong trào quốc tế đang lên	Phạm Quốc Trụ	24
IX - Qua sách báo nước ngoài		
- Một chủ nghĩa quốc tế mới	Nguyễn Văn Thanh	2
- Về triển vọng của chủ nghĩa xã hội ở nước Nga	Nguyễn Tiến Nghĩa (Lược dịch)	7

Digitized by Google

Tên bài	Tác giả	Số
- Mỹ, kẻ đạo đức giả về nhân quyền	Hi-sa-mu-đin Hút-xen	8
- Sự tự phủ định của chủ nghĩa tư bản - xu hướng lịch sử tất yếu	Nguyễn Tiến Nghĩa (Dịch và tổng thuật)	11
- Kinh tế mới và kinh tế tri thức - hai khái niệm khác nhau	***	15
- Mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện nay	Mai Hải Oanh (Dịch và trích thuật)	16
X - Tin hoạt động lý luận - thực tiễn		
- Hội nghị khoa giáo toàn quốc tổng kết công tác năm 2000 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm 2001		5
- Tỉnh ủy Hải Dương tổng kết 5 năm xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh		8
- Vấn đề "đổi điền, dồn thửa" ruộng đất nông nghiệp		11
- Lễ khai trương phát triển thử nghiệm Tạp chí Cộng sản điện tử trên mạng In-tơ-nét		18
- Hội nghị cộng tác viên, bạn đọc Tạp chí Cộng sản		18
- Đoàn cán bộ Tạp chí Cầu Thị (Trung Quốc) thăm Việt Nam và làm việc với Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản		19
- Hội nghị toàn quốc về nghiệp vụ công tác đảng viên, tổng hợp, thống kê		20
- Hội nghị triển khai hướng dẫn về công tác kiểm tra và kỷ luật Đảng		21
- Hội thảo khoa học - thực tiễn về đại đoàn kết dân tộc		23
- Nghiệm thu đề tài cấp nhà nước "Làm người cộng sản trong giai đoạn hiện nay"		24
- Hội nghị công tác cán bộ		24
XI - Văn kiện - tư liệu		
- Bộ Chính trị chỉ thị : Tạp chí Cộng sản phải cùng các cơ quan lý luận của Đảng đi tiên phong trong công tác lý luận		2
- Thông báo Hội nghị lần thứ 11 BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII)		3
- Dự thảo Báo cáo Chính trị - Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh CNH, HĐH, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa		4
- Tạp chí Cộng sản triển khai thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị		5
- Thông báo Hội nghị lần thứ 11 (lần 2) BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII)		7
- Mười mốc son trong lịch sử Đảng ta		8

Digitized by Google

Tên bài	Tác giả	Số
• ***Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng***		9
- Tiểu sử đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam		9
- Danh sách Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam		9
- Diễn văn khai mạc (do đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đọc)		9
- Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về các văn kiện tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng do đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu trình bày)		9
- Diễn văn bế mạc (do đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đọc)		9
- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam		9
- Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (bổ sung, sửa đổi)		9
- Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi		10
- Thông báo Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa IX		12
- Chỉ thị của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII		13
- Thông báo Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa IX		17
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước		20
- Khai mạc Hội nghị lần thứ tư BCH TƯ Đảng khóa IX		22
- Thông báo Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX		23
- Bộ Chính trị ra Nghị quyết về hội nhập kinh tế quốc tế		24

Digitized by Google

BỘ CHÍNH TRỊ RA NGHỊ QUYẾT VỀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

NGÀY 27-11-2001, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết về hội nhập kinh tế quốc tế. Sau khi đánh giá những thành tựu quan trọng của đất nước ta trong việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại ; những yếu kém và nguyên nhân của những khuyết điểm trong hợp tác kinh tế đối với nước ngoài, Nghị quyết của Bộ Chính trị đã chỉ rõ mục tiêu, những quan điểm chỉ đạo, một số nhiệm vụ cụ thể trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Dưới đây là những nội dung chủ yếu của Nghị quyết quan trọng này.

MỤC TIÊU CỦA HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế nhằm mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ, kiến thức quản lý để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, trước mắt là thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ nêu ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội năm 2001 - 2010 và Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005.

NHỮNG QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP.

1 - Quán triệt chủ trương được xác định tại Đại hội IX là : *"Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc ; an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường".*

2 - Hội nhập kinh tế quốc tế là sự nghiệp của toàn dân ; trong quá trình hội nhập cần phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

3 - Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh và cạnh tranh, vừa có nhiều cơ hội, vừa không ít thách thức, do đó cần tỉnh táo, khôn khéo và linh hoạt trong việc xử lý tính hai mặt của hội nhập tùy theo đối tượng, vấn đề, trường hợp, thời điểm cụ thể ; vừa phải đề phòng tư tưởng trì trệ, thụ động, vừa phải chống tư tưởng giản đơn, nôn nóng.

4 - Nhận thức đầy đủ đặc điểm nền kinh tế nước ta, từ đó đề ra kế hoạch và lộ trình hợp lý, vừa phù hợp với trình độ phát triển của đất nước, vừa đáp ứng các quy định của các tổ chức kinh tế quốc tế mà nước ta tham gia ; tranh thủ những ưu đãi dành cho các nước đang phát triển và các nước có nền kinh tế chuyển đổi từ kinh tế tập trung bao cấp sang kinh tế thị trường.

Digitized by Google

5 - Kết hợp chặt chẽ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế với yêu cầu giữ vững an ninh, quốc phòng, thông qua hội nhập để tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia, nhằm củng cố chủ quyền và an ninh đất nước, cảnh giác với những mưu toan thông qua hội nhập để thực hiện ý đồ "diễn biến hòa bình" đối với nước ta.

Một số nhiệm vụ cụ thể trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế :

1 - Tiến hành rộng rãi công tác tư tưởng, tuyên truyền, giải thích trong các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, trong các doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân để đạt được nhận thức và hành động thống nhất và nhất quán về hội nhập kinh tế quốc tế, coi đó là nhu cầu vừa bức xúc, vừa cơ bản và lâu dài của nền kinh tế nước ta, nâng cao niềm tin vào khả năng và quyết tâm của nhân dân ta chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

2 - Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội IX, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 cũng như các quy định của các tổ chức kinh tế quốc tế mà nước ta tham gia, *xây dựng chiến lược tổng thể về hội nhập với một lộ trình cụ thể* để các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp khẩn trương sắp xếp lại và nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh, bảo đảm cho hội nhập có hiệu quả. Trong khi hình thành chiến lược hội nhập, cần đặc biệt quan tâm bảo đảm sự phát triển của các ngành dịch vụ như tài chính, ngân hàng, viễn thông... là những lĩnh vực quan trọng mà ta còn yếu kém.

3 - *Chủ động và khẩn trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế*, đổi mới công nghệ và trình độ quản lý để nâng cao khả năng cạnh tranh, phát huy tối đa lợi thế so sánh của nước ta, ra sức phấn đấu không ngừng nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm và dịch vụ, bắp kịp sự thay đổi nhanh chóng trên thị trường thế giới, tạo ra những ngành, những sản phẩm mũi nhọn để hàng hóa và dịch vụ của ta chiếm lĩnh thị phần ngày càng lớn trong nước cũng như trên thế giới, đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tiến hành điều tra, phân loại, đánh giá khả năng cạnh tranh của từng sản phẩm, từng dịch vụ, từng doanh nghiệp, từng địa phương để có biện pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả và tăng cường khả năng cạnh tranh. Gắn quá trình thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa IX về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong quá trình hội nhập cần quan tâm tranh thủ những tiến bộ mới của khoa học, công nghệ ; không nhập khẩu những công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

Đi đôi với việc nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm và dịch vụ, của các doanh nghiệp, cần ra sức cải thiện môi trường kinh doanh, khả năng cạnh tranh quốc gia thông qua việc khẩn trương đổi mới và xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật phù hợp với đường lối của Đảng, với thông lệ quốc tế, phát triển mạnh kết cấu hạ tầng ; đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính nhằm xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch về phẩm chất, vững mạnh về chuyên môn.

4 - Tích cực tạo lập đồng bộ *cơ chế quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ;* thúc đẩy sự hình thành, phát

Digitized by Google

triển và từng bước hoàn thiện các loại hình thị trường hàng hóa, dịch vụ, lao động, khoa học - công nghệ, vốn, bất động sản... ; tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế, tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý kinh tế của Nhà nước đối với nền kinh tế, đặc biệt chú trọng đổi mới và củng cố hệ thống tài chính, ngân hàng.

5 - Có kế hoạch cụ thể đẩy mạnh công tác *đào tạo nguồn nhân lực* vững vàng về chính trị, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng, tinh thông nghiệp vụ và ngoại ngữ, có tác phong công nghiệp và tinh thần kỷ luật cao. Trong phát triển nguồn nhân lực theo những tiêu chuẩn chung nói trên, cần chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ, quản lý và kinh doanh hiểu biết sâu về luật pháp quốc tế và nghiệp vụ chuyên môn, nắm bắt nhanh những chuyển biến trên thương trường quốc tế để ứng xử kịp thời, nắm được kỹ năng thương thuyết và có trình độ ngoại ngữ tốt. Bên cạnh đó cần hết sức coi trọng việc đào tạo đội ngũ công nhân có trình độ tay nghề cao.

Cùng với việc đào tạo nhân lực cần có chính sách thu hút, bảo vệ và sử dụng nhân tài ; bố trí, sử dụng cán bộ đúng với ngành nghề được đào tạo và với sở trường năng lực của từng người.

6 - *Kết hợp chặt chẽ hoạt động chính trị đối ngoại với kinh tế đối ngoại.*

Cũng như trong lĩnh vực chính trị đối ngoại, trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế cần giữ vững đường lối độc lập tự chủ, thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa thị trường và đối tác, tham gia rộng rãi các tổ chức quốc tế. Các hoạt động đối ngoại song phương và đa phương cần hướng mạnh vào việc phục vụ đắc lực nhiệm vụ mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Tích cực tham gia đấu tranh vì một hệ thống quan hệ kinh tế quốc tế bình đẳng, công bằng, cùng có lợi, bảo đảm lợi ích của các nước đang phát triển và chậm phát triển.

Các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài cần coi việc phục vụ công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế của đất nước là một nhiệm vụ hàng đầu.

7 - *Gắn kết chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế với nhiệm vụ củng cố an ninh quốc phòng* ngay từ khâu hình thành kế hoạch, xây dựng lộ trình cũng như trong quá trình thực hiện, nhằm làm cho hội nhập không ảnh hưởng tiêu cực tới nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và an toàn xã hội ; mặt khác, các cơ quan quốc phòng và an ninh cần có kế hoạch chủ động hỗ trợ tạo môi trường thuận lợi cho quá trình hội nhập.

8 - *Tích cực tiến hành đàm phán để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)* theo các phương án và lộ trình hợp lý, phù hợp với hoàn cảnh của nước ta là một nước đang phát triển ở trình độ thấp và đang trong quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế. Gắn kết quá trình đàm phán với quá trình đổi mới mọi mặt hoạt động kinh tế ở trong nước.

9 - *Kiện toàn Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế* đủ năng lực và thẩm quyền giúp Thủ tướng Chính phủ tổ chức, chỉ đạo các hoạt động về hội nhập kinh tế quốc tế. ❑

Digitized by Google

THỰC HIỆN ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC LÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CẢ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ TOÀN XÃ HỘI *

NÔNG ĐỨC MẠNH

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

...ĐẠI đoàn kết dân tộc không chỉ là vấn đề thời sự lớn hiện nay mà còn mãi mãi là vấn đề cơ bản và lâu dài của cách mạng Việt Nam, của sự trường tồn dân tộc và phát triển đất nước ta.

Kế thừa và phát huy truyền thống đại đoàn kết - nguồn sức mạnh tinh thần vô tận và vô giá của dân tộc ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất ngay sau khi Đảng vừa mới ra đời và chính cả cuộc đời hoạt động của Người là hiện thân tư tưởng đại đoàn kết dân tộc. Người luôn luôn khẳng định vai trò quan trọng của đại đoàn kết toàn dân đối với sự nghiệp cách mạng nước ta. Người đã rút ra những kết luận có tính chân lý : "Đoàn kết làm ra sức mạnh" ; "Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta", "là then chốt của thành công" ; "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công". Tại Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định mục đích của Đảng ta gồm tám chữ "Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc".

Với tư tưởng "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", "Độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Đảng Cộng sản Việt Nam phát huy cao độ sức mạnh đoàn kết dân tộc kết hợp với sức mạnh đoàn kết quốc tế, lãnh đạo nhân dân ta liên tiếp giành được những thắng lợi vĩ đại trong cuộc đấu tranh vì độc lập của Tổ quốc, tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Ngày nay, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết tâm tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa nhằm thực hiện điều mong muốn cuối cùng mà Người đã để lại cho chúng ta và các thế hệ mai sau : *"Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới"* (1).

Bước vào thế kỷ mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra mục tiêu tổng quát của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 là :

"Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực

---

* Trích bài phát biểu tại Hội thảo khoa học - thực tiễn Kỷ niệm 71 năm Ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất tổ chức tại Hà Nội ngày 15-11-2001. Đầu đề là của Tạp chí Cộng sản

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 12, tr 512

Digitized by Google

con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường ; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản ; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao" (2).

Đây là một nhiệm vụ to lớn và rất nặng nề. Động lực nào có thể giúp dân tộc ta hôm nay nắm vững thời cơ, vượt qua thách thức, hoàn thành được sứ mệnh lịch sử ?

Như tất cả chúng ta đều biết, bài học lớn của cách mạng Việt Nam được đúc kết và khẳng định trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* của Đảng Cộng sản Việt Nam là : Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử. Và đoàn kết là truyền thống quý báu, là bài học lớn của cách mạng nước ta. Từ nhận thức sâu sắc đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã xác định : *"Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"*. Sức mạnh của toàn dân tộc là sức mạnh truyền thống và sức mạnh hiện đại, sức mạnh tinh thần và sức mạnh vật chất, sức mạnh về tài nguyên, tiền vốn và đặc biệt là sức mạnh của con người. Đó là nguồn nội lực to lớn, quyết định, tạo điều kiện để tiếp thu và sử dụng có hiệu quả ngoại lực, hình thành sức mạnh tổng hợp để phát triển đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đại hội cũng đã chỉ rõ : *"Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội"* (3). Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, phát huy dân chủ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở tất cả các cấp, các ngành, thu hút trí tuệ và sức lực của toàn dân vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đất nước ta có 54 dân tộc anh em, nhiều tôn giáo, giai cấp, thành phần kinh tế, với đủ các giới, các lứa tuổi, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, người sống ở trong nước và người định cư ở nước ngoài nhưng đều trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. Do đó, Đại hội lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương : *"Phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, truyền thống yêu nước, ý chí tự lực tự cường và lòng tự hào dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng ; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai"* (4)

Qua thực tiễn 71 năm tồn tại và phát triển, Đảng ta đã rút ra một điều có tính quy luật là : khi nào Đảng nắm vững và giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân, phát huy được sức mạnh, nguồn lực to lớn của dân tộc thì dù cách mạng gặp khó khăn và thử thách đến đâu, Đảng và nhân dân cũng vượt qua được, cách mạng cũng tiến lên và đi đến thắng lợi. Đảng Cộng sản Việt Nam coi xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân là trách

---

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 89 - 90

(3) *Văn kiện đã dẫn*, tr 86

(4) *Văn kiện đã dẫn*, tr 123 - 124

Digitized by Google

nhiệm của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội.

Để cho chủ trương đại đoàn kết dân tộc đi vào cuộc sống chúng ta cần :

1 - Làm cho tư tưởng đại đoàn kết dân tộc được thể hiện trong mọi chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại. Các chủ trương, chính sách pháp luật nói trên phải đáp ứng được lợi ích, nguyện vọng chính đáng và bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của các giai tầng xã hội ; phải gắn quyền lợi với trách nhiệm, lợi ích riêng của mọi người với nghĩa vụ công dân, trong đó lấy lợi ích dân tộc làm trọng. Điều rất quan trọng là các chủ trương, chính sách, pháp luật phải tạo điều kiện và môi trường thuận lợi nhằm triệt để giải phóng sức sản xuất, khuyến khích mọi người, mọi thành phần kinh tế phát huy cao độ nguồn lực và tài năng sáng tạo, ra sức phát triển sản xuất, kinh doanh, làm giầu hợp pháp, cần kiệm xây dựng đất nước, không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Nắm vững quan điểm của Đảng, trong mỗi ngành, mỗi địa phương cần luôn luôn đặt ra một câu hỏi để xem xét và giải đáp : địa phương mình, ngành mình đã phát huy được sức mạnh của toàn dân hay chưa, có vướng mắc gì cần tháo gỡ để phát huy nguồn nội lực to lớn đó trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ?

2 - Trong hoàn cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, mức sống giữa các vùng, các miền, giữa các tầng lớp nhân dân còn nhiều chênh lệch, đường lối đại đoàn kết dân tộc cần được các cơ quan hoạch định chính sách chủ động và tích cực tiếp tục cụ thể hóa thành các chính sách xã hội như : chính sách đối với những vùng, những miền, những nơi còn nghèo và đang còn khó khăn, nhất là những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng căn cứ địa cách mạng ; chính sách đền ơn đáp nghĩa đối với những gia đình, những người có công với nước, cán bộ lão thành cách mạng, người về hưu ; chính sách đối với người cao tuổi, nhất là những người già cả, neo đơn không nơi nương tựa ; các cuộc vận động, các phong trào hướng vào mục tiêu khuyến khích nhân dân phát huy truyền thống nhân nghĩa, tinh thần vị tha và đức tính bao dung vốn có của ông cha ta, tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, giúp nhau xóa đói giảm nghèo, hòa giải những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân.

3 - Chính quyền bao giờ cũng là vấn đề cốt tử của mọi cuộc cách mạng. Một nhiệm vụ bức bách hiện nay đang được đặt ra cho cả hệ thống chính trị là : động viên, tổ chức để nhân dân tham gia xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực cao, thực sự là chính quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, mãi mãi trung thành với nhân dân, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân.

Trong năm 2002, nhân dân ta sẽ tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI. Đây vừa là quyền lợi, vừa là nghĩa vụ của công dân. Cả hệ thống chính trị có trách nhiệm phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình, lựa chọn bầu ra cơ quan quyền lực thực sự bao gồm những người có đức, có tài, hết lòng vì dân, vì nước, những người cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn.

Cùng với việc bầu ra các cơ quan dân cử, nhân dân có quyền và trách nhiệm tham gia xây dựng chính sách và pháp luật, giữ gìn trật tự, kỷ cương phép nước, nhất là cùng nhau xây dựng các quy chế, quy ước ở từng địa bàn dân cư về các vấn đề có liên quan

Digitized by Google

đến quyền và nghĩa vụ công dân, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư vừa qua đã đề ra trách nhiệm : phát huy vai trò tham gia có hiệu quả của Mặt trận, các đoàn thể và nhân dân trong việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và cải cách hành chính nhà nước, đẩy lùi tệ tham nhũng, lãng phí. Nhiệm vụ quan trọng đặt ra trong lúc này là tổ chức, tạo cơ chế và điều kiện thuận lợi để mọi đoàn thể, cơ quan và các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia vào việc góp ý, phê bình, xây dựng cán bộ, đảng viên, đấu tranh có hiệu quả chống tệ quan liêu, cửa quyền, vòi vĩnh, sách nhiễu, gây phiền hà cho dân, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, nhất là tệ tham nhũng diễn ra nghiêm trọng và kéo dài trong một bộ phận cán bộ, công chức, đang gây bất bình, làm giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước và đang là một nguy cơ đe dọa sự sống còn của chế độ ta.

Đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị chứ không phải của riêng Mặt trận Tổ quốc. Song, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát huy dân chủ. Với tư cách là một liên minh, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có trách nhiệm rất lớn trong việc tuyên truyền, vận động, giáo dục nâng cao trách nhiệm công dân của các hội viên, đoàn viên, trong việc giữ gìn kỷ cương phép nước, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà Đại hội IX của Đảng đã đề ra, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là cầu nối giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Mặt trận Tổ quốc cần tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, khắc phục tình trạng hành chính hóa, quan liêu, xa dân, hướng mạnh các hoạt động về cơ sở, cộng đồng dân cư và từng gia đình ; tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư"* - một cuộc vận động đang thực sự đi vào cuộc sống.

Trong những năm đổi mới, trước đòi hỏi của cuộc sống, của nhiệm vụ cách mạng, xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của mình, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực, góp phần tích cực vào việc giải quyết những vấn đề bức xúc trong cuộc sống của nhân dân. Thông qua những việc làm cụ thể đó, Mặt trận đã góp phần quan trọng trong xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Vai trò của Mặt trận được nâng lên ; mối quan hệ giữa Mặt trận với nhân dân, với các thành viên trong hệ thống chính trị có những tiến bộ mới.

Cùng với Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được Quốc hội thông qua, những chủ trương và quan điểm mà Đại hội IX của Đảng đề ra nhằm củng cố và tăng cường đại đoàn kết dân tộc nhất định sẽ tạo điều kiện để khối đại đoàn kết toàn dân và Mặt trận dân tộc thống nhất có bước phát triển mới. Chân lý : ***"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công"*** mà Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên mãi mãi là phương châm và định hướng cho mọi hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam. ❑

Digitized by Google

ĐẠI HỘI ĐỒNG UNESCO LẦN THỨ 31 VỚI VẤN ĐỀ ĐA DẠNG VĂN HÓA VÀ LÒNG KHOAN DUNG

PHẠM GIA KHIÊM *

ĐẠI hội đồng UNESCO (1) lần thứ 31 vừa họp tại Pa-ri, thủ đô nước Pháp, từ 15-10 đến 3-11 năm nay. Tham gia Đại hội đồng lần này có gần 3 000 đại biểu và khách mời của 185 trên tổng số 188 nước thành viên của UNESCO. Đại hội đồng lần này là một sự kiện có ý nghĩa rất lớn đối với sự phát triển của giáo dục, khoa học và văn hóa trên toàn thế giới khi loài người đang bước vào năm đầu tiên của thế kỷ XXI và cũng là năm mở đầu thiên niên kỷ mới.

Trong một bối cảnh, khi mà cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang phát triển như vũ bão, xu thế toàn cầu hóa về kinh tế ngày càng gia tăng, loài người vừa đứng trước những cơ hội chưa từng thấy để có thể đi tới phồn vinh và hạnh phúc, vừa phải đối mặt với những thách thức lớn lao có quy mô toàn cầu như nghèo đói và thất nghiệp, bạo lực và khủng bố, xung đột dân tộc, sắc tộc và tôn giáo, đại dịch HIV/AIDS và sự suy thoái của môi trường sống, Đại hội đồng UNESCO lần này đã đề ra một Chiến lược trung hạn (2002 - 2007) dưới chủ đề bao quát là : *"Góp phần vào hòa bình và sự phát triển con người trong kỷ nguyên toàn cầu hóa thông qua giáo dục, khoa học, văn hóa và truyền thông". Trước mắt, trong hai năm 2002 - 2003,* Đại hội đồng UNESCO chủ trương tập trung vào 5 lĩnh vực hoạt động ưu tiên sau : *Một là,* thực hiện nền giáo dục cơ bản và có chất lượng tốt cho tất cả mọi người theo phương châm "học để hiểu biết, học để làm việc, học để làm người và học để cùng chung sống". *Hai là,* sử dụng tiết kiệm, tránh gây ô nhiễm và phân chia hợp lý nguồn nước giữa những quốc gia có các dòng sông chảy qua để cùng khai thác vì lợi ích chung, ngăn ngừa mâu thuẫn và xung đột. *Ba là,* đề cao đạo đức trong hoạt động khoa học và công nghệ, nhất là trong công nghệ nhân bản con người, đồng thời thúc đẩy các nước công nghiệp giảm bớt khí thải gây hiệu ứng nhà kính. *Bốn là,* tôn trọng sự đa dạng văn hóa của các dân tộc, các cộng đồng người, khuyến khích đối thoại giữa các nền văn hóa và văn minh vì hòa bình, hợp tác giữa các cộng đồng người trong một quốc gia và giữa các quốc gia với nhau. *Năm là,* thực hiện sự tiếp cận công bằng đối với kiến thức

---

* Phó Thủ tướng Chính phủ

(1) UNESCO là chữ viết tắt theo tiếng Anh của Tổ chức Liên hợp quốc về giáo dục, khoa học và văn hóa

Digitized by Google

và thông tin theo nguyên tắc tôn trọng tính đa ngôn ngữ trên mạng Internet.

Tình hình nóng bỏng của thế giới kể từ sau cuộc tiến công khủng bố ở nước Mỹ ngày 11-9 cùng với việc Mỹ mở cuộc tiến công vào Áp-ga-ni-xtan đã tác động đến quá trình thảo luận Chiến lược trung hạn và 5 lĩnh vực ưu tiên thuộc Chương trình hành động hai năm của UNESCO. Vấn đề tôn trọng sự đa dạng văn hóa với lòng khoan dung, tránh tư tưởng áp đặt do UNESCO đề xuất đã đột nhiên nổi lên như một vấn đề trung tâm thu hút sự quan tâm của toàn thể Đại hội đồng. Bài học rút ra từ sự kiện 11-9 vừa qua càng làm cho quan điểm trên trở thành tiếng nói chung của nhiều đoàn đại biểu tại diễn đàn. Song, trên thế giới hiện nay đang tồn tại quan điểm và ý đồ đồng nhất hóa các giá trị văn hóa, các chuẩn mực xã hội trong quá trình toàn cầu hóa theo một mô hình nào đó tự cho là "kiểu mẫu" đối với toàn thế giới. Ý đồ đó được biểu hiện bằng thái độ kiêu ngạo và kỳ thị, xem thường, coi rẻ những giá trị của các nền văn hóa khác, tự cho văn hóa của dân tộc mình, cộng đồng mình là "siêu việt", là "tối thượng" và từ đó rất dễ dẫn đến ý định muốn áp đặt, thậm chí đồng hóa người khác, cộng đồng khác bằng nhiều biện pháp trắng trợn hoặc tinh vi. Trong quá khứ, chính thái độ kiêu ngạo của nền văn minh phương Tây đã là chỗ dựa "lý thuyết" cho các cuộc chinh phục thuộc địa nhân danh sứ mạng "khai hóa văn minh".

Quan điểm và ý đồ của mô hình đồng nhất về những giá trị văn minh duy nhất rõ ràng là thiển cận, đi ngược lại quy luật khách quan về tính đa dạng của con người, của thế giới (xã hội con người). Nếu ý đồ đó được thực hiện, nó sẽ làm cho đời sống tinh thần của nhân dân các nước trở nên nghèo nàn, đơn điệu, buồn tẻ và tai hại hơn là sẽ làm thui chột tiềm năng sáng tạo của các dân tộc, các cộng đồng người trong quá trình phát triển. Xã hội càng phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của con người càng cao, thì sự đa dạng ấy càng tăng thêm. Sự đa dạng là biểu hiện của nền văn hóa phát triển, là nhân tố kích thích sáng tạo, khơi dậy tiềm năng nhiều mặt của con người. Nó là sự phát triển của chính con người và xã hội. Do đó, tôn trọng sự đa dạng văn hóa là đòi hỏi khách quan mà cả quá khứ, hiện tại và tương lai của loài người đã, đang và sẽ đặt ra.

Cách đây hơn nửa thế kỷ, nhà yêu nước và nhà tư tưởng vĩ đại của Ấn Độ là Ma-hat-ma Gan-di đã nói những lời sâu sắc : *"Tôi mong muốn nền văn hóa của tất thảy mọi đất nước được thổi tới nhà tôi càng tự do càng tốt. Nhưng tôi không chịu để cho bất cứ nền văn hóa nào thổi bật tôi khỏi chỗ đứng. Tôi không chịu sống trong nhà những người khác như một tên ăn mày, một tên nô lệ hoặc một kẻ xâm phạm".* (2)

Tại Đại hội đồng Ngài Côi-chi-rô Mat-su-ra, Tổng Giám đốc UNESCO đã phát biểu : việc thảo luận để đi đến thông qua *Tuyên ngôn chung về sự đa dạng văn hóa* đã khẳng định một quan điểm "đối thoại giữa các nền văn hóa là bảo đảm tốt nhất cho hòa bình, đồng thời bác bỏ tư tưởng xem sự xung đột giữa các nền văn hóa và văn minh là điều không tránh khỏi".

(2) Jawaharlal Nehru : *Phát hiện Ấn Độ*. Nxb Văn học, Hà Nội, 1990, t 2, tr 245

Digitized by Google

Quan điểm về đối thoại giữa các nền văn hóa được nêu ra và thảo luận tại UNESCO dựa trên cơ sở về sự đa dạng văn hóa trên thế giới và yêu cầu khách quan đối với thái độ khoan dung trong quan hệ xã hội, quan hệ văn hóa giữa các dân tộc. Thái độ tôn trọng sự khác nhau giữa các cá nhân, các cộng đồng dân tộc về các giá trị văn hóa, tôn giáo, đạo lý, thị hiếu, thẩm mỹ và lối sống chính là thái độ khoan dung trong ứng xử thực tế và khôn ngoan giữa người với người trong thế giới văn hóa đa dạng. Thái độ khoan dung không những cần thiết để cùng tồn tại trong hòa bình, mà quan trọng hơn là nhờ nó mà các cá nhân, các cộng đồng có thể trao đổi, học tập, tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhau để không ngừng nhân lên mọi tiềm năng sáng tạo và phát triển của chính mình.

Vì vậy, để loại trừ những nguyên nhân xã hội và văn hóa của các cuộc xung đột thì giảm bớt sự phân cực xã hội bằng cách phân chia công bằng hơn các nguồn lực và tạo cơ hội cho mọi công dân có thể tham gia bình đẳng vào tất cả các mặt của đời sống xã hội, xem đó là những biện pháp có ý nghĩa cơ bản và lâu dài nhằm ngăn ngừa từ gốc sự phi khoan dung (ở mức độ nào đó là thái độ cực đoan) trong ứng xử giữa con người và con người. Công bằng, bình đẳng và dân chủ do đó, phải là những nguyên tắc nền tảng cho việc tôn trọng sự đa dạng văn hóa, đồng thời cũng là môi trường lành mạnh làm nẩy nở và phát triển lòng khoan dung chân chính. Một biện pháp quan trọng để nuôi dưỡng và phát triển thái độ khoan dung là nâng cao dân trí, đồng thời mở rộng giao lưu và hợp tác về giáo dục, đào tạo, văn học, nghệ thuật, thể thao, du lịch v.v... giữa các cộng đồng, các quốc gia và qua đó mỗi cộng đồng, mỗi quốc gia đều có thể lựa chọn và tiếp thu những giá trị ưu tú của các nền văn hóa khác trên cơ sở bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa riêng của mình.

Cũng giống như nhiều dân tộc khác trên thế giới, vấn đề đa dạng văn hóa và thái độ khoan dung có một vị trí quan trọng trong bảng thang giá trị văn hóa và mô hình ứng xử của nhân dân Việt Nam.

Trên lĩnh vực phát triển văn hóa, bằng sự thể nghiệm của chính bản thân mình trong cuộc hành trình vạn dặm qua hầu khắp bốn biển năm châu để tìm đường cứu nước cứu dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương mở rộng tầm nhìn, học hỏi, lựa chọn, tiếp thu những cái tốt, cái đẹp trong kho tàng văn hóa nhân loại, cả cổ - kim, Đông - Tây, để làm giàu thêm, đẹp thêm bản sắc văn hóa Việt Nam.

Một lần, khi trả lời phỏng vấn của một nhà báo nước ngoài, Người đã nói : *"Học thuyết Khổng Tử có ưu điểm là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân. Tôn giáo Giê-su có ưu điểm là lòng bác ái. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện nước chúng tôi. Khổng Tử, Giê-su, Các Mác, Tôn Dật Tiên chẳng có những ưu điểm chung đó sao ? Họ đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội. Nếu họ còn sống trên đời này và họp lại một chỗ, tôi tin rằng họ nhất định chung sống với nhau rất hoàn mỹ như những người bạn thân thiết. Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy".* (3)

(3) *Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1990, tr 156

Digitized by Google

Có thể xem câu nói trên đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một lời tiên tri có ý nghĩa sâu xa của Người về việc tôn trọng những giá trị tốt đẹp trong các nền văn hóa khác nhau và sự cần thiết phải có tiếp xúc, giao lưu giữa các nền văn hóa mà theo cách diễn đạt của chúng ta ngày nay đó là sự đối thoại giữa các nền văn hóa và văn minh.

Kế thừa những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước ngày nay, Đảng và Chính phủ Việt Nam chủ trương xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra cho nhân dân một đời sống tinh thần tốt đẹp, trình độ học vấn ngày càng cao.

Nền văn hóa của Việt Nam ngày nay là sự tổng hòa các giá trị văn hóa của nhiều dân tộc khác nhau đã và đang sống trên vùng đất Việt Nam từ lâu đời. Hơn 50 dân tộc anh em với những sắc thái, giá trị văn hóa rất riêng trải qua sự chọn lọc trong lịch sử mấy nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước đã kết hợp, bổ sung lẫn nhau tạo nên nền văn hóa Việt Nam với bản sắc độc đáo làm cơ sở cho sự thống nhất và tồn tại của các dân tộc ở Việt Nam. Đó chính là nền tảng vững chắc khiến cho dân tộc ta không bị đồng hóa bởi văn hóa nước ngoài, kể cả trong thời kỳ gần 1000 năm Bắc thuộc hay khi bị thực dân Pháp đô hộ gần 100 năm. Nhưng, trong cái bản sắc chung đó vẫn tồn tại mà không hề có sự mâu thuẫn giữa những đặc trưng văn hóa riêng mỗi dân tộc thành viên của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Ngày nay, khách du lịch nước ngoài vào Việt Nam có thể lên Sa Pa để tìm hiểu nét văn hóa độc đáo của dân tộc Mông, hay đến Tây Nguyên để nghe tiếng cồng, tiếng chiêng, xem đua voi của các dân tộc Ê Đê, Ba Na... Sự đa dạng các văn hóa dân tộc và sự thống nhất về bản sắc dân tộc trong nền văn hóa Việt Nam là kết quả phát triển khách quan của sự giao lưu văn hóa giữa các dân tộc khác nhau. Kết quả này có được là nhờ tính khoan dung, lòng nhân ái - những giá trị đặc sắc trong nền văn hóa Việt Nam.

Trải qua lịch sử lâu dài cùng chung sức dựng nước và giữ nước, nhân dân Việt Nam rất coi trọng truyền thống đoàn kết, tương trợ, hòa hợp và khoan dung trong cuộc sống cộng đồng. Trong quan hệ giữa các tầng lớp xã hội, các thành phần dân tộc khác nhau, thì hô hào : *"Bầu ơi thương lấy bí cùng. Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn"*. Trong gia đình, thì khuyến khích *"Thuận vợ, thuận chồng tát biển đông cũng cạn"*. Đối với những người lầm lỗi, thì theo cách ứng xử : *"Đánh kẻ chạy đi, không đánh người chạy lại"*.

Tinh thần nhân ái, khoan dung truyền thống của dân tộc Việt Nam được kết tinh và tỏa sáng trong tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh. Trước hết đó là "ham muốn tột bậc" của Hồ Chí Minh là *"làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành"* và tiến tới *"làm cho người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giàu, người khá giàu thì giàu thêm"*. Hồ Chí Minh coi tất cả các thành

Digitized by Google

phần dân tộc ở Việt Nam *"đều là anh em ruột thịt, sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau"*. Đối với các tôn giáo, Người nhấn mạnh : *"Tự do tín ngưỡng, Lương - Giáo đoàn kết"*. Đối với một số người lạc lối, lầm đường, Người cho rằng : *"Năm ngón tay cũng có ngón vắn ngón dài. Nhưng vắn dài đều họp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ, ta phải nhận ra rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc"* (4)

Tinh thần khoan dung trong tư tưởng Hồ Chí Minh ngày nay được khẳng định lại bằng đường lối đại đoàn kết toàn dân mà Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam thông qua là *"đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài"* và *"lấy mục tiêu giữ vững độc lập thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai"* (5).

Khóa họp Đại hội đồng UNESCO lần thứ 31 đã kết thúc ngày 3-11-2001. Với việc các nước thành viên thông qua *Tuyên ngôn chung về sự đa dạng văn hóa* chống tư tưởng áp đặt, đồng nhất hóa các giá trị văn hóa là kết quả thắng lợi của lực lượng tiến bộ tại diễn đàn UNESCO và trên thế giới.

Thực hiện tốt tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng trong việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc sẽ góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, thúc đẩy sự giao lưu văn hóa giữa các dân tộc vì hòa bình, hợp tác và phát triển. ❑

(4) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, t 4, tr 246

(5) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 123 - 124

CÙNG BẠN ĐỌC

Vừa qua, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã giao nhiệm vụ cho Tạp chí Cộng sản như sau :Kể từ tháng 1–2002, **Tạp chí ra mỗi tháng ba kỳ** (Tạp chí từ hai số, nay là ba số một tháng). Trong ba số đó, số mới đề cập sâu hơn vào các chuyên đề lý luận và tổng kết thực tiễn, góp phần giải đáp những vấn đề bức xúc đang đặt ra và đặc biệt làm sáng tỏ, sâu sắc hơn các quan điểm của Đảng trong các Nghị quyết Đại hội, Nghị quyết Trung ương, Nghị quyết Bộ Chính trị, Ban Bí thư...

Trân trọng kính báo để bạn đọc, cộng tác viên được biết và kính mong nhận được sự cộng tác, giúp đỡ nhiều hơn nữa để Tạp chí Cộng sản hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Bộ biên tập TCCS

Digitized by Google

LẠI BÀN VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

LÊ XUÂN LƯU *

Từ ngày chủ nghĩa xã hội sụp đổ ở Liên Xô và Đông Âu, ở nước ta, đó, đây lâu lâu lại gióng lên những tiếng nói lạc lõng, phù họa với các luận điểm của các thế lực chống cộng về sự lãnh đạo của Đảng ta với cách mạng nước ta.

Họ cho rằng : do Đảng Cộng sản độc tôn lãnh đạo nên xã hội không có dân chủ ; dân chủ xã hội chủ nghĩa không bằng dân chủ tư sản ; để thích ứng với nền kinh tế nhiều thành phần phải thiết lập đa nguyên chính trị ; cần từ bỏ nguyên tắc tập trung dân chủ vì đó là cội nguồn của chuyên quyền, độc đoán, quan liêu, tham nhũng...

Gần đây họ lại đề ra : phải thành lập một tổ chức chống tham nhũng của nhân dân độc lập với sự lãnh đạo của Đảng và điều hành của Nhà nước. Theo họ chỉ có như vậy thì chống tham nhũng mới có hiệu quả.

Họ nói nhiều, đề cập đến nhiều vấn đề, nhưng tựu trung lại đều xoay quanh sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang tiến hành.

Chúng ta biết rằng khi xã hội loài người xuất hiện giai cấp thì cũng xuất hiện hệ tư tưởng của giai cấp và đảng chính trị của giai cấp cũng ra đời để lãnh đạo đấu tranh bảo vệ quyền lợi của giai cấp, vì các giai cấp khác nhau có lợi ích khác nhau.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam trên 70 năm nay, đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Ngày nay trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, sự lãnh đạo của Đảng vẫn là một tất yếu lịch sử khách quan, là sứ mệnh lịch sử của Đảng vì cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng mang tính giai cấp, tính cách mạng sâu sắc nhất, triệt để nhất trong lịch sử xã hội loài người.

Sự lãnh đạo đó không phải là đặc quyền đặc lợi của Đảng vì Đảng không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc. Đó là trách nhiệm lịch sử của Đảng trước giai cấp, trước dân tộc và trước lịch sử. Tư tưởng này đã được các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học khẳng định. Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta luôn luôn cho sự lãnh đạo đó là nguyên tắc hàng đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa để bảo đảm cho sự thành công của cách mạng.

* Trung tướng, Giáo sư

Digitized by Google

Điều này cũng dễ hiểu vì Đảng Cộng sản là đội tiên phong của giai cấp công nhân mà giai cấp công nhân là giai cấp tiêu biểu cho hình thái kinh tế - xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa. Chỉ có Đảng Cộng sản được trang bị thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin mới có khả năng nhận thức được quy luật của sự phát triển của xã hội, mới vạch ra được đường lối đúng đắn cho cuộc cách mạng mà nhân dân ta đang tiến hành.

Dĩ nhiên, Đảng Cộng sản không coi vai trò lãnh đạo đó là một lẽ đương nhiên, bất chấp phẩm chất và năng lực của Đảng. Đảng nhận thức rằng vai trò lịch sử đó chỉ có thể trở thành hiện thực và luôn luôn được giữ vững khi Đảng thực sự là đội tiên phong của giai cấp và dân tộc, có lý luận tiên phong để dẫn dắt quần chúng và luôn luôn xây dựng mình vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho Đảng thật sự là "trí tuệ, là đạo đức và văn minh" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy.

Nói cách mạng xã hội chủ nghĩa do sự lãnh đạo của một đảng nào khác ngoài Đảng Cộng sản thì chỉ là sự từ bỏ bản chất giai cấp công nhân của cách mạng. Không thể cho sự lãnh đạo của Đảng là cội nguồn của "chuyên chế", của "cửa quyền", rồi dựng lên mâu thuẫn giả tạo giữa sự lãnh đạo của Đảng với dân chủ, để từ bỏ sự lãnh đạo của Đảng.

Thử hỏi có thể tìm ra ở đâu một nền dân chủ thực sự đưa lại quyền làm chủ xã hội, làm chủ đất nước cho nhân dân lao động ngoài sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Chắc chắn không thể tìm ra được ở sự lãnh đạo của các đảng tư sản của chế độ tư bản chủ nghĩa.

Chúng ta không hề phủ nhận nền dân chủ tư sản. Chủ nghĩa tư bản bước vào lịch sử đã sản sinh ra nền dân chủ tư sản, một nền dân chủ đưa lại động lực mới, cao hơn chế độ phong kiến, nhưng không thể so với nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được.

Mác đã dạy chúng ta rằng, giai cấp nào nắm tư liệu sản xuất trong tay thì giai cấp đó làm chủ xã hội, làm chủ đất nước. Vì thế, không thể coi nền dân chủ tư sản dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất của một nhóm tư bản là nền dân chủ "đích thực", còn nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên quyền chiếm hữu tư liệu sản xuất của nhân dân lao động lại là nền dân chủ "giả dối".

Công cuộc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta đang tiến hành là một sự nghiệp lâu dài và cũng là một sự nghiệp đầy khó khăn, phức tạp và đòi hỏi nhiều sức lực và trí tuệ.

Trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trước đây, Đảng ta đã xây dựng nền dân chủ nhân dân lấy công nông làm nền tảng. Ngày nay, trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đang xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Hiện nay nền dân chủ này đang ở giai đoạn đầu, có tính chất quá độ, nhiều mặt còn hạn chế nên chưa phải đã là một nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đầy đủ và phát triển cao. Nó còn phải được hoàn thiện trên cơ sở hoàn thiện chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, nâng cao dân trí, khắc phục di sản tâm lý của những người sản xuất nhỏ sống lâu đời trong một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến, hình thành nền văn hóa, lối sống và đạo đức của con người xã hội chủ nghĩa. Không thể một sớm một chiều mà đã có thể

Digitized by Google

thiết lập nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đầy đủ được.

Hơn thế, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước nông nghiệp lạc hậu, lực lượng sản xuất thấp kém thành một nước công nghiệp phát triển, có khoa học, kỹ thuật hiện đại ; xây dựng Đảng ở một nước thuộc địa và nửa phong kiến thành một Đảng trong sạch vững mạnh ; xây dựng một nhà nước của dân, do dân và vì dân là những việc làm mới mẻ, chưa có tiền lệ trong lịch sử, chưa phải mọi vấn đề đều đã được sáng tỏ hết mà phải tìm tòi khai phá nên không tránh khỏi sai lầm, khuyết điểm.

Không thể vì những tệ nạn nảy sinh trong Đảng, trong bộ máy Nhà nước như quan liêu, cửa quyền, hách dịch tham nhũng mà cho rằng những tệ nạn này có cội nguồn từ sự lãnh đạo của Đảng rồi đòi từ bỏ sự lãnh đạo của Đảng.

Những tệ nạn này hoàn toàn không bắt nguồn từ bản chất của chế độ, từ bản chất của sự lãnh đạo của Đảng mà chỉ bắt nguồn từ sự non yếu của Đảng, từ sự thoái hóa biến chất, sa đọa đầy tội lỗi của một số cán bộ đảng viên. Do đó, phương thuốc chữa chạy tệ nạn này không phải là từ bỏ sự lãnh đạo của Đảng vì từ bỏ cái đó là từ bỏ con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Mặt khác, cũng phải thấy rằng những tệ nạn này cũng có cơ sở kinh tế, xã hội của nó. Chúng ta đang thực hiện một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, cơ chế thị trường và chính sách mở cửa. Điều đó hoàn toàn đúng đắn và đã đưa lại những thành quả to lớn cho cách mạng nước ta trong việc phát triển lực lượng sản xuất, phát triển nền kinh tế xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân và đã tạo ra tiền đề cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhưng, mặt trái của nền kinh tế nhiều thành phần thúc đẩy chủ nghĩa cá nhân phát triển ; mặt trái của cơ chế thị trường thúc đẩy con người tôn thờ đồng tiền, chạy theo đồng tiền bằng mọi giá. Chủ nghĩa cá nhân, tham nhũng quan liêu gắn bó với nhau và đang phá hoại nghiêm trọng bản chất giai cấp công nhân của Đảng và phá hoại nghiêm trọng mối quan hệ máu thịt giữa Đảng và quần chúng nhân dân, uy hiếp sinh mạng của Đảng và chế độ.

Đảng ta đã thấy rõ điều đó, coi tham nhũng là quốc nạn và đang phát động toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tập trung sức lực, trí tuệ vào cuộc đấu tranh loại trừ tệ nạn này. Đến nay hiệu quả còn hạn chế và quần chúng nhân dân còn bất bình. Vì thế, phương thức chữa chạy căn bệnh này là mọi cán bộ, đảng viên, mọi công dân phải đóng góp ý kiến với Đảng, với Nhà nước, tìm biện pháp có hiệu quả để loại trừ nó chứ không phải vì những tệ nạn này mà đòi "đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập". Vì đây là con đường để thủ tiêu Đảng, thủ tiêu chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta hiểu đa nguyên chính trị là hệ thống chính trị có nhiều đảng với những xu hướng và ý đồ chính trị khác nhau được tự do tồn tại. Nói một cách khác, ngoài Đảng Cộng sản, có đảng đối lập, trong đảng có nhiều phe phái khác nhau.

Thử hỏi chúng ta có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội với một hệ thống chính trị như vậy được không ? Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động, có phương hướng chính trị, giai cấp rõ ràng. Giai cấp

Digitized by Google

công nhân chỉ có thể làm được sứ mệnh lịch sử của mình khi được Đảng Cộng sản lãnh đạo và trong hệ thống chính trị không có đảng đối lập đại diện cho những lợi ích khác nhau. Đảng đối lập không bao giờ cùng Đảng cộng sản xây dựng chủ nghĩa xã hội mà chỉ tìm cách thủ tiêu Đảng Cộng sản và thủ tiêu chủ nghĩa xã hội mà thôi.

Nói như vậy không có nghĩa là bất cứ sự tồn tại nhiều đảng nào cũng là đa nguyên chính trị. Ở Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Đảng Cộng sản đã tổ chức ra Đảng xã hội Việt Nam, Đảng dân chủ Việt Nam. Đó không phải là "đa nguyên chính trị" vì các Đảng này cùng có mục tiêu chung với Đảng Cộng sản là đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và tự đặt mình dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày nay trong cách mạng xã hội chủ nghĩa không cần thiết phải tổ chức nhiều đảng theo kiểu ấy.

Phụ họa với chế độ đa đảng, họ cho rằng trong thời kỳ quá độ của cách mạng xã hội chủ nghĩa, một khi còn nhiều thành phần kinh tế thì còn cần cho tồn tại đa nguyên chính trị, nếu không thì sẽ không "ăn khớp" giữa hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiểu trên. Đây chỉ là một thứ duy vật tầm thường, một thứ biện chứng máy móc, xa rời phương hướng chính trị, giai cấp của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đảng ta sử dụng nền kinh tế nhiều thành phần, cho tồn tại nhiều hình thức sở hữu trong thời kỳ quá độ là để phát triển lực lượng sản xuất, phục vụ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa không thể thiết lập trên một lực lượng sản xuất quá thấp kém. Việc sử dụng này được đặt trong định hướng xã hội chủ nghĩa, với phương hướng chính trị, giai cấp rõ ràng. Nếu để cho các thành phần kinh tế khác nhau, có lực lượng chính trị trong hệ thống chính trị của đất nước thì làm sao Đảng lãnh đạo được cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó chỉ là con đường từ bỏ chủ nghĩa xã hội vì ngoài Đảng Cộng sản ra không thể có một tổ chức chính trị nào có thể lãnh đạo được cuộc cách mạng này.

Ngay trong trường hợp chỉ có một mình Đảng Cộng sản lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa thì Đảng cũng chỉ có thể thực hiện được nhiệm vụ lịch sử của mình khi trong Đảng có sự thống nhất cao độ về chính trị, tư tưởng và tổ chức trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng và nguyên tắc tập trung dân chủ. Đảng không thể thực hiện được nhiệm vụ lịch sử của mình khi phải tập trung hóa sự lãnh đạo của Đảng, cho tồn tại nhiều phe phái, làm cho Đảng không còn là một tổ chức chiến đấu và trở thành một câu lạc bộ.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tuyệt đối không chấp nhận hệ thống chính trị nhiều cực, nhiều đảng, nhiều phe phái đối lập với Đảng Cộng sản. Vì, đối lập với Đảng Cộng sản là đối lập với sự nghiệp của nhân dân. Chiêu bài đa nguyên chính trị chỉ là trò ảo thuật của các thế lực chống cộng để xuyên tạc sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, xuyên tạc chế độ nhằm thủ tiêu đảng, thủ tiêu con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa, khôi phục chủ nghĩa tư bản.

Nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức của xã hội xã hội chủ nghĩa. Xuyên tạc nguyên tắc này cho rằng nó là cội nguồn của "chuyên quyền", "độc đoán", của phát triển quyền uy, của vi phạm nhân quyền và quyền công dân chỉ là điều bịa đặt. Vì rằng, dân chủ là vấn đề

Digitized by Google

thuộc bản chất của chế độ, của sự lãnh đạo của Đảng.

Dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu lý tưởng chiến đấu của Đảng Cộng sản là đưa lại quyền làm chủ xã hội, làm chủ đất nước cho nhân dân lao động. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin cho rằng quần chúng nhân dân là người tạo ra lịch sử. Vì vậy, trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa phải biết dựa vào quần chúng, phát huy trí tuệ và mọi khả năng của họ trong cuộc đấu tranh xây dựng xã hội mới thì cách mạng mới thành công. Nhưng, dân chủ phải đi đôi với tập trung. Không thể cho rằng đã thực hiện tập trung thì không thể có dân chủ.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa không hề đối lập với kỷ cương, luật pháp của Nhà nước và sự lãnh đạo của Đảng. Đó là những yếu tố không hề loại trừ lẫn nhau mà còn làm tiền đề cho nhau, lập thành một chỉnh thể và là một tất yếu khách quan của đời sống xã hội.

Không có dân chủ thì không có chủ nghĩa xã hội. Nhưng không có kỷ cương, luật pháp và sự lãnh đạo của Đảng thì cũng không có chủ nghĩa xã hội. Chỉ có dân chủ một chiều mà không có kỷ cương luật pháp thì xã hội sẽ hỗn loạn, trở thành vô chính phủ, không thể có cuộc sống cộng đồng.

Chỉ có dân chủ mà không có kỷ cương luật pháp thì làm sao chống lại được tệ quan liêu, chuyên quyền độc đoán, đặc quyền đặc lợi, tham nhũng và từ đó làm sao có được nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Chỉ có dân chủ mà không có luật pháp thì làm sao giải quyết được mối quan hệ giữa nghĩa vụ và quyền lợi, giữa con người với con người, con người với cộng đồng ; giữa lợi ích cá nhân và lợi ích của tập thể, lợi ích xã hội. Và làm sao có thể bảo đảm được tính công bằng xã hội ?

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa phải đi đôi với luật pháp xã hội chủ nghĩa. Xã hội xã hội chủ nghĩa là một xã hội được tổ chức trên cơ sở luật pháp. Pháp luật là cái thể hiện và là cái bảo đảm cho quyền làm chủ của nhân dân lao động và là công cụ để quản lý xã hội. Một xã hội càng dân chủ bao nhiêu thì lại càng phải có pháp luật bấy nhiêu. Chính vì thấy rõ điều đó trong những năm gần đây, Quốc hội ta đã tập trung sức lực và trí tuệ vào nhiệm vụ xây dựng luật pháp.

Nguyên tắc tập trung dân chủ định hướng cho sự phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa và nó còn là yếu tố để hình thành nhân cách của con người xã hội chủ nghĩa, hình thành bầu không khí chính trị, đạo đức của chủ nghĩa xã hội là dân chủ và pháp luật.

Gần đây lại có "phát kiến" mới là phải thành lập ủy ban chống tham nhũng nằm ngoài sự lãnh đạo của Đảng và điều hành của Nhà nước. Chứng tỏ họ muốn lợi dụng nguyện vọng thiết tha của nhân dân ta là muốn Đảng ta, Nhà nước ta phải luôn luôn trong sạch, vững mạnh và lợi dụng sự bất bình chính đáng của nhân dân trước tệ nạn tham nhũng nặng nề hiện nay để hy vọng sẽ được quần chúng nhân dân giao cho họ cầm đầu tổ chức này.

Chắc chắn Đảng ta, Nhà nước ta và nhân dân ta không bao giờ chấp nhận điều đó vì đây chỉ là mưu đồ đen tối muốn phi đảng hóa, phi nhà nước hóa từng bước để phá hoại sự nghiệp của chúng ta.

Chúng ta cho rằng nhiệm vụ chống tham nhũng chỉ có đặt dưới sự lãnh đạo của

(Xem tiếp trang 70)

Digitized by Google

NHÌN LẠI CHẶNG ĐƯỜNG XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC Ở NƯỚC TA

DƯƠNG VŨ

CON đường xã hội hóa giáo dục chúng ta đã đi được một chặng dài. Nếu tính từ điểm xuất phát của nó - ngày Công đoàn giáo dục Việt Nam đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo ra thông tư liên tịch (10-10-1990) động viên toàn ngành tham mưu với cấp ủy và chính quyền các địa phương tổ chức "Đại hội giáo dục cấp cơ sở" thì đến nay đã trải qua hơn 10 năm. Thời gian đó đủ để chúng ta nhìn lại một tư tưởng lớn, tư tưởng mang tính chiến lược, một chủ trương lớn, hợp lòng dân của Đảng và Nhà nước ta vận động toàn xã hội phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11-2001, chúng tôi may mắn được về thăm huyện Việt Yên (Hà Bắc cũ) nay thuộc tỉnh Bắc Giang, nơi đầu tiên có sáng kiến đưa ra cơ chế khoán chất lượng trong quản lý giáo dục tại trường phổ thông cơ sở xã Bích Sơn vào cuối những năm 80, nhằm tạo nên sự chuyển biến trong nhân dân nhận thức và trách nhiệm trực tiếp tham gia cùng với chính quyền giải quyết khó khăn, phá vỡ thế bị động của giáo dục, đưa sự nghiệp giáo dục địa phương phát triển. Chỉ sau một năm, bộ mặt giáo dục xã Bích Sơn đã thay đổi rõ rệt : các gia đình tăng cường chăm lo đến con em ; học sinh thôi bỏ học ; thầy cô giáo không chạy chợ, đi buôn, tập trung vào nghề nghiệp của mình. Bích Sơn trở thành điểm sáng về huy động lực lượng xã hội làm giáo dục. Công đoàn giáo dục Việt Nam phát hiện điển hình Bích Sơn đã không bỏ lỡ cơ hội, cùng Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu làm thí điểm, mở ra mô hình mới : tổ chức đại hội giáo dục cấp xã, tạo tiền đề cho phong trào xã hội hóa giáo dục sau này.

Ngắm nhìn ngôi trường tiểu học cao tầng của xã Bích Sơn, xã Việt Tiến với khuôn viên rộng lớn, có tường rào bao quanh, những hàng cây xà cừ, cây bàng, phượng vĩ tỏa bóng xum xuê, những thảm cỏ xanh mướt, những bồn hoa mát mắt, khang trang, sạch sẽ mới thấy tình cảm của các bậc phụ huynh ở đây thật sâu đậm và khẩu hiệu "mỗi gia đình góp 10 mê cỏ, 1 m^2 sân chơi cho tuổi trẻ" thật có ý nghĩa biết nhường nào.

Chúng tôi chia sẻ với đồng chí Trưởng phòng giáo dục huyện Việt Yên niềm tự hào khi đồng chí đọc tờ "Giáo dục và thời đại" ghi 20 sự kiện đáng nhớ của ngành giáo dục trong thế kỷ XX, trong đó Việt Yên châm ngọn đuốc cho phong trào xã hội hóa giáo dục toàn quốc được xếp vào sự kiện thứ 16.

Cũng dịp này, chúng tôi lại về công tác tại Hải Dương, tỉnh được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng lá cờ "Đơn vị dẫn đầu" năm học 2000 - 2001, tỉnh được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng nhất, và

Digitized by Google

cũng là địa phương vừa mở đại hội giáo dục cấp tỉnh. Niềm vui nối tiếp niềm vui. Đồng chí Ngô Thị Thúy Nguyên, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương hồ hởi nói : "Hải Dương đã gần chục năm nay, 20-11 chúng tôi không còn phải đi mời ai nữa, mà từ lãnh đạo tỉnh đến lãnh đạo các ngành, đoàn thể, cứ đúng ngày đều tự động đến thăm hỏi, tặng quà và cùng dự lễ với ngành giáo dục. Thật chưa bao giờ giáo dục tạo được thế chủ động như ngày nay". Tôi hỏi : "Thế ấy từ đâu mà có", chị bảo : "từ xã hội hóa giáo dục".

Vâng, xã hội hóa giáo dục không phải là cái cẩm nang thần kỳ, mang lại tất cả, nhưng xã hội hóa giáo dục đã thực sự mở ra lối gỡ cho bài toán phát triển giáo dục trong cơ chế thị trường hiện nay.

Trước hết, nó thể hiện quan điểm "giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của Đảng, của Nhà nước và của toàn dân". Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định chủ trương "giải quyết các vấn đề xã hội theo tinh thần xã hội hóa, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt". Sau nhiều năm đổi mới đất nước, thuật ngữ "xã hội hóa" đã được dùng chính thức trong văn kiện của Đảng. Vậy có thể hiểu xã hội hóa là gì ?

Xã hội hóa là một quá trình vận động mọi tầng lớp xã hội tham gia vào các hoạt động mang tính xã hội một cách chủ động, tự giác, tự nguyện, tích cực, thành một phong trào quần chúng sâu rộng dưới sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền ; phong trào có mục tiêu phấn đấu, có phương thức tiến hành phù hợp, có tổ chức và giám sát kiểm tra, có sự phối hợp liên ngành, các lực lượng xã hội (kể cả lực lượng ngoài nước), sự lồng ghép nhiều chương trình, tạo ra sức mạnh tổng hợp, đạt hiệu quả lớn, biến các mục tiêu phát triển xã hội thành hành vi, hành động cụ thể do chính nhân dân tự quản, tự tổ chức và thực hiện.

Xã hội hóa giáo dục thông qua đại hội giáo dục các cấp là một biện pháp tổng hợp, khoa học góp phần thể chế hóa, xây dựng cộng đồng trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân tham gia những hoạt động phát triển sự nghiệp giáo dục ở một địa phương.

Đại hội giáo dục là dịp thể hiện tài năng tham mưu của ngành giáo dục, phản ánh mức độ quan tâm chăm lo của cấp ủy, chính quyền, nhiệt tình sáng tạo của đông đảo các lực lượng xã hội tham gia thúc đẩy sự phát triển giáo dục. Ở đây là diễn đàn nghiêm túc, trang trọng để mọi công dân bàn thảo việc công - một việc có liên quan đến sự nghiệp "trồng người", đến "quốc sách hàng đầu", gắn với vận mệnh từng gia đình, từng cá nhân.

Nghị quyết của đại hội giáo dục với sự tham gia tâm huyết của các thành viên cộng đồng là cơ sở pháp lý để họ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Nghị quyết của đại hội tạo thế mới cho giáo dục, từ trạng thái bị động bởi cơ chế "xin cho" sang trạng thái chủ động bởi cơ chế cộng đồng trách nhiệm, mọi ngành mọi cấp cùng lo toan cho giáo dục.

Hội đồng giáo dục được đại hội bầu ra là những người đủ tư cách đại diện cho dân, giúp cấp ủy đảng, chính quyền, tập hợp huy động toàn xã hội làm giáo dục, là cầu nối giữa các lực lượng xã hội, giữa nhà trường, gia đình, học sinh, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thực hiện phương hướng mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, phát huy hiệu quả trong giáo dục, đào tạo ; đưa ra những quy định đủ sức chống đỡ, hạn chế những mặt tiêu cực, tăng cường những mặt tích cực ; đấu tranh trực tiếp với những tệ nạn xã hội khác.

Digitized by Google

Đại hội giáo dục thực sự góp phần tăng cường dân chủ hóa nhà trường, dân chủ hóa giáo dục, tạo động lực mới cho giáo dục, đưa hoạt động giáo dục vào nền nếp, kỷ cương ; nội lực của giáo dục được bổ sung bồi đắp, thầy cô giáo tự tin và được dân tin yêu, kính trọng hơn. Tại diễn đàn của đại hội giáo dục những vấn đề như dạy thêm, học thêm, các khoản thu hỗ trợ cho giáo dục cũng được nhân dân bàn bạc tham góp, giúp cấp ủy và chính quyền chỉ đạo phù hợp với hoàn cảnh của từng địa phương.

Hiện nay cả nước đã có 90% số xã, phường tổ chức đại hội giáo dục cấp cơ sở ; nhiều xã phường đã tổ chức đại hội lần 2, lần 3. Hơn 70% quận, huyện tổ chức đại hội giáo dục cấp huyện ; có 12 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức đại hội cấp tỉnh. Con số đó nói lên chiều rộng và tầm cao của phong trào xã hội hóa giáo dục, đồng thời cũng khẳng định tính đúng đắn và lợi ích thiết thực của đại hội giáo dục các cấp địa phương.

Thứ hai, xã hội hóa giáo dục thông qua đại hội giáo dục rất phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phù hợp với thực tế phát triển của địa phương, phục vụ đắc lực sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Đại hội giáo dục đã giúp nhân dân hiểu được thực trạng của giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục từng địa phương nói riêng ; thấy được mâu thuẫn gay gắt giữa yêu cầu phát triển giáo dục ngày một tăng và khả năng có hạn về mọi mặt nhân lực, vật lực, tài lực cho sự phát triển đó. Quy mô, số lượng các ngành học, bậc học ngày càng phình ra ; nhu cầu về trường lớp, bàn ghế, trang thiết bị ngày càng đòi hỏi bức xúc ; nhiều địa phương nhiều năm nay luôn bị thiên tai, bão lũ... Trong khi đó, ngân sách nhà nước chi cho giáo dục - đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu ; không ít địa phương thiếu phòng học ; tỷ lệ phòng học bị xuống cấp, phòng học tạm bợ bằng tre lá còn cao. Các trường phần lớn thiếu sân chơi, bãi tập, thiếu phòng chức năng, thiếu công trình vệ sinh, nước sạch ; đồ dùng dạy học nghèo nàn, lạc hậu. Vẫn còn một bộ phận học sinh quá nghèo không đủ điều kiện học tập, hoặc gặp khó khăn trong học tập.

Vì vậy, trong điều kiện kinh tế hiện nay nhân dân ý thức được rằng muốn phát triển giáo dục bên cạnh ngân sách nhà nước, sự đóng góp của lực lượng xã hội để tăng thêm nguồn lực là rất cần thiết. Sự đóng góp đó không chỉ nâng dần về số lượng, mà còn phong phú, đa dạng cả phương thức và hình thức : đóng góp bằng tiền, bằng nguyên vật liệu, công sức ; đóng lệ phí, học phí ; các khoản bổ sung bằng nguồn từ các tổ chức kinh tế, xã hội và các nhà hảo tâm, các "mạnh thường quân" ; các khoản thu từ lao động sản xuất, nghiên cứu khoa học v.v..

Năm 1999, so với tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học, địa phương và nhân dân đã đóng góp trung bình khoảng 25% ; nhiều tỉnh tỷ lệ này lên tới trên 70% (như Hải Dương, Nam Định, Thanh Hóa, Hà Nội), Trên 50% (như Lâm Đồng, Hà Tây, Thái Bình, Quảng Ngãi).

Kim Bảng và Bình Lục, hai huyện nghèo vùng chiêm trũng của tỉnh Hà Nam nhờ xã hội hóa giáo dục đã xây trường cao tầng ở 100% số xã, thị trấn.

Trong phong trào xã hội hóa giáo dục rộng khắp, không thể không kể tới những cá nhân với nghĩa cử cao đẹp, những tấm lòng thơm thảo tất cả vì tương lai thế hệ trẻ. Thật cảm động khi chúng ta biết bà mẹ Việt Nam anh hùng Lê Thị Đấu ở ấp 3, xã Châu Bình

Digitized by Google

huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã dùng cả số tiền từ khoản trợ cấp chính sách để xây dựng một cây cầu bê tông cho học sinh đi học được thuận lợi. Chín trăm m^2 đất của mẹ Nguyễn Thị Hai (mẹ Việt Nam anh hùng) ở ấp 4, xã Lương Hòa huyện Giồng Trôm Bến Tre tặng cho trường tiểu học đã khích lệ bao thầy cô giáo ở đây. Đồng chí Nguyễn Việt Hồng, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cà Mau đã gương mẫu hiến 1000m^2 đất hương hỏa cho việc xây dựng trường. Phong trào nhường vườn, hiến đất để xây trường, làm bãi tập, sân chơi cho con em đã trở thành nét đẹp trong truyền thống "vì lợi ích trăm năm" của nhiều địa phương. Riêng 3 huyện Cái Đước, Đầm Dơi và Ngọc Hiển của tỉnh Cà Mau đã có 244 hộ dân hiến đất xây trường tổng số 266 000m^2 ; trong đó đáng kể nhất là ông Trần Văn Toại đã hiến 10 000 m^2.

Việc đa dạng hóa các nguồn đầu tư tiền bạc vật chất còn nhằm mục tiêu chăm lo cho giáo viên, cho học sinh, nhất là học sinh nghèo, học sinh trong diện gia đình chính sách, xóa dần tình trạng bất bình đẳng trong giáo dục, đồng thời khuyến khích, động viên những tài năng (kể cả giáo viên và học sinh). Nhiều địa phương phát huy sáng kiến lấy các ngày kỷ niệm lễ, tết ; dịp tuyển sinh, để khen thưởng giáo viên dạy giỏi, học sinh học tốt, học sinh đỗ chuyển cấp hoặc đỗ đại học... Đã xuất hiện nhiều loại quỹ thể hiện tinh thần khuyến học, khuyến tài ; chỉ riêng 6 huyện của Đà Nẵng đã có quỹ khuyến học lên tới 2,3 tỉ đồng. Ở tỉnh Bắc Giang có 180 xã, 881 thôn, 169 cơ quan và 449 dòng họ đã có hội hoặc chi hội khuyến học ; số tiền quỹ đã lên tới gần 6 tỉ đồng. Các nguồn đầu tư vật chất có tác động đến con người, nhất là đội ngũ giáo viên, những người trực tiếp chăm lo đến sự trưởng thành của học sinh. Ngoài việc bảo đảm đầy đủ và kịp thời chế độ tiền lương, nhiều cơ sở đã có cơ chế, chính sách riêng hỗ trợ về mức sống, về nhà ở, nhà công vụ, các điều kiện sinh hoạt khác để giáo viên bớt khó khăn trong cuộc sống, tập trung vào công tác giảng dạy.

Thứ ba, xã hội hóa giáo dục tạo điều kiện phát triển việc đa dạng hóa các loại hình trường lớp giảng dạy và học tập, hình thành dần phong trào học tập sôi nổi của cán bộ, nhân dân, nhất là thanh thiếu niên, góp phần xây dựng xã hội ta trở thành một xã hội học tập.

Hiện nay cả nước có hơn 1/4 dân số đang đi học dưới các hình thức khác nhau. Không khí của các đại hội giáo dục lan tỏa và thường có tác dụng hâm nóng nhiệt tình học tập của mọi đối tượng, nhất là những người trong độ tuổi lao động và thanh thiếu niên. Trước sự chuyển biến của đất nước, của thời đại, họ đã thấy được tầm quan trọng của việc học tập, nâng cao trình độ, thấy được sự quan tâm của cả xã hội đến vấn đề học tập. Vì vậy, phong trào giáo dục và tự giáo dục đã trở thành phong trào mang tính quần chúng sâu rộng, có nơi trở nên bột phát, dâng cao.

Hiện nay, trong hệ thống giáo dục - đào tạo chính quy từ tiểu học đến đại học của cả nước có hơn 20 triệu người, nếu kể các cháu trong độ tuổi đi nhà trẻ, mẫu giáo đến lớp khoảng trên 3 triệu nữa thì số học sinh đến trường công lập đã xấp xỉ 25 triệu. Hệ thống giáo dục không chính quy thu hút trên 300 000 người, cộng với số người học tập để xóa mù chữ, học tin học, ngoại ngữ, học nghề, trung học chuyên nghiệp tại chức, ước khoảng dưới 300 000 người nữa. Vậy là có đến trên dưới 26 triệu người đang ngồi trên ghế nhà trường. Ngoài ra còn có một hệ thống trường ngoài công lập (trường bán

Digitized by Google

công, dân lập, tư thục, kèm cặp gia đình) cũng chiếm tỷ lệ không nhỏ. Ở bậc đại học đã thành lập 15 trường đại học và một trường cao đẳng dân lập với khoảng 50 000 sinh viên (chiếm trên 6% tổng số sinh viên). Các chương trình giáo dục từ xa qua các phương tiện truyền thông đại chúng đã có sức hút nhiều đối tượng học tập.

Như vậy, xã hội hóa giáo dục đã dần dần tạo ra một cục diện mới : cả xã hội hướng tới học tập, học liên tục, học suốt đời, nâng cao mặt bằng dân trí, làm nền cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo ngày càng phát triển.

Một phong trào khi đến độ chín của nó cũng cần có dịp nhìn lại, thẩm định và đánh giá. Tựa như cây ra hoa rồi cây cho trái thì người làm vườn không thể không lo cải tạo đất, vun xới, bồi đắp, bắt sâu, tỉa lá cho cây. Xã hội hóa giáo dục, qua thời gian cũng bộc lộ không ít vấn đề cần được uốn nắn và điều chỉnh.

1 - Nhận thức của một bộ phận trong xã hội về xã hội hóa giáo dục còn chưa đầy đủ và có phần giản đơn. Đại hội giáo dục ở một số nơi còn nặng về hình thức, chuẩn bị, tham mưu chưa chu đáo, chưa thực sự tạo được phong trào quan tâm tới giáo dục của nhân dân. Có nơi còn quá thiên về huy động đóng góp của dân mà chưa chú ý đến xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, xây dựng nền nếp, nâng cao nội lực, tăng cường chất lượng dạy và học của bản thân ngành giáo dục.

2 - Hoạt động của hội đồng giáo dục nơi này nơi khác còn lúng túng chưa thường xuyên và thiếu kế hoạch công tác cụ thể, phân công, phân nhiệm trong hội đồng chưa rõ ràng, hiệu quả hoạt động còn thấp. Cần chú ý đến việc phối hợp và phát huy chức năng của từng tổ chức như hội khuyến học, hội cha mẹ học sinh. Duy trì, phát triển và quản lý các quỹ một cách sáng tạo, hợp lý.

3 - Một số địa phương chỉ đạo tổ chức đại hội giáo dục các cơ sở chưa gắn chặt với việc giải quyết những vấn đề bức xúc như dạy thêm học thêm tràn lan ; lạm thu, thi cử chưa nghiêm, phân luồng đào tạo chưa hợp lý... nên kết quả thực hiện còn nửa vời, hạn chế. Một số địa phương sau đại hội giáo dục lại buông xuôi, không có biện pháp chỉ đạo chặt chẽ, chưa phát huy được vai trò của hội đồng giáo dục trong đôn đốc, kiểm tra, giám sát các ngành, các cấp, các lực lượng làm giáo dục theo những cam kết đã ghi trong nghị quyết của đại hội.

4 - Ở tầm vĩ mô và vi mô, việc thể chế hóa bằng các văn bản pháp quy của Nhà nước cũng cần đặt ra. Chẳng hạn, văn bản hướng dẫn tổ chức đại hội giáo dục từng cấp ; phương thức chỉ đạo của hội đồng giáo dục ; phương thức hoạt động của các loại hội hỗ trợ cho giáo dục phát triển... Tất cả phải tạo ra cơ sở pháp lý thống nhất, chặt chẽ, bền vững.

Dẫu sao, đó cũng chỉ là những khó khăn, vấp váp trong bước trưởng thành. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo nhờ xã hội hóa giáo dục đã tạo ra thế và lực mới. Kết thúc chuyến thăm Bắc Giang, quê hương của phong trào xã hội hóa giáo dục, chúng tôi vẫn còn nhớ như in lời đồng chí bí thư chi bộ xã Việt Tiến : "Trước đây Việt Tiến rất ít cháu được học lên cấp 3, vào đại học lại càng hiếm ; năm nay ở đây số cháu vào đại học và cao đẳng đã bằng cả 10 năm trước cộng lại. Thấm nhuần quan điểm của Đảng đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển, Việt Tiến nhất định sẽ thu lãi từ giáo dục".

Chúng tôi vui lây cái vui của đồng chí bí thư và cảm thấy rất tin tưởng con đường Đảng ta, nhân dân ta đã chọn cho phát triển giáo dục, con đường xã hội hóa. ❑

Digitized by Google

MẤY SUY NGHĨ VỀ VIỆC TIẾP TỤC HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG

LÊ XUÂN ĐÌNH

CHÍNH sách tiền lương đang được thực hiện là kết quả của đợt cải cách tiền lương năm 1993. Đây là một cuộc cải cách rất căn bản không những về lương mà còn là một đợt sắp xếp lại hệ thống phân phối tiền lương từ ngân sách nhà nước (NSNN), nhằm mục tiêu xóa bỏ triệt để tình trạng bao cấp, khắc phục tính bình quân trong phân phối, sắp xếp lại hệ thống thang bảng lương và tạo bước ngoặt về nhận thức quan điểm - coi *tiền lương là giá cả sức lao động*, trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường và từng bước xây dựng thể chế kinh tế thị trường.

Nhìn lại 8 năm áp dụng chính sách lương mới, chúng ta thấy có nhiều ưu điểm và tiến bộ so với hệ thống tiền lương trong thời kỳ bao cấp, như Nghị quyết phiên họp thường kỳ (tháng 8-2001) của Chính phủ cũng đã đánh giá : "... thực hiện phân phối công bằng hơn, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công tác" (1). Tuy vậy, cuộc sống luôn luôn biến động, trong khi tiền lương lại chủ yếu nằm trong trạng thái tĩnh, ít có thay đổi trong cả hệ thống thang bảng lương, cho nên nó đã bộc lộ nhiều mặt hạn chế. Chẳng hạn :

Tiền lương thực tế vẫn chưa làm được chức năng tái sản xuất sức lao động. Mức lương của nhiều chức danh thậm chí không thể chu cấp đủ để ăn, chưa kể đến các khoản như tiền nhà, chữa bệnh, tiền điện, nước... đã được tiền tệ hóa vào lương. Người lao động thực tế không thể tích lũy từ lương để thuê hay mua nhà ở. Mức lương tối thiểu còn quá thấp, mặc dầu đã qua 3 lần điều chỉnh (từ 120 lên 144, 180, 210 ngàn đồng), nhưng mới bù lại phần nào giá trị thực tế của tiền lương bị giảm đi do lạm phát. Mỗi lần điều chỉnh tiền lương tối thiểu đều phải bàn cãi, đấu tranh, giằng co giữa đòi hỏi tất yếu, bức bách từ cuộc sống với hạn chế của tài chính ngân sách. Có hai "chốt hãm" làm cho mọi ý định tăng mức lương tối thiểu đều phải chùn lại, đó là không có *nguồn tài chính* và nếu với nguồn tài chính có hạn muốn tăng lương thì phải *giảm biên chế*, nhưng vì nhiều lý do khác nhau, biên chế tiếp tục tăng thêm. Ngay trong đợt sắp xếp lại biên chế để thực hiện giảm biên đồng loạt 15%, thì biên chế cũng đã tăng lên 2,5%.

Hệ thống thang bảng lương năm 1993 chưa thực sự khuyến khích người lao động phấn đấu về mặt chuyên môn, vô hình trung khuyến khích cán bộ, công chức chạy đua

(1) Báo *Nhân Dân*, ngày 2-9-2001

Digitized by Google

theo chức vụ. Chẳng hạn, các kỳ lên lương vẫn nặng về thời gian, thâm niên công tác, "đến hẹn lại lên", không có chính sách lên lương vượt cấp, trước niên hạn (trừ một số cấp bậc của cán bộ cao cấp do bầu cử hoặc đề bạt) cho dù thành tích đạt được về mặt chuyên môn đến mức độ nào. Thi nâng bậc còn mang tính hình thức, kết quả thi chưa thực sự gắn với chuyên môn công tác cụ thể, đối tượng được đi thi lại quá ít so với tổng số. Tiêu chuẩn cán bộ chưa được áp dụng triệt để, đối tượng "quá độ" còn nhiều, nên dễ bị áp dụng tùy tiện. Hậu quả là chính sách tiền lương chưa thực sự khuyến khích người lao động, chưa khuyến khích các tài năng, đặc biệt là tài năng trẻ.

Tình trạng bất hợp lý và không công bằng vẫn còn là vấn đề bức bách của chính sách tiền lương hiện nay. Điều đó được thể hiện trên cả hai khía cạnh : *Thứ nhất*, tình trạng bình quân chủ nghĩa vẫn chưa được khắc phục. Mặc dầu lương tối thiểu và tối đa đã chênh lệch gấp hơn 10 lần, tăng lên hơn 2 lần so với hệ thống tiền lương của thời kỳ bao cấp, mới đầu tưởng chừng nó có thể góp phần khắc phục được tính chất bình quân trong phân phối, nhưng do sự chi tiết đến thái quá lại cũng làm cho tiền lương rơi vào trạng thái bình quân chủ nghĩa. Bởi vì, khoảng cách giữa các bậc lương quá ngắn, thấp nhất là 0,09 và cao nhất là 0,43 ; phấn đấu 2 năm mới thêm được mỗi tháng 18,9 ngàn đồng, 3 năm mới được tăng thêm 25,2 ngàn đồng (bậc cán sự). Thêm vào đó, thời gian phấn đấu để đạt tới bậc cao nhất quá dài, có những bậc lương đưa ra mà không ai vươn tới, hoặc do quá cao, hoặc do thời gian phấn đấu quá dài. Ví dụ : 16 bậc cán sự, thấp nhất là 1,46, cao nhất là 3,33, khoảng cách mỗi bậc là 0,12, tương đương 48 năm, xem biểu :

Biểu : Thang, bảng lương khối hành chính nhà nước

Ngạch công chức	Bậc lương									
	1	...	7	...	10	...	14	...	16	Khoảng cách giữa các bậc
Chuyên viên cao cấp	4,92		***7,10***							0,43
Chuyên viên chính	3,35		5,03							0,28
Chuyên viên	1,86		3,31		***4,06***					0,24
Cán sự	1,46		2,18		2,55		3,07		**3,33**	0,12
Kỹ thuật viên đánh máy	1,70		2,42		2,81		**3,33**			0,12
Nhân viên đánh máy	1,35		1,89		2,16		2,52		***2,71***	0,09
Nhân viên kỹ thuật	1,40		2,12		2,49		3,01		**3,27**	0,12
Nhân viên văn thư	1,22		1,76		2,03		2,39		**2,58**	0,09
Nhân viên phục vụ	1,00		1,54		1,81		2,17		**2,36**	0,09
Lái xe cơ quan	1,70		2,36		2,69		3,13		**3,35**	0,11
Nhân viên bảo vệ	1,35		1,89		2,16		2,52		***2,17***	0,09

Thứ hai, tình trạng bất hợp lý do vẫn tồn tại nhiều ngành, nhiều cơ quan và khu vực có sự chênh lệch quá mức về thu nhập, hình thành nhiều khoản thu và chia chác trong các cơ quan mà Nhà nước không quản lý nổi. Mọi người đều biết rằng mức lương hiện nay không thể bảo đảm được cuộc sống bình thường. Chẳng hạn, một sinh viên đại học hiện nay muốn sống và học tập bình thường phải được chu cấp tối thiểu 500 và trung bình là 700 ngàn đồng/tháng ở Hà Nội (ở TP Hồ Chí Minh còn cao hơn, từ 700 ngàn - 1 triệu đồng), tương đương với một cán sự bậc 10, nghĩa là phải làm việc được 30 năm. Đây là một nghịch lý. Bất hợp lý nữa là thu nhập ngoài lương lớn hơn lương rất nhiều trong một bộ phận cán bộ, công chức ; chênh lệch về thu nhập giữa các ngành, các cơ quan, đơn vị rất lớn. Hiện nay có khoảng 40% số các đơn vị hành chính - sự nghiệp cả nước là hoạt động sự nghiệp. Tính riêng năm 1999, theo Bộ Tài chính, số thu của 56 trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp đã có 304,946 tỉ đồng (bằng 68,43% kinh phí NSNN cấp). Số thu của 36 bệnh viện đạt 346,811 tỉ đồng (bằng 143,4% kinh phí NSNN cấp). Số thu của 21 đơn vị thuộc Bộ Khoa học - Công nghệ và

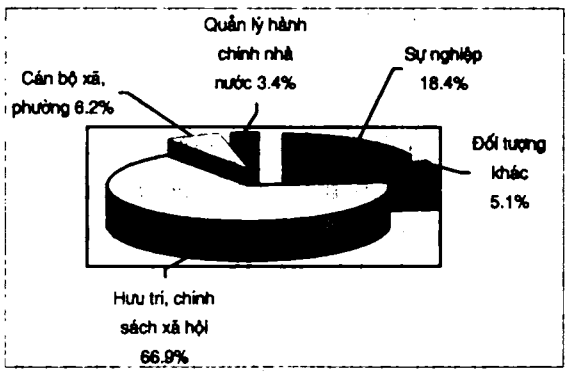
Digitized by Google

Môi trường, Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia đạt 6,373 tỉ đồng (bằng 16,4% kinh phí NSNN cấp)... Khoản trích 30% viện phí để khen thưởng trong ngành y tế là 80,566 tỉ đồng, bình quân mỗi biên chế trong ngành nhận 6,387 triệu đồng/năm, trong đó cao nhất là Bệnh viện Chợ Rẫy (16,28 triệu đồng), thấp nhất là Bệnh viện Tâm thần trung ương (2,79 triệu đồng). Đó là chưa kể sự chênh lệch quá lớn giữa lao động trong biên chế nhà nước với các thành phần kinh tế khác.

Những chênh lệch và những nghịch lý ấy đang là lý do cả về vật chất lẫn ý thức làm cho người lao động coi tiền lương là một khoản "thu nhập phụ", không ai sống chỉ bằng lương, Nhà nước không quản lý được thu nhập... và chúng đang gây ra những hậu quả tiêu cực, như : hạch toán sai, báo cáo không đầy đủ, giấu nguồn thu, trốn thuế thu nhập, sử dụng thu nhập mập mờ, tùy tiện, cản trở kiểm tra, kiểm soát. Điều tệ hại không đo đếm được là tạo ra tâm lý lạm dụng của công, nạn tham nhũng tập thể, dùng tiền công để chi tiêu thỏa sức...

Diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước (NSNN) quá rộng, cơ cấu bất hợp lý và vẫn mang nặng tính chất bao cấp. Hiện nay, có 8 đối tượng hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp mang tính chất lương từ NSNN, gồm : cán bộ công chức khối hành chính ; cán bộ công chức khối sự nghiệp ; cán bộ công chức khối các cơ quan đảng và đoàn thể ; cán bộ công chức khối các cơ quan dân cử (Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp) ; cán bộ cấp xã, phường ; cán bộ, chiến sĩ khối lực lượng vũ trang, công an, an ninh... ; các đối tượng bảo hiểm xã hội, hưu trí, mất sức ; những người có công, thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ. Tính đến hết tháng 12 năm 1999, tổng toàn bộ các đối tượng trên lên tới 6,2 triệu người, chiếm 8% dân số, trong đó 66,9% (tương đương 4 triệu người) thuộc 2 nhóm cuối - hưu trí và các chính sách xã hội (xem biểu đồ 1).

Biểu đồ 1 : Cơ cấu đối tượng hưởng lương từ NSNN



Trên thế giới không có quốc gia nào có tỷ lệ như vậy, vì nước ta phải gánh chịu hậu quả nặng nề của gần 30 năm chiến tranh khốc liệt (ở Liên Xô, chiến tranh vệ quốc đã đi qua gần 60 năm nay, hậu quả về con người vẫn chưa được khắc phục xong) và một thời gian dài duy trì cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, chưa áp dụng chính sách nộp bảo hiểm xã hội (2). Số cán bộ, công chức đang làm việc thực tế chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ :

- Khối quản lý hành chính nhà nước chiếm 3,4% tổng số. Tính ra cứ 1 000 người dân có khoảng 2,7 cán bộ công chức (0,27% dân số, và nếu tính gộp cả khối đảng, đoàn thể là 0,3% dân số). Tỷ lệ này là thấp so với nhiều nước trên thế giới, ngay như Trung Quốc, là nước đông dân nhất, cũng có tỷ lệ 2,0%, Pháp 4%.

(2) Những người nghỉ hưu sau 1-1-1995 do Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả

Digitized by Google

- Khối sự nghiệp chiếm 18,4% tổng số, trong đó nhiều nhất là ngành giáo dục - đào tạo chiếm 14,5%, y tế : 3,1% và các đối tượng sự nghiệp khác : 0,8%.

- Cán bộ cấp phường, xã chiếm khoảng 6,2% tổng số. Tính bình quân mỗi xã có 37 cán bộ hưởng phụ cấp từ NSNN. Nếu tính thêm các đối tượng từ trưởng thôn đến bí thư chi bộ, thì con số này sẽ lên đến 203 cán bộ/1 xã, nghĩa là 1 000 người dân có 27 cán bộ xã, nhiều gấp 10 lần tỷ lệ cán bộ, công chức khối hành chính nhà nước.

Ngay trong bản thân hệ thống biên chế nhà nước hiện nay, các đối tượng phục vụ, như nhân viên bảo vệ, lái xe, tạp vụ, văn thư... chiếm tỷ lệ quá cao, khoảng 18,7% tổng số cán bộ, công chức trong biên chế (1 người phục vụ 4 người, nếu tính số nhân viên văn phòng là phục vụ thì nhiều cơ quan tỷ lệ này là 1 ÷ 1).

Những phân tích trên cho thấy đã đến lúc *phải có bước đột phá thật sự trong việc tiếp tục cải cách chính sách tiền lương,* không chỉ là ở vấn đề tạo nguồn tài chính để tăng lương tối thiểu đơn thuần, mà cả về vấn đề nghiệp vụ tiền lương, nghĩa là cải cách cả hệ thống thang bảng lương khắc phục những hạn chế, bất cập của nó xuất phát từ những đòi hỏi khách quan của cuộc sống. Cần khẩn trương đưa quan điểm của Đảng tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (khóa VIII) vào cuộc sống, rằng : "tiền lương gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, trả lương đúng cho người lao động chính là thực hiện đầu tư cho phát triển ; góp phần quan trọng làm lành mạnh, trong sạch đội ngũ cán bộ, nâng cao tinh thần trách nhiệm và hiệu suất công tác" (3).

Đại hội Đảng lần thứ IX cũng tiếp tục khẳng định : "Cải cách cơ bản chế độ tiền lương cán bộ, công chức theo hướng tiền tệ hóa đầy đủ tiền lương ; điều chỉnh tiền lương tương ứng với nhịp độ tăng thu nhập trong xã hội ; hệ thống thang bậc lương bảo đảm tương quan hợp lý, khuyến khích người có tài, người làm việc giỏi" (4)

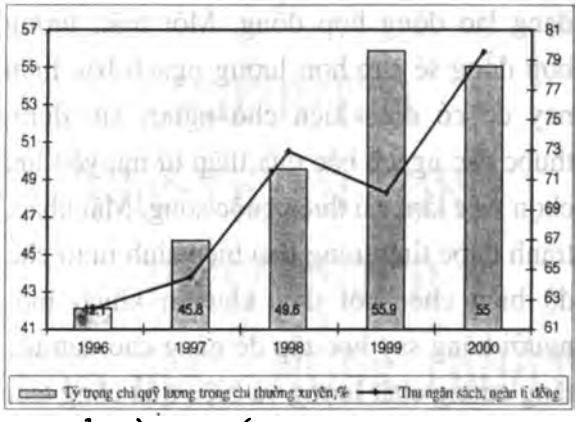
Bởi vậy, *trước hết* tạo nguồn để sớm tăng lương cho cán bộ, công chức ít ra cũng bù lại đủ giá trị ban đầu do quá trình trượt giá của đồng tiền. Về lâu dài phải thay đổi căn bản phương thức phân phối và sử dụng NSNN. Theo Luật Ngân sách nhà nước, chức năng đầu tiên của ngân sách quốc gia là phải bố trí đủ các nguồn lực để bảo đảm bộ máy nhà nước duy trì hoạt động bình thường. Như vậy, chức năng đầu tư phát triển, hay còn gọi là tích lũy từ NSNN chỉ đứng hàng thứ yếu. Trường hợp cần thiết mới phải huy động cho đầu tư phát triển, như kinh nghiệm của các nước, gọi là áp dụng chính sách "thắt lưng buộc bụng". Quả thực nếu bộ máy nhà nước hoạt động có hiệu quả, ít quan liêu, nhũng nhiễu, thì nền kinh tế sẽ thông thoáng hơn, nội lực của cả nền kinh tế sẽ lớn lên rất nhanh, thu hút được nhiều vốn đầu tư..., từ đó các nguồn thu ngân sách sẽ tăng lên đáng kể (ví dụ : năm 2000 do tăng trưởng kinh tế và thu NSNN khá mà mặc dầu nâng lương tối thiểu từ 180 lên 210 ngàn đồng, nhưng tỷ trọng chi quỹ tiền lương trong chi thường xuyên của NSNN lại giảm từ 55,9% (năm 1999) xuống 55,0% (năm 2000) (xem biểu đồ 2) :

---

(3) *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr 42 - 43

(4) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 105

Digitized by Google



Biểu đồ 2 : Biến thiên của thu NSNN và tỷ trọng chi quỹ lương trong chi thường xuyên

Theo kinh nghiệm của các nước, thu NSNN tăng do tăng trưởng kinh tế nhanh (và đây mới là mức tăng bền vững) còn lớn hơn nhiều so với việc thiết chặt quỹ lương, cố gắng để một phần ngân sách lớn cho đầu tư phát triển (tỷ lệ đầu tư NSNN của ta trên dưới 30% hằng năm, năm 1998 khoảng 31%). Đó là chưa nói đến các hậu quả khác có thể phát sinh do lương cán bộ, công chức nhà nước quá thấp, như : tình trạng chảy "chất xám" từ khu vực nhà nước sang các thành phần kinh tế khác, nhất là thành phần có vốn đầu tư nước ngoài ; lãng phí trong sử dụng phần đầu tư phát triển từ vốn NSNN cấp do phải bao cấp cho các doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả, "lại quả", hoa hồng, đấu thầu hình thức, tham nhũng tràn lan v.v. Chẳng hạn, trong xây dựng cơ bản có lúc thất thoát, lãng phí lên tới 30 - 40% vốn đầu tư.

Cải cách tiền lương là vấn đề nhạy cảm, đụng chạm lợi ích thiết thân của từng người, nên rất phức tạp ; nhưng nếu cứ để như hiện nay thì sẽ tác động không tốt đối với kinh tế - xã hội trước mắt cũng như lâu dài. Bởi vậy, dù phải tính đến nhiều mặt phức tạp để tìm giải pháp khả thi trong cải cách tiền lương, thì các cấp các ngành hữu quan cũng phải thực sự có quyết tâm lớn mới đạt được mục tiêu, như Chính phủ đã đề ra là "... tách rõ khu vực hành chính và sự nghiệp để có cơ chế quản lý và chính sách cho phù hợp ; thực hiện phân cấp quản lý biên chế, giao quyền tự chủ cho cơ sở ; thực hiện khoán biên chế và chi phí hành chính" (5). Thiết nghĩ trong thời gian trước mắt nên tập trung vào ba hướng chính như sau :

Một là, tìm cách giảm tỷ lệ tích lũy từ NSNN để có nguồn cho việc nâng tiền lương, mà vẫn không làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng nền kinh tế, bằng cách : cải cách mạnh mẽ khối doanh nghiệp nhà nước, phân định rõ khối sản xuất kinh doanh và khối làm chức năng dịch vụ công. Đối với khối sản xuất kinh doanh tuyệt đối không bù lỗ và bao cấp cho những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ ; tiết kiệm đầu tư xây dựng cơ bản thông qua quy chế hoặc cao hơn nữa là bằng pháp lệnh về đấu thầu nhà nước, khắc phục tình trạng tha hóa, biến đấu thầu thành đấu giá, móc ngoặc để hưởng lại quả, "hoa hồng"... làm thất thoát lớn tài sản của nhà nước. Sớm xóa bỏ các hình thức bộ, cơ quan chủ quản đối với các doanh nghiệp, thậm chí đối với cả sự nghiệp có thu để tạo sân chơi phẳng, cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Trong vấn đề này, việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước có ý nghĩa quyết định, nhưng đồng thời có thể chế vừa chặt chẽ, vừa thông thoáng thì cũng mới có môi trường minh bạch để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Hai là, muốn tập trung nguồn cho cải cách tiền lương phải tìm cách giảm bao cấp,

(5) Báo *Nhân Dân*, ngày 2-9-2001

Digitized by Google

bao biện từ NSNN bằng cách sớm nghiên cứu để phân định lại ranh giới giữa hành chính với sự nghiệp, tách khối sự nghiệp ra khỏi khối hành chính về áp dụng chính sách tiền lương. Trong sự nghiệp thì nên có sự phân định cụ thể giữa sự nghiệp có thu và sự nghiệp không có thu, sự nghiệp thu nhiều và sự nghiệp thu ít... Tiêu thức phân định nên dựa vào tính chất của khu vực phân phối. Ví dụ, khối hành chính là phải thuộc khu vực phân phối lại, bởi vậy tiền lương phải do NSNN đảm nhiệm toàn bộ, từ đó tiến hành các biện pháp công khai hóa thu nhập của cán bộ, công chức, trả lương thông qua tài khoản cá nhân tại ngân hàng để dễ quản lý, dẹp hẳn các khoản thu nhập khác ngoài lương, như cho thuê văn phòng, nhà, công sở, nạn phong bao, phong bì... Tuy nhiên, tiền lương thực tế của cán bộ, công chức khu vực hành chính phải trả xứng đáng với loại hình lao động này.

Đối với sự nghiệp có thu thuộc khu vực phân phối lần đầu, tùy theo từng loại, có loại tự trang trải 100% kinh phí, như có tính cạnh tranh cao, dễ mang lại lợi ích trực tiếp cho các cá nhân tham gia (đào tạo nghề, cao đẳng, đại học, chữa các loại bệnh thông thường...), nhưng cũng có loại tính cạnh tranh và kinh doanh thấp hơn, hoặc thuộc chính sách xã hội cần phải ưu tiên (như giáo dục tiểu học, giáo dục ở những vùng khó khăn, vùng dân tộc ít người, chữa các bệnh xã hội...) Nhà nước cần đảm nhiệm phần lớn, thậm chí có thể 100% kinh phí.

Ba là, tìm nhiều biện pháp để giảm gánh nặng chi NSNN, nhưng trước hết là nên sớm chuyển hẳn số biên chế phục vụ, như nhân viên bảo vệ, lái xe, tạp vụ, văn thư... sang dạng lao động hợp đồng. Một mặt, lương hợp đồng sẽ cao hơn lương ngạch bậc hiện nay dễ có điều kiện cho người lao động thuộc các ngạch bậc quá thấp tự nguyện lựa chọn việc làm cải thiện cuộc sống. Mặt khác, tránh được tình trạng bao biện sinh ra từ chế độ biên chế suốt đời, khuyến khích mọi người hăng say học tập để nâng cao dân trí, tăng cường chất lượng và hiệu quả công tác. Điều đó xuất phát từ lý do là trong điều kiện có nhiều tiến bộ về mặt khoa học, kỹ thuật và công nghệ có nhiều ngành nghề mới ra đời, nhưng cũng có nhiều ngành nghề cũ có thể sẽ mất đi (ví dụ, việc phổ biến máy tính cá nhân (vi tính) sẽ làm giảm nhu cầu nhân viên đánh máy). Nếu xóa bỏ triệt để bao cấp, thì cơ chế đi xe trả tiền thay thế cho cơ chế nuôi các đội xe tại cơ quan, sẽ chuyển hệ thống xe và lái xe sang lĩnh vực kinh doanh dịch vụ... vừa giúp cho việc sử dụng xe có hiệu quả, vừa giảm chi NSNN, tăng thu nhập cho người lao động.

Tiếp theo đó, cũng cần nghiên cứu hoàn thiện cơ chế cấp phát ngân sách hiện hành bằng cách áp dụng cơ chế khoán kinh phí hoạt động, khoán quỹ lương theo chức năng nhiệm vụ. Nếu còn cấp phát ngân sách theo định mức tính trên đầu biên chế, cấp phát theo hạn mức kinh phí, hết năm nếu không sử dụng hết ngân sách thì hạn mức thừa sẽ bị hủy bỏ, năm sau không tăng thêm hạn mức kinh phí... sẽ không thể có cách nào khuyến khích được các cơ quan giảm biên chế, tiết kiệm chi tiêu, làm nảy sinh tình trạng chạy hạn mức, tạo ra kiểu cơ chế ngầm "xin - cho" - môi trường cho nạn quà biếu, hối lộ, tham nhũng nảy sinh và lây lan. ❑

Digitized by Google

NIỀM TIN VÀO TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT NƯỚC TA

MAI HẢI OANH

VỚI tinh thần "nói thẳng, nói thật" sau Đại hội lần thứ VI của Đảng đến nay, nhiều cuộc tranh luận về văn học - nghệ thuật đã được tổ chức nhằm đánh giá lại thành tựu của nền văn học cách mạng 1945 - 1975 ; đồng thời soát xét lại hàng loạt vấn đề trọng yếu của văn học - nghệ thuật như : văn học phản ánh hiện thực, vai trò của chủ thể sáng tạo, mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị, bản chất của văn học - nghệ thuật với tư cách là một hình thái xã hội, vấn đề văn học trong xu thế hội nhập toàn cầu... Bên cạnh đó, giới nghệ sĩ, các nhà khoa học và đông đảo bạn đọc còn quan tâm đến các vấn đề tính dân tộc trong thơ, giá trị thực sự của văn học nằm ở đâu, vấn đề sự xuất hiện của các trường phái thơ hiện đại, vấn đề giảng dạy môn văn trong trường phổ thông... Những cuộc tranh luận này trên thực tế là hết sức cần thiết. Điều đó xuất phát từ hai lẽ : *Thứ nhất* khi lịch sử dân tộc bước sang một giai đoạn mới đòi hỏi chúng ta phải có cái nhìn khách quan tỉnh táo để đưa ra những quyết sách mới, những chiến lược phát triển mới cho phù hợp với thực tiễn. *Thứ hai*, bản thân cuộc sống bao giờ cũng vận động, bởi thế những tư tưởng mới, những cái nhìn mới sẽ bổ sung thêm những cái đã từng có, giúp cho sự phát triển phong phú và sâu sắc hơn.

Bước sang một thiên niên kỷ mới, cùng với sự trưởng thành của đất nước trên tất cả các lĩnh vực, văn học - nghệ thuật cũng đặt ra những yêu cầu mới để có bước phát triển mới. Soát xét lại cái cũ thực ra cũng là để tạo cơ sở vững chắc cho tương lai. Đảng ta bao giờ cũng đánh giá cao vai trò của văn học - nghệ thuật trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc, mong muốn có những tác phẩm phản ánh được tầm vóc và vẻ đẹp của dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, vấn đề xây dựng một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc lại càng trở nên cấp thiết. Làm sao để có những tác phẩm văn học - nghệ thuật lớn ngang tầm thời đại vẫn luôn là một câu hỏi lớn. Sự kỳ vọng ấy trước hết bắt nguồn từ sự sáng tạo không mệt mỏi của đội ngũ văn nghệ sĩ tâm huyết với sự nghiệp cách mạng của Đảng với Tổ quốc và nhân dân. Điều đó đã được Đảng ta khẳng định một lần nữa một cách đầy đủ và sâu sắc hơn về lĩnh vực sáng tạo này trong văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng vừa qua : "Bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi sáng tạo văn hóa, văn học nghệ thuật, tạo điều kiện làm việc thuận lợi để phát huy hiệu quả của lao động nghệ thuật. Văn nghệ sĩ nêu cao trách nhiệm trước nhân dân, trước Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu có nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, có tác dụng giáo dục, xây dựng con người" (1). Theo tinh thần của Đại hội IX, chúng tôi xin

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 115

Digitized by Google

được đề cập đến một số vấn đề cơ bản của lý luận văn nghệ trong thời kỳ cách mạng mới.

1. Vấn đề văn học phản ánh hiện thực.

Luận đề nổi tiếng của V.Lê-nin trong tác phẩm *Tổ chức của Đảng và văn học Đảng* (1905) "Sự nghiệp văn học phải trở thành *một bộ phận* trong sự nghiệp của toàn thể giai cấp vô sản" (2) đã được nhiều nhà lý luận mác xít chú ý và vận dụng. Tuy nhiên, khi vận dụng vào thực tiễn văn học, chúng ta đã có lúc, có nơi cứng nhắc, phiến diện. Khi tiếp nhận văn học như là một hình thái ý thức phản ánh đời sống xã hội thì phản ánh hiện thực là thuộc tính của văn học. Song nếu tiếp nhận trên phương diện mục đích của nó thì phản ánh hiện thực là nhiệm vụ hàng đầu của văn học. Khi khẳng định nhiệm vụ to lớn của văn học phản ánh hiện thực, cần phải có cái nhìn cởi mở, đúng đắn đối với phạm trù "hiện thực". Những năm chiến tranh, khái niệm hiện thực có lúc, có nơi dường như chỉ tập trung vào mảng hiện thực chính trị, hiện thực cách mạng. Những năm sau đổi mới (1986), khái niệm hiện thực lại bị thu hẹp theo một chiều hướng khác vào mảng hiện thực thế sự đời tư, nên có sự nở rộ của mảng hiện thực đời tư. Nhưng thành quả của nghệ thuật của hai thời kỳ này, trớ trêu thay lại không song trùng nở rộ. Trên thực tế, chúng ta đã từng xây đắp thành công một nền văn học nghệ thuật cách mạng với đông đảo đội ngũ văn nghệ sĩ tài năng. Chính đội ngũ này là lực lượng xây dựng thành công một nền văn học nghệ thuật "xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay" (3), xứng đáng với tầm vóc lớn lao của đất nước và dân tộc, với mục tiêu chung vì độc lập của Tổ quốc, vì tự do hạnh phúc của nhân dân. Còn hiện nay, vấn đề làm sao để có được những tác phẩm lớn xứng đáng với sự nghiệp đổi mới của dân tộc vẫn là một vấn đề trăn trở đối với các văn nghệ sĩ trong hơn một thập kỷ qua.

Khi nói về học thuyết của mình, C. Mác đã từng nhấn mạnh : Học thuyết của ông không phải là một cái gì khô cứng, hoàn tất mà phải liên tục phát triển. Soi vào lý luận văn học phản ánh hiện thực của chúng ta có thể khẳng định một cái nhìn hiện thực phải được hiểu là cuộc sống con người với tất cả sự phong phú và đa dạng của nó, với bản chất và quy luật phát triển của nó, vừa bao gồm cả hiện thực cá nhân và hiện thực xã hội. Bởi lẽ, hiện thực không đơn giản là những cái chúng ta thấy trước mắt, mà còn là hiện thực của tâm hồn, của cái kỳ ảo. Hiện thực không chỉ là cái dễ dàng nắm bắt được theo kiểu hai với hai là bốn, mà còn phải là cái cốt lõi, cái bản chất cái đang có chiều hướng phát triển. M.Goor-ky từng có một định nghĩa nổi tiếng "Văn học là nhân học". Khoa học về con người là một khoa học luôn đòi hỏi sự tinh tế cao độ, vả lại con người bao giờ cũng là một vũ trụ bí ẩn, vì thế nghệ sĩ phải tìm tòi, phát hiện. Do hiểu hiện thực theo cái nhìn hạn hẹp mà có lúc có nơi chúng ta chủ yếu miêu tả thứ *hiện thực nhìn thấy* mà chưa thể hiện thành công thứ *hiện thực cảm nhận sâu lắng*. Xưa, khi đánh giá về Nguyễn Du, Mộng Liên Đường có một nhận xét sâu sắc : Nguyễn Du vĩ đại vì ông có "con mắt trông thấu sáu cõi, tấm lòng nhìn thấu cả ngàn đời". Sáu cõi chính là vũ trụ, nhân loại được thẩm thấu vào.

Với một quan niệm mới về hiện thực, cần phải thấy rằng bản thân mệnh đề văn học phản ánh hiện thực không có gì *cũ*, trái lại, nó luôn luôn *mới* và *đúng*. Khi cái nhìn về hiện

---

(2) *Lê-nin bàn về văn hóa, văn học*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1997, tr 74

(3) *Văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa - văn nghệ*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1993, tr 8

Digitized by Google

thực cởi mở hơn thì văn học theo đó cũng phong phú hơn. Mục đích tối cao của văn học bao giờ cũng vì con người, vì lý tưởng cao đẹp của dân tộc, vì nhiệm vụ trọng đại của đất nước trong một thời kỳ nhất định. Vì thế, một mặt văn học vươn tới những chân trời hiện thực rộng lớn ; mặt khác, phải tập trung phản ánh được hiện thực liên quan đến sự sống còn của đất nước, của nhân dân, của mỗi con người. Cần nhớ rằng, khi viết về L.Tôn-xtôi, Lê-nin đã từng nói một tác phẩm vĩ đại là một tác phẩm phải phản ánh được vài ba khía cạnh quan trọng nhất của cách mạng. Trong những bài viết về Tôn-xtôi, Lê-nin đề cập đến hai khía cạnh : **a** - Phải tái hiện lại được những *dòng chảy cơ bản nhất* trong hiện thực cuộc sống. **b** - Phải phản ánh được *tâm trạng của nhân dân* trước xu thế phát triển của lịch sử. Rõ ràng Lê-nin không đơn giản chút nào khi lý giải mối quan hệ giữa văn học và hiện thực. Sự thu hẹp lại quan điểm trên đây thuộc về một thời ấu trĩ, giáo điều, phiến diện, và do vậy, đã có lúc làm suy kiệt và đơn giản hóa hoạt động sáng tạo.

Hồ Chí Minh đã từng căn dặn những người cầm bút : *Vì ai mà mình viết ? Viết cho ai ? Viết để làm gì ? Viết như thế nào ? Viết cái gì ?* (4). Đảng ta vẫn kêu gọi văn nghệ sĩ phải chú ý nhiều hơn nữa đến hiện thực đời sống đất nước, phản ánh được một cách sâu sắc cuộc sống và con người Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và trong toàn bộ sự nghiệp của cách mạng dân tộc. Đây là một yêu cầu rất cao đối với văn nghệ sĩ. Đến nay, với một "độ lùi" chưa dài, nhưng không còn quá ngắn, nhiều cây bút đã nhìn nhận vấn đề văn học phản ánh hiện thực một cách khách quan hơn, tỉnh táo và khoa học hơn. Điều quan trọng là phải nhìn cuộc sống vừa như nó vốn có, vừa trong chiều hướng phát triển của nó. Nếu hiểu được như thế thì "đất" để nhà văn khai phá sẽ mênh mông, nhiều tầng, nhiều lớp. Nhất là khi nhà văn gần gũi với quần chúng, tích cực nắm bắt những cái phong phú đang nảy sinh trong thực tiễn và giải quyết được những vấn đề thực tiễn đang đặt ra.

2. Vấn đề tính chủ thể trong sáng tạo nghệ thuật.

Mệnh đề văn học phản ánh hiện thực liên quan đến quan niệm về vai trò của chủ thể trong sáng tạo nghệ thuật. Hiểu "hiện thực" quá đơn giản hệ quả tất yếu sẽ là thu hẹp và coi nhẹ vai trò của chủ thể sáng tạo. Rằng, nhà văn chỉ là người thụ động, ghi chép lại hiện thực. Khi tuyên bố" nhà văn là thư ký trung thành của thời đại", Ô.Ban-dắc đâu muốn nói nhà văn chỉ là kẻ ghi chép đơn thuần. Trong một tuyên bố khác ông nói rằng, nếu nhà điêu khắc nặn một bàn tay y như một bàn tay có thật ngoài đời thì sản phẩm ấy thật là kinh tởm. Rõ ràng, Ban-dắc đòi hỏi nghệ thuật phải sáng tạo. Cái hiện thực trong văn học phải là thứ hiện thực thông qua sự bình giá, lý giải, khái quát, suy lý, chiêm nghiệm về nhân sinh và vũ trụ của nhà văn. Mục đích của văn học không chỉ dừng lại ở sự phản ánh hiện thực mà còn nhằm hoàn thiện con người. Việc phản ánh hiện thực không tách rời thái độ nhân văn và thái độ chính trị của người nghệ sĩ. Từ đó xác định một phương cách *nhập cuộc*. Coi văn học chỉ là bản sao của đời sống chỉ có thể là sản phẩm của những tư duy xơ cứng, hơn nữa là một ảo tưởng vì không bao giờ có điều đó.

Hơn đâu hết sáng tạo nghệ thuật là vấn đề sáng tạo của mỗi cá nhân, thể hiện quan niệm của nhà văn đối với cuộc đời. Ở những thời kỳ tình hình đất nước có nhiều biến động

(4) Xem Hồ Chí Minh : *Về công tác văn hóa - văn nghệ*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1971, tr 21

Digitized by Google

phức tạp thì vấn đề bản lĩnh và tài năng của chủ thể sáng tạo lại càng phải được đánh giá cao hơn.

Đảng ta nhiều lần đề cập đến vấn đề tự do sáng tạo của người nghệ sĩ. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói rằng : "Lĩnh vực nghệ thuật cần có những người có *năng khiếu*, nếu ai không có năng khiếu nên chuyển sang nghề khác". Cái quan trọng nhất đối với nghệ sĩ là *tài* và *tâm*. Tài là chuyện nghề nghiệp, tâm là tấm lòng đối với con người, với dân tộc và nhân loại. Trong thời đại ngày nay, Đảng ta chủ trương mỗi văn nghệ sĩ phải là một chiến sĩ trên mặt trận văn hóa. Ý tưởng đó một mặt tiếp thu truyền thống của cha ông trong lịch sử, mặt khác đề cao chất "thép", tính chiến đấu của văn học phù hợp với một giai đoạn lịch sử - *giai đoạn bão táp cách mạng*.

Mục đích cao nhất của văn học như đã nói là vì con người, vì cái đẹp, cái nhân văn, chống lại cái ác phản nhân tính. Nhưng mỗi nhà văn đều bắt đầu tư một địa chỉ, *địa chỉ ấy là Tổ quốc Việt Nam*. Vì thế, sự sáng tạo của nhà văn trước hết là vì Tổ quốc mình, vì nhân dân mình; làm sao mà tin được những ai phản lại lợi ích của dân tộc và của nhân dân lại là những người "tử tế" nhân văn"?

Nhà văn có thể sử dụng nhiều phương pháp sáng tác khác nhau để tạo nên sự kết tinh của giá trị chân - thiện - mỹ nhưng để phục vụ tốt nhất lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân điều chung nhất đối với người nghệ sĩ là cần có *thái độ nhập cuộc* như thế hệ của cha anh đã *từng nhập cuộc dứt khoát : "tôi cùng xương thịt với nhân dân tôi - cùng đổ mồ hôi cùng sôi giọt máu"* (Xuân Diệu). Khi người nghệ sỹ quan tâm đến đời sống nhân dân, nỗ lực tìm kiếm những điều mắt thấy tai nghe ; tích cực đi sâu vào đời sống sinh hoạt, sản xuất, đấu tranh ; duy trì mật thiết mối quan hệ với thực tiễn xã hội thì tất yếu anh ta sẽ nắm bắt được những vấn đề bản chất và xu thế phát triển của nó.

Khi nói về thế hệ văn nghệ sĩ chống Mỹ, nhà thơ Hữu Thỉnh nói đến *thái độ nhập cuộc* của một thế hệ cầm bút và cầm súng. Và đó cũng là yêu cầu cấp thiết đối với các thế hệ kế tiếp. Quả thật, khi nhà văn, nhà thơ, người nghệ sĩ *nhập cuộc với nhân dân với đất nước* thì họ mới đủ sức "nhìn thấu sáu cõi", mới hiểu được nỗi đau và hạnh phúc của con người. Chỉ như thế văn học ta mới bớt đi được những nỗi buồn giả, hạnh phúc giả, giấc mơ mộng con... sáo mòn do nhà văn tự sáng tạo bằng cái đầu có "vấn đề" của họ hơn là bằng những mạch đập thực sự của con tim với nhân dân, với đất nước.

Sự tự do trong sáng tạo khác với sự tự do vô chính phủ. Sự tự do trong hoạt động tinh thần giúp cho người nghệ sĩ có điều kiện đi sâu hơn trong quá trình khám phá vẻ đẹp của cuộc đời, chiều sâu của tâm hồn. Đó là sự tự do để giải phóng năng lượng sáng tạo của nhà văn. Hạnh phúc cao nhất của nhà văn chính là những trang viết thể hiện tình yêu Tổ quốc nồng nàn, thấm đẫm tinh thần nhân văn, nhân nghĩa. Lẽ tất nhiên, trong văn học, tầm cao tư tưởng, chiều sâu sáng tạo phải được thể hiện qua tác phẩm chứ không phải là những lời tuyên bố suông. Mọi mong muốn tốt đẹp phải được hiển thị hóa bằng tác phẩm, bằng hiệu quả xã hội của tác phẩm. Bằng không, nó vĩnh viễn chỉ là mong muốn mà thôi.

3. Vấn đề mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị.

Thái độ tìm đến sự hài hoà giữa cá nhân và cộng đồng, nhập cuộc với đất nước và nhân dân, sẽ thức tỉnh lương tâm, trách nhiệm của người sáng tác, hướng văn học nghệ thuật phục vụ thiết thực cho những vấn đề sôi bỏng của cuộc sống và quan tâm hơn nữa đến số phận con người. Có một hiện

Digitized by Google

tượng chưa hẳn là phổ biến nhưng rất đáng suy ngẫm, đó là sau một thời gian phản đối xu hướng tô hồng hiện thực trong văn học, chúng ta chứng kiến không ít những tác phẩm minh họa theo lối khác : bôi đen hiện thực. Nhìn vào một số tác phẩm độc giả chỉ thấy một thế giới hiện thực đen tối, èo uột, tàn úa, nghèo nàn. Vậy để phản ánh hiện thực, người nghệ sĩ cần đến một thái độ lựa chọn đúng đắn, cần đến lương tri và trách nhiệm đối với đất nước và thời cuộc. Một quan niệm đúng về hiện thực, một cái nhìn hợp lý về lý luận phản ánh sẽ cho phép người nghệ sĩ vươn tới những tầm cao mới trong việc khám phá hiện thực với tất cả sự phong phú, sinh động, đa dạng và thống nhất của nó. Và trên thực chất thái độ của nhà văn đối với hiện thực cũng thể hiện rõ mối quan hệ giữa văn nghệ với chính trị. Mặc dù về phương diện lý thuyết văn nghệ và chính trị tồn tại với tư cách là hai hình thái ý thức xã hội độc lập có quan hệ gắn bó với nhau. Hồ Chí Minh từng nói : "Văn hóa - văn nghệ cũng như những hoạt động khác không thể ở ngoài mà ở trong kinh tế chính trị"(5). Lê-nin cũng từng coi : Văn nghệ là một bộ phận trong sự nghiệp của toàn Đảng, ... đó là bình diện có tính nguyên tắc (6). Không thể chối cãi vấn đề văn nghệ phục vụ chính trị. Tất cả mọi ý định tách văn nghệ khỏi chính trị, khỏi sự lãnh đạo của Đảng, xét đến cùng chỉ là một ảo tưởng ngây thơ, một mưu đồ sai trái. Thực tế cho thấy, văn nghệ cách mạng mấy chục năm qua đã đáp ứng một cách kịp thời những nhiệm vụ chính trị, góp phần động viên cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân đội và nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại. Ở đây, ai đó có vẻ như sợ rằng, sự có mặt của yếu tố thời sự sẽ giết chết cái "vĩnh cửu" của nghệ thuật. Vậy thì nên chăng nhắc lại lời khẳng định của thi hào V.Gớt : Bất cứ tác phẩm nào cũng mang tính thời sự nhưng đó là tính thời sự đã được chuẩn bị một cách công phu.

Cố nhiên khi nói văn nghệ phục vụ chính trị không nên hiểu một cách đơn giản rằng nghệ thuật chỉ là một phương tiện tuyên truyền cổ động cho những chủ trương và chính sách thuần túy hành chính. Để hình dung vấn đề một cách rành rẽ, thiết thực nên quan niệm hiệu quả chính trị một cách "động" hơn. Nhìn tổng quát văn nghệ phục vụ chính trị được diễn ra ở một tầm cỡ "lớn lao và sâu xa hơn" như góp phần giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người ; xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh ; giáo dục đạo đức lương tâm, sự khao khát hướng tới chân - thiện - mỹ của con người ; bằng những hành động thiết thực thể hiện thành công yêu cầu của thời đại và xu thế phát triển của lịch sử ; góp phần thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của toàn Đảng, toàn dân. Ban chấp hành Hội Nhà văn đã đề nghị "chúng ta nên vượt qua cách nói văn nghệ phục vụ chính trị mà nên nói rõ phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng. Đó là chất chính trị ở ngay trong văn học nghệ thuật của chúng ta". Có thể nói, là một bộ phận của sự nghiệp cách mạng, người nghệ sĩ vẫn đứng trong những tổ chức thích hợp hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước, do Đảng lãnh đạo. Vậy thì lẽ gì họ lại từ chối trách nhiệm phục vụ Tổ quốc và CNXH, phục vụ nhân dân.

Cái thực tế sôi động của thời kỳ đổi mới, đất nước thay da đổi thịt, chất lượng sống của nhân dân được nâng cao, vị thế dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được khẳng định đòi hỏi chúng ta phải có nhiều

(5) Hồ Chí Minh : *sđd*, tr 20.

(6) Xem Lê-nin : *Bàn về văn hóa, văn học*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1977, tr 74

Digitized by Google

tác phẩm tương xứng có tầm cỡ ; mặt khác thực sự đòi hỏi các văn nghệ sĩ phải tỉnh táo hơn khi đánh giá, nhìn nhận lại đời sống văn học hôm nay. Xin được chia xẻ với ý kiến : văn học ta đang thiếu những tác phẩm mang tầm vóc của thời đại. Điều này đặt ra vấn đề mà các văn nghệ sĩ phải quan tâm, phải trăn trở kiếm tìm, lao động, sáng tạo. Tác giả của tác phẩm *Lựa chọn sinh tử* (Trung Quốc) đã có một chiêm nghiệm đúng : tích cực đi vào cuộc sống lao động sản xuất của nhân dân để có những tác phẩm hay. Không ai làm thay được cho các văn nghệ sĩ, những người được tôn vinh và những "kỹ sư tâm hồn" của thời đại. Căn cứ vào những nhiệm vụ trọng yếu của cách mạng, thể hiện được cuộc sống và con người Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, đó chẳng phải là sứ mệnh chính trị và nghệ thuật cao cả của người nghệ sĩ hay sao ?!

4. Vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Xu thế toàn cầu hóa đang là một thực tế khách quan. Gắn với xu thế toàn cầu hóa, các nền văn hóa nhân loại đang đứng trước sự xâm lăng của các đế quốc văn hóa, đáng kể nhất là sự bành trướng của nền công nghiệp giải trí của Mỹ. Vấn đề giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay trở thành một vấn đề bức thiết được nhiều giới nhiều ngành cùng quan tâm. Tình trạng thanh thiếu niên hiểu sử người hơn sử ta, coi trọng phim Hô-ly-út, thích các chương trình MTV hơn là hiểu di sản văn hóa của ông cha, cùng với tình trạng phục hồi và trỗi dậy của các hủ tục mê tín dị đoan, sự buông thả của một lớp người sống gấp, lai căng, vọng ngoại... đã dẫn đến tình trạng băng hoại đạo đức, tha hóa và trở thành một trong bốn nguy cơ nghiêm trọng mà Đảng ta đã từng cảnh báo. Bởi thế bên cạnh việc giữ gìn các di sản văn hóa truyền thống (cả di sản văn hóa vật thể và phi vật thể), điều quan trọng là phải tạo ra được thật nhiều những sản phẩm nghệ thuật đích thực. Hiện tượng phim *Đời cát* trong năm 2000 là một dấu hiệu đáng mừng. Thì ra, đâu phải đơn giản là lỗi của người tiếp nhận quá thờ ơ với các sản phẩm nội địa mà một phần lớn lý do là nằm ở những người sáng tạo. Điểm tựa lớn nhất để phát triển một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc chính là truyền thống văn hóa của ông cha và lịch sử dân tộc ; là sự nỗ lực không mệt mỏi của tất các các thế hệ cầm bút, tiếp nối truyền thống văn hóa và văn nghệ cách mạng. Nói như thế không có nghĩa là "bế quan tỏa cảng" duy trì tâm lý ao nhà. Đảng ta nhiều lần nhấn mạnh phải biết tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho văn hóa nước nhà. Hồ Chí Minh là một minh chứng tiêu biểu cho sự tích hợp văn hóa nhân loại. Ở Người, có cả văn hóa dân tộc và các nền văn hóa trên thế giới để tạo nên một nền văn hóa mới - *văn hóa của tương lai* (lời của Ô-xíp Man-đen-xtam năm 1923). Không còn con đường nào khác, trách nhiệm cao nhất của người nghệ sĩ là phải tạo ra được thật nhiều những tác phẩm thực sự có chất lượng cả về nội dung tư tưởng lẫn hình thức nghệ thuật, thu hút được sự quan tâm của đông đảo công chúng trong và ngoài nước.

Có lẽ hơn một thập kỷ tranh luận đã đủ để có một cái nhìn minh bạch hơn về các vấn đề cốt tử của văn nghệ. Thái độ nhập cuộc của người nghệ sĩ với nhân dân, với Tổ quốc và CNXH sẽ là một bảo đảm vững chắc cho sự hưng thịnh của nền văn nghệ nước nhà. Chúng ta tin vào sự vững vàng của cả một dân tộc trên con đường phát triển : thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng một nước Việt Nam XHCN dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh sẽ tạo thế đứng và tầm cao mới cho mỗi văn nghệ sĩ. Và chắc chắn, trước mắt chúng ta sẽ là những vụ mùa bội thu như chúng ta vẫn từng mong ước. ❑

Digitized by Google

BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG VỚI CUỘC VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

ĐẶNG VŨ LIÊM *

Quán triệt và thực hiện Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 160 và Kế hoạch 161 của Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương về tiếp tục thực hiện NQTU 6 (lần 2) khóa VIII, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng đã đánh giá bước đầu về kết quả 2 năm thực hiện NQTU 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng của toàn Đảng bộ. Đảng ủy Bộ đội Biên phòng và cấp ủy các cấp đã chấp hành nghiêm túc việc quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết, phối hợp với cấp ủy địa phương, bám sát cơ sở chỉ đạo chặt chẽ có hiệu quả các bước, các khâu, từ việc quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện đến sinh hoạt tự phê bình và phê bình cũng như biện pháp khắc phục sửa chữa khuyết điểm, ở tất cả các Đảng ủy Bộ đội Biên phòng tỉnh, thành và đơn vị trực thuộc. Tập thể Đảng ủy và từng đảng ủy viên cũng tiến hành tự phê bình và phê bình nghiêm túc, chỉ rõ những ưu, khuyết điểm cơ bản, nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể và cá nhân trên cương vị, chức trách được giao. Trên cơ sở đó tập thể đảng ủy và từng cá nhân đảng ủy viên đã xây dựng chương trình hành động và kế hoạch sửa chữa những khuyết điểm, tồn tại.

Đảng ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, hướng mạnh về cơ sở ; quán triệt và thực hiện Quy định 54 của Bộ Chính trị về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng, chỉ đạo phát động toàn lực lượng học tập và làm theo lời Bác Hồ dạy Bộ đội Biên phòng ; tập trung giáo dục cán bộ, đảng viên về lý luận, quan điểm đường lối của Đảng, xác định rõ yêu cầu, nhiệm vụ công tác biên phòng trong tình hình mới ; kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện giảm sút ý chí chiến đấu, thiếu trách nhiệm trong công tác.

Đảng ủy đi sâu vào công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện, phẩm chất đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên ; quán triệt và triển khai thực hiện các Quy định 44 của Bộ Chính trị, Quy định 168 của Đảng ủy Quân sự Trung ương về những điều đảng viên không được làm ; Quy định 76 của Bộ Chính trị về thực hiện nhiệm vụ đảng viên ở nơi cư trú. Bộ Tư lệnh đã tổ chức sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị 282 của Bộ Quốc phòng về xử phạt một số vi phạm kỷ luật trong tình

(*) TS, Thiếu tướng, Bí thư Đảng ủy, Phó Tư lệnh chính trị, Bộ đội Biên phòng

Digitized by Google

hình hiện nay, trên cơ sở đó ra Chỉ thị số 101/CT-BTL ngày 20-2-2001 để thi hành Quyết định 2530/2000/QĐ-BQP của Bộ Quốc phòng, quy định và xử lý kỷ luật đối với những hành vi vi phạm chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự. Duy trì chế độ hằng quý, 6 tháng, hằng năm có thông báo về tình hình vi phạm kỷ luật, pháp luật trong lực lượng, rút ra nguyên nhân, biện pháp phòng ngừa. Ngoài thông báo định kỳ còn có các báo cáo, thông báo chuyên đề. Tăng cường thanh tra, kiểm tra các đơn vị thực hiện pháp luật, quy chế, quy định trong thực hiện nhiệm vụ và các mặt dễ phát sinh tiêu cực như tài chính, xây dựng cơ bản, tuyển sinh, đào tạo... Từ sau khi tiến hành tự phê bình và phê bình đến nay, thanh tra Bộ Tư lệnh và các đơn vị đã tổ chức thanh tra, kiểm tra 285 cuộc, phát hiện xử lý bằng các hình thức về chính quyền 46 trường hợp sai phạm.

Thanh tra Bộ Tư lệnh cũng tập trung chỉ đạo xác minh, kết luận đơn thư tố giác, phối hợp với các tỉnh ủy giải quyết tình hình đoàn kết ở một số đơn vị, ở một số nơi như Nghệ An, Quảng Ninh. Từ sau tự phê bình và phê bình đến nay, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy, Thanh tra Bộ Tư lệnh và các đơn vị đã tập trung giải quyết 219/332 đơn thư khiếu nại, tố cáo. Chỉ đạo rà soát lại các tổ chức đảng cấp dưới, những nơi nội bộ mất đoàn kết, những vấn đề còn tồn đọng đều được chỉ đạo xử lý xong mới tiến hành đại hội, gắn xây dựng chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình với công tác chuẩn bị đại hội các cấp, bảo đảm đại hội đạt được mục đích, yêu cầu đề ra.

Đảng ủy chỉ đạo các đảng bộ xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nghị quyết đại hội Đảng bằng các chương trình hành động cụ thể, thiết thực. Chỉ đạo củng cố các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng yếu kém, xây dựng nhiều đảng bộ nhiều năm đạt trong sạch, vững mạnh ; tổ chức tập huấn các cấp ủy, gắn xây dựng cấp ủy với xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện. Củng cố tổ chức đảng gắn với kiện toàn cán bộ chủ chốt các đơn vị, chấp hành nghiêm quy định của cấp trên về biên chế tổ chức. Đến nay 100% tổ chức đảng trực thuộc và đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh, thành đã có kế hoạch, chương trình hành động thực hiện nghị quyết Đại hội ; hầu hết các đảng bộ đã tổ chức tập huấn cấp ủy đạt kết quả tốt. Quán triệt, triển khai thực hiện Quy định 81 của Đảng ủy Quân sự Trung ương, quy định một số vấn đề cơ bản về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng bộ quân đội. Rà soát, bổ sung các quy chế, quy định của Đảng ủy như : Quy chế làm việc của Đảng ủy ; Quy chế lãnh đạo các mặt công tác tài chính, quân nhân chuyên nghiệp, công chức và công nhân viên quốc phòng. Chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc và Biên phòng các tỉnh, thành rà soát, bổ sung hoàn thiện quy chế để thực hiện thống nhất, đồng bộ.

Chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra của cấp ủy, Ủy ban kiểm tra các cấp đối với việc chấp hành các quy chế, quy định, chế độ nền nếp sinh hoạt. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách ; tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng. Chấn chỉnh phương pháp, tác phong làm việc và sự phối hợp trong tổ chức thực hiện của các cấp, giữa cấp ủy, chỉ huy các đơn vị. Coi trọng kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao. Từ sau tự phê bình và phê bình đến nay Ủy ban kiểm tra

Digitized by Google

Đảng ủy Bộ đội Biên phòng đã tiến hành kiểm tra 14 cuộc đối với 13 đơn vị có kết quả tốt. Qua kiểm tra đã phát hiện và đề nghị các cấp xử lý nhiều trường hợp sai phạm theo thẩm quyền.

Kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII đã tạo được chuyển biến cả về nhận thức, trách nhiệm, ý chí chiến đấu của các cấp ủy, cán bộ, đảng viên. Trước những tác động phức tạp của tình hình, thử thách trong thực tiễn, nhất là tình hình xảy ra ở Tây Nguyên vừa qua, các cấp ủy, chỉ huy đơn vị đã thể hiện vững vàng về chính trị, đề ra chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, kịp thời, chưa có trường hợp nào sai lầm, chệch hướng. Bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên vững vàng, kiên định, nêu cao tinh thần trách nhiệm hoàn thành tốt các nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất, đề cao cảnh giác, ứng phó kịp thời các tình huống đột xuất xảy ra trên biên giới.

Đã nâng cao ý thức trách nhiệm, tác phong gương mẫu của các cấp ủy viên và cán bộ chỉ huy các đơn vị trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, tác phong công tác. Khắc phục tình trạng mất đoàn kết nội bộ, tình trạng buông lỏng lãnh đạo trong quản lý tài chính, xây dựng cơ bản... ở một số đơn vị. Trước tác động tiêu cực của xã hội, hầu hết cán bộ,đảng viên giữ được phẩm chất, đạo đức, lối sống, đoàn kết gắn bó hơn trong nội bộ, với nhân dân. Trong thực hiện nhiệm vụ đã xuất hiện những tấm gương tiêu biểu về tinh thần dũng cảm hy sinh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Từ tháng 6-2000 đến nay đã có 390 tập thể và cá nhân được Nhà nước, Chính phủ, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng khen thưởng, trong đó có 22 tập thể và cá nhân được tặng thưởng Huân chương chiến công các loại, 18 tập thể và cá nhân được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 350 tập thể và cá nhân được tặng bằng khen của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

Các cấp ủy, tổ chức đảng trong toàn lực lượng đã chuyển biến về nhiều mặt, từng bước khắc phục những hạn chế, tồn tại ; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu được nâng lên. Đến nay 100% đảng ủy trực thuộc tỉnh, thành và hầu hết các cấp ủy cơ sở đã bổ sung hoàn thiện quy chế. Nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, giải quyết các mối quan hệ giữa cấp ủy, chỉ huy ở nhiều đơn vị có bước tiến bộ. Vai trò tập thể lãnh đạo được đề cao ; trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được phát huy. Khắc phục tình trạng độc đoán chuyên quyền, thiếu dân chủ, mất đoàn kết trong các đơn vị.

Bộ Tư lệnh đã ra chỉ thị về việc chấn chỉnh, xử lý những sai phạm trong công tác quản lý tài chính, tài sản và thực hiện kháng nghị của Viện kiểm sát quân sự về những vi phạm trong quản lý tài chính. Đã chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra và ra quyết định thu hồi 1,3 tỉ đồng thuộc các khoản kinh phí do các đơn vị chi sai nguyên tắc tài chính, sai mục đích sử dụng. Các đơn vị đã cơ bản thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 828 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về giải quyết xử lý việc cho thuê mặt bằng bến bãi, kho tàng thuộc đất quốc phòng, an ninh. Cơ quan Bộ Tư lệnh và hầu hết các đơn vị trực thuộc, các tỉnh thành biên phòng đã chấp hành nghiêm túc.

Tuy nhiên việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) vẫn còn những khuyết điểm chính sau :

Công tác tư tưởng còn thiếu biện pháp đồng bộ, toàn diện, chưa sát với từng đối tượng, tính chiến đấu và tính thuyết phục chưa cao, chưa làm chuyển biến sâu sắc đến

Digitized by Google

từng cán bộ, chiến sĩ, đến cơ sở. Một số cán bộ, đảng viên còn biểu hiện chủ quan, mất cảnh giác ; nhận thức âm mưu thủ đoạn của kẻ thù và tình hình nhiệm vụ mới chưa sâu. Khả năng vận dụng chủ trương đối sách, ứng phó với xử lý tình huống đột xuất, phức tạp còn lúng túng, ý thức và trình độ sẵn sàng chiến đấu chưa cao.

Có nơi sau tự phê bình và phê bình, sau đại hội không giải quyết dứt điểm mâu thuẫn cũ trong nội bộ, lại nảy sinh mâu thuẫn mới khiến cho đơn thư khiếu tố còn xảy ra ở một số đơn vị, không ít đơn thư nặc danh, phản ánh không đúng sự thật. Ở một số nơi vẫn còn biểu hiện không nói thẳng, nói thật một cách có tổ chức, nhưng lại phát ngôn tùy tiện, thiếu trung thực và lồng động cơ cá nhân khi bầu cử trong đại hội.

Phẩm chất đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên tuy có chuyển biến, song trước những tác động của cơ chế thị trường, một số cán bộ, đảng viên ở mức độ khác nhau còn bị chi phối bởi lối sống thực dụng như : chạy địa bàn nơi công tác, vun vén cá nhân ; tham ô công quỹ, nhận hối lộ, mua và sử dụng bằng giả, dùng công quỹ chi tiêu không đúng mục đích, gây lãng phí thất thoát. Một số cán bộ, đảng viên sống buông thả, vi phạm đạo đức, lối sống...

Năng lực lãnh đạo toàn diện và sức chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức đảng còn hạn chế. Chế độ, nội dung sinh hoạt Đảng ở cơ sở không thống nhất, chất lượng sinh hoạt chưa cao ; tổ chức thực hiện nghị quyết vẫn còn là khâu yếu ở nhiều nơi ; nhiều cấp ủy sau tự phê bình và phê bình, sau đại hội chậm rà soát bổ sung quy chế lãnh đạo ; việc duy trì thực hiện theo quy chế của một số cấp ủy chưa nghiêm. Có nơi còn vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ ; giải quyết mối quan hệ giữa cấp ủy, chỉ huy, giữa bí thư và chỉ huy trưởng có nơi chưa tốt ; còn buông lỏng lãnh đạo trong quản lý tài chính dẫn đến sai phạm như chi tiêu sai nguyên tắc hoặc thất thoát tiền của. Phương pháp, tác phong công tác của một số cấp ủy, chỉ huy đơn vị chưa sâu sát cơ sở, sâu sát thực tiễn, phát hiện và giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn ở cơ sở còn chậm.

Nguyên nhân của những khuyết điểm trên có nhiều, song có thể khái quát ở mấy điểm chính sau :

- Một số cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ, đúng mục đích, yêu cầu, nội dung của cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng theo tinh thần NQTƯ 6 (lần 2) nên chưa có chuyển biến mạnh trong hành động. Chưa coi xây dựng chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình là một việc làm thường xuyên của mỗi cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên.

- Một số cấp ủy viên, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên chưa đề cao tinh thần trách nhiệm, thiếu gương mẫu trong đấu tranh tự phê bình và phê bình, còn có biểu hiện lồng động cơ cá nhân thiếu trong sáng, thiếu xây dựng trong tự phê bình và phê bình ; không nghiêm túc với bản thân mình trong sửa chữa khuyết điểm. Tính đảng, tính nguyên tắc của một số ít cán bộ chỉ huy chưa cao, còn vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ.

- Một số cấp ủy nắm tình hình nội bộ chưa thật chắc, chỉ đạo, gợi ý tự phê bình và phê bình còn chung chung, thiếu cụ thể và nhất quán. Trong tự phê bình và phê bình chưa nói thẳng, nói thật, giải quyết chưa dứt điểm những vấn đề nổi cộm trong nội bộ. Việc chỉ đạo, kiểm tra khắc phục sửa chữa khuyết điểm sau tự phê bình và phê bình của các cấp ủy đối với cấp dưới chưa được coi trọng đúng mức ; phát hiện và uốn nắn

Digitized by Google

những sai sót lệch lạc chưa kịp thời, thiếu kiên quyết.

- Một số cấp ủy chưa làm tốt công tác kiểm tra ; chất lượng một số cuộc kiểm tra còn thấp.

- Cấp ủy, chỉ huy một số đơn vị chậm đổi mới tác phong lề lối làm việc, chưa sâu sát cơ sở, bám sát thực tiễn. Các cơ quan chức năng, nhất là cơ quan chính trị một số đơn vị chưa phát huy tốt vai trò tham mưu đề xuất, giúp cấp ủy trong hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc quán triệt, triển khai thực hiện NQTƯ 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, khắc phục, sửa chữa khuyết điểm trong đảng bộ. Ngược lại có nơi lại giao khoán, ủy thác cho cơ quan chính trị.

Có thể rút ra một số kinh nghiệm bước đầu qua 2 năm thực hiện NQTƯ 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong BĐBP là :

- Quán triệt sâu sắc, nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng trong quân đội nói chung và Bộ đội Biên phòng nói riêng. Nắm chắc sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, vận dụng đúng đắn, sáng tạo vào tình hình cụ thể của đảng bộ. Gắn việc quán triệt triển khai ở cấp mình với chỉ đạo quán triệt, triển khai của cấp dưới. Thường xuyên kiểm tra đôn đốc, kịp thời phát hiện uốn nắn những thiếu sót, khuyết điểm trong quá trình thực hiện, có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo sát tình hình thực tế.

- Đề cao trách nhiệm của cấp ủy, phát huy vai trò của các cơ quan chức năng, nắm vững tình hình từng cấp ủy, từng cơ sở, căn cứ vào yêu cầu cuộc vận động, tự phê bình và phê bình, vào tình hình thực tế để chỉ đạo sát với từng tập thể và cá nhân, tránh chung chung, đại khái. Chủ động phối hợp chặt chẽ với các tỉnh, thành ủy để thống nhất chủ trương, biện pháp chỉ đạo đối với Đảng bộ Bộ đội Biên phòng các tỉnh, thành.

- Phát huy tốt dân chủ, đề cao trách nhiệm của cấp ủy, nhất là thường vụ và chỉ huy trong tự phê bình và phê bình ; tiếp thu và sửa chữa khuyết điểm nghiêm túc, kịp thời. Duy trì tự phê bình và phê bình thành nền nếp, chế độ thường xuyên ; tăng cường kiểm tra kịp thời chấn chỉnh những biểu hiện lợi dụng tự phê bình và phê bình vì mục đích cá nhân, thiếu ý thức xây dựng.

- Gắn thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình với xây dựng cơ quan đơn vị vững mạnh toàn diện. Quá trình tổ chức thực hiện cuộc vận động phải gắn với việc lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của đơn vị. Coi trọng xây dựng, bổ sung hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt các quy chế, quy định của cấp ủy, chỉ huy các cấp, để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng, bồi dưỡng và rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Từ những kết quả và kinh nghiệm bước đầu, để tiếp tục thực hiện NQTƯ 6 (lần 2) khóa VIII, Bộ đội Biên phòng tập trung vào những vấn đề chính sau :

1 - Chỉ đạo các cấp quán triệt và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 02 của Bộ Chính trị và Chỉ thị của 160 của Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương, đánh giá đúng thực chất kết quả 2 năm thực hiện NQTƯ 6 (lần 2) trong Đảng bộ. Làm rõ những ưu, khuyết điểm, tồn tại, nguyên nhân của tình hình, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch, bổ sung chương trình hành động trong thời gian tới. Coi trọng việc đề ra chủ trương, biện pháp khắc phục mặt yếu, khâu yếu. Gắn kế hoạch thực hiện NQTƯ 6 (lần 2) với tiếp

Digitized by Google

tục quán triệt, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 33 của Đảng ủy Quân sự Trung ương về chấn chỉnh tổ chức lực lượng, nghị quyết đại hội các cấp.

2 - Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng, hướng mạnh về cơ sở ; tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Điều lệ Đảng khóa IX. Triển khai có chiều sâu cuộc vận động học tập và làm theo lời Bác Hồ dạy Bộ đội Biên phòng, tạo sự chuyển biến về nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy và cán bộ, đảng viên ; xây dựng nội bộ đoàn kết thống nhất, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3 - Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra chấn chỉnh công tác quản lý rèn luyện kỷ luật ở các đơn vị. Tổ chức sơ kết việc thực hiện Quy định 55 của Bộ Chính trị và 168 của Đảng ủy Quân sự Trung ương về những điều đảng viên không được làm, trên cơ sở sơ kết có chủ trương, biện pháp chỉ đạo cụ thể, sát thực. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan kiểm tra, thanh tra và các cơ quan bảo vệ pháp luật giải quyết dứt điểm các vụ việc. Xử lý kiên quyết các sai phạm, bảo đảm sự nghiêm minh, công bằng, dân chủ thực sự ở các đơn vị. Ban hành quy định quản lý đảng viên trong Bộ đội Biên phòng, phấn đấu giảm tỷ lệ đảng viên vi phạm kỷ luật, không để xảy ra vi phạm kỷ luật nghiêm trọng.

4 - Tổ chức quán triệt, thực hiện các quy định mới của Ban Bí thư, của Đảng ủy Quân sự Trung ương về tổ chức đảng, tổ chức cơ quan chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện và ban hành mới các quy chế, quy định của các cấp ủy, tổ chức đảng gắn với bổ sung hoàn thiện quy chế của chỉ huy bảo đảm đồng bộ, thống nhất. Chủ động dự thảo và đề xuất cấp trên ban hành các quy chế phối hợp giữa Đảng ủy Bộ đội Biên phòng với đảng ủy các quân khu và các tỉnh, thành ủy để tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo Bộ đội Biên phòng ở các tỉnh, thành.

5 - Chỉ đạo hoàn thành có chất lượng việc rút kinh nghiệm về xây dựng cấp ủy trong sạch vững mạnh, xây dựng chi bộ đơn vị chiến đấu, các chi ủy đổi mới nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, để có chủ trương chỉ đạo tiếp theo. Tập trung xây dựng, củng cố các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, nhất là những nơi còn có những mặt yếu kém, phát huy tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo của đảng ở cơ sở. Tăng cường công tác kiểm tra của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp, coi trọng kiểm tra việc thực hiện chương trình hành động khắc phục sửa chữa khuyết điểm của các cấp ủy, cán bộ, đảng viên. Chấn chỉnh các đơn vị có biểu hiện mất đoàn kết trong cấp ủy, chỉ huy. Xây dựng và chỉ đạo chế độ, nền nếp, nội dung sinh hoạt tự phê bình và phê bình của các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên, đưa tự phê bình và phê bình vào nền nếp thường xuyên.

6 - Cải tiến sinh hoạt Đảng ủy, Thường vụ Bộ Tư lệnh dành nhiều thời gian để các đồng chí trong Thường vụ định kỳ tăng cường đi kiểm tra cơ sở.

7 - Hướng dẫn, chỉ đạo chặt chẽ việc phân loại cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng và phân tích chất lượng đảng viên năm 2001, bảo đảm đúng thực chất để có biện pháp cụ thể, sát thực chỉ đạo xây dựng các cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên những năm sau. ❑

Digitized by Google

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THỊ VY

CẢI cách hành chính là nhiệm vụ quan trọng, rộng lớn liên quan đến nhiều lĩnh vực, phải được tiến hành đồng bộ trong tổng thể đổi mới hệ thống chính trị, gắn với cải cách bộ máy nhà nước nói chung. Vấn đề này đã được khẳng định trong Nghị quyết Đại hội VII, VIII, IX của Đảng. Công cuộc cải cách hành chính trong 10 năm qua (1991 - 2000) đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) đã ra Nghị quyết :"Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính nhà nước". Nghị quyết 38/CP của Chính phủ ban hành ngày 4-5-1994 về "Cải cách một bước thủ tục hành chính trong việc giải quyết công việc của công dân và tổ chức". Gần đây, ngày 17 tháng 9 năm 2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định phê duyệt ***"Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010"***. Những chủ trương chính sách trên của Đảng và Nhà nước chứng tỏ cải cách hành chính nhà nước giữ vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Thành phố Hồ Chí Minh với nhiều điều kiện thuận lợi về chủ quan, khách quan đã và đang có những lợi thế phát triển so với nhiều địa phương khác trong cả nước. Thành phố là một trung tâm lớn về kinh tế, khoa học kỹ thuật, giáo dục, văn hóa... là đầu mối giao thông cả về đường thủy, đường bộ, đường hàng không, có vị trí thuận lợi về giao lưu quốc tế. Thành tựu về kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng 26 năm qua là minh chứng về những điều đó. So với cả nước, thành phố chỉ chiếm khoảng 0,6% diện tích, khoảng 6,6% dân số, nhưng giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn chiếm tỷ trọng 29,3% ; đóng góp 18,9% GDP và 34,9% nguồn thu ngân sách nhà nước. Tốc độ tăng trưởng GDP của thành phố giai đoạn 1991 - 1995 là 12,62%, gấp 1,53 lần so với tốc độ tăng trưởng của cả nước (8,24%). Giai đoạn 1996 - 2000, tốc độ tăng trưởng có chậm lại, chỉ đạt 10,20% nhưng vẫn gấp 1,47 lần so với tốc độ tăng trưởng của cả nước. Trong quá trình phát triển, thành phố Hồ Chí Minh luôn được sự quan tâm của các cơ quan trung ương và các cấp lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Từ năm 1982, Nghị quyết 01 NQ/TU của Bộ Chính trị xác định thành phố Hồ Chí Minh có vị trí quan trọng sau thủ đô Hà Nội. *Mặc dù có sự quan tâm như vậy nhưng hình như tiềm năng, thế mạnh, tinh thần năng động, sáng tạo của thành phố vẫn chưa được khai thác tốt nhất ?* Có nhiều nguyên nhân, nhưng có lẽ điều trực tiếp gây cản trở sức bứt phá của thành phố là do chậm cải cách nền hành chính nhà nước, nhất là cải cách

Digitized by Google

thủ tục hành chính chưa theo kịp với đòi hỏi của cuộc sống.

Nhận ra điều đó, để đưa chủ trương cải cách hành chính của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống, thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện thí điểm từ năm 1996 **ở quận 1, quận 5 và huyện Củ Chi** cải cách hành chính theo mô hình *"một cửa, một dấu"*. Kết quả sau 5 năm thực hiện cho thấy, mô hình thí điểm này bước đầu có kết quả, việc giải quyết các thủ tục hành chính cho nhân dân và các tổ chức đơn giản, thuận tiện, nhanh chóng, công khai, dân chủ hơn nhiều. *Từ tháng 6 năm 1997 đến nay, mô hình cải cách này không chỉ dừng lại ở 3 quận, huyện trên mà đã triển khai tại 22 quận, huyện của thành phố và tiến hành thí điểm cơ chế một cửa tại 6 đơn vị cấp sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.*

Là địa phương đầu tiên trong cả nước thực hiện thí điểm cải cách hành chính theo mô hình *"một cửa, một dấu"*, thành phố Hồ Chí Minh nhận thức trách nhiệm quan trọng của mình trong cải cách kinh tế và cải cách nền hành chính quốc gia. *Thành phố cho rằng cải cách hành chính là công việc nhạy cảm, khó khăn, phức tạp ; liên quan đến nhiều vấn đề trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội ; đòi hỏi phải có thời gian, có sự nghiên cứu vừa công phu, vừa phải sát hợp với thực tiễn ; kiên quyết, thận trọng, đồng bộ từ trên xuống, dưới lên ; coi trọng, khuyến khích những sáng kiến, thử nghiệm của địa phương, cơ sở ; xác định khâu đột phá trong từng giai đoạn, tìm ra động lực để thúc đẩy các hoạt động cải cách tiếp theo...*

Cơ chế ***"một cửa"*** được hình thành trong quá trình thực hiện mục tiêu cải cách thủ tục hành chính, nhằm thay thế cho cơ chế *"nhiều cửa"* trong quan hệ giải quyết thủ tục hành chính giữa các cơ quan công quyền với người dân và các tổ chức chính trị - xã hội ; giữa các cơ quan công quyền với nhau. Mục tiêu của cơ chế ***"một cửa"*** là đơn giản hóa các thủ tục hành chính ; giảm bớt phiền hà, sách nhiễu của các cơ quan công quyền cũng như các cán bộ, công chức được ủy quyền ; bảo đảm công khai, rõ ràng, thông suốt quy trình giải quyết các thủ tục hành chính ; tiết kiệm công sức và chi phí, tăng cường sự giám sát của người dân đối với các cơ quan công quyền, công chức.

Quy chế ***"một dấu"*** của UBND quận, huyện có nghĩa là khẳng định **ở một cấp chính quyền chỉ có một pháp nhân công quyền duy nhất,** các phòng ban chuyên môn chỉ là cơ quan tham mưu, giúp việc cho UBND chứ không phải là pháp nhân riêng. Tổ chức khu hành chính tập trung tại trụ sở UBND quận, huyện ; tiến hành thu hồi dấu của các phòng, ban chuyên môn, chỉ sử dụng dấu quốc huy duy nhất của UBND trong mọi hoạt động điều hành ; ủy quyền hay không ủy quyền cho một số trưởng phòng ký một số loại văn bản thuộc lĩnh vực chuyên môn ; công việc thuộc thẩm quyền của UBND do chủ tịch, phó chủ tịch và ủy viên UBND ký, giải quyết theo sự phân công của chủ tịch, đóng dấu UBND quận, huyện.

TP. Hồ Chí Minh đã lựa chọn mô hình cải cách hành chính theo cơ chế **"một cửa, một dấu"** cấp quận, huyện làm khởi đầu cho tiến trình CCHC của thành phố vì những lý do sau :

Thứ nhất, thành phố Hồ Chí Minh là một thành phố có nhiều đặc thù về kinh tế - xã hội ; quận, huyện là cấp chính quyền trung gian giữa thành phố với cấp cơ sở phường, xã ; cải cách hành chính cấp quận, huyện sẽ là khâu quan trọng trong chuỗi các mắt xích của tiến trình cải cách hành chính của thành phố, thông qua việc sắp xếp lại các hoạt động

Digitized by Google

quản lý nhà nước giữa các cấp từ phường, xã đến quận, huyện và thành phố ; xác định và điều chỉnh lại chức năng, mối quan hệ và tổ chức hoạt động giữa các cấp chính quyền với các cơ quan sở, ngành của thành phố.

Thứ hai, cải cách theo cơ chế *"một cửa, một dấu"* chính là tạo tiền đề cho mục tiêu phân cấp quản lý qua việc điều chỉnh *"chức năng và cơ cấu"* bộ máy hành chính của thành phố hợp lý và khoa học. Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra và giám sát của cơ quan cấp trên đối với cơ quan cấp dưới. Phân định rõ chức năng quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ nhằm tăng cường chức năng của từng cơ quan, sắp xếp và chuyển giao chức năng theo đúng qui định của pháp luật, xác định rõ mối quan hệ giữa các cơ quan.

Cơ chế *"một cửa, một dấu"* là bước khởi đầu nhằm chấn chỉnh lại hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn quận, huyện lâu nay đã trở nên cồng kềnh, nặng nề, kém hiệu quả, đặc biệt là trong lĩnh vực thủ tục hành chính. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền cấp quận, huyện sẽ thay đổi trên cơ sở phân định rõ chức năng quản lý nhà nước và hoạt động sự nghiệp, tiến tới cơ cấu lại tổ chức bộ máy của UBND cấp quận, huyện phù hợp với phương thức hoạt động mới, làm điểm tựa cho những bước cải cách tiếp theo.

Thứ ba, kết quả cải cách hành chính cấp quận, huyện sẽ có tác dụng tích cực đối với cả ba cấp chính quyền địa phương (thành phố, quận, huyện và phường, xã, thị trấn) ; đòi hỏi sự chuyển đổi ở ba cấp về các lĩnh vực : thể chế, bộ máy và công chức ; tạo sự thông suốt giữa các cấp. Đồng thời việc cải cách có ảnh hưởng lớn đến mối quan hệ giữa chính quyền với nhân dân vì một khối lượng lớn công việc (trên 80%) do cấp quận, huyện thực hiện có liên quan đến người dân thông qua thủ tục hành chính. Xác định biên chế và tinh giản biên chế đến mức cần thiết ở tất cả các cơ quan hành chính tại thành phố trên cơ sở điều chỉnh hợp lý tổ chức bộ máy theo chức năng, nhiệm vụ.

Thứ tư, là khâu đột phá của tiến trình cải cách hành chính, cơ chế *"một cửa, một dấu"* cấp quận, huyện vừa có ý nghĩa lý luận, vừa mang tính thực tiễn. Cơ sở lý luận xuất phát từ nguyên tắc phân định rành mạch và phối hợp giữa quản lý nhà nước theo vùng lãnh thổ với quản lý theo ngành tại địa phương. Tính thực tiễn nổi bật của cơ chế phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, thích ứng với sự phát triển kinh tế, đời sống và xã hội của thành phố.

Sau 5 năm thực hiện cải cách hành chính theo cơ chế "một cửa, một dấu" bước đầu có thể khẳng định những kết quả đạt được như sau :

Một là, rà soát và điều chỉnh lại các quy định về thủ tục hành chính theo hướng bỏ bớt những thủ tục không cần thiết, không phù hợp, không đúng thẩm quyền, không đúng chức năng, giảm phiền hà cho dân. Thành phố đã rà soát 7 300 văn bản ; kiến nghị cấp trên bổ sung, sửa đổi 103 văn bản ; bãi bỏ 365 văn bản cấp sở, ngành. Xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của các phòng, xác định mối quan hệ giữa phòng với lãnh đạo UBND và các đơn vị khác trong UBND. Lựa chọn, bố trí, sắp xếp cán bộ cho phù hợp giữa yêu cầu, vị trí, chức danh của công tác với năng lực, chuyên môn và phẩm chất. Tổ chức đào tạo lại đội ngũ công chức nhằm đáp ứng yêu cầu công việc theo mô hình mới. Trong 5 năm qua có 1 409 công chức được bồi dưỡng về quản lý nhà nước, 66 công chức học trung cấp hành chính, 14 076 lượt người được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, 392 công chức được bồi dưỡng về công tác tổ

Digitized by Google

chức. Thực hiện thí điểm khoán quỹ lương và chi phí hành chính ở 10 đơn vị đạt kết quả tốt. Tăng cường điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nhu cầu hiện đại hóa hoạt động quản lý nhà nước tại UBND quận, huyện. Tổ chức lưu trữ tập trung, đưa công nghệ thông tin vào các quy trình hoạt động của UBND quận, huyện nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động.

Hai là, sắp xếp lại tổ chức bộ máy của UBND quận, huyện theo hướng tinh gọn, hiệu quả, trên cơ sở phân định rõ chức năng của các phòng, từng bước thu gọn tổ chức phòng tiến tới chuyển cơ cấu từ phòng chuyên môn thành cơ cấu tổ chuyên viên (hoặc phòng quản lý đa ngành) theo 4 nhóm ngành : **nội chính, kinh tế, văn xã và đô thị**. Việc làm này nhằm vừa tăng cường chức năng tham mưu giúp việc cho UBND về quản lý nhà nước theo ngành, tách chức năng sự nghiệp ra khỏi chức năng quản lý nhà nước của UBND, chuyển giao các hoạt động về sự nghiệp cho các đơn vị chuyên trách. Cấp sở, ngành thành phố giảm từ 58 đầu mối xuống còn 31 đầu mối ; đã sáp nhập một số cơ sở, ngành ; sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp và sản xuất kinh doanh. Thành lập 7 tổng công ty do hợp nhất từ 106 doanh nghiệp, 52 doanh nghiệp công ích, cổ phần hóa 42 công ty... Cấp phường, xã từ 12 ban giảm xuống còn 3 ban, giảm biên chế được 2 108 người. Cấp quận, huyện giảm từ 21 phòng, ban chuyên môn xuống còn 11 phòng, ban đối với cấp quận và 13 phòng, ban đối với cấp huyện, giảm được 447 biên chế...

Đối với nhân dân, việc tách riêng khâu nhận hồ sơ và khâu thụ lý hồ sơ làm cho quan hệ giữa người nộp và người thụ lý hồ sơ độc lập với nhau, giảm bớt hiện tượng nhũng nhiễu, phiền hà của cán bộ, công chức đối với người dân. Giảm bớt một số thủ tục không cần thiết, công khai hóa các quy trình thủ tục rõ ràng, thời hạn giải quyết và lệ phí giúp cho người dân tránh được sự tốn kém về thời gian và vật chất trong giải quyết thủ tục hành chính, tạo cho họ một tâm trạng thoải mái, giải tỏa những thắc mắc do sự thiếu minh bạch, rõ ràng trước đây.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cơ chế *"một cửa, một dấu"* đã xuất hiện một số khó khăn, vướng mắc cần phải có biện pháp tháo gỡ phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương và quy định của hệ thống pháp luật hiện hành.

- Việc thực hiện cải cách hành chính theo cơ chế *"một cửa, một dấu"* đã làm cho hoạt động của tổ chức bộ máy UBND cấp quận, huyện của thành phố được cải tiến một bước theo hướng nhanh, gọn, hiệu quả, song đây mới chỉ là cải cách ở cấp trung gian chưa mang tính triệt để bởi thành phố chưa giải quyết được quy trình *"một cửa"* trong quan hệ hành chính giữa các cơ quan với nhau. Cụ thể là giữa các cơ quan thuộc các cấp : phường, xã, huyện, sở, ban ngành với UBND thành phố. Nghĩa là vẫn còn bị *"đứt khúc"* từ khâu quận, huyện, sở, ngành hoặc giữa các sở, ngành với nhau hoặc giữa các quận, huyện, sở ngành với UBND thành phố. Người dân hoặc các tổ chức có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính vẫn phải qua *"nhiều cửa"* do phải tự chuyển hồ sơ sau khi đã được giải quyết ở cấp quận, huyện lên sở, ngành hoặc từ sở, ngành này đến sở, ngành khác.

- UBND thành phố Hồ Chí Minh rất quan tâm tới việc phân cấp cho cấp quận, huyện. Song, trong thực tế, quyền hạn của cán bộ quản lý trong việc điều hành, giải quyết công việc cấp quận, huyện vẫn còn chưa tương xứng với trách nhiệm của họ trước nhân dân. Nhiều lãnh đạo cấp quận, huyện phải chịu

Digitized by Google

trách nhiệm cao đối với giải quyết công việc theo thẩm quyền, thông qua bộ máy giúp việc, nhưng quyền hạn của họ còn bị hạn chế, không được chủ động trong công tác cán bộ và sắp xếp bộ máy giúp việc để đáp ứng đúng nhiệm vụ được giao.

- Đội ngũ cán bộ, công chức của UBND quận, huyện những năm gần đây tuy đã có nhiều chuyển biến về chất, song theo số liệu điều tra cho thấy vẫn có gần 1/3 cán bộ, công chức còn ít thay đổi phong cách, lề lối làm việc, trong khi mô hình hoạt động mới của UBND quận, huyện đòi hỏi người công chức phải không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tận tụy với công việc, ý thức trách nhiệm cao... mới đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến hiệu quả hoạt động phục vụ của công chức chưa cao, trong đó có nguyên nhân bản thân họ là chủ thể đồng thời cũng lại là khách thể của cải cách nền hành chính nhà nước. Tâm lý chung là họ không muốn mất đặc quyền, đặc lợi vốn có do cơ chế cũ đem lại, mặt khác chế độ chính sách của Nhà nước hiện nay đối với đội ngũ cán bộ công chức làm việc ở phòng tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ hành chính của các quận huyện thực hiện cải cách theo cơ chế *"một cửa, một dấu"* chưa được thỏa đáng với trách nhiệm và những đóng góp của họ. Chính vì thế mà mô hình mới chỉ đạt được ở mức *"được lòng dân"* mà chưa được đông đảo đội ngũ cán bộ công chức nhiệt tình ủng hộ. Đây cũng là một trong những khó khăn lớn làm cho việc thực hiện cải cách hành chính mô hình này bị cản trở.

Để hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động của cơ chế *"một cửa, một dấu"* cấp quận, huyện thành phố Hồ Chí Minh cần chú ý một số giải pháp sau.

Thứ nhất, bảo đảm tăng cường tính hệ thống, thống nhất của mô hình "một cửa, một dấu" là điều kiện quan trọng hàng đầu.

Mô hình *"một cửa, một dấu"* đụng chạm đến ba bộ phận cấu thành của một nền hành chính. Tính chất này đòi hỏi các bộ phận cấu thành hệ thống phải bảo đảm được thứ bậc, tính quyền lực - trực thuộc trong quản lý hành chính và phải có sự liên kết, phối hợp với nhau một cách chặt chẽ dưới sự điều khiển tập trung, thống nhất từ một trung tâm để tạo thành một chỉnh thể thống nhất. Tính hệ thống là tính tất yếu của tổ chức hành chính và cũng chính là một yêu cầu có tính điều kiện đối với sự tồn tại và phát triển mô hình *"một cửa, một dấu"*.

Quy trình hoạt động quản lý nhà nước giữa các cấp thuộc bộ máy hành chính của địa phương từ cấp quận, huyện đến cấp thành phố là quan hệ ba chiều, trong đó hai chiều theo mặt phẳng (quan hệ ngang) là những phần công việc được tổ chức thực hiện tại cơ quan UBND cấp quận, huyện hoặc tại sở, ngành, còn chiều thứ ba là mối quan hệ "dọc" giữa cấp quận, huyện với cấp sở ngành hoặc với UBND thành phố thì cơ chế *"một cửa, một dấu"* cấp quận, huyện và tại sở, ngành như hiện nay mới chỉ giải quyết theo mặt phẳng, chưa kể mối quan hệ giữa UBND thành phố và các sở, ngành với Chính phủ và các bộ. Nghĩa là tính hệ thống vẫn còn bị "cắt khúc" những vướng mắc trong cơ chế *"một cửa, một dấu"* cũng phát sinh từ đó.

Để đảm bảo tính hệ thống cần phải tiến hành cuộc thử nghiệm một cách đồng bộ. Nghĩa là các bộ phận, đơn vị có liên quan đến mô hình, dù liên hệ dọc hay ngang cũng đều có sự chuẩn bị tham gia vào mô hình theo một thiết kế tổng thể thống nhất.

Thứ hai, tăng cường tính pháp chế.

Tính pháp chế là một trong những yêu cầu có tính nguyên tắc trong tổ chức bộ máy nhà

Digitized by Google

nước nói chung và tổ chức bộ máy hành chính nhà nước nói riêng. Tính chất này đòi hỏi phải có một hệ thống pháp luật đầy đủ và hữu hiệu ; các cơ quan hành chính và các công chức trong tổ chức, hoạt động của mình phải lấy pháp luật làm căn cứ cho mọi hoạt động và hành vi hành chính của mình ; chịu sự giám sát từ các cơ quan đại diện, từ nhân dân. Yêu cầu này được biểu hiện một cách cụ thể như tuân thủ quy chế công chức, công vụ ; chấp hành nghiêm túc chế độ thứ bậc, quyền lực trực thuộc : cấp dưới phục tùng cấp trên, nhân viên phục tùng thủ trưởng, cả nước phục tùng trung ương ; xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm pháp luật...

Việc thực hiện thí điểm tổ chức hoạt động theo mô hình *"một cửa, một dấu"* tuy được phép của Thủ tướng Chính phủ vẫn là một việc làm chưa có tiền lệ và nền tảng pháp lý. Trong một nền hành chính còn có phần lạc hậu và quan liêu, mô hình *"một cửa, một dấu"* không có thiết kế chi tiết, đồng bộ từ Trung ương mà như một "sáng tạo" từ cấp chính quyền trung gian ở địa phương, chắc chắn sẽ gặp nhiều khó khăn, ách tắc. Nếu không có sự **"đặc cách"** cho phép mạnh dạn thoát khỏi những thủ tục hiện hành thì mô hình thử nghiệm này cũng khó vận hành chứ chưa nói đến sự hoạt động mạnh hơn để thành phổ biến.

Tuy vậy, trong trường hợp này vấn đề cần lưu ý là mức độ, quy mô cách thức tìm tòi, sáng tạo sao cho thích hợp, không để lại khó khăn cho người dân và tổ chức khi họ chuyển đi, tiếp xúc với cơ quan quản lý hành chính khác hoặc vấn đề giá trị pháp lý của các hồ sơ, giấy tờ.

Sự phân tích trên cho thấy muốn thu dấu phòng ban thì phải xóa sự tồn tại của chế độ phòng ban, thay vào đó bằng chế độ chuyên viên (tất nhiên với chế độ chuyên viên thì lại càng không cho phép sự ủy quyền và đóng dấu như thế). Nếu không giải quyết một cách triệt để, hợp lý và hợp pháp, vấn đề "một dấu" rất dễ trở lại tình trạng thay hình thức dấu này bằng hình thức dấu khác mà không làm thay đổi bản chất vấn đề.

Thứ ba, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, đội ngũ cán bộ, công chức.

Để thực hiện mô hình *"một cửa, một dấu"*, có một loạt vấn đề cụ thể nảy sinh, liên quan đến điều kiện kinh tế - xã hội của thành phố, đòi hỏi phải giải quyết. Trước tiên là trụ sở làm việc chung của UBND quận, huyện và các phòng ban trực thuộc UBND. Việc "gom" chung các cơ quan chuyên môn của UBND về một trụ sở, ngoài tạo thuận lợi cho người dân liên hệ giải quyết công việc còn đem lại một số lợi ích khác cho cơ quan quản lý hành chính như thu hồi được một số trụ sở để sử dụng vào mục đích có hiệu quả cao hơn ; giảm bớt biên chế (về văn thư, bảo vệ, đánh máy...) ; giảm bớt chi phí xăng dầu, giao thông liên lạc, công văn giấy tờ cách bức, tăng mối quan hệ trực tiếp phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị, đầu mối có liên quan. Lợi ích của việc hình thành khu hành chính tập trung là rõ ràng. Nhưng vấn đề là tìm nguồn kinh phí, địa điểm và trang thiết bị cho một trụ sở cũng là một điều có nhiều khó khăn.

Ngoài ra, việc khẳng định vị trí, chức năng, mô hình tổ chức... của bộ máy quản lý hành chính quận, huyện đang còn nhiều ý kiến khác. Điều này làm ảnh hưởng nhất định đến quyết định của những người có thẩm quyền về việc xây dựng khu hành chính tập trung có quy mô tương xứng với vị trí pháp lý của nó hiện nay. Tính thích nghi của mô hình thí điểm còn đòi hỏi phải chú ý đến vấn đề chất lượng đội ngũ công chức.

Digitized by Google

Để thực hiện thành công mô hình *"một cửa, một dấu"* phải giải quyết vấn đề chất lượng đội ngũ công chức. Điều này liên quan đến chế độ tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đề bạt, đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ, công chức v.v...

Thứ tư, tăng cường và bảo đảm dân chủ.

Mô hình *"một cửa, một dấu"* mang tính dân chủ rõ ràng, bởi vì khi đưa ra mô hình này là nhằm vào việc thực hiện một "đầu mối" trách nhiệm trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính cho người dân, tránh sự đùn đẩy cũng như sự chồng chéo lẫn nhau trong quan hệ giữa các bộ phận, cơ quan có liên quan, từ đó dẫn đến sự phiền hà, khó khăn cho người dân. Tuy vậy, khi khẳng định tính tích cực của cơ chế *"một cửa"*, cũng cần xem xét mặt tiêu cực có thể xảy ra của nó là gì về tính chất dân chủ.

Chẳng hạn, chỉ có *"một cửa"* duy nhất để giải quyết yêu cầu của người dân, vậy khi người dân có vướng mắc gì đó với người tiếp nhận và cảm thấy không yên tâm khi đến liên hệ để giải quyết công việc của mình liệu người dân còn có "cửa" nào khác để đến không ? Đó là điều mà *"một cửa, một dấu"* cần giải quyết, nếu không tính chất dân chủ của mô hình sẽ chưa thể toàn vẹn.

Thứ năm, cải cách hành chính phải xuất phát từ đặc điểm của địa phương đồng thời có tranh thủ tham khảo, học hỏi kinh nghiệm của các nước trong khu vực và thế giới.

Yêu cầu tiếp tục hoàn chỉnh, cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ của cơ chế *"một cửa, một dấu"* theo hướng nhanh, gọn, đúng pháp luật đòi hỏi các cấp quận, huyện phải xây dựng được quy trình hành chính cụ thể hơn nữa. Phải có sự kiểm tra chặt chẽ từng công đoạn gắn liền với trách nhiệm, quyền hạn của mỗi cán bộ, công chức. Đồng thời phải nêu rõ được cách khắc phục khi có vi phạm trong thực hiện quy trình. Hiện nay, quận 1 của thành phố đã thực hiện ứng dụng tiêu chuẩn ISO 9002 vào quản lý hành chính thí điểm trên 4 lĩnh vực : *cấp phép xây dựng và sửa chữa nhà ở riêng lẻ ; đăng ký kinh doanh hộ cá thể ; xác nhận hồ sơ đăng ký kinh doanh dịch vụ văn hóa, hoạt động văn hóa ; chứng nhận bản sao và hợp đồng ủy quyền.* Quá trình thực hiện cho thấy có nhiều kết quả khả quan. Chương trình xử lý hồ sơ được niêm yết công khai với quy định cụ thể trách nhiệm của từng chức danh ở mỗi công đoạn. Đây cũng là một hướng cải cách mới của mô hình *"một cửa, một dấu"* đề cao trách nhiệm phục vụ công dân của cán bộ, công chức và các cơ quan quản lý hành chính nhà nước. Vì thế, UBND thành phố Hồ Chí Minh cần xúc tiến phân tích, đánh giá để có thể rút kinh nghiệm, triển khai trên diện rộng toàn thành phố. Chương trình này theo mẫu cải cách hành chính ở một số nước ASEAN tiến hành từ nhiều năm nay.

Cơ chế quản lý hành chính theo kiểu *"một cửa, một dấu"* là một mô hình mang tính khả thi đã được kiểm nghiệm qua hai đợt thí điểm Tuy nhiên, nó vẫn còn bộc lộ một số vấn đề cần tiếp tục xử lý, hoàn chỉnh. Để thực hiện được mục đích đó, vấn đề cốt lõi là phải xây dựng được đội ngũ cán bộ công chức tinh thông nghiệp vụ, tận tụy với dân, gắn liền với cuộc vận động chống quan liêu, tham nhũng... Đây là việc làm có ý nghĩa quan trọng quyết định sự phát triển của bất cứ quốc gia nào, đặc biệt là Việt Nam, đang trên con đường phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ❑

Digitized by Google

BÀ RỊA - VŨNG TÀU : CHẶNG ĐƯỜNG PHẤN ĐẤU 10 NĂM

TRẦN VĂN KHÁNH *

NGÀY 12 tháng 8 năm 1991, theo Nghị quyết của kỳ họp thứ IX, Quốc hội khóa VIII, tỉnh ***Bà Rịa - Vũng Tàu*** với diện tích 1 975,14 km² (chiếm 0,6% diện tích và 0,92% dân số cả nước) được thành lập bao gồm 5 đơn vị hành chính : thành phố *Vũng Tàu ; các huyện Côn Đảo, Châu Thành* (sau thành thị xã Bà Rịa, huyện Châu Đức và Tân Thành), *Long Đất, Xuyên Mộc*. Tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có lợi thế về nhiều mặt để phát triển các ngành : dầu khí, du lịch, thủy sản, công nghiệp... Đây là một khu vực kinh tế năng động với nhịp độ phát triển hằng năm cao. Sau 10 năm thành lập, Bà Rịa - Vũng Tàu là một trong số ít tỉnh, thành có tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trong 4 năm qua cao nhất nước (15% - 20%/năm) ; đứng sau thành phố Hồ Chí Minh về nộp ngân sách nhà nước.

Mười năm - một chặng đường.

Ngay từ khi mới thành lập, cơ cấu kinh tế của tỉnh đã được xác định là : công nghiệp (CN) - dịch vụ (DV) - nông nghiệp (NN). Năm 1992, tỉ lệ này là 80,4% - 13,8% - 5,37%. Cơ cấu kinh tế này phù hợp với tiềm năng và thế mạnh của tỉnh nên đã được duy trì trong nhiều năm. Gần đây, theo yêu cầu của tình hình mới, có xu hướng chuyển dịch tích cực, tăng tỉ trọng CN và DV, giảm tỉ trọng NN mặc dù NN vẫn tăng về giá trị tuyệt đối. Cơ cấu này năm 2001 là : 82,13% - 14,15% - 3,72%.

Mười năm, một chặng đường không dài, song những đổi thay đáng kể về mọi mặt trong thời gian qua lại có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với đời sống của nhân dân địa phương, đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của cả nước. Không ít người sau 10 năm trở lại đã ngỡ ngàng trước những thay đổi lạ kỳ ở đây. Có khi chỉ sau vài năm (thậm chí 1 năm) cũng phải ngạc nhiên trước sức vươn lên của mảnh đất thấm đượm nắng và gió biển Đông ở phía Nam của Tổ quốc này. Giai đoạn 1992 - 2001, tổng sản phẩm (GDP) kể cả dầu khí của địa phương đã tăng 13,88%, không kể dầu khí tăng 18,06%/năm (bình quân cả nước là 7,5%). Nếu thu nhập đầu người năm 1992 là 985 USD (kể cả dầu khí) và 186 USD (không kể dầu khí), thì đến năm 2001 lên tới 3 514 và 876 USD. So với năm 1992, trên mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đời sống văn hóa - xã hội của địa phương đã có những chuyển biến đáng kể.

Ngành công nghiệp :

Bà Rịa - Vũng Tàu có hệ thống cảng biển và cảng sông, đường giao thông... là cửa ngõ giao lưu thuận lợi với các tỉnh trong nước, khu vực và thế giới. Có ngành công nghiệp dầu khí, điện - đạm đã và đang phát triển với tốc độ nhanh. Đây là ngành chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu kinh tế và phát triển với nhịp độ khá nhanh, bình quân tăng 15,04%/năm (kể cả dầu khí). Nhiều sản phẩm mới : khí thô, khí hóa lỏng, thép, phân bón NPK, gạch men xây dựng... đã ra đời.

* Bí thư Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu

Digitized by Google

Từ năm 1996 đến nay, trên địa bàn Bà Rịa - Vũng Tàu đã có 5 khu công nghiệp (KCN) được hình thành với diện tích gần 2 000 ha ; 46 dự án đầu tư. Doanh thu của các xí nghiệp trong KCN năm 2000 đạt gần 260 triệu USD ; giải quyết việc làm cho gần 2 100 lao động có tay nghề. Các chỉ tiêu nộp ngân sách và giá trị xuất khẩu ngày càng tăng. 84 doanh nghiệp nhà nước (DNNN), trong đó có 40 đơn vị thuộc tỉnh đã có phương án phân loại và sắp xếp lại theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 3, khóa IX.

Ngành thương mại (TM) - dịch vụ :

Năm 1992, tổng doanh thu toàn ngành mới là 2 359,39 tỉ đồng ; lợi nhuận đạt 2 916,5 triệu đồng ; thu nhập bình quân của mỗi cán bộ, công nhân viên là 291 nghìn đồng/tháng ; năm 2 000, tổng doanh thu đã lên tới con số 7 567,4 tỉ đồng/ngày và lợi nhuận là 8 nghìn 800 triệu đồng ; số lượng và chất lượng phục vụ ngày càng đa dạng, phong phú với tốc độ tăng bình quân toàn ngành khoảng 17,9% (TM 19,2% - DV 15,6%). So với năm 1992, tổng doanh thu TM-DV năm 2001 tăng gấp 5,17 lần.

Ngành du lịch (DL) :

Với 72 km bãi cát thoai thoải, bốn mùa nắng ấm, nước xanh quanh năm và những bãi tắm đẹp (Bãi Dứa, Bãi Sau, Bãi Dâu, Long Hải, Hồ Tràm, Hồ Cốc) và rất nhiều di tích lịch sử, văn hóa, thắng cảnh : những khu rừng ở Bình Châu - Phước Bửu, Côn Đảo với nhiều loại động, thực vật quý hiếm ; suối nước nóng Bình Châu (Xuyên Mộc)... Bà Rịa - Vũng Tàu có những tiềm năng du lịch biển và sinh thái ít nơi có được. Theo quy hoạch phát triển DL của cả nước, Bà Rịa - Vũng Tàu được xác định là một trong 7 khu vực trọng điểm được ưu tiên. Tận dụng lợi thế đó, trong những năm qua, tỉnh đã phát triển cả 3 loại hình DL (cảnh quan - sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa). Mỗi năm đón khoảng 3 đến 3,6 triệu lượt khách với tốc độ tăng bình quân 12,5%/năm (trong đó từ 8% - 10% là khách quốc tế). Lượng khách năm 2001 nhiều gấp 2,9 lần so với năm 1992 (trong đó khách nội địa gấp 2,93 lần ; khách quốc tế gấp 2,1 lần). Giai đoạn 1996 - 2000, vốn đầu tư xây dựng cơ bản và đổi mới trang thiết bị của ngành là 368,481 tỉ đồng. Tốc độ tăng doanh thu hằng năm là 12,4%. Nhiều dự án lớn được đầu tư và đưa vào sử dụng : Khu du lịch Biển Đông - Bãi Sau ; khu du lịch Kỳ Vân - Long Hải ; khu đua chó Lam Sơn ; khu du lịch suối nước nóng Bình Châu - Xuyên Mộc. Hiện đang chuẩn bị xây dựng hệ thống cáp treo Núi lớn - Núi nhỏ ; Tháp truyền hình kết hợp du lịch ngắm cảnh trên Núi lớn ; cầu tàu du lịch Long Hải, Côn Đảo và nhiều tuyến giao thông lớn.

Ngành nông - lâm - ngư nghiệp :

Tuy chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu kinh tế nhưng NN cũng đạt tốc độ tăng khá, bình quân 5,3%/năm. Sản lượng các loại nông sản chủ yếu như : cà phê, cao su, tiêu, bắp, lúa, thịt... đều tăng ít nhất từ 1,5 lần đến gần 7 lần so với năm 1992.

Trong 10 năm, tỉnh đã trồng được 16 nghìn ha rừng, đưa độ che phủ từ 40% (năm 1992) lên 45,5% (năm 2001).

Với chiều dài 156 km bờ biển, 661 loài cá, 70 loài tôm, mực và 50 hải sản khác có giá trị kinh tế cao (khả năng trữ lượng cho phép hằng năm là 250 nghìn tấn các loại) ; hằng năm quy tụ ghe, tàu từ Bình Định trở vào khai thác hải sản ; 4 316 ha diện tích mặt nước nuôi trồng ; từ lâu *thủy sản* đã là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Hiện toàn ngành có 4 400 tàu thuyền với tổng công suất hơn 266 nghìn 670 CV ; 4 cảng cá lớn và hiện đại ; 5 cơ sở đóng, chữa tàu thuyền ; 19 nhà máy chế biến đông lạnh, 9 nhà máy chế biến hàng khô xuất khẩu. Sản lượng khai thác hằng năm trên 100 nghìn tấn ; kim ngạch xuất khẩu đạt bình quân 30 triệu USD/năm ; giải quyết việc làm

Digitized by Google

cho 20 nghìn lao động. Năm 1992, toàn ngành mới đạt 3 nghìn 900 tấn hải sản đông lạnh, nhưng đến năm 2001 đã là 13 nghìn 800 tấn.

Trong những năm qua, việc triển khai thực hiện *cải cách hành chính* ở tỉnh đã đạt được một số kết quả nhất định trên cả 3 khâu : sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công nhân viên và cải cách hành chính. Đã triển khai áp dụng mô hình "một cửa" tại các ngành, địa phương. Những kết quả đạt được đã góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy nhà nước.

Nhịp độ phát triển bình quân về vốn đầu tư cho giáo dục là 2,1 lần ; cho văn hóa là 2,8 lần ; y tế là 1,8 lần. Năm 2000, tỉ lệ hộ nghèo đói trong tỉnh giảm xuống còn 10% ; mức hưởng thụ văn hóa bình quân người/năm tăng trên 13 lần. Các cơ quan báo chí của tỉnh, nhất là báo Bà Rịa - Vũng Tàu đã góp phần không nhỏ trong tuyên truyền, vận động nhân dân hoàn thành những nhiệm vụ đã đặt ra ; có nhiều chuyên mục đặc sắc về kinh tế biển, phản ánh sâu đậm các chủ đề dầu khí, du lịch biển... tạo ra những nét riêng của địa phương có cửa ngõ hướng ra biển Đông. Báo, đài thực sự là người bạn gần gũi, là nhịp cầu nối giữa ý Đảng với lòng dân.

Những thành tựu của 10 năm qua là nhờ công sức, nỗ lực của đảng bộ, chính quyền và nhân dân Bà Rịa - Vũng Tàu ; sự hỗ trợ của Nhà nước và giúp đỡ chí tình của nhân dân cả nước. Tuy nhiên, không chỉ nhìn nhận thành tựu mà quên đi những mặt yếu kém. Dám nhìn thẳng vào sự thật sẽ là động lực giúp ta nhanh chóng tìm ra những biện pháp khắc phục để vươn lên.

Báo cáo của Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ III đã thẳng thắn chỉ ra những tồn tại : Quy hoạch và chỉ đạo phát triển theo quy hoạch ngành, lĩnh vực và từng địa phương chưa chặt chẽ, chưa kiên quyết và cụ thể nên chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh ở một số lĩnh vực kinh tế còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, chưa thu hút được nhiều đầu tư nước ngoài. Quản lý việc khai thác vốn từ quỹ đất để xây dựng kết cấu hạ tầng là một chủ trương đúng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn để sai phạm do quản lý không chặt. Một số vấn đề văn hóa - xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt. Vẫn còn thiếu những công trình văn hóa, nơi vui chơi giải trí công cộng. Các tệ nạn ma túy, mại dâm vẫn đang có những diễn biến đáng lo ngại ; số người nhiễm HIV/AIDS tăng nhanh ; tai nạn giao thông vẫn ở mức nghiêm trọng. Công tác đào tạo nguồn nhân lực chưa được chú trọng đúng mức, số lao động đã qua đào tạo nghề mới chiếm 22% tổng số lao động ; số lao động chưa có việc làm vẫn còn khoảng 21 nghìn người... Đó là những thách thức lớn đang đặt ra cho các cấp ủy đảng và nhân dân địa phương. Trong từng lĩnh vực cụ thể cũng có thể chỉ ra không ít hạn chế :

- Công nghiệp địa phương đã nhỏ bé lại chậm đổi mới công nghệ, chưa đáp ứng với yêu cầu tinh chế các loại nông, hải sản. Trong xây dựng cơ bản, chất lượng thi công chưa cao. Chưa khai thác và huy động hết mọi nguồn lực. Tỉ trọng sản phẩm gia công và chế biến thô vẫn còn cao, chất lượng chưa cạnh tranh được với thị trường cả trong nước và ngoài nước...

- Tiềm năng du lịch rất lớn, nhưng việc đầu tư cho phát triển chưa tốt, sản phẩm còn đơn điệu, thiếu hấp dẫn ; hoạt động dịch vụ dầu khí, hàng hải còn hạn hẹp. Chưa có chính sách ưu đãi để thu hút và khuyến khích đầu tư cho du lịch, vốn đầu tư còn ở mức thấp. Việc phối hợp giữa các ngành, các cấp còn thiếu chặt chẽ.

- Chương trình khai thác xa bờ, nuôi trồng thủy sản chưa đạt hiệu quả cao, mới khai thác gần 50% sản lượng cho phép ; sản lượng,

Digitized by Google

chủng loại còn nghèo nàn ; quá trình giải ngân cho dự án đóng mới, cải hoán tàu đánh cá còn chậm ; lĩnh vực chế biến còn lạc hậu ; ngư trường rộng, nhưng dịch vụ hậu nghề cá còn kém, thị trường trong và ngoài nước còn hạn hẹp.

- Công tác xây dựng Đảng chưa được quan tâm đúng mức. Bộ máy tổ chức còn nặng nề ; đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa đủ mạnh để đáp ứng với những yêu cầu của tình hình và nhiêm vụ mới. Việc tự phê bình và phê bình, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở còn mang tính hình thức. Khâu điều động, luân chuyển, bố trí cán bộ chưa được thực hiện nghiêm ; còn thiếu rất nhiều cán bộ đầu ngành, chuyên gia giỏi.v.v.

Lạc quan, tự tin bước vào thiên niên kỷ mới :

Tồn tại cũng nhiều, khó khăn không ít, nhưng nhìn lại chặng đường 10 năm đã đi qua, hoàn toàn có cơ sở để lạc quan hướng tới tương lai và tin tưởng sẽ hoàn thành tốt những chỉ tiêu kế hoạch cụ thể mà đảng bộ đã đề ra : Phát huy tiềm năng, lợi thế kinh tế biển, xây dựng ngành CN dầu khí, phát triển sản xuất hải sản và nâng cao hiệu quả kinh doanh dịch vụ, nhất là dịch vụ DL. Chú trọng thâm canh, chuyên canh cây CN, cây ăn trái. Động viên tối đa các nguồn lực xã hội, phấn đấu tăng trưởng kinh tế với nhịp độ cao và bền vững. Tập trung đầu tư cho sản phẩm có lợi thế so sánh. Giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc ; ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Không ngừng nâng cao đời sống nhân dân. Bảo đảm an ninh - quốc phòng, trật tự xã hội.

Phấn đấu đến năm 2010, Bà Rịa - Vũng Tàu sẽ cơ bản trở thành một trong những trung tâm công nghiệp, du lịch và khai thác hải sản của khu vực và cả nước, một thương cảng quốc gia và quốc tế. Đạt tốc độ gia tăng bình quân hằng năm là 12,5 -13,1% (kể cả dầu khí) ; 12,6 % - 14,4% (trừ dầu khí). Cơ cấu kinh tế phấn đấu : CN 79% - 80% ; DV 17,4% - 18,5% ; NN 2,3% - 2,5% (có dầu khí). 50,1% - 53,7% ; 39,8% - 43,7% ; 6,2% - 6,4% (không có dầu khí). Cơ bản giải quyết việc làm cho 40% lao động qua đào tạo.

Trước mắt trong *giai đoạn 2001 - 2005*, cố gắng tăng GDP bình quân hằng năm 14,7% (có dầu khí), 14,3% (không có dầu khí) ; GDP bình quân đầu người/năm là 58,26 triệu đồng (4 047 USD cả dầu khí) và 23,28 triệu đồng (1 628 USD không có dầu khí). Mười bảy chương trình phát triển cụ thể của mỗi ngành, lĩnh vực, mỗi địa phương đã được xây dựng với những giải pháp cụ thể.

- Tập trung phát triển có chọn lọc những ngành CN có lợi thế cạnh tranh về sử dụng tài nguyên, vị trí địa lí, vốn, thị trường, lao động... tại chỗ. Ưu tiên đầu tư phát triển CN chế biến, nhất là chế biến khí và nông, hải sản ; nâng cấp kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật ; đổi mới công nghệ, tăng cường sử dụng tin học ; bảo vệ tốt môi trường sinh thái. Xây dựng các DNNN vững mạnh ; tạo điều kiện để các cơ sở kinh tế tư nhân phát huy khả năng ; tăng cường liên kết, hợp tác với các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm ; huy động nguồn vốn và đào tạo nguồn nhân lực. Dự tính tốc độ tăng bình quân giá trị sản xuất CN - tiểu thủ công nghiệp là 10,06% (cả dầu khí) ; 15,76% (không kể dầu khí). Hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng và đẩy mạnh đầu tư vào các KCN Đông Xuyên, Phú Mỹ 1, Mỹ Xuân A, Mỹ Xuân B 1 ; triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng KCN Mỹ Xuân A 2. Tập trung đầu tư hoàn thành đồng bộ các dự án khí, điện, đạm.

- Nâng cao tốc độ các loại DV thế mạnh của tỉnh : thương mại, dầu khí, du lịch, vận tải. Coi trọng thích đáng DV dầu khí, hàng hải. Tập trung đầu tư các dự án cáp treo Vũng Tàu, bãi tắm Thùy Vân, khu công viên và DV Bãi Trước, khu DL Chí Linh, Hồ Tràm, Bình Châu, khu sinh thái Côn Đảo...

Digitized by Google

- Hướng sản xuất NN vào những loại cây lâu năm cho xuất khẩu và làm nguyên liệu ; ổn định diện tích cao su ; giảm diện tích trồng điều ; tăng diện tích trồng cà phê, tiêu, cây ăn quả. Xây dựng các hồ thủy lợi, kiên cố hóa kênh mương. Xây dựng khoảng 21 hệ thống cấp nước nông thôn...

Tiếp tục điều tra, khảo sát và lập quy hoạch nuôi trồng thủy sản, phát triển hình thức nuôi CN để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Đẩy mạnh chương trình đánh bắt xa bờ. Kế hoạch đầu tư cho ngành thủy sản sẽ là trên 2 nghìn tỉ đồng, theo đó hằng năm sẽ có khoảng 80 - 100 tàu công suất từ 110 đến 700 CV được bổ sung. Tăng cường đầu tư cho xây dựng hạ tầng và cơ sở chế biến hải sản hiện đại, khuyến khích mọi thành phần kinh tế cùng đầu tư. Xây dựng mới cảng cá Bến Cát - Phước Thuận. Phấn đấu đến năm 2005 nâng sản lượng khai thác lên 170 nghìn tấn ; sản lượng nuôi trồng 5 nghìn tấn, sản lượng chế biến xuất khẩu 18 nghìn tấn ; giá trị hải sản xuất khẩu là 18 triệu USD.

- Hoàn thành phổ cập trung học cơ sở trước năm 2005. Chú trọng xây dựng nông thôn mới theo hướng đô thị hóa. Giải quyết tốt các khiếu nại, tố cáo của dân.

- Xây dựng đảng bộ vững mạnh. Đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính. Triển khai sâu rộng quy chế dân chủ. Chú trọng đào tạo cán bộ và nhân lực, coi đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu.

Bà Rịa - Vũng Tàu, vùng đất năng động, giàu tiềm năng đang chuyển mình, đang nỗ lực phấn đấu để mãi xứng đáng là tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm của cả nước. ❑

HỘP THƯ

*Thời gian qua, **Tạp chí Cộng sản** đã nhận được thư, bài và ảnh của các tác giả : Mai Ngọc Khuê, Mai Mộng Tưởng, Trần Văn Việt, Nguyễn Văn Toàn, Phạm Quý, Nguyễn Khắc Bộ, Phạm Thị Hà, Phạm Minh Giang, Nguyễn Văn Sơ, Hà Hữu Nết, Vũ Vọng, Phạm Đức Rục, Bùi Văn Dũng, Nghiêm Kiến Nam, Nguyễn Minh Phong, Trần Nguyên Sỹ, Lưu Trường Giang, Phùng Văn Mùi, Đồng Văn Phường, Nguyễn Hoành Xanh, Trịnh Đình Chỉ, Lê Bính, Phạm Anh Hùng, Đức Tâm, Đàm Văn Vượng, Lương Minh Chiến, Nguyễn Đức Tình, Cao Phi Yến, Mai Thị Bích, Ngô Hữu Tăng, Vũ Đình Bảy, Trung Tính, Nguyễn Chiêm, Trịnh Trí Thức, Nguyễn Văn Lương, Nguyễn Văn Cự, Đặng Xuân Thao, Tiêu Phước Nhanh, Vũ Hiệu, Phan Đắc Hoan, Nguyễn Văn Sơn, Đỗ Trọng Phụng, Nguyễn Thị Sinh, Hồ Văn Vĩnh, Vũ Minh Hương, Nguyễn Chí Sáng, Nguyễn Liên Châu, Bùi Xuân Ty, Kỳ Vọng, Hoàng Đình Thẻ, Chí Kiên, Nguyễn Xuân Huỳnh, Nguyễn Duy Chiến, Phạm Sỹ Chiến, Mai Lịch, Tống Duy An, Nguyễn Tấn Tuấn, Thanh Huân, Chu Mai Phong, Lê Vân, Nguyễn Trí Thức, Trần Xuân Thuyết, Phùng Thành Chủng, Ngô Thông, Lê Quang, Nguyễn Trần Nghi, Nguyễn Đỗ Lưu, Ngọ Duy Hiển... Bộ biên tập **Tạp chí Cộng sản** xin chân thành cám ơn các đồng chí cộng tác viên thân kính và mong tiếp tục nhận được sự quan tâm cộng tác.*

Digitized by Google

THÚC ĐẨY VÀ MỞ RỘNG VIỆC PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

PHẠM PHAN DŨNG *

CÁC loại hình dịch vụ để hỗ trợ kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, là quá trình làm gia tăng giá trị của sản phẩm phục vụ cho tiêu dùng và xuất khẩu, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp. Ở một số nước kém phát triển, các ngành dịch vụ cũng góp phần không dưới 35% tổng sản phẩm trong nước (GDP), còn ở các nước khác thì trung bình là 50% GDP. Một số nước công nghiệp phát triển thì dịch vụ là ngành chủ đạo bởi giá trị mà nó tạo ra chiếm tới 76% GDP như ở Mỹ, 72% GDP ở Đức. Ở một số vùng xung quanh ta thì tỷ trọng này cũng rất cao, ví dụ như ở Hồng Công tới 89% GDP và Xin-ga-po là 72% GDP. Mặt khác, trong sản xuất hàng hóa, các đầu vào của dịch vụ cũng chiếm phần lớn trong giá trị gia tăng (tới 70%).

Ở nước ta, do nhận thức về vai trò của các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh trong nền kinh tế thị trường còn chưa đúng mức, giá cả dịch vụ hỗ trợ kinh doanh còn quá cao so với chất lượng dịch vụ được cung cấp, nên tình trạng các doanh nghiệp tự làm lấy dịch vụ cho mình, cản trở khả năng chuyên môn hóa của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, gây bất lợi về thế cạnh tranh cho giới kinh doanh. Mặt khác, nhiều ngành dịch vụ hỗ trợ kinh doanh mà khu vực kinh tế tư nhân có thể đảm đương được thì các doanh nghiệp nhà nước vẫn đang chiếm giữ với tỷ trọng cao. Hiện nay, tỷ trọng của nhóm ngành dịch vụ nói chung trong tổng sản phẩm trong nước (GDP) đã liên tục bị giảm sút mạnh. Nếu năm 1995, nhóm ngành này còn chiếm 44% GDP, thì năm 1999 chỉ còn 40,1%, năm 2000 tỷ trọng này có xu hướng giảm xuống dưới 40%. Điều đáng chú ý là trong các ngành dịch vụ, tỉ trọng dịch vụ tài chính - tiền tệ (bao gồm : dịch vụ bảo hiểm, thị trường chứng khoán, ngân hàng, kế toán, kiểm toán...) hiện chiếm tỉ trọng rất nhỏ. Các trung tâm tài chính của đất nước, như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội là nơi có điều kiện phát triển, nhưng tỷ trọng của dịch vụ tài chính - tiền tệ trên GDP cũng thấp và tăng chậm. Trong khi đó Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã khẳng định : "Phát triển mạnh một số loại hình dịch vụ như bưu chính viễn thông, du lịch, vận tải, thương mại, dịch vụ khoa học - công nghệ, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn, theo hướng vừa phát triển thị trường nội địa, vừa vươn nhanh ra thị trường quốc tế" (1).

---

* Phó Vụ trưởng, Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính, Bộ Tài chính

(1) *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr 56

Digitized by Google

Mở cửa thị trường là xu thế tất yếu trong tiến trình phát triển kinh tế của nước ta. Mở cửa thị trường sẽ đem lại những cơ hội cho sự phát triển các ngành dịch vụ, tạo điều kiện cho các nhà cung cấp dịch vụ trong nước có dịp cọ xát và vươn lên, làm tăng hiệu quả hoạt động của các ngành dịch vụ. Vì một số dịch vụ này là đầu vào của một số ngành dịch vụ khác, nên việc lựa chọn nhiều nhà cung cấp dịch vụ có thể giúp cho việc tiết kiệm chi phí, sử dụng dịch vụ có chất lượng, qua đó nâng cao sức cạnh tranh của mình. Việc cho phép các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài thông qua các hình thức hợp doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh hay liên doanh sẽ giúp các nhà cung cấp dịch vụ trong nước có cơ hội học hỏi, tích lũy kinh nghiệm, nâng cao trình độ để phát triển khả năng cạnh tranh của mình. Mặt khác, các nhà cung cấp dịch vụ Việt Nam có thể tận dụng được những thuận lợi từ các cuộc đàm phán tự do hóa thị trường trong khuôn khổ của Hiệp định chung về thương mại dịch vụ (GATS) khi trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Mở cửa thị trường, bên cạnh những mặt lợi cũng phát sinh nhiều thách thức không nhỏ đối với các ngành kinh tế trong nước, đặc biệt là các ngành dịch vụ non trẻ của Việt Nam, đưa tới những áp lực đòi hỏi các nhà cung cấp dịch vụ muốn tồn tại trên thị trường phải tìm cách thích ứng. Những thách thức đó là :

- Khi tham gia mạnh mẽ vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế sẽ mở rộng khả năng tiếp cận của Việt Nam tới các thị trường, với công nghệ tiên tiến trên thế giới, đồng thời sẽ thúc đẩy tính cạnh tranh mạnh mẽ hơn của các sản phẩm tiêu thụ trong nước. Trong vòng 3 - 5 năm tới, hội nhập sẽ được triển khai chủ yếu thông qua việc thực hiện các cam kết trong khuôn khổ các thỏa thuận của Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA) và Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ.

- Hiệp định Thương mại song phương với Hoa Kỳ được Quốc hội hai nước chấp thuận, ngoài việc sẽ giảm thuế nhập khẩu của trên 200 sản phẩm hàng hóa, chúng ta phải thực hiện việc giảm các hạn chế gia nhập thị trường của các doanh nghiệp nước ngoài đối với một số ngành dịch vụ như : ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán với quy định lộ trình mở cửa với thời gian sớm nhất là 2 năm đối với dịch vụ kế toán, tư vấn thiết kế ; 5 năm đối với ngành bảo hiểm và muộn nhất là 9 năm đối với ngành ngân hàng.

Vấn đề đặt ra là cần đưa ra các mục tiêu và đề ra các giải pháp để *thúc đẩy và mở rộng việc phát triển dịch vụ tài chính - tiền tệ*. Trong "Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005" của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX của Đảng đã vạch rõ : "Mở rộng các dịch vụ tài chính - tiền tệ như tín dụng, bảo hiểm, kiểm toán, chứng khoán,... đi thẳng vào công nghệ hiện đại, áp dụng các quy chuẩn quốc tế. Từng bước hình thành trung tâm dịch vụ tài chính lớn trong khu vực" (2). Để thực hiện được định hướng phát triển trên, theo tôi, ngoài các giải pháp và chính sách chủ yếu nhằm tạo động lực chuyển đổi cơ cấu và đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, cần quan tâm đến việc mở rộng lĩnh vực hoạt động, nâng cao chất lượng dịch vụ tài chính - tiền tệ như :

- Từng bước mở rộng các hình thức và lĩnh vực hoạt động kinh doanh đối với ngành

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2001, tr 179

Digitized by Google

ngân hàng, bảo hiểm, để nâng cao chất lượng dịch vụ tài chính - tiền tệ.

- Tạo điều kiện mở rộng thêm các loại hình dịch vụ mới, nhất là các dịch vụ có giá trị gia tăng cao như tư vấn tài chính, bảo hiểm, kiểm toán.

- Xem xét việc đa dạng hóa sở hữu và khuyến khích cạnh tranh một số loại hình dịch vụ mà hiện nay Nhà nước vẫn đang giữ độc quyền.

Khi cụ thể hóa từng lĩnh vực dịch vụ tài chính, cần xác định rõ các mục tiêu và đề ra các giải pháp để thực hiện như sau :

1 - Đối với dịch vụ bảo hiểm.

Về mục tiêu và định hướng phát triển : Ngành bảo hiểm Việt Nam trong giai đoạn 2000 - 2010 cần phát triển cả về quy mô thị trường trên các mặt doanh thu phí bảo hiểm, tích lũy nộp ngân sách, số lượng các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh bảo hiểm với khả năng tài chính vững mạnh đến trị giá đầu tư trở lại nền kinh tế. Đồng thời, nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm thông qua việc tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, duy trì vai trò chủ đạo của các doanh nghiệp bảo hiểm nhà nước. Mục tiêu cụ thể là : nâng tỷ trọng doanh thu ngành bảo hiểm từ 0,6%/GDP năm 2000 lên 2,4% - 3%/GDP năm 2010, với mức tăng trưởng hằng năm khoảng từ 15 - 20%. Nâng tổng số tiền đầu tư dài hạn cho nền kinh tế từ 0,6%/GDP năm 2000 lên 2% - 2,4%/GDP năm 2010. Bảo đảm khả năng bù đắp các rủi ro được bảo hiểm phát sinh trong nền kinh tế đạt mức từ 1000 tỉ đồng năm 2000 lên 4000 tỉ đồng năm 2010.

Về giải pháp và kiến nghị : Để thực hiện được các mục tiêu trên cần củng cố, nâng cao năng lực hoạt động các doanh nghiệp bảo hiểm theo hướng : sắp xếp, cơ cấu lại các doanh nghiệp bảo hiểm nhà nước phát triển thành các tổng công ty mạnh cả về khả năng tài chính và năng lực kinh doanh để mở rộng phạm vi hoạt động, thúc đẩy thị trường vốn phát triển. Thí điểm bán cổ phần của một số công ty bảo hiểm cổ phần cho người nước ngoài theo tỷ lệ khống chế đã quy định tại Luật khuyến khích đầu tư trong nước. Khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm thành lập công ty đầu tư tài chính, công ty chứng khoán hoặc quỹ đầu tư. Việc thành lập doanh nghiệp bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài trước mắt sẽ triển khai chủ yếu ở các lĩnh vực còn yếu hoặc chưa được khai thác như lĩnh vực : bảo hiểm nông nghiệp và khu vực nông thôn, bảo hiểm thiên tai phù hợp với định hướng phát triển thị trường bảo hiểm, thị trường tài chính của Việt Nam và lộ trình hội nhập quốc tế mà Việt Nam đã cam kết. Hoàn thiện các sản phẩm bảo hiểm hiện hành, phát triển các loại sản phẩm bảo hiểm mới, đi đôi với việc đẩy nhanh quá trình hợp tác quốc tế và hội nhập về dịch vụ bảo hiểm với khu vực và thế giới.

2 - Đối với lĩnh vực chứng khoán.

Về mục tiêu, định hướng phát triển : Quản lý và giám sát chặt chẽ tình hình hoạt động của thị trường, chỉ đạo và xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh để bảo đảm cho hoạt động của thị trường luôn thông suốt và lành mạnh, từng bước củng cố để ổn định và phát triển thị trường chứng khoán, tiến tới xây dựng thị trường chứng khoán Việt Nam hoàn chỉnh, hiện đại, có khả năng hòa nhập với thị trường quốc tế và trở thành kênh chủ yếu huy động vốn trung và dài hạn trong nền kinh tế, tiến tới xây dựng trung tâm dịch vụ tài chính trong khu vực.

Về giải pháp thực hiện : Đa dạng hóa các hình thức phát hành chứng khoán vào thị trường, cả bằng đồng Việt Nam và bằng ngoại tệ, tạo ra một lượng hàng hóa phong

Digitized by Google

phú về chủng loại (cổ phiếu, trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu đầu tư), thuận lợi trong giao dịch mua bán, chuyển đổi và thu hút vốn đầu tư. Thúc đẩy việc tạo thêm nhiều hàng hóa cho thị trường. Hình thành và phát triển thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC). Hoàn thiện hệ thống giao dịch, thanh toán, lưu ký, niêm yết và công bố thông tin. Thực hiện phát hành trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế nhằm mở rộng kênh huy động. Phát triển các tập đoàn kinh tế đa năng kinh doanh chứng khoán, tín dụng, bảo hiểm để tận dụng tiềm lực, thế mạnh và mạng lưới khách hàng của các tổ chức ngân hàng thương mại (NHTM), các tổ chức tài chính, bảo hiểm và kinh doanh tiền tệ. Hình thành và phát triển hệ thống các định chế đầu tư trên thị trường, bao gồm các công ty bảo hiểm, quỹ hưu trí, các quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ tín thác đầu tư... Củng cố các công ty chứng khoán đã được cấp phép, hoàn thiện hệ thống kinh doanh, mở rộng nghiệp vụ kinh doanh đi đôi với việc tăng cường công tác thanh tra giám sát đối với các công ty chứng khoán và công ty niêm yết. Phát triển mạnh màng lưới các công ty kinh doanh chứng khoán. Từng bước cho phép thành lập các công ty chứng khoán, các tổ chức kinh doanh và hoạt động trên thị trường dưới hình thức liên doanh hoặc 100% vốn đầu tư nước ngoài. Cần sớm xem xét thành lập các công ty xếp hạng tín nhiệm ở Việt Nam để đánh giá rủi ro tín dụng ; đo lường mức độ rủi ro không trả được nợ và xác định khả năng của người đi vay, nghĩa vụ pháp lý, sự sẵn sàng trả tiền vay. Tuy nhiên, ở giai đoạn ban đầu này nên nghiên cứu cho phép một số tổ chức tài chính quốc tế hoặc đại diện một số công ty xếp hạng tín nhiệm có tên tuổi trên thế giới tham gia.

3 - Đối với lĩnh vực ngân hàng.

Hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD) Việt Nam rất đa dạng về loại hình, về sở hữu : bao gồm các NHTM quốc doanh, NHTM cổ phần, quỹ tín dụng nhân dân, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, chi nhánh và văn phòng đại diện của các ngân hàng nước ngoài. Các TCTD tuy đông về số lượng nhưng đang gặp những khó khăn như : quy mô nhỏ, số vốn điều lệ thấp (một số NHTM quốc doanh mức vốn điều lệ cũng chỉ tương đương 100 triệu USD) ; mạng lưới chi nhánh và các sản phẩm dịch vụ ngân hàng còn kém ; mức độ an toàn thấp ; điều kiện cung cấp tín dụng còn phân biệt theo khu vực kinh tế ; tình trạng nợ quá hạn, nợ khó đòi, nợ xấu tồn đọng trong hệ thống ngân hàng hiện nay còn lớn, kéo dài qua nhiều năm và gây hậu quả không tốt cho hoạt động của nền kinh tế. Để giải quyết tình trạng này cần tiếp tục đổi mới, chấn chỉnh và lành mạnh hóa hoạt động của hệ thống ngân hàng, góp phần ổn định và tăng trưởng nền kinh tế. Việc này đòi hỏi phải có quyết tâm cao, giải pháp cụ thể và bước đi thích hợp.

Về giải pháp thực hiện : Nâng cao vai trò của Ngân hàng nhà nước trong cơ chế điều hành lãi suất cơ bản, cơ chế điều hành tỷ giá, giảm sự can thiệp và điều hành theo lệnh hành chính. Rút bài học từ cuộc khủng hoảng tiền tệ của một số nước trong việc quản lý ngân hàng, điều hành linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, bảo đảm tính chủ động và an toàn của thị trường tiền tệ. Tăng cường công tác thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng theo hướng tổ chức kiểm soát nội bộ trong từng ngân hàng, thực hiện tốt công khai tài chính, xây dựng cơ chế và tổ chức công tác thanh tra, giám sát theo các chuẩn mực của quốc tế.

Digitized by Google

Tiếp tục xóa bỏ bao cấp qua tín dụng. Đề cao vai trò tự chủ kinh doanh của NHTM; chấn chỉnh và cơ cấu lại hệ thống NHTM. Việc cơ cấu lại hệ thống ngân hàng phải bảo đảm không gây trở ngại cho hoạt động tiền tệ - tín dụng đối với nền kinh tế và được thực hiện trước hết ở các NHTM cổ phần thông qua các biện pháp : sáp nhập, kiểm soát đặc biệt, kiên quyết đóng cửa các ngân hàng yếu kém. Cơ cấu lại các NHTM quốc doanh, tách hoạt động cho vay theo chính sách ra khỏi các hoạt động thương mại của các ngân hàng theo hướng những nhiệm vụ như cho vay theo các đối tượng chỉ định, các đối tượng chính sách nên chuyển giao cho Quỹ hỗ trợ phát triển thực hiện. Tạm ngừng việc cấp phép thành lập các ngân hàng mới. Tập trung chỉ đạo củng cố và hoàn thiện hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.

4 - Dịch vụ kế toán, kiểm toán.

Do ngày càng nhiều doanh nghiệp quan tâm tới các hoạt động hạch toán và sự lành mạnh của thị trường tài chính nên nhu cầu về dịch vụ hạch toán kế toán, kiểm toán đang tăng nhanh. Mặt khác, do nền kinh tế chúng ta đang trong quá trình chuyển đổi, cần có những thông tin hạch toán chính xác và thiết thực hơn để thực hiện việc : cho vay tài chính ; phát triển thị trường chứng khoán ; sáp nhập và cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước ; định giá những tài sản thuộc nhà nước ; thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ; kiểm toán các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ; và nâng cao hiệu quả thu thuế. Hơn nữa, khi ta đang tập trung xây dựng thị trường vốn trong nước (bao gồm thị trường chứng khoán), thì việc bắt buộc công khai những thông tin tài chính có độ tin cậy cao, kịp thời, có thể kiểm tra, có thể so sánh đối chiếu được qua các thời kỳ để làm cơ sở cho các nhà đầu tư xác định xu hướng phát triển và ra quyết định đầu tư của mình là rất cần thiết.

Hạch toán kế toán đang mở rộng từ sự quan tâm hẹp về kiểm toán và thuế sang phạm vi rộng hơn về những dịch vụ liên quan đến sự bảo đảm như tài chính doanh nghiệp ; thu hồi vốn và khả năng thanh toán nợ kinh doanh ; kế toán cho yêu cầu xét xử ; hỗ trợ kiện tụng xét xử ; quản lý rủi ro và kinh doanh chứng khoán. Hiện nay, có đến 90% doanh nghiệp sản xuất tự thực hiện dịch vụ kế toán nội bộ, số còn lại thuê dịch vụ kế toán trước tiên là từ các doanh nghiệp nhà nước (68%), chỉ để lại phần nhỏ lượng công việc cần thiết cho các công ty dịch vụ khác giải quyết.

Trong một vài năm tới, do nhu cầu về đầu tư nước ngoài và có nhiều dự án xây dựng kết cấu hạ tầng lớn có sử dụng nguồn vốn ODA mà các đối tác nước ngoài thường yêu cầu có những báo cáo tài chính đã được kiểm toán để bảo đảm độ chính xác. Mặt khác, các doanh nghiệp phải kiểm soát chi phí bằng sử dụng thông tin kế toán để tồn tại được trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt. Để thúc đẩy loại hình dịch vụ này phát triển, cần triển khai một số giải pháp như : hoàn tất khuôn khổ pháp lý và những quy định liên quan giúp bảo đảm cho những tập quán hạch toán kế toán ở Việt Nam phù hợp với những tiêu chuẩn hạch toán kế toán quốc tế, sớm ban hành Luật kế toán ; tiếp tục ban hành và công bố các chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán riêng của Việt Nam để hình thành một hệ thống chuẩn mực đầy đủ ; cho phép thành lập thêm (không hạn chế) các công ty dịch vụ kế toán, kiểm toán của Việt Nam ; cổ phần hóa một số công ty kiểm toán ; mở rộng và phát triển dịch vụ kế toán - kiểm toán và hệ thống tư vấn tài chính - kế toán.

Digitized by Google

5 - Các loại quỹ đầu tư.

Về quỹ đầu tư phát triển ở địa phương : Hiện nay cả nước đã có 5 quỹ đầu tư phát triển hoạt động (TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Định, Hải Phòng). Sự ra đời và hoạt động của quỹ đầu tư phát triển ở địa phương đã giúp cho chính quyền địa phương có được một công cụ huy động các nguồn lực tài chính đa dạng và phong phú trên địa bàn để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mình. Mô hình quỹ đầu tư phát triển đã tạo ra tiền đề cho việc chuyển một phần hoạt động đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng từ nhà nước sang cho toàn xã hội, nhằm thực hiện chủ trương "nhà nước và nhân dân cùng làm". Với quan điểm này, các dự án, chương trình gắn liền với kinh tế - xã hội trên địa bàn và có khả năng hoàn vốn thì chuyển giao sang cho hệ thống quỹ đầu tư phát triển thông qua hình thức tín dụng đầu tư. Sự tồn tại song song các loại hình quỹ đầu tư đã có tác dụng bổ trợ cho nhau trong đầu tư phát triển : hệ thống quỹ hỗ trợ phát triển thực hiện tín dụng đầu tư của Nhà nước theo chương trình của Chính phủ và quỹ đầu tư phát triển của địa phương thực hiện đầu tư theo chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong quá trình hoạt động, giữa hai loại hình quỹ này cần có sự hợp tác, đan xen và bổ sung cho nhau tạo thành một màng lưới tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước tương đối hoàn chỉnh trên địa bàn. Điều đáng quan tâm ở đây là, vốn điều lệ ban đầu của quỹ đầu tư phát triển do ngân hàng địa phương bảo đảm đã có tác dụng như nguồn "vốn mồi" để huy động vốn từ các thành phần kinh tế khác trong xã hội.

Về các quỹ đầu tư của nước ngoài tại Việt Nam : Từ năm 1994 đến nay, ở nước ta đã có 6 quỹ đầu tư của nước ngoài được thành lập, gồm : Laza Vietnam Fund, Beta Vietnam Fund, Vietnam Frontier, Templetion Vietnam Opportunities Fund và Vietnam Enterprise Investment Ltd. Co, với tổng số vốn mang vào khoảng gần 400 triệu USD. Đây là các quỹ đầu tư chuyên nghiệp dưới hình thức đầu tư gián tiếp của nước ngoài vào Việt Nam thông qua việc nắm giữ cổ phiếu và đầu tư vào những dự án có quy mô lớn. Các quỹ này cũng đã tham gia đầu tư, mua bán cổ phiếu ở thị trường không chính thức (OTC). Tuy nhiên, vẫn còn một vài điểm hạn chế đến hoạt động của quỹ như : Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Luật Doanh nghiệp chỉ cho phép các đối tác nước ngoài được nắm giữ tối đa 30% cổ phiếu của một công ty, họ ít có cơ hội góp vốn vào các doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa ; chiến lược hoạt động của các quỹ này cũng có nhiều điểm không tương thích với môi trường kinh tế Việt Nam như một số quỹ chỉ đầu tư vào công ty do người nước ngoài quản lý, chỉ tìm kiếm để đầu tư vào các dự án có quy mô lớn, có những đòi hỏi khắt khe về tỷ suất lợi nhuận. Đến nay, khi thị trường chứng khoán ở Việt Nam đã ra đời, Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ sẽ có hiệu lực, sẽ tạo môi trường hoàn toàn thuận lợi cho các quỹ đầu tư của nước ngoài thực hiện các chiến lược kinh doanh.

Hoạt động dịch vụ tài chính - tiền tệ càng ngày càng giữ vai trò to lớn và quan trọng trong nền kinh tế. Nếu chúng ta đề ra được những chính sách phù hợp với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững thì các ngành dịch vụ tài chính - tiền tệ sẽ tiếp tục mở rộng và trở thành nhân tố tác động tích cực đến nền kinh tế. ❑

Digitized by Google

Đích danh thủ phạm

TUẤN MINH

Từ khi ông Bí thư huyện ủy được trang bị chiếc xe ô tô (made in Japan) mới toanh người ta thấy hình như ông ít xuống cơ sở. Nói là ông ít xuống cơ sở thì chỉ đúng 50% bởi có những xã ông rất ít xuống, thậm chí cả năm cũng chẳng tới lần nào ; nhưng ngược lại, có xã ông lui tới thường xuyên. Tại sao ? ! Xin nêu vài ba hiện tượng để bạn đọc cùng tham khảo.

- Xã tôi là một trong những xã nằm ở vùng sâu, vùng xa của huyện, dân thì nghèo, cơ sở vật chất thiếu thốn, đi lại khó khăn, xe ô tô không thể vào tới được trung tâm xã. Cán bộ cấp trên về xã mà đi ô tô thì phải gửi ở quán nước dưới gốc đa đầu làng rồi cuốc bộ khoảng 500 mét nữa mới vào tới trụ sở ủy ban nhân dân. Công bằng mà nói, trước đây, dù chỉ "xuân thu nhị kỳ" nhưng như thế cũng có nghĩa là ông Bí thư đã về tới xã. Có lần ông vào tận nhà thăm hỏi mấy gia đình thương binh, liệt sỹ và gia đình có công với cách mạng. Nhưng quả thật từ khi ông có xe ô tô mới, xã tôi chưa lần nào vinh hạnh được đón tiếp ông. Thế là bà con nông dân, nhất là đội ngũ cán bộ về hưu bắt đầu bàn tán. Có người cho rằng do phong trào của xã kém nên lãnh đạo không muốn về. Một số người khác thì khẳng định trong cái thời buổi kinh tế tri thức và văn minh tin học này, lãnh đạo không phải trực tiếp xuống cơ sở vẫn có thể nắm được tình hình. Nhưng đa số thì quả quyết **"đích danh thủ phạm"** là chiếc ô tô. Họ bảo, ông Bí thư đi một bước có xe ô tô, đi hai bước có xe ô tô quen rồi, bây giờ phải đi bộ dù chỉ mấy trăm mét cũng ngại. Hơn nữa, có xe ô tô sang trọng như thế mà lại không vào tới được trụ sở ủy ban, phải gửi ở đầu làng thì chẳng khác nào *"áo gấm đi đêm"*. Cái tổ con chuồn chuồn là ở chỗ đó. Khoảng cách giữa ông Bí thư và bà con nông dân xã tôi bắt đầu doãng ra. Nguy hại hơn là lòng tin của người dân quê tôi đối với cán bộ tỉnh, huyện nói chung và đối với ông Bí thư huyện ủy nói riêng bắt đầu có dấu hiệu giảm sút. Sự giảm sút ấy lây sang cả đội ngũ cán bộ xã. Dân bảo : "thấy nào, tớ ấy ; cán bộ tỉnh, huyện quan liêu, xa dân thì cán bộ xã rồi cũng sẽ như vậy".

- Ngược lại, mấy xã gần trung tâm huyện đã giàu có, giao thông lại thuận tiện, đường sá phong quang, sạch sẽ, chỉ cần nhoáng một cái là xe ô tô của Bí thư đã về tới xã. Tiện hơn nữa là xe ô tô có thể đỗ ngay trước cửa phòng khách của ủy ban nhân dân. Ông Bí thư xuống xe dù có mưa cũng không tới mặt, dù có nắng cũng chẳng tới đầu. Và, sau buổi làm việc, bao giờ xã cũng cố nài nỉ mời ông ở lại dùng bữa cơm trưa hoặc cơm tối. Thời bao cấp thì còn khó, chứ thời buổi kinh tế thị trường này chỉ cần ít phút là đã có ngay một bữa tiệc thịnh soạn. Khi ông về, cán bộ lãnh đạo xã lại không quên để vào cốp xe ô tô của thủ trưởng một chút "quà quê hương". Đối với những xã như thế, ông Bí thư thường hay lui tới. Thế là ông vừa nắm được tình hình, vừa được tiếng là sát cơ sở, là gần dân. Song, ở những nơi đó, bà con lại bàn tán về ông theo kiểu khác. Họ bảo, ông Bí thư về xã thường xuyên thật đấy nhưng lại xa dân hơn bởi vì dân thấy ông quan cách quá. Một số người độc miệng còn cho rằng **"đích danh thủ phạm"** lại vẫn chính là chiếc ô tô ; bởi vì ông Bí thư về xã là cốt để trưng diện, để khoe chiếc xe ô tô mới, chứ đâu có phải để tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của nhân dân ; nếu ông có ý định hiểu dân thì ông đã đi theo cách khác. Thế là tình cảm của bà con đối với ông cũng không được đậm đà như trước ; khoảng cách cũng bắt đầu doãng ra ; lòng tin cũng bắt đầu giảm sút.

Bí thư huyện ủy có xe ô tô sang trọng cũng là điều đáng mừng. Dân ta khách quan và công tâm lắm. Họ không ghen tỵ với ông Bí thư đâu. Họ cũng không nhỏ nhen và so đo đến mức đem chiếc ô tô đó quy ra thóc xem được bao nhiêu tấn và nuôi sống được bao nhiêu gia đình trong một năm. Điều quan trọng là họ muốn ông phải biết biến chiếc ô tô đó thành phương tiện để gần dân hơn, chứ đừng biến nó thành phương tiện xa dân.❑

Digitized by Google

HỢP TÁC CHIỀU SÂU CHO MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN TRONG ASEAN VÀ ASEM

LƯƠNG VĂN TỰ *

HIỆP hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN) và Diễn đàn kinh tế Á - Âu (ASEM) là hai trong số các tổ chức kinh tế lớn nhất trên thế giới, đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và thực thi chính sách thương mại, tăng trưởng kinh tế của khu vực và thế giới. Hai tổ chức này bao gồm các quốc gia thuộc hai trong ba trung tâm kinh tế lớn nhất của thế giới.

ASEAN ra đời từ năm 1967, có năm nước thành viên với mục đích ban đầu nhằm ổn định an ninh chính trị khu vực. Từ sau năm 1990, các nước thành viên của Hiệp hội mới chuyển hướng sang các nội dung hợp tác kinh tế. Đây là tổ chức hợp tác chặt chẽ theo nguyên tắc đồng thuận. Năm 1992, Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA) ra đời, thông qua việc các nước thành viên ký kết Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan hiệu lực chung (CEPT). Năm 1998, Hiệp định khung về khu vực đầu tư ASEAN được ký kết, thành lập khu vực đầu tư ASEAN (AIA).

Ngày nay ASEAN đã trở thành một tổ chức lớn mạnh bao gồm 10 nước thành viên với 500 triệu người, diện tích 4 464 000 km^2 chiếm 14,15% diện tích châu Á. Tổng thu nhập quốc dân khoảng 580,212 tỉ USD (số liệu năm 2000). Trong thập niên cuối của thế kỷ XX, ASEAN được coi là khu vực phát triển năng động nhất thế giới. Từ những năm 1990 - 1997, tốc độ tăng trưởng của ASEAN-5 đạt bình quân 7%, trong đó Xin-ga-po đạt 8,75%, Ma-lai-xi-a đạt 8,5%, Thái Lan đạt 6,8%, Phi-lip-pin đạt 3,1%. Những năm 1997 - 1999 các nước Đông - Nam Á rơi vào cuộc khủng hoảng tài chính, nhiều nước phải chịu mức tăng trưởng âm. Đến năm 2000, kinh tế của các nước ASEAN bắt đầu phục hồi và cả khối đạt mức tăng trưởng bình quân 5,4%/năm.

Nền kinh tế của đa số các nước ASEAN dựa vào thị trường thế giới. Hệ số giá trị xuất nhập khẩu chiếm tỷ lệ rất cao trong tổng sản phẩm quốc dân GDP. Năm 1998, hệ số này của Xin-ga-po là 250,41%, Ma-lai-xi-a là 184,79%, Phi-lip-pin là 93,57% và Việt Nam khoảng 81%.

Năm 1999, kim ngạch xuất khẩu của toàn khối đạt khoảng 353,3 tỉ USD, năm 2000 tăng 19,9% lên 423 tỉ USD. Tương tự như vậy, kim ngạch xuất khẩu năm 2000 đạt 360 tỉ USD tăng 22,8% so với 293 tỉ USD của năm 1999. Xuất nhập khẩu nội bộ trong khối cũng tăng đáng kể, xuất khẩu tăng 27% và nhập khẩu tăng 26,7% năm 2000 so với năm 1999. Mức xuất khẩu nội bộ năm 2000 của ASEAN đã

* Thứ trưởng Bộ Thương mại

Digitized by Google

đạt tới 95,2 tỉ USD, chiếm trên 22% tổng mức xuất khẩu của toàn khu vực. Như vậy, dân số ASEAN chiếm khoảng 8% dân số thế giới song thương mại mới chiếm xấp xỉ 4% thương mại toàn cầu.

Khác với ASEAN, ASEM chỉ là Diễn đàn kinh tế Á - Âu, mang nặng tính chất định hướng hoạt động và hướng dẫn hành động chứ không cam kết. Diễn đàn kinh tế Á - Âu thành lập từ năm 1996 gồm 25 nước thành viên. Mười nước châu Á là Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Việt Nam, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan và Bru-nây. Mười lăm nước Cộng đồng châu Âu gồm Anh, Pháp, Bỉ, Áo, Hà Lan, Đan Mạch, Phần Lan, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Lúc-xăm-bua, Hy Lạp, Ai-rơ-len, I-ta-li-a, Thụy Điển, Đức.

Diễn đàn này có số dân khoảng 2,65 tỉ người, chiếm khoảng 40% dân số thế giới. Tổng thu nhập quốc dân khoảng 14 700 tỉ USD. Theo số liệu thống kê năm 1999, 15 nước EU có GDP 8 366,1 tỉ USD với dân số khoảng 400 triệu người. Năm 2000, kim ngạch xuất khẩu đạt 2 239,12 tỉ USD và nhập khẩu đạt 2 346,89 tỉ USD. Nhật Bản có dân số 126 triệu người, GDP 4 677 tỉ USD. Kim ngạch xuất khẩu năm 2000 là 479,328 tỉ USD và nhập khẩu là 379,514 tỉ USD. Trung Quốc có dân số 1,25 tỉ người, GDP 1 076 tỉ USD. Kim ngạch xuất khẩu năm 2000 là 249,210 tỉ USD và nhập khẩu là 225,097 tỉ USD.

Xuất phát từ yêu cầu nội tại của nền kinh tế và đón bắt được xu hướng toàn cầu hóa và khu vực hóa, Đảng ta đã chuyển hướng đường lối kinh tế đối ngoại là : Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước và là đối tác tin cậy trên nguyên tắc bình đẳng, đôi bên cùng có lợi. Chúng ta đã thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ để thay thế cho thị trường cũ khi Liên Xô bị tan rã. ASEAN và ASEM đã trở thành hai khu vực thị trường quan trọng, hỗ trợ cho phát triển kinh tế và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại của ta. Năm 1995, Việt Nam đã gia nhập ASEAN, năm 1996 gia nhập và là sáng lập viên của ASEM. Trong 10 năm qua, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và "chủ động hội nhập vào nền kinh tế thế giới...", chúng ta đã đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 7% năm, xuất khẩu tăng 5,6 lần. Ngoài sự nỗ lực chính của toàn Đảng, toàn dân, chúng ta cũng cần đánh giá và thấy hết những tác động tích cực tới sự phát triển kinh tế Việt Nam của hai khu vực ASEAN và ASEM khi chúng ta là thành viên chính thức của hai tổ chức này. Về thương mại với nước ta, năm 2000, ASEAN chiếm khoảng trên 18% kim ngạch xuất khẩu và 28% kim ngạch nhập khẩu ; ASEM chiếm 67,6% kim ngạch xuất khẩu và 70,9% kim ngạch nhập khẩu. Về đầu tư, trong giai đoạn 1995 - 2000, ASEAN đã thực hiện 296 dự án, ASEM thực hiện 1 844 dự án, với số vốn đăng ký tương ứng là 7,365 tỉ USD và 25,67 tỉ USD. Thêm vào đó, nguồn ODA tranh thủ trong quan hệ song phương tổng cộng trên hàng chục tỉ USD phần lớn cũng là từ các nước ở hai khối này.

Đứng trước bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh quyết liệt, đòi hỏi ASEAN và ASEM phải có những bước tiến mới trong hợp tác phát triển của mình để tồn tại và phát triển.

ASEAN đã trải qua thời kỳ phát triển 34 năm theo chiều hướng rộng mở cả về số lượng thành viên tham gia và các lĩnh vực hợp tác. Ban đầu chỉ hợp tác trong lĩnh vực thương mại, sau đó mở rộng ra tài chính, ngân hàng, đầu tư, dịch vụ du lịch,

Digitized by Google

giao thông - vận tải, khoa học - kỹ thuật v.v... Lần đầu tiên Việt Nam đăng cai tổ chức Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN. Đây là hội nghị hằng năm lần thứ 33 họp từ ngày 12 đến 16-9-2001. Hội nghị lần này đã xem xét và giải quyết những vấn đề quan trọng theo phương châm đẩy nhanh hơn nữa quá trình hợp tác kinh tế, tự do hóa thương mại và đầu tư, thu hẹp khoảng cách giữa các thành viên mới với các nước thành viên cũ, với những cam kết sau :

a - Để giúp thu hẹp khoảng cách giữa các nước thành viên mới với các nước thành viên cũ, ngoài cam kết hỗ trợ đào tạo nguồn lực 50 triệu USD của Xin-ga-po, 14 lớp đào tạo của Thái Lan, lần này các bộ trưởng đã nhất trí cơ chế ưu đãi hỗ trợ hội nhập ASEAN (ASEAN Integration System of Preferences - AISP) dành cho các nước thành viên mới Cam-pu-chia, Lào, Mi-an-ma và Việt Nam áp dụng từ ngày 1-1-2002 và theo quy tắc xuất xứ mẫu Form D được hưởng ưu đãi về thuế hiện hành. Mức thuế ưu đãi AISP sẽ thấp hơn mức thuế CEPT hiện tại. Theo ước tính, các thành viên mới sẽ được lợi khoảng 400 triệu USD hằng năm nhờ hưởng cơ chế này. Cho đến nay Ma-lai-xi-a cam kết dành ưu đãi AISP cho Lào 12 sản phẩm, Mi-an-ma 345 sản phẩm và Việt Nam 172 sản phẩm.

b - Hội đồng AFTA đã họp phiên thứ 15 quyết định đẩy nhanh thực hiện AFTA, 6 nước thành viên đầu tiên ký kết thực hiện Hiệp định CEPT hoàn thành AFTA vào ngày 1-1-2001, vượt trước thời hạn 1 năm. Tính đến nay, 6 nước thành viên này đã cắt giảm thuế quan ít nhất 90% tổng mặt hàng trong danh mục cắt giảm (IL) xuống còn từ 0 đến 5%. Tính chung lại, tổng số 40 911 dòng thuế chiếm 92,9% danh mục cắt giảm của 6 nước thành viên cũ có thuế suất từ 0 đến 5%. Thuế suất CEPT bình quân của 6 nước này giảm xuống 3,21%. Đến cuối năm 2002, 42 377 dòng thuế chiếm 96,42% danh mục cắt giảm của 6 nước thành viên cũ sẽ có thuế suất từ 0 đến 5% và sẽ tăng dòng thuế có thuế suất 0%.

Các bộ trưởng cũng đã nhất trí đẩy nhanh hơn nữa thực hiện hiệp định khung e - ASEAN và thông qua danh mục các sản phẩm công nghệ thông tin (ITC) theo 3 nhóm, thực hiện xóa bỏ thuế quan vào năm 2003, 2004, 2005 đối với 6 nước thành viên cũ và vào năm 2008, 2009 và 2010 đối với 4 nước thành viên mới.

c - Về vấn đề đầu tư, Hội đồng AIA họp lần thứ 4 thấy rằng, sau cuộc khủng hoảng tài chính 1997 và kết hợp với yếu tố không ổn định chính trị trong một số nước ASEAN, đầu tư nước ngoài vào ASEAN giảm đáng kể. Năm 1996, đầu tư nước ngoài vào ASEAN là 29,5 tỉ USD ; năm 1997 là 27,6 tỉ USD ; năm 1998 là 20 tỉ USD ; năm 1999 là 19 tỉ USD và năm 2000 còn 10,6 tỉ USD. Trong khi đó, các luồng vốn đầu tư nước ngoài đang chảy mạnh vào Trung Quốc vì Trung Quốc chuẩn bị là thành viên thứ 142 của Tổ chức Thương mại thế giới. Năm 2000, vốn đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc khoảng 40 tỉ USD. Để mở rộng lĩnh vực đầu tư trong ASEAN và tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư nước ngoài, các bộ trưởng đã nhất trí và ký Nghị định thư AIA mở rộng phạm vi của Hiệp định AIA bao gồm cả các khu vực nông, lâm, ngư nghiệp và khai khoáng, cũng như các dịch vụ gắn với các khu vực thuộc phạm vi Hiệp định.

Các bộ trưởng cũng đã đồng ý đẩy nhanh thời hạn cuối cùng mở cửa và dành đối xử quốc gia cho các nhà đầu tư nước ngoài đầu

Digitized by Google

tư vào ASEAN từ năm 2020 lên năm 2010 với 6 nước thành viên cũ, và năm 2015 đối với các nước thành viên mới.

d - Về hợp tác dịch vụ, đã thông qua Nghị định thực hiện gói cam kết thứ 3 về dịch vụ nhằm xóa bỏ hơn nữa những hạn chế về dịch vụ trong các nước thành viên, đồng thời nhất trí phát động vòng đàm phán mới về tự do dịch vụ bắt đầu từ năm 2002 và sẽ kéo dài trong 3 năm. Các bộ trưởng cũng thông qua Nghị định thư thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về thiết bị điện và điện tử.

e - Về hợp tác trong lĩnh vực công nghiệp, đến nay đã có 77 đơn AICO (chương trình hợp tác về công nghiệp của ASEAN, Việt Nam có 1 đơn được phê duyệt và 2 đơn đang trong quá trình xét duyệt) được phê duyệt, với trị giá trao đổi thương mại xấp xỉ 1 tỉ USD và nhất trí bãi bỏ quy chế 30% yêu cầu cổ phần quốc gia đối với tất cả các đơn xin cấp AICO đến ngày 31-12-2002. Ngoài chương trình cụ thể, Hội nghị quan tâm đẩy mạnh các chương trình hợp tác dài hạn như hợp tác tiểu vùng sông Mê-công và hành lang Đông - Tây.

Từ khi thành lập ASEM đến nay, Hội nghị Bộ trưởng kinh tế đã được họp ở Nhật Bản, ở Đức và lần thứ ba này họp ở Việt Nam cũng vào tháng 9-2001. Về hợp tác kinh tế; ASEM có ba chương trình được coi là trụ cột trong hợp tác Á - Âu. Đó là thuận lợi hóa thương mại, thuận lợi hóa đầu tư và tăng cường đối thoại doanh nghiệp Á - Âu nhằm mục tiêu "hợp tác để tạo sự tăng trưởng hơn nữa ở cả châu Á và châu Âu". Á và Âu là hai trung tâm kinh tế lớn trên thế giới, song thương mại Á - Âu chưa phát triển ngang tầm với tiềm năng của nó. Năm 1999, thương mại Á sang Âu chiếm khoảng 12%, và ngược lại Âu sang Á chiếm 9,5% kim ngạch nhập khẩu của châu Á. Đầu tư Âu sang Á mới đạt 6%, và Á sang Âu mới đạt 2%. Chính vì vậy, vấn đề đặt ra trong Hội nghị lần này là làm sao phải tiếp tục xóa bỏ các rào cản thương mại, đầu tư và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, tìm ra những lĩnh vực phối hợp mới để đẩy mạnh kinh tế, thương mại và tháo gỡ tình trạng kinh tế và thương mại toàn cầu đang trên đà giảm sút. Hội nghị đã rà soát và đẩy nhanh tám lĩnh vực được coi là rào cản thương mại như : thủ tục hải quan, tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh kiểm dịch, sở hữu trí tuệ, dịch vụ phân phối lưu thông, thương mại điện tử, mua sắm của chính phủ và đi lại của doanh nhân. Đồng thời, Hội nghị còn gia hạn nhóm chuyên gia thúc đẩy đầu tư thêm hai năm ; tìm những biện pháp hữu hiệu hơn cho Diễn đàn doanh nghiệp và các xí nghiệp vừa và nhỏ, đưa ra đề nghị hợp tác trong các lĩnh vực công nghiệp năng lượng, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến, công nghệ môi trường, công nghệ thông tin, vận tải và năng lượng.

Hiện nay, trong quá trình hợp tác của ASEAN đã xuất hiện những thách thức mới. *Một là*, mâu thuẫn giữa quá trình tự do hóa nhanh với lợi ích dân tộc do sự phát triển không đồng đều, và với quan điểm bảo hộ sản xuất trong nước do khó khăn của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ năm 1997 mang lại. Mâu thuẫn này dẫn đến việc một vài nước thành viên cũ trong ASEAN như Ma-lai-xi-a trở lại bảo hộ ngành ô tô và phụ tùng ô tô, In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin muốn bảo hộ ngành mía đường. *Hai là*, mậu dịch tự do song phương đang phát triển giữa một số nước trong khối ASEAN với ngoài khối như Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân, Nhật Bản và Hoa Kỳ gây lo ngại cho sự hợp tác

Digitized by Google

đa phương của ASEAN. *Ba là,* các nước ngoài khối như Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân và Trung Quốc muốn ASEAN chuyển từ đối thoại sang thực hiện mậu dịch tự do càng sớm càng tốt. Trung Quốc đề xuất 10 năm tới sẽ tự do hóa thương mại với ASEAN. Đến nay, ASEAN mới chấp nhận đối tác chặt chẽ hơn với CER (Ô-xtrây-li-a và Niu Di-lân).

Việt Nam phải làm gì để chủ động hội nhập ASEAN, ASEM và nâng cao hiệu quả nền kinh tế ? Chúng ta cần :

a - Chủ động khai thác những ưu đãi do hai tổ chức này dành cho ta, như đẩy nhanh hơn nữa hàng xuất khẩu áp dụng mẫu D. Lợi thế này, đến nay các doanh nghiệp ta chưa khai thác hết, tỷ lệ hàng xuất khẩu áp dụng mẫu D cũng có tăng nhưng mới chiếm khoảng 1% hàng xuất khẩu vào ASEAN. Khai thác ưu đãi mới AISP, áp dụng thuế xuất ưu đãi thấp hơn CEPT giành cho các nước mới gia nhập ASEAN. Tăng mặt hàng áp dụng AICO để xuất khẩu vào ASEAN.

b - Khai thác tối đa lợi thế ổn định chính trị và tăng trưởng kinh tế cao của ta để thu hút đầu tư và du lịch đến Việt Nam, đặc biệt với các nhà đầu tư Nhật Bản, châu Âu và Hoa Kỳ. Họ vừa có vốn, vừa có công nghệ nguồn và thị trường tiêu thụ riêng qua mạng lưới công ty đa quốc gia của họ trên toàn cầu. Ví dụ, mặt hàng đồ gỗ của ta vừa qua phát triển nhờ một công ty đa quốc gia I-KIA của Thụy Điển đặt mua 100 triệu USD và tiêu thụ qua 30 cửa hàng của công ty này ở nhiều nước.

c - Rút kinh nghiệm của ASEAN năm 1997 bị khủng hoảng tài chính do quá phụ thuộc vào thị trường nước ngoài ; và nhất là hiện nay, khi kinh tế thế giới đi xuống, cộng thêm sự kiện ngày 11-9 ở Hoa Kỳ, các nước ASEAN lại một lần nữa rơi vào tình trạng khó khăn ; đồng thời cũng rút kinh nghiệm của các nước EU xuất nhập khẩu với nước ngoài khối chỉ chiếm 40%, còn 60% là trong nội bộ khối. Cho nên đối với Việt Nam, việc đẩy mạnh khai thác và chiếm giữ thị trường trong nước có ý nghĩa trước mắt và lâu dài. Chúng ta vừa phải lo mở rộng thị trường và tăng thị phần cho hàng xuất khẩu của ta trên thị trường thế giới, vừa phải lo phát triển và chiếm lĩnh thị trường trong nước trước khi mở cửa tự do hóa thương mại, đầu tư và đãi ngộ quốc gia.

d - Đẩy nhanh thương mại điện tử để tăng tốc độ giao dịch, mở rộng thị trường, giảm chi phí kinh doanh. Học tập kinh nghiệm một số nước ASEAN về cải cách hành chính đi đôi với vi tính hóa và nối mạng, kịp thời nắm thông tin và kiểm soát vĩ mô các ngành nhạy cảm như tài chính, ngân hàng. Xin-ga-po là một ví dụ đáng để chúng ta khảo sát. Họ có trên 134 ngân hàng hoạt động với chế độ báo cáo hằng ngày về trung tâm quản lý theo mã riêng từng ngân hàng, vừa giữ được bí mật cho doanh nghiệp, vừa quản lý được lĩnh vực nhạy cảm này. Thái Lan sau cuộc khủng hoảng 1997 cũng tiến tới áp dụng quản lý hằng ngày. Hải quan Xin-ga-po nối mạng với các doanh nghiệp, trung bình 30 phút làm xong tất cả các thủ tục xuất nhập khẩu và đóng thuế cho một lô hàng nhập khẩu không cần giấy phép.

e - Tranh thủ các chương trình đào tạo, các nguồn lực và hỗ trợ về mặt kỹ thuật của tất cả các nước để chuẩn bị tốt cho tiến trình đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, hội nhập với nền kinh tế thế giới và khu vực một cách có hiệu quả nhất. ❑

Digitized by Google

PHẢN TOÀN CẦU HÓA : MỘT PHONG TRÀO QUỐC TẾ ĐANG LÊN

PHẠM QUỐC TRỤ *

Sự phát triển mạnh mẽ của xu thế toàn cầu hóa trong mấy thập niên cuối của thế kỷ XX đã làm dấy lên phong trào phản đối toàn cầu hóa, và gần đây phong trào này đã lan rộng ở nhiều nơi trên thế giới. Phong trào đang ngày càng lôi cuốn nhiều người tham gia và có những tác động không nhỏ tới quan hệ quốc tế, nhất là tới chính sách của các nước và các tổ chức quốc tế. Sau đây là một số đặc trưng chính của phong trào, nguyên nhân và tác động của nó tới quan hệ quốc tế.

1. Một số đặc trưng chính.

Trong mấy năm gần đây, những hoạt động phản đối toàn cầu hóa diễn ra dưới những hình thức khá đa dạng và ở những mức độ rất khác nhau, từ lĩnh vực lý luận với những bài viết, ấn phẩm, hội thảo, hội nghị, đến diễn thuyết, biểu tình và thậm chí cả sử dụng bạo lực. Trong những hoạt động nói trên, biểu tình bên ngoài nơi diễn ra các hội nghị quốc tế về toàn cầu hóa đã trở thành hoạt động phổ biến lôi kéo sự tham gia của đông đảo các tầng lớp xã hội từ nhiều nước trên thế giới, bởi lẽ hình thức này dễ đem lại hiệu quả và tiếng vang lớn. Mốc khởi đầu quan trọng của phong trào biểu tình phản đối toàn cầu hóa có thể tính từ Hội nghị cao cấp tám nước công nghiệp phát triển (G8) họp tại Cô-lô-nhơ (Đức) tháng 8-1999. Trong thời gian diễn ra hội nghị, hàng nghìn người đã biểu tình trên các đường phố Cô-lô-nhơ, Luân-đôn và một số thành phố khác ở châu Âu và Bắc Mỹ. Ở Luân-đôn, những người biểu tình đã xung đột với cảnh sát, khiến cho 42 người bị thương. Tiếp đến, Hội nghị Bộ trưởng Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) họp ở Xi-a-tơn (Mỹ) tháng 11-1999, những người biểu tình tập hợp đông đảo, đấu tranh quyết liệt và kéo dài trong nhiều ngày, góp phần làm cho hội nghị này thất bại. Liên tục vào những dịp tổ chức các hội nghị quốc tế quan trọng khác (như Hội nghị của Liên hiệp quốc tế về Thương mại và Phát triển lần thứ 10 (UNCTAD 10) tháng 2-2000 tại Băng-cốc (Thái Lan), Hội nghị Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) tại Chiềng-mai (Thái Lan) tháng 5-2000, Hội nghị Dầu lửa thế giới tại Can-ga-ri (Ca-na-đa) tháng 6-2000, Hội nghị thượng đỉnh Kinh tế thế giới tại Đa-vốt (Thụy Sĩ) và sau đó tại Men-bơn (Ô-xtrây-li-a), Hội nghị G8 tại Ô-ki-na-oa (Nhật Bản) tháng 7-2000, Hội nghị thường niên chung của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng thế giới (WB) tại Pra-ha (Séc) tháng 9-2000, Hội nghị Thượng đỉnh của Diễn đàn Á - Âu (ASEM) tại Xơ-un (Hàn Quốc) tháng 10-2000, Hội nghị Thượng đỉnh liên Mỹ tại Kê-bếch (Ca-na-đa) tháng 1-2001 và mới đây là Hội nghị G8 tại Giê-noa (I-ta-li-a) tháng 7-2001), hàng loạt các cuộc biểu tình với quy mô khác nhau (hàng trăm, hàng nghìn, thậm chí có cuộc tới hàng trăm nghìn người tham gia) đã diễn ra bên ngoài hội nghị cũng như tại nhiều thành phố khác. Những hoạt động phản đối toàn cầu hóa nói trên thu hút ngày càng nhiều sự quan tâm của công luận trên thế giới.

Khởi xướng và tổ chức các cuộc biểu tình nói trên chủ yếu là các tổ chức phi chính phủ (NGO) và các nhóm xã hội (đa số thuộc các lực lượng

* TSKH, Bộ Ngoại giao

Digitized by Google

cánh tả), trong đó có cả những tổ chức mang tính quốc tế và những tổ chức ở cấp quốc gia. Những tổ chức này đại diện cho các nhóm lợi ích và mối quan tâm khác nhau, hoạt động trong nhiều lĩnh vực như nghiệp đoàn, giáo dục, y tế, văn hóa, quyền phụ nữ, quyền của các dân tộc thiểu số, tôn giáo, môi trường, nhân quyền, bảo vệ động vật, v.v.. Trong một số trường hợp, có các phong trào chính trị đứng đằng sau, thậm chí có cả sự khuyến khích của chính quyền. Những tổ chức này huy động được sự tham gia của các thành viên bao gồm công nhân, nông dân, nghệ sỹ, trí thức, sinh viên, những người hoạt động xã hội, tôn giáo, môi trường... cho đến các cá nhân theo chủ nghĩa cực đoan.

Mục tiêu và khẩu hiệu đấu tranh của các nhóm biểu tình rất đa dạng, tùy thuộc vào chủ đề của các cuộc hội nghị và thành phần tham gia biểu tình. Những nghiệp đoàn, đáng chú ý nhất là nghiệp đoàn Mỹ AFL-CIO, nêu các khẩu hiệu đấu tranh liên quan đến vấn đề việc làm, điều kiện lao động gắn với tự do hóa thương mại trong quá trình diễn ra Hội nghị Bộ trưởng WTO ở Xi-a-tơn. Các tổ chức như *"Hòa bình Xanh"*, *"Mạng lưới hành động rừng nhiệt đới"* của Mỹ và *"Trái đất là trước hết"* đấu tranh tập trung vào vấn đề môi trường. Các nhóm của Mỹ như *"Trao đổi toàn cầu"*, *"Mạng lưới hành động trực tiếp"*, *"Cội nguồn"*, *"Theo dõi thương mại toàn cầu"* đưa ra các khẩu hiệu về nhân quyền. Một số tổ chức đấu tranh cho vấn đề giữ gìn văn hóa truyền thống, chẳng hạn như phong trào *"Đời sống nông thôn"* của Pháp chống lại sự thâm nhập của lối ăn nhanh (*fast food*) của Mỹ vào Pháp ; nhóm *"Khối Đen"* đấu tranh chống lại ảnh hưởng của kỹ thuật, công nghệ đối với cuộc sống văn hóa tự nhiên. Nhóm *"Lễ hội năm 2000"* tập trung đòi xóa nợ cho các nước nghèo. Một số đảng Cộng sản ở I-ta-li-a, Pháp, Séc, Na-uy... tham gia biểu tình với khẩu hiệu chống chủ nghĩa tư bản. Mục tiêu và khẩu hiệu đấu tranh tuy rất đa dạng, nhưng ít nhiều đều trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến hệ quả của toàn cầu hóa.

Đối tượng bị phản đối mạnh nhất và xuyên suốt từ đầu là các công ty xuyên quốc gia (TNC) và các tổ chức tài chính - thương mại quốc tế như IMF, WB và WTO. Các TNC bị coi là thế lực lấn át các chính phủ, chạy theo lợi nhuận, khai thác quá mức tài nguyên, do vậy hủy hoại môi trường sinh thái ; thêm vào đó là gần đây, làn sóng sáp nhập các công ty thành những tập đoàn khổng lồ làm tăng thất nghiệp và bất bình đẳng trong xã hội. Các TNC cũng bị coi là động lực chính thúc đẩy toàn cầu hóa nhằm bành trướng quyền lực và bóc lột các nước, làm phương hại bản sắc văn hóa dân tộc và chủ quyền quốc gia. IMF, WB và WTO bị nhiều người biểu tình xem như là công cụ để thực hiện toàn cầu hóa, phục vụ lợi ích của các TNC và thiếu khả năng giúp giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội của các nước cũng như các vấn đề toàn cầu, nhất là những tác động tiêu cực của quá trình toàn cầu hóa. Một số nhóm biểu tình ở châu Âu và chừng mực nào đó ở cả châu Á còn chĩa mũi nhọn đấu tranh vào "bá quyền Mỹ" ; thậm chí có nơi một số cơ sở kinh tế Mỹ trở thành mục tiêu tấn công của những người biểu tình quá khích.

Nhìn chung, những hoạt động phản đối toàn cầu hóa trong thời gian qua diễn ra khá đa dạng, nhưng nổi bật nhất và phổ biến nhất là các cuộc biểu tình có quy mô rất khác nhau và lan rộng ra nhiều nơi trên thế giới, tập trung chủ yếu ở những nước phát triển và có thành phần tham gia cũng rất đa dạng, phức tạp. Có thể nói từ những hoạt động lẻ tẻ ban đầu, gần đây đã hình thành một phong trào quốc tế phản đối toàn cầu hóa có xu hướng ngày càng lan rộng.

2. Nguyên nhân hình thành và phát triển.

Phong trào phản đối toàn cầu hóa hình thành và phát triển trong thời gian qua do một số nguyên nhân chủ yếu sau :

Thứ nhất, do tác động hai mặt của quá trình toàn cầu hóa diễn ra rất nhanh chóng, cho nên trong khi trên thế giới có sự thừa nhận phổ biến về tính tất yếu và những mặt tích cực của toàn cầu hóa thì cũng có những người lại nhìn nhận nó một cách tiêu cực. Sự khác biệt về lợi ích,

Digitized by Google

thua thiệt mà quá trình toàn cầu hóa mang lại cũng như về nhận thức tác động của nó và phương thức tiếp cận (liên quan đến cách tiến hành toàn cầu hóa và xử lý các vấn đề đặt ra) là nguồn gốc của những thái độ khác nhau của các nước và các nhóm lợi ích trong mỗi nước. Những hoạt động phản đối toàn cầu hóa trong thời gian qua là biểu hiện phản ứng của một bộ phận dân chúng trong các xã hội bị tác động tiêu cực bởi quá trình toàn cầu hóa.

Thứ hai, các tổ chức NGO phát triển mạnh và có vai trò ngày càng tăng trong các nước có chế độ dân chủ tư sản. Mặc dù vẫn chịu sự chi phối của các chính phủ, song các NGO tận dụng những vấn đề mới nảy sinh để tập hợp lực lượng, khẳng định vị thế của mình và nhằm tham gia nhiều hơn vào giải quyết các vấn đề của đất nước và thế giới.

Thứ ba, sự hậu thuẫn của các lực lượng chính trị cánh tả và một số giới chức trong chính quyền ở một số nước, chủ trương đề cao tư tưởng dân tộc, chống chủ nghĩa tư bản quốc tế hoặc tìm cách tận dụng phong trào chống toàn cầu hóa để phục vụ mục đích riêng.

Thứ tư, sự phát triển của In-tơ-nét, của giao thông và tự do đi lại giữa nhiều nước và của kỹ thuật tổ chức mới đã giúp cho việc thông tin, tập hợp lực lượng diễn ra nhanh chóng và đông đảo từ nhiều nơi trên thế giới. Chẳng hạn, các nhà tổ chức biết khai thác các công cụ thông tin hiện đại, lôi kéo sự quan tâm của quần chúng, bằng nhiều khẩu hiệu đấu tranh phù hợp với lợi ích của họ, tổ chức các nhóm nòng cốt và huy động được nhiều nguồn tài chính.

3. Tác động.

Tuy lực lượng tham gia vào phong trào phản đối toàn cầu hóa trong thời gian qua chủ yếu là ở các nước phát triển, song do nhiều khẩu hiệu đấu tranh phù hợp với lợi ích của những nước đang phát triển nên phong trào tranh thủ được sự đồng cảm đáng kể trên thế giới, lan rộng sang nhiều nước đang phát triển, hình thành một tập hợp lực lượng mới có ảnh hưởng đáng kể tới chính sách của các nước và quan hệ quốc tế. Tất nhiên, phong trào này khó có thể đẩy lui được xu thế khách quan của quá trình toàn cầu hóa kinh tế hiện nay song ít nhất là nó có tác dụng cảnh tỉnh về các mặt tiêu cực của quá trình này và của toàn cầu hóa nói chung. Có thể thấy tác động quan trọng của nó thể hiện ở những điểm sau đây :

Thứ nhất, phong trào phản đối toàn cầu hóa làm cho các nước và các tổ chức quốc tế phải xem xét, đánh giá lại một cách khách quan hơn về toàn cầu hóa, về phương thức thúc đẩy nó, phải quan tâm hơn tới các giải pháp mới nhằm hạn chế các tác động tiêu cực của tiến trình này. Trên thực tế, trong thời gian qua, phong trào này đã có ảnh hưởng nhất định tới các quyết định của nhiều nước và tổ chức quốc tế liên quan đến những vấn đề cụ thể trong tiến trình toàn cầu hóa. Dẫn chứng nổi bật là việc WTO đã thất bại trong việc phát động, tại Hội nghị Bộ trưởng ở Xi-a-tơn, một vòng đàm phán mới theo xu hướng đẩy nhanh tự do hóa thương mại bằng mọi giá. Tại nhiều hội nghị và diễn đàn đa phương trong thời gian gần đây, các nước nhấn mạnh hơn những vấn đề như cải cách các thiết chế tài chính thế giới (IMF, WB). Nhiều nước phát triển cam kết tăng xóa nợ cho các nước nghèo, dành nhiều ưu đãi đặc biệt hơn cho các nước đang phát triển (EU đã kêu gọi dành quy chế ưu đãi thương mại phổ cập (GSP) cho các nước đang phát triển), dành quan tâm thảo luận nhiều hơn về các vấn đề lao động, môi trường, tăng cường hướng đạo toàn cầu hóa. Những kết quả tích cực, nhất là của Hội nghị UNCTAD 10 tại Băng-cốc tháng 2-2000 và của Hội nghị Thượng đỉnh Nam - Nam tại Cu-ba tháng 4-2000, đã phản ánh khá rõ việc các nước nghèo và đang phát triển tăng cường tập hợp lại để có tiếng nói chung đòi thiết lập những mối quan hệ quốc tế công bằng hơn, trong đó các nước nghèo và đang phát triển phải được hưởng những ưu đãi cần thiết để phát triển.

Thứ hai, một số mục tiêu đấu tranh của phong trào về các vấn đề như việc làm, gắn điều kiện lao động, nhân quyền và môi trường với tự do hóa thương mại, một mặt sẽ buộc các TNC và

Digitized by Google

các nước nhìn chung phải quan tâm hơn tới vấn đề tạo thêm công ăn việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, giữ gìn môi trường, mặt khác, chúng cũng tác động trực tiếp vào quá trình chuẩn bị vòng đàm phán mới của WTO.

Tuy nhiên, tác động của phong trào phản đối toàn cầu hóa cũng có những giới hạn, bởi những lý do sau :

Một là, do sự khác biệt quá lớn về lợi ích và thành phần tham gia quá đa dạng, phức tạp, nên phong trào này không phải là một phong trào có tổ chức thống nhất và sự lãnh đạo nhất quán trên toàn thế giới. Về cơ bản, nó còn mang tính tự phát và chủ yếu hoạt động theo "mùa".

Hai là, phong trào này đại diện cho lợi ích không phải là của đại đa số mọi thành viên trong xã hội, mà chủ yếu là của những nhóm ít nhiều chịu tác động bất lợi của quá trình toàn cầu hóa. Không phải tất cả những người tham gia phong trào đều chống toàn cầu hóa vô điều kiện. Đa phần chỉ phản đối, hoặc đơn thuần bày tỏ lo ngại của họ đối với những tác động tiêu cực của quá trình toàn cầu hóa mà thôi.

Ba là, các NGO là lực lượng tổ chức chính của phong trào có vai trò tuy ngày càng tăng song không thể vượt lên trên các chính phủ và các TNC, nên khó có thể duy trì phong trào mạnh và lâu dài. Hơn nữa, việc một số nhóm cực đoan gây rối bằng bạo lực không được sự ủng hộ của xã hội nói chung, cũng đã phần nào làm giảm ý nghĩa tích cực của phong trào.

Cùng với quá trình phát triển của xu thế toàn cầu hóa trong thời gian tới, phong trào phản đối toàn cầu hóa có thể sẽ tiếp tục phát triển và lan rộng ra nhiều nước và khu vực khác trên thế giới, tiếp tục có tác động mạnh hơn tới chính sách của các nước, các tổ chức quốc tế, mặc dù khó có thể chặn đứng được "dòng thác toàn cầu hóa" hiện nay. Thực tế, còn nhiều khía cạnh của phong trào này cần được tiếp tục theo dõi, nghiên cứu để có nhận thức và đánh giá đúng hơn về nó, trên cơ sở đó có đối sách phù hợp. ❑

LẠI BÀN VỀ...

(Tiếp theo trang 19)

Đảng, điều hành của Nhà nước thì mới có hiệu quả.

Dĩ nhiên điều đó đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải thật sự trong sạch, vững mạnh, thực sự vì nước vì dân, cán bộ đảng viên phải mẫu mực, nhất là cán bộ chủ trì các cấp. Đã xác định là quốc nạn thì phải có quốc sách để giải quyết. Phải xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, nhất là pháp lệnh chống tham nhũng để không còn sơ hở cho kẻ xấu lợi dụng. Việc thực hiện pháp lệnh phải nghiêm minh, thực hiện tốt nguyên tắc bình đẳng của mọi người trước pháp luật và nhất là lời nói phải đi đôi với việc làm. Phải phát huy được vai trò của quần chúng nhân dân, thực sự bảo vệ và ghi công những người trung thực đấu tranh chống tham nhũng. Phải tăng cường giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ đảng viên và kết hợp công tác xây dựng Đảng với công tác chỉnh đốn Đảng, kiên quyết loại trừ ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa, biến chất, sa đọa, chỉ có làm tốt những điều đó thì công tác lãnh đạo của Đảng, điều hành của Nhà nước trong nhiệm vụ chống tham nhũng, quan liêu mới có hiệu quả.

Tóm lại, trong những năm qua, những tiếng nói lạc lõng tuy chỉ ở một số rất ít người nhưng bộc lộ ra là có sự gắn kết với nhau theo một kịch bản và ý đồ đen tối.

Dù cho họ có tìm cách che đậy dưới chiêu bài "tâm huyết", "vì nước vì dân" hay vì gì chăng nữa thì đó cũng chỉ là những tiếng nói phù họa với các luận điểm của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực chống cộng ; đồng thời, cũng thể hiện một thứ chủ nghĩa cơ hội, một thứ chủ nghĩa cá nhân bất mãn không hơn, không kém. ❑

Digitized by Google

HỘI NGHỊ CÔNG TÁC CÁN BỘ

TRONG hai ngày 14 và 15-11-2001, tại Hà Nội, Ban Tổ chức Trung ương Đảng đã tổ chức Hội nghị công tác cán bộ nhằm đánh giá giai đoạn đầu thực hiện chiến lược cán bộ và chuẩn bị cho việc tổng kết thực hiện 3 nghị quyết : Trung ương 3 (khóa VII), Trung ương 3 và Trung ương 7 (khóa VIII) về công tác tổ chức và cán bộ. Dự hội nghị có 107 đồng chí vụ trưởng, phó vụ trưởng, trưởng ban, phó trưởng ban tổ chức cán bộ các ban, bộ, ngành, đoàn thể, các cơ quan trực thuộc Chính phủ và Đảng ủy trực thuộc Trung ương ; các đồng chí lãnh đạo Ban, lãnh đạo các vụ, đơn vị của Ban Tổ chức Trung ương. Đồng chí Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh dự và phát biểu ý kiến chỉ đạo Hội nghị.

Phát biểu với Hội nghị, đồng chí Trần Đình Hoan biểu dương những cố gắng và kết quả bước đầu đã đạt được về công tác cán bộ thời gian qua và khẳng định nhiệm kỳ khóa VIII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã tập trung đi sâu chỉ đạo công tác cán bộ. Biểu hiện là đã có 3 nghị quyết, 9 quy định, quy chế và hướng dẫn về công tác tổ chức và cán bộ. Đó là cơ sở cho việc nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, lựa chọn, bổ nhiệm, luân chuyển, sử dụng và quản lý cán bộ.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) và các văn bản của Trung ương về công tác cán bộ ; các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở trung ương và các địa phương đã triển khai và mang lại kết quả bước đầu quan trọng. Tuy nhiên, kết quả còn thấp, chưa đồng đều, chưa tương xứng với nội dung và tầm vóc của các văn bản nói trên ; chưa đáp ứng được yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Tại Hội nghị này, chúng ta phải đi sâu phân tích nguyên nhân vì sao công tác cán bộ chưa đạt được kết quả như mong muốn. Trong đó có nguyên nhân là sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị chưa quyết liệt ; người đứng đầu các ban, bộ, ngành, đoàn thể ở trung ương và địa phương chưa tích cực chỉ đạo đến nơi, đến chốn. Một số cơ quan, đơn vị triển khai còn hình thức, hành chính, thiếu cụ thể và chưa thực sự bắt tay vào việc. Qua tổng hợp kết quả công tác quy hoạch cán bộ ở các ban, bộ, ngành, đoàn thể trung ương cho thấy chỉ có 16 đơn vị có từ 1 đến 2 đồng chí thứ trưởng và tương đương ở tuổi dưới 50 (riêng Trung ương Đoàn có 5 đồng chí) ; còn lại các đơn vị chưa có. Điều đó cho thấy công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ chưa được các cơ quan quan tâm đúng mức.

Việc nhận xét, đánh giá cán bộ phải căn cứ vào từng sản phẩm công việc được giao để đánh giá. Đối với người đứng đầu phải dựa vào công việc được phân công, vào những đề án, văn bản mà đồng chí đó chủ trì để đánh giá về năng lực, trách nhiệm, sự tận tụy, nhiệt huyết trước công việc ; những văn bản đó có thể hiện được các quan điểm, đường lối của Đảng hay không ? Đồng chí đó có khả năng quy tụ được cán bộ không ? Giải quyết công việc có tình, có lý không ? Có ham học hỏi, ham hiểu biết và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao không ? Có xu hướng phát triển và khả năng đảm nhiệm chức vụ cao hơn không ? Đạo đức, lối sống của bản thân và gia đình như thế nào v.v. ..? Công tác cán bộ phải thật sự minh bạch, dân chủ và công khai ; phải thông qua tập thể để đánh giá cán bộ ; khắc phục cho được thói quen nhận xét, đánh giá cán bộ chung chung, giống nhau, không thấy rõ điểm mạnh, điểm yếu của từng người.

Việc học tập lý luận chính trị đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là hết sức cần thiết. Cán bộ lãnh đạo phải đào tạo cơ bản, học tập trung, học đến nơi, đến chốn (cả chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị) ; phải đưa kết quả học tập vào hồ sơ và đó chính là một trong những tiêu chí để đánh giá cán bộ.

Để làm tốt công tác quy hoạch cán bộ, phải khắc phục ngay việc quy hoạch khép kín trong ban, bộ, ngành, địa phương như hiện nay. Khi quy hoạch bí thư tỉnh ủy không nên chỉ trong thường trực, thường vụ ; quy hoạch bộ trưởng, thứ trưởng không chỉ trong thứ trưởng, vụ trưởng... mà phải nhìn rộng trong toàn ngành, các địa phương. Công tác quy hoạch cán bộ phải là quy hoạch "động", "mở", phải chia ra nhiều lớp quy hoạch mới tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hiện, đào tạo và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

Trong thời gian tới Bộ Chính trị, Ban Bí thư sẽ bàn và cho ý kiến về việc thực hiện luân chuyển cán bộ giữa trung ương và địa phương, giữa địa phương với địa phương, tạo điều kiện cho cán bộ rèn luyện, thử thách và trưởng thành qua thực tiễn công tác. Nhất là các đồng chí cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ (dưới 50 tuổi) có khả năng và triển vọng tốt, nhằm tạo nguồn nhân sự cho Đại hội X của Đảng và những khóa tiếp theo. Ở các tỉnh cũng cần luân chuyển cán bộ xuống cấp huyện và cơ sở. Những đơn vị chưa có cán bộ diện Trung ương quản lý ở độ tuổi dưới 50, thì khẩn trương quy hoạch, chú ý lựa chọn những nhân tố mới, đề xuất hướng để bạt, bổ nhiệm và có thể thực hiện ngay việc bổ nhiệm kết hợp với luân chuyển cán bộ. Chúng ta quyết tâm thực hiện để 5 năm sau sẽ có đội ngũ cán bộ dự nguồn Trung ương trẻ hơn, được đào tạo tốt hơn... Đây là vấn đề có tính chất

Digitized by Google

chiến lược, làm được điều đó, đội ngũ cán bộ lãnh đạo của chúng ta sẽ có bản lĩnh chính trị tốt hơn, thực tiễn tốt hơn và gắn gũi với nhân dân hơn.

Về phương hướng tới, đồng chí Trần Đình Hoan đề nghị ban cán sự đảng, đảng đoàn ; lãnh đạo các ban, bộ, ngành và đoàn thể ở trung ương cần tiếp tục triển khai và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nghị quyết, quy định, quy chế và hướng dẫn của Trung ương về công tác cán bộ, trọng tâm là công tác quy hoạch cán bộ ; đưa công tác cán bộ vào nền nếp. Trước mắt xây dựng và đề xuất phương án luân chuyển cán bộ diện Trung ương quản lý. Ban Tổ chức Trung ương sẽ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư và làm việc với các cơ quan thuộc Chính phủ để ban hành tiếp một số văn bản hướng dẫn, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện thống nhất công tác cán bộ trong cả nước.

Hội nghị có 16 ý kiến phát biểu trao đổi về tình hình thực hiện công tác cán bộ của các cơ quan, đơn vị trong thời gian qua và đề xuất những kiến nghị, giải pháp thực hiện trong thời gian tới. Đồng chí Phạm Văn Thọ, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương, chủ trì Hội nghị đã phát biểu tổng kết và giải đáp một số vướng mắc, đề xuất, kiến nghị của các đại biểu dự Hội nghị. ❑

PHẠM QUANG HƯNG

NGHIỆM THU ĐỀ TÀI CẤP NHÀ NƯỚC "LÀM NGƯỜI CỘNG SẢN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY"

NGÀY 3-12-2001, tại Hà Nội, Hội đồng nghiệm thu cấp nhà nước đã tổ chức hội nghị đánh giá, nghiệm thu đề tài KHXH-05.07 "Làm người cộng sản trong giai đoạn hiện nay" do PGS, TS Tô Huy Rứa, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy Hải Phòng làm chủ nhiệm. Đây là 1 trong 7 đề tài thuộc Chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước (KHXH-05) "Tăng cường sự lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa". Hội đồng nghiệm thu gồm 9 thành viên do đồng chí Nguyễn Khánh làm chủ tịch. Hội đồng đã đánh giá những thành công của kết quả nghiên cứu đề tài trên một số nội dung chủ yếu sau :

1. Đề tài đã đề cập và giải quyết vấn đề cơ bản vừa bức xúc trong công tác xây dựng Đảng và vấn đề đảng viên. Là một đảng chiến đấu, một đảng hành động, Đảng ta coi công tác đảng viên là một trong những vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu. Chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên phản ánh trực tiếp và cụ thể chất lượng của Đảng. Trong điều kiện hiện nay, vấn đề càng trở nên quan trọng, đòi hỏi phải giải quyết một cách khẩn trương, nhưng cũng là nhiệm vụ căn bản, lâu dài. Bởi lẽ, suy cho cùng, toàn bộ sức mạnh của Đảng, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng đều được tạo thành từ những đảng viên, đều phụ thuộc vào số lượng và chất lượng đội ngũ đảng viên.

2. Đề tài đã thực hiện tốt các mục tiêu và yêu cầu đề ra, thể hiện trên một số điểm :

- Trên cơ sở hệ thống hóa các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, của Đảng ta về tư cách người đảng viên cộng sản và từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, dưới ánh sáng của thời đại, làm rõ vai trò, mô hình, tiêu chuẩn, những yêu cầu đối với người đảng viên cộng sản trong giai đoạn hiện nay.

- Phân tích thực trạng đảng viên hiện nay, những nguyên nhân và bài học kinh nghiệm chủ yếu trong công tác đảng viên.

- Đề xuất những phương hướng, biện pháp xây dựng đội ngũ đảng viên đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Một số kiến nghị của đề tài có tính sát thực, đóng góp những luận cứ lý luận và thực tiễn cho công tác xây dựng Đảng. Những kiến nghị đáng quan tâm là : Điều lệ Đảng phải được hướng dẫn thực hiện thống nhất ; xây dựng quy chế quần chúng tham gia xây dựng Đảng, đóng góp ý kiến cho đảng viên ; hoàn thiện một số chế độ quản lý đảng viên ; cùng với công tác giáo dục tư tưởng, nêu cao ý thức tự giác phấn đấu, rèn luyện của mỗi đảng viên, củng cố chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh ; thực hiện chế độ khen thưởng đảng viên và cán bộ công tác Đảng có thành tích xuất sắc ; tiến hành đổi thẻ và phát thẻ đảng viên vào dịp tổng kết cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn đảng, tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (2) khóa VIII.

Với tinh thần nghiêm túc, khoa học, các thành viên Hội đồng nghiệm thu đã đánh giá những đóng góp quan trọng của đề tài cũng như nêu ra những hạn chế cần sửa chữa, tu chỉnh. Hội đồng đã kết luận, đánh giá cao kết quả nghiên cứu của đề tài, coi đây là một công trình khoa học nghiêm túc phát hiện nhiều vấn đề mới, giải pháp khả thi. Kết quả đề tài góp cho Trung ương Đảng một số cơ sở lý luận và thực tiễn trong công tác Đảng ; có thể sử dụng làm tài liệu nghiên cứu, giảng dạy và phổ biến rộng rãi đến các chi bộ, đến đảng viên. ❑

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

Trụ sở chính : 105, Lê Lợi, TP. Vũng Tàu
Điện thoại : 64- 839871/72. Fax : 64- 839857



CHÀO MỪNG 20 NĂM THÀNH LẬP XNLD VIETSOVPETRO (19.11.1981 - 19.11.2001) VÀ KHAI THÁC 100 TRIỆU TẤN DẦU

XNLD VIETSOVPETRO *được* Nhà nước Việt Nam phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, *là đơn vị liên doanh giữa Việt Nam và Liên bang Nga khai thác dầu khí lớn nhất ở Việt Nam, đang hoạt động trên 3 mỏ Bạch Hổ, Rồng và Đại Hùng. Sản lượng dầu khai thác từ năm 1986 đến tháng 11 năm 2001 sẽ đạt 100 triệu tấn. Khí cung cấp vào bờ từ năm 1995 đến tháng 11 năm 2001 sẽ đạt 6,5 tỉ mét khối.*

XNLD VIETSOVPETRO sẵn sàng hợp tác với các công ty dầu khí khác trong nhiều lĩnh vực : địa chất dầu khí, thiết kế, lắp ráp, xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình dầu khí biển, khoan thăm dò, khai thác dầu khí, dịch vụ cảng, vận tải biển, phòng chống phun trào dầu khí, bảo vệ môi trường.

Digitized by Google

CÔNG TY GIẤY VIỆT TRÌ





Phó bí thư, Chủ tịch tỉnh Phú Thọ trao quyết định gắn biển công trình chào mừng 110 năm ngày thành lập Tỉnh. Hệ thống xử lý nước thải tại công ty.



Lễ đón nhận Huân chương Lao động hạng II



Hệ thống máy cắt giấy hai dao

NĂNG LỰC SẢN XUẤT :

16 000 tấn/năm (2001) : 30.000 tấn/năm (2002)

MẶT HÀNG :

* Giấy in, viết, vẽ - Định lượng : 50-100g/m^2
Độ trắng : 70 - 83° ISO
* Giấy kẻ tập, vở học sinh các loại
* Giấy poluya trắng, màu
* Giấy Duplex trắng, vàng
* Giấy tráng phấn bề mặt công nghệ tiên tiến
Định lượng : 80-350g/m^2
Sản phẩm dạng cuộn hoặc đóng ram
* Quy cách thỏa mãn theo yêu cầu của khách hàng
* Giấy vệ sinh chất lượng cao, sản phẩm ở dạng cuộn
* Khăn giấy các loại với kích cỡ phong phú phục vụ nhu cầu sinh hoạt và công việc nội trợ.



Trụ sở công ty

Địa chỉ : Phường Thanh Miếu - TP Việt Trì - tỉnh Phú Thọ
Điện thoại : 0210.846702 - 843227
Fax : 0210.8. 851109
Văn phòng đại diện : 63 Phan Phù Tiên - Đống Đa - Hà Nội
Điện thoại : 047334303
Giám đốc Công ty : Kỹ sư **Đỗ Văn Chức**

Hân hạnh được phục vụ quý khách

Digitized by Google



Digitized by Google

BƯU ĐIỆN LÂM ĐỒNG
MƯỜI NĂM TĂNG TỐC VÀ PHÁT TRIỂN



Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng Vũ trang và Anh hùng Lao động



Dịch vụ tiết kiệm Bưu điện

Năm 2000 năm cuối cùng của thiên niên kỷ và cũng là năm cuối cùng Bưu Điện Lâm Đồng cùng toàn ngành hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ giai đoạn II (1996 - 2000) của mười năm thực hiện kế hoạch tăng tốc phát triển Bưu chính - Viễn thông, chung sức cùng mọi người, mọi ngành thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong mười năm (1991 - 2000) xây dựng và phát triển, Bưu Điện Lâm Đồng đã đạt được một số thành tựu :

- Doanh thu tăng 105 lần với tốc độ tăng trưởng bình quân 64,7%.

- Phát triển máy tăng 42,5 lần (năm 1990 : 950 máy đến năm 2000 là 45.400 máy trên toàn mạng).

- Công tác phát hành báo chí số lượng cũng tăng đáng kể từ 1.280.000 tờ năm 1991 lên 4.110.000 tờ năm 2000.

- Về viễn thông : Mạng lưới Analog vào cuối năm 1990 đã được số hóa, tự động hóa 100% các tổng đài, các tuyến truyền dẫn trong toàn tỉnh.

Tính đến 31/12/2000 tổng dung lượng lắp đặt của mạng là 52.900 số ; mật độ điện thoại trên 100 dân đã tăng từ 0,23 (năm 1991) lên 4,37 (năm 2000) ; số xã có máy điện thoại tăng từ 40/98 xã (năm 1991) lên 109/109 xã (năm 2000).

Điểm mốc cho sự phát triển nhanh và vượt bậc của mạng lưới trong mười năm qua là chủ trương số hóa, hiện đại hóa, đa dịch vụ. mạng lưới rộng khắp và an toàn tạo tiền đề cho việc phát triển nhanh, ổn định mạng lưới.

Bên cạnh đó Bưu Điện tỉnh Lâm Đồng cũng coi trọng công tác nâng cao trình độ mọi mặt cho CB-CNV.

Từ 9,8% CB-CNV có trình độ đại học (42 người), 7,1% có trình độ trung cấp (30 người) trong tổng số 425 CB-CNV (năm 1991) ; thì đến nay đã có 24,8% có trình độ đại học, cao đẳng trở lên (229 người), 18,4% có trình độ trung cấp (170 người) trong tổng số 925 CB-CNV toàn đơn vị. Công tác đào tạo theo 3 định hướng : đào tạo cán bộ kế cận, đào tạo chuyên gia đầu đàn, đào tạo nâng cao trình độ chung của toàn thể CB-CNV. Vì vậy bộ máy tổ chức hiệu quả, ổn định, đóng góp quan trọng trong kết quả đạt được của đơn vị sau mười năm đổi mới.

Công tác cán bộ cũng là một thành công lớn trong những năm qua bằng việc tạo mối đoàn kết cao trong nội bộ, phát hiện và nuôi dưỡng những người có khả năng, trình độ. Xây dựng quy trình lãnh đạo theo phương pháp dân chủ, hệ thống nội quy, quy chế ngày càng hoàn thiện. Đến nay, đội ngũ cán bộ đã cơ bản đáp ứng được các yêu cầu trong quản lý sản xuất. Bưu điện tỉnh được ngành và tỉnh đánh giá là một trong ít đơn vị có đội ngũ cán bộ mạnh và đồng đều.

Công tác quản lý : phương thức quản lý cũ đã được đổi mới và phù hợp với sự phát triển của mạng lưới và sự thay đổi của công nghệ. Công tác quản lý kỹ thuật, nghiệp vụ, tài chính, đầu tư,... đều được bổ sung. Việc quản lý tập trung đã được triển khai ở một số mảng, lĩnh vực quan trọng như quản lý cước, quản lý mạng, quản lý tài chính thông qua mạng máy tính của Bưu Điện tỉnh.

Qua mười năm đổi mới tăng tốc, Bưu Điện tỉnh Lâm Đồng đã có những bước nhảy vọt về quy mô chất lượng và hiệu quả khai thác các dịch vụ Bưu chính, Viễn thông, xây dựng đội ngũ, thực hiện tốt các chính sách xã hội. Đến nay Bưu Điện tỉnh Lâm Đồng tuy đóng trên một tỉnh đất rộng người thưa, địa hình phức tạp, miền núi cao, xa Trung Ương, nhưng đã vươn lên là một trong những đơn vị có mạng lưới, doanh thu lớn và đội ngũ tốt của ngành.

Với những thành tích trên, Bưu Điện tỉnh Lâm Đồng đã được nhà nước tặng thưởng danh hiệu Anh Hùng Lực Lượng Vũ Trang nhân dân và Anh hùng Lao Động trong thời kỳ đổi mới cho đ/c Cil Múp Ha K'Riêng - tổ trưởng tổ bưu tá Bưu Điện huyện Lạc Dương ; cùng nhiều huân chương, bằng khen, giấy khen khác của Chính phủ.

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY ĐỊA ỐC SÀI GÒN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - KINH DOANH NHÀ

INVESTMENT AND TRADING OF REAL ESTATE JOINT STOCK Co.

Trụ sở : 18 Nguyễn Bỉnh Khiêm - Q.1 - TP. Hồ Chí Minh E-mail : dautu. resco@az.com.vn
Điện thoại : (84-8) 8.230.256 - 8.225.985 - 8.225.213 Fax : (84.8) 8.293.764

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

** Đầu tư kinh doanh địa ốc.*

- Kinh doanh địa ốc,
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khai thác nhà ở và các công trình ;
- Cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thuê nhà ;
- Thực hiện : Dịch vụ pháp lý, định giá, tư vấn và môi giới bất động sản.

** Sản xuất - kinh doanh vật liệu - xuất nhập khẩu*

- Sản xuất, cung ứng bêtông tươi, cọc, ống cống, bêtông đúc sẵn, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất,
- Cho thuê xe vận chuyển và thiết bị bơm bêtông tươi ;
- Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị xây dựng

** Tư vấn thiết kế - xây dựng và trang trí nội thất*

- Lập dự án đầu tư qui hoạch, thiết kế công trình ;
- Tư vấn đấu thầu - giám sát kỹ thuật xây dựng ;
- Thực hiện các dịch vụ đo vẽ, đánh giá hiện trạng ;
- Thi công xây dựng và trang trí nội thất các công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1/ KHU DÂN CƯ BÌNH HÒA

Vị trí : Mặt tiền đường Nơ Trang Long nối dài, ven Sông Sài Gòn thuộc Phường 13 Quận Bình Thạnh

Quy mô đầu tư : 8,53 ha

Gồm : 98 căn nhà vườn (60 - 110 m^2/căn)

222 căn nhà phố (65 - 80m^2/căn)

Khu nhà ở ven sông thoáng mát ; các công trình công cộng và hạ tầng được đầu tư hoàn chỉnh.

2/ KHU DÂN CƯ BÌNH HƯNG

Vị trí : Mặt tiền đường Nguyễn Văn Cừ nối dài, ven rạch Ông Lớn thuộc xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh - Đô thị Nam Sài Gòn.

Quy mô dự án : 15,40 ha - là khu dân cư đô thị, bao gồm khu nhà ở liên doanh với nước ngoài, khu vực nhà ở cao cấp, hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với thương hiệu khu nhà ở INTRESCO.

Gồm : - Nhà kiên cố : 460 căn

- Biệt thự : 106 căn.

3/ KHU NHÀ Ở XÃ PHONG PHÚ

Vị trí : Giáp đại lộ Nguyễn Văn Linh, gần quốc lộ 50 thuộc xã Phong Phú - huyện Bình Chánh - Đô Thị Nam Sài Gòn.

Quy mô dự án : 32 ha

Gồm : - Nhà liên kế : 527 căn

- Biệt thự : 394 căn

+ Trong khu vực dự án có đầu tư một làng Việt Kiều với diện tích 08 ha dành để bán hoặc cho thuê. Đây là khu nhà ở cao cấp, phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi với đầy đủ tiện nghi ; Có các dịch vụ phục vụ toàn khu như Mini Max, khu dinh dưỡng, trung tâm thể dục thể thao...

4/ KHU DÂN CƯ CHÁNH HƯNG

Vị trí : Nằm ở mặt tiền đường Chánh Hưng nối dài (rộng 40m) và đại lộ Nguyễn Văn Linh thuộc xã Bình Hưng - huyện Bình Chánh - Đô thị mới Nam Sài Gòn.

Quy mô dự án : 16,90 ha

Gồm : - Nhà liên kế : 410 căn

- Biệt thự : 12 căn

5/ KHU CÔNG NGHỆ CAO - KHU DÂN CƯ

Vị trí : Giáp đại lộ Nguyễn Văn Linh và ven rạch Ông Bé - xã Bình Hưng - huyện Bình Chánh - Đô thị Nam Sài Gòn.



Văn phòng Công ty

Quy mô dự án : 54 ha, trong đó :

- Khu công nghệ cao : 36 ha : gồm khu phần cứng, khu phần mềm, trung tâm đào tạo, khu triển lãm, khu chuyên gia.
- Khu dân cư : 18 ha, bao gồm : khu nhà phố, nhà biệt thự, khu vui chơi giải trí.

6/ KHU ĐÔ THỊ AN PHÚ - AN KHÁNH

Vị trí : quận 2 TP. Hồ Chí Minh.

Quy mô dự án : Hoạt động theo nguyên tắc cùng góp vốn đầu tư xây dựng cơ sở khu đô thị An Phú - An Khánh Quận 2, với quy mô dự án 131 ha. Đây là một khu đô thị hoàn chỉnh gồm nhà phố, biệt thự, chung cư... và đầy đủ hạ tầng xã hội của một khu đô thị.

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

1/ Xí nghiệp Xây dựng số 1

Địa chỉ : 235 Võ Viết Nghệ Tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-8) 8.994.144

Fax : (84-8) 8.982.206

2/ Xí nghiệp Xây dựng số 2

Địa chỉ : 83 Lý Chính Thắng, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh .

Điện thoại : (84-8) 8.484.852 - 8.435.833

Fax : (84-8) 8.435.833

Email : xaydung283@hcm.fpt.vn

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA HAI XÍ NGHIỆP :

- Thi công cải tạo, mở rộng và xây dựng mới các công trình dân dụng và công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị và trang trí nội thất, san lấp mặt bằng, cầu đường và hệ thống thoát nước.
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

3/ Xí nghiệp Bê tông Hải Âu

- Văn phòng Trạm Bê Tông Hải Âu 1 :

Km số 9 xa lộ Hà Nội, phường Hiệp Phú, quận 9, TP.Hồ Chí Minh .

Điện thoại : (84-8).8.963.021 - 8.960.036 - 7.305.930 - Fax : (84-8) 8961.983

- Văn phòng Trạm bê tông Hải Âu 2 :

Khu công nghiệp Nhơn Trạch - Đồng Nai

Điện thoại : (061) 521075 - Fax : (061) 521076

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

- Sản xuất và cung ứng các loại bê tông trộn sẵn có tính năng kỹ thuật theo yêu cầu của khách hàng trên địa bàn thành phố và các tỉnh lân cận. Kể cả các công trình cao trên 100m.

Digitized by Google

CÔNG TY LIÊN DOANH TOYOTA GIẢI PHÓNG

Địa chỉ : 807 Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại : (84-4)6640124/25,26 ; Fax : (84-4)6640127 ; Điện thoại nóng : 84.4.6640859
Trang web : toyotagiaiphong.com.vn

cùng tiến tới tương lai

QUÀ MỪNG NĂM MỚI TỪ TOYOTA GIẢI PHÓNG

Thời gian khuyến mãi bắt đầu
1/12/2001 đến 31/1/2002

TOYOTA GIẢI PHÓNG chăm sóc, bảo dưỡng, sửa chữa xe cho khách hàng bằng đội ngũ kỹ thuật viên giỏi nhất của Toyota Việt Nam.
TOYOTA GIẢI PHÓNG đoạt 2 giải Huy chương vàng trong cuộc thi kỹ thuật viên giỏi toàn quốc và Huy chương đồng cuộc thi kỹ thuật viên giỏi Châu Á năm 2001.



Trạm bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa



Phòng trưng bày và bán hàng

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC - BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

EDUCATIONAL TECHNOLOGY CENTRE

Điện thoại : (04).8.346570 ; 8.348030 ; Fax : (04)7.627402.
Lãnh đạo : Giám đốc : PGS.TS. Đặng Ngọc Riệp
Chủ tịch Hội đồng khoa học : GS.TSKH. Hồ Ngọc Đại
Thành lập theo QĐ 408/TCCB ngày 09/3/1992 của Bộ Giáo dục và Đào tạo



Bộ Giáo dục và đào tạo
Trung tâm Công nghệ Giáo dục

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

- Nghiên cứu khoa học giáo dục nhằm thiết kế và tổ chức chuyển giao Công nghệ giáo dục
- Xây dựng các mô hình giáo dục bằng phương thức thực nghiệm giáo dục
- Đào tạo bồi dưỡng tay nghề giáo viên
- Hợp tác quốc tế về các lĩnh vực trên theo quy định của Nhà nước và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.



Đến trường là ngày hội



Học sinh thực nghiệm

Digitized by Google

VINAMILK

ĐƠN VỊ
ANH HÙNG LAO ĐỘNG

Sản phẩm đứng đầu
Top Ten Hàng Việt Nam chất lượng cao
1997 - 1998 - 1999 - 2000 - 2001

ISO 9002



Sữa Dielac Canxi

Không béo, giàu canxi, dễ hấp thu, phòng ngừa bệnh loãng xương.

- **Dielac Canxi** giúp phòng ngừa bệnh loãng xương ở người lớn tuổi, cung cấp canxi và dinh dưỡng cho những người ở tuổi trưởng thành có nhu cầu bổ sung canxi.
- **Dielac Canxi** không béo giàu canxi, dễ hấp thu với người bị bệnh béo phì và cholesterol.



Với Dielac Canxi
cuộc sống của bạn sẽ khỏe mạnh và vững chắc hơn.

Nếu bạn có bất kỳ ý kiến về sản phẩm, xin vui lòng liên hệ:
Nhóm Bác sĩ dinh dưỡng: BS. Nguyễn Lân Dũng
BS. Trần Thị Lệ Thanh
Phòng Tư vấn Dinh Dưỡng - Công ty Sữa Việt Nam (Vinamilk)
Địa chỉ: 87[3] Cách Mạng Tháng Tám, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM
ĐT: 8324124 Fax: 8253727

Support 110

Băng qua
mọi Thử Thách
cùng bạn



SINHANCO
MOTORCYCLE

KHÔNG NGỪNG SÁNG TẠO

32-34 Lý Thường Kiệt, Vũng Tau • ĐT: (064)854297- 810594 • Fax: (064)510245 • Email: pkdxc@hcm.vnn.vn

Digitized by Google

VABIOTECH

VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TRUNG ƯƠNG

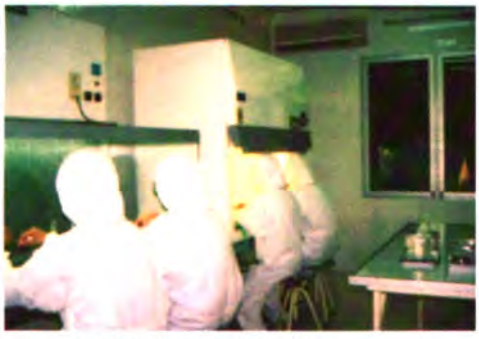
CÔNG TY VĂCXIN VÀ SINH PHẨM SỐ 1

COMPANY FOR VACCINE & BIOLOGICAL PRODUCTION N°1

Địa chỉ : Số 1 Yersin ĐT : (04) 9717715 Fax : (04) 9717711



Pha các dung dịch muối KBr gradient với các tỉ trọng khác nhau



Thu hoạch não chuột liệt



Nuôi vi khuẩn tả trên hệ thống nồi lên men



Xét nghiệm chẩn đoán các virut viêm gan bằng các phương pháp hiện đại và chuẩn thực



Sản phẩm do công ty sản xuất và kinh doanh

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Công ty Văcxin và Sinh phẩm số 1 được thành lập theo Quyết định số 650/2000/QĐ-BYT ngày 02/03/2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Công ty có chức năng sản xuất và kinh doanh các loại văcxin và sinh phẩm dùng cho người, phân tích các mẫu văcxin và chế phẩm sinh học mới (bao gồm sinh phẩm cho chuẩn đoán và điều trị dự phòng) phục vụ hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

- Hiện tại, Công ty tiến hành sản xuất kinh doanh 4 loại sản phẩm chính gồm :

  - Văcxin Viêm gan B : Văcxin Viêm gan B, điều chế từ huyết tương người (HBvaccine) và Văcxin Viêm gan B tái tổ hợp (r-HBvax).
  - Văcxin Viêm não Nhật Bản (JE Vaccine)
  - Văcxin phòng dại (Rabies Vaccine)
  - Văcxin tả uống (Cholera Vaccine - Oral)

Hàng năm, các loại văcxin do Công ty sản xuất được cung cấp cho Chương trình Tiêm chủng Mở rộng Quốc gia và các đối tượng khác có nhu cầu.

- Ngoài ra Công ty đang xúc tiến kinh doanh các sinh phẩm nhập khẩu có hiệu quả cao trong việc tạo miễn dịch cho những đối tượng có nguy cơ cao đối với một số bệnh dễ mắc phải, gồm các sinh phẩm : Globulin phòng viêm gan B (Hepabig) và GammaGlobulin,...
- Công ty đã hoàn thành nghiên cứu và chuẩn bị đưa vào sản xuất các loại văcxin Viêm gan mới : Văcxin Viêm gan B tái tổ hợp (RecomBvax) và Văcxin Viêm gan A (Havax)
- Các hoạt động nghiên cứu bao gồm :

  - Nghiên cứu công nghệ sản xuất các loại văcxin mới.
  - Nghiên cứu công nghệ sản xuất các bộ sinh phẩm chẩn đoán các bệnh truyền nhiễm.
  - Tiến hành thử nghiệm và đánh giá các sản phẩm mới trên thực địa lâm sàng.
  - Thực hiện các xét nghiệm chẩn đoán virút viêm gan bằng các phương pháp hiện đại và chuẩn thức nhất.
  - Tiến hành các nghiên cứu điều tra huyết thanh học và đánh giá hiệu lực văcxin trên cộng đồng.

Digitized by Google

5130

Công ty in Tạp chí Cộng sản

Communist Review Printing Company

38 Bà Triệu - Hà Nội * ĐT : (04) 8267244 - 8255778 * Fax : (84-4) 9345765

Huân chương Lao động hạng Ba : 1978
Huân chương Lao động hạng Nhì : 1983
Huân chương Lao động hạng Nhất : 1998

Với thiết bị dây chuyền sản xuất hiện đại khép kín của Cộng hòa Liên bang Đức cùng đội ngũ kỹ thuật cao - sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng về chất lượng và thời gian.

Sản phẩm truyền thống :

- *Tạp chí Cộng sản*
- *Các tạp chí và báo tuần*
- *Các loại sách và văn hóa phẩm*
- *Catalogue, sách ảnh, lịch...*
- *Các loại tem nhãn và bao bì hàng hóa*









Digitized by Google

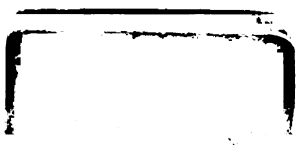
IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 5000Đ

Digitized by Google

Digitized by Google

UNIVERSITY OF MICHIGAN
3 9015 08172 5668





Digitized by Google

